SỰ LỪA DỐI HÀO NHOÁNG

A BRIGHT SHINING LIE

John Paul Vann and America in Vietnam

NEIL SHEEHAN

SÁCH MỚI.NET - EBOOK

SỰ LỪA DỐI
HÀO NHOÁNG

Neil Sheehan
Người dịch : ĐOÀN DOÃN
Làm Ebook : Quantam

Nhà xuất bản Công An Nhân Dân
2003

THƯ VIỆN EBOOK

SÁCH MỚI.NET

HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY ĐANG CHỜ BẠN

WWW.SACHMOI.NET

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU
I_DẤN THÂN VÀO CUỘC CHIẾN
II_DI SẢN CAY ĐẮNG
III_TRẬN ẤP BẮC
IV_SỰ CHỐNG ĐỐI
V_LỊCH SỬ MỘT CON NGƯỜI
VI_TRỞ LẠI CUỘC CHIẾN
VII_GIAI ĐOẠN CUỐI CÙNG

LỜI NÓI ĐẦU

Cuốn sách này buộc tôi đối mặt với sự thật bi đát của cuộc chiến tranh ở Việt Nam và nhận thấy chúng ta không bao giờ thắng được. Trong quá khứ chiến tranh luôn là một thực nghiệm "tích cực" của nền văn hóa Hoa Kỳ, một cuộc vận động tinh thần nhằm tăng cường sự thống nhất của những người tham gia.

Nhưng cuộc chiến tranh này người ta cho là sai lầm hoặc bị lên án về đạo đức, bằng mọi cách đã tiến hành vô bổ. Đây là cuộc chiến tranh "tiêu cực" đầu tiên trong lịch sử Hoa Kỳ và đất nước phải chịu đựng nhiều khó khăn.

Trong chiến tranh thế giới lần thứ hai, các nhà lãnh đạo của chúng ta sát thực tế hơn, sau đó chúng ta trở nên giàu có và mạnh đến nỗi mất khả năng suy nghĩ sáng suốt. Kiêu căng thay thế thực tiễn, các chỉ huy quân sự và dân sự của chúng ta không thể dễ dàng chấp nhận thua cuộc ở Việt Nam. Các chính quyền nối tiếp nhau tự dối mình, hài lòng về ảo tưởng chúng ta có thể có mặt vĩnh viễn ở đất nước này. Người Mỹ trở thành nạn nhân của chính mình hơn là của kẻ địch. Bài học cay đắng thật khó chấp nhận !

Nếu ở lại Việt Nam chúng ta phải trả giá gánh nặng thường xuyên về tài chính. Nhất là chúng ta nhức nhối dai dẳng bởi vết thương tinh thần khi cố thống trị một dân tộc không bao giờ chấp nhận chúng ta. Người Việt Nam chẳng bao giờ chấp nhận một sự thống trị nào hết của nước ngoài. Lịch sử chứng tỏ họ không ngừng chiến thắng, đẩy lùi quân xâm lược dù là người Trung Hoa, Mông Cổ, Mãn Châu, Pháp và dĩ nhiên cả người Mỹ.

NEIL SHEEHAN

BUỔI TIỄN BIỆT

Họ đến đưa tang anh, trong ngôi nhà nguyện lợp ngói đỏ cạnh cổng nghĩa trang. Sáu con ngựa xám buộc vào chiếc xe hòm đưa quan tài ra đến mộ. Đội quân nhạc chờ đợi Đoàn quân danh dự của trung đoàn có lịch se từ thời Cách mạng, xếp thành hàng trước hành lang trắng của nhà nguyện. Binh lính bận đồng phục màu xanh nước biển viền vàng, những máu sắc truyền thống của Hợp chủng quốc. Bộ quần áo quá nóng do thời tiết và độ ẩm trong buổi sáng ngày thứ sáu mùa hè ở Washington nhưng lễ tang chính thức xóa đi sự bức bối đó. John Vann, lính chiến ở Việt Nam được an táng ở Arlington ngày 16 tháng 6 năm 1972.

Cuộc chiến tranh này kéo dài hơn bất cứ cuộc chiến nào khác trong lịch sử Hoa Kỳ và chia rẽ người Mỹ hơn bất cứ tranh chấp nào khác kể từ cuộc chiến tranh Nam – Bắc. Từ những trận chiến không có anh hùng ấy, người ta đang chôn cất một trong những nhân vật quyến rũ nhất. Sức mạnh và nét độc đáo trong tính cách của anh, lòng can đảm anh thể hiện trong những thời khắc nguy ngập, hình như hội tụ những đức tính mà người Mỹ tôn sùng. Hết lòng vì cuộc chiến, kiên lòng đến mức ám ảnh là hình tượng cố kết của Mỹ ở Việt Nam. Anh trở thành hình mẫu, với những ảo tưởng, ý đồ, sự kiêu căng và lòng ham muốn chiến thắng. Trong lúc những người khác bị đánh bại, thất vọng bởi thời gian hoặc mất đi sự đánh giá mơ hồ, chống đối chiến tranh thì anh đã kiên trì trong cuộc viễn chinh để cứu vớt cái không cứu vãn được, tranh thủ chiến thắng trong sự nghiệp bị lên án này. Sau mười năm chiến đấu, trước đấy một tuần lễ anh chết vào một đêm chiếc trực thăng của anh phát nổ trong mưa và sương mù gần trên cao nguyên Nam Việt Nam. Anh vừa ngăn chặn gần thị xã Kontum một cuộc tấn công của quân đội Bắc Việt Nam đáng lẽ kết thúc tai hại cho quân lính Hoa Kỳ.

Tất cả những người đến đây đưa tang anh tượng trưng cho những chia rẽ và những vết thương cuộc chiến mang tới cho xã hội Mỹ. Đồng thời hầu hết họ cũng bị anh lôi kéo. Một số đến vì họ đã ca ngợi và vẫn luôn chia sẻ lý tưởng của anh; những người khác đã xa rời nhưng vẫn coi anh là một người bạn; những người khác nữa, anh đã gây ảnh hưởng xấu đối với họ nhưng họ vẫn thương cảm cho số phận của anh. Tuy cuộc chiến tranh còn kéo dài ba năm nữa và tiếp tục làm chết nhiều người nhưng những người có mặt ở Arlington buổi sáng tháng Sáu năm 1972 ấy có cảm giác họ cùng với John Vann đã chôn vùi cuộc chiến và mười năm ở Việt Nam. Vann chết, những gì còn lại chỉ là phần viết thêm.

Anh đến Sài Gòn tháng Ba năm 1962, mang hàm trung tá, 37 tuổi, tình nguyện

làm cố vấn quân sự cho một Sư đoàn bộ binh Nam Việt Nam ở đồng bằng sông Cửu Long. Khi ấy chiến tranh còn là một cuộc phiêu lưu. Tháng Chạp trước đấy tổng thống John F. Kennedy giao cho quân đội Hoa Kỳ nhiệm vụ tiêu diệt một cuộc nổi dậy của Cộng sản và bảo vệ miền Nam Việt Nam, quốc gia độc lập có một chính phủ do người Mỹ dựng lên cầm đầu ở Sài Gòn.

Vann có những đức tính của một người chỉ huy. Anh đã là một đứa trẻ khốn khổ ở miền Nam, sinh ra trong cuộc khủng hoảng kính tế tiếp theo cuộc khủng hoảng năm 1924 ở một khu người da trắng nghèo Norfolk bang Virgina. Thời gian đầu đến Việt Nam, bạn bè và cấp dưới chế giễu vì do anh không bao giờ đổi màu. Thường hành quân cùng bộ binh Nam Việt Nam nhưng dù đi dưới nắng gắt, làn da hung của anh chỉ đỏ hồng lên một ít.

Thể trạng anh có vẻ ốm yếu, cao một mét bảy mươi và nặng 67 kilô. Nhưng sinh khí và uy quyền đặc biệt bù đắp thừa thãi cho vẻ ngoài gầy gò. Anh có một sinh lực cho phép làm trong một ngày công việc đòi hỏi cường độ gấp đôi đối với người khác. Mỗi đêm anh chỉ cần ngủ bốn tiếng đồng hồ, cũng có thể bớt xuống hai tiếng khi công việc kéo dài nhưng vẫn minh mẫn. Nếu cần anh có thể dễ dàng làm việc 16 trong 24 tiếng mà vẫn đủ thì giờ nghỉ ngơi, giải trí.

Ảnh hưởng bao trùm của anh đối với những người khác do nét cứng rắn giọng mũi và sự dứt khoát, sắc sảo. Anh luôn biết mình muốn gì và phải làm như thế nào, có tài giải quyết những vấn đề hàng ngày đặt ra trong những hoàn cảnh khó khăn, đặc biệt của thời chiến. Tính tình và sự giáo dục của quân đội ở trường trung, đại học hình thành nên một tinh thần vừa hoàn toàn tận tụy với nhiệm vụ vừa đủ tỉnh táo để suy xét những lý lẽ sâu xa của vấn để. Anh biểu lộ lòng tin và tinh thần của nước Mỹ sau chiến tranh, muốn rằng mọi thách thức đều có thể giải quyết bằng nghị lực và trí thông minh, kỹ thuật, tiền bạc sử dụng có phương pháp và tùy trường hợp, cả sức mạnh quân sự.

Vann không sợ gì hết. Ban đêm anh thường có mặt ở các đồn tiền tiêu do quân Nam Việt Nam đóng giữ; những công sự nhỏ ấy biệt lập, xây bằng gạch, bằng túi cát và rơm, luôn bị tấn công và bản thân anh cũng cầm súng giúp binh lính đẩy lùi những người đi đánh chiếm. Anh lái xe trên những đường mòn không ai dám đi vì sợ phục kích, đơn giản chỉ nhằm chứng tỏ có thể làm được việc đó. Anh đậu trực thăng ngay giữa một thị trấn bị bao vây để giúp đỡ quân đồn trú, không quan tâm đến đạn phòng không như thách thức với cái chết. Trong 10 năm ấy anh nổi tiếng. Không bao giờ anh ngừng giáp mặt với những hiểm nguy. Anh nói, vận may luôn luôn ở bên anh.

Vann không ngần ngại trước những nguy cơ làm hại sự nghiệp của mình. Đó là năm đầu tiên anh đến Việt Nam, từ tháng 3 năm 1962 đến tháng 4 năm 1963. Trong lúc là cố vấn quân sự một sư đoàn bộ binh Nam Việt Nam ở đồng bằng

sông Cửu Long anh nhanh chóng hiểu ra cuộc chiến tranh sẽ đi đến chỗ thất bại. Đại sứ Mỹ và Tổng tư lệnh quân đội báo cáo với chính quyền Kennedy là mọi việc trôi chảy và họ sẽ thắng. Lúc ấy Vann đánh giá, và sau này không bao giờ thay đổi, họ chỉ có thể thắng bằng áp dụng một chiến lược và một chiến thuật thật chính xác. Khi anh biết Tổng tư lệnh và ban tham mưu của Sài Gòn không nghe và tờ trình của anh làm mếch lòng họ, anh chuyển đánh giá của mình bằng tài liệu chứng minh gủi lên những nhà phân tích chiến tranh. Được điều về Lầu Năm Góc sau năm đầu ở Việt Nam, anh mở một chiến dịch cố gắng thuyết phục các nhà lãnh đạo quân sự phải thay đổi chiến lược để tránh sự thất bại của Hoa Kỳ. Anh thất bại hoàn toàn. Do đã 20 năm phục vụ tích cự, anh quyết định giải ngũ ngày 31 tháng 7 năm 1963, một cử chỉ mà phần lớn bạn bè cho là phản khách cho phép anh bày tỏ rõ ràng quan điểm về cuộc chiến tranh. Đúng là điều Vann đã viết trên các báo, tạp chí, đã phát biểu trên truyền hình và trong các buổi diễn thuyết công cộng.

Anh trở lại Việt Nam vào tháng 3 năm 1965, làm trong Cơ quan phát triển quốc tế (AID) phụ trách một chương trình vì hòa bình, không trở về Hoa Kỳ nữa trừ những kỳ nghỉ ngắn hạn. Anh bắt đầu làm việc ở một trong những tỉnh nguy hiểm nhất miền Tây Nam Bộ và cuối năm 1966 chịu trách nhiệm điều phối chương trình cho 11 tỉnh bao quanh thủ đô. Trong những năm đó Vann không ngừng tố cáo những cuộc ném bom hàng loạt và mù quáng tiêu diệt dã man những làng xóm hòng ngăn cản Việt Công dựa vào dân chúng. Nông dân bị chuyển hàng loạt , tập trung vào những trại tị nạn ngoại vị. Vann không ngần ngại đem hết sức lực để đạt mục đích của mình và xem việc sử dụng sức mạnh đối với những người dân vô tội không những bị lên án về đạo đức mà còn là một hành động quân sự ngu ngốc.

Năm 1967 những phát ngôn thẳng thắn đã gây cho anh những rắc rối với chính quyền. Anh cảnh báo họ, cuộc chiến tranh toàn diện do tướng William Westmoreland mong muốn với đội quân 475.000 lính Mỹ sẽ thất bại, an ninh ngày càng bị đe dọa ở nông thôn vì những người cộng sản Việt Nam ngày càng lớn mạnh. Sự chỉ trích này được chứng minh đúng vào ngày 31 tháng Giêng năm 1968 khi những người cộng sản chọn dịp Tết để mở cuộc tấn công bất ngờ vào tất cả các thành phố, thậm chí vào đến khuôn viên Đại sứ quán Hoa kỳ ngay trung tâm Sài Gòn. Cuộc chiến hao tổn đúng là một thất bại và Westmoreland bị rút về nước.

Dù Vann đã làm gia đình mình và người thân đau khổ nhưng anh là người trung thực với bạn bè, với cộng sự và cấp dưới. Sau cuộc tấn công dịp Tết, người bạn Việt Nam anh rất gần gũi, nguyên trung tá và là tỉnh trưởng rời quân đội để làm chính trị, tổ chức một cuộc vận động bàn bạc về chiến tranh và đề xướng

phong trào chống chế độ Sài Gòn. Giới quân sự Mỹ nghi ngờ người bạn của Vann tìm cách cùng những người cộng sản hình thành một chính phủ liên hợp mà ông ta giữ vị trí hàng đầu. Vann không đồng ý với ý đồ của bạn nhưng lại mạo hiểm để cố tránh cho bạn bị ngồi tù. Anh suýt bị cách chức và gủi trả về Hoa Kỳ. Vann cũng bất đồng về cuộc chiến tranh như người bạn Mỹ tốt nhất của anh, Daniel Ellsberg, thời gian đầu đã cùng anh đấu tranh chống cuộc chiến Việt Nam. Ellsberg tham gia một tổ chức chống chiến tranh ở Hoa Kỳ, trong lúc Vann tiếp tục có mặt trong cuộc chiến tranh ở Việt Nam. Nhưng tình bạn của họ vẫn luôn nguyên vẹn. Khi Vann chết, Ellsberg sắp bị tòa án liên bang xét xử vì đã sao chép và phổ biến những tài liệu mật của Lầu Năm Góc. Vann báo tin sẽ đến làm chứng cho anh. Ellsberg khóc vì mất đi người bạn gần gũi nhất.

Mặc dù không xu thời, Vann dần dần được thăng tiến trong hệ thống cố vấn Mỹ. Những phẩm chất lãnh đạo và nhiệt tình chiến đấu làm anh dễ dàng được đề bạt, hơn nữa những người cầm quyền ở Sài Gòn và Washington bấy giờ bất đồng ý kiến với anh về đường hướng chiến tranh chứ không phải là chấm dứt nó. Tháng Năm năm 1971 anh được chỉ định làm cố vấn cho toàn vùng cao nguyên và những tỉnh duyên hải, có quyền hành đối với mọi lực lượng quân đội Mỹ trong vùng và với tất cả nhân viên dân sự, quân sự trong chương trình bình định. Vị trí của anh thực tế tương đương một trung tướng, một trường hợp không có trong lịch sử quân đội Hoa Kỳ trước đây vì Vann chỉ là một viên chức của Cơ quan phát triển quốc tế. Ngoài ra anh có quan hệ thân tình với viên tướng Việt Nam chỉ huy vùng này nên được phép cùng ông ta chỉ huy không chính thức 158.000 binh lính. Ảnh hưởng của anh trong lòng chính quyền Mỹ và chính quyền Sài Gòn làm anh trở thành một người Mỹ quan trọng nhất ở đất nước này sau đại sứ và tổng tư lệnh. Với những hiểu biết và đức tính can trường , anh trở thành một người Mỹ không thay thế được ở Việt Nam.

Quan điểm chính trị của Vann là tổng hợp hệ thống lòng tin độc đáo của Hoa Kỳ, sau chiến tranh được nâng lên vị trí mạnh nhất thế giới. Chính tầm đố đối với thế giới còn lại đã đưa nước Mỹ gây chiến với Việt Nam trong độ sung sức của mình. Vann cho rằng những dân tộc khác nhỏ yếu sẽ tự nhiên chấp nhận quyền lãnh đạo của Mỹ. Anh tin chắc Hoa Kỳ luôn giữ được vị trí lỗi lạc của mình. Anh không nghĩ nước Mỹ hành động vì kiêu ngạo mà ngược lại với quyền lực vững vàng, nhân ái, sức mạnh giữ gìn hòa bình đưa lại thịnh vượng cho những dân tộc không cộng sản, độ lượng san sẻ những thành quả công nghiệp, kỹ thuật với những người đang sống khó khăn vì nghèo nàn, bất công và luật pháp yếu kém. Nguyên tắc của anh : nước Mỹ luôn luôn đúng, thậm chí có những sai lầm thì ý đồ vẫn tốt đẹp. Lập trường chống cộng của anh rất đơn giản : tất cả những người cộng sản đều là kẻ thù của Mỹ và do đó là kể thù của trật tự

và tiến bộ.

Anh đã thấy rõ những sai lầm trong cuộc chiến ở Việt Nam nhưng không vì thế mà kết luận bản thân chiến tranh là một điều xấu và không thể chiến thắng được. Anh không thể chấp nhận sự thất bại hoặc thay đổi cách nhìn của mình đối với nước Mỹ. Mùa xuân trước đó, trong lúc nhiều người thất vọng trước qui mô tấn công của bộ đội Bắc Việt, anh đã nói : Không, chúng ta không rút lui, chúng ta trụ vững và chiến đấu. Anh đã chiến đấu, đã thắng lợi và chết. Vì vật một số người ở nghĩa trang Arlington ngày 16 tháng 6 năm 1972 ấy tự hỏi với cái chết, họ có chôn vùi điều gì đó hơn chiến tranh và mười năm ở Việt Nam không. Có lẽ cũng là kết thúc.

Người đã tham gia tích cực vào sự khai sinh chính quyền Nam Việt Nam, tướng Edward Lansdale, đứng ở bậc thềm hành lang chào bạn bè và những người quen biết bước vào nhà nguyện. Ông về hưu đã bốn năm và sống một mình sau cái chết của bà vợ trước đó mấy tháng. Một người xiết chặt tay ông nói : “Xin thành thật chia buồn vì chuyện vợ ông, Ed”. Với nụ cười quen thuộc, Lansdale đáp “Cám ơn”, giọng nói bây giờ đã mệt mỏi nhiều vì tuổi tác.

Khó hình dung được con người 64 tuổi, với vẻ bề ngoài ấy là tác giả huyền thoại về hoạt động bí mất của CIA ở Philippines. Ở đấy ông đã đạo diễn cho Ramon Magsaysay, tổng thống tương lai của nước Cộng hòa thân Mỹ, trong suốt chiến dịch tiêu diệt sự nổi dậy của những người Huks vào năm 1954. Ai nghĩ rằng con người bình thường ấy trong bộ quần áo màu nâu sáng trước đây là sứ giả nổi tiếng của nền dân chủ Mỹ trong những năm chiến tranh lạnh, “đại tá Hillandale” tài ba trong cuốn tiểu thuyết bán chạy thời kỳ ấy : *Người Mỹ thầm lặng* kể về những người Mỹ thấm nhuần lý tưởng cách mạng của chính họ, đã làm thế nào để những người châu Á thất bại với hệ tư tưởng cộng sản ở phương Đông.

Lansdale đến Sài Gòn trước Vann 8 năm, vào năm 1954 ngay sau những thành công của ông ở Philippines. Thời kỳ ấy Hoa Kỳ cố gắng mở rộng quyền lực ở Việt Nam để thay thế người Pháp, tan vỡ vì thất bại ở Điện Biên Phủ. Hy vọng mới của người Mỹ ở Sài Gòn đặt vào viên quan lại Thiên chúa giáo Ngô Đình DIệm, đối đầu với bao nhiêu kẻ thù, hình như không thể đạt được mục đích. Chống lại ông ta là những nhà chính trị kình địch, hai giáo phái và một tổ chức tội phạm. Hai giáo phái và tổ chức tội phạm có quân đội riêng. Lansdale đã chiến thắng tất cả những lực lượng ấy, tránh được sự lộn xộn cho phép những người Việt Nam cộng sản miền Bắc vượt vĩ tuyến 17 chiếm miền Nam. Ông đã thuyết phục chính quyền Eisenhower, rằng Diệm có thể thống trị và miền Nam Việt Nam trở thành một quốc gia liên minh với Mỹ.

Dưới hành lang nhà nguyện, ngay sau lưng Lansdale là trung tá Lucien

Conein, người đã hợp tác với ông trong việc tạo dựng chính quyền Nam Việt Nam. Conien vừa cứng rắn vừa tình cảm là một kẻ phiêu lưu sinh ở Paris và được nuôi dưỡng tại Kansas. Ông sung vào quân đội Pháp ngay từ đầu Thế chiến thứ hai. Sau thất bại của nước Pháp và Hoa Kỳ tham chiến, ông vào Cơ quan phục vụ chiến lược, tiền thân của CIA, nhảy dù xuống Đông Dương năm 1945 dưới biệt danh "trung úy Laurent" để chỉ huy những trận đánh chống quân đội Nhật. Mười năm sau ông giúp Lansdale đáng kể trong phối hợp những công việc bí mật. Năm 1954 Lansdale trở về Hoa Kỳ, Conein ở lại Sài Gòn. Năm 1963 ông thành công trong thiên hướng nghề nghiệp cao nhất : tổ chức một cuộc đảo chính thắng lợi. Ông là nhân vật quan hệ với các tướng lĩnh Nam Việt Nam, thúc đẩy việc lật đổ người mà Lansdale đã bao vất vả để củng cố vị trí. Ngô Đình Diệm đã không còn cần cho Hoa kỳ trong những năm trước đó. Với chế độ gia đình trị ông ta làm trở ngại cho hành động của chính quyền Kennedy đối với phong trào nổi dậy của cộng sản. Diệm và em trai là Ngô Đình Nhhu bị giết trong cuộc đảo chính.

Joseph Alsop, nhà báo nổi tiếng , đã vào trong nhà nguyện. Ông ngồi trên một trong những chiếc ghế dài bên trái, bận bộ quần áo khiêm tốn màu xanh do người anh của ông cắt may với chiếc nơ xanh có chấm trắng trên áo sơ mi trắng. John Kennedy coi trọng những lời khuyên và tình bạn của ông bằng cách dừng lại nhà ông ở Washington lúc nửa đêm, vào đêm được đề cử tranh cử năm 1961, cùng ăn với ông một bát xúp thịt rùa. Alsop có mặt ở đám tang của Vann hoàn toàn hợp lẽ. Ông là cháu của Théodore Roosevelt, người vào đầu thế kỷ là người khởi xướng và là chiến binh của chiến tranh châu Mỹ La tinh. "Cuộc chiến tranh nhỏ tuyệt đẹp" này, như một người bạn và cộng sự của Roosevelt đánh giá thời kỳ ấy, đã đưa lại Philippines cho Hoa Kỳ, làm nước Mỹ trở thành một cường quốc ở Thái Bình Dương và khởi đầu bước đi tới Việt Nam. Alsop là người thừa kế điển hình của tinh hoa Ăng-glô Xác-xông, bờ biển phía đông ấy đã ấn định cho cả nước những nguyên tắc về cái đẹp, đạo đức và sự tôn trọng trí tuệ. Ông dành cuộc đời để công khai bảo vệ chủ nghĩa bành trướng mà tổ tiên ông đã theo đuổi. Ông xem Việt Nam như một thử nghiệm ý chí và khả năng của Hoa Kỳ theo đuổi đường lối ấy và không ngừng biện hộ cho cuộc chiến tranh này. Sáu mươi mốt tuổi ông vẫn là con người của những tương phản như trước đây. Chiếc đầu to đối lập với thân hình mảnh dẻ và khuôn mặt nhiều nếp nhăn càng tô đậm, thái quá vì đôi kính tròn rộng lớn bằng đồi mồi màu tối. Nhà duy mỹ này thu thập những đồ gỗ Pháp, đồ sứ cổ Trung Hoa và tranh sơn dầu Nhật Bản; sưu tầm đầy đủ về nghệ thuật và khảo cổ học, ông biết rất rõ những nền văn minh cổ Hy Lạp và Trung Đông; tốt và trung thực với bạn bè, giao tiếp giỏi; ông là cha đỡ đầu của khoảng ba chục đứa trẻ. Ngược lại trong nghề nghiệp ông cũng đấu

tranh hung dữ như ông chú của mình. Ông không xem những người bất đồng với ông lầm lẫn hoặc thiếu suy xét mà mô tả họ như những người ngu xuẩn hành động vì những động cơ ti tiện hoặc ích kỷ. Trong những năm cuối đời của Vann, Alsop liên tục bảo vệ quan điểm của anh trên báo chí. Ông đến để tỏ một sự thương mến đặc biệt đối với anh, người khác hẳn ông về nguồn gốc và tính cách.

Ngồi bên cạnh Alsop là một đại tướng ba sao (Trong quân đội Mỹ, chỉ huy binh đoàn là đại tướng một sao; chỉ huy sư đoàn, hai sao; chỉ huy Quân đoàn : ba sao; chỉ huy binh chủng : bốn sao. Riêng đại tướng tổng tư lệnh mang hàm năm sao), một chiến binh khác mà ông cũng rất hâm mộ : William DePuy. Thanh mảnh, năm mươi hai tuổi, da đồng, người vững chắc, là hình ảnh người lính tự tin, tranh phục chỉnh tề, nguyên mẫu của thế hệ chỉ huy đã dẫn dắt người của mình chiến đấu trong Thế chiến thứ hai và sau đó sang Việt Nam như những viên tướng có thói quen chiến thắng. Trí thông minh kèm theo năng khiếu đặc biệt toát lên tầm nhìn gan dạ và vững vàng. Ông xác nhận những phương pháp chiến đấu của quân đội Mỹ áp dụng trong Thế chiến thứ hai là toàn diện và không ai thắng nổi : vận hành một cỗ máy chết người, tiêu diệt kẻ địch bằng sức mạnh thần kỳ của lưới lửa mà nền kỹ thuật công nghiệp Mỹ có khả năng tạo ra. DePuy đã xây dựng cỗ máy ấy ở Việt Nam. Chỉ huy hành quân của Westmoreland năm 1965 khi Lyndon Johnson với sự cam kết của Kennedy mở rộng chiến tranh toàn diện, ông đã hoạch định chiến lược hủy diệt tiến tới đè bẹp những người Việt Nam cộng sản. Chiến lược đó nhằm đào tận gốc những người trận chiến du kích Việt cộng và tiêu diệt những toán quân Bắc Việt nhanh hơn số lượng chính phủ Hà Nội có thể đưa vào bằng đường mòn Hồ Chí Minh. Như vậy binh lính Việt Nam cộng sản sẽ bị tàn sát đến mức bẻ gãy ý chí của những người sống sót và chỉ huy của họ. Westmoreland ban thưởng DePuy về tài năng chiến lược bằng giao cho ông này chỉ huy Sư đoàn bộ binh số một. Sư đoàn “Anh cả đỏ”. DePuy khác với những tướng lĩnh khác là dội hỏa lực vượt quá khả năng và đuổi những sĩ quan thuộc quyền phản ứng về mức độ tấn công dữ dội ông đưa ra. Ông tranh chấp với Vann vốn khinh thường những chiến lược ấy, Vann cho rằng chiến tranh hủy diệt gây ra chết chóc tàn phá vô ích cũng như hao tổn binh lính Mỹ và lãng phí đạn dược. Tuy vậy năm 1972 DePuy tác động qua Washington buộc Vann sử dụng sức mạnh của trọng pháo, máy bay lên thẳng, máy bay tiêm kích ném bom và pháo đài bay B-52 chống lại quân đội Bắc Việt ở Kontum. Khi Vann chết DePuy tôn vinh anh theo cách của mình : “Anh ấy chết như một người lính”. Vì thế ông ngồi trong nhà nguyện bên cạnh người bảo vệ mình tốt nhất, Joseph Alsop.

Thượng nghị sĩ Edward Kennedy đến chậm, đúng trước lúc buổi lễ bắt đầu vào 11 giờ. Ông vào nhà nguyện ý tứ như một người dòng họ Kennedy vẫn thế

và đến ngồi ở một chiếc ghế dài phía cuối. Người em út nhà Kennedy chống đối cuộc chiến tranh mà anh cả ông đã lôi kéo đất nước vào. Khác với Vann, ông không còn tin vào lời cam kết của ông anh trong diễn văn tranh cử và được khắc trên bia mộ :" Mong mỗi dân tộc, dù họ muốn điều tốt hoặc điều xấu cho chúng ta, đều biết rằng, chúng ta sẽ trả bằng bất cứ giá nào, chịu đựng bất cứ gánh nặng nào, trải qua bất cứ thử thách nào, ủng hộ bất cứ bạn bè nào, chống đối bất cứ kẻ thù nào để đảm bảo và gìn giữ thắng lợi của tự do". Nền tự do John Kennedy và cộng sự theo đuổi là vượt qua biển cả áp đặt trật tự Mỹ vào "biên giới mới". Giá phải trả để cố gắng tổ chức trật tự thế giới là cuộc chiến tranh ở Việt Nam và giá ấy đối với Edward trở thành quá cao. Anh của ông, Robert cũng đã bắt đầu chống đối cuộc chiến tranh này trước khi bị ám sát và ngủ yên dưới ngôi mộ khiêm tốn bên cạnh ngôi mộ lớn của ông anh. Edward Kennedy và John Vann trở thành bạn thân vì Edward chia sẻ với Vann mối quan tâm đến sự khốn khổ của những người nông dân Việt Nam. Cũng như Vann, ông đã cố gắng thuyết phục chính phủ tiến hành cuộc chiến tranh này một cách hợp lý và ôn hòa. Ông tự nhận nhiệm vụ làm giảm nhẹ đau đớn của những người dân bị thương trong chiến tranh và những nông dân bị đuổi ra khỏi nhà cửa. Ông sang Việt Nam để nhận thấy nỗi khốn khổ của họ, chứng minh trước lưỡng viện, tác động một sức ép chính trị để nhận được những điều kiện sống nhân đạo hơn trong các trại tị nạn, bệnh viện và để chấm dứt những cuộc dội bom mù quáng xuống các vùng nông thôn. Ông quan hệ thư từ với Vann trao đổi những thông tin cần thiết để tác động có ảnh hưởng hơn với chính quyền Washington.

Daniel Ellsberg, người kỵ sĩ đào tẩu khỏi cuộc viễn chinh ngồi trên chiếc ghế dài thứ hai bên phải, ngay phía sau gia đình Vann. Ông vừa xuống máy bay từ Los Angeles, nơi các luật sư của ông đang chạy cho phần cuối cùng trước ngày xét xử ông. Ông trở thành một người bị đào thải của xã hội khép kín những sĩ quan bí mật, trước kia đã xem ông là một người trong bọn, bây giờ họ cho ông là một kẻ phản bội vì chỗ ngồi công khai của ông trong nhà nguyện. Ông không có vẻ là một người bị đào thải, vẫn ăn mặc như họ, như người ta dạy ông ở Havard, bộ quần áo hoàn toàn cổ điển với sợi nhỏ màu xanh, áo sơ mi phù hợp và một chiếc khăn quàng buộc chặt. Bốn mươi mốt tuổi, ông để tóc dài hơn thời kỳ cắt lối bàn chải, ông gặp Vann lần đầu ở Việt Nam cách đây bảy năm. Những lọn tóc xám đậm bao quanh vầng trán cao làm dịu đi những nét góc cạnh của khuôn mặt gầy rám nắng.

Ellsberg là một nhân vật rất phức tạp. Bố mẹ là người Do Thái trung lưu cải đạo Thiên Chúa giáo, ông vừa trí thức vừa là người hành động, có thiên bẩm phân tích đặc biệt. Cá tính của ông mạnh đến nỗi nhiều khi thoát ra khỏi mọi kiểm soát, tình cảm luôn luôn tranh chấp nhau, có thể vừa là một nhà lãng mạn

xuất sắc vừa là một tu sĩ khổ hạnh phức tạp. Khi đã tin điều gì ông sẽ tin đến cùng và là người cổ động cuồng nhiệt cho điều đó. Ông đã tranh thủ những lợi thế nhà nước tạo cho để học hành lâu dài, tạo được một vị trí nổi bật giữa tập thể những viên chức dân sự, quân sự phục vụ chính phủ thời kỳ Thế chiến thứ hai. Ông chứng minh khả năng chiến đấu của mình qua ba năm là đại úy Hải quân. Trường đại học Havard chọn ông lúc còn ở quân đội làm thành viên của hội những sinh viên trẻ xuất chúng, cho phép ông bảo vệ học vị tiến sĩ. Rồi ông được tập đoàn máy bay quân sự tuyển mộ cho kế hoạch chiến tranh hạt nhân chống lại Liên Xô, Trung Hoa và những nước cộng sản khác. Do vậy ông biết rõ những bí mật nối tiếp nhau của đất nước. Sự thành công của ông ở tập đoàn cho ông ông những tiếp xúc với Lầu Năm Góc, được bổ nhiệm làm trợ lý đặc biệt của thứ trưởng Quốc phòng về những vấn đề an ninh quốc tế, thực chất là phụ trách đối ngoại của quân đội.

Năm 1965 mong muốn hoạt động vì quyền lợi Mỹ, ông tình nguyện sang Việt Nam chỉ huy một đại đội Hải quân. Người ta bài bác vì vị trí trong chính quyền của ông quá cao không nên làm một việc tầm thường như thế. Ông bèn xoay sở sung vào kíp mới của Lansdale khi ông này trở lại Việt Nam năm 1965 nhằm cố gắng cải tổ lại chính quyền Sài Gòn và thực thi một chương trình bình định có hiệu quả. Hai năm sau Ellsberg trở lại tập đoàn nghiên cứu chiến tranh hạt nhân, suy sụp về một chuyện tình duyên và yếu sức vì bệnh gan. Nhưng nhất là ông chán nản về sự bạo tàn ngày càng tăng của cuộc chiến tranh hủy diệt Westmoreland sử dụng và về sự từ chối của chínhq uyền Mỹ áp dụng một chiến lược khác, cách duy nhất để bào chữa cho những cuộc giết người, tàn phá làng mạc. Cuộc tấn công dịp Tết năm 1968 kéo ông khỏi sự chán nản. Ông đã kết luận vũ lực tàn bạo ở Việt Nam là điên rồ vô đạo đức. Trong lương tâm ông thấy cần ngăn chặn cuộc chiến tranh này. Mùa thu năm 1969 ông bí mật sao in 7.000 trang tối mật trong tài liệu lưu trữ của Lầu Năm Góc về Việt Nam, bắt đầu chiến dịch phản đối chiến tranh bằng một bức thư ngỏ trên báo chí đòi rút quân Mỹ khỏi Việt Nam trong vòng một năm. Báo NEW YORK TIMES đăng câu chuyện "Tài liệu của Lầu Năm Góc" trong một loạt bài vào tháng Sáu và Bảy năm 1971. Ellsberg bị buộc tội theo lệnh của tổng thống Richard Nixon với ý định cho ông vào tù càng lâu càng tốt. Suốt cuộc đời phục vụ một cường quốc, lúc bắt đầu nghỉ Ellsberg đến để chôn người bạn mà chiến tranh đã cướp đi của ông.

Ông ngồi cùng với gia đình người chết theo đề nghị của Mary Janes, vợ của Vann trong hai mươi năm cho đến lúc họ ly dị nhau tám tháng trước đây. Chị thấy cần có sức mạnh của tình bạn trong lúc này và chị tán đồng ảnh hưởng của ông đối với Jesse, cậu con trai 21 tuổi của chị đang ngồi bên cạnh Ellsberg trên chiếc ghế hàng thứ hai. Chị cũng muốn ông sát cánh với gia đình chị như một

thách thức, muốn những người đang trong nhà nguyện bực bội vì hiểu rằng chị ngưỡng mộ hành động chống chiến tranh của ông và chia sẻ những ý tưởng của ông. Năm trước chị cũng đã nói thế với hai nhân viên FBI đến nhà chị hỏi về quan hệ giữa Vann và Ellsberg.

Mary Janes tự cho mình là vợ góa của Vann dù họ đã ly dị. Nhưng đó vốn chỉ là một trạng thái ức chế do thất vọng, một sự tự hủy hoại trả đũa cuộc hôn nhân chỉ còn là hình thức sau khi Vann trở lại Việt Nam năm 1965 và ở lại hẳn. Anh là mối tình của chị thời trẻ; người đàn ông đầu tiên chị biết rõ, bố của năm đứa con của chị - bốn con trai ngồi gần chị trong nhà nguyện và một con gái đã lấy chồng, không đến được vì đang sinh đứa cháu gái đầu tiên của Vann. Mary Janes cố bám lấy cuộc hôn nhân ấy càng lâu càng tốt. Chị không thể yêu một người đàn ông khác như đã yêu anh. Nuôi dạy con và gìn giữ tình nghĩa vợ chồng, theo nền giáo dục và bản tính của chị, một thiên hướng cũng khẩn thiết như anh đối với chiến tranh.

Khi lấy John lúc 18 tuổi, vừa học xong trung học chi hơi tròn trĩnh nhưng rất quyến rũ với mái tóc nâu lượn sóng, đôi mắt màu hạt dẻ và khóe miệng rõ nét. Gia đình, Nhà thờ, Tổ quốc là những giá trị mà bố mẹ và những thành viên khác của tầng lớp trung lưu là những gì đã khắc sâu vào tâm trí chị. Vì vậy, thời con gái chị mơ ước một cuộc hôn nhân thanh thản và một gia đình nồng ấm. Tuổi trẻ trải qua một môi trường bình lặng, chị hy vọng cũng được như thế trong hôn nhân và gia đình. Tuy cố gắng nhiều chị đã không thành công. Chiến tranh và sự cần thiết có mặt người bố đã gây rối loạn cho đứa con trai thứ hai của chị, Jesse. Chủ nghĩa yêu nước và xã hội thủ cựu mà chị không bao giờ nhắc đến đã được Jesse cảm nhận theo cách khác.

Bốn mươi bốn tuổi Mary Jane Vann vẫn giữ được vẻ ngoài dễ mến khi chị ăn mặc tử tế, trang điểm và chải tóc gọn gàng như chị đã làm sáng nay vì lễ tang. Chị nghĩ thật mỉa mai khi Vann về nhà lần cuối cùng đúng vào dịp lễ Giáng sinh, lúc mà chị mong có anh bên cạnh chị vì họ đã quen biết nhau trong ngày lễ và cũng chính con trai đầu của chị, John Allen sinh vào hôm đó. Chị nhớ lại tất cả những ngày lễ Giáng sinh anh không có mặt. Ngày được tin anh chết, chị tìm trong tủ bộ quân phục diễu hành màu xanh đậm viền vàng mà hôm nay đội quân danh dự đang mặc. Có lần anh đã nói với chị anh muốn được chôn cất trong trang phục ấy. Chị tìm không thấy, có lẽ anh đã mang sang Việt Nam. Đến Washington, người ta nói với chị quan tài đã đóng kín, dù sao cũng không mặc cho anh được. Chị đã nhớ ra đi trong dịp Giáng sinh cuối cùng, tuy đã ly hôn, anh vẫn ôm hôn chị lên má thay vì bắt tay chào từ biệt như anh thường làm những năm trước.

Nhạc tang đã ngừng và nhà nguyện trở nên im lặng. Buổi lễ sắp bắt đầu. Mary

Jane nghe bên ngoài hô hiệu lệnh và tiếng bồng súng chào của đội danh dự. Tuy lần đầu tham dự loại lễ nghi quân đội này nhưng đã là vợ lính, chị biết người ta sắp đưa quan tài John ra khỏi nhà nguyện. Giữ tiếng khóc thầm chị nghĩ bây giờ anh thực sự chết rồi.

Chiếc quan tài phủ lá cờ, đặt trên xe do hai người trong đội quân danh dự đẩy lăn từ từ trên con đường chính. Những dây phủ quan tài do tám quan chức cầm đi theo hai hàng bốn người. Ellsberg biết năm người trong bọn họ. Ba người khác là hai đại diện Cơ quan phát triển quốc tế và một đại tá Nam Việt Nam, tùy viên quân sự ở Đại sứ quán, thay mặt Chính phủ. Mệt mỏi và cay đắng, Ellsberg nhận thấy năm người kia đúng là những người phù hợp để đi theo chiếc quan tài của Việt Nam.

Tiếp theo là những tướng lĩnh trong đồng phục trắng mùa hè. Trước hết là Westmoreland bây giờ là tham mưu trưởng quân đội, vị trí do tổng thống Johnson bổ nhiệm sau khi cách chức chỉ huy của ông ở Việt Nam. Ông đi đầu hàng bên phải, vị trí danh dự theo quy định. Khi Hoa Kỳ mở rộng chiến tranh ở Việt Nam năm 1965, với phong thái lịch sự và tự hào ông có vẻ là hiện thân của niềm kiêu hãnh và sự thành công của quân đội. Giờ đây, bảy năm sau, bề ngoài vẫn là hình mẫu của một viên tướng 58 tuổi, là tham mưu trưởng, ông đại diện cho chính thể chế của quân đội ấy công nhận Vann là một người của họ tuy anh đã chết. Một quân đội cảm nhận thất bại mà không biết lý do. Westmoreland dù sao cũng không bao giờ hiểu. Quân đội dám tự hào ở Việt Nam không thể không hy vọng một biện minh cuối cùng cho những mục tiêu của mình. Đó là điều mà Vann ngấm ngầm cố gắng làm. Trong trận đánh cuối cùng ở rừng núi, với binh lính Nam Việt Nam được quân đội Hoa Kỳ yểm trợ, anh cố gắng làm điều mà người Mỹ đã không thực hiện được. Quân đội cũng biế không bao giờ Vann rời hàng ngũ. Cuối cùng anh trở thành viên tướng chiến đấu như anh vẫn mong tuy anh là viên chức dân sự và từ chối chấp nhận thất bại, anh là hiện thân của hình mẫu lãnh đạo.

Tướng Bruce Palmer, tham mưu phó và là người cùng thời với Westmoreland, bạn đồng môn ở trường quân sự West Point năm 1936, đi đầu hàng bên trái. Ông đã phục vụ ở Việt Nam trong cương vị phó của Westmoreland sau khi chỉ huy đoàn quân viễn chính tổng thống Johnson gửi sang cộng hòa Dominique năm 1965 để ngăn chặn đất nước Caribes nhỏ bé này theo gương Cuba của Fidel Castro. Binh lính nhảy dù và hải quân do Palmer chỉ huy đã tạo điều kiện cho Ellsworth Bunker, nay là đại sứ ở Sài Gòn, áp đặt một chính phủ thân Mỹ ở Cộng hòa Donique. Palmer nguyên là cấp trên của Vann những năm 50 khi ông là đại tá chỉ huy trung đoàn bộ binh thứ 16 ở Đức và Vann là đại úy ở đại đội súng cối. Palmer còn nhớ Vann là đại đội trưởng giỏi nhất dù anh là người khó

điều khiển nhất. Bốn ngày trước khi Vann chết, Palmer đã gửi cho anh một thư khen ngợi về cuộc hành quân ở Kontum và anh đã nhận nó trước khi chết.

Người sĩ quan thứ ba mặc đồng phục trắng là đại tướng Richard Stilwell, chỉ huy hành quân ở Ban tham mưu. Ông là một trong những người không nuối tiếc việc Vann từ chức năm 1963. Ông đến Sài Gòn tháng Tư, đúng lúc Vann đi Washington và Lầu Năm Góc, cố gắng thuyết phục giới tinh hoa của quân đội rằng Hoa Kỳ đã đi sai đường và phải thay đổi chiến lược. Năm 1963 Stilwell là thiếu tướng, chỉ huy những cuộc hành quân của tướng Paul Harkins người tiền nhiệm Westmoreland. Stilwell vận dụng trí thông minh nổi bật của mình để bác bỏ những luận chứng của Vann và những quân nhân chiến đấu khác cũng nghĩa cuộc chiến tranh sẽ thất bại. Thái độ của Stilwell không có gì ngạc nhiên đối với những người biết rõ ông. Niềm tin không lay chuyển vào chính quyền khiến ông trung thành với cấp trên. Ông mong ước đạt tới vinh quang trong sự nghiệp, nhưng ông không bao giờ với được vị trí tổng tư lệnh. Tốt nghiệp West Point, là một trong những người đứng đầu, sau Westmoreland và Palmer hai năm, với tham vọng và khả năng , ông sung vào bộ binh trong Thế chiến thứ hai, phục vụ ở Châu Âu cùng sư đoàn với DePuy. Sau đó, năm 1964, Stilwell được cử sang Sài Gòn trở thành tham mưu trưởng cùng Westmoreland, tổng tư lệnh mới. DePuy đến lượt cũng sang Việt Nam nắm vị trí cũ của Stilwell, chỉ huy hành quân. Như vậy là Stilwell giám sát DePuy thực hiện chiến lược hủy diệt sẽ mang lại cho họ chiến thắng. Stilwell tiến tới thấy mình nhầm lẫn về Vann và đi đến chỗ khâm phục anh. Do đó vì tình cảm ông đề nghị được ở trong hàng ngũ danh dự đưa Vann ra mộ.

Phía sau Westmoreland là một viên chức dân sự thanh mảnh, thẳng thắn trong bộ quần áo màu xanh biển. Đôi kính gọng nhựa làm nổi rõ khuôn mặt gầy và bình thường. Phải nhận kỹ sau đôi kính cái nhìn cương quyết của đôi mắt cận thị mới hiểu được sự cứng rắn trong tính tình của ông. Đấy là William Colby, một sếp CIA, người chiến đấu bí mật, sẽ được bổ nhiệm phó trưởng ban kế hoạch, chức danh chỉ những hoạt động bí mật, để cuối cùng trở thành trưởng tình báo, giám đốc CIA.

Nếu William Colby sinh vào thế kỷ thứ XVI, tính tình và tư tưởng ông chắc đã đưa ông gia nhập Hội thánh Jesus sống cuộc đời một người lính bảo hoàng. Ở thế kỷ XX, ông vào CIA để trở thành một người lính của chiến tranh lạnh. Tính cách nổi bật của ông là sự cần thiết phục vụ và lòng ham thích bí mật. Nhảy dù xuống nước Pháp bị chiếm năm 1944 là một chỉ huy 24 tuổi sau khi bắt đầu tìm hiểu ở Anh về công việc phá hoại và khủng bố, cùng với Lucien Conein, ông dẫn dắt một toán kháng chiến Pháp chống quân phát xít. Nhưng đối với ông chiến tranh không kết thúc bằng việc Đức đầu hàng chín tháng sau đó. Chủ nghĩa cộng

sản vô thần, đối với Colby là một phong trào phát xít mới. Lòng tin vào Thiên chúa giáo La mã thừa hưởng của bố, một đại tá cải giáo và bà mẹ người Ireland làm cho ông nhiệt tâm chống cộng cũng như đã hăng hái chống phát xít. Vấn đề là biết được bên nào bị đánh bại trước tiên.

Khác với Lansdale, Colby không phải là một nhân vật nổi danh về hoạt động bí mật. Ông xử sự kín đáo và kiên trì, thực thi những chỉ thị của chính phủ Hoa Kỳ đối với Việt Nam trong phần lớn 12 năm trước. Đầu năm 1959, phó rồi trưởng bộ phận CIA ở Sài Gòn, sau đó trở thành phó rồi trưởng chỉ huy tất cả những hoạt động bí mật ở Viễn Đông. Ông đã chỉ đạo những kế hoạch đầu tiên chống du kích ở miền Nam. Theo lệnh của tổng thống Kennedy, ông tiến hành lại cuộc chiến tranh bí mật chống cộng sản miền Bắc bị bỏ rơi sau thời kỳ Lansdale. Ông tung các toán nhảy dù , đưa vào bờ biển những toán khủng bố và phá hoại người Việt Nam được CIA huấn luyện để bắt đầu đánh du kích chống chính quyền Hà Nội như Việt cộng đã tiến hành ở miền Nam. Năm 1967 ông giúp Robert Komer, cựu thành viên CIA mà Ellsberg nhận ra trong số những người đi theo quan tài, mở chiến dịch PHƯỢNG HOÀNG nhằm mục đích giết, cầm tù hoặc buộc đầu hàng những thành viên của Chính phủ cộng sản bí mật mà du kích Việt cộng bố trí trong những vùng nông thôn miền Nam. Hàng chục nghìn người Việt Nam bị giết hoặc tù đày. Phong trào hòa bình đã kết tội Clby giết người và là tội phạm chiến tranh. Tranh áp phích có ảnh của ông với hàng chữ “giết người” dán khắp những tòa nhà của các trường đại học Washington. Nhưng không sự lên án nào làm lung lay lòng tin của Colby về việc làm chính đáng của mình và ông vững tin hành động của mình là cần thiết và đúng đắn. Thái độ hiền lành nhã nhặn và không phải không tính toán, vẫn làm nao núng lòng người như trước. Năm 1968 Komer rời Việt Nam, Colby lãnh đạo mọi chương trình bình định và như vậy là cấp trên của Vann, đánh giá cáo tài năng của anh. Vann xông xáo, bộc lộ mình và Colby thích hoạt động trong bóng tối, tiến tới kính trọng lẫn nhau.

Hai người lính đặt chiếc quan tài phủ cờ ở đầu lối đi chính trước bàn thờ. Những nhân vật đi theo đến ngồi trên ghế đầu bên trái, có bộ trưởng Ngoại giao William Rogers và bộ trưởng Quốc phòng Melvin Laird.

Sau khi cha tuyên úy cầu nguyện xong bài thuyết giáo, Robert Komer đứng dậy, tới trước đọc điếu văn.

Komer nguyên là tướng chỉ huy công cuộc bình định mà báo chí mệnh danh là “cuộc chiến tranh khác ở Việt Nam”. Hơi tầm thước và hói bẩm sinh, trong đoàn hộ tống quan tái, ông khác những người mặc thường phục màu tối vì bận bộ quần áo xám sáng may theo kiểu LonDon những năm 50. Ông phải mặc thế vì để đọc điếu văn cần có áo gi-lê và chỉ có bộ quần áo màu hè độc nhất có gi-lê.

Tổng thống Johnson tin rằng Komer có biệt tài giải quyết những vấn đề, gửi ông sang Việt Nam năm 1967 để sáp nhập thành một tổ chức duy nhất và gắn bó những chương trình bình định của nhiều cơ quan dân sự. Komer thực hiện nhiệm vụ này thật tốt và cố gắng hết sức để bình định Việt Nam. Ông như một con chó săn, lao vào công việc một cách hung hăng, tin tưởng, thậm chí có phần gian ác. Ông láu lỉnh bỏ qua những thủ tục bàn giấy và thích biệt hiệu "đèn hàn" bạn bè và kẻ thù đặt cho. Vann giúp Komer xây dựng tổ chức rất hiệu quả và là thuộc hạ trung thành nhất của ông để thực hiện kế hoạch bình định.

Những người cộng sản Việt Nam đã hủy hoại nghiêm trọng sự nghiệp của Komer bằng cuộc tấn công Tết năm 1968. Trước cuộc tấn công ông ta mắc sai lầm nghĩ rằng Hoa Kỳ đang thắng trong cuộc chiến, ông báo cáo với tổng thống và công khai tuyên bố thắng lợi là chắc chắn và hiển nhiên. Sau cuộc tấn công, sự có mặt của ông trở nên phiền phức đối với chính quyền Johnson và ông rời Sài Gòn cuối năm 1968. Từ đó ông tiếp tục làm việc ở Washington, định kỳ sang Việt Nam và viết báo cáo. Ông giải thích, Vann và các bạn xông vào chiến đấu để còn có thể chiến thắng; miền Nam Việt Nam trụ vững đủ lâu dài để những người cộng sản kiệt sức và bỏ cuộc. Sáng hôm ấy ba trăm con người tập trung trong nhà nguyện lắng nghe giọng nhỏ nhẹ của Komer, ông già cứng rắn đứng bên cạnh quan tài ca ngợi Vann.

Ông tán dương "lòng dũng cảm, tính cách, nghị lực, sức mạnh, lòng dũng cảm của John Vann mà chúng ta đã biết rõ". Những lời ấy phấn khích như cách ông già Komer đã lao vào chiến tranh.

Với những người đã làm việc cùng anh, nhận ở anh lời khuyên và gợi ý; anh là con người tóc hung gầy nhỏ, nói giọng mũi của nông dân Virginia, làm việc như một máy phát điện, chỉ ngủ mỗi đêm bốn tiếng, ít nhất mỗi ngày hai lần làm nổ bom mìn. Anh biết thực tế những gì xảy ra hơn bất cứ ai trong chúng ta và luôn luôn thông báo với chúng ta. Và tất cả những ai trong chúng ta còn sống vẫn đang lắng nghe anh.

Đấy là John Vann mà chúng ta nhớ mãi. Anh tự hào là một nhân vật được nói đến nhiều và đảm nhận đến tận cùng vai trò đó.

Tôi chưa từng biết người nào có tư duy phê phán không mệt mỏi và tính trung thực tuyệt đối như thế. Bao giờ anh cũng nói điều anh nghĩ về thất bại cũng như chiến thắng. Vì điều đó và vì kinh nghiệm lâu dài của anh, anh là người được báo chí kính trọng hơn bất cứ nhân vật có chức quyền nào. Anh nói thẳng không chỉ với các nhà báo và cộng sự mà cả với những tổng thống, bộ trưởng, đại sứ, các tướng lĩnh, không quan tâm đến hậu quả. Một hôm tôi được lệnh, không đùa, phải phạt Vann thật nặng. Tôi đã trả lời tôi không muốn và không thể vì nếu có ba người khác như Vann, chúng ta sẽ rút ngắn thời hạn chiến tranh đi một nửa".

Mary Jane đã không nghe cha tuyên úy nói gì, bây giờ lắng nghe Komer. Giọng nói và lời của ông làm chị bình tĩnh lại. Ý nghĩa của nó không quan trọng bằng sự thích thú được nghe những lời ca tụng của một người nói năng hăng hái.

Nếu John ít ảo tưởng, Komer tiếp tục, anh sẽ không bị dằn vặt về hành động của mình ở Việt Nam : anh phải bảo vệ quyền lợi của nhân dân miền Nam Việt Nam mà anh mong tự do cho họ. Anh biết rõ người Việt Nam hơn, hợp tác chặt chẽ hơn với họ, chia sẻ những thử thách cũng như niềm vui hơn bất cứ một người Mỹ nào khác. Anh cảm thấy trong các làng của họ như ở nhà mình, qua đêm ở đấy thường xuyên hơn tại các bàn giấy ở Sài Gòn.

Trong vai trò nào anh cũng là một người có khả năng tiên phong, không lùi bước trước mối nguy hiểm nào và không bao giờ đòi hỏi người khác làm điều mình không làm. Theo anh người chỉ huy phải đi đầu, dù nguy hiểm đến mấy. Thậm chí anh là hiện thân của mẫu người không có gì không thể được. và tôi không hề gặp trong số nhiều nghìn người cùng phục vụ hoặc dưới sự chỉ huy của anh một người nào không ca ngợi anh. Anh đã bồi dương, gợi ý cho cả một thế hệ chiến sĩ Việt Nam và Mỹ, đã là người thầy, bạn chiến đấu, nỗi nhớ, niềm khích lệ và người bạn của chúng ta".

Komer bị cuốn theo vấn đề và lời nói của mình. Giọng của ông rõ ràng và sắc sảo hơn như mỗi lần ông cảm động. Ông giải thích vì sao Vann được chôn cất ở Arlington :

Vì anh là mẫy mực hoàn hảo nhất của người lính mà thời gian cuối cùng ở Việt Nam đã thỏa mãn, ý muốn kín đáo đi đầu những toán quân Mỹ. Nhưng John hơn một người lính : anh hoàn toàn hiểu rõ sức mạnh của súng đạn không phải là giải pháp duy nhất.

Chúng ta mong, Komer nói tiếp, sự cố gắng chủ động của anh, lâu đài anh xây dựng sẽ là nước Việt Nam, trong tự do và hòa bình mà anh vì nó đã chiến đấu tích cực.

Và dù sự tranh chấp bi thảm sẽ kết thúc như anh mong muốn hoặc khác đi, tất cả những người đã cùng phục vụ với Vann sẽ nhớ mãi anh. Đấy không phải một người người ta có thể dễ dàng quên. Vì vậy hôm nay chúng ta chào một trong những người anh hùng đích thực nhất của cuộc chiến tranh thảm khốc và không được lòng dân mà anh đã hy sinh tất cả để phục vụ. Không, John, chúng tôi sẽ không quên anh. Anh là người tốt nhất mà chúng tôi đã mất".

Ellsberg trước đây làm việc cùng Komer, đã có những quan hệ tốt, không còn một cảm tình nào nữa dù ông ta đã hào phóng ca ngợi người bạn chung của họ. Ông còn gì chúng với Komer và tất cả những người trong nhà nguyện này tiếp tục bảo vệ cuộc chiến tranh. "Phải, ông tự nhủ và bực tức thay đổi lại lời nói

cuối cùng của Komer : anh là người bạn tốt nhất mà chúng tôi đã phản bội".

Cha tuyên úy đọc những câu kinh cuối cùng rồi ban phước, trưởng ban tổ chức buổi lễ đề nghị mọi người đứng dậy. Ban nhạc bắt đầu chơi một bài trong lúc quan tài được đẩy ra cửa lớn. Những người hộ tống đi trước thành hàng đôi hai bên vòm vải xanh kéo dài ra hành lang. Các viên tướng và đại tá người Việt chào theo kiểu quân sự và những người mặc thường phục đặt bàn tay phải lên ngực còn quan tài được đưa lên chiếc xe hòm phủ vải đen có sáu con ngựa kéo. Người chỉ huy dàn trống đưa chiếc gậy bạc lên cao rồi hạ ngay xuống. Quân nhạc nổi lên theo đoàn người đi suốt 900 mét từ nhà nguyện đến nghĩa trang.

Đoàn quân nhạc đi trước, chơi khúc hành quân theo đề nghị của Mary Jane vì là điệu nhạc yêu thích của Vann : CUỘC HÀNH QUÂN CỦA ĐẠI TÁ BOGIE anh được nghe trong phim CẦU QUA SÔNG KWAI. Sau khi xem phim ấy, anh mua ngay chiếc đĩa và hình như nghe không chán. Sau đoàn quân nhạc là đội danh dự rồi những người không mang cờ, những người cầm dây phủ quan tài đi hàng đôi. Cha tuyên úy đi trước chiếc xe hòm. Phía sau là gia đình người chết trong những chiếc xe Cadillac đen do hãng quân khí Vann làm việc một thời gian ngắn sau khi giải ngũ cho mượn. Mặc dầu trời nắng và đường xa phần lớn những người tham dự do kính trọng Vann đã đi bộ sau những chiếc xe thay vì đi xe của họ.

Cứ như thế, đoàn người đi qua không để ý đến những đài chiến thắng "cuộc chiến tranh đẹp đẽ" chống Tây Ban Nha năm 1898, đẩy biên giới phía tây của Hoa Kỳ qua Thái Bình Dương, từ San Francisco đến tận Manilla, kết thúc thời đại đế quốc Mỹ mà niềm tin đã bị chôn vùi trong ngày đó. Đài thứ nhất xây dựng để tưởng niệm 385 người lính tử trận suốt cuộc chiến tranh năm 1898 ấy, ít hơn người chết ở Việt Nam trong một tuần. Xa hơn một chút về bên trái sừng sững một đài khác, cột buồm của chiến hạm Maine, vớt được từ những mảnh tàu bị nổ tung và bị đắm ở hải cảng La Havana làm chết 266 sĩ quan và thủy thủ tạo điều kiện cho nước Mỹ nóng lòng chiếm đóng nước Tây Ban Nha đang hủy hoại không tự bảo vệ được. Đi xuống con đường nghĩa trang đoàn người qua một đài khác hình nhọn, tạc sơ sài bằng đá xám, tưởng niệm những người chết của trung đoàn kỵ binh thứ nhất , những người tình nguyện mà ông chú của Alsop tuyển mộ và dẫn đến vinh quang trong khúc dạo đầu của chiến công dễ dàng ấy.

Xung quanh ngôi mộ của Vann không có vạt đất nào mới đào có thể làm nhớ lại những chiến trường ở Việt Nam. Mộ được đặt trong một bụi cây lớn theo bờ dốc hướng về bậc thềm Đài tưởng niệm và mồ Chiến sĩ vô danh tập trung những người tử trận trong chiến tranh thế giới thứ nhất, thứ hai và chiến tranh Triều Tiên. Những cuộc đánh nhau liên tiếp ấy làm cho các thế hệ quân sự Mỹ thành thạo về lễ tiết đối với người sống và người chết. Khi những buổi lễ tiến hành vào

mùa đông trên các thềm cỏ của Lầu Năm Góc, cỏ bị sương giá làm cháy sém được nhuộm màu xanh. Các nhà chức trách cũng chú ý giữ gìn như vậy ở Arlington để mọi vật dễ trông hơn. Những người đào huyệt phủ lên đất mới đào một tấm thảm cỏ tổng hợp người ta thường dùng trên sân thể thao. Hai hàng ghế xếp bằng kim loại phủ vải xanh được đặt bên phải ngôi mộ dành cho gia đình và những người thân.

Mary Jane ngồi ghế sau chiếc limuzin đen đầu tiên. Khi Edward Kennedy trong nhà nguyện đi ra lại gần để chào, chị hạ kính xe xuống đáp lễ. Chị không nâng tấm kính lên lại và nghe được bản nhạc mình đã đề nghị. Chị nghĩ các nhà chức trách cho bài hát không đúng chỗ trong đám tang chính thức của một người anh hùng chiến tranh và sẽ cấm chơi. Thế nhưng nhạc trưởng xướng nhịp ngay lúc tám trung sĩ đồng phục xanh, mỗi bên bốn người nắm lấy đầu dây đòn quan tài nhấc ra khỏi xe hòm.

Mary Jane xúc động nghe bản nhạc. Đấy là bản NHỮNG BÔNG HOA SẼ RA SAO do các chiến binh hòa bình sáng tác, lan sang những người lính Mỹ ở Việt Nam, trở thành phổ biến thời kỳ ấy, có lẽ nổi tiếng nhất vì nó gợi lên cho từng người về cuộc chiến tranh họ đang tham gia. Đoàn quân nhạc không ngừng chơi bản nhạc đơn giản, lặp đi lặp lại trong lúc các trung sĩ đưa quan tài tới mộ.

Đấy là bản nhạc của Mary Jane cũng như bản CUỘC HÀNH QUÂN CỦA ĐẠI TÁ BOGIE là của John. Một bản nhạc gửi gắm nhiều điều : nỗi buồn của một bà mẹ có những trẻ trai chết ở Việt Nam, những hủy hoại trách nhiệm của chế độ cầm quyền về cuộc chiến làm con trai Jesse của chị chống đối chính quyền và chiến tranh, những hy vọng mỏi mòn về cuộc hôn nhân chị mơ ước, cái chết của người đàn ông chị muốn giữ lại vì chị đã yêu bất kể những gì xảy ra.

Bây giờ cha tuyên úy bước đến ngôi mộ, theo sau chiếc quan tài bốn trung sĩ khiêng đi. Trung úy chỉ huy đội danh dự đứng nghiêm, lưỡi gươm tuốt trần, mũi gươm hướng về ngôi mộ. Phía sau ông những người lính bồng súng thẳng đứng trước mặt. Người mang cờ nghiêng lá quân kỳ chào chiếc quan tài. Quân nhạc tiếp tục chơi.

Lá cờ phủ quan tài được đưa lại cho Peter Vann, xếp hình tam giác những ngôi sao lên mặt trên. Peter đã hỏi xin mẹ và chị đã đồng ý vì, 16 tuổi, cậu là đứa con nhỏ nhất. Cậu đứng dậy, cha tuyên úy đưa cho cậu vào cuối buổi lễ, sau khi đội danh dự bắn ba loạt súng rồi tiếng kèn tiễn biệt người chết, cha tuyên úy đọc lời kinh cuối cùng và chúc phúc.

Peter vừa 6 tuổi lúc bố cậu sang Việt Nam lần đầu. Thực sự cậu không thấy buồn cho đến lúc nhận lá cờ vì cậu ít biết về bố, càng vì không được dạy dỗ thành một trí thức. Cậu bao giờ cũng thích sửa chữa lặt vặt xe cộ. Chiến tranh kéo dài đến nỗi cậu quên kẻ thù ở phía nào. Hôm trước khi gia đình đến Đại sứ

quán Việt Nam để được chính quyền Sài Gòn truy tặng ân hiệu cao nhất cậu hỏi đây là Đại sứ quán miền Nam hay miền Bắc. Nhận lá cờ cậu bắt đầu khóc, hy vọng khi chết bố không ghét cậu vì những cuộc tranh cãi của bố con khi Vann về nghỉ phép. Cậu cũng hy vọng bố không hổ thẹn vì cậu đã khóc. Bố cậu vẫn luôn chế giễu những giọt nước mắt của các con trai mình, coi đó là biểu hiện yếu đuối.

Con trai cả của Vann, John Allen, 24 tuổi không đứng dậy, như tục lệ, để nhận những lời chia buồn của bộ trưởng Ngoại giao Rogers thay mặt tổng thống Nixon, của bộ trưởng Quốc phòng Laird, của Westmoreland và những quan chức khác đi ra sau buổi lễ trước hàng ghế gia đình đang ngồi. John Allen biết rằng nếu anh không đứng dậy những người khác trong gia đình cũng không đứng dậy. Anh chỉ biết những người kia qua truyền hình và báo chí, chấp nhận tang lễ chính thức ở Arlington vì nghĩ đây là dịp ca tụng người bố vốn sung sướng về cảnh huy hoàng này. Anh nghĩ một số trong những người này hoặc người khác như họ chịu một phần trách nhiệm khi bố anh buộc phải giải ngũ năm 1963. Anh cho rằng phải lấy lại một ít công bằng khi bắt tất cả phải cúi xuống bắt tay mẹ, anh và các em và làm họ tôn vinh bố mình.

Ellsberg đứng bên phải ngôi mộ, gần với gia đình người chết. Ông có mặt ở đây cũng khiếm nhã như trong nhà nguyện. Các quan chức không khỏi đi qua sát bên ông sau khi chào gia đình. Rogers chỉ nhìn tò mò, Laird không biết có ông khi nhìn thẳng về phía trước. Ellsberg không trông thấy họ, mắt nhìn đăm đăm vào quan tài, nghĩ đến đêm đầu tháng Ba năm 1971.

Vann nghỉ phép ở Washington và Ellsberg chờ anh đến quá nửa đêm để về nhà nói chuyện. Cuối cùng anh đến và ở qua đêm. Thời kỳ ấy Ellsberf cộng tác với NEW YORK TIMES. Cho đến gần sáng lần đầu tiên hai người nói đến những tài liệu của Lầu Năm Góc mà Ellsberg đã sao chép bí mật, chấp nhận gửi lại một bản để đăng báo (Tác giả Neil Sheehan đoạt giải báo chí Pulitzer với tác phẩm HỒ SƠ LẦU NĂM GÓC khi còn là phóng viên của New York Times). Và như vậy Ellsberg bị kết tội, đứng trước một cơn sóng gió.

Jesse lại nghĩ về chiến tranh. Cái chết của bố hiện rõ hơn bao giờ hết làm cậu và những người khác bắt đầu chấp nhận thực tế. Jesse thấy thái độ tích cực về cuộc chiến tranh này là tội lỗi, không thể tiếp tục dung thứ lâu hơn. Cậu là đứa con trai của người bố không chịu đựng được cậu tự do sống như ý muốn. Cậu quyết định tặng bố một món quà vĩnh biệt, trung thực với thái độ cậu cho là đúng : bỏ trên quan tài một nửa tấm thẻ quân dịch. Rồi cậu hoàn thiện món quà ấy bằng đưa nửa tấm thẻ còn lại cho tổng thống Nixon khi gia đình đến Nhà Trắng nhận truy tặng sau lễ an táng. Jesse vẫn luôn từ chối lệnh gọi nhập ngũ hàng năm nhưng việc đó bây giờ không làm cậu bị kết tội nữa, nó chỉ chứng tỏ lòng trung

thực và thái độ cương quyết của cậu. Cậu không còn bị đe dọa gọi ra dưới cờ. Mấy năm trước đây cậu suýt vào tù vì chống đối. Cơ quan tuyển mộ Colorado đã xếp cậu vào đám người phạm pháp vì không phục tùng. Anh cả cậu, John Allen bèn mặc đồng phục sĩ quan dự bị, đến nói với bà thư ký là bố họ có một vị trí quan trọng ở Việt Nam. Anh thuyết phục bà tạm thời thay đổi thể chế cho Jesse, không đủ điều kiện phục vụ vì bị thần kinh. John Allen tự làm theo sáng kiến của mình không tham khảo bố và em, đảm nhận vai trò chủ gia đình trong lúc bố đi vắng. Anh biết Jesse vẫn tiếp tục từ chối lệnh gọi nhập ngũ và bố anh không chấp nhận lập luận của Jesse. Mấy tháng trước khi bố chết Jesse nhận được một chỉ thị mới : cậu hoàn toàn không phù hợp để phục vụ trong quân đội, Jesse không hiểu vì sao cơ quan tuyển mộ miễn trừ cho anh như thế. Đã từ lâu anh không còn thấy mình bị thần kinh, không một khuyết tật gì về tinh thần và thể xác.

Có ai đó đưa cho Jesse một bông hồng để cậu đặt lên quan tài. Cậu lấy thẻ quân nhân ra, xé đôi, bỏ một nửa dành cho Nixon vào túi áo, một nửa cho bố vào giữa cành hoa, để tất cả lên chiếc khay xám, bên cạnh hoa của mẹ, các anh và bà con cảu bố. Cậu nói với bố : “Đấy là tất cả những gì bây giờ con có thể tặng bố, những gì con có thể làm”. Rồi cậu quay lại, đến nói chuyện với Ellsberg đang chờ tới Nhà Trắng. Jesse nghĩ đến việc sẽ làm khi đứng trong phòng bầu dục dự lễ và, Nixon sẽ đưa tay bắt tay cậu. Thay vì bắt tay cậu sẽ đưa cho ông nửa tấm thẻ. Sự việc sẽ khá rõ. Tội đầu tiên đối với luật pháp là từ chối thẻ quân dịch và tội thứ hai là xé rách nó. Jesse tự hỏi đưa nửa còn lại cho tổng thống Hoa Kỳ có phải là tội thứ ba không. Cậu không muốn vào nhà tù nhưng cậu nghĩ cử chỉ phản đối ấy cũng đáng làm. Một trong những người bạn cậu đã vào nhà tù liên bang vì từ chối gia nhập quân đội.

Một cậu em của Jesse, Tommy, 18 tuổi thấy cậu xé thẻ quân dịch làm đôi, hỏi cậu làm gì. Ngập ngừng cậu giải thịch điều định làm với Nixon, Tommy không thể giữ bí mật, nói lại với Peter lúc họ đi đến Nhà Trắng. Hai chiếc môtô rú còi vượt đèn đỏ vì buổi lễ dự kiến vào đúng trưa và không được để tổng thống phải đợi. Tommy tán thành hành động của Jesse. Anh cho rằng bản thân Nixon chẳng thương xót gì những người chết, những thương binh và những nạn nhân khác, cuộc chiến tranh này không trực tiếp đụng chạm đến ông ta và những người thân của ông. Anh hình dung nét mặt của Nixon khi Jesse đưa cho ông tấm thẻ bị xé. Anh nghĩ có lẽ lần này chiến tranh sẽ động chạm đến cuộc sống của ông.

Peter vốn phấn khởi được gặp tổng thống, bảo ý định của Jesse thật ngu ngốc.

Ở Nhà Trắng, gia đình họ được đưa vào phòng Roosevelt, cách phòng bầu dục mấy bước chân là phòng của tổng thống, để chờ mấy phút. Nixon đã dự xong cuộc họp về cải cách xã hội được bắt đầu trong lúc tiến hành đám tang ở

Arlington. Người chị cùng mẹ của Vann, Dorothy Lee từ Virginia tới, những người anh em khác, Frank, đốc công ở một xí nghiệp xây dựng và Eugène., trung sĩ không quân đều có mặt để dự lễ truy tặng.

Jesse cố bình tĩnh quan sát tấm thảm sàn trong phòng. Cậu đang nghĩ tấm thảm trong phòng Roosevelt làm không tốt và cậu có thể làm tốt hơn thì John Allen lại gần. Người anh cả cũng nhận thấy thái độ lạ lùng của em ở nghĩa địa và câu chuyện giữa Peter và Tommy trên xe làm anh quan tâm.

- Đừng làm thế Jesse, anh bảo em.

- Sao lại không ? Jesse hỏi.

- Vì ngày hôm nay không thuộc về em, người anh nhỏ giọng trả lời vì sợ người khác nghe. Đây là ngày của bố. Vì thế mà ông đã sống và chết. Đừng hạ thấp ông bằng việc làm đó.

Ngày John Allen xem như vinh quang của bố sẽ biến thành số không. Báo chí ở Nhà Trắng sẽ phủ kín hiện tượng này. Quang cảnh một chàng trai tóc dài, con trai của người chiến binh huyền thoại ở Việt Nam, đưa cho tổng thống tấm thẻ quân dịch xé đôi sau khi để nửa kia trên mộ cha thật là câu chuyện đẹp đẽ đối với họ !

Tommy đoán được việc gì xảy ra, lại gần để bảo vệ Jesse.

- Nhưng đây là lòng tin chắc chắn của anh ấy !

Cả ba tranh luận để biết Jesse tỏ thái độ chống đối chiến tranh có quan trọng hơn vinh quang chính thức về sự nghiệp của cha họ không. Những ông chú bác của Jesse cũng tới cố thuyết phục cậu.

- Nếu cậu định làm thế, chú sẽ không dự buổi lễ nữa, Frank, ông chú thấp và hói nói

- Thì chú cứ làm như chú muốn, Jesse trả lời. Cháu tự biết phải làm gì.

Chú Engène, với những chiếc lon tay trên áo, đỏ bừng mặt như bố Jesse mỗi khi nổi giận :

- Jesse, bố cháu là anh của chú và chú biết ông lâu hơn cháu. Ông tin tưởng mãnh liệt vào việc của ông làm và nếu cháu làm thế là tát vào mặt ông ấy đấy.

- Hãy để cháy yên, Jesse trả lời. Cháu biết cháu phải làm gì.

John Allen đi lại chỗ mẹ. Sau khi trang điểm trong phòng rửa mặt chị nói chuyện với Dorothy Lee trong một góc phòng. Chị có vẻ bình tĩnh trong chiếc áo dài bình dị màu xanh râu nhưng mang kính để che đôi mắt đỏ.

- Mẹ ơi, John Allen nói với chị, Jesse muốn đưa lại cho Nixon tấm thẻ quân dịch. Không thể để em nó làm thế.

Mary Jane dằn tiếng nấc như khi trong nhà nguyện người ta đưa quan tài đi.

Bà đến với Jesse :

- Mẹ xin con, Jesse, vì bố mẹ xin con đừng làm như thế. Ngày hôm nay là của bố chứ không phải của con, của mẹ hay của ai khác. Con sẽ làm nhục bố.

Lời mẹ làm Jesse nao núng nhưng cậu không dễ xiêu lòng.

Người đại diện mặc thường phục của Bộ Quốc phòng giám sát buổi lễ cùng một đại úy, chạy ra ngoài tìm quan chức Nhà Trắng. Họ gặp tướng Brent Scowcroft, tùy viên quân sự của tổng thống ở tiền sảnh. Ông đi vào phòng Roosevelt để xem gia đình đã sẵn sàng chưa. Ông có biết Vann một ít và yêu mến anh. Hai người báo cáo với ông những gì đã xảy ra và cho người đi tìm John Allen; anh con trai cả, người đã báo với họ những ý định của Jesse.

- Không thể được ! Scowcroft nói.

- Chúng tôi không biết làm thế nào để ngăn cản, John Allen nói. Nó đã quyết định làm.

Scowcroft vào phòng bầu dục báo cáo ngắn gọn việc xảy ra với tổng thống và đề nghị cho chậm lại một ít để ông giải quyết vấn đề này. Scowcroft, sĩ quan tham mưu vững vàng, nổi tiếng về cách giải quyết với những khủng hoảng.

Ông vào phòng Roosevelt, kéo Jesse ra một góc, bình tĩnh nói chuyện với cậu :

- Anh nghe này, mặc cho anh nghĩ thế nào, buổi lễ này là dành tôn vinh bố anh. Anh không thể làm hỏng nó. Nếu anh không hứa sẽ thôi chuyện đó, chúng tôi buộc phải hủy bỏ buổi lễ.

Jesse đã bị lay chuyển vì lời phàn nàn của mẹ và lời khuyên của chú Frank khác với những người khác đã cố bình tĩnh phân tích với cậu. Giọng nói dứt khoát của viên tướng còn tác động mạnh hơn. Cậu hiểu khai thác trường hợp của bố vì lợi ích riêng của mình chắc chắn về đạo đức là không thể chấp nhận được. Và vì không thể hành động với lương tâm thanh thản nên cậu nén lại. Dù sao cũng không có sự lựa chọn nào khác.

- Được rồi, được rồi, cậu trả lời tướng Scowcrot, tôi xin hứa không làm thế.

Scowcroft nắm cánh tay cậu rồi ngoảnh lại hỏi John Allen :

- Cậu ấy làm hay không ?

- Nếu đã nói, em nó sẽ giữ lời, John Allen trả lời.

Viên tướng trở lại phòng bầu dục để báo với tổng thống buổi lễ có thể bắt đầu.

John Alen đưa mẹ đến chỗ tổng thống, theo sau là các em trai, bà cô và hai ông chú. Tổng thống ngồi sau bàn trống đang xem tập hồ sơ. Ông gấp hồ sơ, đứng dậy, quay người đón họ ở giữa gian phòng. Bàn giấy không có gì, tập hồ sơ nghiên cứu tới phút chót, bước lại trước những người được mời đến, tất cả

những cái đó là thủ tục Richard Nixon tiếp khách. Ông bày tỏ tình cảm ới Mary Jane và John Allen rồi bắt tay những người khác. Đến lượt Jesse, Tommy nghe Nixon thì thầm "Cảm ơn". Nhưng Jesse quá cảm động khi nắm tay Richard Nixon, không chú ý biểu hiện ấy của tổng thống. Cậu chỉ nhận thấy Nixon có một bàn tay to.

Roges và Laird cũng theo họ vào phòng. Mary Jane ngạc nhiên thấy cả Alsopo vì chị không rõ vị trí của ông trong hệ thống Washington và tự hỏi vì sao một nhà báo được đối xử như một thành viên gia đình. Biết rõ tình bạn của ông đối với Vann, Nixon đã mời Alsop dự buổi lễ trước các nhà báo khác để nghe ông nói riêng với gia đình.

Thợ ảnh của Nhà Trắng dàn mọi người theo hàng trừ Alsop để chụp ảnh chính thức. Ông bố trí cho họ thành nửa vòng tròn phía sau bàn, trước mành che những cửa sổ lớn trang trí hai lá cờ, băng sao và biểu tượng phủ tổng thống, phía trên là hai con chim ưng vàng. Tổng thống đứng giữa Mary Jane và John Allen. Khi người thợ ảnh bấm máy, Richard Nixon có một nụ cười nhẹ. Ở bức ảnh tiếp theo ông rõ ràng có vẻ khó chịu hơn.

Chụp ảnh xong, Richard Nixon nói ngắn gọn với gia đình. Ông nói cái chết của Vann như một mất mát cho riêng ông cũng như của đất nước và nhân danh dân chúng Hoa Kỳ ông tỏ lời chia buồn. Ông thể hiện tình bạn với Vann và kính trọng sâu sắc việc làm của anh ở Việt Nam mà ông đặc biệt tán thành. Vann gặp ông lần cuối ngay tại phòng này trong một đợt phép ngắn. Nixon nói qua buổi họp ông nhận thấy họ chia sẻ với nhau sự đồng cảm về chiến tranh, Vann đã đưa lại cho ông những ý nghĩa mới trong cách nhìn chiến tranh và những mong muốn của nhân dân Nam Việt Nam.

Richard Nixon cố gắng dịu dàng với gia đình Vann những nỗi bực tức bề ngoài về trường hợp Jesse và kiểu cách tự nhiên của ông đã chống lại ông. Ông mỉm cười quá nhiều trong trường hợp kém vui như thế, ông chuyển ánh mắt luôn, không bao giờ đặc biệt vào một ai. John Alen giống bố, có thói quen hướng nhìn thẳng vào mắt người đối thoại. Tổng thống luôn tránh cái nhìn của anh và quay đi khi mắt họ giao nhau. Việc thiếu thành thật của ông càng trầm trọng thêm vì hóa chang che bộ râu rậm để phòng ống kính truyền hình. Gia đình Vann chưa bao giờ thấy đàn ông hóa trang trừ trên sân khấu, ngạc nhiên được tiếp ở Nhà Trắng với một tổng thống mặt đầy phấn. Họ có cảm giác dự một buổi diễn. Cái chết của Vann tạo lý do cho Richard Nixon có một hoạt kịch với quần chúng mà ông đóng vai chính khi trao huân chương cho một anh hùng dân tộc.

Tổng thống càng làm họ bực mình hơn khi trong bài phát biểu đã nhấn mạnh hai lần ý muốn truy tặng Huân chương Danh dự cho Vann nhưng bị luật pháp cản trở vì về mặt pháp lý Vann là một viên chức dân sự. Do vậy, Nixon giải

thích, ông buộc lòng phải quyết định truy tặng Vann Huân chương Nhà nước loại hai, Huân chương Tự do của phủ tổng thống. Không ai trong gia đình cho Vann không xứng đáng được tặng thưởng cao nhất. Peter tự nhủ đang lẽ tổng thống hoặc tìm mọi cách truy tặng cha anh Huan chương Danh dự hoặc biết điều im đi cho.

Những trợ lý tổng thống cho những phóng viên và máy quay truyền hình vào. John Allen nhận huân chương cho cha vì Mary Jane không còn là vợ hợp pháp của Vann. Anh đứng trước mặt tổng thống, bên phải chiếc bàn trước những lá cờ lớn và cờ nhỏ của những binh chủng khác nhau, cán dài cắm bên nhau trên có con chim ưng vàng. Scowcroft dán mắt nhìn vào Jesse.

Trước khi trao huân chương cho John Allen, tổng thống đọc :

“Chiến sĩ vì hòa bình và là người yêu nước của hai dân tộc, tên họ của John Paul Vann sẽ được tôn vinh lâu dài, đồng thời những người tự do sẽ nhớ đến cuộc đấu tranh nhằm bảo vệ nền độc lập cho miền Nam Việt Nam..Anh đã phục vụ với tư cách là chiến sĩ trong quân đội và trong các cơ quan dân sự trong 10 năm, để lại dấu ấn về con người, về nghề nghiệp và lòng quả cảm không ai bằng; với sự tận tụy cao cả và hy sinh lớn lao.

Là một người Mỹ vĩ đại, người chỉ huy số một , tổng thống tiếp tục đọc , anh có mặt bên cạnh La Fayette trong hàng ngũ những anh hùng đã vì quyền lợi một dân tộc dũng cảm khác”.

Mary Jane nhìn tất cả những cái đó từ bên ngoài. Nhưng chị không bằng lòng với vẻ giả dối của buổi lễ, càng không chấp nhận huân chương loại hai Nixon truy tặng Vann.

“Thật nhục nhã, John, chị âm thầm nói với anh như đã nói chị yêu anh khi đặt bông hồng trên chiếc quan tài. Đây là một đám tang loại hai. Cả lũ chó má ấy tiếp tục hạ nhục anh”.

I

DẤN THÂN VÀO CUỘC CHIẾN

Mười năm trước, gần trưa ngày 23 tháng Ba năm 1962, khi bước những bước dài qua cánh cửa tự động của văn phòng đại tá Daniel Boone Porter ở Sài Gòn, anh không có vẻ một người dễ bị đánh bại. Thấy viên trung tá trẻ bước vào với bộ quần áo ka-ki hồ bột và chiếc mũ cát-két xanh, Porter có cảm giác nếu đại tướng tổng tư lệnh giao cho anh này chỉ huy cuộc chiến tranh, John Vann sẽ trả lời :" Vâng, thưa đại tướng" và nắm lấy quyền chỉ huy. Nhìn vào khuôn mặt sẽ trở thành biểu tượng trong tương lai của Vann, không ai nghĩ số phận mỉa mai muốn anh suýt không bao giờ đến Việt Nam. Chuyến bay đáng lẽ anh phải đến Sài Gòn tháng Ba năm 1962 cùng 93 binh lính khác biến mất dưới Thái Bình Dương. Anh đã lỡ chuyến bay vì nóng lòng muốn ra trận quên cả gia hạn lại hộ chiếu. Trong lần kiểm tra cuối cùng một nhân viên bàn giấy nhận thấy giấy tờ quá hạn đã buộc anh ở lại. Ít lâu sau chiếc máy bay mất tích, Hội Chữ thập đỏ điện cho Mary Jane báo tin chồng chị đã biến mất trong Thái Bình Dương. Mary Jane trả lời họ mọi việc an toàn, anh đã điện thoại cho chị và sẽ đi một chuyến bay khác. Đại diện Hội Chữ thập đỏ gặng bảo chắc chắn chị nhầm, chồng chị không có mặt và danh sách hành khách bao giờ cũng đáng tin.

Thời kỳ ấy, tất cả xáo động và lẫn lộn. Tổng thống Kennedy vừa thành lập ở Sài Gòn, vào tháng Hai năm 1962, ban chỉ huy mới của bộ phận viện trợ quân đội Mỹ ở Việt Nam (MACV), đứng đầu là tướng Paul Harkins, tham mưu trưởng của George Patton, thiên tài quân sự trong Thế chiến thứ hai. Tổng thống chuẩn bị tăng gấp bốn lần số lượng binh lính Mỹ ở Việt Nam, đưa từ 3.200 người đầu năm lên 11.300 vào dịp Giáng sinh. Đại tá Porter phải miễn cưỡng mất nhiều thì giờ hỏi han những người mới đến và úy lạo họ. Văn phòng ông đặt trong một trại lính kỵ binh Pháp cũ ẩn sau những cây to của đại lộ ồn ào nối trung tâm Sài Gòn và khu người Hoa của Chợ Lớn. Trại lính là tổng hành dinh một trong những Quân đoàn của chính quyền Sài Gòn, chính thức mang tên Quân lực Cộng hòa Việt Nam (ARVN), được người Mỹ có thói quen biến tên viết tắt thành biệt hiệu gọi là "Arvin". Porter vừa là cố vấn của thiếu tướng Việt Nam chỉ huy Quân đoàn và các sĩ quan khác dưới sự đảm bảo liên lạc với các đơn vị khác nhau trong Ban tham mưu. Năm 1962 ở Việt Nam máy điều hòa nhiệt độ không phổ biến như máy chữ trong các phòng làm việc của quân đội Mỹ. Porter và những người phó làm việc như những người Pháp trước họ, trong những gian phòng

cao trần mở ra các nhà cầu bên ngoài dọc theo hai tầng nhà bằng gạch xây. Những nhà cầu nhìn ra một khu diễn tập cũ để cỏ choán và rác bụi, đi qua không nhìn thấy bên trong. Chúng dùng làm hành lang và đón luồng gió mát hiếm có, sau khi qua những cánh cửa tự động như trong phim cao bồi, bị trộn lẫn vào gió những quạt điện đồ sộ treo ở trần nhà.

Anh trung tá đứng trước Porter có tài lay chuyển tư tưởng người khác. Dù nắng nóng, anh cẩn thận giữ quần áo không mất ly và chào nhanh nhảu hơn phần lớn các sĩ quan khác trước khi được mời ngồi. Ngoài ra anh không có gì đáng chú ý. Porter nghĩ trước mặt mình là một trong những con gà trống gây gổ xông vào giữa đàn gà mái trong trang trại vùng Boston, nơi bố ông, có một cửa hàng ngũ cố và cỏ khô. Khi anh cất chiếc mũ cát két ngồi xuống, người ta càng thấy phong thái bình tĩnh. Chiếc mũi thẳng quá lớn so với khuôn mặt gầy; lỗ mũi mở rộng trên miệng rộng và ngang bằng. Những nét ấy càng lộ rõ do vầng trán cao, mái tóc hung cắt ngắn theo tập quán lính Mỹ những năm năm mươi, sáu mươi. Nhưng đôi mắt xám xanh làm người ta chú ý và bộc lộ tính tình của anh. Đấy là đôi mắt diều hâu nhỏ, sâu dưới hàng lông mày rậm. Thân hình mềm dẻo, toàn xương và bắp thịt, nhanh nhẹn lạ lùng, là một trong những vận động viên thể thao giỏi nhất ở trường và trong quân đội. Anh rất chú trọng về hình thể : không hút thuốc, ít uống rượu và giữ gìn sức khỏe bằng chơi bóng rổ, có khả năng nhảy lộn vòng mạo hiểm.

Vann trả lời rất tự tin những câu hỏi của Porter về kinh nghiệm quân sự. Khi tình nguyện sang Việt Nam anh đề nghị được sử dụng vào việc khó nhất, làm cố vấn một sư đoàn bộ binh Nam Việt Nam. Trong chín sư đoàn Việt Nam cộng hòa, ba thuộc Quân đoàn Porter làm cố vấn. Vann mới thăng trung tá được 10 tháng, việc bổ nhiệm theo ý của Porter vì nhiều sĩ quan khác có thâm niên nhiều hơn anh.

Anh tỏ ra tin tưởng khi bàn với Porter khả năng đảm nhiệm chức vụ. Lời đoan chắc của con gà trống này không phải để khoa trương với viên đại tá 52 tuổi, mái tóc bạc, thân hình đồ sộ với thái độ thận trọng tiềm ẩn những hiểu biết nghiệp vụ và tính tình cứng rắn. Ngay từ bước đầu sự nghiệp, 30 năm về trước, thiếu úy trong đội bảo vệ quốc gia Texas, ông đã học tính gan lỳ cần thiết miễn là viên sĩ quan biết mình phải làm gì. Ông đang tìm một người gan dạ không theo công giáo để thay trung tá Frank Clay, con trái tướng Lucius Clay hiện là cố vấn Sư đoàn 7 bộ binh, sư đoàn quan trọng nhất vùng bắc đồng bằng sông Cửu Long. Mùa hè này Clay phải thuyên chuyển.

Porter đã nghiên cứu rất kỹ lý lịch của Vann, nhận thấy anh đã chỉ huy một trung đội thâm nhập vào sau lưng địch ở Triều Tiên và cũng chứng tỏ có tài tổ chức ở vị trí tham mưu. Anh là một chuyên gia về hậu cần, hiện tượng khan

hiếm, đối với sĩ quan bộ binh, nổi tiếng chỉ huy quân chiến đấu, lại có bằng đại học quản trị. Porter chính đang tìm một sĩ quan vừa là người tổ chức và chiến đầu vì hai đặc tình này cần thiết để phối hợp nỗ lực chiến tranh ở bắc đồng bằng sông Cửu Long. Càng trao đổi quan điểm Porter càng tin chắc Vann thực hiện được nhiệm vụ ấy do táo bạo và có một thái độ xây dựng. Tuy Porter mới ở Việt Nam ba tháng, ông đã lùng sục khắp vùng và tham dự nhiều cuộc hành quân chống du kích cộng sản. Kinh nghiệm cho ông thấy để đánh thắng phải có những người Mỹ chỉ cho các chỉ huy quân đội Sài Gòn phải tiến hành cuộc chiến ra sao và cũng đẩy được họ ra trận.

Porter thông báo với Vann ông xem anh như người kế nhiệm tạm thời Clay và chỉ quyết định vào phút chót. Trong lúc chờ đợi, Vann được thử thách một thời gian về những nhiệm vụ khác nhau.

Ngay sau bữa ăn trưa, Vann được chỉ định vào công việc đầu tiên. Porter giải thích có một tay trước ông, với thói quen suy nghĩ của một cán bộ bàn giấy ở Lầu Năm Góc và hình như đã trở về đó, bố trí một mạng lưới tin học làm công tác hậu cần cho các sư đoàn Nam Việt Nam và các lực lượng tại chỗ. Trung tá Việt Nam phụ trách hậu cần của Quân đoàn và các sĩ quan của ông không hề biết cách đưa yêu cầu cung cấp vào máy tính. Trung tá Mỹ cố vấn cho họ về hậu cần cũng không. Thay vì nhận được những bộ phận rời hoặc trang bị đang cần, họ bị ngập bởi một đống giấy tờ không hiểu nổi mà Porter đưa cho Vann. Anh thử có thể rút ra được điều gì không ? Ông dẫn Vann vào văn phòng hậu cần, giới thiệu anh với những sĩ quan Mỹ làm việc ở đấy và bố trí chỗ cho anh.

Cuối buổi chiều Vann trở lại gặp Porter với một cuốn sổ nhiều trang tự anh đánh máy. Anh ghi lại câu chữ lí nhí của máy điện toán khó hiểu, mô tả đơn giản nguyên tắc của hệ thống và trình bày một phương pháp thực hành cho phép các sĩ quan hậu cần Việt Nam và các cố vấn Mỹ dốt đặc tin học, có thể dùng phương pháp ấy để nhận được những bộ phận rời và vật liệu yêu cầu. Porter hoàn toàn kinh ngạc. Ông chỉ biết sơ qua về điện toán nhưng chắc chắn công việc Vann làm nếu giao cho một sĩ quan khác dù là chuyên gia hậu cần cũng mất ít nhất hai ngày. Thế mà con người này chỉ trở lại sau vài giờ với một giải pháp tốt hơn ông mong đợi ! Và trong buổi chiều hôm ấy tuy chưa nói với anh, Porter quyết định con gà trống hung này sẽ được bổ nhiệm vào Sư đoàn 7.

Hai tháng tiếp đó, Porter cố sử dụng những tài năng khác của Vann để chuẩn bị cho anh nhận nhiệm vụ. Trong ba Quân đoàn Việt Nam, Quân đoàn thứ ba thuộc quyền Porter quan trọng nhất và xảy ra nhiều trận đánh nhất. Vùng hoạt động của ông trải rộng từ đầu bán đảo Cà Mau, cực nam lên đến những tỉnh bao quanh Sài Gòn về phía bắc. Để Vann làm quen với cuộc chiến tranh, Porter cử anh cùng sư đoàn đồn trú làm nhiệm vụ tấn công bằng máy bay lên thẳng những

đồn điền cao su phía bắc Sài Gòn trong những rừng gỗ tếch, gỗ gụ dưới chân cao nguyên. Ông cũng giao cho anh tuần tra ở phía nam trong những đồng lúa đồng bằng sông Cửu Long. Vann hành quân với hai sư đoàn ở đó, đến những tỉnh trong vùng và những trung tâm nông thôn mà các quận trưởng sống cùng gia đình, bố trí trụ sở trong những ấp chiến lược có lôt cốt và dây thép gai phòng vệ. Để Vann quen thuộc với thiếu thốn của ban tham mưu Nam Việt Nam, Porter cử anh đến thực tập ở các trung đội hành quân và thông tin của sư đoàn.

Sáng 21 tháng Năm năm 1962, Vann bắt tay Porter rồi lên một chiếc xe Jeep. Anh ra khỏi trại kỵ binh cũ của lính Pháp với lòng hăng say thường ngay lao vào hệ thống giao thông đủ loại phương tiện của Sài Gòn. Đến Phú Lâm anh ra khỏi vùng ven tây nam thành phố. Một toán quân đang dựng những ăng ten đồ sộ trên đồng lúa cũ đã bị xe ủi đất Mỹ san bằng. Trạm radio tần số cao Phú Lâm nối liên lạc với tổng hành dinh của tướng Harkins ở Sài Gòn trong hệ thống liên lạc mở rộng với mạng lưới điện thoại, điện tín của Lầu Năm Góc. Những ăng-ten mới, tiếng nói cuối cùng của kỹ thuật công nghiệp truyền đi những tín hiệu điện tử ra ngoài tầng đối lưu, mở rộng bán kính hoạt động của quyền lực tổng tư lệnh ra toàn vùng Đông Nam Á, ra miền Bắc đỉnh núi Trường Sơn, những ruộng nước trung tâm đồng bằng, hải cảng, các sân bay Nam Việt Nam và vượt núi rừng đến tận căn cứ không quân Urbon ở Thái Lan, đồng minh thứ hai mà nước Mỹ cam kết bảo vệ ở phần thế giới này.

Vann tăng tốc độ chiếc Jeep về hướng nam đi trên con đường trải nhựa hai làn về phía đồng bằng sông Cửu Long. Gió thổi mạnh vào mặt càng làm anh phấn khích. Anh đi nhận nhiệm vụ ở tổng hành dinh Sư đoàn 7 bộ binh tại Mỹ Tho cách đấy 56 cây số. Porter bổ nhiệm anh vào vị trí tốt nhất trong vùng, giao cho anh chỉ huy lực lượng Mỹ giữa trung tâm cuộc chiến.

Vùng sư đoàn 7 chiếm phần lớn nửa bắc đồng bằng, quyết định số phận cuộc tranh chấp : 9.600 cây số vuông trải rộng trên năm tỉnh từ Đồng Tháp Mười đến biên giới Campuchia ở phía tây và bờ biển ở phía đông. Hai triệu dân sống ở đấy, một phần bảy tổng dân số 14 triệu người Việt Nam năm 1962, sản xuất hơn một phần bảy lương thực thực phẩm trong nước. Chính quyền Sài Gòn đã bỏ phần lớn phía nam đồng bằng cho cộng sản. Ngược lại ở phía bắc 38.000 quân lính Sài Gòn đối mặt gần 15.000 chiến sĩ Việt cộng, luôn luôn là địa bàn tranh chấp giữa hai đối thủ. Chính phủ mà người Mỹ bảo trợ ở miền Nam Việt Nam không thể tồn tại nếu mất đi vùng giàu nhân lực và tài nguyên như thế ngay đầu thủ đô.

Thách thức và trách nhiệm phải gánh chịu không làm Vann sợ hãi; anh tiếp nhận với niềm vui lẫn với kiêu hãnh. Với tâm tính những người Mỹ năm 1962, anh cho là không có gì khó hiểu hoặc không thực hiện được, điều gì không biết

anh sẽ khám phá ra. Anh không có kinh nghiệm về chiến tranh du kích ngoài những cuộc hành quân lật đổ tiến hành cùng trung đội ở Triều Tiên nhưng 37 tuổi, anh đã trải qua 19 năm chuẩn bị chiến đấu. Chống du kích chỉ là một dạng khác của chiến tranh và anh sẽ học tập để có thắng lợi. Năm trước theo chỉ thị của tổng thống Kennedy , quân đội bắt đầu phổ biến cho sĩ quan những phương pháp đấu tranh có hiệu quả với chiến tranh du kích. Theo nhận xét thực địa, Porter đã phát triển một số ý kiến cụ thể về vận dụng học thuyết trừu tượng ấy trong hoàn cảnh Việt Nam. Vann cũng đã có thể xác nhận đúng qua những quan sát của mình từ hai tháng nay.

Vann không biết gì về người Việt Nam, về văn hóa lịch sử của họ. Nhưng anh không cho sự thiếu hụt ấy là một trở ngại trong hoạt động chống du kích. Kinh nghiệm hạ sĩ quan của anh ở Triều Tiên, Nhật Bản khẳng định những người châu Á không phải là những người không xâm nhập được. Vì vậy Lansdale là một trong những người hùng của anh. Lansdale biết thực hiện ở châu Á như thế nào. Ông ta cảm thấy người châu Á là những người mà người ta có thể hiểu rõ khát vọng để khai thác có lợi cho mình. Vann tin chắc anh có thể biết điều gì kích thích những sĩ quan Việt Nam, sẽ hợp tác và động viên họ hoạt động cho chính lợi ích của họ và của Hoa Kỳ. Việc người Pháp bị đánh bại ở Đông Dương đối với anh không liên quan đến vấn đề này. Người Mỹ không phải thực dân như người Pháp trước đây. Quân đội của họ không nhục nhã bị người Đức chiến thắng trong Thế chiến thứ Hai. Vann đã thấy quân đội Mỹ thua trận ở Triều Tiên nhưng không bao giờ thua một cuộc chiến tranh. Trong lịch sử người ta không thấy người Mỹ có sai lầm như những dân tộc khác. Người Mỹ khác những người khác. Lịch sử không theo cách thông thường đối với họ.

Vann không hề ngần ngại giết những người cộng sản hoặc những ai chiến đấu vì họ, cũng không băn khoăn gì khi thấy những người Việt Nam đánh nhau bên cạnh những người Hoa Kỳ đã chết, để thực hiện những mục tiêu của Mỹ ở Việt Nam. Anh đã được tập giết những người Đức, Nhật Bản trong Thế chiến thứ Hai, thậm chí đình chiến đến trước khi anh làm việc đó. Trong chiến tranh Triều Tiên anh đã giết những người Triều Tiên cộng sản và đưa những người chiến đấu bên cạnh anh vào chỗ chết không chút ân hận. Anh cho rằng anh và những người đồng hương có quyền, với điều kiên có tính toán, không ngoan tác động về cái sống và cái chết của những người khác khi cần đánh nhau. Định đề ấy được chống đỡ bằng niềm tự hào là một trong những sĩ quan giỏi nhất của quân đội Hoa Kỳ, quân đội mạnh nhất thế giới nhưng anh cũng ý thức rằng anh và quân đội ấy là một thực thể lớn nhất mở rộng của tính kiêu ngạo : anh là một trong những người bảo vệ nước Mỹ.

Khi Vann sang Việt Nam năm 1962, nước Mỹ đã có được uy lực lớn nhất

trong lịch sử. Hoa Kỳ bố trí 850.000 quân lính và cong chức dân sự ra ngoài biên giới trong 106 nước. Từ tổng hành dinh Thái Bình Dương trong núi rừng trên Trân Châu Cảng đến hạm đội Subic Bay ở Philippines và những lô cốt bê tông đến đường ranh giới Triều Tiên, 410.000 người được rải ra trong bộ binh, hải quân và lực lượng không quân ở Thái Bình Dương. Ở Châu Âu và Trung Đông từ những cơ sở tên lửa hạt nhân dấu kín ở đồng bằng yên tĩnh nước Anh đến những bãi thao diễn chiến xa ở biên giới Tiệp Khắc, những tàu sân bay của Hạm đội 6 trên Địa Trung Hải, những trạm sóng điện tử dọc biên giới Xô viết ở Thổ Nhĩ Kỳ và Iran, 410.000 bộ binh, thủy quân, không quân khác túc trực. Nếu thêm vào đó những nhà ngoại giao, nhân viên CIA và các đại diện chính thức của cơ quan dân sự khác nhau cùng vợ con họ, khoảng 1.400.000 người Mỹ phục vụ đất nước họ ở nước ngoài trong những năm 1962. John Vann tự cho mình là một trong những chỉ huy của đoàn quân viễn chinh gồm cố vấn, phi công lái máy bay lên thẳng và máy bay ném bom, như một thành viên của những lực lượng đặc biệt mà tổng thống Kennedy vào tháng Mười một năm 1961 đưa sang miền Nam Việt Nam, tiền đồn bị đe dọa của đất nước ông ở Đông Nam Á. Trong lúc gió quất mạnh vào mặt trên con đường Mỹ Tho, anh quyết tâm hơn bao giờ hết không để những người cộng sản thắng trận ở phía bắc đồng bằng sông Cửu Long.

Vào cuối tháng Năm năm 1962 này đồng bằng sông Cửu Long có khung cảnh của một thiên đường sung túc. Ngọn gío mùa khăc nghiệ đấu tháng thúc đẩy nhanh hạt lúa nảy mầm, những ngọn mạ xanh sẵn sàng vào giai đoạn hai trong cuộc sống người nông dân Việt Nam : đợt cấy lúa trong ruộng nước trải dài mênh mông hai bên đường.

Chiếc xe của Vann thường bị lính giữ lại đầu một cây cầu để nhường đường cho đoàn xe đi ngược chiều. Những cây cầu một chiều do người Pháp xây dựng dựa trên những cột chống bằng sắt hình cánh cung choán hết bề ngang. Các lô cốt bê tông sừng sững gần cầu mâu thuẫn với hình ảnh tình tứ ấy. Vann quan sát loại đồn lũy kiên cố chằng chịt dây thép gai bao quanh và những người lính tuần tra trên cầu. Năm phút trước đó vượt qua một con kênh anh đã nghĩ những cây dừa lớn ven bờ có thể đột ngột phun ra một ngọn lửa từ họng một khẩu súng tự động nhằm vào chiếc Jeep. Anh nhận ra trời mưa thúc đẩy những cây mía phát triển nhanh, khá cao và rậm đủ cho một tiểu đoàn bộ binh ẩn nấp. Anh tự hỏi không biết trên đường bên kia sông có chăng một Việt cộng đang chờ một chiếc xe như xe anh. Những chiếc xe Jeep là đích bắn ưu tiên vì thường là xe của sĩ quan. Nếu có Việt cộng chờ anh hắn anh ta phải ngồi sau một ngôi mộ trong những nghĩa trang nhỏ giữa ruộng đồng. Đấy sẽ là một người rất kiên trì, không để phí dịp may, luôn ở tình trạng báo động, ngón tay trên ngòi nổ nối dây vào

quả bom chôn ở đường đêm trước cẩn thận phủ lớp nhựa đường che chăn. Anh ta chờ đợi để làm nổ tung chiếc Jeep và những người trên xe.

Vậy là đã 17 năm đất nước này biết đến chiến tranh. Những đứa trẻ lớn nhất trong số bán dừa và dứa ở các điểm kiểm soát chắc cũng nhớ được những năm cuối của cuộc tranh chấp đầu tiên. Nó bắt đầy từ năm 1945 khi người Pháp cố áp đặt nền đô hộ trở lại Việt Nam, Campuchia và Lào. Cuộc chiến tranh thứ nhất này kết thúc bằng sự nhục nhã của Pháp ở khu vực lòng chảo Điện Biên Phủ năm 1954. Ba năm hòa bình ngắt quãng tiếp theo. Chiến tranh lại nổ ra năm 1957 giữa những người Việt cộng và chế độ Sài Gòn của Ngô Đình DIệm, một quan lại Lansdale đưa lên nắm quyền. Năm 1961 sức chống đối mạnh đến nỗi tổng thống Kennedy buộc phải đưa quân đội Hoa Kỳ sang giữ chính quyền Diệm khỏi bị lật đổ. Những người Mỹ và chính quyền Sài Gòn gọi đối thủ của họ là Việt cộng, tên gọi tắt những người cộng sản Việt Nam, các cố vấn đơn giản hóa đi thành V.C, tiếng lóng trong thông tin điện đài là “Victor Charly”. Nhưng bản thân họ xác định là Quân đội giải phóng và gọi cuộc chiến tranh thứ hai này là cuộc Chiến tranh giải phóng. Họ cho rằng hai cuộc tranh chấp là hai giai đoạn của công cuộc giải phóng Việt Nam : giai đoạn thứ hai chỉ là tiếp nối giai đoạn đầu để đạt được những mục đích cơ bản của cuộc chiến tranh chống Pháp.

Trong ngày 21 tháng Năm năm 1962 này không có một Việt cộng, một quả mìn nào trên đường Mỹ Tho. Vann không gặp sự cố gì trên đường đến tổng hành dinh của phái đoàn cố vấn quân sự Sư đoàn 7 bộ binh trên con đường chính về phía bắc cách thành phố 500 mét. Người lính Việt Nam đứng gác mở cổng sắt để chiếc Jeep vào. Những ngôi nhà trước đây là một trường dòng rồi nhà trẻ mồ côi trước khi chuyển sang làm một vị trí phỉ báng của chiến tranh. Các cố vấn Mỹ vẫn gọi là “chủng viện” ghi nhớ xuất xứ đầu tiên và hai chữ thập trắng trang trí ngôi nhà nguyện đầu sân nhắc nhở khách ra vào về nguồn gốc tôn giáo của cơ sở. Thế lực quân sự Mỹ trở thành những người có cổ phần chính về bất động sản ở Việt Nam, thuê cơ sở này ở một giáo khu Thiên chúa giáo di cư từ Bắc Việt Nam đang thiếu nguồn tài chính. Khi Frank Clay mà Vann kế nhiệm đến Mỹ Tho năm trước, bộ phận biệt phái Mỹ chỉ có một trung sĩ và bảy sĩ quan mà ba sinh hoạt với các trung đoàn ở những nhà khác. Lúc đó một ngôi nhà rộng ở Mỹ Tho cũng hoàn toàn đủ. Nhưng khi Clay được biết quân số sẽ tăng lên hai mươi vào mùa xuân 1962 và tiếp tục tăng mạnh (cuối năm 1962 vượt quá 200 sĩ quan và binh lính), anh đã thuê và tân trang chủng viện phù hợp hơn với nhiệm vụ.

Ngôi nhà một tầng kiến trúc theo kiểu Pháp dễ trông nhưng đơn điệu, xây bằng gách trát vữa xi măng, lợp ngói đỏ. Nhà hình chữ L mà chiều dài nhất dọc theo một con kênh. Tầng trệt được bố trí làm văn phòng. Phần còn lại cải tạo thành phòng ngủ các sĩ quan, nhà tắm, nhà vệ sinh, sàn nhảy, câu lạc bộ và một

phòng ăn chúng khá rộng để chiếu phim hai ngày một lần. Những cuốn phim, thịt nướng trên than củi ngày chủ nhật và rượu hạ giá mỗi buổi tối là những đặc ân của cuộc sống lính Mỹ ở nước ngoài. Vann và một số sĩ quan cao cấp có lợi hơn là được bố trí ở những phòng nhỏ trên tầng phía trên văn phòng. Ngoài ra là những chỗ ngủ của lính. Sân dùng làm chỗ đậu xe Jeep, xe tải nhưng đồng thời là sân bóng chuyền mà ngay lúc đến Vann cho dăng một tấm lưới trên nền sân bóng rổ của học sinh chủng viện.

Mấy đêm sau khi các cố vấn được bố trí ăn ở, vào đầu tháng Năm, những người Việt công đến thăm làm họ hiểu mình không ngoài tầm tấn công. Một toán nhỏ luồn giữa bãi chuối phía bên kia đường bắn vào phòng ăn lúc đang chiếu phim. Các trung sĩ, một số có tuổi qua Chiến tranh thế giới thứ Hai hoặc chiến tranh Triều Tiên, cười thoải mái khi nhìn thấy các đại úy chưa bao giờ gặp súng đạn, mặc quần đùi áo lót, đội mũ, chạy tất tưởi vung súng ngắn cỡ 45, loại khó bắn trúng một người giữa ban ngày. Những người Việt thường kỳ lặp lại việc tập dượt này, dấu mình trong rặng dừa bên kia dòng kênh sau ngôi nhà. Một số chơi bắn một loạt đạn vào máy lọc nước rồi biến mất trong đêm, không gây được những thiệt hại nghiêm trọng ngoài vài vết sụt lở ở tường. Sáng hôm sau các cố vấn phát hiện thấy một lá cờ Việt cộng, sao vàng trên hai băng xanh và đỏ, phất phới trên ngọn cây.

Một đơn vị Việt cộng nhất định sẽ chiếm được chủng viện trong mấy phút. Vài chục lính quốc gia trong đội phòng vệ dân sự chịu trách nhiệm về chỗ trú quân, tỏ ra thân mật nhưng quá tự do trong việc bảo vệ các cố vấn nước ngoài. Những người Mỹ cũng không đủ sức tự bảo vệ vì họ không đủ quân số bố trí phục vụ các cố vấn Sư đoàn 7 ban ngày và chống chọi với những đợt tấn công ban đêm trong lúc những người khác vội vàng mang vũ khí chạy ra vị trí chiến đấu. Hơn thế, phần nửa quân số không thường trực ở chủng viện : họ phân tán khắp vùng về các tiểu đoàn, trung đoàn trong các thành phố chính bên cạnh các tỉnh trưởng hay làm việc ở các trung tâm thao diễn các lực lượng bộ binh. Vann hết sức đề phòng cố không chồng chéo với nhiệm vụ cố vấn nhưng ở đây anh chấp nhận nguy cơ bị tấn công để có thể làm tròn nhiệm vụ của bộ phận biệt phái. Vả lại thái độ của Việt cộng chứng tỏ họ không có ý định tiêu diệt các cố vấn trên giường ngủ. Đầu những năm sáu mươi, người Mỹ còn là những người được ưu đãi ở miền Nam Việt Nam. Thời kỳ này những người cộng sản hạn chế những cuộc tấn công đối với họ vì không muốn gây ra sự can thiệp ồ ạt của Mỹ. Họ hy vọng sự nhẫn nại bao dung cuối cùng lôi kéo được cảm tình của dân chúng Mỹ.

Tổng hành dinh Sư đoàn 7 Quân lực cộng hòa bố trí trong một trại lính cũ của Pháp, ở trung tâm Mỹ Tho. Thành phố với 40.000 dân năm 1962, quan trọng

nhất miền Bắc vùng đồng bằng, là tỉnh lỵ, một thành phố lớn đối với người Mỹ. Như phần lớn các thành phố lớn vùng đồng bằng, tỉnh lỵ ở gần sông, thuận tiện cho thuyền bè qua lại. Dưới thời Pháp chiếm đóng, Mỹ Tho trở thành một pháo đài và trung tâm hành chính đồng thời là một nút xuất cảng gạo. Khi Vann đến, thành phố ít thay đổi, vẫn thể hiện là một vùng hoạt động sôi nổi nhiều công ăn việc làm cho nông dân quanh vùng. Phần lớn lúa gạo sản xuất ra ở vùng đồng bằng này cung cấp cho miền Nam Việt Nam. Các kho tàng không ngớt tích trữ rồi chuyển gạo đi Sài Gòn và những tỉnh khác.

Thành phố là nơi giải trí buổi tối hoặc chiều chủ nhật đối với những người Mỹ. Các cố vấn thường đi ăn trong các nhà hàng Trung Hoa hoặc ngồi uống bia, nước giải khát quanh những bàn quán ngoài trời. Họ thưởng thức ở đây làn gió nhẹ mát mẻ của vùng đồng bằng lúc hoàng hôn, ngắm nhìn những cô gái trên đường và xem tàu bè chất hàng ở bến sông. Những người Trung Hoa táo bạo bán mọi thứ trong quán hàng từ những mảnh vải để nông dân may áo quần bà ba cho đến những chất kích dục. Chợ trung tâm đượm mùi các loại hương liệu. Bên cạnh những quầy cá và quả cây, có những người châm cứu dùng kim làm dịu đau, những phù thủy buôn bán cỏ cây làm thuốc và chữa theo phép thần thánh cho những người cả tin khờ dại. Thương nhân Trung Hoa và Việt Nam sống trong nhà xây chắc chắn. Người nghèo đành ở nhà gỗ tồi tàn. Một trong những ngôi nhà có ấn tượng nhất là biệt thự người Pháp xây dựng cho công sứ. Nằm trên đại lộ chính, biệt thự có những khu vườn đẹp bao quanh tuy không được chăm nom cẩn thận, có một sân tennis mà người Mỹ có quyền sử dụng. Ngôi nhà dành cho một thiếu tá quân đội Nam Việt Nam mà tổng thống Diệm bổ nhiệm làm tỉnh trưởng. Người đồng chức với Vann, đại tá Huỳnh Văn Cao, chỉ huy Sư đoàn 7, do không được đặc quyền, đành ở một ngôi nhà khiêm tốn hơn, được canh gác chặt chẽ trên một con đường ở khu bên cạnh. Ông sống ở đấy một mình, để bà vợ và bảy đứa con ở Sài Gòn.

Vann đánh giá phải cấp thiết chuyển hướng cuộc chiến ở phía bắc vùng đồng bằng. Tháng Ba năm 1962 Việt cộng có sáng kiến về chiến lược và chiến thuật : chính họ quyết định nhịp độ chiến tranh vào lúc nào và đánh như thế nào. Quân lính Sài Gòn ở thế phòng ngự và đành hành động theo diễn biến của chiến tranh du kích thay vì chủ động đối với kẻ thù. Riêng con đường lớn từ nam Sài Gòn đến Mỹ Tho, chia làm hai ngả tây và nam đi sâu vào vùng đồng bằng, ban ngày có thể đi một chiếc Jeep nhưng ban đêm đi hai chiếc thì khôn ngoan hơn. Trong năm tỉnh những người việt cộng đã vô hiệu hóa đường loại hai bằng đào hầm hố giữa đường và phá hỏng cầu. Chưa đến lúc nông dân quanh vùng phá sập hoàn toàn như họ đã làm ở phía nam đồng bằng và sẽ làm nếu chiến tranh không ngừng đúng lúc. Để di chuyển trên những con đường còn dùng được, sĩ quan

quân đội Sài Gòn cho rằng phải có ít nhất một trung đội tháp tùng để đảm bảo xe cộ không rơi vào trận địa phục kích. Dù toàn thể dân chúng phía bắc đồng bằng không đi theo Việt cộng, đại bộ phận hoặc tán thành mục đích kháng chiến hoặc ngấm ngầm giúp đỡ trong im lặng làm hao mòn những cố gắng của chính quyền Sài Gòn. Chính phủ miền Nam Việt Nam, không dựa được vào sự hợp tác của các tầng lớp nông dân trong lúc họ lại cần thiết cho cuộc nổi dậy của phong trào cộng sản thắng lợi. Năm 1962 ở miền Nam Việt Nam, 85 % dân số sống ở nông thôn. Được đào tạo về thống kê, Vann thấy rõ những tiềm lực may mắn của một xã hội như vậy tạo đà cho sự phát triển sức mạnh chiến tranh du kích cộng sản. Hai triệu dân trong vùng Sư đoàn 7, thực tế hoặc có khả năng nằm trong tay Việt cộng. Trừ số 15% sống ở Mỹ Tho hoặc các thành phố khác. Vấn đề không đặt ra là trong hai đối thủ bên nào có lực lượng quân sự mạnh. Vann đánh giá hai đại đội gồm 180 người của đội quân thường trực Nam Việt Nam với trang bị vũ khí Mỹ, được máy bay ném bom hỗ trợ, có thể di chuyển đến bất cứ đâu trong vùng. Tuy vậy, theo lối ẩn dụ anh nói trước các sĩ quan trong mùa hè, việc hành quân của binh lính Sài Gòn qua các nơi có hiệu quả như một chiếc tàu biển : khi các đội quân của Quân lực Cộng hòa đến chỗ nào đấy họ làm cho Việt cộng chạy như làn tàu rạch nước trên biển. Nhưng khi họ đi qua, những người V.C quay trở lại ngay.

Trước khi rời Sài Gòn, Vann đề ra với Porter những mục tiêu làm nền cho một chiến lược mới nhằm lật nhào xu hướng thất bại và đưa lại thắng lợi cho cuộc chiến tranh. Là những người lính họ phải tấn công để dồn ép và tiêu diệt lực lượng chiến đấu của du kích. Chiến thuật thường dùng của Quân lực Cộng hòa được gọi đúng nghĩa là “càn quét” và thúc tiến lên phía trước nhiều tiểu đoàn phân tán. Nhưng Porter nhận thấy cách hành quân ấy, có hiệu quả trong triển khai một sư đoàn bọc thép trên lãnh thổ Đức, không phù hợp để chống lại những nông dân riêng lẻ trên đồng ruộng. Ông mong muốn Vann sử dụng lối cơ động của máy bay lên thẳng để nhanh chóng di chuyển, đưa các đơn vị tấn công đến vị trí, gây hoang mang cho Việt cộng buộc họ phải bắn lẫn nhau và tan rã. Để đưa ra cách hành quân ít bài bản này, Vann phải thuyết phục đại tá Cao chấp nhận một công thức, không làm ông ta mất mát nhưng thực tế đưa lại cho người Mỹ toàn quyền đối với đơn vị của ông. Với lối nói “cùng xây dựng kế hoạch”, Vann và Cao xem như cùng chuẩn bị chung những cuộc hành quân nhưng trên thực tế Cao chỉ thực hiện những gì Vann và các phó của anh quyết định.

Về nguyên tắc Vann thực hiện chức năng phó trong một tháng để làm quen với nhiệm vụ trước khi Clay ra đi, dự kiến vào tháng Sáu. Nhưng anh không phải chờ lâu để thay thế. Clay hành quân ở Đồng Tháp Mười nhày 23 tháng Năm, hai ngày sau khi Vann đến. Từ máy bay lên thẳng anh cố đuổi theo bắn khoảng hai

chục Việt cộng về hướng bộ binh Quân lực Cộng hòa. Nhưng những người đảng viên cộng sản bắn vào máy bay Clay đang ngồi cùng một trung tá ban tham mưu. Phi công lái trúng đạn vào chân còn những người trên máy bay bị thương vì mảnh vỡ do làn đạn xuyên qua. Clay được đưa về Sài Gòn chữa trị rồi đi phép tám ngày ở Hong Kong. Vậy là Vann nắm quyền chỉ huy và tiếp tục trong tháng Sáu trong lúc Clay đi kiểm tra vùng cao nguyên và đồng bằng miền biển phía bắc Sài Gòn. Anh được chỉ định là chuyên gia về chiến tranh du kích ở trường Chiến tranh Quốc gia của Washington và muốn nắm được những điều kiện chiến đấu trong vùng này.

Việc Vann nắm quyền chính thức chỉ huy vào cuối tháng Sáu tiến hành ở sân chủng viện không lễ tiết, không chào cờ hoặc diễu binh như tục lệ chuyển giao quyền trong quân đội Mỹ. Clay đã không cho phép làm lễ vì rất dễ xúc động, anh sẽ bối rối rơi nước mắt trước người của mình. Dù sao anh cũng không được lựa chọn vì năm 1962, các cố vấn không có quyền treo cờ sao ở nơi trú quân. Họ cũng không được nhận một loại huân, huy chương nào. Clay và những người sống sót trong máy bay lên thẳng không được nhận huy hiệu mặc nhiên thưởng cho những quân nhân bị thương trong chiến tranh và gia đình họ cũng không được nhận truy tặng. Tổng thống Kennedy hy vọng ít để lộ sự có mặt của Mỹ ở Việt Nam sẽ hạn chế những hậu quả chính trị trong nước bởi ý thức Hoa Kỳ đang trong tình trạng chiến tranh.

Cuối tháng Năm, Clay đã đưa bộ phận cố vấn biệt phái lên mức độ hành quân. Vann nỗ lực thể hiện những bước đầu hứa hẹn ấy. Trận đánh Clay bị thương ngày 23 tháng Năm tạo co Vann một bước đấu thuận lợi “cùng nhay xây dựng kế hoạch” với Cao. Kết quả dựa vào tính ngoan cường và vận may của Clay cũng như tài năng chiến thuật của đại úy Richard Ziegler, 30 tuổi, cựu trung phong đội bóng đá của trường quân sự West Point năm 1954. Clay rất giận vì thấy Cao, bao giờ cũng lịch sự từ chối không để người Mỹ đóng một vai trò trong kế hoạch hành quân; càng cáu kỉnh hơn về những thất bại liên tiếp của Cao. Giữa tháng Năm anh từ chối cung cấp máy bay lên thẳng cho ông ta nếu không chấp nhận hợp tác với người Mỹ. Porter cũng theo đuổi mục đích ấy, tán thành với Clay và được tướng Harkins đồng ý. Cao nhường bước và chấp nhận làm thử. Bây giờ Clay cần một sĩ quan có khả năng lên kế hoạch chi tiết tấn công. Sĩ quan duy nhất có một số kinh nghiệm trong lĩnh vực này là Ziegler đến chủng viện từ đầu tháng Tư. Kinh nghiệm của anh hạn chế trong ba tháng làm phó chỉ huy hành quân một tiểu đoàn bộ binh ở Nhật. Để xây dựng kế hoạch hành quân anh nhận những bản đồ của ban tham mưu Pháp từ 1954 và một bản báo cáo của phòng thông tin từ nhiều tuần, chắc chắn đã lỗi thời. Báo cáo này thông báo một tiểu đoàn Việt cộng diễn tập đâu đấy trong một vùng 10 cây số vuông ở Đồng Tháp

Mười.

Ziegler có năng khiếu kết hợp kế hoạch hành quân chung với một vấn đề quân sự riêng. Nhất là anh biết thể hiện những ý kiến của mình, vẽ chi tiết hành quân lên bản đồ với những mũi tên lớn chỉ giờ, vị trí các đơn vị, hướng và mục tiêu tiến đánh. Với tài liệu ấy, các chỉ huy trên thực địa biết chính xác phải hành quân như thế nào.

Trong trường hợp cụ thể này, Ziegler thiếu thông tin để có câu trả lời hợp lý. Để có nhiều cơ may tìm được Việt cộng trong mười cây số vuông ấy, phải cho quân tiến hành một loạt thăm dò ở nhiều hướng. Khi một đơn vị thám báo gặp Việt cộng, máy bay lên thẳng đưa ngay những đội dự bị đến hiện trường còn những đơn vị bộ binh sẽ tiến lên đẩy kẻ thù đến nơi gọi là “vùng tiêu diệt”.

Báo cáo của văn phòng 2 đã quá hạn. Trong báo cáo tiểu đoàn Việt cộng rời vùng này, sẽ trở lại vào hai giờ sáng ngày 23. Nhưng một tiểu đoàn khác không nêu trong báo cáo chậm lại trong vùng. Vậy là một đơn vị thám báo của Ziegler rơi vào trận địa có số lượng đáng kể Việt cộng bị lộ và máy bay tiêm kích ném bom đến tàn sát ngay . 95 Việt cộng bị chết, 24 bị bắt làm tù binh trong đó có chính trị viên tiểu đoàn, tiểu đoàn trưởng bị chết. Ba mươi ba vũ khí, quan trọng nhất trong du kích chiến, bị tịch thu trong đó có một súng đại liên Mỹ, một súng cối và nhiều tiểu liên. Đơn vị du kích kia trở lại lúc hai giờ sáng cũng bị tổn thất nặng nề.

Cao vô cùng sung sướng về chiến thắng thực sự đầu tiên của sư đoàn. Vai trò nửa bí mật của các cố vấn cho phép ông ta công khai nhận thắng lợi một mình.

Vann cũng rất xúc động. Anh nghiên cứu những sĩ quan phó của Clay để quyết định bố trí, gọi riêng Ziegler vào tổng hành dinh tạm thời bố trí bên cạnh một đường bay. Anh bảo :” Anh sẽ là người xây dựng kế hoạch hành quân của tôi”. Anh giải thích nhân thắng lợi này và dựa vào tính tự hào của Cao để thể chế hóa sự việc “cùng xây dựng kế hoạch” và nắm lấy quyền kiểm soát sư đoàn.

“Chúng ta sẽ xếp đặt trật tự trong mọi việc và điều hành sư đoàn như một đơn vị lính Mỹ. Sẽ có một người Mỹ trong mỗi đơn vị. Tôi trực tiếp làm việc với Cao và anh với chỉ huy hành quân của ông ta. Như vậy chúng ta sẽ tác động họ làm theo ý muốn chúng ta”.

Khi Vann gợi ý Ziegler và đại úy Việt Nam phụ trách hành quân cùng nhau xây dựng kế hoạch cho những hoạt động tương lai, Cao trả lời đấy là một ý kiến rất hay. Ông ta cũng đồng ý với những giai đoạn Vann nêu lên để đưa những cố vấn Mỹ đầy đủ vào cơ cấu sư đoàn đến mức không biết ai nói gì với ai nữa. Cao cũng tán thành việc cố vấn phụ trách thông tin của Vann, đại úy James Drummond, một người kín đáo ba mươi tư tuổi, cũng như Ziegler hình như sinh

ra để giữ vị trí ấy – hợp tác làm việc với sĩ quan Việt Nam phụ trách văn phòng 2. Thế mà cho đến nay, Cao đã cấm anh ta không trao đổi một thông tin gì cho người Mỹ.

Cao cũng chấp nhận những cố vấn Mỹ được phiên chế vào những bộ phận khác nhau, hành chính và tin học. Ông ta đồng ý với đề nghị của Vann tổ chức một trung tâm hành quân chiến thuật đóng vai trò theo dõi hoạt động quân sự trong năm tỉnh, thông báo với Cao và Vann mọi trường hợp khẩn cấp, giữ vững liên lạc với ban tham mưu từng tỉnh và tổng hợp những đề nghị can thiệp máy bay để hỗ trợ các tiền đồn bị bao vây. Trung tâm này phải hoạt động 24/24 giờ. Bản đồ và máy điện thoại bày trên một chiếc bàn rộng ở tầng trệt nhà Cao. Do gia đình ở lại Sài Gòn Cao chỉ cần cho mình một căn phong, một bếp ăn còn thì bố trí một ban tham mưu nhỏ làm việc ở đấy. Ziegler và đồng nghiệp Việt Nam của anh xây dựng kế hoạch tác chiến tại đây, mở cho người Mỹ một nguồn thông tin mới.

Cuộc hội ý ngắn hàng ngày với tổng chỉ huy là một tập quán của quân đội Hoa Kỳ, Vann gợi ý hàng ngày tiến hành vào lúc 16 giờ, lúc sư đoàn không hành quân. Cao đề nghị làm ở gian phòng chiến tranh trên tầng, trang bị đầy đủ hơn Trung tâm hành quân ở tầng trên, có một bục diến giải dưới chân bản đồ. Ziegler và đồng nghiệp báo cáo về tất cả những cuộc hành quân trong vùng. Drummond và đại úy văn phòng 2 nói về khả năng thông tin, những người khác phụ trách nhân sự, thông tin, phát biểu khi cần. Cao ngồi ở hàng đầu trước bục với Vann bên cạnh và Faust, Dam ngồi phía sau. Trước khi Ziegler và sĩ quan tác chiến xác định một cuộc tấn công Việt cộng bằng máy bay lên thẳng, Vann trình bày trước ở cuộc hội ý để Cao có thể chỉ thị từng người nên làm thế nào cho hoàn chỉnh theo ý ông ta.

Lúc đầu Ziegler nghi ngờ hiệu quả của những hội ý hàng ngày đó, có vẻ công thức như ở trường bộ binh. Nhưng anh mau chóng nhận thấy Vann dùng nó để kích thích tính kiêu ngạo của Cao, chỉ là một đại tá nhưng thích tỏ ra như một vị tướng. Trong những cuộc hội ý ngắn ấy ông ta tha hồ phát biểu ý thức của mình theo kiểu chiến lược lớn. Trong lúc Cao trổ tài hùng biện trong buổi đầu, Vann thì thầm với Ziegler :

“Anh đừng bận tâm về những gì ông ta nói. Về chủng viện tôi sẽ giải thích cho anh phải làm như thế nào.”

Và sự việc cứ như thế, Vann trình bày kế hoạch tấn công bằng máy bay lên thẳng trên tấm bản đồ choán hết bức tường ở văn phòng tác chiến ở chủng viện. Ziegler tổng hợp những ý kiến của Vann và của anh ta trong kế hoạch cuối cùng được Vann xác nhận và Cao chấp nhận. Họ giết được nhiều Việt cộng và Cao rất phấn khởi.

Cao cũng hoạt động theo đề nghị của Vann muốn lôi kéo những đơn vị Sài Gòn về chiến thuật tác chiến từng trung đội, bước đầu cần thiết để khống chế Việt cộng trong việc đánh nhau giữa những đơn vị nhỏ, đặc điểm cuả cuộc chiến tranh này. Mười nghìn lính Nam Việt Nam trong vùng tập dượt đầy đủ trong thời bình. Họ có thể thao diễn gần như đúng đắn, không như trường hợp 28.000 quân địa phương. Vann nhanh chóng phát hiện ra mặc dù 1,65 tỷ đô-la người Mỹ rót vào với danh nghĩa hỗ trợ quân sự từ năm 1955, giữa năm 1961 và sự đào tạo cho là của 650 cố vấn đem lại, rất ít binh lính thường trực hoặc địa phương biết sử dụng chính xác tầm ngắm để bắn trúng mục tiêu, càng không thể bắn trúng một Việt cộng. Quân đội Nam Việt Nam và lính địa phương được người Pháp xây dựng và người Mỹ cố gắng vá víu lấy tổ chức này. Quân đội là một hỗn hợp sĩ quan và binh lính Việt Nam từ đội quân thuộc địa Pháp và đội quân cũ của nước Pháp tạo ra năm 1948 cho Bảo Đại, vị hoàng đế đã hợp tác với lực lượng thuộc địa. Quân đội được tổ chức theo hình mẫu tam tam chế của những sư đoàn cũ bộ binh Mỹ : ba trung đoàn trong một sư đoàn, ba tiểu đoàn thành một trung đoàn và ba đại đội một tiểu đoàn.

Song song có hai lực lượng địa phương mà tốt nhất là lính Bảo an xuất xứ từ lính Khố xanh, một tổ chức lính thuộc địa trước chiến tranh và lính Cảnh sát, tạo dựng dưới chế độ Nhật thời kỳ cuối chiến tranh. Ở các tỉnh, quân đội được tổ chức thành đại đội và tiểu đoàn đặt trực tiếp dưới quyền tỉnh trưởng. Vùng của sư đoàn có khoảng 10.000 lính Bảo an. Lực lượng địa phương lính cảnh sát quần áo lôi thôi, được người Pháp tuyển dụng chiếm giữ những tháp canh bằng gạch và những tiền đồn trát đất họ xây dựng trong chiến tranh để áp đặt cai trị thuộc địa và bây giờ chính quyền Sài Gòn cố giữ lại, tổ chức thành trung đội ở cấp huyện đội quân được gọi là Đội tự vệ bố trí số lượng tối đa (18.000 người) và trang bị vũ khí tồi thiểu trong năm tỉnh. Cảnh sát đành dùng những súng cũ của người Pháp; người được tuyển mộ là dân địa phương, không mặc đồng phục, thậm chí bận blouse và quần pyjama đen nông dân mặc đi làm. Đội tự vệ cũng như quân bảo an chỉ chiến đấu vì đồng tiền.

Để bù đắp sự thiếu tập dượt ấy, Vann tổ chức một “lớp bồi dưỡng” ba tuần lễ cho đội quân thường trực trong một trại lính cũ Clay đã cải tạo ở làng Tân Hiệp cách con đường đi Sài Gòn 9 cây số gần đường bay Mỹ Tho. Cao đồng ý để chín tiểu đoàn trong sư đoàn lần lượt theo học. Khi không hành quân binh lính phải tiếp tục tập bắn và thao tác từng đơn vị nhỏ ở nơi đóng quân. Những khóa bồi dưỡng lính địa phương mà Clay đã bắt đầu được Vann triển khai rộng.

Nhưng Cao không thuận tình với những lý lẽ của Vann đã thống nhất với Porter muốn kìm hãm sự nổi dậy của cộng sản, phải phát huy việc đánh nhau với Việt cộng trong đêm tối. Cao xanh mặt, cau lại khi Vann trình bày phải dạy cho

binh lính tuần tra và phục kích ban đêm.

“Ra ngoài ban đêm nguy hiểm lắm !” Cao trả lời. Không phải riêng ông ta sợ hoạt động ban đêm mà cả năm tỉnh trưởng đều lo ngại. Những báo cáo họ làm về tuần tra, phục kích ban đêm chỉ để nhằm đánh lừa người Mỹ. Không một người lính nào rời đồn sau lúc mặt trời lặn và kẻ nào mạo hiểm cũng không ra quá xa con kênh gần nhất làm một giấc ngủ ngắn trên đê.

Không thuyết phục được, Vann bất chấp : anh ra nghiêm lệnh cho mọi sĩ quan hoặc trung sĩ Mỹ chịu trách n hiệm tập dượt phải đi tuần tra đêm mỗi tuần ít nhất một lần. Cao và các tỉnh trưởng có thể coi như không biết có lệnh ấy và diễu cợt Vann : thực ra các cố vấn không thể đi phiêu lưu riêng một mình. Nhưng Cao biết Porter ủng hộ Vann ở điểm này và Harkins cũng thuyết phục tổng thống Diệm về sự cần thiết phải hoạt động ban đêm. Tháng Mười một, sự tranh chấp xảy ra khi chính quyền Kennedy cố thúc ông tiến hành những cải cách chính trị và hành chính thay thế sự can thiệp quân sự của Mỹ. Nhưng từ đó quan hệ giữa Diệm và bộ chỉ huy cao cấp Mỹ đã được cải thiện. Những chỉ thị của phủ tổng thống tán dương thái độ hòa giải với người Mỹ khi không có nguy cơ gì. Cao và các tỉnh trưởng tỏ ra đồng ý và những cuộc tuần tra ban đêm bắt đầu với nhịp độ hạn chế nhưng đều đặn. Vann nêu gương bằng cách xuống các đơn vị tham gia hành quân chớp nhoáng ban đêm ít nhất mỗi tuần một lần, đôi lúc hai lần. Do chỉ cần hai tiếng đồng hồ ngủ, anh dễ dàng thức đêm.

Để giải đáp những phản bác của Cao sợ anh chết hoặc bị bắt làm tù binh, Vann chấp nhận nguyên tắc chỉ ra ngoài với những đơn vị mười hai người. Anh biết nếu khéo tổ chức có nhiều cơ may phục kích có kết quả và ít bị tấn công. Rất đáng tiếc là anh không bao giờ bắt gặp Việt cộng . Thế mà anh cảm thấy họ ở đấy và di chuyển trong bóng đêm. Anh báo với Porter rất khó khăn với đội quân Nam Việt Nam ấy. Binh lính thường trực hoặc địa phương kém xa Việt cộng về các mặt. Họ sợ giáp mặt kẻ thù. Anh nhận thấy mỗi lần nghe tiếng động trong đêm có thể là của Việt cộng đi về hướng anh giăng bẫy, một trong những lính Việt Nam ho hoặc lên quy lát súng trường hay gây tiếng động gì đấy làm hỏng tất cả. Việc đó rất thường xảy ra chứ không tình cờ. Porter đã khám phá ra cảm giác thấp kém ấy của binh lính Nam Việt Nam, sung sướng thấy lần đầu trong cuộc chiến tranh này Hoa Kỳ có một sĩ quan bộ binh đue kinh nghiệm và sáng suốt làm việc trên lưỡi dao. Để giải quyết tất cả những vấn đề ấy phải có thông tin và giải thích. Vann cung cấp cho ông cả hai với quyền hạn và khả năng của mình. Những kết luận của anh được các tướng tá ban tham mưu xem như là những nghiền ngẫm vô lý của một đại úy trẻ.

Vann thực hiện lời hứa với Ziegler mỗi đơn vị tham gia hành quân sẽ có một cố vấn Mỹ đi theo. Mục đích của anh không chỉ để kiểm soát chặt chẽ. Anh đánh

giá những đội quân Sài Gòn sẽ tấn công quyết liệt hơn nếu viên chỉ huy Việt Nam luôn có bên cạnh một sĩ quan hoặc trung sĩ Mỹ khuyến khích và hỗ trợ. Anh cũng hy vọng đà hăng hái của Mỹ sẽ lây truyền.

Dù sao tinh thần mãnh liệt của Vann cũng tác động đến đoàn cố vấn quân sự. Không khí nhiệt tình dưới sự chỉ huy của Clay, sĩ quan can đảm, biết suy tính và chăm chỉ đã được ca tụng và yêu mến trong các đoàn quân. Anh đã hai lần nhận Ngôi sao bạc, phần thưởng cao thứ ba trong nước khi dẫn đầu xe tăng chống quân Đức ở Bắc Phi và Italia. Với Vann, không khí càng sôi nổi hơn. Khi các cố vấn trở về chủng viện, kiệt sức vì đi hai ngày dưới trời nắng và trong bùn ruộng, họ nghe tiếng nói lanh lảnh và thân thuộc :

“Nào ! Các đội bóng chuyền ra sân!”

Anh nghỉ ngơi ít hơn họ và trong mấy phút tất cả đã đứng trước lưới trên sân. Nếu đội của anh bắt đầu thua anh hét lên, đấm vào cột để kích thích đồng bọn hăng hái hơn. Anh không ngừng phản công lối chơi của một đại úy người Hawaii cao một mét tám mươi hai, nặng chín mươi hai kilô, Peter Kama, mười năm sau phục vụ dưới quyền anh ở vùng cao nguyên.

Chiến tranh ở Việt Nam năm 1962 còn là một cuộc phiêu lưu “những cuộc hành quân đứt đoạn nhất mà chúng tôi được biết” như một sĩ quan nói – biết bao nhiêu vấn đề Vann và bộ phận biệt phái phải đương đầu để cải thiện tinh thần chiến đấu của những đội quân Sài Gòn. Mối nguy hiểm thường xuyên và những đợt bắn tỉa ngẫu nhiên gây tình trạng căng thẳng và gay go của cuộc chiến tranh. Khi Vann đến Mỹ Tho vào cuối tháng Năm 1962, gần 20 người Mỹ đã chết ở Việt Nam và không một cố vấn nào ở Sư đoàn 7 gặp chuyện không may ấy. Những người ở lâu nhất trong bọn họ mong tìm lại được niềm kích thích về tranh chấp họ có trước đây còn những người trẻ sốt ruột muốn thử thách. Sư đoàn trưởng Charles Timmes đã là trưởng Phái đoàn hỗ trợ quân sự (MAAG) đầu tiên, từ đó trở thành một cơ quan gắn liền với những chương trình huấn luyện và trang bị. Timmes đã được giải thưởng đặc biệt khi cầm đầu một tiểu đoàn lính dù nhảy xuống Normandie vào ngày đổ bộ của quân Mỹ lên châu Âu. Một hôm ông nói ở chủng viện :

“Đây không thực sự là một cuộc chiến tranh nhưng là cuộc chiến tranh chúng ta có. Vậy chúng ta cứ làm!”.

Nhận xét này đặt ra nhiều điều hơn một lời kích động phiêu lưu. Những người này là lính chuyên nghiệp, một đội quân trên bộ trong 8 năm sử dụng chiến lược “càn quét” của tổng thống Eisenhower. Nhiệm vụ được giao lúc đó hình như chỉ chiếm đóng những cơ sở phóng xạ hoang tàn của Đông Âu, Nga, Trung Quốc sau khi không quân, hải quân chiến thắng trong Chiến tranh thế giới lần hai và

triển khai máy bay, tên lửa trong một cuộc tàn sát nhiệt hạch. Ngân sách quân sự phân tán, bộ binh trở thành một kẻ đi xin. Bây giờ bộ binh có một tổng thống, John Kennedy, muốn nó là "Lưỡi gươm … dụng cụ có hiệu quả của chính sách đối ngoại", theo công thức của cố vấn tổng thống là đại tướng nổi tiếng Maxwell Taylor, Kennedy muốn lực lượng quân sự cho phép ông sử dụng sức ép ở mức độ cần thiết để thi hành đường lối của mình bất cứ ở nơi nào. Ông hình dung một lực lượng bộ binh phát triển hơn, được tăng cường sức mạnh bằng kỹ thuật mới nhất về cơ động và vũ khí, để trở thành lưỡi gươm cần thiết cho chiến lược "phản ứng linh hoạt", Taylor sáng tạo ra từ ngữ này để chống lại sự liên kết bề ngoài của đường lối không hợp lý tàn sát hàng loạt của Eisenhower. Quan điểm chiến lược ấy là sự vận dụng hợp lý lý thuyết "chiến tranh hạn chế" ông trình bày trong một cuốn sách hay sau khi ở Bộ tổng tham mưu về nghỉ hưu năm 1959. Kennedy vui thích áp dụng những luận thuyết này của ông, đã sử dụng trong đợt tuyên truyền tranh cử tổng thống năm 1960. Sau khi được bầu ông lấy lý thuyết này làm chiến lược quốc gia và chọn Taylor làm cố vấn quân sự của Nhà Trắng.

Tổng thống mới và người xung quanh ông cho cuộc chiến tranh du kích mà Vann quyết định đè bẹp ở phía bắc vùng đồng bằng, là hình thức thách đố ầm ĩ nhất những người cộng sản cho đến lúc này. Fidel Castro nắm quyền ở Cuba sau một cuộc cách mạng và những cuộc nổi dậy tương tự thật đáng sợ ở thế giới thứ ba, những nước nghèo của Châu Á, Châu Phi và Mỹ Latinh. Vì thế Kennedy đã chỉ thị cho quân đội trên bộ sử dụng Việt Nam như một cơ sở thí nghiệm phát triển những kỹ thuật chống nổi dậy. Nikita Khrusev đã trình bày chiến lược chiến tranh du kích ở Hội nghị các đảng cộng sản ở Moscow tháng Giêng năm 1961. Ông tuyên bố Liên bang Xô viết muốn tránh một cuộc chiến tranh hạt nhân với Hoa Kỳ nhưng ủng hộ "những cuộc chiến tranh giải phóng và những cuộc nổi dậy" ở những nước nghèo của thế giới thứ ba. Trung Quốc chung sức vào việc đó. Kennedy lên án những cuộc cách mạng ấy, gọi là "chiến tranh lật đổ và tấn công bí mật". Cuộc chiến tranh ở Việt Nam như vậy vượt quá một thử nghiệm lý thuyết của Taylor về chiến tranh hạn chế. Năm 1962 vấn đề là ai thắng ai, "Thế giới tự do" hay là "Thế giới cộng sản".

Đầu những năm 60 người Mỹ ít chú ý đến sự bất đồng giữa Liên Xô và Trung Quốc cũng như rạn nứt khác trong khối họ gọi là "chủ nghĩa cộng sản quốc tế". Sự thù địch giữa Moscow và Bắc Kinh đã lộ rõ trong một thời gian. Khrusev đã cắt mọi viện trợ cho Trung Quốc và gọi về nhiều nghìn kỹ thuật viên Xô viết đang thực hiện những chương trình phát triển lớn. Những người Mỹ cũng không hiểu hậu quả việc cắt đứt quan hệ giữa Tiệp Khắc và Liên Xô năm 1948 do một phong trào quốc gia có thể được những người cộng sản trong nước lãnh đạo.

Vann và người Mỹ thời kỳ ấy đã quen xem thế giới chia làm hai : trắng và đen. Lý tưởng của họ chi phối nếp suy nghĩ và sự nhìn nhận ấy càng củng cố thói quen vốn có. Khuôn mẫu quân đội phản ánh cách nhìn thế giới gộp tất cả những nước cộng sản vào công thức “khối Trung-Xô”.

Dù không ai trong phân đội có lòng tin như Vann về cuộc phiêu lưu anh dẫn dắt với tinh thần năng nổ của một thập tự chinh, họ đều là những người được tin cậy. Các đại úy đều từ một nơi đào tạo. Phần lớn bọn họ mang trên áo những đôi cánh quân dù với phù hiệu của lực lượng lục quân ưu tú. Ziegler là một ví dụ điển hình. Anh hai năm là giáo viên trường lục quân ưu tú; một buổi sáng được biết phòng nhân sự của Lầu Năm Góc đã chọn 150 đại úy xuất sắc sang Việt Nam làm cố vấn quân sự mà anh là một người trong bọn họ. Con trai một thương gia, anh trở thành ngôi sao bóng đá ở trường trung học, vào trường quân sự West Point vì muốn “là một con cá lớn trong một hồ lớn” như anh nói với đội bóng và nhất là tiếp tục học không mất tiền.

Uy tín lớn của Vann càng phát triển sự liều lĩnh trong phân đội và tạo một hương vị đặc biệt cho cuộc phiêu lưu này. Sự kính trọng tài năng cấp trên trở thành đáng ca tụng khi chỉ huy trưởng thêm vào đó sự gan dạ. Nhưng nếu ngoài hiểu biết và can đảm anh dấn thân vào cuộc chơi, anh trở thành huyền thoại. Các sĩ quan nhát gan đề phòng lòng ham thích nguy hiểm ở những người thường họ xem đúng chỉ là những cái đầu nóng. Nhưng họ thầm thán phục, mong mình cũng tin tưởng vào vận may như thế và có thể dẫn dắt đồng đội với sức mạnh như thế. Vann là một nhân vật huyền thoại nhiều may mắn.

Vann biết những con đường nào bị Việt cộng cắt đứt, những đường nào còn dùng được vì anh không ngừng đi xe Jeep ngang dọc qua những đợt thường xuyên về trung tâm thị trấn, ra các tiền đồn hoặc về các thôn xóm làng hẻo lánh. Để kiểm soát đường sá, người Mỹ có thói quen bay trực thăng hoặc máy bay thám thính. Như vậy ít nguy hiểm hơn. Trên bầu trời không có mìn, không bị phục kích. Vann cho rằng phương pháp ấy không đáng giá gì. Để biết bao nhiêu đất đai bị Việt cộng kiểm soát, những chỗ nào còn vào được phải đến xem tại chỗ. Anh nói theo xu hướng thống kê : “Lạy Chúa, chỉ cần suy tính một ít, người ta có thể chạy trên những con đường ấy với 95% may mắn thoát được”. Anh tránh những vòng tròn cố hữu và cố gắng không trở lại nơi xuất phát, không chần chừ lâu một chỗ, không để Việt công có thì giờ xác định vị trí của anh và tổ chức phục kích. Anh từ chối không đem theo đội bảo vệ xem như đoàn tháp tùng tối thiểu, sợ làm chậm bước tiến của mình, anh tự lái xe và đi thật nhanh. Anh lính Việt Nam Cao cử làm lái xe cho anh ngồi phía sau với khẩu liên thanh. Thực tế nếu có trường hợp bám theo và lái xe bị thương hoặc chết có lẽ sẽ phải dừng lại. Anh muốn chắc chắn không bao giờ có chuyện ấy vì xác định việc thoát thân

tùy thuộc vào tính cơ động và mình sẽ không bao giờ bị bắt làm tù binh.

Porter không cố kìm hãm anh. Ông biết nếu ra lệnh cho Vann đừng lao vào nguy hiểm anh vẫn làm mà không nói với ông. Những cuộc tuần tra đêm của Vann cung cấp cho ông những thông tin từ một người có kinh nghiệm mà ông hoàn toàn tin tưởng.

Các cố vấn ở chủng viện vui vẻ chờ các sĩ quan ban tham mưu từ Sài Gòn đến thị sát và Vann dành cho họ một dịp theo cách của anh. Cánh bàn giấy nói chung tới với trang bị hoàn hảo của một người chiến đấu, mũ rộng vành và dao săn dắt trong ủng. Họ thông báo không chỉ tham dự những cuộc hội ý ở chủng viện mà muốn "xuống tận chỗ có đánh nhau". Một lần Vann mỉm cười trả lời với một sĩ quan tham mưu anh đã chuẩn bị, đề nghị sẵn sàng từ bốn giờ rưỡi sáng tiến hành "một cuộc thám thính nhỏ".

Đến 4 giờ 20 phút trong lúc người khách còn buộc dây giày trong phòng ngủ sĩ quan ở tầng trên chủng viên, Vann đã uống xong cà phê và đứng dưới thang gác gọi :

"Nhanh lên ông, sẵn sàng đi rồi đây!".

Đèn pin chiếu trong bóng tối, Vann đưa ông ta lên xe Jeep giải thích hai người cùng đi "kiểm tra an ninh" trên đường Bến Tre, 15 cây số về phía nam, từ đó họ tiếp tục đến cuộc hành quân đang tiến hành. Vann ngồi sau tay lái, để một khẩu súng bắn nhanh và một số lựu đạn lên ghế bên cạnh. Cùng lúc đó anh trình bày cho người đi cùng phải giả chết như thế nào nếu rơi vào ổ phục kích để khỏi bị giết. Sau đó anh nổ máy, hô người gác Việt Nam mở cổng và lao nhanh trên con đường Bến Tre.

Viên sĩ quan tham mưu nghĩ họ được một trung đội lính Việt Nam tháp tùng hoặc ít nhất có một xe cố vấn khác. Nhưng ông thấy đơn độc trên một chiếc xe Jeep lao qua bóng tối của cây cối, xa xa thỉnh thoảng có ánh lửa ngọn nến hay đèn dầu trong một ngôi nhà nông dân cùng với kẻ điên kia cầm tay lái. Trong luồng gió Vann kêu lên với ông ta sẵn sàng nhả đạn nếu gặp rào chắn của Việt cộng vì anh sẽ lao vào, không muốn bị bắt sống rồi nhốt vào cũi như một con khỉ. Con đường có sông chắn ngang phải qua phà càng làm vị khách căng thẳng thần kinh. Chiếc phà được quân lính gác và người Việt Nam qua lại chỉ là những nông dân bình thường đi chợ. Ông khách ngây thơ không chú ý thấy người gác và chưa bao giờ ở giữa một đám đông nông dân. Nói chung việc thử nghiệm ấy đủ cho sĩ quan tham mưu muốn ở lại Bến Tre chờ máy bay lên thẳng đưa trở về Sài Gòn. Nhưng nếu khách thuộc loại người như Vann, thích thú sáng kiến kiểu ấy thì lần sau đến chủng viện ông ta sẽ được hoan nghênh. Thực tế cuộc đi trước bình minh ấy không phải không nguy hiểm. Vann đã bị du kích rình bắn tỉa nhiều lần. Nhưng anh nhận thấy nói chung Việt cộng giữ rào chắn trên đường

thường về ngủ từ bốn giờ rưỡi sáng.

Thiếu tá Herbert Prevost là người duy nhất trong phân đội hình như cũng thích mạo hiểm như Vann. Phi công 38 tuổi, vẻ tinh ranh, lái máy bay liên lạc của Sư đoàn 7. Thể chế không lực rất có thể đã quyết định việc ném bom chiến lược là phương pháp tốt nhất để thắng trong chiến tranh. Provost là một người tác chiến đơn độc. Anh lái những chiếc máy bay nhỏ, thích chiến đấu một mình, được thưởng huân chương trong Thế chiến thứ Hai, ngày anh phát hiện một đoàn xe tăng Đức ẩn náu trong rừng chờ đánh xe tăng Mỹ, tưới lên một loại vũ khí cháy mới, bom napalm; lái phụ bị liên thanh xe tăng bắn chết, máy bay của Prevost bị hỏng đến mức độ thợ máy phải cho vào đống sắt cũ nhưng anh đã hạ cánh như có phép lạ. Việc phục kích của quân Đức bị bại lộ, năm chiếc xe tăng và trang bị cháy thiêu.

Ở Việt Nam hình như Prevost khôn ngoan hơn. Anh được Không lực giao cho chiếc máy bay nhỏ nhất họ có, chiếc Cessna quan sát. Một động cơ, hai chỗ ngồi, chỗ phía trước cho người lái và chỗ kai cho người quan sát, chiếc Cessna không trang bị vũ khí. Nhiệm vụ của Prevost là điều phối những yêu cầu hỗ trợ máy bay tiêm kích – ném bom và phương tiện vận chuyển cho Sư đoàn 7 và lực lượng bộ binh của năm tỉnh theo sự chỉ huy của Sư đoàn 2 Không quân Sài Gòn dưới mệnh lệnh tướng Harkins. Anh được giao chiếc Cessna để liên lạc với ba đại úy không quân làm việc cho anh ở các tỉnh.

Prevost là một diễn viên xiếc trên trời có đầu óc sáng tạo. Anh thuyết phục Vann cho anh hai khẩu súng mới loại nhẹ, Armalite, sẽ trở thành khẩu M-16 khi sử dụng như vũ khí chuẩn của bộ binh. Quân đội đang thử nghiệm và giao cho Sư đoàn 7 một đại đội để xem quân lính đánh giá thế nào và xác định hiệu lực chống chiến tranh du kích. Armalite có một nút chọn bắn bán hoặc hoàn toàn tự động, dùng đạn nhỏ hơn nhưng nhanh hơn khẩu M-1 cũ nhiều. Tính năng rất nhanh gây những vết thương nặng nhưng không chết. Prevost gắn hai khẩu súng giữa những thanh ngang đôi cánh máy bay Cessna sáng tạo một hệ thống dây cho phép anh từ buồng lái kéo cò súng bắn vào Việt cộng. Anh cũng có thể ném lựu đạn vào họ, đôi khi anh dùng bom 10 kilô kiếm được trong quan hệ với một phi đội nhỏ đóng quân tại sân bay cũ của Pháp ở Biên Hòa.

Tiểu phi đội gồm máy bay có chong chóng trong Thế chiến thứ hai và chiến tranh Triều Tiên, máy bay hai động cơ A-26 Invaders dùng ném bom tầm thấp và băn liên thanh trước mũi súng. Cũng có những máy bay – tập lái T-28 Trojan chuyển thành những máy bay ném bom bằng cách xếp dưới những liên thanh 50, bom, rốc két, những bình chứa napalm. Tuy những khí cụ ấy thuộc Không lực Hoa Kỳ, người ta đã sơn lại chuyển sang màu Không lực Việt Nam. Phi công Sài Gòn dùng ngôi sao trắng trong vòng tròn xanh của đồng minh mới. Nhưng ở

người Mỹ huy hiệu ấy nổi lên trên những gạch đỏ, trắng , xanh, người Việt Nam dùng những màu của chính phủ Sài Gòn đỏ và vàng. Chỉ cần vài hộp sơn để máy bay Mỹ trở thành máy bay Việt Nam. Phi công Hoa Kỳ không bao giờ bay không có một sĩ quan trẻ hay hạ sĩ Không lực Sài Gòn ngồi ghế sau. Như vậy nếu một máy bay bị bắn hạ, chính quyền Kennedy có thể tự bào chữa như trong nhiều trường hợp phi công Mỹ chỉ thực hiện "một buổi tập dượt" cho học trò của mình. Những phi công Mỹ khác được bố trí hẳn ở Không lực Việt Nam để huấn luyện và cố vấn cho phi công Sài Gòn sử dụng máy bay tiêm kích – ném bom T-28 và Skyraiders từ thời chiến tranh Triều Tiên. Những giáo viên ấy trở thành phi công trong những không tập chống Việt cộng, luôn luôn với một người Việt ngồi ghế sau. Số phóng viên báo chí ở Sài Gòn không bao giờ đươc phép vào sân bay Biên Hòa để xem hệ thống ấy hoạt động như thế nào.

Trừ những thời kỳ cao điểm hành quân phải ở lại sở chỉ huy để chi viện máy bay cho sư đoàn, Prevost thích đưa Vann, Ziegler hoặc cố vấn văn phòng 2 Jim Drummond đi thám sát trên chiếc máy bay nhỏ của mình. Vann muốn bay thấp để nghiên cứu mặt đất tốt hơn; Prevost càng muốn xuống thấp hơn nữa sát hẳn ngọn lúa và chỉ bay lên để vượt hàng cây to. Mấy tháng sau Prevost thay đổi nhiệm vụ và người thay thế không biết rõ vùng này. Anh hỏi Vann có bay ở độ cao 500 mét xem như hợp lý để tránh làn đạn vũ khí nhẹ. Vann trả lời :

"Cộng tất cả các chuyến bay, thiếu tá Prevost chưa bao giờ tổng hợp đủ 500 mét độ cao trong suốt thời gian anh ở đây".

Xu hướng phiêu lưu trong cuộc chiến tranh này được mở rộng vì sự gắn bó tình cảm mà nhiều cố vấn cảm thấy đối với người Việt Nam : chính vì họ và đất nước họ mà người Mỹ sang chiến đấu ở đây. Các đại úy cố vấn cho những thiếu tá tiểu đoàn ở lại với họ trong trại hoặc khi di chuyển, ăn thực phẩm Việt Nam và chấp nhận những điều kiện sống của các sĩ quan họ đến giúp đỡ. Các trung sĩ đến dạy bắn súng cho lính cũng thế. Các cố vấn của lính bảo an và cảnh sát cùng sống ở trại huấn luyện và đi theo những đội quân địa phương trong hoạt động hằng ngày chống Việt cộng. Những tiếp xúc qua lại ấy đã phát triển tình cảm mến ở người Mỹ.

Những người lính Việt Nam tò mò nhổ lông tay người Mỹ mà đối với họ không bình thường vì thân thể họ nhẵn hoàn toàn. Họ xin thuốc lá, cười sằng sặc khi một người Mỹ nhăn mặt lùi lại trước mùi nước mắm ở đâu cũng dùng và thêm đạm tổng hợp vào thức ăn. Họ phá lên cười khi một trong những gã cao lớn người nước ngoài lảo đảo và ngã xuống trong một chiếc thuyền thúng nông dân dùng để qua sông ngòi.

Vann đặc biệt mến những người lính ấy trong quân thường trực hoặc địa phương, là những người nông dân như đối thủ Việt cộng của họ. Có lẽ cũng vì

thân hình anh tương đối nhỏ, không vượt quá chiều cao trung bình của họ là một mét năm mươi càng làm anh gần họ hơn. Tranh bị Mỹ bao giờ cũng quá rộng, quá nặng đối với họ. Mũ đội trùm mặt; súng bán tự động năm kilô cũng như khoảng năm mươi kilô phải mang suốt ngày. Nhưng điều thán phục nhất ở họ là tính tình vui vẻ và sự dẻo dai. Người ta dễ lầm về vẻ ngoài của họ cũng như của đất nước họ. Tuy mảnh khảnh nhưng họ mạnh mẽ hơn những người dân châu Á khác. Điều ấy không thấy rõ vì quần áo Mỹ che khuất thân hình gân guốc của họ. Nguồn gốc nông dân làm tâm lý họ chai sạn với những cố gắng về thể chất và không bao giờ phàn nàn bởi việc đi bộ lâu dưới nắng nóng. Họ đùa vui với nhau và khi bị thương cũng không kêu van. Khả năng chịu đựng đau đớn hình như do một phần của nền văn hóa. Họ nằm dài, bất động, khẽ rên hoặc cắn răng chịu đau. Vann kết luận họ có tiềm lực trở thành quân lính tốt, xứng đáng chiến thắng trong cuộc chiến tranh này và không thấy đời mình bị hủy hoại.

Năm đầu ở Việt Nam John Vann thấy cần thiết có giải pháp tranh chấp bằng quân sự. Vì vậy anh tập trung hoạt động theo ưu tiên đề ra với Porter : tiêu diệt lực lượng xung kích của Việt cộng bằng những đòn tấn công bất ngờ của máy bay lên thẳng. Những toán quân đối phương trước hết là những tiểu đoàn tinh nhuệ cộng sản gọi là “quân chủ lực” mà người Mỹ gọi là “thường trực” và những tiểu đoàn, đại đội tuyển chọn ở địa phương gọi là “quân địa phương”. Những tiểu đoàn chủ lực có khoảng 250 đến 300 người vào cuối tháng Năm năm 1962, phụ trách một vùng hai, ba tỉnh còn quân địa phương nói chung ở tỉnh sở tại. Các cố vấn có xu hướng gộp lại, gọi là “mũ cứng” vì họ đội mũ hình lưng rùa, theo hình ảnh những chiếc mũ thuộc địa người Pháp dùng ở Đông Dương. Họ làm mũ bằng một chiếc khung tre bọc vải hoặc ni-lông xanh. Bộ đội chủ lực và địa phương đều là lính trong thời gian liên tục. Đồng phục của họ do gia đình hoặc phụ nữ có cảm tình trong xóm làng may cho, có thay đổi trong những năm đầu. Họ chiến đấu trong trang phục áo bà ba đen hoặc sơ-mi và quần kaki nhưng những người thường trực cũng được trang bị quân phục chiến đấu màu xanh. Đồng phục thao diễn của Việt cộng mang theo trong những túi trên lưng đề phòng những buổi lễ tiết, nói chung thống nhất : sơ-mi và quần màu xanh đậm thường bán ở chợ. Quân chủ lực phân biệt bởi hiệu quả chiến đấu rất cao và động cơ chính trị, được trang bị những vũ khí tốt nhất lấy của kẻ địch. Tất cả sĩ quan và phần lớn hạ sĩ quan gọi là “khung” đều là đảng viên Đảng cộng sản. Một số tiểu đoàn địa phương chiến đấu ngang với quân thường trực.

Trong năm tỉnh thuộc Sư đoàn 7, Jim Drummond ước tính vào cuối năm qua những thông tin thu thập được, có khoảng 2.000 Việt cộng thường trực và 3.000 quân địa phương. Rõ ràng chiến lược cộng sản đã thành công. Việt công ngày càng chiếm được nhiều vũ khí, cho phép họ tấn công nhiều hơn và mạnh hơn.

Kết quả là quân bảo an và cảnh sát của chính quyền Sài Gòn trở nên nhút nhát hơn, co cụm lại trong các đồn bốt và trung tâm, ngày càng bỏ nông thôn cho Việt cộng. Vann xác định để ngăn chặn lòng hăng hái cách mạng ấy, phương pháp nhanh nhất là bẻ gãy thanh sắt xung kích. Nếu quân thường trực và địa phương bị giết hoặc tan rã, những người cộng sản không còn sức tập hợp được những lực lượng cần thiết để phục kích những đoàn xe và toán quân Sài Gòn ban ngày tỏa ra trong vùng để cố giữ quyền lực của chế độ. Việt cộng không thể bất thần đột nhập dễ dàng vào các tiền đồn. Trật tự được thiết lập lại từng ít một và có thể tiến lên yên ổn lâu dài. Vann nói "Sự yên ổn có lẽ chiếm 10% của vấn đề hoặc là 90%; dù sao chính 10% của 90% đầu tiên là đáng kể. Không yên ổn, không có gì chúng ta làm tồn tại được lâu dài".

Anh nghĩ càng phát triển quá trình nhấn chìm lực lượng chủ lực và địa phương quân vòng quay chiến tranh càng bất lợi cho Việt cộng. Kết luận này như hầu hết người Mỹ ở Việt Nam thời kỳ ấy dựa vào sự tin chắc rằng nông dân Việt Nam đứng ngoài cuộc đấu tranh chính trị. Việc phần lớn họ trong vùng có vẻ cảm tình với Việt cộng hoặc dửng dưng thể hiện họ không đánh giá cao vấn đề chính trị : nông dân không được bồi dưỡng về lý tưởng, những người Mỹ cho là như vậy. Trừ một số ít đặc biệt than phiền chính quyền địa phương của Sài Gòn, nông dân nghiêng về phía mạnh hơn. Vann càng tin chắc thế vì anh quan sát ở Triều Tiên nông dân hình như không có ý thức chính trị gì. Họ hành động theo quyền lợi của các nhà cầm quyền lúc đó. Anh xác định tất cả những người nông dân châu Á mong muốn trước hết là hòa bình và yên ổn để có thể cày bừa ruộng đất. Họ ít quan tâm những người xây dựng luật lệ và thiết lập trật tự là cộng sản hay tư bản.

Khi nông dân thấy những đại đội, tiểu đoàn chiến đấu Việt cộng ngày càng bị tiêu diệt , họ sẽ hiểu những người cộng sản không thắng được. Và nếu Sài Gòn cũng không lừa phỉnh họ, họ sẽ bắt đầu nghiêng về chế độ này. Những thông tin nắm được nhiều hơn vì nông dân sẵn lòng nói. Như vậy sẽ dễ dàng bắt được mục tiêu và tiêu diệt lực lượng Việt cộng còn lại. Những người cộng sản cũng mất cơ sở của sức mạnh chiến đấu : nông dân phân tán trong xóm làng. Việt cộng gọi họ là Đội quân du kích nhân dân. Ban ngày họ là nông dân và ban đêm là chiến sĩ, chiến đấu theo mệnh lệnh của cấp trên hoặc do bột phát. Drummond ước tính trong vùng có khoảng 10.000 người, đại diện một lực lượng đáng kể của đội quân thường trực, địa phương, và chính quyền Việt cộng. Đội quân du kích địa phương ấy là một dự trữ nhân lực, một mạng lưới thông tin khắp nơi, nguồn trinh sát, dẫn đường biết rõ địa dư, thái độ của xóm làng, một lực lượng vận chuyển khí giới, thương binh, người chết trong trận chiến và là những đại diện có mặt mọi chỗ để thực hiện ý đồ của chính quyền cộng sản bí mật.

Những người nổi dậy từng lúc ấy trở lại là những nông dân hiền lành trong cuộc sống, Vann đánh giá như vậy. Chính quyền Sài Gòn, được người Mỹ giúp đỡ, có thể tiến hành có hiệu quả giai đoạn sau đây : xác định và bắt giữ những người cộng sản bí mật xúi giục cuộc nổi dậy, lãnh đạo chính quyền bí mật thu hút nông dân phục vụ các đơn vị du kích. Viện trợ kinh tế, xã hội của Hoa Kỳ nhằm giúp dễ dàng tập hợp nông dân. Việc tài trợ khoan giếng lấy nước sạch và xây dựng nhà tiêu góp phần loại trừ ký sinh trùng và các bệnh đường ruột. Những phòng khám chữa bệnh được hình thành, các trường tiểu học chống nạn mù chữ cho trẻ con; lợn Yorkshire thay thế lợn đen, hạt giống tốt và phân bón sẽ tăng sản lượng lúa. Vann cho rằng phải 10 năm để tạo nên một xã hội nông dân với những người nông dân thịnh vượng và một chính quyền địa phương chống lại mọi cố gắng nổi dậy của cộng sản. Và anh nghĩ không cần quá sáu tháng để đè bẹp lực lượng du kích cộng sản phía bắc vùng đồng bằng và bắt đầu chu trình bình định mới trong vùng sống còn này của đất nước.

Vann may mắn có Jim Drummond làm sĩ quan thông tin và Ziegler làm sĩ quan tác chiến. Anh lại tỏ rõ đức tính lãnh đạo của mình khi biết giá trị của Drummond và thả lỏng cho anh này hoạt động. Đồng thời anh làm cho công việc của anh ta phối hợp với công việc của Ziegler, như vậy hai người thành nhóm cần thiết để thực hiện chương trình sáu tháng của anh.

Sự bí mật bảo vệ những chiến sĩ Việt cộng và hoạt động của chính quyền cộng sản. Chừng nào vị trí địa dư và sự di chuyển của họ còn bí mật, họ có thể tập dượt và chuẩn bị rất an toàn để bất ngờ tấn công. Nhưng, lần đầu tiên trong cuộc chiến tranh , sự bảo vệ này không còn nữa. Drummond đã cất đi tấm khiên ấy nhờ vào kinh nghiệm thông tin Hoa Kỳ có được qua hai cuộc thế chiến và chiến tranh Triều Tiên.

Drummond say mê tìm hiểu về con mồi của mình. Những gì dính líu đến chiến tranh du kích làm anh quan tâm. Anh thu thập những khẩu súng săn Việt công sản xuất thủ công trong các xưởng nhà tranh cung cấp cho những người khởi nghĩa địa phương đến mẫu phỏng sơ đẳng nhưng có hiệu quả như những vũ khí tinh vi như súng tiểu liên Thompson. Thậm chí anh quan sát cách cắt, may đồng phục để xem có khác nhau giữa tỉnh này tỉnh khác, vùng này vùng khác không. Vann ngạc nhiên về sự say mê ấy. Anh hiểu không cần nhắc nhở Drummond như những sĩ quan thông tin khác rằng gạn hỏi tù binh, đọc tài liệu tìm được của địch không đủ mà phải đi thực địa để hiểu kẻ địch và thu thập vô số chi tiết không bao giờ có được ở bàn giấy. Drummond đã hai lần nhận Ngôi sao đồng khi là lính bộ binh ở Triều Tiên, ngay lúc đến vào cuối tháng Tư đã đi hành quân và Vann thường gặp anh ở thực địa.

Tuy khôn khéo, những người Việt cộng cũng có điểm yếu : họ trở thành bảo

thủ. Chủ nghĩa cộng sản đã dạy họ đừng bao giờ mắc sai lầm về những hành động có thể dự đoán được nhưng là con người, họ là nạn nhân của những thói quen. Những người này tiến hành cũng cuộc chiến tranh ấy, kẻ địch ấy, trên đồng ruộng ấy đã quá lâu nên không khỏi ngã quỵ trước điểm yếu của loài người là thói quen. Drummon đã nhận thấy điều đó từ đầu và nói với Vann. Vann cố nài Cao cho sĩ quan thông tin của ông ta hợp tác với Drummond chính là để khai thác tối đa điểm yếu này của Việt cộng cũng như để kiểm soát sư đoàn tốt hơn. Từ đó Drummond tạo dựng một tổ chức thông tin cho phép Vann đạt thắng lợi trong sáu tháng.

Với người phó của mình, một trung sĩ chuyên về thông tin, Drummond giải thích ở Văn phòng 2 của Cao làm thế nào để nắm được một tiểu đoàn và đại đội địch. Rất kiên trì trung sĩ hướng dẫn cho người Việt Nam sắp xếp từng loại báo cáo, tin, báo, thư , bản đồ và những tài liệu khác để khai thác những gì có thể có ích. Tất cả những thông tin đều tập hợp, chọn lọc theo loại cùng hồ sơ, bản đồ và phiếu tham khảo. Nhờ việc tổ chức như vậy, mọi thông tin mới được bổ sung ngay để biết rõ hơn một đơn vị và tiến tới dự đoán hành động của đơn vị ấy. Những đặc điểm đặc biệt được ghi cẩn thận sử dụng như loại vân tay cho phép Drummond theo dõi một phân đội với từng mảng thông tin xem như vô nghĩa.

Thời kỳ ấy hỏa lực những tiểu đoàn Việt cộng kém hẳn quân đội Sài Gòn; họ chỉ thu thập lẫn lộn súng đạn của Pháp, của Mỹ lấy được từ binh lính Sài Gòn. Một số tiểu đoàn có một súng cối, những tiểu đoàn khác không có; chỉ hai tiểu đoàn có hai tiểu liên cỡ 30; những đơn vị khác may mắn thì có một. Biểu thống kê vũ khó của họ cho phép đo mức độ đe dọa của họ và dùng làm phiếu chỉ dẫn. Drummond và trung sĩ của anh xây dựng một bảng quân số từng tiểu đoàn và lý lịch các sĩ quan, hạ sĩ trong tiểu đoàn. Cán bộ Việt cộng dùng tên giả để tự bảo vệ nhưng vì họ là người địa phương nên lâu dần cũng biết được lý lịch, tính cách và thái độ của họ. Biệt hiệu cũng giúp cho việc xác định đơn vị. Drummond đôi khi chụp cả ảnh những người chết hoặc thu nhặt ảnh lúc tập kích vào chỗ trú quân của họ. Những người Việt Nam đa cảm dù nguy hiểm họ cũng thích giữ kỷ niệm của bè bạn. Có những trung đội đứng tất cả thành hàng để chụp ảnh như một lớp học sinh trung học. Một hồ sơ đặc biệt được xây dựng để xác định phạm vi hành quân quen thuộc của từng tiểu đoàn hoặc đại đội. Việc họ di chuyển được ghi lại để biết nơi họ thường xuất phát và những xóm họ dừng lại trong những buổi tuần tra. Drummond cũng quan tâm đến con đường họ dễ rút lui nếu bị tấn công.

Drummond phát hiện thấy người Việt Nam cùng làm nhiệm vụ, đại úy Lê Nguyên Bình, một giáo dân miền Bắc di cư vào Nam sau thất bại của Pháp năm 1954, là một sĩ quan quá đắn đo bị Cao và người Mỹ đánh giá thấp. Anh thân

mật và chỉ đề nghị trao đổi thông tin. Trước đây người ta ít chú ý đến anh ta, thậm chí Cao không phản đối sự hợp tác vì không có sĩ quan Mỹ chuyên trách thông tin bên cạnh. Không có người nào Cao có thể tin tưởng về nghiệp vụ báo cáo với ông ta những đức tính của Bình. Những thông tin Drummond và trung sĩ trao đổi với Bình quá sơ sài và có những lỗ hổng lớn. Drummond ngạc nhiên về sự xác đáng trong hồ sơ của Bình. Anh cũng ngạc nhiên được biết anh bạn Việt Nam bố trí một hệ thống có hiệu quả về những người đưa tin bí mật. Bình xây dựng đã một năm và tự điều hành, sợ thành viên trong nhóm có cán bộ cộng sản thâm nhập. Anh trả lương những người do thám của mình do một quỹ đen theo chế độ thực hiện trong quân đội Pháp. Người đưa tin có hiệu lực nhất của anh là một lái trâu, có lý do đi khắp miền Bắc vùng đồng bằng để mua bán trâu cho nông dân Việt Nam. Ông ta ra vào vùng Việt cộng kiểm soát không bị nghi ngờ gì. Ông cũng có thể được cử đi xác định nguồn tin của những người khác hoặc thu thập một tin tức cụ thể.

Vann sử dụng một nguồn thông tin khác: nhà truyền giáo đạo Tin lành tại Mỹ Tho. Cũng như các đồng sự, ông ta nghĩ phải tuyên truyền chống cộng sản đồng thời với truyền đạo. Ông phấn khởi trao đổi với Vann thường kỳ đến tiếp xúc những gì ông biết được qua giáo dân các thành phố ngoại vi.

Do lo ngại về an toàn, những người Việt cộng thường tự để lộ mình. Khi họ tập trung trong một xóm làng để nghỉ họ giáo dục dân chúng hoặc khi chuẩn bị tấn công, họ có thói quen hạn chế hoạt động của dân. Nếu chính quyền Sài Gòn cảnh giác, việc giảm số lượng nông dân đi chợ là một chỉ dẫn có Việt cộng trong vùng.

Như mọi tổ chức quân đội tốt, Việt cộng chú trọng vào hiệu quả. Qua năm tháng họ thu xếp thuyền bè để có chỗ rộng rãi hơn. Những hộp, xoong chảo, bì gạo, củi dự trữ hoặc lọ nước mắm được thu gọn về phía trước để phía sau có chỗ ngồi hay nằm. Như vậy không khó khăn gì thấy rõ những chiếc thuyền ấy không phải của nông dân.

Những trại huấn luyện và bệnh viện thường trực được ngụy trang cẩn thận trong rừng Đồng Tháp Mười gần biên giới Campuchia ở phía tây. Những cơ sở khác ở phía đông trong lau lách đầm lầy, rừng cọ, rừng dừa rất khó vào. Họ cũng có thể ẩn nấp trong rừng hoặc đầm lầy khi dừng lại ngủ trong quá trình hành quân vì mỗi Việt cộng mang theo một chiếc võng mắc vào hai cây. Nhưng sức khỏe không đảm bảo nếu ngủ mãi ngoài trời trong một đất nước gió mùa dễ nhiễm bệnh sốt rét và nhiều loại côn trùng và muỗi. Hơn nữa theo lý thuyết cộng sản họ chỉ có thể sống khi cùng ở với nông dân. Vì vậy những lúc có thể họ ngủ trong xóm làng. Để không là gánh nặng cho nhân dân những vùng đông người, họ xây dựng các trạm, các chỗ ở chắc chắn. Những đường có hầm hố là những

nới nhân dân tập trung do họ kiểm soát và như vậy dễ dàng thấy họ dừng lại chỗ nào. Lúc đầu những ngôi nhà họ làm giống như nhà nông dân nhưng nếu chú ý người ta phát hiện ra không có vật nuôi xung quanh, không trồng trọt gì trừ đôi khi có một mảnh vườn nhỏ.

Việt cộng không biết, dấu hiệu vô hình những hoạt động của họ bị do thám trên bầu trời nắm bắt. Việc do thám điện tử của quân đội Hoa Kỳ bắt đầu hoạt động khắp nước Việt Nam vào năm 1962 dưới tên mật mã vô tư là "đơn vị nghiên cứu sóng điện thứ ba". Tháng Sáu quân số trong đơn vị lên đến 400 kỹ thuật viên mà đa số hoạt động ngoài vùng quân sự của sân bay Tân Sơn Nhất gần Sài Gòn. Họ dùng những máy bay De Havilland để di chuyển trong rừng thưa. Tên cốt "Rái cá biển" cũng vô tư như thân hình một động cơ dài và nặng của nó. Nhưng nó chở cả một toán chuyên gia trang bị dụng cụ rất tinh vi về truyền tin và định vị trực tiếp. Những máy bay này quay vòng nhiều giờ trên trời cao ở những vùng nghi có Việt cộng để bắt và ghi làn sóng địch. Việt cộng dùng những máy phát Mỹ cũ thời Thế chiến thứ hai lấy được của lực lượng Sài Gòn hoặc Pháp. Họ phát ra tiếng nếu liên lạc trong địa phương nhưng dùng tín hiệu mooc với những chấm, gạch nếu phải truyền đi xa. Những truyền tin của họ đều theo mật mã, hạn chế đến mức tối thiểu nên họ nghĩ là an toàn.

Nhờ "Rái cá biển" người Mỹ không chỉ giải mã được cốt của họ mà những buổi truyền tin cũng tự phản lại họ. Mỗi người đánh mooc theo một nhịp điệu khác nhau. Giọng nói cũng thế, mỗi khi ghi được, có thể so sánh và xác định được. Mặt khác những buổi truyền tin điện tử thay đổi theo từng trạm. Những phương pháp tinh vi của người Mỹ cho phép bắt làn song, phân tích và chọn lọc những loại thông tin dó. Kết quả truyền về cho Drummond theo một bản đặc biệt. So sánh dữ liệu của việc do thám điện tử này với những thông tin khác thường biết được một trạm phát sóng thuộc về một đại đội hay tiểu đoàn cụ thể. Do những do thám trên trời phần lớn định vị được những tin tức phát đi, dễ dàng theo dõi hoạt động của một đơn vị và vạch rõ lên bản đồ.

Với tất cả những thông tin từ những nguồn khác nhay, Drummond bắt đầu làm rõ tình hình và cung cấp cho Vann những tin tức chiến thuật mới về vị trí và ý đồ của một số đơn vị thường trực hoặc quân địa phương. Dù những điều đó nhiều khi bị hạn chế, Vann biết khá đủ để từ tháng Sáu bắt đầu một cuộc tấn công có hệ thống.

Những do thám từ bầu trời cũng cho phép Vann có kế hoạch tấn công có hiệu quả hơn. Những người cộng sản Việt Nam không còn lợi dụng được lợi thế của thời gian và địa hình như thời kỳ chiến tranh chống Pháp và chống Diệm trước khi có sự can thiệp từ Mỹ. Trước kia họ có thể ẩn nấp trong những pháo đài tự nhiên không đột nhập được. Đặc biệt vùng Đồng Tháp Mười, vùng sư đoàn

Vann, có những vùng kín đáo nhất và nổi tiếng nhất. Vùng đầm lầy rộng lớn, lau sậy cao bằng đầu người, cây bụi và rừng bao trùm phần lớn hai tỉnh tây bắc đồng bằng sông Cửu Long gần Campuchia. Vùng này không có đường vào, rất ít dân cư vì đất sét đen chua phèn không thích hợp trồng lúa tuy hàng năm nước sông tràn ngập. Để tới được một chỗ nương náu của Việt cộng phải hai, ba ngày đi bộ mệt nhọc. Những địa điểm Việt cộng bố trí trong vùng dân cư đông cũng tránh được bị phát hiện bất chợt. Nhờ hệ thống báo động của những người nông dân có cảm tình, họ được biết trước nhiều ngày, ít nhất cũng nhiều giờ trước khi các toán quân Sài Gòn đến.

Máy bay lên thẳng cho phép vượt qua rào cản địa hình, giảm thiểu thời gian và cố gắng trong những ngày kiệt sức. Hầu hết những chỗ ẩn náu của Việt cộng cách tỉnh lỵ hoặc thị trấn do chính quyền Sài Gòn kiểm soát ít nhất 30 cây số. Những máy bay lên thẳng H-21 Shawnee quân đội Mỹ gửi sang Việt Nam là những máy móc lỗi thời, thừa hưởng của chiến tranh Triều Tiên giống như một đoạn ống to có hai rô-to lớn trước và sau mà phi đoàn gọi là “quả chuối bay”. Dù sao cũng là một máy bay lên thẳng có thể chở một tá lính, mỗi giờ bay 120 cây số với bán kính 30 cây số trong 15 phút. Loại mới hơn , H-34 Choctaw Hải quân được mệnh danh “cá ngựa”, giống như một con nòng nọc, chở số lượng lính với bán kính như vậy trong 13 phút, bay 140 cây số mỗi giờ. Mười bốn máy bay lên thẳng đủ để vận chuyển đơn vị tấn công, thông thường một nửa tiểu đoàn 165 người cùng vũ khí, trang bị, tiếp tế trong vài ngày. Nửa giờ sau, máy bay trở về với một lực lượng can thiệp thứ hai, đổ quân dọc đường Việt cộng rút lui hoặc lẩn tránh. Họ chỉ được báo động vào phút chót nếu phi công bay sát ngọn cây vào những cây số sau cùng vì tiếng động máy bay hướng về mặt đất.

Công nghệ Mỹ còn cung cấp cho Vann một loại máy khác làm Việt cộng kinh hoàng khi gặp phải. Đấy là một hộp hình chữ nhật cơ động, bọc hợp chất nhôm với những cánh mở và cửa, trang bị một động cơ mạnh tác động vào các vòng sắt bọc bánh xe mỗi bên. Phương tiện chuyên chở quân bọc hợp chất M.113 này gắn liên thanh hạng nặng cỡ 50 ở phía trước. Một tá chiến cụ này chuyển về sư đoàn trong tháng Sáu có thể vận chuyển một đại đội 140 người. Con quái vật di chuyển trên cạn hoặc lội nước 10 tấn này qua những ruộng ngập nước với 15 thậm chí 30 cây số mỗi giờ, vòng sắt nghiến nát bờ ruộng và chồm lên khi gặp trở ngại. Không có vũ khí chống tăng , không loại đạn nào của súng máy Việt cộng có thể xuyên thủng lớp vỏ bọc. Đại đội bộ binh theo hiệu lệnh nhảy ra từ cánh cửa sau và tấn công dưới sự yểm trợ ghê gớm của 12 súng máy hạng nặng.

Đại tá Cao ngày càng hài lòng và hợp tác dần dần theo số lượng Việt cộng bị giết và vũ khí bắt được tăng đều đặn. Vann chắc chắn có thể thực thi những yếu tố cuối cùng của kế hoạch đưa Sư đoàn bộ binh thứ 7 “đúng như một sư đoàn

Mỹ", mở một trận hủy diệt không thương tiếc tất cả những tiểu đoàn thường trực và địa phương ở mạn bắc vùng đồng bằng. Chỉ còn biến Cao thành một chỉ huy hiếu chiến. Để đạt một trận tầm cỡ ấy, Vann phải tạo Cao, theo ngôn từ của chính anh, thành một "con hùm của Việt Nam".

Nhưng vấn đề là Cao không có gì ra vẻ một con hùm. Ông ta chỉ giống một con mèo rừng ở hình dáng béo nhờn và tính cách ranh mãnh. Ông ta thiếu móng vuốt. Vann nghĩ có một cách khắc phục thiếu hụt ấy. Anh sẽ là đối thủ với người hùng của anh, Lansdale.

NGƯỜI MỸ TRẦM LẶNG, một cuốn tiểu thuyết đã tô điểm cho huyền thoại Lansdale và tác động đến Vann, thực tế là một tài liệu tuyên truyền chính trị "viết như viễn tưởng nhưng dựa vào những sự việc" để cảnh báo người Mỹ rằng Hoa Kỳ đang thất bại trước chủ nghĩa cộng sản trong cuộc chiến lý tưởng của những người Á Châu. Xuất bản năm 1958, cuốn sách được bán chạy nhất rồi lên phim, được xem như một mẫu mực chính trị nghiêm túc trong những năm 60. Nhân vật chính trong cuốn tiểu thuyết nhận thấy những nhà chiêm tinh học cũng được kính trọng như những nhà bác học ở Mỹ và không người lãnh đạo nào có một quyết định quan trọng mà không hỏi nhà chiêm tinh học của mình. Do vậy ông ta có thể thao túng những sự kiện chính trị bằng cách thuyết phục thủ tướng là nhà chiêm tinh học giỏi nhất thế giới. Cũng như nhân vật chính trong sách sử dụng chiêm tinh học, Vann dùng tính kiêu ngạo để biến Cao thành hùm và để những người cộng sản Việt Nam hứng chịu hậu quả.

Huỳnh Văn Cao, 34 tuổi vào mùa hè năm 1962, được bổ nhiệm cầm đầu một sư đoàn lúc 29 tuổi. Một kẻ được thăng chức rất nhanh ở bất cứ một quân đội nào. Được một nhà báo Mỹ hỏi về việc được thăng chức nhanh chóng đáng ngạc nhiên, ông ta đưa gậy chỉ vào mình và nói "Trực giác chỉ huy!". Gian "phòng chiến tranh" của ông trên tầng một ngôi nhà ở là bản sao phòng tác chiến của Napoléon. Để sự bắt chước được hoàn hảo, cửa chính phải mở giữa tấm bản đồ phủ kín tường, vào đúng tỉnh quan trọng nhất trong vùng. Ông ta có viết tự truyện dưới dạng một cuốn tiểu thuyết nhan đề LỚN LÊN TRONG LỬA ĐẠN. Ông thích huyênh hoang và không bao giờ rời chiếc gậy nhỏ bằng gỗ ngoại màu sẫm đánh bóng kỹ.

Nhan đề cuốn tự truyện của Cao có phần lừa phỉnh. Ông không tham gia nhiều trận đánh và không bao giờ chọn binh nghiệp vì không có thiên hướng gì. Ông thiếu can đảm và bình tĩnh. Trong một cuộc hành quân, đầu óc quá căng thẳng ông ra khỏi lều chỉ huy để nôn và ra lệnh pháo thôi bắn chặn yểm trợ một đơn vị bộ binh tấn công Việt cộng. Ông bảo tiếng ồn làm ông bệnh. Qua đào tạo hời hợt trong quân đội Pháp và Mỹ, ông có vẻ thông thạo về quân sự, nhưng không có tính chiến đấu. Trí thông minh và sự pha trò lừa gạt gây ấn tượng cho những

tướng Mỹ đi thanh tra vì họ không bao giờ gặp ông lúc căng thẳng.

Bằng cách nào thì sự thông thạo không dính líu gì đến việc thăng tiến như chớp và việc ủy nhiệm ông ta chỉ huy Sư đoàn 7 hai bên con đường chính cách thủ đô Sài Gòn 50 cây số. Ông được chỉ định vì quê quán miền Trung, là giáo dân, sinh ra và được nuôi dạy ở cố đô Huế, thành phố gắn với Diệm. Ở đó bố mẹ anh ta quan hệ thân mật với họ Ngô Đình. Như phần lớn con cái nhà quan hợp tác với Pháp trong Thế chiến thứ hai, ông chọn nghiệp binh vì đây là nghề duy nhất có vị trí trong một đất nước không dùng đủ nhân lực chứ không phải vì ông muốn chiến đấu.

Ông nhanh chóng được thăng cấp trong quân đội Nam Việt Nam dưới thời Pháp, trở thành một chỉ huy đại đội rồi sĩ quan tham mưu một tiểu đoàn. Những chức vụ ấy chỉ là hình thức, thực tế không dựa vào năng lực chỉ huy và kinh nghiệm chiến đấu vì người Pháp bị người Mỹ thúc ép xây dựng nhanh một quân đội bản xứ, không có thì giờ làm cho dạn dày hoặc thử thách các sĩ quan trẻ.

Cao được Diệm chú ý năm 1954 khi được bổ nhiệm vào văn phòng một tiểu đoàn bảo vệ quyền lợi tổng thống đấu tranh với những đối thủ không cộng sản, có Lansdale hướng dẫn. Diệm lấy Cao về phủ tổng thống đưa vào ban tham mưu của mình, mấy tháng sau cho làm chỉ huy trưởng. Diệm cho rằng hai năm giúp việc ở phủ tổng thống và thái độ trước đây của gia đình Cao là sự chuẩn bị tốt nhất cho việc nhận trách nhiệm phụ trách một Sư đoàn. Trước hết, vào năm 1957 Cao được giao những đơn vị nhỏ hơn, sau đó ông theo một lớp thực tập đào tạo ba tháng ở Hoa Kỳ rồi được bổ nhiệm chỉ huy Sư đoàn 7 bộ binh.

Cao có trách nhiệm chủ yếu là lúc nào cũng sẵn sàng nhảy về Sài Gòn để cứu tổng thống và gia đình nếu có những toán quân đội không phục tùng làm đảo chính như các sĩ quan dù tháng Mười một năm 1960 đã làm không thành. Diệm bố trí một hệ thống liên lạc đặc biệt bằng điện đài trực tiếp với Cao và những chỉ huy sư đoàn khác cùng các tỉnh trưởng. Không phải chỉ vì để gia đình ở lại Sài Gòn mà cao biến nhà ở của mình thành một tổng hành dinh thực sự, có hệ thống liên lạc thứ hai giống như một hệ thống của sư đoàn trong trại lính Pháp cũ; nhà ông ta có thể dùng làm cơ sở chỉ huy trong trường hợp cấp dưới phản bội, chiếm lấy ban tham mưu chính thức.

Về lý thuyết Cao nhận mệnh lệnh của thiếu tướng lữ đoàn trưởng đồng cấp với Porter ở Ban tham mưu Sài Gòn. Trên thực tế Cao trực tiếp với Diệm và không quan tâm đến những chỉ thị không phù hợp với tổng thống. Giải thích sự sùng báo tổng thống, ông ta nói “Cụ là hoàng đế của tôi!”. Hoàng đế của Cao là một người quỷ quyệt, bố trí một loạt thiết bị an ninh. Dù Cao là một sĩ quan tin cậy, khác với thiếu tướng lữ đoàn trưởng không kiểm soát được những đội quân của ba sư đoàn trong Quân đoàn mình, ông ta không vì thế mà không bị những sĩ

quan cấp dưới dị nghị. Thiếu tướng tỉnh trưởng Mỹ Tho cũng cầm đầu một liên đội xe bọc thép của sư đoàn. Diệm chỉ định ông ta để bảo vệ mình trong trường hợp Cao có những ý nghĩ đáng lo ngại hoặc sẽ tuột khỏi tay mình vì một lý do nào đó. Xe tăng có thể bảo vệ hoặc giết chết tổng thống. Thiếu tướng thuộc một gia đình địa chủ ở đồng bằng sông Cửu Long liên kết với họ Ngô Đình. Ông là một người anh em họ nhưng rất thân với một sư đoàn trưởng khác đã đưa quân đến cứu Diệm năm 1960. Như những tỉnh trưởng khác, thiếu tướng tỉnh trưởng Mỹ Tho báo cáo trực tiếp với tổng thống, về nguyên tắc "lãnh đạo dân sự".

Mùa hè năm 1962, Vann xác định rõ những điểm yếu của Cao cũng như tình trạng lộn xộn theo ý muốn của chính quyền không ngăn cản anh biến Cao thành một chỉ huy quân sự ngổ ngáo. Anh nghĩ nếu làm cho Cao có vẻ một con hùm, tính kiêu ngạo buộc ông ta chơi vai trò đó cho dù ông ta chỉ là một con mèo đực lớn.

Trong những tháng Sáu và Bảy mỗi lần sư đoàn giết được vài chục Việt cộng, Vann tâng bốc Cao và những đức tỉnh chỉ huy trưởng của ông ta. Anh ca ngợi Cao ngay trước mặt các nhà báo đến lấy tin còn Cao mỉm cười lắng nghe. Từ cuối năm 1962 chính quyền Kennedy bãi bỏ lệnh cấm các nhà báo đi theo những cuộc tấn công của máy bay lên thẳng và những cố vấn khi đi hành quân. Không bao giờ Vann nói công khai bất cứ điều gì làm lộ cách chơi của anh. Ngược lại trong bữa ăn tối sau buổi lễ ở chủng viện đêm trước cuộc hành quân anh khuyên báo chí "nhấn mạnh mặt tích cự" để khuyến khích đồng minh. Faust, Ziegler và những sĩ quan khác thích thú thấy Vann tác động Cao trong một cuộc hành quân. Để Cao chỉ huy như anh muốn, Vann dùng chiến lược "Tôi biết điều ông sẽ làm sau đó vì ông là người chỉ huy như vậy". Trước khi Cao kịp hỏi anh muốn nói thế nghĩa là gì, Vann nói là đã nghe Cao nói về kế hoạch tấn công tiếp theo. Phần nhiều Cao mỉm cười và xác nhận : đúng, tôi đã nghĩ vậy và ra lệnh như Vann mong đợi. Nếu Cao không đồng tình gợi ý của Vann, ông ta vẫn mỉm cười thân mật và nói có ý kiến hay hơn. Vann không chấp nhận tất cả nhưng anh giữ ý không phản bác trước mặt quan chức Mỹ hoặc Việt Nam. Anh dành lại sau đó nói riêng với Cao,

Vann giật dây con rối không uổng công. Thái độ của Cao chứng tỏ điều đó. Ông ta trở nên kiêu căng, tự mãn hơn nhưng cũng biết có thể thăng tiến trong nghề nghiệp nhờ vào hình ảnh của người anh hùng Vann đưa ông ta lên và nhờ thực tế sư đoàn ông giết nhiều Việt cộng hơn những sư đoàn khác. Vann tâm sự với Ziegler chắc chắn kế hoạch sẽ đưa lại kết quả khi anh đánh một cú mạnh để tiêu diệt quân du kích. Theo nhịp độ Việt cộng bị đánh mãi, mỏi mệt, có ngày họ vi phạm một sai lầm nghiêm trọng, khi cố gắng thoát khỏi một cuộc tấn công bằng máy bay lên thẳng. Ngày hôm ấy Vann dự kiến giết hoặc bắt sống một tiểu

đoàn khi tiêu diệt các đại đội tập trung ở cuộc chiến.

Anh hình dung khả năng một cuộc thắng lợi nhờ xác định trong tháng Sáu một cuộc tấn công đặc biệt và thuyết phục Cao ra quân vào tháng Bảy. Anh chuẩn bị chỉ cho Việt cộng thấy bóng tối không phải chỉ dành riêng cho họ. Lần đầu tiên trong cuộc chiến tranh này anh tung ra một cuộc tấn công bằng máy bay lên thẳng ban đêm gây bất ngờ cho địch trong giấc ngủ trước khi trời sáng.

Vann càng tin cuộc hành quân thành công vì bây giờ Cao đã đủ tin anh để mạo hiểm, điều mà không bao giờ ông ta chấp nhận. Khi Vann đưa ra dự kiến đầu tháng Bảy, với lời khuyến cáo quen thuộc "Phải khôn ngoan!", Cao chấp nhận nhưng cố gắng có một sự lựa chọn về mục tiêu Vann nêu lên. Với Prevost lái máy bay, Vann đi quan sát theo lời đề nghị của Cao. Anh chỉ thấy một số lều có thể thỉnh thoảng hơn một chục chiến binh Việt cộng tập hợp tại đó. Anh phỉnh Cao để làm ông ta đổi ý và trấn an rằng những đơn vị tấn công sẽ không bị tổn thấy. Cao càng lo ngại rõ rệt vì những chỗ Vann chọn để đổ bộ ban đêm và ngày tiếp đó xa tầm pháo bắn. Các toán quân đành dựa vào máy bay tiêm kích – ném bom yểm trợ. Hy vọng của Vann càng tăng vì cuối cùng thuyết phục được Cao chấp nhận mức độ mạo hiểm hơn bình thường.

Vann hy vọng tấn công và lần này xóa sổ Tiểu đoàn 504 quân đội thường trực Việt cộng, một trong hai đơn vị bị thiệt hại nặng trong cuộc hành quân ngày 23 tháng Năm do Ziegler lên kế hoạch. Một toán quân Tiểu đoàn 504 sống sót sau trận đánh cuối tháng Năm xin hàng và xin ân xá. Diệm không cho phép một ân xá nào đó đối với Việt cộng cùng đồng minh của họ và việc xin hàng không có trả lời. Drummond theo dõi dấu vết tiểu đoàn đến đầu Đồng Tháp Mười. Theo một số thông tin, những bộ phận của tiểu đoàn kia bị đánh tan tác ngày 23 tháng Năm có thể sát nhập vào 504. Drummond biết tất cả các đơn vị ấy đang được tổ chức lại và đang trong thời kỳ huấn luyện nhưng một trong các đại đội của 504 được nông dân cảm tình nuôi dưỡng ở nhiều làng trong vùng hợp lưu hai con sông nhỏ cách biên giới Campuchia 15 cây số. Họ chuẩn bị vào đêm tới sẽ rời nơi ẩn nấp, tấn công tiền đồn bảo vệ một trang trại nông nghiệp lớn của giáo dân miền Bắc di cư. Drummond đánh giá có một đại đội thường trực và quân địa phương tập trung gần các làng trên tiếp sức cho cuộc tấn công và có khả năng phát hiện ra những đơn vị khác trong những cuộc đổ bộ ban ngày tiếp theo.

Vann chọn nơi hợp lưu làm điểm đổ bộ ban đêm vì những tin tức về đại đội ở đó còn mới và đầy đủ được Drummond thu thập mà cũng vì vùng chữ Y hai con sông tạo thành phi công dễ xác định hơn trong bóng tối. Để kiểm tra lại, Vann đi thám thính lần cuối bằng máy bay lên thẳng cùng Drummond và ra lệnh cho những phi công khác bay qua hai lần ở độ cao 500 mét, cách nhau 10 phút để Việt cộng nghĩ là chuyến bay thường lệ chứ không nhằm theo dõi họ.

Drummond ngồi xổm ở cửa mở, cầm chắc chiếc máy chống gió chụp nhiều bức ảnh còn Vann hỏi phi công có phân biệt rõ đoạn nối hai con sông trong ánh sáng mờ không. Họ đều xác nhận được.

Đại úy Bình, đồng nghiệp với Drummond ở sư đoàn biết một thợ ảnh Mỹ Tho. Anh đưa phim in ra cỡ 25 x 20 và phân phát cho phi công, những người có trách nhiệm về trận đánh và các đại đội trưởng để họ nhận rõ mục tiêu. Cuộc đổ quân ban đêm đầu tiên này sẽ tiếp theo năm cuộc khác nữa với mục đích bắt gọn mọi Việt cộng tìm cách chạy về hướng Bắc và sau đó do thám những điểm đáng nghi ngờ dọc một con kênh chảy về phía tây tới Campuchia. Trạm chỉ huy của Cao sẽ cách Mỹ Tho 60 cây số về tây bắc trong lán trại một đường bay đổ quân ở Mộc Hóa, gần mấy nhà tranh, trại gỗ, xung quanh một nhà thờ,một ngôi chùa và nhà ở của tỉnh trưởng . Ở đây Vann giữ ba đại đội dự phòng.

Vann và Cao thống nhất để khi con mồi đứng lên, quân dự phòng sẽ tung ra phía trước Việt cộng để tiêu diệt họ. Với khoảng ba chục máy bay lên thẳng họ sẽ nhanh chóng di chuyển quân lính trên khu vực không có lau sậy đầm lầy này. Dĩ nhiên một số đổ quân không hiệu quả gì. Quân lính sẽ là dự phòng và máy bay lên thẳng lai bốc lên đưa tới những vùng săn lùng Việt cộng trốn chạy. Cuộc đổ bộ đầu tiên tiến hành với loại máy bay mới H-34 Choctaw có trang bị bay đêm.

Vào lúc năm giờ sáng ngày 20 tháng Bảy năm 1962, mười sáu chiếc H-34 lượn trong đêm trước khi lần lượt đổ xuống cánh đồng Mộc Hóa được giới hạn bằng những điểm sáng. Vann và các cố vấn đã bố trí đốt lửa những xô đựng cát tẩm dầu xung quanh khu đất. Máy bay đến từ cơ sở Hải quân trên sân cũ của máy bay tiêm kích Nhật trong Thế chiến thứ hai ở Sóc Trăng mạn đồng bằng phía dưới. Hai đại đội lính Việt Nam mà một được trang bị súng bắn nhanh Armalite, được tập hợp tại đây một ngày trước. Tổ chức lại thành ba trung đội tấn công, binh lính xếp theo hàng cách nhau đều đặn từng nhóm 12 người mỗi máy bay. Sau một cuộc hội ý nhanh của cố vấn với phi công, động cơ khởi động và những ngọn lửa xanh, vàng từ ống xả lại chọc thủng màn đêm.

Cánh tay gập lại trước mặt chống cát bụi cánh quạt tung lên, những người lính bộ binh Nam Việt Nam nhỏ thó trèo lên khối máy bay. Bên trong ánh sáng yếu ớt từ tấm bảng điều khiển và những chiếc đèn vàng của buồng lái. Họ ngồi bệt xuống, đưa một tay vịn vào nhau hoặc nắm lấy dây đai ni-lông dọc theo thành máy bay. Mặt khác họ cố giữ súng khỏi rơi hoặc tránh cụng đầu vào nhau trong lúc phi công mở hết tốc lực. Tiếng ồn dội lại từ buồng lái rung lên. Sau va chạm và đung đưa, máu bay lên thẳng nghiêng về phía trước để bốc lên tiếp nối nhau thành hàng với ánh đèn nhấp nháy trong đêm.

Lính Việt Nam sợ hãi. Có thể thấy nỗi sợ trên mặt họ. Ngược lại các đại úy

Mỹ phấn khích vì sắp sửa hành động. Cũng như Vann và đồng nghiệp trong năm đầu này, họ nghĩ bây giờ đi chiến đấu để đến ngày thắng lợi vì lợi ích của đất nước.

Bốn mươi lăm phút sau họ xác định được ánh sáng xanh hình chữ Y nổi lên qua mảng sẫm cây cối bao quanh những ngôi nhà dọc theo bờ sông. Máy bay hạ xuống ba điểm lựa chọn ở chỗ nối hai con sông, tắt đèn báo để không làm bia cho một Việt cộng tình cờ gặp báo động. Sĩ quan Sài Gòn và các đại úy Mỹ hét lên để át tiếng động cơ và binh lính đứng dậy ra trước cửa. Bánh xe bắn tung nước ruộng vào sáu giờ ba phút, 15 phút trước bình mình; 200 người nhảy xuống nước đến đầu gối, bắt đầu lội đến các ngôi nhà. Phi công bốc lên, lại bay về phía đông và khu Mộc Hóa cách 25 cây số, đến gặp lại 13 "quả chuối bay" từ Tân Sơn Nhất tới để lấy quân vận chuyển tiếp. Trong lúc đó một chiếc hai động cơ C-47 bay trên đầu những người tập kích, thả pháo sáng như mặt trời nhân tạo xua tan bóng đêm cuối cùng.

Vann hình như chơi không may. Xóm làng chỉ còn đàn bà, trẻ em và người già. Ngồi ở ghế sau chiếc máy bay quan sát Cessna để dò tìm Việt cộng suốt đầu buổi sáng và điện thoại liên lạc với các cố vấn của mình, Vann rủa thầm nghĩ rằng cuộc tấn công ban đêm đầu tiên này được lính thủy đánh bộ thực hiện với biết bao công phu đã không đưa lại kết quả gì cả. Đại đội của Tiểu đoàn 504 mà Drummond tưởng ở chỗ hai con sông giao nhau đã đi từ hôm trước. Một trung đội lính địa phương ở trong một xóm đã thoát theo dọc sông; thực ra máy bay lên thẳng của quân đội từ Sài Gòn đến chậm nửa tiếng làm lỡ cuộc đổ quân biệt kích có nhiệm vụ chặn đường. Vann trở về Mộc Hóa cố gắng giải quyết tình huống bất ngờ này và cho tiếp tục chuyển quân. Anh không tìm được giải pháp và cuộc tập kích tiếp theo chậm mất hai tiếng rưỡi. Giận sôi lên, anh thấy người ta vạch một con số không trên bản đồ.

Cuộc đổ quân thứ tư nhằm mục tiêu hai xóm cách 11 cây số phía trên, dọc con kênh từ con sông đi về hướng tây và Campuchia. Vann chọn địa điểm này vì anh cho rằng Việt cộng có thể xây dựng cơ sở ở đây, thuận lợi vận chuyển đường thủy. Sử dụng hai mươi chín máy bay lên thẳng hiện có, anh lần lượt đưa đi hai lực lượng tấn công vào phía bắc các xóm lúc chín giờ năm mươi phút sáng. Họ gặp 150 quân nổi dậy. Lần này Vann ở lại trạm chỉ huy. Liên lạc điện thoại cho anh biết một số Việt cộng bắn súng tự động và phần lớn mặc đồng phục ka-ki, điều gần như chắc chắn đây là đội quân thường trực. Kết quả, thông tin của Drummond là chính xác. Vann bù lại cho sự thiếu hụt cụ thể bằng dùng địa hình phát hiện Việt cộng có thể ở chỗ nào và dựa vào kỹ thuật thăm dò của Ziegler để thẩm tra linh cảm của mình.

Những người Việt cộng thấy pháo sáng trong những buổi tập kích ban đêm và

quan sát máy bay lên thẳng trong những cuộc đổ quân ban ngày. Phản ứng đầu tiên họ nghĩ là mạng lưới dăng ra không đủ xa để với tới họ và nếu ở nguyên tại chỗ sẽ an toàn hơn phân tán ngay từng toán nhỏ về phía biên giới Campuchia cách đấy bảy cây số về phía bắc và chỉ ba bốn cây số về phía tây dọc theo con kênh. Lầm lỗi đầu tiên ấy nghiêm trọng hơn khi họ phạm một sai lầm không tha thứ được trong chiến tranh; chạy đến chỗ tàn sát quân địch đã chuẩn bị.

Tấn công gần biên giới, Vann biết xu hướng Việt cộng sẽ chạy sang Campuchia. Họ đã đào những hầm trú ẩn cá nhân ngụy trang kín dưới những rặng cây, bờ bụi trên đường. Đáng lẽ sử dụng những hầm đó chống cự chờ đến đêm có cơ hội thoát ra, họ sợ hãi sau loạt đạn đầu như Vann dự kiến, bỏ chỗ ẩn được che phủ chạy lộn xộn hy vọng tìm nơi an toàn.

Năm phút sau cuộc đổ quân thứ tư, một người quan sát Việt nam trên máy bay nhận ra một đoàn khoảng 100 Việt cộng chạy lộ liễu qua cánh đồng lau lách cao 60 phân đến hai mét, ngập nước gần một mét. Có những người lội giữa lau sậy, những người khác chống những con thuyền nhỏ chở hơn một chục đồng đội. Người quan sát đề nghị cho gọi máy bay tiêm kích – ném bom. Đây là lúc Vann đã chờ đợi từ tháng Năm. Anh gợi ý với Cao để máy bay quần cho đến lúc máy bay lên thẳng chuẩn bị đủ nhiên liệu và đưa đơn vị dự phòng thứ nhất đến để bắt đầu bao vây tiêu diệt. Cao không bao giờ chống đối một cuộc tập kích không quân. Ông ta ra lệnh.

Đạn súng máy cỡ 50 và ca-nông 20 ly trên máy bay xả xuống làm bắn tung nước. Đạn rốc-két nổ trên những chiếc thuyền bay từng mảnh. Những thùng nhôm chứa bom napalm lần lượt rơi xuống vỡ ra trong lau sậy trùm lên Việt cộng một chùm hoa vàng. Nhìn từ bầu trời quang cảnh đẹp lạ lùng. Trong ánh sáng xanh buổi sáng người ta không hề ý thức đến nỗi kinh hoàng bên dưới trong lò lửa. Trên những chiếc máy bay theo đúng lệnh chỉ huy, với vũ khí không thể chiến bại, người ta có cảm giác vui thích đầy sức mạnh. Phi công hiếm khi biết một cuộc săn lùng nào đẹp hơn. Điện đài thường xuyên vang lên những tiếng nói phấn khích bằng ngôn ngữ Việt Nam, Pháp, Anh hoặc trao đổi với người quan sát điều khiển tầm bắn. Máy bay cánh quạt của họ, Skyraider và Trojan phù hợp với lối bắn trong hành quân vì phi công có thể bổ nhào thong thả hơn và nhắm vào mục tiêu dễ dàng hơn. Lúc máy bay chúi xuống, gió rít bên thân, đạn súng cối và rốc-két tóe lửa dưới cánh. Người ta có thể nghĩ là một cuốn phim Thế chiến thứ hai khi những anh hùng lực lượng Không quân cho quân Đức, quân Nhật một bài học xứng đáng. Những bóng người nhảy ra khỏi thuyền tránh loạt đạn. Trên khoảng đất trống trải rất ít người thoát khỏi. Rồi máy bay bồng bềnh trên lau sậy. Các cố vấn của Vann đếm được khoảng bốn chục xác chết . Lính bộ binh, súng máy và súng bán tự động cũng bắn vào Việt cộng đang

hoảng loạn nhưng máy bay làm chết nhiều người nhất.

Trong lúc máy bay tiếp tục tấn công và máy bay lên thẳng vẫn đổ quân, Vann kích thích Cao tổ chức thu hoạch cuối cùng vụ mùa đã chuẩn bị biết bao công phu này. Hai lực lượng dự phòng được thành lập thêm vào đơn vị đã có. Với ba đơn vị này họ có thể chặn đứng cuộc rút lui của Việt cộng bất cứ về hướng nào. Khi máy bay lên thẳng lấy đủ nhiên liệu, đơn vị dự phòng thứ nhất gồm hai đại đội xuất phát từ đường bay Mộc Hóa đổ quân xuống mạn bắc giữa Việt cộng và biên giới Campuchia. Những toán biệt kích ra quân từ chín giờ năm mươi phút sáng được lệnh dừng lại ở "tư thế rào chắn". Hai đại đội mạn bắc tiến về phía họ theo chiến thuật thông thường "búa và đe". Những Việt cộng thoát được làn đạn máy bay ẩn nấp trong lau sậy sẽ bị giết hoặc bắt sống bởi "lưỡi búa" từ mạn bắc xuống hoặc bị đè bẹp trên "đe" nếu họ tìm cách chạy về mạn nam. Vann lên một chiếc máy bay lên thẳng khuyến khích các chỉ huy Sài Gòn và nắm được những gì xảy ra để hướng dẫn Cao có hiệu quả trong lúc hoạt động đã đi vào giai đoạn cao độ.

Các phi công máy bay lên thẳng chuyên chở quân dự phòng nhận thấy Việt cộng đi về biên giới phía tây. Điều này không làm Vann bận tâm vì đã dự kiến hoạt động này và đã nói với Cao trước khi ra quân. Để chắc chắn mọi việc tiến hành tốt anh gọi điện cho Faust thay thế anh trong lúc vắng mặt ở cơ sở chỉ huy, bảo nhắc Cao gửi đơn vị dự phòng thứ hai về mạn tây bắc chặn toán Việt cộng này với chỉ thị đánh bạt họ về "chiếc đe". Faust làm anh an tâm : đã có sự nhắc nhở này và Cao đã đồng ý.

Chiến thắng Vann dự kiến chuyển biến thành cơn ác mộng bất ngờ bắt đầu một cách thật bối rối. Anh săp bay đến chỗ máy bay tấn công và có thể chứng kiến hiệu quả trên cánh đồng lau sậy, dừng lại để xem việc chỉ huy tiểu đoàn biệt kích bây giờ đang dàn trận làm nhiệm vụ "chiếc đe". Mọi người vui vẻ. Họ phát hiện ra một súng cối 81 thêm vào nhiều vũ khí hạng nhẹ thu được của Việt cộng. Anh khen ngợi họ và bay lên để kiểm tra bước tiến về mạn nam của lực lượng dự phòng đổ quân ở mạn bắc. Lên đến độ cao anh ngạc nhiên nhận thấy binh lính ở nguyên nơi đổ quân. Hạ máy bay xuống để hỏi xem vì sao, anh được đại úy chỉ huy trả lời nhận lệnh của chỉ huy trung đoàn phải ở tại chỗ bố trí "tư thế hàng rào chắn". Vann bảo như thế thật vô lý. Những toán biệt kích đàu đã làm rào chắn và đại tá Cao ngay từ lúc ra quân có lệnh cho tiến về mạn nam càng nhanh càng tốt. Đại úy trả lời "Vâng, nhưng chỉ huy trung đoàn vừa có lệnh qua điện đài phải đóng quân lại không tiến lên".

"Nhưng lạy Chúa ! Vann kêu lên, một chỉ huy trung đoàn có thể vượt qua mệnh lệnh của đại tá Cao từ khi nào vậy ?".

Viên đại úy ngơ ngác không nói gì. Vann hét lên :

“Ông ta có biết những Việt cộng ông định giết hoặc bắt sống đang thoát ra trong lúc ông chần chừ như thế không ?”.

Đại úy nhún vai. Vann đề nghị anh gọi cho tổng hành dinh trung đoàn giải thích tình hình và xin phép tiến lên. Vann trở lại những toán biệt kích đầu tiên để xem chỉ huy trung đoàn có ra lệnh họ tiến về mạn bắc không. Không, họ được lệnh là giữ vững vị trí. Vann quay về đội quân dự phòng. Đại úy nói đã liên lạc với trung đoàn, hỏi kỹ và lại nhận được lệnh ở nguyên tại chỗ. Vann gọi cố vấn của mình ở tổng hành dinh trung đoàn và Faust để Cao giải quyết ngay sự lẫn lộn này. Không có kết quả. Anh cố gắng thuyết phục viên đại úy tiến lên và Vann chịu trách nhiệm. Đại úy từ chối. Vann quay lại toán thứ nhất cố thuyết phục đại úy tấn công lên mạn bắc. Không kết quả. Bốn mươi phút trôi qua trong bàn cãi vô vọng như thế trong lúc Việt công tiến gần đến biên giới Campuchia. Còn những máy bay lên thẳng phải đổ lực lượng dự phòng thứ hai không thấy đến. Khi Vann gọi về tổng hành dinh đòi giải thích. Faust trả lời hình như Cao chối bỏ lời hứa. Anh bèn trở về Mộc Hóa cố vực dậy tình hình.

Đến nơi, anh nhảy ra máy bay chạy lại lán tổng hành dinh nói với Cao phải ra lệnh đơn vị dự phòng thứ nhất tiến lên và cử ngay đơn vị thứ hai về phía tây bằng những máy bay đang có tại chỗ, nếu không Việt cộng thoát ra hết. Cao trả lời ông không thể làm như thế.

- Tại sao vậy ? Vann hỏi.

- Vì chỉ huy trưởng Trung đoàn 10 không muốn san sẻ thắng lợi của mình cho một trung đoàn khác.

Chỉ huy trưởng Trung đoàn 10 ấy là người đã ra lệnh cho lực lượng dự phòng ở lại tại chỗ. Đấy là một trong các tiểu đoàn của ông ta được thả từ đợt bay đầu tiên xuống còn những đơn vị dự phòng thuộc về những trung đoàn khác.

Vann kinh ngạc đến nỗi không tìm ra lời, hiện tượng hiếm có ở anh.

“Sao ?” Anh nói, nhìn thẳng vào mắt Cao.

Cao bình tĩnh mỉm cười, nhắc lại điều vừa nói.

Vann phải đấu tranh để kìm mình lại. Anh kéo Cao riêng ra tránh làm ông ta lúng túng trước cấp dưới. Anh bảo không thể để một ai đó ganh tị làm cản trở thắng lợi của cuộc chiến. Chính ông ta chỉ huy sư đoàn, phải vượt qua người dưới quyền để ra lệnh. Không có nguy cơ nào cả. Quân số của họ vượt xa Việt cộng. Cao chỉ có hai người chết và một chục bị thương và hiện có thể 200 Việt cộng đang sống đi về phía Campuchia. Cao không thể để thoát những người cộng sản để sau này trở lại chiến đấu. Ông phải bảo vệ danh tiếng một chỉ huy năng nổ. Hôm nay ông có dịp thực hiện một chiến công chưa từng có, có thể nắm bắt cả một tiểu đoàn Việt cộng, không hành động thì có vẻ như một người

hèn.

Cao vẫn vô cảm và nói không muốn làm phật lòng chỉ huy trung đoàn.

Nhưng rồi Vann cũng thuyết phục được Cao cho triển khai đội quân dự phòng về mạn nam; họ không lên đường trước hai giờ chiều, nghĩa là ba tiếng sau cuộc đổ quân trước. Việc Vann cố nài ép đưa lại cho Cao chút ít cố gắng. Binh lính tìm lại được một khẩu súng máy hạng nặng cỡ 50 Việt cộng bỏ lại. Họ cũng phát hiện ra bảy kẻ nổi dậy ẩn mình dưới nước thở bằng thân lau sậy, bị bắn hạ khi bỏ chạy; thu được một số vũ khí hạng nhẹ khác. Cao cho tập hợp ngay chiến lợi phẩm. Ông ta cho máy bay lên thẳng mang khẩu súng cối và vũ khí bắt được trong đợt tập kích lần đầu về và báo cáo với tổng hành dinh Sài Gòn để khoe khoang về những vật đã tịch thu. Vann hầu như tiếc về khẩu súng máy Cao lấy được nhờ anh khi thấy tổng tham mưu trưởng Sài Gòn và một đại tá những ô và a! trước khẩu cối, súng máy và hai mươi bảy vũ khí hạng nhẹ mà phần lớn là súng Pháp có quy lát Cao cho trình bày trước lán trên dãy bàn phủ vải trắng như những chiến tích.

Tổng hành dinh sư đoàn cũng mê mải vì trong niềm phấn khởi Cao bỏ cả việc chỉ huy hành quân, được phần lớn các phó của ông ta bắt chước. Sau này Vann phải tuyên bố trong một báo cáo theo quy định :"Tập trung được sự chú tâm của chỉ huy và ban tham mưu theo dõi được những cuộc hành quân tiếp tục là một khó khăn lớn nhất". Anh sững sờ thấy viên tướng Sài Gòn cho là không có gì đáng chê trách trong thái độ của Cao và cũng tỏ ra chẳng hơn gì ông này. Cao cũng để sổng mất 80 đến 100 Việt cộng ở phía đông khu vực trong lúc Vann mệt nhoài cố đẩy lực lượng dự phòng lên một cách vô ích. Những Việt cộng ấy của Tiểu đoàn 504 chậm lại một ngày ở chỗ tiếp giáp hai con sông. Không một trong hai tiểu đoàn Sài Gòn nào phát hiện và đuổi theo họ mặc dù cố vấn Mỹ thúc giục. Cao cũng không động đậy khi Vann đề nghị. Một chiếc A-26 bay phía trên và Cao với sở thích bình thường về tấn công máy bay, cử đi những máy bay ném bom. Phi công cho rằng giết được 25 Việt cộng. Vann đi máy bay lên thẳng kiểm tra cẩn thận tại chỗ. Lần này máy bay nhấn chìm lau sậy và bụi cây. Không có một xác người nào.

Hôm sau Vann lại phải nhận những tin tức xấu hơn. Cao để lỡ một dịp phá hỏng điều gì đó đối với chủ nghĩa cộng sản quan trọng hơn một tiểu đoàn. Trong rừng phía trên xóm có trại huấn luyện quan trọng nhất miền bắc đồng bằng. Thẩm vấn mười một tù nhân biết một trong hai đơn vị đó là đại đội huấn luyện mà Drummond không phát hiện ra. Đơn vị kia là một đại đội của Tiểu đoàn 504 phụ trách bảo vệ trại. Phần còn lại gồm những thanh niên ở các đội cảnh sát địa phương được tuyển chọn để bổ sung vào các tiểu đoàn thường trực. Đã bốn tháng nay trong trại, họ được đào tạo sử dụng vũ khí, chiến thuật, phương pháp

ngụy trang và những kỹ thuật khác về chiến tranh lật đổ. Drummond phát hiện dưới tán cây có bốn lớp học trang bị bảng đen và trong hai nhà khác là nơi đào tạo về y tế.

Phi công rùng mình lo sợ thấy khẩu súng máy hạng nặng Mỹ cỡ 50 có thể trở thành vũ khí chống máy bay trong những bàn tay có kinh nghiệm. Rõ ràng Việt cộng bắt đầu huấn luyện đánh máy bay lên thẳng. Cảm giác ấy được nhanh chóng khẳng định. Hăng hái thu thập chiến lợi phẩm ngày hôm sau, Cao cử đi hai toán cùng những kíp mìn. Họ phát hiện dưới nước có một chân súng loại tương tự nhưng không có ống, không có máy. Tù binh khai đại đội huấn luyện có ba súng máy cỡ 50 và họ tập cho thanh niên bắn máy bay. Drummond và đồng sự Việt Nam Bình tìm thấy trong trại những tài liệu giảng dạy giải thích phải bắn phía trước máy bay như thế nào để đón đường bay. Một tài liệu khác chỉ rõ số hiệu ba khẩu súng máy, chắc lấy được của Pháp hoặc của đơn vị Nam Việt Nam vùng khác vì Bình biết ở Sư đoàn 7 không mất khẩu nào. Tù binh kể lại có những Việt cộng dũng cảm cố dùng súng máy bắn hạ máy bay tiêm kích – ném bom trước khi bị giết hoặc chạy trốn.

Sự thất bại hoàn toàn khiến Vann khổ tâm hơn là bất ngờ. Anh không tưởng tượng được trước đây hai mươi bốn giờ đã chuẩn bị tỉ mỉ đến thế, phối hợp tài năng của Ziegler và Drummond và dùng mọi biên pháp mà Cao đã biến tất cả thành số 0. Theo Vann và luật lệ sĩ quan, không thể hy sinh người của mình để quân địch thoát khỏi như Cao đã làm. Việt cộng bị thiệt hại nhiều nhưng còn khoảng 300 thoát được, sẽ có nhiều người sống sót để khôi phục lại các đơn vị. Khung cán bộ sẽ được tăng cường và Tiểu đoàn 504 có thể lại tấn công những tiền đồn và tổ chức những đợt phục kích khác.

Một bê bối chung đáng lẽ đã kết thúc cuộc chơi cùng với Cao nhưng anh muốn theo đuổi mặc dù thất bại. Hơn thế anh sẽ bị tướng Harkins cách chức vì đường lối quan hệ thân mật giữa cố vấn Mỹ và các đồng cấp Việt Nam. Khi một nhà báo của Hiệp hội báo chí xin đi máy bay lên thẳng từ Sài Gòn đến Mộc Hóa, Vann cho biết cảm giác từ đầu đến cuối những việc diễn ra theo kế hoạch đã xây dựng. Anh nói việc đổ bộ ban đêm của lính thủy đánh bộ là một "công việc xuất sắc".

"Họ đổ quân đúng theo giờ quy định và lần đầu hình như chúng ta làm cho Việt cộng hoàn toàn bất ngờ".

Khi Cao thông báo các toán quân của ông và máy bay đã giết đến con số kỷ lục 131 Việt cộng trong một cuộc hành quân thành công nhất trong chiến tranh và một trong số mười một tù binh là đại diện ban chấp hành huyện ủy cộng sản. Vann ý từ không cải chính trước các nhà báo. Anh phải xác định lại sự thật trong báo cáo mật gửi cho Porter và Harkins, nói cụ thể số Việt cộng bị giết "không

quá 90”. Anh đành nén giận nhìn Cao nhận vinh quang của người anh hùng vì không muốn sự thật làm mờ sự nghiệp của ông ta.

Diệm hài lòng đến mực cho Cao tổ chức diễu hành chiến thắng gây ấn tượng nhất ở Sài Gòn kể từ cuộc thao diễn chào mừng thắng lợi năm 1955 của lính dù sau khi diệt đội quân riêng của Bình Xuyên kình địch với Diệm. Đài phát thanh Sài Gòn và báo chí của chính phủ ca ngợi “chiến thắng lớn nhất trong chiến tranh”. Cuộc diễu hành tổ chức vào ngày thứ bảy để thu hút được số lượng lớn nhất viên chức và gia đình đi trong hàng ngũ. Những cô gái đẹp mặc quần áo cổ truyền Việt Nam, áo dài tha thướt xẻ hai bên thân đón tiếp Cao và các sĩ quan của ông ở ngoại vi thành phố để trao tặng dây hoa. Cao vào Sài Gòn đứng trên chiếc xe Jeep chào dân chúng hai bên đường cho đến địa điểm tập trung. Đi đầu các sĩ quan ông ta theo con đường chính đến Nhà hát nhạc vũ kịch Pháp cũ bây giờ là nhà Quốc hội của Diệm. Quân lính đều mặc quần áo chiến đấu, đi ủng, đội mũ sắt cứng trừ Cao với đặc quyền một vị tướng và để được chú ý nổi bật, đội cát-két kiểu bóng chày đang trở thành mốt trong quân đội Mỹ. Ông ta cầm chiếc gậy nhỏ trong tay và một khẩu Colt 45 trong bao da đeo bên hông. Một bệ rộng đặt trước thềm nhà hát trưng bày cho công chúng xem những vũ khí thu được. Huân, huy chương được trao cho nhiều sĩ quan binh lính và bộ trưởng Bộ Quốc phòng gắn một chiếc huân chương trên lá cờ cảu Sư đoàn 7. Cao được đưa vào phủ tổng thống để Diệm tuyên dương công trạng.

Tương phản giữa sự lập lờ đối với công chúng và sự trung thực trong báo cáo mật của Vann chỉ dội thêm tiếng vang về dấu hiệu cảnh báo anh đã thầm lưu ý với thượng cấp. Bây giờ anh biết rõ những bất cập của việc chỉ huy quân đội Sài Gòn mà anh đã nêu ra dần dần trong những báo cáo trước để bắt đầu hiểu tầm cỡ những vấn đề đặt ra cho phái đoàn cố vấn. Các bạn đồng nghiệp và anh được giao dẫn dắt một cuộc chiến bộ binh với một quân đội về cơ bản không hề muốn chiến đấu. Vann đã linh cảm điều ấy khi mới đến chủng viện. Clay bị đánh bại, bị thương trên máy bay lên thẳng vì viên chỉ huy quân đội Việt Nam từ chối đuổi theo thậm chí không bắn vào một trung đội Việt cộng chạy trốn lộ liễu trên đồng ruộng. Và Clay đích thân đuổi theo với hai máy bay lên thẳng. Lần này chỉ huy sư đoàn để sổng quân nổi dậy nhiều hơn mười năm lần. Sự nhát gan ấy đưa đến hốt hoảng thực sự về những nguy cơ và thấy bại tự chuốc lấy. Vann viết “Một tình trạng tệ hại được dựng lên, vì những người chỉ huy dù ở cấp bậc nào cũng không làm gì cả vẫn chỉ huy thậm chí được thăng cấp còn những người xông vào nguy hiểm có thể bị giáng chức nếu không thành công hoặc thất bại nặng”. Mặt khác các sĩ quan Nam Việt Nam không hiểu trách nhiệm của họ. “Những ganh tị ti tiện giữa chỉ huy sư đoàn và đại đội đặt trên nhiệm vụ chủ yếu là tiếp cận tiêu diệt địch và quay lưng lại nhiệm vụ. Các chỉ huy tuân theo mệnh lệnh phù hợp

với h ọ và không biết hoặc điều chỉnh những mệnh lệnh khác". Nếu những cố vấn Mỹ phải thực hiện nhiệm vụ với quân đội Nam Việt Nam, họ phải ý thức được tầm quan trọng của những thiếu sót đó và có những biện pháp thích đáng để cứu chữa. Vann cảnh báo với Porter và Harkins "Trừ phi đào tạo lại toàn bộ quân đội Việt Nam để chỉ huy theo thứ bậc mà nền tảng là tuân thủ mệnh lệnh, người ta không bao giờ đạt đến hiệu lực chiến đấu ở mức độ chấp nhận được".

Một sĩ quan quân đội Hoa Kỳ được đào tạo chiến đấu hết sức mình với những gì người ta cung cấp. Thừa nhận khả năng thất bại không có nghĩa chấp nhận nó mà ngược lại là một kích thích phải kiên trì, hình dung thất bại sẽ không xảy ra. Thái độ ấy ở Vann rõ rệt hơn ở đại bộ phận các sĩ quan vì anh kiêu hãnh không bao giờ để một thách thức thắng mình. Anh công nhận một phần lời thanh minh của Cao giải thích viên chỉ huy Trung đoàn 10 đã cản trở ông đuổi theo Việt cộng. Anh không đồng tình với Cao nhưng biết ông ta có những vấn đề với các tỉnh trưởng và nghĩ rằng việc chỉ huy có lẽ do một người thân tín khác của Diệm đảm nhiệm.

Thực ra Cap có quan niệm lành mạnh về cuộc chiến tranh này. Ông ta không dấu diếm ý muốn ngăn cản chủ nghĩa cộng sản áp đặt nền chuyên chế nghiêm khắc ở miền Nam. Ông nói, khi nắm quyền họ sẽ từ bỏ lời hứa chia ruộng đất cà những quyền lợi khác của nông dân. Họ sẽ tàn sát những người thực sự hoặc có khả năng đối lập, thiết lập hợp tác xã nông nghiệp, xóa bỏ tôn giáo, phá hủy những tập tục Việt Nam và một số tự do cá nhân mà nhân dân miền Nam được hưởng dưới chế độ Diệm để xây dựng xã hội độc tài mác-xít.

Vann cũng nghĩ những người cộng sản sẽ phạm tất cả những tội ác ấy nếu họ thắng trong chiến tranh. Anh kết luận tuy Cao có lỗi ông ta nhưng là người yêu nước Việt Nam, một người dân tộc trung thực muốn đưa lại cho đất nước giải pháp thích hợp của một chính phủ chống cộng sản ở Sài Gòn, hiện đại hóa dần dần với sự giúp đỡ của Hoa Kỳ. Anh đồ chừng miền Nam Việt Nam đối với Cao cũng như đất nước Hoa Kỳ đối với anh và với thời gian anh có thể khuyến khích lòng tự trọng, khiến ông ta xử sự như một nhà chỉ huy quân sự mà nước ông đang cần.

Sự kiện ngày 20 tháng Bảy đối với Vann như vậy trở thành mặt trái chứ không phải một thất bại. Tháng Tám,, anh gửi về cho Mary Jane một bức ảnh Cao và anh đứng bên nhau trước lều vải trong một cuộc hành quân. Anh cho tô màu tấm phim đen trắng ở một cửa hàng Mỹ Tho để có vẻ hiện thực hơn. Vann nhìn ống kính và Cao nhìn vào Vann. Ở lưng tấm ảnh, Vann viết bằng bút bi :

Vann và Cao

Tháng Tám năm 1962

Kíp US Việt Nam tốt nhất để đánh thắng những người cộng sản

Dù Vann muốn bỏ Cao, anh cũng không có khả năng nào để làm được. Đầu mùa thu 1962 anh đã trở thành tù nhân của chò trơi của anh "Cao, con hùm" nhờ số lượng Việt cộng bị giết theo chất lượng kế hoạch bố trí và thông tin cũng như tác động của kỹ thuật công nghiệp Mỹ : máy bay lên thẳng, xe bọc thép và máy bay tiêm kích – ném bom. Vann bị mắc vào bẫy của thành công bề ngoài. Trong bốn tháng sau khi anh đến, số lượng Việt cộng bị giết ở Sư đoàn 7 do tập kích trên bộ và bằng máy bay lên thẳng là 4.056 người kể cả những người hỗ trợ ở làng xóm, bằng cả trong nước cộng lại. Con số này được sĩ quan Sài Gòn cung cấp gồm cả tổng kết những cuộc tấn công của quân bảo an và cảnh sát địa phương mà người Mỹ không bao giờ có mặt để xác định. Dù số liệu nói quá lên 50% - tỷ lệ mà cố vấn Mỹ cho là hợp lý ở miền Nam Việt Nam – 2.000 người chết trong 4 tháng là một tổn thất nghiêm trọng cho Việt cộng ở mạn bắc vùng đồng bằng. Đúng là không một tiểu đoàn thường trực hoặc địa phương nào bị tiêu diệt, nghĩa là không có một số lượng chết như thế để đủ người sống củng cố lại đơn vị. Nhưng con số đã khá cao để chẳng bao lâu họ sẽ bị loại khỏi vòng chiến đấy. Vann bắt đầu tin tưởng nếu anh có thể giữ nhịp điệu hành quân như hiện nay, tác động dồn dập sẽ đập tan được lực lượng của Việt cộng dù cao từ chối trả lương tình nguyện cho bộ binh. Sáu cuộc hành quân trong tháng Tám và tháng Chín được trả bằng hàng trăm thiệt hại của Việt cộng. Ngày 18 tháng Chín một cuộc tập kích khác ở Đồng Tháp Mười vào Tiểu đoàn 502 quân thường trực còn có kết quả lớn hơn nhiều "chiến thắng lớn" trên giấy của ngày 20 tháng Bảy. Một đại đội Việt cộng và hàng trăm quân địa phương phối hợp bị xe bọc thép hủy diệt hoàn toàn.

Việt cộng cố gắng tổ chức một hàng phòng ngự phía sau bờ ruộng ngập nước nhưng những con quái vật bánh vòng sắt nghiền nát hết và bắn vào họ trong lúc đạn của họ nảy lên một cách vô ích trên vỏ thép. Phía trong xe tăng lính đứng trước cửa xe bắn xối xả. Khẩu súng máy lớn 50 bố trí phía trước cắt ngang những người chạy trong bùn bết vào chân, nước cao đến thắt lưng. Những người sống sót cố ẩn mình trong nước thở bằng cọng lau rỗng hoặc để hở mũi trên mặt nước. Nhưng những lái xe bọc thép phá vỡ mưu mẹo ấy bằng chuyển động mười tấn sắt của họ từ trước ra sau làm dồn sóng. Lựu đạn của quân lính Sài Gòn cũng làm họ lộ mặt. Khi một trong bọn họ bị lộ, lái xe tiến về phía ấy, chồm lên nghiến nát họ nếu họ chưa bị đạn giết chết.

Ngày hôm ấy 158 Việt cộng bị giết và 60 bị bắt sống. Vann gửi cho Mary Jane mẩu cắt ở bài báo trang nhất bằng tiếng Anh ở Sài Gòn, Times of Viet Nam. Anh viết trên đề mục bằng chữ lớn "Cuộc tàn sát lớn nhất trong cuộc chiến tranh ở Việt Nam". Diệm khen thưởng Sư đoàn 7 phần thưởng quân công của quân đội

Nam Việt Nam, một dải tết sợi nhiều màu tất cả quân lính mang ở vai trái, theo tập tục Pháp được Hoa Kỳ và các quân đội phương Tây sau đó bắt chước. Đây là lần đầu tiên phần thưởng này được tặng cho cả một sư đoàn AVRN. Diệm thông báo với Cao có ý đinh thăng chức cho ông ta cấp tướng và ủy nhiệm ông ta chỉ huy một Quân đoàn.

Về phần mình Vann trở thành cố vấn tin cậy của tướng Harkins. Không phải vì những báo cáo của anh trở nên lạc quan hơn. Chúng vẫn được viết với sự thật tàn ác, đặc điểm của báo cáo ngày 20 tháng Bảy. Một trung tá nào đó có lẽ đã trình bày các sự kiện tích cực hơn, phù hợp với ý muốn thắng lợi của quân đội, nhưng Vann không nương nhẹ các khía cạnh. Chủ đề luôn trở lại là anh và các cố vấn là không thể tiến lên với mục tiêu lâu dài : biến quân đội Việt Nam ARVN thành một quân đội có thể chiến đấu và đánh bại chiến tranh du kích. Harkins có vẻ không bối rối trước những tiêu cực trong các báo cáo của Vann. Viên tướng và ban tham mưu của ông đánh giá, trong cuộc chiến tranh không có mặt trận này, cách đo tốt nhất những tiến bộ đạt được là số lượng Việt cộng bị giết, theo lối nói của bàn giấy là “việc tính toán xác chết”. Sĩ quan tham mưu Sài Gòn phụ trách trình bày một cách quen thuộc với những người mới đến và khách đến thăm theo lối nói ít rùng rợn hơn “Trong một cuộc chiến tranh không có một chiến tuyến nào, chỉ số tốt nhất về những tiến bộ đạt được là chỉ số thiệt hại”.

Các sĩ quan báo chí của Harkins khuyến khích các phóng viên mặt trận đến các phân đội của Vann và đi theo những cuộc hành quân của sư đoàn 7. Các đại biểu Quốc hội, những tướng tá và nhân vật dân sự của Lầu Năm Góc luôn được cử đến để nghe một bản trình bày của kíp Vann – Cao, những quán quân về số lượng người bị giết. Theo chiến lược của mình, Vann dạy cho Cao thành chuyên gia về thông tin tỏa sáng tinh thần tấn công trên bục phòng chiến tranh trong nhà ở của ông ta. Vann cũng bố trí cho Cao những bản đồ và đồ thị maù cũng như những cuốn phim dương bản không làm mất vẻ đẹp của dụng cụ dùng ở Lầu Năm Góc. Nếu Cao luôn là nhân vật trung tâm của những cảnh ấy, thì Vann chỉ giới thiệu một cách ngắn gọn. Anh đã học nghệ thuật trình bày cô đọng khi còn là thiếu tá trẻ ở tổng hành dinh quân đội Mỹ ở châu Âu. Anh tập dượt ở đó đến mức làm chủ sự hài hòa của những thống kê và những chuyện kể truyền cảm có tác dụng mạnh và gây được lòng tin ở người nghe. Sau khi anh đi khỏi đó đã lâu người ta vẫn nhớ đến anh như một sĩ quan báo chí tốt nhất. Ở Việt Nam anh cũng tác động mạnh đến thính giả. Nếu có thì giờ, thường hiếm trường hợp ấy, Vann đưa viên tướng hoặc quan chức Lầu Năm Góc lên phòng khách tầng một của chủng viện để trao đổi riêng nhưng với giọng khác hẳn. Nếu không anh để cho ban tham mưu của Harkins tỉ mỉ truyền đạt lại những gì anh trình bày trong các báo cáo. Nhưng những chính trị gia và các nhà báo không bao giờ được

hưởng ân huệ đặc biệt đó.

Cao khoái trá về những lời khen và triển vọng được gắn những ngôi sao cấp tướng. Ông ta thông báo với các phóng viên đến tổng hành dinh của ông :" Hôm nay tôi giết được 50 Việt cộng". Ông bắt đầu biết rõ nghề quảng cáo. Mỗi lần "việc tính toán xác chết" lên đến con số tương đối cao, ban tham mưu của Harkins hoặc phủ tổng thống, chắc chắn báo chí – gồm cả phóng viên Pháp và Việt Nam – đưa người thắng trong cuộc chiến này lên hàng đầu. Horst Faas, nhà nhiếp ảnh của Hiệp hội báo chí, người hai lần được giải thưởng Pulitzer trong 10 năm ở Việt Nam, một hôm đến trước các nhà báo khác. Ông thấy Cao đang dựng lại trận đánh. Lính Nam Việt Nam kéo thân thể những Việt cộng đặt vào vị trí chiến đấu với vũ khí bị tịch thu trước mặt. Cao bước đĩnh đạc, chiếc gậy nhỏ trong tay, hướng dẫn việc dàn cảnh.

Nhiều người phó của Vann khó chịu về chiếc mũ dắt lá rừng Cao đội khi ra khỏi lều. Họ bắt đầu nghĩ Cao làm hơi quá đáng; ông ta xoa tay khi máy bay tiêm kích – ném bom hoặc xe bọc thép thực hiện được một chiến công và tự hào đã giăng bẫy Việt cộng.

Theo lời Ziegler, bây giờ ông ta chơi lối lám tướng. Ông lắng nghe Vann nói cần phải khôn ngoan, để anh giải thích một ít nữa rồi bĩu môi chán nản, tuyên bố không muốn tranh cãi nhiều. Nếu Vann cố gặng, ông đứng dậy nói "Ông là một cố vấn. Tôi là chỉ huy trưởng và chính tôi quyết định".

Vann cố tự chủ nhưng những người phó của anh biết anh tự kìm mình khó khăn đến mức nào. Anh đỏ mặt và giọng mũi của anh càng khàn. Trở về chủng viện anh để cảm giác thất vọng của mình bùng lên, chửi Cao với những lời rủa thừa kế từ thời thơ ấu nghèo khổ ở ngoại ô Norfolk.

Trong một cuộc tranh cãi, anh ra hiệu cho Faust và những cố vấn khác đi ra rồi nắm cánh tay kéo Cao lại trước tấm bản đồ. Từ xa những phó của anh thấy anh chỉ nhiều lần vào chỗ hổng Việt cộng thoát ra. Họ nghe anh nói với Cao giọng nhỏ cố nén giận. Cao phải cáng đáng trách nhiệm tinh thần của sĩ quan và binh lính. Ông ta phải bịt lối ra và tiêu diệt tiểu đoàn ấy không để Việt cộng sống sót. Các cố vấn chờ đợi Cao ra lệnh cho bộ binh lên máy bay lên thẳng. Vann nổi nóng và ý kiến của anh chắc chắn sẽ có giá trị. Lần này Cao không ra vẻ tướng nữa. Ông ta đành ra khỏi lều không nói một tiếng. Faust bắt đầu tự hỏi Cao có phải là một cộng sản bí mật không.

Nhờ những thiệt hại Vann gây ra cho Việt cộng, anh được tướng Harkins coi trọng đến mức khi Maxwell Taylor trở lại Nam Việt Nam trong đợt kiểm tra ngắn vào tháng Chín, anh là một trong những sĩ quan được mời đến ăn trưa cùng ông ta ở chỗ Harkins tại Sài Gòn. Đã gần một năm trôi qua kể từ đợt Taylor sang đây vào mùa thu năm 1961 thúc đẩy nhanh quyết định của Kennedy đưa lực

lượng quân sự Mỹ can thiệp vào cuộc chiến tranh. Lần này Taylor sang xem có những tiến bộ gì sau một năm. Vann được chọn đại diện cho các cố vấn cấp sư đoàn cùng ba người khác cấp thấp hơn, một thiếu tá và hai đại úy. Họ sẽ trình bày với Taylor ý kiến thẳng thắn của mình về tình hình khu vực đang đánh nhau.

Vann rất phấn khởi vì dịp may được nói hết những suy nghĩ của mình với một người có khả năng tác động đường lối đến cấp cao nhất và vực dậy tình hình. Kennedy đưa Taylor đã về hưu năm 1961 ra làm cố vấn quân sự. Tháng Bảy, tổng thống xác định lòng tin của mình khi cử ông này làm tham mưu trưởng quân đội. Khi được phát biểu, Vann có ý định trình bày với Taylor quan điểm trung thực và tàn nhẫn như đã nói trong những báo cáo mật gửi Harkins. Anh thất vọng nhận thấy những lo ngại của anh không làm nảy sinh tinh thần khẩn cấp như anh hy vọng ở Harkins. Porter thông cảm với điều đó nhưng không tác động được với cấp trên. Chính anh John Vann ấy, tháng Năm trên đường đi Mỹ Tho, tin tưởng sẽ thắng trong cuộc chiến tranh, đến tháng Chín chẳng còn tin chắc có thể hoàn thành nhiệm vụ đươc giao trong khuôn khổ áp đặt và lo ngại cho tương lai.

Thành công ngoài mặt làm giảm nhẹ sự lo toan của anh nhưng không làm mất hẳn hoặc bớt đi. Anh vẫn hy vọng tiêu diệt các tiểu đoàn Việt cộng qua mặt Cao vốn không có trách nhiệm, anh không biết dự tính có thể làm được không. Có nhiều cơ may những quân nổi dậy cộng sản sớm muộn sẽ không sợ nữa và chiến đấu thông minh hơn và như vậy sẽ kết thúc việc tàn sát dễ dàng. Trong lúc chờ đợi, thậm chí anh không đạt được những mục tiêu tối thiểu đã xác định với Porter. Sau bước đầu sốt sắng, Cao không hợp tác nữa trong những vấn đề sơ đẳng như việc huấn luyện quân lính tập bắn và chiến thuật bộ binh. Ông ta không bao giờ cho phép tiểu đoàn nào tham gia hết ba tuần lớp họcVann tổ chức ở trung tâm Tân Hiệp và không một quân lính nào khi về trại thực hiện một động tác giống như đã được huấn luyện. Những báo cáo hàng tháng của các cố vấn đều đặn nêu lên phần lớn thời gian các đơn vị “nghỉ ngơi”. Khi một tiểu đoàn đến Tân Hiệp, mấy ngày sau Cao gọi trở về phần nhiều là để đuổi theo một toán Việt cộng đánh chiếm một vị trí tiền tiêu hoặc phục kích. Vann chắc chắn Cao cũng biết như anh trong trường hợp ấy không thể có kết quả vì Việ cộng đã chuẩn bị cẩn thận việc rút lui. Nhưng Cao không bao giờ muốn nhận ra điều đó. Vann nghi ngờ ông ta đi săn lùng một con mồi không tìm thấy duy nhất chỉ để tạo cho phủ tổng thống có cắm giác ông ta luôn ở tình trạng báo động. Sau đó ông ra lệnh cho tiểu đoàn về trại “nghỉ ngơi” thay vì trở lại trung tâm huấn luyện. Việc đào tạo quân lính chiến đấu không phải một trong những ưu tiên của Cao. Ông ta cho rằng họ đã được tập dượt kỹ.

Cao cũng cản trở những cố gắng của Vann muốn mở rộng việc tuần tra và

phục kích ban đêm nhằm hạn chế Việt cộng tự do nổi dậy ban đêm. Cao chỉ tỏ ra đồng ý lúc ban đầu vì Diệm chỉ thị phải thỏa thuận với người Mỹ khi không thiệt hại gì và ông cũng muốn dễ mến với cố vấn mới. Một khi bước ấy đã qua, ông ta trở lại với thái độ ông cho là hợp lý. Một buổi sớm vừa ăn sáng xong, ông được tin Vann đi tuần tra cả đêm chỉ với năm người. Cao giận dữ mời Vann đến và hét lên dữ dội nếu anh không thôi những ngu ngốc ấy, ông sẽ xin một cố vấn khác. Vann có muốn một sĩ quan Mỹ cấp bậc cao đến trung tá bị bắt hoặc giết để tổng thống Diệm quở mắng ông,Cao, về trách nhiệm và sẽ không bao giờ tha thứ cho ông việc ông đẩy chính phủ vào chỗ lúng túng ? Sự nghiệp của ông sẽ tan vỡ thậm chí Diệm sẽ cho ông vào tù ! Vann trả lời anh chấp hành lệnh của Porter phải hành động ban đêm và tất nhiên phải có người chỉ huy các toán. Anh nhắc lại với Cao anh không phải một người không chuyên và đã học được ở Triều Tiên cách hành quân ban đêm với một toán nhỏ ít nguy hiểm hơn với một phân đội lớn. Cao trong tình trạng giận dữ và sợ hãi đến mức Vann thấy nên có sự thỏa hiệp nếu anh muốn tiếp tục cử sĩ quan, hạ sĩ quan đi tuần tra ban đêm. Anh thống nhất với Cao những sĩ quan cấp cao của sư đoàn chỉ hành quân ban đêm với quân số ít nhất là một đại đội. Còn những sĩ quan cấp thấp và hạ sĩ quan, họ vẫn tiếp tục đi cùng đơn vị nhỏ. Cao cầm chân những người Mỹ như thế rồi ông dùng sức ép một cách khác. Những sĩ quan trẻ và hạ sĩ quan của Vann rất khó tập hợp được những người nhận đi với họ. Cao đã có những chỉ thị cho quân lính mình.

Nhưng Vann còn những lo toan khác ngoài việc tập luyện và tuần tra ban đêm. Anh bị tác động bởi sức bật của Việt cộng. Drummond cho biết một số tiểu đoàn bị anh đánh tan đã có đủ quân số thay thế. Drummond cũng phát hiện thấy mặc dù số lượng bị giết chết trong vùng của sư đoàn từ đầu chiến tranh đến nay rất nhiều, tổng quân số lực lượng thường trực và địa phương của Việt cộng trong năm tỉnh vẫn không thay đổi. Những đơn vị thoát khỏi Vann đã phát triển quân số và bù vào số lượng mất mát của những đơn vị khác. Nghiêm trọng hơn, Drummond được biết trong các làng xóm thuộc vùng này những người nổi dậy nhiều hơn rất nhiều con số 10.000 ước tính lúc đầu. Không biết chính xác con số, anh thấy sự chênh lệch ấy thật lớn. Như vậy có nghĩa những người cộng sản có một lực lượng dự trữ để bổ sung thiệt hại lớn hơn Vann nghĩ.

Trên chiếc xe Jeep đưa anh tới Mỹ Tho sáng hôm 11 tháng Chín năm 1962 ấy, anh nhắc lại cùng một cường độ điều anh đã nói năm 1956 những gì anh sẽ nói với Taylor trong bữa ăn trưa để lưu ý ông ta trong khi anh trình bày quan điểm của mình.Anh phải rất cẩn thận để không tỉ ra là người báo động. Vả lại Vann không tự cảm thấy mình là người chủ trương thất bại. Anh vừa được kích thích vừa lo ngại và anh muốn chia sẻ với Taylor hy vọng lẫn sự e ngại ấy. Khi tổng

tham mưu trưởng quân đội biết được sự thật, ông sẽ nói với Kennedy và khi tổng thống đã hiểu điều gì xảy ra ở Việt Nam, tổng thống có sức ép với Diệm còn Taylor cũng làm thế với Harkins và Vann không còn phải lo lắng nữa.

Khi anh bước qua những bậc thềm ngôi nhà Harkins, mấy phút trước mười hai giờ rưỡi, anh cũng có dáng điệu vững chắc trong bộ quân phục kaki với chiếc mũ lưỡi trai như lúc anh đến trình diện Porter hồi đầu tháng Ba. Giấy mời của anh được viết tay trên một tấm thiếp trang trí cờ hiệu đại tướng bốn sao trên nền đỏ. Ngôi nhà là một khối trắng ở khu sang trọng của Sài Gòn, trước đây do những nhân vật cao cấp Pháp ở. Một con đường vòng bao quanh bãi cỏ được chăm sóc chu đáo. Quản lý ngôi nhà là một trung sĩ Mỹ, còn lại là công nhân Việt Nam. Bức tường cao bảm đảo cuộc sống riêng tư và an ninh nhưng cách đấy không xa là bể bơi và sân tennis Câu lạc bộ thể thao của cộng đồng người nước ngoài và xã hội thượng lưu Việt Nam.

Maxwell Taylor trở về Hoa Kỳ sau bữa ăn trưa ấy hai ngày. Buổi sáng trước khi đi ông họp báo trong phòng khách danh dự sân bay Tân Sơn Nhất. Ông gạt bỏ những câu hỏi của một số nhà báo về khả năng căng thẳng giữa những cố vấn Mỹ và các đồng sự Sài Gòn. Ông nói :

“Phải có mặt tại chỗ để cảm nhận được sức mạnh của tinh thần quốc gia, sự chống trả của nhân dân Việt Nam đối với hoạt động nổi dậy lật đổ đang đe dọa. Cảm giác tôi thu nhận được là một phong trào dân tộc rộng lớn, tất nhiên được người Mỹ giúp đỡ chừng mực nào đó nhưng chủ yếu là một phong trào của những người Việt Nam bảo vệ đất nước họ chống một kẻ thù nguy hiểm và độc ác”.

Vann trở lại Mỹ Tho với những nỗi lo sợ vẫn nguyên vẹn. Anh giải thích điều đó trong một bản tóm tắt về bữa ăn trưa ghi phía sau lưng giấy mời trước khi xếp vào hồ sơ :

“Một dịp trình bày quan điểm với tướng Taylor với tư cách một trong bốn cố vấn (2 đại úy, 1 thiếu tá và tôi). Bữa ăn trưa kéo dài một giờ mười lăm phút. Nội dung chung của cuộc nói chuyện : Harkins trình bày sự nhìn nhận của mình và gạt bỏ những điểm quan trọng tôi muốn nêu lên”.

Trước mắt, Vann rất bận rộn vì mặc dù số lượng thiệt hại của Việt cộng tăng lên, Hoa Kỳ không đánh vào vấn đề cơ bản, việc cung cấp vũ khí cho quân đội do bị quân nổi dậy lấy được. Phái đoàn viện trợ Mỹ cung cấp cho Việt cộng vũ khí Mỹ một cách không chấp nhận được. Từ mùa xuân 1962, 28.000 quân thường trực vùng đất Sài Gòn trong phạm vi sư đoàn đã thay đổi loại súng Pháp cũ có quy-lát bằng súng tự động Mỹ. 10.000 quân bảo an được trang bị một số lượng lớn vũ khí bộ binh US, từ súng M-1 đến liên thanh và súng cối. 18.000 cảnh sát khiêm tốn hơn nhận các-bin nửa tự động cỡ 30, liên thanh nhẹ

Thompson và BAR. Nhưng Harkins và ban tham mưu của ông, trước khi đẩy nhanh chương trìng hiện đại hóa vũ khí, không thấy trước việc không nên phân phối một khẩu súng nào cho những tiền đồn do địa phương quân chốt giữ mà không được xóa bỏ hoặc tăng cường. Nếu không đây là những chỗ quân nổi dậy trực tiếp lợi dụng món quà hậu hĩnh của Mỹ. Việc đã xẩy ra đúng như thế. Bảo an quân và cảnh sát giữ 776 tiền đồn của mạn bắc vùng đồng bằng là mục tiêu chính của Việt cộng. Phần lớn những tiền đồn ấy tiếp thu của quân Pháp (có 2.500 tiền đồn trên địa phận Quân đoàn 3) rất dễ nhận thấy : những tháp xây bằng gạch mà Vann gọi là "những chiếc quan tài gạch" chỉ nửa tá cảnh sát và những lô cốt tam giác tường đất có đường hào bao quanh được bố trí không quá một tiểu đội. Xóa bỏ những "trung tâm cung cấp cho người Việt" như Vann và các cố vấn đặt tên, là một việc nữa trong những ưu tiên anh thống nhất với Porter. Anh đã cho kiểm tra tất cả những vị trí ấy và đích thân tới nhiều chỗ. Sau đó anh đề nghị Cao và các tỉnh trưởng biến 776 tiền đồn ấy thành 216 trại có quân số ít nhất là một đại đội có khả năng tự bảo vệ cho đến lúc lực lượng tăng cường tới. Những trang trại ấy cũng dùng làm cơ sở tuần tra và hành quân địa phương. Cao và các tỉnh trưởng đều trả lời không thể xóa bỏ những tiền đồn, biểu tượng cho quyền lực thống trị và Diệm không bao giờ cho phép. Vann đã tranh luận để họ báo cáo với tổng thống, giữ lại những biểu tượng ấy thật vô lý vì thực tế chúng làm lung lay chính quyền. Hệ thống tiền đồn ấy không chỉ ngu ngốc về mặt quân sự mà còn là sự độc ác. Phần lớn cảnh sát đưa gia đình đến các lô cốt vì nếu họ ở ngoài làng, Việt cộng sẽ bắt giữ làm con tin buộc lính trong đồn đầu hàng. Xác chết và những người đàn bà, trẻ con bị què cụt sau những đợt tấn công là tài liệu tốt cho các nhà nhiếp ảnh của cơ quan thông tin Mỹ. Không lập luận nào của Vann có tác dụng. Anh nhận thấy Cao và các tỉnh trưởng đều gắn bó vô lý với những đồn bốt ấy cũng như Diệm. Những đồn tiền tiêu bị Việt cộng tấn công và bị phá hủy trước khi họ rút đi. Ngay sau đó, các tỉnh trưởng cho xây dựng lại.

Những người cộng sản Việt Nam tuyển mộ nông dân theo khả năng vũ khí cung cấp cho họ. Việc hiện đại hóa trang bị thể hiện ở sự tăng trưởng quân số và các loại súng các-bin, tiểu liên Mỹ mà các đơn vị thường trực và địa phương quân lấy được. Chẳng những không làm gì để ngăn chặn việc cướp trang bị Mỹ ở các đồn điền tiền tiêu mà Harkins còn luôn khuyến khích các cố vấn phân phối nhanh vũ khí mới mặc dù Vann và những cố vấn khác đã cảnh báo. Như vậy là họ sẽ chạm trán với một lực lượng Việt cộng ngày càng trang bị vũ khí tốt hơn. Và nếu chiến dịch tiêu diệt kẻ địch vì lý do nào đó bị gián đoạn hoặc chậm lại, những người cộng sản sẽ có đủ điều kiện khôi phục lực lượng để tấn công, tước đoạt vũ khí Mỹ và trở thành một đối thủ vô cùng đáng sợ hơn Vann có thể tưởng

tượng.

Cuộc chiến tranh này mang một dáng vẻ bỉ ổi vượt quá, bởi thái độ muôn thuở của quân đội Sài Gòn đối xử với nông dân – coi họ như một dân tộc bị chiếm đóng, cướp gà, vịt, hành hạ phụ nữ. Vann đã thấy tù binh bị ngược đãi, bị giết ở Triều Tiên. Những tháng đầu chiến tranh, người Bắc Triều Tiên thường giết những người Mỹ bị họ bắt. Người Mỹ cũng trả thù lại khi có thể. Vann vẫn xem là ngu ngốc khi giết một người có thể khai thác được thông tin. Nhưng anh hiểu binh lính căm giận quá mức trước cái chết của bè bạn nên đã có những hành động bạo hung bạo như vậy. Nhưng những gì anh thấy hoặc nghe ở Triều Tiên vẫn không làm anh đủ khả năng hình dung sự tàn ác của quân đội Sài Gòn đối với những người bị bắt.

Điều tệ hại anh biết là một sĩ quan can đảm, một đại úy gốc Campuchia tên Thưởng chỉ huy đại đội biệt kích ưu tú. Người của Thưởng, phần đông cũng người Campuchia, là binh lính thiện chiến nhất của Sư đoàn 7. Vị trí của Thưởng tương đương chức vụ chỉ huy một tiểu đoàn vì trong chiến đấu thường được giao dưới quyền một đại đội biệt kích thứ hai. Cao tin tưởng đặc biệt Thưởng và đội quân này, không ngần ngại cử đi hành quân riêng lẻ, điều mà Vann không bao giờ nhận được với một đại đội bộ binh thường.

Đại úy Thưởng muốn có vẻ hung tợn. Ziegler lúc đầu huấn luyện cho đại đội biệt kích này và thỉnh thoảng cùng đi hành quân, nhớ lại anh ta là một người sức lực và tương đối cao lớn có nước da đậm của người Campuchia, mũi tẹt, rộng và cặp môi dày. Anh ta đeo kính râm gọng kim loại to. Khẩu Colt 45 bỏ trong bao da mang vai và trước ngực là một dây đeo đạn dự trữ. Thưởng gia nhập quân nhảy dù Pháp rất lâu trước khi người Mỹ thuyết phục Diệm tổ chức những đội biệt kích để chống chiến tranh du kích. Anh ta tự hào về những tiền bối của mình. Đầu hổ với hàm răng mở to, người Mỹ nghĩ ra để làm huy hiệu cho quân lính biệt kích may vào vai áo bên trái những trước túi ngực bên phải là đôi cánh quân nhảy dù Pháp. Anh ta vẫn giữ của lính dù boj quân phục ngụy trang và bê-rê đỏ hoặc chiếc mũ lưỡi trai. Trong một bao ở thắt lưng, anh ta luôn mang một vũ khí Mỹ điển hình, một dụng cụ ưa thích : con dao Bowie, lưỡi nặng, dài 35 phân mà James Bowie đã làm cho nổi tiếng trước khi tự sát ở Alamo.

Ziegler đã ghi vào danh mục những kỹ thuật Thưởng và quân biệt kích sử dụng, thấy có 12 cách. Anh đặt gọi đó là “những phương pháp cứng rắn”, một từ ngữ dùng vào tra tấn.

1 – Buộc xoắn bằng sợi dây thép gai;

2 – Lóc từng mảng da lưng;

3 – Nghiền nát bằng xe cộ hoặc một con trâu;

4 – Dúi đầu xuống bùn trong một phút rưỡi;

5 – Kéo tai thật căng;

6 – Chạy điện bằng máy điện thoại (Hai dây máy điện thoại chạy pin nối với dương vật đàn ông hoặc âm hộ và vú của đàn bà. Quay máy có thể thay cho chạy dòng điện theo ý muốn);

7 – Bắt ngồi trên một cái mai (Lưỡi dụng cụ này xếp được, do quân đội Mỹ cung cấp để đào hố cá nhân được chôn chặt xuống đất. Người tù trần truồng ngồi trên đầu cán bị kẻ tra hỏi dùng hết sức nhấn người xuống);

8 – Găm dao vào lưng (Thưởng trói quặt tay người tù ra sau buộc con dao Bowie ở cổ tay mũi hướng về lưng. Nạn nhân buộc tựa vào một cây to. Thưởng đặt tay vào ngực người tù hỏi vừa nhấn mạnh tay);

9 – Dùng nước làm ngạt thở (Bắt buộc người tù uống nước cho đến khi dạ dày trương lên đau đớn. Hoặc dùng giẻ ướt bịt mũi và đổ nước vào họng);

10 – Đánh dữ dội vào cẳng chân’

11 – Giữ đầu chúi xuống đất, tì gối ép mạnh lên lưng và bẻ khớp vai;

12 – Đánh vào bụng cho đến khi người tù nôn ra và bất tỉnh.

Ziegler làm dấu hoa thị ở số 11, nó phù hợp với hai bức ảnh anh chụp được và dán bằng băng dính trên trang đối diện trong nhật ký của anh. Người ta thấy một lính biệt kích bẻ sai khớp vai một tù nhân và đánh vào dương vật trong lúc người này đang ở trên đất. Ba người bị bắt khác, bị trói tay, do những biệt kích khác canh giữ, đang chờ đến lượt mình. Họ can đảm lạ lùng trước cảnh những người bạn bị tra tấn. Họ quay nhìn rất kiên cường như tập hợp lòng dũng cảm chịu đựng thử thách khi bọn lính hành hạ họ. Mỗi lần Ziegler cố gắng can ngăn Thưởng và lính biệt kích, thì chúng sẽ dấu anh. Nhưng cảm giác bất lực và lo lắng càng mạnh hơn khi những người tình nghi bị bắt ngay tại làng họ. Vì đàn bà, trẻ con bám lấy họ, cầu khẩn biệt kích đừng bắt đi cho đến lúc chúng đấm đá đuổi họ ra xa. Và nếu sự tra tấn , giết hại tiến hành trước mặt các gia đình như thường xảy ra, tiếng kêu van, rên khóc của đàn bà, trẻ con chứng kiến càng làm nao lòng Ziegler hơn là thấy những ngược đãi.

Zieger kể với Vann những điều ấy. Nhưng không chỉ riêng gì lính biệt kích. Vann đã nghe những câu chuyện tương tự từ những cố vấn khác của sư đoàn và những đại úy, thiếu tá làm việc với quân bảo an và cảnh sát. Anh bối rối khi được biết những tù nhân bị bắt được công bố biến mất trước khi được dẫn lên các sĩ quan thông tin của sư đoàn, Drummond và Bình. Vốn có xu hướng nghi ngờ những gì chính mình không nhìn thấy, anh tự nhủ không biết những câu chuyện ghê gớm ấy có phải do những chàng trai trẻ mới thấy chiến tranh lần đầu thổi phồng lên không. Một đêm tháng Bảy anh cùng Ziegler đi theo đại đội của

Thưởng phục kích ở huyện Cai Lậy cách Mỹ Tho 25 cây số về phía tây. Có nhiều may mắn chiến thắng vì đây là vùng của một pháo đài du kích mà đa số nông dân có cảm tình với cộng sản từ cuộc chiến tranh chống Pháp.

Mờ sáng, 7 Việt cộng nghĩ là an toàn, đi qua ruộng ngay trước mặt đại đội. Thưởng chờ họ đến cách dưới một trăm mét mới ra lệnh bắn rồi bao vây, bắt sống. Họ chỉ bị thương nhẹ. Thưởng bắt tù binh xếp thành hàng, rút dao Bowie ra và bắt đầu trò chơi ưa thích. Anh ta đi lại trước mặt những người bị bắt, bảo nhẹ nhàng phải nói thật và sẽ không tha thứ nếu có người nói dối. Anh ta vung lưỡi dao lên không rồi đột ngột dang cánh tay, nắm tóc một nông dân trẻ kéo đầu ra sau cắt ngay cổ họng. Anh ta lại đi tới, lui vừa nhẹ nhàng nói muốn biết rõ sự thật trong lúc nạn nhân rúm người trên mặt đất tay ôm cổ co dật. Những tù binh khác bắt đầu run rẩy như Thưởng muốn. Vann không bao giờ nghĩ anh ta sát hại tù binh trước mắt mình. Anh nghĩ anh ta chỉ dọa họ sợ cho đến lúc anh ta cắt cổ nạn nhân đầu tiên.

- Bảo anh ta ngưng trò thối ấy đi ! Vann kinh ngạc thét lên với Ziegler thay vì với Thưởng.

- Đấy là cách hỏi của anh ta, Ziegler rùng mình trả lời trong lúc Thưởng cắt cổ người thứ hai.

- Nhân danh Chúa ! Vann kêu, lần này nhảy tới chỗ Thưởng. Tôi bảo ngưng trò thối ấy !

Thưởng cắt nhanh cổ người thứ ba để chứng tỏ tiếng kêu của Vann không làm anh ta nao núng, múa dao chỉ những người sống sót bảo thẳng vào mặt Vann :

- Ông muốn giữ chúng à ? Cứ đưa chúng đi đi !

Anh ta không hiểu lời chửi rủa của Vann, lau máu ở lưỡi dao vào quần, cho dao vào bao và bỏ đi.

Một trong bốn người sống sót bị thương ở chân. Máy bay lên thẳng Vann gọi đến để mang tù binh đi chỉ lượn trên đồng ruộng ngập nước mà không đỗ xuống. Thời kỳ ấy do thiếu phụ tùng thay thế, phi công sợ hỏng máy nên không dám cho bánh xe dính bùn. Vann ôm người bị thương trên tay bỏ lên máy bay. Phi công lúc ấy lùi lại làm hai người lăn xuống nước. Tuy chân bị thương, anh Việt cộng ôm lấy Vann đẩy lên và leo lên sau. Ziegler và ba người kia lên theo họ.

Sau chuyến đi ấy, Vann tin rằng những chuyện khác cũng không phải do người ta nói quá lên và việc tra tấn, giết người là những việc thường ngày. Là sĩ quan Mỹ, anh ngần ngại trong việc phê phán đồng minh. Đến cuộc họp cố vấn tiếp đó anh đề nghị không bao giờ để cho những việc bẩn thỉu ấy tung ra ngoài nhưng mỗi lần xảy ra cần cho anh biết và cố gắng ngăn cản họ.

Anh trao đổi những kết luận của mình với Cao và phân tích để ông ta có

những biện pháp kỷ luật, tỏ ra với sĩ quan, binh lính là ông lên án những hành động ấy.

Cao lắng nghe Vann, nhận thấy cần làm cái gì đó nhưng không thi hành kỷ luật Thưởng hoặc một người nào khác và không có chỉ thị gì mới về việc đối xử đúng đắn với tù binh. Kết quả duy nhất Vann nhận thấy là Cao cho các sĩ quan biết ông ta không muốn người Mỹ tham dự vào những hành động đáng tiếc. Một số đơn vị có thói quen làm những việc tàn ác khi nghĩ rằng các cố vấn không thấy. Nhưng phần đông, đặc biệt Thưởng và người của anh ta vẫn tiếp tục như cũ.

Vann có báo cáo việc này với Porter và Harkins hy vọng Harkins can thiệp với Chính phủ Sài Gòn. Anh đã dự kiến không trình bày kỹ với Taylor vì có thể kết quả sẽ ngược lại : một viên tướng đi thanh tra không thích những chuyện tra tấn và giết người. Bao giờ ông ấy cũng sợ bê bối với báo chí. Vann thấy nên tập trung vào một nỗi kinh hoàng khác làm anh thương tâm hơn vì đụng chạm đến nhiều người : việc máy bay ném bom và pháo bắn mù quáng vào các làng xóm, giết và làm bị thương nhiều người dân thường, phá hủy nhà cửa, gia súc của họ, lực lượng Sài Gòn sẽ ngày càng mất cảm tình của dân chúng. Vann có một lý do đặc biệt để nêu vấn đề với Taylor, vì Harkins và những sĩ quan cao cấp của không lực đều liên lụy trong vấn đề này.

Porter đã báo động với Vann về cuộc tàn sát dân thường này trong tháng Ba. Bản thân ông, tháng Giêng đến Việt Nam đã trực tiếp thấy những cái chết vô ích. Ông đã tham dự một cuộc đột kích bằng trực thăng vào một xóm nhà ở Đồng Tháp Mười. Người ta bảo với ông đây là một “làng Việt cộng”. Trước khi các trực thăng đỗ xuống, máy bay ném bom đã tấn công để uy hiếp tinh thần Việt cộng và ngăn cản sự chống cự. Chiến thuật “dội bom trước” đã cũ và được sử dụng lại vào cuối chiến tranh Triều Tiên.

Khi Porter nhảy từ trực thăng xuống cùng những toán tấn công ông không thấy một Việt cộng nào mà chỉ những xác ông già và đàn bà giữa những đổ nát bị bom napalm thiêu cháy. Ông nghe tiếng kêu giữa cột kèo nhà gãy đổ đang cháy : một đứa bé nằm trong bùn gào khóc đòi mẹ. Porter không thấy được người mẹ, chắc bà đã chết hoặc bị vùi lấp đâu đó và đứa bé được đưa đến trại trẻ mồ côi. Không có một Việt cộng nào trong vùng, không một hố cá nhân hoặc dấu hiệu gì chứng tỏ họ vừa ở đấy. Xóm này chắc chắn dưới sự kiểm soát của những người cộng sản cũng như toàn vùng; mặt khác không thấy có một thanh niên nào. Nhưng rõ ràng không một Việt công nào ở trong xóm lúc máy bay ném bom hoặc họ đủ kinh nghiệm để bỏ trốn an toàn khi thấy máy bay thám thính tới. Bom đạn chỉ giết hại đúng những người mà Porter nghĩ đến Việt Nam là để bảo vệ họ chống cộng sản.

Vann chia sẻ lý tưởng của Porter. Một quân nhân trong danh dự và ý thức về nhiệm vụ không giết hại hoặc làm bị thương những người dân thường. Qua những đợt khảo sát trong khu vực sư đoàn, ngay cả trước khi nhận quyền chỉ huy anh nhận thấy Porter không nói quá. Trong năm đầu ở Việt Nam,, Vann đã ít nhất 15 lần chứng kiến những người già, đàn bà và trẻ con bị các đợt ném bom giết hại. Mỗi lần như vậy những cái chết thật vô ích.

Đại úy Bình, đồng sự với Drummond, nhớ lại một sự kiện xảy ra ở tỉnh Biên Hòa phía nam Mỹ Tho. Sau một đợt máy bay tấn công, một số nông dân bị chết và một người đàn bà bị thương nặng. Vann gọi ngay trực thăng đưa bà đến bệnh viện. Bình thấy anh đỡ bà trên tay đưa tới máy bay, từ từ nâng bà lên cửa để hai người trong đội bay đặt bà vào cáng. Khi phi công nổ máy bay lên, Vann quay lại, Bình nhận thấy áo sơ mi và quần anh đầy máu của người bị thương. Bình nghĩ "Đấy là một người Mỹ thực sự quan tâm đến người khác. Không một sĩ quan Sài Gòn nào làm điều ấy". Anh tiến đến xin lỗi Vann nhưng họ chỉ nhìn vào mắt nhau vì Bình quá cảm động không nói được lời nào.

Những người chết hoặc tàn tật ấy vì ý muốn hoặc vì sức mạnh, làm Vann điên giận : không những việc ấy trái ngược với lý tưởng, nó còn là một cách tệ hại dẫn dắt cuộc chiến tranh này. Cuộc chiến tranh chống du kích đòi hỏi phải làm chủ chặt chẽ phi pháo. Anh tự nhủ không có bất cứ một người Mỹ nào có thể hình dung những nông dân Việt Nam mất đi người thân trong gia đình, bạn bè, nhà cửa lại không nổi giận như nông dân Mỹ, trong những trường hợp tương tự. Những người Việt Nam này có một giải pháp : trung thành với một chính phủ và quân đội khác để trả thù.

Vann khó tin được sự tách biệt hoàn toàn khi tự do thả lỏng cho máy bay ném bom và pháo binh. Chỉ một phát súng bắn tỉa đủ làm cả một tiểu đoàn dừng lại và đại úy chỉ huy đòi hỏi máy bay tấn công hoặc pháo bắn chặn vào làng xóm có người bắn tỉa đó. Vann lấy việc đó giải thích cho viên đại úy và Cao. Thật là kỳ cục để một phát súng bắn lẻ chặn được cả một tiểu đoàn và thực sự là tội ác khi qua đó triệt hạ cả một làng. Tại sao không co một tiểu đội đi vòng bắt người bắn, làm cho anh ta sợ hoặc giết đi trong khi cả đơn vị cứ tiến lên ? Dân chúng cần đội quân bảo vệ chứ không phải để tiêu diệt họ.

Các tỉnh trưởng và quận trưởng bố trí móc-chi-ê và súng cối 105 theo cách có thể quay tròn 360 độ và bắn được mọi hướng. Trong một đợt hành quân, Vann ở lại chậm trong lều chỉ huy để cập nhật những sự kiện trong ngày. Anh chỉ một mình với sĩ quan trực và mấy người lính. Một tiếng nói vang lên trong máy bộ đàm. Sĩ quan trực cầm máy, trao đổi ngắn, đến chỗ bản đồ xác định cái gì đó rồi quay lại máy trả lời.

- Có gì xảy ra thế ? Vann hỏi.

- Quận trưởng hỏi chúng ta có quân lính trong xóm này không. Anh kia chỉ một điểm ở bản đồ trả lời. Một nhân viên của ông ta bảo có Việt cộng ở đấy và ông muốn bắn pháo vào.
- Anh trả lời ông ta thế nào ?
- Tôi bảo chúng ta không còn ai ở đấy.
- Thế ông ta không kể đến những dân trong xóm đó sao ?

Người sĩ quan nhún vai. Cách đấy mấy cây số, mócchiê bắt đầu dội vào trong đêm.

Vann phát hiện ra đấy là cách làm thông thường trong toàn khu vực Sư đoàn 7. Các tỉnh trưởng, quận trưởng có quyền nã pháo vào các hướng bất kể ngày đêm. Thậm chí họ không cần đến báo cáo mơ hồ của một nhân viên mật tố giác hôm trước hoặc hôm kia có một số Việt cộng ở một xóm bên cạnh. Vả lại Vann nhận xét, những nhân viên mật ấy tỉnh trưởng tuyển dụng theo ngân sách riêng, trả tiền theo số báo cáo, không bao giờ báo để bom đạn dội xuống những làng có gia đình họ sống. Ngoài ra các sĩ quan Sài Gòn vận dụng theo cách riêng của mình chiến thuật tàn sát và câm đoán. Tùy theo trạng thái tinh thần của họ, các tỉnh trưởng hoặc các chỉ huy quân đội Nam Việt Nam chọn một địa điểm trên bản đồ, chỗ lội qua con ngòi hoặc con sông, một ngã tư đường, một rặng dừa hoặc bất cứ chỗ nào họ cho rằng Việt cộng lúc đó có ở đấy. Và họ ném bom, bắn pháo vào những mục tiêu ấy. Không một quan sát viên nào chỉnh, sửa đường bắn. Pháo binh tính hướng và tầm bắn trên bản đồ. Nhưng rất khó bắn trúng mục tiêu nếu chỉ dựa vào bản đồ, hơn nữa những tài liệu cũ của Pháp họ sử dụng nói chung đã sai lạc; những xóm làng hoặc mục tiêu họ chọn không còn trên bản đồ nữa. Cách bắn hoàn toàn không hợp lý hình như không làm các sĩ quan Sài Gòn bận tâm, vì đã không có biện pháp nào khác sau khi Vann chỉ trích những sai lầm ấy.

Trừ một số người như Bình, không ai có vẻ hối hận khi đạn bom đánh vào những người dân chứ không phải Việt cộng như thường vẫn xảy ra. Dù sao Vann cũng thuyết phục được Cao không dội bom trước khi tấn công bằng máy bay lên thẳng : vừa làm hỏng tác động bất ngờ vừa vô ích vì Việt cộng sẽ bị chấn thương vì máy bay đến bất ngờ. Ngoài điều đó, anh có lập luận, trách cứ, kêu van mấy cũng không hiệu quả. Cao và các sĩ quan khác trả lời với Vann những nạn nhân là người xấu, là thân nhân Việt cộng. Các chỉ huy tiểu đoàn bị Vann chửi rủa vì đã triệt hạ một làng và dân chúng, dẫn anh đến xem một cây to có găm cò hiệu Việt cộng hoặc một khẩu hiệu tuyên truyền viết trên tường một ngôi nhà. John Vann đến Việt Nam để chiến đấu với những chiến binh khác chứ không phải với bố, mẹ , vợ con họ. Việc những người đó là bà con của những người nổi dậy –

và chắc chắn có cảm tình và giúp đỡ họ - không vì thế mà mất đi danh nghĩa những người dân thường. Đáng lẽ Chính phủ Sài Gòn phải cố gắng tranh thủ họ bằng cách đối xử công bằng để rồi họ thuyết phục con trai hoặc chồng họ rời bỏ hàng ngũ cộng sản.

Vann kết luận Cao và các sĩ quan Sài Gòn muốn giết những người ấy, phá nhà, giết gia súc, không phải một cách có hệ thống mà thường để làm họ sợ. Lý thuyết bình định của họ nhằm khủng bố nông dân để họ không giúp quân nổi dậy. Cũng vì thế mà Cao và các nhà chỉ đạo dân sự không làm gì để ngăn chặn những hành động tra tấn và bắn giết. Họ cho như vậy là có ích. Thái độ của họ chứng tỏ "Phải cho những kẻ ấy một bài học, chỉ cho họ thấy chúng ta mạnh và cứng rắn đến mức nào". Câu trả lời Vann nhận được của Cao khi anh chỉ trích những cuộc dội bom đạn mù quáng là phi pháo nói lên sức mạnh của chính phủ và nó buộc dân chúng phải kính trọng.

Khi Porter và Vann đề nghị Harkins phản đối việc tàn sát đó họ thấy ông ta cũng có tầm nhìn hạn chế như những người Việt. Thay vì dùng ảnh hưởng của mình để ngăn chặn những cuộc dội bom, ông ta vẫn tạo điều kiện cho họ làm. Porter và Vann sững sờ vì thất bại của mình.

Viên tướng tư lệnh đến vùng đồng bằng để có những cuộc họp ngắn chỉ thị cho tổng hành dinh hoặc các thủ phủ. Ông đi trên một chiếc máy bay hai động cơ dành cho các sĩ quan cao cấp. Thân máy bay sơn trắng để khác biệt với màu xanh của Không quân. Buồng chính bố trí 8 chỗ ngồi với bàn xếp để làm việc hoặc ăn uống, phía sau là một quầy rượu nhỏ. Harkins cẩn thận giữ gìn cốt cách lịch sự nhà binh. Porter hầu như luôn luôn là người đi cùng nhân danh sĩ quan Mỹ cao cấp nhất trong vùng. Thường Harkins cũng mang theo một sĩ quan Sài Gòn, khi ông đến vùng Sư đoàn 7. Vann và Cao được đề nghị cùng đi.

Bay trên một vùng do Việt cộng kiểm soát, Vann và Porter lưu ý Harkins về những dấu hiệu có mặt họ : đường hầm đào xuyên đồng ruộng để ngăn mương ngòi, sự đổ nát của một đồn tiền tiêu. Khi họ trải bản đồ, Cao và sĩ quan Sài Gòn chỉ vị trí một "làng Việt cộng" hoặc một "xưởng vũ khí" và nói thêm "Phải dội bom vào đấy".

Biết Porter và Vann phản ứng, Harkins bèn hỏi ở những nơi ấy có dân thường không.

- Không, không, chúng đều là Việt cộng, Cao trả lời.

- Chúng đã hoàn toàn bị cộng sản mua chuộc, sĩ quan Sài Gòn nói thêm. Sau đó khi chỉ có họ với nhau, Vann và Porter giải thích cho Harkins làng cho là "làng Việt cộng" cũng giống như tất cả những làng của nông dân vùng đồng bằng. Những người Việt cộng đi qua đó để nghỉ đêm và có thể còn lại vài người

làm quận trưởng lo ngại. Nhưng nếu dội bom nhiều cơ may họ sẽ thoát khỏi. Họ có những hầm kín dưới đất, sẽ nhảy vào khi máy bay xuất hiện. Nhưng hàng trăm người dân khác thiếu chuẩn bị hơn, hoảng sợ và sẽ bị sát hại. Việt cộng hướng dẫn nông dân đào hầm dưới nền nhà phủ rơm dùng làm giường. Như vậy họ có một chỗ ở chắc chắn tại chỗ nếu nhà cửa không bị dội bom napalm hoặc lân tinh đốt cháy.

Về "xưởng vũ khí" Cao chỉ trên bản đồ, Vann và Porter giải thích, qua những thông tin nhận được, trong làng ấy Việt cộng có chế tạo súng với những ống mạ kẽm, nhưng "xưởng" là một túp lều giống như những lều khác. Hoàn toàn may rủi nếu túp lều ấy trúng bom trong đợt dội bom vào làng.

Harkins khó chấp nhận được những điều họ nói. Ông nhìn họ và không tin khi họ khẳng định Cao và sĩ quan Sài Gòn nói dối. Ông ta có cảm tưởng những từ "làng Việt cộng" và "xưởng vũ khí" gợi lên cho ông những hình ảnh trong Thế chiến thứ hai với một trại lính Đức lớn và một xưởng vũ khí khổng lồ. Vì Harkins không bao giờ đi với bộ binh, ông ta không thể nhận thấy những hình ảnh ấy sai khác đến mức nào. Vann và Porter cũng không thuyết phục ông được, theo lối nói của Vann những cuộc dội bom "giết chết nhiều, rất nhiều dân thường hơn Việt cộng và kết quả là củng cố hàng ngũ những người nổi dậy". Harkins bỏ ngoài tai những lời phản đối của hai người và những ngôi làng bị dội bom. Ông ta cũng không kìm hãm đạn pháo, điều mà ông dễ dàng làm khi trang bị vũ khí cho quân lính Sài Gòn.

Các cố vấn Mỹ của hai sư đoàn khác của Quân đoàn cũng đánh giá như Porter và Vann, những cuộc dội bom rất tai hại về mặt chính trị và vô ích về quân sự. Một trong bọn họ là một nhân vật có thế lực, nói chung quan điểm có trọng lượng đối với cấp trên : trung tá Jonathan Fred Ladd, cố vấn Sư đoàn 21 bộ binh quân đội Nam Việt Nam ở phía nam vùng đồng bằng. Bố ông là thiếu tướng, trước kia là bạn và là cấp trên của Eisenhower và Westmoreland. Bản thân Fred Ladd đã là trưởng ban tham mưu của Mac Arthur thời gian đầu chiến tranh Triều Tiên và được tặng thưởng huân chương.

Harkins coi trọng những lập luận của Ladd trong những vấn đề khác nhưng không nghe ý kiến về những nạn nhân dân thường của những trận bom.

Những cuộc bàn cãi bao giờ cũng kết thúc cùng một cách. Khi Cao hoặc một sĩ quan Sài Gòn nêu lên vấn đề "một xưởng vũ khí Việt cộng" hoặc các mục tiêu tương tự, Harkins chứng tỏ sự đồng ý, nói với một giọng đe dọa hơn là hỏi "Thế thì các ông chờ gì mà không xóa chúng trên bản đồ ?". Ông cho Porter và Vann hiểu ông đã chán ngấy những than phiền về dân thường, bị thiệt hại nhưng vẫn lịch sự lắng nghe họ.

Đấy không phải trường hợp của thiếu tướng Rollen "Buck" Anthis, người phi

công hoạt bát chỉ huy toàn bộ Không lực Hoa Kỳ. Tên của Porter bị bêu xấu ở tổng hành dinh Sư đoàn 2 Tân Sơn Nhất. Không lực Hoa Kỳ có ảnh hưởng nhiều hơn những quân lực khác đối với đồng sự Sài Gòn để xây dựng một lực lượng không quân Mỹ - Việt. Trung tâm hành động Tân Sơn Nhất kiểm soát tất cả các phái bộ Nam Việt Nam thực tế nằm trong tay những sĩ quan Mỹ. Tướng Anthis lúc đầu cho rằng những than phiền của Porter là thổi phồng và chỉ có một số tình huống riêng lẻ. Tuy ở cấp tá, Porter không sợ trực tiếp với viên tướng. Ông mời Anthis đến thực địa xem xác đàn bà, trẻ con bị phi công giết hại. Viên tướng lần đầu phản ứng giận dữ và có thái độ ngày càng cừu địch. Họ xoay quanh những lập luận ấy. Anthis công nhận có thể có một số người vô tội bị chết nhưng đó là thảm kịch không thể tránh khỏi của chiến tranh và dù sao mọi người đều biết chiến tranh là điều đáng phỉ nhổ ! Porter đáp lại không phải chỉ một số dân thường mà một số lớn hơn nhiều và đây không phải là một cuộc chiến bình thường. Anthis trả lời chính Porter phóng đại ; chỉ huy không quân Việt Nam và những sĩ quan quân đội nói với ông người chết phần lớn là quân nổi dậy và những cuộc dội bom đã gây thiệt hại nhiều cho cộng sản. Porter lại nói người ta đã lừa dối thiếu tướng, cố gắng thuyết phục ông này với báo cáo của Vann giải thích những cuộc dội bom có nguy cơ ném “những người ấy vào tay Việt cộng”. Anthis không cho rằng việc ném bom gây lợi thế cho cộng sản. Porter tiếp tục bảo nếu Anthis không sợ sự thật, tại sao không đi xác nhận thực địa các nạn nhân bị máy bay giết chết ? Anthis bèn lùi lại với một lập luận pháp lý : bản thân ông cũng như các sĩ quan của ông không ai có sáng kiến ném bom. Những cuộc tấn công bằng máy bay đều do yêu cầu chính thức của chính quyền địa phương, những sĩ quan chịu trách nhiệm về quân lực Nam Việt Nam, những tỉnh trưởng và quận trưởng.

- Nhưng nếu ông nghĩ nạn nhân sẽ là đàn bà, trẻ con và người già, ông sẽ không chấp nhận những đề nghị ấy, đúng không ? Porter cố gặng.

- Không. Nhưng không phải chúng tôi đòi hỏi những cuộc tấn công đó. Chính những người Việt Nam. Anthis trả lời.

Ông ta dựa vào cách đó và cứng cỏi đến mức nổi giận để kết thúc cuộc tranh cãi. Không bao giờ ông nhận lời Porter đi thực địa nữa.

Porter chỉ là đại tá, cố vấn một Quân đoàn, không đương đầu nổi với một viên tướng không quân. Anh không như Vann. May cho anh, anh không có dịp đối đầu với Anthis vì anh sẽ không ở lâu trên cương vị cố vấn Sư đoàn 7. Anh hiểu sâu vấn đề. Mỗi một lực lượng đều muốn đóng vai trò lớn nhất có thể được ở Việt Nam từ khi tổng thống Kennedy đưa Hoa Kỳ can thiệp vào chiến tranh. Vị trí của Không lực sẽ tăng tỉ lệ thuận với việc dội bom. Nếu người ta hạn chế sức mạnh của nó như phải làm, nó sẽ không làm được việc gì đáng kể nữa trong

cuộc chiến này. Lợi ích riêng của Anthis cũng như của lực lượng ông là phải nghĩ những cuộc dội bom tạo thuận lợi cho mọi cố gắng chiến tranh, cho nên ông ta tin. Giáp mặt với xác chết đàn bà và trẻ con sẽ là sự ức chế nhiệt tình của mình. Vann không qui trách nhiệm cho Không lực. Người sai lầm là tướng Harkins đã không hiểu bản chất của cuộc chiến tranh và không kìm hãm xu hướng tự nhiên của tội ác.

Việc ném bom mỗi tháng càng ác liệt dần khi Anthis và ban tham mưu của ông tăng cường sức mạnh không quân Mỹ - Việt. Cuối năm 1961, Không quân Sài Gòn có 70 máy bay. Đến tháng Chín năm 1962 số lượng ấy tăng lên gấp đôi, phi công có thể là Mỹ hoặc Việt. Lực lượng Không lực Hoa Kỳ có 70 máy bay ở tiểu hạm đội Biên Hòa và những đơn vị khác. Số lượng phi công Mỹ ở Việt Nam cũng tăng với nhịp điệu ấy : tháng Mười hai năm 1961 có 400, tháng Chín 1962 lên 2.000, bằng một phần ba quân số Sài Gòn, khoảng 6.500. Mánh lới sơn máy bay B-52 và T – 28 theo màu sơn Không lực Việt Nam che đậy sự phát triển lực lượng không quân Mỹ. Các nhà báo không thể nhận thấy vì bị cấm vào khu vực sân bay Biên Hòa với lý do đây là một “căn cứ Việt Nam” và Chính phủ Sài Gòn không cho phép. Vann theo rõi sự tăng trưởng ấy qua số lượng tăng nhanh các “chuyến bay” và khối lượng tăng liên tục về bom, đạn rốc két, napalm mà máy bay trút xuống. Các chuyến bay thực tế tăng gấp bốn lần, từ 251 trong tháng Giêng 1962 lên 955 vào tháng Tám và không một dấu hiệu nào chứng tỏ đường cong ấy đổi hướng.

Theo thủ tục bàn giấy cổ điển, Anthis và ban tham mưu sáng tạo ra những mục tiêu để giữ vững sự phát triển của các phi đoàn. Do những dịp tấn công các đơn vị Việt cộng được xác định hạn chế vì tính chất cuộc chiến tranh, một loạt mở rộng “những mục tiêu xây dựng trước” được tưởng tượng ra : “những nơi tập trung Việt cộng, tổng hành dinh, các kho vũ khí, các xưởng sản xuất vũ khí” thực ra là những nơi Cao gọi là “làng Việt cộng”. Trong báo cáo từng cuộc hành quân, tất cả những gì được dựng lên đều được gọi là “khối nhà” để tránh phân biệt giữa những lều lán Việt cộng, nhà ở nông dân hoặc chuồng lợn của họ. Đồng thời danh từ ấy thỏa mãn cánh bàn giấy muốn chứng tỏ những cuộc dội bom có kết quả rõ qua số lượng “các khối nhà” bị cháy hoặc phá hủy. Dĩ nhiên những báo cáo chính thức đều ghi tất cả là những “khối nhà Việt cộng”. Trong tháng Chín máy bay ném bom làm nát vụn bình quân mỗi tuần lễ một trăm, theo Vann có thể quan sát trong khu vực mình, phần lớn là những nhà tranh của nông dân.

Luật lệ quy định ở nơi nào và lúc nào có một cuộc tấn công bằng máy bay cho phép kẻ quan sát trên máy bay L-19 quyết định ai chạy trốn đều là Việt cộng. Cảm giác ghê rợn do máy bay rú trên đầu kích động phần lớn nông dân dù đàn

ông, đàn bà và mọi lứa tuổi phải bỏ chạy. Kẻ quan sát gọi điện cho máy bay "Đã trông thấy Việt cộng" rồi chỉ mục tiêu. Sau khi nã súng làm tan tác những người chạy trốn, quan sát viên và phi công đếm số người chết hoặc xem như đã chết và viết báo cáo. Số lượng những "người bị máy bay bắn chết" tự khắc được tính là Việt cộng cộng thêm vào số người chết mà ban tham mưu của Harkins đánh giá, làm cơ sở cho kết luận tiến triển thuận lợi của chiến tranh. Vann nghĩ ra một lời khinh bỉ gọi những kẻ quan sát "vua của những kẻ giết người".

Anh cho rằng nghiên cứu Việt cộng cũng có lợi. Những người cộng sản Việt Nam anh đã nghĩ hình như độc ác, không có tình thương. Từ đầu người ta đã nói với anh họ tra tấn chém giết tù binh cũng độc đoán như quân đội Sài Gòn. Anh phát hiện thấy nó không đúng sự thật, và dù họ khá đạo đức giả để thường vi phạm lý tưởng của họ, cấm tra tấn hành hạ, thì họ cũng làm có chọn lọc. Triết lý của họ đối với tù binh cũng đơn giản. Họ có thể hạ sát những người bị thương trầm trọng vì không cứu chữa được. Những người què cụt hoặc bị thương nhẹ được chia làm hai nhóm sau khi thẩm vấn : những người Việt cộng nghĩ có thể quy thuận hoặc cải hối, đứng trung lập và những người họ cảm thấy vẫn luôn thù địch. Những người sau này, nói chung là sĩ quan, hạ sĩ quan, thường bị sát hại , một số có tra tấn. Những người khác đều được giáo dục lại trong những trại tập trung bí mật, ở các vùng xa. Chế độ giáo dục là làm việc, học sách, học chính trị và ăn uống tối thiểu. Việc tập trung như thế trung bình kéo dài ba đến sáu tháng rồi tù binh được trả tự do.

Những người Việt cộng khủng bố với sự phân biệt tương đối. Họ có thể sát hại mù quáng : ném lựu đạn vào đám người xem phim quảng cáo mà cơ quan thông tin Mỹ cung cấp cho chính quyền Sài Gòn, giết hoặc làm bị thương những người qua lại khi tấn công các trụ sở, vợ con lính cảnh sát khi đánh chiếm các đồn tiền tiêu. Nhưng điển hình là họ ám sát có chọn lọc những đại diện chính quyền ở các làng và những người cố bám theo chế độ Sài Gòn. Họ cố giải thích cho nhân dân lý do việc hành quyết. Họ găm vào xác nạn nhân một "thông báo tử hình" kèm theo bảng ghi những "tội ác" của người bị ám sát, nêu cụ thể "đã chồng chất nợ máu đối với nhân dân". Bản án được Việt cộng xét xử dưới danh nghĩa "Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy". Những người cộng sản Việt Nam tìm cách thuyết phục dân chúng, những đại diện thực sự của pháp luật và trật tự là chính họ chứ không phải chính quyền Sài Gòn. Những bản án tử hình nhằm thực thi pháp luật chứ không phải những vụ ám sát. Việc áp dụng lối khủng bố ấy có hai mục tiêu, làm lung lạc tinh thần của những người chống đối họ trong chính quyền Sài Gòn, vừa chỉ rõ những người cộng sản không làm hại gì những người không chống đối họ và chỉ dùng đến việc xử tử khi đã thuyết phục không hiệu quả. Nguyên lý ấy vừa thắt chặt họ với nông dân vừa gây nên cho quần chúng có cảm giác yên

ổn khi có Việt cộng bên mình. Khi một đơn vị quân thường trực hoặc địa phương dừng lại trong một làng, quân lính cư xử thật tốt, không bao giờ lấy trộm hoặc hành hạ phụ nữa như quân lính Sài Gòn, họ trả tiền mua thực phẩm và giúp dân làm ruộng.

Những mất mát bắt đầu từ ngày mồng 5 tháng Mười năm 1962, ba tuần lễ sau khi Taylor trở về Hoa Kỳ, mang ấn tượng về những tiến bộ từ một năm nay của cuộc chiến. Hôm ấy sư đoàn tổ chức một cuộc hành quân trong vùng du kích kiểm soát ở ven đồng bằng Tháp Mười phía tây Mỹ Tho , đột kích tiểu đoàn 514 Việt cộng.

Việc trực thăng đổ quân tiến hành không có trở ngại gì. Một phân đội 40 người thuộc đại đội biệt kích của đại úy Thưởng tiến trên đồng ruộng ngập nước về hướng một xóm khả nghi. Cuộc hành quân này là một phần của kế hoạch Ziegler nhằm thăm dò vùng này, gây sợ hãi làm đối phương chạy lộ liễu. Thưởng chia đại đội thành phân đội để phủ khắp vùng. Mục tiêu phân đội hướng tới là một xóm điển hình của vùng đồng bằng, sau một con kênh dẫn nước tưới ruộng. Con đê khá lớn dọc theo con mương bảo vệ làng xóm tránh lụt được viền một hàng cây to và những bụi cây dày. Khi những phần tử đi đầu của phân đội biệt kích đến cách đê 30 mét, một loạt súng nổ vang. Lính biệt kích không thấy được Việt cộng đang bắn vào mình. Nấp dưới hầm cá nhân đào trong đê dưới hàng cây và được ngụy trang, họ không bị phát hiện từ đồng ruộng và từ máy bay thám thính bay trên đầu.

Bốn mươi biệt kích phần lớn bị giết hoặc bị thương trong loạt súng đầu. Việt cộng nhảy ra khỏi hàng cây, ẩn mình sau những bờ ruộng để tiêu diệt phân đội. Nhờ sự dũng cảm của cố vấn Mỹ trong đại đội, đại úy James Torrence, một chàng trai lực lưỡng hai mươi chín tuổi, đã tránh bị tiêu diệt toàn bộ. Anh tập hợp sau một bờ vùng những người sống sót và bị thương nhưng còn bắn được, đẩy lùi nhiều đợt tấn công của quân địch.

Vann đưa máy bay lên thẳng đến viện trợ ngay nhưng những bộ phận khác của Tiểu đoàn 514 xông tới bắn vào máy bay. Hai chiếc trúng rất nhiều đạn phải hạ cánh bị gặp nạn. Một trong hai chiếc ấy có Vann. Những loạt súng tự động bắn hạ hai người lính Mỹ bắn súng máy và giết hoặc làm bị thương đa số lính Việt Nam trên máy bay. Vann thoát nạn, chỉ bị xây xát vì mảnh đạn. Anh bắn hết băng đạn vào Việt cộng và kêu vài người lính sống sót kéo những người bị thương. Trong lúc một Việt cộng cố hạ anh, bắn thủng thân máy bay, anh phải trở lên đầu máy hãm động cơ mà anh phi công trẻ vẫn để thế trong lúc hoảng sợ nhảy xuống đất chạy trốn. Sau này gửi cho Mary Jane mảnh báo đăng ở báo quân đội Viễn Đông, anh ghi bên cạnh bài viết về máy bay lên thẳng “Ba mươi mốt viên đạn. Anh đã là trong số người bị hạ lần đầu”. Khi trở về phân đội anh

chỉ thấy Torrence và sáu biệt kích nguyên vẹn : mười bốn người chết và hai mươi người khác bị thương. Vann đề nghị thưởng Ngôi sao đồng cho Torrence vì lòng dũng cảm nhưng bị từ chối vì tổng thống Kennedy cấm khen thưởng trong năm 1962 ở Việt Nam. Dù vậy sau ba năm Vann cũng đề nghị cho anh này được phần thưởng ấy. Torrence chết chín năm sau đó, ở chức vụ thiếu tá, khi máy bay lên thẳng của anh bị bắn hạ cũng ở đồng bằng sông Cửu Long trong lúc anh làm việc cho Vann.

Máy bay ném bom tấn công bằng napalm và rốc két. Nhưng lần này Việt cộng không hoảng sợ. Họ náu mình dưới hầm cho đến khi có thể trật tự rút lui, len lỏi qua các bụi cây. Họ mang theo đồng độ chết hoặc bị thương, sau khi đã cẩn thận nhặt vỏ đạn rỗng bằng đồng để sau này cho thuốc súng làm đạn mới.

Vann thấy hiệu năng của họ rất đáng lo ngại. Một số chỉ huy Việt cộng dạy người của họ không để sợ hãi lấn át lý trí, cần xoay sở chiếm lấy phần thắng. Thời kỳ chiến tranh dễ dàng đã qua. Sư đoàn 7 bắt đầu phải sử dụng bộ binh. Nhà báo David Halberstam vừa tới Việt Nam, là phóng viên NEW YORK TIMES, đi cùng một tiểu đoàn khác của sư đoàn, khá gần để nghe tiếng súng liên thanh và thấy máy bay bổ nhào. Tối hôm đó, trong cuộc họp Vann giải thích cho anh cách đánh vừa qua chứng tỏ Việt cộng bây giờ đã biết làm thế nào để hạn chế kỹ thuật công nghệ Mỹ đem lại cho quân đội Sài Gòn. Những tù binh Việt cộng cho biết các sĩ quan lưu ý nếu họ bắn đồng loạt vào máy bay lên thẳng, họ sẽ hạ được chúng. Lập luận ấy có hiệu quả. Trong tương lai, những người lính bình thường ít sợ hãi hơn. Thái độ ấy cũng làm tăng uy tín của họ đối với nông dân vốn sợ hãi "những con chim sắt to lớn" như họ gọi.

Tổng cộng trong sư đoàn có 20 người chết và 40 người bị thương. Những tổn thất ấy không đáng kể so với tổn thất trong tương lai và không quá nghiêm trọng qua bản tổng kết những trận đánh bộ binh trong bất cứ cuộc chiến tranh nào. Nhưng vẫn là nghiêm túc so với những con số không đáng kể của những cuộc hành quân trước đây của sư đoàn, khi rất nhiều Việt cộng bị giết.

Cao hành động tốt hơn Vann nghĩ. Ông ta xác định tình huống xảy ra không làm chậm nhịp độ những cuộc hành quân tấn công. Chỉ cần "khôn ngoan hơn" trong tương lại. Vann nhận ra sự cần thiết phải đề phòng, đặc biệt trong vùng có cây cối. Kể từ nay mỗi đơn vị phải có người đi trước thăm dò địa hình. Vann tự nhủ Cao bây giờ phải tiếp tục kinh nghiệm và ông ta ít nóng nảy hơn lần sau khi họ gặp một hoàn cảnh khó khăn. Anh nhớ lại sự nghiệp của mình đã không bị ảnh hưởng bởi sự thiệt hại ấy. Mặt khác phải qua một thời gian trước khi những tiểu đoàn Việt cộng khác học được cách đánh nhau tốt như 514. Ngoài ra, trận tàn sát của xe bọc thép ngày 18 tháng Chín, trước đó chỉ hai tuần rưỡi, đánh một đòn vào tinh thần, làm chậm sự phát triển của Việt cộng.

Ba ngày sau khi đại đội biệt kích bị phục kích, một đại đội lính bảo an của tỉnh khác đụng đầu với một đơn vị chủ lực Việt cộng và bị chết 18 người. Họ cố gắng chống trả và tính sổ được 18 xác Việt cộng. Cao không hành động gì : đấy không phải một cuộc hành quân của sư đoàn ông nên ông không có trách nhiệm.

Rồi tai họa xảy đến. Hôm sau Cao mời Vann đến gấp. Ông ta kinh hoàng cho biết sáng nay vừa được Diệm triệu tập về phủ tổng thống để giải thích những mất mát trong hai trận đánh. Họ cùng nhay chuẩn bị lời trình bày mà Cao học thuộc lòng trước khi lên máy bay đi Sài Gòn vào mờ sáng hôm tiếp đó. Vann cho rằng Cao có thể tự bảo vệ được. Cuộc phục kích là một bài học nặng nề mà quân lính phải rút kinh nghiệm. Và Diệm không trách cứ gì được ông ta về trường hợp của quân bảo an.

Sau đó Cao kể lại với Vann ông ta không thể giải thích gì. Ông vào đến tiền sảnh của văn phòng Diệm và mong được tiếp đầu tiên. Một trợ lý bảo ông chờ. Những người khác vào gặp tổng thống rồi đi ra. Cao ngồi suốt ngày trong một góc. Không ai đề nghị ông đi ăn trưa. Cuối buổi chiều người trợ lý đưa ông vào gặp người ông đã gọi là “hoàng đế của tôi”.

Diệm không ghê tởm tranh cãi khi ông ta thấy mình lợi thế. Ông nổi tiếng về độc thoại, se dụng thủ thuật này với thuộc hạ có vấn đề và với các sĩ quan Mỹ có thể đưa ra những câu hỏi rắc rối. Ông nói liền nhiều giờ, không biết đến ý khách muốn ngắt lời mình , vừa hút liên tiếp loại thuốc lá nội đại giống như thuốc Gauloises xanh. Bằng cách ấy ông không thể bị phản bác. Cao chịu đựng cuộc độc thoại nặng nhọc này. Diệm trách mắng ông ta nghe các cố vấn Mỹ quá nhiều và chuốc lấy nguy hiểm trong những cuộc hành quân tấn công. Kết quả là bị mất mát quá nặng. Nếu muốn trở thành tướng, chỉ huy một Quân đoàn như đã manh nha khả năng ấy thì phải khôn ngoan hơn nhiều. Cao bị trả về không được ăn bữa tối.

Trở về Mỹ Tho, Cao từ bỏ hệ thống mà Vann đã nghiên cứu tỉ mỉ kèm theo một kế hoạch chi tiết. Ông ta hoàn toàn không quan tâm đến tài năng của Ziegler, đến những cuộc hội ý mà trước đây ông hoan nghênh nữa. Ông tự mình chuẩn bị tất cả những cuộc hành quân đến từng chi tiết và đến phút chót Vann mới phát hiện ra. Cao thể hiện sự khôn ngoan đến mức suốt 14 cuộc tấn công sau đó, từ giữa tháng Mười đến tháp Chạp, chỉ có 3 người lính bị chết và theo báo cáo, trong những tình huống “tình cờ”. Ông ta sử dụng dịch vụ thông tin vào mục đích Vann và Drummond không bao giờ ngờ tới : những thông tin giúp ông tấn công vào chỗ chắc chắn không có Việt cộng. Để tránh mọi rủi ro, ông dự kiến trong kế hoạch tấn công một lối ra dế khám phá qua đó Việt cộng có thể chạy thoát trong trường hợp có vài người ngẫu nhiên ở trong vùng này. Faust gọi đó là “lỗ hổng”. Còn vấn đề thiệt hại của kẻ địch, Cao nhân số lượng người chết

do máy bay oanh tạc nhiều hơn lên so với trước đây.

Cuối cùng Vann hiểu vì sao Cao luôn luôn từ chối đưa những toán quân dự trữ đi bao vây, tiêu diệt một tiểu đoàn Việt cộng. Cao biết rằng nếu quân nổi dậy bị vây, họ trở lại tấn công và sẽ xẩy ra cuộc chiến giáp lá cà. Một tiểu đoàn thiện chiến của những người cộng sản sẽ bị tiêu diệt hoặc bị cầm tù vì nếu các toán quân Nam Việt Nam thất bại, Cao và Vann có thể tiếp sức bằng máy bay lên thẳng, điều mà những người cộng sản không làm được. Nhưng Cao cũng có những thiệt hại và sẽ rắc rối với Diệm. Ông ta sẽ không bao giờ được thăng cấp tướng và có lẽ sẽ đổ vỡ. Sau khi máy bay lên thẳng và xe bọc thép làm Việt cộng hoảng sợ và máy bay bắn được một số người, dấn thân vào nguy hiểm sẽ khôg có lợi nữa. Bản tổng kết tốt và ông ta chỉ cần có thể để được khen và thăng cấp. Lệnh cho các toán dự trữ không được động tĩnh ngày 20 tháng Bảy do Cao đưa ra chứ không phải do chỉ huy trung đoàn. Có một lời giải thích đơn giản cho thái độ lạ lùng ấy cũng như cho nhiều hành động của phía Việt Nam mà những người Mỹ ngây thơ tưởng rằng là vì họ ngu ngốc, dốt nát hoặc vì “tính cách phương Đông”.

Vann đi sâu vào vấn đề và phát hiện Diệm từ lâu đã bí mật ra lệnh miệng cho Cao và những chỉ huy khác không được lao vào những cuộc tấn công đưa lại những thiệt hại nghiêm trọng, đặc biệt đối với đội quân thường trực như trường hợp ngày 5 tháng Mười. Vann chưa hiểu đầy đủ chế độ để phân tích nguyên nhân. Lý do về căn bản cũng tương đối đơn giản.

Diệm và thân cận xem thiệt hai trong những cuộc hành quân tấn công Việt cộng là lý do chủ yếu của cuộc đảo chính không thành tháng Mười một năm 1960. Gia đình họ Ngô cho rằng sĩ quan dù của quân đội Nam Việt Nam, những kẻ xúi giục làm phản cấu kết với các phần tử chính trị đối lập bất mã bởi những thiệt hại trong chiến đấu. Đối với họ cũng như các nhà chính trị, gia đình họ Ngô tạo điều kiện cho Việt cộng tiến lên. Họ cũng não lòng thấy sĩ quan và quân đội của họ bị hy sinh cho những người như Cao, người mà tổng thống và gia đình bổ nhiệm vào những vị trí quyền lực. Họ Ngô không bao giờ tìm hiểu những nguyên nhân sâu xa của cuộc đảo chính năm 1960 và không chấp nhận một ai dám đương đầu với mình. Họ không học hỏi gì, tin chắc những gì họ làm là đúng đắn và đạo đức. Họ không muốn lại có đảo chính và do đó chống đối những cuộc tiến công mang lại thiệt hại nghiêm trọng.

Tổng thống và gia đình cũng không muốn đưa quân đội Nam Việt Nam ra chiến đấu vì quân đội là chỗ dựa chính của quyền lực. Người Mỹ cho Quân lực Cộng hòa có nhiệm vụ bảo vệ miền Nam Việt Nam, còn đối với gia đình họ Ngô, nhiệm vụ chính của nó là bảo vệ chế độ ; việc tồn tại của chế độ được ưu tiên cao nhất. Để cho Quân lực Cộng hòa gặp rủi ro trong chiến tranh là làm Chính

phủ lâm nguy. Việc kiểm soát quân đội cho phép họ đè bẹp những người đối lập không cộng sản. Họ nghĩ dù phần lớn đất đai miền Nam Việt Nam có vào trong tay những người cộng sản, một đội quân nguyên vẹn cho phép họ đứng vững khá lâu ở Sài Gòn và một số trung tâm lớn chờ Washington gửi quân đội Mỹ và Hải quân đến cứu. Họ khẳng định Hoa Kỳ, sức mạnh lớn nhất trên thế giời không thể để chính phủ chống cộng sản của họ rơi vào tay những nhà lãnh đạo Hà Nội. John Stirling, phóng viên tờ Times của Lon Don ở Sài Gòn năm 1962, nhận xét tế nhị hơn những người Mỹ hiểu rõ thái độ của Diệm và gia đình, thích lặp đi lặp lại "Mục đích chính của đất nước này là chống cộng sản". Họ Ngô Đình không hề nghĩ thái độ của họ phải trả giá rất đắt bằng máu người Việt Nam. Họ sẵn sàng chấp nhận mọi thiệt hại trong hành động bảo vệ mình vì đó là cách duy nhất giữ được hệ thống các đồn tiền tiêu, cơ sở quyền lực của họ ở nông thôn. Mất mát quan trọng nhất rơi vào những người lính cảnh sát bảo vệ họ. Nhưng họ Ngô không quan tâm đến cái chết của những người nông dân ấy. Chế độ được giữ vững và tính mạng của những người nông dân ấy không đáng kể. Họ có thể được thay thế bằng những lính đánh thuê khác với khoảng một trăm phrăng mỗi tháng chuyển thành đồng bạc. Diệm không xem họ ra gì đến mức cấm họ vào sở ở tỉnh, một loại tập trung mà việc chữa bệnh cho lính cảnh sát thật sơ đẳng. Ở đấy thiếu thuốc men do nhân viên lấy bán ra ngoài. Chấy rận và hố xí ngoài trời làm ô nhiễm môi trường. Ngược lại, đối với tổng thống và gia đình, một đội quân thường trực đảm bảo cho họ đương đầu với mọi hoàn cảnh.

Vann cố gắng thuyết phục Vao sự cấm đoán của Diệm thật vô lý về mặt quân sự : những người cộng sản sẽ thắng trong cuộc chiến nếu quân đội Nam Việt Nam không chịu đương đầu và bổn phận của Cao phải nói lên điều đó với tổng thống. Vann không biết hết sự khôn khéo của người đối thoại đã biến thành hợp lý những gì có lợi cho ông ta và anh còn quá tin vào sự kiêu căng của Cao. Ông ta chuyển hóa sự từ chối chiến đấu bằng một vỏ bọc thiên tài. Ông gửi một bức thư cho toàn sư đoàn ngày 31 tháng Mười năm 1962 nhân kỷ niệm lần thứ Bảy ngày thành lập sư đoàn, trong đó ông so sánh sự chỉ huy của ông ở miền Bắc vùng đồng bằng với sự chỉ huy của tướng Võ Nguyên Giáp ở Điện Biên Phủ. Theo tuyên bố của Cao, tướng Giáp là người bị thiệt hại lớn "Năm 1954 ở Điện Biên Phủ, chiến thuật của Võ Nguyên Giáp tồi và nhận thức sai đến nỗi hàng nghìn người dân và binh lính chết một cách vô ích để giành được thắng lợi".

Khi Vann báo cáo với Porter và Harkins về lệnh bí mật của Diệm. Harkins đến gặp tổng thống để xác định ý kiến. Diệm đã sẵn sàng trả lời. Ông ta biết lập luận của người Mỹ về tính tấn công trong chiến đấu. Đấy là triết lý của họ. Diệm thấy cách đặt vấn đề như vậy là sai. Ông không chấp nhận sự lựa chọn giữa việc đưa quân đội đến chỗ nguy hiểm và thấy cộng sản thắng trong cuộc chiến. Ông cho

rằng việc dội bom đạn bằng máy bay hoặc pháo binh có hiệu quả hơn chiến đấu bằng bộ binh. Thực tế đã không một sĩ quan nào theo lý luận của người Mỹ càng củng cố lòng tin của ông. Dĩ nhiên những người đồng ý với các cố vấn không dám mạo hiểm nói ra. Ông ta cũng tin tưởng đã bắt đầu thắng lợi trong cuộc chiến tranh với chiến lược khôn khéo phù hợp với nhận thức của ông về cách khống chế nông dân. Ông tập trung họ vào các "ấp chiến lược". Người ta xây dựng khắp nông thôn hàng nhiều nghìn trại tập trung có công sự, dây thép gai bao bọc. Người Mỹ tài trợ chương trình bình định này và cung cấp dây thép ga. Diệm nghĩ làm như vậy sẽ tách rời dân chúng với cộng sản, tát cạn nước trong đó con cá nổi lên đã tha hồ vùng vẫy. Với chương trình "ấp chiến lược" sẽ không cần bộ binh chiến đấu nữa.

Diệm và gia đình tăng cường thói quỷ quyệt trong quan hệ với người Mỹ. Họ không ngần ngại thể hiện sự bất đồng khi đối đầu có lợi cho họ. Họ phát hiện thấy người Mỹ nhạy cảm với những áp lực và đe dọa bê bối. Họ cũng hiểu cách tốt nhất để lợi dụng các đại sứ Mỹ, rằng tướng lĩnh và nhân viên CIA thường đồng tình với họ, nói những gì họ thích nghe là nói dối. Họ Ngô biết những nhân vật quan trọng ấy thường thỏa mãn, sẽ báo cáo với Washington những gì người ta nói với họ, mà không tìm hiểu xem đó có phải là sự thật không.

Khi Harkins hỏi Diệm có đúng ông ta ra lệnh cho các sĩ quan đừng mạo hiểm để thất thoát, Diệm bèn nói dối. Dĩ nhiên điều ấy không đúng, ông ta khẳng định. Ngược lại, ông đã nhấn mạnh với các chỉ huy quân đội và các tỉnh trưởng phải hăng hái hơn, ra lệnh tấn công không ngần ngại quân Việt cộng mỗi khi có thể. Harkins không vặn hỏi. Ông bắt đầu nhận những bảng tổng kết giả về thiệt hại của cộng sản của Cao và chuyển về Washington không ý kiến gì. Vann đề nghị Porter không cho phép Cao sử dụng máy bay lên thẳng để chấm dứt trò hề ấy. Porter bảo Harkins không đồng ý.

Những quan hệ giữa những người bị lợi dụng và những người lợi dụng có ý nghĩa nước đôi. Vann nghĩ đã điều khiển Cao nhưng Cao chỉ làm theo ý mình. Hai tổng thống Mỹ, Eisenhower và Kennedy gửi sang Sài Gòn những người có giá để điều khiển Diệm vì lợi ích của Hoa Kỳ nhưng những người họ Ngô ĐÌnh cứ làm theo ý họ.

Trong tháng Mười một và Mười hai, Vann giận dữ và thất vọng nhận thấy những tiến bộ của những người cộng sản : họ chiếm được nhiều đồn tiền tiêu hơn, bắt được vũ khí hiện đại Mỹ nhiều hơn, phục hồi lại các tiểu đoàn của họ ở mạn bắc vùng đồng bằng. Vann đã mắc sai lầm cùng với Cao như thần tượng của anh, Lansdale cùng với Diệm, người đã đưa anh sang Nam Việt Nam vào buổi đầu cuộc phiêu lưu này.

II

DI SẢN CAY ĐẮNG

"Xem này ! Họ dẫm lên chân tôi!" Trong máy bay đưa ông ta trở lại Sài Gòn, Diệm phấn khởi nói, nhìn đôi giày xây xát và bụi bặm vốn đen nhánh sáng nay.

Ông miễn cưỡng đến đây vì từ trước tới nay ông ta vẫn thỏa mãn cai trị trên bàn giấy phủ tổng thống. Bây giờ ông hài lòng đã nghe lời Lansdale và những người Mỹ vây quanh ông. Trong số đó có Everet Bumgardner, quê ở một thành phố nhỏ của Virgina như Vann, đã bắt đầu cuộc chiến tranh tâm lý ở Việt Nam những năm năm mươi lúc còn là nhiếp ảnh gia của hãng Thông tấn Mỹ. Anh hoan hỷ về chuyến bay này, vào năm 1955, một trong những cuộc đi thăm đầu tiên của Diệm đến một vùng do cộng sản kiểm soát, một vùng "giải phóng" như họ nói. Từ sáng sớm máy bay bay đến cảng nhỏ Tuy Hòa trên bờ biển miền Trung mà người Pháp không chiếm đóng do không đủ quân số, để lại cho mặt trận Việt Minh của Hồ Chí Minh trong chín năm cuộc chiến tranh đầu. Những người nổi dậy vừa rút về cảng Qui Nhơn lên tàu Ba Lan và Nga đưa họ ra khỏi vĩ tuyến 17 theo Hiệp định Geneve.

Việt Minh đã phá sân bay nên phi công của CIA phải đậu chiếc hai động cơ già cỗi C-46 xuống một đám ruộng. Máy bay vừa ngừng lại, nông dân từng đoàn hăng hái chạy đến làm Bumgardner sợ họ bị chết vì chong chóng trước khi phi công tắt máy. Khi Diệm xuất hiện, đám đông người ùa qua vệ sĩ suýt dẫm lên bóng người nhỏ, béo tròn mặc như tất cả những nhân vật chính phủ, một bộ quần áo lanh trắng, thắt cà vạt đen. Náo nức thấy và sờ vào người ông ta, nông dân dẫm chân trần lên giày ông, để lại dấu vết của cuộc đón tiếp nồng nhiệt.

Không ai ở Sài Gòn nghĩ đến điều đó dù Ngô Đình Nhu em ông và là cố vấn chính trị đã cử nhiều người đến tổ chức nhiều ngày trước cuộc đón tiếp ở Tuy Hòa. Chặng đường đi qua thành phố liên tiếp được hoan nghênh. Trẻ con vẫy những lá cờ nhỏ bằng giấy vẽ biểu tượng của chính quyền Sài Gòn : ba gạch ngang đỏ trên nền vàng. Bumgardner ngạc nhiên, ít nhất 50.000 người, có thể đến 100.000 đứng chật sân vận động nghe Diệm phát biểu. Ông nói về những cái xấu của chủ nghĩa cộng sản của cụ Hồ và Việt Minh là bù nhìn của Nga và Tàu, lên án cụ Hồ muốn phá tan những truyền thống Việt Nam để áp đặt một chế độ độc tài vô thần lên đất nước. Giọng nói giả tạo gốc Huế hình như không cản trở khả năng truyền đạt của ông. Đám đông hét lên đồng tình và vỗ tay mỗi lần ông ngừng lời. Bumgardner chụp ảnh những gương mạt phấn khích và ghi chép để

viết bài đăng ở một tạp chí của cơ quan thông tấn Mỹ phát hành trong tất cả các nước không cộng sản. Những tài liệu này cũng phục vụ cho các báo chí bạn ở Việt Nam và nước ngoài.

Trở lại Sài Gòn sau cuộc đón tiếp nhiệt tình đó, Bumgardner kết luận, những nông dân và người thành phố ở Việt Nam vui mừng được thoát khỏi sự đè nén của cộng sản và chào con người kia như là người giải phóng cho họ . Chắc chắn những người Mỹ ở Việt Nam thành công trong việc đưa Diệm lên thành một anh hùng dân tộc đối mặt với người lãnh đạo của phía bên kia.

Lansdale muốn làm cho Diệm thành một Ramon Magsaysay khác, một người châu Á cấp tiến, trung thành với những nguyên tắc chống cộng sản. Như vậy miền Nam Việt Nam sẽ biến thành nước Philippines những năm năm mươi, một khuôn mẫu dân chủ có hiệu quả đế quốc Mỹ áp đặt ở châu Á.

Những nhà kiến thiết chế độ này là Dean Acheson, bộ trưởng ngoại giao của Truman, hai anh em Dulles trong chính quyền Eisenhower, John Foster ở Bộ ngoại giao và Allen ở CIA. Họ không quá ngây thơ nghĩ rằng có thể xuất cảng nền dân chủ sang tất cả các nước trên thế giới. Hoa Kỳ đã bắt đầu xây dựng ở Tây Đức, Nhật Bản và thuộc địa cũ của họ là Philippines. Họ lựa chọn trong số nước dân chủ hoặc độc tài cải lương. Chiến lược của họ nhằm tổ chức thế giới không cộng sản thành một hệ thống đồng minh hoặc lệ thuộc vào Hoa Kỳ, được sức mạn quân sự của họ bảo hộ, công nhận ưu thế của họ trên trường quốc tế, sáp nhập vào hệ thống kinh tế của đồng đô la và nền thương mại Mỹ đóng vai trò quyết định.

Ho Kỳ không tìm cách có những “thuộc địa” kiểu Châu Âu, khái niệm làm phật ý quan điểm chính trị của người Mỹ. Họ xác định hệ thống đế quốc của họ không thiệt hại gì cho những dân tộc khác. Một “lợi ích cá nhân tỏa sáng” là hình thức vị kỷ quốc gia duy nhất được họ chấp nhận. Những người Mỹ cho rằng thể chế của họ là một hình thức mới rất có ưu thế trong những vấn đề quốc tế. Nó không bóc lột các dân tộc như chế độ thực dân của các đế quốc Châu Âu thế kỷ XIX, cũng không phá hoại sự tự do cá nhân và các giá trị nhân văn khác như chế độ độc tài của Liên Xô, Trung Quốc và các đồng minh cộng sản. Thay vì các thuộc địa, Hoa Kỳ tìm kiếm những chính phủ bản xứ ngoan ngoãn theo ý muốn Mỹ, nếu có thể phụ thuộc vào một sự giám sát gián tiếp, hoạt động thay thế sức mạnh Mỹ. Mục đích cuối cùng là áp đặt cho đồng minh hoặc nước phụ thuộc sự thống trị mà mọi nước đế quốc cần để thực hiện ý muốn của mình trên thế giới vừa tránh được cơ cấu chế độ thực dân lỗi thời.

Những người cộng sản và phái hữu nói chung cho rằng chế độ đế quốc Mỹ ấy là một dạng quỷ quyệt hơn chế độ thực dân kiểu châu Âu. Họ gọi là “chế độ thực dân mới”. Nhưng đối với đa số người Mỹ những năm năm mươi và đầu sáu

mươi, chính những người cộng sản mới thực sự là thực dân mới. Các nhà lãnh đạo của họ, đặc biệt ở châu Á, phản bội đất nước họ, đi theo học thuyết Mác – Lênin Chua Âu, dưới thế lực của Liên Xô. Lansdale so sánh Hồ Chí Minh với kẻ phản bội lớn của cách mạng Mỹ, Benedict Arnold (Tướng Mỹ trong chiến tranh giành độc lập. Bị chi phối bởi những lời trách móc viên tướng này đã đề nghị Washington trả West Point cho người Anh năm 1780. Việc bại lộ, Benedict Arnold đã chạy sang hàng ngũ người Anh, chống lại những người đồng hương yêu nước) : "Bi kịch cuộc chiến tranh cách mạng giành độc lập của Việt Nam, ông ta viết, là việc "Benedict Arnold của họ" đã đạt được. Hồ Chí Minh được một nhóm Đảng hỗ trợ, bị người Nga và Trung Quốc lôi kéo, đã bí mật thay đổi mục tiêu chiến đấu. Thay vì đấu tranh cho nền độc lập chống thế lực thực dân Pháp, ông đã hướng cuộc chiến tranh đánh những người Pháp và sáp nhập Việt Nam vào đế quốc thực dân mới cộng sản".

Philippines năm 1954 là mẫu mực hoàn hảo nhất của đế quốc Mỹ. Đã là một nước thuộc địa, nước này được độc lập vào năm 1946. Để thay thế, Hoa Kỳ được thuê dài hạn trong 99 năm 23 căn cứ quân sự, đặc biệt hải cảng Subic Bay và sân bay Clark. Những dịch vụ quân sự và thông tin tiếp tục hoạt động như phụ trợ cho người Mỹ. Chính phủ còn chống cộng sản hơn cả anh em Dulles và các hòn đảo cung cấp cho Hoa Kỳ một lực lượng nhân lực được huấn luyện để chiến đấu với phong trào cộng sản Châu Á.

Thế nhưng cách đây mấy năm, mô hình đó bị phá sản. Nông dân bất bình với chủ đất và cảm giác chung của nhân dân về sự sụp đổ của một chính phủ phản động đã gây nên sự nổi dậy của Hukbalahap do những người cộng sản lãnh đạo. Cuối năm 1949, những người Huk có đến 15000 chiến binh vũ trang và có một triệu người có cảm tình. Bộ chính trị của họ hoạt động bí mật ở ngay trung tâm Manila; ở hòn đảo chính Lucon, các xã trưởng và trưởng đồn cảnh sát đồng mưu với quân nổi dậy vì sợ hoặc do cảm tình; quân đội và cảnh sát không có hiệu lực; những cuộc bầu cử chỉ làm một trò hề gian lận và doạ nạt đến mức những người Huk công khai tuyên bố phải dùng súng đạn để thay đổi chính phủ chứ không phải những phiếu bầu. Họ báo trước sẽ chiếm tất cả các đảo trong quần đảo Philippines trong vòng hai năm.

Trong những thời kỳ khủng hoảng đó, Lansdale đã xây dựng biện pháp của mình. Ông là người xúc tác và hướng dẫn ở hậu trường các hành động cứu nguy. Ông nhận thấy Ramon Magsaysay là loại chỉ huy có phép màu và trung thực có thể tập hợp những ai không thích một chính phủ cộng sản nhưng đang không người dẫn dắt và mất định hướng. Con trai một chủ trang trại đồng thời là giáo viên, từ Thế chiến thứ hai Magsaysay bắt đầu làm việc hướng dẫn các đoàn ô tô chuyên chở cho những người bảo vệ Mỹ và Philippines ở Bataan. Cuối chiến

tranh, ông ta cầm đầu mấy nghìn quân kháng chiến chống Nhật. Năm 1950 trong cao trào nổi dậy người Huk và lúc ấy vị trí không cao lắm, ông nhận làm bộ trưởng Bộ Quốc Phòng. Hướng tới các mô hình nước ngoài, có nghị lực dồi dào nhưng thiếu định hướng, đầu óc hiếu kỳ có ý thức về những vấn đề xã hội, ông cần có những cố vấn kinh nghiệm.

Đấy là vai trò của Lansdale. Trongg một chuyến đi qua các đảo với danh nghĩa sĩ quan thông tin của Không quân nghiên cứu về người Huk, ông nung nấu một số ý đồ trấn áp cuộc khởi nghĩa. Sau đó ông trở lại Philippines với vai trò của CIA. Là người nhã nhặn dễ kết bạn, Lansdale nhanh chóng gần gũi với bộ trưởng mới của bộ Quốc phòng. Họ ở cùng nhau trong trại binh Mỹ. Những buổi tối họ cùng nhau nghiên cứu những vấn đề hiện hành. Hai người hợp thành một kíp tuyệt vời và những người Huk phải hứng chịu hậu quả của một cuộc phản công xuất sắc. Với Lansdale là người hướng dẫn Magsaysay tổ chức một cơ quan tình báo giỏi, cải tổ quân đội và cảnh sát thành những tổ chức có kỷ luật về tinh thần và thực lực. Ông sa thải những sĩ quan lười và biến chất, bổ nhiệm những chỉ huy năng động biết thuyết phục dân chúng rằng quân đội có mặt để bảo vệ chứ không phải để tàn phá họ. Binh lính bắt đầu đối xử lịch sự và dễ chịu với dân chúng. Những người dân thường bị thương trong những cuộc đụng độ cũng được cứu chữa như quân nhân trong các bệnh viện nhà binh. Magsaysay cho phép nông dân bị bóc lột được đối xử công bằng trước tòa án và đề nghị các luật sư quân đội bào chữa cho họ trước các chủ điền. Bất cứ ai ở Philippines cũng có thể gửi thư khiếu nại lên bộ trưởng Bộ Quốc Phòng và được xem xét. Ông giải thích với mọi người chính phủ chăm sóc họ. Ông áp dụng luật bầu cử và để cho công dân có quyền thay đổi chính phủ. Ông cũng tạo cho người Huk có một sự lựa chọn : đầu hàng để được ân xá hoặc chạy theo nguy cơ ngày càng lớn bị vào tù hoặc chết. Năm 1953 cuộc nổi dậy bị dập tan, những người nổi dậy bị phân tán thành những băng nhóm đơn độc nhanh chóng bị cảnh sát quét sạch. Năm ấy Magsaysay được bầu là tổng thống Philippines.

Lansdale trở về tổng hành dinh CIA ở Washington như một nhân vật quan trọng. Cục tình báo chưa bố trí ở những tầng nhà hiện đại ở Langley tại Virgina mà chiếm gần Bộ Quốc Phòng một ngôi nhà cũ bằng gạch với một biển đề vô nghĩa ở cổng “Bộ Hải quân. Viện nghiên cứu y học”. Lansdale nổi tiếng làm ra những phép lạ, trở thành chuyên gia của CIA về chiến tranh du kích và lật đổ.

Ông được cử sang Việt Nam trong sự thất vọng sau khi Điện Biên Phủ sụp đổ, ngày 7 tháng Năm năm 1954. Trong một cuộc họp ở Washington bốn tháng trước đó, trước khi quyết định sẽ đi Sài Gòn, ông hỏi John Foster Dulles phải làm gì ở đấy. Ông Ngoại trưởng này đã trả lời “ Điều ông đã làm ở Philippines”. Lansdale được hưởng những ân huệ đặc biệt chính phủ dành cho những người

làm ra phép lạ. Ông phải hợp tác với đại sứ Mỹ và tổng chỉ huy Phái đoàn viện trợ quân sự nhưng không phụ thuộc vào họ. Ông bố trí kíp riêng của mình và trực tiếp báo cáo với Washington thông qua CIA.

Đêm ông vừa đến, ngày 1 tháng Sáu năm 1954, Việt Minh tổ chức mừng chiến thắng quân Pháp bằng phá hủy kho đạn dược Tân Sơn Nhất, sau này báo chí viết là "làm rung chuyển Sài Gòn suốt đêm". Không phải một bước đầu hứa hẹn đối với một người say đắm chiêm tinh học nhưng ông không xao xuyến trước nỗi buồn càng tăng của Sài Gòn. Khi người Pháp chấp nhận bỏ rơi miền Bắc cho Việt Minh tại Hội nghị Geneve ngày 21 tháng Bảy năm 1954, ông đã quyết định những biện pháp cụ thể để đạt mục đích và làm sống lại thành công của ông ở Philippines : ông cắm vào miền Bắc những nhóm kháng chiến cản trở cộng sản trong việc điều hành và xây dựng lại nửa đất nước và làm chậm việc can thiệp vào miền Nam. Đồng thời ông cố sức củng cố vị trí của Diệm.

Tháng Sáu 1954, CIA tác động Bảo Đại để đề nghị Diệm làm thủ tướng Chính phủ. Tuy cựu hoàng đã ra đi từ tháng Tư sang hẳn Cote d'Azurc, ông ta vẫn mang danh là quốc trưởng. Diệm được chính thức bổ nhiệm ngày 7 tháng Bảy năm 1954, 5 tháng sau khi Lansdale đến Việt Nam và hai tuần trước khi Hiệp định Geneve được ký kết. Chính quyền Eisenhower vội vàng tìm một nhà lãnh đạo Việt Nam có thể tin tưởng được trong lúc nước Mỹ trực tiếp can thiệp vào Việt Nam thay thế người Pháp đã sa sút. Không có nhiều ứng cử viên và Diệm có vẻ là người thích hợp nhất. Niềm tin tôn giáo cuồng nhiệt của ông đối với người Mỹ là một chứng chỉ chống cộng không chê được. Khác với phần lớn các nhà chính trị không cộng sản khác mà người Mỹ biết, ông được xem như một nhà yêu nước, không hợp tác với người Pháp vì không nhận chức vụ gì trong chính phủ Bảo Đại. Ông đưa lại cho những nhân vật Mỹ một cảm giác thật tốt : thượng nghị sĩ Mike Mansfield, giáo chủ Spellman, John Kennedy , bấy giờ là nghị sĩ bang Massachusetts, người cha có ảnh hưởng đến John, Joseph. Thẩm phán William O Douglas năm 1953 đã viết về ông : "Diệm là một anh hùng .. được người Việt Nam tôn sùng vì ông trung thực, độc lập và đã đương đầu với ảnh hưởng của người Pháp". Một lời nhận xét như vậy là một đảm bảo. Người Mỹ không biết rõ đất nước này để có một tầm nhìn ít đơn giản hơn về hành động trước đây của Diệm. Dù họ có muốn nắm được nhiều hơn về ông cũng không được, thời gian không đủ để làm một cuộc điều tra : trong thời kỳ sôi động này hình như những người cộng sản chỉ tạm ngừng ít lâu để củng cố quyền lực ở miền Bắc trước khi chiếm toàn bộ miền Nam.

Everest Bumgardner nhớ lại chuyến đi thắng lợi ở Tuy Hòa như một thử thách của Lansdale và kíp mình để biến Diệm thành một Magsaysay khác và Việt Nam thành Philippines. Bumgardner cũng đến Sài Gòn sau Điện Biên Phủ không lâu.

Tuy ông không thuộc ê-kíp của Lansdale nhưng thường gặp ông này vì thành viên Cơ quan Thông tấn Hoa Kỳ (USIS) được tham dự các hoạt động là điều họ nhiệt tình thực hiên. Lansdale lúc nào cũng hoạt động, xúc tác và tổ chức như ông đã làm ở Philippines. Đôi khi ông bận đồng phục phi công nhưng không bao giờ mặc bộ quần áo trắng, cravát đen bắt buộc đối với những người chính quyền Pháp trước đây mà Diệm và các nhà ngoại giao thường mặc. Phần lớn thời gian ông mặc quần thể thao và sơ mi ngắn tay. Bumgardner nhận thấy người Việt Nam kính trọng ông vì ông lo về số phận của họ. Một trong những người Mỹ hiếm hoi nói về chiến tranh du kích và chống chiến tranh du kích, một người hành động đã đạt nhiều kết quả. Nếu ai muốn biết việc gì đã xảy ra hoặc cần việc gì bất thường, chỉ cần đến gặp Lansdale hoặc một người trong kíp ông, chẳng hạn như Lucien Conein, "con người cắng rắn" gốc Pháp, nhân viên CIA dưới vỏ bọc là thiếu tá bộ binh. "Lou" Conein từ Đức tới, nơi ông phụ trách điệp viên ở các nước phía Đông. Ông được chuyển sang Đông Dương để bố trí những mạng lưới kháng chiến ở miền Bắc. Lansdale đưa ông về vì là sĩ quan cũ duy nhất về nhiệm vụ đặc biệt còn hoạt động, đã đánh bại người Nhật ở Đông Dương với một đội đặc công thuộc địa Pháp và Việt Nam. Ông đã xây dựng một mạng lưới trong những người sau này trở thành những sĩ quan quân đội Pháp. Những thành viên khác của nhiệm vụ đặc biệt ở Đông Dương trong Thế chiến thứ hai đã làm việc cho cụ Hồ và Việt Minh tất yếu Lansdale không dùng.

Bumgardner gặp Lansdale lần đầu tiên ở Hải Phòng, hải cảng lớn của miền Bắc Việt Nam. Mùa hè năm 1954 ở đây bắt đầu cuộc di tản 900.000 người vào miền Nam. Việc di cư gần một triệu người rời bỏ miền Bắc được cộng sản gọi là một sự kiện chủ yếu về tương lai của Diệm và miền Nam Việt Nam. Lansdale là người xúi giục và phối hợp. Diệm đã cố xây dựng một tổ chức những người tị nạn mà nhanh chóng bị sa lầy vào tệ nạn quan liêu hội họp. Các Đại sứ quán Pháp và Mỹ chậm chạp vô ích. Lansdale nắm lấy mọi việc : dẫn dắt Diệm, quân đội Mỹ và những người Pháp cùng làm việc với nhau, nhận được của Hải quân Mỹ những phương tiện của Hạm đội 7 để chở một phần ba người tị nạn theo đường biển, vận động người Pháp ký một hợp đồng chở đường không của Công ty Vận chuyển hàng không dân sự. CIA lợi dụng dịp này để lén lút đưa vào miền Bắc những nhân viên mật với trang bị vũ khí theo kế hoạch của Lansdale. Lansdale cũng để thâm nhập những người tình nguyện Philippines do CIA trả lương. Bumgardner đặc biệt nhớ đến một giám mục Mỹ lai Philippines đã hình thành một tổ chức giúp những người tị nạn vượt qua hàng rào Việt Minh được ông cung cấp ăn uống ở Hải Phòng cho đến lúc họ được chuyển hết vào miền Nam. Ông ta sử dụng tiền giả Pháp và Việt Minh để mua thực phẩm cho họ và hối lộ những người cảnh sát miền Bắc muốn ngăn cản những người ra đi. Ông

phá rối những người cộng sản đến mức họ bắn vào văn phòng ông ở Hải Phòng để cố ám sát ông.

Bumgardner được cử đến Hải phòng để khai thác tài liệu cho những bào báo, ảnh chụp, chứng minh những người bỏ miền Bắc ra đi, như Washington nói , "vì hoan nghênh Thế giới tự do và lên án những người cộng sản", không phải đều là người Công giáo. Không phải dễ dàng làm được điều ấy vì thực tế hai phần ba số đó, hơn sáu trăm nghìn người đúng là người Công giáo. Phần lớn ba trăm nghìn người khác có lý do đặc biệt để trốn chạy : gia đình sĩ quan, binh lính Việt Nam trong quân đội Pháp thực dân cũ, những người Trung Hoa sợ Chính phủ cộng sản tịch thu tài sản buôn bán của họ, một số ít người dân tộc Nùng đứng về phía nước Pháp, những người Việt Nam quốc tịch Pháp. Những người Công giáo đứng về phía người Pháp thay vì phía tự do thuộc địa phận Giám mục đông nam đồng bằng sông Hồng. Phần đông họ sợ bị trả thù và muốn được che chở bởi chính phủ của một đạo hữu.

Lansdale dùng những biện pháp để những người Công giáo còn ngần ngừ chọn đi theo con đường ấy. Diệm được cử ra miền Bắc thuyết phục các giám mục. Các cha cố bắt đầu giảng đạo ở các giáo xử. Họ giải thích trong những bài thuyết giáo rằng Đức mẹ đã vào Nam và giáo dân phải đi theo. Lansdale tung ra một chiến dịch tuyên truyền bôi đen những điều kiện sống đang chờ họ dưới chế độ Việt Minh. Người của ông ta phân phối những truyền đơn có vẻ như của chính phủ cách mạng Hồ Chí Minh, loan truyền dư luận xôn xao và in ra những tờ lịch dân gian Việt Nam. Lansdale nói cụ thể trong báo cáo mật : "Những nhà chiêm tinh Việt Nam nổi tiếng được mua chuộc để đưa ra những tiên đoán thảm họa sẽ xảy ra do trách nhiệm của các nhà lãnh đạo Việt Minh". Hôm sau ngày phân phối một tờ truyền đơn giả dối đặc biệt bi thảm, số lượng người đăng ký di tản tăng gấp ba lần. Theo một lời đồn cẩn mật, người Mỹ sẽ thả bom nguyên tử lên vùng Việt Minh sau thời hạn di chuyển người ấn định cuối cùng vào tháng Năm năm 1955 của Hiệp định Geneve. Những người di tản đến Hải Phòng với những tờ truyền đơn cho là do Việt Minh in, vẽ ba vòng tròn bị bom hạt nhân phá hủy trên mặt bằng thành phố Hà Nội.

Những tàu lớn của Hạm đội 7 chuyển đi cả toàn bộ nhiều làng. Tổng cộng, 65% người Công giáo miền Bắc di cư vào miền Nam. Chính phủ Hoa Kỳ dành 93 triệu đô la cho việc xây dựng nơi ăn ở của họ trong năm 1955 và 1956. Cuộc di cư này tạo cho Diệm một hạt nhân vững chắc những thuộc hạ cuồng tín. Những toán quân đầu tiên được tin cậy đưa vào bảo vệ phủ tổng thống Sài Gòn năm 1954 gồm toàn bộ cảnh sát Công giáo người Bắc Việt Nam.

Tác phẩm của Lansdale vào những năm 1954 và 1955 chứng tỏ tính cách và tầm nhìn của một con người có thể tác động cả quá trình lịch sử. Không có ông

ta, cuộc phiêu lưu của Mỹ vào Việt Nam có thể bị nhận chìm ngay từ đầu. Cho dù Diệm có được Washington lựa chọn, ông ta cũng không thể tồn tại nếu không có Lansdale bên cạnh. Người Pháp bị bật ra ngoài. Họ không để lại được đội quân viễn chinh ở miền Nam dù Hoa Kỳ có đảm nhận về tài chính. Tinh thần của họ đã sa sút cùng cực và người Ả-rập ở Algieria trong đó có một triệu thực dân châu Âu sinh sống, bắt đầu nổi dậy năm 1954 lôi kéo nước Pháp vào một cuộc chiến tranh thuộc địa mới. Có vẻ như người Pháp tuân thủ những cam kết của h ọ ở Geneve sẽ tổng tuyển cử ở miền Nam Việt Nam vào tháng Bảy năm 1956 để xác định giữa Chính phủ Sài Gòn được Pháp bảo trợ hoặc Chính phủ Hồ Chí Minh ở Hà Nội, ai sẽ lãnh đạo một đất nước Việt Nam tái thống nhất. Tuyên bố cuối cùng của Hội nghị Geneve nói rất rõ những thỏa thuận không có nghĩa một sự chia cắt vĩnh viễn đất nước và "giới tuyến tập kết ở vĩ tuyến 17 chỉ là tạm thời và không trường hợp nào được coi là một biên giới chính trị hoặc đất đai". Không ai nghi ngờ những người cộng sản sẽ thắng trong cuộc tổng tuyển cử, hoặc hợp pháp hoặc gian lận khôn khéo hơn những đối thủ miền Nam. Thực tế họ có một tổ chức tốt hơn và dân số miền Bắc đông hơn. Eisenhower năm 1954 công nhận, nếu việc bầu cử tự do tổ chức ở cả hai miền, Hồ Chí Minh sẽ thắng với 80% phiếu. Dưới con mắt nhiều người Việt Nam ông đã là người cha của đất nước. (Dù sao thì đã không có và không bao giờ có những cuộc bầu cử trung thực trong một miền Việt Nam nào !) Một cuộc thắng lợi của cộng sản năm 1956 đã cho phép những người Pháp cứu vớt vẻ ngoài khi rút quân đội viễn chinh. Họ mang theo những người quốc tịch Pháp và phần lớn những người Việt đứng về phía họ, Dù cuộc bầu cử năm 1956 không thành, nước Pháp chắc chắn cũng tìm được một lý do biện hộ để bỏ rơi miền Nam. Dù lối thoát có nặng nề đến đâu, Hoa Kỳ cũng không có sự lựa chọn nào khác là chấp nhận một nước Việt Nam thống nhất và cộng sản. Eisenhower đã quyết định không gửi quân đội Mỹ sang thay thế quân Pháp. Tướng Matthew Ridyway, tham mưu trưởng quân đội đã thuyết phục tổng thống không thực h iện một cuộc can thiệp với lý do của một đất nước và những vấn đề chính trị của nó sẽ khiến lính Mỹ mất hút trong một vũng bùn. Mặt khác cuộc chiến tranh Triều Tiên vừa mới kết thúc, dư luận Mỹ kịch liệt phản đối Hoa Kỳ nhũng tay vào một cuộc chiến tranh mới ở châu Á.

Lansdale ngăn cản việc tranh chấp ở Việt Nam kết thúc bằng thắng lợi hoàn toàn của Hồ Chí Minh vào năm 1956 hoặc sớm hơn nếu người Pháp bỏ đi trước đó. Miền Nam Việt Nam thực sự là một tạo dựng của Edward Lansdale. Ông ta lừa gạt những sĩ quan ủng hộ Bảo Đại của đội quân quốc gia Việt Nam khi họ định lật đổ Diệm năm 1954 và tổ chức bãi nhiệm họ. Ông điều khiển xuất sắc chiến dịch mùa xuân năm 1955 đè nát những đọi quân được người Pháp trả lương của hai phái tôn giáo Cao Đài, Hòa Hảo và những đội quân của xã hội tội

phạm Bình Xuyên. Những toán này, trước là cướp trên sông, được miễn trừ ở Sài Gòn và không bị cảnh sát kiểm soát ; đổi lại họ cam kết làm chấm dứt nạn khủng bố của Việt Minh trong thành phố, điều mà họ thực hiện có nhiều hiệu quả.

Tướng J.Lawton Collins, đại sứ mới nhận nhiệm vụ từ mùa thu 1954 đã nói với Diệm tiến lên từ từ và thỏa hiệp với các phe phái. Lansdale ngược lại, khuyến khích ông này theo xu hướng tự nhiên, tiêu diệt phe phái, khẳng định quyền lực của chính phủ trung ương, mua chuộc và lừa gạt để vô hiệu hóa một số thủ lĩnh, giết chết những người không lừa gạt hoặc mua chuộc được. Nhờ quan hệ đã có với các sĩ quan, Conein giúp Lansdale lôi kéo quân đội quốc gia Việt Nam về với Diệm. Lập luận của ông đơn giản và có sức thuyết phục trong tương lai chính Hoa Kỳ sẽ tài trợ và trang bị trực tiếp cho họ chứ không qua trung gian người Pháp nữa. Nếu muốn ở lại quân đội và được thăng cấp, tốt nhất là đi theo Diệm và Lansdale, người được mọi cấp cao ở Washington nghe theo. Lòng can đảm của Conein và việc huấn luyện của ông về những công việc đặc biệt là chủ bài mấu chốt của toán hành động Lansdale cho ra đời nhân danh Diệm cho Bình Xuyên một số “đòn gãy gục”. Từ đầu tháng Ba năm 1955 đến tháng Năm, Lansdale hầu như hàng ngày ở phủ tổng thống và qua nhiều đêm với Diệm để khuyến khích ông này xây dựng kế hoạch hành động với tài năng chiến thuật ông đúc rút được trong chiến đấu với người Huk mà Diệm đang thiếu. Không có mưu mẹo của Lansdale, sự nhạy cảm làm những cú táo bạo và danh tiếng về “phép lạ” ở Philippines mà ông nhận được ở Washington, Diệm đã bị xóa sổ.

Việc ấy cũng dễ xảy ra. Đại sứ Collins cho Lansdale là một người tin vào trực giác lãng mạn và Diệm là một kẻ hoang tưởng. Tháng Tư năm 1955 ông bay về Washington gần như thuyết phục được John Foster Dulles loại bỏ hai người này, trở lại hợp tác với người Pháp vốn khinh ghét Diệm và Lansdale, khuyến khích các giáo phái và Bình Xuyên kháng chiến. Nếu ý kiến của Collins được coi trọng, có nhiều khả năng người Pháp đã theo diễn biến các sự kiện kết thúc bằng việc những người cộng sản nắm được miền Nam. Allen Dulles tổ chức một cuộc họp với người em John Foster, Collins và Frank Wisner chỉ huy các vụ hành động bí mật của CIA, cấp trên của Lansdale. Khi là sĩ quan về những công việc đặc biệt trong Thế chiến thứ hai, Wisner đã chứng kiến việc Hồng quân và cảnh sát mật của Stalin chiếm Romania. Kinh nghiệm kinh khủng ấy đã tạo ra một chiến sĩ chống cộng cũng kiên cường như Lansdale.

Collins giải thích Lansdale thật điên khi cho rằng có thể xây dựng một chính phủ vững chắc xung quanh Diệm. Diệm hoàn toàn không có kinh nghiệm cai trị, không có cảm tình với mọi người, từ chối đối xử hợp lý hơn với các phe phái và không mở rộng chế độ dựa vào những nhà chính trị khác. Triển vọng duy nhất

đối với Mỹ là thay thế Diệm bằng một người khác không cộng sản mà người Pháp chấp nhận được và mong rằng ông này sẽ thành lập được một chính phủ nào đó. Khả năng thành công sẽ hạn chế theo dư luận hiện tại nhưng ít nhất cũng có một hy vọng. Với Diệm và Lansdale thì chẳng có gì.

Wisner bảo vệ Lansdale. Ông hầu như không biết gì về Việt Nam, không hề biết về châu Á nhưng người Mỹ đã thành công ở nơi khác, tại sao không có thể thành công ở Việt Nam ? Ông giải thích đã đến Philippines, gặp Magsaysay và thấy Lansdale đã hoàn thành tốt công việc ở đó. Triển vọng ở Việt Nam chắc chắn rất tốt ; Lansdale cũng xác nhận thế trong báo cáo. Dù sao cũng có một cơ may và Lansdale đã chứng tỏ tài năng, trực giác của mình trong những vấn đề người khác không giải quyết được. Vậy phải ủng hộ ông ấy.

John Foster Dulles không cùng chia sẻ lòng tin với Wisner. Ông gửi cho Đại sứ quán ở Sài Gòn một bức điện ngày 27 tháng Tư, chỉ thị cho người phụ trách phái đoàn tìm một người khác thành lập chính phủ. Ngày hôm sau, trước khi Đại sứ quán kịp hành động, Diệm được Đại sứ quán của mình ở Washington cho biết quyết định của Dulles, đã hỏi ngay Lansdale về tin ấy. Lansdale bảo đảm với ông, dù ông nghe được thế nào, Việt Nam cũng cần có một người lãnh đạo và Hoa Kỳ vẫn ở sau lưng ông. Ông ta thuyết phục Diệm ngay chiều hôm đó cho tấn công quân Bình Xuyên đã bắt đầu bắn súng cối vào phủ tổng thống và giết binh lính của quân đội Việt Nam. Nhưng 2.500 người của xã hội đen không đủ sức đương đầu với những tiểu đoàn Lansdale tập hợp được với sự giúp đỡ của Conein. Trong 9 giờ chiến đấu, quân Bình Xuyên trước đây chiếm giữ trung tâm Sài Gòn bị đánh tan tác phải trốn vào khu phố người Hoa ở Chợ Lớn. Sau trận thất bại này, các giáo phái không có vẻ đáng sợ nữa. Dulles vội vàng hủy bỏ chỉ thị và Đại sứ quán đốt bức điện. Từ lúc này, không còn bóng che vào sự tin tưởng ở Lansdale. Hoa Kỳ đã có sự lựa chọn. Như Dulles đã nói : “người ta nhào xuống nước” với Diệm.

Tháng Mười năm 1955, Lansdale đóng dấu ấn dứt khoát vào sự cam kết của Mỹ. Ông giúp Diệm tổ chức một cuộc trưng cầu dân ý gian lận để hạ bệ quốc trưởng Bảo Đại và bổ nhiệm Diệm làm tổng thống nước Cộng hòa mới Việt Nam. Vì đây là một lý do chính đáng, việc gian lận trong bầu cử có thể chấp nhận được ! Diệm thu được 98,2% phiếu bầu, hơn nhiều số phiếu Hồ Chí Minh đạt được ở miền Bắc. Và dù những nhóm kháng chiến gài lại ở Bắc Bộ bị Việt Minh quét sạch, Lansdale đã hoàn thành nhiệm vụ ở miền Nam. Ông củng cố vị trí của Diệm và gia đình, đưa ra một chính phủ trung ương bề ngoài có vẻ vững chắc. Chính sự thành công này đã gây ra cuộc chiến tranh thứ hai ở Việt Nam mà Vann phải chiến đấu 7 năm sau đó.

Mãi về sau này nhớ lại cuộc đón tiếp Diệm ở Tuy Hòa năm 1955, Bumgardner

bỗng hiểu ra mình đã nhận thức sai lầm về cuộc trình diễn. Ông nhớ đám đông trên sân vận động hình như không chú ý lắm về những điều Diệm nói khi họ vỗ tay hoan hô. Những khuôn mặt tươi cười, thái độ ồn ào nhưng mắt nhìn trống rỗng. Ông hiểu ngay : đám đông không nghe gì cả.

Buổi lễ đối với người xem chỉ là một ngày nghỉ ngơi. Họ đã tập trung khá nhiều dưới thời Việt Minh trong cuộc chiến tranh thứ nhất để biết rằng khi cán bộ trong đám đông ra hiệu thì phải vỗ tay. Những người tổ chức mà Nhu, em trai Diệm đã cử, đứng lẫn trong đám đông ra hiệu. Những người nông dân ngoan ngoãn nghe theo. Thời kỳ ấy, người Việt Nam trung lưu cũng không biết rõ Diệm, người dân ở nông thôn hẻo lánh càng không. Họ đã chán cảnh những năm cách ly với bên ngoài, hân hoan vì chiến tranh đã chấm dứt. Việc một máy bay hạ cánh, đưa tới một nhân vật cao cấp nói chuyện với họ làm họ vui mừng như gặp ngày lễ. Họ xô đẩy Diệm và dẫm lên chân, dù ông là thủ tướng nước Nepal thì cũng vậy.

Phần lớn những người đến xem đó có quan hệ gia đình với những người nổi dậy đã ra miền Bắc. Khi bắt đầu cuộc chiến tranh thứ hai, vùng đồng bằng Tuy Hòa đã trở thành một căn cứ mạnh nhất của Việt Minh miền Nam mà nhân dân hoàn toàn chống lại chính quyền Diệm. Bumgardner nhận ra mình ngốc đến mức nào cũng như những người Mỹ khác khi nghĩ có thể dựng Diệm thành một anh hùng dân tộc so sánh được với Hồ Chí Minh. Không ai tán thành Diệm trừ những người công giáo và tính cách, thái độ chính trị, xã hội của ông ta không bao giờ có người ủng hộ. Việc cai trị của ông chỉ có thể là phá hoại.

Lansdale ở Việt Nam đã là nạn nhân của thành quả của ông ở Philippines. Những người thành công trong những đợt khủng hoảng lớn thường bị sa bẫy khi nghĩ rằng mình đã tìm ra một sự thật chung. Lansdale đã xây dựng định đề như phần lớn cấp trên của ông, kinh nghiệm Philippines cũng có giá trị ở Việt Nam. Kinh nghiệm ấy không là gì cả. Người Philippines, những người bạn của ông những năm 40, 50 , là một dân tộc độc nhất không điển hình như các dân tộc châu Á khác. Những người Philippines của Lansdale là những người Mỹ da màu. Ngoài một số chi tiết về thân hình họ cũng giống người Việt Nam như Lansdale vậy. Họ kỷ niệm ngày độc lập của họ vào 4 tháng Bảy như người Mỹ. Họ nói tiếng Anh sử dụng tiếng lóng Mỹ hơi sai lạc, thích nhạc Jazz và những dạng khác của văn hóa Mỹ. Người ta thấy những tên họ như đại tá “mike” Barbero, phó của Magsaysay về chiến tranh tâm lý mà người kế nhiệm là thiếu tá “Joe” Crisol, cả hai cùng làm việc với một sĩ quan khác “Frisco Johnny” San Juan. Những cuộc hành quân của họ chống người Huk mang tên mật như “Bốn bông hồng”, tên của loại rượu Whisky ưa thích hoặc “Omaha” kỷ niệm cuộc đổ bộ lên Normandie. CIA tuyển mộ những người Philippines vào những hoạt động

của họ ở những nước châu Á khác chính vì họ có tư duy Mỹ. Khi người ta gặp một người Philippines trong một văn phòng hoặc một kho nguyên liệu, có nghĩa là CIA cách đấy không xa.

Lansdale đã tác động một dân tộc mà quan niệm sống được hình thành từ gần nửa thế kỷ Mỹ bảo trợ và bởi ảnh hưởng phương Tây hơn ba trăm năm thuộc địa Tây Ban Nha trước cuộc chiến tranh năm 1898. Gần 95% dân chúng là những người công giáo, Philippines là quốc gia công giáo độc nhất ở châu Á. Trong cuộc chiến tranh chống Nhật, người Philippines và Mỹ gắn bó khăng khít với nhau và sức mạnh chỉ có thể hiểu bởi những người cùng nhay đối đầu với cái chết trong chiến đấu. Có nhiều anh hùng người Philippines (65.000) hơn người Mỹ (15.000) trong việc bảo vệ bán đảo Bataan. Quá trình đi đến cái chết tiếp đó, 2.300 người Mỹ chết và người Philippines hơn ba lần (giữa 5.000 và 7.500, người ta không biết con số chính xác). Khi những toán quân của tướng Mac Arthur đổ bộ từ sà lan lên vịnh Leyte ngày 20 tháng Mười năm 1944 để giải phóng các đảo, hai người lính của Sư đoàn 24 bộ binh, mỗi người phất một ngọn cờ lệnh trên bãi biển : lá cờ đầy sao và lá cờ xanh đỏ với mặt trời trong một tam giác trắng của Philippines. Ngọn cở Mỹ cũng gây xúc động cho người Philippines như cờ của họ vì họ thấy ở đấy tinh thần độc lập và sự giải phóng khỏi nền độc tài. Những người Philippines của Lansdale thấy họ muốn đạt mục đích gì. Họ như 11 cầu thủ bóng đá rất giỏi nhưng không thành lập được một đội bóng vì thiếu huấn luyện viên. Lansdale là người huấn luyện viên ấy nhưng chỉ thắng khi những người khác thực hiện lối chơi như ông. Nghe Diệm nói với Lansdale ông ta đã chống lại người Pháp và xem chủ nghĩa cộng sản vô thần như một điều ghê tởm, định kiến của Lansdale dẫn đến những giả thuyết sai cũng như Vann sau n ày nghe Cao. Ông nghĩ hoàn toàn bình thường khi một nhà lãnh đạo Việt Nam được Hoa Kỳ trực tiếp bảo trợ và gắn bó với những người cấp cao Mỹ. Lansdale xem những người công giáo di cư từ miền Bắc là những người yêu nước đã “chiến đấu để giải phóng đất nước khỏi người Pháp” cho đến khi phát hiện ra họ bị lừa gạt và lôi kéo vào một âm mưu cộng sản; họ chạy trốn vào Nam để tạo dựng một “nước Việt Nam” tự do. Trong một báo cáo mật, ông viết Hải Phòng trong những tháng cuối cùng của việc di tản “nhắc lại thời kỳ những người mở đường Mỹ ở thế kỷ XVII”. Ông không thấy gì sai trong việc Hoa Kỳ chọn những người công giáo đề giúp đỡ họ. Ông thấy hoàn toàn đúng khi có một người công giáo làm tổng thống mà ông quan niệm là một “người Việt Nam tự do”.

Thiểu số người công giáo có một khuyết tật. Lansdale rất lo lắng làm cho họ phân biệt giữa những “thực dân” Mỹ và Pháp. Nhưng sự phân biệt hời hợt ấy không dựa vào một sự phân biệt sâu sắc. Bây giờ ông đối mặt với lịch sử Việt

Nam chứ không phải Philippines. Quyết định dựa vào dân công giáo và chọn trong đó một chính phủ Sài Gòn đúng như ông thông báo cho những người Mỹ đến thay thế người người Pháp. Những người chuyển theo Thiên chúa giáo được người Pháp sử dụng như một đội quân thứ năm thâm nhập vào nước Việt Nam truyền thống và được quan chức thực dân khen thưởng. Nhân dân coi họ là một giáo phái có xu hướng ngoại lai. Sau khi người Pháp ra đi, lẽ tự nhiên họ tìm kiếm một người bảo trợ nước ngoài khác. Họ nói với Lansdale với cách họ nghĩ ông này muốn nghe.

Diệm không tin vào một chính phủ nghị viện tuy hai năm rưỡi lưu vong ở Hoa Kỳ ông học để hiểu được hệ thống nhà nước Hoa Kỳ khiến cho Lansdale có cảm giác ngược lại. Công bằng xã hội cũng không làm ông quan tâm. Ông không muốn điều chỉnh cơ cấu truyền thống người Pháp đã sắp xếp cố định. Diệm là một người phản động cực đoan, quyết định thành lập một triều đại gia đình mới trong một đất nước đã lỗi thời. Ở thế kỷ thứ X họ Ngô đã cai trị ít lâu. Diệm tự thấy mình cầm đầu một triều đại thứ hai thay thế họ Nguyễn mất tín nhiệm vì một Bảo Đại thoái hóa. Gia đình giúp ông cai trị theo truyền thống. Ông chỉ có một nhân nhượng với thời đại mới chấp nhận được gọi là “tổng thống”. Việc bất bình với Pháp thật dữ dội nhưng về những vấn đề nhỏ và yêu sách về chính trị bị gạt bỏ do việc bổ nhiệm ông làm thủ tướng của Bảo Đại. Diệm thừa hưởng của cựu hoàng một chính quyền đầy phản động và bè phái Việt Nam, một quân đội, cảnh sát và nạn quan liêu từ chế độ thực dân Pháp. Ông để cho Hoa Kỳ đưa ông ra thay thế. Điều đã thành công ở Philippines có tác dụng ngược lại ở Việt Nam; ở đây sẽ là không yêu nước nếu hợp tác với người Mỹ, đồng thời với chủ nghĩa thực dân, áp bức và không công bằng xã hội.

Ám ảnh về những hình ảnh của Cách mạng Mỹ, Lansdale không thể hình dung đã chọn sai địa bàn hay là trở thành phía thù địch trong một nước châu Á rầm rộ cách mạng dân tộc. Sức mạnh lý tưởng Mỹ cũng ngăn cản những người như Bumgardner và Vann hình dung khả năng ấy. Thế mà đó là những gì đã xảy ra ở Việt Nam. Một cuộc cách mạng dân tộc đang tiến hành ở đây và Hoa Kỳ không là gì cả. Nước Mỹ và đồng minh với bên sai trái khi cung cấp trang bị và tài chính cho người Pháp hòng lập lại chế độ thực dân trị của họ. Nước Mỹ lại lặp lại sai lầm ấy khi đưa Diệm và gia đình ra nắm quyền lực.

Tháng Giêng năm 1946, trung úy Alfread Kitts được chuyển đến Hải Phòng. Kitts là con trai một sĩ quan pháo binh, tham gia đội đua ngựac của Hoa Kỳ trong Đại hội Thể thao năm 1932 và 1936. Kitts vào quân ngũ năm 1943 khi vừa tốt nghiệp trung học, phục vụ ở Philippines rồi được cử sang Bắc Bộ Việt Nam. Anh cầm đầu một toán 26 lính phụ trách trả tù binh Nhật về nước chất trên những chuyến tàu Liberty. Kitts nói được một ít tiếng Pháp và có thể trò chuyện

với những sĩ quan và binh lính Việt Minh kiểm soát thành phố. Người Việt Nam rất thân mật với người Mỹ. Không bao giờ họ nói về "chủ nghĩa cộng sản" và chỉ nói về mong muốn độc lập và hy vọng những người Mỹ giúp họ để đạt được điều đó. Thời kỳ ấy Hồ Chí Minh thu hẹp những xác tín cộng sản và vai trò của Đảng trong cuộc cách mạng dân tộc để xây dựng một mặt trận chính trị rộng rãi trong nước và tranh thủ sự hỗ trợ của Hoa Kỳ để tránh việc người Pháp quay trở lại.

Kitts chứng kiến ở Hải Phòng những chuyến ra đi đầu tiên của quân đội Pháp, ngày 6 tháng Ba năm 1946. Anh tưởng là quân đội Hoa Kỳ : mũ, quân phục, ủng, tất cả là Mỹ, kể cả sà lan vận chuyển, vũ khí hạng nặng và xe cộ Mỹ cấp cho nước Pháp tự do của De Gaulle để chống lại quân Đức và Nhật.

Sĩ quan và binh lính Việt Minh giận dữ khi thấy binh lính Pháp tới. Họ đã chấp nhận đội quân đồn trú Pháp ở Hải Phòng, Hà Nội và một số thành phố lớn khác ở lại tại chỗ để tự bảo vệ nếu bất chợt bị tấn công và đổi lại được hứa hẹn trả độc lập từng phần. Nhưng người Pháp nhanh chóng vi phạm lời hứa. Những sự kiện kèm theo tiếng súng nổ bắt đầu ngay. Những sĩ quan Việt Nam vẫn quan hệ thân mật với Kitts và những người Mỹ khác, chưa nói gì như sau này Việt Minh trách cứ họ đã trang bị súng đạn cho người Pháp. Hình như họ tiếp tục xem Kitts và lính Mỹ vẫn là đồng minh của họ, khác với quân đội thực dân. Họ tin vào lời tuyên bố của Hoa Kỳ về mục đích chiến đấu trong Thế chiến thứ hai và không quên việc đồng minh chống Nhật. Những hành động của Cục tình báo chiến lược OSS (Office of Strategic Services : Cục tình báo quân đội có trước khi CIA được thành lập năm 1947) đã nhận thấy Việt Minh là nhóm kháng chiến duy nhất tổ chức khá và bám sát khắp đất nước để cung cấp thông tin về người Nhật, cứu phi công Mỹ bị bắn hạ và hoạt động quấy phá sau lưng địch. OSS đã cho một phái đoàn huấn luyện xuống giúp một trong những ban tham mưu bí mật của Hồ Chí Minh ẩn náu trong rừng phía bắc đồng bằng sông Hồng, chưa kể đã cung cấp hàng nghìn súng trường, tiểu liên và khí cụ khác trang bị cho các đội quân Việt Minh.

Những sĩ quan Bắc Việt Nam ra lệnh cho các toán quân của họ không lầm lẫn binh lính của Kitts với người Pháp, không bắn vào họ. Điều này ngày càng trở nên khó khăn đối với người lính Việt Minh vì số lượng người Pháp ngày càng tăng, yêu sách càng nhiều và sự va chạm xảy ra liên tiếp. Kitts tự nhủ : "Làm sao nhận ra được một người Pháp hay một người Mỹ khi họ lái chiếc xe jeep như nhau và bận cùng đồng phục ?". Một buổi tối anh cùng hai sĩ quan về trại, bị bắn từ một rào chắn. Họ kịp nhảy xuống đất nhưng chiếc xe bị hỏng nặng. Hôm sau Kitts đến tìm đại đội trưởng trẻ chỉ huy phân đội, trình bày rõ anh đến bến cảng trở về bằng những con đường nào và đề nghị đại đội trưởng bảo quân lính mình

cẩn thận hơn trước khi bắn. Viên đại đội trưởng xin lỗi và hứa sẽ bảo người của mình lưu ý đoạn đường Kitts đi. Anh sẽ hướng dẫn kỹ hơn để về sau quân lính của mình không nhầm lẫn người Mỹ và người Pháp. Anh nói : "Nhưng anh biết đấy, người của tôi háo hức muốn đánh nhau!". Kitts cười. Anh không một chút tình cảm nào với người Pháp. Người sĩ quan Việt Minh cũng cười.

Đến tháng Bảy năm 1946 những cuộc đụng độ trở nên thường xuyên đến nỗi giữ lại một toán quân Mỹ ở Hải Phòng rất nguy hiểm. Kitts và người của anh được lệnh chuyển giao cho người Pháp trách nhiệm đưa người Nhật về nước và rút đi. Kitts nhớ mãi mấy chữ những người Việt Nam biết tiếng Anh viết lên tường một ngôi nhà ở cảng "Chúng tôi muốn người Mỹ".

Nhưng nếu người Việt Nam muốn nước Mỹ thì nước Mỹ đã không muốn họ. Đối với Hồ Chí Minh, những năm 1945 và 1946 lặp lại những thất vọng và ức chế ông đã biết ngay sau cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ nhất. Thời kỳ ấy tổng thống Hoa Kỳ là Woodrow Wilson; lần này là Hary Truman. Tên các ông ấy khác nhau, một cuộc chiến tranh mới nổ ra và một phần tư thế kỷ trôi qua nhưng thái độ của họ vẫn thế.

Khi Wilson tuyên bốn 14 điểm ngày 8 tháng Giêng năm 1918, ông Hồ coi trọng con người và bản tuyên bố ấy. Wilson đã nói các dân tộc bị lệ thuộc có quyền tự quyết định vận mệnh mình và trong luật lệ "của mọi tuyên bố thực dân … những quyền lợi của dân tộc bị trị phải có trọng lượng tương tự" như quyền lợi của thế lực thực dân. Dân tộc Mỹ phối hợp với nước Anh, Pháp và những nước Đồng Minh khác vì "cuộc chiến tranh cuối cùng cho nền tự do nhân loại". Wilson đã xác định nguyên tắc bao gồm 14 điểm và đã được các lực lượng Đồng Minh tán thành :"Đấy là nguyên tắc công bằng cho mọi dân tộc và quốc tịch quyền được sống trong những điều kiện bình đẳng về tự do và an toàn giữa họ với nhau dù họ mạnh hay yếu". Tổ chức xã hội các nước sắp thành lập sẽ chú trọng tới việc đối xử đúng đắn ấy với tất cả các dân tộc.

Ông Hồ rất xúc động, với số tiền ít ỏi kiếm được ở Paris bằng công việc sơn những đồ cổ Trung Hoa giả và chụp ảnh, đã thuê một bộ quần áo chỉnh tề ra mắt ở Hội nghị hòa bình năm 1919, Wilson và các nhà lãnh đạo các quốc gia đồng minh khác đến đấy bàn bạc về Hiệp ước Varsailless và Hiến chương Liên Hợp Quốc. Ở Paris thời kỳ ấy, người Việt Nam 28 tuổi ấy, đôi mắt đặc biệt lanh lợi, có vẻ vụng về trong chiếc áo đuôi tôm với cra-vát trắng bắt chước cách ăn mặc khác lạ của một người hào hoa phong nhã châu Âu. Ông mang tới một bản điều trần những tố cáo của người Việt Nam về chế độ thực dân Pháp. Ông bắt chước Wilson chia làm 8 điểm tạo cho người Việt Nam cơ may bù lại những thiệt thòi họ phải chịu. Ông không đòi độc lập nhưng tự trị trong lòng thuộc địa Pháp. Không một thành viên nào trong phái đoàn Mỹ hay một phái đoàn khác nhận

tiếp ông. Ông hiểu việc tự quyết định của Wilson chỉ áp dụng cho người Séc, Ba Lan và những dân tộc da trắng khác ở Đông Âu dưới sự chiếm đóng của Đức và Áo – Hung nhưng không phải cho người da nâu, da vàng châu Á, càng không phải cho người da đen ở châu Phi. Điểm thứ Năm của Wilson về "những đòi hỏi đối với thực dân" chỉ đơn giản giải quyết việc phân chia giữa những người chiến thắng các thuộc địa của Đức ở châu Phi và châu Á.

Hai mươi sáu năm sau, ngày 15 tháng Tám năm 1945, ngày Nhật Hoàng Hirohito tuyên bố đầu hàng, Hồ Chí Minh đề nghị Truman thực hiện đầy đủ những cam kết thời chiến và áp dụng những tuyên bố của tổng thống tiền nhiệm Franklin Roosevelt đã mất. Đại diện Việt Minh ở Côn Minh, Trung Quốc đề nghị Hoa Kỳ "những người quán quân của nền dân chủ" biến nước Việt Nam thành một nước bảo hộ của Mỹ "với thể chế như Philippines trong một thời hạn không xác định" trước khi độc lập hoàn toàn. Hai tuần lễ sau, ngày 2 tháng Chín năm 1945, trong khi phái đoàn Nhật Bản cúi xuống chiếc bàn trải thảm xanh trên boong chiến hạm Missouri để ký các văn kiện đầu hàng không điều kiên, Hồ Chí Minh đọc tuyên ngôn độc lập và công bố sự ra đời của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng hòa. Ông phát biểu trước đám đông 50 vạn người tập họp trên quảng trường Ba Đình của Hà Nội. Ông bắt đầu bằng một câu trong bản Tuyên ngôn độc lập của mười ba thuộc địa Mỹ do Jefferson công bố ngày 4 tháng Bảy năm 1776: "Mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng ..". Trong lúc ông nói, trên bầu trời xuất hiện máy bay tiêm kích P.38. Viên phi công tò mò bổ nhào trên quảng trường và đám đông cho hành động ấy như biểu hiện chào mừng của nước Mỹ gửi tới đất nước Việt Nam.

Hồ Chí Minh không nhận được lời đáp nào của Hoa Kỳ về lời đề nghị bảo hộ nhưng những tuyên bố chung của Truman khuyến khích ông tiếp tục. Lời tuyên bố quan trọng đầu tiên về những vấn đề quốc tế, ngày 27 tháng Mười năm 1945 là 12 điểm hoàn toàn trong truyền thống Wilson. "Đường lối đối ngoại của Hoa Kỳ dựa trên những nguyên tắc cơ bản về quyền và sự công bằng". Rồi ông đưa ra 12 điểm chủ yếu của đường lối ấy. Ba điểm trong số đó hình như áp dụng trực tiếp vào Việt Nam.

- Chúng tôi nghĩ tất cả những dân tộc còn yếu trong tương lai sẽ tìm lại được chủ quyền và nền độc lập …

- Chúng tôi nghĩ tất cả những dân tộc sẵn sàng tự lãnh đạo đất nước phải có quyền lựa chọn, tự do khẳng định đất nước mình không có một nguồn ngoại lai nào can thiệp. Điều đó đúng với Châu Âu, Châu Á, Châu Phi cũng như với tây bán cầu.

- Chúng tôi không chấp nhận mọi chế độ chính trị do một lực lượng nước ngoài nào áp đặt.

Kết cục, Hồ Chí Minh phản đối Truman khi Hoa Kỳ quyết định nước Pháp đại diện cho Việt Nam, Lào, Campuchia ở Hội đồng Viễn Đông trong Liên Hợp Quốc vừa thành lập. Ông Hồ tuyên bố nước Pháp đã mất hết quyền về tinh thần hoặc pháp lý thống trị Đông Dương vì trong Thế chiến thứ hai, chính phủ Vichy "đã nhục nhã bán Đông Dương cho Nhật và phản bội Đồng Minh" từ năm 1940, hợp tác với người Nhật cho đến năm 1945 quân chiếm đóng gạt chính quyền thực dân Pháp và trực tiếp cai trị. Ngược lại, Việt Minh đã "đánh bại không thương tiếc phát xít Nhật" bên cạnh Hoa Kỳ. Ông Hồ gửi cho Truman và ngoại trưởng James Byrnes 11 bức điện và thư trong 18 tháng mà không nhận được trả lời. Ông cũng kêu gọi sự giúp đỡ của Clément AttLee, thủ tướng Anh, tổng tư lệnh Chiang Kaishel của Trung Hoa Dân quốc và Joseph Stalin của Liên Xô. Không người nào trả lời.

Tháng Chín năm 1945, về quân đội Pháp chiếm đóng Bắc Bộ, Hồ Chí Minh chỉ có người trao đổi là bí thư thứ nhất Đại sứ quán Mỹ ở Paris. Ông đến đấy cố lần cuối cùng thỏa hiệp với những người Pháp đầy tự tin và luôn hiếu chiến, đề nghị người Mỹ biến Việt Nam thành "một vùng trù phú cho tư bản và xí nghiệp của họ". Ông tỏ ý cho biết nếu Hoa Kỳ bảo vệ người Việt Nam chống người Pháp, ông để họ sử dụng Vịnh Cam Ranh, một trong những hải cảng đẹp, nước sâu nhất thế giới. Chỗ ấy sau này quân đội Mỹ bố trí một trong những cơ sở lớn nhất về không lực, hải quân và cung cấp trang bị cho cuộc chiến tranh thứ hai ở Việt Nam. Ngày 14 tháng Chín năm 1946 ông Hồ ký một tạm ước với nước Pháp và trở về Hà Nội.

Đến tháng Mười, người Pháp phản bội thỏa thuận, nắm lấy việc kiểm tra thuế quan và tài chính ở Hải Phòng. Họ muốn làm mất chủ quyền của Chính phủ Hồ Chí Minh. Tháng Mười một, trong việc kiểm tra hàng hóa của một thương nhân người Hoa, một cuộc tranh chấp nổ ra và hai mươi lính Pháp bị thiệt mạng. Tướng Pháp Jean Etienne Valluy quyết định dựa vào sự kiện này để cho "một bài học nghiêm khắc … và làm cho những nhà lãnh đạo Việt Nam hiểu rõ tình hình hơn" – Đại tá Debes mà phó tổng lãnh sự Mỹ ở Hà Nội đã xác định trong một báo cáo gửi về Bộ Ngoại giao là "nổi tiếng vì tham ô và tàn bạo" được lệnh ném bom Hải Phòng. Ngày 23 tháng Mười một năm 1946, pháo binh, tàu chiến Pháp và máy bay do Mỹ cung cấp bắn phá suốt ngày. Sáu nghìn thường dân Việt Nam chết. Việt Minh hiểu ngay bài học, Hồ Chí Minh trong năm cuối cùng này đưa tay ra với người Mỹ, tóm tắt bằng một lời cảnh báo: "Chúng ta đơn độc; chúng ta chỉ phải dựa vào bản thân chúng ta thôi".

Vào 20 giờ 4 phút ngày 19 tháng Chạp năm 1946, biệt động đội Việt minh phá nổ nhà máy điện trung tâm của Hà Nội và thành phố chìm trong bóng tối hoàn toàn. Đấy là dấu hiệu tấn công qui mô lớn chống quân đồn trú Pháp ở tất cả các

tỉnh miền Bắc và miền Trung Việt Nam. Bây giờ không có gì ngăn được cuộc chiến tranh giành độc lập lần thứ nhất nữa.

Những thư từ và điện tín của Hồ Chí Minh ngay từ đầu đã được xếp vào hồ sơ cho những nhà viết sử tương lai. Hoa Kỳ đã bỏ rơi người Việt Nam và những dân tộc Đông Dương khác cho người Pháp rất lâu trước khi ông Hồ tuyên bố độc lập ở quảng trường Ba Đình. Việc ông là cộng sản không liên quan gì đến việc này. Lịch sử muốn chính phủ Mỹ đối kháng với chủ nghĩa thực dân Châu Âu ởchâu Á. Đấy là một truyền thuyết gợi ra do sự huyênh hoang của Wilson, Roosevelt và ác cảm riêng của một số nhân vật lớn như Douglas Mac Arthur đối với chế độ thực dân kiểu cũ. Nhưng chính phủ Hoa Kỳ nhân danh đất nước không cố làm sụp đổ những đế quốc thực dân Châu Âu vào cuối thế chiến thứ hai.

Franklin Roosevelt muốn giải phóng các dân tộc Đông Dương bằng một quá trình, bắt đầu bằng đặt nước thuộc địa dưới sự ủy nhiệm 25 năm sau chiến tranh. Tháng Giêng năm 1944 ông đã nói với bộ trưởng Ngoại giao Cordell Hull : “nước Pháp đã chiếm đất nước này gần một thế kỷ và hoàn cảnh 30 triệu dân ở đấy tồi tệ hơn cách đây 100 năm. Các dân tộc Đông Dương có quyền được hơn thế”.

Churchill và những người Anh có ảnh hưởng, họ không thể nhận thấy mặt trời cũng bắt đầu lặn trên đất đai của Rudyard Kipling. Họ sợ đặt Đông Dương dưới sự ủy nhiệm làm sụp đổ quyền lực của họ ở Ấn Độ và phần còn lại của đế quốc họ, đúng là điều Roosevelt đã có ý nghĩ. De Gaulle, bị tác động bởi thất bại năm 1940 và sự thông đồng của một bộ phận quân đội, của lớp trung, thượng lưu với chủ nghĩa và phát xít Nhật dưới chế độ Vichy, bị ám ảnh bởi tầm nhìn : khôi phục vinh quang của đế quốc Pháp, tiếp tục nhiệm vụ khai hóa của nước Pháp ở Đông Dương. Sự chống đối của người Anh và quyết tâm của De Gaulle dẫn Roosevelt đến bỏ rơi kế hoạch của mình. Ngày 5 tháng Giêng năm 1945 ông thông báo với Lord Halifax, đại sứ Anh ở Washington rằng ông không chống đối nước Anh đưa người Pháp trở lại Đông Dương. Ông chỉ mong không công khai công nhận việc Pháp chiếm lại đất nước ấy. Một tháng sau ở hội nghị Yalta, ông còn đi xa hơn chấp nhận chính thức một đề nghị của Bộ Ngoại giao có lợi cho Pháp đặt lại nền đô hộ.

Sau cái chết của Roosevelt, ngày 12 tháng Tư năm 1945, Hary Truman tạo điều kiện dễ dàng cho Pháp chiếm đóng lại. Tổng thống mới và các cố vấn có đủ lý do để hy sinh những người Việt Nam, Campuchia, Lào, theo quan niệm của người Pháp là gánh nặng của người da trắng. Hoa Kỳ tán tỉnh Liên Xô để họ giúp đập tan hoàn toàn nước Nhật; họ cũng không kém xem nước Nga là mối đe dọa tương lai. Averell Harriman, một trong những nhà xây dựng đường lối đối

ngoại sau chiến tranh, lúc ấy là đại sứ ở Moscow, vội vã trở về Washington trong chiếc máy bay ném bom B-24 để báo động với Truman, nói với ông này họ có nguy cơ bị một "sự xâm chiếm dã man của châu Âu" đe dọa. Để kiến thiết châu Âu thời hậu chiến loại trừ được lực lượng Xô Viết và cắm chắc lực lượng Hoa Kỳ, Truman và các cố vấn cần có sự hợp tác của nước Pháp. Họ muốn sử dụng các hải cảng, sân bay và căn cứ quân sự của Pháp để chống lại cái gọi là sự đe dọa của Hồng quân Stalin. Họ công nhận chế độ thực dân Pháp kiểu thế kỷ XIX sẽ không thực hiện được trên thế giới thời hậu chiến. Về tinh thần họ cảm thấy không thoải mái khi đồng lõa với việc Pháp trở lại Đông Dương và lo lắng thấy nước Pháp sa vào một cuộc tranh chấp với thời gian và tốn kém không có giới hạn. Tuy thế Truman thừ nhận quyết định của Roosevelt. Tháng Năm năm 1945, bốn tháng trước khi chưa người nào biết ở Hà Nội sẽ có chính phủ loại nào, ông cho Georges Bidault, bộ trưởng Ngoại giao của De Gaulle biết Hoa Kỳ không bao giờ đặt lại vấn đề "dù ngầm ý, việc Pháp thống trị Đông Dương". Truman đã theo Roosevelt, để người Anh đảm nhận việc người Pháp trở lại. Người Anh hoan hỉ làm việc đó, hy vọng thuộc địa của họ được vững vàng.

Viên tướng Sư đoàn Anh Douglas Gracey đến Sài Gòn ngày 13 tháng Chín năm 1945 với một lực lượng can thiệp hỗn hợp gồm người Gurkhas, lính Ấn Độ và lính dù Pháp. Ông giải phóng những quân lính Vichy bị quân chiếm đóng Nhật tước vũ khí và cầm tù trong tháng Ba sau bốn năm rưỡi hợp tác. Ông tăng cường đội quân bằng cách sáp nhập 17.000 lính Nhật nên việc giải giáp ở miền Nam Việt Nam chậm lại mấy tháng để có thể đánh nhau với người Việt Nam với mục tiêu duy nhất "Khôi phục trật tự". Đầu tháng Mười những người lính Pháp khác đến, được chở trên những tàu Hải quân Hoàng gia kèm theo chiến hạm Richelieu và khu trục hạm Triomphant. Tướng Philipe Leclerc, người giải phóng Paris , bay đến Sài Gòn để chỉ huy đội quân viễn chinh. Với những đội quân Ấn Độ và Nhật giúp đỡ, ông đuổi quân Việt Minh ra khỏi thành phố và đi khá sâu vào đồng bằng sông Cửu Long, chiếm Mỹ Tho vào ngày 25 tháng Mười. Mấy ngày sau đó, Cần Thơ, tỉnh chính vùng đồng bằng cũng rơi vào tay quân Pháp. Vào đầu tháng Chạp năm 1945 Leclerc chỉ huy 21.500 lính Pháp ở miền Nam Việt Nam, trong đó có Sư đoàn 2DB và xe tăng Mỹ. Theo đề nghị của Anh, Truman cung cấp cho người Pháp 800 xe jeep và xe tải. Ông giải thích vì chuyển từ Việt Nam đi quá phức tạp. Người Pháp cũng nhận được những phương tiện đổ bộ đường thủy và tàu chiến để chinh phục lại đất nước này. Tàu sân bay đầu tiên, Dixmude bắn phá Bắc Bộ là một tàu chiến Mỹ và phi công lái máy bay ném bom Mỹ. Mùa thu năm 1945, Hải quân Mỹ chuẩn bị cho việc đổ bộ quân Pháp lên Hải Phòng, với sự giúp đỡ của các toán quân Nhật, đã tháo gỡ bom mìn ở hải cảng chính họ đã phong tỏa thời kỳ chiến tranh để ngăn chặn quân Pháp của

chính phủ Vichy và kẻ thù của họ là quân Nhật.

Tàu bay và khí cụ lấy của quân Đức bổ sung cho việc trang bị của Mỹ cho phép người Pháp có khá đầy đủ vũ khí để trụ vững cho đến cuối năm 1946. Ba tuần lễ sau khi cuộc chiến tranh ở Hà Nội bắt đầu trong tháng Chạp, Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ thông báo với Chính phủ Pháp có thể mua tất cả các loại vũ khí của họ theo ý muốn "trừ việc dùng vào những hoạt động ở Đông Dương". Như vậy có nghĩa thực tế nước Pháp có thể gửi toàn bộ khí tài hiện có ở châu Âu để rồi khôi phục lượng dự trữ bằng vũ khí mới của Mỹ. Năm 1947, Truman cho Pháp vay 160 triệu đô la để mua xe cộ, máy bay rõ ràng dùng cho Đông Dương. Cùng năm ấy nhiều trăm triệu đô la giúp đỡ theo kế hoạch Marshall bắt đầu lấy lại sinh khí cho nền kinh tế Pháp, giảm nhẹ gánh nặng cho một cuộc chiến tranh thực dân. Tất cả những thư từ, điện tín của Hồ Chí Minh cũng như bản ghi nhớ cuộc trao đổi cuối cùng của ông ở Đại sứ quán Paris đều được Bộ Ngoại Giao Mỹ xếp vào hồ sơ "Bí mật hàng đầu". Những văn bản này chỉ được công bố sau 25 năm sau với những hồ sơ của Lầu Năm Góc.

do khác ít cao thượng hơn. Nghe những lời lẽ huyênh hoang của các tổng thống, những người da vàng, da nâu đã quên mất Hoa Kỳ là một sức mạnh thực tế và có quyền, có khả năng kỳ lạ biện minh về một số xếp đặt quyền lợi cho họ. Việc họ trở thành lực lượng hùng hậu nhất thế giới sau chiến thắng ở Thế chiến thứ hai càng phát triển khuynh hướng thanh minh cách xử sự của họ thường với những lý do không đẹp. Ngoài ra những người châu Á lạc quan dựa vào Hoa Kỳ bảo trợ đã không hiểu người Mỹ tiêm nhiễm chủ nghĩa phân biệt chủng tộc đến mức tự họ không nhận thấy mình đang chơi trò hai mặt ở châu Á. Trên bậc thang các xưởng máy trong chiến tranh, người ta thường nghe hát bài :

Vừa làm vừa ca hát

Hitler chỉ đạt số không

Mussolini là kẻ lông bông

Người Nhật trông càng tệ hại

Người Nhật không tệ hại và người Đức là những kẻ thù nguy hiểm, quỷ quái nhất. Nước Nhật không bao giờ đủ tiềm năng quân sự để uy hiếp Hoa Kỳ. Nhưng Đức thì có. Việc phát triển bom nguyên tử trở thành cấp thiết khi các nhà bác học Mỹ và châu Âu định cư xác định có lẽ Hiler tiến hơn trong cuộc chạy đua "bom siêu việt" chỉ để cho Hoa Kỳ và Anh Quốc lựa chọn giữa việc đầu hàng hoặc bị tiêu diệt. Khả năng kỹ thuật của Nhật Bản bị hạn chế đến mức những khí cụ lớn không làm gì được trong những trận chiến ban đêm và thời tiết xấu vì việc phát triển ra đa và vũ khí hạt nhân ở ngoài tầm với của khoa học trong công nghiệp của họ. Bên cạnh hiệu quả tàn ác, phe phát xít sử dụng những

phương tiện của một xã hội công nghiệp hóa để thủ tiêu 12 triệu người trong đó có 6 triệu người Do Thái trong các trại tập trung, những hành động hung bạo của Nhật, dù dã man, độc ác cũng chỉ là chuyện vặt.

Người Mỹ sợ và ghét hai kẻ thù ấy tỷ lệ nghịch với sự đe dọa của họ. Việc thăm dò của Bộ Tài chính cho thấy một chiến dịch quảng cáo dựa trên sự căm hờn đối với người Nhật bản được nhiều tín phiếu bảo vệ quốc gia hơn với người Đức. Những cuộc điều tra tỏ tõ người Mỹ trung lưu phê phán người Nhật là "báng bổ, vô nhân đạo, sức vật, xảo trá, bất nghĩa". Sự quảng cáo tín phiếu vậy là dựa vào tính hung bạo của người Nhật. Cơ quan điều tra liên bang FBI đã bắt một số tên quốc xã gốc Mỹ nhưng những người Mỹ gốc Đức nói chung không lo ngại gì.

Sau trận Trân Châu Cảng, một làn sóng đồn đại kích động được báo chí và quân đội khuyến khích lan truyền ở California và các bang ven bờ biển Thái Bình Dương : những người Mỹ gốc Nhật liên lạc bằng dấu hiệu với tàu ngầm, gửi thông tin bằng làn sóng mật cho hạm đội xâm lược, lấy cắp vũ khí và vẽ bản đồ hướng dẫn quân Nhật sau khi đổ bộ. Chính phủ đề ra một chương trình tập hợp tình nguyện ở nội địa nhưng không ai tiếp nhận những kẻ nhập cư ấy. Câu trả lời của toàn quyền Idaho thật điển hình : "Những người Nhật sống như những con chuột, sinh sản như những con chuột, cư xử như những con chuột. Chúng tôi không muốn chứa chấp họ". Mùa xuân năm 1942 quân đội tập hợp 150.000 người Mỹ gốc Nhật trong đó có 60.000 công dân sinh tại Mỹ, đưa họ vào các trại tập trung ở những vùng đất khô cằn ở phía tây. Tòa án tối cao xác nhận điều đó được xem là vụ vi phạm nhân quyền lớn nhất trong lịch sử nước Cộng Hòa.

Thế nhưng người ta không bao giờ phát hiện ra một hành động do thám hoặc phạm pháp nào của người Mỹ gốc Nhật Bản. Quân đội vẫn đòi hỏi Nisei – người ta gọi những người Nhật sinh ra ở Mỹ như vậy – ra mặt trận khi đến tuổi nghĩa vụ. Và gia đình của họ vẫn ở các trại tập trung suốt thời gian chiến tranh. Một nghìn hai trăn Nisei tình nguyện đi chiến đấu để chứng tỏ lòng yêu nước; những người khác để phiên chế vào các đơn vị không phàn nàn gì. Đoàn quân 4a42 của họ trở thành một trong những đoàn quân được khen thưởng nhiều nhất và được tổng thống tuyên dương bốn lần trong các mặt trận Ý và Pháp. Phương châm của đoàn quân do chính các chiến sĩ lựa chọn là :" Hãy nhớ tới Trân Châu Cảng". Nhưng quân đội vẫn tách những người Nhật ấy khỏi lính chiến đấu da trắng, thực hiện việc phân tách như đối với những người da đen thời kỳ ấy.

Nếu người Việt Nam là những người châu Âu da trắng, Roosevelt và Truman không dễ dàng phó mặc họ cho chủ nghĩa thực dân hành hạ. Những nhìn nhận về chủng tộc đã điều tiết những mệnh lệnh về chiến lược. Lời cảnh báo cao quí của Truman trong diễn văn tháng Mười năm 1945, trong đó ông khẳng định Hoa Kỳ

từ chối "công nhận một chính phủ do lực lượng nước ngoài áp đặt cho một quốc gia" (điểm thứ 12 trong bản tuyên bố của Wilson vốn đã kích thích Hồ Chí Minh kêu gọi ông bảo vệ chống người Pháp) chứng tỏ chủ nghĩa phân biệt chủng tộc có tính hai mặt của các nhân vật Hoa Kỳ không thay đổi từ thời Wilson. Lời tuyên bố của Truman hướng về Liên Xô đã áp đặt nền thống trị các quốc gia da trắng ở Đông Âu. Nếu Truman bối rối về những hành vi khắc nghiệt của họ ở đấy, xem ra ông không băn khoăn về những tàn khốc của người Pháp khi chinh phục lại Sài Gòn và đồng bằng sông Cửu Long. Vả lại ông cũng chẳng quan tâm đến cuộc tàn sát trong tháng Mười một năm 1946, giết hại 6000 thường dân Việt Nam ở Hải Phòng khi quân Pháp tấn công miền Bắc Việt Nam.

Ông Hồ và Việt Minh cộng sản chỉ là một yếu tố ngẫu nhiên không đưa lại lợi ích gì cho những nhân vật Nhà nước Mỹ.

Ưu thê vượt trội của những người cộng sản cầm đầu cuộc cách mạng Việt Nam tạo lý do cho những người có trách nhiệm ở Hoa Kỳ tiến hành ở Việt Nam điều mà Washington dù sao cũng đã có ý định làm. Họ mau chóng quên đi những cảnh ngộ buổi đầu, tự biện minh việc bắt người Việt chịu những khổ sở của một cuộc chiến tranh còn kéo dài bảy năm rưỡi nữa là để ngăn chặn đế quốc Xô viết (đúng hơn là Trung Hoa Xô viết) bành trướng ở Đông Nam châu Á. Các thế hệ những quan chức Mỹ nối tiếp nhau không ngừng phát biểu như vậy.

Hồ Chí Minh và các đồng chí của ông trở thành cộng sản phải chăng do một bất ngờ về đường lối chính trị của Pháp ? Những vị quan lại ấy, các nhà nho Việt Nam là những nhà lãnh đạo tất nhiên của một dân tộc mà người nước ngoài luôn luôn muốn chinh phục và dẹp yên không được. Ở đất nước chúng ta hiếm có những tấm gương như thế : người Ireland trong số đó, người Việt Nam cũng vậy. Sức kháng chiến dữ dội của họ là cả một truyền thuyết. Và là lịch sử nhắc nhở những người sống không bao giờ được làm nhục người chết.

Hệ thống trị đất nước của người Việt Nam phỏng theo người Trung Hoa. Nước Trung Hoa do một hoàng đế cai trị dựa vào một hệ thống quan lại. Vua ở Việt Nam là hình ảnh thu nhỏ của "con Trời" ở Bắc Kinh; các quan lại là những người có học thức điều hành việc nước, được bổ nhiệm vì tỏ rõ sự uyên bác về triết học Khổng Tử do một khoa thi theo cách Trung Quốc lựa chọn. Cũng như ở Trung Quốc, các quan lại hình thành một tầng lớp xã hội; giới trí thức bàn giấy trở thành lớp quý tộc mà thực tế nông dân nghèo không với tới được.

Chế độ thực dân Pháp bẻ gãy hàng ngũ quan lại Việt Nam. Để bảo tồn vị trí họ bắt đầu phục vụ người Pháp, chuyển thành quan chức của nước ngoài và mất tính hợp pháp lãnh đạo đất nước. Họ cũng trở nên tha hóa trong xã hội. Nhà nước độc quyền bán rượu, thuốc phiện và những điều kiện bó buộc trong các đồn điền cao su cùng những lạm dụng khác biến thực dân Pháp thành một chế độ

bóc lột. Những quan lại cùng hợp tác hàng ngày tham gia vào những tội ác chống dân tộc họ, lâu dần không cảm thấy tội lỗi nữa. Một số ít trong bọn họ không chịu cúi đầu trước những người Âu châu dã man. Sự chống đối lúc đầu đem lại nỗi sỉ nhục và cảnh đói nghèo cho họ để rồi về sau cứu với gia đình và đất nước. Dưới con mắt nông dân, qua những hình ảnh kháng chiến chống ngoại xâm, họ giữ được vai trò lãnh đạo tất nhiên trong xã hội Việt Nam. Họ tự cảm thấy và truyền lại cho con cháu nỗi sỉ nhục không nguôi chừng nào đất nước chưa được giải phóng. Các nhà lãnh đạo Đảng cộng sản phần lớn là con cháu của những gia đình quan lại ấy phân hóa dưới chế độ thực dân vì một số hợp tác với kẻ thống trị trong lúc những người khác vẫn theo con đường chính trực.

Những bậc tiền bối trong gia đình và đường lối chính trị của Hồ Chí minh là mẫu mực cho người Việt Nam noi theo. Bố ông Hồ, sinh ra ở Nghệ An, một tỉnh bắc Trung Bộ Việt Nam, nổi tiếng về hoạt động chống Pháp, là một nhà Nho môn đồ của Khổng Tử. Làm quan ở Bình Định, một tỉnh phía nam, ông bị sa thải vì ý thức yêu nước. Bối cảnh chính trị của nước chiếm đóng không khỏi ảnh hưởng đến số phận những người dân của nước bị chiếm đóng. Vì thế những người Philippines của Lansdale lấy nền dân chủ Mỹ làm khuôn mẫu, có hai đảng phái chính chống đối chế độ thực dân. Jawaharlal Nehru và phần lớn các nhà lãnh đạo vì nền độc lập Ấn Độ là những nhà xã hội Anh về đường lối. Lẽ tự nhiên khi Hồ Chí Minh ở Paris trong Thế chiến thứ nhất đã theo những người xã hội vì đây là nhóm chính trị độc nhất ở Pháp nghiêm túc bảo vệ nền độc lập của những nước thuộc địa.

Năm 1920 Đảng Xã hội Pháp bị cuốn hút vào một trong những tranh luận quan trọng nhất của lịch sử : ở lại Quốc tế thứ II được hình thành tại Paris năm 1889 hoặc đi theo tổ chức cách mạng hơn nhiều là Quốc tế thứ II do Lênin sáng lập ở Moscow năm 1919 để bảo vệ quyền lợi Bôn sê vích. Ông Hồ kể lại trong một bài báo đăng 40 năm sau đó, ông đã tham gia những cuộc tranh luận, rất chú ý lắng nghe, không hiểu hết những vấn đề nêu ra nhưng nhận thấy vấn để chế đột thực dân không được bàn đến. Mà điều ông muốn biết trước hết là “trong hai quốc tế, quốc tế nào đứng về phía nhân dân các nước thuộc địa ?”. Người ta nói với ông là Quốc tế thứ III. Vào mùa xuân, một người bạn Pháp đưa cho ông một bản sao báo cáo của Lênin in trong báo Nhân đạo (L’Humanité) : “Luận cương về những vấn đề dân tộc và thuộc địa”. Ông tả lại phản ứng của mình khi đọc bài ấy trong gian phòng nhỏ đang ở :” Trong luận cương có những danh từ chính trị khó hiểu. Cố gắng đọc đi đọc lại cũng nắm được vấn đề cấn thiết, tôi cảm nhận ở đây bao cảm động, nhiệt huyết, sáng tỏ và tin tưởng ! Tôi khóc lên vì vui mừng. Ngồi một mình trong phòng tôi kêu lên rất to như nói với đông đảo quần chúng :

“Hỡi những người đau khổ, những đồng bào của tôi ! Đây là điều chúng ta cần

! Đây là con đường giải phóng của chúng ta !”.

Trong những cuộc tranh luận tiếp theo, ông Hồ không ngồi im lặng. Ông chế diễu những người chống đối Lênin bằng câu hỏi đơn giản này : “Nếu các ông không lên án chế độ thực dân, nếu các ông không đấu tranh bên cạnh các dân tộc thuộc địa bị áp bức thì các ông làm loại cách mạng gì ?”.

Ở hội nghị Tours tháng Chạp năm 1920, ông bỏ phiếu cho phía cực tả và trở thành một trong những người sáng lập Đảng cộng sản Pháp.

Đảng Cộng sản Pháp cử ông đi Moscow vào mùa hè năm 1923 tham dự Hội nghị quốc tế nông dân. Được bầu vào Ban chấp hành , ông ở lại Liên bang Xô viết một năm nghiên cứu chủ nghĩa Mác – Lênin và những chiến thuật cách mạng ở Trường Đại học Phương Đông. Cuối năm 1924 ban chấp hành Quốc tế cộng sản cử ông đi Quảng Đông làm phiên dịch cho Phái đoàn chính trị và quân sự bên cạnh Đảng cách mạng dân tộc Trung Hoa, Đảng Quốc dân của Tôn Dật Tiên trong đó những người cộng sản Trung Quốc còn hợp tác với nhòm Tưởng Giới Thạch. Ít lâu sau khi đến ông viết một báo cáo thông báo đã hình thành tổ chức cộng sản bí mật đầu tiên của lịch sử Việt Nam : Thanh niên cách mạng đồng chí hội, gồm ông và tám nhà yêu nước khác, đồng hương của ông sống ở Quảng Đông. Ông đi Hàng Châu, Thượng Hải và những thành phố khác để nói chuyện với những người Việt Nam xa quê hương, thuyết phục họ hình thành một tổ chức vững chắc vì quyền lợi dân tộc.

Âm vang những hoạt động của ông lan truyền về Việt Nam, nhiều nhà yêu nước trẻ tuổi tìm đến hội của ông. Những người chấp nhận quan điểm kinh tế xã hội của ông có cùng một lý do như đã làm ông đi theo Lênin. Qua những bài học ông trình bày về chiến lược và chiến thuật cách mạng Lêninít, họ hiểu : xã hội cộng sản là đích tối cao và phương pháp đạt tới phải qua nền độc lập dân tộc. Phần lớn những người thấy ở ông Hồ điều mình tìm kiếm ở Quảng Châu, Quảng Đông cũng như sau này ở Việt Nam, đều là con cái lớp quí tộc có học thức bị tước đoạt quyền lợi. Một trong những người đầu tiên theo ông ở Quảng Châu là một sinh viên 17 tuổi, Phạm Văn Đồng, bố ông là quan lại, thư ký riêng cho nhà vua trẻ Duy Tân. Bố ông Đồng bị cách chức khi người Pháp phế ông vua 18 tuổi đày ra đảo Réunion vì ông này xúi giúc một cuộc nổi dậy trong số những người lính Việt Nam Pháp tuyển mộ đi đánh nhau trong cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất. Ông Đồng trở thành một trong những người hợp tác thân cận nhất của ông Hồ, lãnh đạo phái đoàn Việt Nam ở Hội nghị Geneve năm 1954 và trở thành thủ tướng Chính phủ miền Bắc Việt Nam. Nhưng trước đó ông đã trải qua sáu năm trong tuổi thanh niên ở nhà tù Côn Đảo. Người Pháp đào ở đây những hầm nhốt tù dưới đất phía trên gắn song sắt ; những “chuồng cọp “này nổi tiếng trong chiến tranh mà người Mỹ dùng giam những người nổi dậy Việt cộng.

Một tổ chức của giai cấp vô sản dưới sự lãnh đạo của tầng lớp quí tộc bản xứ hoàn toàn bất thường so với các đảng cộng sản. Alexander Woodside, nhà sử học người Canada chuyên về Việt Nam đã gọi đây là cuộc cách mạng của các "quan lại mác-xít". Trường Chinh, nhà lý luận, Lê Đức Thọ, nhà thương lượng khôn khéo mà Henry Kissinger gặp ở bàn đàm phán Paris năm 1968 và Võ Nguyên Giáp, nhà lãnh đạo quân sự lớn của nước Việt Nam mới, tất cả đều xuất thân từ tầng lớp quý tộc trí thức ấy. Những người lao động chân tay và nông dân đều không có mặt trong hàng ngũ ưu tú này. Trong số đó ngoại trừ có một trong những người bạn và cộng sự của tướng Giáp, ông Văn Tiến Dũng, chỉ huy một sư đoàn trong chiến tranh chống Pháp rồi tham mưu trưởng quân đội miền Bắc : một người công nhân cũ của một xưởng dệt ở Hà Nội. Năm 1963 Đảng chính thức thừa nhận đại bộ phận đảng viên xuất thân tầng lớp tiểu tư sản.

Hạt nhân không phá vỡ được này của tầng lớp quý tộc Việt Nam hoạt động theo tiếng gọi của đất nước. Ngày 8 tháng Hai năm 1941, khi Hồ Chí Minh vượt qua biên giới nam Trung Quốc sau 30 năm lưu vong, cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai xảy ra và sự cắt đứt quan hệ giữa các nước Đồng minh và chính quyền thực dân Pháp vốn hợp tác với quân đội Nhật hình như là dịp thuận lợi cho ông khơi nguồn một cuộc nổi dậy giành chiến thắng. Ban chấp hành trung ương ông triệu tập trong một xóm hẻo lánh ở Pắc Bó gồm những người sáng suốt và chín chắn trong chiến đấu. Họ chấp nhận thực thi chiến lược tinh vi ông đề nghị. Người ta giảm mục tiêu phấn đấu của Đảng về cuộc cách mạng xã hội để hình thành liên minh rộng rãi với những người không cộng sản vào một mặt trận dân tộc : Tổ chức mới gọi là Việt Nam độc lập đồng minh hội, từ đó được gọi tắt là Việt Minh. Nhiệm vụ của Việt Minh , như trong lời tuyên bố của ông Hồ, là tiến hành một cuộc chiến tranh "cứu nước, đuổi Nhật, Pháp và bè lũ phản động Việt Nam".

Bốn năm tiếp theo những "quan lại cộng sản" thành công kỳ diệu trong việc chuẩn bị về quân sự. Truyền thống chung là một trong những lý do chủ yếu cho phép họ thực hiện được nhiều điều trong thời gian ít ỏi như vậy và cho họ sự gắn bó cần thiết để trong lịch sử nước mình vận dụng những nguyên lý mác xít – Lêninít vào cuộc cách mạng trong điều kiện đặc biệt của xã hội Việt Nam. Khác với những dân tộc nhỏ bé khác làn nạn nhân của những cường quốc láng giếng, người Việt Nam không chỉ có những người hy sinh vì lý tưởng. Noi theo ông cha và những gương sáng trong lịch sử kháng chiến thắng lợi chống xâm lược nước ngoài, họ cũng thành công như tổ tiên của họ.

Người Việt Nam đã phải mất một nghìn năm nổi dậy và hy sinh để giành được nền độc lập đối với Trung Quốc vào năm 938 sau Thiên Chúa giáng sinh. Trong 900 năm tiếp đó cho đến lúc người Pháp đến vào năm 1850, mỗi triều đại mới

lên cầm quyền ở Trung Quốc đều sang xâm lược Việt Nam. Từng thời kỳ buộc phải đẩy lùi quân phương Bắc và tình trạng chiến tranh liên miên với những nước láng giềng ít đe dọa hơn họ phải đối mặt trong việc bành trướng xuống phía Nam bán đảo, thêm một nhiệm vụ quân sự vào nền văn hóa Việt Nam. Văn minh Trung Hoa không ưa chuộng người lính. Trung Quốc đào tạo ra những tri thức đồng thời là những người hành động, những quan lại cai trị học trò của Khổng Tử. Họ xứng đáng được noi theo về kiến thức và giá trị đạo đức trong xử thế. Người lính chiến được xem là người hạ đẳng, được dung nạp khi cần thiết nhưng không bao giờ được ca ngợi. Về căn bản không có gì tốt trong nghệ thuật chiến tranh. Lý tưởng Trung Hoa có thay đổi trong xã hội Việt Nam. Người anh hùng trở thành người tri thức và người hành động cũng là một người lính được tôn trọng, vị quan lại chiến đấu. Người Việt Nam ít người hùng hiền lành như Lincoln. Những anh hùng của họ, như có thể thấy các tượng nhỏ trang trí trên các giá sách, trên bàn, là những người đàn ông cưỡi ngựa hoặc voi, bận áo giáp cầm gươm. Nữ anh hùng truyền thuyết cũng thế, hai chị em bà Trưng nhảy xuống sông tuẫn tiết năm 43, không chịu hàng quân Tàu khi thua chạy. Lòng can đảm rất được mến chuộng trong văn hóa Việt Nam. Lê Lợi giải phóng đất nước dưới 20 năm bị Trung Hoa đô hộ qua một cuộc chiến tranh 9 năm trong thế kỷ XIV, lập một triều đại mới có một nhận định thường được lặp đi lặp lại “Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau, song hào kiệt đời nào cũng có”. Những cuộc chiến tranh với cường quốc phương Bắc cũng đưa người Việt Nam đi đến xây dựng lý luận cơ bản của học thuyết quân sự của họ : một lực lượng rõ ràng nếu được lãnh đạo đúng có thể đánh thắng một lực lượng mạnh hơn. Khái niệm độc nhất ấy trong truyền thống quân sự đã trở thành động lực cho lý thuyết của họ. Việc rèn luyện quân đội Việt Nam, dựa vào lịch sử, giải thích rằng để chiến thắng phải tiêu hao dần dần , làm cạn kiệt sức kháng cự của quân địch. Những lực lượng Việt Nam phải sử dụng cách rút lui nhanh sau cuộc tấn công chớp nhoáng, những hoạt động làm chậm chễ, những cuộc phục kích, quấy rối bằng các toán quân du kích. Quân địch bị lôi kéo vào những cạm bẫy trong rừng, đồi núi và những vùng đáng sợ khác tiêu hao hết sinh lực, còn người Việt Nam sử dụng chính những nơi ấy để ẩn náu và khôi phục lực lượng. Cuối cùng khi đối phương kiệt sức và rối loạn, cuộc chiến được kết thúc bằng những đòn phản công mạnh mẽ nhưng nhanh nhẹn, bất ngờ và dồn dập tối đa. Vị tướng giỏi nhất thời xưa, Trần Hưng Đạo, đã dùng chiến thuật ấy chống quân Mông Cổ tràn từ sa mạc Gobi làm kinh hoàng thế giới châu Á và chinh phục nước Trung Hoa, xâm lược Việt Nam năm 1284 rồi năm 1287. BINH THƯ YẾU LƯỢC của Trần Hưng Đạo viết cho binh tướng trở thành một giáo huấn cho nền quân sự Việt Nam. Một trăm năm mươi năm sau Lê Lợi cũng dùng những biện pháp ấy đánh đuổi hết tướng tá quân Minh.

Ba thế kỷ rưỡi sau bài học vẫn không mai một. Năm 1789 năm Cách mạng Pháp, một viên tướng được ông Giáp và ông Dũng đặc biệt thán phục là người giỏi nhất về hành quân chớp nhoáng và tấn công bất ngờ, đập tan cuộc xâm lược cuối cùng của Trung Hoa, lần này do triều đình nhà Thanh tiến hành. Nguyễn Huệ, sau này trị vì với danh hiệu hoàng đế Quang Trung, thần tốc theo dọc bờ biển Việt Nam lên đến châu thổ sông Hồng Hà không vì tính chất thiêng liêng của lễ Tết, ngày đầu năm âm lịch mà cả người Việt Nam và người Trung Quốc đều tôn trọng. Ông ta bất ngờ đánh tan đội quân xâm lược vô cùng mạnh hơn đang dựng trại chỗ gần Hà Nội bây giờ. Ông tấn công vào nửa đêm ngày mồng năm của lễ hội trong lúc quân Thanh đang ngủ say sau những bữa yến tiệc ban ngày. Từ đó người ta tổ chức lễ chiến thắng hàng năm vào ngày mồng năm Tết như là một chiến tích lẫy lừng trong lịch sử Việt Nam. Năm 1968 cũng là một ngày như thế.

Những võ công và truyền thống kháng chiến chống ngoại xâm là một bộ phận tất yếu của lịch sử nước Việt Nam trước thời kỳ thuộc địa. Nó thấm vào văn học nghệ thuật truyền thống và tâm tính của tầng lớp nông dân đồng thời là di sản của tấng lớp quan lại. Những điền trang - trại lính là một yếu tố quyết định sự bành trướng của phần bắc Việt Nam đến vùng đồng bằng sông Cửu Long. Cuộc "Nam tiến" ấy là một thiên anh hùng ca khác của lịch sử Việt Nam kéo dài trên 450 năm, từ đầu thế kỷ XIV đến cuối thế kỷ XVIII. Việc thờ cúng tổ tiên những người nông dân tiến hành cùng với niềm tin ngưỡng vật linh và Phật giáo bao gồm lòng tôn kính linh hồn những chiến tướng – quan lại nhiều đền thờ được xây dựng tôn vinh họ ở những vùng trung tâm nông nghiệp và lễ thờ cúng là một phần trong đời sống nông dân ; trách nhiệm lễ bái họ cho là một vinh dự thiêng liêng. Một người nước ngoài thấy người nông dân Việt Nam còng lưng trên ruộng có thể nghĩ hình như họ cam chịu, nhưng không nên xem sự dè dặt và chăm chỉ làm lụng của họ là sự phục tùng. Khi họ vùng lên vì quyền lợi và được chỉ đạo tốt, họ là những người chiến đấu đáng sợ, chỉ cần ít lâu để trở thành người lính. Cuộc sống vất vả trên đồng ruộng chuẩn bị cho họ về những khắt khe của một trại lính và kỷ luật tập thể cần thiết cho việc cày cấy ruộng ngập nước chuẩn bị cho họ làm quen với luật lệ tập thể ở chiến trường. Họ cứng rắn và khôn ngoan trong chiến đấu và lòng can đảm được đề cao trong văn hóa truyền thống thúc đẩy họ tự chứng minh sự dũng cảm để được bạn bè kính trọng.

Người Pháp đã có thể đè bẹp dân tộc này ở thế kỷ thứ XIX với một tổ chức Châu Âu cùng kỹ thuật, vũ khí hiện đại hơn, vào thời kỳ nền văn minh Việt Nam cũng như Trung Quốc đang trong tình trạng đình trệ. Nhưng đã không thể xóa bỏ lịch sử của họ. Những cuộc nổi dậy liên tiếp nhau chứng tỏ người Pháp không bao giờ bẻ gãy được nghị lực của dân tộc này. Những biểu tượng, và gương sáng

của quá khứ tiềm ẩn Trần Hưng Đạo, Lê Lợi và Nguyễn Huệ chờ đợi một thế hệ mới hồi sinh, phát động đất nước vùng lên chống lại.

Khi Hồ Chí Minh và các học trò của mình khơi dậy quá khứ nối liền với hiện tại, nhân dân Việt Nam có thể đối mặt với kẻ thù do học tập lịch sử. Người Pháp không phải là một giống người châu Âu thượng đẳng mà chỉ là một kẻ xâm lược khác từ ngoài vào, vậy là có thể đánh thắng. Nhóm quan lại và những nhóm xã hội khác hợp tác với người Pháp không còn là những người có đặc quyền người ta phải phục tùng mà cũng là những "quân lang sói" như Hồ Chí Minh gọi tên, đã từng là những con tin của quân Tàu chiếm đóng. Bao giờ cũng có những quan lại sẵn sàng cuồng tín vì kẻ xâm lược nước ngoài hoặc vì tiền, vì thuộc các nhóm phiến loạn không phục tùng hoặc vì họ nghĩ việc chinh phục sẽ kéo dài, tốt nhất là bám vào để có vị trí cho mình và gia đình trong trật tự mới ấy. Lịch sử Việt Nam không thiếu những "tên phản động bán mình" theo cách nói của những người cộng sản. Những nông dân và dân nghèo thành thị trong tổ chức mật thám, cảnh binh và quân lính thuộc địa tra tấn, giết hại đồng loại vì người Pháp. Người Tàu cũng đã tuyển mộ loại này để bổ sung vào hàng ngũ tay sai. Không khí tệ hãi xã hội, mưu mô xảo trá và sự thối nát lan tràn ở Huế, ở triều đình Bảo Đại và các quan chức cấp cao là dấu hiệu muôn thuở của một triều đại xuống dốc không thể bảo vệ đất nước nữa và phải bị quét sạch bởi những chiến sĩ – quan lại yêu nước.

Trong Thế chiến thứ hai, những người này sống trong rừng núi ven biên giới Trung Quốc phát triển tổ chức Việt Minh để vận động một phong trào toàn quốc. Nhớ lại công cuộc di trú anh hùng, Hồ Chí Minh gọi cuộc tiến về các làng xã, ruộng đồng vùng đồng bằng là "tiến xuống phía Nam". Những cơ sở rừng núi được mệnh danh Lê Lợi, Quang Trung và những anh hùng khác của cuộc kháng chiến xưa kia. Cuối năm 1944, Việt Minh đã có nửa triệu người tham gia mà ba phần tư là người miền Bắc và miền Trung. Họ do một Đảng Cộng sản lãnh đạo lúc ấy không quá năm nghìn đảng viên. Lời kêu gọi vẫn nhấn mạnh vào lòng yêu nước và một số yêu sách xã hội nhằm tập hợp nông dân mà không làm những điền chủ giàu có yêu nước lo sợ.

Mùa xuân năm 1945, người Nhật đánh giá đúng người Pháp Vichy đã đổi hướng, trở thành những "người Pháp tự do" trong lúc nước Nhật đang thất bại trong cuộc chiến. Những cú đánh mạnh của quân đội Thiên Hoàng khắp Đông Dương ngày mồng 9 tháng Ba lúc hai mươi mốt giờ ba mươi không những thủ tiêu chính quyền thực dân và giải giáp quân đội mà còn đánh một đòn sinh tử cho chế độ thực dân Pháp ở Đông Dương. Nỗi sợ hãi của nhiều người Việt Nam đối với những ông thầy châu Âu tan biến khi thấy họ bị bắn, bị đánh bại và kéo lê ở các trại lính còn vợ con họ bị những người lùn da vàng làm nhục. Áp lực

của chính quyền trung ương đột nhiên biến mất còn những vùng nông thôn Bắc Bộ lâm vào nạn đói tệ hại nhất trong lịch sử. Giữa cuối năm 1944 và mùa hè năm 1945, từ bốn trăm nghìn đến hai triệu nông dân và vợ con chết đói. Người ta không thể biết con số chính xác vì chính quyền không làm được thống kê nữa và người Nhật đã bỏ nông thôn lui về thành thị. Nạn đói là hậu quả của việc người Pháp thu vét lúa gạo theo lệnh người Nhật để làm chất đốt cho các xưởng của quân đội Thiên Hoàng hoặc gửi sang Nhật. Các chủ điền đại bộ phận ở miền Bắc lúc đầu bị phá sản rồi trải qua nạn đói, không thể mua hạt giống để gieo cấy cũng không có thực phẩm cho gia đình nữa. Việc thu gom lúa gạo do các lý trưởng, chánh tổng, cấp cai trị thấp nhất của chính quyền thuộc địa, có cảnh binh giúp đỡ thực hiện. Những người Việt Nam ấy tiếp tục tịch biên lúa gạo cho người nước ngoài trong lúc chính đồng bào của họ chết đói cho thấy một ví dụ lạ lùng về sự tha hóa đạo đức của chế độ thực dân.

Khi các tổ chức Việt Minh thâm nhập vào nông thôn, nạn đói đã nhấn chìm nông dân vào mức độ tột cùng của thất vọng và căm hờn. Việt Minh bèn ra một lệnh cũng quan trọng như về độc lập dân tộc “Phá các kho thóc để cứu đói”. Các chiến sĩ cách mạng phá những kho tích lũy gạo của các điền chủ đem phân phát cho dân. Đổi lại, nông dân giúp họ bắt giữ các lý trưởng, chánh tổng. Những người này bị thay thế bởi chính quyền Việt Minh trong các “Hội đồng nhân dân” được các đơn vị tự vệ gồm những người nông dân vũ trang bằng dao, bổ cào và liềm hái. Khi nước nhật đầu hàng ngày 15 tháng Tám năm 1945, ông Giáp có hơn 5000 chiến sĩ phần lớn được trang bị vũ khí Mỹ do OSS cung cấp ; họ được đa số tầng lớp nông dân miền Bắc phục tùng không điều kiện.

Rồi như các đợt sóng vỗ bờ : ngày 17 tháng Tám, “Hội đồng khởi nghĩa” phất cao ngọn cờ cách mạng Việt Minh, ngôi sao vàng năm cánh trên nền đỏ trong một cuộc tập hợp lớn. Mít tinh tổ chức ở nhà hát thành phố Hà Nội do các công chức Việt Minh dựa vào sự ủng hộ của chính phủ bù nhìn Bảo Đại được người Nhật dựng lên. Người lên diễn đàn đầu tiên vừa cất lời thì những lá cờ Việt Minh phất lên trong gian phòng đầy ắp người và trên diễn đàn. Một chiến sĩ cách mạng, được những người bảo vệ có súng ngắn bao quanh, giật lấy micro kêu gọi khởi nghĩa “giành lại đất đai của tổ tiên”. Cảnh binh có nhiệm vụ bảo vệ cuộc mít tinh ngả theo họ và buổi họp biến thành một cuộc biểu tình rầm rộ ủng hộ Việt Minh, tiếp đó là cuộc diễu hành suốt đêm trên đường phố. Những ngày tiếp theo, nhiều nghìn nông dân đổ ra thành phố. Đại diện của Bảo Đại chạy trốn. Đội quân đồn trú bảo vệ thành phố bị cầm tù và vũ khí được phân phát cho những người khởi nghĩa. Ba mươi nghìn lính Nhật đóng ở Hà Nội từ chối bảo vệ chế độ bù nhìn. Họ chỉ đành giữ gìn những ngôi nhà của Nhà băng Đông Dương và binh trại của họ.

Cuối tháng Tám năm 1945 Bảo Đại thoái vị tại thủ đô hoàng gia Huế trong một buổi lễ tầm vóc đáng kể đối với người Việt Nam. Hoàng đế, nhân danh quốc gia cho đến khi người Pháp bẻ gãy biểu tượng, chuyển giao quyền hành hợp pháp cho các đại diện của Hồ Chí Minh. Mặc áo bào nhà vua, chít khăn vàng, ông đứng trên tường thành cửa Ngọ Môn của hoàng cung giữa thành phố Huế. Bảo Đại trao lại cho phái đoàn Việt Minh ấn tín triều đình và thanh kiếm nhà vua. Ngọn cờ vương quốc hạ xuống từ cột cờ đồ sộ trên cổng thành và lá cờ đỏ sao vàng của Cách mạng được kéo lên thay thế. Nhà vua cuối cùng của triều Nguyễn trở thành công dân Vĩnh Thụy, được phong làm "cố vấn chính trị tối cao" của chính phủ Hồ Chí Minh cho đến lúc ông ta rời đất nước vào đầu năm 1946.

Trái với những xác định sau này của các quan chức Hoa Kỳ, những Đảng Cộng sản khác không giúp đỡ gì người Việt Nam trong cuộc chiến tranh chống Pháp của họ. Người Trung Quốc còn bận rộn trong cuộc chiến với Tưởng Giới Thạch. Những đồng minh Pháp buổi ban đầu cũng bỏ rơi họ. Với hy vọng thắng lợi trong những cuộc bầu cử năm 1945 và 1946, Đảng Cộng sản Pháp thực ra đang lo tránh mọi hành động mất lòng dân và im lặng về lời tuyên bố lịch sử để các thuộc địa độc lập. Những đồng chí cũ của Hồ Chí Minh khuyên không nên chống lại việc chính quyền thực dân quay trở lại vì một cuộc chiến tranh giành độc lập trở ngại cho đường lối ngoại giao của Liên bang Xô Viết.

Những người Việt Nam không nhận được của Moscow một sự giúp đỡ nào vì Stalin chẳng có lợi gì để tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc cách mạng của họ. Ông không chia sẻ hy vọng về thắng lợi bầu cử của những người cộng sản Pháp vì ông sáng suốt hiểu rằng Hoa Kỳ không bao giờ cho phép có một chính phủ cộng sản ở Paris dù được bầu hợp pháp hay không. Tuy vậy ông mong Đảng cộng sản Pháp tranh thủ được quần chúng vì lợi ích chính trị có một pháo đài cộng sản mạnh ở nước Pháp. Ông cũng muốn các nhà chính trị cánh tả không chú ý khi ông đang củng cố sự chi phối của Xô viết ở Đông Âu, con đường xâm nhập vào nước Đức giữa hai cuộc tranh chấp và là mối bận tâm hàng đầu về an ninh đối với Stalin.

Trên thực tế, những người cộng sản Pháp còn vượt quá sự từ chối giúp đỡ. Họ đồng tình với việc chinh phục lại thuộc địa. Maurice Thorez, tổng bí thư Đảng cộng sản Pháp là phó chủ tịch Hội đồng chính phủ ba phái tiến hành chiến tranh chống Việt Minh năm 1946. Ông chú tâm để các thành viên Hội đồng dân tộc không cản trở việc bỏ phiếu tiến hành những biện pháp khẩn cấp và chi phí quân sự cho cuộc chiến tranh Đông Dương.

Những điều kiện ấy thay đổi vào năm 1949 với cuộc chiến tranh lạnh và các đội quân của Mao Trạch Đông tiến xuống biên giới Bắc Việt Nam. Trong bốn

năm đầu của cuộc chiến tranh chống Pháp, người Việt Nam, như ông Hồ, nói "hoàn toàn đơn độc". Việc xây dựng quân đội của họ là một sáng kiến quân sự xứng đáng với những chiến công của tổ tiên họ. Họ đã có những tiến bộ đáng kể khi ông Hồ mất hết hy vọng thỏa thuận một tạm ước với người Pháp, đã cho phá vỡ trung tâm Hà Nội vào đêm 19 tháng Chạp năm 1946. Trong một năm bốn tháng tiếp theo cuộc khởi nghĩa tháng Tám 1945, ông Giáp và các phó của ông đã biến đội quân nhỏ bé 5000 người thành một lực lượng mười vạn người giá trị chiến đấu không đồng đều, từ những toán du kích ở đồng bằng sông Cửu Long đến những tiểu đoàn thường trực ở Bắc và Trung bộ Việt Nam. Việc trang bị của họ lẫn lộn các loại vũ khí : súng Pháp già cỗi với các cỡ đạn khác nhau, súng Nhật tước của quân đội Thiên Hoàng, súng Mỹ do Trung Hoa Dân quốc bán giấu giếm. Họ cũng sử dụng những khẩu các-bin Mỹ và Steven Anh sản xuất thô thiển trong những xưởng thủ công với máy móc của các xưởng máy Pháp cũ hoặc các xưởng nghành đường sắt. Thậm chí họ cử thợ lặn xuống tìm vũ khó và trang bị trong các tàu Nhật bị đắm ở vịnh Bắc Bộ. Nhiều nghìn sĩ quan binh lính và kỹ thuật viên Nhật Bản đào ngũ thay vì được đưa về nước là bộ khung cán bộ của các xưởng và huấn luyện viên cho các chiến sĩ tương lai. Những người đào ngũ Nhật Bản do ông Giáp và các thủ trưởng Việt Minh khác lãnh đạo, những người này đã được rèn luyện trong Hồng quân Trung Quốc hoặc đào tạo ở học viện quân sự đệ tam quốc tế xây dựng ở Hoàng Phố năm 1925. Người Việt Nam đã có một quân đội quốc gia. Người Pháp phải đánh nhau 3 tuần mới kiểm soát được Hà Nội và phải gần ba tháng mới giải phóng hết những cơ sở đồn trú bị vây hãm.

Việc tuyển mộ và tập luyện quân không ngừng tăng tiến sau đêm quyết định ở Hà Nội. Vũ khí nhiều hơn và chất lượng tốt hơn tước được của quân Pháp hoặc mua ở Tàu và Thái Lan. Các tướng Tàu quốc dân ở miền Nam Trung Quốc hoặc ở đảo Hải Nam sẵn sàng vì tiền đổi súng đạn Hoa Kỳ cung cấp chọ họ đánh cộng sản. Việt Minh duy trì cho đến thời kỳ chiến tranh Triều Tiên một phái đoàn thường trực mau súng đạn ở Bangkok trên cùng đường phố với cơ quan thông tin Mỹ. Tiền không có mùi vị chính trị đối với người Thái. Vũ khí được đưa về trên lưng vật nuôi, trên xe đạp hoặc xe bò kéo đến cơ sở Việt Minh trong vùng biên giời phía Bắc. Nhiều loại được chở lậu bằng thuyền và tàu đánh cá từ Hải Nam đến vô số các vũng nhỏ bở biển phía bắc hoặc trên 350 cây số Việt Minh kiểm soát, đúng vào chỗ mấy năm sau đó Bumgardner chứng kiến Ngô Đình Diệm đến thăm vùng "giải phóng". Ông Giáp đã bắt đầu tổ chức các chiến binh miền Bắc thành đơn vị cỡ Sư đoàn trước khi những người cộng sản Trung Quốc bố trí quân ở biên giới vào cuối năm 1949, mở ra triển vọng một sự giúp đỡ tăng tiến. Con người sống bằng nghề dạy học môn lịch sử ở một trường trung học Hà

Nội, đã giảng dậy ở đây về cuộc cách mạng Pháp và những trận đánh của Napoléon, đã chứng tỏ là một vị tướng trí thức nổi tiếng, có khả năng sử dụng chiến lược truyền thống Việt Nam chống lại người Pháp.

Từ cuối năm 1949 đến mùa thu năm 1950, ông Giáp tiêu hao quân Pháp trong những núi rừng bao quanh đồng bằng sông Hồng. Tướng Marcel Carpentier mất phương hướng, hốt hoảng và phạm vào sai lầm người Việt Nam đã dự kiến. Ông ra lệnh thoát ra cấp tốc khỏi các tỉnh biên giới vào năm 1950. Các đoàn quân Pháp đi vào con đường số 4 ngoằn nghèo giữa những núi đá vôi và rừng vùng biên giới. Quân của ông Giáp đã chờ họ ở đấy và con đường của đế quốc Pháp là con đường kết thúc thảm hại của nền đế quốc ấy. 6000 binh lính đội quân thực dân Pháp biến mất tại đây. Việt Minh chiếm đủ khí giới, quân nhu, xe hơi, xe bọc thép và thiết bị các loại để trang bị cho toàn bộ một Sư đoàn. Đây là thất bại tệ hại nhất của đế quốc Pháp ở hải ngoại. Chiến thắng này của ông Giáp là màn mở đầu cho chiến dịch Điện Biên Phủ. Cú sốc tâm lý của thảm bại này có lẽ sẽ đẩy nhanh những cuộc thương lượng để chấm dứt chiến tranh nếu nước Pháp bị bỏ mặc với những nguồn lực của mình. Nhưng chính quyền Truman vừa giao ước đóng góp một sự giúp đỡ quân sự trực tiếp và hào phóng đã khuyến khích người Pháp tiếp tục cuộc chiến.

Từ năm 1950, nhiệm vụ của ông Giáp và các sĩ quan chủ yếu là trang bị cho quân đội dày dạn của họ bằng xe pháo Xô-viết, những súng phòng không và khí cụ hạng nặng khác nhanh chóng đưa tới cùng những huấn luyện viên Trung Quốc để nâng tổ chức lên thành một lực lượng chiến đấu hiện đại. Cần nhiều năm để đạt tới điều đó, đánh dấu bởi những sai lầm và thất bại. Nhưng điều chủ yếu đã được thực hiện vì quân đội được thế giới chú ý năm 1954 và viết nên thiên anh hùng ca mới trong lịch sử Việt Nam được xây dựng từ rất lâu trước khi chiếc xe tải đầu tiên chở vũ khí Xô-viết vượt qua biên giới Trung Quốc.

Việc lãnh đạo cuộc chiến tranh giành độc lập do Hồ Chí Minh và các học trò của ông lãnh đạo đã in đậm hình ảnh nhân dân trong trí những người Việt Nam và cụ thể hóa một số vấn đề cơ bản của cuộc sống chính trị. Cả toàn dân tham gia từ những trẻ em vừa lớn lên đi do thám và đưa tin đến những bậc ông bà có thể khôn khéo biện bác với tư cách những người già. Những người Việt Nam có ba thái độ lựa chọn : gia nhập hàng ngũ những người cộng sản để giải phóng đất nước, hợp tác với người Pháp vì những lý do khác nhau hoặc không tham gia vào cuộc tranh chấp này về đạo đức và chính trị quan trọng nhất thời đại ấy như một số ít người làm, đặc biệt là Ngô Đình Diệm. Cuộc chiến tranh làm ông Hồ trở thành người cha của nước Việt Nam mới : do vậy một người yêu nước là một người cộng sản hoặc một người có cảm tình. Người đứng về phía Pháp là một kẻ hợp tác, như những người phe Pétain ở Vichy. Người nào từ chối tham

gia, như Diệm, bị loại trừ khỏi cuộc đấu tranh và lối sống chờ thời dẫn đến hư không.

Những người có trách nhiệm ở Hoa Kỳ tỏ ra không thể chấp nhận những thực tế ấy ở Việt Nam. Tuy ông Hồ không kêu gọi trực tiếp người Mỹ nữa, ông đã cẩn thận để ngỏ cửa, hy vọng một ngày nào đó có một sự thỏa thuận. Đầu năm 1949, Geogre Abbott, nhà ngoại giao đã có cuộc nói chuyện thống thiết với ông Hồ ở Paris tháng Chín năm 1946, cố gắng lưu ý Dean Acheson với ý tưởng ông Hồ có lẽ là một Tito châu Á. Việc cắt đứt giữa Tito và Stalin bấy giờ đã thành chính thức và năm 1949, Washington chấp nhận tình trạng thù địch gần với cuộc tranh chấp vũ trang giữa Liên Xô và Nam Tư. Abbott đã nêu lên một nét đặc biệt trong thái độ của những người cộng sản Việt Nam :

“Chế độ cộng sản Việt Nam có nét đặc biệt là rất ít tuyên truyền chống Mỹ. Dĩ nhiên điều đó không phải do đường lối chính thức của đảng không biết. Đây nhìn bề ngoài là dấu hiệu Hồ Chí Minh còn giữa hy vọng nhận được hỗ trợ của người Mỹ đối với một chính phủ Việt Minh dưới quyền ông hoặc ít nhất cũng được họ chấp nhận nếu họ không giúp đỡ”.

Dean Acheson nhân danh bộ trưởng Ngoại giao của chính quyền Truman đã đưa vấn đề Đông Dương vào đường lối chính trị của Hoa Kỳ ngay từ đầu. Nhận xét của Abbott không kích thích ông sửa đổi cách phân tích của ông. Đối với Truman và các nhân vật khác của hai đảng, sự việc đã được xác định tất cả mọi phong trào cộng sản là những con tốt của một đất nước tập quyền tối cao do Kremlin lãnh đạo và Joseph Stalin là một Hitler mới tiến tới chinh phục thế giới. Mặc dù thái độ hiển nhiên của Tito, họ không tin được một thủ lĩnh cộng sản có thể có mục tiêu chính là nền độc lập của nước mình. Người Mỹ giúp đỡ Tito nhưng không thoải mái, xem ông là một biến dạng. Họ không trân trọng sự hiện diện của một chủ nghĩa cộng sản quốc già và không hiểu rằng Stalin dù quái gở đến mấy, trong đường lối ngoại giao cũng có những mục tiêu hạn chế. Việc nhận định sai lầm này hình như do không nhận thức được hoàn cảnh phức tạp của thế giới. Nếu Tito, Hồ Chí Minh và Mao Trạch Đông là những người quốc gia đồng thời là những người cộng sản, nếu những nền văn hóa, lịch sử khác nhau có thể dẫn những nước cộng sản phát triển theo những hướng khác nhau thì thế giới vô cùng phức tạp hơn những người Mỹ ấy hình dung. Xu hướng tự nhiên đẩy họ đến chỗ hình dung một toàn cầu phân biệt rạch ròi một cách đơn giản với một bên Thiện một bên Ác.

Acheson có ý định tìm một giải pháp thay thế chống cộng sản đối với ông Hồ. Ông xác định sai lầm cơ bản của đường lối chính trị Pháp xuất xứ từ chế độ thực dân kiểu cũ. Nếu nước Pháp thiết lập một chính phủ bản xứ và tuyên bố nền độc lập cho Việt Nam, những nhà lãnh đạo mới sẽ có cơ may tranh thủ được sự gắn

bó của quấn chúng tương đương hoặc cao hơn đối thủ Hồ của họ. Thực tế Acheson muốn người Pháp áp dụng thể chế Mỹ vào Đông Dương. Việc tìm kiếm một giải pháp thay thế chống cộng ấy càng tăng nhanh khi lực lượng Mao Trạch Đông bắt đầu thắng trong cuộc chiến tranh Quốc – Cộng ở Trung Quốc. Chính phủ Truman bèn nhử mồi nước Pháp bằng lời hứa giúp trực tiếp về kinh tế và quân sự cho cuộc chiến nếu họ bỏ lề lối cũ của thế ký XIX để áp dụng một đường lối hợp lý. Kết quả sáng kiến Mỹ ấy biến cuộc tranh chấp thuộc địa thành một cuộc chiến tranh chống cộng sản mà giải pháp là Bảo Đại.

Bảo Đại trở về Việt Nam năm 1949 su một thời gian lưu vong ở Hồng Kông để nắm lại ngôi vua dưới sự bảo trợ của người Pháp và người Mỹ. Đối với một ông vua đã mất tín nhiệm và đã thoái vị không phải dễ dàng xem như không có việc gì xảy ra và được quần chúng ủng hộ, đặc biệt với tính cách như Bảo Đại. Tuy vậy ông ta không kể đến buổi lễ năm 1945 đầy biểu tượng với người Việt Nam khi ông giao lại những vật tượng trưng quyền lực của mình cho các đại diện của ông Hồ. Ông cố gắng không chính thức đòi lại ngôi vua. Ông dùng danh từ "Quốc gia Việt Nam" để phân biệt với "Vương quốc" và lấy danh hiệu chính thức là Quốc trưởng. Ông nói chính phủ của ông thực tế là người kế nhiệm nền Cộng hòa Việt Nam mà ông Hồ đã công bố năm 1945.

Truman và Acheson công nhận chế độ Bảo Đại là chính phủ hợp pháp của Đông Dương vào đầu năm 1950. Acheson tuyên bố ông Hồ là "kẻ thù sinh từ của nền độc lập Đông Dương "và Bảo Đại đại diện cho "tinh thần quốc gia thực sự". Nhưng nhà lãnh đạo quốc gia này có những khó khăn trong ngôn ngữ bản xứ. Được các gia sư Pháp dạy dỗ ở Huế và ở Pháp ba năm thời niên thiếu, Bảo Đại không thể nói, đọc và viết đúng tiếng Việt Nam. Tháng Năm năm 1950 Acheson chính thức thông báo sự giúp đỡ kinh tế, quân sự như đã hứa với người Pháp để đổi lấy Bảo Đại.

Quốc trưởng mới vội vã bán nhượng quyền một tổ chức cờ bạc, đĩ điếm và thuốc phiện ở Chợ Lớn cho ông bạn Bảy Viễn, trùm xã hội đen Bình Xuyên để nhận phần trăm tiền lãi. Ông ta cũng bổ nhiệm Bảy Viễn làm tướng đội quân quốc gia Việt Nam người Pháp thành lập và người Mỹ trang bị cho Bảo Đại. Kẻ "xa hoa bạc nhược" ấy , như một nhà báo Pháp định danh còn ý thức về vai trò của mình trong cuộc sống hơn Acheson nhiều. Một hôm người ta cho ông ta biết người thân tín của ông, một cô gái to béo tóc vàng ông đem theo từ bờ biển Azur (Bờ biển phía Nam nước Pháp) đang trác táng công khai với người Pháp. Ông trả lời "Vâng, tôi biết. Cô ấy chỉ hành nghề của mình. Nhưng trong hai người, kẻ thực sự đĩ điếm là tôi".

Không có một giải pháp có thể nào chống được cộng sản ở Đông Dương. Từ năm 1930 người Pháp và thất bại của những người dân tộc đã dọn đường cho Hồ

Chí Minh. Sau một cuộc nổi dậy không thành, Sở mật thám Pháp đã tróc tận gốc đảng dân tộc không cộng sản lớn nhất, Quốc dân đảng theo kiểu Trung Quốc. Các lãnh tụ bị lên máy chém, những người sống sót chạy trốn sang Trung Quốc. Những người không cộng sản không khôi phục lại phong trào trước sự đàn áp của thực dân Pháp vì họ đều thuộc tầng lớp tinh hoa của thành thị, không quan tâm đến những đổi thay xã hội cần thiết để được dân chúng ủng hộ. Những người cộng sản thời kỳ ấy cũng bị đánh khắc nghiệt sau một cuộc nổi dậy tổ chức chưa tốt, kết thúc bằng cuộc tàn sát nông dân của đội quân Lê dương nước ngoài. Một cuộc nổi dậy của nông dân lần thứ hai ở vùng đồng bằng sông Cửu Long vào tháng Mười một năm 1940 cũng bị nhấn chìm đặc biệt độc ác do những nhà cầm quyền Vichy. Những người cộng sản từ đó rút bài học kinh nghiệm vì mối quan tâm của họ về mục tiêu xã hội bao giờ cũng đưa họ dựa vào cơ sở của sự bất bình.

Hồ Chí Minh lên nắm quyền ở Hà Nội chấm dứt giai đoạn là những người dân tộc không cộng sản. Xung quanh ông là những người cứng rắn và được tôi luyện : Phạm Văn Đồng không phải người duy nhất nếm trải những nhà tù Pháp ; người vợ trước của ông Giáp, cũng là cán bộ tích cực của Đảng, chết trong một nhà tù Pháp năm 1943. Thời kỳ tiếp theo Thế chiến thứ hai, những người Quốc dân đảng sống sót và những đảng phái tương tự cố hình thành một tổ chức ở Bắc Bộ chống lại Việt Minh. Ông Hồ bèn tiêu diệt họ. Hàng trăm những người có trách nhiệm trong các đảng phái này bị bắt và hành quyết. Từ tháng Tám năm 1945 những người cộng sản tổ chức một phong trào ám sát có lựa chọn. Khoảng bốn chục nhân vật chính trị bị giết. Trong số đó có Ngô Đình Khôi, anh trai cả của Diệm phụ trách về công giáo và thủ hiến tỉnh Quảng Nam cho đến lúc người Pháp bãi chức vì âm mưu với người Nhật chống lại họ.

Những người cộng sản không tìm cách loại bỏ tất cả những kẻ chống đối chính trị. Họ giết những đối thủ hăng hái nhất hoặc những người họ nghi ngại sẽ hợp tác với người Pháp. Khái niệm về dân chủ còn xa lạ ở Đông Dương và hai bên đối địch tiêu diệt lẫn nhau. Diệm thường kể lại với người Mỹ, cộng sản đã ám sát anh ông ta như thế nào. Ông quên nói anh ông đã mưu mô với người Nhật để ám sát các nhà lãnh đạo Việt Minh. Những người cộng sản biết được, vội giết ông ta và con trai trước khi ông hành động. Ngoài những cuộc hành quyết có kế hoạch ấy, những người nông dân Việt minh tàn sát hàng nghìn người bị nghi ngờ có cảm tình với người Pháp, đặc biệt ở Sài Gòn và vùng đồng bằng sông Cửu Long trong cuộc chinh phục lại thuộc địa năm 1945 – 1946.

Những người dân tộc không cộng sản sống sót sau đợt tàn sát của chế độ thực dân và những người cộng sản được Truman và Acheson khuyến khích hợp tác với người Pháp thông qua Bảo Đại thể hiện sự sa sút đáng khinh. Trong nhiều

năm các nhà báo Mỹ và quan chức Đại sứ quán tiếp tục trân trọng những vỏ bọc trống rỗng ấy. Những người lãnh đạo các phe nhóm không cộng sản có nhiều tham vọng và biết khôn khéo khoa trương thanh thế. Nhưng không một phe nhóm chính trị nào đại diện cho điều mà người Pháp gọi là “một tá các ông”.

Hoa Kỳ cũng chịu trách nhiệm như những người Pháp về những đau khổ của cuộc chiến tranh thứ nhất dù thỉnh thoảng họ định phủi tay về sự cứng đầu và ngu ngốc của người Pháp. Trong 9 năm ấy có khoảng 250.000 đến 1.000.000 dân Đông Dương bị tiêu diệt, 200.000 đến 300.000 Việt Minh bị giết trong chiến đấu, kéo theo cái chết của 95.000 lính thuộc địa người Việt Nam, Algeria, Maroc, Senegal , Campuchia, Lào, Đức và những người Tây Âu trong đội quân Lê dương. Thời kỳ Điện Biên Pủh, khi Eisenhower vào Nhà Trắng, Hoa Kỳ chi 80% tài chính cho cuộc chiến tranh của Pháp ở Đông Dương. Những người trong chính phủ Mỹ không bao giờ công nhận trách nhiệm của họ trong cuộc tàn sát này. Sự khôn khóe trút mọi sai lầm cho người Pháp miễn trừ cho họ gánh nặng tinh thần chất lên người.

Sau khi Hoa Kỳ và Edward Lansdale ủy nhiệm cho Ngô Đình Diệm khoản còn lại của chế độ thực dân Pháp ở Đông Dương, ông này truất phế Bảo Đại nhưng sử dụng cho nền cộng hòa lá cờ hoàng gia có ba sọc đỏ trên nền vàng. Ông thải hồi cảnh sát trưởng Bình Xuyên và giữ nguyên sở Cảnh sát và An ninh quốc gia ấy. Những đổi thay ông đưa lại không phải là những việc làm tốt nhất. Con người Lansdale đưa lên là người lãnh đạo “nước Việt Nam tự do “đã gây ra cuộc chiến tranh thứ hại của Việt Nam.

Trong 4 năm tiếp theo Hiệp định Geneve năm 1954, ông Hồ và các cộng sự cộng sản đối mặt với nhiều vấn đề ở miền Bắc không giải quyết được : xây dựng lại một đất nước bị tàn phá, nuôi sống số dân 14 triệu người trong vùng thiếu hụt và bị cắt lúa gạo nhập truyền thống từ miền Nam, thiếu kỹ thuật viên và một nền công nghiệp cũ kỹ mà họ muốn phát triển và hiện đại hóa. Đồng thời họ phải tiến hành một cuộc cách mạng xã hội biến miền Bắc thành một quốc gia mác-xít.

Những sai lầm họ mắc phải càng làm họ bận bịu thêm. Trường Chinh, tổng bí thư của Đảng không kiểm soát nổi lòng cuồng nhiệt trong cải cách ruộng đất. Hàng nghìn địa chủ lớn nhỏ chết, trong số đó có một số lượng đáng kể đảng viên là nạn nhân của những cuộc thanh trừ hoặc xử tử trước tòa án sai lệch của nhân dân thời kỳ ấy. Hồ Chí Minh tự kiểm điểm về những sai lầm ấy, hủy bỏ các tòa án, ra lệnh tất cả những người bị giam giữ phải được thả ra và phát động một “chiến dịch sửa chữa sai lầm” để ổn định tinh thần quần chúng. Trường Chinh bị rút khỏi nhiệm vụ tổng bí thư của Đảng. Võ Nguyên Giáp xác nhận trong những “sai lầm, chúng ta đã hành quyết quá nhiều người trung thực ... và nhìn thấy kẻ địch khắp nơi, chúng ta áp dụng lối khủng bố, mở rộng ra quá xa ..Tệ hơn nữa,

nhục hình cuối cùng được xem như một việc làm bình thường".

Chính quyền Eisenhower có ý định duy trì việc chia cắt nước Việt Nam, biến giới tuyến tạm thời tập kết ở vĩ tuyến 17 do Hiệp định Geneve qui định thành một biên giới quốc tế. Hội đồng an ninh Hoa Kỳ bí mật quyết định phá hoại những thỏa thuận ở Geneve ngay sau khi vừa ký. Washington sử dụng Ngô Đình Diệm vốn nhiệt tình hợp tác để ngăn cản tổng tuyển cử trong cả nước Việt Nam như lời tuyên bố cuối cùng của Hội nghị Geneve ấn định vào tháng Bảy năm 1956. Nhưng nếu Diệm lo càn trở một cuộc tuyển cử mà ông biết mình sẽ thất bại thì không một trong hai bên Việt Nam nào từ bỏ đòi hỏi sự thống trị trên cả nước. Vả lại ba băng đỏ trên lá cờ của Bảo Đại rồi của Diệm là hình ảnh ba miền Việt Nam : Bắc, Trung và Nam. Liên Xô cũng dự họp ở Geneve với Anh quốc nhưng cuối những năm năm mươi, Khrusev theo đuổi đường lối "cùng tồn tại hòa bình". . Để hòa giải với Hoa Kỳ, ông từ chối hậu thuẫn cho những yêu cầu của Hà Nội đòi tiến hành tổng tuyển cử. Trong một cuộc bàn luận ở Hội đồng Bảo an đầu năm 1957 sau khi người Mỹ đòi kết nạp miền Nam Việt Nam vào Liên Hợp Quốc, đại biểu Xô viết đề nghị giải quyết vấn đề bằng chấp nhận cả miền Bắc và miền Nam vì ỏ Việt Nam có hai quốc gia riêng rẽ.

Hồ Chí Minh phản kháng không quyết liệt lắm. Những biến động trong nước quá bận rộn và ông rất phụ thuộc vào sự giúp đỡ của Liên Xô để xây dựng lại miền Bắc nên hình như đành để đất nước bị chia cắt, dù sao vẫn là tạm thời. Người ta thấy một chứng cứ, có lẽ rõ hơn ông muốn, trong bức thư công khai năm 1956 cho 130.000 quân lính và cán bọ chính quyền Việt Minh tập kết ra miền Bắc cùng gia đình sau Hội nghị Geneve, Đảng đã bảo họ có thể trở về sau cuộc tổng tuyển cử năm 1956. Ông Hồ cố giải thích vì sao không thế : "Đường lối của chúng ta là củng cố miền Bắc chiếu cố miền Nam". Diệm sẽ giải quyết vấn đề tiến thoái lưỡng nan của Hồ Chí Minh.

Jean-Baptiste Ngô Đình Diệm (người Thiên Chúa giáo thường đặt một tên Pháp thêm vào tên họ Việt Nam) đã 53 tuổi. Ông cũng lạ lẫm như Lansdale về thực tiễn chính trị và xã hội của đất nước sau 4 năm lưu vong trở về ngày 7 tháng Bảy năm 1954. Nhưng việc không biết là do ông muốn thế. Đây là một người mê muội về ảo tưởng quá khứ của vương triều. Ông vào Sài Gòn một cách đặt biệt, ngồi trong chiếc xe kéo phủ rèm và không một người Việt Nam nào tập hợp dọc đường để nhìn vị thủ tướng mới có thể thấy ông ta và bản thân ông cũng chẳng quan tâm để thấy họ. Một thành viên trong gia đình một hôm nói về ông : "Ông đến từ một hành tinh khác".

Ông nói với người Mỹ gia đình ông thuộc dòng dọi quan lại cao cấp từ thế kỷ XVI. Thực ra ông nội ông xuất thân từ gia đình bình thường, một người làm nghề đánh cá như một số người cho biết, có nghĩa là Diệm nói quá lên để tô vẽ

thành hình ảnh quan lại. Gia đình phất lên nhờ ông bố của Diệm, Ngô Đình Khả được đoàn truyền đạo của Pháp lựa chọn đưa lên làm linh mục và học tiếng Pháp trong một trường tôn giáo ở Malaysia. Trong lúc Khả ở bên ấy hầu hết những người trong gia đình ở Đông Dương bị nhốt vào một nhà thờ và thiêu sống. Cuộc tàn sát này đưa lại hậu quả những cuộc chém giết giữa các đoàn truyền đạo và không theo đạo dẫn đến việc can thiệp của Pháp năm 1858 và một cuộc chiến kéo dài 29 năm cho đến khi thành lập Liên bang Đông Dương.

Nước Pháp lợi dụng Thiên chúa giáo có hệ thống hơn nhiều các nước Châu âu khác để mở rộng thuôc địa. Những đoàn truyền giáo đến Việt Nam vì vinh quang của Chúa trời và của nước Pháp, những cải hóa mới của họ đóng một vai trò chủ yếu trong việc chinh phục đất nước này. Khi các ông vua hành quyết những người theo đạo mà họ coi là một bộ phận xâm lược của nước ngoài, nước Pháp biện minh việc can thiệp quân sự của họ là cần thiết để buộc tôn trọng "sự tự do tín ngưỡng". Việc can thiệp càng kéo theo những cuộc tàn sát nhiều hơn, tạo điều kiên can thiệp mạnh hơn và cuối cùng là sự chiếm đóng vĩnh viễn. Phần lớn những người theo đạo đầu tiên vốn có đất đai bị tàn phá nghèo hèn đi và những người mới từ nguồn gốc thấp kém. Người Pháp đến là dịp họ bước lên trên bậc thang xã hội. Và do sợ hậu quả nếu Pháp thất bại, họ bắt tay phục vụ người nước ngoài. Những người chiếm đóng mới tuyển mộ họ vào quân đội, lấy những người có học nhất làm phiên dịch, và do có thể tin cậy vào họ, bổ nhiệm họ vào những vị trí quan lại, nhất là những người hạn chế về nho học. Các linh mục trong những tu viện giúp chính quyền thực dân cung cấp những viên chức hăng hái. Về mặt cá nhân, những giáo dân chống lại người Pháp với lòng yêu nước như những người Việt Nam khác nhưng cộng đồng tôn giáo cho thái độ ấy là chống đối, nói chung gây cho giáo dân một trạng thái bất ổn và phụ thuộc vào nước ngoài. Theo tập quán dân gian, các nhà thờ và đại giáo đường phải được xây dựng dựa vào tiền của, đất đai lấy của những người yêu nước và những người bị hành tội. Những giáo dân đặc biệt bị các gia đình trí thức bị tước quyền lợi như gia đình ông Hồ phỉ nhổ. Trong bản buộc tội nổi tiếng của ông chống chế độ thực dân, "Bản án chế độ thực dân Pháp", xuất bản ở Paris năm 1925, Hồ Chí Minh mô tả các linh mục Thiên chúa giáo Việt Nam như những chim săn mồi cướp đất.

Làm lễ rửa tội ở Nhà thờ thánh và việc biết tiếng Pháp đưa lại cho bố ông Diệm một chiếc áo quan lại sau khi từ Malaysia trở về. Sau đó ông được thăng chức thượng thư bộ Lễ ở Huế rồi về thị vệ đại thần của vụa Thành Thái. Khi người Pháp phế truất ông vua họ nghi có âm mưu chống lại họ vào năm 1907, ông Khả buộc phải rút lui nhưng nhờ quan hệ của ông đối với triều đình và nhà thờ, ông đảm bảo được tương lai cho các con trai trong chính quyền thuộc địa.

Khôi được bổ nhiệm tỉnh trưởng tỉnh Quảng Nam, một người anh khác của Diệm, ông Thục được phong linh mục và cuối Thế chiến thứ Hai trở thành giám mục tỉnh Vĩnh Long, giáo phận quan trọng nhất ở miền Nam. Thái độ hai mặt của gia đình đặc trưng bởi việc Thục từ chối không hợp tác với ba giám mục khác trong nước khi những ông này ủng hộ bản tuyên ngôn độc lập của Hồ Chí Minh năm 1945 trong nhiệt tình yêu nước buổi ban đầu.

Diệm là một trong những người đầu tiên tốt nghiệp trường hành chính Pháp ở Hà Nội và bắt đầu sự nghiệp làm quan huyện. Năm 1930 là tỉnh trưởng một tỉnh nhỏ miền Trung, ông ta bắt đầu giúp người Pháp tàn sát cuộc khởi nghĩa đầu tiên của nông dân do Đảng Cộng sản phát động. Diệm bỏ công nghiên cứu chủ nghĩa Mác – Lênin mà luận thuyết về cách mạng xã hội và chủ nghĩa vô thần tác động đến ông như một sự rút phép thông công, một thể hiện chống Thiên chúa giáo. Năm 1933, mới 32 tuổi , quá trình làm việc cứng rắn, tính lương thiện và sự nhạy bén chính trị được xác lập đến mức người Pháp chấp nhận bổ nhiệm ông làm thượng thư bộ Lại của Bảo Đại lúc ông vua này 18 tuổi. Nhà vua trẻ chưa phải một kẻ sa đọa, quan tâm đến Diệm đang muốn cải tổ hệ thống quan lại suy đồi và thuyết phục người Pháp cho triều đình tự chủ hơn để cai trị đất nước với đám viên chức có hiệu quả, trong sạch. Người Pháp từ chối thay đổi bất cứ điều gì về nguyên trạng họ đã hoàn toàn hài lòng. Bảo Đại bèn quên ngay những cải cách để lao vào hưởng lạc. Điều đó kéo theo việc Diệm từ chức, nổi tiếng về sự thiếu mềm dẻo mà bởi nó thời niên thiếu ông thường bị bố đánh.

Trong 21 năm tiếp đó, ông không giữ một vị trí xã hội nào hoặc một công việc hưởng lương nào. Cho đến những năm cuối của Thế chiến thứ hai, ông sống bằng lợi tức tài sản khiêm tốn của gia đình, dành thời gian đi săn, cưới ngựa, chụp ảnh và chăm nom vườn hồng. Ông vẫn sống độc thân, đi lễ, sáng nào cũng cầu nguyện, viết và nói về chính trị nhưng không bao giờ tham gia một hoạt động nào. Những đảo lộn của Thế chiến thứ hai đưa ông trở lại con đường chính trị nhưng vẫn ở ngoài rìa. Ông mặc cả với người Nhật không có hiệu quả để làm thủ tướng chính trị bù nhìn Bảo Đại, trốn tránh Việt Minh đã bắt và cầm tù ông, từ chối đề nghị của Hồ Chí Minh vào trong chính phủ liên hợp và trở lại trốn tránh. Ông lại mặc cả không có kết quả với Bảo Đại và người Pháp, cuối cùng đi sống lưu vong năm 1950, lúc đầu ở Hoa Kỳ rồi Bỉ và Pháp vì ông sợ Việt Minh mà người Pháp từ chối bảo vệ ông. Hai mươi mốt năm chờ đợi càng thể hiện những đặc điểm trong tính cách của ông, cố chấp và bó mình vào tầm nhìn phản động của một quá khứ đế chế chưa bao giờ có ở Việt Nam, trừ một nhóm nhỏ những người quốc gia chống chính quyền, ông ngày càng chìm vào quên lãng cho đến khi Hoa Kỳ kéo ông ra vào năm 1954.

Ngô Đình Nhu, người em trẻ nhất của Diệm được bổ nhiệm làm cố vấn tổng

thống. Đây là một tri thức có tư tưởng thanh trừng, mảnh mai, cao ráo hơn Diệm vốn béo tròn, bước đi như vịt. Ông ta ham thích quyền lực và mưu mô đôi khi gần như mê mệt. Ngoài việc hút thuốc điếu nhiều như anh, ông còn thường xuyên hút thuốc phiện. Làn da ông có màu vàng đặc biệt mà người Việt Nam xác định là đặc điểm của những người nghiện. Người ta nói, nếu chích da ông, thuốc phiện sẽ tóe ra. Nhưng không ai dám liều chích da của Nhu. Ông là lực lượng mạnh thứ hai trong nước nhờ 13 tổ chức thông tin và cảnh sát ông tạo dựng và giám sát để bảo vệ gia đình. Những cơ quan này có toàn quyền bắt, bỏ tù và hành quyết không xét xử. Nhu học trường Des Chartes ở Pháp và làm việc ở Viện lưu trữ hoàng gia ở Huế cho đến năm 1945. Năm 1950 ông ta lao vào chính trị chống cộng sản bằng cách thành lập một nghiệp đoàn Thiên chúa giáo. Đây là vấn đề chủ yếu của gia đình Ngô Đình : khi mất hy vọng vào Bảo Đại không bao giờ có thể là giải pháp chống cộng đối với Hồ Chí Minh, CIA chuyển lại cho Nhu những cơ sở cần thiết để Diệm trở thành thủ tướng.

Nhu chịu trách nhiệm về mớ hỗn độn, thay thế những kỹ thuật phát xít và cộng sản mà chế độ dựa vào. Ông ta say mê chế độ độc tài. Thời kỳ ông học ở Pháp, người ta thấy ở đấy có nhiều môn đồ của Mussolini, Hitler và những tổ chức phát xít thịnh hành dưới chế độ Vichy. Nhu đã trở thành một người thán phục Hitler. Sau khi Lansdale ra đi vào tháng Chạp năm 1956, Lou Conein ở lại Sài Gòn, là người liên lạc của CIA bên cạnh Bộ nội vụ của Diệm. Ông mệnh danh Nhu “con người cười nửa miệng “do nụ cười thường xuyên nhăn nhó của ông này, nhất là khi ông chế diễu những người khác. Khi họ cùng nhau bay dọc đất nước, Nhu ba hoa về uy tín tuyệt vời của Hitler trong việc động viên dân tộc Đức và làm họ luôn luôn phấn khởi. Nhu cũng đọc Marx và Lê nin như Diệm và thèm muốn nếp kỷ luật của những người cộng sản và khả năng huy động quần chúng của họ. Tóm lại, Nhu vay mượn lẫn lộn những hình thái độc tài khác nhau từ cực tả đến cực hữu. Đảng chính trị chính của chế độ ông ta thành lập là một hội kín, đảng Cần lao với mục đích bí mật thâm nhập vào tầng lớp sĩ quan, cơ quan hành chính và các trung tâm kinh doanh và trí thức. Trong buổi lễ kết nạp, những thành viên mới phải quỳ xuống và ôm hôn bức chân dung của Diệm.

Nhưng một quốc gia thực sự phải có một tổ chức quần chúng và Nhu thành lập “Đoàn thanh niên Cộng hòa “cho dù phần lớn thành viên là công chức, không phải bao giờ cũng rất trẻ. Ông ta theo mẫu “đoàn quân áo nâu “của Hitler như cho bận màu xanh, sơ mi, mũ bê rê và quần. Về cách ăn mặc, ông ta cũng học theo một nguồn cảm hứng khác, tổ chức Quốc dân đảng của Tưởng Giới Thạch, năm 1930 thành lập tương tự theo gợi ý của các cố vấn quân sự Đức. Nhu cố dụng “những sơ mi xanh như Hitler đã làm với các xung tập kích, như một cơ quan không chính thức nhằm tạo ra lòng trung thành của những người

xung quanh, để do thám và duy trì trật tự. Ông say sưa tổ chức những cuộc mít tinh lớn của Đoàn thanh niên Cộng hòa ở Sài Gòn và các tỉnh lớn theo sự đồng ý của Diệm cho phép ông đóng vai trò lãnh tụ của tổ chức này. Ông long trọng vào sân vận động hoặc sân bóng trên chiếc máy bay lên thẳng nhỏ Alouette mà gia đình mua cho ông. Trước khi ông đọc diễn văn trên khán đài, những đoàn viên "Sơ mi xanh "quỳ một chân xuống biểu hiện sự phục tùng, giơ cánh tay chào lối phát xít và hô to khẩu hiệu tôn vinh lãnh tụ.

Vợ Nhu, bà Nhu hoặc có vẻ triều đình hơn : bà Ngô như bà thích được gọi như thế, chi phối chồng và ông anh chống. Phỏng vấn bà trong lâu đài tổng thống, người ta biết cả thế giới tinh thần và vật chất của gia đình. Bà nổi tiếng về sắc đẹp thời trẻ trong một gia đình giàu có. Bố bà, Trần Văn Chương, một địa chủ lớn và luật gia dưới thời thuộc Pháp, đã là bộ trưởng Ngoại giao trong chính phủ bù nhìn thân Nhật ngắn ngủi. Bà có những nét táo bạo sau những năm trưởng thành, say mê tìm kiếm quyền lực và thái độ có phần giả tạo. Bà cón hết sức quyến rũ và thích chứng tỏ điều đó, bước vào phòng khách có cuộc phỏng vấn bận chiếc áo dài lụa mở rộng hình chữ V trước ngực thay vì bó sát cổ như thói thường, đi giày gót nhọn để có vẻ cao lớn hơn. Bà ngồi trong một chiếc phô tơi phủ gấm và diễn giải dài dòng về sự cần thiết chấp nhận những hy sinh để chiến thắng cộng sản. Vừa nói, những ngón tay tô móng vừa mân mê cây thánh giá khảm kim cương đính vào sợi dây vàng đeo ở cổ (Bà cải giáo từ đạo Phật sang đạo Gia tô sau khi cưới Nhu). Thỉnh thoảng một người đầy tớ đưa trà vào hoặc trả lời một mệnh lệnh gì đó. Đầy tớ toàn đàn ông. Họ bước vào cúi đầu xuống, chân lướt nhẹ trên sàn, cúi xuống thấp hơn nữa và trả lời mệnh lệnh bằng tiếng "Dạ ạ ạ" kéo dài, là tiếng đáp "vâng" quỵ lụy của đầy tới các gia đình quý tộc cổ, rồi họ quay ra , lưng vẫn còng xuống.

Ngoài xã hội, bà Nhu tự khẳng định như một phụ nữ đầy ấn tượng. Bà thành lập một tổ chức tương tự như của chồng. PHONG TRÀO PHỤ NỮ LIÊN ĐỚI, trong đó bà cũng đóng vai trò lãnh tụ và dùng các bà để do thám và duy trì trật tự. Những phụ nữ trẻ nhất được tổ chức thành đội tự vệ trang bị súng tay Mỹ. Bộ đồng phục màu xanh giống đồng phục các đoàn viên của chống bà tuy mũ đội có ấn tượng hơn : một chiếc mũ xanh rộng vành thay vì chiếc bê-rê. Bà Nhu tự phong mình là người kiểm duyệt nền đạo đức ở miền Nam Việt Nam. Trong một nước tình trạng đa thê vốn thường tình, bà làm cho Quốc hội dễ bảo của Diệm biểu quyết một "Luật gia đình "cấm việc ly dị và qui định những đứa con của vợ hai hoặc vợ lẽ là không hợp pháp. Bà cũng cho áp dụng một "Luật bảo vệ đạo đức", cấm những điệu nhảy, những bài hát tình "bất cứ ở đâu", cấm thuyết duy linh và khoa học huyền bí loại thịnh hành ở giáo phái Hòa Hảo, Cao Đài và những dạng khác phần lớn người Việt Nam đang thực hiện ; việc sử dụng thuốc

ngừa thai được xem như một tội trọng bị phạt 5 năm tù giam cho trường hợp tái phạm. Một dân biểu có tham vọng làm mình nổi lên thậm chí gợi ý luật pháp phải cấm đàn bà Việt Nam mang vú giả nhưng các bạn đồng sự nhận xét như vậy tạo ra một vấn đề phức tạp vô ích buộc phải tuyển thêm những cảnh sát viên bổ sung. Nỗi oán giận bà chuốc vào mình thường thể hiện bằng những lời bàn tán thô bỉ. Những người đàn bà Việt Nam rêu rao những đĩ điếm ở các quán bar Sài Gòn áp dụng lối mặc áo hở cổ hình chữ V không phải là một trùng hợp ngẫu nhiên. Còn những chuyện ngồi lê đôi mách về quan hệ xác thịt của bà với ông anh chồng thì không có một chứng cớ gì. Bà trở thành mục tiêu thích thú của sự tuyên truyền cộng sản, luôn gọi bà theo tên con gái, theo phong tục Việt Nam là một cách chửi rủa người đàn bà có chồng. Tên khai sinh của bà là Trần Lệ Xuân, có nghĩa là “những giọt nước mắt mùa xuân”.

Họ Ngô Đình áp đặt vào miền Nam Việt Nam những thành viên xa lạ trong phe cánh của họ ; các giáo dân, những đồng hương miền Trung hoặc những người hợp tác với họ ở miền Bắc. Những người dân miền Bắc không theo đạo Gia-tô nhưng di cư vào miền Nam vì đã chiến đấu bên cạnh người Pháp, liên minh với giáo dân để thừa hưởng lợi lộc của chế độ. Tất cả những người tin cậy ấy được Diệm và gia đình đưa hàng loạt vào hàng ngũ sĩ quan, chính quyền và cảnh sát. Nông dân vùng đồng bằng sông Cửu Long bị dưới quyền những người xa lạ miền Bắc, nói chung kiêu ngạo và biến chất được bổ nhiệm đứng đầu các tỉnh, huyện. Nhưng Diệm còn đi xa hơn. Ông ta bãi bỏ chính thể đứng đầu thôn ấp gồm những nông dân xuất sắc luôn đảm nhiệm việc thu thuế, giải quyết tranh chấp và thực hiện chức năng hành chính cơ sở. Những người nông dân nghèo nói chung không thích họ nhưng ít nhất cũng biết rõ họ và những người quản lý cộng đồng này biết mình có thể đi đến đâu. Năm 1956 cố ngăn cản những người có cảm tình với Việt Minh và những kẻ chống đối khác, bí mật kiểm soát các hội đồng thôn ấp, Diệm ra sắc lệnh các thành viên hội đồng sẽ do các tỉnh trưởng, quận trưởng chỉ định. Như vậy những người xa lạ thuộc phe pháo của gia đình bắt đầu thâm nhập đến thôn ấp, đặt ra cho nông dân miền Nam những yêu sách bạc đãi chưa từng có. Lansdale ngây thơ biết bao khi cho rằng ông xây dựng các ê-kíp giáo dân miền Bắc hoạt động với tính chất công dân để tuyên truyền chống Việt Minh trong nông dân miền Nam. Ông hoàn toàn thất vọng vì không thành. Nhưng ông còn bối rối hơn khi phát hiện thất, đúng lúc trước khi trở về Hoa Kỳ vào cuối năm 1956, Diệm càng ngày càng củng cố được địa vị thì càng hành động trái ngược với những lời khuyên của ông về các vấn đề xã hội và chính trị.

Tiếp đó Diệm tấn công vào ruộng đất. Trong các vùng Việt Minh chiếm đóng phía nam vĩ tuyến 17 trước Hiệp định Geneve, suốt 350 cây số miền Trung và những vùng đất đồng bằng sông Cửu Long họ trưng thu những đồn điền lúa gạo

của Pháp và ruộng đất của những "kẻ phản động Việt Nam" cấu kết với chế độ thuộc địa. Ruộng đất ấy đã chia lại cho dân cày không có ruộng. Nông dân cũng tự mình làm cuộc cải cách ruộng đất trong đại bộ phận phần còn lại trong nước, kể cả những vùng dưới sự thống trị của các phe phái. Phần lớn các chủ điền bỏ đồng ruộng chạy trốn vào các thành phố. Nông dân phân phối lại ruộng đất hoặc không trả tiền thuê đất nữa. Trong một nước 85% dân số sống ở nông thôn và lợi tức dựa vào ruộng đất, khó tìm được một vấn đề nhạy cảm về mặt xã hội kinh tế và chính trị lớn hơn đất đai.

Lansdale và những người Mỹ khác có trách nhiệm làm áp lực với Diệm, để ông ta đưa ra chương trình cải cách ruộng đất của mình nhằm cắt cỏ dưới chân những người cộng sản, chấm dứt những bất công về điền địa ở miền Nam. Ý muốn ấy của người Mỹ lúc đầu có vẻ là một bài toán khó hiểu đối với Diệm, vốn chống đối mọi sửa đổi cơ cấu xã hội truyền thống. Ông muốn trả lại cho các điền chủ càng nhiều đất đai để họ bảo trợ cho chế độ của mình. Nông dân vẫn phải là nông dân. Cuộc hành trình về Tuy Hòa năm 1955 dạy cho ông thích về nông thôn, dù đi bộ. Ông cần có một nghi thức nào đó và chú tâm để mọi việc đi vào trật tự trong tương lai. Ngoài những bài diễn văn chính thức, ông nói chuyện thân mật với các nhóm chủ trang trại. Không bao giờ ông đặt những câu hỏi nghiêm túc để biết nguyện vọng của họ. Ông cho rằng nhiệm vụ của mình là nói với họ phải làm gì và nhiệm vụ của họ là vâng lời. Ông giải quyết bài toán khó hiểu bằng tuyên bố một kế hoạch cải cách ruộng đất vừa hành động ngược lại.

Diệm lấy lại của nông dân tất cả ruộng đất Việt Minh đã chia cho họ, thủ tiêu quyền sở hữu người ta đã cấp cho họ. Ông tịch thu tài sản thuộc về người Pháp phân phối lại cho những người di cư công giáo miền Bắc thay vì dân cày miền Nam. Phần còn lại trả cho các điền chủ cũ đã hợp tác với người Pháp hoặc bất cứ ai là chỗ dựa của chế độ có điều kiện mua. Cuộc cải cách của Diệm quy định trần cao nhất là 100 hecta mỗi đầu người nhưng họ Ngô Đình khuyến khích chính quyền làm ngơ trước những mánh lới bất kể. Càng dễ dàng vì bộ trưởng phụ trách cải cách cũng là một điền chủ. Để tránh khó khăn, chỉ cần chia đất thành lô theo tên các thành viên trong một gia đình. Chính quyền cũng tịch thu những đất đai nông dân bỏ lại để trả cho chủ cũ. Một số ít dân cày miền Nam may mắn được giữ lại ruộng đất bỗng thấy họ phải trả tô hàng năm tuy trước đây Việt Minh bảo thuộc về họ một cách hợp pháp. Nhưng nỗi căm giận của họ không là gì so với những chủ ruộng khác bây giờ trở thành tá điền nhờ vào "cải cách "/. Năm 1958, Diệm đạt được mục tiêu của mình. Triệt để dựa vào lực lượng quân đội và cảnh sát ông ta lập lại ở đồng bằng sông Cửu Long đã dẫn đến việc trước chiến tranh, 2% chủ ruộng chiếm 45% đất đai, còn lại một nửa dân cày không có gì.

Sự lộn xộn kéo theo mất mát tài sản. Ngu dốt và bận tâm vào giữ gìn quyền lực loại trừ mọi việc. Diêm hoàn toàn không chú ý đến quân bảo an và cảnh sát. Năm 1954 khi trở lại nắm quyền, Diệm nghĩ không cần đến bộ binh và thay bằng máy bay chiến đấu – ném bom. Cho đến cuối cùng ông không ngừng khuyến cáo những cuộc ném bom bừa bãi và van nài người người Mỹ cung cấp máy bay và trọng pháo nhiều hơn. Cuộc chiến chống Bình Xuyên và các phe phái dạy cho ông giá trị một đội quân thường trực để bảo vệ chế độ. Vì vậy ông hết sức chú tâm đến lực lượng Quân đội cộng hòa nặng nề mà các tướng lĩnh Hoa Kỳ đang xây dựng cho ông qua cơ quan hỗ trợ quân sự với lập luận thiếu thuyết phục là Việt Minh sẽ tiến đánh vượt vĩ tuyến 17 như kiểu Triều Tiên. Diệm không nghĩ rằng những tổ chức địa phương vững chắc cũng quan trọng để tồn tại. Ông để cho các lực lượng được giam đảm bảo an ninh địa phương trở ngược lại là nguồn mất an ninh chính của dân chúng nông thôn, hàng ngày chứng tỏ "sự vô chính phủ thất thường" của chế độ, như một quan sát viên Mỹ đã nói thời kỳ ấy. Các tỉnh trưởng có chăm lo một ít vì họ cần đến những đội quân bảo an tuy trang bị kém và hiếm được trả lương. Họ dùng súng để cưỡng đoạt dân chúng thay lương. Còn lính cảnh sát được đối xử tệ hại đến mức trông có vẻ quân trộm cắp. Họ không ngừng lấy cắp, hãm hiếp phụ nữ và đánh đập nông dân nếu có gan chống cự. Nhân dân thôn quê luyến tiếc nhớ lại, lần cuối cùng họ biết được nền an ninh và một chính quyền đúng đắn là thời kỳ Việt Minh hoặc chính trị thần quyền của các giáo phái.

Đã chịu nhiều đau khổ trong cuộc chiến tranh chống Pháp, nhân dân miền Nam có thể thích nghi một thời gian với họ Ngô Đình nếu mùa hè năm 1955, được Hoa Kỳ khuyến khích và giúp đỡ, Diệm không tung ra một chiến dịch chống cộng sản.

Sau Hiệp định Geneve, Việt Minh không tập kết tất cả ra miền Bắc. Hồ Chí Minh và các nhà lãnh đạo cộng sản để lại miền Nam tám đến mười nghìn cán bộ quân sự và dân sự bí mật. Cơ quan thông tin Mỹ gọi họ cùng danh từ Lansdale dùng để gọi những kẻ hoạt động chống cộng ông ta đưa vào thâm nhập miền Bắc "những người nằm vùng". Nhiều người trong số họ là đảng viên của Đảng. Họ cất giấu vũ khí nhưng được lệnh không dùng bạo lực và không xúi giục nổi dậy chống Diệm. Ngược lại họ phải giữ vỏ bọc nông dân và những người chịu trách nhiệm ở thôn ấp, những người làm công ở thành phố, phu kéo xe hoặc giáo viên. Đồng thời họ bí mật vận động nhân dân đòi tổng tuyển cử trong cả nước vào năm 1956. Họ phải tiến hành cuộc "cuộc đấu tranh chính trị" như Hồ Chí Minh nói trong bức thư tháng Sáu năm 1956.

Ev.Bumgardner đã có thể xác nhận năm 1955 các hội viên Việt Minh thực sự bỏ những căn cứ của họ trong vùng đầm lầy và rừng núi và thôi đấu tranh vũ

trang. Năm ấy trong lúc ông đi xe Jeep về Sài Gòn với một người bạn, họ bỗng quyết định làm một cú táo bạo, trở lại một trong những căn cứ vững vàng nhất của Việt Minh, chiến khu C trong rừng núi phía bắc tỉnh Tây Ninh. Chỉ với một tấm bản đồ cũ, họ đi vào con đường dẫn đến căn cứ ngay trước khi tính đến hành động thiếu khôn ngoan của họ. Kinh nghiệm cuối cùng ngạc nhiên hơn lo ngại. Bumgardner đã sợ rừng là nơi ẩn náu của những người nổi dậy, tự nhủ họ sẽ để hai người đi qua vì chiến tranh đã kết thúc. Ông thấy một chỗ hoàn toàn hoang vắng nhưng còn mọi dấu hiệu chứng tỏ Việt Minh vừa ở đó. Những chiếc cầu sắt bị phá hủy, các tấm thép vứt xuống sông để cản trở bước tiến của các đoàn quân Pháp. Đang là mùa khô, Bumgardner có thể trên chiếc xe bốn bánh di động quay quanh những chiếc cầu qua được bên kia sông. Những con đường chứng tỏ đây là một căn cứ du kích đi sâu vào rừng, bóng những cây gỗ tếch, gỗ gụ cao 20 mét ngăn cản ánh sáng lọt xuống đến cây bụi. Bumgardner và anh bạn suốt cuộc hành trình không thấy một người nào.

Mười nghìn cán bộ được tin cậy nhận lệnh ở lại miền Nam không riêng những Việt Minh tại chỗ. Đất nước đầy đàn ông, phụ nữ phối hợp chiến đấu trong làng xóm, làm việc trong các tổ chức địa phương hoặc là những người đưa tin, liên lạc bên cạnh những lực lượng cách mạng. Trong đó cũng có những người cảm tình, nói chung là gia đình và thân thuộc của những cán bộ tập kết ra Bắc hoặc hy sinh trong kháng chiến chống Pháp. Những người ấy không phải cộng sản nhưng là bộ phận lớn đi theo cộng sản vì chủ nghĩa dân tộc. Ngoài ra danh từ “Kháng chiến”được gọi để tưởng nhớ những chiến sĩ chống phát xít của nước Pháp bị chiếm đóng, luôn nhuốm màu thi vị. Vì vậy đêm cuối cùng trước khi Điện Biên Phủ bị thất thủ, Việt Minh truyền đi trên loa Bài ca các chiến sĩ của cuộc Kháng chiến Pháp để chê trách những người bị bao vây lần này chiến đấu vì một lý do bất công. Cả những tay anh chị Bình Xuyên trước đây tàn sát Việt Minh, nghe những bài hát về Kháng chiến trong các sòng bạc của họ. Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, tiếng gọi “Việt Minh “có một sức truyền cảm huyền bí đầy tự hào và lãng mạn. Những người Việt Nam còn dè dặt vì thiếu can đảm bỗng nhớ lại họ đã là những “người chiến đấu trong Kháng chiến”. Khó lòng không cảm thấy tự hào sau nỗi nhục nhã đồng bào của họ từ lâu phải chịu vì những ông chủ Châu Âu.

Diệm không hiểu nếu truy hại Việt Minh, ông cũng đánh vào khối quần chúng Việt Nam rộng lớn không cộng sản luôn nghĩ về quá khứ với nỗi xúc động yêu nước. Ông cũng không gây được sự quay ngoắt lại với Việt Minh ở những người vẫn coi họ là những người yêu nước. Trong suốt cuộc chiến tranh chống Pháp, ông Diệm ẩn mình hoặc sống lưu vong nên không chia sẻ những tình cảm ấy – những thành viên khác trong gia đình ông cũng thế. Với lòng tị hiềm cộng sản,

tất cả những gì là Việt Minh đều xấu. Những ai không phải đảng viên cũng bị lây nhiễm. Như bà Nhu nói họ đã bị "đầu độc". Những cán bộ "nằm vùng "sẽ khuấy động để đòi tổng tuyển cử năm 1956 và tương lai có thể xúi dục chiến tranh du kích. Như vậy phải điểm danh họ, bắt giam và hạ sát họ. Những người có vẻ hối hận đã cấu kết với cộng sản được phép thú nhận tội lỗi với dân chúng. Còn lại sẽ đưa cách ly trong những "trại cải huấn" cho đến khi trí óc bị tiêm nhiễm của họ hoàn toàn xóa sạch mọi ý nghĩ chống đối. Còn những người có cảm tình hoặc đã biết hoặc đang bị nghi vấn như gia đình những cán bộ tập kết ra Bắc hoặc bị giết, hoặc phải cách ly với những thành phần không bị mua chuộc trong dân chúng và được giám sát kỹ để không có khả năng gây rối loạn.

Chính phủ Mỹ cũng nóng lòng như người thay thế họ ở Sài Gòn "quét sạch "theo lối nói của Lansdale, những "cán bộ nằm vùng "Việt Minh và khủng bố những người có cảm tình khác cho đến khi họ vĩnh viễn quy phục. Lập luận của Mỹ cũng giống như lập luận của họ Ngô Đình. Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo Việt Minh, dĩ nhiên mọi cán bộ Việt Minh là cộng sản. Những người không phải bị đảng viên là những người "bị lừa gạt", phải đối xử như đồng lõa. Trong việc phân tích tình hình thời kỳ ấy, CIA và toàn thể các cơ quan thông tin Mỹ thừa nhận cán bộ Việt Minh ở miền Nam xử sự đúng đắn. Một trong những báo cáo nói cụ thể "những người cộng sản miền Nam nói chung có thái độ yên lặng. Họ bỏ qua không khai thác vô số dịp chống đối chế độ Diệm". Tuy vậy thái độ hòa bình ấy của "cán bộ nằm vùng" không được kể đến trong lập luận Mỹ. Một báo cáo khác giải thích "Việt Minh , dù yên lặng tương đối, là mối đe dọa lớn tiềm tàng đối với Diệm". Những ý đồ Mỹ sau đó thể hiện trong giọng điệu đơn giản sử dụng để mô tả những hành động bạo lực. Hoa Kỳ cần "một chính phủ chống cộng sản mạnh và vững chắc "ở Sài Gòn. Một trong những "vấn đề cơ bản" để đạt mục tiêu ấy là "đập tan mọi phương pháp hoạt động quân sự và dân sự của Việt Minh ở miền Nam".

Một ê-kíp chuyên gia của CIA đưa sang giải quyết "những vấn đề cơ bản "ấy đến Sài Gòn vào tháng Sáu năm 1955. Họ là tổ chuyên gia dân sự đầu tiên của chế độ Diệm, được cử đi dưới vỏ bọc một nhóm của trường Đại học quốc gia Michigan hiển nhiên được tài trợ bởi cơ quan Quản lý hợp tác quốc tế sau này trở thành AID (Cơ quan phát triển quốc tế). Nhiệm vụ của họ dạy cho cảnh sát và các cơ quan thông tin Việt Nam những phương pháp Mỹ có hiệu quả hơn để "vạch mặt và triệt tận gốc những người cộng sản".

Ê-kíp chuyên gia của CIA không cần dạy cho thành viên ngành cảnh sát thường trực, bảo an và các tổ chức an ninh khác của Nhu thực hiện việc đàn áp như thế nào. Họ đã được người Pháp huấn luyện rất kỹ. Với sự tàn bạo cuồng tín và sự vụng về, họ hoàn toàn có thể nhầm mục tiêu, bắt những người vô tội và để

sổng những người cộng sản chính cống. Vả lại người Mỹ không thuyết phục được họ nắm hồ sơ chính xác và trao đổi thông tin với những cơ quan khác để xây dựng một hình thái tổng thể về tổ chức Đảng cộng sản ở miền Nam. Nhưng những cánh sát viên Việt Nam rất biết hành hạ. Những phụ nữ bị bắt nói chung đều bị hãm hiếp và tra tấn, vì việc hãm hiếp được xem như món tiền thưởng của đao phủ. Nhờ tra tấn người ta khai thác được tên họ. Tên họ trở thành những con người, đến lượt bị bắt và tra tấn. Lại có những tên họ của nạn nhân tương lai, cứ thế theo cấp số nhân. Tất cả những người bị bắt không phải bị tra tấn tất cả. Đao phủ không có thì giờ khai thác hết. Mỗi người đều có nguy cơ nhận một viên đạn vào đầu. Thực tế Diệm cho phép các tỉnh trưởng bắn bỏ những người tình nghi không cần xét hỏi. Một số có may mắn vào trại tập trung. Việc trả tự do là một ngoại lệ vì đã bị bắt bớ có nghĩa là phạm tội.

Không ai biết bao nhiêu cán bộ cộng sản thực sự hoặc tình nghi thuộc về Đảng bị giết hại còn chiến dịch được gia tăng mạnh vào nửa cuối năm 1955 để đạt đỉnh cao bạo lực năm 1956 và 1957. Những kẻ giết người không có thói quen nêu con số chính xác về nạn nhân của họ và sau một thời gian nào đó nhịp độ gia tăng đến mức không ai tìm được con số cụ thể nữa. Nhưng mức độ tàn sát chắc chắn được tính đến rất nhiều nghìn người. Việc bắt bớ thường tiến hành về đêm. Cảnh sát mặc thường phục có quân bảo an hoặc cảnh sát đi theo, bao vây ngôi nhà và bắt trói những người đàn ông, đàn bà họ đi tìm kiếm. Nếu nạn nhân phải hành quyết ngay, là trường hợp thường gặp, người bị kết tội được dẫn ra đường cái hoặc một con đường gần làng để hạ sát. Xác người để tại chỗ để hôm sau gia đình đến tìm. Là một cảnh cáo đối với những người khác.

Ít nhất cũng có 50.000 người may mắn hơn được đưa tới các trại tập trung. Đây là con số chế độ chính thức thừa nhận đã cầm tù để “cải huấn” vào cuối chiến dịch năm 1960. Thiếu con số thống kê đáng tin cậy, người ta không bao giờ biết được bao nhiêu chục nghìn người được đưa tới sau hàng rào dâp thép gai và bao nhiêu trong số đó bị hủy hoại trong các trại. Cảnh sát và những cơ quan khác của chế độ đã phục vụ người Pháp, áp dụng một cách tự nhiên phương pháp thử lòng trung thành như trước đây. Tất cả những ai chống đối người Pháp đều bị nghi ngờ phản bội Diệm.

Những buổi lễ từ bỏ lỗi lầm Nhu phỏng theo những “tòa án nhân dân “của cộng sản được tổ chức khắp nơi đồng thời với bắn giết và đưa đi trại tập trung là một biên pháp tâm lý chứng tỏ sự khoan dung của chế độ đối với những người xứng đáng. Trong thôn ấp, những người nông dân, đàn ông và đàn bà có hoạt động Việt Minh trước đây, được phép sám hối để cứu mình theo ý thích bất thần của tỉnh trưởng hoặc quận trưởng. Để việc chối bỏ của họ gây xúc động hơn, người ta thường bắt họ lặp lại những việc đã làm. Chòm xóm tập trung nghe họ

kể những hành động hung bạo họ phạm phải vì Hồ Chí Minh và những ma quỷ cộng sản. Người ta bảo họ xin tổng thống Diệm nhân từ tha thứ, dẫm chân lên và vứt vào lửa lá cờ đỏ sao vàng năm cánh đối với họ thời chiến tranh chống Pháp là biểu tượng của một nước Việt Nam hồi sinh. Ở các thành phố, những buổi lễ hình thức lớn hơn với những chối bỏ tập thể. Những bức ảnh của Hồ Chí Minh, những giấy tờ tuyên dương, hình thức khen thưởng trong các đơn vị chiến đấu Việt Minh và tất cả những kỷ niệm khác về cuộc kháng chiến đều bị đốt cháy. Tháng Hai năm 1956 ở Sài Gòn các viên chức và gia đình họ bị tập trung hàng loạt tham dự một buổi lễ sám hối tập thể của hai nghìn Việt Minh cũ.

Bumgardner nhớ lại thời kỳ ấy Cơ quan thông tấn Mỹ (USIS) phát hiện danh từ “Việt Minh “có một nghĩa mở rộng là yêu nước và Diệm đã phục vụ cho cộng sản khi gọi tất cả những người Việt Minh là “bọn Đỏ”. Vì vậy những chuyên gia Mỹ về chiến tranh tâm lý sáng tạo ra chữ “Việt cộng “, viết tắt của những người Việt Nam cộng sản và thuyết phục báo chí Sài Gòn dùng chữ ấy. Họ nghĩ rằng danh từ mới này có nghĩa xấu vì trong từ điển của họ “chủ nghĩa cộng sản “đồng nghĩa với “xấu”. Nhưng Diệm sử dụng danh từ này với thái độ dè dặt. Không phải chỉ riêng ông có khó khăn trong việc áp dụng mưu mẹo này của USIS. Mùa xuân năm 1959 trung tướng Samuel Myers thể hiện sự hài lòng về chiến dịch chống cộng sản của Diệm trước một cuộc họp thượng nghị viện về quan hệ quốc tế. Ông khoe khoang “quân nổi loạn Việt Minh ... bị gậm nhấm liên tục đến mức không còn là một mối đe dọa lớn của Chính phủ nữa”. Chỉ đến đầu năm 1960, nhờ những nỗ lực của Bumgardner và đồng sự mà danh từ “Việt cộng “được dùng thông thường trong cộng đồng người Mỹ và chính phủ Sài Gòn. Nhưng cũng như bao thao tác giải phẫu thẩm mỹ người Mỹ đưa ra, điều đó không thay đổi được lịch sử của người Việt Nam. Người ta gọi họ như thế nào tùy thích, Việt Minh vẫn luôn là Việt Minh.

Gia đình Ngô Đình không chỉ hài lòng bỏ tù, tra tấn và ám hại những cựu binh kháng chiến còn sống ; họ tấn công cả vào người chết, một sự thóa mạ nặng nề nhất vào nền văn hóa Việt Nam. Diệm ra lệnh xúc phạm tất cả những đài liệt sĩ và nghĩa trang Việt Minh. Lòng tôn kính tổ tiên, sự hiếu thảo và những quan hệ gia tộc ở Việt Nam hun đúc ở những lễ tang và giữ gìn mồ mả, thành một tập tục linh thiêng. Nông dân tuổi cao lúc có điều kiện khi còn sống đã mua quan tài đảm bảo cho lễ tang của mình thật xứng đáng. Vann và các cố vấn Mỹ khác năm 1962 cho rằng nếu người Việt khi có thể đều mang những người chết đi là để che giấu thiệt hại. Đấy không phải lý do chính. Những người sống vượt nguy hiểm để mang theo những xác chết vì họ biết những người chết được chôn cất tử tế là điều quan trọng. Lời nguyền rủa nhục nhã nhất đối với một người Việt Nam là xúc phạm đến mồ mả tổ tiên họ. Triều đại anh hùng Nguyễn Huệ bị kình địch

phá tan sau khi ông chế. Trước khi tra tấn và giết hại, họ làm nhục con ông bằng cách buộc chứng kiến người ta khai quật xương của bố và để cho những người lính bình thường đái vào. Người Pháp đào mồ mả tổ tiên của Phan Đình Phùng, người nổi dậy chống lại họ kiên cường nhất vào cuối thế kỷ XIX và trưng bày di hài để cố đập tan lòng can đảm của ông.

Hiệp định Geneve qui định những nhóm hỗn hợp Việt Minh, quân đội Pháp và quân đội Nam Việt Nam có quyền đi lại ở hai miền để tìm kiếm di hài những người tử trận và tập hợp vào những nghĩa trang cố định. Người Pháp biến thung lũng Điện Biên Phủ thành một thánh địa cho 8.000 lính Pháp và 3.000 lính Việt Nam trong quân đội thực dân Pháp chết tại đó. Tháng Năm năm 1955 một nhóm hỗn hợp Pháp – Nam Việt Nam đến Điện Biên Phủ để nhận thi hài và chuẩn bị xây dựng một hầm lớn chứa hài cốt tôn vinh các nạn nhân của hai phía với lực lượng lao động do tướng Giáp cung cấp. Diệm, ngược lại, đã chọn cách đái tượng trưng vào mồ mả những người Việt Minh miền Nam. Ông cấm các nhóm miền Bắc đi lại trong miền Nam và ra lệnh dỡ bỏ mọi đài tưởng niệm, nghĩa trang Việt Minh có ở đó. Ở miền Bắc các nhà lãnh đạo cộng sản không san bằng các nghĩa trang nhưng để trả đũa, họ bãi bỏ những giấy phép đi lại của người Pháp và Nam Việt Nam. Những người chết ở Điện Biên Phủ vẫn còn đấy. Với lòng thù hận chủ nghĩa cộng sản, Diệm đã từ chối một đám tang tôn vinh người chết của chính quân đội ông ở miền Bắc.

Thời kỳ ấy ở Hoa Kỳ chiến dịch chống cộng sản của Diệm không được biết bao nhiêu và từ đó đến nay thực tế không có gì được xuất bản. Những năm đó, báo chí Mỹ không quan tâm nhiều đến Việt Nam. Các quan chức CIA ở Sài Gòn, các nhà ngoại giao và tướng lĩnh đã có thể nói lên một ít ghê tởm nếu họ nghiêm túc quan sát vấn đề tra tấn. Họ vờ không biết, xem những sự giết chóc và trại tập trung như một sự thanh lọc cần thiết của xã hội miền Nam Việt Nam và không muốn người ta lưu ý đến những mặt khó chịu. Ngược lại, họ nhấn mạnh những tàn khốc ở miền Bắc, sử dụng sự thẳng thắn của ông Giáp và các nhà lãnh đạo cộng sản khác nhận sai lầm để tuyên truyền. Một sự thật thà như vậy không còn có ở người Mỹ sau Thế chiến thứ hai và được xem như một dấu hiệu yếu đuối mà không hiểu thực tế đấy là một dấu hiệu của sức mạnh,

Tôi ý thức được chiến dịch chống cộng sản ấy khi đi theo các cuộc hành quân nhân danh nhà báo, cùng các tiểu đoàn quân đội Nam Việt Nam những năm 1962 và 1963. Trong các làng do cộng sản kiểm soát thường có những ngôi mộ do Việt cộng xây lên. Nói chung đấy chỉ là những tấm đá hoặc gỗ cắm vào trong đất trên đó khắc bên cạnh tên họ, ngày mất : “Bị quân đội bù nhìn giết hại”. Tôi nhận thấy những ngày tháng đầu tiên vào những năm 1955 và 1956, được coi là những năm hòa bình trước khi Hà Nội tiến hành cuộc chiến tranh thứ hai. Tôi

tìm hiểu thì được biết thời kỳ ấy, Diệm mở một chiến dịch chống cán bộ bí mật miền Bắc ở lại tại chỗ sau Hội nghị Geneve để nhen nhóm một cuộc nổi dậy. Người ta biết rất ít về việc này trừ những người chết tính đến hàng nghìn. Lúc ấy tôi không cảm thấy nặng nề về vấn đề ấy vì thời kỳ đó, cũng như hầu hết những người Mỹ tôi thấy giết những người cộng sản và đồng lõa không có gì xấu. Chỉ rất lâu sau này tôi có đủ thông tin về chiến dịch ấy mới hiểu phần nó đóng góp trong cuộc chiến tranh thứ hai và hậu quả khổng lồ của hành động ấy do Hoa Kỳ đồng lõa với Diệm và gia đình gây ra.

Đầu năm 1957, cán bộ cộng sản gốc ở miền Nam không còn nhiều. Những cuộc bắn giết, trại tập trung, rời bỏ hàng ngũ đã lấy đi hai nghìn hoặc hai nghìn rưỡi trong số tám hoặc mười nghìn của năm 1955. Lịch sử bí mật của Đảng , quân đội Hoa Kỳ chiếm được năm 1966 và những cuộc thẩm vấn tù binh Việt Minh đào ngũ trong cuộc chiến đấy lần thứ hai lộ rõ những gì đã xảy ra. Hồ Chí Minh và những người cộng sản có trách nhiệm khác cần phải xây dựng lại miền Bắc bị người Pháp tán phá và thảm họa về cộng cuộc cải cách ruộng đất , không muốn có một cuộc chiến tranh khác vào năm 1957. Họ chỉ thị cho cán bộ ở lại miền Nam tiếp tục tránh cuộc nổi dậy vũ trang, áp dụng chiến lược “ẩn mình lâu dài “vừa đấu tranh chính trị. Nhưng chiến dịch chống cộng sản của Diệm buộc những người này không theo lệnh và “làm trái đường lối của Đảng “như tài liệu mật đã nói. Để giữ mạng sống, họ buộc phải phát động một cuộc nổi dậy chống họ Ngô và Mỹ. Tài liệu giải thích : “Để chống lại một kẻ thù như vậy, không thể chỉ đấu tranh chính trị nữa. Cần thiết phải có đấu tranh vũ trang ...Kẻ thù không bao giờ cho chúng ta nghỉ ngơi”.

Cán bộ cộng sản ở miền Nam quyết định đánh, phát hiện thấy do từ gia đình họ Ngô và người Mỹ, miền Nam đã chín muồi để khởi nghĩa. Họ tiếp xúc với những người quốc gia không cộng sản vốn là đồng chí của họ trong kháng chiến chống Pháp và thấy những người này sẵn sàng lại góp phần mình trong cuộc chiến đấu mới vì bị Diệm săn lùng nhiều. Những băng nhóm du kích, tàn kích của quân đội Cao Đài, Hòa Hảo sẵn sàng quên quá khứ vì mục đích chung. Nhưng quan trọng hơn cả, đại đa số nông dân quyết định đương đầu với một cuộc chiến tranh mới để tống khứ những người nước ngoài đã thay thế người Pháp ấy. Chế độ người Mỹ áp đặt lên cho họ đã trở thành không chịu nổi. Cán bộ miền Nam cầm đầu cuộc nổi dậy giải thích rằng người Mỹ, giàu và mạnh hơn người Pháp, áp dụng một kiểu thực dân mới còn tham tàn hơn. Vì vậy, họ chọn tên “phản động” đặc biệt xấu xa ấy. Diệm, gia đình và bọn vô lại điền chủ của hắn cũng như những kẻ cuồng tín ở Việt Nam. Cán bộ Việt Nam gọi là chế độ “Mỹ - Diệm”. Phần lớn nông dân tin ở họ vì lời giải thích có một ý nghĩa đối với mình. Kỷ niệm về thời kỳ Pháp mờ dần nhưng họ nhớ lại chưa bao giờ bị đối

xử tệ hại như "Mỹ - Diệm" đã làm đối với họ.

Một buổi chiều năm 1962, trong một trại Lực lượng đặc biệt của Mỹ, tôi hỏi một thanh niên bị thương và bị bắt trong một trận phục kích. Người y tá Mỹ băng bó vết thương của anh khéo léo và dịu dàng. Chàng trai đỡ căng thẳng, không còn sợ bị tra tấn và giết chết. Tôi hỏi anh vì sao anh đi theo du kích. Anh trả lời :

- Để giải phóng đất nước tôi.
- Khỏi những ai ?
- Khỏi những người Mỹ và Diệm.
- Nhưng làm sao anh có thể giải phóng đất nước khỏi Diệm vì Diệm vốn độc lập, không tuân theo lệnh người Mỹ ?
- Không, Diệm cùng một giuộc với người Mỹ.

Tôi cố gắng làm cho anh hiểu không thể như thế vì ông ta thường hành động trái với ý muốn của Chính phủ Hoa Kỳ.

- Không, anh trả lời. Diệm cùng một giuộc với người Mỹ.

Câu trả lời ấy tôi thấy có vẻ do một cuộc tẩy não và tôi chuyển sang vấn đề khác.

Cán bộ Việt Minh miền Nam cùng với những đồng chí kháng chiến cũ và các đồng minh mới của các giáo phái bắt đầu tấn công trả đũa gia đình họ Ngô và người Mỹ vào đầu năm 1957, ám sát những cảnh sát và xã trưởng bị oán ghét mà Diệm bổ nhiệm. Đầu năm 1958 chiến dịch được phát động và những đơn vị du kích mặc nhiên hình thành. Bernad Fall, chuyên gia Pháp – Mỹ của Việt Nam đánh giá có gần bảy trăm người có trách nhiệm trong thôn xã bị giết trong năm đầu nổi dậy, từ mùa xuân năm 1957 đến mùa xuân 1958 ; năm tiếp theo những vụ ám sát tăng lên gấp đôi. Vào tháng Chín năm 1958, quận trưởng một huyện gần Mỹ Tho, một vùng Cao Đài rất vững mạnh trong chiến tranh chống Pháp, rơi vào phục kích và bị giết giữa ban ngày trên đường đi Sài Gòn. Cuối năm 1958 cán bộ miền Nam đặt Hà Nội trước một việc đã rồi : cuộc khởi nghĩa của miền Nam Việt Nam.

Hồ Chí Minh và những nhà lãnh đạo Hà Nội bây giờ đã sẵn sàng lãnh đạo. Trong lúc miền Nam dấy lên một cuộc chiến mới, miền Bắc của ông Hồ đã ổn định. Năm 1959 rút được bài học sai lầm các quan chức cộng sản khôi phục được lòng tin vào chế độ sau thất bại của cuộc cải cách ruộng đất. Sản xuất lúa gạo và các sản phẩm nông nghiệp khác vẫn hạn hẹp đưa miền Bắc vào sự thiếu thốn kinh niên nhưng cũng đủ để nuôi quần chúng. Với sự giúp đỡ về kinh tế của Liên Xô và Trung Quốc, việc khôi phục đưa nền công nghiệp gốc Pháp trở lại mức sản xuất của Thế chiến thứ hai vào năm 1957 và một kế hoạch ba năm đưa

ra năm 1958 tạo dựng cơ sở cho công nghiệp nặng trong tương lai. Một nhà máy luyện thép mới, độc nhất ở Đông Nam Á, sẽ xây dựng vào năm 1960 gần vùng mỏ thép Thái Nguyên, 75 cây số về phía bắc Hà Nội. Một chính phủ Việt Nam mắc những sai lầm ở Việt Nam và sửa chữa theo cách Việt Nam tranh thủ được sự tha thứ mà nhân dân sẽ từ chối đối với bất cứ chế độ nào ảnh hưởng của người nước ngoài. Vann và những người Mỹ khác nhìn vào những bức ảnh của miền Bắc, thấy đầy là một đất nước nghèo, cuộc sống có vẻ buồn tẻ và lập thành đội ngũ, suy luận là chế độ đó bị chán ghét. Đúng, có căm hờn và chống đối nhưng không là gì so với miền Nam. Đại bộ phận dân chúng trung thành với chính phủ của họ. Trên những bức ảnh, một dấu hiệu tỏ rõ thái độ của những người Việt Nam ở miền Bắc nhưng người Mỹ khong bao giờ nhận thấy : không hề có dây thép gai. Những đồn cảnh sát, những cơ quan của Chính phủ Hà Nội và các thành phố, các làng miền Bắc không có hệ thống lưới thép, lô cốt bảo vệ như khắp nơi ở Sài Gòn và các vùng còn lại ở miền Nam. Những người cộng sản Việt Nam không sợ nhân dân của họ.

Cuối năm 1958, Hồ Chí Minh bí mật cử vào miền Nam Lê Duẩn, người sau này là tổng bí thư của Đảng để kiểm tra xem cuộc khởi nghĩa có rộng khắp và có hiệu quả như báo cáo không. Ông Duẩn sinh ở miền Trung, suốt cuộc chiến tranh chống Pháp ở miền Nam, trở thành người chịu trách nhiệm của Việt Minh trong vùng Sài Gòn và đồng bằng sông Cửu Long. Đầu năm 1959, ông trở ra Hà Nội đề nghị với Đảng đảo ngược lại đường lối tiến hành cuộc cách mạng bị gián đoạn. Ông Hồ và tập thể Bộ Chính trị đồng tình. Ban chấp hành trung ương được triệu tập họp vào tháng Năm phê chuẩn quyết định của các nhà lãnh đạo. Cuộc chiến tranh thứ hai chính thức bắt đầu.

Vào mùa thu sau những đợt mưa gió mùa, những đường mòn qua Lào bắt đầu khô ráo cũng là lúc hàng trăm cán bộ đầu tiên xâm nhập vào miền Nam. Họ là những người tiên phong của hàng nghìn người tiếp theo qua các năm, tất cả là những cán bộ miền Nam tập kết ra Bắc sau Hiệp định Geneve. Những cán bộ tại chỗ, trái lệnh của Đảng và phát động khởi nghĩa, tự phân biệt mình với những người mới đến. Họ gọi những người này là “cán bộ mùa thu “còn họ là “cán bộ mùa đông”. Những danh hiệu ấy không quan hệ gì với các mùa. Chúng thể hiện lòng tự hào của những người ở lại và sống sót qua “mùa đông khủng bố của Diệm”. Nhiều năm sau, một “cán bộ mùa đông” giải thích cho người Mỹ tại sao các đồng chí và ông ta có thể phát động cuộc khởi nghĩa thứ hai nhanh như vậy :

“Không phải vì cán bộ có tài gì đặc biệt .. Nhưng dân chúng đã như một đống rơm. Chỉ cần bỏ vào đấy một que diêm”.

Cuộc kháng chiến mới bắt đầu nảy sinh ở miền Nam dưới dạng như cuộc kháng chiến đầu. Ban chấp hành trung ương của miền Nam đã lãnh đạo Việt

Minh từ địa đầu vùng đồng bằng đến tận những đồn điền cao su phía bắc Sài Gòn thực hiện nhiệm vụ cũ dưới một tên mới : trung ương cục miền Nam Việt Nam. Bộ chỉ huy các vùng lại xuất hiện đảm nhiệm lãnh đạo thế hệ thứ hai các chiến sĩ bí mật dọc bờ biển miền Trung. Những người mới vào sát nhập với người cũ hình thành khung sĩ quan, hạ sĩ quan có kinh nghiệm của những đơn vị chiến đấu. Họ cũng làm chức năng vận động chính trị và tổ chức chính quyền của chính phủ cách mạng bí mật mà Đảng bắt đầu xây dựng theo hình ảnh của chính phủ thời kỳ chống Pháp.

Các đơn vị du kích tăng quân số năm lần, khoảng 2.000 người sống sót năm 1957 lên gần 10.000 chiến sĩ, bắt được 5.000 vũ khí của quân đội Sài Gòn vào năm 1960. Khi Kennedy quyết định can thiệp vào tháng Mười một năm 1961, họ có hơn 16.000 chiến sĩ, chiếm thêm 6.000 vũ khí. Việc nổi dậy nhanh chóng ấy dẫn Hồ Chí Minh công khai tuyên bố vào cuối năm 1960, một tái hiện của quá khứ : mặt trận Việt Minh cũ, ngày 20 tháng Cháp trở thành Mặt trận giải phóng dân tộc miền Nam Việt Nam. Sự khác biệt giữa hai mặt trận là những nhà lãnh đạo chính thức của Mặt trận dân tộc giải phóng được cẩn thận chọn lựa trong số các nhân vật khoa học chủ chốt. Chủ tịch ủy ban trung ương, ông Nguyễn Hữu Thọ, một luật sư Sài Gòn cánh tả, trong quá khứ đã hợp tác với Đảng. Ông bị Diệm bắt, thoát khỏi nhà tù nhờ những người cộng sản. Cũng như mọi người có tên trong ủy ban trung ương (trong đó có một đại diện của Bình Xuyên cải tổ), ông Thọ không có thực quyền. Mặt trận thực tế do các đảng viên lãnh đạo, bí mật hoặc ít được biết rõ, xâm nhập trong số những người khác.

Kinh nghiệm trong quá khứ dạy cho những người cộng sản biết giá trị của một Mặt trận dân tộc cho phép những người không cộng sản dễ dàng tham gia hơn. Họ không cần đăng ký vào Đảng. Mặt trận giải phóng dân tộc hoạt động như Việt Minh trước đây để lãnh đạo chiến tranh du kích và từng thời kỳ làm cách mạng xã hội. Đồng thời đấy cũng là tấm màn che để những người có trách nhiệm ở Hà Nội giấu mình chỉ đạo cuộc tranh chấp bên kia giới tuyến 17. Hoa Kỳ bằng lời nói đã biến giới tuyến tập kết tạm thời của Hội nghị Geneve thành một biên giới quốc gia, và tiếng nói của nước mạnh nhất thế giới đã có trọng lượng. Các nước không cộng sản về sau phải công nhận Mặt trận dân tộc là đại diện chính thức của du kích miền Nam sẽ có khó khăn nếu do Hà Nội lãnh đạo chính thức. Những trí thức Mỹ và Châu Âu sau này tham gia vào phong trào hòa bình chống sự can thiệp của Mỹ sẽ có những vấn đề về lương tâm nếu họ phải bảo vệ một sự nổi dậy ở miền nam do Đảng cộng sản miền Bắc kiểm soát rõ ràng. Tổ chức do Hà Nội thành lập cho phép mỗi người tin vào điều họ muốn tin.

Qua năm tháng và tăng cường cải chính, Mặt trận cuối cùng đạt được lòng tin cậy thực sự. Các tác giả châu Âu và Mỹ viết nhiều sách về họ. Chính phủ Hoa

Kỳ rồi cũng phải công nhận sự hiện diện và tính độc lập của họ bằng chấp nhận phái đoàn của họ ngồi vào bàn thương lượng ở Paris ngang hàng với Sài Gòn. Cầm đầu phái đoàn có bà Nguyễn Thị Bình, đảng viên bí mật của Đảng cộng sản mà người ông là quan lại đánh nhau với người Pháp từ đầu thế kỷ. Khi không cần thoái thác nữa, tổng thư ký Mặt trận giải phóng, một kiến trúc sư Sài Gòn bí mật gia nhập Đảng sau khi hoạt động Việt Minh thời kỳ chiến tranh thế giới, đã giải quyết việc chọn một trong hai con đường với sự trung thực mà những nhà cách mạng Việt Nam biết thể hiện :

“Hà Nội và Mặt trận riêng rẽ về mặt chính thức nhưng thực ra bao giờ chúng tôi cũng là một : một Đảng duy nhất, một chính phủ, một thủ đô, một nước duy nhất”.

Người Việt Nam cả hai phía ở miền Nam không bị nhầm về lối dàn cảnh ấy. Họ biết Việt Minh đã trở lại và họ tham gia vào một việc phục hồi lịch sử. Lá cờ của Mặt trận dân tộc mới là một mô phỏng nhẹ nhàng theo biểu tượng Việt Minh. Nền có hai màu đỏ và xanh nhưng vẫn có ngôi sao vàng năm cánh ở giữa. Nỗi lo sợ của những sĩ quan thông tin Mỹ những năm năm mươi đã được thực hiện nhưng như một trong những điều tiên tri mà chính họ đã tham gia hoàn tất. Hoa Kỳ tìm cách tiêu diệt Việt Minh cũ bằng cách cho cái tên Việt cộng. Như thế là họ tạo ra một Việt Minh mới vô cùng đáng sợ hơn Việt Minh mà người Pháp đã phải đương đầu.

Đầu mùa hè năm 1962, lần đầu tiên tôi đi theo cuộc hành quân bằng trực thăng với một tiểu đoàn thuộc Sư đoàn 7 của Vann. Cũng như mọi phóng viên trẻ, tôi mong được tham dự một cuộc đánh nhau thực sự giữa Quân đội Việt Nam Cộng hòa và Việt cộng. Trong tâm trí tôi cũng như tâm trí những người Mỹ khác vừa mới đến Việt Nam như Vann, Việt cộng là một thế hệ chiến sĩ khác hẳn Việt Minh. Tôi hình dung Việt Minh của cuộc chiến thứ nhất bao gồm những nhà yêu nước, những nhà cách mạng dân tộc đứng dưới mệnh lệnh của Hồ Chí Minh vì những người cộng sản đã cầm đầu phong trào độc lập trong cuộc chiến đấu chống Pháp. Chiến tranh kết thúc, người Pháp đã về nước. Hoa Kỳ can thiệp vào miền Nam Việt Nam để khuyến khích chủ nghĩa dân tộc. Việt cộng chỉ là những người nông dân lầm đường, bị lừa đứng về phía xấu, phía những người cộng sản ở khắp nơi là kẻ thù của những người tốt.

Chiếc máy bay lên thẳng của Hải quân tôi ngồi đang ở vị trí thứ tư hoặc thứ năm. Mục tiêu của chúng tôi là một căn cứ Việt cộng trong vùng Đồng Tháp Mười. Tôi nghe những tràng súng máy tự động đặt phía trước trong lúc chúng tôi đậu xuống giữa lau sậy cao lút người. Nhìn qua vai người bắn súng máy, tôi thấy khoảng nửa tá bóng người chạy trên đồng ruộng, cách chúng tôi 100 mét. Súng cầm tay, túi xắc trên lưng, họ mặc đồng phục màu xanh lá cây và đội chiếc mũ

hình con rùa như tôi đã thấy trên ảnh những Việt Minh thời kỳ chiến tranh chống Pháp. Đấy là những Việt cộng thường trực của một trong những tiểu đoàn lực lượng chính quy. Hải quân xác định tầm bắn sai. Tất cả Việt cộng đều chạy thoát dọc theo con kênh đến bìa rừng cách đấy 700 mét.

Đại úy Nam Việt Nam chỉ huy sư đoàn rề rà ít nhất trong 15 phút, nghiên cứu bản đồ và nói điện thoại với tổng hành dinh trước khi ra lệnh cho đội quân tiến lên. Một sĩ quan đã có tuổi, nói tiếng Pháp, cầm chiếc can theo phong cách những sĩ quan thuộc địa cũ. Sư đoàn dừng lại trước một nhóm lều nông dân cách rừng khoảng một trăm mét. Chỉ có một ông già và mấy đứa trẻ con. Bố mẹ chúng chắc chắn đã lẩn trốn. Đại úy Quân đội Cộng hòa bắt đầu hỏi ông già, hiển nhiên về những người nổi dậy, không ngớt dùng chữ "Việt Minh". Người nông dân trả lời cũng như thế. Tôi hỏi một nhà báo Việt Nam của cơ quan báo chí quốc tế đi theo chúng tôi :

- Tại sao ông ta gọi họ là Việt Minh ?
- Đối với người Mỹ và quan chức chính phủ Sài Gòn họ là Việt cộng, anh trả lời, nhưng ở đây mọi người vẫn luôn gọi họ là Việt Minh.
- Tại sao ?
- Vì họ giống Việt Minh, hành động như Việt Minh.

Mọi người đều đã biết Việt Minh quay trở lại. Vì thế thái độ của họ là vậy : viên đại úy thật khôn ngoan, Cao sợ quá mức bình thường, Diệm muốn giữ cho quân đội của ông ta nguyên vẹn. Chỉ những người Mỹ không biết. Họ không biết rõ người Việt Nam, cả những người đồng minh họ dựa vào để thực hiện ý muốn, và những địch thủ họ phải đối mặt.

Không biết gì về những việc trước đây của cuộc chiến tranh, người ta cứ anh tới để đánh thắng, Vann vẫn nghĩ vào cuối năm 1962 về giải pháp quân sự : thúc đẩy quân đội Nam Việt Nam chiến đấu và đập tan những sư đoàn thường trực ở Đồng Tháp Mười. Anh không thể thuyết phục mình thay đổi mục tiêu biến Cao thành một viên tướng chiến đấu.

Ngày 22 tháng Chạp năm 1962, Diệm thông báo tổ chức lại Quân đội Cộng hòa Việt Nam. Trước đó đất nước được chia làm 3 Quân đoàn. Ông ta tách Quân đoàn ba làm hai. Sài Gòn và vành đai các tỉnh bao quanh từ đông sang tây về phía bắc vẫn giao nhiệm vụ cho Quân đoàn ba. Ông thành lập một Quân đoàn mới Quân đoàn bốn bao trùm đồng bằng sông Cửu Long, tổng hành dinh đóng tại Cần Thơ. Ông thăng Cao lên thiếu tướng để khen thưởng sự khôn ngoan hạn chế những mất mát và tin tưởng giao cho Quân đoàn bốn. Việc thay đổi ấy cũng bổ sung thêm cho Vann vì Sư đoàn 7 bây giờ bao gồm thêm hai tỉnh vào năm tỉnh lúc ban đầu, nghĩa là toàn bộ nửa phía bắc của vùng đồng bằng với ba triệu

hai trăm nghìn dân số.

Vann được thông báo về những gì xảy ra và mấy ngày trước khi Diệm tuyên bố, anh đi Sài Gòn với một giác thư đưa lên tướng Harkins. Anh đề nghị cho gặp để tự mình chuyển thư, giải thích anh đặc biệt thích hợp với vai trò tổng tư lệnh. Bản tường trình của anh viết theo lời văn ngoại giao sử dụng thích hợp. Anh nhắc lại với viên tướng, với sự phê chuẩn của ông, anh đã hoạt động như thế nào để tạo cho Cao "một hình ảnh nhà lãnh đạo quân sự "trước con mắt các nhà báo, các sĩ quan và các nhân vật Mỹ. Không may, Vann tiếp tục, "tướng Cao không chứng tỏ được tư thế thực sự tấn công. Ông ta cần một cố vấn quyết tâm để kích thích". Vann trình bày quan điểm của mình. Dan Porter, con người xứ Texas tinh ranh và ương bướng phải đến Cần Thơ theo tướng Cao, là cố vấn mới của ông ấy. Nhưng kỳ hạn phục vụ sẽ kết thúc vào tháng Hai và anh trở về Hoa Kỳ. Harkins đã chỉ định đại tá John Powers Conner sắp sang sẽ thay thế anh. Đại tá Connor là một người dễ thương nhưng nguyên tắc và Vann không nghĩ ông này có thể "kích thích "được Cao. Mặt khác việc thiếu kinh nghiệm ở Việt Nam đưa ông ta vào thế bất lợi. Vì vậy Vann đề nghị một cố vấn khác cho Cao, một sĩ quan mà anh đã là huấn luyện vuên quân biệt kích sau chiến tranh Triều Tiên dưới quyền ông ấy. "Có nguy cơ tỏ ra tự mãn, tôi xin gợi ý đại tá Wilbur Wilson làm cố vấn cho tướng Cao nhằm tăng cường hiệu lực hoạt động của ông trong mùa xuân này. Tính cách và kinh nghiệm của ông ấy hoàn toàn phù hợp để tướng Cao đạt được mức tối đa và vùng đồng bằng đưa lại nhiều cơ may đập tan Việt cộng".

Ý nghĩ dùng Wilson kích thích Cao làm anh thích thú nhưng sự gợi ý của anh không kém nghiêm túc. Anh thán phục Wilson cũng như Porter nhưng với những lý do khác nhau. Wilbur Wilson là một truyền thuyết trong quân đội Hoa Kỳ. Đấy là một sĩ quan dù to khỏe, má hõm và hàm dô ra, năm 1962 đã 53 tuổi. Ông có biệt danh "Hòm than "vì một trong những cách thức lập dị của ông để đảm bảo kỷ luật. Khi đi kiểm tra các phòng, ông bắt buộc than xếp trong hòm hoàn toàn đều đặn, không chấp nhận một vien nào không đúng chỗ. Đấy là một trong nhiều mưu mẹo thực hiện trong nhiều năm để có một kỷ luật hoàn hảo. Tuy có những điều kỳ cục ấy, ông có tài năng của những chỉ huy lớn kích động lòng tự hào của thuộc cấp mà ông đối xử tử tế và coi trọng. Ông dành sự nghiêm khắc và thật thà tàn bạo cho những người ngang hàng hoặc cấp trên. Ông vừa qua một năm làm cố vấn chính của Quân đoàn phụ trách cao nguyên và những tỉnh ven biển miền Trung. Năm 1962, vùng này ít đánh nhau và Wilson không có dịp trổ hết tài năng. Điều lạ là người đồng cấp của quân đội Nam Việt Nam, một sĩ quan dù cũ của quân đội Pháp, rất thích rượu Whisky, không chịu nổi những sĩ quan Mỹ đạo đức giả và quá tốt với ông ta, tán đồng tính thô bạo của Wilson.

Harkins cám ơn Vann về giác thư của anh và không hề lưu tâm đến. Đại tá Connor được chỉ định làm cố vấn cho Cao.

Trong chín tháng đầu anh vừa trải qua, Vann thất vọng vì những người Việt Nam coi như anh đã giúp đỡ. Hai tuần lễ rưỡi sau, trong một thôn ấp có tến là Bắc, qua trận đánh lớn đầu tiên của Mỹ, anh phát hiện thấy sự hăng hái và lòng can đảm của những người Việt Nam mà anh có nhiệm vụ đánh thắng này.

III

TRẬN ẤP BẮC

Ba ngày sau lễ Noel 1962, Sư đoàn 7 bộ binh qua trung gian tướng Harkins, nhận được lệnh ban tham mưu hỗn hợp của Quân đội Cộng hòa đánh chiếm một đài phát thanh sóng Việt cộng đang hoạt động ở ấp Tân Thới cách tây bắc Mỹ Tho vài chục cây số. Hoa Kỳ đã dựa vào công nghệ bí mật để tấn công cuộc nổi dậy ở miền Nam. Đơn vị dò sóng thứ ba trong cơ quan thông tin quân đội ở Tân Sơn Nhất thám thính bầu trời từ một máy bay Canada hạng nặng Otters dùng bay trên rừng thưa đã phát hiện và xác định vị trí đài địch nhờ tranh bị hiện đại.

Thông báo về cuộc tấn công này gây phấn chấn cho Vann và toàn nhóm. Cuộc hành quân đầu tiên trong năm mới với một chỉ huy Việt Nam mới, nhất là có cơ may một cuộc khởi đầu. Tham mưu trưởng của Cao, trung tá Bùi Đình Đạm kế nhiệm thủ trưởng cũ được phong tướng chỉ huy Quân đoàn vừa thành lập ở Cần Thơ không thực sự vui vẻ trong lòng, vì Đạm, người bé nhỏ, bản chất hiền lành, là một người quản lý thành thạo nhưng ngần ngại đảm đương gánh nặng tâm lý của việc chỉ huy. Cao thuyết phục được ông ta nhận nhiệm vụ vì ông không muốn để vị trí lại cho một đối thủ có khả năng và biết có thể kiểm soát được Đạm. Bùi Đình Đạm là một người công giáo miền Bắc, vậy là có thể tin tưởng về mặt chính trị nên Diệm quyết định chấp nhận ý muốn của Cao. Ông thăng Đạm lên đại tá và giao cho Sư đoàn 7.

Đạm thể hiện lòng trung thành trong những quan hệ cá nhân mỗi lần có dịp và muốn hợp tác với người Mỹ. Vì vậy ông đồng ý với đề nghị của Vann phục hồi lại hệ thống xây dựng kế hoạch chung mà Vann bãi bỏ sau thất bại của quân biệt kích hồi tháng Mười. Vann gửi ngay một điện tín cho đại úy Richard Ziegler, trưởng ban tác chiến tài năng của anh, đề nghị bỏ dở kỳ nghỉ Noel ơ Hong Kong trở về ngay chuyến bay đầu tiên. Mọi người, kể cả Cao được người ta trao đổi về kế hoạch tác chiến của Ziegler, đều tán thành với anh. Con người khoan dung, Đạm chỉ có một thay đổi : ông lùi cuộc tấn công dự kiến vào sáng mồng một đầu năm lại hai mươi bốn tiếng đồng hồ. Ông giải thích đánh thức các phi công máy bay lên thẳng Mỹ vào bốn giờ sáng sau những yến tiệc ban đêm là không hợp lý.

Vậy là sáng ngày mồng tháng Giêng 1962, trên con đường đất của sư đoàn ở Tân Hiệp diễn ra quang cảnh thường hay lặp lại trong cuộc chiến tranh này. Cái tĩnh lặng của bình minh và sự tươi mát của không khí vùng đồng bằng bị khuấy động vì tiếng ồn áo, khí xả và bụi đất cuộn lên của những chiếc máy bay lên

thẳng trong khi những trung đội bộ binh chỉnh đốn hàng ngũ để lên máy bay. Vann bay lúc sáu giờ rưỡi ngồi ở chiếc ghế sau một chiếc thám thính L-19 để quan sát việc đổ bộ của đại đội thứ nhất ở bắc Tân Thới.

Tướng Harkins và bộ tham mưu Sài gòn của ông xem Việt cộng với sự khinh khi cố hữu của những binh lính một cường quốc nhìn quân du kích những nước yếu, gọi họ là "những con người nhỏ bé rách rưới". Ngược lại, những chiến binh tại chỗ như Vann cảm thấy kính phục họ. Nhưng tất cả đều hy vọng một ngày nào đó đối thủ khá ngây ngô rời bỏ hệ thống chiến đấu bí mật để lộ liễu đánh nhau. Đấy chỉ là một ước muốn trong tâm niệm vì không một sĩ quan Mỹ nào trong đó có Vann chờ đợi điều đó thực hiện được. Việc xóa sổ quân biệt kích trong tháng Mười là kết quả của một cuộc phục kích, tiếp theo đó là sự rút lui thành công mặc dù đạn pháo và bom bỏ khốc liệt. Việt công không cố thay đổi những cú đánh với các toán quân Sài Gòn. Tuy thất vọng về những từ chối bỏ cạm bẫy lặp đi lặp lại của Cao, Vann không thể ngăn mình hy vọng một ngày nào đó quân du kích sẽ ngả theo sự thiếu khôn ngoan táo tợn này. Đấy là cách độc nhất có thể nhấn chìm cả một tiểu đoàn. Vann và những sĩ quan Mỹ khác say sưa, mơ tới số phận mọi tiểu đoàn Việt cộng dấn thân vào một cuộc đánh dằn mặt. Việc tàn sát đối thủ kém vũ khí của các toán quân Sài Gòn với xe tăng, trọng pháo và máy bay ném bom ít xứng đáng với truyền thống thượng võ của quân đội Hoa Kỳ.

Trong lúc Vann quan sát 10 "quả chuối bay "H-21 chở đại đội bộ binh hạ xuống làn nước xám đen của đồng ruộng lúc bảy giờ ba mươi và đổ quân an toàn, anh không thể biết mình sắp thấy mong ước chung được thực hiện. Trong cuộc tranh chấp mà những hợp đồng không lối thoát nối tiếp nhau, hình như không cái nào có một giá trị nội tại, hôm ấy một hiện tượng đặc biết sắp xảy ra : Việt cộng đứng lên đánh nhau.

Phía bên kia, chỉ huy Tiểu đoàn 261 Việt cộng đã chuẩn bị xong lúc mười giờ đêm hôm trước trận đánh. Tên ông và tên các sĩ quan, hạ sĩ quan khác không được biết do truyền thống bí mật của họ. Hai tháng sau, trong một cuộc hành quân bất thường vào ban đêm, Quân đội Cộng hòa bắt được một báo cáo mật về trận đánh và những sự kiện trước đó : người ta chỉ thấy tên một sĩ quan cấp dưới đánh tìm một lối ra và một số lính thường xứng đáng được ghi nhận đặc biệt về lòng dũng cảm trong chiến đấu.

Những thông tin do các trinh sát bầu trời cung cấp và những tin tức khác Jim Drummond, sĩ quan thông tin của Vann và đồng sự Việt Nam của anh này thu thập được cho thấy ấp Tân Thới là tổng hành dinh của quân địa phương. Đài phát sóng được một đại đội tương cường khoảng một trăm hai mươi quân chủ lực bảo vệ. Ziegler đã tính toán Tân Thới sẽ bị tấn công từ ba hướng khác nhau.

Một tiểu đoàn khoảng 320 người sẽ được máy bay lên thẳng đổ xuống phía bắc để tiến vào phía nam vào làng. Hai sư đoàn quân bảo an lần lượt từ phía nam tiến lên riêng rẽ nhau. Một đại đội bộ binh trên mười ba chiếc của đoàn xe bọc thép M-113 cũng từ phía nam thọc lên phía bắc dọc theo sườn phía tây. Đoàn xe được bố trí để có thể di chuyển đến điểm tiếp xúc nếu Việt cộng vừa đánh vừa lùi. Từng đơn vị trong ba tiểu đoàn sẵn sàng chiến thắng một đại đội du kích với sự yểm trợ của phi pháo. Trường hợp gặp khó khăn, xe tăng M-113 và đội bộ binh trên xe là một lực lượng dự trữ lưu động và là một lực lượng đánh bật quân địch. Đạm bố trí hai đại đội bộ binh khác dự trữ ở Tân Hiệp, có thể gửi đến bằng máy bay lên thẳng. Không ai nghĩ có hơn 120 Việt cộng. Ziegler thậm chí cho rằng không biết có đến con số ấy không. Những tin tức hình như khác cụ thể, cho đến lúc sau cuộc tấn công người ta phát hiện thấy đài phát sóng đã chuyển đi hai ngày trước rồi.

Lần này tất cả đều sai. Số lượng Việt cộng có hơn ba lần, tập hợp trong làng Tân Thới và ấp Bắc ngay phía dưới. Ban chỉ huy Tiểu doàn 261 và tổng hành dinh được khoảng 320 quân chủ lực và du kích địa phương bảo vệ ở đấy. Thêm vào đó khoảng ba mươi địa phương quân làm nhiệm vụ trinh sát, bổ sung, vận chuyển vũ khí và những người bị thương.

Ban chỉ huy và ban chấp hành Việt cộng tỉnh liên lạc qua điện đài đã biết sáng mồng 2 tháng Giêng sẽ có một cuộc tấn công. Họ không rõ mục tiêu chính xác vì không biết đài phát sóng đã bị bao vây nhưng cho là trong vùng Tân Thới và ấp Bắc. Họ dự kiến sẽ có một cuộc tấn công ngay đầu mùa khô vào vành đai những làng họ kiểm soát dọc bìa rừng từ Đồng Tháp Mười . Hai ấp trên là một phần trong vùng cách con kênh lớn làm biên giới cánh đồng ba cây số. Cán bộ thông tin Việt cộng ở Mỹ Tho đã cảnh báo những người có trách nhiệm trong tỉnh cuộc hành quân sắp xửa xảy ra khi họ nắm được 71 xe tải chở vũ khí và vật dụng cung cấp từ Sài Gòn tới. Ngày mồng 1 tháng Giêng, ban chấp hành tỉnh đã có đủ thông tin để suy đoán cuộc tấn công sẽ tiến hành vào sáng hôm sau.

Vann hài lòng về những lý lẽ khiến các nhà lãnh đạo du kích quyết định ở lại và đánh nhau. Họ cho rằng phải như vậy đẻ khôi phục lòng tin của các đội quân và nông dân tham gia. Vann đã gây trở ngại đáng kể cho cuộc cách mạng của họ ở phía bắc vùng đồng bằng trong mùa hè – thu với những đợt tấn công Việt cộng dựa vào máy bay, xe tăng và sự phối hợp đúng đắn về kế hoạch tác chiến thành thạo của Ziegler cùng hiệu quả công tác thông tin của Drummond. Những cuộc tàn sát đã làm các chiến sĩ cơ sở lo ngại. Họ bắt đầu đặt vấn đề về thái độ của các lãnh đạo, về khả năng hướng dẫn họ tồn tại và chiến thắng công nghiệp chết người của Mỹ vừa nắm bắt được họ trong những chỗ ẩn náu cho đến nay chưa bị lộ. Một số người đã xin rới quân ngũ trở về với gia đình. Nhiều nông dân nhận

thấy người Mỹ vô cùng mạnh, khó khăn hơn người Pháp và tự hỏi Việt Minh mới có thể đánh thắng họ không. Báo cáo mật về các cuộc tiến cộng thừa nhận những thất bại không lường hết được đã đặt việc kiểm soát của Đảng trong "những vùng giải phóng "này, cơ sở phát triển của cuộc cách mạng, đang đứng trước nguy hiểm. Những người nông dân cần được thuyết phục rằng chính phủ bí mật của Đảng đã trở về và những lực lượng du kích có thể bảo vệ họ chống lại sự tàn phá của quân đội Sài Gòn và những máy móc chết người Mỹ.

Các chỉ huy Việt cộng và những người có trách nhiệm ở tỉnh đã ở tuổi tứ tuần với quá khứ phục vụ trong kháng chiến chống chế độ thực dân Pháp và chống Nhật. Dù chiến tranh kết thúc ra sao họ cũng không ra đi. Họ không thể trở về miền Bắc kể cả nếu họ muốn vì những cán bộ mất tinh thần không được ngoài ấy hoan nghênh. Họ cũng không nghĩ đến chạy trốn vì không chấp nhận khả năng thất bại của cuộc cách mạng. Một trong những bài viết bí mật của họ thời kỳ ấy giải thích sự cần thiết phải dạy cho lớp trẻ không để một cuộc đấu tranh kéo dài và những thử thách đánh bại, đồng thời là tóm tắt thái độ của chính họ : "Chúng ta phải dạy cho họ thắng không kiêu, bại không nản, cho đến lúc chúng ta hoàn thành Giải phóng miền Nam và thống nhất đất nước".

Họ nghiên cứu khí cụ máy móc Mỹ, sáng tạo các biện pháp hy vọng khống chế được chúng và vận dụng thuyết phục các sĩ quan trẻ, hạ sĩ quan và chiến sĩ, nếu không sợ và khéo léo sử dụng các nơi ẩn nấp, ngụy trang mảnh đất vùng đồng bằng đủ bảo vệ họ hành quân, chiến đấu. Những cố gắng của họ đưa lại thắng lợi trong cuộc tập kích quân biệt kích cách Tân Thới mấy cây số về phía Tây Bắc. Họ đã có thể bắn hạ hai chiếc máy bay lên thắng bổ sung quân kể cả chiếc máy bay của Vann. Đơn vị chủ yếu đạt được chiến thắng nhỏ nhưng có ý nghĩa đó, Đại đội 1 của Tiểu đoàn 514, bây giờ đang chờ đợi ở Tân Thới trong ngày thứ hai năm mới này.

Phản ứng của Diệm về sự thất baih của quân biệt kích, việc chấp nhận hèn hạ của Cao về chiến lược tự hủy hoại của "hoàng đế của ông ta ", việc Harkins không tin Vann và tán thành với Diệm đã tạo cho Việt cộng hai tháng rưỡi nghỉ ngơi. Các chỉ huy đại đội và tiểu đoàn dùng thời gian ấy thay thế những mất mát, huấn luyện những chiến thuật mới và sử dụng vũ khí Mỹ bắt được. Tháng Giêng năm 1963, những đồn tiền tiêu Harkins không triệt hạ trước kia hào phóng phân phối vũ khí hiện đại Mỹ để chuyển súng Pháp cũ của họ cho tự vệ địa phương. Phần lớn bộ binh Việt cộng được trang bị súng bán tự động M-1 hoặc tiểu liên Thompson. Mỗi đại đội có một súng máy cỡ 30 và hầu hết trung đội đều có hai súng tự động Browning. Đạn và lựu đạn quá nhiều. Như vậy, Hoa Kỳ và Sài Gòn đã phát triển đáng kể hỏa lực của kẻ thù.

Nhưng cán bộ Đảng miền Bắc vùng đồng bằng không thấy rằng Cao gian dối

trong các cuộc hành quân. Họ vẫn nghĩ lực lượng Sài Gòn tìm cách bao vây và tiêu diệt họ như Vann đã cố gắng làm không hiệu quả. Họ nhận thấy những yếu tố tấn công bây giờ gồm quân số quan trọng hơn, từ hai đại đội của tiểu đoàn tiến lên toàn bộ một tiểu đoàn. Họ suy luận các chỉ huy Quân đội Cộng hòa và cố vấn Mỹ trở nên khôn ngoan hơn trong việc hành quân bao vây.

Tân Thới và ấp Bắc là một trong những "vùng giải phóng "quan trọng nhất của miền đồng bằng. Để làm nản chí những cuộc đột kích của lực lượng Sài Gòn, phương pháp tốt nhất là chống cự có hiệu quả để gây khó khăn và bất lợi cho kẻ địch. Lãnh đạo Việt cộng không có ý định cố bám tại chỗ giữ đất. Họ chấp nhận đánh nhau, hy vọng có thể vận dũng kỹ thuật chiến đấu và hành quân, cho rằng đã khá tiến bộ để có thể dấn thân vào nguy hiểm. Dù sao sớm hay muộn họ cũng bị o ép và đây cũng là một dịp thuận lợi. Họ có lợi thế về đất đai. Tuy là mùa khô, vùng này có nhiều sông lạch nên nông dân giữ được đồng ruộng ngập nước suốt năm.

Trong hai ấp Việt cộng cũng có lợi thế chiến đấu trong môi trường quen thuộc với lòng dũng cảm của những người bảo vệ xóm làng mình. Tất cả đều là dân vùng đồng bằng kể cả sĩ quan, hạ sĩ quan, đảng viên cộng sản. Đây là trường hợp đặc biệt của Tiểu đoàn 514 mà Đại đội 1 ở Tân Thới và gần nửa số quân Đại đội 1 tiểu đoàn 216 chở ở ấp Bắc đến từ vùng Mỹ Tho.

Về phương diện lịch sử, đây là mảnh đất lý tưởng cho một cuộc chiến đấu quyết định. Nông dân vùng ven Đồng Tháp Mười này đã theo những người cộng sản từ cuộc khởi nghĩa đầu tiên chống Pháp vào tháng Mười một năm 1940. Người Pháp đập nát cuộc nổi dậy bằng dội bom san bằng phần lớn thôn ấp. Người bị cầm tù do tàu thủy đưa về Sài Gòn, ban đêm đổ vào các kho hàng ở bến tàu dưới ánh sáng đèn chiếu. Chúng xâu dây thép gai qua mu bàn tay buộc họ thành hàng dài. Nhưng nông dân địa phương không vì thế mà hoảng sợ. Trong 9 năm kháng chiến họ luôn luôn theo tiếng gọi của Việt Minh.

Bốn giờ sáng, trinh sát của du kích địa phương phân tán nhiều cây số trong vùng xung quanh hai ấp nghe tiếng động cơ ô tô. Liên lạc chạy ngay đi báo cáo, chỉ huy tiểu đoàn lập tức ra lệnh chuẩn bị chiến đấu. Quân lính đêm trước đã tập dượt, nắm lấy vũ khí ra những vị trí được xác định trong hố cá nhân nông dân đã giúp họ đào và ngụy tranh dưới tán cây.

Tân Thới nối liền ấp Bắc theo một con kênh hai bên bờ là những hàng cây che khuất những hoạt động giữa ban ngày. Như vậy hai ấp hình thành hai vị trí tương hỗ. Viên chỉ huy tập trung lực lượng chủ yếu trong ấp Bắc, chỗ khó tự vệ hơn : đại đội 1 của tiểu đoàn ông được bổ sung hai trung đội bắn giỏi với một súng máy cỡ 30 và phía nam hoặc phía tây. Mà từ phía nam có một nhánh suối chảy về phía tây với hàng cây bao phủ. Ông bố trí một trung đội bộ binh trong những

chiếc hố dưới tán cây, trên bờ suối ; ở đây họ nhìn thông thoáng ra đồng ruộng phía nam.

Phía tây ấp Bắc, một con kênh tưới chảy theo hướng bắc nam, trên bờ là một con đê rộng đầy cây. Viên chỉ huy bố trí phần đại đội còn lại trong những chiếc hố dưới cây. Con đê hẹp nhất cũng được một mét, ngoài ra thì rộng hơn nhiều, chỗ khống chế cả cánh đồng. Do địa hình không đồng đều nông dân xây dựng con đê và con đập không theo một đường thẳng mà khúc khuỷu giữa đồng ruộng, cho phép Việt cộng bắn chéo binh lính tấn công. Hai khẩu súng máy và những kẩu Browning tự động cũng bố trí để có "một tầm bắn chéo "theo lối nói của quân đội Mỹ. Viên chỉ huy rải nửa lực lượng – Đại đội 1 của tiểu đoàn 514, được một trung đội của tỉnh tăng cường – một cách tương tự dọc theo con đê kênh tưới bao ba phía lộ ra của Tân Thới.

Từ trên không hoặc ngoài đồng ruộng, người ta chỉ có thể thấy hai ấp là những pháo đài giống nhau của một chiến lũy. Trong những hàng cây là sự xen lẫn bình thường của cây cối vùng đồng bằng : chuối, dừa, tre, cọ và những cây gỗ cứng dùng trong xây dựng, dưới gốc là bụi rậm dày đặc. Dưới sự hướng dẫn của các sĩ quan, áp dụng kỹ thuật này trong chiến tranh chống Pháp, nông dân và các chiến sĩ đào hố mà không làm khô héo lá cây. Đất đào lên được mang đi xa rải phân tán. Khi lớp bảo vệ tự nhiên không đủ, người ta cắt cành lá tươi trồng phía trên và xung quanh các hố. Tất cả hình như hoàn toàn tự nhiên, kể cả đối với máy bay thám thính bay thấp hoặc máy bay lên thẳng.

Những hố cá nhân được đào khá sâu để đứng trong đó. Những chỗ để súng máy và Browning rộng hơn những hố khác chứa được hai người, xạ thủ và người nạp đạn. Nhờ độ sâu, người lính có thể cuộn mình lại dưới đáy để tránh phi pháo. Họ chỉ bị thương nếu bị bắn thẳng hoặc một tia napalm đủ gần để đốt cháy hoặc làm họ ngạt thở. Một quả đạn súng cối chỉ giết họ nếu nổ thật chính xác trên hố hoặc ở một góc độ rất gần. Trừ phi Việt cộng dại dột ra khỏi hầm lúc máy bay đang bay trên đầu còn thì đạn pháo, rốc két không có hiệu quả.

Con kênh tưới phía sau đê, rộng khoảng hai mét và nước lên đến người dùng làm hào liên lạc. Người ta có thể di chuyển trong đó ngoài tầm nhìn và tầm bắn của quân địch. Họ lội bì bõm hoặc di chuyển nhanh trên những chiếc xuồng nhỏ nông dân đẽo từ những cây gỗ tròn. Khi máy bay xuất hiện, Việt cộng có thể nhảy xuống nước ẩn mình hoặc chui vào cây cối trên bờ. Chính theo con đường này, người ta tiếp tế đạn dược cho các chiến sĩ trong hầm, chuyển thương binh, gửi lực lượng bổ sung tới và các sĩ quan, hạ sĩ quan đi kiểm tra, khuyến khích quân lính. Đàn bà, trẻ em và người già trong sáu trăm dân số ấp Bắc cùng số lượng tương tự của Tân Thới chạy ẩn nấp vào những đồng ruộng bên cạnh khi vừa có báo động. Một số thanh niên ở lại chăm sóc thương binh và làm liên lạc.

Sương mù buổi sáng là yếu tố may mắn quyết định trận đánh này. Nó trải rộng toàn vùng che phủ quang cảnh từ bầu trời : lơ lửng trên đồng ruộng, nó bao trùm cây cối và mái nhà trong thôn ấp. Vann không thể nhận được 30 máy bay lên thẳng anh cần để vận chuyển một lần toàn bộ tiểu đoàn. Quân đội gặp khó khăn khi giữ lại những chiếc H-21 cũ từ chiến tranh Triều Tiên. Mặt khác Harkins ưu tiên cho một cuộc hành quân khác cùng ngày có tên mật là “mũi tên bốc cháy “, sử dụng đến 1.200 lính dù và một tiểu đoàn bộ binh. Sau một đợt dội bom dày đặc, họ phải chộp bất ngờ và tiêu diệt tổng hành dinh chính của cộng sản miền Nam Việt Nam trong rừng vùng chiến khu C, pháo đài cũ miền tây bắc Sài Gòn mà 8 năm trước Bumgardner đã thiếu khôn ngoan đi qua. Cuộc hành quân hoàn toàn thất bại vì người ta không bao giờ tìm được tổng hành dinh. Nhưng vì lý do đó mà Vann đành hài lòng về 10 chiếc H-21 để vận chuyển nhiều đợt các tiểu đoàn của sư đoàn mình đến khu vực đổ bộ phía bắc Tân Thới.

Sương mù dày đặc xung quanh đường băng xuất phát Tân Hiệp. Tuy nhiên phi công lái máy bay lên thẳng cũng cất cánh được với đại đội thứ nhất trước 7 giờ sáng một ít và tìm được một khoảng trống phía bắc Tân Thới để đổ quân. Rồi sương mù càng dày đặc, phi công từ chối mạo hiểm, sợ đụng nhay trong khi bay hoặc cùng mất luôn với đại đội 2 và 3. Vann và Đạm quyết định lùi những chuyến bay gần hai tiếng rưỡi cho đến 9 giờ 30 khi mặt trời lên khác cao làm quang đãng bầu trời. Trong thời gian đó, đại đội 1 phải chờ tại chỗ. Nếu không có điều đó, cuộc chiến có thể bắt đầu ngay và kết cục có thể sẽ khác. Vì trong lúc nghỉ ngơi ấy, đội quân bảo an tiến từ phía nam đụng độ với trung đội du kích ngụy trang dưới cây cói của con suối ở ngay phía nam ấp Bắc. Sự kiện tình cờ này làm nổ ra cuộc chiến từ một cuộc xô xát kịch tính và lộ liễu gây bao tác động đến chiến tranh và cuộc đời Vann.

Việt cộng biết quân bảo an tiến lại gần. Chỉ huy tiểu đoàn báo với chỉ huy đại đội ấp Bắc, trung đội của ông ẩn mình đầu ngọn suối sẽ bắn trước. Nhân viên điện đài sử dụng máy móc bắt được của Mỹ theo dõi hành động của các đội quân Sài Gòn qua làn sóng họ dùng. Quân đội Cộng hòa không dùng những biện pháp an toàn, truyền đi những tọa độ bản đồ nên Việt công dễ dàng xác định được. Trinh sát Việt cộng chạy phía trước quân bảo an xác nhận những thông tin điện đài. Quân lính dưới hầm cá nhân cuối cùng thấy những toán quân của tiểu đoàn thứ nhất quân bảo an tiến thành hàng về phía họ trên những con đường mòn và đường đê hẹp. Đội viên du kích địa phương nhanh chóng chiếm vị trí trong bụi cây dừa bên phải : họ có nhiệm vụ tấn công quân địch đi hàng dọc vào bên sườn sau khi quân chủ lực bất ngờ đánh vỗ mặt.

Dự kiến cây cối có thể gây những bất ngờ, đại úy chỉ huy tiểu đoàn bảo an mỗi lúc càng tiến lên thận trọng. Ông dừng lại dọc một con đê, cách cây cối

khoảng 150 mét và cử trinh sát đi thăm dò. Việt cộng để họ lại gần 30 mét mới nổ súng. Các toán quân Sài Gòn vừa đánh vừa rút lui, bì bõm trong bùn, nước ; chính lúc ấy các đội viên du kích trong bụi cây dừa bắn từ sườn bên phải. Chỉ huy đại đội và phó của ông ta bị bắn chết sau mấy giây. Phần còn lại của tiểu đoàn nấp sau con đê đáng lẽ phải bắn súng máy để bảo vệ đồng đội, họ lại nấp vào chân đê còn một số vung súng bắn không ngắm đích. Vậy là quân lính rút lui nhận đạn từ hai phía. Lúc ấy là 7 giờ 45.

Hai tiếng đồng hồ tiếp đó, viên chỉ huy tiểu đoàn vòng quanh cố đánh bật Việt cộng ra không có kết quả. Quan sát viên pháo binh kém cỏi quá hoặc ban tham mưu dã chiến không để anh ta điều chỉnh tầm bắn : trường hợp nào thì những loạt đạn pháo quân bảo an yêu cầu đều dội vào sau lưng Việt cộng hết, không trúng vào hàng ngũ của họ. Toàn cuộc tách chiến ngưng lại trước 10 giờ một ít, khi viên chỉ huy tiểu đoàn bị thương nhẹ ở chân.

Vann không biết gì về cuộc đánh nhau này cho đến khi nó kết thúc. Thiếu tá Lâm Quang Thọ, tỉnh trưởng Định Tường chịu trách nhiệm về lực lượng của tỉnh, bình thường phải dưới lệnh của Đạm trong trận đánh này, giữ lại không thông báo với anh. Thọ là người Diệm cho cầm đầu trung đoàn bọc thép của Mỹ Tho để bảo vệ cho mình chống đảo chính vì ông này con một gia đình điền chủ vùng đồng bằng, liên minh với họ Ngô Đình. Thọ không ra lệnh cho tiểu đoàn bảo an thứ hai đến cứu gấp tiểu đoàn thứ nhất và cũng không làm gì để sửa chữa tầm bắn cố vấn Mỹ đã thông báo qua điện đài. Ông không đến tại chỗ để tổ chức một cuộc phản công tuy chỉ cách ban tham mưu dã chiến không tới 3 cây số. Khi những thiệt hại đã lên tới 8 người chết và 14 bị thương kể cả viên đại úy bị thương ở chân, ông xử sự như một sĩ quan Sài Gòn : giao cho người khác đánh nhau thay mình. Ông điện thoại đề nghị Đạm đưa hai đại đội dự phòng ở đường bay ra phía sau lưng Việt cộng ở phía Nam. Về lý thuyết, bị đánh từ phía sau, quân địch phải rời bỏ vị trí. Nhưng Thọ không làm thế mà đổ các toán quân trên đồng ruộng, ông ta đưa bia đỡ đạn cho những quân chủ lực Việt cộng còn lại ở phía tây dọc theo con kênh tưới.

Vann bay trên một chiếc L-19 ở phía bắc Tân Thới để theo dõi hoạt động của đại đội thứ ba vừa đổ bộ trước đó mấy phút. Ziegler gọi điện cho anh thông báo lời đề nghị của Thọ và Đạm muốn anh đến ấp Bắc chọn một chỗ đổ bộ những toán quân dự phòng. Khi nhìn thấy ấp Bắc, Vann bỗng nghi ngờ. Anh chợt nghĩ quân Việt cộng chống trả lính bảo an ở phía nam có lẽ chỉ là một trong những yếu tố của lực lượng quan trọng hơn đã rút lui trước bước tiến của các đơn vị phía bắc. Nếu như vậy ấp Bắc sẽ là nơi tập hợp quân hợp lý. Anh quan sát thôn ấp và những hàng cây trong 15 phút. Phi công lái chiếc máy bay nhỏ bay ngang dọc ở độ cao 100 mét, kiêu hãnh như một con chim ưng trên bầu trời. Rồi theo

đề nghị của Vann, anh đâm thẳng xuống bay là là trên ngọn cây.

Dù đã có kinh nghiệm, Vann không thấy một ai trừ việc dựa vào làn đạn bắn tung tóe xung quanh lính bảo an, đoán chừng hàng ngũ Việt cộng ẩn nấp ở phía nam. Những Việt cộng khác ẩn trong hầm cá nhân dọc con kênh tưới ở phía tây để chiếc máy bay nhỏ bay lượn, kìm nèn ý muốn bắn vì đã biết cuộc đọ sức. Tuy ấp Bắc có vẻ tĩnh lặng, Vann vẫn nghi ngờ rặng cây phía tây. Anh liên lạc với chiếc L-19 khác chỉ đường cho 10 chiếc máy bay lên thẳng H-21 chở đại đội dự phòng thứ nhất. Những chiếc H-21 nặng nề được bổ sung nằm trong những chiếc máy bay lên thẳng chiến đấu mới vừa nhận của Hoa Kỳ. Uy nghi, năng động trên bầu trời, nhanh chóng nhờ động lực mạnh, những chiếc HU-1A này được phi công gọi là “Huey “, trang bị hai súng máy 7,62 ở mỗi bên dưới thân máy bay và những giỏ rốc két. Người phi công cùng đi điều khiển bằng điện những súng máy qua một bảng ngắm nhả đạn cùng rốc-két ngay tại chỗ ngồi. Vann chỉ thị cho trưởng phi công những chiếc H-21 đổ đại đội dự phòng xuống cách hai hàng cây phía nam và phía tây 300 mét. Anh cũng chỉ rõ một con đường có thể vào ra trong vùng ít nguy hiểm nhất.

Những báo cáo có hệ thống trong năm 1962 giữa các nhà quân sự Mỹ không được xác định chặt chẽ. Các đơn vị máy bay lên thẳng cho rằng họ không phụ thuộc vào các cố vấn Mỹ. Ngoài ra, Vann bị phần đông phi công ghét do phong cách chỉ huy và kinh nghiệm bay luôn đẩy anh đến chỗ khẳng định quyền lực của mình. Có lẽ họ không lưu ý đến những chỉ dẫn của một cố vấn bình thường nhưng với Vann, họ muốn chứng tỏ biết rõ hơn anh về máy bay lên thẳng và việc chọn chỗ đổ quân ở vùng đang chiến đấu. Phi công chiếc máy bay đi đầu không cần biết đến những chỉ thị của Vann và tiến đến một chỗ cách hàng cây phía tây 200 mét. Ba trăm mét Vann xác định cũ thể là khoảng cách tầm bắn của súng nhẹ cỡ 30 trở nên ít hiệu lực. Về tầm nhìn, làn đạn và những yếu tố khác, 100 mét là hoàn toàn khác giữa trúng và không trúng đích.

Trong lúc Vann truyền đi những lời chỉ dẫn, viên chỉ huy tiểu đoàn Việt cộng thông báo với đội quân của mình chuẩn bị bắn hạ máy bay lên thẳng. Nhân viên điện đài nghe làn sóng của Quân đội cộng hòa , đã báo cáo với ông máy bay sắp đến. 10 giờ 20 phút, sương mù đã tan. Những thân hình to lớn màu xanh đậm của những chiếc H-21 và Huey tách ra rõ ràng trong ánh sáng mặt trời.

Trung sĩ nhất Arnold Bowers, 29 tuổi, quê ở một vùng sản xuất sữa ở Minnesota, thuộc quân số Sư đoàn 101 vận chuyển hàng không, nghe tiếng rít của viên đạn đầu tiên đâm thủng vỏ nhôm chiếc máy bay lên thẳng lúc anh còn cách mặt đất 15 mét. Đã 8 tháng ở Việt Nam, lần đầu tham gia chiến tranh, anh chưa bao giờ đánh nhau ngoài vài trận mở màn với những tay súng bắn lẻ. Mặc dù tiếng động cơ ầm ào, anh tiếp tục nghe tiếng đạn xuyên qua thân máy bay

trước khi bánh xe máy bay đậu xuống ruộng và anh nhảy xuống nước đến đầu gối với trung úy Quân đội cộng hòa và những người khác.

Xa tiếng ồn động cơ, Bowers nhận rõ hơn tiếng chát chúa của vũ khí tự động và súng trường bắn ra từ tấm màn lá cây trước mặt. Đạn nổ bốn bên và rít bên tai. Anh lao về phía trước, bùn bám vào bốt, theo bản năng áp dụng những bài học người ta dạy cho là may mắn nhất để sống là nằm xuống bắn cho đến khi hạ được và giết chết đối thủ. Nhưng viên trung úy và lính bộ binh Việt Nam suy luận một cách khác. Họ nằm im phía sau con đê đầu tiên cách đấy 15 mét.

Trung sĩ Bowers kêu lên với trung úy phải bắn trả và di chuyển để ẩn nấp nếu không họ sẽ bị tàn sát trên đồng ruộng. Trung úy cho rằng ông không hiểu Bowers nói gì tuy khi họ trên đường ra đi thì tiếng Anh của ông nói rất sõi. Vả lại viên sĩ quan Việt Nam đã theo học trường bộ binh Fort Benning. Bowers là trung sĩ tác chiến của đoàn cố vấn nhưng anh luôn tình nguyện đi tuần tra và chiến đấu. Vann hoan nghênh lòng dũng cảm của anh, sáng hôm ấy hỏi có đi cùng các đơn vị dự phòng đang thiếu cố vấn Mỹ và Bowers đã nhận lời. Anh lại kêu lên với viên trung úy. Người sĩ quan Việt Nam nhìn anh với đôi mắt sợ hãi rồi nằm dí xuống đất bùn để phơi người ít nhất trước làn đạn.

Bowers nhìn về bên phải mình thấy một trung sĩ Quân đội Cộng hòa đã xuống từ một máy bay khác dẫn đầu một trung đội đi về hàng cây phía nam. Họ cúi gập người tiến lên phía sau con đê. Anh nhảy về hướng của họ, không bận tâm về làn đạn, đi thật nhanh trong bùn, vừa cúi người đi theo viên trung sĩ. Anh muốn trung đội tiếp tục tiến lên không ngập ngừng dừng lại. Anh nhận thấy trong các cuộc hành quân trước, các hạ sĩ quan Việt Nam khác với các sĩ quan, hình như hoan nghênh việc người ta giúp đỡ và xem một trung sĩ Mỹ có mức độ cao hơn họ để chịu trách nhiệm nếu tình hình xấu đi. Anh cũng nhận xét đấy không phải là những người thành thị như các sĩ quan mà là những nông dân trước đây thích chiến đấu hơn.

Vừa bò anh vừa nghĩ điều gì sẽ xảy ra. Anh tiến lên cùng trung đội về hướng cây cối phía nam, cố vòng về phía sau Việt cộng ở phía tây. Khi anh đã khởi xướng, những trung đội khác đi theo họ. Có cây cối bảo vệ ít nhất họ cũng thiết lập được một căn cứ nhằm bắn, đỡ được sức ép dồn lên đại đội trên đồng ruộng quân du kích đang tập trung hỏa lực vào. Càng tiến lên càng ít đạn rít quanh mình. Họ đã đi được khoảng 150 mét, tới gần hàng cây thì Bowers bỗng thấy một bóng người chạy luồn qua cây, suy đoán ngay đó là một liên lạc viên Việt cộng. Người kia lo làm nhiệm vụ, không trông thấy họ. Bowers không được báo trước tình hình ấp Bắc trước khi lên máy bay và không biết Việt cộng bố trí ở bờ xa con suối anh đang đi tới. Thấy người liên lạc, anh hiểu có lẽ họ ở đấy. Điều đó không làm anh bận tâm tuy không trang bị vũ khí đầy đủ lắm : anh chỉ có một

khẩu tiểu liên với hai băng 30 viên đạn. Nhưng khi đã vào trong hàng cây họ có thể dựa vào cây cối tự bảo vệ như Việt cộng.

Bỗng viên trung sĩ, phía sau anh 15, 20 mét gọi anh bằng tiếng Việt lẫn tiếng Anh bồi. Bowers nhìn lại. Viên trung sĩ ra hiệu cho anh trở lại, chỉ điện đài mang theo và hướng viên trung úy phía sau để giải thích có lệnh quay trở lại. Bowers thốt ra "Đồ thối". Anh giơ tay ra hiệu cho trung sĩ tiến lên và tiếp tục cúi người vươn tới hàng cây. Được mấy mét, anh ngoái cổ nhìn. Chỉ còn một mình anh. Trung sĩ và cả trung đội đã lại chỗ trung úy.

Từ trên máy bay thám thính, Vann bất lực nhìn những chiếc trực thăng nối tiếp nhau bị bắn hạ. Đã nhiều tháng nay các sĩ quan Việt cộng huấn luyện người của họ, dự kiến một sự kiện bất thần như thế. Cuối mùa hè trước, một phi công H-21 ngạc nhiên thấy một người Việt ở chỗ trống quỳ một chân xuống đất ở phía trước khoảng 75 mét. Anh ta nâng súng chĩa vào người Mỹ đứng ở cửa máy bay. Trong lúc người chỉ huy máy bay nắm lấy khẩu tiểu liên, anh Việt cộng thay vì lợi dụng cơ hội ngắm bắn thì hướng súng vào phía trước chiếc trực thăng bắn vào không khí hai lần. Kinh ngạc, người Mỹ định thần lại và bắn chết anh. Anh Việt cộng ấy bắt đầu không tốt nhưng những người khác sẽ làm đúng hơn. Người ta đã thử kỹ thuật bắn khác nhau mà những người săn bắn dùng để hạ vịt, ngỗng đang bay bằng súng trường. Vận dụng vào chiến tranh chỉ cần bắn máy bay khi đã vào trong tầm đạn. Những cán bộ Vann thấy gần biên giới Campuchia ngày 20 tháng Bảy đã dạy kỹ thuật này cho những người sử dụng súng máy 50 cũng như những người được trang bị súng riêng lẻ. Những bản sao được phân phát cho tất cả để giải thích cách tính góc bắn tùy theo tốc độ máy bay : tốc độ càng lớn góc bắn càng lớn, thay đổi từ chiếc H-21 chậm đến chiếc Huey nhanh hơn, thậm chí cả máy bay ném bom mà sĩ quan Việt cộng cũng cho là dễ đánh miễn tính đúng tầm bắn. Đối với một chiếc H-21, lúc tốt nhất là chờ nó bay chậm lại để hạ xuống. Một bài viết giải thích : "Bình thường, góc bắn tốt nhất trong trường hợp này là bắn đón một khoảng cách bằng hai phần ba thân máy bay". Tất nhiên mọi tính toán góc bắn trở thành vô ích khi chiếc trực thăng đã đậu xuống đổ quân.

Những sai sót con số trong cuộc chơi phỏng đoán này không quan trọng. Điều chủ yếu là khắc sâu vào tâm trí chiến sĩ khái niệm bắn đón. Huấn luyện viên tập dượt cho họ không ngần ngại thực hiện điều đó. Để tiết kiệm đạn dược, việc tập luyện tiến hành ở những trại bí mật ở Đồng Tháp Mười với đạn giả bắn vào các hình mẫu trực thăng hoặc máy bay các tông lướt dọc theo một sợi dây cáp giữa hai cây to. Để xác định chất lượng bắn phía trước các mô hình, chiến sĩ dựa vào đường đạn vạch xanh đỏ đặt đều đặn trong bộ phận nạp đạn. Việc luyện tập đặc biệt kỹ đối với những người sử dụng súng máy hạng nặng, có khả năng bắn hạ

máy bay tiêm kích – ném bom.

Các sĩ quan nhấn mạnh cần tự kiềm chế cho đến lúc cả một tiểu đội, trung đội hoặc đại đội có thể cùng bắn. Đợt bắn tập trung có nhiều may mắn làm hư hỏng hoặc hạ được máy bay.

Trưởng phi đội H-21 không thể phục vụ nhiều hơn cho Việt cộng khi không nghe theo chỉ thị của Vann. Do người ta báo trước có "Victor Charlies "dưới hàng cây phía nam, anh suy ra ở phía tây không có, bắt đầu hướng dẫn những chiếc trực thăng của anh về biên giới phía tây của Tân Thới. Các chiến sĩ Tiểu đoàn 514 nổ súng trong lúc các đồng chí ấp Bắc của họ được kích thích đột xuất vì nghĩ những con "chim sắt "đến trong tầm bắn của mình. Mười chiếc H-21 tiếp tục bay phía trên hàng cây của kênh tưới rồi quay lại lần lượt đậu xuống ruộng ngập nước cách khoảng 200 mét. Hàng ngũ Việt cộng đủ thời gian tự kiềm chế sự kích thích và nỗi lo sợ ban đầu để bình tĩnh điều chỉnh tầm bắn.

Ngay khi loạt súng bắt đầu, các phi công phụ của năm chiếc Huey hộ tống điều chỉnh súng dội đạn súng máy và rốc két vào hàng cây. Bình thường điều này buộc đối thủ câm lặng nhưng lần này Việt cộng bắn trả hàng loạt. Đạn súng máy của họ nhắm vào những chiếc Huey từ khi chúc xuống, đuổi theo suốt đường bay cho đến khi ra ngoài tầm bắn. Phi công trực thăng không nhắm chính xác được, cành lá cây che khuất những chiếc hầm cá nhân nên các loạt đạn không có hiệu quả. Hơn nữa, họ kinh ngạc về việc bắn trả bất ngờ và đạn pháo đâm thủng máy bay họ.

Mỗi chiếc H-21 bị bắn trúng nhiều lần. Những chiếc cuối cùng bị nặng nhất vì đích bắn ít đi, Việt cộng bắn tập trung hơn. Một chiếc trực thăng, nhất là thân to như H-21, có thể trúng nhiều đạn vẫn hoạt động được miễn không bị bắn vào cơ quan sống còn. Tất cả những máy bay đều lại cất cánh trừ một chiếc. Phi công điện báo không điều khiển được nữa. Anh tắt máy và cùng với phi công phụ, hai nhân viên tổ lái xuống nhập vào Quân đội Cộng hòa trên ruộng đất.

Trong giai đoạn ngắn, sự ngây ngô cho rằng chiến tranh là một cuộc phiêu lưu, chấm dứt vào ngày hôm ấy. Các tổ bay trực thăng gắn bó với nhau theo một nguyên tắc rất chặt chẽ về tình đồng đội : mọi tổ bay bị bắn hạ phải được cứu ngay dù họ ở trong những toán quân Sài Gòn gần đấy. Vì thế một trong những chiếc H-21 trở lại tìm các bạn. Nó đậu xuống chỗ tồi tệ nhất, giữa chiếc máy bay bị hạ và con đê. Chiếc máy bay bị Việt cộng bắn bất động ngay.

Nguyên tắc về tình đồng đội khiến người ta muốn tiến hành một cuộc thử sức mới, lần này gồm hai tổ lái. Viên chỉ huy phi đội Huey thông báo qua điện đài ông ta sẽ làm việc đó. Ông hạ độ cao bay trên xác hai chiếc máy bay để nhìn rõ người trên mặt đất trong lúc những chiếc Huey khác bắn khắp các phía, cố gắng vô hiệu hóa lửa đạn của Việt cộng. Chỉ huy phi đội hạ cánh xuống phía sau hai

chiếc H-21 che chắn làn đạn cho ông. Khi lại gần, tốc độ máy bay giảm mạnh đến mức ông lơ lửng một lúc trên không. Tiếng súng nổ được tăng cường ngay, các loạt đạn không ngừng xuyên qua máy bay cho đến lúc trúng bánh lái chính. Chiếc Huey nhào về bên phải, vỡ tan trên ruộng phía sau hai chiếc kia 50 mét. Việt cộng vừa lập được một kỷ lục mới. Trong năm phút, họ bắn hạ 4 trực thăng vì một chiếc H-21 khác bị thương nặng buộc phải hạ cánh trên ruộng cách đấy một cây số, tổ lái không bị thiệt hại được cứu thoát. Mười lăm chiếc máy bay bị bắn trúng nhiều lần , chỉ còn một chiếc Huey là còn nguyên vẹn.

Bowers đứng dậy chạy lại chỗ thảm họa. Nước ở đây cạn hơn, chỉ còn đất ướt gần những xác máy bay nên anh tiến đến nhanh hơn. Khi anh lại gần, động cơ phản lực nổ một tiếng lạ lùng. Thoát khỏi trọng lượng chiếc chong chóng lớn nhất, nó quay tít mù tại chỗ. Bowers sợ nó nóng đỏ lên, nổ và bắn lửa vào bình chất đốt. Phi công ngồi ghế bên trái ra được, lảo đảo tiến về một mô đất anh nghĩ có thể tránh đạn. Bowers kêu lên gọi anh nhưng không được trả lời. Anh hiểu, anh ta quá hoảng hốt không thể giúp anh cứu phi công kia và trưởng tổ lái vẫn còn trong máy bay.

Chiếc trực thăng gần như bị lật ngược lại. Cánh cửa bên phải gãy nát từng phần, Bowers đẩy được chiếc cửa sổ đủ để mở thắt lưng người phi công và đưa anh ra ngoài. Anh ta cũng bị chấn động mạnh và bị một vết cắt ở chân nhưng còn khá ý thức để quàng cánh tay vào cổ Bowers và dựa vào người cứu mình khập khiễng bước lại chỗ mô đất.

Bowers chạy trở lại tìm trưởng tổ lái, một trung sĩ da đen già tên là William Deal. Động cơ phản lực vẫn phát ra tiếng động lạ và thỉnh thoảng lại một viên đạn Việt cộng đập nát vào thân máy bay. Deal bị buộc chặt vào chiếc đại ghế phía sau khẩu súng máy. Ông thực tế bị treo ngược do góc lật của chiếc trực thăng. Hy vọng duy nhất đưa ông ra trước khi máy bay nổ tung là kéo phía trước. Bowers chui vào trong, nghĩ rằng Deal bất tỉnh sau cú sốc. Những chiếc mũ nhựa của phi công được trang bị máy nghe và ống nói để nghe đài và liên lạc nội bộ. Sợi dây mũ của Deal rối tung. Anh bỏ chiếc mũ ra, thấy mình đã cố gắng cứu một người chết. Deal đã nhận một viên đạn vào đầu, chắc là chết ngay.

Động cơ phản lực dứt hẳn những tiếng ồn đáng sợ : chắc bị cháy không nổ. Bowers quyết định dù sao cũng đưa Deal ra khỏi xác máy bay. Công việc ở trang trại và trong quân đội đã tôi luyện anh , người có thân hình một nông dân to khỏe. Bố mẹ anh người Ireland và Đức đến đời thứ ba di cư sang Minnesota sau khi trải qua những mỏ than ở Bắc Dakota. Anh cao hơn Vann, gầy và tay dài nhưng cũng cứng cáp, thanh mảnh như thế. Ngược lại, Deal to lớn và nặng, không dễ dàng đưa ông ta ra ngoài. Bowers khó khăn xóc nách, kéo ông trong ruộng ngập người, ngón tay bấu vào bộ đồng phục xám của ông. Tiếng nổ giống

tiếng súng ba-dô-ka Việt cộng bắn bống làm Bowers hiểu ra việc làm của mình là kỳ cục. Anh tự nhủ "Mẹ kiếp, mình chẳng làm gì được cho ông ta. Ông ấy chết rồi". Anh để xác ông tại ruộng, không có cảm giác bất kính vì ở chỗ ấy đất khô ráo.

Cuộc chiến tranh này của nước Mỹ lần đầu tiên được đưa lên truyền hình, con trai Deal 7 tuổi, thấy (ở New Jersey chỗ ông ở) bố mình trên màn hình cùng một ngày được tin ông tử trận. Cả gia đình tập trung xem một phóng sự về hình ảnh cuộc hành quân trước. Đứa bé kêu lên với mẹ. "Mẹ nhìn xem ! Bố đấy". Sáu giờ sau đó người ta chuyển đến bức điện của Lầu Năm Góc.

Bowers bò lại chiếc H-21 thứ hai bị bắn hạ, thấy một thành viên tổ lái ngồi trong nước bên cạnh bánh xe máy bay. Tiếng nổ Bowers cho là tiếng đạn ba-dô-ka nói lên ý định của viên chỉ huy Việt công tuyên dượng sự thành công của quân mình. Ông muốn thiêu cháy vỏ những chiếc trực thăng, đã cử một trung đội đến hàng cây phía bắc, hi vọng đốt cháy những chiếc máy bay bằng lự đạn do súng bắn ra. Bowers nghe tiếng nổ của một trong những lựu đạn ấy. Nhưng trực thăng nằm ngoài tầm và lựu đạn tung ra nổ trên không, không trúng đích. Đốt cháy máy bay có một tác động tâm lý lớn nên viên chỉ huy tiểu đoàn không bỏ dự định của mình. Thậm chí ông hy sinh sáu đạn pháo 60 quý giá, vũ khí nặng nhất ông hiện có. Những viên đạn cũng không trúng đích, chỉ nước và bùn tung tóe lên vì vào năm 1963, những người sử dụng chưa có đầy đủ kinh nghiệm. Khi Bowers đến bên chiếc H-21, người ta đã thôi bắn.

Chàng trai ngồi xổm trong nước bên cạnh bánh xe là một binh nhất bắn súng máy phía sau. Anh giải thích phi công đã đến chỗ các toán quân Quân đội cộng hòa phía sau đê, bỏ anh lại cùng anh bạn, trưởng tổ lái Donald Braman, 21 tuổi, bị thương nằm lại bên trong. Anh chỉ hàng cây nói :"Tôi không đưa anh ấy ra được. Mỗi lần tôi thử trèo lên, chúng bắn ngay". Bowers bảo anh ta bò lại chỗ đê các phi công đang ẩn nấp cùng viên trung úy Việt Nam để anh lo việc anh bạn.

Khi Bowers đứng dậy vào trong máy bay, Việt cộng trông thấy và nổ súng. Nhưng thân chiếc H-21 cắm trong ruộng khiến họ bắn quá cao. Khi Bowers vào bên trong thì họ mất hút. Hàng loạt đạn nổ phía trên thân máy bay có cái gì đáng sợ nhưng Bowers tự nhủ mình có may mắn đạn bắn không trúng nếu đứng trên đất chỗ Braman nằm dài giữa hai cánh cửa. Việt cộng nhanh chóng thôi lãng phí đạn trên một chiếc máy bay chết.

Braman còn hoàn toàn sáng suốt, hình như không bị thương nặng. Anh trúng đạn trong khi cuồng nhiệt bắn súng máy vào Việt cộng lúc hạ cánh, bắn hết một băng đạn, đang cúi xuống nạp đạn thì bị bắn vào vai. Bowers cắt bộ quần áo bay để xem kỹ vết thương. Có vẻ không nặng. Viên đạn nguồn gốc Mỹ gây một vết thương sạch sẽ, vào từ đầu vai thoát ra chỗ xương bả vai. Có máu ở lỗ ra nhưng

tương đối ít. Binh lính nói chung có những mảnh băng khẩn cấp. Bowers dùng mảnh băng của Braman bịt lỗ đạn vào và lấy cái của anh đắp vào vết thương dưới bả vai, dùng một đoạn băng quàng qua cổ và vai để giữ những băng dán tại chỗ. Anh đặt Braman nằm xuống đất để ép chặt vết thương ngăn máu chảy. Bowers nhận thấy người bị thương vào trong máy bay sẽ được an toàn hơn nằm trên ruộng nước bẩn có thể làm vết thương nhiễm trùng. Anh giải thích và Braman hiểu ra ngay.

Bowers cho Braman uống nước trong bình của mình rồi nằm dài cạnh anh ta mấy phút nói chuyện. Anh thấy chàng trai cố giữ bình tĩnh và muốn giúp anh ta. Braman rút ví trong túi ra để trên sàn, dùng bàn tay khỏe lấy chiếc ảnh vợ ép túi nhựa và nói :

- Này anh, tôi mong muống có thể trở về nhà gặp lại cô ấy.
- Anh yên tâm, không bị thương nặng. Mọi việc sẽ rất tốt và người ta sẽ đưa anh ra.

Bowers nói bây giờ anh phải đi nhưng không đi xa và không bỏ rơi đồng đội. Anh bò lại cửa , lăn xuống ruộng vừa bắn ngay một loạt đạn.

Viên trung úy Quân đội Cộng hòa lại hiểu rõ tiếng Anh khi Bowers lại gần và hỏi ông vì sao ngắt việc tấn công bên sườn vào hàng cây phía nam. Viên trung úy giải thích phải tập trung quân trong tình thế ấy. Bowers nhận thấy suy luận đầu của anh đúng, đại đội ở lại trên đồng ruộng sẽ bị thiệt hại hơn rất nhiều việc tấn công, Không động đậy gì cho phép Việt cộng trước hết tập trung bắn vào trực thăng sau đó bình tĩnh tấn công đại đội. Do một số lớn người chết và bị thương bị bắn vào lưng và mông, Bowers nghĩ một số đối thủ trèo lên cây bắn xuống nên trúng vào những người nấp sau mô đất. Con đê từ đó Việt cộng bắn ra không đủ cao để có góc nhìn cần thiết. Trung đội chiếm hàng cây phía bắc để cố bắn vào trực thăng cũng tham gia tàn sát cùng cánh sườn trái. Những binh lính sống sót của Quân đội Cộng hòa, bị thương hay không bây giờ áp sát vào nhau nằm dính xuống đất như trung úy của họ. Phần đông thậm chí không đáp lại những loạt bắn rời rạc của kẻ địch chỉ cốt làm nản lòng một số táo bạo như lính bảo an lúc sáng đưa súng lên cao hơn đê, bắn một loạt mù quáng. Để trả lời, hàng chục viên đạn đúng hướng nổ tan trên đê hoặc lướt trên đỉnh, đủ làm kẻ bạo gan hạ thấp vũ khí không hề muốn bắt đầu lại.

Bowers có ý kéo họ ra khỏi tình hình xấu này và chuyển Braman cùng những người bị thương khác ra khỏi đó. Phải dùng trọng pháo và máy bay kéo Việt cộng ra khỏi chỗ ẩn nấp sau đê. Anh không trông thấy Việt cộng (suốt cả ngày chỉ thấy ba người) nhưng qua tiếng nổ và làn đạn, họ chỉ có thể dưới hàng cây của con đê. Viên trung úy Việt Nam có một điện đài nhiều làn sóng. Trước khi lên máy bay, người ta đã cần thận cho Bowers biết làn sóng của Vann sử dụng

trong chiếc L-19 liên lạc với Ziegler ở trung tâm chỉ huy sư đoàn và mật hiệu của Vann “Topper Six”. Bowers sẽ dùng đài của viên trung úy tiếp xúc với Vann, giải thích vị thế đáng buồn của đại đội và các tổ lái để anh chỉ thị cho trọng pháo và máy bay. Bowers đã quen thuộc vấn đề này. Anh đã là người quan sát rồi trung sĩ trong một đại đội súng cối. Trận địa súng cối và đại bác 105 ly được rải dọc những con đường chính của vùng đồng bằng về phía nam và con kênh về phía đông để bắn được khắp vùng. Bowers nói với trung úy anh cần đài phát của ông và giải thích lý do. Trước đây, việc sử dụng một điện đài Việt Nam không bao giờ được đặt vấn đề với người Mỹ nên Bowers không mang theo. Viên trung úy từ chối, nói phải luôn luôn trực làn sóng để nhận mệnh lệnh của sư đoàn mình. Bowers năn nỉ : trọng pháo hoặc việc tấn công máy bay sẽ cứu họ vì Việt cộng có thể xông ra và tiêu diệt họ. Viên trung úy khăng khăng từ chối.

Người quan sát trọng pháo sung vào đại đội, một thiếu úy có chiếc đài phát khác có nhiều làn sóng nằm dài cách chỉ huy đại đội 10 mét. Anh đang tiếp xúc với trạm chỉ huy trung tâm bắn súng của sư đoàn ở sân bay Tân Hiệp để chuyển mệnh lệnh cho các trận địa pháo. Thỉnh thoảng anh đề nghị bắn một loạt nhưng sợ quá, không ngẩng đầu lên nhìn đạn súng cối rơi xuống đâu để điều chỉnh tầm bắn trúng chỗ Việt cộng chiếm giữ như ý định của Bowers. Đạn rơi xuống ruộng giữa Việt cộng và đại đội. Bowers đã cùng hành quân với quan sát viên này, biết vốn tiếng Anh của anh ta rất hạn chế nên anh chỉ nói đơn giản :” Kéo dài thêm 100 mét!”. Người kia sợ hãi, có vẻ không nghe, không hiểu gì. Anh bò lại gần, bảo :” Đưa điện đài cho tôi! Tôi sẽ điều chỉnh tầm bắn!”. Quan sát viên và chỉ huy sư đoàn nói không thể ủy thác cho anh : quan sát viên phải thường xuyên tiếp xúc với trọng pháo. Bowers hiểu hai người sợ nếu anh nói vào điện đài, có lẽ họ sẽ nhận được lệnh cùng hoạt động, phải đứng dậy từ sau mô đất bảo vệ. Tám quả đạn súng cối như vậy là bắn vào khoảng trống. Lúc ấy, người lính mang đài sau lưng bị một viên đạn khác loại khỏi công việc làm. Người quan sát nằm vội xuống đất dúi người vào bùn.

Họ bất động trên đồng ruộng đã nửa giờ bỗng trên bầu trời xuất hiện hai bóng máy bay ném bom Skyraider cho thấy khả năng được cứu. Chiếc thứ nhất thả napalm không trúng Việt cộng, rơi phía sau kênh tưới, xuống những chiếc nhà tranh mà một số đã bị máy bay Huey đốt cháy. Nhưng nắng gay gắt đến nỗi trên toàn cánh đồng thật khó thở. Chỗ họ nằm không khí rất nặng nề. Bowers tự nhủ những người trước mặt họ, gần lửa hơn, làm sao chịu đựng được nắng nóng ngột ngạt này. Anh nhổm dậy xem Việt cộng có chạy trốn không. Nhiều lính bộ binh Sài Gòn nghĩ rằng thử thách đã qua cũng đứng dậy để nhìn cảnh máy bay bắn và bỏ bom xuống những mái nhà đang cháy. Bỗng nhiên bên cạnh Bowers hai người lính bị bắn ngã xuống chết ngay. Những người khác lại nằm vội xuống

đất. Bowers ngồi xổm một lúc. Anh không chắc Việt cộng vẫn ở lại, quan sát hàng cây để phát hiện một dấu hiệu hoạt động. Không thấy động tĩnh gì. Xem ra Việt cộng vẫn ở đấy. Lần đầu tiên từ khi đến Việt Nam, Bowers bắt đầu cảm thấy khâm phục Việt công.

- Nào, đưa điện đài cho tôi ! Anh kêu lên với viên trung úy. Phải thiêu sống chúng ! Tôi sẽ bảo máy bay ném napalm xuống ngọn cây.

- Không, không, viên trung úy lắc đầu trả lời. Napalm gần quá, gần chúng ta quá !

Có một lúc Bowers đã hình dung bắn hạ viên trung úy để lấy chiếc đài như anh có lẽ sẽ làm đối phó với một sĩ quan Mỹ hèn nhát để đại đội lính dù gặp nguy hiểm nhưng rồi anh bỏ ngay ý nghĩ ấy. Anh tuân lệnh như mọi hạ sĩ quan tốt khác. Quân đội đã nói với anh ở Việt Nam anh chỉ là một cố vấn, không có một quyền chỉ huy nào và đấy không phải "cuộc chiến tranh của họ". Trong tuần lễ đào tạo anh theo học ở Carolina Bắc, trước khi anh ra đi vào tháng Ba trước, anh nhận được chỉ thị xử sự "tế nhị và ngoại giao" với những người Việt Nam. Anh nhìn dọc theo con đê : những lính bộ binh sững sờ dán chặt xuống đất. Nếu Việt cộng bỏ chỗ ẩn nấp xông ra, không thể tập hợp được những người này đứng lên tự bảo vệ và họ sẽ bị giết hết. Lúc ở trên trực thăng băng bó Braman, anh thấy một gói thuốc lá và bao diêm trong hộp, đã bỏ vào túi áo. Anh bỏ hút thuốc lá đã một tháng nay, cược với trung sĩ bạn một chai Whisky nếu anh hút lại. Bây giờ điều đó không quan trọng nữa. Anh nằm dài ra đất, đầu gối lên đê châm một điếu thuốc hút.

Trên chiếc ghế sau của chiếc máy bay thám thính nhỏ, Vann bị tù túng, sôi lên vì giận và ức chế. Một trong những cố vấn của anh và ba tổ lái trực thăng đã rơi xuống và thậm chí anh không biết họ chết hay bị thương. Những người Mỹ ấy và lính bộ binh Quân đội Cộng hòa trong sư đoàn anh đang có nguy cơ bị tiêu diệt mà anh không thể tìm ai đi cứu họ.

Ngay khi chiếc Huey bị bắn hạ, anh đã mở đài đặt giữa hai chân theo làn sóng của đại úy James Scanlon và Robert Mays. Đấy là những cố vấn của đại đội vận chuyển những toán xe bọc thép M-113 anh nắm được cách một cây số rưỡi về tây bắc. Scanlon, 31 tuổi, nhỏ người và gân guốc, kà cố vấn trung đoàn xe bọc thép Mỹ Tho do tỉnh trưởng Thọ chỉ huy. Mays, 32 tuổi, một người Texas đi õng ẹo nói năng kín đáo, là phó của Scanlon và cố vấn cho đại úy Lý Tòng Bá, chỉ huy đại đội M-113.

"Valrus, Toppers Six đây. Tôi muốn nói với anh". Vann thả nút bấm để Mays hoặc Scanlon có thể trả lời".

"Topper Six. Valrus đây. Tôi nghe anh". Đấy là Scanlon và "Valrus" là mật

danh điện đài của các cố vấn M-113.

“Valrus, tôi có ba, tôi nhắc lại, ba trực thăng bị bắn hạ và một đại đội bộ binh bị cầm chân trên đồng ruông phía đông nam các anh, ở ba, không, chín, năm, ba, chín”. Vann nhắc lại tọa độ trên bản đồ để chắc chắn Scanlon hiểu rõ. “Nói với người phối hợp với anh (rõ ràng nói về đại úy Bá) cử nhanh xe tăng đến đấy. Làm sao cho ông ta hiểu tình hình khẩn cấp. Anh nói đi”.

- Hiểu rõ, Topper Six. Còn gì không ?
- Topper Six đây. Hết

Vann bảo phi công L-19 đâm xuống lượn trên xác máy bay và lính bộ binh nấp sau đê. Anh nhận thấy Quân đội Cộng hòa không có một cố gắng đáp lại cái mà anh gọi trong một báo cáo của anh “lưới lửa sấm sét” xuất phát từ hàng cây phía tây ấp Bắc. Tiếng nổ của đạn súng máy và đạn lửa thỉnh thoảng lóe lên xung quanh thân máy bay làm người ta hiểu rõ Việt cộng muốn có máy bay thêm vào tấm bảng săn bắn của họ nhưng thân hình hẹp và ngắn của nó là một mục tiêu khó trúng hơn nhiều so với trực thăng. Vann thuyết phục phi công lướt qua lưới đạn với vài vòng phụ để nắm rõ hơn tình hình đại đội và những tổ lái Mỹ. Chiếc máy bay nhỏ lướt đi nguyên vẹn.

Trong lúc họ lấy lại độ cao sau vòng bay cuối cùng, Scanlon trở lại điện đài với những tin xấu :

- Tôi có một vấn đề, Topper Six. Người phối hợp với tôi không muốn nhúc nhích.
- Quân nhà thổ ! Hắn không hiểu rất khẩn cấp à ?
- Tôi đã mô tả tình hình đúng như anh nói nhưng ông ta trả lời “Tôi không nhận mệnh lệnh của người Mỹ”.
- Được rồi. Tôi sẽ gọi lại, Valrus.

Vann chuyển làn sóng để gặp Ziegler ở lều chỉ huy gần đường bay Tân Hiệp. Anh vắn tắt giải thích những gì xảy ra và bảo đề nghị đại tá Đạm ra lệnh cho đại úy Bá đưa những chiếc M-113 đến ấp Bắc ngay. “Tình hình tuyệt đối gay cấn”. Vann nằn nì. Qua những cuộc nói chuyện điện đài, mọi người ở trại chỉ huy đã biết trực thăng bị thiệt hại. Một lúc sau, Ziegler trở lại báo cáo cho Vann rằng Đạm đã chấp nhận và đang ra lệnh qua làn sóng của sư đoàn.

Ở vị trí 300 mét phía trên ấp Bắc, Vann có thể thấy những khối chữ nhật to lớn của 13 chiếc xe bọc thép. Anh đề nghị phi công bay trên chúng, đổi làn sóng gọi lại Scanlon, lưu ý anh này về cột khói bắt đầu lên từ những nhà bị cháy ở ấp Bắc.

“Nói với người phối hợp của anh, tôi chuyển một mệnh lệnh của chỉ huy sư đoàn ông ta, Vann nói. Ông ta phải hướng đoàn xe tới cột khói ấy. Và phải đi ngay !”.

Đại úy Bá cho đơn vị mình lên đường tới ấp Bắc. Nhưng hầu như ngay sau đó, họ bị một con kênh bờ rất dốc chặn lại. Một địa hình như thế là trở ngại duy nhất làm chậm bước tiến của những chiếc M-113 trong vùng đồng bằng. Những xe lội nước lên xuống để qua sông không có vấn đề gì nhưng xe bánh xích không bám được vào bùn ở bờ đi lên để chuyển 10 tấn trọng lượng. Mọi người phải xuống , chặt cây và cành lót đường để chiếc xe đầu tiên bám vào bò lên, vùi hết cành cây vào bùn. Khi qua được rồi, nó phải kéo những xe khác bằng dây cáp cho đến khi tất cả vượt qua trở ngại. Con kênh phía trước mặt ít nhất cũng phải một giờ mới qua bên kia được. Cũng có khả năng tìm một chỗ khác bờ kênh thấp hơn và bánh xe có thể bám để vượt. Nhưng đại úy Bá không xoay sở gì. Ngược lại, ông ta để nhiều phút nói điện đài bằng tiếng Việt. Scanlon hiểu một ít, có cảm giác ông ta xin chỉ thị của cấp trên. Rồi Bá lại tránh né. Ông ta không muốn đi. Vượt qua con kênh sẽ rất lâu. Ông chỉ những hàng bộ binh đi trên ruộng gần đấy nói “Tại sao họ không cử bộ binh đi đến ?”. Những quân lính ấy thuộc Đại đội 3 của Sư đoàn từ phiá bắc xuống Tân Thới, vừa đổ quân hơn một tiếng đồng hồ. Do vận chuyển Đại đội 2, 3 chậm mất hai tiếng rưỡi, Vann thu xếp để trực thăng đổ họ xuống quá phía nam so với dự kiến ban đầu để liên lạc với đại đội đầu tiên đổ quân lúc 7 giờ 3 phút. Scanlon ngạc nhiên thấy Bá từ chối. Phong cách táo tợn của ông ta thường tương phản với sự thận trọng quá đáng của phần đông sĩ quan Quân đội Cộng hòa.

Lý Tòng Bá cùng tuổi với các đồng chức Mỹ, kém hơn Scanlon 10 tháng. Ông cùng chiến đấu với họ thay vì kháng cự vì ông là con một điền chủ giàu có vùng đồng bằng, trước đây phục vụ đế quốc Pháp vì rất tin tưởng. Bạn chơi của Bá là con trai những tá điền của bố ông. Ông đã chăn trâu cùng với họ, cưỡi lên lưng trâu, che nắng bằng chiếc nón cổ truyền vùng nông thôn mà bây giờ ông đề nát bằng những khối sắt to lớn của mình. Rồi ông vào học trường sĩ quan Huế và các bạn tuổi thơ của ông trưởng thành với những hướng khác nhau. Phần lớn trong bọn họ đi theo Việt Minh.

Bá là một người thông minh và trong một nước thường đàn bà được chú ý về sắc đẹp chứ đàn ông thì không, ông có một phong thái rất đẹp. Tổ tiên ông phần lớn là cư dân vùng đồng bằng : nhiều dòng máu Việt, một ít Trung Hoa và có lẽ cả Campuchia vì nước da đậm hơn. Bản tính ông vui vẻ, thực sự thích đánh nhau. Một xu hướng thái quá nào đó, có phần hơi anh hùng hắn đã dẫn ông chọn vũ khí bọc thép và những năm cuối cùng chiến tranh Pháp, chỉ huy một đơn vị cơ giới ở miền Bắc Việt Nam. Sau đó, ông tiếp tục được đáo tạo quân sự một năm ở trường Saumur Pháp rồi một năm nữa ở Mỹ, ở Fort Kanox bang Kentucky.

Scanlon ngạc nhiên ở chỗ trước đây không bao giờ Bá tỏ ra ngần ngừ. Nghe

nói có Việt cộng ở đâu đó, Bá xông tới liền. Đại đội M-113 của ông được mọi người xem là sự phối hợp vô địch giữa cơ động sắt thép và sức mạnh của lưới lửa. Người ta cho rằng Việt cộng có mấy khẩu ca-nông không giật cỡ 57 lý có thể bắn hạ xe bọc thép nhưng cho đến nay chưa có khẩu nào hoạt động. Những khẩu súng máy hạng nặng cỡ 50 bố trí phía trước 12 trong số 13 xe bọc thép của đại đội là những vũ khí đáng sợ mà những viên đạn bọc thép có thể xuyên qua mọi tường ngăn bằng đất hoặc cắt đôi những cây to. Người ta vừa trang bị cho chiếc xe thứ 13 một súng phóng lửa trục quay thay thế súng máy. Mỗi chiếc xe chở 12 người mang liên thanh Browning và M-1, được huấn luyện nhảy xuống tấn công địch phối hợp với tăng. Bá thường được cử đi hành quân đơn độc vì người ta cho rằng đơn vị của ông có thể chiến thắng tất cả những gì Việt cộng sử dụng. Giác quan chỉ huy, lòng can đảm của ông cộng thêm tác động của những con quái vật thép , như cuộc tàn sát ngày 18 tháng Chín đã thể hiên, đưa lại kết quả là đại đội M-113 giết và bắt sống Việt cộng nhiều hơn bất cứ đơn vị nào trong sư đoàn.

Bá tuyên bố không di chuyển và tốt hơn nên cử bộ binh tới gây ra nửa tiếng xô xát sôi động. Mays và Bá làm một cuộc đi bộ thăm dò nhanh, phát hiện thấy phía sau con kênh thứ nhất còn một con kênh thứ hai cũng dốc như thế. Phải mất hai tiếng đồng hồ đoàn M-113 mới vượt được quãng đường này. Bá dựa vào trở ngại này biện minh cho việc không di chuyển được. Scanlon và Mays hết sức kêu gọi tình cảm nhân đạo của ông vì ba tổ lái trực thăng và một đại đội bộ binh có nguy cơ bị giết hoặc cầm tù, nhưng ông không tỏ ra bị tác động.

“Chúng tôi không thể vượt qua kênh”, ông nói lại và cho rằng tiểu đoàn bộ binh sẽ đến được ấp Bắc nhanh hơn nhiều.

Scanlon và Mays cùng ngồi với ông trong một chiếc xe bọc thép nhanh chóng gào lên còn ông vẫn trả lời không. Vann bay vòng tròn phía trên họ, giận dữ với ba người cố thúc các cố vấn buộc Bá di chuyển đoàn xe, bảo thái độ của ông ta thật xấu hổ. Bá hiểu rõ tiếng Anh, nghe tất cả những gì Vann nói vì đài của họ có trang bị loa phóng thanh.

Scanlon có thể nhận thấy cơn giận của Vann qua giọng nói của anh càng gay gắt trong quá trình tranh cãi.

“Tôi bảo anh làm cái gì đó nhưng anh không làm gì cả ! Anh hét lên với Scalon. Tại sao anh không đá vào đít đồ đốn mạt ấy ? Hắn đã có lệnh của chỉ huy sư đoàn”.

Scanlon bèn nói với Bá :

- Ông sợ à ?
- Không,

- Thế tại sao không tới đó ? Chúng ta ở lại đây như những thằng ngốc để nhìn hai con kênh. Tôi chắc chắn nếu tìm đường chúng ta có thể thấy một chỗ khác vượt qua được.

Bá lặp lại lý luận của mình. Giọng nói của Vann mỗi lúc càng thé lên làm rung loa phóng thánh :

- Lạy Chúa, thật không tha thứ được ! Tay con hoang ấy có những chiếc xe bọc thép và súng máy hạng nặng mà sợ Việt cộng chỉ có vũ khí nhẹ. Có điều gì đó không ổn với tay ấy đấy ?

- Chúng tôi đã cố hết sức. Topper Six, Scanlon trả lời.

- Cố hết sức, thật bẩn thỉu ! Đấy là một trường hợp khẩn cấp. Mọi người ở đằng kia đang gặp nguy hiểm. Tôi muốn các anh buộc tay hèn hạ ấy nhúc nhích đít lên.

Scanlon biết Vann nổi xung khi người ta làm trái kế hoạch của anh. Cho đến nay, hình như luôn có quan niệm tốt của người phó nên tránh được những lời nói thô tục nhưng tình hình này hoàn toàn mới. Scanlon hình dung anh ngồi trên ghế sau chiếc máy bay nhỏ, nghiến răng, mặt giận dữ đỏ lên như nắng hun cháy sau gáy, đường gân nổi cả lên. Scanlon có khá nhiều kinh nghiệm để hiểu cơn giận của anh không chĩa vào cá nhân Mays và mình mà vì anh nghĩ cơ may thành công duy nhất là nhục mạ Bá và la mắng cố vấn của mình để tăng sức ép vào viên đại úy Việt Nam. Nhưng Scanlon nghĩ Bá có lý khi cho rằng bộ binh tới ấp Bắc nhanh hơn các loại vũ khí hạng nặng . Vann cũng như các sĩ quan ít quen với xe bọc thép không biết đến thời gian cần cho hàng chục tấn để qua một con sông và còn những con kênh nữa giữa con kênh này với ấp Bắc. Do biết rõ Vann, anh nghĩ cố vấn trưởng có những lý do khác để cố gặng và đề nghị xe bọc thép đảm nhiệm đi cứu. Về điều đó anh có lý nhưng anh sai lầm tưởng Vann không biết có vấn đề khi phải qua một con sông.

Chính vì hoàn toàn có ý thức về những việc đó mà anh càng thêm giận dữ. Tháng Chín trước anh đã yêu cầu một kíp thợ làm cầu nhỏ cho đại đội để bộ binh không phải dừng lại chặt cây và cành nhánh. Đề nghị ấy cũng như bao điều khác không được ban tham mưu Harkins đáp ứng. Anh phải cử xe bọc thép đến ấp Bắc vì anh biết dựa vào tiểu đoàn bộ binh không được việc gì. Khi chỉ huy của họ đã hiểu người ta đề nghị mình tấn công vỗ mặt Việt cộng trong hầm, ông ta sẽ bố trí để tiểu đoàn ông không bao giờ đến được ấp Bắc. Kết quả duy nhất là mở cho Việt cộng con đường rút về phía bắc. Xe bọc thép của Bá là cách cứu người của anh đồng thời tiêu diệt kẻ địch.

Còn một lý do khác để anh cáu kỉnh trút giận vào các cố vấn và Bá vì không thể nén được nỗi bực bội và thất vọng đã năm tháng rưỡi nay từ sự thất bại ngày

20 tháng Bảy. Nỗi giận dữ điên khùng của anh không ngừng phát triển sau khi Cao công khai gian dối về những cuộc hành quân. Anh đã báo trước ngày kết thúc sẽ đến nếu Harkins không buộc Cao phải chiến đấu và nếu để cho Việt cộng tự trang bị vũ khí từ các đồn tiền tiêu. Không có gì trong tất cả những điều ấy xẩy ra nếu tổng chỉ huy ở Sài Gòn nắm lấy trách nhiệm. Ngày tính sổ đã đến và viên đại úy đoàn M-113, một trong những sĩ quan hiếm hoi chấp nhận được trong quân đội mục ruỗng này bây giờ cũng xử sự như những con vật hèn hạ còn lại. Anh, John Vann, định dịch chuyển 13 con quái vật 10 tấn trên hơn một cây số đồng ruộng và kênh rạch để cứu vớt thảm họa, đơn giản chỉ vẩy chiếc đũa thần trong một chỗ ngồi quan sát. Anh hỏi lại Ziegler xem có đúng là Đạm đã ra lệnh cho Bá tiến lên không. Đạm xác nhận. Nhưng người ta chẳng bao giờ chắc chắn những tay ấy nói gì trong đài. Họ nói dối với mọi người, kể cả với chính họ.

Điều mà Vann không biết vì trong cơn giận anh không còn lập luận sáng suốt để hiểu thái độ ngập ngừng của Bá, đó là sự sợ hãi vô cớ về một cuộc đảo chính Diệm và gia đình đã làm Bá tiếng thoái lưỡng nan đến mức nào. Mệnh lệnh của Đạm không đủ mà phải từ thiếu tá Thọ. Nhưng không ai dám hỏi ông này. Trước tháng Chạp, đại đội của Bá trực tiếp thuộc về Sư đoàn 7. Tổng thống Diệm nhận ra rằng dù xe bọc thép không có hiệu quả bằng xe tăng trong trường hợp có đảo chính, chúng cũng là một yếu tố nguy hiểm để lật đổ chế độ. Ông bèn quyết định tìm một bảo đảm mới chống nguy cơ này. Khi tổ chức lại các lực lượng quân đội trong tháng Chạp, ông rút hai đại đội M-113 vùng đồng bằng thuộc sư đoàn để sát nhập vào trung đoàn bọc thép của Thọ. Đạm đã ra lệnh cho Bá tiến về ấp Bắc nhưng Bá không tiếp xúc được với Thọ hỏi để xem có đồng ý không và ông ta sợ di chuyển mà Thọ không phê chuẩn. Theo ông biết, phủ tổng thống không hài lòng về những sự kiện ấp Bắc. Với quyền lợi cá nhân, có lẽ Thọ không muốn một trong những thuộc hạ của mình tham gia vào đó. Nếu ông tiến đến và Thọ không đồng ý, ông có thể bị quở trách hoặc thải hồi. Sự nghiệp của ông đã bị cản trở vì những lý do chính trị. Ông theo đạo Phật, và đã bị kết tội bất công có cảm tình với những người cầm đầu cuộc đảo chính không thành năm 1960. Tuy ông đã được minh oan, Diệm vẫn theo dõi ông và chậm bổ nhiệm lên cấp bậc cao.

Có lòng can đảm nhưng Bá là một người khôn ngoan. Không phải một con người tất cả vì nghề nghiệp như Vann. Ông đã là một sĩ quan trong quân đội thuộc địa thua trận và bây giờ chiến đấu cho một chế độ bảo thủ. Ông xử sự đúng như một người được đào tạo trong một hệ thống mà kho có nghi ngại, tốt nhất là chẳng làm gì cả. Ông không làm gì.

Lời mắng chửi của Vann qua đài chỉ làm sự việc tồi tệ thêm và càng tăng sự chống đối của Bá, ngoài lòng tự ái cá nhân đã đến chỗ bực tức về tính cách bề

trên của những người Mỹ ấy. Vann vẫn thân mật với ông, quan hệ của họ thẳng thắn và dễ dàng trừ những lúc Vann quá độc đoán. Lúc ấy Bá thấy anh đặc biệt dễ ghét. Bá không thể biết lời nói tục tằn của anh do những cảm xúc bị kìm nén và bản thân anh cũng tù túng do hệ thống Mỹ. Trong quân đội Hoa Kỳ, khi tình hình chiến đấu trở nên khủng hoảng và một sĩ quan cấp trên chịu trách nhiệm, ông ta ra những mệnh lệnh ngắn gọn và mọi người thực hiện ngay. Trong tình huống xấu hiện tại, Vann không thể ngăn mình trở lại thái độ ấy.

Sau nửa tiếng kêu van, Bá mềm lòng và để Scanlon lên một chiếc xe bọc thép đi về phía nam, cố tìm một chỗ dễ vượt qua mà ông đã xem xét trước khi bị tắc nghẽn bởi hai con kênh. Vann lại bay đi, thử cố gắng làm cho đội quân bảo an tiến lên đánh bật Việt cộng ra khỏi ấp Bắc.

Phi công của anh bay nhiều lượt phía trên đơn vị quân nổi dậy đã nổ súng dọc con suối phía nam ấp. Phía dưới anh , binh lính uể oải nằm, đầu gối lên bờ ruộng, nghỉ ngơi hoặc thậm chí ngủ một giấc ngắn. Nếu Việt cộng còn ở hàng cây trước mặt họ đã ngừng bắn và những toán quân Sài Gòn đáp lễ. Vann kết luận Việt cộng dưới hàng cây phía nam, sau khi chặn quân bảo an, đã chú ý đến đại đội dự phòng đổ bộ phía sau họ. Dù sao quân bảo an đã ở một vị thế lý tưởng để quay sang phải uy hiếp quân địch dọc kênh tưới đầu phía tây ấp Bắc. Vann gọi Ziegler đề nghị Đạm làm thế nào để Thọ ra lệnh tấn công cánh sườn dễ bị đánh này.

Trung úy của Vann đi cùng quân bảo an cũng không có quyền sử dụng điện đài liên lạc với chỉ huy của mình ngay trên đầu, từ khi quân dự phòng đổ bộ lúc 10 giờ 20, cố hết sức thuyết phục viên đại úy Việt Nam làm đúng như ý muốn. Việt cộng thôi bắn ngay khi những chiếc trực thăng hạ cánh và viên trung úy cũng rút ra kết luận như Vann. Anh nằn nì viên sĩ quan chỉ bị thương nhẹ ở chân cho quân tiến về chùm cây dừa chỗ một trung đội Việt cộng đang phục kích. Dựa vào cây cối, họ sẽ xoay ngược lại tình thế. Viên đại úy Việt Nam chỉ lặp lại lệnh của thiếu tá Thọ bắt anh phải ở “vị thế tạm ngừng”. Thọ không muốn quân bảo an của ông thiệt hại thêm nữa. Khi Đạm tiếp xúc với ông, đề nghị cho quân tiến đán vào cánh sườn, ông lờ đi.

Từ trên máy bay, Vann có thể thấy tiểu đoàn bảo an thứ hai tiến từ phía tây nam, sục sạo tỉ mỉ các thôn ấp. Thọ không vội thấy họ đến ấp Bắc. Tiểu đoàn bộ binh tới từ phía bắc cũng chưa tới Tân Thới.

Một giọng nói tiếng Anh âm Việt Nam, chắc là của viên trung úy ẩn sau con đê ấp Bắc bỗng vang lên trong đài của Vann thông báo hai trong số phi công trực thăng bị thương nặng. Vann cố kéo dài cuộc nói chuyện để biết chi tiết hơn nhưng giọng nói không trả lời.

Anh đề nghị phi công quay lại phía trên những chiếc M-113 ở độ bay thấp. Xe

bọc thép vẫn ở nguyên chỗ ấy. Đã 11 giờ 10 phút, như vậy là trực thăng nằm trên ruộng đã 45 phút và anh đề nghị Bá đi cứu ngay. Bá từ chối hợp tác trong trường hợp khẩn cấp như vậy làm anh không tưởng tượng nổi. Mười phút trước đây, khi đi xem quân bảo an, qua Ziegler anh đã đề nghị Đạm gặp trực tiếp Bá trên đài ra lệnh cho ông ta đến ngay ấp Bắc. Đạm xác định đã làm như Vann đề nghị. Trở lại phía trên họ, Vann thấy Mays bên cạnh Bá trên xe bọc thép.

- Valrus, Topper Six đây. Tôi muốn nói chuyện với anh
- Topper Six, Valrus đây, Mays trả lời, Anh nói đi
- Ông Chúa đồng cấp của anh có định thực hiện mệnh lệnh không ?
- Không, Topper Six. Ông ta tiếp tục nói không thể qua kênh kịp giờ được và sư đoàn phải cử bộ binh đi thôi.

Vann không thể chịu đựng lâu hơn nữa :

"Valrus, anh có thể nắm quyền chỉ huy được không ? anh có thể không, hay cũng thối tha ?".

Giọng của Vann trong loa trở thành một tiếng kêu thé lên. Mays sửng sốt về câu hỏi ấy. Dĩ nhiên anh có thể dẫn dắt những chiếc M-113 đến ấp Bắc được nhưng anh biết quân lính không đi theo anh nếu Bá không ra lệnh. Anh sợ cơn giận của Vann và trả lời lấp lửng :

- Hiểu rồi. Topper Six, tôi cũng có thể làm việc đó.
- Thế thì hạ ngay cho tôi loại thối nát trẻ con ấy đi và lên đường ngay !

Mays không trả lời. Anh nhìn Bá. Hai người tôn trọng nhau. Họ trở thành bạn thân trong bốn tháng Mays là cố vấn đơn vị . Bá vẫn im lặng nhưng nét mặt thể hiện "Anh sẽ giết tôi chắc ?". Mays nhắc lại với Bá buổi sáng họ đã đi qua một con kênh, có lẽ cũng là con kênh trước mặt họ. Tại sao không quay lùi lại, vượt đoạn kênh ấy theo hướng đông đi về ấp Bắc ? Bá đồng ý. Ông nắm lây đài ra lệnh cho đại đội. Những người lái xe nổ máy và bánh xe lăn trong bùn trên con đương đi ấp Bắc.

Vann lo ngại về tình thế những tốp bay đang ở trên ruộng. Nếu hai người trong bọn họ bị thương nghiêm trọng, phải có lệnh lại đưa trực thăng đến cứu nhưng lần này tính toán kỹ hơn. Anh trở về tổng hành dinh Tân Hiệp để lấy nhiên liệu và thảo luận kế hoạch với Ziegler cùng các phi công. Vann nghĩ tình hình đại đội dự trữ có lẽ tốt hơn. Theo anh thấy từ bầu trời, người ta chỉ thỉnh thoảng bắn vào họ. Ở phía nam, về phía quân bảo an, tất cả đều im lặng, có thể Việt cộng đang tìm cách ra khỏi vùng này. Anh đề nghị đài truyền tin của sư đoàn tìm hiểu xem Bowers còn sống không, bảo anh ta đến đài cho những thông báo tin cậy được. Không có trả lời, chắc vì viên trung úy Việt Nam không đáp.

Anh trình bày kế hoạch : với máy bay của mình, anh sẽ làm mồi để biết Việt

cộng còn nhiều không, bay nhiều lần sát cây nhử cho kẻ địch bắn. Phi công máy bay lên thẳng cho rằng anh điên, đi tìm chỗ chết nhưng anh vẫn chấp nhận. Ba chiếc Huey còn có khả năng xả súng máy vào quân thù. Chiếc thứ tư bị bắn vào chỗ sống còn, phải sửa chữa mới bay được. Nếu máy bay Vann chỉ bị bắn nhẹ hoặc không bị bắn là bằng chứng Việt cộng không còn lực lượng mạnh chiếm ấp Bắc. Những chiếc Huey sẽ đến bắn súng máy và thả rốc-két vào những hàng cây phía nam và phía tây, giam chân những người còn ở lại phía sau. Trong lúc đó, một chiếc H-21 đến bốc người đi. Một chiếc thứ hai ở trên không ngăn chặn mọi bất ngờ. Ngay lúc đó, Vann vẫn có cảm giác sai là Việt cộng ở phía nam góp phần bắn hạ trực thăng và còn là một đe dọa nghiêm trọng. Các phi công cũng muốn cứu người bị thương đã đồng ý kế hoạch của anh.

Bowers không đoán ra chính Vann đang ở trên chiếc L-19 nhỏ, đột ngột gầm rú xuất hiện trên những chiếc trực thăng và ngọn cây. Anh nghĩ đấy là viên chỉ huy cắt cổ của lực lượng không quân Herbert Prevost luôn thách đố Việt cộng bắn hạ. Bowers cho rằng “Việc đó sẽ xảy ra ngày hôm nay đây”. Anh biết Việt cộng vẫn ở trong hàng cây phía tây trước mặt anh vì trước đó một ít, Braman làm ồn trong thân máy bay H-21 chỗ anh nằm trên đất, họ đã bắn ngay. Bowers bò đến máy bay, kéo theo một loạt đạn mới khi anh đẩy cánh cửa tìm lại Braman. Anh hỏi ông có điều gì không ổn không, Braman trả lời tất cả trở nên im lặng nên ông tưởng mọi người đã đi hết và bỏ rơi ông. Ông không muốn nâng lưng lên, sợ máu ở vết thương sẽ chảy. Vì thế, ông dùng chân gõ vào thành nhôm để có ai đó lưu ý. Bowers xác định với ông chưa ai đi cả và đã báo động với những người khác còn đấy. Thân hình uy nghi của chiếc H-21 lại khiến Việt cộng bắn quá cao và phần trên thân có nhiều lỗ thủng mới.

Tình trạng sức khỏe của Braman có vẻ vẫn khá. Bowers quan sát vết thương. Không có máu tươi và Braman không bị choáng. Ông chỉ xúc động hơn vì nằm chờ đợi đơn độc. Bowers lại cho ông uống và nằm dài bên ông để an ủi làm ông yên tâm. Đội cứu nạn đang trên đường tới và ông nằm yên lặng trong máy bay được an toàn hơn, Bowers bảo. Trước khi ra đi, anh đặt bình nước bên cạnh để ông lấy uống khi khát. Rất lạ là Việt cộng không bắn khi anh lăn từ cánh cửa xuống đất và cúi khom người trở lại con đê tuy anh chắc chắn họ không rời mắt khỏi anh.

Vann và phi công lái chiếc L-19 lượn ngoắt ngoéo trước Việt cộng, cố làm mục tiêu hấp dẫn. Vann không chỉ bay sát ngọn cây bảo vệ anh vì khó thấy mà nhắm bắn một vật lạ ngang trên cành lá. Anh bảo phi công bay hai lần phía trên những chiếc trực thăng theo một đường song song hàng cây phía tây, dễ dàng cho tầm bắn. Lần thứ ba họ bay theo góc 45 độ để cũng phơi mình chiếc máy bay nhỏ trước làn đạn của hàng cây phía nam. Bowers tự nhủ :” Prevost, đồ ngu,

lần này thì thực sự anh bay tìm họ!”.

Không một phát đạn. Việt cộng rất kỷ luật, áp dụng nguyên tắc không bắn máy bay quan sát và chờ xem điều gì sẽ xảy ra tiếp. Bowers nghe tiếng trực thăng lại gần, thấy một chiếc H-21 tiến thẳng về phía anh trên ruộng. Phi công lái cố đậu xuống thế nào để những chiếc bị hạ nằm giữa mình và hàng cây phía tây như người lái chiếc Huey bị bắn nát đã muốn. Lần lượt ba chiếc trực thăng chiến đấu xuất hiện, bắt đầu bắn súng máy và rốc két vào những hàng cây phía nam và phía tây. Ngay lúc đó, Bowers nghe tiếng nổ hàng loạt của súng tự động và súng trường từ kênh tưới. Vừa thấy trực thăng, chỉ huy tiểu đoàn Việt cộng ra lệnh bắn. Máy bay Huey một lần nữa lãng phí một nửa số lượng đạn vào hàng cây phía nam. Sai lầm và phi tác dụng cảu súng máy và rốc két đối với những người trong hầm dưới cây cùng cành lá đưa lại kết quả là đạn đối phương không ngừng rít trên đầu Bowers về phía chiếc trực thăng. Phi công đậu xuống khoảng 30 mét phía sau chiếc Huey bị hạ nhưng thông báo ngay qua đài phải bay lên vì bị bắn quá nhiều. Một số những yêu cầu không được đáp ứng và máy bay khó khăn giữ vững trên không. Được phi công của Vann giúp đỡ, chiếc máy bay thoát được và bay đi khoảng một cây số đến đúng chỗ xe bọc thép của Bá đã qua một con kênh.

Đã gần trưa. Việt cộng lại lập được một kỷ lục mới. Ít nhất họ cũng đã loại khỏi vòng chiến đấu 5 chiếc trực thăng. Họ cũng lừa được Vann ngây ngô lần thứ hai. Hơn bao giờ hết, anh quyết định bắt họ phải trả giá vì đã biến anh thành trò cười.

Vann có lẽ được an ủi nếu biết mọi việc ở bên kia cũng không được tốt lắm. Chỉ huy tiểu đoàn 261 của lực lượng chủ lực và hội đồng tỉnh đã dự tính cho quân đội Sài Gòn một bài học nghiêm khắc rồi rút lui có trật tự. Họ muốn làm lại cuộc đánh biệt kích ngày mồng 5 tháng Mười trên qui mô lớn hơn. Nhưng càng hoạt động, cơ may càng giảm sút. Đến tra, 350 người bị vây hãm trong một cuộc đối mặt không cân sức, không có khả năng thoát ra trước bóng tối lúc mười chín giờ rưỡi. Viên chỉ huy ngần ngại rút về Tân Thới sau khi bắn hạ 4 trực thăng trong buổi sáng vì theo sự thôi thúc của Vann, các toán quân của Sư đoàn 7 Quân đội Cộng hòa tiến vào ấp từ phía bắc không quay lại để cứu đại đội dự phòng và các tổ lái trực thăng. Đến 12 giờ 15, cuối cùng tiểu đoàn Sài Gòn đến Tân Thới. Thay vì tiến hành thăm dò trước khi tấn công, viên chỉ huy Quân đội Cộng hòa để bộ binh mò mẫm tiến lên, kẹt vào lưới lửa của đại đội quân địa phương Việt cộng nấp sau các bờ đất. Du kích đưa Quân đội Cộng hòa vào một ngõ cụt nhưng lối thoát qua Tân Thới cũng bị ngăn chặn. Con đường duy nhất ra khỏi chiến trường ở về phía đông với đồng ruộng và đầm lầy trống trải. Đi qua đó giữa ban ngày sẽ kết thúc bằng một cuộc tàn sát của máy bay ném bom.

Hai đại đội du kích ấp Bắc và Tân Thới dựa vào nhau nhưng cũng độc lập với nhau. Nếu chạy khỏi một trong hai ấp, các toán quân ấp kia có thể cũng lâm vào sợ hãi. Thậm chí nếu cả hai trụ lại, họ sẽ bị sức ép một lúc từ quá nhiều phía nên kháng cự kém hiệu quả. Vann đang muốn tiêu diệt họ cũng như viên chỉ huy Việt cộng, người cố cứu họ, đều biết tiến thoái lưỡng nan đến như thế nào. Hoặc 350 người ở lại với tư thế chiến đấu và một số chết, nhưng trụ lại được cho đến tối, đại bộ phận sẽ thoát. Hoặc họ rời bỏ vị trí bỏ chạy, đại bộ phận sẽ bị tàn sát. Kinh nghiệm chiến đấu chống một lực lượng lớn hơn và khả năng suy xét sáng suốt trong tình hình rối rắm và bạo lực rất cần thiết để hiểu cái giá phải trả cho cuộc chiến. Vann và viên chỉ huy Việt cộng, cả hai đều có kinh nghiệm và khả năng ấy. Vann cố gắng làm cho đối thủ bỏ chạy để có thể giết họ. Viên chỉ huy Việt cộng sử dụng sự thành thạo thu thập được trong kháng chiến chống Pháp và sự hiểu biết của những trận đánh khác trong cuộc chiến tranh này để truyền lại cho các chiến sĩ mình ý muốn trụ lại, chiến đấu và sống để tiếp tục chiến đấu.

Nhưng những người lính thấy rõ nguy cơ trước mắt hơn mối nguy hiểm tương lai đáng sợ hơn. Trung đội quân chủ lực cuối phía nam con suối ấp Bắc và quân địa phương đi theo họ bắt đầu nứt vỡ trước buổi trưa. Trung đội trưởng bị thương nhẹ được đưa đến trạm cứu thương ấp Bắc. Nếu trung đội không bị cản trở do đội quân bảo an, họ đã đánh chặn sườn, lộ mình cho đại đội dự phòng ở phía sau. Xem ra họ không biết đồng đội của họ ở kênh tưới đã vô hiệu hóa đại đội dự phòng, giết hoặc làm bị thương hơn một nửa quân số 102 người. Họ được trinh sát địa phương báo một tiểu đoàn bảo an khác đang tiến về phía họ. Một trong những khẩu súng liên thanh hỏng hóc không sửa được. Họ báo cáo với chỉ huy đại đội ấp Bắc, họ đang trong tình trạng xấu và đề nghị cho rút lui. Viên chỉ huy chấp nhận với ý định bố trí hai trung đội trong những hầm cá nhân mới ở đầu kênh tưới để bảo vệ cánh sườn phía nam. Vừa đánh vừa rút lui, quân lính không tôn trọng triệt để nguyên tắc ngụy trang. Một máy bay trinh sát của không quân Nam Việt Nam trông thấy họ và gọi máy bay ném bom. Tuy ít người chết và bị thương, những người khác tản mác và bắt đầu lội ngược sông đến nơi tương đối an toàn ở Tân Thới thay vì đến nhận lệnh chỉ huy ở đại đội ấp Bắc. Một trinh sát viên được cử đi tìm họ đưa về nhưng vì sợ quá, họ từ chối. Chỉ huy đại đội buộc phải giảm lực lượng bảo vệ kênh tưới mà xe M-113 đang dần dần tiến đến để tăng cường lớp bọc sườn phía nam. Ông nghĩ như Vann và viên trung úy Mỹ, quân bảo an của thiếu tá Thọ sẽ tấn công hàng cây phía nam chỗ hai trung đội đã bỏ đi. Một trung đội không thể hoạt động có hiệu quả chống một tiểu đoàn. Nếu quân bảo an tấn công khá kịch liệt, chắc chắn họ sẽ vòng cánh sườn tiến về phía sau những công sự ở kênh tưới làm vị thế của ấp Bắc không giữ được.

Chỉ huy đại đội ấp Bắc lo ngại, đề nghị Tân Thới chi viện để thay thế những trung đội mất đi. Chỉ huy tiểu đoàn từ chối. Các chiến sĩ ở Tân Thới đã chăn được tiểu đoàn Quân đội Cộng hòa nhưng họ chỉ là một đại đội đối mặt với một tiểu đoàn gồm ba đại đội lúc nào cũng có thể được tăng cường một đơn vị biệt kích cách đấy 10 phút đi bộ. Trong tình trạng ấy, viên chỉ huy tiểu đoàn không thể mạo hiểm việc gì làm yếu lực lượng bảo vệ Tân Thới. Tình hình thật bấp bênh và hai vị trí độc lập với nhau nên ông không thể tự cho phép mình để mất một. Ông bảo viên chỉ huy đại đội ấp Bắc phải giữ vững chỉ với những người hiện có.

Việt cộng ở con đê kênh tưới ấp Bắc chỉ bị thương 5 người trong suốt buổi sáng chiến đấu nhưng quyết tâm đã yếu đi vì máy bay bắn, trọng pháo dội, không kể đến triển vọng không thể thực hiện được : chặn những chiếc xe bọc thép với vũ khí hạng nhẹ của họ. Buổi trưa, trọng pháo Sài Gòn lại bắn nhưng cũng chẳng có hiệu quả gì. Quan sát viên gần nhất ở chỗ tiểu đoàn Tân Thời. Anh ta chỉ cố điều chỉnh tương đối tầm bắn vào ấp Bắc dựa vào những cột khói của một quả bom phốt pho tình cờ. Từ lúc thử dùng trực thăng cứu không được, Vann không còn hình dung vị trí ẩn nấp của Việt cộng nữa. Anh chỉ đòi đạn cối được hướng vào hàng cây phía tây. Tuy tổng hành dinh sư đoàn nhắc đi nhắc lại việc điều chỉnh tầm bắn sẽ do một quan sát viên trong một chiếc L-19 nhưng sĩ quan chỉ huy trọng pháo không bao giờ nhận được. Đạn cối tiếp tục dội vào ấp làm tan tành những ngôi nhà trống của nông dân.

Về lý thuyết, Vann có thể chọn cố vấn trọng pháo của anh trực tiếp chỉ huy đội pháo và bản thân anh hướng dẫn tầm bắn từ chiếc L-19 của mình. Nhưng đây là trường hợp cuối cùng mà chính Vann cũng không thể tự cho phép mình. Nắm lấy đội trọng pháo có nghĩa là tước đi của các sĩ quan Sài Gòn một vũ khí cơ bản. Đạm, người chịu trách nhiệm trọng pháo và chỉ huy đội pháo nói trên đều từ chối và Vann phải từ bỏ ý định. Ở giai đoạn đầu tiên này của chiến tranh, các cố vấn Mỹ phụ thuộc vào nhiều hạn chế từ trên giữ họ ở vai trò cố vấn, không làm nhiệm vụ chỉ huy. Và những đồng cấp Sài Gòn của họ biết điều đó. Vann không có sự lựa chọn nào khác là tiếp tục đề nghị sĩ quan trọng pháo tiếp xúc với quan sát viên không quân Việt Nam ở máy bay L-19 của ông ta. Nhưng về phía Việt Nam không suôn sẻ : điều gì là đúng đối với trọng pháo cũng có giá trị đối với không quân, rơi vào đúng ngày Vann đang cần.

Những người kiểm soát không quân trên máy bay L-19 của họ, những phi công Việt Nam và Mỹ trên máy bay ném bom của không quân do tướng Anthis tạo dựng, hôm ấy xử sự như bình thường khi người ta báo với họ pháo binh bị hạn chế tầm bắn vào một thôn ấp. Họ tấn công vào những ngôi nhà rách nát của nông dân, chuồng trâu bò gà vịet ở ấp Bắc và Tân Thới, làm tan tành những cơ

cấu thô sơ bằng bom, rốc két, đốt cháy tất cả bằng napaml. Không bao giờ xuống đất để nắm được đã đánh Việt cộng ra sao, họ không biết hành động của họ vô hiệu quả đến mức nào. Trên một chiếc máy bay, họ không dễ hiểu được lô gíc của quang cảnh bên dưới. Phi công dĩ nhiên không suy luận nếu Việt cộng ở trong nhà giữa ấp, họ không thể bắn những người tấn công trên ruộng vì cành lá xung quanh che khuất. Phản ứng của người phi công đâm xuống trước cây cối um tùm tự nhiên dẫn anh đến bắn vào bộ khung lớn nhất do con người xây dựng. Không quân Pháp cũng làm thế trong cuộc chiến tranh thứ nhất, phá hủy nhà cửa của nông dân trong lúc Việt Minh ngồi hầm dưới cây cối bên đê nhìn họ. Khi những phi công của Không lực Hoa Kỳ sau này bỏ bom miền Bắc Việt Nam, họ cũng làm đổ nát các nhà trường, đình chùa vì tất nhiên đó là những tòa nhà lớn nhất ở cộng đồng nông thôn.

Vann không nghĩ phải gọi cho Prevost để ông này giúp anh bỏ bom con đê vì anh có cảm giác sai là Prevost đã đến tổng hành dinh Cần Thơ. Thực ra Prevost đang chuẩn bị hành lý khi ông nghe tin những chiếc trực thăng bị hạ. Ông đến ngay Tân Hiệp, mượn một chiếc L-19 ở Việt Nam để đi thanh tra trận địa. Một khi hai người ở trên không, họ không còn tiếp xúc với nhau nữa. Vann không thể tự mình hướng dẫn một cuộc không kích vì anh bị cấm triệt để nói trực tiếp với phi công Mỹ ở máy bay ném bom. Không lực Việt Nam rất ghen tỵ với những đặc quyền của anh mà Anthis và ban tham mưu của ông ở Sài Gòn cũng bảo vệ nên Harkins không dung túng cho đề nghị của Vann : cho phép những người Mỹ đảm bảo trách nhiệm khi phi công máy bay ném bom là người Mỹ, phần lớn trường hợp trong thời kỳ ấy. Chỉ những thanh tra không quân Việt Nam có quyền chỉ đạo các cuộc tấn công. Vann khẩn nài Đạm để Không lực Việt Nam đừng đốt cháy nhà cửa nữa mà bỏ bom napalm vào hàng cây. Nhưng không một lời nào có vẻ có hiệu lực đối với hành vi không suy nghĩ của những người bay.

Dù vậy, tất cả những việc ấy cũng làm Việt cộng không chịu đựng nổi. Tiếng đạn cối rít, những vụ nổ làm rung chuyển đất , sức nóng của nhà đang cháy, khó thở vì bom napalm rút hết dưỡng khí, tiếng ồn ào ma quỷ của súng máy 50, ca-nông bắn nhanh, những loạt rốc két và tiếng gầm rú của máy bay ném bom nhào xuống, tất cả những cái ấy làm thần kinh và nỗ tai khó chịu nổi. Rồi trước 13 giờ một ít Việt cộng thấy những chiếc M-113 tiến lại dần dần trên đồng ruộng. Còn 7 giờ nữa mới tối, họ không thể tránh đánh nhau với những cỗ máy đáng sợ ấy. Những người trong những nơi trú ẩn thấy lại những cảnh tàn sát mà những vật cồng kềnh ấy gây ra trước đây.

Tình trạng thật báo động vì ban chỉ huy Việt cộng không có vũ khí chống tăng, không thể hình dung một chiến thuật chiến đấu chống M-113 có hiệu quả. Để cố truyền cho các toán quân can đảm đứng lên chống xe bọc thép với vũ khí

nhẹ và lựu đạn, các huấn luyện viên đã lên một bản danh sách những điểm yếu của xe bọc thép. Tất cả những nhận xét của họ đều sai trừ hai điểm : người bắn súng máy trên đỉnh đứng sau giá súng để lộ từ thắt lưng trở lên. Họ cũng nghĩ có thể bắn trúng lái xe qua khe ngắm. Đấy cũng là một điểm yếu của chiến cụ. Nói chung, lái xe mở lá chắn trước mặt, thoải mái và dễ chịu hơn, như thế có thể đi nhanh hơn; nguy cơ bị bắn trúng không lớn qua những hoạt động trước nên không giữ tấm chắn đóng kín. Nếu họ hạ tấm chắn để tránh đạn, họ chỉ trông thấy qua một hệ thống gương và khối lăng trụ, hạn chế tầm nhìn đến 100 độ. Người lái không được tự do điều khiển xe và phải lăn bánh dần dần. Các chỉ huy Việt cộng cũng đã truyền thụ cho chiến sĩ tập trung bắn vào M-113 như đã bắn máy bay. Mỗi tiểu đội hoặc trung đội phải chọn chiếc xe gần nhất bắn tập trung vào đấy.

Những chiếc M-113 được gửi sang Việt Nam do các sĩ quan Mỹ ngạo mạn về ưu thế sức mạnh súng đạn của quân đội Hoa Kỳ. Súng máy không cần màn bảo vệ vì có thể dìm mọi chống trả bằng vài tràng đạn bắn ra gấp đôi và sức tàn phá gấp ba những gì Việt cộng có mạnh nhất. Lý thuyết ấy có giá trị với điều kiện có thể thấy mục tiêu và điều khiển súng khéo léo để bắn được liên tục. Súng cỡ 50 như một con ngựa hoang. Bước giật lùi và có xu hướng nâng cao nòng súng, đưa đạn lên trời. Vấn đề càng nghiêm trọng khi người lính điều khiển là một người Việt Nam thấp nhỏ. Muốn tầm bắn chính xác phải tập bấm chân vào đường vành tấm chắn để cố sức giữ chắc khẩu súng. Nhưng binh sĩ của Bá tập luyện được chăng hay chớ.

Chỉ huy tiểu đoàn Việt cộng bố trí 75 người ở con đê kênh tưới đoàn xe M-113 đang hướng tới. Ông đặt hai khẩu súng máy 30 ở những chỗ xa để có thể bắt được mọi mục tiêu dưới làn đạn bắn chéo.

Để tăng cường quyết tâm của các toán quân, cả buổi sáng ông không ngừng lần lượt khuyến khích họ. Khi tiểu đoàn ấp Bắc bắn hạ trực thăng, ông thông báo ngay những “chiến thắng” ấy cho binh sĩ ở Tân Thới đang phải đối đầu với tiểu đoàn của Sư đoàn 7 Sài Gòn. Khi quân Tân Thới đẩy lùi được tiểu đoàn, tin về “chiến thắng” này được truyền đến ngay cho binh sĩ ấp Bắc đang chờ xe bọc thép. Chỉ huy ấp Bắc và các phó của ông sử dụng con để như một chiến hào liên lạc. Họ lội bì bõm trong nước đến ngang lưng, đi từ hố này đến hố khác dọc bờ dưới tán cây để máy bay không trông thấy. Họ không ngớt nhắc lại với quân mình những điểm yếu của xe bọc thép và cố thuyết phục sẽ đạt kết quả nếu binh sĩ sử dụng trí não cũng tốt như vũ khí. Dù sao quân lính cũng không đi đâu được trước khi trời tối. Nếu phải chết, họ chết vinh quang trong chiến đấu hơn là bỏ chạy và bị xẻ thành mảnh như trâu bò. Họ chú ý để mỗi chiến sĩ kiểm tra kỹ vũ khí. Nhân công chở những hòm đạn Mỹ trên thuyền con, theo con kênh đưa đến

phân phát cho họ. Chiến sĩ bộ binh bị thương được chuyển về hậu phương trên thuyền và có những người tình nguyện địa phương thay thế. Có ba người bị thương khác là cán bộ, có lẽ là đảng viên như các sĩ quan và đại bộ phận hạ sĩ quan trong đại đội. Để làm gương họ từ chối về điều trị ở trạm cứu thương và ở lại tại chỗ. Cán bộ đưa ra một khẩu hiệu mà những người dưới hố cá nhân lần lượt nhắc lại "Chết tại vị trí chiến đấu còn hơn … Chết ở vị trí chiến đấu còn hơn …"

Xe bọc thép mất một thời gian lâu để vượt qua những con kênh ngăn cách ấp Bắc. Bowers phía sau con đê nhìn ra tự hỏi có phải họ vẫn nghỉ ngơi để ăn uống không. Trên bầu trời, Vann nóng lòng không biết bao giờ những chiếc M-113 mới đến ấp Bắc. Giữa cảnh chán nản của tiểu đoàn bị chặn đứng trước Tân Thới và sự tiến triển yếu ớt của tiểu đoàn thứ hai quân bảo an từ tây nam lên, anh chỉ còn điện thoại la mắng Mays để anh này thúc giục Bá. Không có những chỗ lội qua sông dễ dàng, người ta phải chặt cây và cành nhánh mất hết thời gian. Dù được trả lương để đánh nhau, họ không hề muốn mạo hiểm cuộc sống của mình một cách vô ích. Vì vậy, họ làm việc nhịp độ rất chậm, tự nhủ nếu kéo dài thời gian Việt cộng sẽ có đủ thì giờ rút lui. Bá cũng không vội vì những lý do riêng và chú ý không thúc giục. Chỉ đến một giờ chiều, họ mới nhận được qua điện đài lệnh của thiếu tá Thọ phải tấn công ấp Bắc.

Khi những chiếc xe bọc thép tiến đến con kênh cuối cùng, cách những chiếc trực thăng bị hạ khoảng 500 mét và cách con để kênh tưới 700 mét, viên chỉ huy du kích quyết định hy sinh một nửa số 12 quả đạn cối 60 ly ông đã bí mật thu lại. Một số nổ khá gần hai chiếc M-113 làm những người trong xe sợ hãi nhưng không quả nào trúng đích. Súng cối bắn gián tiếp, đạn theo hình vòng cung không chính xác; dĩ nhiên chúng không có ích nhiều đối với xe bọc thép. Để sống sót, với vũ khí hạng nhẹ và lựu đạn họ phải thực hiện một chiến công từ trước tới lúc đó chưa bao giờ có.

Mays nghĩ rằng súng cối do một đơn vị khác của Quân đội Cộng hòa bắn sai mục tiêu.

- Topper Six, bải việc bắn súng cối ngừng lại, anh đề nghị Vann.
- Tôi rất muốn thế, Valrus, nhưng không phải của chúng ta. Vann trả lời với lối hài hước mỉa mai anh có thể nói trong những lúc khó khăn.

Còn Scanlon trong một chiếc xe khác, nhận thông tin ấy do Mays truyền lại, hoan nghênh lối hài hước ấy nhưng nghĩ Vann lầm đã hình dung đó là đạn cối của Việt cộng. Scanlon cho rằng ở ấp Bắc chưa có súng cối. Trên máy bay của mình, anh thấy mọi mặt có vẻ tĩnh lặng. Người ta không bắn ở phía trực thăng nữa và bên phải ngay dưới hàng cây buổi sáng có trung đội Việt cộng, anh thấy những ngọn lửa nhỏ quân bảo an đang thổi cơm và nấu thịt gà họ ăn cắp trong

thôn ấp. Scanlon tự nhủ :"Tốt rồi, bây giờ đã kết thúc hẳn. Chỉ còn chuẩn bị dọn dẹp và đưa các phi công và những người bị thương đi thôi".

Đấy hình như cũng là ý nghĩ của những người ở đại đội M-113. Họ còn làm việc chậm hơn. Đáng lẽ phải chặt cành nhành, phần lớn trong số họ lại đứng trên bờ kênh để nhìn một đợt tấn công của không quân. Máy bay ném bom vào một thôn ấp mà Việt cộng rút đi đã lâu vẫn luôn là một cảnh không thiếu. Nghĩ đến những người bị thương, Scanlon đi tới một toán lính bảo họ làm việc đi. Họ chỉ cười. Anh đi tìm một chiếc búa đưa cho một người trong bọn họ. Họ miễn cưỡng bắt đầu chặt cây.

Thấy cũng phải 45 phút nữa tất cả xe bọc thép mới sang hết qua kênh, Mays đề nghị Bá để anh chỉ huy đại đội bộ binh. Anh chuyển hai chiếc súng máy 50 trong năm phút. Vann để yên cho họ làm. Nếu còn một số Việt cộng chậm lại trong ấp, một đại đội bộ binh và hai súng máy dễ dàng tiêu diệt họ. Bá chấp nhận. Bây giờ đã được Thọ cho phép, ông ta không căng thẳng nữa và cũng có cảm giác dù sao Việt cộng cũng đi hết rồi.

Mays nghĩ còn có Việt cộng ở đấy. Biết Vann theo dõi chăm chú những gì diễn ra trên chiến trường, anh nghĩ Vann xác định đúng nguồn gốc của súng cối. Loạt bắn hầu như chấm dứt ngay, anh kết luận đấy là một đợt bắn chặn bảo vệ cuộc rút lui. Anh không thể hình dung một số lượng quan trọng Việt cộng vẫn ở lại khi họ thấy đoàn xe M-113 từ lâu trong quá trình tiến đến chậm chạp.

Anh ngạc nhiên về câu trả lời của Vann khi anh trao đổi ý kiến chuyển dịch hai khẩu súng máy và cho bộ binh tiến lên.

"Không, lạy Chúa ! Anh ta thất thanh kêu lên. Hãy cho xe bọc thép tiến đến".

Không cần giải thích anh đã suy nghĩ gì. Là người lính chuyên nghiệp có kinh nghiệm, Mays hiểu : Vann cho rằng đang có lực lượng mạnh Việt cộng ở ấp Bắc và anh muốn Mays dẫn xe bọc thép đến gấp buộc họ bỏ chạy ra chỗ trống phía đông để anh có thể tiêu diệt họ. Mays cũng biết rõ như Vann khi những chiếc M-113 vào đến ấp, tất cả những Việt cộng trong ấp Bắc sẽ bắn trước khi rút chạy.

Đã 13 giờ 45 phút. Từ khi Vann gọi khẩn cấp đại đội xe bọc thép cách đấy một cây số rưỡi, đã trôi qua 3 giờ 20 phút. Ba chiếc xe vượt qua con kênh : chiếc xe chỉ uy của Bá dừng lại kéo dây cáp một chiếc thứ tư, xe của trung úy Chớ, thuộc hạ chiến đấu hạng nhất của Bá và một người nữa. Mays lên xe của Chớ đi về hướng những chiếc trực thăng. Anh muốn nhanh chóng đưa những người Mỹ bị thương vào trong xe bọc thép trong trường hợp súng nổ. Viên chỉ huy tiểu đoàn Việt cộng ra lệnh cho binh sĩ kiểm tra súng đạn. Cuộc chiến đấu chờ đợi lâu nhưng nổ ra chóng vánh.

Khi hai chiếc xe bọc thép tiến về phía những chiếc trực thăng, súng cối Việt

cộng bắn ba quả đạn cuối cùng. Mays không kể đến những phát nổ và bùn bắn tóe lên; anh cho chỉ là một chiến thuật làm chậm bước tiến. Anh nghĩ "Cho một loạt đạn là chúng chuồn thôi". Chớ đích thân nắm lấy khẩu súng máy và Mays ngay bên cạnh anh. Anh nhìn thấy ba trong số phi công phía sau con đê trước chiếc H-21 trong đó có Braman bị thương, ra hiệu cho Chớ quay xe về bên phải trực thăng và dừng lại bên cạnh các phi công. Anh cúi xuống hỏi họ những người bị thương và những thành viên tổ lái khác ở đâu. Thực ra phải chờ một sĩ quan đảm nhận trách nhiệm về người của mình và những người bị thương nặng. Hai phi công sống sót của chiếc Huey có vẻ ngơ ngác và người thứ ba, một thượng sĩ của một chiếc H-21 trả lời không biết làm Mays bực bội. Lúc đó trung sĩ Bowers bì bõm trong ruộng bước tới nói một người tổ lái bị thương ngay trong chiếc trực thăng phía sau và phải đưa anh ta đi. Mays nhảy từ M-113 xuống. Anh bắt đầu tiến lại thì chỉ huy tiểu đoàn Việt cộng ra lệnh bắn. Cả hàng cây rung lên. Bowers không dừng lại và Mays bình tĩnh bước sau anh ta mặc dù đạn rít khắp nơi. Khẩu súng máy của Chớ và của xe M-113 kía nổ túng như búa đập trả lời tiếng súng của du kích. Mays còn phân biệt được trong cảnh ầm ào ấy tiếng rung của khẩu súng máy ở đầu bên phải con đê kênh tưới.

Mays cùng Bowers trèo vào trực thăng đưa Braman vào chỗ an toàn sau ba giờ rưỡi anh ta chờ cứu. Anh đã chết. Bowers kinh ngạc không tin được, lật người xem xét. Anh ta không bị vết thương mới nào và vết thương ở vai không có dấu hiệu chảy máu. Sau này khi mọi việc đã xong, Bowers bị ám ảnh cho rằng có lẽ mình sai lầm khi để anh trong trực thăng mạo hiểm vì một vết thương khác hoặc nhiễm trùng vì nước bẩn. "Có lẽ nếu có bạn, anh ấy vẫn hy vọng và còn sống", anh tự nhủ. Ý nghĩ có thể mình chịu trách nhiệm về cái chết của Braman ám ảnh anh trong nhiều năm.

Một cử động đột ngột của Mays đưa Bowers trở về thực tại. Mays đứng lên trong ca-bin. Một tay súng xuất sắc Việt cộng ngắm anh qua cửa sổ đóng kín suýt bắn trúng anh với hai phát đạn nhanh. Mays kêu lên phải đưa ba phi công vào chỗ an toàn trong xe bọc thép. Cả hai nhào xuống ruộng đến chỗ chiếc xe và Bowers giúp Mays đưa những người lái máy bay lên qua cửa lật sau xe. Mays quyết định trong lúc này làm hơn nữa là điên rồ, hơn nữa Bowers đã thông báo với anh Deal chết rồi và nói thêm, ngoài Braman, những người khác không cần thiết chuyển đi ngay. Bowers từ chối đề nghị của Mays vào ẩn trong xe M-113; anh muốn tập hợp những người sống sót ở đại đội bộ binh Việt Nam của anh, đã lom khom đi dọc theo con đê.

Khi Mays lên xe, anh mới biết người lái đã chết vì một viên đạn trúng đầu. Chớ xuống nói với Bá qua điện đài. Mays nghĩ nếu anh vẫn còn chỗ súng máy chắc anh cũng chết. Mays gọi Vann đang bay để thông báo anh đã tìm được ba

phi công và hai người trong tổ lái trực thăng đã chết. Rồi đài im bặt. Một viên đạn Việt cộng cắt ngang.

Hai chiếc M-113 khác theo chỉ thị của Bá lại gần, vòng về bên trái trực thăng để che chắn cho những người trên ruộng dọc con đê. Scanlon nắm lấy một cái móc chiếc xe thứ hai đang đi và nhảy lên.

Đối với Scanlon, Việt Nam cũng là cuộc chiến tranh đầu tiên của anh. Cũng như Bowers và Mays, anh vào binh nghiệp vì Triều Tiên. Nhưng giống các bạn, ý muốn của quân đội tăng cường sức mạnh ở châu Âu, chống lại thách đố của Xô-viết đã ngăn cản anh tham gia chiến đấu ở Viễn Đông. Cuối cùng anh ở lại trong quân đội vì các sĩ quan Mỹ những năm 50 phải làm tròn nghĩa vụ và sở thích du lịch vô cùng quan trọng với họ. Nó giàu có hơn cuộc sống đời thường của một viên chức nhà băng Saint Louis. Scanlon, sĩ quan dù và xe bọc thép, tiêm nhiễm niềm tin của quân đội Hoa Kỳ tấn công là cách tự vệ tốt nhất và hiếu chiến cho phép thắng trận trong những cuộc chiến tranh. Niềm tin ấy dẫn anh đến đồng ruộng này với khẩu súng ngắn theo điều lệ cầm tay trong lúc anh không thấy đạn nảy lên trên chiếc xe bọc thép của anh.

Hai chiếc M-113 của Scanlon vòng về phía trái những chiếc trực thăng như Bá ra lệnh, tiến thẳng về khẩu súng máy ngụy trang gần chỗ con đê kênh tưới đâm ra ruộng. Khi những chiếc xe bọc thép ngang hàng với trực thăng súng máy trên xe nổ một tràng về phía hàng cây được Việt cộng trả lời ngay bằng đợt bắn tập trung cũng như thế. Xe bọc thép dừng lại, cánh cửa sau hạ xuống và các trung đội bộ binh nhảy xuống ruộng triển khai thành hình cánh quạt. Những chiếc M-113 lại tiến lên tấn công phối hợp; binh lính bước tới súng cầm tay như một vòi tưới, phun ra phía trước hàng tràng. Binh lính Nam Việt Nam được Scanlon và những giáo viên Mỹ khác huấn luyện theo cách này, đã trở thành máy móc đối với họ. Trước đây, họ thực hiện như vậy khi một toán Việt cộng không may thoát được trước khi xe bọc thép đến đã mạo hiểm bắn lại. Như vậy, sức mạnh lưới lửa của súng máy trên xe được tăng cường bằng những loạt bắn của bộ binh. Scanlon là một trong những người nhảy xuống đầu tiên, rút súng ngắn cầm tay. Anh không định bắn ai nhưng khẩu súng là một phần trong trang bị sĩ quan và có thể có ích để tự vệ. Anh rút nó ra theo phản xạ vì vai trò của anh cần thiết phải hướng dẫn binh lính chiến đấu và đi cùng với họ để xem việc gì sẽ xảy ra.

Một lính bộ binh bị trúng đạn ngay. Khẩu súng máy lúc đầu sai mục tiêu vì tầm bắn của Việt cộng từ một bụi chuối bên trái xa hơn nhưng không làm bị thương người nào. Súng giật lùi nâng cao nòng súng và Scanlon thấy đạn xé tan ngọn cây. Một loạt đạn mới của Việt cộng bắn vào M-113 làm người bắn súng máy hiểu ra mình lầm, lần này hướng vào con đê kênh tưới trước mặt, đạn lại xé tan những hàng cây con. Scanlon kêu lên “Thằng ngu ! Nó bắn toàn lên không,

trên đầu chúng".

Đáng buồn là cả người bắn súng máy, cả Scanlon và không ai khác nữa thấy được một kẻ thù. Trước mặt họ chỉ là một bức tường xanh lá cây lớn. Chỗ hợp lý độc nhất phải là ở chân bức tường ấy nhưng cây cối dày đặc đến mức không thể phân biệt được ngọn lửa nòng súng thường để lộ chỗ để súng.

Chiếc xe bọc thép mới tiến được mấy mét thì một người lính đứng cạnh khẩu súng máy bị bắn. Anh ta sợ nhảy vào trong xe vừa tiếp tục tưới mưa đạn. Những Việt cộng mà Scanlon nghĩ không có ở ấp Bắc đối mặt với những chiếc M-113 hoàn toàn khác với điều anh đã hình dung. Anh vẫn giữ kỷ niệm của những trận đánh trước, họ sợ hãi chạy trước đoàn xe như đàn vịt từ bụi cây thoát ra khi chó và người đi săn lại gần. Anh hiểu ngay họ sẽ bị chết hoặc bị thương hết nếu không ẩn sau khối bọc thép. Anh bập bẹ tiếng Việt, bảo người lái xe dừng lại và ra hiệu gọi những người khác trở lại.

Tính hiếu chiến và niềm tin vào hỏa lực bám sâu vào Scanlon đến mức anh không bao giờ hình dung được việc tốt nhất cần làm là lùi lại, phân tích tình hình và trở lại với một giải pháp hay hơn tấn công trực diện. Người ta vẫn dạy cho anh khi không thấy được đối thủ, phải bắn dìm đầu họ xuống. Anh nghĩ súng máy bắn vào gốc hàng cây đủ sức kìm chế Việt cộng để người lái đưa xe bọc thép đến gần khống chế súng máy địch và lính bộ binh có thể tấn công dưới sự bảo vệ của xe bọc thép.

Người bắn súng máy không muốn ra đứng ở vị trí khi Scanlon ra mệnh lệnh "Đứng dậy, nhân danh Chúa, và bắn vào gốc hàng cây !". Anh nắm áo kéo anh ta ra ngoài, hét lên cố chỉ dẫn bằng tiếng Việt cho đến lúc anh ta nắm lấy súng.

Người lái chiếc M-113 bắt đầu lùi. Scanlon nhận thấy chiếc xe bỏ lại một người bị thương trên ruộng, anh kêu lên ra hiệu. Người lái nghe tiếng trở lại chỗ người bị thương nhưng không ai muốn ra khỏi xe để nhặt lên. Scanlon nhảy xuống chạy tới. Một lính bộ binh can đảm hơn những người khác cũng nhảy theo giúp anh đưa người bị thương lên đặt nằm trên sàn xe. Trong lúc họ làm thế, hai lính bộ binh khác bị trúng đạn. Người bắn súng máy chiếc M-113 thứ hai cũng sợ hãi, trốn vào bên trong vừa bắn hàng loạt lên trời. Scanlon chạy tới, chửi rủa cho đến khi anh ta lên lại vị trí "Bắn vào gốc hàng cây!".

Tổ lái hai chiếc M-113 sợ ; lái xe đóng tấm chắn phía trước chống đạn. Việt cộng thôi bắn khi những chiếc bọc thép lùi. Lúc đầu, lái xe đi về phía bên phải những chiếc trực thăng, chỗ những chiếc xe bọc thép của Mays tiến lại. Nhưng cho rằng chỗ ấy căng thẳng, họ chuyển hướn g về phía con kênh. Scanlon hét lên bảo dừng lại, ra hiệu lái xe của anh đi về phía trực thăng nhưng anh ta lắc đầu. Anh bèn bảo viên trung sĩ trưởng xe và những người khác trong nhòm phải trở lại tấn công Việt cộng vì những người lính bị thương và nằm im tránh đạn đang

dựa vào họ. Viên trung sĩ trả lời đã có ba người bọn họ bị thương và thế là đủ. Người lái xe vẫn đi về phía con kênh. Scanlon không muốn đồng lõa với cách rời bỏ hàng ngũ đó. Anh thấy Bowers ngồi xổm ở bờ đê vẫy anh. Anh nhảy xuống chạy lại đấy.

Bowers quyết định tốt hơn là tìm lại những sĩ quan cố vấn khác vì không hy vọng có thể thực hiện được việc gì có ích với những người sống sót trong đại đội dự phòng của anh.Mấy phút trước đây, anh cố gắng tổ chức một cuộc tấn công và bây giờ cảm thấy những cố gắng của mình thật buồn cười. Khi thấy xe bọc thép của Scalon tiến đến, anh hướng dẫn người của mình thao diễn chiến thuật xe bọc thép phối hợp bộ binh như anh đã tập cho họ. Khẩu hiệu của trường bộ binh là “Theo tôi!”. Theo tập quán tốt nhất, Bowers đã lom khom chạy dọc con đê, kêu lên bằng tiếng Việt “Tấn công !” rồi anh đứng lên vung khẩu súng máy về hướng binh lính Sài Gòn để họ theo anh và chạy theo xe bọc thép về phía quân địch. Tiến chưa đầy 20 bước, lần thứ hai trong ngày anh có cảm giác đơn độc. Anh ngoảnh lại, đúng là chỉ một mình ! Khi những chiếc M-113 trở lại, Bowers quay lại về con đê, may mắn không ai đi theo. Còn vài người lính bị bắn chết nữa. Không sao. Đấy như đã là số phận của những người chết hôm ấy. Anh báo tin với Scanlon, Braman và Deal chết rồi và Mays đã đưa đi ba phi công. Scanlon hỏi anh những người đi máy bay khác ở đâu và Bowers dẫn anh này đến chỗ con đê, trước những chiếc trực thăng rồi họ nằm quan sát cuộc chiến diễn ra quyết định giữa những Việt cộng nhỏ thó và những chiếc bọc thép to mạnh.

Cùng lúc ấy , Bá đến ở cánh sườn phải đã có Mays. Xe của ông kéo hai chiếc sang kênh, để lại một tiếp tục kéo và cùng chiếc kia chạy lên dẫn đầu cuộc hành quânh. Ông đứng ở rìa nắp đậy phía sau khẩu súng máy. Đây là chỗ ông thích vì có tầm nhìn tổng quát tốt nhất và khi có dịp cũng muốn lia vài băng đạn. Thấy ông đi đến, Mays nắm lấy ống nói đài của Chớ. Anh định bảo Bá không nên tấn công trực diện mà đi xa về bên phải để lại gần hàng địch quân ở đầu con đê kênh tưới. Họ vẫn là bia ngắm của súng máy và trung đội dàn quân ở đấy nhưng việc tập trung tầm băn yếu hơn trước hàng cây. Cây chỗ này thưa nên Mays đã thấy khẩu súng máy và anh Việt cộng đứng phía sau. Chuyển hướng như vậy, họ sẽ làm giảm đáng kể hỏa lực của đối phương và bắn được tối đa. Khi đã giết được những người bắn súng máy, họ có thể dồn hỏa lực của mình vào suốt hàng cây từ đầu đến cuối và dồn đuổi hết Việt cộng.

Lúc chiếc xe bọc thép của Bá lại gần, Mays đang sắp nói thì ông ta từ nắp đậy bước xuống, chắc chỉnh cái gì đó ở ống nghe để liên lạc với những người khác và phối hợp tấn công. Chiếc xe nhảy lên trên một ụ đất đúng lúc ông bước xuống. Khẩu súng máy quay trên giá đỡ đập vào đầu. Ông ngã vào trong xe, gần như bất tỉnh.

Đại đội tạm thời thiếu chỉ huy trưởng. Người phó của Bá có khả năng và kinh nghiệm có thể đảm nhiệm ngay việc chỉ huy và Mays sẽ dễ dàng bàn bạc vì ông nói tiếng Anh nhưng lại bị bệnh thương hàn đang nằm bệnh viện. Chớ tuy hiếu chiến trong đánh nhau riêng lẻ, xem ra không đảm đương nổi trách nhiệm ấy. Do Mays không thể trao đổi với Bá trước khi ông gặp tai nạn, ông không chỉ thị được cho Chớ tấn công vào cánh sườn bên phải. Tiếng Anh của Chớ rất hạn chế và tiếng Việt của Mays không hơn gì. Anh chỉ biết nói "tấn công" và "đồng loạt", nhắc lại với Chở bằng cử chỉ nhưng 20 phút tiếp đó không có một hành động phối hợp nào. Bốn xe bọc thép , được tăng cường ba chiếc khác đã vượt qua kênh (năm chiếc hèn nhát ở lại), bắn những phát riêng lẻ vào hàng cây rồi cùng lùi lại.

Hai mươi phút ấy thật kinh khủng. Trong những hành động bấp bênh ấy, nạn nhân, chết hoặc bị thương đại bộ phận là những người bắn súng máy. Việt cộng dễ bắn trúng họ nhất vì thân hình hiện rõ trên những chiếc xe bọc thép. Nói chung đó là những trung sĩ có trách nhiệm về tổ lái cũng như về tiểu đội bộ binh họ chở đi. Hệ thống này được người Mỹ đưa ra để xe bọc thép và bộ binh hình thành một đội gắn liền với nhau. Các hạ sĩ quan đứng sau súng máy cũng vì những lý do ấy, đặc biệt có tầm nhìn bao quát để chỉ huy quân lính. Vì người Mỹ nói với họ có thể tin tưởng tuyệt đối vào hiệu lực vũ khí đáng sợ của họ và trong những lần trước không có gì nguy hiểm xảy ra nên các trung sĩ không biết chỉ huy tổ lái và bộ binh lúc ẩn tránh trong xe. Khi bắt đầu bắn, mỗi người áp dụng những bài đã học khác nhau, không nghĩ đến hậu quả. Trung sĩ nhất của đại đội, cũng là bạn gần gũi hơn cả của Bá trèo lên khẩu súng máy sau khi đã săn sóc cho đại úy của mình. Ông ra lệnh cho chiếc M-113 tiến lên tấn công vào hàng cây và chỉ một lát sau đã ngã xuống , tử thương vì một viên đạn vào yết hầu. Trong 20 phút Bá bất tỉnh, khả năng nắm lại quyền kiểm soát những chiếc xe bọc thép tan đi nhanh chóng. Các trưởng xe hoặc chết hoặc bị thương được những người ít kinh nghiệm hơn thay thế và tinh thần các toán quân bắt đầu rạn nứt.

Đã đến lúc kỹ thuật công nghiệp Mỹ bổ sung cho những suy yếu của con người. Chiếc M-113 trang bị súng phun lửa đưa từ tháp pháo ra chiếc ống dài như một nòng súng. "Đấy đấy ! Kết thúc rồi ! Tay ấy sẽ phun lửa vào toàn bộ hàng cây !". Scanlon bình luận với một trong những phi công trực thăng nằm cạnh anh phía sau con đê. Chiếc xe bọc thép lại cách hàng cây 100 mét, đủ gần để tia xăng bắt lửa đốt cháy những người sợ sệt trong lúc đạn vẫn tiếp tục nảy lên trên vỏ thép. Người điều khiển cho chiếc ống quay từ đầu này đến đầu kia như một cách đe dọa đáng sợ rồi dừng lại đúng trước mặt để thiêu cháy quân địch. Anh ta nhấn nút. Một tia lửa ra khỏi ống rồi tắt ngay. Tổ lái không trộn đủ chất đông dính với xăng để lửa tiếp tục cháy. Scanlon rên rỉ :

“Ồ, lạy Chúa ! Như một chiếc bật lửa Zippo !”

Anh phi công bị thương ở cánh tay, triết lý hơn :

“Bình thường thôi ! Mọi việc đều hỏng thì cái đó làm được gì !”.

Vann bay vòng vòng trên chiến trường, khổ sở vì thất vọng trước quang cảnh ấy : Việt cộng bắn hạ xạ thủ súng máy, xe bọc thép lùi dần nối tiếp nhau và ống phun lửa gặp sự cố. Đây là lúc kỳ quái nhất của một ngày điên cuống. Anh rủa Bá đã không tập hợp tất cả M-113 đồng thời tấn công, chửi Harkins đã cản trở anh tác động trong quá trình cuộc chiến. Anh cũng ngạc nhiên như những người khác thấy Việt cộng không rời bỏ trận địa chạy trốn trước xe bọc thép. Anh không chịu đựng nổi khi không thể hành động trước mặt trái bất ngờ này. Anh những muốn nói với Mays và kẻ đồng cấp ngu dốt của anh ta rằng, nếu sử dụng súng máy quá nguy hiểm thì chỉ việc đóng các cửa xe xông vào hàng cây ; khi đã ở trên đê họ đổ quân lính bộ binh ra đi tàn sát Việt cộng trong các hố. Nhưng anh không có cách nào nói được với Bá hoặc Mays : những làn sóng điện bố trí ở M-113 không cùng tần số với những làn sóng trên máy bay thám thình L-19. Đã bao nhiêu tháng nay Vann đề nghị Sài Gòn bố trí để máy bay anh có thể liên lạc trực tiếp với xe bọc thép mà không được.

Trong các hố cá nhân, Việt cộng không thể cho phép mình tính toán gì nữa : họ chiến đấu để tránh bị tiêu diệt. Sau khi bị súng máy đánh vào đầu, Bá đã đủ hồi sức để tập hợp bảy , tám chiếc xe và tung một đợt tấn công phối hợp vào hàng cây. Nhưng còn ê ẩm vì cú đánh, choáng váng về cái chết của viên trung sĩ nhất và ngạc nhiên thấy Việt cộng vẫn tiếp tục chiến đấu, ông không đủ tâm trí sáng suốt để chú ý đến lời kêu gọi của Mays trong đài báo tấn công vào cánh sườn phải. Ông quá choáng nên không nhận ra cần buộc bốn hoặc năm xe sợ sệt ở lại phía sau gần con kênh phải tiến lên tăng cường cuộc tấn công. Theo bản năng, ông đã bỏ rơi chiến thuật Vann muốn thấy ông áp dụng : đóng mọi cửa ra vào và lao tới. Vann không biết một sĩ quan xe bọc thép như Bá đã học được, không phải không có lý do, không bao giờ mạo hiểm như vậy mà đối với một lính bộ binh có thể là sáng tạo. Các thấy ở những trường Pháp, Mỹ đã dạy ông,chỉ có những kẻ điên mới mù quáng tung xe bọc thép vào rừng. Bộ binh địch lúc nhúc ngay quanh xe, ném lựu đạn vào khi có một lỗ mở và bắn hạ bất cứ ai ở ngoài. Bá cũng biết bên kia đê có nước. Nếu ông lao tới, xe có đủ đà vượt qua đê chìm vào kênh tưới. Nước vào qua các lỗ thông hơi ngập hết máy. Những chiếc xe sẽ chúi hẳn xuống, không sử dụng được súng máy, xung quanh là Việt cộng. Giải pháp duy nhất nảy ra trong trí óc còn bối rối của ông là mở một con đường giữa cây cối với những súng máy, súng tự động và tất cả những vũ khí bộ binh có thể sử dụng; phải thận trọng lên đê không nhào sang bên kia rồi đi dọc hàng hố cá nhân Việt cộng nếu họ không chạy trốn trước khi ông vào chu vi đề

kháng của họ.

Những chiếc xe bọc thép tiến lên theo hàng lộn xộn trong bùn và nước ruộng. Hai mươi phút hành động riêng lẻ và rời rạc, một số lớn trung sĩ tử thương dẫn đến tâm trạng ngập ngừng trong lúc tình hình đòi hỏi một quyết định dứt khoát. Bá khó khăn trong việc phối hợp những chiếc xe mà các tổ lái đã mất tinh thần. Việc tấn công dè dặt và các chiến binh không dứt khoát, Người lái không muốn lộ người ra, ngồi trong xe cố điề khiển xe bằng hệ thống quang học. Không quen và tầm nhìn hạn chế làm họ tiến chậm hơn bình thường tăng nguy cơ súng máy dễ trúng đạn Việt cộng cũng như lính bộ binh đứng trên xe bắn vũ khí hạng nhẹ. Lái xe trông không rõ dẫn đến việc không giữ được thăng bằng xe, cản trở lưới lửa của bảy hoặc tám chiếc xe tập trung chính xác. Một số xạ thủ súng máy mới từ chối đứng sau súng mà ngồi trong tháp pháo bắn thẳng cánh, nghĩa là đưa đạn lên trời.

Qua từng giây, Bowers càng khâm phục trình độ quân sự của kẻ địch. Anh mê nhất việc Việt cộng giữ vững lòng can đảm và chiến đấu thông minh chống những con quái vật sắt xám thẫm gần đến thế. Họ không phân tán tầm bắn dọc theo hàng những kẻ tấn công mà tập trung vào xe gần nhất. Bowers nhìn những viên đạn địch nhảy trên vỏ thép từ làn bắn chéo cho đến lúc giết chết hoặc làm bị thương xạ thủ hoặc một lính bộ binh. Người lái ngập ngừng rồi dừng lại. Việt cộng bèn ngừng bắn hoặc vì tiết kiệm đạn hoặc để bắn tập trung vào chiếc xe đi đầu. Cuộc tấn công thất bại. Một số lái xe bắt đầu lùi. Kể cả Chớ hiếu chiến có Mays ngồi cùng xe cũng để tổ lái rút lui sau khi súng máy bị bắn trúng.

Chiếc xe bọc thép của Bá và một, hai xe khác tiếp tục tiến, chẳng mấy chốc đã cách con đê kênh tưới 15, 20 mét. Những lính đánh thuê Sài Gòn không mong muốn một trận chiến như vậy nhưng họ là người Việt và một số cũng can đảm khi đã vào trung tâm hành động. Tinh thần của Việt cộng bắt đầu rạn nứt ; một lúc nữa một trong những con quái vật 10 tấn ấy trèo lên đê và lòng quyết tâm chống cự sẽ tan biến. Tổ lái trên những chiếc xe bọc thép khác bị đánh lấy lại can đảm trở lại chiến đấu. Sĩ quan và hạ sĩ quan Việt cộng không khống chế nỗi sợ hãi được nữa. Binh lính của họ sẽ nhảy ra khỏi hố bảo vệ chạy trốn và bắt đầu cuộc tàn sát như trường hợp thường xảy ra trước đây.

Tiểu đội trưởng Dũng chặn ngay những chiếc xe lại. Anh nhảy ra khỏi hố cá nhân, đứng thẳng trước những vật to cồng kềnh. Nỗi sợ hãi của anh cùng các bạn khi thấy chúng phần lớn do chúng xấu xí quỷ quái. Phía trước tận cùng bằng một mõm rộng phình ra hai con mắt là đèn pha. Dũng lấy ở thắt lưng ra một quả lựu đạn, rút chốt đưa cánh tay ra sau ném vào một trong những con quái vật. Quả lựu đạn rơi trên đỉnh một chiếc M-113 nổ một tiếng lớn và bùng lên ngọn lửa. Trước sự dũng cảm của anh, binh sĩ trong đội vượt qua nỗi sợ, rời chỗ ẩn nấp theo

gương anh cũng ném lựu đạn. Một người khác tên là Sơn bắn súng phóng lựu đạn dọc theo hàng xe bọc thép. Ở chỗ nằm Bowers thấy hai quả nổ phía trên xe. Dũng xem ra không việc gì nhưng ba người bạn chết, những thành viên khác trong tiểu đội bị thương vì đạn của quân đội Sài Gòn hoặc vì mảnh lựu đạn của họ. Không biết trong xe có bao nhiêu nạn nhân. Điều đó không quan trọng. Tiếng nổ xé tai và những ngọn lửa cũng đủ để làm tan một ít can đảm còn lại của các tổ lái. Bá cho phép lái xe lùi và những xe khác đi theo. Cuộc tấn công thất bại. Bá quá kinh ngạc và bối rối, không bắt đầu lại được nữa. Dù sao các tổ xe của ông mất tinh thần đến nỗi nếu ông muốn làm họ cũng không nghe theo. Mays trong xe của Chớ cố thử hai đợt mới để đánh vòng vào sườn quân địch và giết các xạ thủ súng máy ở đầu bên phải. Họ bị đẩy lui với giá mạng sống của hai xạ thủ súng máy và những lính bộ binh khác. Lúc này là 14 giờ 30. Việt cộng đã hoàn thành điều tưởng như không thể làm được.

Chống đỡ với bi kịch này là màn khôi hài rùng rợn do Cao tưởng tượng ra. Khi được tin bốn trực thăng bị bắn hạ, lúc 11 giờ 30 sáng hôm ấy từ tổng hành dinh ở Cần Thơ, viên tướng đi máy bay đến Tân Hiệp. Ông ta sợ báo chí công bố tin này và lo ngại tổng thống Diệm sẽ có thái độ đối với ông khi được biết bản tổng kết thiệt hại mỗi lúc một cao hơn. Chắc chắn Diệm sẽ quy trách nhiệm cho ông. Ông tức giận Vann và Đạm đã đưa ông vào một ngõ cụt tồi tệ, một tình thế buộc phải đánh nhau với Việt cộng. Khi biết xe bọc thép của Bá cũng thất bại, làm bia cho quân địch bắn dễ dàng, ông bắt đầu tìm cách tránh khỏi cuộc chiến này, đổ trách nhiệm thất bại lên một người nào đó.

Vann đang bay trên ấp Bắc, quan sát đợt cố gắng cuối cùng của Chớ trong xe bọc thép ở đầu con đê thì được Dan Porter gọi điện cho biết kế hoạch của Cao rút khỏi vấn đề rắc rối. Porter đến Tân Hiệp cùng Cao, báo tin mật Cao đã xin một tiểu đoàn lính dù ở tổng hành dinh Sài Gòn. Vann đề nghị Porter thả lính dù trên đồng ruộng và đầm lầy phía đông Tân Thới và ấp Bắc, lối thoát duy nhất của Việt cộng không thể diễn ra ban ngày nhưng là đường rút lui hợp lý của họ về đêm.

“Topper Six, tôi đã nói với ông ta như thế nhưng ông bảo sẽ sử dụng họ ở phía bên kia”. Porter trả lời.

“Tôi sẽ đến ngay”, Vann đáp, và lệnh cho phi công lái nhanh chóng trở lại Tân Hiệp.

Anh hiểu ngay trò chơi của Cao. Như sau này anh viết trong báo cáo gửi Harkins, Cao có ý đồ dùng tiểu đoàn dù không phải để bẫy và tiêu diệt Việt cộng mà như một “trình diễn sức mạnh .. hy vọng các đơn vị quân địch thôi chiến đấu để cuộc chiến bất đắc dĩ này kết thúc.”

Vann từ chiếc máy bay nhỏ bước xuống, sải dài bước chân vào lều chỉ huy.

Anh nói với cao không thể phí phạm máu chẳng được gì, phải khép bẫy đối với Việt cộng và tiêu diệt họ. Porter bảo vệ anh và cả hai khẩn nài : nhân danh người chỉ huy chịu trách nhiệm, ông không có sự lựa chọn nào khác. “Ông phải thả lính dù ở kia”. Vann nói vừa đưa ngón tay vào tấm bản đồ hành quân lớn, chỉ sườn trống ở phía đông hai ấp. Anh giận dữ và vung tay đến mức suýt làm đổ giá đỡ bản đồ.

Cao không nhạy cảm với tính hợp lý quân sự ấy. “Như vậy không khôn ngoan. Như vậy không khôn ngoan”, ông không ngớt nhắc lại và giải thích tốt hơn nên thả lính dù xuống phía tây, phía sau những chiếc M-113 và quân bảo an để liên kết với những đơn vị này. “Chúng ta phải tăng cường”. Sau này, Vann phải tóm tắt lôgic của Cao bằng công thức “Họ đã chọn cách tăng cường sự thất bại”.

Anh lại một lần nữa mất bình tĩnh :

“Nhưng lạy Chúa ! Anh hét lên, ông muốn họ bỏ chạy ư ? Ông sợ phải đánh nhau. Ông biết rõ họ sẽ chuồn khỏi lối ấy và đó là điều ông muốn”

Cảm thấy bị dồn ép, Cao lấy giọng gay gắt của viên tướng nói với một trung tá.

“Tôi là tướng. Ở đây tôi chỉ huy và đấy là quyết định của tôi”.

Thiếu tướng Trần Thiện Khiêm, trưởng ban tham mưu hỗn hợp từ Sài Gòn đến theo yêu cầu của Cao, chứng kiến cuộc cãi nhau kịch liệt không có một ý kiến phản đối nào cả. Harkins không tới và không cử một thuộc hạ nào đến thăm dò lý do thiệt hại chưa từng có về năm chiếc trực thăng; vậy là không một viên tướng Mỹ nào trong lều để vung sao lên có lợi cho Vann và Porter. Để xoa dịu Vann, Cao cho rằng đã đưa giờ hành quân lên sớm hơn. “Sẽ tiến hành vào lúc 16 giờ”. Vann quay trở lại máy bay thám thính của mình. Anh đã hiểu tranh cãi lâu hơn nữa sẽ vô ích và hy vọng lính dù đến địa điểm khá sớm để còn có lợi một phần nào.

Cả buổi chiều, anh tự hỏi bao giờ lính dù sẽ đến và cố thuyết phục Cao, Đạm và Thọ, biến sự thất bại lớn nhất trong chiến tranh thành thắng lợi lớn nhất. Còn có khả năng chuộc lại lỗi lầm. Chỉ cần tập hợp hai tiểu đoàn bảo an và đại đội xe bọc thép của Bá, tổ chức một đợt tấn công phối hợp vào ấp Bắc. Dù lính M-113 mất tinh thần đến mấy, ít nhất họ cũng hỗ trợ được lính bộ binh bằng những loạt đạn súng máy hạng nặng và Việt cộng không thể chống cự lại một sức mạnh như thế. Cao cũng như Thọ không thể hiểu con đường hợp lý và đạo đức duy nhất là tấn công, chấp nhận những thất bại mới tương đối nhỏ, minh oan cho sự hy sinh của những người đã bị giết hoặc bị thương.

Thực tế tiểu đoàn bảo an thứ hai đã đến ấp Bắc trong lúc xe bọc thép của Bá tấn công và do một trung úy trẻ có tài chỉ huy. Anh thấy ngay có thể hỗ trợ Bá

bằng cách vòng qua sườn phải, tấn công hàng phòng thủ Việt cộng từ phía nam, điều đáng lẽ tiểu đoàn thứ nhất đã phải làm. Anh điện đàm xin phép Thọ tấn công và bố trí ngay một đại đội để tranh thủ thời gian. Thọ bảo anh phải chờ. Suốt buổi chiều và sau khi Bá bị đánh bại, viên trung úy đã ba lần xin phép tấn công.

Prevost đã chuẩn bị trận địa cho anh khi buộc khẩu súng máy của địch ở góc phải con đê im lặng do cuộc tấn công bằng máy bay duy nhất có hiệu quả trong trận đánh. Việc đó xảy ra lúc 15 giờ 40 phút, chậm mất một giờ để hỗ trợ Bá nhưng đủ sớm cho quân lính bảo an. Vann tìm được Prevost ở trạm chỉ huy ngay sau khi cãi nhau với Cao. Anh đề nghị phải làm gì để chuộc lại sự thất bại hoàn toàn của những đợt tấn công bằng máy bay. Anh chỉ trên bản đồ hàng phòng ngự của Việt cộng và khẩu súng máy anh dò thấy cuối buổi sáng trong việc cứu hụt máy bay trực thăng. Prevost mượn một máy bay quan sát L-19 khác và Đạm ra lệnh cho một người Việt Nam ngồi ở ghế sau để điều chỉnh tầm bắn một chiếc A-26 khi cần can thiệp.

Lúc đầu Prevost tôn trọng nguyên tắc, để người quan sát viên Việt Nam kiểm soát chiếc máy bay ném bom hai động cơ. Anh nhận định người phi công Mỹ lãng phí vô ích hai thùng napalm và quả bom 50 kilô. Prevost bèn quyết định vi phạm nguyên tắc, thuyết phục quan sát viên Việt Nam để anh điều khiển chiếc A-26. Anh bay nhiều lần dọc theo hàng cây. Lúc đầu, anh phi công nóng lòng với những bài học Prevost dạy cho anh tiến lại gần và bổ nhào trong lúc súng máy nhả đạn, có xu hướng xuống quá dốc đứng và bay lên quá sớm. Đạn thường không trúng mục tiêu. Ban tham mưu của trung tâm hành quân hỗn hợp ở Tân Sơn Nhất vẫn nghe những cuộc liên lạc điện đài. Một trong những sĩ quan cũ biết Prevost và nhận ra tiếng nói của anh, bảo những người khác “Nghe này, Herb đang dạy cho phi công tiến đánh một đợt tấn công”. Khi anh phi công biết bổ nhào đúng, Prevost bảo bắn một loạt rốc két đúng vào góc đê. Khẩu súng máy của Việt cộng im bặt, xạ thủ bị giết hoặc bị thương. Ban chỉ huy trọng pháo phạm sai lầm gọi chiếc A-26 trở lại vì muốn lại bắn vào mặt đất. Nhưng không phải sự vụng về ấy làm cho chiến công của Prevost trở thành vô ích. Mỗi lần viên trung úy bảo an xin phép tấn công, Thọ đều ra lệnh chờ đã. Với thời gian ấy, ông ta mất oan ba người chết và bị thương.

Mỗi lần Vann hỏi Ziegler vì sao tiểu đoàn lính dù chưa được thả xuống và Ziegler chất vấn Cao, ông ta ra cửa lều nhìn trời. “Đáng lẽ họ phải đến rồi, ông nói. Việc này do Sài Gòn làm chậm”. Thực ra ông đã thu xếp để thả lính dù lúc 18 giờ, nghĩa là một giờ rưỡi trước khi trời tối. Như vậy họ chỉ vừa tập hợp lại, bố trí một chu vi bảo vệ trong đêm, không có thì giờ tổ chức tấn công, hoàn toàn phù hợp đối với Việt cộng.

Quân lính dù trên bảy chiếc hai động cơ vận tải C.123 nhảy xuống lúc 18 giờ 5 phút. Nghe làn sóng đài Quân đội Cộng hòa, người chỉ huy tiểu đoàn Việt cộng biết họ sẽ đến từ hai tiếng trước đó. Nhưng ông không biết chính xác địa điểm nhảy dù, ra lệnh cho chỉ huy đại đội Tân Thới sẵn sàng di chuyển một bộ phận chiến sĩ để chống lại quân dù nếu chúng đe dọa.

Khác với đồng đội của họ ở ấp Bắc, các đội quân Việt cộng ở Tân Thới còn tương đối sung sức. Cuộc chiến đấu của họ với Sư đoàn 7 mới hạn chế trong việc đấu súng. Đại úy Kenneth Good, người California, 32 tuổi, cố vấn tiểu đoàn ưa chuộng của Vann và là sĩ quan có tính quần chúng nhất phân đội, bị chết tại đó. Anh đi thăm dò để cố lay chuyển các toán quân bất động. Bị thương, một thời gian lâu mất máu vì viên đại úy người Việt đi cùng không báo cho ai anh đã trúng đạn. Chỉ hai giờ sau, tình cờ một cố vấn khác phát hiện ra và Vann cho chuyển anh đến tận đường bay, chỉ mấy phút sau thì anh chết. Hai giờ rưỡi sau cái chết của Good, quân lính dù đến được tiểu đoàn hoan nghênh và một loạt kèn chào đón. Nhưng không ai động đậy cũng không bắn một phát súng hỗ trợ lực lượng tăng cường từ bầu trời.

Người ta không bao giờ biết trưởng phi vụ Mỹ hoặc trưởng chỉ huy nhảy dù người Việt đã phạm sai lầm phù hợp với việc bố trí của chỉ huy Việt cộng. Lính dù nhảy xuống phía cuối chứ không phải vào đầu địa điểm cách nhau đến gần một cây số. Do vậy, nhiều người trong bọn họ hạ xuống trước vị trí quân địch ở phía tây và tây bắc Tân Thới thay vì xuống phía sau chỗ bảo vệ của lính bảo an và xe bọc thép ở ấp Bắc như Cao dự kiến. Một sai lầm như vậy có thể xảy ra ở mọi cuộc hành quân nhảy dù nên Vann và Porter đã khẩn thiết cho thả quân sớm hơn vào buổi chiều. Việt cộng bắt đầu bắn vào lính dù khi họ đang xuống.

Khác với quân thường trực, những đội không quân Sài Gòn gồm những người lính kiên cường. Các sĩ quan dù Pháp đã là hiệp sĩ trong quân đội thực dân, những người lãng mạn thể hiện tình bạn và lòng can đảm trong cái chết để chuộc lại những ngu ngốc đè nặng lên số phận. Đồng đội Việt Nam của họ vẫn giữ lại ký ức về họ và cố gắng hành động với lòng dũng cảm của những thần tượng Pháp. Nhưng bây giờ họ buộc phải chiến đấu trong điều kiện tồi tệ, không thể tự tổ chức lại trong bóng tối mỗi lúc một gia tăng, còn quân địch gần như bắn liên hồi. Họ đành tấn công từng phần theo đơn vị nhỏ trước khi một đêm xuống kết thúc cuộc đấu. Việt cộng chỉ thiệt hại một ít trong khi gây cho họ những thiệt hại nặng : 19 người chết, 33 bị thương trong đó có hai cố vấn Mỹ, một đại úy, một trung sĩ.

Để chắc chắn Việt cộng có thể thoát khỏi trong đêm, Cao không cho phép máy bay C-47 thả pháo sáng như Prevost đề nghị nhằm soi tỏ đường rút lui của quân địch. Vann muốn đồng ruộng và đầm lầy phía đông Tân Thới và ấp Bắc được

chiếu sáng như ban ngày và trọng pháo oanh tạc. Anh đề nghị 600 đạn súng cối. Cao cho một trăm. Rồi ông ta ra lệnh cho trọng pháo chỉ bắn bốn quả mỗi giờ. Ông biện bạch cấm thả pháo sáng vì lính dù không muốn bị quân địch phát hiện. Việc họ yêu cầu như vậy thật đáng ngờ và Vann cãi lại, giải thích dù sao pháo sáng cũng không chiếu rõ họ được vì họ ở bên kia Tân Thới. Những lý lẽ riêng của Cao vẫn có giá trị hơn và trận địa chìm trong bóng tối.

Những "con vật nhỏ rách rưới" bắt người Mỹ phải chấp nhận. 350 Việt cộng đã giữ vững trận địa và hạ nhục một quân đội hiện đại với quân số lớn gấp bốn lần, trang bị xe bọc thép, trọng pháo, trực thăng và máy bay ném bom. Để đối chọi, vũ khí mạnh nhất của họ là một khẩu móc-chi-ê nhỏ, cỡ 60, được xem là vô dụng. Họ có 18 người chết và 39 bị thương, thiệt hại tương đối nhẹ trong cuộc chiến mà người Mỹ và những người Việt Nam do họ bảo vệ đã dội vào nhiều nghìn loạt đạn súng thường và súng máy hạng nặng, 600 đạn súng cối, napalm và bom cùng những quà tặng khác chở trên 13 máy bay và năm trực thăng chiến đấu. Riêng những chiếc Huey đã trút xuống hàng cây ấp Bắc 8400 đạn súng máy và một trăm rốc két. Với vũ khí hạng nhẹ, Việt cộng đã gây gấp bốn lần thiệt hại cho họ, giết được khoảng 80 lính Sài Gòn, làm bị thương hơn 100; ba người Mỹ chết và 8 người khác bị thương, 5 chiếc trực thăng bị bắn hạ. (Sau này, chính quyền Sài Gòn công nhận có 63 người chết và 109 bị thương, làm giảm nhẹ thiệt hại bằng bỏ sót những mất mát của đại đội dự phòng trước ấp Bắc). Việt cộng gây ra những tổn thất ấy mà tiết kiệm đạn dược. Từ những loạt đạn đầu bắn nhau với quân bảo an cho đến những loạt cuối cùng với lính dù, họ chỉ dùng khoảng 5000 đạn súng thường và súng máy.

Viên chỉ huy tiểu đoàn quyết định rút lui vào 22 giờ, địa điểm tập kết là ngôi nhà một nông dân ở đầu phía nam Tân Thới. Suốt cả ngày, ông đảm nhận việc chỉ đạo chiến đấu, quyết định số phận mọi người với kinh nghiệm và suy tính của một người lính thực thụ, ý thức chỉ hy sinh người của mình cho chiến thắng. Bây giờ ông tổ chức cuộc rút lui cũng thận trọng như thế để rồi sau này lại chiến đấu. Hai đại đội phải đi từng đợt theo đơn vị nhỏ gần với ngôi nhà. Đại đội ấp Bắc đã bắt đầu rút hàng phòng ngự trước mặt những chiếc M-113 từ cuối buổi chiều ngược theo con sông nối liền hai ấp. Trong khi rút lui, mỗi trung đội của từng đại đội được phân công bảo vệ phía sau trong trường hợp quân đội Cộng hòa dám tấn công vào ban đếm. Hai giờ trước khi đi, viên chỉ huy đã cử hai trinh sát địa phương thăm dò đường rút về phía đông và tập hợp ghe thuyền chở những người bị thương theo kênh đến trạm cứu thương của căn cứ gần nhất. Khi trinh sát chở về, ông bàn bạc với các sĩ quan của mình để chọn con đường chắc chắn nhất. Ông cử một tiểu đội trở lại ấp Bắc tìm xác Dũng và đồng đội để được chôn cất theo vinh dự dàng cho họ. Dũng đã đứng lên trước xe bọc thép và trước

các bạn còn sống, bị máy bay hoặc một loạt trọng pháo bắn chết một lúc sau đó. Tiểu đội trở về không có xác đồng đội, không tìm được trong bóng tối và sợ có tiếng động trong xóm vì những chiếc M-113 đóng quân ban đêm gần đấy. Trong báo cáo trận đánh họ viét "Đồng chí Dũng đã không thể trở về với chúng ta".

Lúc 22 giờ, hai đại đội theo hàng dọc đi về hướng căn cứ Đồng Tháp Mười. Dân quân địa phương và nông dân ấp Bắc, Tân Thới đã hỗ trợ họ trong suốt cuộc chiến cũng đi theo một con đường khác về chỗ trú ẩn trong những rừng dừa lân cận. Đi đầu là các toán quân chủ lực của Tiểu đoàn 261 đã chống cự ở ấp Bắc. Giữa hàng quân , lính bộ binh mang những người bị thương và những người chết sẽ được làm lễ an táng trang trọng. Quân địa phương của Tiểu đoàn 514 đi đoạn hậu với một trung đội bảo vệ phía sau. Những người này di chuyển trong tình đồng đội và đã có thói quen bước đi trong đêm. Họ chuyển những người bị thương xuống thuyền đang chờ trên kênh. Hàng quân tiếp tục đi đến một chỗ lội qua sông, tiến lên không bị phát hiện và về đến trại lúc 7 giờ sáng. Họ đã làm được nhiều hơn việc thắng một trận, mang về một thắng lợi theo kiểu Việt Nam cũng như tổ tiên hộ đã làm từ nhiều thế kỷ. Họ đã chiến thắng quân địch mạnh hơn họ.

Vann tỏ lòng tôn kính họ lúc họ vừa bắt đầu rút lui. Điều đó đúng đã đến với anh vì anh là người báo tin của số phận. Không có anh, Bá có lẽ còn lờ đờ khá lâu để đến ấp Bắc quá chậm chiến đấu. Trong quyết định phải thắng quân địch, anh hối thúc buộc xe bọc thép tiến nhanh. Như vậy, anh dồn ép cuộc chiến đến mức nhục mạ cao độ quân lực Sài Gòn và đưa lại chiến thắng cho Việt cộng.

Đêm ấy tôi đi xe đến Tân Hiệp cùng Nicholas Turner, người New Zealand, thông tín viên hãng thông tấn Reuter và Nguyễn Ngọc Rao, phóng viên UPI. Những tin tức chúng tôi nắm được ở Sài Gòn về năm chiếc trực thăng bị bắn hạ, những đội quân được máy bay chở đến thả giữa chiến trường thật kỳ lạ khiến chúng tôi quyết định đến tại chỗ để xem điều gì đã xảy ra. Chúng tôi sợ bị bắt hoặc cầm tù ở một trong những rào chắn thường Việt cộng ngăn chặn về đêm. Nhưng chắc chắn chúng tôi mạo hiểm hơn hiều khi ngồi trên chiếc Triumph nhỏ của Turner đi mỗi giờ 100 cây số trên con đường nhựa hai chiều.

Cao đang trong tình trạng không muốn nói chuyện với chúng tôi. Ông ta bước ngang dọc trước lều chỉ huy, không ngớt đưa hai tay lên vuốt tóc như bị chi phối bởi một cơn thần kinh. Khi tôi tiến lại để hỏi ông một vài câu, ông nhìn thẳng vào tôi một lúc rồi nói những câu rời rạc và đi xa ra.

Một trong những đại úy của Vann đi tìm anh cho chúng tôi. Vann đưa chúng tôi lại cuối đường băng, xa ánh sáng những ngọn đèn treo trên dây lều. Anh không muốn Cao, Đạm và những sĩ quan Việt Nam khác thấy anh nói chuyện với chúng tôi. Anh rất thật thà nhưng đêm ấy cố nén giận, nghĩ đến hậu quả của

việc báo chí công bố những chi tiết tệ hại của sự tan vỡ này. Anh kể với chúng tôi Việt cộng đã chống cự như thế nào trước sự tấn công của xe bọc thép và những đợt dội bom hàng loạt. Anh nhìn về phía ấp Bắc ban đêm trong lúc người ta nghe xa xa tiếng ì ầm của trọng pháo và đạn pháo sáng thỉnh thoảng soi rõ bầu trời mặc dù Cao đã có lệnh cấm. Rồi anh nói với chúng tôi :

“Họ thật dũng cảm, họ đã cho chúng ta một hình ảnh đẹp về bản thân họ ngày hôm nay”.

IV

SỰ CHỐNG ĐỐI

Không thể chấp nhận sự thua trận. Anh là trung tá quân đội Hoa Kỳ. Dù chỉ là một cố vấn không có quyền chỉ huy, cuộc chiến tranh này đã trở thành của anh và anh đã gắn chặt mình vào đó nên không thể đánh mất nó. Lòng tự ái cá nhân, niềm tự hào về sự lớn mạnh của đất nước anh và ưu thế của nó trên thế giới bị đạp xuống chân làm anh không chịu đựng nổi. Trận ấp Bắc quyết định cho cuộc cách mạng Việt Nam ở miền Nam nhưng cũng có nghĩa quyết định với John Vann. Nó hối thúc anh theo hướng anh đã khởi đầu một cách tuần tự. Anh sẽ đi gặp Harkins ở Sài Gòn để thuyết phục và nếu Harkins không nghe theo, anh sẽ vượt qua đầu ông ta để xác định chắc chắn với những nhân vật quân sự chính trị cao nhất của Washington, chỉ có một thái độ duy nhất tránh cho Hoa Kỳ thất bại ở Việt Nam : thay đổi chiến lược và buộc Sài Gòn chấp nhận anh và những sĩ quan Hoa Kỳ khác trên đất này nắm quyền chỉ đạo các cuộc hành quân. Vô tình Harkins đang chuẩn bị một thảm họa cho người Mỹ và những người Việt Nam đã chọn trận tuyến cho họ. Vann nhận thức được những khởi đầu của kết thúc bi thảm ấy hơn bất cứ ai ở Việt Nam thời kỳ ấy và quyết định phải làm gì để tránh kết thúc ấy. Đây là một việc làm đầy tham vọng đối với một trung tá bình thường. Nhưng anh không nhận thấy từ đầu mà thể hiện thực tế qua các sự kiện. Anh sẵn sàng vi phạm những qui định của quân đội buộc phải tôn trọng nếu để thay đổi đường lối và chiến thắng trong cuộc chiến tranh. Người ta có sự chứng minh ngay sau trận đánh khi anh không giấu giếm nỗi giận dữ và mức độ thảm họa với các nhà báo mà anh quen biết.

Vào tháng Giêng năm 1963, trong lúc quân đội Mỹ có mặt ở Việt Nam, không tính đến hàng trăm nghìn binh lính như sau năm 1965, báo chí nước ngoài không có hàng trăm phóng viên mọi giới và mọi dân tộc, báo viết, truyền hình, truyền thanh, quay phim, nhiếp ảnh và những người cuồng tín khác đối với chiến tranh tự nhận là những phóng viên địa phương sau này đổ vào Việt Nam. Trong trận ấp Bắc, chúng tôi chỉ có khoảng một tá phái viên đặc biệt trong đó có cả các nhà báo ít quan tâm hơn vì không phải cuộc chiến tranh của họ nữa. Đội quân viễn chinh Mỹ lên đến khoảng 11.300 người nhưng những cố vấn mặt trận chỉ chiếm một phần tư trong tổng số, gần 3000 sĩ quan và binh lính. Với mức độ ấy các phóng viên và những cố vấn chính hầu như đều quen biết lẫn nhau.

Để nắm khắp Sư đoàn 7, các nhà báo không cần có sự khuyến khích của sĩ

quan đối ngoại ở ban tham mưu của Harkins vì viên tướng chỉ huy bị tác động bởi bản tổng kết số địch quân bị sư đoàn tiêu diệt rất cao. Báo chí thường theo dõi các sự kiện quan trọng : năm 1962 và 1963 là cuộc chiến đấu mấu chốt để kiểm soát nửa đồng bằng phía bắc. Vann đã nuôi dưỡng những quan hệ đó. Anh tiếp các nhà báo một cách thuận lợi ở hội thảo. Lúc đầu, họ có ích cho anh trong việc thông báo hình ảnh anh muốn tạo dựng "Cao, con hùm" của miền Nam Việt Nam. Mỗi lần có một bài báo khoa trương tính chất hiếu chiến của Cao, Vann vội vã đưa cho ông ta xem. Nhưng ngược lại với tính thật thà, anh cho chúng tôi thấy và nghe những điều không phù hợp với sự tế nhị quá đáng ấy. Anh để các cố vấn thuộc quyền cung cấp những thông tin chúng tôi cần và đảm bảo chúng tôi có thể đi hành quân với các đại úy, trung úy noi gương anh. Họ hoàn toàn thật thà về những yếu kém của lực lượng quân đội Sài Gòn.

Khi một nhà báo tỏ ra chịu đựng được việc thiếu tiện nghi và bằng lòng xông pha nguy hiểm, bì bõm trên đồng ruộng và ở lại ban đêm tại trận địa, nói một cách khác đã chấp nhận cuộc sống một người lính, anh được những người dễ mến và thật thà này tiếp đón, việc trao đổi trở nên thẳng thắn. Lần thứ hai những câu chuyện còn cởi mở hơn. Thời gian trận đánh ấp Bắc, nửa tá phóng viên Mỹ chúng tôi tham gia nhiều cuộc hành quân của Sư đoàn 7 và trở thành bạn thân của Vann và người của anh. Chúng tôi chia sẻ với các cố vấn quan điểm của họ về cuộc chiến tranh này. Tầm nhìn lý tưởng và xu hướng văn hóa của chúng tôi chẳng có gì khác nhau. Chúng tôi xem cuộc tranh chấp này cũng là của chúng tôi. Chúng tôi tin vào những gì chính phủ nói với chúng tôi và điều họ đang cố gắng hoàn thành ở Việt Nam, chúng tôi cũng muốn đất nước của chúng tôi thắng trận, cũng say sưa về điều đó như Vann và các đại úy của anh.

Buổi chiều sau trận ấp Bắc, sau khi nói chuyện với Vann, Turner của hãng Reuter , Rao và tôi trở về Sài Gòn để gửi tin, tắm và ăn tối rồi chúng tôi trở lại Tân Hiệp trong đêm để sáng sớm hôm sau lên trực thăng đi ấp Bắc. Merton Perry của TIME MAGAZINE, một người to lớn nặng 150 kilô , thái độ vui vẻ và nghị lực tương xứng với tầm vóc. Chúng tôi đến nơi đúng lúc mặt trời vừa mọc khi Cao, quân phục xanh lá cây còn ánh nếp là với hai ngôi sao thiếu tướng theo kiểu Pháp, đi xe Jeep từ Mỹ Tho đến. Ông đã lấy lại được bình tĩnh. Đạm triệu tập đội vệ binh của sư đoàn. Binh lính đứng thành hàng trước lều chỉ huy với mũ cát trắng, thắt lưng trắng khuy đồng nhắn bóng và dây trắng trên giày đen. Đội vệ binh đứng nghiêm bồng súng chào khi Cao từ xe Jeep bước xuống. Ông chào lại với một động tác nhanh của chiếc gậy cầm tay và bước vào lều, cười bất đắc dĩ với chúng tôi, rõ ràng không muốn nói chuyện. Vann chỉ cho chúng tôi hai chiếc Huey-21 chuẩn bị bay đi thu thập người chết ở ấp Bắc. Turner và tôi lên máy bay, Merton Perry ở lại nói chuyện với Vann còn Rao tìm cách nắm thông

tin từ các sĩ quan Việt Nam.

Nhà cửa đổ nát trong ấp còn bốc khói và phi công khôn khéo vòng về phía tây. Họ hạ xuống cách xa trận địa, đậu trên một đồng ruộng gần con kênh cuối mà đại đội của Bá hôm qua tốn bao thời gian để vượt qua. Turner và tôi thấy những chiếc M-113 đậu thành hàng trước hàng cây. Không có tiếng súng, chúng tôi bước đi dọc đê theo hướng những chiếc trực thăng bị bắn hạ. Có khoảng 20 xác chết. Những người lính Việt Nam nằm ngửa, quân phục đẫm máu, mũi giày chĩa lên trời.

Scanlon lại gần cùng với hai chiếc xe bọc thép để nhặt xác đưa tới chỗ máy bay. Anh nói với chúng tôi Việt cộng đã đi hết từ hôm qua. Tuy thế, phi công cũng được lệnh không đậu xuống quá gần. Lính bộ inh của xe bọc thép mất tinh thần đến mức không muốn đụng vào người đồng đội. Scanlon chửi rủa, buộc họ xuống khiêng xác chết. Turner và tôi cũng giúp họ, đặc biệt đối với Braman và Deal. Đến chỗ máy bay, Scanlon cũng phải thuyết phục những người sống sót trong xe bọc thép của Bá nghiêm túc làm những gì cần thiết để đưa xác đồng đội về với gia đình làm tang lễ theo thủ tục. Anh lại phải gào lên buộc họ khiêng xác lên máy bay. Turner và tôi cũng bực tức về thái độ của họ và cũng la mắng họ. Chúng tôi chưa bao giờ thấy cố vấn Mỹ hoặc binh lính Quân đội Cộng hòa xử sự theo cách ấy. Chúng tôi lúc đó mới hiểu mức độ rộng lớn của thảm họa trút xuống nơi đây.

Thiếu tướng Robert York, 49 tuổi, chỉ huy một phân đội đặc biệt do Lầu Năm Góc cử sang Việt Nam thử nghiệm vũ khí và chiến thuật mới. Ông hạ cánh xuống ấp Bắc lúc chúng tôi đã chuyển xong người chết lên máy bay. York còn là một đại diện cho thế hệ những người miền Nam nước Mỹ thời kỳ suy sụp kinh tế, lúc đầu đến với các trường quân sự để học khỏi mất tiền , sau đó phát hiện ra nghề sử dụng vũ khí thích hợp với mình. Ở trường West Point, thân hình gân guốc và nhanh nhẹn của ông cho phép ông thường giành phần thắng trong các cuộc đấu quyền Anh. Những người cùng thời khao khát một trong những thành tích xuất sắc nhất của ông về chỉ huy bộ binh trong chiến đấu. Ông đã cầm đầu một tiểu đoàn của sư đoàn 1 nổi tiếng rồi một trung đoàn, chỉ huy chiến đấu rất giỏi ở các mặt trận chống quân Đức ở Tunisia, Ý, Normandie hơn hai năm.

Trong số 12 viên tướng Mỹ ở Việt Nam tháng Giêng năm 1963 (hơn một phần ba nữa không hoạt động trực tiếp trong Quân đội Cộng hòa), chỉ riêng York thấy phải đến ấp Bắc vì tính cách của Vann để phát hiện xem điều gì đã xảy ra ở đấy. Việc tìm kiếm sự thật ất hơi khác thường đối với những viên tướng. Được tự do hành động vì ông chỉ tùy thuộc trên danh nghĩa ở ban tham mưu của Harkins, từ khi tới Sài Gòn vào tháng Mười, York không ngớt chạy khắp vùng để tự mình đánh giá cách chỉ đạo chiến tranh. Vann hiểu York thực hiện vai trò của mình rất

nghiêm túc và cố gắng làm cho ông hiểu mảnh đất và dân cư ở đây. Đặc biệt, anh nhấn mạnh một số vấn đề trong cuộc tranh chấp này, như về các đồn tiền tiêu mà anh không dỡ bỏ được. Anh dẫn York trên xe Jeep chạy qua các vùng mà viên tướng rõ ràng cảm thấy nguy hiểm. Qua trò chuyện, York chú ý đến niềm xúc cảm của Vann và đồng thời đến khả năng của anh biết lùi lại nhận xét người Việt Nam một cách khách quan và nhận rõ sai lầm. Vann không rơi vào sai lầm của một số cố vấn, sẵn sàng nêu lên chiến thắng của những người Việt Nam đồng minh để có lợi cho sự nghiệp của mình. Điều đó cho phép viên trung tá trẻ này lập luận với trí óc sáng tạo ngang với viên tướng chỉ huy Harkins.

York có thể hiểu dễ dàng những lý lẽ của Vann vì đã có kinh nghiệm đặc biệt trong nghề khác với đồng sự của ông. Viên tướng Mỹ duy nhất đến ấp Bắc cũng là người duy nhất biết rõ một cuộc khởi nghĩa của cộng sản. Năm 1952, ông có may mắn được biệt phái ba năm rưỡi làm quan sát viên quân đội Hoa Kỳ bên cạnh người Anh đánh nhau với du kích Trung Hoa ở Malaysia. Những bài học ông rút ra được làm ông nghi ngờ, ngay trước khi sang Việt Nam, không dễ dàng đánh Việt cộng như những viên tướng khác bạn ông suy nghĩ. Người Anh có lợi thế binh lính và cảnh sát gấp 20 lần quân du kích vốn không bao giờ vượt quá hơn mười nghìn người kể cả các thành viên dân sự; ngoài ra họ lại lợi dụng được mối hận thù chủng tộc của người Malaysia. Thế mà cuộc chiến tranh đó kéo dài 12 năm.

Tướng York lại có một lý do cá nhân để đến ấp Bắc. Ông là một trong những người Mỹ mà gia đình bị chiến tranh đụng đến. Tháng Bảy năm 1962, một người cháu ông rất tự hào và yêu mến, đại úy Donald York, tình nguyện sang làm cố vấn một tiểu đoàn dù, ba tháng sau khi đến Việt Nam, anh bị giết chết trong một cuộc phục kích của Việt cộng trên đường 13 trong vùng đồn điền cao su bắc Sài Gòn.

York, phó của ông là trung úy Willard Golding, Turner và tôi ngược theo tuyến phòng thủ của Việt cộng đến tận ấp và chỉ thấy ba xác người của họ. Trong dòng kênh tưới chảy về phía sau, chúng tôi thấy những mảnh vỡ của một chiếc thuyền đục bằng thân cây dùng chuyên chở thương binh và tiếp tế đạn dược. Chúng tôi xuống ngồi ở hố cá nhân Việt cộng ẩn nấp và lần đầu tiên phát hiện ra các vị trí trông rõ cánh đồng trực thăng đậu đến mức nào. Toàn vị trí được chọn lựa và chuẩn bị hoàn hảo đến mức sau này, Scanlon phải nói đây là giải pháp điển hình mà một đơn vị bộ binh phải tổ chức để chống cự khi bị một kẻ địch mạnh hơn tấn công. Chúng tôi cũng nhận xét mặc dù việc rút lui căng thẳng dưới lưới lửa của máy bay và trọng pháo, Việt cộng đã nhặt hết vỏ đạn đồng để sau này lại nhồi thuốc làm đạn.

Tôi đã có đủ kinh nghiệm để xác định sự thật hiển nhiên nhưng một nhà báo

phải dựa vào phán xét của nhà chức trách. Vì vậy, tôi hỏi York nghĩ gì về tình hình Việt cộng.

“Tình hình có vẻ như thế nào, đúng không ? Ông trả lời hơi bực mình vì câu hỏi ngây ngô. Họ rú đi hết ! Việc xảy ra như thế đấy !”

Turner, York, Golding và tôi có lúc đã nghĩ mình không may mắn bằng họ. Cao cho rằng đã giết cũng một viên tướng Việt cộng nhiều lần liền, quên rằng trước đã khoe khoang điều đó, suýt thêm vào danh sách ông ta bắn được một viên tướng Mỹ thực thụ, phó của ông này và hai nhà báo. Chúng tôi đang ở trên một con đập nhỏ gần chỗ trực thăng bị hạ, nhìn một tiểu đoàn của Sư đoàn 7 đến từ ban sáng đang đi vào trong ấp. Lúc này, Turner và tôi đã ở ấp Bắc bốn tiếng đồng hồ. Chúng tôi nắm được ở đây câu chuyện lớn nhất của chiến tranh, vội vã để nhận được những lời giải thích của Vann ở Tân Hiệp, rồi về Sài Gòn gửi các bản tin cho thế giới biết việc gì đã xảy ra. York đồng ý đưa chúng tôi cùng về trên trực thăng. Một phát súng cối nổ ở phía nam và một quả bom khói làm tóe bùn gần hàng cây đoàn bộ binh vừa biến mất sau bụi rậm.

“Này ! Gần kinh khủng !: . Golding kêu lên.

Hai phát lửa khác nổ ở phía xa. Đạn súng cối hướng về phía chúng tôi với tiếng rít đáng sợ của một con tàu tốc hành trong đem; chúng bùng lên ở đầu một đoàn bộ binh khác đi trên đê vào ấp, cách đấy 75 mét. Sự va chạm và tạc đạn làm nhiều binh lính ngã xuống, còn những người khác xô đẩy nhau trên ruộng vừa hét lên sợ hãi.

“Chúng ta đi khỏi đây nhanh!”, York kêu lên trong lúc những quả đạn súng cối khác nổ trong bùn cách chúng tôi 30 mét.

York phía trước, chúng tôi chạy dọc con đê tránh xa những điểm đạn rơi. Nhưng đạn súng cối bắn theo. Chúng tôi vừa vượt một đoạn ngắn thì một quả nổ ngay sát cạnh, làn gió suýt xô ngã chúng tôi xuống đất.

“Các anh nằm xuống !” viên tướng kêu lên,

Chúng tôi nhào xuống bùn nằm dọc theo đê trong lúc đạn nổ xung quanh.

Bây giờ Việt cộng không còn nữa, Cao quyết định giả vờ một cuộc tấn công vào ấp Bắc. Ông ta muốn Phủ tổng thống biết ông ta đã làm một điều gì đó để bù lại. Vậy là ông ra lệnh tiểu đoàn bộ binh dự phòng tấn công ấp Bắc cùng những đội quân còn lại của Bá. Ông lên một chiếc trực thăng đến trạm chỉ huy trên con đường lớn vùng đồng bằng và ra lệnh cho Thọ nổ một loạt bắn chận làm yếu lực lượng địch trước đợt tấn công. Dĩ nhiên, Cao không đến ấp Bắc kiểm tra xem có người mình ở đấy không. Về phần Thọ cũng chỉ giao cho phó của mình ra lệnh trọng pháo bắn. Cao và Thọ có lẽ sẽ tự hạn chế nếu viên thiếu úy đi theo bộ binh quan sát tầm pháo biết đọc bản đồ. Khi sĩ quan phụ trách trọng pháo lo lắng,

điện hỏi vị trí của tiểu đoàn, viên thiếu úy trả lời với những tọa độ chỉ vị trí tiểu đoàn hơn một cây số về tây nam ấp Bắc.

Khác với Cao và Thọ, viên thiếu úy phải trả giá cho sai lầm này. Nổi giận vì loạt đạn giết và làm bị thương người của mình, viên chỉ huy tiểu đoàn rút súng ngắn bắn vào đầu thiếu úy. Trước khi liên lạc điện đài để chấm dứt đợt bắn phá, khoảng dăm chục viên đạn cối đã làm bốn lính chết và mười hai bị thương. Sẽ thiệt hại hơn nhiều nếu bùn và nước không hạn chế tia đạn. Còn bốn chúng tôi sẽ chết hoặc bị thương nếu York không lợi dụng thời gian tạm lắng 30 giây kêu chúng tôi chạy tránh ra xa. Hai viên đạn cối tiếp đó nổ đúng vào chỗ chúng tôi vừa rời khỏi. Ngoài ra, một mảnh đạn to bằng nắm tay cắm vào đê cách Turner ba mét.

Tôi tìm một trung sĩ của Bá biết tiếng Pháp như mọi người trong quân đội thực dân cũ, phiên dịch những chỉ thị của viên tướng để ông ta đề nghị qua điện đài gọi trực thăng đến chuyển những người chết và bị thương. Bá và các cố vấn, cả Prevost cũng tới xem, đang ở trong ấp với bộ binh. Vậy là chính York chỉ đạo công việc.

Ở Tân Hiệp chúng tôi thấy tướng Harkins, đi máy bay từ Sài Gòn đến để trao đổi với Vann. Tôi đã gặp, nói chuyện với ông nhiều lần, quen thuộc với bề ngoài của ông, bỗng nhiên ngơ ngác về cách ông ăn mặc trong lúc Turner, Golding và tôi đầy bùn. Tôi 26 tuổi, Turner và Golding cũng xấp xỉ thế. Việc trọng pháo bắn vừa rồi là kinh nghiệm làm bia ngắm đầu tiên, chúng tôi sợ hãi vùi người vào bùn cố tránh đạn. Chỉ York còn trông được. Rất can đảm, ông chống cùi tay để không vấy bẩn phần áo phía trước. Sau đợt bắn phá, tôi hỏi làm sao ông vẫn giữ được sạch sẽ, ông trả lời “Tôi không muốn nhúng ướt thuốc lá, anh bạn”.

Harkins thuộc về một thế giới khác với bộ đồng phục mùa hè, áo sơ mi ngắn tay và quần vải mỏng. Ve cổ áo trang trí bốn ngôi sao bạc, viền mũ đi nông thôn ánh lên một dải tết vàng. Ông trưng diện đôi giày thành phố, một chiếc gậy nhỏ lịch sự và chiếc tẩu dài yêu thích. Ông hỏi York về sự cố bắn trọng pháo rồi trở về Sài Gòn trong chiếc hai động cơ của mình. David Halberstam của tờ NEWYORK TIMES và Peter Arnett của Hiệp hội báo chí sau này nói với tôi họ đã hỏi ông khi đi về xem ông nghĩ thế nào về cuộc chiến. Ông trả lời :

“Chúng tôi đã giam họ trong một chiếc bẫy và sẽ đóng lại trong nửa giờ nữa”.

Halberstam và Arnett nhìn ông sửng sốt. Họ vừa bay trực thăng trên ấp Bắc , Tân Thới, nhận thấy ở đấy yên lặng. Họ cũng được Vann và các cố vấn cho biết qua đài của phi công lái là Việt cộng rút đi từ lâu rồi.

Tất cả những điều đó thật trơ trẽn. Giữa những người chết và tàn tật, một viên tướng Việt nam đáng lẽ ở vị trí một cảnh nhạc kịch nhỏ hơn là trong quân đội,

tăng cường những trò hề rùng rợn còn đội quân danh dự tôn vinh ông ta. Một viên tướng Mỹ với chiếc gậy chỉ huy và tẩu thuốc dài, bốn ngôi sao nói lên rằng ông ta là người chịu trách nhiệm về tất cả, máy bay ném bom, trực thăng, súng đạn nhưng không nỡ làm bẩn đôi giày bóng loáng hoặc làm hỏng nếp là quần áo trong một đám ruộng, huyên thuyên cho rằng mình đã làm cho Việt cộng vào bẫy..

Khi Harkins đi rồi, Vann đến tìm chúng tôi nói rất chán ngán về đợt bắn phá. Tôi hỏi anh :

“Nhưng lạy Chúa, John này, sự hỗn độn ấy là thế nào ?”

Vann còn chưa biết Cao chịu trách nhiệm về đợt pháo kích.

“Do tên hèn nhát Thọ đấy”, anh trả lời.

Sự việc ngu xuẩn này giải thoát cho anh khỏi sự ngần ngại đối với báo chí. Anh đả kích nặng nề những ngốc nghếch và hành động hèn nhát trong hai ngày qua.

“Đấy là một cuộc hành quân hoàn toàn yếu kém. Những tay ấy không muốn nghe gì, không ngớt lặp lại cũng những ngu xuẩn ấy”.

Anh chửi rủa Cao đã tổ chức để Việt cộng thoát đi hết.

“Chúng tôi đã khẩn cầu, nằn nì, xin xỏ để quân lính dù được thả xuống phía đông và cuối cùng khi đến họ kiên quyết đậu xuống phía tây”.

Điều mà Vann không nói với chúng tôi, những phó của anh đã nói thay. Những bất cần cảu họ tỷ lệ với nỗi chán chường sâu sắc. Các phi công trực thăng cũng nói thẳng thắn. Họ thất vọng vì người của họ bị hy sinh và máy bay mất đi mà chẳng được gì cả.

Như các nhà báo khác, tôi cố gắng bênh vực Vann và các cố vấn. Những nhận xét của Vann là của “một sĩ quan Mỹ”. Tổng biên tập tờ báo ROCHESTER DEMOCRAT AND CHRONICLE, thành phố quê hương của Mary Jane, vợ Vann, đăng lại bài mô tả độc ác tình ình lực lượng Sài Gòn bị mất danh dự. Tờ báo in lên trang nhất báo cáo của tôi dưới tiêu đề “MỘT CUỘC HÀNH QUÂN HOÀN TOÀN YẾU KÉM!” . Bà mẹ Mary Jane vẫn sống ở ROCHESTER, nhận ra bóng dáng của con rể mình. Bà gửi bài báo cho con gái với lời ghi chú :

“Rất giống một nhận xét của John!”.

Tướng Harkins suýt cắt đứt tham vọng của Vann về điều chỉnh đường lối chiến tranh. Sáng hôm sau, ngày 4 tháng Giêng khi viên tướng tổng chỉ huy trở lại Tân Hiệp, ông đã quyết định phạt nặng viên trung tá. Những bài báo của chúng tôi đăng ở Hoa Kỳ được in chuyển về Sài Gòn. Trước trận ấp Bắc, chính

quyền Kennedy đã tránh được việc công chúng ý thức đầy đủ về đất nước họ dính líu vào một cuộc chiến tranh ở một vùng gọi là Việt Nam. Họ tập trung chú ý vào Berlin, Cuba, Congo, những khủng hoảng quốc tế lớn về đường lối ngoại giao của đất nước. Ấp Bắc đột ngột đưa Việt Nam lên trang đầu, báo chí trình bày một bi kịch mà không sự kiện nào sánh bằng. Harkins lúng túng và giận dữ. Các bài báo, đầy chi tiết về sự hèn nhát và hư hỏng, cùng những câu gây thương tổn đại loại như "cuộc hành quân hoàn toàn yếu kém" của Vann, mô tả trận đánh như một sự thất bại tệ hại và nhục nhã nhất của sĩ quan, soi rõ những yếu hèn của lực lượng quân đội Diệm. Tổng thống Kennedy và bộ trưởng quốc phòng Mc Namara đòi có sự giải thích. Harkins cũng bị sức ép của chế độ Sài Gòn phải đưa Vann là bung xung. Diệm, gia đình và những kẻ cuồng tín của ông ta bực tức vì bị mất mặt. Lời giải thích của Cao trước các nhà báo khi nói với họ ngày mồng 3 tháng Giêng là Vann và Đạm xây dựng một kế hoạch tấn công sai lầm và không trình bày với ông để điều chỉnh. Phủ tổng thống cũng đổ hết lỗi lên đầu Vann. Bà Nhu tuyên bố mọi việc sẽ tiến triển rất tốt đẹp nếu không có ông trung tá Mỹ ấy, suốt ngày bay trên chiến trường với chiếc máy bay nhỉ để hủy bỏ những mệnh lệnh của các sĩ quan cao cấp của anh chồng bà.

"Phải rũ bỏ anh ta đi", Harkins nói với trung tướng Charles Timmes, người dưới quyền ông, là trưởng phái đoàn viện trợ và cố vấn quân sự. Vào ngày diễn ra trận đánh, Timmes đi thanh tra vùng đông bắc, chỉ có thể đến Tân Hiệp hôm mồng 4 tháng Giêng. Harkins đến trước, gặp riêng ông để ra lệnh thay ngay Vann ở vị trí cố vấn Sư đoàn 7. Vann phụ thuộc vào Timmes vì thời kỳ đó, các cố vấn đều phiên chế vào phái đoàn viện trợ dù họ nhận lệnh hoạt động từ tổng hành dinh. Timmes luôn trung thành phục vụ cấp trên và được tín nhiệm. Tuy vậy, Harkins thấy không cần thiết tỏ ra nhã nhặn và lịch sự như thường ngày và để giận dữ bùng lên.

Timmes hoảng hốt vì lệnh ấy. Con trai một bác sĩ vùng ngoại ô New York, ông luôn muốn vào lính và nhiều lần thi vào trường West Point không được, bèn học luật để kiếm sống đầy đủ trong thời kỳ đại suy thoái cho đến khi được chuyển từ quy chế dự bị sang sĩ quan chính thức. Ông được điều động vào quân đội trước sự kiện Trân Châu Cảnh ba tháng. Tuy được thử thách nhiều ở chức vụ chỉ huy một tiểu đoàn dù trong Thế chiến thứ hai, ông vẫn dè dặt trước những người cũ của trường West Point nổi tiếng như Harkins, chắc vì đã cố vào đội quân ấy không có hiệu quả. Ông vẫn xác định tầm nhìn lạc quan của Harkins về chiến tranh là đúng và những báo cáo của Vann quá đen tối.Tuy thế, ông vẫn thích Vann, một người chiến đấu như ông. Nôn nóng là do bản tính của anh và ông sẵn sàng tha thứ những sai sót để tranh thủ những đức tính khác của anh. Ông cũng nhận thấy nếu cách chức Vann trong những trường hợp như vậy sẽ làm suy sụp

tinh thần của những cố vấn khác trong sư đoàn. Họ sẽ kết luận nếu mạo hiểm để thắng cuộc chiến tranh này, quay lưng lại với người Việt Nam, họ cũng sẽ bị thanh lọc và sự nghiệp của họ sụp đổ. Nhất là Timmes muốn ngăn Harkins làm một việc khinh suất, sẽ gây ra một vụ bê bối mới với báo chí.

“Ông không nên làm điều đó, ông nói với Harkins. Họ sẽ đóng đinh câu rút ông”.

Ông nhắc viên tướng rằng các sĩ quan báo chí của Phái đoàn viện trợ đã tung Vann lên và Vann cũng biết tác động các nhà báo vốn tôn vinh anh. Họ sẽ vội vã nhảy vào việc bãi chức anh dù xác đáng hay không và đưa tin như là một hành động phục tùng của Hoa Kỳ đối với chế độ Sài Gòn. Sẽ là một thảm họa.

Timmes nhận thấy lập luận của ông có tác dụng. Harkins bình tĩnh lại và lắng nghe ông. Timmes cũng nêu lên nguy cơ làm nản lòng những cố vấn khác nhưng ông nhấn mạnh chắc chắn sẽ bê bối.

“Tôi xin ông, hãy để tôi giải quyết vấn đề này”.

Vann chỉ còn ba tháng phục vụ ở Việt Nam. Timmes đề nghị để anh ở lại Sư đoàn 7 trong một thời gian thích hợp rồi cử anh lên cao nguyên và ra bờ biển miền Trung với lý do anh cần có sự phân tích khách quan về diễn biến chiến tranh ở vùng này. Harkins chấp nhận.

Mấy ngày sau, Timmes thăm dò Porter, nói với ông Harkins rất giận Vann và muốn ông, Porter loại bỏ anh ấy. Hai người biết nhau đã nhiều năm và là bạn thân của nhau. Porter chao đảo, phản ứng ngay :

“Tôi sẽ tự trừng phạt mình nặng trước khi trừng phạt Vann”.

Đấy là một lời đe dọa ngầm : nếu người ta đề nghị ông thải hồi Vann, ông sẽ đề nghị cách chức cả chính ông. Các nhà báo lại có một vụ bê bối mới để rùm beng và vì Portert không phải về Hoa Kỳ trước cuối tháng Hai, tương lai trước mắt của Vann được đảm bảo.

Về phần mình, Vann làm dịu bớt cơn giận của Harkins khi nói rõ sự sai trái. Anh không thể nói với các nhà báo. Chắc họ nghe được những gì anh nói với Harkins và những người khác nhưng đấy không phải lỗi của an vì anh không có quyền kiểm soát người lạ vào trạm chỉ huy và trách nhiệm đó giao cho các sĩ quan Sài Gòn. Và anh quá lịch sự , không mời các đại diện báo chí ra ngoài. Anh cho rằng, họ có mặt bất chợt nghe được những gì anh nói từ máy bay quan sát. Không ai quanh Harkins khá thông minh để nghi ngờ lời bịp của Vann, đi xác định xem thực sự có một nhà báo nào ở trong trạm chỉ huy trong trận đánh không.

Thái độ bực tức của Harkins mất đi. Ông không phản đối đề nghị của Porter tặng Vann danh hiệu Người bay vượt nguy hiểm xuất sắc, huy chương khen

thưởng những phi công đối đầu với lưới lửa của địch trên máy bay quan sát của mình. Ông cũng cố làm cho Vann biết ông rất hiểu đã không giao cho anh một đội chiến binh đáng sợ và sẵn sàng tha thứ cho anh về sự thiếu ý thức chính trị. Bill Mauldin, người sáng tạo nhân vật trong chiến tranh, cho xuất hiện trên báo chí một bức vẽ hóm hỉnh về trận ấp Bắc. Người ta thấy trong đó một lính bộ binh Nam Việt Nam nằm co quắp dưới hố. Một trung sĩ Mỹ, trước làn đạn của quân địch, cúi xuống chắp tay cầu khẩn anh ta :" Khi tôi nói tiến lên thì không có nghĩa là nằm về phía trước". Người ta đưa bức vẽ cho Harkins xem, ông bảo "Gửi nó cho trung tá Vann".

Nếu ông hiểu được Vann là một người phức tạp đến mức nào và sẽ làm hại ông ra sao, Harkins đã đuổi anh ra khỏi cửa cả với Porter và sẽ chấp nhận báo chí đóng đinh câu rút, vì Vann không hề có ý định xử sự tốt trong tương lai. Anh chỉ dấu kín điều mình nghĩ để thắng. Lương tâm nghề nghiệp không cho phép anh gian dối nếu nó đưa lại thất bại.

Việc làm đầu tiên của Vann là cố gắng biến trận ấp Bắc thành lợi thế của mình. Anh sử dụng sự tan vỡ để chứng minh đội quân mà người ta giao cho anh hướng dẫn không thể nào giữ nổi miền Nam Việt Nam cho Hoa Kỳ. Anh làm một báo cáo về trận đánh, dài nhất và chi tiết nhất của lịch sử chiến tranh.

Anh đề nghị mỗi cố vấn của anh làm cho một báo cáo đầy đủ nhất những gì xảy ra ở khu vực mình để đính theo báo cáo của anh. Một mình Scanlon gửi cho anh sáu trang rưỡi đánh máy. Bổ sung cho báo cáo của Mays và Bowers, câu chuyện kể của Scanlon thật đáng hãi hùng. Cố vấn của thiếu tá Thọ viết năm trang tả sự vô hiệu quả của tỉnh trưởng, kèm theo bản sao bức thư ông gửi cho Thọ hôm trước trận đánh. Đấy là bản tập hợp chua cay những lời trách cứ trong đó ông nêu lên những hành động của Thọ với ý đồ, theo lời ông, để "phục vụ việc xây dựng của ông và để ông có thể sửa chữa". Về phần mình, Prevost gửi 14 trang để nhận xét.

Sau khi Ziegler chỉnh sửa lại 16 bài mang tính hết sức gắt gao, Vann đưa lên trước báo cáo của anh : 21 trang trình tự mô tả và phân tích. Anh nêu lên "cuộc hành quân hoàn toàn yếu kém", không bao giờ dùng chữ "tan vỡ" hoặc "thất bại". Anh biết mọi dấu vết xúc động sẽ làm bản báo cáo yếu đi và cho phép Harkins và những người cấp trên khác, vốn không muốn nghe những tin xấu, dựa vào cảm xúc ấy để giải thích sự phê phán của Vann bị biến chất. Anh viết theo lối thận trọng thường dùng trong quân đội. Nhưng tính xác thực của nhân chứng, câu chuyện từng giờ về những hư hỏng nối tiếp lên nhau và những việc làm thảm hại cuối cùng vượt qua giới hạn nhạt nhẽo của quân đội đã làm rõ điều anh muốn nói. Anh ký tên dưới tài liệu, 90 trang với những hình ảnh của việc làm và gửi đi sau trận đánh một tuần lễ, thông qua Porter ở Cần Thơ trong ban

tham mưu Quân đoàn 4 của Cao. Trình tự thông thường là Porter ghi nhận xét được xem như tán thành trước khi theo hệ thống dọc lên bam tham mưu của viên tướng chỉ huy.

Lời ghi của Porter gửi lên Harkins là một tài liệu sửng sốt của một đại tá tóc bạc được tiếng ôn hòa, như một lời buộc tội trước toà án binh đặc biệt mà hồ sơ Vann cung cấp là bằng chứng – "Báo cáo này có lẽ nhiều tư liệu, đầy đủ, quý giá và phát hiện rõ nhất trong số những gì chúng ta nhận được từ 12 tháng nay, ông mở đầu như vậy. Việc chỉ đạo cuộc hành quân này làm lộ rõ một loạt những yếu kém mù quáng". Porter nhắc lại với Harkins rằng Vann và các cố vấn khác trong sư đoàn đã lưu ý về "phần lớn" những bất cập ấy trong báo cáo của họ về những cuộc hành quân khác của ba Sư đoàn Quân lực Cộng hòa vùng quanh Sài Gòn. Rồi ông nêu lên tất cả những sai lầm của lực lượng Diệm trong trận đánh mà Vann chỉ ra để tổng hợp thành một danh sách dưới những đề mục kể lại mọi tội lỗi chết người trong binh nghiệp.

Thất bại …

Thiếu quyết tâm ….

Không hiệu quả …

Thất bại hoàn toàn …

Không có khả năng …

Porter không một lời phê phán để chuộc lại những sai lầm mắc phải. Ông kết luận, cảnh báo sẽ là điên rồ nếu có ảo tưởng lâu hơn về sự chỉ huy của quân đội Sài Gòn. "Phần lớn những yếu kém kể ở đây là đặc điểm tiềm tàng của tất cả những sĩ quan cao cấp của các lực lượng quân đội Việt Nam".

Để khởi sự quá trình cải tổ, Porter gợi ý Harkins đề nghị Diệm cho phép tổ chức "một loạt hội thảo hoặc nhóm chuyên đề phối hợp giữa sĩ quan cao cấp Mỹ và Việt Nam, các tướng, sĩ quan tham mưu, các lữ đoàn trưởng, sư đoàn trưởng và cố vấn của họ". Trong những cuộc họp ấy, những người Mỹ "tranh luận cởi mở và thẳng thắn" với những người Việt Nam. Trình tự tranh luận và cải tổ Porter nêu lên tiếp đó bao gồm thực tế các mặt của một quân đội xứng đáng được tôn trọng, từ những nguyên tắc chiến thuật đến sự cải tổ áp dụng ngay đối với Cao và Thọ. "Cần thiết loại bỏ những chỉ huy bất lực". Thực ra, tất cả phải làm lại từ số không.

Tướng York, từ khi thoát khỏi đạn cối "phối hợp" của Cao, đánh giá sâu sắc hơn các chỉ huy Quân lực Cộng hòa, ông là người đầu tiên biết Harkins nhận xét trận đánh ra sao, do đó sẽ xử sự đúng đắn đối với báo cáo của Vann và Porter. York đã thấy trận ấp Bắc đưa ra ánh sáng bao yếu kém của lực lượng Sài Gòn và đó là điểm rất xấu, đáng có một báo cáo đặc biệt lên tổng chỉ huy. Ông cho rằng

bản phân tích của ông có thể có ích cho Harkins với lý do đáng tin cậy ông là một lính bộ binh trong Thế chiến thứ hai và với kinh nghiệm đánh du kích của một trong những sĩ quan hiếm hoi của quân đội Hoa Kỳ chiến thắng ở Malaysia. Mấy ngày sau, trận đánh ông trở lại chủng viện chỗ đóng quân hỏi Vann và phần lớn những cố vấn khác. Bản phân tích ông soạn thảo rút ngắn gọn phần thiết yếu những điểm Vann và Porter nêu ra. Ông chỉ đánh máy hai bản, một làm tư liệu cá nhân, bản kia ông đưa tận tay Harkins. Hôm ấy, họ ăn tối cùng nhau. Viên tướng chỉ huy nói chưa có thì giờ xem bản báo cáo của York nhưng nóng lòng được xem. Rồi Harkins nói về trận ấp Bắc. Nghe ông nói York kinh ngạc bắt đầu hiểu ông ta nói đúng như ông nghĩ khi đứng trước các nhà báo , ông cho rằng trận ấp Bắc là một "chiến thắng" của lực lượng Sài Gòn. Harkins thành thật tin chắc, tổng lết lại ấp Bắc kết thúc có lợi cho những người Việt Nam ông đỡ đầu. York bèn nói ông sẽ không tán thành báo cáo vì kết luận hoàn toàn khác. Harkins im lặng nhìn York một lúc rồi thay đổi câu chuyện.

Chúng tôi, những nhà báo, cũng ngạc nhiên như York vì không ai trong chúng tôi nghĩ rằng Harkins thực sự tin vào điều ông đã nói :"Tôi cho rằng ấp Bắc là một chiến thắng. Chúng tôi đã đạt được những mục tiêu của chúng tôi". Chúng tôi cho nhận xét ấy là một cách chống chế vụng về để khỏi mất mặt, trong thâm tâm ông đánh giá cuộc chiến tranh một cách thực tế hơn dù tầm nhìn sai lạc vì lạc quan tếu.

Chúng tôi nhầm. Harkins thực sự nghĩ Việt cộng vẫn ở ấp Bắc và Tân Thới khi ông tuyên bố với Halberstam và Arnett "Chúng tôi đã thắt chặt họ trong một cái bẫy mà chúng tôi sẽ đóng lại". Tuy Vann đã nói với ông họ rút đi rồi, ông vẫn thích tin vào lời nói dối của Cao cho rằng họ vẫn ở đấy và ông ta sắp túm được họ. Theo cách đó, ông thật thà tiếp tục đánh giá trận đánh thắng lợi của lực lượng Sài Gòn. Ông tin khẳng định của ông là xác thực và làm chúng tôi bực bội vì đó là một sự phỉ báng đối với chúng tôi. Tất cả các nhà báo, Vann, Porter và York – chúng tôi đã đánh giá thấp mức độ ảo tưởng của ông. Ông không phải người duy nhất ở cấp bậc và vị trí ấy mà chúng tôi đã nhầm.

Harkins trở thành một nhân vật bị chế diễu cho đến lúc ông về Hoa Kỳ nghỉ hưu sau đó một năm rưỡi. Đối với những sĩ quan trẻ người Mỹ ở Việt Nam "tự trả giá như một Harkins" trở thành một câu nói thô lỗ để chỉ một sự ngu ngốc. Đối với các chỉ huy quân sự Mỹ, Harkins được xem như một lệch lạc, một khuôn mẫu của tính lạc quan tếu. Thực tế như tương lai chỉ rõ, ông là đại diện cho các thứ bậc quân sự Mỹ những năm 60, một người mà ý nghĩa giá trị và định kiến bị phần lớn sự chỉ huy chi phối. Ông đã là người đầu tiên người ta nhận thấy và lịch sử sau này chứng tỏ Vann, Porter và York là những ngoại lệ.

Harkins không hề tò mò gì về chiến tranh. Không phải vì thiếu can đảm mà

ông không đến ấp Bắc mà vì ông kinh sợ bước xuống ruộng. Khi Horst Faas, một nhà nhiếp ảnh Đức của Hội báo chí tỏ ý muốn chụp ảnh ông đứng với Quân lực Cộng hòa tại chỗ, ông trả lời "Tôi không phải loại tướng ấy !". Việc ông không bao giờ xuống bùn để biết trên mặt đất đã xảy ra việc gì càng làm ông ghét cay ghét đắng những tin tức xấu. Triệu chứng về thái độ của ông là bao giờ cũng thấy Việt Nam từ bầu trời. Tâm trí của ông không hề hướng về mặt đất để tiếp xúc với thực tế.

Sự lười nhác của Harkins, tính tự mãn và những thói quen của sĩ quan tham mưu quan liêu không giải thích cho việc những viên tướng khác không cùng những cá tính ấy đã có những thái độ tương tự về chiến tranh. Những viên tướng kế nhiệm ông là những người chiến đấu , có nghị lực, thường xuyên ra trận địa, bắn nhau với Việt cộng. Thậm chí một số bị giết nhưng phần lớn vẫn xử sự dựa trên những định để cơ bản giống như của Hoa Kỳ. Họ luôn thấy những gì mình đã quyết định, thấy cả trước khi đến gần một trận địa của Việt Nam.

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, đặc điểm nổi bật của những người có trách nhiệm cao nhất trong quân đội Mỹ đã trở thành tính kiêu căng nghề nghiệp, sự thiếu tưởng tượng và nhạy cảm đạo đức và trí tuệ. Đó là điều khiến những người tuy thông minh, như Harkins, hành động như những kẻ ngu ngốc. Người ta thấy ở họ những triệu chứng của một căn bệnh về thể chế có thể gọi là "hội chứng của kẻ thắng trận" xuất phát từ thắng lợi trước thách thức của Đức và Nhật. Căn bệnh ấy lây nhiễm không chỉ ở tầng lớp quân sự mà cả toàn bộ hệ thống quan liêu dân sự, CIA, phủ tổng thống và tất cả những cơ quan nhỏ khác của chính phủ bên cạnh quân đội giám sát quyền lợi Mỹ ở hải ngoại. Hơn thế căn bệnh lan tràn trong đại bộ phận tinh hoa chính trị, trí thức và thế giới kinh doanh Hoa Kỳ. Thế chiến thứ hai kết thúc bằng chiến thắng độc nhất của các nguồn lực, kỹ thuật công nghiệp, thiên tài kỹ nghệ và quân sự của đất nước này. Thịnh vượng mà chiến tranh và sự thống trị nước ngoài sau chiến tranh đem lại thất vọng lâu dài về suy thoái đến mức xã hội Mỹ trở thành nạn nhân của chính sự thành công của mình. Tinh hoa đất nước choáng váng và tê dại vì quá nhiều tiền, nhiều cơ sở vật chất, quyền lực và kết quả.

Tháng Hai năm 1943, quân đội Hoa Kỳ lần đầu tiên trong Thế chiến thứ hai đối mặt với quân Đức ở đèo Kasserina vùng núi Tunisia. Người Mỹ bỏ chạy. Một viên tướng Anh phải nắm lấy việc chỉ huy để ngăn chặn sự tháo chạy tán loạn. Eisenhower điện cho Patton đang ở Maroc đến gặp ông ngay ở sân bay Alger. Họ nói chuyện với nhau rất chóng vánh. Eisenhower đề nghị Patton lấy lại tinh thần cho các đội quân để chống trả. Ông viết nguyệch ngoạc bằng bút chì một bức thư cho phép Patton có quyền chỉ huy bốn Sư đoàn Mỹ đang ở Tunisia và Patton đi ngay. Kèm them văn bản ấy, Eisenhower có bản ghi nhớ những biện

pháp cần áp dụng. Pattaon không được giữ lại "chỉ một lúc" một sĩ quan không ngang tầm. Ông đã viết "Chúng ta không thể cho phép mình lãng phí quân lính, trang bị và hiệu quả". Ông biết một thái độ không thương xót như vậy đối với các bạn cũ thường đòi hỏi một sự dũng cảm về tinh thần nhưng ông nhìn vào Patton "để tuyệt đối không thương xót". Người nhắm vào đầu tiên là viên tướng chỉ huy Kasserian mà Eisenhower trong bước đầu chiến tranh đã xem là người chỉ huy số hai sau Patton. Ông ta bị trả về Mỹ trong thời gian cuối của chiến tranh, làm huấn luyện viên để vận dụng kinh nghiệm bàn giấy của mình.

Tác giả bản ghi nhớ những biện pháp cần áp dụng gửi cho Patton là một viên tướng bốn sao mới trước đây là trung tá ba năm rưỡi trong quân đội "loại ba" này (sau tướng Hải quân và Không quân) như tổng tham mưu trưởng mới, tướng George Marshall đã nói. Quân số thấp thua quân đội Bồ Đào Nha và vũ khí mạnh nhất là 28 xe tăng đã lỗi thời từ thời kỳ giữa hai cuộc chiến tranh. Eisenhower cũng lo ngại vì nếu Patton không xây dựng lại được tiếng tăm đã lu mờ bằng việc chọn những viên chỉ huy có giá trị để giành ưu thế, tướng Marshall sẽ rút lại chức vụ rất mới của ông là tổng chỉ huy các lực lượng liên minh. Người nhận bản ghi nhớ, tướng Patton, một võ sĩ nghiệp dư sẽ gặp trên đấu trường vô địch thế giới hạng nặng, "con cáo hoang mạc", tổng tư lệnh Erwin Rommel của Quân đoàn Châu Phi. Ngay trước cuộc tấn công, Rommel giao vị trí của mình cho một viên tướng khác, nhưng Patton không biết. Eisenhower, Patton và quân đội của họ năm 1943 chỉ là những người lùn trong một thế giới khổng lồ. Sự sống sót của họ, của quân đội và quốc gia họ đã bị thử thách. Và họ sợ bị thất bại.

Hai mươi năm sau thất bại nặng nề ở đèo Kasserina, khó tìm được một viên tướng Hoa Kỳ sợ lãng phí các nguồn lực hoặc mạng sống của binh lính. Những sĩ quan trẻ nhất của Thế chiến thứ hai bây giờ trở thành những viên tướng của những năm 60 quen chiến thắng đến mức không thể hình dung thất bại. Dĩ nhiên chiến tranh ở Triều Tiên không thành công nhưng họ đổ lỗi cho sự yếu kém của chính quyền dân sự đã không "buông dây cương" cho họ để trút tất cả khả năng quân sự Mỹ chống Trung Quốc. Ở Việt Nam, họ chắc chắn sẽ chiến thắng.

Nói với Harkins về sự thật đã xảy ra ở ấp Bắc và khẩn cầu Diệm tổ chức lại quân đội trước khi chế độ của ông và Hoa Kỳ bị đánh bại, Vann, Porter và York đề nghị xây dựng một "bản ghi nhận sự thất bại". Điều ấy không bao giờ thấy trong hàng chục nghìn báo cáo của các lực lượng quân đôi Mỹ. Một người chỉ huy cộng sản có thể gặp một thất bại mà không nguy hại đến vị trí miễn tìm mọi cách để vượt qua những vấn đề của mình. Cơ chế của họ khuyến khích tự phê bình, phê bình sai lầm của đồng sự, cấp dưới và phân tích cái mà Đảng gọi là "những điều kiện khách quan" cách mạng phải đối mặt. Những người cộng sản

Việt Nam tiến hành một cuộc chiến tranh giành độc lập và tự do. Họ có thể chịu đựng những giờ đen tối và tìm cách để có được chiến thắng. Cơ chế Mỹ sau Thế chiến thứ hai chỉ chấp nhận ánh sáng của thành công. Ví như báo cáo hàng tuần Harkins gửi về Bộ tổng tham mưu và bộ trưởng Quốc phòng có tiêu đề "Báo cáo những chiến thắng". Không có "Báo cáo những thất bại" cho một trường hợp như ấp Bắc.

Với tinh thần ấy, từ lâu trước ấp Bắc, Harkins đã đề ra một chiến lược ông chắc chắn sẽ đưa lại thắng lợi : cuộc chiến tranh hủy diệt toàn bộ dựa trên dư thừa nguồn lực và sức mạnh của súng đạn Mỹ. Harkins nghĩ ông đang biến Quân lực Cộng hòa thành một cỗ máy chết chóc , biến Việt cộng thành tro bụi như Patton đã đánh tan quân Vehrmacht ở châu Âu. Ông kiểm soát hiệu quả chiến lược của mình với những biện pháp xây dựng trong Đại chiến và thực thi ở Triều Tiên. Những con số Vann không thừa nhận lại có ý nghĩa quan trọng đối với Harkins. Vì lý do đó, ông tập trung vào số lượng xác chết quân đội tiếp tục gây nên ở Việt Nam : "tỷ lệ người bị giết" giữa bạn và thù. Cũng vì thế, ông chú ý về số lượng tổng hợp những cuộc hành quân, những đợt máy bay xuất trận và những tấn bom trút xuống. Ông cũng quyết toán việc hình thành và trang bị những toán quân mới gấp gáp tiến đến thắng lợi mà ông hình dung đã bắt đầu. Nhưng thế hệ những Eisenhower và Patton không chiến thắng Thế chiến thứ hai chỉ với việc xây dựng một cỗ máy hủy diệt mà họ tự do tung ra, hy vọng nó đưa lại thắng lợi cho họ. Đấy là những nhà chiến lược mà chiến tranh hủy diệt chỉ là một trong những biện pháp hành động của họ. Năm tháng và lề lối quan liêu của hàng ngũ sĩ quan đã làm biến dạng trí nhớ về cách đạt đến chiến thắng của Thế chiến thứ hai. Chiến lược của Harkins có lẽ là cái nhìn sai lạc về quá khứ nhưng đã trở thành một sự thật của thể chế mà tất cả những viên tướng đã tin.

Harkins trình bày chiến lược của mình với Maxwell Taylor khi ông này sang vào tháng Chín năm 1962. Nếu Vann có mặt ở hội nghị ấy, anh đã hiểu vì sao Harkins tách bỏ những gì anh cố gắng nói trong bữa ăn tiếp đó. Vị tướng nhấn mạnh về điều ông gọi là "ba chữ M" (MEN, MONEY, MATERIAL) đã phân phối quá nhiều trong cuộc chiến tranh này. Quân lực Cộng hòa đã phát triển lên ba vạn người và sắp tới có thể triển khai ba sư đoàn bộ binh mới. Quân bảo an và cảnh sát bành trướng đáng kể. Hiện nay, Hoa Kỳ đầu tư mỗi năm 337 triệu đô la viện trợ quân sự và kinh tế, không kể chi phí cho đội quân viễn chinh, so với 215 triệu trong năm trước. Số lần xuất kích của máy bay tiêm kích – ném bom tăng gấp 4 lần làm Vann càng điên giận vì sẽ kéo theo lượng nạn nhân dân thường tăng lên tương ứng. Harkins xác định không còn nghi ngời gì cộng sản phải cảm nhận được trọng lượng của "ba chữ M", dựa vào số lượng tử cong của kẻ thù.

Cuối năm 1962, ông ta nói mọi chương trình ông đưa ra đã chín muồi. Ông

giải thích sẽ phối hợp chúng với chiến dịch đưa lại chiến thắng quyết định chống cộng sản. Cuộc hành quân mang mật danh "Bùng nổ" : Giai đoạn I là "Kế hoạch" và giai đoạn II "Chuẩn bị" đã gần kết thúc và đã trình bày kế hoạch với Diệm . Giai đoạn III, "Thực hiện" được dự kiến vào giữa tháng Hai năm 1963 : một cuộc tấn công mọi phía của các quân lực, sắc bén như một lưỡi dao, được các yếu tố Mỹ tăng cường. Cuộc tấn công ấy tiếp tục không ngừng cho đến khi Việt cộng bị tan vỡ thành mảng, chỉ còn lại một phần nhỏ quân số hiện nay. Giai đoạn IV, "Khai thác và củng cố" kết thúc cuộc chiến tranh bằng việc quét sạch những kẻ nổi dậy còn lại và khôi phục quyền hành của chế độ Diệm trên khắp đất nước.

Chương trình "Ấp chiến lược", một bộ phận của chiến tranh hủy diệt cũng tiến hành đều đặn. Tách du kích ra khỏi nông dân địa phương, Harkins đẩy nhanh giai đoạn III. Hơn 2800 ấp có bảo vệ đã được xây dựng. Hội đồng giám sát kế hoạch bao gồm tướng Harkins, đại sứ Fredeerick Nolting, người chịu trách nhiệm của CIA và giám đốc các cơ quan US khác, tin tưởng bây giờ mọi việc đã quá tiến triển để Việt cộng không thể chống lại một cách hiệu quả.

Bộ trưởng Quốc phòng Mc Namara, điển hình của những người có trách nhiệm lớn về dân sự hợm hĩnh, với tính tự phụ và thiên vị ngây thơ, hời hợt đối với các viên tướng, trong lúc sự cố gắng của Mỹ về chiến tranh mới chỉ có năm tháng, đã cho ra đời bộ máy đưa lại cho ông một thành công khiến ông tự hài lòng với mình. Cuối cuộc viếng thăm của ông ở Việt Nam vào tháng Năm 1962, ông mở một cuộc họp báo ở tư dinh đại sứ Nolting. Ông mới đến chỉ hai ngày và vội lên chiếc bốn động cơ phản lực để bay nhanh về Washington báo cáo với tổng thống Kennedy. Chạy khắp thế giới không phải một công việc nhẹ nhàng và những quan chức cap cấp hiện đại của Mc Namara bao giờ cũng vội vàng ; họ gấp rút có những quyết định để có thể lại vội vàng có những quyết định khác. Mc Namara nổi tiếng có những quyết định mau chóng. Đồng sự đã tính trong một tháng ông có 629 quyết định lớn. Người ta cũng tính đến một đức tính là hình như ông không bao giờ quan tâm đến khả năng sai lầm và không bao giờ ông nhìn lại phía sau.

Ông không cạo râu khi đến họp báo chí vì sáng hôm ấy không muốn mất thì giờ. Sơ mi ka ki và quần nhăn nhúm, đôi giày đi đường đầy bụi trong cuộc kinh lý tốc hành. Cuốn sổ tay của ông đầy chữ số nhặt nhạnh trong lúc hỏi từng sĩ quan Mỹ hoặc Việt Nam ông gặp. Các nhà báo hỏi ông sẽ báo cáo với tổng thống điều gì. Ông trả lời "Tôi chỉ thấy có những tiến bộ và những dấu hiệu tiến bộ lớn hơn trong tương lai". Các nhà báo gặng hỏi chắc chắn ông không thể lạc quan sớm như thế ?! Ông không lay chuyển. Đấy là một tảng đá lạc quan. Tôi cho rằng ông tiếp thu lối quảng bá thắng lợi không hay ấy qua nhiều năm làm

việc với Ford. Tôi cũng bám được theo ông lên xe, nói không có ý định kể ra và sẽ là bí mật nhưng tôi muốn biết sự thật. Làm sao một người tầm cỡ như ông có thể tin tưởng như thế về lối thoát của chiến tranh khi chỉ mới bắt đầu ? Ông gia ân cho tôi cái nhìn của Mc Namara thẳng thắn sau đôi kính không có gọng :" Mỗi con số chúng tôi đưa ra chỉ rõ chúng tôi sẽ thắng trong cuộc chiến tranh này". Ông lên ghế sau, một lính hải quân đóng cửa và lái xe chạy nhanh tới sân bay.

Một cuộc hội thảo chiến lược được tổ chức ở Honolulu ngày 23 tháng Bảy năm 1962, ba ngày sau sự thất bại hoàn toàn ở Đồng Tháp Mười mà Vann tức điên người vì Cao để 300 Việt cộng xổng sang Campuchia, trong đó có một đại đội huấn luyện viên. Mc Namara hỏi Harkins phải bao nhiêu thời gian để "Việt cộng bị xóa bỏ với tư cách là thành phần gây rối". Câu hỏi ấy tiếp theo sự trình bày của Harkins về tình hình hiện tại. Ngay trước khi đi Honolulu, Harkins nhận được báo cáo của Vann về thất bại ở Đồng Tháp Mười. Báo cáo tuyệt mật của hội thảo chỉ rõ vị tướng không thận trọng gì trong bản trình bày của ông trước cuộc họp các quan chức cao cấp này. Ngược lại, ở đây ông chứng tỏ đặc tính liên quan của ông :

"Việc đụng độ xảy ra hàng ngày với VC. Trong tháng Tư đã tiến hành 434 cuộc hành quân trên bộ. Tháng Năm, 444. Hơn 1000 lần máy bay xuất kích trong tháng Sáu. Chính phủ miền Nam Việt Nam còn cần phải cải tiến tổ chức nhưng đã có những tiến bộ. Tổng thống Diệm đã chỉ ra ông hình dung các đội quân của ông phải đến tại chỗ nhiều hơn và ở lại đó lâu hơn".

Vị tướng kết thúc bản trình bày với một lời tuyên bố làm Vann sửng sốt :

"Không còn nghi ngờ gì, chúng ta đang trên đường đi đến thắng lợi".

Mc Namara phấn khởi theo đúng nghĩa :

"Cách đây 6 tháng, chúng ta không có gì và bây giờ chúng ta đã có những tiến bộ đáng kể ", ông bình luận như thế với cử tọa.

Rồi Harkins trả lời câu hỏi của ông về thời gian cần thiết để kết thúc với người Việt "Một năm đủ để các lực lượng Sài Gòn tác chiến hiệu lực và ép Việt cộng trong tất cả các vùng".

Thời hạn một năm ấy có thể bắt đầu vào năm 1963 với cuộc hành quân "Bùng nổ "của ông ta. Bộ trưởng Quốc phòng xét thấy lạc quan đến thế là không khôn ngoan :

"Chúng ta phải áp dụng một thái độ thực tế hơn và có lẽ phải mất ba năm thay vì một năm. Chúng ta phải hình dung đến khả năng xấu nhất và từ đó mà xây dựng kế hoạch".

Ông lo lắng dư luận công chúng Mỹ và Nghị viện có thể buộc chính quyền rút

khoi Việt Nam nếu có nạn nhân Mỹ “Chúng ta phải kéo dài chương trình vì có lẽ khó giữ được sự ủng hộ của công chúng. Sức ép chính trị sẽ lên cao đồng thời với những thiệt hại của Mỹ”.

Sau khi điều chỉnh kịch bản, Mc Namara đòi hỏi Harkins chuẩn bị một kế hoạch giải ngũ đội quân viễn chinh Mỹ, để việc quét sạch cuối cùng cho lực lượng Sài Gòn vào cuối năm 1965. Trong thời gian đó, Harkins phải huấn luyện đủ người Việt Nam để lái máy bay tiêm kích – ném bom, trực thăng và sử dụng những khí cụ để lại cho họ. Ban tham mưu của Harkins vui lòng chuẩn bị một kế hoạch rút lui, dự kiến bớt quân số Mỹ ở miền Nam Việt Nam xuống còn 1.600 vào tháng Chạp năm 1965. Đã hơn con số giới hạn 685 được Hiệp định Geneve năm 1954 cho phép nhưng khá khiêm tốn để công luận Mỹ không quan tâm nữa và thấy nó không có nghĩa gì so với Nam Triều Tiên, nơi mà 40.000 quân lính Mỹ ở lại chín năm sau khi chiến tranh kết thúc.

Chắc Harkins lừa dối có ý thức Mc Namara, Taylor và các giới quân sự Mỹ khi đánh giá cần một năm để chấm dứt chiến tranh. Có lẽ ông nghĩ dù sao ông cũng sẽ thắng, không có hại gì khi gian dối con số một ít để làm vừa lòng cấp trên. Nếu như vậy, ông đã không nói điều đó với những người xung quanh, cả với những người ông tin cậy như Charlie Timmes. Nhưng giải thích đúng hơn là hình như Harkins không nói dối, thực sự ông muốn tin vào điều ông hy vọng và loại bỏ điều ông không thích.

Báo cáo về trận ấp Bắc Vann xây dựng với bao tâm huyết bận rộn và nhận xét của Porter kèm theo với lý lẽ tinh tế của một sĩ quan bộ binh kỳ cựu và đã làm chỉ huy trưởng rất bực tức. Ông xếp cả hai vào loại chỉ hơn báo cáo của các nhà báo làm ông thất vọng một ít vì những lý do tương tự : họ bác bỏ chiến thắng hiển nhiên mà ông thấy đã gần kề. York cảnh báo Porter, ông bạn từ 1950, là Harkins tức giận đến nỗi nếu cùng bị phạt nặng đồng thời với Vann thì đừng lấy làm lạ. Một thiếu tướng khác, cũng là bạn ông, gửi cùng nguồn tin ấy. Việc lo sợ bê bối đã ngăn cản Harkins rũ bỏ Vann và thời hạn Porter sắp ra đi đã bảo vệ ông. Nhưng Porter không chú ý đến điều đó. Ông chỉ nhận thấy Harkins không bằng lòng mình ngày ông ta đi kiểm tra một đợt vùng đồng bằng và công khai không đề nghị ông đi cùng trên máy bay. Vị tướng ngoài mặt giữ vẻ lịch sự nhưng nỗi bực tức của ông cũng lộ ra.

Harkins thấy không có lý do gì để chậm bước đấu cuộc hành quân “Bùng nổ “của ông. Ngược lại ông muốn đưa thời hạn từ giữa tháng Hai lên cuối tháng Giêng. Ngày 19 tháng Giêng năm 1963, ba ngày sau khi nhận được báo cáo của Vann và bản ghi nhớ của Porter, ông gửi cho đô đốc hải quân Harry Felt, chỉ huy trưởng Thái Bình Dương ở Honolulu, bản trình bày cuối cùng về kế hoạch chiến thắng vào năm 1965 mà Mc Namara đòi hỏi. Harkins vẫn đinh ninh không

cần thiết phải ba năm.

Paul Harkins lẽ ra không thể có tiếng nói cuối cùng vào lúc cuộc chiến tranh đang đến chỗ quyết định. Ban tham mưu liên quân quyết định cử một phái đoàn điều tra gồm 67 viên tướng, một đô đốc hải quân và cả một loạt đại tá, trung tá của ba thứ quân : Bộ binh, Hải quân, Không quân và lính thủy đánh bộ (Lực lượng Không quân Mỹ - US Air Force chỉ được thành lập sau Thế chiến thứ hai, năm 1947. Từ đó, mỗi binh chủng đều có lực lượng không quân riêng. Ngược lại, Hải quân được thành lập từ 1775 để cung cấp vũ khí cho các cuộc đối đầu của Mỹ ở Caraibes, Thái Bình Dương .. Vai trò đầu tiên của nó là kiểm soát Thái Bình Dương trong Thế chiến thứ hai. Hải quân tham gia chiến tranh Triều Tiên và là lực lượng đầu tiên thám chiến ở Việt Nam năm 1965). Họ có một thời hạn cần thiết ở miền Nam Việt Nam, có quyền lực gần như vô hạn để "có một phán xét quân sự về những triển vọng chiến thắng của cuộc chiến tranh trong một thời gian hợp lý". Trong báo cáo họ phải đề nghị "tất cả những điều chỉnh cần thiết về chương trình". Vị tướng chỉ huy phái đoàn như vậy phải trả lời được câu hỏi của chính phủ đề nghị "Chúng ta sẽ thắng lợi hay thất bại ?".

Ban tham mưu liên quân đã hình thành một ê-kíp chọn trong những sĩ quan cao cấp giỏi nhất của Lầu Năm Góc có đủ những đức tính cần thiết cho nhiệm vụ này. Nhưng người có tính cách mạnh mẽ nhất chắc chắn là trung tướng Victor Krulak đi trong phái đoàn, là đại diện Bộ tổng tham mưu. Viên sĩ quan 50 tuổi này – chắc được miễn trừ để gia nhập lính thủy đánh bộ vì chỉ cao một mét sáu mươi hai – đã được tặng thưởng Huân chương Hải quân vì lòng dũng cảm trong chiến tranh Thái Bình Dương chống quân Nhật. Nhưng nhất là ông là viên tướng duy nhất đã sang Việt Nam. Ông đã đi theo Mc Namara trong đợt viếng thăm đầu tiên vào tháng Năm 1962 và trở lại đấy cuối mùa hè, khi Vann gây cho Việt cộng những thiệt hại nặng. Đối với Krulak , chiến tranh ở Việt Nam là cuộc chiến tranh của ông. Ngoài ra, ông là tổng thanh tra của Lầu Năm Góc và hàng ngày theo nắm thông tin về cuộc chiến tranh từ Washington cho Bộ tổng tham mưu và Mc Namara.

Với những nhiệm vụ hiện tại và trước đây, ông là người lý tưởng cho một phái đoàn như vậy. Suốt 28 năm phục vụ , ông đã chứng tỏ có một khả năng tư duy quân sự sáng tạo mà người ta có thể nói không quá đáng là thiên tài.

Năm 1937, lúc đang là trung úy thông tin ở Thượng Hải trong Trung đoàn thứ 4 Hải quân phụ trách bảo vệ nhượng địa quốc tế trong chiến tranh Trung – Nhật, ông đã có một đóng góp cơ bản trong Chiến tranh thế giới thứ hai và trở thành một nhân vật lịch sử của lính thủy đánh bộ. Thời kỳ ấy, Mỹ chưa có phương tiện để đổ nhanh xuống bãi biển bộ binh, xe cộ, vũ khí hạng nặng, phải trượt theo dọc mạn tàu. Ở Thượng Hải, ông quan sát và xem ảnh việc bốc hàng của Nhật,

phát hiện ra một trong những chiếc tàu của họ có tấm cốt mũi tàu vuông hạ xuống làm mặt phẳng nghiêng. Lính bộ binh hoặc xe cộ chạy trên đó xuống thẳng bãi biển. Con tàu lại kéo mặt dốc lên, đi chở các toán khác. Ông làm một mẫu hình thu nhỏ đưa lên chỉ huy Hải quân. Vậy là nhờ ông mà Hoa Kỳ tạo ra chiếc LCVP (Craft, Vehicel and Personnel), con tàu bốc dỡ cổ điển của Chiến tranh thế giới lần thứ hai. Người ta theo cách ấy làm một phiên bản lớn hơn để chuyển những xe tăng Sherman nặng ba chục tấn. Sự tò mò và cảm hứng sáng tạo của viên trung úy trẻ ở Thượng Hải năm 1937 đã cung cấp cho quân đội Mỹ và đồng minh phương tiện cho phép họ dễ dàng đổ bộ người, xe tăng, trọng pháo, đạn dược và mọi cung ứng, trang bị lên bãi biển Bắc Phi, Ý, Normandie và Thái Bình Dương.

Trí tưởng tượng của Krulak không dừng lại ở đấy. Trong những cuộc hành quân năm 1948, ông thí nghiệm một cuộc tấn công bằng những chiếc trực thăng nhỏ đầu tiên Sikorski. Tất cả những nguyên tắc không chiến năm 1963 còn mới mẻ, đã được thể hiện 15 năm trước đó trong sách do trung tá Krulak ở trường Hải quân soạn thảo.

Nhưng trí tuệ đặc biệt không phải lý do duy nhất làm ông có ảnh hưởng vượt trội trong phái đoàn được cử tới Việt Nam. Ông còn có những quan hệ đáng tin cậy đặc biệt ở Nhà Trắng. Năm 1943, trung tá Krulak chỉ huy Sư đoàn 2 lính dù Hải quân ở Nam Thái Bình Dương, phục vụ đơn vị tấn công độc lập của đô đốc William Halsey. Tháng Mười ông chịu trách nhiệm đổ bộ trong đêm lên đảo Choiseul ở Salomon. Đấy là một cuộc hành quân đánh lạc hướng làm quân Nhật tưởng người Mỹ muốn chiếm hòn đảo, kích thích họ cử lực lượng tăng cường tới đó. Nhưng cuộc tấn công thực sự được dự kiến ngày mồng 1 tháng Mười một vào hòn đảo lớn Bougainville với 14.000 lính thủy đánh bộ. Khi rút lui sau một cuộc đột kích, một chiếc tàu đổ quân của Krulak chở 30 người trong đó có nhiều thương binh đụng phải một tảng đá ngầm san hô và bắt đầu chìm. Một tàu phóng ngư lôi bảo vệ họ đến cứu ngay. Công việc tiến hành rất nguy hiểm vì tảng đá ngầm gần bờ và trực tiếp dưới lưới lửa của quân Nhật . Nhưng chiếc tàu phóng ngư lôi và viên chỉ huy, một trung úy 26 tuổi ở lại cho đến khi bốc hết mọi người. Khi xong việc, Krulak muốn tỏ lòng biết ơn anh sĩ quan trẻ. Thời kỳ ấy ở đảo Salomon, rượi Whisky rất hiếm nhưng Krulak có một chai nhỏ Theree Feathers trong hành lý của mình trên đảo Vella Lavella căn cứ của ông “Nếu chúng ta còn sống về đến Vella Lavella, chai rượu ấy là của anh “, ông nói với viên trung úy như vậy.

Viên sĩ quan trẻ này phải chờ chai rượu Whisky của mình khá lâu. Krulak còn lo nhiều việc khác. Những cuộc chiến đấu tiếp tục, ông bị thương hai lần phải nằm bệnh viện một thời gian dài và quên hẳn lời hứa của mình.

Ông chỉ nhớ lại khi viên trung úy trẻ được bầu làm tổng thống Hoa Kỳ. Ít lâu sau, khi tổng thống nhậm chức, tướng Krulak mua một chai Whisky Theree Feather đưa đến Nhà Trắng với mấy chữ :

“Thưa tổng thống!

Chắc ông đã quên nhưng tôi vẫn nhớ. Đây là chai rượu Whiskey tôi nợ ông”.

John Kennedy hân hoan. Ông nhớ lại lời hứa của trung tá Hải quân anh dũng ông đã khâm phục khi còn là một sĩ quan trẻ và nuối tiếc về kinh nghiệm chiến tranh. Ông luôn nói về những điều ấy. Bản thân ông cũng trở thành anh hùng và được tặng thưởng huân chương sau khi chiếc tàu phóng ngư lôi do ông chỉ huy, chiếc PT-109 bị một khu trục hạm Nhật đánh đắm. Kennedy phải bơi sáu cây số, kéo một đồng đội bị thương, dây đai áo cứu hộ giữ giữa hai hàm răng. Câu chuyện PT-109 và viên chỉ huy dũng cảm đã giúp ông được bầu vào Nghị viện năm 1946 nhưng việc đó chỉ có giá trị với ông hơn một sự kiện chính trị nhỏ. Chiến tranh thế giới lần hai là một kinh nghiệm góp phần đào tạo ông. Trong những năm đơn giản và vinh quang ấy, ông đã có thể thử nghiệm giá trị của chính mình và của nền văn hóa ănglô-xắc xông ơ bở biển đông Hoa Kỳ đã đào tạo ông. Những tàu phóng lôi PT là những tòa nhà nặng nề nhất của Hải quân, Kennedy đã tình nguyện chỉ huy tuy bị đau lưng mãn tính mà bất cứ ai cũng sẽ nêu lên như một lý do để được miễn phục vụ trong quân đội. Ông là người đầu tiên trong số sĩ quan cấp dưới trong chiến tranh trở thành tổng chỉ huy tất cả các lực lượng vũ trang. Ông đưa vào phủ tổng thống thái độ đối với chiến tranh ấy trước cuộc sống và thế giới, đặc biệt được những người chứng tỏ lòng dũng cảm trong những trường hợp tương tự đặc biệt kính trọng. Ông mời Krulak vào Nhà Trắng, long trọng uống cùng ông chai Whisky vừa gợi lại những kỷ niệm của họ. Rồi Kennedy nút lại chai rượu, giữ làm kỷ niệm.

Tháng Hai năm 1962, Kennedy muốn đưa vào ban tham mưu liên quân một viên tướng chuyên gia về chống du kích, ông đặt vấn đề với ông em Robert trong chính phủ, bổ nhiệm Krulak vào vị trí ấy. Phần đông các nhà quân sự sẽ thất vọng về sự bổ nhiệm ấy vì cuộc chiến tranh lật đổ không hợp thời và ít may mắn có lợi cho sự nghiệp mình. Krulak không thế vì ông hiểu tổng thống sợ một làn sóng “chiến tranh giải phóng dân tộc “và biết ông được lựa chọn vì là viên tướng Hải quân được Kennedy ưa thích. Thành công trong một pháo đoàn được tổng thống lưu tâm sẽ mở cửa vào tương lai cho ông.

Krulak trở thành người tâm đắc của em trai tổng thống. Bobby Kennedy và “con thú” Krulak rất hợp ý nhau vì người này khâm phục người kia. Krulak bị tác động về sự phân tích nhanh nhạy của Bobby và thích nghị lực sắt của ông này trong những trường hợp khó khăn.

Trong lúc chiếc phản lực bốn động cơ chở phái đoàn đặc biệt chỉ huy cao cấp đáp xuống Tân Sơn Nhất vào sáng ngày 18 tháng Giêng năm 1963 này, Krulak ý thức được tổng thống và ông em dựa vào ông để xác định họ vẫn đi đúng đường hoặc nếu sai lầm thì nói rõ phải làm thế nào để chiến thắng. Mc Namara cũng bắt đầu tán dương Krulak, không dấu ông nỗi lo lắng của mình. Ông ta bối rối do những bài báo nói về thái độ của các lực lượng quân đội Sài Gòn ở ấp Bắc và bàng hoàng vì bị mất 5 chiếc trực thăng. Trước khi phái đoàn rời Lầu Năm Góc, ông nói với Krulak rằng chính phủ cần một sự đánh giá mới về chiến tranh. Krulak tự nhủ nếu Mc Namara lo lắng, tổng thống và Bobby chắc chắn cũng thế.

Viên tướng 4 sao chỉ huy phái đoàn theo thông lệ để Harkins đã biết vì sao họ sang, tổ chức các cuộc đi thăm của họ. Vì phần lớn những trận đánh nhau xảy ra ở miền Nam Sài Gòn, Harkins tổ chức họ đi chủ yếu về phía bắc và những tỉnh ven biển miền Trung. Ông nghĩ ở đấy tiến bộ nhanh hơn vì trừ một số vùng cao nguyên, nói chung ít gặp chống cự. Điều đó do Việt cộng kiểm soát chặt tầng lớp nông dân địa phương không để lộ rõ mình, Họ muốn tập trung mọi cố gắng vào vùng của Vann mà lối thoát còn đáng ngại.

Chỉ một trong tám ngày dành cho vùng đồng bằng. Những vị khách cao cả cũng không đến Mỹ Tho hoặc vùng sư đoàn 7 để hỏi Vann và các cố vấn về những sự kiện đưa tới việc bộ chỉ huy tối cao, được Nhà Trắng khuyến khích, cử những nhân vật cao cấp sang đây. Vùng đồng bằng chỉ được kiểm tra qua một cuộc họp của ban tham mưu Quân đoàn 4 của Cao ở Cần Thơ và một cuộc gặp mặt trung tá Fred Ladd, cố vấn của Sư đoàn 21 ở cực nam vùng đồng bằng gần như hoàn toàn do Việt cộng kiểm soát. Theo những báo cáo soạn thảo, hình như không thành viên nào của phái đoàn, Krulak cũng không, thấy đấy không phải là cách điều tra tốt nhất. Hơn nữa, không phải vì thiếu thì giờ mà họ chỉ đi qua vùng đồng bằng một ngày. Hành trình lúc đầu dự kiến bốn ngày phải tăng lên gấp đôi vì đại tướng trưởng phái đoàn bị bệnh cúm. Ông không đến Cần Thơ được nhưng những người khác, có cả Krulak, gặp Cao và cố vấn của ông ta, Porter ở đấy.

Mấy năm sau được hỏi, Porter không nhớ được những chi tiết. Nhưng ông chắc chắn đã không dấu các vị tướng điều gì. Những bình luận của ông trước đó và những lời ông khuyên Harkins đã làm ông thất sủng và không còn lý do gì làm ông phải dè dặt. Hai ngày trước khi phái đoàn đến Việt Nam, ông chuyển cho Sài Gòn những báo cáo của Vann và bản phân tích của ông về những yếu kém của quân đội Diệm. Khi gặp các nhà điều tra, ông tin chắc Harkins không thể bỏ qua một tài liệu như vậy mà không lưu ý phái đoàn. Ông chắc chắn mình đã nói thẳng thắn, các tướng đã biết quan điểm của ông và hỏi họ có cần cụ thể hơn không. Những người ta không hỏi ông câu nào.

Tướng Bob York cũng có mặt ở Cần Thơ. Ông không nhớ hôm ấy có ai đó trong phái đoàn hỏi ông điều mà bộ chỉ huy cao cấp quan tâm "Chúng ta rồi sẽ thắng hay thua ?". York đã trao đổi với họ về việc nghiên cứu vũ khí mới và chiến thuật chống du kích mà Lầu Năm Góc giao cho ông. Ông mô tả vai trò của những trực thăng chiến đấu Huey ở ấp Bắc trong quyền hạn của ông nhưng không nói về trận đánh. York cùng chung với Porter những mặt mạnh mặt yếu như thế. Đấy là một người theo chủ nghĩa cá nhân với trí óc xoi mói và tình hình không chê trách được. Ông đưa bản phân tích mật về trận đánh với những nhận xét hậu quả lên cấp trên, chỉ huy trưởng. Chính Harkins quyết định có nên cho các thành viên của phái đoàn biết không. York không phải loại người phân phối những bản sao báo cáo của mình sau lưng thủ trưởng. Ngược lại, ông hoàn toàn tự do nói lên điều mình suy nghĩ nếu người ta hỏi. Nhưng không ai hỏi ông. Ông nhớ lại trong bữa ăn trưa, cuộc nói chuyện thật tẻ nhạt. Xem ra các vị tướng của Lầu Năm Góc ở trong trạng thái không phấn chấn.

Sau bữa ăn, cố vấn Sư đoàn 21, Fed Ladd, dẫn Krulak và một viên tướng trong ban tham mưu Sài Gòn đi theo một cuộc hành quân của sư đoàn mình và và thăm một đồn tiền tiêu cảnh sát trên bờ biển Đông. Như ông ghi vào sổ tay, đây là một cái nhìn chớp nhoáng. Ông cũng không nhớ người ta có hỏi ông về tình trạng chiến tranh không.

Porter có những lý do để đoán chừng Harkins không tìm cách gian lận và trao đổi với các nhà điều tra về báo cáo của Vann cùng bản phê phán của ông về lực lượng Sài Gòn. Phó trưởng phái đoàn, người sáng suốt hơn thủ trưởng bốn sao nhiều, đọc chúng cẩn thận. Ông triệu tập Vann về Sài Gòn để hỏi kỹ trận đánh và hậu quả. Ông nhớ rằng sự phán xét của Vann trái ngược với những gì Harkins nói với họ. Krulak không nói chuyện với Vann nhưng đọc báo cáo của anh và bình luận của Porter. Phó trưởng phái đoàn chắc phải truyền đạt lại với ông điểm chủ yếu của câu chuyện riêng của Vann vì đã quyết định giao cho Krulak soạn thảo báo cáo tổng hợp của phái đoàn.

Như vậy, tuy mất thì giờ về những cuộc tham quan du lịch của Harkins, tất cả các viên tướng đều biết sự thật về Việt Nam, không riêng do những quan điểm chủ quan của Vann và Porter mà còn qua những chuyện kể của 16 cố vấn của Vann là những người chứng kiến thảm họa kèm theo báo cáo. Nhưng họ bỏ qua những gì mình đã đọc. Vì như Krulak chỉ còn nhớ mơ hồ về báo cáo. Ông đánh giá Vann, các cố vấn tại chỗ và Porter đã nhận xét bất công về quân đội Sài Gòn vì họ so sánh theo khuôn mẫu của quân đội Hoa Kỳ. Người ta không thể đòi hỏi ở lực lượng của Diệm những kết quả tương tự, căn bản là họ đã tham gia những cuộc hành quân.

Thật mơ hồ khi kết luận một quân đội thảm hại như Quân lực Cộng hòa trong

trận ấp Bắc có thể chiến thắng một đối thủ thành thạo và năng động. Nhưng đúng đã xảy ra việc đó.

Qua báo cáo tuyệt mật gửi tất cả đô đốc, các tướng trong ban tham mưu của tổng chỉ huy các lực lượng Thái Bình Dương ở Hawaii, vị tướng trưởng phái đoàn khẳng định sự hào hứng về tiến triển của cuộc chiến tranh ở Việt Nam. Nhận định của ông được ghi lại rồi sao chuyển cho các sĩ quan cao cấp vắng mặt ở cuộc họp. “Không nghi ngờ gì, ông xác nhận, trong năm vừa qua chúng ta đã xây dựng được, tôi cho là một cơ cấu người và vật chất làm cơ sở cho hoạt động quân sự thắng lợi”. Ông quy tình hình đáng khích lệ ấy cho tài năng chiến lược của Harkins “Nếu không có tướng Harkins, mọi việc sẽ không ở tình trạng thuận lợi như chúng ta thấy. Tình hình sẽ rất tệ hại. Thái độ cá nhân và những đức tính chỉ huy thấm vào toàn bộ sự chỉ huy của ông”.

Trưởng phái đoàn cũng có nhiều cảm xúc về con người Lansdale đặt vào Phủ tổng thống ở Sài Gòn “Tôi đã bị tác động về những đức tính của ông Diệm, đầy nghị lực, thấu hiểu nhiều và nói năng dễ dàng”. Có lẽ quá dễ dàng , vị tướng 4 sao phải công nhận thế vì suốt hai tiếng rưỡi đồng hồ trao đổi với Diệm, ông không nói được một câu ! Vấn đề duy nhất đối với tổng thống là tìm dịp để nói chuyện vì ông diễn đạt dồi dào và nhanh. Tuy vậy, trưởng phái đoàn kết luận Diệm “chắc chắn biết rõ đất nước mình và tôi nghĩ, dân tộc mình. Đấy là một lãnh tụ trong tầng lớp những người có trách nhiệm lớn về chính trị”. Chính phủ của ông “thiếu chín chắn và có sai lầm trong việc thi hành những chương trình quan trọng “nhưng vị tướng quy những thiếu sót ấy cho nền văn hóa , xã hội chậm tiến là “đặc điểm Châu Á và Việt Nam “thay vì sự non kém của Diệm.

Một trong những mánh khóe chế độ đặt ra để kiểm soát dân chúng làm vị tướng say mê mà người ta giải thích đấy là một cách ưu đãi tầng lớp nông dân : trong các “ấp chiến lược “, mỗi người phải có một thẻ căn cước có ảnh và vân tay. Vị tướng công nhận một biện pháp như thế “chắc chắn làm dân chúng Mỹ không hài lòng “nhưng nông dân Việt Nam thì khác .” Họ nghĩ đây là người ta đã làm hết sức từ hộp bia lon, điều đó chứng tỏ chính phủ yêu thương họ, quan tâm đến họ … Họ không xem đấy là một điều khó chịu hoặc là một cách kiểm soát họ”.

Một trong những viên tướng ở Ban tham mưu Thái Bình Dương hỏi khi nào thì Harkins tổ chức cuộc hành quân “Bùng nổ “để tiêu diệt Việt cộng. Trưởng phái đoàn trả lời Harkins “rất thận trọng trong vấn đề này “và đã trao đổi với ông “Tôi sẽ không nói với ai khi nào tôi bắt đầu chiến dịch”.

Nhưng trưởng phái đoàn không biết Harkins có những lý do để tỏ ra “thận trọng “ông ta không nói với ông. Diệm đã hết sức hãm lại. Kế hoạch hành quân xây dựng xong dịch sang tiếng Việt nhưng Diệm vẫn chưa cho ban tham mưu

hỗn hợp duyệt. Ông ta sợ viên tướng kéo ông vào một cuộc đụng độ lớn với Việt cộng. Trận ấp Bắc càng làm ông e ngại. Tuy Harkins khẩn nài, công việc chuẩn bị chỉ bắt đầu vào mồng 1 tháng Bảy.

Krulak có ý kiến trong cuộc tranh luận :

"Quan điểm cho rằng cuộc tấn công đã bắt đầu sẽ hiệu nghiệm hơn vì đúng là như thế. Họ đã thực hiện nhiều điều trong một năm nay và tôi nghĩ có thể xem như không có sự bắt đầu cụ thể cho chiến dịch "Bùng nổ". Nó chỉ là việc kéo dài tự nhiên của những gì xảy ra đã một năm nay".

Trưởng phái đoàn nâng lý luận của Krulak lên một mức :

"Hôm nọ Harkins đã thống kê cho tôi số lượng các cuộc hành quân trên toàn lãnh thổ. Trung bình mỗi tháng 450 cuộc. Các ông thấy đấy là một bước đúng hướng. Một cuộc tấn công liên hoàn".

Sau cuộc họp các thành viên phái đoàn được bố trí trong những ngôi nhà sang trọng ở một cơ sở quân sự dọc bãi biển Honolulu để Krulak và nhóm của ông đủ tĩnh lặng viết báo cáo tổng kết. Dĩ nhiên nó phản ánh tầm nhìn của vị tướng trưởng phái đoàn và tất cả các thành viên tán thành bản nháp trước khi kết thúc.

Bản tổng kết chính thức đưa lại một câu hỏi không giải thích được Hoa Kỳ và đồng minh Sài Gòn sẽ thắng hay bại ? "Trong một năm rưỡi tình hình miền Nam Việt Nam đi theo hướng mới, một tình hình gần như thất vọng nhưng có điều kiện hứa hẹn chiến thắng". Không có lý do gì mang lại những thay đổi đột ngột "Chúng ta đang thắng dần dần theo đà hiện nay .. và không có lý do gì khẩn thiết để thay đổi. Những mô tả cụ thể cũng đáng khích lệ như những lời tuyên bố chung. Còn về cuộc hành quân "Bùng nổ "Krulak giữ quan điểm "nó đã bắt đầu và cảm thấy có những triển vọng hợp lý để cải thiện đáng kể tình hình quân sự". Kế hoạch kèm theo "chiến thắng sau ba năm "mà ban tham mưu của Harkins xây dựng theo yêu cầu của Mc Namara cũng là "một cơ sở rõ ràng để vạch kế hoạch giải ước dần sự hỗ trợ của Hoa Kỳ vào cuối năm 1965. Về những bài báo tổng thống, Robert Kennedy và Mc Namara đã đọc, trong đó phản ánh những lời than phiền của các cố vấn Mỹ về thái độ của các sĩ quan Sài Gòn, dù sao cũng nói quá lên và thường là sai". "Những chỉ thị của Hoa Kỳ ngày càng kèm theo việc tiếp tục phát triển lòng tin vào chính phủ Sài Gòn và các cố vấn".

Trận đánh ấp Bắc chỉ đề cập một lần trong 29 trang báo cáo, để lưu ý rằng các nhà báo ở Việt Nam đã trở thành những người bôi nhọ vô ý thức một đường lối chính trị ưu việt :

"Hậu quả thảm hại của những bài báo viết về trận ấp Bắc ngày 2 tháng Giêng năm 1963 là một ví dụ điển hình cho việc các phóng viên đánh giá sai về những cố gắng của cuộc chiến tranh. Các nhà báo nói những sự việc đều xuất xứ từ

những nguồn tin Mỹ. Điểm này đúng nhưng ở mức độ những câu chuyện dựa vào lời tuyên bố thiếu suy nghĩ trong một giai đoạn phấn khích cao độ hay thất vọng của các sĩ quan Mỹ".

Bản báo cáo kết luận :

"Những yếu tố chính của thành công đều được tập hợp ở Việt Nam. Bây giờ ở đó và cả ở trong nước phải rất kiên trì để đi đến thắng lợi".

Một ít người ở Washington, đặc biệt Averell Harriman, thứ trưởng Ngoại giao phụ trách Viễn Đông, vẫn hoài nghi trước thái độ lạc quan ấy. Ngược lại, phần lớn tin như vậy : tổng thống, ông em và là cố vấn Robert, Mc Namara, Dean Rusk ở Bộ ngoại giao và đa số trong hệ thống dân sự và quân sự. John Kennedy tin tưởng vào sứ mệnh dẫn dắt thế giới. Ngoài ra, Krulak ở trong phái đoàn, Kennedy đã thấy tinh thần chiến đấu của ông này và biết có thể dựa vào ông.

Về sau này, một viên tướng Hải quân khác đã theo dõi sự tiến bộ của Krulak, tự hỏi thái độ ấy của ông ta có phải do tham vọng cá nhân không. Ông đã nổi tiếng bởi biết làm người ta chú ý đến mình, như câu chuyện chai rượu Whisky. Dĩ nhiên, ông có tham vọng kết thúc sự nghiệp ở vị trí tổng chỉ huy lực lượng Hải quân. Ông sẽ về hưu vào cuối năm 1963, có cơ may tổng thống chỉ định ông, vượt qua những ứng cử viên lâu năm hơn. Nếu lần này ông không đạt được vì quá trẻ, trong sự ưu ái hai anh em tổng thống có thể giúp ông sau này, vào năm 1967 chẳng hạn. Dù Kennedy chỉ hơn Nixon một số ít phiếu trong kỳ bầu cử năm 1960, ông đã trở thành người được quần chúng mến mộ vào năm 1953 và việc tái đắc cử có lẽ không thành vấn đề. Chắc Krulak không để hỏng sự nghiệp của mình khi đặt lại vấn đề lạc quan chính thức và chuốc lấy sự cáu giận của nhà khoa học quân sự Maxwell Taylor mà anh em Kennedy và Mc Namara đánh giá là nhà chiến lược lớn về chiến tranh. Cũng không nên quên Harkins là người được Taylor bảo vệ. Krulak quá tinh ranh để hiểu những gì đã xảy ra ở miền Nam Việt Nam. Tham vọng có lẽ đã vô tình ảnh hưởng đến thái độ của ông nhưng điều ấy không đủ thuyết phục. Vì ông không phải là kẻ vô liêm sỉ và thiếu dũng cảm. Còn phải chứng minh điều đó sau này bằng việc nhìn cuộc chiến tranh ở vào một tình thế không may mắn khi ông thực hiện những tham vọng của mình.

Phái đoàn điều tra Lầu Năm Góc cử sang Nam Việt Nam tháng Giêng năm 1963 chứng minh cơ chế quân sự bị tê liệt bởi hội chứng chiến thắng đến mức không thể phản ứng trước các sự kiện và thích nghi với thực tế cả những khi sự việc tác động đến họ. Một người suy nghĩ và một kẻ chiến đấu cỡ Krulak bị nhiễm tính kiêu ngạo đến mức không rũ bỏ được dù biết tổng thống, anh em tổng thống và bộ trưởng Quốc phòng chờ đợi ở ông sự thật.

Tổng thống Kennedy lẽ ra phải nhớ đến thời kỳ lúc còn là một sĩ quan hải

quân trẻ, đã học được rằng càng gần cuộc chiến đấu người ta càng hiểu rõ bản chất của nó. Như vậy ông đã có thể tiết kiệm cho ngân khố quốc gia chi phí chuyến đi của phái đoàn gồm những nhân vật tên tuổi bằng máy bay phản lực bốn động cơ trên ba vạn cây số. Ông chỉ cần gọi một trong những phi công trực thăng được Việt cộng bắn hào phóng đến kể lại những câu chuyện về trận đánh. Tuy cũng có những sai sót nhưng nó sẽ phản ánh sâu sắc sự thật.

Một trong những tàn tích của Hiệp định Geneve năm 1954 là một ủy ban ba bên kiểm soát việc tôn trọng hiệp định của hai phía. Nó gồm phái đoàn đại diện của nước Ba Lan cộng sản, Canada chống cộng sản, Ấn Độ trung lập, chủ trì thường xuyên và đóng vai trò trọng tài. Đến năm 1963, ủy ban kiểm soát đã từ lâu không còn tác dụng nhưng các phái đoàn vẫn giữ văn phòng của họ ở Hà Nội, Sài Gòn và tự do đi lại bằng một máy bay riêng theo chế độ ngoại giao giữa hai thủ đô. Các đại diện được thông tin rõ về quan điểm của hai phía.

Năm 1963, đại diện phái đoàn Ba Lan, một trí thức Do Thái, giáo sư luật học ở trường đại học Varsava, rất được người Việt Nam mến mộ. Một buổi tối ở Hà Nội trong một cuộc chiêu đãi, ông được gặp riêng một người đơn giản và mờ nhạt người ta có thể thấy đang cày ruộng hơn là con trai của nguyên thư ký cho ông vua cuối cùng triều Nguyễn bị người Pháp đưa đi tù đày. Đấy là ông Phạm Văn Đồng, thủ tướng Chính phủ Hồ Chí Minh. Họ không cần người phiên dịch vì cả hai nói tiếng Pháp.

- Ông cho biết, vị thủ tướng hỏi, các viên tướng Mỹ luôn luôn khoe khoang có thể thắng trong cuộc chiến tranh ở miền Nam. Thực sự họ có tin như thế không ?

- Theo phát hiện của tôi thì có đấy, họ tin như thế.

- Ông nói đùa, Phạm Văn Đồng tiếp tục. Họ nói vung lên như vậy là để tuyên truyền nhưng chắc chắn CIA đã nói sự thật với họ trong các báo cáo mật.

- Tôi không biết CIA đã nói gì với họ. Nhưng tôi có thể đoán chắc với ông họ rất tin vào điều họ nói.

- Còn tôi, tôi rất khó tin lời ông. Các viên tướng Mỹ không thể ngây thơ đến như vậy !

Khi các nhà lãnh đạo cộng sản Việt Năm bắt đầu khai thác trận ấp Bắc như một xúc tác cho cách mạng miền Nam, họ nhận thấy vị đại diện Ba Lan nói đúng và phát hiện ra nhiều điều khác nữa. Họ nhận thấy các đối thủ Mỹ cung cấp cho họ những gì cần thiết để căn bản phá vỡ tương quan lực lượng ở miền Nam Việt Nam và những gì Mỹ làm cho đồng minh Nam Việt Nam tạo điều kiện dễ dàng cho nhiệm vụ của họ.

Đến tháng Giêng năm 1963, Hoa Kỳ đã cung cấp cho cộng sản Việt Nam vũ

khí đủ để xây dựng ở miền Nam một quân đội có khả năng đương đầu và đánh bại Quân lực Cộng hòa. Hơn 130.000 súng tiểu liên, súng tự động, đại liên, lựu đạn, hàng nghìn điện đài phân phối cho quân bảo an, cảnh sát địa phương và một hỗn tạp đơn vị bất thường được CIA tài trợ và trang bị. Việt cộng chỉ việc sử dụng. Sáu tháng sau, con số lên gấp đôi để đạt khoảng 250.000 vũ khí phân phối cho vùng nông thôn, nghĩa là tiềm tàng bố trí cho Việt cộng. Vũ khí của Quân lực Cộng hòa cũng có thể bắt được nhưng không dễ dàng bằng ở những đồn tiền tiêu mà Diệm luôn từ chối dỡ bỏ hoặc trong các thôn ấp dễ bị tấn công.

Chỉ với một phần những vũ khí Mỹ ấy, ông Hồ Chí MInh có thể tăng gấp đôi, gấp ba quân số quân đội chủ lực và những đơn vị tỉnh đội ở miền Nam, vào tháng Giêng năm 1963 có khoảng 23.000. Với nguồn vũ khí dồi dào như vậy, những người cộng sản Việt Nam có thể tăng cường đáng kể lực lượng dân quân gồm 100.000 người ở các thôn ấp, những đại diện địa phương và thông tin, liên lạc viên của chính quyền bí mật cũng đồng thời là lực lượng chiến sĩ dự phòng. Họ không cần đánh nhau với những khẩu súng tự tạo nguy hiểm cho người bắn cũng như bia bắn. Lần đầu tiên trong chiến tranh, mỗi người được trang bị một vũ khí hiện đại, thể hiện rõ sự bành trướng đáng kể của cộng sản chi phối vùng nông thôn, từ chỗ các đơn vị chiến đấu không đến một đại đội hoặc tiểu đoàn đã trở thành những trung đoàn và sư đoàn.

Việc phân phối vũ khí cho quân đội Việt Minh thứ hai ấy không phải là sự giúp đỡ không muốn có duy nhất. Việc tuyển mộ chiến sĩ và không khí chính trị thuận lợi cho những người nổi dậy trong lòng dân chúng rất dễ dàng tạo được vì bom dội thường xuyên các thôn ấp và vì một biện pháp còn khó chịu nổi hơn : tập trung bắt buộc hàng triệu nông dân vào những ấp chiến lược mới xây dựng. Tầng lớp nông dân căm ghét những ngược đãi và xấu xa của chế độ phát điên lên, giận dữ vì sự lạm dụng của chính quyền, tệ hại hơn những gì họ đã phải chịu dưới chính phủ nguồn gốc ngoại lai này

Lúc đầu Cao tỏ ra có lương tri, phản đối chế độ ấp chiến lược. Tôn giáo của đa số dân chúng là một phối hợp đạo Phật, tôn kính tổ tiên và thuyết vật linh. Họ tôn thờ các linh hồn sông suối, đồi núi, cây cối bao quanh làng. Cao nhấn mạnh với Vann điểm này, lưu ý anh nhiều chủ nông trại vùng đồng bằng có nhà ở tương đối tốt. Chính phủ phá hủy chỗ ăn ở của nông dân buộc họ rời bỏ đồng ruộng, mồ mả tổ tiên, sẽ làm dấy lên sự giận dữ của họ. Thậm chí Cao táo bạo phản ứng với Robert Thompson, chuyên gia Anh đã đóng vai trò chủ chốt trong việc trấn áp cuộc nổi dậy của người Trung Hoa ở Malaysia, đến Sài Gòn làm cố vấn bình định. Cao khẳng định với ông ta chương trình này không áp dụng được ở miền Nam Việt Nam. Điều ấy không ngăn cản ông nhanh chóng cầm cố nông dân sau những hàng dây thép gai, khi Diệm và Nhu cho ông biết chương trình

này là phần chủ yếu trong chiến lược của họ và họ dựa vào ông để thực hiện. Những dời chuyển bắt buộc hàng loạt ở vùng đồng bằng không chỉ để đưa nông dân ra khỏi vùng Việt cộng kiểm soát mà cũng thu hẹp diện tích các thôn ấp bao vây trong dây thép gai và lô cốt. Những ấp lớn nhất nói chung nằm dọc một con kênh suối, thường cả hai bên bờ kéo dài một cây số. Người ta phá bỏ gần một nửa số nhà ở hai đầu, chỉ giữ lại một không gian hạn chế ở giữa.

Có hai nhóm nông dân căm tức. Trước hết là những người buộc phải di chuyển để tách khỏi Việt cộng, phải tự mình xây dựng nhà trong ấp mới, những ngôi nhà kém xa nhà cũ, sau đó lại bị bom và napalm thiêu trụi. Không phải sử dụng kỹ thuật ít tốn kém để phá hủy những căn nhà gỗ, tường đất, lợp lá cọ, nhưng viên tướng không quân Anthis rất chú ý làm : như vậy ông ta tăng thống kể số lần xuất kích máy bay ném bom trong báo cáo gửi về Washington. Nạn dịch tha hóa tham nhũng của chế độ càng làm dân chúng nặng gánh. Những người có trách nhiệm ở địa phương bán lại cho nông dân những tấm tôn và vật liệu mà lẽ ra Hoa Kỳ cho không họ. Vann tố cáo với Harkins những mánh khóe của một tỉnh trưởng làm giaù bằng dây thép gai "Ông ta ghi hóa đơn tính tiền nông dân phải trả theo số lượng bao quanh nhà họ ở". Nhòm nông dân thứ hai gồm những người vẫn giữ được nhà ở nhưng bây giờ phải ở chung trong thôn ấp đông dân, bên cạnh những người hàng xóm người ta buộc ở trên đất của họ.

Tất cả đều cùng căm phẫn vì những ngày dài lao động nghĩa vụ, đào hầm hố, chôn cột giăng dây thép gai, dựng chỗ ở cho cảnh sát, chặt tre vót nhọn làm chông để phòng bị tấn công. Những nông dân giàu lo lót để được miễn làm việc càng dồn gánh nặng lên những người nghèo. Một số ít nông dân được nhận thuốc chữa bệnh, lợn Yorkshire và những vật linh tinh khác, không đủ để họ tha thứ cho những đao phủ của mình.

Để tỏ lòng tận tụy với phủ tổng thống, các tỉnh trưởng tranh giành nhau xây dựng càng nhiều ấp càng tốt. Chế độ không ưu tiên xây dựng vùng nào cần bình định trước sau. CIA và Cơ quan phát triển quốc tế tài trợ cho chương trình này cũng như Robert Thompson muốn bắt đầu từ những vùng có lợi ích chiến lược và kinh tế để rồi làm vết dầu loang ra những vùng ít quan trọng hơn. Nhưng Diệm và Nhu quyết định làm xen kẽ trên toàn miền Nam Việt Nam. Còn ban tham mưu của Harkins hy vọng khoảng một nửa trong hàng nghìn ấp chiến lược xây dựng trong tháng Giêng 1963 vượt qua giai đoạn thô sơ để trở thành những cộng đồng thật sự.

Điểm khó hiểu là chính sách này làm lợi cho ai. Chắc chắn không cho người Mỹ, Diệm và Nhu, vì những cộng đồng bị kìm hãm này không theo họ như họ mong muốn. Ngược lại, các trại tạm thời này tăng cường động cơ cho những người bị lưu đày quyết tâm bảo vệ Việt cộng hơn bao giờ hết. Ban ngày thôn ấp

có vẻ do chế độ cầm quyền kiểm soát. Vẻ bình lặng bên ngoài củng cố niềm tin sai lạc của người Mỹ cho rằng nông dân Việt Nam bản chất thụ động, lo lắng được yên ổn trước hết. Nhưng sự kiểm soát chỉ là hão huyền vì người Việt Nam đánh nhau với Pháp đã học được lối giả tạo và vì chính quyền Sài Gòn từ thôn trưởng đến những người có trách nhiệm ở tỉnh, nói dối cấp trên để giữ chức quyền. Những người Mỹ cũng lừa bịp chính mình bằng những mưu mẹo cưỡng bức như thúc đẩy chế độ Sài Gòn quy định bắt buộc làm căn cước. Thực tế ban ngày không hề có việc kiểm soát … Nông dân , vợ và những đứa con đã lớn của họ mỗi sáng ra đồng ruộng cày bừa, thường cách ấp chiến lược nhiều cây số. Không thấy mặt họ cho đến lúc mặt trời lặn, Khi đêm xuống, cảnh sát canh gác và trưởng thôn rút vào những công sự nhỏ bằng đất nhồi rơm. Lúc ấy , cán bộ Việt cộng tự do hoạt động. Còn những người "tình nguyện "vào cảnh sát mới của ấp, có thể lẩn tránh ban đêm ở các đồn tiền tiêu hoặc thầm lặng đi gặp Việt cộng địa phương hân hoan với những súng máy, lựu đạn CIA cho họ.

Trận ấp Bắc xảy ra vào lúc thích hợp nhất và dùng làm bối cảnh thuận lợi cho ông Hồ Chí Minh và các cộng sự. Đấy là một loại sự kiện họ đang cần để thổi vào đội quân Việt cộng mới thành lập tình cảm yêu nước vốn trước đây là cơ sở tạo dựng Việt Minh. Vào tháng Ba sau khi đánh giá kỹ tình hình và hoàn thành mọi việc chuẩn bị, họ bắt đầu khai thác trận ấp Bắc, kêu gọi tập hợp làm cách mạng miền Nam. Cáo thị in màu xuất hiện ở vùng đồng bằng biểu dương thắng lợi và các chiến sĩ. Bộ chính trị ở Hà Nội qua Mặt trận giải phóng miền Nam thông báo chiến dịch 3 tháng "thi đua với ấp Bắc "kéo dài trong hai năm. Tất cả bắt đầu phát triển rất nhanh. Cơ quan tình báo của Harkins ước tính trong mùa khô từ tháng Mười năm 1962 đến tháng Tư năm 1963, Việt cộng miền Bắc thâm nhập vào Nam gần bằng mức độ trước đây, khoảng 6.000 người mỗi năm. Sau này người ta được biết sau trận ấp Bắc, lòng tin của Hà Nội vào chiến thắng làm tăng quân số lên gấp đôi qua những con đường Lào và cao nguyên : từ 850 mỗi tháng trong những năm 1961 – 1962 lên đến 1.700, tất cả những cán bộ Việt Minh miền Nam cũ ra Bắc năm 1955, những "cán bộ mùa thu "nay về tăng cường cho "cán bộ mùa đông "chống chọi với sự khủng bố của Diệm và phát động cuộc nổi dậy năm 1957. Phần lớn là binh lính đã phục vụ trong quân đội miền Bắc, nay là những sĩ quan, hạ sĩ quan cho quân đội Việt Minh thứ hai : chuyên gia truyền tin, tình báo, vũ khí hạng nặng và cả những huấn luyện viên như nhóm Cao đã để sổng mất. Trong số họ, cũng có một ít nhân viên dân sự được đào tạo trong chính quyền miền Bắc, sẽ đóng vai chính quyền Việt cộng bí mật hoặc chuyên về công tác phản gián hoặc khủng bố. Tất cả những người ấy đều là chuyên gia. Với những cán bộ cũ của miền Nam, họ là khung thép của ngôi nhà mà nông dân địa phương sẽ là xi măng của những bức tường. Họ tuyển

mộ hàng loạt. Ví dụ ở tỉnh Kiến Hòa ngay phía nam Mỹ Tho, 2.500 thanh niên nông dân tình nguyện đi theo Việt cộng. Tuy tỉnh trưởng ở đó đã chiến đấu chống Pháp 4 năm bên cạnh Việt Minh rồi đào ngũ qui thuận lực lượng Sài Gòn, biết rõ chiến thuật du kích và rất nghiêm túc áp dụng chương trình bình định. 2.500 người tình nguyện hầu hết là từ những ấp chiến lược của ông ta ra đi.

Nhưng không phải chỉ có nhân lực bí mật chuyển nhanh chóng vào Nam. Sau trận ấp Bắc, Hà Nội quyết định bắt đầu đưa vũ khí hạng nặng vào cho quân đội Việt cộng. Cho đến lúc đó, Hồ Chí Minh chưa làm điều ấy vì kinh nghiệm của ông cho thấy để phong trào du kích có hiệu quả cần biết tự trang bị cho mình vũ khí bắt được của địch. Nhưng vũ khí hạng nặng không thể lấy của đối phương với lượng đủ dùng và Hà Nội vẫn có ý định cung cấp. Quân đội Việt Minh thứ hai cần súng bắn máy bay để làm phi công trực thăng sợ và buộc máy bay ném bom bay cao, kém hiệu lực. Cũng cần phải có súng cối 81 để làm hoảng sợ quân đội Sài Gòn, vốn không quen chịu đựng những vũ khí từ xa ba cây số dội vào bốn ki lô trái phá chất nổ ; những ca nông 57 và 75 ly không giật để phá vỡ lô cốt những đồn tiền tiêu và biến xe bọc thép thành những khung thép bất động.

Các sĩ quan tham mưu Mỹ ở Sài Gòn thích thú câu chuyện đùa về người dân công Việt cộng trong hai tháng rưỡi lắc lư trên lưng ba viên đạn cối đi trên con đường mòn Hồ Chí Minh xuyên qua núi rừng Lào. Đến trận địa đã kiệt sức, đưa những viên đạn cho người bắn trọng pháo, phóng đi chỉ mấy giây và nói với người dân công “Anh trở lại đấy mang tới ba viên khác”. Điều buồn cười là ở phía người kể chuyện. Những con đường mòn qua nước Lào dùng đưa người vào nhưng không sử dụng được cho vũ khí hạng nặng và đạn dược. Phương tiện vận chuyển duy nhất có hiệu quả là những chiếc thuyền đánh cá đi biển. Những con tàu vỏ thép dài 40 mét có thể dễ dàng vận chuyển hàng trăm tấn vũ khí và đạn dược kèm theo. Họ hẹn gặp du kích ban đêm ở một trong hàng trăm vịnh nhỏ hoặc cửa sông rải rác ở 2000 cây số bờ biển phía nam. Trước trận ấp Bắc, việc chuyên chở vũ khí rất hạn chế, sau thành thường xuyên.

Hành trình thường khó khăn, cần có những kỹ năng vượt biển vì bờ biển vùng đồng bằng nơi dỡ hàng phần lớn bằng phẳng, không một chỗ nhô cao để xác định vị trí. Hoạt động lại tiến hành vào đêm không trăng để tránh bị phát hiện. Việc buôn lậu, trong đó có cả buôn vũ khí, luôn là một nghề đặc quyền ở châu Á, mà những người cộng sản Việt Nam đã có kinh nghiệm trong 9 năm chống Pháp. Thuyền bốc hàng ở một hải cảng phía nam Trung Hoa. Thực vậy, nước Trung Hoa đã biến những xưởng đóng tàu năm 1949 sang sản xuất vũ khí theo mẫu Liên Xô, như súng liên thanh 12,7 và bố trí một kho vũ khí Mỹ lấy của Quốc Dân Đảng và ở Triều Tiên. Con tàu ra khơi từ đảo Hải Nam rồi quay về hướng bờ biển Việt Nam, đi sát theo bờ lẫn lộn với tàu đánh cà và thuyền bè. Tàu

thuyền vận chuyển làm ở địa phương, giống những tàu thuyền của ngư dân miền Nam. Họ có những tấm biển số cơ động : khi đã qua vĩ tuyến 17, họ thay đổi, đóng một con số phù hợp vói tàu thuyền thường xuyên đăng ký ở Sài Gòn. Vào đêm dỡ hàng, chỉ huy đi đến một điểm định trước gần bờ, đã có người hướng dẫn chờ trên một con đò. Người hướng dẫn đưa con tàu vào vịnh hoặc cửa sông có dân công đứng đợi. Trong lúc bốc dỡ hàng, con tàu được ngụy trang. Đêm sau hoặc đêm sau nữa, người hướng dẫn lại đưa con tàu ra biển và trở lại đất liền trên con đò của mình. Con tàu ra đi để rồi làm một cuộc hành trình khác, vào một đêm không trăng khác. Mọi khí cụ nặng và đạn dược được chuyển vào đất liền, cất giấu cẩn thận. Hà Nội đã ra lệnh chưa được dùng đến khi các đơn vị chưa tập luyện sử dụng thành thạo. Những vũ khí ấy xuất hiện trên chiến trường gây nên một hiệu quả bi đát đáng ngạc nhiên vào đầu giai đoạn tiếp theo của cuộc chiến tranh.

Không riêng các nhà lãnh đạo Hà Nội nhảy vào trong dịp ấp Bắc. Các nhà báo đang ở miền Nam Việt Nam cũng không để lỡ dịp. Chúng tôi hành động như đã chờ sự kiện ấy. Mâu thuẫn giữa những báo cáo của chúng tôi về chiến tranh và văn bản chính thức của Harkins và đại sứ Nolting đặt chúng tôi vào tình trạng bị vây hãm phải thoát ra.

Việc tranh cãi là hậu quả của tình hình phát triển từ sau cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai. Khi chiến tranh nổ ra, không có lý do gì để tranh luận. Mối đe dọa sống còn của Tổ quốc không thể chối cãi, các tướng và đô đốc thường xuất sắc, cần phát huy khả năng hoặc bị cách chức. Các phóng viên đóng vai trò nâng đỡ hơn là chỉ trích. Từ đó loại trừ một số trường hợp, họ mất khả năng chống đối và nêu lên một phán xét độc lập về đường lối và chính quyền nói chung. Ở thời kỳ hậu chiến, báo chí Mỹ vẫn giữ được sức sống nổi tiếng trên thế giới nhưng khi nói về đường lối đối ngoại, những bài báo xuất sắc nói chung nghiêng về cuộc vận động chống cộng sản. Những cuộc tấn công đánh vào chi tiết chứ không đi vào chiều sâu của vấn đề. Cũng đúng là báo chí do chính phủ chi phối tuy người ta không nhận thấy.

Đầu những năm 60, mối quan hệ vẫn không thay đổi. Những cơ chế quân sự cũng như những cơ chế phối hợp chỉ đạo quyền lợi Mỹ ở hải ngoại như Bộ Ngoại giao tiếp tục được tín nhiệm về khả năng và sự sáng suốt mà họ không có nữa. Các phóng viên không quen nghĩ các nhà lãnh đạo quân sự và ngoại giao của họ tự ru mình bằng ảo tưởng, những người có trách nhiệm không nghĩ các nhà báo vạch sai sót của mình. Việc bảo mật các hội nghị và giấy tờ trao đổi giữa các nhà cầm quyền góp phần củng cố cảm giác sai lầm khi họ cân nhắc, đánh giá sự việc. Việc bảo mật ấy cứu đất nước những năm bốn mươi, trong những năm sáu mươi trở thành vỏ bọc che dấu hệ thống không còn phù hợp với thực tế nữa.

Các phóng viên chiến tranh ở Việt Nam cũng chỉ nêu lên những chi tiết chứ không đi vào chiều sâu. Chúng tôi xem như có bổn phận phối hợp chiến thắng khi nói sự thật cho quần chúng mà cũng là trình bày những sự việc lên những người có trách nhiệm để họ quyết định đúng. Sự ngu dốt và lý tưởng Mỹ của chúng tôi cản trở việc phân tích sự thật sâu sắc về Việt Nam dưới những thực tế bên ngoài. Sự thiếu hiểu biết ấy bảo vệ nghề nghiệp của chúng tôi. Nếu một nhà báo có đủ tài liệu và vô tư xét lại cơ sở của sự can thiệp của Hoa Kỳ vào cuộc chiến tranh này, anh ấy lập tức bị thải hồi vì "nổi dậy". Cuộc tranh chấp xuất xứ từ tính lô gíc đặc biệt trong khi chúng tôi tấn công vào những chi tiết.

Chúng tôi cũng chẳng phải thần thánh. Theo lời chỉ trích của Harkins và Nolting, chúng tôi thiếu "già dặn và kinh nghiệm". Đấy chính là những thiếu sót cho phép chúng tôi tiếp thu ý nghĩa phê phán. Việt Nam là cuộc chiến tranh đầu tiên của chúng tôi. Chúng tôi nhận ra sự mâu thuẫn giữa những gì mình thấy và những gì nghe được ở những người mình kính trọng nhất, gần nhất là các cố vấn tại chỗ như Vann và những gì những cấp có thẩm quyền cao nhất nói. Như vậy chúng tôi bắt đầu nghề nghiệp của mình với sự khác nhau thường xuyên mà các nhà báo trong Thế chiến thứ hai không biết đến.

Mâu thuẫn ấy thể hiện rõ trong một cuộc đối thoại vào đầu năm 1962 giữ đại sứ Nolting và người Pháp Francois Sully, lúc ấy là phóng viên tờ Newsweek. Ông này sang Đông Dương năm 1949, viết về cuộc chiến tranh Pháp Việt cho tờ TIMES. Sai lầm đất nước ông mắc phải giúp ông nhận xét sáng suốt hơn sai lầm của Hoa Kỳ và những phóng sự của ông rất nhiều bài gây ấn tượng mạnh. Vị đại sứ bực tức bài báo ông viết về cuộc hành quân "Mặt trời mọc ", cuộc tập trung đầu tiên nông dân vào "những ấp chiến lược "mà ông kèm theo những bức ảnh nhà cháy. Ít lâu sau đó, Nolting gặp ông trong một bữa ăn tối.

- Thưa ông Sully, tại sao ông luôn luôn thấy những lỗ hổng trong pho mát chín ?

- Thưa ông đại sứ, bởi vì có những lỗ hồng trong pho mát chín.

Diệm trục xuất Sully vào tháng Chín năm 1962 theo kiến nghị chính thức của đại sứ và bản thân ông ta thở phào nhẹ nhõm.

Harkins và Nolting không bao giờ ngưng phàn nàn về chúng tôi, hy vọng các tổng biên tập thay thế chúng tôi bằng những người dễ thông cảm hơn. Họ cho rằng những bài báo của chúng tôi chỉ là những hình ảnh nhất thời không phản ánh được thực tế sâu sắc của cuộc chiến tranh như họ chỉ ra trong "bảng tổng kết lớn "thu thập thông tin từ nhiều nguồn.

Ấp Bắc là một bảng tổng kết lớn làm mất giá trị của họ. Vì vậy chúng tôi ra sức khai thác trận đánh và khi Vann giận dữ, ngấm ngầm liên minh với chúng

tôi, chúng tôi vội vã nắm lấy cơ hội. Vann không làm việc đó mà không suy nghĩ chín chắn. Trước khi sang Việt Nam, anh không quan hệ thường xuyên với báo chí và trong điều kiện của thể chế, chỉ dùng những thông tin có lợi cho cấp trên chứ không phải chống lại họ. Anh không hiểu nội dung báo cáo của anh và lời bình của Porter chỉ lướt nhanh qua tâm trí các tướng trong phái đoàn Lầu Năm Góc như một trận mưa rào trên mái nhà dốc. Nhưng qua những nguồn tin của anh trong ban tham mưu Sài Gòn, anh đã biết Harkins nói với Washington như thế nào và anh quyết định cản trở ông ta. Để báo động với các nhà cầm quyền và tránh thảm họa, anh quyết tâm vượt qua đầu vị tướng tổng chỉ huy, sử dụng các nhà báo làm người phát ngôn.

Các cố vấn Mỹ khác và những người Việt Nam cho chúng tôi biết nhiều về cuộc chiến tranh này nhưng người quan trọng nhất là Vann. Anh cho chúng tôi kinh nghiệm còn thiếu và những điều xác thực đưa lại trọng lượng cho những bài viết. Anh cho phép chúng tôi tuần tự nêu lên thái độ chủ quan chính thống với những điểm cụ thể mỗi lúc càng tỉ mỉ. Anh biến chúng tôi thành một đoàn phóng viên phục vụ cho luận điểm của anh.

Vann có năng khiếu tự nhiên là giảng dạy và anh thích điều đó. Thực tế, anh khó mà không chia sẻ những gì anh biết được với những người khác khi biết họ quan tâm. Trước trận ấp Bắc, anh đã khai tâm cho chúng tôi “những dữ kiện cơ bản của chiến tranh du kích”. Một trong những châm ngôn nổi tiếng nhất của anh, sau này được nhắc lại nhiều lần, là định nghĩa “Đấy là một cuộc chiến tranh chính trị. Vậy người ta phải giết có phân tích. Vũ khí tổ nhất là con dao nhưng tôi sợ không tiện lắm. Tệ hại nhất là máy bay và trọng pháo. Không có dao, vũ khí tốt nhất là khẩu súng. Như thế ít nhất người ta cũng biết được người ta giết ai”.

Người học sinh giỏi nhất của trường học chiến tranh ấy của Vann là David Halberstam, phóng viên NEW YORK TIMES. Nhờ anh mà Vann va chạm được nhiều nhất trong giai đoạn chiến tranh này. Và cũng nhờ học được ở Vann mà Halberstam trở thành một trong những nhà báo nổi tiếng nhất thời ấy. Đến lượt mình, anh tạo dựng huyền thoại về Vann với chân dung anh viết năm 1964 trong tạp chí ESQUIRE rồi trong cuốn sách MAKING OF A QUAGMIRE.

Hai người cùng chung nguồn gốc và bản tính đặc biệt. Nhưng không phải tình cờ Vann chọn Halberstam : những bài báo của anh là cách chắc chắn nhất với tới tổng thống và những gì đáng kể ở Washington. Trong giới báo chí một mặt có các nhà báo, mặt khác có phóng viên NEW YORK TIMES, tờ báo nổi tiếng trên thế giới vào thời kỳ lẫy lừng ấy của đế quốc Mỹ. Tổng thống Kennedy đọc những bài phóng sự của Halberstam cũng cẩn thận như những bức điện của Nolting và Harkins. Ông không hy vọng tìm được sự thật hơn ở đấy vì ông tin

tưởng ở đại sứ và viên tướng của ông. Nhưng ông biết câu ngạn ngữ dân gian "sớm hay muộn mọi việc đều đăng ở NEW YORK TIMES ", ở đấy các phóng viên và tổng biên tập cố gắng đạt đến tính trung thực và không dễ bị chi phối. Phần lớn độc giả đều xác nhận những gì báo này in ra là sự thật hoặc dù sao cũng tương đối đúng đắn. Vì vậy, những bài báo của Halberstam có một ảnh hưởng lớn đến dư luận quần chúng Mỹ và quốc tế. Không một chính phủ nào cho phép mình không biết điều đó.

Tình bạn giữa Halberstam và Vann phát triển nhanh chóng. Cả hai đều là người lạ trong xã hội ngự trị bởi nền văn hóa Tin lành da trắng Ăng-glô Xắc-xông bở biển phía đông và cố gắng chấp nhận nó. Vann ý thức được nguồn gốc một kẻ khốn khổ da trắng ở Norfolk. Halberstam là con trai một bác sĩ Do Thái, sinh ở New York, không phải ở đảo Manhattan như những đồng nghiệp giàu của bố mà ở ngoại ô tồi tàn Bronx. Rồi anh sống với người mẹ làm nghề dạy học, một mình nuôi hai đứa con trai sau khi chồng chết sớm vì bệnh tim, lúc anh 16 tuổi. Anh vẫn giữ ý nghĩa sâu sắc về nguồn gốc Do Thái của anh, không thể quên chỉ mới hai thế hệ ra khỏi những khu cách ly ở Ba Lan và Lituania. Cũng như Vann, anh cần được biết đến và khẳng định tính cách của mình.

Trước khi sang Việt Nam, Halberstam đã viết trong 14 tháng về cuộc chiến tranh Congo và Katanga, giữa Lumumba và Mobutu, với sự hiện diện của quân Mũ nồi xanh của Liên Hợp Quốc. Anh đã trải qua mọi nguy hiểm ở đó để cố nêu lên một ý nghĩ cho vụ rắc rối này và được báo TIMES tặng giải thưởng Pulitzer – một công nhận về nghề nghiệp được đánh giá cao nhất trong giới báo chí - cuối cùng khi anh trở về, người cao niên trong các nhà xã luận, Walter Lippmann, đem lại vinh dự cho Halberstam bằng cách mời anh đi ăn trưa để trao đổi với anh về châu Phi. Sau bước đầu hứa hẹn ấy, Halberstam hiểu Việt Nam sẽ tạo cơ may cho anh để khẳng định mình hơn trong nghề nghiệp.

Thân hình Halberstam trái ngược hẳn với Vann : cao một mét tám mươi, nặng 90 ki –lô, không hề béo. Các đồng sự kinh ngạc về khả năng ăn uống và sức mạnh của anh. Bữa ăn trưa, anh có thể ngốn súp, hai miếng bít tết, khoai tây rán, xà lách, bánh mứt kem và sau đó đốt cháy tất cả những calories ấy trong hoạt động kiên trì dưới ánh nắng nhiệt đới buổi chiều. Đôi cánh tay dài, bàn tay to, vai rộng hơi gù và bước đi nhảy nhót làm anh giống một võ sĩ quyền Anh hoặc cầu thủ bóng đá với chiếc cằm vuông, sống mũi cao. Không bao giờ anh cạo râu kỹ, mái tóc đen cắt ngắn theo kiểu lính, đôi kính gọng to, mày dày che đôi mắt nâu đậm thướng có vẻ chế diễu.

Bàn tay, cánh tay và vai lúc nào cũng hoạt động khi anh nói, thể hiện trí tuệ sối nổi, chỉ ngón tay để nhấn mạnh quan điểm, nếu phát hiện ra điều gì đó hoặc thỏa mãn về lối trình bày của mình anh thường vừa cười vừa đấm bàn tay phải

vào lòng bàn tay trái. Khi phải giải thích một vấn đề phức tạp, anh vung cánh tay như một chiếc máy bay lượn và bổ nhào xuống. Người ta có cảm tưởng anh đấu quyền với tư duy khi nói để tự thuyết phục lý lẽ của mình và đánh bật những ý nghĩ sai trái.

Anh là một nhà báo hiếm hoi để lại dấu ấn trong dư luận công chúng đương thời vì anh không bao giờ bỏ qua những sự việc sốt dẻo. Thế giới đối với anh có hai màu đen, trắng, xen lẫn một ít màu xám. Một trong những động cơ chính của anh là phẫn nộ chống bất công và điều xấu, đã lôi cuốn anh qua năm năm, ngay sau khi tốt nghiệp trường Harvard năm 1955, làm việc với báo chí miền Nam Hoa Kỳ, đặc biệt về phong trào quyền công dân. Những bài báo anh viết trên REPORTER , một tạp chí cố gắng tổng hợp giữa bảo vệ tự do cá nhân và chống cộng sản theo mốt thời đại, rồi được nhà xã luận James Reston, trưởng phòng ở Washington đưa vào làm việc cho NEW YORK TIMES.

Nhưng Halberstam cũng có thể tàn bạo ghê gớm. Ngay ở Harvard, anh đã đụng độ dữ dội với một trong những người bạn để nắm lấy việc chỉ đạo tờ báo của trường đại học, tờ CRIMSON. Anh bị thương về việc đó nhưng đã thắng. Khi người ta hỏi vì sao anh đánh nhau đến mức hạ nhục một người bạn, anh suy nghĩ một lúc rồi kết luận “Tôi nghĩ tôi là một kẻ giết người”. Anh bất công với bản thân mình, thường giúp đỡ và thân thiết với những người khác nhưng cũng tùy vào từng lúc. Sự cứng rắn ấy thể hiện ở văn phong và phép ẩn dụ anh đã mượn trong chiến tranh và trên đấu trường như các võ sĩ thời trước. Anh nói “Một phóng viên tốt cần nắm lấy cổ họng “, phải tìm điều cần thiết, tranh thủ lòng tin cậy của người đọc rồi khi có dịp , đè bẹp họ bằng một loạt thông tin như một tràng trọng pháo bắn chặn.

Thế hệ David Halberstam của những năm 50 tiếp xúc chủ yếu với “chiến tranh lạnh “là thế hệ cuối cùng đối mặt với thế giới một cách ngây ngô. Người ta mất đi sự vô tư trong chiến tranh và ý thức được những hậu quả khi đã tỉnh mộng. Đó là điều Halberstam nêu lên năm 1972 trong cuốn sách bán chạy nhất của anh : THE BEST AND THE BRIGHTEST . Người ta đã nói họ là những người tốt nhất và thông minh nhất khi anh tố cáo sai lầm của những Robert Mc Namara, Maxwell Taylor, Dean Rusk, Mc George Bundy và Walt Rostow mà anh đã xúc động nhìn nhận như mọi người vào thời kỳ đầ chiến tranh Việt Nam cùng Vann. Năm 1963, anh lập luận như Vann, một người lính bộ binh của hệ thống quân đội Mỹ. Cả hai và nhiều người khác nữa là những điển hình của tài năng xã hộ Ăngiô- Xắc xông bờ biển phía Đông, chấp nhận tài năng và tính trung thực của những người sống bên lề xã hội. Một xã hội đã cho những người quê mùa một vị trí đáng kính trong hàng ngũ sĩ quan quân đội, cho cháu người bán rong Do Thái nhập cư một nền giáo dục ở trường Harvard và một chỗ làm ở NEW YORK TIMES, chỉ

có thể là tốt đẹp , không thể mang cái xấu đến những nước khác. Thời kỳ ấy cả hai đều đầy lòng biết ơn và muốn phổ biến rộng những việc làm tốt của xã hội mình.

Dần dần hai người nhận rõ được mình hơn qua những tháng, những tuần lễ sau trận ấp Bắc. Halberstam nhận thấy sự nghiệp của Vann đầy hứa hẹn mà anh ta rất ít quan tâm đến. Ba mươi tuổi anh tương đối trẻ so với cấp bậc và vị trí hiện có. Tất cả chỉ rõ anh sẽ tiến xa. Trong chân dung viết về anh trên tờ ESQUIRE mùa thu năm 1964, Halberstam đã viết "Vann rất chóng trở thành đại tá và có nhiều cơ may một ngày nào đó sẽ được thăng cấp tướng … Rõ ràng một người trong lứa tuổi 30 không bao lâu sẽ vượt khỏi những người đồng lứa. Việc anh không quan tâm đến điều đó càng phân biệt anh với những người đồng cấp. Chính ở điểm này mà một sĩ quan rập khuôn theo nghề nghiệp, có nhiều nguy cơ nhất nếu thẳng thắn với báo chí. Phần lớn các trung tá, cố vấn tám sư đoàn khác, có lẽ chia sẻ từng phần những lời chỉ trích Vann nhưng họ nói kín đáo. Ví dụ như Fred Ladd ở Sư đoàn 21 có quan điểm gần nhất nhưng rất dè dặt đối với chúng tôi. Vann hình như dễ mất hơn những người khác, là người duy nhất không kể đến hậu quả nghề nghiệp bởi sự thẳng thắn của mình.

Ít lâu sau trận ấp Bắc, có dư luận Vann là nguồn thông tin chính về những chỉ trích gay gắt của báo chí. Dĩ nhiên, Vann lớn tiếng chối nhưng cũng không giấu giếm trò chơi của mình. Ban tham mưu của Harkins càng giận dữ, anh càng dễ tiếp xúc với các nhà báo. Đến mức Halberstam bắt đầu cảm thấy mình có lỗi về những hậu quả có thể xảy ra trong sự nghiệp của anh. Nhưng Vann bảo đừng quan tâm và cứ tiếp tục. Hình như anh tìm kiếm một sự đối mặt với Harkins. Halberstam không thấy cách giải thích nào khác về cách xử sự của anh ngoài tinh thần dũng cảm. Vả lại, đấy là điều anh nói với chúng tôi và chúng tôi kết luận : anh cương quyết hy sinh sự nghiệp để cảnh báo quốc gia về mối nguy thất bại.

Halberstam hiểu rõ thái độ của Vann hơn khi so sánh với thái độ của bố anh trong Thế chiến thứ hai.. Charles Halberstam , bác sĩ trong khu bình dân Bronx, tình nguyện ra trận năm 1941 để trở về năm 1946, là trung tá Quân y. Bốn năm sau, ông chết vì bệnh tim. Cả gia đình đau đớn cho lòng yêu nước của ông bố nhưng ông rất tự hào. Khi là người Do Thái, con trai bác sĩ, xã hội Mỹ không mở các cánh cửa cho anh nhưng có một người cha là trung tá trong quân đội Hoa Kỳ lại là chuyện khác. David nhận xét thái độ của Vann dưới ánh sáng bố anh đã làm : lòng yêu nước và sự hy sinh bản thân.

Halberstam trở nên chắc chắn rằng Vann, tuy phân tích tinh tế, thực ra, là một con người đơn giản mà sự trọn vẹn nghề nghiệp có tính cứng rắn của kim cương và tinh thần dũng cảm không lay chuyển đến mức không chấp nhận thỏa hiệp.

Một hôm anh giải thích trở ngại của thỏa hiệp là lẫn lộn cái tốt và cái xấu đến nỗi cuối cùng không phân biệt được chúng nữa. Vann nói chiến tranh là một việc quá nghiêm trọng. Trong nhiệm vụ đưa lại chiến thắng , thậm chí anh tỏ ra nguyên tắc đến ngạc nhiên. Trong những lần đi kiểm tra bằng xe Jeep hoặc máy bay, anh có thói quen ngủ qua đêm ở nhà một tỉnh trưởng. Trong bữa ăn và chuyện trò buổi tối , anh có dịp biết rõ họ hơn. Trong lúc hạ cánh, Vann nói với anh bằng sự súc tích của mỗi lần giảng bài :

"Anh biết không, Halberstam, mỗi lần tôi ngủ qua đêm ở nhà một tỉnh trưởng, họ đề nghị đưa đàn bà đến cho tôi. Tôi luôn từ chối. Điều ấy hạ uy tín của chúng ta. Họ thử tranh thủ lợi thế đối với chúng ta. Có quá nhiều người Mỹ ngủ với phụ nữ Việt Nam trên đất nước này. Như vậy, không tốt cho hình ảnh của chúng ta. Người Việt Nam không thích điều đó, nó làm tăng mối hận thù của họ".

Làm việc với báo chí, không vì thế mà Vann bỏ nguyên tắc cấp bậc. Gần 20 năm trong quân đội dạy cho anh tính bướng bỉnh. Hàng tháng, Drummond, sĩ quan thông tin của anh gửi cho Harkins một báo cáo về sự cân bằng giữa những vùng Việt cộng kiểm soát và những vùng thuộc chính quyền Sài Gòn. Nó gồm một bản can maù và một báo cáo về những con đường an toàn hoặc nguy hiểm theo các giờ trong ngày. Bản can tô lực lượng Sài Gòn màu xanh và Việt cộng màu đỏ. Drummond gửi báo cáo vào đầu tháng Hai. Mấy ngày sau, một thiếu tá trong ban tham mưu của Harkins gọi bảo có quá nhiều màu đỏ trên bản đồ. Viên thiếu tá nói qua những thông tin khác nhau nhận được cho thấy những vùng màu đỏ thực tế lại dưới sự kiểm soát của chính quyền Sài Gòn. Phải làm lại một báo cáo khác. Harkins không muốn Washington nhận thấy tình hình xấu đi vì luôn có nhiều màu đỏ. Trong một báo cáo trước, Drummond đề nghị viên thiếu tá cho biết cụ thể những vùng tranh chấp. Anh đến đấy và phát hiện ra Đạm không bao giờ phiêu lưu tới vùng ấy dưới một tiểu đoàn. Anh bèn bay trên vùng ấy bằng một chiếc máy bay thám thính. Anh trở về với thân máy bay lỗ chỗ đạn. Anh thông báo với tổng hành dinh những vùng ấy có lẽ chỉ an toàn cho một số người chứ không phải những vùng bảo đảm. Qua một số quan hệ ở ban tham mưu, anh được biết báo cáo của anh bị hủy bỏ vì anh không muốn làm giảm nhẹ tình hình. Báo cáo thay thế gửi đi Washington rất nhiều màu xanh.

Việt cộng ngày càng táo tợn, bắt đầu tấn công cả ban ngày, đặc biêt vào những đồn tiền tiêu mà cho đến lúc đó họ chỉ dám tập kích ban đêm. Hai cố vấn đi xe ban ngày từ Tân Hiệp trở về suýt bị giết bởi một nông dân bình tĩnh chờ trên bờ đường gần chỗ họ ở. Họ may mắn kịp nhận thấy người hiếu kỳ ấy giấu khẩu tiểu liên và nhảy nằm xuống đất trong lúc thanh chắn trước xe bay tung lên. Một trưởng ấp bên cạnh không may như thế, bị đặc công bắn hạ. Trong báo cáo về trận ấp Bắc, Việt cộng đã chỉ trích "sự thụ động trước kẻ địch "và nhấn mạnh

cần thiết phải phối hợp tốt hơn giữa các đơn vị để biến vùng này thành một địa ngục cho những kẻ đối kháng. Drummond đã có thể nhận thấy hiệu quả của việc tự phê bình ấy, đặc biệt giữa Mỹ Tho và Sài Gòn trên quốc lộ 4, con đường chính cung cấp chính yếu cho thủ đô.

Sau chỉ thị của viên thiếu tá về báo cáo của anh đầu tháng Hai, Drummond liên hệ với tất cả các đại úy cố vấn trong sư đoàn, hỏi họ có muốn giảm nhẹ những gì họ đã nói với anh không. Họ đều từ chối và một số bảo họ đã báo cáo bớt đi về sự phát triển của du kích. Được Vann cho phép, anh họp tất cả các sĩ quan thông tin của tỉnh cùng với Bình, sĩ quan thông tin Việt Nam tại Mỹ Tho. Sau cuộc họp ấy, bản đồ tình hình còn đỏ hơn lần trước và báo cáo viết còn ảm đạm hơn.

Vann quyết định đến lượt mình phải can thiệp. Ngày mồng 8 tháng Hai năm 1963, anh gửi một giác thư mật ba trang cho Porter theo nguyên tắc, đồng thời anh gửi một "bản bao báo cáo "thẳng vào Sài Gòn để Harkins biết được ngay. Anh hy vọng bức giác thư và bản can mới của Drummond cuối cùng sẽ làm cho Harkins sửng sốt và kích động ông chấp nhận sự thất. Anh thông báo trong thư rằng Drummond và Bình có những thông tin tin cậy được cho phép xác định 10 chỗ khác nhau do những đại đội chủ lực hoặc quân địa phương Việt cộng chiếm đóng và 35 chỗ khác quân số cỡ một trung đội. Anh cố thuyết phục Đạm tấn công nhưng chắc theo lệnh Cao, Đạm từ chối lại gần. Ngược lại, bắt chước những màn kịch của thủ trưởng mình mùa thu trước, ông ta tổ chức một cuộc hành quân lớn huy động đến 3000 người vào những vùng người ta đã biết không có một Việt cộng nào. Vann đề nghị cho Drummond phối hợp với sĩ quan tình báo của Porter, lên bảng kê những mục tiêu ưu tiên để Harkins chuyển cho Bộ tổng tham mưu ra lệnh cho Đạm tấn công.

Bức giác thư lôi Harkins vào một cơn giận dữ mới. Ông ra lệnh cho trưởng ban tình báo của ông, đại tá không quân James Winterrbottom cùng một nhóm đi Mỹ Tho để hỏi Vann và Drummond, so sánh tài liệu của họ và của Sư đoàn 7 với giác thư. Nếu không phù hợp, ông sẽ trừng phạt Vann.

Sĩ quan tình báo của Harkins là một phi công, tệ quan liêu của thể chế quân sự dẫn đến thu xếp giữa các binh chủng để loại nào cũng tham gia hoạt động. Winterrbottom chuyên về phân tích ảnh, không phải là môn tham khảo đặc biệt cho chiến tranh chống du kích. Tuy thế và vì làm việc trực tiếp cho Harkins, Winterrbottom tỏ ra nghiêm chỉnh, sẵn sàng lắng nghe. Cùng nhóm của mình, ông ở lại Mỹ Tho 8 tiếng đồng hồ để trao đổi với Drummond và Vann, nghiên cứu những tài liệu của họ. Kết quả thật đáng khích lệ.

Vann và Drummondc có đầy đủ lý do để hy vọng họ đưa được một ít sự thật thâm nhập vào trong hệ thống. Ngoài ra, Vann nghĩ Porter cũng tác động theo

hướng đó. Ông ta phải chuyển cho Harkins báo cáo cuối cùng của ông về trách nhiệm các cố vấn quân sự trước ngày 17 tháng Hai, ngày ông trở về Texas chờ hưu trí. Vann biết rõ ông sẽ nêu lên vấn đề chủ yếu gì, vì họ đã cùng trao đổi với nhau, cả với Fred Ladd, trước khi bắt đầu viết. Porter muốn bản báo cáo này làm ông rời Việt Nam, sau đó rới quân đội với lương tâm thanh thản.

Báo cáo cuối cùng của Porter còn đáng hãi hùng hơn lời bình luận ông kèm theo báo cáo của Vann về trận ấp Bắc. Ông mô tả tất cả những sai lầm trong cố gắng chiến tranh Mỹ - Việt trên toàn bộ vùng đồng bằng và những đồn điền cao su ở bắc Sài Gòn. Ông không bỏ sót điều gì, nhấn mạnh về ảo tưởng chương trình "ấp chiến lược ", nhằm cách ly nhân dân nông thôn với du kích. Ông mong báo cáo không chỉ được xem như quan điểm riêng của Dan Porter, bảo vệ những kết luận của mình với những bằng chứng không chỉ của Vann và Ladd mà của tất cả những người hợp tác trong ban tham mưu của cố vấn Sư đoàn 5 phía bắc Sài Gòn và mọi sĩ quan Mỹ trong hàng ngũ các trung đoàn. Ông nhấn mạnh rằng những kết luận ông trình bày xuất phát từ sự đồng tâm nhất trí của tất cả các cố vấn. Điều đó, theo lối nói của Thế chiến thứ hai, có nghĩa là đại đa số các chỉ huy dưới quyền Harkins trong vùng khủng hoảng này của mặt trận cảnh báo ông ta về sự đánh giá tình hình của ông chỉ là một giấc mơ hão huyền.

Vốn là bạn thân và ông biết bạn sẽ cảm thấy ra sao, Porter đưa báo cáo của mình cho tướng York xem và hỏi có tàn ác quá không. Bob York nói với ông mỗi lần muốn tác động tới Harkins, ông đã đụng phải một bức tường bê tông nhưng Porter nói đó là quyền một người đã trải qua một năm ở đất nước này và là kết quả của một sự đồng tâm nhất trí. Không, Porter không quá tàn ác.

Harkins bề ngoài tỏ ra thân mật khi Porter đến gặp ông chào từ biệt. Vị tướng tổng chỉ huy cho ông biết đã đề nghị thưởng huân chương cho ông qua một năm phục vụ nhưng không nói gì về bản báo cáo. Các thành viên trong ban tham mưu dù sao cũng không che giấu, đã báo trước với Porter trước khi ông đi gặp Harkins là vị tướng rất xót xa và xem ông là thành viên bất nghĩa trong ê kíp ông ta. Porter cảm thấy sự căng thẳng dưới bề ngoài lịch sự ấy. Ông biết Harkins nghĩ "Tay đại tá dự bị nông dân đần độn này nghĩ mình là gì mà bảo mình nên chỉ đạo cuộc chiến tranh này như thế nào ?". Bình thường đứng trước một tướng bốn sai Porter hơi dễ bị xúc động, kể cả khi Harkins thân mật với ông như thế vào những lúc khác. Lần này, ông hoàn toàn bình tĩnh. Lần đầu tiên sau gần 31 năm được gắn lon trung úy, Porter không quan tâm đến sự cổ vũ của một vị tướng. Nếu phải làm cho Harkins giận điên lên để thấy sự thật thì cũng mặc. Ông đã làm nhiệm vụ và bây giờ về nhà.

Tính thật thà của Porter làm ông mất đi bản báo cáo ông xem như lá bùa hộ mệnh của mình. Ông rất sợ có người trao đổi nó với báo chí nên đánh máy bản

cuối cùng, hủy bỏ mọi bản nháp, nhờ Winterrbottom đóng dấy "tuyệt mật "và đích thân đưa cho trưởng ban tham mưu của Harkins. Ông cẩn thận không giữ cho mình một bản sao như những sĩ quan khác đã làm. Khi ông rời Việt Nam rồi, Harkins kiểm tra lại thấy chỉ mình có một bản độc nhất, báo với ban tham mưu phải xem lại, sửa chữa rồi chuyển về Washington. Như vậy là bản báo cáo biến mất vĩnh viễn. Porter không được triệu tập đến Lầu Năm Góc để báo cáo về kinh nghiệm của mình ở Việt Nam như trường hợp chung của những sĩ quan cao cấp khác. Harkins đã chú ý tới điều đó.

Trong một cuộc họp ban tham mưu, Winterrbottom bảo vệ trung thực bức giác thư ngày mồng 8 tháng Hai của Vann, nói với vị tướng tổng chỉ huy :

"Điều duy nhất không ổn trong bản báo cáo này là mọi cái ở đấy đều đúng".

Ông nói thêm đã có đủ bằng chứng để xác minh bản đồ bi quan của Drummond chỉ rõ sự suy thoái tình hình ở miền Bắc vùng đồng bằng. Thông tin này không lay chuyển được Harkins, người vẫn muốn rũ bỏ Vann. Lần này, thiếu tướng Gerald Kelleher, trưởng ban hành quân của ban tham mưu, bảo vệ Vann. Ông này khó tính và bi hạn chế về nhiều vấn đề nhưng Vann vừa chuyển hóa được. York cũng nâng đỡ Vann. Timmes cố gắng đề nghị kéo dài thời hạn thuyên chuyển Vann, lại khuyên nên kiên trì để tránh vụ bê bối. Harkins ngả theo.

Nhưng sự bất hòa phát triển ở các cấp trung gian trong ban tham mưu của Harkins và Phái đoàn viện trợ quân sự của Timmes. Chẳng bao lâu, Vann biết được số phận bản báo cáo của Porter và kết quả chuyến đi Mỹ Tho của Winterrbottom. Một nguồn thông tin của Drummond cho anh biết Winterrbottom đồng ý nhìn nhận sự kiểm soát của Sài Gòn trong vùng bị suy thoái "nhưng không phải đã được báo cáo về Washington". Harkins buộc Winterrbottom hủy bỏ bản can của Drummond để thay thế một bản khác nhiều màu xanh, ít màu đỏ hơn nhiều. Trong qui cách quân sự Mỹ thời đó, như vậy không gọi là một báo cáo sai mà một báo cáo "có chỉ đạo". Như vậy, người tổng chỉ huy nhận trách nhiệm về việc đó, giải phóng cho thuộc hạ liên quan về trách nhiệm tinh thần.

Khác với Porter, Vann biết điều chỉnh hợp lý hành động của mình theo yêu cầu của hoàn cảnh. Vì Harkins muốn anh ngừng rung chuông báo động thì Hallberstam sẽ là công cụ của anh. Cuối tháng Hai, khi Hallberstam trở lại chủng viện, Vann dẫn anh vào phòng hành quân, khép cửa cẩn thận và ngồi trước tấm bản đồ phủ cả bức tướng. Anh nói :

"Hallberstam, tôi là sĩ quan quân đội Hoa Kỳ và như thế, tôi đã tuyên thệ không để lộ những thông tin bí mật. Nhưng tôi cũng là một công dân Mỹ, tôi phải có nghĩa vụ đối với đất nước. Bay giờ, anh nghẽ rõ tôi đây".

Anh nói ra những gì có trong báo cáo của anh ngày 8 tháng Hai, chỉ trên bản đồ những chỗ có Việt cộng để chứng minh Cao và Đạm sử dụng những thông tin của Drummond để tấn công đúng vào nơi không có quân địch. Anh giải thích mọi cố gắng của anh đều vô ích. Harkins từ chối gặp mặt Diệm để buộc ông này đảo ngược lại đường lối tự hủy diệt và nổi khùng lên khi có ai thử làm ông có thể nhìn thẳng vào sự thật. Anh kể chi tiết việc Winterrbottom đến Mỹ Tho và ở Sài Gòn người ta đã tiếp tục nhận báo cáo đúng sự thực của anh như thế nào. Không thể để tình hình chệch hướng như vậy, anh nói. Việt cộng mỗi ngày mỗi đáng sợ. Nếu không làm gì, Hoa Kỳ và miền Nam Việt Nam sẽ trả giá đắt cho sự hèn hạ ấy.

“Nhân danh Chúa, tôi nắm được một trong những câu chuyện này rồi !” Hallberstam kêu lên khi bước vào gian phòng tạm bợ của chúng tôi trong nhà tôi ở Sài Gòn. Thực ra, chúng tôi cùng một ê kép. Bài báo anh fax về để in trên NEW YORK TIMES ngày mồng 1 tháng Ba năm 1963 bắt đầu tố cáo những sĩ quan cao cấp Quân lực Sài Gòn sử dụng cơ quan tình báo để hành quân bịp bợm, tránh đối mặt với du kích trong vùng từ phía bắc thủ đô đến phía nam vùng đồng bằng sông Cửu Long. Anh nêu những chi tiết chính xác từ những thông tin mật của chủng viện. Hallberstam kể số lượng đúng các đơn vị Việt cộng, trung hoặc đại đội mà Vann đã ghi trong báo cáo mật. Anh giải thích người Mỹ không thể làm sao để quan đội Diệm tấn công “thậm chí với lợi thế bảy chọi một , đôi khi hơn”. Anh mô tả cuộc tấn công bịa đặt mới đây trong vùng của Vann “Một cuộc hành quân được tổ chức tuần trước với hai nghìn lính Việt Nam. Kết quả : một Việt cộng bị giết, một phụ nữa và một trẻ em chết vì máy bay tấn công, một phụ nữ và trẻ em bị thương nặng !”.

Hallberstam tiếp tục : “Một trong những cố vấn Mỹ thấy trò hề tội lỗi ấy quá đáng đến mức gửi về Sài Gòn một báo cáo chỉ trích rất nghiêm khắc”. Báo cáo ấy gây nhiều “bàn cãi “, phải tổ chức một cuộc điều tra. Hallberstam bèn đọc lại từng chữ câu trả lời của Winterrbottom với Harkins “Điều duy nhất không ổn trong bản báo cáo này là mọi cái đều đúng”. Anh kết luận bài báo nhắc lại lời kết tội của Vann : vị tổng chỉ huy thực ra quan tâm giữ mối quan hệ tốt với Diệm và gia đình hơn là thắng trong cuộc chiến tranh này.

Vann đáng lẽ bị cách chức ngay nếu tính cách bình thường của anh không cứu anh một lần nữa. Đề nghị của Porter thưởng huân chương vì anh dũng bay quan sát trong trận ấp Bắc được Washington duyệt vào cuối tháng Hai. Hai ngày trước khi Hallberstam gửi bài báo của mình, Timmes găm trước huân chương lên áo sơ mi kaki của Vann trong một buổi lễ. Sai thải ngay sau khi tặng thưởng anh đỡ được phiền phức và tránh được một vụ bê bối lớn hơn đối với báo chí. Do Timmes tiếp tục hãm ông lại, Harkins đã sai lầm chờ thời một lần nữa.

Dù thoát nạn, Vann vẫn không thay đổi kế hoạch của mình. Trong tháng còn lại ở Việt Nam, anh không để mất thì giờ. Anh tiếp tục thực hiện vai trò chỉ trích qua trung gian các nhà báo, chỉ dẫn cho chúng tôi, hướng các bài báo và chúng tôi càng khâm phục tinh thần dũng cảm của anh. Để anh khỏi bất bình, Timmes mềm dẻo áp dụng giải pháp đã đề nghị với Harkins, cử Vann lên cao nguyên và ra các tỉnh ven biển với lý do anh cần đánh giá tình hình. Vann hân hoan có dịp nhận xét về chiến tranh ở phần còn lại của đất nước này. Sau đó, Timmes cử anh đi Malaysia hai ngày. Trở về, anh kể lại đã tham gia một cuộc hành quân với người Gourkhas – Nepal rất ghê gớm. Anh nói thêm, để biết rõ chiến tranh du kích, người Mỹ nên mướn một số người Gourkhas làm cố vấn.

Nhưng anh cũng dành thì giờ làm một việc phụ đã có kế hoạch trong tháng cuối cùng ở Việt Nam. Anh muốn sắp xếp lại những sự việc dự định tường trình ở Lầu Năm Góc để thuyết phục từng viên tướng nghe anh rằng Harkins sai lầm trong chỉ đạo và phải thay đổi căn bản về đường lối để tránh thất bại. Giữa tháng Tám năm 1963, anh phải theo một chương trình 10 tháng ở Trường công nghệ các lực lượng quân đội ở Washington. Trong lúc chờ đợi, từ tháng Năm đến tháng Tám được điều động về Lầu Năm Góc ở Ban điều hành những cuộc hành quân đặc biết, anh dự định trong thời gian đó sẽ thực hiện ý đồ riêng của mình.

Về những vấn đề cần nêu, anh tóm tắt quan điểm của mình vào một tài liệu bốn trang rưỡi đồng thời là báo cáo cuối cùng của anh lên Harkins, cố vấn cao hơn cấp sư đoàn. Nó là sự tấn công rất cụ thể, thường dí dỏm, về đường lối và thái độ lạc quan của chính quyền. Anh so sánh sự cố gắng trong chiến tranh của chế độ Diệm với mức độ có thể đạt được nếu đánh nhau nghiêm chỉnh “Sự cố gắng chống nổi dậy trong vùng chiến thuật này chỉ khoảng 10 đến 20% mức hợp lý dựa vào quân số và nguồn lực”. Để chứng minh điều đó, một tài liệu kèm theo nêu một loạt con số chỉ rõ việc bố trí các đội quân chủ lực và địa phương ở bảy tỉnh phía bắc vùng đồng bằng không phù hợp chút nào với địa dư, kinh tế và sự đe dọa của địch. Ngược lại, sử dụng quân đội, đúng hơn là “sử dụng sai “đơn thuần do nỗi ám ảnh của Diệm về một cuộc đảo chính và những quan hệ riêng của ông ta với các tỉnh trưởng. Vann cũng mang theo tất cả hồ sơ báo cáo trước đây trong đó có cả chuyện kể trận ấp Bắc và lời bình luận của Porter cùng những tài liệu anh nhận được của các cố vấn quân sự khác. Anh có ý định một ngày nào đó dùng những tài liệu ấy viết luận án tiến sĩ về quản lý hành chính, một dự kiến anh không bao giờ có thì giờ thực hiện.

Sáng ngày mồng 1 tháng Tư năm 1963, ngày cuối cùng của năm đầu tiên Vann ở Việt Nam, anh bàn giao cho người kế nhiệm chỉ huy phái đoàn cố vấn cũng theo cách anh đã tiếp nhận, nghĩa là không có lễ nghi gì. Anh bước qua cánh cổng chủng viện, lên Sài Gòn ở lại ít ngày trước khi bay về Hoa Kỳ. Hôm trước

đó , anh đến thăm bắt tay từ biệt Đạm và các sĩ quan của sư đoàn 7. Giữa tháng Ba, anh đã gửi một bức thư từ biệt Sư đoàn, dịch ra tiếng Việt phân phối cho tất cả các sĩ quan và tỉnh trưởng. Trong đó không một ám chỉ hoặc trách cứ gì về những trao đổi chua cay trước đây. Một bức thư bốn trang , nhiệt tình và gần gũi, cũng cảm động vì anh thể hiện sự gắn bó tình cảm với đất nước và dân tộc này. Anh muốn chia tay họ trong không khí thân mật và hy vọng. Anh nói “Tôi tự hào chia sẻ với các ông, dù với mức độ ít ỏi, gánh nặng cuộc đấu tranh của các ông để ngăn chặn và đẩy lùi sự bành trướng của chủ nghĩa cộng sản”. Anh nói về “tuổi trẻ tuyệt vời ấy “và khẳng định một ngày nào đó, họ sẽ được hưởng “hòa bình thịnh vượng và tự do ". Một bản sao tiếng Anh chuyển đến tất cả các cố vấn như một tài liệu phải cố gắng truyền dạy. Mười năm sau trên vùng cao nguyên, một trung tá vào thời kỳ đó còn là đại úy và bây giờ đi kèm một toán biệt kích của Quân lực Việt Nam, lấy trong túi áo một bản đã rách và bẩn bức thư Vann. Năm 1963 khi nhận được, anh cảm động đến mức cứ giữ lại và định kỳ đọc lại để nhắc nhở mình.

Đầu buổi chiều ngày mồng 3 tháng Tư, một nhóm người tập trung ở quán ăn tầng hai sân bay Tân Sơn Nhất. Có một số đại úy của Mỹ Tho, các sĩ quan và phi công các đại đội trực thăng, Halberstam , tôi và vài thành viên báo chí khác. Chúng tôi tự hào về con người này, về những gì anh cố gắng thực hiện nhưng cũng buồn về việc anh phải trả giá. Halbersatm đề nghị tặng anh một kỷ niệm thể hiện sự biết ơn về những gì anh cho chúng tôi biết và khâm phục tinh thần dũng cảm, lòng trung thực nghề nghiệp của anh. Chúng tôi góp nhau mua tặng anh một hộp đựng thuốc lá rất đẹp, khắc tên chúng tôi dưới hàng chữ :

Mến tặng trung tá John Paul Vann

Người lính tốt, người bạn tốt

Những người khâm phục anh trong hàng ngũ báo chí Mỹ

Mọi người đưa Vann ra tận máy bay. Tôi có may mắn cùng trở về với Vann đến tận San Francisco. Đã 3 năm tôi không gặp gia đình và đã xin nghỉ một tháng. Hai chúng tôi không ai nghĩ đem theo một cuốn sách và không có việc gì làm ngoài nói chuyện và ngủ. Vann không có vẻ lo ngại gì cho tương lai. Anh đã cố gắng làm hết sức mình, học hỏi được nhiều và không để bị đánh bại về những gì xảy ra ở vùng đồng bằng. Quân đội là cuộc sống của anh, anh không để bị Harkins trục xuất ra khỏi đó. Anh nghĩ thời gian và sự kiện sẽ chứng minh cho thái độ của anh. Trong lúc chờ đợi anh cố cải hóa các tướng lĩnh theo luận điểm của anh mong có những đồng minh cấp cao để làm Harkins mất tín nhiệm.

Tháng Hai năm 1963, anh nghỉ sáu tuần lễ ở El Paso chờ những đứa con hoàn thành năm học. Rồi Mary Jane và anh bán nhà, gói ghém đồ đạc đi Washington. Gia đình lúc đầu ở Mc Lean, ngoại ô Whasington , trong nhà một mục sư Tin

lành Vann quen biết từ thời trẻ. Rồi họ chen chúc trong một căn nhà ở Alexandria cho đến khi Vann thuê được một ngôi nhà ở vịnh Chesapeake, cách thủ đô 40 cây số về phía đông. Như vậy là xa Lầu Năm Góc nhưng tiền thuê nhà rẻ, có nhiều không gian cho trẻ con chơi và có thể đi câu cá, bắt cua trong vùng gần như nông thôn này.

Tôi trở lại Việt Nam đúng lúc được tham dự vào cuộc nổi dậy dữ dội do chế độ gây ra trong các thành phố, cũng với những lạm dụng và kiêu căng như trước đây. Ngày mồng 8 tháng Năm năm 1963, họ Ngô Đình trải qua cuộc khủng hoảng Phật giáo. Một đại đội lính bảo an do một sĩ quan thiên chúa giáo chỉ huy, giết 9 người gồm cả trẻ con và làm bị thương 14 người ở cố đô Huế. Đám đông tập hợp ở đấy để phản kháng đạo dụ mới cấm treo cờ Phật trong lễ kỷ niệm 2.587 năm Phật giáo. Quyết định ấy do anh cả của Diệm gợi ý, Thục, Tổng giám mục Huế và thời kỳ ấy là giám mục quan trọng nhất của Thiên chúa giáo miền Nam. Mấy tuần trước đó, Thục tổ chức kỷ niệm năm thứ 25 ngày được thụ phong giám mục. Những giáo dân Huế giương cờ Vatican khắp thành phố của họ Ngô Đình. Nhưng cũng việc làm ấy của Phật giáo bị cấm. Sau cuộc tàn sát, Diệm và gia đình xử sự như người ta vẫn thấy. Họ không làm dịu các nhà sư vốn đã căm thù trong 9 năm phân biệt đối xử, họ hành quân đàn áp như đã làm đối với Cao Đài, Hòa Hảo và Bình Xuyên năm 1955.

Tín đồ Phật giáo đáp lại theo cách Việt Nam. Sáng ngày 11 tháng Sáu, một nhà sư 73 tuổi, sư Quảng Đức, ngồi giữa một ngã tư đường Sài gòn, gần nhà ở của đại sứ Nolting. Ông thong thả xếp chéo chân theo tư thế thiền kiểu hoa se còn một người khác dội vào đầu ông một bình xăng thấm ướt chiếc áo dài màu da cam. Đôi tay nhà sư già giơ lên, quẹt nhanh một que diêm biến người ông thành một lò lửa, biểu tượng của sự giận dữ và hy sinh, thổi lên ngọn lửa hận thù trong mọi thành phố miền Nam.

Phong trào Phật giáo trở thành điểm tập hợp tất cả những căm hờn chồng chất đối với gia đình Diệm. Trong lúc các nhà sư áo dài màu da cam huy động được dư luận quần chúng chống thiểu số Thiên chúa giáo ngoại lai theo một phản xạ tự nhiên của xã hội Việt Nam, họ Ngô Đình tỏ ra đáng ghét đến mức một số Thiên chúa giáo bí mật ủng hộ các nhà lãnh đạo Phật giáo. Bức ảnh tự thiêu của Quảng Đức do Malcolom Browne của Hội báo chí chụp, làm sửng sốt dân chúng Mỹ, dư luận quốc tế và làm chính quyền Kennedy bối rối.

Họ Ngô Đình sử dụng dùi cui, bom hơi cay và cố gắng cách lý các chùa bằng dây thép gai bao quanh. Họ khinh khi bác bỏ những lời kêu gọi thỏa hiệp của đại sứ Nolting rút ngắn kỳ nghỉ ở châu Âu để cố đưa Diệm trở lại lẽ phải. Họ từ chối cả Kennedy.

Cuối một bữa ăn tối với Nolting và các nhân vật Mỹ, Nhu nói “Nếu giới Phật

giáo muốn làm một lò lửa mới, tôi vui vẻ cung cấp họ xăng và diêm".

Bà Nhu tuyên bố với báo chí tất cả các nhà sư đều là cộng sản và những người biểu tình "phải bị đánh mạnh hơn mười lần "bởi cảnh sát. Bà nói thêm "Lần tự thiêu sau tôi sẽ vỗ cả hai tay". Bà tiến trước Richard Nixon mười năm khi dùng một lời nói làm ông này nổi tiếng : gia đình bà được "số đông thầm lặng bảo vệ". Họ Ngô Đình đi từ nguyên lý cuối cùng người Mỹ phải đồng ý tiêu diệt các nhà lãnh đạo Phật giáo như Washington đã làm năm 1955 với các giáo phái và Bình Xuyên. Cảnh sát ngày càng khắt khe vung dùi cui như Bà Nhu mong muốn, càng dùng nhiều hơi cay và rào chắn thêm nhiều cây số dây thép gai. Các nhà sư hiến sinh đông hơn, nỗi căm hờn gia đình Diệm tăng lên và những cuộc biểu tình mở rộng ra các thành phố nhỏ.

Ngày 24 tháng Ba năm 1963, mấy ngày sau khi Vann trình diện để nhận nhiệm vụ ở Ban điều hành các hoạt động đặc biệt, anh tiến hành chiến dịch của mình ở Lầu Năm Góc. Anh đến gặp sĩ quan phụ trách thu thập bằng chứng của các cố vấn ở Việt Nam về, đề nghị được thẩm vấn. Viên sĩ quan trả lời "Sài Gòn mong "người ta không lấy bằng chứng của anh. Vann đã chờ đợi điều đó : việc cũng xảy ra như thế đối với Kelleher, cấp trên của anh trong ban tham mưu Harkins mà anh đã cải hóa được. Ông này trở về tháng Tư để nghỉ hưu và cũng không được hỏi "theo yêu cầu của Sài Gòn". Vann bèn tự chứng minh một mình. Trước hết, anh nói chuyện với các đồng sự sĩ quan, đưa ra những bản sao thông báo ngày mồng 8 tháng Hai, câu chuyện trận ấp Bắc và tài liệu cần thiết làm chỗ dựa cho lập luận của mình. Anh có đủ thì giờ vì công việc chính thức của anh là hình dung trình tự mới để tài trợ và cung cấp cho các phái đoàn lực lượng đặc biệt chống nổi dậy, một nhiệm vụ dễ dàng đối với một người đã học quản lý tài chính. Anh bố trí những lúc rảnh dành tâm huyết cho công việc thực sự của mình. Trong tháng tiếp đó, anh lần lên các cấp trên trong quân đội, nói chuyện với các sĩ quan cao cấp và ban tham mưu của họ với những bản thống kê, bản đồ trên phim dương bản và những mẩu chuyện cá nhân về tính xác thực và con người. Như vậy, anh trao lại những lập luận của mình mà không vận động người nghe đứng về phía mình. Họ bị hấp dẫn vì có nhiều điều để nói vào thời kỳ ấy. Một sĩ quan quân đội Hoa Kỳ ở Washington luôn xem cuộc chiến tranh ở Việt Nam là một việc của nước ngoài, nhìn nhận hiệu năng của lực lượng Sài Gòn mà không cảm thấy mình trực tiếp liên quan vì nó rất xa và đó không phải là quân đội của mình.

Đến cuối tháng Sáu, Vann đã trình bày những luận điểm của mình với mấy trăm sĩ quan của Lầu Năm Góc, hầu hết tất cả ở bộ binh và gần một tá các vị tướng giữ những chức vụ quan trọng. Trong số họ có một trung tướng không quân tên Lansdale. Đây là lần đầu tiên Vann gặp người hùng của mình. Lansdale

lắng nghe anh nhưng không hành động : bị thất sủng trong vòng khép kín những người có thế lực, ông không muốn làm gì thì làm được nữa. Những kẻ thù của ông trong hệ thống quan liêu đã phá bỏ việc cử ông làm đại sứ ở miền Nam Việt Nam vào cuối năm 1961 theo đề nghị của Diệm và được Kennedy đồng ý. Lần này tổng thống giao cho ông một chương trình tuyệt mật sau thất bại nhục nhã ở vịnh Con Lợn (Năm 1960, chính quyền Eisenhower và CIA đã chuẩn bị cuộc tấn công đưa 1.600 người Cuba lưu vong, xuất phát từ Florida và Guatemala, nhằm chống Castro. Tổng thống mới nhậm chức ngày 6.1.1961 Kennedy đã không ngần ngại ra lệnh bắt đầu chiến dịch. Cuộc đổ bộ dựa vào Hải quân Mỹ diễn ra ngày 16.4.1961 thất bại hoàn toàn) : công trình "MANGOUSTE". Mục đích là rũ bỏ con rắn Fidel Castro đang đe dọa kéo theo những con rắn cộng sản khác ở Caraibes và châu Mỹ la tinh, bằng khơi dậy một cuộc nổi dậy chống đối hoặc bằng mọi cách trực tiếp nào khác. Tổng thống và người em Robert ít quan tâm đến lễ nghi và muốn có kết quả, nhất là sau cuộc khủng hoảng tên lửa ở Cuba tháng Mười năm 1962. Lansdale đã không ngang tầm với tiếng tăm là phù thủy của những hoạt động bí mật, chấp nhận một kế hoạch hoàn toàn không thực tiễn để rũ bỏ con rắn hổ mang của La Havana. Bây giờ, ông chờ về hưu. Người bạn thân Philippines của ông, Ramon Magsaysay bị chết sớm trong một tai nạn máy bay năm 1957, trước khi có thể thực hiện những cải cách xã hội và kinh tế đưa lại nền hòa bình lâu dài cho đất nước.

Cuối tháng Sáu, Vann tiếp xúc được với tướng Barksdale Hamlett, tham mưu phó, xúc động về sự trình bày của Vann đến mức lên kế hoạch để anh trình bày trước hội đồng tham mưu trưởng các binh chủng vào ngày mồng 8 tháng Bảy. Vann vừa vui mừng vừa dè dặt với ý nghĩ bây giờ anh đã gần đến thắng lợi của cuộc đấu tranh làm cho những người cầm quyền biết rõ sự thât. Phản ứng của Hamlett càng củng cố lòng tin của anh đã có ở Việt Nam rằng Harkins là một sự lệch lạc, rằng chiến lược sai lầm là hậu quả của sự ngu dốt, những ý đồ không đúng, và cuối cùng phương pháp của anh đã dựa vào lý lẽ đúng.

Nhưng Vann lại một lần nữa gặp Victor Krulak trên đường đi của mình . Sau một tuần lễ giám sát mới ở Việt Nam, Krulak vừa trở về đầu tháng Bảy, báo cáo ngay với Mc Namara và Maxwell Taylor. Báo cáo 129 trang của ông được phân phối rộng trong giới cao cấp của Washington qua trung gian McGeorge Bundy, trợ lý đặc biệt của Kennedy về an ninh quốc gia và đặc biệt là người hâm mộ Robert Kennedy.

"Con thú "Krulak thông báo "Cuộc chiến tranh nóng đã đạt đến đỉnh cao". Theo kế hoạch 3 năm của Mc Namara, "tướng Harkins đánh giá ngay từ hôm nay, quân số có thể giảm xuống 1.000 người mà không ảnh hưởng đến việc chỉ đạo chiến tranh". Nếu báo cáo không được xếp loại mật do những thông tin về

việc Hà Nội sử dụng Campuchia và những cuộc hành quân chớp nhoáng vào Lào, người ta có thể làm ngay một thông cáo báo chí. Krulak tự mình viết 15 trang mở đầu. Phần còn lại là những câu hỏi và trả lời với thiếu tướng Richard Stiwell, thay thế Kelleher làm trưởng ban tác chiến ở Sài Gòn vào tháng Tư. Lòng tin tưởng tuyệt đối vào quyền lực dẫn ông cổ vũ cho những quan điểm của tổng chỉ huy và làm dịu những cuộc tranh cãi trong ban tham mưu. Krulak vận dụng tất cả những câu trả lời của Stiwell , tô vẽ thêm với nhiệt tình của bài mở đầu.

Việt cộng không biến hóa để trở thành một kẻ địch đáng sợ như Vann nói. Ngược lại, chiến lược hủy diệt của Harkins đã đánh trúng họ “Những tài liệu bắt được cho thấy nhiều Việt cộng sống với khẩu phần hạn chế và đau đớn vì rất thiếu thuốc … Tù binh chiến tranh cũng xác nhận sự thiếu thốn hậu cần và quần chúng thiếu nâng đỡ làm suy sụp tinh thần Việt cộng “, một trong những câu trả lời của Stiwell là như vậy. Những tin tức cuối cùng chỉ rõ tổng số những người cộng sản nổi dậy trong nước giảm từ 124.000 vào tháng Giêng năm 1963 xuống con số ước lượng “đáng tin” là 102.000 vào tháng Sáu.

Và cái gì làm du kích cộng sản thiệt hại đến thế ? Dĩ nhiên là chương trình “Ấp chiến lược “, “trái tim của chiến thuật chống nổi dậy “,Krulak khẳng định như vậy. Giữa tháng Sáu năm 1963, 67% nhân dân miền Nam sống trong 6.800 ấp xây dựng từ tháng Tư năm 1962. Đa số nhân dân “có vẻ được bố trí thuận lợi “qua chương trình này. Đến cuối năm 1963, khi Hoa Kỳ và chế độ Diệm hoàn thành xây dựng 11.246 ấp dự kiến ở miền Nam, Việt cộng sẽ hoàn toàn bị cô lập. Tuy Hoa Kỳ khuyến dụ Diệm thiết lập một chương trình ân xá cho những người nổi dậy, số lượng người đào ngũ giảm đi một cách kỳ lạ “vì không còn nhiều người để lôi kéo nữa”.

Tuy vậy, báo cáo của Krulak có một số thông tin quan trọng. Trong những vùng rừng nhiệt đới phía bắc Sài Gòn Việt cộng thành lập những trung đoàn dưới dạng hạt nhân. Những “chuyên gia trọng pháo” bây giờ tập hợp thành “những tiểu đoàn vũ khí hạng nặng”. Những thông tin khác cho biết Việt cộng đã nhận được ca nông 75 không giật và súng phòng không 12,7 ly “về nguyên tắc phải giữ kín cho đến lúc sử dụng thuận lợi”. Nhưng cả Krulak và Stilwell đều không hiểu tầm quan trọng của những chi tiết này vì họ nhìn bề ngoài như Harkins, đơn vị cỡ trung đoàn sẽ là những tấm bia lớn hơn, dễ bắn trúng hơn.

Mấy ngày trước mồng 8 tháng Bảy, người phó của Krulak bắt đầu đòi ở Ban điều hành những hoạt động đặc biệt một bản sao báo cáo của Vann. Điện đài của Lầu Năm Góc xem ra đã báo động Krulak về chiến dịch của Vann nhằm làm mất uy tín cách điều hành chiến tranh của Harkins. Vì Vann chứng minh trước Ban tham mưu liên quân, không được có một mạo hiểm nào. Vann chuẩn bị một bài

can thiệp với phim dương bản, đồ thị và bản đồ chiếu lên màn ảnh của “TANK “, bí danh quen thuộc của phòng họp lớn ở Lầu Năm Góc. Anh tập dượt bài nói trước đồng sự, sửa chữa theo gợi ý của họ để lôi cuốn được sự chú ý của cử tọa tôn nghiêm, cũng không tỏ ra quá khích hoặc tấn công cá nhân Harkins.

Một sĩ quan ngưỡng mộ Harkins và mơ hồ về ông chỉ có thể xem báo cáo của Vann như một việc làm không xứng đáng. Ngược lại, câu chuyện 12 trang giấy của anh và những tài liệu kèm theo có thể tác động đến một người nghe không định kiến, sẽ thấy ở đó sự trình bày khôn khéo và đầy tài năng về chiến tranh của một người trải qua gần một năm giữa lòng cuộc chiến ở phía bắc vùng đồng bằng. Vann tự nguyện hạn chế trình bày theo kinh nghiệm bản thân về những vùng đặc thù, về trách nhiệm mà không ai nghi ngờ được những hiểu biết của anh.

Chóp bu quân sự của đất nước trước hết thấy trên màn ảnh một bản đồ miền Nam Việt Nam với miền bắc vùng đồng bằng rất rõ nét. Rồi anh giải thích về dân số, địa dư và những nguồn lợi kinh tế của phần nửa vựa lúa này ảnh hưởng trực tiếp đến Sài Gòn. Anh chiếu lên một số thống kê cố gắng làm tiêu tan những huyền thoại và nhắc lại “những nguyên tắc cơ bản của chiến tranh du kích “như anh đã học được và sau đó truyền lại cho các nhà báo. Ví dụ anh chỉ ra một biểu đồ nêu lên 9.700 Việt cộng được “tính là bị giết chết “ở vùng Sư đoàn 7 trong 10 tháng anh làm cố vấn. Thực tế, anh nói, con số chính thức này hoàn toàn lừa gạt. Với 200 cố vấn tại chỗ, chúng tôi ước lượng, tôi nói cụ thể đây chỉ là ước lượng, con số người bị giết không đến hai phần ba con số công bố. Ngoài ra, chúng tôi cho là khoảng 30 đến 40% nạn nhân là những người ngoài cuộc không may lúc đó có mặt ở vùng đánh nhau … Những thông tin chúng tôi có được không xác minh việc máy bay ném bom mở màn, trọng pháo hoặc súng cối. Về vũ khí, người ta dùng đến súng trường sau cùng. “Rồi thính giả theo dõi một vòng các đồn tiền tiêu mà những người gác bị “bắn hạ trên giường “; họ nghe về chiến dịch của Cao mùa thu năm 1962 “bố trí khôn khéo đến mức chúng tôi chỉ có 3 người chết”. Tiếp đó, Vann chỉ trên màn ảnh bức vẽ trận đánh ấp Bắc tô maù và tóm tắt những hậu quả thảm hại những ảo tưởng bề ngoài cuộc chiến tranh có thể đưa tới.

John Vann không có ý định kết thúc bản tường trình của mình bằng một nhận xét bi thảm. Anh biết đấy không phải cách tốt lành đối với các viên tướng này, hơn nữa dù sao anh cũng không tin chắc thế. Vẫn còn thời gian để chiến thắng nếu người ta có những sửa chữa cần thiết. Nếu thay đổi đường lối và nếu những người có trách nhiệm ở Sài Gòn buộc phải theo lời khuyên của Mỹ, cũng có thể “bẻ gãy lưng những lực lượng quân sự Việt cộng miền Bắc vùng đồng bằng trong 67 tháng”. Việc bình định hoàn toàn vùng này phải nhiều năm nhưng một

cố gắng chiến đấu sử dụng triệt để tiềm năng của Sài Gòn trong 6 tháng của một chiến dịch thật khắt khe giảm thiểu "năng lực quân sự Việt cộng buộc phải chuyển từ những cuộc hành quân cấp tiểu đoàn chủ lực xuống những trung đội tan tác của du kích địa phương".

Vann đã yêu cầu Mary Jane gửi cho mình bộ đồng phục mặc vào ngày thứ hai này. Sau này chị nhớ lại "không có một nếp nhăn". Anh đến Lầu Năm Góc thật sớm tuy đã được báo trước sẽ trình bày vào lúc 14 giờ, chờ rất lâu để chuyển cho Krulak một bản sao bài của mình bốn giờ trước khi nói. Rồi anh vào trong tiền sảnh của tướng Earle Wheeler, trưởng ban tham mưu quân đội, chờ xem có ai hỏi gì vào phút chót. Anh cũng đưa cho họ một bản sao bài can thiệp của mình.

Lúc 11 giờ sáng, sau khi Vann gửi bài cho Krulak một tiếng đồng hồ, điện thoại reo ở văn phòng một người giúp việc Wheeler. Anh nghe ông này hỏi :

"Ai muốn rút vấn đề này khỏi kế hoạch ?"

Câu trả lời có vẻ không rõ vì ông ta gặng hỏi :

"Có phải ông bộ trưởng Quốc phòng hay văn phòng Bộ tổng tham mưu ?".

Ông lại muốn cụ thể hơn :

"Đây là mệnh lệnh hay một đề nghị ?"

Sau khi người đối thoại giải thích, người giúp việc tóm tắt lại để xem có đúng không :

"Chúng ta nói rõ với nhau. Đây là tổng tham mưu trưởng đề nghị vấn đề phải rút khỏi kế hoạch".

Rồi người giúp việc nói ông sẽ đi truyền đạt yêu cầu của Maxwell Taylor với thủ trưởng của mình, sẽ gọi lại sau rồi ông bỏ máy. Ông ta bảo Vann :

"Anh bạn , tôi có cảm tưởng hôm nay anh không trình bày được đâu".

Ông vào phòng Wheeler, một lúc sau trở ra gọi điện thoại cho người ở văn phòng Taylor.

"Thủ trưởng đồng ý hủy bỏ vấn đề này".

Krulak báo động ngay với Taylor khi đọc bản tường trình của Vann. Taylor đã kịp thời hành động. Ông ta không dễ dàng chịu đựng ý kiến ngược lại trong nghề nghiệp và rất chóng nổi nóng khi gặp một sự chống đối về những vấn đề quân sự. Ông không nghĩ hơn Krulak rằng Vann có thể nói đúng. Đây nhất định là một hành động bất mãn của một anh trung tá hãnh tiến và kiêu căng. Nhưng có những lý do khác ngăn chặn họ. Họ không muốn toàn ban tham mưu liên quân biết vì sự bất đồng tầm cỡ ấy sẽ được ghi vào biên bản. Tấn công Harkins trước hết là đánh vào Krulak, một người trong hàng ngũ tinh hoa của Washington đã đứng về phía Harkins. Nhưng cũng là đánh vào Maxwell Taylor, người luôn luôn

lạc quan trong các báo cáo với Mc Namara và tổng thống. Hơn nữa, ông này lại chịu trách nhiệm tạo thành công cho người mình bảo vệ ở Sài Gòn. Tháng Mười hai năm 1961, khi đặt vấn đề cử một tướng chỉ uy mới ở Việt Nam, Kennedy không muốn phó thác cuộc chiến tranh này cho Harkins mà ông cho là quá bảo thủ, đã mong tìm một người trẻ hơn, quá khứ ít bảo thủ và nhiều tưởng tượng hơn. Nhưng Taylor đã thuyết phục ông chấp nhận Harkins, bảo đảm ông ta có đúng những đức tính theo yêu cầu.

Chắc chắn không phải Wheeler kiên quyết chống đối buộc Vann im lặng. Chính ông, vị đại tướng lãnh đạo phái đoàn Bộ tổng tham mưu đi Sài Gòn ngày 18 tháng Giêng trước đây, người chỉ đạo phái đoàn điều tra quan trọng nhất về cuộc chiến tranh, đã để người có vấn đề, Harkins, đư đi dạo như một du khách và nghe người bảo vệ ông ta nhất, Krulak. Mặt khác, Wheeler là người cũng được Taylor che chở, đã được đề nghị tổng thống cử làm tham mưu trưởng quân đội. Wheeler là một người thanh mảnh, lịch sự như Taylor. Nhưng ông không xa cách như Taylor, được đồng cấp mến mộ vì thái độ thân mật trong quan hệ nghề nghiệp. Wheeler là sĩ quan tham mưu có khả năng hoàn hảo với điều kiện trên ông có một người biết suy nghĩ. Khi để cho ông một mình, người ta thấy ngay những giới hạn của người lính bàn giấy này trong việc phản ứng việc tôn trọng tính chính thống, cả tin theo bản năng vào mọi tài liệu “tuyệt mật “và những gì bất kể ai khoác sao và lon vàng nói.

Trong tức giận và thất vọng, Vann quy trách nhiệm cho Krulak và Taylor làm anh thất bại nhưng cũng tự trách mình. Cuối cùng, anh giúp Harkins tạo ra huyền thoại chiến thắng sắp tới cho các tướng và quan chức Washington khi nêu lên những khoa trương dối trá của một tướng Cao bắt chước Lansdale muốn làm “con hùm “của Việt Nam và trang bị của ông ta để đánh bại Việt cộng. Hai tuần sau khi thất bại, anh nói riêng với một sử gia quân đội đã hỏi anh “Chúng ta cũng có một trong những chuyện bịa đặt xuất sắc trong cuộc chiến tranh này”. Cuộc phỏng vấn được xếp loại “tuyệt mật “và băng hình, lời chú thích của anh biến mất trong một ngăn khóa kín.

Nhưng họ không đẩy anh vào im lặng được. Những học viên anh để lại Việt Nam nói thay cho anh. Anh không cần nhắc chúng tôi qua điện thoại đường dài phải nỏi gì. Chúng tôi đã thấm nhuần những bài học của anh đến mức không cần đến anh nữa. Trong tháng Bảy, Vann viết thư cho chúng tôi, khen ngợi lòng dũng cảm đã chỉ trích chế độ qua cuộc khủng hoảng Phật giáo. Halberstam trả lời anh : “Đây là lúc có nguy cơ vào tù và rút máy vì nhiều người đang rình mò .. Chúng tôi nói về anh luôn và thường khi viết, chúng tôi nghĩ về anh. Nhưng điều quan trọng nhất là những gì chúng tôi biết được ở vùng đồng bằng sông Cửu Long và làm chúng tôi đánh dấu cho tương lai. Thực tế bây giờ không thể nhồi sọ, chúng

tôi biết rõ phải tìm kiếm gì và đâu là trung tâm của vấn đề. Đối mặt với sự cố gắng bọn họ làm để vuốt ve, tinh thần chúng tôi đã được bọc thép".

Chúng tôi được thông tin về tầm quan trọng của việc tăng cường lực lượng Việt cộng trong vùng đồng bằng vào đầu tháng Tám. Đáng lẽ biết sớm hơn nhưng tất cả chúng tôi bị kẹt lại Sài Gòn để viết về những cuộc biểu tình Phật giáo và khả năng có một cuộc tự thiêu khác. Mert Perry của tạp chí TIMES nghe nói trong tháng Bảy có những cuộc đánh nhau dữ dội ở tỉnh Kiến Hòa, trong quá trình đó 11 trực thăng bị bắn trúng. Tôi quen viên đại úy cố vấn tiểu đoàn trận ấy vì có thời gian lội ruộng với anh. Anh đến Sài Gòn đầu tháng Tám nghỉ phép một tuần và tình cờ tôi gặp anh trên đường, Việt cộng mà đơn vị anh đã chống chọi không còn là những tiểu đoàn mà anh đụng độ cho đến lúc ấy. Họ có vẻ nhiều hơn quân số 300 của bên anh và nhất là hỏa lực mạnh hơn. Chưa bao giờ anh nghe tiếng súng rền của vũ khí tự động như thế. Việt cộng chôn chân ngay quân đội Sài Gòn tại chỗ, giữ binh lính địch cho đến lúc họ thôi bắn và biến mất trong đêm mặc dù những chiếc Huey tấn công bằng súng máy, đạn rốc két và sáu đợt máy bay ném bom. Nếu họ ra khỏi hàng cây ẩn nấp thì chắc chắn họ đã tàn sát tất cả hoặc một phần tiểu đoàn của tôi, viên đại úy nói.

Trong khoảng thời gian đó, một đại tá Quân lực Cộng hòa mà chúng tôi đều kính trọng, Phạm Văn Đồng, trùng tên với thủ tướng Hà Nội, trở về báo động sau một đợt đi thị sát vùng đồng bằng : Việt cộng làm lại vòng hành quân Việt Minh đã vận dụng chống Pháp. Đại tá Đồng biết rõ điều ông nói. Ông là một người dân tộc thiểu số miền Bắc, được gắn lon trong quân đội Pháp và là một trong hai sĩ quan Quân lực Cộng hòa chỉ huy một đơn vị cỡ lữ đoàn trong đội quân viễn chinh Pháp. Harkins làm gián đoạn sự nghiệp của ông khi đề nghị Đạm thăng lên thiếu tướng không đúng lúc. Khi biết việc ấy, ông bình luận "Bây giờ tôi chắc chắn Diệm sẽ trừng phạt tôi. Ông ta nghĩ người Mỹ thích tôi đến mức ấy vì họ sẽ sử dụng tôi để làm một cuộc đảo chính !". Hai tuần lễ sau đó, Diệm bổ nhiệm Đồng làm thanh tra "các ấp chiến lược".

Những điềm báo trước thảm hại của Đồng đáng tiến hành một cuộc điều tra. Do cuộc khủng hoảng Phật giáo chiếm nhiều thời gian và nghị lực của chúng tôi, Halberstam và tôi quyết định cùng làm việc thành nhóm với Perry của báo TIMES. Đại tá Đồng là một trong những nguồn thông tin quý báu của chúng tôi. Ông nhận được số liệu và những điều cụ thể ở một viên tướng ở ban tham mưu hỗn hợp Sài Gòn trong cuộc chiến tranh Pháp Việt phục vụ dưới quyền ông. Tôi ở nhà ông một buổi tối ghi lại những dữ kiện, phát hiện thấy mặc dù Cao nói dối, các sĩ quan tình báo Việt Nam ở vùng đồng bằng cũng đưa ra những thông tin có giá trị nhưng không chuyển lên Phủ tổng thống vì sẽ không được chấp nhận. Ở chỗ người Mỹ, thông tin cũng không lên đến ban tham mưu của Harkins vì lý do

ấy. Người ta cảm thấy một cảm giác lạ lùng về sự so sánh của đại tá Đồng giữa những gì xảy ra hiện tại với cuộc chiến tranh Pháp Việt. Giữa những năm 1949 và 1950, trong lúc tướng Giáp chuyển những đơn vị Việt Minh đầu tiên lên các sư đoàn đầy đủ quân số, gây ra cuộc tàn sát trên đường số 4 và sự thất bại ở Điện Biên Phủ, bộ chỉ huy cấp cao của Pháp cũng chế diễu những báo cáo báo hiệu sự ra đời của một Việt Minh có thể đương đầu với quân đội họ.

Chúng tôi chỉnh sửa, bổ sung những thông tin ấy với các nguồn tài liệu Mỹ và Việt Nam khác. Halberstam đến chủng viện trao đổi với nhiều đại úy chứng kiến được những đổi thay ở vùng đồng bằng. Người của CIA và Cơ quan phát triển kiểm tra chương trùnh “ấp chiến lược “tỏ ra thật thà hơn. Việt cộng bắt đầu phá hủy có hệ thống những trại giam giữ đáng xấu hổ. Chiến thuật của họ là tiêu diệt các đồn tiền tiêu của đội tự về dù ở trong hay bên cạnh các ấp. Lần lượt cảnh sát bị tước vũ khí hoặc bị đập tan hoặc tự bộc lộ điều từ trước tới nay những người nổi dậy bí mật vẫn làm. Nông dân được thông báo tự do trở về nguyên quán. Khi đi họ mang theo những tấm tôn để lợp lại nhà của họ. Nếu chính quyền Sài Gòn thiếu tôn, buộc họ dùng rạ, cán bộ Việt cộng vận động họ phá hủy trước khi đi để nhà không ở được nữa. Họ cũng cắt dây thép gai (những loại “mì que Mỹ “như một số người bỡn cợt ở Sài Gòn gọi), chặt ra từng đoạn nhỏ sau dùng làm tạc đạn hoặc những bẫy nổ. Tất cả những việc làm ấy có một ý nghĩa tâm lý : chứng minh tận mắt đường lối của Hồ Chí Minh chiến thắng kế hoạch do Mỹ và những đồng lõa Việt Nam xây dựng.

Ngày 15 tháng Tám năm 1963, năm tuần lễ sau thất bại của Vann ở Lầu Năm Góc, một bài báo nêu lại những nhận định của anh về cuộc chiến tranh trên trang đầu tờ NEW YORK TIMES ký tên Halberstam. Anh này không ngại tuyên bố thắng thừng Việt cộng đang thắng trận : anh biết các tổng biên tập ở New York đã sợ hãi vì những bài viết của anh. Một sự khẳng định rõ ràng như vậy càng kích thích họ hơn việc từ chối không in với lý do ý kiến chủ quan. Tiêu đề bài báo là “Quân đỏ Việt Nam mở rộng địa bàn ở những vùng chủ yếu”.

“Tình hình quân sự miền Nam Việt Nam trong vùng chủ yếu của đồng bằng sông Cửu Long suy sụp trong năm và quan chức chính quyền nhận thấy những dấu hiệu đáng lo ngại. Sau lời mở đầu ấy, Halberstam tập hợp những sự việc lại như một loạt trọng pháo bắn chặn để mô tả những tiến bộ của cộng sản. Một năm trước đây tổ chức du kích không quá 250 người. Ngày nay họ tấn công bằng những toán quân 600, thậm chí 1000. Một năm trước, Việt cộng tránh đối đầu với Quân lực Cộng hòa, chỉ tập trung vào quân Bảo an và cảnh sát. Ngày nay, do “lực lượng mới nhờ vào vũ khí Mỹ chiếm được “, họ tìm đánh nhau với những đội quân thường trực Sài Gòn. “Bây giờ họ có một trong những chỗ dựa ấy rồi !” theo lời của một cố vấn Mỹ anh không nêu tên trong bài báo. Các chỉ huy của

Sài Gòn “phát hiện ra trong vùng mình những tiểu đoàn mà họ không xác định được ‘. Halberstam tiếp tục “Nhưng điều đáng lo ngại nhất là Việt cộng đang xây dựng những tiểu đoàn tiêu chuẩn, mỗi tiểu đoàn 400 người gồm ba đại đội bộ binh trang bị vũ khí hạng nặng … Vũ khí và đạn dược do cộng sản sản xuất đưa bí mật vào miền Nam ngày càng nhiều… Trang bị điện đài không ngừng cải tiến”. Mục tiêu cuối cùng của những chuẩn bị đó còn đáng báo động hơn nữa : một “chuyên gia đáng tin cậy “đã cảnh báo Hà Nội chuẩn bị một “cuộc chiến tranh cơ động, nhanh và dữ dội “để đập tan Quân lực cộng hòa.

Bài báo xuất hiện như một quả bom nổ giữa Washington, dù sao cũng quét đi những ảo tưởng ngông cuồng như chúng tôi hy vọng. Kennedy hỏi có đôi điều sự thật trong câu chuyện này không. Krulak báo động cho Harkins, Stilwell gửi một giác thư dài bác bỏ từng điểm trong bài báo. Nhờ Stilwell, Krulak và suy đoán của họ Kennedy, phần lớn những người có trách nhiệm cao giữ được lòng tin vào các tướng. Dean Rusk thậm chí vượt cả vai trò của mình tố cáo bài báo của Halberstam là một sự nói dối trong một cuộc họp báo ở bộ Ngoại giao sau hôm nó được in ra.

Vai trò Krulak luôn giữ ảo ảnh của Harkins là một sự trớ trêu của số mệnh. Uy tín của ông quá lớn không thể phán xét lâu cuộc tranh chấp ở Việt Nam với một sự ngu dại như vậy. Trong hai năm, ông phát hiện ra sự ngốc nghếch của chiến lược hủy diệt đã ám ảnh các tướng lĩnh Hoa Kỳ. Ông bèn cố gắng làm cho hệ thống ông phục vụ hành động một cách hợp lý hơn và lúc đó đến lượt ông cũng có những lo lắng như Vann.

Câu chuyện những phóng viên trẻ ở mặt trận bịa đặt trở thành bằng chứng thất bại hoàn toàn thảm bại vào cuối mùa hè năm 1963. Bây giờ là những nhà báo được thừa nhận mà phần lớn họ nhận xét chiến tranh cùng một cách như chúng tôi.

Nhưng đối mặt với các phóng viên ấy, có những người khác ở Hoa Kỳ lo công nhận và bảo vệ luận điểm của chính quyền. Trước đây chưa từng có thất bại về đường lối chính trị, quân sự trong nước và họ không thể chấp nhận nó. Một nhà báo nổi tiếng có bề dày nghề nghiệp hơn Halberstam, Margueritr Higgins của tờ NEW YORK HERALD TRIBUNE là một ví dụ. Cô đạt giải thưởng PULITZER năm 1951 với những bài phóng sự ở Triều Tiên, can đảm kể lại sự tan vỡ của bước đầu chiến tranh. Bộ tổng tham mưu đề nghị “những nhà báo có độ chín và ý thức trách nhiệm “được cử sang Việt Nam để chỉnh sửa lại những câu chuyện thần kinh của các phóng viên địa phương. Theo yêu cầu của Lầu Năm Góc, Higgins tới Sài Gòn vào tháng Tám. Cô ở lại bốn tuần lễ ở miền Nam Việt Nam, gửi về một loạt bài tóm tắt, viết cuộc khủng hoảng Phật giáo là một sáng kiến của những nhà sư thủ đoạn và của những phóng viên cả tin, rằng tướng Harkins

và chế độ Diệm đang đánh thắng Việt cộng và "những phóng viên địa phương thích thấy chúng ta thua trận để chứng minh họ nói đúng".

Joseph Alsop, chưa gặp Vann vào năm 1963 và chưa tán thành anh, tháng Chín sang để kết tội chúng tôi bôi nhọ Diệm như một số phóng viên trong Thế chiến thứ hai ở Trung Quốc đã làm suy yếu Tưởng Giới Thạch khi nhấn mạnh chế độ của ông này rời rạc và không có khả năng. Anh viết "Sức ép thường xuyên của chiến dịch báo chí chống chính phủ góp phần rộng rãi biến Diệm, một nhà lãnh đạo dân tộc can đảm và hoàn toàn phù hợp thành một người tiêm nhiễm thói quen truy bức nhìn vào đâu cũng thấy âm mưu và do đó, không thể có một sự phán xét đúng đắn". Alsop cũng áp dụng đường kẻ của Krulak – Harkins , công nhận nếu cuộc khủng hoảng Phật giáo gây ra một biến động nào đó ở thành phố thì vẫn không ảnh hưởng gì đến cuộc chiến tranh ở nông thôn. Theo anh, chúng tôi đã vẽ lên "một hình ảnh đen tối và không xứng đáng "của tình hình quân sự. Anh gợi ý chúng tôi bớt dành thì giờ cho những cuộc biểu tình tự sát và đi nhiều hơn "trên con đường mặt trận". Halberstam nhận thấy câu nói này thật buồn cười đối với cuộc chiến tranh chúng tôi đã biết rõ.

Nhưng Halberstam có nhiều vấn đề với các tổng biên tập của anh ở New York. Anh đấu tranh cho nghề nghiệp cũng như để thắng trong cuộc chiến tranh. Báo NEW YORK TIMES không tin vào giới báo chí vận động cải cách. Và nếu Halberstam thuyết phục được một số người đọc, anh không được như vậy với cấp trên. Dĩ nhiên không hề có ý định thấy tờ báo làm diễn đàn tuyên truyền cho chính phủ, họ tán thành thỉnh thoảng có một cuộc tranh cãi với quan chức nắm chính quyền. Nhưng Halberstam buộc họ ở vào tình thế đối đầu với chính quyền Kennedy. Mười năm chiến tranh ở Việt Nam đưa những người có trách nhiệm ở tờ báo, sau này trở thành những người bảo vệ một nền báo chí tuyệt đối độc lập và tấn công nhưng năm 1963, vai trò chống đối còn tương đối mới và họ không muốn thế. Hơn nữa, vào đầu tháng Chín, tờ NEW YORK JOURNAL AMERICAN và những xuất bản khác phái hữu của báo chí Hearst bắt đầu lên án Halberstam ngây thơ về chủ nghĩa cộng sản và dọn đường cho một Fidel Castro Việt Nam.

Ở các cấp dưới của tờ báo, bực bội thêm vào nghi ngờ. Nhưng sức mạnh nghề nghiệp của Halberstam là ở chỗ tổng hợp thời gian và nghị lực, trọng lượng và chất lượng những thông tin của anh cùng tốc độ viết trong thì giờ gò bó. Tình hình phức tạp hơn vào tháng Tám, tháng Chín, ba tuần lễ chế độ cấm chúng tôi sử dụng điện tín bằng áp đặt việc kiểm duyệt và chỉ dành nó cho tuyên truyền. Chúng tôi phải gửi tất cả các bản tin theo đường hàng không thương mại để đánh đi từ các nước khác của Đông Nam Á. Một buổi sáng Halberstam gõ máy 4000 chữ của bốn bài báo khác nhau, phải sẵn sàng gửi theo chuyến bay buổi trưa ở

Tân Sơn Nhất. Trong những điều kiện như vậy, sếp của anh ở New York, vốn chưa bao giờ là phóng viên, chưa bao giờ rời bàn giấy và tất nhiên không biết đến những trở ngại trong công việc của chúng tôi, có chiều hướng chỉ nhìn vào những sai sót : câu không đứt, cú pháp chỉ gần đúng và bài quá dài. Các biên tập viên phải vất vả mỗi buổi chiều để sắp xếp lại và kịp thời đưa in.

Khi Margerite Higgins bắt đầu nói ngược lại tất cả những gì Halberstam đã viết, bộ phận đối ngoại của NEW YORK TIMES dội cho anh những bức điện cho biết có lẽ cô ấy nói đúng và anh phải làm dịu bớt hoặc chữa lại bài viết của mình. Halberstam bực tức, nao lòng về sau bao nhiêu tháng như vậy, cấp trên không tin tưởng ở mình nữa. Anh thực sự nổi giận và điện trả lời "Nếu các ông còn nêu tên người đàn bà ấy một lần nữa, tôi sẽ từ chức. Xin nhắc lại, tôi từ chức. Và nghiêm chỉnh đấy. Xin nhắc lại, nghiêm chỉnh đấy". Những người có trách nhiệm ở tòa báo không hề có ý định chuyển Halberstam đi chỗ khác, cũng không muốn thấy anh từ chức, sẽ bị mang tiếng tinh thần hèn kém. Họ thôi không nói với anh về Higgins nữa nhưng vẫn còn nghi ngại.

Còn một bằng chứng nữa vào cuối tháng Tám khi chế độ Diệm tiến hành những cuộc bắt bớ hàng loạt. Đại sứ quán Hoa Kỳ và CIA viết một bài hoàn toàn tương phản với bài của Halberstam. Các tổng biên tập ở New York muốn in bài của chính quyền lên trang đầu và xếp câu chuyện của Halberstam vào giữa tờ báo. Nhưng sếp trực tiếp của anh, người đã vận động anh về làm voệc , James Reston, lúc đó là trưởng phòng ở Washington, vừa là nhà xuất bản, ngăn cản họ. Ông chống đỡ rằng họ không nên phủ nhận phóng viên của mình trên mặt báo, thuyết phục họ đăng cả hai bài bên cạnh nhau trên trang nhất cùng một tiêu đề kèm theo chỉ dẫn về sự không thống nhất giữa hai bài viết "Phản ánh tình hình không minh bạch ở miền Nam Việt Nam". Tờ báo chưa bao giờ làm điều ấy. Ba ngày sau đó, những sự kiện khác buộc Bộ Ngoại Giao phải thừa nhận bài viết của chính quyền không phản ánh sự thật.

Thái độ cá nhân của Halberstam cũng giải thích một phần việc bất đồng của anh với những người có trách nhiệm ở tờ báo. Họ được báo động về những lời phàn nàn của các nhân vật chức quyền ở Bộ Ngoại giao và Lầu Năm Góc. Anh không xử sự như đại diện một cơ quan đáng kính như NEW YORK TIMES phải làm. Báo NEW YORK TIMES không can thiệp vào đời tư của phóng viên nhưng cũng đồi hỏi họ phải xử sự đúng đắn trước công chúng, không như tính cách mãnh liệt của Halberstam.

Chúng tôi đều coi khinh Harkins nhưng chúng tôi cư xử với ông ta lịch sự, tôn trọng, còn Halberstam khinh bỉ ra mặt. Trong buổi chiêu đãi của Đại sứ quán nhân ngày lễ quốc khánh mồng 4 tháng bảy, anh công khai từ chối bắt tay vị tướng trong một không khí người ta cần che đậy tình cảm của mình.

Richard Holbrooke, 14 năm sau chiếm một vị trí quan trọng trong chính phủ Carter, nhớ lại bữa ăn tối với chúng tôi vào tối mùa hè năm 1963 ở một nhà hàng Pháp ở Sài Gòn. Lúc ấy, anh là viên chức trẻ Bộ Ngoại Giao, cố vấn cho công việc bình định ở một tỉnh phái nam vùng đồng bằng. Halberstam bắt đầu đả kích nặng nề vào con vật Harkins giả mạo báo cáo không kể đến việc phung phí tính mạng của những người Mỹ và Việt Nam. Càng nói anh càng phấn khích và giọng càng gay gắt. Anh giơ nắm tay to, đấm mạnh xuống bàn hét lên kết luận lời buộc tội của mình :

“Phải đưa Paul D. Harkins ra tòa án quân sự và xử bắn !”.

Holbrooke kín đáo nhìn xung quanh để xem có người nào ở bàn khác nhận ra anh chàng.

Không có luật nào hạn chế chúng tôi đối mặt với chế độ. Họ Ngô Đình muốn đàn áp các nhà sư và những người đi theo họ trong những cuộc biểu tình mà không ai thấy. Các nhà báo nước ngoài có mặt làm những người có trách nhiệm trong Phật giáo hy vọng nếu họ tiếp tục chiến dịch, các sĩ quan có cảm tình trong Quân lực Cộng hòa có lẽ sẽ hoạt động chống chế độ hoặc dư luận quốc tế sẽ thúc đẩy chính quyền Kennedy khuyến khích một cuộc đảo chính. Họ biết hòa bình với gia đình Diệm luôn luôn khó khăn , nay đã hoàn toàn không thể và, nếu trật tự lập lại, tất cả bọn họ sẽ bị cho vào tù. Những người Phật giáo và hội viên ngày càng đông của họ dù sao cũng sẵn sàng chết để lật đổ chế độ. Một nhà sư, phong thái cổ lỗ như những người anh em của mình, nhanh chóng thích nghi với phương tiện liên lạc hiện đại gồm cả máy sao in truyền đơn đả kích, hét lên trong một chiếc loa mang theo “Đã có máu trên những cà sa của chúng tôi !”.

Họ Ngô không hiểu mỗi hành động đàn áp càng làm tăng nhanh số người cảm tình với Phật giáo. Họ thực sự không biết những phim ảnh và chuyện kể của báo chí về ngược đãi, tự sát là việc phổ biến tai hại cho họ. Trong một cuộc biểu tình, các nhà sư, bà vãi và Phật tử quỳ xuống tụng kinh trên hè phố. Các đại đội cảnh sát đặc biệt, mũ và đồng phục ngụy trang, được CIA trang bị vũ khí và luyện tập để đuổi đánh Việt cộng trong thôn ấp, nhào vào đám đông đang quỳ đánh túi bụi. Họ nắm lấy tóc dài của phụ nữ, dùng dùi cui và báng súng đánh vào mặt trước khi vứt họ lên xe đưa đến nhà tù. Gia đình Diệm ngâng ngại không trục xuất chúng tôi, sợ tiếng la ó phản đối ở hội nghị Washington sẽ làm mất sự giúp đỡ về kinh tế và quân sự mà miền Nam đang cần, và sẽ xẩy ra một cuộc đảo chính của các sĩ quan Quân lực Cộng hòa. Họ quyết định làm chúng tôi sợ không đến gần những cuộc tập hợp.

Sáng ngày 7 tháng Bảy, chúng tôi đang chờ một cuộc biểu tình bắt đầu, dự kiến gần một ngôi chùa nhỏ trong thành phố thì bỗng nửa tá cảnh sát mặt thường phục của An ninh quốc gia xông vào Peter Arnett của Hội báo chí. Chỗ này lý

tưởng cho một cuộc phục kích vì chúng tôi đứng chen nhau trên một ngõ hẹp từ đường phố vào chùa. Cảnh sát xô nhào Arnett xuống đất, đá vào bụng anh với những đôi giàu mũi nhọn theo mốt thời kỳ ấy. Nhưng trước khi họ có thể làm anh bị thương nghiêm trọng, Halberstam rống lên xông vào. Anh vứt ra xa người Việt Nam nhỏ thó đứng gần nhất, với thân hình gấu đứng bên Arnett, đưa nắm tay to lớn ra phía trước hét to "Ra sau ! Lùi lại ! Bọn vô lại, hoặc tao đập nát cả lũ như một cục phân !". Chúng tôi giúp Arnettr đứng dậy còn Malcom Browne chụp một bức ảnh. Một cảnh sát luồn lại phía sau anh, đập hỏng chiếc máy nhưng không hủy được cuộn phim bên trong. Các cảnh sát viên mặc thường phục rút lui dần. Chắc họ được lệnh không sử dụng dùi cui và cảm thấy tay không họ không thể đọ sức với Halberstam. Cảnh sát đồng phục không can thiệp để bảo vệ chúng tôi. Arnett bình yên với vài cú đòn.

Hôm sau anh được triệu tập cùng Browne đến Sở cảnh sát bị thẩm vấn bốn tiếng đồng hồ trước khi được thả ra. Họ kết tội các nhà báo là đã "tấn công "người của Sở An ninh. Những người gần gũi chế độ giải thích là gia đình Diệm định khai thác sự cố ấy để bắt Arnett và Browne, đưa họ ra xét xử. CIA cũng được cảnh sát xác nhận việc ấy. Chúng tôi bèn gửi một bức điện phản kháng lên tổng thống Kennedy. Ông cử ngay Robert Manning, một nhà báo cũ bây giờ làm việc ở văn phòng Tổng thống đến gặp chúng tôi. Con người kiên nhẫn và thân mật này lắng nghe những lời kêu ca, than phiền các mặt của chúng tôi rồi thuyết phục Diệm không truy cứu nữa.

Gia đình Diệm tạm thời không đụng chạm đến các nhà báo và thử chiến thuật vô cùng ghê rợn hơn là dọa giết chết. Với họ Ngô Đình, đặc biệt Nhu và vợ, người ta không bao giờ chắc chắn được họ đánh đòn tâm lý hoặc họ thực sự làm nó. Ít lâu sau, bà Nhu nói với một phóng viên người Anh :

"Halberstam phải bị đưa vào lò thiêu; tôi sẽ sung sướng cung cấp chất đốt và diêm".

Nghe bà nói, dù sao người ta cũng có thể chắc chắn bà mong muốn thật lòng.

Chính cảnh sát báo động với chúng tôi đầu tiên. Sự bất bình lan nhanh trong cánh bàn giấy cũng ảnh hưởng tới một số cảnh sát. Họ tiếp tục làm theo lệnh của Phủ tổng thống để giữ việc làm nhưng bắt đầu lo về tương lai và dù có đồng lõa và suy đốn đạo đức, họ cũng tự cảm thấy có tội. Cuối tháng Bảy, trong một cuộc biểu tình một thanh tra mặc thường phục lại gần người quay phim Việt Nam làm việc cho tôi và hãng UPI Movietone News

"Nói với chủ anh ban đêm ra ngoài phải khôn ngoan. Có lẽ chúng tôi sẽ nhận được lệnh giết ông ta và làm người ta tưởng đó là nạn nhân của Việt cộng".

Thời kỳ ấy, Nguyễn Ngọc Rao, phóng viên Việt Nam làm việc ở văn phòng

UPI có quan hệ rất tốt với cảnh sát. Họ cho anh biết bọn Nhu lên một bản danh sách những người sẽ bị ám sát gồm một số nhà báo, những sĩ quan Quân lực Cộng hòa, những nhân vật dân sự Việt Nam được xem là phản bội và có thể làm đảo chính. . Bọn Nhu làm nghiêm chỉnh đấy, cảnh sát nói gặng. Đây có lẽ là những người sẽ nhận lệnh đi giết họ. Halberstam và tôi có tên trong danh sách. Do bản thân không có gì chống đối chúng tôi, các viên chức an ninh khuyên Rao dặn chúng tôi cần đề phòng. Một số nhân viên CIA xác nhận với chúng tôi thông tin đó, nói cụ thể một số người của họ cũng nằm trong danh sách, vẫn cùng một lý do : âm mưu đảo chính.

Halberstam và tôi vẫn khó tin việc đe dọa biến thành sự thật cho đến lúc một sĩ quan tình báo Việt Nam có tên trong danh sách khẳng định điều đó với chúng tôi. Ông ta sống độc thân và chạy theo đàn bà, thường xuyên đến hộp đêm, nơi ẩn náu của một số tên cướp ở Sài Gòn. Chúng cho biết quân của Nhu thuê chúng tiến hành một loạt ám sát và ông ta là một trong những mục tiêu, chúng bảo ông cần thận trọng. Chúng xem ông như một người bạn và sẽ rất buồn nếu phải giết ông.

Trong tháng Bảy, Nhà Trắng thông báo Henry Cabot Lodge sẽ thay thế Frederick Nolting làm đại sứ vào cuối mùa hè. Nolting ra đi giữ tháng Tám và tiếng đồn khắp các quán rượu trên đường phố báo trước Lodge sang có nghĩa là kết thúc sự nâng đỡ của Hoa Kỳ đối với chế độ Diệm. Nhà sư phát ngôn viên của các nhà lãnh đạo Phật giáo hóm hỉnh nói với Halberstam : “Tôi nghĩ ông “Cabologe” không phù hợp với sở thích của tổng thống Diệm”. Ngày hôm sau, 18 tháng Tám, họ làm một cuộc diễu hành lực lượng lớn mạnh như muốn tác động đến vị đại sứ tương lai qua báo chí. Mười lăm nghìn người, một trong những đám đông quan trọng nhất và nhiệt tình nhất tập hợp trước chùa Xá Lợi để nghe trong nhiều giờ diễn văn của các nhà sư tố cáo nền độc tài của chế độ và sự lăng nhục đối với Phật giáo Việt Nam. Những đợt cầu kinh xen lẫn những bài nói quan trọng. Từng thời gian đều đặn các nhà sư làm giảm bớt không khí căng thẳng bằng một màn xen kẽ được ưa thích : lời đùa cợt bỉ ổi về bà Nhu. Lần này, phủ tổng thống không ra lệnh cho cảnh sát can thiệp mặc dù có sự khiêu khích và cuộc biểu tình kết thúc trong bình lặng.

Sự ôn hòa đó là điềm chẳng lành. Hai đêm sau, quá nửa đêm ngày 20 tháng Tám, Diệm và Nhu làm một cú tàn ác để kết thúc cuộc khủng hoảng Phật giáo, đặt chính quyền Kennedy và “Ông Cabologe “trước sự việc đã rồi. Quân lực Cộng hòa lần lượt tấn công tất cả các chùa ở Sài Gòn, Huế và những thành phố khác có lực lượng Phật giáo. Nhờ có người báo tin, Mert Perry biết tiếng Pháp, Halberstam và tôi đến ngôi chùa Xá Lợi cùng lúc với những người tấn công.

Cuộc đột kích vào Xá Lợi cũng như các nhà chùa khác ở miền Nam Việt Nam

được thực hiện triệt để. Tôi có cảm tưởng đang xem lại cuốn phim Pháp về cuộc kháng chiến khi bọn Gestapo bao vây một ngôi nhà. Trong lúc đoàn xe có xe chúng tôi dừng lại dọc chùa, hai đoàn xe khác tiến đến từ hai hướng đối diện nhau. Cảnh sát và binh lính nhảy xuống nền đường. Các sĩ quan hô mệnh lệnh , tập hợp các đơn vị. Chuông trên gác chùa vang lên báo động, các nhà sư đánh vào xoong chảo càng làm ầm ĩ thêm. Cảnh sát phá cửa chùa, những toán lực lượng đặc biệt mặc quân phục ra trận ngụy trang và mũ nồi súng máy đưa ngang thắt lưng, tập hợp trước cổng chùa để tấn công.

Lực lượng đặc biệt của Quân lực Cộng hòa là một sáng tạo khác của Mỹ mà họ Ngô Đình chuyển sang sử dụng riêng cho mình. Đơn vị siêu đẳng này được CIA trang bị và huấn luyện để tiến hành những cuộc tập kích vào quân du kích và đột nhập vào Lào hoặc miền Bắc Việt Nam. Nhưng Ngô Đình có ý nghĩ riêng : lực lượng đặc biệt không bao giờ ra khỏi đất Sài Gòn; họ bị biến thành một đội bảo vệ pháp đình. Họ chú trọng tuyển mộ trong các gia đình giáo dân miền Trung và miền Bắc, giao cho một người hoàn tòan tin cậy chỉ huy : trung tá Lê Quang Tung, cũng là giáo dân miền Trung.

Quang cảnh trước chùa đủ sáng vì những trụ đèn và đèn pha ô tô nên Halberstam và tôi có thể thấy cầu vai các toán quân. Không một người lính nào thuộc quân thường trực hoặc quân dù. Tất cả đều là người của Tung. Diệm và Nhu không tin vào Quân lực Cộng hòa trong việc giải quyết nội bộ. Phải là người phục vụ họ , đúng trường hợp cuả Tung, đất tớ trong gia đình Ngô Đình trước khi trở thành hạ sĩ quan của quân đội Pháp.

Một sĩ quan ra lệnh và toán đầu bắn qua cổng vào chùa, tiếp theo là những toán quân khác và cảnh sát. Nghe tiếng kính vỡ, tiếng cánh cửa bung ra vì gót chân hoặc báng súng. Súng nổ xen lẫn tiếng kêu la của các nhà sư bị kéo ra khỏi phòng ngủ. Những tràng vũ khí tự động từ phía sau chùa cho thấy Lực lượng đặc biêt ngăn cản những người Phật giáo chạy trốn qua tường bao. Xe ô tô bọc vải bạt xanh che vật chở bên trong đến xếp hàng trước cổng. Cảnh sát vứt các nhà tu hành lên đấy để dẫn đi nhà tù Chí Hòa ở Sài Gòn.

Bị kịch kéo dài hai tiếng đồng hồ vì một số nhà sư dùng bàn ghế chận cửa ở lại trong phòng ngủ. Hai người vượt được qua tường trong làn đạn súng tự động, chạy vào trốn trong tòa nhà Hoa Kỳ gần đấy, trụ sở chính của cơ quan phát triển quốc tế. Người năng động nhất trong các nhà lãnh đạo Phật giáo, Thích Trí Quang, đã tổ chức cuộc biểu tình đầu tiên ở Huế, biết mình bị kết án tử hình dã trốn đi cùng hai nhà sư khác trước cuộc vây ráp. Khoảng 1.400 nam nữ tu sĩ của Xá Lợi, và những chùa khác ở Nam Việt Nam bị bắt trong đêm ấy cùng một số tín đồ ngoài giáo và bảy người mất tích. Chắc họ bị giết và bị bí mật đem đi chôn. Những cuộc vây ráp ở Huế còn tang thương hơn, 30 nhà sư và học viên bị

bắn hạ hoặc bị đánh đến chết. Bức tượng Phật lớn trong chùa Từ Đàm ở Huế bị phá hủy.

Diệm ra lệnh thiết quân luật, đặt Sài Gòn dưới quyền thiếu tướng Tôn Thất Đính, một lính dù Pháp cũ, rất thích rượu Whisky và trung thành với gia đình Diệm. Từ sau giờ giới nghiêm qui định vào 21 giờ, các toán quân và cảnh sát được lệnh bắn vào bất cứ ai trên đường phố không có giấy thông hành và cố chạy trốn. Dựa vào lệnh giới nghiêm và ban đêm, cảnh sát lục soát các nhà, các căn hộ và bắt những người tình nghi khác. Viên sĩ quan tình báo không phục tùng được bọn cướp báo động, bỏ trốn : một trong những bạn bè cùng học trung học có nhiều tàu hàng đã bí mật đưa ông đi Yokoham với chiếc tàu chở phân bón.

Halberstam và tôi không dám ngủ ở nhà nữa. Chúng tôi được John Mecklin, trưởng phòng thông tin US cho trú ngụ ba tuần. Nguyễn Ngọc Rao đã can đảm từ chối không đi ẩn náu, mặc dù gia đình anh khẩn cầu. Ngôi nhà của Mecklin không được quyền miễn trừ ngoại giao nhưng là một tài sản của Hoa Kỳ nên chúng tôi cho là có thể bình yên trong đêm. Trần Văn Chương, bố của bà Nhu, đại sứ miền Nam Việt Nam ở Washington, tuyên bố không có “một phần trăm cơ may chiến thắng “cộng sản chừng nào con gái ông, chồng và anh chồng bà còn nắm chính quyền . Mẹ bà Nhu, quan sát viên chính thức ở Liên Hiệp Quốc cũng từ chức cùng hầu hết nhân viên Đại sứ quán.

Người phát ngôn Bộ Ngoại giao có thói quen không bao giờ nói gì đã gọi điện thoại, bị kích thích cao độ. Bộ trưởng, một nhân vật lu mờ và cam chịu, tên là Vũ Văn Mậu, cũng từ chức, cạo trọc đầu như nhà sư và xin phép Diệm đi hành hương ở Ấn Độ. Diệm đồng ý. Báo chí và cả đoàn ngoại giao tập hợp ở Tân Sơn Nhất để thấy ông ta ra đi nhưng ông không bao giờ đến được Ấn Độ. Nhu đã cho Đính bắt giữ ông trên đường ra sân bay. Một viên tướng khác thuyết phục Đính giam ông ta tại nhà chứ không đưa vào nhà tù và để lại hộ chiếu cho ông. Rồi viên tướng nói thêm :

“Ngày mai có lẽ ông sẽ bắt tôi. Lúc ấy nên tử tế chứ ? Tìm cho tôi một phòng giam dễ chịu và cho một cô gái đẹp vào đấy”.

Sinh viên trường đại học Sài Gòn nổi dậy. Hàng trăm người bị đánh và bắt giữ. Diệm đóng cửa trường đại học như đã làm thế ở Huế với những lý do như vậy. Thế là đến lượt học sinh trung học, phần lớn là con các viên chức dân sự và sĩ quan.

Ở trường nữ trung học Trưng Vương, cảnh sát đối mặt với những hàng thiếu nữ bận đồng phục áo dài xanh lơ. Họ nắm lấy tay nhau hô to “Đả đảo Ngô Đình Diệm ! Đả đảo Ngô Đình Nhu ! Đả đảo Trần Lệ Xuân !’ (tên con gái của bà Nhu). Đám con trai dữ dội hơn : dùng ghế đập vỡ cửa sổ và treo lên mặt tường

những băng rôn bêu xấu bà Nhu.

Với sự kiên nhẫn đáng lưu ý, họ Ngô ĐÌnh cho bắt con cái những người đang quản lý đất nước cho họ. Một buổi sáng, xe ô tô chở hơn 1000 học sinh trung học vào các nhà tù. Và, trong lúc cảnh sát nhộn nhịp trong sân, các sĩ quan hấp tấp đến, nhảy xuống từ xe Jeep cố cứu con cái họ. Việc tự sát không dứt ấy của triều đại do Lansdale dựng lên kết thúc bằng màn hề khó tin. Một buổi sáng, có viên thanh tra cảnh sát mặc thường phục vừa đánh vừa đẩy một cậu con trai lên xe ôtô. Một sĩ quan cảnh sát mặc đồng phục tùm lấy viên thanh tra và nện dùi cui vào đầu ông ta.

Dĩ nhiên, Diệm đóng cửa tất cả các trường trung học.

Tướng Đính khoe những chiến công của mình bằng tiếng Pháp với Lou Conein, đồng lõa cũ của ông ta trong CIA “

“Tôi, Đính, là một anh hùng dân tộc đã đánh bại người Mỹ “Cabologe”. Ông ta đến đây để tổ chức một cuộc đảo chính nhưng tôi, Đính , người anh hùng, tôi đã làm ông ta thất bại !”.

“Cabologe” đến Tân Sơn Nhất dưới trời mưa phùn, hai đêm sau vụ vây ráp các chùa. Ông có vẻ hoàn toàn không hợp thời khi cửa máy bay mở ra, xuất hiện trước ánh sáng đèn chiếu với chiếc mũ rơm trong tay. Xuống cầu thang ông vươn thân hình cao, gầy và góc cạnh một mét chín mươi với chiếc cằm cương nghị, mũi rộng hơi khoằm, hình ảnh truyền thống của người Mỹ ở một nước Anh mới. Đã 61 tuổi, vai tròn, cổ và đầu chúc về phía trước, tóc đã bạc nhiều. Nhưng người ta nhận rõ viên nghị sĩ trẻ của Massachusetts năm 1963, trung tá của Thế chiến thứ hai, nghị sĩ Cộng hòa sau chiến tranh, nhà chiến lược chính trị đã thuyết phục Eisenhower ứng cử tổng thống và hướng dẫn cuộc vận đông năm 1952, người đại diện thường trực ở Liên Hiệp Quốc vào thời điểm vị trí ấy cũng quan trọng như bộ trưởng Ngoại giao, người mà Eisenhower đề nghị tháp tùng Nikita Khrusev trong chuyến đi lịch sử của ông này sang Hoa Kỳ năm 1959, nhà chính trị người ta nghĩ đã hết thời sau khi Nixon mà ông sẽ là phó tổng thống, bị Kennedy đánh bại năm 1960.

Chiếc mũ rơm và sự lỗi thời ở một người có tính cách ở Mỹ năm 1960, xuất thân từ gia đình cổ nhưng hoàn toàn độc lập về chính trị. Ông giống tính cách của ông nội mà ông mang tên họ, Henry Cabot Lodge, 31 năm là nghị sĩ của Massachusetts, bạn thân và người hợp tác của Theodore Roosevelt, là một trong những sáng lập viên đế quốc Mỹ sau khi chiếm Philippines. Một mỉa mai nữa trong cuộc chiến tranh Việt Nam là, sáu mươi lăm năm sau những khởi đầu thắng lợi ấy, người cháu của một trong những sáng lập viên được cử sang Sài Gòn để giải quyết ở bên kia đại dương, một cuộc khủng hoảng lớn có liên quan đến vai trò của Mỹ mà người ông tạo ra và người cháu góp phần hướng dẫn.

Halberstam, những phóng viên khác và tôi sẽ cảm thấy đỡ thất vọng nếu chúng tôi biết được những cuộc tranh cãi bí mật ở Washington. Chúng tôi không hình dung những điện tín và bài báo của chúng tôi trao vũ khí cho Averell Harriman, bây giờ là thứ trưởng Bộ Ngoại giao về những vấn đề chính trị và Roger Hilsman thay thế ông ở Cục Viễn Đông, để họ cố gắng thuyết phục Kennedy rũ bỏ Diệm và gia đình ông ta. Và chúng tôi càng được khuyến khích hơn nếu chúng tôi biết những gì chúng tôi viết, cái nhìn của Vann về cuộc chiến tranh mà chúng tôi phản ánh đã góp phần đến mức nào hình thành sự phán xét của con người đang xuống khỏi máy bay và trong vài tuần nữa sẽ nắm lấy quyền lực của Hoa Kỳ ở Việt Nam và thực hiện ý đồ của mình.

Ít lâu sau khi đại sứ mới đến, Halberstam, Browne và tôi được mời riêng rẽ đến ăn trưa với đại sứ và vợ, Emilu, xuất thân từ một gia đình lớn ở Boston, đáng ngạc nhiên về trí tuệ. Chúng tôi được báo việc mời ăn là riêng tư và ông Lodge muốn biết "ý kiến "của chúng tôi. Đến lượt tôi, ông hỏi về chế độ, cuộc khủng hoảng Phật giáo, về cuộc chiến tranh hơn một tiếng đồng hồ ở bàn ăn rồi lúc uống cà phê ở phòng khách. Ông nêu những câu hỏi thẳng thắn. Tôi theo rõi nét mặt ông thử xem ông nghĩ gì về những câu trả lời : nó vẫn dễ mến nhưng không thể đoán được. Tóm tắt lại tôi nói với ông, họ Ngô Đình điên khùng và bị căm ghét đến mức không thể lãnh đạo được đất nước, Việt cộng đang lấn đất và nếu, Diệm và gia đình vẫn nắm quyền, chắc chắn cuộc chiến sẽ thất bại. Nếu thay thế họ bằng một chính phủ quân sự, không có một đảm bảo nào sẽ tốt hơn nhưng ít nhất cũng có thể hy vọng. Còn với họ Ngô, triển vọng duy nhất là thua trận.

Người ta báo trước với chúng tôi chính Lodge sẽ hỏi và chúng tôi không khai thác gì được ở ông. Nhưng tôi không muốn về không được gì, nên lúc cáo biệt, tôi thăm dò :

"Thế cảm tưởng của ông ra sao, thưa đại sứ ?"

Ông ngồi trên ghế tựa dài bên cạnh bà vợ ông đang khoác vai, đôi chân dài vẫn bắt chéo. Ông mỉm cười :

"Cũng gần như cảm tưởng của ông".

Sự thật thà ấy làm tôi hoài nghi. Tôi tự nhủ phải chăng chỉ là sự phỉnh phờ khi hỏi "ý kiến "những nhà báo trẻ chứ không là lòng thành thực trong việc hỏi tin.

Tôi đã lầm khi còn ngờ vực và chẳng bao lâu sau đó, trao đổi ý kiến với những nhà báo khác. Thái độ công khai của Lodge và những bức điện ông gửi đi mà người ta biết khi công bố những "hồ sơ của Lầu Năm Góc "chứng tỏ quan điểm của ông đã xác định trước khi sang đây. Ông nói với Kennedy trong một điện tín "tuyệt mật "đúng một tuần sau khi xuống máy bay trong mưa và trước những

bữa ăn hỏi tin tức của chúng tôi “Chúng tôi chỉ có một hương đi : lật đổ chính phủ Diệm”. Ông trình bày với tổng thống lý do “cơ bản “của đường lối áp lực ấy “Theo ý kiến tôi, không một khả năng nào có thể thắng trong cuộc chiến tranh dưới chính quyền Diệm”.

Có lẽ những bài báo của chúng tôi và công sức của Vann không có hiệu quả đối với phần lớn những nhà chức trách của Chính phủ Hoa Kỳ. Nhưng những cố gắng của chúng tôi không uổng công đối với Cabot Lodge . Sự giải thích không chỉ do thời trẻ ông có một thời gian làm báo. Nó ở tính cách phức tạp của con người này : tính tự chủ của nhà quý tộc, sự nhạy cảm của nhà chính trị, quan niệm về các nhà lãnh đạo quân sự những năm 60 rất xa trước Thế chiến thứ hai. Khác với Kennedy, Mc Namara, Rusk, ông không đánh giá những viên tướng ấy nhận xét về chiến tranh phù hợp hơn ông. Taylor và Harkins là những người cùng thời với ông trong quân đội. Ông theo truyền thống thượng võ của gia đình, là sĩ quan kỵ binh dự bị từ 1923, mỗi mùa hè đi hành quân và theo dõi sự tiến bộ của kỹ thuật, chuyển từ kỵ binh sang thiết giáp năm 1941. Ông đã là người đầu tiên trong chiến tranh lên một chiếc tăng khi các tướng Marshall và Eisenhower cử ông sang Libye bên cạnh đoàn quân thứ 8 của Anh và khi Rommel tấn ông. Bộ trưởng chiến tranh, Henry Stimson, giữ ông lại Thượng nghị viện làm đại diện không chính thức cho quân đội cho đến năm 1944. Nhưng cuộc chiến tranh ở châu Âu đến gần, Lodge không cưỡng lại được. Ông từ chức nghị viện để tòng quân với cấp bậc trung tá, là điều chưa từng thấy từ cuộc nội chiến đến nay. Từ đó ông không ngừng quan tâm đến những vấn đề quân sự và năm 1963 ông là trung tướng dự bị.

Trong những cuộc họp mở đầu ở Lầu Năm Góc và ở tổng hành dinh Viễn Đông Honolulu, người ta đã nói rõ với ông là các nhà báo bịa ra những câu chuyện về sai lầm của các lực lượng Sài Gòn và tiến bộ của Việt cộng. Nhưng ông xét không thể hình dung tập thể các nhà báo lại đồng nhất về sự tưởng tượng dối trá đến thế. Ông cũng nhận thấy một chế độ thô lỗ trong thái độ chính trị như của Diệm không thể thắng trong cuộc chiến tranh. Ông đã biết những buổi mời ăn trưa làm chúng tôi phấn khởi : ông muốn có giới báo chí bên cạnh mình. Nhưng ông cũng hỏi để biết rõ chúng tôi và xem có ích gì cho việc ông sắp làm không.

Ông dành hai tháng để tiến hành công việc có kết quả. Công khai, ông cách ly Diệm và gia đình, làm cho họ dễ bị đảo chính bằng cách thể hiện qua lời nói và thái độ. Hoa Kỳ thông qua cá nhân Cabot Lodge, không mong gì hơn trông thấy Diệm bị lật đổ. Sáng hôm sau, khi đến, ông công khai chửi rủa họ Ngô Đình bằng cách đến thẳng ngôi nhà Cơ quan phát triển quốc tế nơi có hai nhà sư trốn ở đấy, hoan nghênh họ và ra lệnh hàng ngày cung cấp rau tươi cho các nhà sư ấy.

Khi nhà lãnh đạo Trí Quang và hai nhà sư khác cùng trốn khỏi chùa Xá Lợi ngay trước khi cuộc tấn công đến Đại sứ quan Mỹ xin trú ngụ. Lodge tiếp họ ngay và dành cho họ gian phòng họp báo chí để ở tạm.

Ông bí mật giao cho Lou Conein quan hệ mật thiết với ba viên tướng bất phục tùng của Quân lực Cộng hòa. Lodge dùng những sĩ quan cao cấp ấy mà Conein đã cùng làm việc dưới sự chỉ đạo của Lansdale năm 1955 lúc họ còn là đại tá để rũ bỏ Ngô Đình và đưa họ lên nắm quyền. Diệm đã phong tướng cho họ để gắn bó với họ nhưng sau đó không còn cảm tình nữa. Họ thuộc bộ phận xuất sắc ít ỏi thời Pháp – Việt do hệ thống thực dâ tạo dựng và có quốc tịch Pháp cho đến năm 1955. Đáng lẽ họ đã rời bỏ Đông Dương với đội quân viễn chinh Pháp nếu người Mỹ, quyền lực, tiền bạc và đặc biệt nếu những người như Lansdale, Conein không khuyến khích họ ở lại miền Nam để cứu vãn xã hội thuộc địa đã sinh ra họ.

Người lãnh đạo nhóm này chiếm vị trí quan trọng thứ hai trong Quân lực Cộng hòa, trung tướng Dương Văn Minh, 47 tuổi, được mệnh danh là “Minh lớn “vì cao đến một mét tám mươi. Ông sinh ra trong một gia đình khá giả ở miền Nam, học trường trung học Pháp tốt nhất ở Sài Gòn mà hoàng thân Norodom Sihanoul của Campuchia cũng thường đến học. Ngoài thân hình cao lớn, vai rộng, ông còn một dấu hiệu khác biệt khác. Hai chiếc răng cửa hàm trên bị đánh gãy trong một cuộc thẩm vấn của Kempeital, tổ chức hiến binh Nhật đáng sợ lúc quân đội Thiên Hoàng tước vũ khí của các toán quân Vichy Pháp năm 1945. Từ đó ông không bao giờ mang răng giả. Đầu năm 1955, ông giúp Diệm , chỉ huy quân bảo vệ Sài Gòn đánh Bình Xuyên trên đường phố, sau đó được giao trách nhiệm đập tan quân đội Hòa Hảo ở vùng đồng bằng. Năm 1963, Diệm gạt bỏ ông bằng bổ nhiệm chức danh giả định, cố vấn quân sự của tổng thống. Một trong những đồng sự của ông bình luận “Do tổng thống không chấp nhận một lời khuyên nào, ông rất rảnh việc !”.

Một trong những đồng mưu của ông, cũng bảo vệ Diệm năm 1955, theo lệnh của Lansdale - Conein và vẫn giữ được tín nhiệm của ông ta : trung tướng Trần Văn Đôn, 46 tuổi, con trai rất quyến rũ của một gia đình quý phái. Ông sinh ở Pháp, gần Bordeaux và học ở Paris trước khi sung vào quân đội Pháp.

Người em rể của ông, thiếu tướng Lê Văn Kim, 45 tuổi, là thành viên thứ ba của cuộc âm mưu. Ông không được bổ nhiệm đã ba năm sau khi bị Diệm đuổi ra khỏi ban lãnh đạo Học viện quân sự vì nghi đồng lõa trong cuộc đảo chính không thành của quân dù năm 1960. Ông học toán và triết học ở Marseille, vào quân đội Pháp năm 1939 và đã đánh nhau với quân Đức. Thái độ chuyên cần làm ông ta được xem là người trí thức trong quân đội.

Lodge có tài chọn thuộc hạ đặc biệt phù hợp với những nhiệm vụ cụ thể.

Conein là nhân viên liên lạc tuyệt hảo với những người trong âm mưu. Họ tin tưởng vào ông ta hơn bất cứ một nhân viên CIA nào khác. Ông là một phần trong thế giới của họ, là một người bạn cũ và ngoài ra còn có nguồn gốc Pháp. Ông chú ý làm rõ phần người Pháp của mình vì ông thuộc về hai nền văn hóa và biết điều đó làm họ yên tâm. Ông đã sốt ruột trong nhiều năm làm cố vấn bình định ở Bộ Nội vụ và bây giờ sẽ hoạt động với việc làm quan trọng hơn năm 1955 nhiều. Ít nhân viên mật có may mắn tôn vinh sự nghiệp mình với nhiệm vụ cao cả là lật đổ một chính phủ. Conein là sợi dây chuyền của quyền lực Mỹ, buộc những viên tướng ấy nghe theo lệnh mình. Những cuộc họp bí mật, việc truyền đạt những thông tin mật giữa Lodge và các viên tướng, việc đặt điều kiện để các tướng tin tưởng, tất cả những cái ấy tạo ra một không khí hào hứng đầy kích thích. Những cuộc đời được thử thách trong đó có cuộc đời của Conein nhưng là để thay đổi số phận của cả hai đất nước.

Harkins chống việc đảo chính. Ông ta không muốn xét lại cuộc chiến tranh mà ông nghĩ là đang thắng. Ông xem Diệm như một người lãnh đạo hoàn hảo của Việt Nam và cuộc khủng hoảng Phật giáo chỉ là mưu mô nhất thời. Những đợt tập kích vào các chùa là hành động nóng nảy không đúng lúc do bọn Nhu chịu trách nhiệm. Đến một lúc nào đó, có thể thuyết phục Diệm tách rời bọn họ ra. Harkins có những đồng minh ở Washington : Taylor, Mc Namara và Rusk cũng đánh giá tình hình như ông ta.

Lodge biết mình sẽ thất bại nếu đánh thẳng vào Harkins và hệ thống của ông ta, cho dù tiếng tăm về khả năng độc lập chính trị làm ông có trọng lượng bên cạnh Kennedy. Vậy là ông tác động với vị tướng tổng chỉ huy bằng những con đường quanh co , Harkins tự coi mình là bậc thầy trong những mưu đồ hậu trường cảm thấy có thể vượt qua trò chơi ấy. Lodge luôn luôn rất lịch sự trong những báo cáo riêng với ông ta và bao giờ trong những bức điện cũng nói về ông ta như “một vị tướng đáng kính và một ông bạn cũ của mình”. Nhưng ông giấu Harkins những bức điện mật về các cuộc họp của Conein và các viên tướng có âm mưu, chuyển đi bằng con đường liên lạc nội bộ của CIA để đảm bảo an toàn. Minh và Đôn giúp ông lừa Harkins bằng cách nói dối, thề với vị tướng không chuẩn bị đảo chính, sợ ông ta nói lại với Diệm. Lodge cũng bác bỏ những nhận xét của Harkins về cuộc chiến tranh. Ông gửi cho Kennedy sự đánh giá riêng của mình, không cho vị tướng biết, nói ngược lại quan điểm lạc lõng của Harkins. Trường hợp này Lodge cũng tránh đánh trực diện. Ông không dữ dội khẳng định cuộc chiến sẽ bị thất bại, chỉ gợi lên bằng những tin xấu đưa vào báo cáo mà Harkins đã che giấu và để những người khác nói thay ông. Ở điểm này, các viên tướng có âm mưu cũng đưa thuận lợi lại cho ông. Những viên tướng Sài Gòn này biết họ đang thất bại. Thêm một lý do nữa để rũ bỏ họ Ngô Đình. Ngày

19 tháng Chín, Lodge có một bức điện tối mật, gửi “đích thân tổng thống “trong đó ông lấy lại quan điểm của Minh :

“… Việt cộng đều đặn thắng lợi về lực lượng : được nhiều người ủng hộ trong dân chúng hơn Chính phủ Nam Việt Nam; những cuộc bắt bớ vẫn tiếp tục và các nhà tù đầy ắp; ngày càng nhiều sinh viên theo Việt cộng; chính quyền suy sụp toàn bộ; quân đội không để tâm vào chiến tranh (Chữ KHÔNG do Lodge gạch đít)”.

Nhận xét đó của vị tướng số một của Việt Nam (Minh được người Mỹ trong đó có Harkins xem là người giỏi về nghề nghiệp nhất trong các tướng của Sài Gòn) có tiếng vang trong tuyên bố của bộ trưởng Quốc phòng trung thành với Diệm, Nguyễn Đình Thuần, “đã tỏ ra có nguyện vọng rời bỏ đất nước “, Lodge giải thích với Kennedy như vậy. Trong những bức điện khác, Lodge cũng bác bỏ ý kiến của Harkins cho rằng Diệm là nạn nhân của Nhu và có thể thuyết phục ông ta rũ bỏ người em. Theo đại sứ, anh em họ nhận định thế giới cùng một cách như nhau và Diệm đã xác định cần sự nhanh nhảu của người em trong điều hành cảnh sát và cơ quan tình báo để nắm chắc được quân đội. Diệm “mong muốn nhiều hơn Nhu chứ không kém hơn “, Lodge đã nói cụ thể thế.

Kennedy lưỡng lự. Ông không hiểu cuộc cách mạng chính trị và xã hội đang phát triển ở châu Á hiện đại và những thực tế về chiến tranh du kích. Ông sợ một làn sóng nổi dậy do cộng sản khơi dậy rộng ở các nước kém phát triển và quyết định đập tan đi những thiếu hiểu biết về những vấn đề ấy. Nếu nhạy cảm, ông đã cấm Harkins và Anthis không được tiếp tục ném bom và bắn giết nông dân Việt Nam. Ông không ngừng gửi cho quân đội những chỉ thị và gợi ý tiến hành cuộc chiến tranh chống nổi dậy. Nhưng những ý nghĩ của ông không vượt quá việc sử dụng những lực lượng đặc biệt, có tên “Mũ nồi xanh”. Những gợi ý của ông không vượt qua giai đoạn phiêu lưu huyền hoặc với những phương tiện kỹ thuật mới và những mưu mô trong tiểu thuyết của James Bond, nhân vật mà ông yêu thích.

Ở cuộc họp Hội đồng an ninh quốc gia tại Nhà Trắng ngày thứ sáu mồng 6 tháng Chín 1963, ông chấp thuận sự gợi ý của Mc Namara cử Krulak sang Sài Gòn một lần nữa để “tập hợp sự kiện “báo cáo với Hội đồng lần họp sau, ngày thứ ba tiếp đó, Roger Hilsman, phụ trách những vấn đề Viễn Đông, cố đề nghị có một đại diện Bộ Ngoại giao cùng đi để có một tầm nhìn độc lập. Kennedy đồng ý . Mc Namara muốn để Krulak đi ngay sau khi họp xong nhưng Hilsman điện giữ máy bat lại chờ đại diện của mình, Joseph Mendenhall, nguyên cố vấn chính trị của Đại sứ quán, có thì giờ đến căn cứ quân sự Andrews gần Washington. Máy bay là một chiếc Boeing 707 không cửa sổ đóng kín, chuyển thành phương tiện chuyên chở các nhân vật quan trọng, có bàn giấy và phòng ngủ. Người ta

gọi nó là “Đặc biệt cho Mc Namara “vì bộ trưởng Quốc phòng rất thích loại vận chuyển chớp nhoáng này. Bốn ngày sau như dự kiến và sau một cuộc du lịch vòng quanh 32.000 cây số, Krulak và Mendenhall đọc hai báo cáo hoàn toàn tương phản trước cuộc họp mới của Hội đồng an ninh quốc gia ở Nhà Trắng. Kennedy hỏi :

- Cả hai ông có chắc chắn đã thấy cùng một đất nước ấy không?
- Dễ giải thích thôi, thưa tổng thống, Krulak trả lời : Ông Mendenhall đi các thành phố, còn tôi, tôi đã xuống vùng nông thôn, chỗ đã có chiến tranh.
- Tôi sẽ gặp ông ngay sau đây tại văn phòng, Kennedy nói với Krulak.

Mc Namara cùng đi với Krulak vào phòng bầu dục khi vừa họp xong. Tổng thống đã nghiên cứu tập tài liệu, ngước mắt lên nói với Krulak :

“Tôi chỉ muốn ông biết tôi hiểu ông”.

Ông không nói điều gì khác nữa. Hai người đi ra. Trong chiếc xe con đưa họ về Lầu Năm Góc, Mc Namara và Taylor thỏa mãn. Họ suy ra nhận xét của Kennedy như là “tôi hiểu điều gì xảy ra và tôi thống nhất ý kiến với các ông”. Krulak cũng rất hài lòng. Ông cũng hiểu lời của tổng thống với ý nghĩa ấy.

Đồng ý hay không với Krulak, hai tuần lễ sau đó tổng thống vẫn cử Mc Namara và Taylor sang Việt Nam vì nhiều “sự việc “hơn. Có lẽ những báo cáo của Lodge đã kích thích ông làm việc đó, đặc biệt là quan điểm báo động của Minh. Cuối tháng Chín khi máy bay cất cánh từ Tân Sơn Nhất với một báo cáo cho Kennedy , người nào đi con đường Mỹ Tho đã có thể thấy những bóng ma “ấp chiến lược “dọc trên đường. Những hàng cột sắt lủng lẳng, các mẩu dây thép gai rách nát chỉ rõ ai kiểm soát con đường chính này của vùng đồng bằng. Nhìn từ trực thăng, cảm giác sức mạnh của du kích còn lớn hơn và nhìn những thôn ấp ma này càng lạ lùng hơn. Những dãy lều không mái gợi lên việc xây dựng dường như của trẻ con này vừa mới bắt đầu đã nhanh chóng bỏ đi.

Mc Namara và Taylor cam đoan với Kennedy “chiến dịch quân sự có những tiến bộ lớn, tiếp tục phát triển thuận lợi mặc dù tình hình chính trị căng thẳng nghiêm trọng ở Sài Gòn và chiến tranh vẫn có thể thắng vào cuối năm 1965. Thậm chí, Harkins có thể đập tan Việt cộng cuối năm 1964 ở các vùng cao su, cao nguyên và các tỉnh bở biển phía bắc Sài Gòn, họ đã viết trong nhật ký tuyệt mật ngày 2 tháng Mười như thế. Ở vùng đồng bằng tiến bộ chậm hơn, việc làm thất bại quân du kích vùng nam thủ đô lùi lại đến cuối năm 1965. “Đến lúc đó có thể rút bộ phận lớn nhất các lực lượng Mỹ”. Họ đề nghị đưa về nước 1000 lính Mỹ vào cuối năm 1963 để chứng tỏ thắng lợi đã đến mức nào. Nhà Trắng công bố sắp tới sẽ rút một nghìn người.

Tuy thế, tổng thống không thấy yên tâm. Các nhà phân tích của CIA cho ông

biết tình hình quân sự của Sài Gòn suy thoái, Văn phòng tình báo và nghiên cứu của Bộ Ngoại giao thông báo với ông "cán cân quân sự nghiêng xuống bất lợi "từ tháng Bảy và chế độ Diệm cũng có những vấn đề trong nước dù không có cuộc khủng hoảng Phật giáo.

Kennedy tỏ ra bối rối đồng thời giận dữ đối với nguồn thông báo những tin xấu gây trở ngại rất nhiều vào ngày 22 tháng Mười khi ông tiếp chuyến thăm xã giao của Arthur Sulzberger vừa nắm quyền lãnh đạo tở NEW YORK TIMES. Sau vài câu trao đổi thông thường, Kennedy tấn công :

"Ông nghĩ thế nào về anh nhà báo trẻ của ông ở Sài Gòn ?".

Sulzberger trả lời Halberstam nắm vấn đề rất tốt.

- Ông không nghĩ anh ta quá bám chặt vào các sự kiên ?
- Không, không tí nào.

Kennedy đã gặng hỏi : Tòa báo không bao giờ có dự định chuyển anh ta đi – Không, chỗ khác ư ? Chưa bao giờ đặt vấn đề ấy, ông giám đốc trả lời.

Nếu Kennedy không bối rối, ông không tàn nhẫn như thế. Sulzberger áp dụng ngay thái độ bảo vệ như mọi giám đốc những tờ báo khi phóng viên của họ bị công kích.

Họ Ngô Đình đã rất gần với mong mỏi của tổng thống. Halberstam không biết Kennedy đích thân đề nghị thuyên chuyển anh, ngày 29 tháng Mười viết thư cho Vann nói anh sợ sẽ bị trục xuất. Hộ chiếu của anh giữa tháng Mười một hết hạn, anh không nghĩ sẽ được kéo dài thêm. Anh viết cho Vann cám ơn đã bảo vệ những bài báo của chúng tôi trong những bức thư Vann gửi cho các tạp chí : NEWSWEEK đăng trong số ngày 21 tháng Mười nhưng TIMES đã từ chối. Halberstam viết "Chúng tôi luôn luôn thiếu anh; anh là từ điển thường xuyên của chúng tôi. Không phải kỳ cục khi chạy theo những sự kiện có một ý nghĩa u ám như thế đối với đất nước chúng ta. Điểm sáng duy nhất là Lodge mà hiệu năng cho đến nay gần như hoàn hảo. Ông vững chắc, thông minh và ít ảo tưởng về tình hình ; không muốn thấy Hoa Kỳ bị đẩy đi và đánh giá họ Ngô không đáng giá một cái đinh". Vũ khí và lực lượng tấn công của các tiểu đoàn Việt cộng ở vùng đồng bằng "không ngừng cải tiến và trở thành đáng lo ngại .. Thật là một kinh nghiệm cay đắng thấy một quốc gia dựa vào cảnh sát để hoạt động đặc biệt lại do chúng ta tài trợ. Nhưng tôi nghĩ chúng ta còn có một cơ hội và tôi thích cách hành động của Lodge".

Chính cách nhận xét của Lodge cuối cùng làm anh thắng thế. Anh khai thác được ở Mc Namara và Taylor điều anh cần. Họ phải công nhận trong bản ghi nhớ gửi Kennedy "những hành động đàn áp mới của Diệm – Nhu có thể làm giảm bớt xu hướng quân sự có lợi hiện nay". Họ đề nghị hủy bỏ sự viện trợ kinh

tế, giúp đỡ quân sự và CIA cho lực lượng đặc biệt của Tung để gây sức ép giải hòa và cải tổ. Lodge đã đòi hỏi hai biện pháp ấy dùng "bật đèn xanh "cho các viên tướng bất phục tùng. Ngày 5 tháng Mười, Kennedy quyết định để Lodge hành động theo ý ông ta. Những âm mưu đã đóng ngoặc, lại được tiến hành. Kennedy chỉ đòi hỏi Lodge đảm bảo với ông sự thành công để khỏi phải chịu sự nhục nhã như sự kiện vịnh Con Lợn. Lodge không muốn lạm dụng tổng thống. Ông nói ông nghĩ cuộc đảo chính sẽ thành công nhưng không thể có một đảm bảo nào. Ông điện cho tổng thống "Nếu thất bại, chúng ta chỉ việc nhặt nhạnh những mảng vỡ tốt nhất chúng ta có thể có".

Diệm và Nhu cũng tự dựng đoạn đầu đài cho mình. Cuối tháng Mười, họ phát hiện ra âm mưu của Lodge và quyết định sử dụng việc đó có lợi cho mình. Họ triệu tập về Phủ tổng thống tướng Đính đang nắm Sài Gòn dưới quyền của mình sau vụ vây hãm các chùa. Hai anh em ra lệnh cho ông ta huy động quân làm một cuộc "đảo chính giả".

Mục tiêu chính của họ là làm cho người Mỹ sợ và can ngăn họ can thiệp bằng cách để lầm tưởng cuộc đảo chính xuất phát từ phía "trung lập". Từ cuộc đảo chính của thiếu tá dù Kong Le ở Lào năm 1960, Washington sợ một hoạt động tương tự xảy ra ở Sài Gòn do một nhóm chống đối hoặc cơ hội chủ nghĩa xúi giục tẩy chay người Mỹ. Một việc làm như thế sẽ đưa vị thế của Hoa Kỳ trở thành trò cười, trong khi họ xác định ở lại Việt Nam theo yêu cầu của chính phủ để bảo vệ miền Nam chống lại một "cuộc xâm lược từ bên ngoài". Vả lại, Mặt trận giải phóng dân tộc đòi phải thay thế họ Ngô ĐÌnh bằng một liên minh trung lập và tổng thống Charles De Gaulle khuyến cáo một giải pháp loại ấy. Nhưng chính quyền Kennedy xét thấy theo đúng nghĩa, công thức ấy là một cách vớt vát danh dự, để cho Hồ Chí Minh chiếm lấy miền Nam. Nhu đã làm nảy sinh ở người Mỹ một số lo sợ khi làm như điều đình với Hà Nội qua trung gian Manel, đại diện Ba Lan trong Phái đoàn quốc tế và đại sứ Pháp. Ông ta cũng gợi lên khả năng đề nghị người Mỹ ra đi để tạo ra miền Nam Việt Nam một Nam Tư mới được cả các quốc gia cộng sản và không cộng sản giúp đỡ.

Nhưng Nhu xem nền độc lập thực ra chỉ là việc nới lỏng các dây quan hệ. Ông ta không hiểu mưu mô của ông ta chỉ góp phần vào cuộc chơi của Lodge khi báo động với Kennedy. Khi anh em họ tấn công các chùa, họ tìm cách rũ tội bằng việc cho đài Sài Gòn và báo chí chính phủ loan báo những vụ tập kích do quân đội tiến hành và các tướng đòi hỏi Diệm tuyên bố lệnh giới nghiêm. Với cuộc "đảo chính giả ", họ cũng cho thông báo việc hình thành một liên minh trung lập và sẽ đề nghị người Mỹ rút đi. Rồi họ cho Đính và các đội quân , xe bọc thép chiếm đóng các đường phố, các công sở để sau đó có thể tuyên bố họ đã đập tan âm mưu trung lập, cứu nước Việt Nam.

Họ lợi dụng tình trạng lộn xộn lúc đó để thực hiện mục tiêu thứ hai cấp thiết hơn của cuộc đảo chính giả ấy : một cuộc tắm máu nhỏ. Lực lượng đặc biệt của Tung và những tên cướp phục vụ Nhu đi tàn sát Minh, Đôn, Kim, một số tướng khác và sĩ quan cao cấp nghi có tham gia vào âm mưu, những đồng lõa dân sự như phó tổng thống của Diệm, Nguyễn Ngọc Thơ và một số người Mỹ. Sau đó, họ đổ trách nhiệm giết người ấy cho "các phần tử trung lập và ủng hộ cộng sản". Người ta không biết chính xác sẽ có bao nhiêu nạn nhân người Mỹ. Về nguyên tắc, Lodge phải nằm trong danh sách. Conein cũng không thoát khỏi vì Diệm, Nhu biết phần việc của ông này trong âm mưu. Hành động ấy được Nhu đặt tên là "Hoan hô số Một".

Nhưng Diệm, Nhu khi ra lệnh các đội quân hoạt động cho "Hoan hô số 1 "không hiểu rằng thực tế Đính cho người và xe tăng vào Sài Gòn cho cuộc hành quân "Hoan hô số 2". Trừ Cao ở Cần Thơ không biết việc gì, Diệm và Nhu thiếu các viên tướng kinh khủng. Hơn thế, Đính, bề tôi trung thành của họ (người "anh hùng dân tộc" khoe với Conein đã đánh bại "Cabologe") đã phản bội họ. Minh và Đôn đã khéo tác động : họ không ngớt nói rằng Đính thực sự là một anh hùng dân tộc, phải đề nghị Diệm cám ơn, bổ nhiệm làm vị trí bộ trưởng Nội vụ. Diệm đã thưởng cho ông ta một số tiền lớn, nhưng từ chối đề bạt. Đính cảm thấy bị xúc phạm và những người âm mưu đã lợi dụng để nắm lấy ông ta, hứa một vị trí trong chính phủ của họ. Để an toàn hơn, họ lôi kéo cả những sĩ quan dưới quyền của ông ta để có thể đánh bại ông và nắm lấy quyền chỉ huy các toán quân và xe bọc thép nếu ông ta đổi ý vào phút chót. "Hoan hô số 2 "bắt đầu lúc 13 giờ 30 phút ngày 1 tháng Mười một năm 1963, do một tiểu đoàn Hải quân Sài Gòn chiếm lấy tổng nha cảnh sát. Ba giờ sau đó, Diệm gọi điện cho Lodge từ Phủ tổng thống. Qua tiếng gọi được ghi âm, Diệm cho biết khá nhiều để hiểu rằng tình hình của mình không có lối thoát. Lực lượng nổi dậy đã chiếm sân bay Tân Sơn Nhất và tất cả các cộng sở trừ Phủ tổng thống và trại lính bảo vệ Phủ tổng thống. Diệm cũng biết Đính đã phản bội ông ta và các trụ cột khác, Tung bị mưu trí kéo đến Tổng nha cảnh sát và bị đánh bại tại đó. Cao thì bị bao vây ở Cần Thơ cùng những toán quân của mình không đến cứu được. Minh, Đôn điện thoại cho Diệm và Nhu bảo nếu hàng và từ chức, họ sẽ được đưa ra nước ngoài an toàn. Để Diệm hiểu mọi kháng cự đều vô ích, tất cả các viên tướng trong âm mưu lần lượt gọi điện thoại. Đề nghị của họ đối với ông cũng được loan báo trên đài Sài Gòn. Cũng có thể là một cạm bẫy. Nếu anh em họ đầu hàng, có lẽ họ sẽ bị giết. Nhưng ít nhất cũng cứu sống được số lính bảo vệ Phủ tổng thống. Diệm hỏi Lodge :

- Một số đơn vị nổi dậy và tôi muốn biết thái độ của Hoa Kỳ ?
- Tôi lo lắng cho sự an toàn của ông, vị đại sứ nói, khéo léo lẩn tránh câu trả

lời bằng cách nêu ra một câu hoi : Tôi nghe nói những người chủ yếu của hành động này sẵn sàng đưa ông và em ông ra khỏi đất nước an toàn nếu các ông từ chức. Ông có biết việc đó không ?

Lodge được các tướng hứa điều ấy để tránh dư luận không hay về một cuộc mưu sát. Thực ra câu hỏi của Lodge chứa đựng một câu trả lời mà Diệm phải hiểu sau chín năm sát cánh với các quan chức Mỹ. Nêu lên câu hỏi về việc đưa ra nước ngoài an toàn trong những hoàn cảnh ấy có nghĩa ông ta đảm bảo không có cạm bẫy. Đại sứ Hoa Kỳ muốn nói với Diệm, chính phủ ông sẽ di tản ông bằng máy bay ra khỏi đất nước hết sức an toàn nếu ông ta rời bỏ quyền lực.

Diệm trả lời với ẩn ý mẫu mực của ngôn ngữ những chính trị gia muống người ta hiểu không cần nói ra.

- Không, Diệm nói, tôi không nghe nói đến việc để ra đi tự do.

Lodge cẩn thận để có sự lựa chọn chưa nói ra trong trường hợp Diệm đổi ý :

- Nếu tôi có thể làm điều gì đó đảm bảo an toàn cho ông, xin đừng ngần ngại gọi tôi.

- Tôi sẽ cố gắng lập lại trật tự, Diệm kết luận và không gọi lại được nữa.

Cuối cùng, ông ta lại như lúc ban đầu : một kẻ ương ngạnh lỗi thời, một quan lại cứng đầu, đắm mình trong những giấc mơ của một quá khứ tưởng tượng. Chừng nào còn sống, ông không bao giờ từ chức và không từ bỏ vai trò hoàng đế mà Lansdale đã giúp ông nhận được. Mở đầu câu chuyện điện thoại với Lodge, ông nói “Dù thế nào , là người lãnh đạo quốc gia, tôi phải làm nhiệm vụ của mình. Đối với tôi, nhiệm vụ quan trọng hơn tất cả”.

Trại lính bảo vệ Phủ tổng thống bị một tiểu đoàn quân dù tấn công chiếm lấy trước nửa đêm. Phủ tổng thống bị chiếm lúc bình minh. Diệm và Nhu đang đêm thoát ra trốn ở nhà một người Trung Hoa ở Chợ Lớn làm giàu nhờ ân huệ của họ. Chợ Lớn ở về phía nam Sài Gòn, hai anh em hắn nghĩ Cao còn có thể từ vùng đồng bằng đến cứu. Quân bảo vệ chiến đấu trong thành để giữ kín Phủ tổng thống phát hiện ra họ đang chết cho một chiếc vỏ rỗng. Phủ tổng thống mất, biểu tượng quyền lực của Diệm tan biến , không cần thiết có sự từ chức nữa.

Tuy vậy, sáng ngày mồng 2 tháng Mười một Diệm điện thoại cho Minh nói sẽ gặp ông ở Phủ tổng thống để ký kết đầu hàng và từ chức. Tất cả đã sẵn sàng cho buổi lễ từ hôm trước ở tổng hành dinh : một chiếc bàn phủ dạ phớt xanh bố trí ở phòng họp. Một chiếc ghế trống chờ Diệm ngồi ký. Nhưng Diệm không bao giờ đến. Cuối buổi sáng người ta tìm thấy dấu vết hai anh em trong một nhà thờ ở Chợ Lớn, nơi họ đến đọc kinh. Họ bị bắt tại đây.

Minh đã nhận đủ những dối trá của Diệm và ông sợ con cáo sống. Đối với ông, việc đưa đi an toàn nhất là cái chết của hai anh em. Ông chỉ định người phó

của ông, một thiếu tá làm đao phủ. Viên thiếu tá hạ sát cả hai bằng súng ngắn, trong chiếc xe bọc thép dẫn họ, tay bị trói, đi đến tổng hành dinh. Binh lính ào tới đâm lưỡi lê vào người họ.

Lần đầu tiên trong lịch sử cuộc chiến tranh này, dân chúng Sài Gòn hoan nghênh binh lính Quân lực Cộng hòa. Các cô gái tặng hoa, đàn ông mang tới cho họ bia và sô đa. Đàn bà cung cấp nước chè, thức ăn tại các công viên và nhà trường nơi họ đóng quân.

Bà Nhu thoát khỏi cuộc sát hại vì lúc đó bà sang Hoa Kỳ làm một chuyến công du lớn tuyên truyền cho chế độ. Không đạt kết quả gì. Việc thăm dò dư luận cho thấy công chúng không tán thành bà 13 trên 1. Lodge chú ý đến những đứa con của bà, lúc đảo chính đang ở biệt thự gia đình trên đồi ở Đà Lạt, được yên ổn và cho máy bay chở sang Rome, nơi bà lẩn tránh.

Anh cả của Diệm, tổng giám mục Thục cũng thoát được. Vatican gọi ông sang Rome để tách riêng nhà thờ Thiên chúa giáo với hành động của chế độ chống Phật giáo.

Cẩn, người em út chịu trách nhiệm miền Trung Việt Nam, thành viên duy nhất trong gia đình khuyên can không được việc hòa giải với các nhà sư, cũng không gặp may. Ông ta trốn tránh trong lãnh sự quán Mỹ ở Huế với một va ly đầy vàng và đô la. Lodge đưa ông ra lên một chiếc máy bay Mỹ đi Philippines. Nhưng máy bay tạm hạ cánh ở Tân Sơn Nhất. Cẩn bị bắt giao nộp cho các tướng ; họ đưa ông ta ra hành hình. Cao nghĩ ông ta cũng sẽ bị giết nhưng ông chỉ bị đuổi ra khỏi quân đội.

Cuối cùng, Lodge không tiếc là Diệm không được an toàn ra nước ngoài. Ông nó với Halberstam :" Nếu họ còn sống, người ta sẽ làm gì họ ? Bất cứ loại phản động tồi tệ nào trên thế giới cũng sử dụng họ".

Việc lật đổ họ Ngô Đình xẩy ra quá chậm, không cứu được vùng đồng bằng và tránh thảm họa Vann đã lo ngại. Việt cộng tổ chức một đợt tấn công khắp phía bắc vùng đồng bằng và trong các đồn điền cao su. Cũng có những cuộc tập kích nặng nề vào phần nửa phía nam nhưng người ta ít để ý hơn vì những người cộng sản Việt Nam đã nắm hầu hết đất đai ở đó. Sự thiếu vắng tạm thời của chính quyền Sài Gòn dĩ nhiên tạo điều kiện cho cuộc tấn công dễ dàng hơn nhưng hai việc dù sao cũng độc lập với nhau. Thực vậy, ông Hồ Chí Minh đã bắt đầu chiến dịch này từ mười tháng trước, ngay từ chiến thắng ấp Bắc, không lệ thuộc gì chính quyền hiện hữu ở Sài Gòn. Mặt trân giải phóng dân tộc gọi cuộc tấn công ấy là đợt hai của "phong trào thi đua với ấp Bắc". Khi những tiểu đoàn mới của Việt cộng ra quân một tuần lễ sau đó, chế độ ngụy quyền đã như một cột gỗ bị mối ăn; một sức ép nhỏ đủ bẻ gãy nó làm hai và đận tan thành bụi.

Cuộc chiến dữ dội đột ngột nổ ra và tiếp tục không ngớt. Những đồn tiền tiêu bị tấn công khắp nơi, không một cây số đường nào có vẻ an toàn, luôn luôn bị những tay súng lẻ bắn tỉa và khi chạy xe, vấn đề chẳng phải có thể vấp phải mìn hay không mà là chiếc ô tô hoặc xe jeep nào đổ.

Các đồn tiền tiêu lần lượt bị hạ. Trong tỉnh Mỹ Tho, 25 đồn bị tiêu diệt trong một tháng, phần lớn là những đồn mạnh có từ 40 đến 50 người. Buổi sáng, người ta có thể thấy kết quả gặt mùa ban đêm trên đồng ruộng khi đếm những cột khói Việt cộng đốt các đồn bốt. Không thể ngủ ở chủng viện được nữa vì súng cối gầm suốt đêm và máy bay ném bom không ngừng theo yêu cầu vô vọng của những đồn bốt sợ hãi.

Chủng viện cũng đóng chặt như một pháo đài. Không ai được ra ngoài buổi tối để tới trung tâm cách đấy 400 mét. Cuối tháng, Việt cộng táo bạo đến mức tấn công đồn tiền tiêu cả ban ngày. Một buổi chiều tháng Mười một, tôi đang ở chỗ câu lạc bộ chủng viện để hỏi các cố vấn thì máy bay bắt đầu ném bom gần chỗ chúng tôi đến nỗi những viên đá đụng nhau trong cốc. Du kích thậm chí chẳng quan tâm đến những tiền đồn và các đợt lùng sục. Quân lính canh gác đã bỏ chạy và những người còn sót lại ở đó được Việt cộng dùng làm cho công việc quản lý. Giá tiền chuẩn để sống một tháng là 10.000 viên đạn Lính cảnh sát mất tinh thần nộp cho họ và đòi Sài Gòn 10.000 viên đạn khác để sống thêm một tháng nữa.

Khắp phía bắc vùng đồng bằng và ở những tỉnh bắc Sài Gòn đều diễn ra tình trạng như vậy. Phần lớn những “ấp chiến lược “mà Harkins tính tỉ mỉ không còn tồn tại. Đến cuối năm, trừ một số làng Thiên chúa giáo hoặc những cộng đồng biệt lập vẫn còn chiến đấu với Việt cộng, chế độ Sài Gòn chỉ còn nắm được những trung tâm huyện và các thị xã. Quân đội Sài Gòn chỉ phiêu lưu về nông thôn với những phương tiện đáng kể mà sức ép của Việt cộng làm tăng lên không ngừng. Những vùng trước đây Quân lực Cộng hòa đi một đại đội nay cần thiết phải có một tiểu đoàn được tăng cường xe bọc thép, có trọng pháo và máy bay yểm trợ. Gần như mỗi buổi sáng, con đường lớn của Mỹ Tho giữa vùng đồng bằng bị cắt đứt và mở lại việc lưu thông; tìm kiếm từng quả mìn, đắp lại các đường hào đào ngang đường trong đêm. Công việc buổi sáng ấy rất quen thuộc đối với những người đã cùng đánh nhau với người Pháp, được gọi là “mở đường”. Đằng sau tấm chắn ấy do người du kích xây dựng mỗi đêm, cán bộ Việt cộng có thể bình tĩnh tập hợp tầng lớp nông dân cho giai đoạn kết thúc cuộc cách mạng ở miền Nam.

Cơ quan chỉ huy Mỹ , hoặc ban tham mưu của Harkins hay CIA đã tiếp tay cho ông Hồ Chí Minh với những qui mô không tưởng tượng được. Gần 300.000 vũ khí Mỹ phân phối cho quân bảo an tự vệ và cảnh sát. Khó nói chính xác được chuyển sang quân địch bao nhiêu nhưng quân du kích có đủ để tổ chức tấn công.

Tháng Mười một, Hà Nội dốc kho vũ khí đến hàng chục nghìn. Trong 6 tháng đầu năm 1964, các nguồn tin được phép cho biết những người cộng sản Việt Nam nhận được khoảng 200.000 vũ khí Mỹ. Trừ những chuyên gia về vũ khí hạng nặng, Chính phủ Hoa Kỳ thực tế trang bị vũ khí cho chiến binh cộng sản đến từng đơn vị nhỏ ở địa phương. Những khẩu súng chế tạo lặt vặt lúc đầu chỉ còn là những vật cổ dành cho người thu thập. Hà Nội đã bắt đầu hạn chế việc phân phối vũ khí có nguồn gốc Xô viết. Họ không cần đến nữa nhưng nhất là muốn đơn giản vấn đề quản lý, chỉ hạn chế trong việc sử dụng vũ khí Mỹ tiêu chuẩn.

Phản ứng của Washington là tăng cường sức ép. Ngày 20 tháng Mười một ở Honolulu có một cuộc họp để xác định chiến lược và trình lên tổng thống kế hoạch của Krulak về một cuộc chiến tranh bí mật qui mô lớn chống miền Bắc. Colby đã cố tạo dựng một cuộc chiến tranh du kích trong nội địa bằng những đội quân xâm nhập Việt Nam do CIA đào tạo. Nhưng chính ông ta cũng đã công nhận sự thất bại. Tất cả các toán ông cho nhảy dù xuống miền Bắc hoặc bằng tàu biển lén lút đưa vào bờ ít lâu sau đều mất liên lạc điện đài hoặc bị cầm tù. Một, hai toán được những người bắt được cho “trở về “đưa tin, kéo theo những toán khác đi vào bẫy. Mc Namara đòi hỏi cho thêm người và tập trung vào những toán gây rối ấy. Chúng lần lượt bị tiêu diệt hết. Colby kết luận những hoạt động bí mật loại ấy, theo lối biệt kích của Thế chiến thứ hai hoàn toàn vô ích. Ông ta nói điều đó với Mc Namara và sau này nhớ lại “Ông lạnh lùng nhìn tôi và bỏ ngoài tai ý kiến của tôi”. Krulak muốn hoạt động trở lại nhưng với qui mô thật lớn. Người Mỹ tiếp tục cho rằng chiến tranh ở miền Nam có thể kiểm soát và “hạn chế “được nếu thực hiện một sức ép quân sự và tâm lý lên miền Bắc. Những người có trách nhiệm về dân sự và quân sự những năm 60 coi sức mạnh như một phương thuốc trị bách bệnh và nghĩ rằng dự trữ quyền lực của họ không có giới hạn. Họ tưởng có thể làm cho những người nông dân sợ phải bỏ rơi Việt cộng. Một khi việc thâm nhập và giúp đỡ của miền Bắc không còn, thì bạo lực ở miền Nam sẽ giảm đáng kể. Không ai thấy rằng sự nổi dậy khai thác từ bản chất của chính phủ Sài Gòn và người Mỹ.

Mc Namara bị quyến rũ bởi khẳng định của Krulak cho rằng Colby thất bại vì quá dè dặt, một hoạt động lớn của phía quân sự sẽ thành công. Mặt khác, ông biết Kennedy muốn thử kế hoạch của Krulak, thoả mãn được nhận thức lãng mạn của ông ta về những hoạt động bí mật . Mc Namara một lần nữa đóng vai trò hình nộm của tổng thống. Ở Honolulu ông tác động những cấp thẩm qyuền quân sự cao nhất đến hỗ trợ để có một quyết định.

Hai ngày sau hội nghị Honolulu, John F. Kennedy bị một người bệnh tâm thần tên là Lee Harvey Oswald ám sát ở Dallas..

Cuộc chiến tranh Lyndon Johnson thừa kế đối với nước Mỹ không là bao nhiêu so với quá trình tiếp theo. Chỉ có 17.000 quân lính ở miền Nam. Không tới 120 người chết và số bị thương nằm ở bệnh viên không đến 250. Nhưng dù sao cũng là một cuộc chiến tranh của nước Mỹ. John Kennedy đã phất lên lá cờ đầy sao, đổ máu và đặt dưới sự bảo vệ của Hoa Kỳ nửa đất nước Việt Nam phía nam vĩ tuyến 17 mà Hiệp định Geneve năm 1954 gọi là "vùng trung lập "nhưng người Mỹ tuyên bố "Nước có chủ quyền tên là miền Nam Việt Nam". Lyndon Johnson không có ý định như Kennedy trở thành tổng thống đầu tiên thua trận. Vả lại nếu năm 1960 ông được bầu vào chỗ của Kennedy, chắc ông sẽ không chỉ đạo cuộc chiến tranh này khác hơn. Bốn ngày sau khi Kennedy chết, ông chính thức xác nhận trong một bản ghi nhớ tuyệt mật về an ninh quốc gia ý định tiếp tục cuộc chiến và chấp nhận những kết luận của Hội nghị Honolulu tung ra một hoạt động bí mật qui mô lớn chống miền Bắc.

Mc Namara trở lại Việt Nam vào cuối tháng Chạp. Trong báo cáo gửi Johnson, ông đổ lỗi cho họ Ngô ĐÌnh và những kẻ cuồng tín như Cao. "Tình hình trong nước suy sụp từ tháng Bảy nặng hơn chúng ta hình dung nhiều vì những báo cáo sai sự thật ", ông đã viết thế. Mốc tháng Bảy là bước đầu suy thoái cộng nhận sự phân tích của Cơ quan tình báo của Bộ ngoại giao là đúng. Nhưng không ai cố gắng tìm kiếm trước ngày ấy, xem lại các báo cáo của Vann, Porter, Ladd và những cố vấn đã đặt vấn đề trước đó lâu hơn nhiều.

Không người nào trong hệ thống chóp bu có thể cho phép tiến hành một cuộc điều tra về Harkins vì Mc Namara và Taylor cũng có tội như ông ta. Ông ta không bị bãi chức và cho về vườn, cũng không bị khiển trách chính thức. Mc Namara và Taylor chỉ đành quở trách riêng, không bảo vệ ông ta trước sự chế riễu của quần chúng và cuối cùng hạ nhục bằng cách không mời ông ta đến hội nghị chiến lược ở Honolulu mà triệu tập người phó mới, William Westmoreland họ bổ nhiệm trong tháng Giêng 1964. Thậm chí họ không thuyên chuyển, vẫn để ông ta làm tổng chỉ huy ở Việt Nam sau cuộc đảo chính tám tháng nữa. Tháng Sáu năm 1964, khi trở về ông được đưa tới Nhà Trắng, tổng thống tặng Huy chương phục vụ đặc biệt để "nhân danh đất nước", "hoan nghênh" một người phục vụ tốt và trung thành.

Kế hoạch về chiến dịch lật đổ bí mật miền Bắc Việt Nam mang mật danh "kế hoạch hành quân 34A "do Krulak đệ trình lên tổng thống tháng Giêng năm 1964. Những cuộc tập kích dự kiến là những "hoạt động phá hoại "nhằm đánh vào công nghiệp và kinh tế miền Bắc, được ban tham mưu của Harkins chuẩn bị và kiểm soát chứ không do lực lượng Sài Gòn. Sau khi được Johnson chuẩn y, những cuộc tấn công bắt đầu ngày mồng 1 tháng Hai với những lính đánh thuê Việt Nam, Trung Hoa và Philippines. Tàu phóng ngư lôi dội bom vào những địa

điểm ra-đa và những căn cứ bố trí ven biển. Lính biệt kích được chở từ biển vào làm nổ tung đường sắt và cầu cống. Những toán phá hoại nhảy dù trong nội địa tiêu hủy các mục tiêu. Những toán người Việt Nam được huấn luyện về chiến tranh tâm lý thâm nhập ban đêm cố lung lạc lòng tin của dân chúng đối với Chính phủ Hà Nội. Tàu đánh cá của miền Bắc bị bắt đưa vào Nam thẩm vấn rồi thả về ngoài khơi bở biển miền Bắc.

Trong thời gian đó, ở Sài Gòn, Lodge vất vả bơi trong một biển mưu mô phức tạp hơn ông nghĩ. Tình hình chắc không cứu vãn được đối với một chính phủ bất kỳ ở miền Nam nhưng “Minh Lớn “tỏ ra âm mưu tốt hơn lãnh đạo. Ông ta thiếu quyết đoán, không làm gì để phối hợp một sự cố gắng rời rạc về chiến tranh. Với ba thành viên khác trong nhóm nổi dậy, Đôn, Kim và Đính mà họ hứa sẽ dành cho chức bộ trưởng Nội vụ, họ không cắm rễ trong nhân dân và có những lỗi lầm của các quan lại bảo thủ.

Henry Cobot Lodge cũng không nghĩ như Vann rằng Hoa Kỳ phải nắm lấy việc lãnh đạo chiến tranh. Ông đã biết rõ hệ thống những nước “được bảo trợ “, đã thấy họ thành công và nghĩ rằng chính quyền Sài Gòn phải giữ lấy việc chỉ huy các lực lượng vũ trang và phải cố gắng trong chiến tranh. Như ông đã giải thích trước cuộc đảo chính, ông mong có một chế độ ít nhất cũng ngang mức “những chính phủ rất vô vọng mà chúng ta đã làm mọi cách có kết quả để những nước ấy khá mạnh tự đứng vững được”. Nhưng ông không đạt được điều tối thiểu ở chính phủ nổi dậy của Minh. Vậy là ông để ông ta bị lật đổ vào cuối tháng Giêng năm 1964 bằng một cuộc đảo chính thứ hai bởi một tướng nhiều tham vọng hơn, Nguyễn Khánh , lãnh đạo, 36 tuổi, cũng là thành phần thuộc nhóm ưu tú Pháp – Việt.

Khánh, thường đội mũ nồi đỏ, học ở trường nhảy dù Pau số 1 quân đội Bảo Đại năm 1949. Tuy bước đầu sáng sủa, ông ta mau chóng tỏ ra cũng thiếu quyết đoán và không lãnh đạo được như những người đi trước. Tất cả sức lực ông dành cho những mưu kế chống các tướng tá muốn chiếm chỗ của ông như ông đã chiếm của Minh. Conein chán nản nói “Mỗi người trong những kẻ tồi tệ ấy vào Phủ tổng thống tự hỏi có thể làm thế nào cho tốt để ở đấy với tinh thần”.

Về phía Mỹ, cũng không còn sự gắn bó chặt chẽ nữa. Lodge và Harkins không nói chuyện với nhau vì hiềm thù chồng chất sau cuộc đảo chính và bởi Harkins tắm mình trong những giấc mơ thắng lợi mới trong lúc Việt cộng tiếp tục gặm nhấm đất nước.

Cao nguyên miền Trung cũng bắt đầu chịu số phận của phía bắc vùng đồng bằng và những đồn điền cao su. Công việc của CIA và những cố gắng của lực lượng đặc biệt trong những người miền núi không có hiệu quả vì Diệm đã từ chối để các dân tộc thiểu số tự trị. Ông ta cố “đồng hóa” họ, điều mà những

người miền núi không muốn. Đầu năm 1964, Việt cộng bí mật kiểm soát vùng này và công khai khẳng định mình trên đồng ruộng vùng ven biển vốn là một căn cứ Việt Minh thời chống Pháp. Lodge có thể lừa gạt vị tổng chỉ huy để tổ chức riêng một cuộc đảo chính nhưng ông cần ông ấy để tổ chức những nhân tố Mỹ cho cố gắng chiến tranh. Khi William Westmoreland đến nhậm chức phó, Lodge đề nghị dành cho ông một văn phòng trong Đại sứ quán để họ có thể làm việc với nhau. Ngạc nhiên, Westmoreland trả lời , ông là lính và thủ trưởng của ông là Harkins.

Dần dần các sĩ quan tình báo càng tô màu đỏ lên bản đồ; những người Mỹ có trách nhiệm cao vẫn giữ ảnh hưởng của mình trong môi trường quyền lực cao, thậm chí được đề bạt. Johnson còn tin tưởng vào Mc Namara hơn Kennedy. Krulak nhận được ngôi sao thứ ba hàm đại tướng và trở thành tổng chỉ huy Hải quân của lực lượng Thái Bình Dương. Sợ bị sao nhãng, lực lượng Không quân triệu tập Anthis từ Sài Gòn về nhận vị trí mới : trợ lý đặc biệt về chống nổi dậy và những hoạt động đặc biết. Do không ai nghĩ đến việc đọc lại báo cáo của Wheeler về nhiệm vụ điều tra sau thảm họa Ấp Bắc, ông ta được bổ nhiệm làm tham mưu trưởng liên quân do Taylor sang Sài Gòn thay thế Lodge để lại. Lodge trở về nước đầu tháng Bảy, chính thức là để cố gắng ngăn cản Barry Goldwater được đảng Cộng hòa chỉ định ứng cử tổng thống; thực tế ông đã mệt mỏi, thất vọng và không còn ý kiến gì. Ông đề nghị ném bom miền Bắc Việt Nam.

Johnson tin tưởng Maxwell Taylor cũng như Mc Namara. Taylor đi Sài Gòn với mọi quyền dân sự và quân sự của một vị tổng đốc. Westmoreland trở thành tổng chỉ huy nhưng dưới quyền của Taylor. Harkins trở về Hoa Kỳ đầy vinh dự vào đầu tháng Tám.

Colby đã có lý khi nói trước cuộc hành quân bí mật của Krulak chỉ làm thiệt mạng người vô ích. Cuộc hành quân 34A hoàn toàn không có hiệu quả. Những cuộc tập kích không làm các nhà lãnh đạo Hà Nội e dè và không hạn chế được những cuộc tấn công dữ dội ở miền Nam. Các sĩ quan của Westmoreland chuẩn bị những cuộc tập kích và giám sát thực hiện sau khi Washington phê duyệt, không bao giờ phá hủy được những mục tiêu công nghiệp như Krulak dự kiến. Nhiệm vụ ấy vượt quá khả năng những toán biệt kích người Việt Nam và những kẻ phá rối người châu Á. Cho dù họ có phá hỏng được một số cơ sở công nghiệp ở miền Bắc thì cũng chẳng làm thay đổi được gì.

Kết quả duy nhất thấy được của hoạt động ấy là dễ dàng làm lan rộng cuộc chiến. Những cuộc tập kích của “cuộc hành quân 34A” gây ra sự kiện vịnh Bắc Bộ tháng Tám năm 1964, hai khu trục hạm Mỹ đụng độ những chiếc tàu phóng ngư lôi của Hải quân Hà Nội. Johnson dùng việc đó lừa gạt Thượng nghị viện để được chuẩn y những biện pháp cần thiết mở rộng cuộc chiến tranh. Mc Namara

và Dean Rusk hỗ trợ ông ta bằng lạm dụng hội đồng đối ngoại của Thượng nghị viện thống nhất những hoạt động bí mật. Trong ý nghĩ của tổng thống, những điều dối trá ấy là vì lợi ích tối cao của đất nước. Ông không muốn bị chỉ trích như Truman tiến hành cuộc chiến tranh Triều Tiên không có một quyết định nào của Thượng nghị viện. Ông cũng muốn tránh một cuộc tranh luận công khai, sẽ có nguy cơ đặt lại vấn đề toàn bộ đường lối về Việt Nam.

Những người có trách nhiệm cao về dân sự và quân sự của Hoa Kỳ đã không hiểu đối thủ Việt Nam của họ đã vượt qua giai đoạn e ngại năm 1964 và sẵn sàng mạo hiểm với mọi hình phạt mà sức mạnh lớn nhất thế giới có thể áp đặt cho họ. Walt Rostow, người trí thức theo chủ trương can thiệp, thời kỳ đó là cố vấn ở Bộ ngoại giao, trong tháng Hai nói chắc chắn với Rusk, Hà Nội rất dễ bị tổn thương vì những vụ ném bom. Ông nói : “Hồ Chí Minh phải bảo vệ liên hợp công nghiệp của mình; ông không còn là một kẻ nổi dậy không có gì để mất”. Theo yêu cầu của Lodge, Rusk thu xếp để đại diện Canada trong Ủy ban Liên Hiệp Quốc tế được thủ tướng ở Hà Nội tiếp ngày 18 tháng Sáu năm 1964. Người Canada nói với ông Phạm Văn Đồng là Hoa Kỳ đã mỏi mệt vì kiên trì và nếu cuộc leo thang chiến tranh tiếp tục “nước Việt Nam dân chủ cộng hòa có thể bị phá tan hoang”. Ngày 10 tháng Tám, sau khi Johnson lấy cớ sự kiện vịnh Bắc Bộ để tung ra một loạt đầu những đợt ném bom miền Bắc và nhằm chứng tỏ sức mạnh đáng sợ của Hoa Kỳ, người Canada trở lại Hà Nội cùng những lời dọa nạt mới. Ông ta nhận được câu trả lời như lần trước. Theo tường trình của người Canada, một báo cáo của Lầu Năm Góc viết “Phạm Văn Đồng tuyệt đối tỏ ra không e ngại và bình tĩnh khẳng định quyết tâm theo đuổi con đường nước Cộng hòa dân chủ đã đi cho đến thắng lợi cuối cùng”.

Năm 1964, Hồ Chí Minh, Phạm Văn Đồng và những người cách mạng khác của Hà Nội sẵn sàng hy sinh tất cả những cơ sở công nghiệp vừa dựng lên với bao hy vọng và thiếu thốn. Họ sẵn sàng chịu nguy cơ thấy từng thành phố ở miền Bắc bị ném bom và biến thành đống đổ nát. Ông Hồ và các đồng chí của ông không tiến hành một “cuộc chiến tranh hạn chế” theo công thức Mỹ. Họ lao vào một cuộc chiến tranh toàn bộ không một hạn chế nào. Họ có thể bị nhấn chìm về vật chất và bẻ gãy về tinh thần nếu Hoa Kỳ mở rộng sức mạnh không quân trên đồng bằng sông Hồng với số dân đặc biệt đông đúc. Họ có thể có hàng triệu người chết như tham mưu trưởng Không quân Curtis LeMay mong muốn “Sẽ dội bom cho đến lúc họ trở lại thời kỳ đồ đá”. Những người Hà Nội cũng sẵn sàng nhận nguy cơ ấy. Nhưng có một điều Hoa Kỳ không thể làm được : bẻ gãy lòng dũng cảm của họ.

Dù những dọa dẫm của Mỹ đến mức nào thì cũng đã quá chậm để rút lui. Những người ở Hà Nội biết nếu ra lệnh cho cán bộ Viẹt cộng được đưa vào miền

Nam dừng lại, họ sẽ thoát khỏi sự kiểm soát của mình và tiếp tục cuộc chiến họ đang thắng. Nhưng Hà Nội sẽ không bao giờ ra một lệnh như thế vì điều đó sẽ phủ nhận của chính sự tồn tại chung "Nước Việt Nam là một…" Hiến pháp của họ đã công nhận như thế.

Cả năm 1964, họ chứng tỏ lòng dũng cảm không lay chuuyển, tạo dựng Việt Minh thứ hai cho cuộc cách mạng miền Nam. Vào mùa xuân, lần đầu tiên xuất hiện những vũ khí hạng nặng mà tàu thuyền bí mật đưa vào những đêm không trăng trong nhiều tháng. Súng phòng không 12,7 ly của Xô Viết thể hiện hiệu lực đáng sợ đối với trực thăng và máy bay tiêm kích. Việc luyện tập và tổ chức đánh trận tăng suốt cả năm. Ngày mồng 1 tháng Giêng năm 1963, Việt cộng chỉ có một lực lượng trong khoảng 23.000 quân chủ lực và du kích địa phương tập hợp thành 25 tiểu đoàn, quân số từ 150 đến 300 người. Không đầy hai năm sau, quân số tăng gấp đôi, lên đến 56.000 binh lính được tập luyện tốt. 25 đơn vị rời rạc đã biến đổi thành 73 tiểu đoàn trang bị mạnh, 66 đơn vị bộ binh, 7 tiểu đoàn vũ khí hạng nặng và súng phòng không. Tiểu đoàn bộ binh là những lực lượng can thiệp đáng sợ, mỗi tiểu đoàn gồm 600 đến 700 người với toàn bộ hậu cần. Đội quân 56.000 binh lính ấy được 40.000 người bổ sung những dịch vụ kèm theo, cung ứng, luyện tập ,cấp cứu y tế.

Phải trải qua 6 năm cực nhọc, đau khổ để khoảng 2.000 Việt Minh thoát khỏi hiểm họa trong mùa xuân năm 1957 trở thành 23.000 chiến sĩ còn thiếu thốn của trận ấp Bắc. Nhưng không đầy hai năm với sự hỗ trợ của Diệm và người Mỹ đủ để hình thành số lượng đáng sợ những tiểu đoàn vào tháng Chạp 1964.

Búa đập xuống Quân lực Cộng hòa làm tan vỡ nó thành từng mảng. Ngày 9 tháng Chạp, một cuộc phục kích qui mô không sánh được cho đến lúc đó, chờ đợi quân Sài Gòn trên con đường những đồn điền cao su, cách thủ đô 60 cây số về phía đông. Toàn bộ một đại đội gồm 14 xe bọc thép M-113 bị tiêu diệt, biến thành sắt vụn vì những ca nông 57 và 75 không giật. Một chiếc L-19 và hai trực thăng Huey chiến đấu đến cứu bị bắn hạ. Không ai ở Sài Gòn biết lực lượng phục kích là 2 tiểu đoàn của những trung đoàn mới Việt cộng. Cuối tháng, họ kéo quân đội Sài Gòn vào một cạm bẫy buộc phải đánh nhau bằng cách không ngừng tấn công một trung tâm huyện và chiếm những đồn tiền tiêu bảo vệ một làng bên cạnh những người di cư Thiên chúa giáo từ miền Bắc. Ngày 31 tháng Chạp, một tiểu đoàn ưu tú Hải quân miền Nam gồm 326 sĩ quan và binh lính bị đập tan trong một cuộc phục kích cũng ở vùng ấy. Hai phần ba lính Hải quân bị giết, bị thương hoặc bị bắt sống, 29 trong số 45 sĩ quan hy sinh. Cùng ngày, một đơn vị ưu tú khác, một tiểu đoàn biệt kích vừa được Westmoreland xây dựng để tăng cường cho Quân lực Cộng hòa hành quân gần đấy, chịu số phận còn tệ hại hơn trong một cuộc phục kích khác, hoàn toàn bị xóa sổ với 400 người chết. Hai

đơn vị Việt cộng chịu trách nhiệm phục kích thuộc một tổ chức mà Westmoreland và Quân lực Cộng hòa không biết có sự tồn tại : Sư đoàn 9 Việt cộng, đơn vị lớn đầu tiên của Việt Minh thứ hai, trở thành đơn vị tác chiến ở miền Nam.

Bây giờ chỉ có lực lượng thường trực của Hoa Kỳ can thiệp vào cuộc chiến mới có thể ngăn cản chế độ Sài Gòn đổ nhào và thống nhất nước Việt Nam. Giải pháp Vann đã luôn luôn từ chối, cuộc chiến tranh lớn trên bộ, trên không của Mỹ đã trở nên không thể tránh khỏi. Ziegler nhớ lại điều Vann nói khi có vấn đề đưa quân đội và Hải quân Mỹ tham chiến. Anh ấy nói, đó sẽ là giải pháp tệ hại nhất. Phải để cho Quân lực Cộng hòa tự chiến đấu vì cuộc chiến tranh do những người Việt nam chỉ đạo mới có một ý nghĩa. Việt cộng đã hòa nhập vào nông dân địa phương đến mức quân đội Sài Gòn khó phân biệt đâu là bạn, đâu là thù. Như vậy đối với người Mỹ thì sẽ ra sao ? Chẳng bao lâu , họ sẽ xem toàn bộ dân chúng ở nông thôn là đối thủ. Quân đội và Hải quân sẽ bì bõm trong vũng bùn tắm máu, sẽ chìm nghỉm tất cả cùng với những người nông dân Việt Nam. Vann kết luận “Cuối cùng, người ta sẽ bắn vào tất cả những gì cử động, đàn ông, đàn bà, trẻ con và những con trâu”.

Dĩ nhiên, chẳng thỏa mãn gì về biến cố ấy nhưng Halberstam, những bạn khác của anh và tôi tiếc rằng Vann không ở trong quân đội nữa để ít nhất cũng nhận được sự xác minh lại nghề nghiệp mà anh xứng đáng, một khi sự thật đã rõ ràng như vậy. Bức thư chúng tôi nhận được của anh trong tháng Bảy năm 1963 cho biết anh sẽ rời quân ngũ vào cuối tháng để nhận một trách nhiệm ở Công ty hàng không vũ trụ Denver. Ban nhân sự không bổ dụng anh theo quyền lợi được hưởng sau khi theo lớp Trung học công nghiệp; anh không có can đảm đối mặt với ba, bốn năm bàn giấy như người ta muốn đưa anh vào ngành hậu cần. Anh tóm tắt mấy dòng về chiến dịch của anh gửi Lầu Năm Góc và việc hủy bỏ báo cáo của anh ở Ban tham mưu liên quân. Anh gửi một bức thư tương tự cho nhóm cố vấn Mỹ Tho, thể hiện sự xúc động của mình trong chữ ký “John, người anh em sĩ quan của các anh”. Tất cả chúng tôi tin chắc anh đã rời quân ngũ, chán ngán vì người ta không muốn nghe anh, để sau đó có thể tự do nói trước công chúng về cuộc chiến tranh. Điều này chúng tôi được xác nhận qua những buổi phỏng vấn đăng tải sau khi anh ra đi, trong đó anh giải thích lý do chính khiến anh từ chức.

Thế nhưng nếu Harkins quay lưng lại với anh, cả Wheeler nữa khi kế tiếp Taylor đứng đầu Bộ tổng tham mưu thì anh chiếm được lòng cảm phục của Harold Johnson, bây giờ là Tổng tham mưu trưởng thay Wheeler. Với một nhân vật như thế đứng về phía mình, người ta có thể cho phép mình bất hòa với những người khác. Chúng tôi càng cảm phụ tinh thần dũng cảm của anh.

Chính xung quanh tính chất anh hùng ấy đã xây dựng nên huyền thoại về Vann. Một chuyện kể về sự hủy bỏ bản tường trình của anh với các lãnh đạo Bộ tổng tham mưu, cuối tháng Chín năm 1963 xuất hiện vào phút chót trong một bài báo dài trên trang nhất của tờ New York Journal American với bức ảnh Vann chụp chung với Cao.

Khi Halberstam đến Denver hỏi anh để viết sách, Vann kể lại chi tiết hành trình của anh vào Lầu Năm Góc và Krulak , Taylor đã bác bỏ bản tường trình của anh như thế nào. Sau lần thất vọng như vậy, anh không thể ở lại trong quân đội nữa. Diễn biến ấy là chung cuộc kịch tính của bản anh hùng cà về trung tá John Paul Vann, con người đảm bảo nguyên tắc, viên sĩ quan hứa hẹn sự nghiệp sáng chói, đã từ chối những ngôi sao cấp tướng để báo động với toàn đất nước sự thật về cuộc chiến tranh ở Việt Nam. Và kết thúc ấy cũng rất phù hợp với văn phong phân biệt thiện ác rành mạch của Halberstam :

“Như vậy là anh ra đi, làm việc trong một hội hàng không ở Denver. Anh đã làm điều không một nhân vật chính thức Mỹ nào dám làm trong đất nước này vốn tồn tại một sự khác nhau về lý thuyết và thực tiễn đến thế : anh đánh giá những sai lầm và dối trá khá nghiêm trọng để tách rới sự phản kháng Mỹ truyền thống khi từ chức”.

Ghi nhớ tinh thần anh dũng của Vann sẽ là cơ sở của tiếng tăm sau này của anh ở Việt Nam, uy tín của một người trung thực và quyết tâm, đã gắn mình vào bụi rậm sự thật dù trong đó có gai.Tuy không bao giờ anh đi đến chỗ lên án bản thân cuộc chiến tranh, tiếng tăm về con người chân thực làm cho điều anh nói đáng tin kể cả đối với những người không nhất trí với anh về vấn đề cơ bản là Hoa Kỳ nên hay không nên đánh nhau ở Việt Nam. Ở nhà thờ Arlington ngày đưa tang anh, như Ellsberg sau đó chống đối cuộc chiến tranh, tất cả đều tôn vinh một người đã hy sinh điều mình mến yêu nhất là quân đội chứ không đồng lõa với những dối trá và ảo tưởng.

Thế nhưng, thật sai lầm ! Anh không từ bỏ sự nghiệp và từ chức để phản kháng và báo động sự thất bại hiển nhiên với đất nước. Chắc chắn anh có tinh thần dũng cảm. Anh đã không tin Harkins, đấu tranh để trình bày sự thật với Lầu Năm Góc và cố gắng thuyết phục Bộ tổng tham mưu liên quân. Nhưng anh rời bỏ quân đội không phải vì thế. Anh đã nói dối Halberstam, đã tác động anh này như Cao. Anh đã lừa mọi người về Việt Nam. Chúng tôi đã cho hành động táo bạo của anh như một hy sinh bản thân và đã lo lắng có những bài báo làm hại anh vì nghĩ nó ảnh hưởng đến những ngôi sao cấp tướng của anh. Đấy là điều anh muốn chúng tôi nghĩ cũng như các đại úy của anh như Ziegler hoặc những binh lính như Bowers. Nếu không như thế, anh đã không nói với Ziegler anh hy vọng không phản lại tương lai của anh trong quân đội khi chống đối Harkins.

Anh không ngớt lừa chúng tôi vì anh đã biết không một sự nghiệp nào bị hủy hoại và không một ngôi sao cấp tướng nào bị mất. Tháng Ba năm 1962 trước khi sang Việt Nam, anh đã biết sẽ từ chức vào cuối thời hạn. Anh đã nói nhiều hơn Halberstam có thể tưởng tượng khi tuyên bố câu này với nụ cười bí hiểm ở sân bay "Các anh không bao giờ làm hại đến tôi nhiều như tôi đã làm hại chính mình". Và anh đã lộ ra về mình nhiều hơn anh muốn khi nói với nhà viết sử của quân đội "Đối với những khách thăm chúng ta, tất cả chúng ta đều là một trong những người nói láo xuất sắc về cuộc chiến tranh này".

Anh đã rời bỏ quân đội vì một xung năng u tối của tính cách dẫn đến một ngày nào đó anh vi phạm điều làm anh không bao giờ lên cấp tướng được. Và anh đã biết thế. Ở con người này có tính hai mặt giữa những cá tính ngẫu nhiên bí mật và tính trung thực nghề nghiệp khắt khe không bẻ gãy được. Hai năm trước khi bước vào cửa văn phòng Dan Porter ở trại lính kỵ binh Pháp cũ ở Sài Gòn, anh suýt bị đưa ra tòa án binh vì thói xấu bí mật của mình. Khôn khéo tác động, anh đã rũ bỏ được trách nhiệm trong việc đó. Trong quân đội, hệ thống sắp xếp hồ sơ riêng của các sĩ quan cho phép anh che giấu sự kiện ấy đối với mọi người ở Việt Nam. Còn nhiều điều khác về đời tư anh vẫn luôn giữ kín.

Nhưng anh biết không thể giấu hành vi xấu xa đó với những người sẽ quyết định thăng cấp tướng cho anh. Hội đồng ấy đã nắm được toàn bộ hồ sơ của anh trong đó có cả tài liệu của an ninh quân đội đã điều tra trọng tội và những biên bản của văn phòng công tố viên chuẩn bị thủ tục đưa anh ra tòa án quân sự. Trước khi sang Việt Nam, anh đã cố gắng lấy trộm những tài liệu ấy, hủy đi mọi dấu vết nhưng không được. Anh chắc chắn mọi hội đồng thăng thưởng nắm được tình tiết đó đều không thể mạo hiểm có một sĩ quan cấp tướng bị kết án như thế. Khi còn bé, anh đã thề mình sẽ là một người như thế nào. Anh không thể chịu chỉ đứng vào hàng thứ hai mà phải là trong những người thứ nhất. Khi đã hiểu con đường tới đỉnh cao của quân đội hoàn toàn bị cắt đứt, anh tự nhủ phải rời bỏ khi còn trẻ, ở tuổi 39, để bắt đầu một sự nghiệp khác.

Tuy vậy, anh đã không muốn ra đi và tiếc phải làm thế quá sớm. Anh cảm thấy bị đẩy ra Denver, coi như quân đội đã khai trừ mình. Đấy là một cảm giác anh biết rõ. Thời niên thiếu anh đã là một kẻ bị khinh bỉ, với một người mẹ không hài lòng về anh và không cho mang cả tên, cả tình thương mến.

V

LỊCH SỬ MỘT CON NGƯỜI

John Paul là một đứa con hoang. Bố anh là Spry John Paul, gọi là Johnny và đứa con lấy tên của bố. Mẹ anh, Myrtle Lee Tripp chưa đầy 19 tuổi khi sinh con, ngày mồng 2 tháng Bảy năm 1924 trong một ngôi nhà tồi tàn chia thành căn hộ của khu Norfolk cũ ở Virgina. John Paul Vann là kết quả của một trong những quan hệ nghiêm túc hiếm hoi của bà mẹ trong cuộc sống hoàn toàn dành cho những quan hệ đáng ngờ cho đến khi chết lúc 61 tuổi, do nghiện rượu , bị một trận roi vào một buổi tối trên bãi biển Norfolk.

Năm 1924, Johnny Spry, 25 tuổi, là tài xế xe điện. Dù anh mong muốn một ngày nào đó cưới Myrtle Tripp cũng không dễ. Anh đã có vợ, bố hai đứa con trai ba tuổi và chín tháng khi sinh đứa thứ ba, không hợp pháp. John Paul này là một đứa « con của tình yêu » như lối nói của miền Nam quê hương mà anh xấu hổ suốt đời.

John Paul được 4 tuổi thì Myrtle Tripp gặp một người lái xe buýt, Aaron Frank Vann, ở Norfolk sau khi rời bỏ trang trại quê hương nam Carolina như Myrtle và những người khác trong gia đình anh. Khi có thai một đứa con gái, Dorothy Lee, em cùng mẹ khác bố của John Paul, Myrtle, quyết định thành hôn với Vann. Họ chính thức sống với nhau được 20 năm dù sao cũng trong thể thức nếu không là thực tế. Frank Vann , khi cưới Myrtle nuôi luôn đứa con hoang của vợ.

John Paul Vann thực sự là một cậu bé da trắng của các bang miền Nam Hoa Kỳ, nguồn gốc gia đình từ thời các bang này thành lập. Ngoài ra, anh sinh ra đúng theo truyền thống tổ tiên vì phần lớn trong số họ cũng là con hoang.

Những người tôn trọng nguyên tắc định cư ở Bắc Mỹ, ở nước Anh là những cộng đồng chủ trang trại, thợ thủ công, các giáo viên và mục sư. Những đoàn di dân họ lập thành lôi kéo những người theo hình ảnh của họ, có nghề, trí thức, tham gia vào sự phát triển sẽ làm cho nước Mỹ thành một nước công nghiệp khổng lồ..

Ngược lại, những người da trắng định cư ở miền Nam vào thế kỷ thứ XVII và XVIII phần lớn là những người phạm tội một hay nhiều lần, người Anh và Ireland tuyệt vọng, một hỗn tạp người E-cốt gây gổ mà nước mẹ muốn rũ bỏ. Họ chủ yếu trồng thuốc lá, công việc dành cho người Anh điêng bây giờ đã tuyệt

diệt. Nước Anh và phần còn lại của châu Âu đòi hỏi loại thuốc mới này với số lượng lớn đến mức những lái buôn nô lệ không đủ cung cấp nhân công châu Phi định cư ở bờ biển ngày nay trở thành các bang Maryland, Virginia, Carolina Bắc, Carolina Nam và Georgia.

Thời kỳ ấy Irealand là một thuộc địa quân sự, nông dân nổi dậy ở đó bị bắn và treo cố, nước Anh là một chiến trường mà các tầng lớp xã hội đụng độ nhau. Tầng lớp tiểu tư sản Anh lợi dụng những thuộc địa Mỹ của họ cần nhân công để đưa sang đó những kẻ bị kết án và những phần tử bất hảo.

Bờ biển phía Nam đầy sốt rét, sốt vàng da và bệnh thổ tả không có gì hấp dẫn tầng lớp ưu tú có thể chọn nước Anh mới. Phần chủ yếu của nhân dân miền Nam vậy là bao gồm những kẻ mồ côi, nông dân phá sản, tá điền bị đuổi việc, thợ cày khốn khổ kèm theo vợ con họ. Nạn đói ở châu Âu làm họ thất vọng đến mức sẵn sàng đối mặt với cơn ác mộng đi hai ba tháng trên những chiếc thuyền buồm đáng ngờ cùng công việc thê thảm trong các đồn điền và bán mình cho một chủ ấp theo hợp đồng để trả cho chuyến đi châu Mỹ.

Hơn một nửa người da trắng định cư ở miền Nam trước Cách mạng là những người bị giam cầm hoặc những công nhân hợp đồng. Nhưng khác với người châu Phi, họ may mắn không là những nô lệ suốt đời. Một số có khá nhiều tham vọng và khôn khéo, vào cuối hợp đồng họ cũng tìm đất đai, mua nô lệ đưa qua Đại Tây Dương cho những người đồng hương làm đồn điền. Những gia đình trồng trọt mới này thịnh vượng lên qua nhiều thế hệ, vận dụng hiểu biết và những cách làm của tầng lớp tiểu tư sản Anh đã trục xuất tổ tiên họ. Họ trở thành tầng lớp quý tộc của miền Nam và những người ưu tú trong quân đội của Liên bang.

Công nhân nông nghiệp theo lệnh chủ đồn điền giống như những người định cư cũ đến theo tàu thuyền. Nông dân da trắng ở miền Nam hợp thành một nhóm riêng trong lòng những thành viên khác nhau của nước Mỹ. Không gì chế ngự được những người nước Anh đã xua đi. Các nhà thuyết giáo đạo Tin lành, cha đạo, trưởng lão, đều không có tác dụng đối với chủ nghĩa hoan lạc tự nhiên của họ. Xu hướng bạo lực được xác định qua tầm quan trọng họ đặt vào những chiến công có tính vật chất, những đức tính kỵ sĩ, bắn súng ngắn thành thạo, quả đấm mạnh và vào sự vui thích đánh nhau. Nhiệt tình trong chiến tranh Bắc – Nam, họ theo những người chủ sĩ quan ra trận. Sau thất bại và đất đai bị người miền Bắc chiếm giữ, họ tự an ủi bằng cách nhớ lại lòng dũng cảm của mình, điều còn lại của tổ tiên họ trong nước Anh hiếu động của quá khứ.

Tổ tiên Vann không hề đi xa bờ biển họ đã cập bến trước đây. Người ta ít biết về gia đình Spry, người mà Vann hình như giữ được những đường nét diện mạo và nghị lực tinh thần vì cũng như anh, Johnny Spry mỗi đêm chỉ ngủ bốn hoặc

năm tiếng và luôn luôn hoạt động trong thời gian còn lại. Clarence Spry, ông nội Van ntheo con đường quen thuộc từ Carolina Bắc đến Norfolk tìm việc làm. Ông cưới một bà vợ trẻ ,con một gia đình nông nghiệp và đánh cá ở vùng bờ biển phía nam Norfolk.

Tính tình chủ yếu của John Vann, đặc biệt khả năng chế ngự hình như tiếp thu của bên mẹ. Anh rất giống bà ngoại và chị cả của mẹ, cả hai đều tự lập và có đầu óc phiêu lưu. Vann có chung hai nét diện mạo nói lên điều cơ bản của tính tình – đôi mắt chim bắt mồi và khóe miệng khô với đôi môi mỏng và thẳng hàng.

Từ cuối thế kỷ XVII và đầu thế kỷ XVIII, các gia đình Tripp và Smith, tổ tiên trực tiếp của Vann định cư ở đông bắc Carolina Bắc, gần thành phố mới Greenville. Ở đây , những cánh đồng bùn lầy từ biển trải rộng đến những ngọn đồi dưới chân dãy núi Appalaches. Các gia đình Tripp và Smith khá giàu để được xem như các ông chủ trồng trọt, là những chủ trại vững vàng, có vài chục héc ta và những nô lệ để trồng thuốc lá rồi bông, những cây trở thành nguồn làm giàu cho miền Nam. Như vậy vùng này, một trong những vùng màu mỡ nhất nước Mỹ và hầu như ở đâu cũng trồng trọt được, việc khai thác nông nghiệp của gia đình Tripp và Smith thịnh vượng lên cho đến cuộc chiến tranh Bắc – Nam.

Miền Nam bại trận làm những trang trại do người miền Bắc khai thác bị phá sản. Suy thoái kinh tế và giá nông sản bắt đầu giảm trong những năm 1880 tiếp tục cho đến đầu thế kỷ sau. Giá bông mỗi livre mười bốn cents năm 1873 tụt xuống 4 cents rưỡi năm 1894 ; thị trường thuốc lá cũng theo đà đó. Miền Bắc lợi dụng cơ hội ấy đặt phần nông nghiệp miền Nam phụ thuộc vào sức mạnh công nghiệp của mình. Hội nghị gồm phần lớn những người miền Bắc đặt những biểu thuế quá cao để chống sự cạnh tranh của châu Âu. Công nghiệp miền Bắc mua nguyên liệu miền Nam giá thấp rồi bán lại cho họ giá rất đắt.

Henry Tripp, cụ ngoại của Vann là người cuối cùng trong gia đình hãnh diện có một trang trại. Tám người con của ông cần đất đai nhưng giá bán nông sản của ông rẻ mạt không mua được đất. Ông phải chia nhỏ sở hữu của mình. Năm 1902 khi con trai ông, John Williiam « Bill » cưới « Queenie », Henry Tripp cho con 16 hec ta, một con la và khá nhiều cây để xây dựng một ngôi nhà to, kho và một chuồng lợn.

Queenie kiên trì chịu đựng cuộc sống ấy trong 12 năm. Bà có bốn con gái, một con trai, tất cả sinh trên chiếc giường sắt của Queenie và Bill trong gian phòng rộng nhất ở ngôi nhà gỗ thông tự làm. Đây cũng là phòng khách và phòng ăn của gia đình. Buổi tối cả nhà tụ họp ở đấy cho đến giờ ngủ. Không có điện, nước máy, phải thắp đèn dầu và kéo nước giếng ; tắm rửa ở bên ngoài. Ngôi nhà trong ngoài không sơn để tránh tiêu tiền vô ích. Một bà đỡ lo việc sinh đẻ vì thấy thuốc phải trả giá quá đắt, chỉ nhờ đến trong những trường hợp nghiêm trọng.

Myrtle Lee, mẹ của Vann là con thứ ba, sinh ngày 18 tháng Bảy năm 1905. Tên phụ Lee được đặt cùng một lý do với nhiều đứa trẻ miền Nam : tưởng nhớ đến Robert E. Lee, vị tướng anh hùng của những người miền Nam.

Thuốc lá, bông và ngô Bill Tripp trồng cho thu hoạch không đủ để mua hàng ở cửa hàng trung tâm. Mỗi năm Bill phải vay tiền lãi suất không bao giờ dưới 30% để mua phân bón, lưỡi cày và những dụng cụ cần thiết. Để gia đình sống, Queenie cần bột mì, muối, đường, dầu hỏa thắp đèn và vải may quần áo. Khi rau trong vườn tàn lụi, vào mùa thu, gia đình Tripp phải ăn một chế độ thiếu thốn từ đó sinh ra những bệnh điển hình của miền Nam. Khác với hàng chục nghìn trẻ con miền Nam, đên cũng như trắng đều bị bệnh, Myrtle, Mollie và ba đứa con khác của gia đình Tripp may mắn thoát khỏi những hậu quả của việc thiếu vitamin ấy.

Sự nghèo khổ kéo dài đến chết, thiếu quan tài sang trọng và không thức túc trực người chết. Gia đình lau rửa thân thể người chết, bận cho bộ quần áo đẹp nhất của người ấy, hoặc của một người còn sống, đặt xác chết vào chiếc hòm gỗ thông và đóng đinh vào nắp. Ngày hôm sau gia đình và bạn bè tập hợp xung quanh mục sư đưa đi chôn.

Những đợt dịch tả ập xuống như đông giá muộn, cướp đi nhiều người trong tầng lớp trẻ.

Queenie không ngớt đề nghị Bill bỏ trang trại chuyển đi Norfolk. Ông có thể là một người thợ mộc tốt, một thợ nề tay nghề cao, bà nói, và công việc không thiếu ở Norfolk, một trong những đảo nhỏ thịnh vượng ít có ở miền Nam. Hải cảng này trở thành điểm cuối một tuyến đường sắt quan trọng, đi qua đất nước từ tây sang đông chuyên chở than và bông để xuất cảng sang nước Anh mới và châu Âu.

Bill Tripp là một người trầm tư ít nói, tâm địa khô khan, không ổn thỏa trong hôn nhân. Ông bám vào đất đai, từ chối việc ra đi. Chính Queenie bỏ ông. Năm 1914, bà nhờ bố mẹ trông nom 5 đứa con và ra Norfolk kiếm việc làm . Bà cho rằng có thể kiếm khá đủ tiền để nuôi cả gia đình và khẳng định làm nhiệm vụ ấy tốt hơn Bill.

Ông ngoại Vann không làm việc cho một gia đình trống không nữa. Ít lâu sau khi Queenie đi, ông được biết chủ cửa hàng kiện ông. Chánh án trong vùng ra lệnh tịch biên tài sản và quận trưởng cảnh sát bán đấu giá mười sáu héc ta đất đai và vật dụng trên đó để xóa nợ. Bill lên đạn vào súng, đến nhà quận trưởng để giết ông ta.

Bill bị bắt trước khi giết được quận trưởng. Tòa án phạt hai năm lao công bắt buộc. Một người thợ rèn làm vòng sắt vào mắt cá chân ông, nối với một dây xích

cùng những người tù khác. Những người buộc với nhau như vậy làm việc suốt ngày, ăn , giải quyết nhu cầu cần thiết và ngủ cùng với nhau. Dây xích và vòng sắt chỉ được tháo ra khi Bill được tự do và cấm ở lại trong vùng , bị trục xuất trong một thời gian hai năm vì quận trưởng còn sợ ông. Cuối cùng, khi Bill trở về một trong những người anh em cho ông ký một hợp đồng làm tá điền. Bill, ông ngoại của Vann không bao giờ có đất đai của riêng mình nữa.

Queenie đã chọn đúng lúc để ra đi. Những đội quân của châu Âu đối đầu nhau trên mặt trận vào tháng Tám năm 1914. Những cuộc tàn sát trên các chiến trường cũng lấy đi nhiều sinh mạng như vật dụng. Sự tàn phá của châu Âu lại thổi một làn gió mát vào nền kinh tế miền Nam nước Mỹ. Những lợi nhuận khổng lồ thực hiện được qua việc bán nguyên liệu cho thị trường châu Âu và Norfolk lợi dụng cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất nhiều hơn bất kỳ một thành phố Mỹ nào khác.

Kỹ nghệ bông vải lại nở hoa. Những nhà máy dệt ở Anh, Pháp, Đức biến mất ngày càng nhiều và chiến tranh trên biển, trên đất liền cho nước Mỹ cơ hội dẫn đầu thị trường thế giới. Bà ngoại Vann, Queenie làm việc trong một xưởng dệt áo may ô và quần lót dài mùa đông. Thợ được trả công theo sản phẩm, Queenie gọi Mollie đến Norfolk giúp đỡ cùng làm. Thời kỳ ấy, Mollie mới 10 tuổi. Quá nhỏ không với tới máy khâu, Mollie phải ngồi trên một chiếc hòm để hướng chiều vải trong lúc bà mẹ cố sức khâu thật nhanh.

Hai người may được nhiều quần áo lót nên không đầy một năm Queenie để dành được khá nhiều tiền để đưa bốn đứa con còn lại đến Norfolk và mở một nhà trọ ở đấy. Bà thuê một khách sạn tư nhân trước chiến tranh Bắc – Nam, một ngôi nhà hai tầng khoảng vài chục phòng, trong khu cũ của Norfolk, gần bến cảng. Queenie cũng lựa chọn hợp lý vì người ta đang cần gấp chỗ ở cho thợ thời chiến. Quản lý một nhà trọ rất phù hợp với một người đàn bà nông thôn biết nấu nướng và chăm sóc người thuê nhà. Sau khi tổng thống Hoa Kỳ thuyết phục Nghị viện tham chiến chống Đức vào tháng Tư năm 1917, vấn đề duy nhất của Queenie là thu xếp đủ chỗ trong nhà để đặt thêm giường ngủ và thêm ghế đặt quanh bàn ăn.

Một nhà viết sử yêu nước đã đặt tên một tác phẩm dành cho Thế chiến thứ nhất "Mars, thần chiến tranh, người tạo dựng một thành phố lớn ". Vào thời kỳ hàng triệu đô la chính phủ bỏ ra thay cho hàng trăm nghìn vì nền kinh tế quốc dân, những số tiền đáng kể ngày này qua ngày khác được đầu tư cho các dự án xây dựng quân sự và tiêu phí không tính toán với một nhịp độ chóng mặt. Thành phố Norfolk " ngập lụt vì sóng thần tiến bộ " và " bập bềnh trên làn sóng thịnh vượng " như một tờ báo địa phương đã viết. Hải quân lợi dụng hoàn cảnh để nhận những tiền vốn cần thiết, tạo dựng đầu mũi bán đảo phía bắc thành phố

thành một căn cứ hải quân trải rộng trên 400 héc ta, vượt quá những giấc mơ điên rồ nhất của tất cả các đô đốc. Những cây số cảng biển xây các tàu bọc săts, tuần dương hạm, khu trục hạm cùng mặt nước dọc cảng cho tàu ngầm, một vùng bán đảo cho thủy phi cơ, một đường băng, những gian để hàng tạm, kho hàng nhiều tầng, ga ra sửa chữa và hàng trăm công trình khác. Căn cứ hải quân Norfolk cũ ở bên kia bờ sông Elizaberth bị phá hủy và hiện đại hóa thành một hầm tàu cạn khổng lồ cho những tàu chiến lớn, công trình bê tông vĩ đại nhất trong lịch sử nước Mỹ cho đến thời điểm ấy.

Quân đội đánh giá những cảng Boston, New York và Philadelphia đã quá tải, được những cơ sở mới phát triển ở Norfolk bù đắp, cho phép đưa các toán quân và vũ khí của quân viễn chinh sang Pháp. Vậy là người ta cũng xây dựng bến bãi, ga thanh lọc nối vào căn cứ vận chuyển quân sự quan trọng nhất của cả nước Mỹ. Những con tàu chở các toán quân đến Norfolk vào mỗi ngày, mỗi đêm hàng nghìn binh lính vượt biển sang nước Pháp. Tất cả những gì có thể chở lên tàu, từ đôi tất đến những con la, thậm chí đầu máy xe lửa, cùng đi với người góp phần chiến thắng đội quân xâm lược của Kaiser. Dân số Norfolk tăng gấp đôi trong thời kỳ chiến tranh, từ 68.000 lên 130.000, đàn ông, đàn bà khắp các vùng miền Nam đến đây làm việc cho kỹ nghệ chiến tranh. Trong một năm rưỡi, đến ngày đình chiến 11 tháng Mười một năm 1918, Norfolk, trước đó chỉ là một thành phố trung bình trên bờ biển trở thành một hải cảng quan trọng và một căn cứ hải quân lớn nhất của thế giới phương Tây.

Queenie bỏ việc cho thuê trọ năm 1921 khi việc xây dựng căn cứ đã xong và công việc bắt đầu đi xuống. Với số tiền kiếm được, bà mua một ngôi nhà nhỏ trong khu khác của thành phố và làm hầu phòng trên một con tàu đi lại giữa New york và Norfolk. Con cái bà đã tự lập được khi bà còn cho thuê nhà trọ. Mollie năm 1918 lấy một người ở trọ là thợ lặn ở công trường hải quân. Chị cả cô, Lillian cũng thành hôn với một người ở trọ làm việc ở hiệu giặt là. Có một đứa con với anh ta, cô ly đị chồng và lấy một anh cảnh sát.

Mertie, tên trong gia đình gọi mẹ Vann, không tìm được như các chị, người đàn ông đảm bảo cuộc sống cho mình. Việc lựa chọn của cô thật đơn giản : hoặc lấy một người thợ muốn xây dựng tổ ấm hoặc tìm một công việc tương đối dễ chịu như của mẹ. Học vấn tiếp thu được không cho phép cô hình dung điều gì khác hơn. Cô không học quá cấp tiểu học vì bà mẹ cần có con gái giúp đỡ trong việc cho thuê trọ, phục vụ bàn ăn, dọn phòng v.v ..Myrtle khá xinh để có thể tìm được một người chồng nếu cô muốn. Đường nét của cô hơi khác lạ với miệng hơi kỳ cục và mũi quá to. Nhưng cô được ưa thích vì mái tóc nâu dài, đẹp, nụ cười hấp dẫn, hình dáng dễ trông và nhất là đôi chân dài. Mặt khác, cô không đủ thông minh để tìm một cộng việc như của mẹ nếu muốn ở vậy không lấy chồng.

Mollie tóm tắt tính tình em gái như sau " Tôi tên là Myrtle và không có một người nào khác trên đời như tôi. Tôi yêu tôi ".

Myrtle là một người mơ mộng, không bận tâm đến ngày mai. Cô thích nhảy, cười , uống rượu, làm tình, không nghĩ đến hậu quả cho cô và cho những người khác. Khi tìm được một công việc, cô chẳng làm lâu ; kiếm đươcj một ít tiền, tiêu ngay vào trang điểm và mua quần áo. Mùa xuân năm 1923, thiếu ba tháng đầy 15 tuổi, cô quan hệ với một thủy thủ người Pháp tên là Victor LeGay. Cô đi tàu hỏa đến tận thành phố Elisabeth ở Carolina Bắc thành hôn với anh trong một buổi lễ chớp nhoáng. Họ sống với nhau ba tháng rồi LeGay ra đi. Một tháng sau, cô mang thai với Spry mà cô đã thường quan hệ trước khi LeGay rời bỏ gia đình.

Johnny Spry là một tay chơi và chạy theo gái. Hai người cùng lớn lên trong khu cũ Norfolk, nơi Queenie có nhà và Spry biết Myrtle từ khi còn là một cô bé. Lái xe điện như anh, người ta có dịp gặp nhiều đàn bà. Hai người đã tìm đến nhau như thế. Hình như cô yêu anh hơn một ai khác. Cô quyết chọn anh bằng cách ngồi sau ghế lái xe khi anh ngồi ở tay lái. Vợ Spry vốn đã biết thói quen của chồng, nhanh chóng phát hiện ra điều ấy. Một hôm bà nhảy lên xe điện chồm vào Myrtle. Hai người đàn bà chửi rủa, tát, cấu xé nhau như hai con thú trước sự vui thích của Spry. Myrtle không vì thế mà nản lòng. Cô có ý định ly dị LeGay càng nhanh càng tốt ; cuối cùng cô đưa LeGay ra tòa, kết tội anh này ngoại tình. Hình như Myrtle mang thai với Spry với ý định buộc anh ta ly dị vợ để cưới cô. Ngược lại, Johnny Spry nghĩ không nên có nhiều lương tri quá để cưới một người đàn bà như Myrtle. Anh cắt đứt quan hệ ngay trước khi đứa con ra đời, ngày mồng 2 tháng Bảy năm 1924.

Không có lý do gì cho rằng con trai của Myrtle là không hợp pháp. Thời kỳ đó cô vẫn có chồng. Để tránh phức tạp cô nói dối với bác sĩ sản khoa LeGay là bố. Đứa trẻ vậy là có họ trong giấy khai sinh. Các anh chị của Myrtle biết sự thật, LeGay ra đi đã lâu không thể là bố nhưng họ giữ kín để không làm hại cho tương lai đứa bé. Cậu con trai có thể lớn lên không rõ quan hệ máu mủ của mình.

Chính Myrtle làm cho đứa trẻ bất hợp pháp khi nói với mọi người về người bố thực sự của nó. Cô nói cả với con trai khi con đến tuổi biết nêu lên những câu hỏi. Spry vẫn luôn nói Myrtle đặt tên John Paul cho con vì " thù hận ".

Mục đích chính của việc mang thai không đạt ngay trước khi đứa trẻ ra đời, Myrtle không muốn có con nữa. Cô bỏ lại cho bà chị Lillian để tìm kiếm những thú vui và một người đàn ông khác. Lillian đặt đứa tre trong cùng nôi với con mình, George, sinh sớm hơn Vann hai tuần. Hai anh em họ san sẻ với nhau núm vú và tình thương yêu của Lillian không khác gì nhau. Mấy tháng sau, Myrtle tìm đến đem con theo mình khi đã tìm được một người đàn ông khác, trả tiền thuê cho một căn hộ mới trong một thời gian. Đấy là lần đầu Vann chịu đựng sự

lơi là, bỏ rơi của một người mẹ bất thường và không ổn định. Một hôm, Mollie quyết định đến thăm con của Myrtle. Bà nhớ lại " Tôi biết rõ em gái tôi, chắc chắn nó không chăm sóc tốt con trai nó ". Bà thấy thằng bé hoàn toàn đơn độc, nằm trong nôi, dính đầy cứt đái và gào lên vì đói. Bà đưa nó về nhà mình, rửa ráy và chăm sóc nó cùng với hai đứa con bà. Thỉnh thoảng, Myrtle đến đòi lại con. Cái tôi thúc đẩy bà đóng vai trò người mẹ. Nhưng bà dì của Vann trông chừng em gái và đưa đứa bé về nhà mình khi Myrtle bỏ rơi con chạy theo những cuộc phiêu lưu mới. Vann cứ thế qua bốn năm đầu tiên của mình do Lillian hoặc Mollie trông nom, cho đến khi Myrtle mang thai em gái cùng mẹ của Vann, Dorothy Lee và cưới Aaron Vann tháng Giêng năm 1929. Các bà dì Vann mua quần áo mới hoặc cho Vann những đồ dùng cũ của anh em họ và trông chừng để đứa bé được ăn uống.

Việc có ông bố dượng thật may mắn cho đứa trẻ, bởi có thể sẽ có một gia đình thực sự. Hơn nữa, bé Johnny, như người ta gọi nó, dần dần mất sự bảo trợ của các dì. Mollie đi New York năm 1929 ; Lillian và gia đình đi theo bà này khi chồng mất việc ở sở cảnh sát Norfolk.

Định cư ở New york, Mollie nhuộm tóc vàng, đưa hai đứa con vào nhà trẻ và làm tiếp viên ở phòng trà Taft Hotel gần rạp chiếu phim lớn nhất thời ấy. Chủ phòng trà là một người Ý đẹp trai, hãnh diện vì giống ngôi sao điện ảnh đồng hương Rodolp Valentino. Mollie phải lòng anh ta, ly dị người chồng Norfolk, trở thành bà Terzo Tosolini, giữa lại hai đứa con. Nói về Queenie cũng như về mình, Mollie cho rằng " Mẹ tôi là một người phụ nữ thời đại " để giải thích điều gì làm cả hai người rời bỏ 16 héc ta đất của Bill Tripp để đến New York.

Frank Vann cho người ta có cảm giác là một người có trách nhiệm, đã 30 tuổi, hơn Myrtle 7 tuổi, khi cưới cô năm 1929. Anh trải qua thời thanh niên ở bờ biển bang Carolina, gần biên giới Virginia, chỗ bố anh là một tá điền rất thông minh và chăm chỉ, nuôi chín đứa con. Nhờ nhà thờ đã rửa tội và thu nhập khiêm tốn của mình, ông cho nhiều đứa con học ở trường trung học. Frank Vann học đến hết cấp trung học rồi vào làm thư ký cho một cửa hàng địa phương trước khi đến ở Norfolk Có những ý đồ tốt, anh dễ mến và hiền lành trong quan hệ với những người khác nhưng sự yếu đuối và niềm say mê của anh làm những người phụ nữ phụ thuộc vào anh khổ sở.

Bốn năm đầu sau khi cưới nhau, Frank và Myrtle chắc trải qua những năm dễ chịu nhất tuy thường Frank không có việc làm. Bị Hiệp hội xe buýt thành phố Norfolk đuổi việc, anh tìm được việc làm trong một dây chuyền lắp ráp của xưởng xe Ford nhưng lại mất ngay vì kinh tế suy thoái trầm trọng. Sau Dorothy Lee, sinh năm 1929, Frank và Myrtle còn có hai đứa con, sinh năm 1931 và 1933.

Ít lâu sau đó, Frank Vann đưa gia đình đến Carolina Bắc, nơi anh làm trong một xưởng sản xuất khóa kéo gần nhà bố anh. Nhưng mấy tháng sau, Myrtle bảo anh bỏ việc ấy trở lại Norfolk. Cô không thích nông thôn lại không hòa thuận với gia đình nhà Frank. Ở đây, trước mỗi bữa ăn, người ta đọc kinh. Các bà chị của Frank và gia đình họ tích cực tham gia những hoạt động của nhà thờ trong vùng. Họ phật lòng vì Myrtle khinh khi công việc nội trợ, giáo dục con cái và tự hỏi về tư cách đạo đức của cô.

Trở về Norfolk, gia đình lâm vào cảnh thiếu thốn như thời trẻ của Myrtle. Frank Vann làm ở xưởng Ford trong thời kỳ sản xuất, nhiều lúc tạm thời nghỉ việc. Đôi khi anh lái xe taxi. Chương trình giúp đỡ việc làm của tổng thống Franklin Roosevelt thỉnh thoảng cho anh công việc trong những dự án công cộng. Nhưng phần lớn thời gian, Frank không có việc. Trợ cấp thất nghiệp lúc ấy chưa có, sự giúp đỡ xã hội ít ỏi. Không có khả năng trả tiền thuê nhà, gia đình luôn thay đổi chỗ ở, đi từ nhà này sang nhà khác, bao giờ nhà sau cũng bẩn thỉu, tối tăm hơn nhà trước. Những nhà ấy ở trong hai khu khống khổ, chỗ những công nhân da trắng sinh sống, hoặc phía sau các cảng than tàu hỏa từ Norfolk và Western Railroad đến cửa sông Elizabeth hoặc trong vùng những nhà máy bông, xưởng cưa cũ. Trong các khu này bao giờ cũng có người bị đuổi nhà, để chỗ cho Frank trước khi đến lượt mình , anh nhường lại chỗ cho một người khác.

Năm 1936, lúc suy thoái kinh tế nghiêm trọng nhất, Johnny Vann mười hai tuổi, căn nhà gia đình ở hoàn toàn điển hình cho những chỗ ở của thợ thuyền miền Nam. Thành phố bắt đầu san đường, lắp đặt hệ thống thoát nước, điện, xây dựng cả một ngôi trường lớn lợp ngói đỏ trên khu đất công bên kia đường. Rồi bỗng nhiên tất cả ngừng lại. Không có hè phố mà là những con đường đất bùn lầy hơn trước và xen giữa các nhà. Một số cây lớn hiếm hoi như cây minh quyết gỗ cứng trước nhà Vann được để lại cho một ít bóng râm. Ít gia đình chọi trồng trọt một mảnh vườn nhỏ hoặc gieo thảm cỏ mà để cỏ dại mọc đầy ở những chỗ trẻ con và chó la cà. Tất cả các nhà, kể cả ngôi trường đều rất tồi tàn, gỗ hàng rào từ lâu không sơn lại đã nhuốm màu xám xịt.

Nhà của gia đình Vann chật hẹp, kéo dài có một tầng gác mái xiên. Không có hầm chứa đồ vặt. Hàng hiên có mái che dọc theo hàng rào cách mặt đất bốn mươi phân. Không ai quan tâm chữa lại chiếc lan can gãy vì để thế xuống thẳng phố dễ hơn. Nhà chật hạn chế ánh sáng đáng kể và phía trong bao giờ cũng tối. Các cửa bên trong sơn đen. Không một tấm thảm hoặc vải nhựa phủ sàn vênh lên khắp nơi. Sàn bao giờ cũng bẩn vì Frank Vann được giao phụ trách việc nhà, không hề quan tâm đến.

Bên trái cửa ra vào là phòng khách, có chiếc ghế da dài không ai biết từ đâu tới, một chiếc phô tơi xoay cũng hư hỏng như chiếc để ngoài hiên và một số ghế

gỗ. Một hộp không để bên cạnh phô tơi dùng làm ống nhổ cho Frank. Một lò sưởi lớn, nguồn sưởi ấm duy nhất về mùa đông. Người ta khoét lỗ ở trần nhà để không khí nóng lên các phòng tầng trên. Khi tìm được mấy miếng than trên bến cảng hoặc những khúc gỗ gãy, Frank Vann đem về cho vào lò sưởi. Nếu không có, các phòng đành chịu cảnh lạnh giá.

Nhà bếp ở đầu hành lang. Lò bếp bằng sắt như lúc họ ở nông thôn, làm gian nhà và phòng trên ấm lên một tí. Một bóng điện trần treo đầu dây phía trên bàn giữa gian nhà. Trên bồn rửa bát đĩa chỉ có một vòi nước lạnh. Nếu muốn tắm phải đun nước ở lò và xách xô lên tận bồn tắm ở tầng hai.

Ngoài việc dọn dẹp trong nhà, Frank Vann còn phải làm bếp vì Myrtle từ chối, chẳng làm bất cứ việc gì. Frank dậy từ 5 giờ sáng rửa ráy và chuẩn bị bữa điểm tâm cho anh và các con. Vừa đun nước cạo râu, anh vừa hát và huýt gió những bài thánh ca tuy anh không theo đạo. Đôi lúc anh và Myrlte cho các con đến trường giáo xứ vào ngày chủ nhật nhưng bản thân họ không đến bao giờ. Trong những tháng mùa đông khó khăn nhất ở trang trại, Myrlte không bao giờ thiếu một ít thịt lợn, nước sốt ăn với bành quy khô hoặc bánh ngô do Queenie làm. Ngược lại, chế độ của các con Myrlte chỉ là bành quy khô bữa ăn sáng, khoai tây rán và bánh quy khô cho bữa trưa, lại khoai tây rán, bánh quy khô cho bữa tối. Họ uống cà phê, tuy sữa bổ hơn nhưng đấy là một tập quán ở miền Nam và có vẻ Frank bao giờ cũng tìm ra tiền để mua. Rau quả rẻ nhất là khoai tây, Frank vác về nhà những túi 25 ki lô.

Frank không phải đầu bếp kém. Bữa ăn tối ngon nhất mà các con anh nóng lòng chờ đợi là món " bành quy có pho mát". Anh giấu một miếng pho mát nhỏ vào một trong ba chiếc bánh và thằng Frank Junior biết nhằm vào chiếc " ngon " qua một ít pho mát chảy ra ngoài để lấy trước những đứa khác. Những đứa con của Frank nói chung không gặp may vì những bữa ăn ấy chủ yếu là những chiếc " bánh nhạt " và khoai tây rán.

Việc chuyển theo lối thành thị chế độ ăn ở nông thôn ấy dễ gây bệnh phong điên và còi xương nguy hiểm cho sức khỏe hơn lối sống nông thôn vì Frank , khác với ông bà nội, không trồng trọt mảnh vườn trước nhà để có rau tươi vào mùa xuân, mùa thu. Gene là nạn nhân của sự thiếu dinh dưỡng ấy. Là đứa bé nhất, nó dễ bị tổn thương. Mùa xuân 1936, nó mới ba tuổi thì bị còi xương nặng, chân phải đi vòng kiềng. Frank Junior nhận xét "Thằng bé này có thể đi dạo chơi với một chiếc thùng giữa đôi chân ".

Một bệnh viện từ thiện ở Norfolk thường kỳ cử một đoàn công tác xã hội đến kiểm tra những đứa trẻ ở các khu nghèo nhất. Gia đình Vann biết rõ người đàn bà đẹp ấy, có ấn tượng, trong bộ đồng phục màu xanh, đến trong một chiếc xe con có lái xe, nói giọng Đức hoặc Bắc Âu. Bà tên là Landsladder, đã cứu Gene khỏi

tàn tật suốt đời. Bà đưa nó đến các bác sĩ phẫu thuật của bệnh viên. Gene bị giam hãm trong lớp bột bó từ ngực đến chân, hai chân giữ ở tư thế chữ V. Các nhà phẫu thuật thành công trong việc đưa lại cho Gene đôi chân thẳng. Nhưng căn bệnh làm cho nó không phát triển lên được, vẫn là người bé nhất nhà, chỉ cao một mét sáu mươi lăm. Hơn nữa, bị tác dụng phụ của phẫu thuật ghép xương, sau này nó bị khớp háng nặng.

Nỗi xấu hổ thêm vào cái đói, khốn khổ và quần áo rách tả tơi. Bọn trẻ ý thức được là chòm xóm biết Myrtle bán mình và kiếm được nhiều tiền. Nhưng cô ranh mãnh, không đứng đường để khỏi bị bắt. Ở Norfolk, việc đĩ điếm được quy định bởi một đạo luật ngầm mà mọi người có thể lợi dụng, cảnh sát, các nhà chính trị, thậm chí cả những tên giết người. Đèn hồng được tập trung vào một khu trong thành phố, có thể chọn nhà chứa với mọi sở thích, mọi giá. Có cả một địa điểm du lịch mà người khách có thể ngủ với một gái điếm trong gian phòng hình như tướng La Fayette đã ngủ khi đến thăm Norfolk năm 1824.

Myrtle tìm một chỗ thuận tiện cho việc buôn bán của cô, chuyên tiếp khách khá giả không muốn bị bắt gặp trong nhà chứa. Cho làm ham thích nhất thời, Myrtle ít ngại ngùng hơn kẻ chuyên nghiệp và có nhiều khách thường xuyên. Họ đến nhà cô hoặc cô gặp họ trong những chỗ họ cảm thấy không có con mắt tò mò. Bề ngoài, cảnh sát biết rõ Myrtle nhưng cô không thấy có dấu vết bị theo dõi, chắc vì không để lộ lý lịch khách hàng.

Cuộc sống khó khăn đến mức Myrtle bán mình để nuôi con cái, chúng có thể cảm thấy đỡ xấu hổ hơn. Nhưng tiền chỉ thấy dấu vết trên người cô : quần áo kiểu mới, đồ trang sức, son phấn và rượu Whisky. Trong phòng cô ở cùng với Frank, một chiếc tủ đầy áo dài đẹp, mũ, giày, tất lụa và túi xách tay đủ bộ. Trong lúc tiền thuê nhà mỗi tháng 67 đô la, tiền quần áo của cô có thể trả đủ nhiều tháng ; áo dạ hội và đồ trang sức, đồng hồ tay, nhẫn kim cương, dá quý đảm bảo chi tiêu cho gia đình trong một thời gian dài.

Tiền cũng chi nhiều cho thợ làm đầu để giữ nếp uốn. Cô ngồi trước cửa tô móng tay, móng chân , ngồi trên chiếc phô tơi xoay trên hàng hiên tắm nắng trước mặt mọi người nhưng cũng để hấp dẫn khách. Một người đàn bà son phấn ăn mặc lịch sự trước cửa một căn nhà tồi tàn là một quảng cáo công khai không cần phải giải thích.

Frank Vann không những tán thành những gì Myrtle làm mà còn đưa phần lớn tiền anh làm được cho cô và dĩ nhiên cô tiêu phung phí ngay. Cách cư xử của mẹ và tính hoàn toàn tiêu cực của Frank giải thích vì sao những đứa con khốn khổ ghê gớm. Thực phẩm các tổ chức từ thiện phân phối còn ngon, chất lượng tốt hơn thức ăn Frank đưa về và anh cũng có thể tìm được nhiều việc hơn nếu tích cực. Anh thường xuyên ở nhà hơn, thích ngồi trên phô tơi xoay đọc sách báo.

Thực ra, anh không lười biếng, đi làm ngay nếu người ta giao việc cho anh. Trong đợt khủng hoảng nhân công, Vann là hai nghề một lúc : thợ làm sườn tàu ban ngày ở căn cứ hải quân Norfolk và đội viên phòng cháy vào ban đêm. Myrtle cũng phung phí mau chóng cả tiền lương anh đưa về. Nhưng Vann không thể chủ động tích cực tìm công việc. Anh không bao giờ sử dụng học vấn của mình để tìm một vị trí ở văn phòng, đành hài lòng lao động chân tay. Tháng sáu năm 1940, anh nghỉ hưu hưởng một phụ cấp mất sức. Có vẻ anh cần bị xúc phạm mà Myrtle hoàn toàn thỏa mãn điều ấy.

Cô thóa mạ anh vì không tìm việc làm, không đưa tiền cho cô nữa. Cô lấy anh làm trò cười với những quan hệ thoáng qua của cô, xem anh như một đầy tớ, ra lệnh và anh vâng theo.

Tính tiêu cực của Frank Vann càng làm cho Johnny và các em gái dễ bị tổn thương vì thái độ độc ác của Myrtle. Con của Vann không bao giờ có cây Noel. Buổi sáng Noel, con trai những gia đình khác làm huyên náo trên đường, chơi súng ngắn mới, mặc quần áo cao bồi ; con gái khoe khoang với nhau những con búp bê mới. Ở nhà Vann ngày lễ ấy, là bốn chiếc tất len Frank treo ở lò sưởi, mỗi chiếc đựng một quả táo, một quả cam, hạt hồ đáo và mấy cái kẹo. Chỉ đến những năm 30, khi Frank có công việc đều đặn hơn, anh mới có thể cho những đứa con trai quần áo cao bồi và cho đứa con gái búp bê.

Sự ác độc của Myrtle xảy ra đột ngột và dữ tợn. Cô tát ngay vào má, đánh mạnh vào đầu vì hơi ngần ngừ làm theo lệnh cô hoặc vì một nhận xét hỗn láo. Cô hoàn toàn không ý thức được sự độc ác của mình, tuyệt đối ích kỷ không hiểu được mình áp đặt cho những người khác. Tính ích kỷ cũng làm cô không hề cảm thấy thẹn về lối làm tiền của mình. Được khách trả tiền, cô có cảm giác mình trẻ và hấp dẫn. Cô vui vẻ nói với con gái :

" Những người đàn ông nói mẹ có đôi chân đẹp nhất Norfolk ".

Con cái cô thường khó chịu đựng nỗi xấu hổ hơn sự thiếu thốn. Những khu thợ da trắng ở Norfolk những năm 1930 không giống như những khu ổ chuột thành thị của những thành phố miền Bắc bị tàn phá sau Thế chiến thứ hai. Ở đây chưa phải những nơi đầy tội phạm hoặc trụy lạc, con cái không có bố và chị hoặc mẹ làm điếm. Ở Norfolk, phần lớn những người bố trong gia đình uống rượu không pha. Những tối thứ sáu, thứ bảy, trẻ con tụ tập xem ẩu đả nhau trước các quán rượu. Người ta cũng thấy đàn bà uống rượu, đánh nhau ầm ĩ với chồng và sa đọa trên những giường khác như nằm với chồng. Tuy thế, ở những khu nghèo, bẩn thỉu này của Norfolk trộm cắp, trấn lột và những trọng tội đường phố ít xảy ra. Hầu như không ai khóa cửa ban đêm. Ở đây có một trật tự xã hội. Một số người tầng lớp trung lưu chọn ở lại đây hơn là đến những khu phố khác. Người ta kính trọng họ và họ chỉ đạo những hoạt động của nhà thờ và cộng đồng. Hiếm

có việc ly dị nhau. Thường thường, vợ chồng đã bỏ nhau hay cưới lại nhau. Cả những người đàn bà có tiếng không đứng đắn cũng coi trọng vai trò người vợ, người mẹ giữa hai đợt say mèm. Họ chăm sóc gia đình chồng, con cái họ. Myrtle là trường hợp ngoại lệ. Ở Norfolk những năm 30, ngôn từ miền Nam "đứa bé da trắng khốn khổ " không áp dụng cho một gia đình chỉ nghèo tiền. Lời nói theo nghĩa xấu chỉ cách sống hơn là mức lương. Con cái của Myrtle, do lỗi của cô, là những đứa bé da trắng khốn khổ thực sự, những cặn bã của xã hội.

Đối với Johnny, gánh nặng xấu hổ nhân lên gấp đôi vì anh là con hoang. Do Myrtle không dấu hoàn cảnh mang thai, anh suy ra những người anh quen biết đều hiểu rõ nguồn gốc của anh. Giới thợ thuyền thành phố Norfolk đã mang theo mình những giá trị đạo đức của nền văn hóa truyền thống vùng quên miền Nam. Là một đứa con hoang tương đương với không có gia đình, có nghĩa chẳng là gì cả. Giấy khai sinh của Johnny ghi John Paul LeGay. Nhưng người thủy thủ Pháp này hoàn toàn là một người lạ đối với anh, Johnny muốn mang một họ thực sự, là thành viên của một gia đình thực sự, có một người bố thực sự. Bất cứ gia đình nào, bất cứ người bố nào có giá trị hơn không có gì cả. Anh muốn được gọi là John Paul Vann.

Mẹ anh không bao giờ cho anh thoát khỏi sự ra đời không may. Ngay khi cưới Myrtle, Frank Vann chắc chắn đã nhận Johnny là con nuôi khi mới bốn tuổi rưỡi nếu cô không ngăn cản. Frank vẫn đối xử với con của Myrtle như đối với con anh, coi Johnny như con trai mình, luôn nhắc nhủ ba đứa con của mình gọi là anh. Tuy việc bỏ rơi trái ngược với tình yêu nhưng thường cũng gây ra những phản ứng so sánh cả về sự rộng lớn và sức mạnh. Hình như việc bị Spry bỏ rơi đã thúc đẩy Myrtle không để một người đàn ông khác nhận trách nhiệm cho đứa con mang họ " đứa con của tình yêu ", điều duy nhất còn lại của quan hệ giữa hai người. Cô không ngớt cấm Frank Vann lo về việc giáo dục Johnny của mình. Cô bảo anh :

" Nó không phải của anh. Nó là con tôi. Không phải con anh ".

Điều cần thiết mà Myrtle cảm thấy phải tấn công vào nam tính của những người đàn ông khi lấy họ làm trò cười bằng quan hệ tình dục của mình, cũng lộ ra cho cố thấy con trai cô nhạy cảm với gốc gác của mình đến mức nào. Myrtle sử dụng lập luận ấy như một vũ khí bổ sung để tác động và làm tổn thương con. Johnny đưa lại cho cô cơ hội ấy nhiều lần vì anh không ngớt xin mẹ cho Frank Vann nhận anh làm con nuôi. Anh nói " Frank là người bố duy nhất con có và con chỉ muốn mang họ Vann ". Myrtle lúc đó chỉ ngón tay vào Vann thái độ khinh khi " Ông ấy không phải bố con. Họ con không phải là Vann. Con không có bố ".

Đúng là anh không có bố. Myrtle nói đúng. Johnny rất yêu Frank Vann, tuy

yếu kém nhưng bao giờ cũng tử tế với anh. Nếu có khả năng , ông đã tìm được một cách gì đó để nuôi nằng, may mặc cho con, trả tiền thuê nhà, sẽ trừng phạt Myrtle hoặc đuổi ra khỏi nhà. Tính chất hai mặt Johnny cảm nhận đối với ông lộ ra trong cách nói. Trong gia đình, anh gọi ông " bố ", với anh em họ và những người không phải trong nhà, anh gọi là " Vann ". Anh không có ai để nương tựa như một người bố làm được.

Spry, người sinh ra anh thời gian đó còn ở Norfolk nhưng không giúp đỡ được gì. Cuối những năm 20, ông ta đã bỏ nghề lái xe điện và để có nhiều tiền hơn, đã lao vào buôn rượu lậu. Ông cũng đã ly dị người vợ đầu. Khi lò nấu rượu Whisky lén lút bị phát hiện, ngồi tù sáu tháng, ông hiểu ra mình không làm nghề này được. Ông phải lòng một người đàn bà trẻ, cưới nhau, hạn chế sở thích cờ bạc và chạy theo phụ nữ để khỏi làm hỏng cuộc hôn nhân thứ hai. Cuối những năm 30, Spry có mọt công việc đều đặn là lái xe cho một xưởng làm bánh, có ba con trai với người vợ mới. Ông cố làm một người bố tốt. Nhu cầu chi tiêu cho gia đònh thứ hai này cộng thêm tiền để đánh bạc và cho đàn bà đôi lúc ông còn thả lòng mình, đã không cho ông đủ tiền và đủ thì giờ dành cho hai đứa con bà vợ trước và đứa con bất hợp pháp. Thỉnh thoảng, John Paul đến xin ông tiền để mua thực phẩm Spry cũng cho. Một số lần hiếm hoi, Spry cho phép Johnny kiếm được mấy xu khi giúp ông trong công việc xe cộ. Ngoài ra, ông để anh sống vất vưởng với Frank Vann và Myrtle.

Có điều gì đó trong tính cách của Johnny ngăn cản Myrtle hủy hoại con trai mình. Anh thường xuyên khẩn nài với các thầy giáo anh tên là John Vann chứ không phải John LeGat đến nỗi cuối cùng người ta chịu sai trái, ghi tên anh ở trường là John LeGay Vann. Tính năng động của anh thể hiện ở nhiệt tình trong những hoạt động thể thao như bóng rổ, chạy đua và đặc biệt trò nhào lộn hẳn đã thừa kế của Spry, một người đàn ông rất khỏe, rất khéo léo có thể kéo mình lên xà bằng một tay và đi được bằng hai tay. Johnny làm cho các em vui thích bằng cách làm bánh xe quay dọc đường đi và lên, xuống cầu tháng trên hai tay. Anh làm anh em thán phục bằng quay lưng nhảy lộn từ mái hiên xuống.

Johnny tìm bất cứ người nào giúp anh thoát khỏi cuộc sống gia đình. Anh gặp một viên đại úy lập dị của quân đội cứu hộ, nguyên trưởng đoàn quân nhạc của Hải quân, rất được trẻ con trong khu ưa chuộng. Ông không thích bộ đồng phục xanh và đỏ thẫm của tổ chức tôn giáo mà ăn mặc theo lối tự do, đội chiếc mũ mềm kiểu tướng cướp Al Capone. Ông thành lập một câu lạc bộ bóng rổ để tránh cho trẻ con nghèo lê la trên đường dễ hư hỏng. Đội hay nhất của ông đoạt giải nhất của tổ chức Thanh niên Thiên chúa giáo với năm lần chiến thắng liên tiếp. Tờ báo địa phương đăng một bức ảnh những người chiến thắng. Người chơi bé nhất của đội là một cậu con trai tóc vàng nhìn thẳng vào máy. Trên chiếc áo thun

của cậu in vụng về hai chữ " SA " của Đội quân cứu hộ.Vòng khóa chiếc thắt lưng lớn rộng quá khổ nổi rõ qua lằn áo thun.

Hướng đạo sinh cũng là một khả năng thoát ly. Johnny là đội viên một đội tập hợp ở trường gần nhà lúc cậu 12 tuổi. Trong 4 tháng trở thành đội phó, người ta thu xếp tìm cho cậu một bộ đồng phục bán hạ giá. Cậu chụp ảnh ở hiệu vẫn chụp cho mẹ bên cạnh nhà, đầu đội mũ hướng đạo sinh rộng vành, phóng túng hất ra sau mái tóc cắt ngắn. Đôi mắt nhìn và nụ cười rạng rỡ chứng tỏ cậu rất hãnh diện về chiếc sơ mi ka ki, chiếc quần đi ngựa thùng thình của bộ đồng phục quá rộng không phù hợp với thân hình mảnh khảnh của cậu : 35 ki lô và một mét ba mươi tám như đã ghi trong thẻ hướng đạo sinh với tên John Paul Vann.

Mùa thu năm 1937, gia đình lại di chuyển một lần nữa, đến thành phố Atlantic, trong một khu thợ thuyền khác, chỗ Frank tìm được một căn nhà. Johnny đã 13 tuổi, sắp vào năm thứ nhất trường trung học. Việc thay đổi này cho cậu có dịp làm quen với người bạn đầu tiên và thực sự của mình. Cho đến lúc đó, cậu chỉ là một đứa trẻ lẻ loi. Cần phải giấu kín bao nhiêu điều, đấu tranh với cái nghèo và đau khổ, gia đình lại thường di chuyển cản trở việc kết bạn, ngoài các em cùng mẹ khác bố. Tuổi thơ và tính tình của người bạn đầu tiên này khác hẳn John. Khi trưởng thành, anh chỉ có một thời gian ngắn theo sự nghiệp cảnh sát ở Norfolk rồi trong một xưởng sản xuất máy điều hòa nhiệt độ ở Florida. Kém Vann 6 tháng tuổi, cậu tên là Edward Crutchfield nhưng mọi người gọi cậu là Gene. Một hôm tình cờ họ gặp nhau trên đường. Tình bạn ấy có nhiều lý do : Crutchfield không biết gì về Vann và những người xung quanh khi họ gặp nhau ; cậu sống trong một gia đình thực sự , khác với Vann ; hai cậu không ganh đua nhau về hoạt động thể thao vì Crutchfield cao lớn hơn và chơi bóng chày, không có gì đụng độ với nhau và sau cùng, Crutchfield biết lắng nghe.

Crutchfield gọi bạn mình John thay vì Johny vì cậu ấy tự giới thiệu là John Vann và thích người ta gọi tên thật của mình. Dần dần qua nhiều lần gặp, Crutchfield nhận xét thấy tuy John tắm rửa và bao giờ cũng sạch, ngày nào cậu ta cũng mặt những quần áo ấy. Xem ra cậu không có những bộ quần áo khác. Giày không phải do một cậu con trai tự chọn cho mình mà có vẻ mua hạ giá. Mặt khác, Crutchfield nghĩ một cậu con trai thể chất tốt như vậy nhưng quá gầy. Ít lâu sau lần gặp nhau đầu tiên, mẹ Crutchfield cho con hai quả táo. Gene đưa cho John một quả ; cậu này cám ơn và ngốn ngấu như sợ quả táo biến mất. Gene tự hào về gia đình mình, nhất là về mẹ và cậu thấy John xúc động . Gia đình Crutchfield là một trong những gia đình thợ thuyền ở thành phố Atlantic có một ngôi nhà thay vì phải thuê. Mẹ của Gene tỏ ra rất đảm đang, làm nhiệm vụ người mẹ trong gia đình một cách thân thương. Bà cố gắng chuẩn bị bữa ăn tối ngon hơn khi con mời bạn về nhà, như trường hợp lần đầu tiên Gene mời John về

chơi.

Hai cậu con trai có thói quen chơi trong các xưởng gỗ khi vắng người vì John có thể nhào lộn trên những đống mùn cưa ở đấy. Crutchfield mê nghị lực của bạn cố gắng tập dượt cho hoàn hảo những động tác nhảy nguy hiểm và các môn thể dục khác khi dự các cuộc thi ở trường. John trèo lên đỉnh những đống mùn cưa để nhảy, quay tròn người trên không. Khi chạm đất , cậu lại trèo lên tiếp tục không ngừng.

Một hôm, vào chiều tối, hai cậu con trai nhận ra chiếc xe đậu trong một ngõ hẹp gần xưởng, khuất sau xưởng và các đống gỗ. Biển số mang chữ MD có nghĩa là chiếc xe của một người thầy thuốc, đung đưa làm người ta đoán biết trong đó có một đôi đang làm tình. Gene và John nhẹ nhàng lại gần để thấy rõ có việc gì xảy ra. Khi thong thả ngẩng đầu nhìn vào qua cửa kính, hai cậu thật ngạc nhiên. Chính là Myrtle cùng một người khách mà John không quen. Các cậu im lặng tránh ra xa. John không thể giấu giếm mình bối rối đến mức nào. Bạn cậu đã biết người đàn bà là ai vì mấy ngày trước đó, cậu có mời bạn đến nhà, giới thiệu với Myrtle. John đã làm như mẹ mình cũng là một người đàn bà như bà Crutchfield. Cậu cũng giới thiệu Frank Vann với bạn, làm bạn nghĩ cũng là quan hệ bố con như Gene và bố cậu ấy. Crutchfield nhận thấy căn nhà tồi tàn đến mức nào, nhưng John cố dấu sự thật, không mời bạn ở lại ăn tối.

Sau sự nhục nhã ở xưởng gỗ, John thôi không nói dối nữa và tâm sự với Gene.

- Tại sao mình không thể có một người mẹ tốt như mẹ của câu, Gene ?
- Mình rất buồn, John, mình chẳng biết nói thế nào, Crutchfield trả lời.
- Mình rất hoan nghênh tình bạn của cậu. Thực sự rất hoan nghênh, John nói.

Crutchfield muốn giúp đỡ John nhưng không biết làm sao.

Một hôm khác, hai cậu đi trên con đường dọc căn nhà của John. Cậu này bỗng dừng lại đá vào vỏ chai Whisky Myrtle vứt ra đấy.

Có lẽ trong gia đình có cái ăn hơn một ít nếu bà ấy không tiêu phí tiền vào cái này, John nói. Cậu giải thích Frank Vann đưa gần hết tiền làm ra cho Myrtle. Cậu khinh Frank yếu đuối. Bực tức lên cậu lại đá vào vỏ chai. Cậu bảo :

" Bà ấy không bao giờ thích mình ".

Mỗi lần John chán nản, Crutchfield đều nghe câu ấy. Vann không thú nhận với bạn mình là con hoang nhưng Gene nghe qua một người anh em họ biết rõ câu chuyện giữa Spry và Myrtle, sau đó tự giải thích được cho mình câu nói của bạn.

Crutchfield cũng bắt đầu hiểu được vì sao John hăng hái tập những cú nhẩy nguy hiểm như vậy. Đấy là một cách thể hiện nỗi giận dữ Myrtle gây ra cho cậu. Những cậu con trai khác cũng cảm thấy sự hung dữ ấy. Các cậu cười sau lưng Myrtle " đi với đàn ông " nhưng không bao giờ thể hiện nó trước mặt John. Ai

cũng sợ khiêu khích cậu vì cậu nổi tiếng là một kẻ đánh nhau ghê gớm không hạ được. Những cuộc đánh nhau Crutchfield được chứng kiến không bao giờ kéo dài. Đôi khi một cậu con trai không biết rõ John thử xem cậu nổi tiếng ra sao. Đối thủ không thể đánh được vì John luôn luôn né tránh để sau đó đánh lại. Cậu kia bắt đầu chỉ vồ vào khoảng không , sợ và vùng vẫy vô ích trong lúc John đấm vào cậu như mưa. Cậu có kỹ thuật ngáng chân cho đối phương ngã và kết thúc thắng lợi. Crutchfield thán phục bạn phản ứng rất nhanh. John hình như cảm nhận được mối nguy hiểm. Những cậu con trai biết gia đình Vann, gán sự nhanh nhẹn của Vann cho việc tập tránh đòn của mẹ.

Trong một cuộc ẩu đả, John thắng một đối thủ lớn hơn mình. Mấy ngày sau, trong lúc hai cậu bạn dạo chơi, kẻ kia đột ngột nhảy ra từ một góc tưởng John đi dọc sát đấy. Sự bất ngờ làm cho kẻ kia tin tưởng không thể đánh hụt cậu. Nhưng John đã nhảy sang một bên, ngáng chân cho hắn ngã và đánh thật mạnh.

" Đồ ngu bẩn thỉu, mày không bao giờ học được điều gì à ? " John mắng đối thủ đang nằm trên đất.

John không gây chuyện đánh cãi nhau. Cậu muốn các bạn bè chấp nhận ý mình một cách độc đoán. Nếu có kẻ nào đe dọa em cậu hoặc Gene, John đi tìm và đánh vỡ họng nếu cảnh cáo một lần không đủ. Một trong những tay to lớn ấy đã nhận được của John một trận đòn, sau đó kết bạn với các em của cậu và trở thành người bảo vệ cho chúng. Crutchfield chưa bao giờ thấy John bị đánh bại hoặc mất lòng tin từ đầu.

" Nó không làm mình sợ đâu ", John nói về đối thủ mỗi lần sắp có chuyện ẩu đả xảy ra ở trường hoặc trong khu nhà ở.

John lao vào một trò chơi làm Crutchfield khiếp sợ. Cậu chạy ra giữa đường, nhảy vào ngay trước một chiếc xe, thách thức lái xe đột ngột phanh lại để không đâm vào cậu. Trước khi người lái xe đủ thì giờ chửi mắng thì John đã ở phía bên kia đường.

Lần đầu chứng kiến cảnh ấy, Crutchfield kêu lên :

" Dừng lại, John, cậu bị nát người bây giờ ".

John phá lên cười.

" Thích lắm " cậu kêu lên với bạn từ bên kia. Vượt qua đường trở lại với Crutchfield, John nhảy ngay vào trước một chiếc xe buýt. Cậu thích chơi với xe chở hàng và xe buýt hơn vì những chiếc xe ấy to hơn.

Một buổi chiều mùa thu năm 1938, hai cậu kết bạn đã được một năm. Gene đến nhà tìm John, chở ở hàng hiên. Cậu nghe giọng Myrtle trong nhà đang hét lên những lời tục tĩu mắng Frank Vann.

" Chúng ta đi khỏi đây thôi, John Paul Vann nói. Bà ấy đang làm như ở trong

nhà chứa ".

John tâm sự với Crutchfield cậu rất nản lòng, không thể chịu đựng cuộc sống ở nhà nữa. Cậu không biết làm thế nào. Việc bỏ nhà ra đi là khả năng duy nhất. Crutchfield hiểu khá rõ để biết John có thể làm điều ấy, nhưng sau đó không ai dự kiến được điều gì sẽ xảy ra với bạn. Thậm chí nếu cứ ở lại, giận dữ bốc lên vì Myrtle cuối cùng sớm muộn cũng nổ ra, đẩy cậu làm những việc phản lại cậu và gây ra những vấn đề với cảnh sát. Một mục sư trẻ quản lý nhà thờ Tin lành gia đình Crutchfield vẫn tin theo, với quyết tâm và ý nghĩ của mình, ông đã thắt chặt quan hệ của cả cộng đồng. Crutchfield dẫn John đến gặp ông.

Garland Evans Hopkins, mục sư, tế nhị về uy tín lẫn lộn với những mâu thuẫn, dưới con mắt John là hình ảnh gần gũi nhất cậu hình dung về ông bố. Hopkins về đằng ngoại là một trong những gia đình cổ xưa ở Virginia, tổ tiên có danh tiếng nhưng nghèo tiền. Ông tự xem mình là người bị chèn ép nhất, đạt một danh tiếng đáng ngờ trước khi chết thảm khốc 27 năm sau đó. Nhà thờ cử ông sang Palestine năm 1947 để báo cáo về cuộc tranh chấp giữa những người Ả rập Palestine và những người Do Thái phục hưng trong quá trình thành lập Nhà nước Israel. Hopkins trở về khẳng định những nạn nhân Do Thái trả thù người Ả rập Palestine. Ông tự xem mình là luật sư bảo vệ quyền lợi của nhân dân Palestine vào thời kỳ mà chỉ nên có cảm tình với Israel thì tốt hơn. Ông tổ chức và cầm đầu hiệp hội lớn đầu tiên để bảo vệ quyền lợi của họ và để tạo thuận lợi cho quan hệ với các nước Ả rập : những người " bạn Mỹ của Trung Đông " được CIA bí mật tài trợ.

Khi Gene đưa John tới gặp ông năm 1938, Hopkins mới 24 tuổi. Ông lãnh đạo tu viện từ năm trước và cho có vẻ già, ông để ria mép cùng đôi kính gọng đồi mồi thêm trịnh trọng vào dáng đi và khổ người bình thường. Bố và ông nội Hopkins cũng là mục sư nhưng không phải vì tôn trọng truyền thống mà Hopkins bỏ ngành luật đang học để theo con đường tôn giáo. Ông bị những lý tưởng xã hội đang phát triển mạnh lúc đó trong nhà thờ Virginia lôi cuốn và ngày nay được chính thức thừa nhận trong xã hội Mỹ : thực phẩm và bảo vệ xã hội đối với trẻ con nghèo khổ, chăm sóc miễn phí cho bệnh nhân nghèo và người có tuổi, quyền của công nhân có nghiệp đoàn, tiền lương tối thiểu, quyền được đình công và chấm dứt tệ phân biệt chủng tộc. Ở Virginia, nơi Hopkins lớn lên, những ý nghĩ đó được xem là mới và “tự do”, thậm chí quá khích trong những điều kiện làm việc và những vấn đề chủng tộc.

Những người mất thừa kế, chịu ảnh hưởng của suy thoái kinh tế có một thái độ rộng mở hơn đối với những cải cách. Cộng đồng tôn giáo trong giới thợ thuyền sung sướng có một mục sư " tiến bộ ". Những bài thuyết giáo của Hopkins không phải là sự sáng tạo duy nhất làm Hopkins quần chúng hóa. Tính

năng động của ông thấm vào tất cả các mặt của Nhà Thờ và Hopkins trực tiếp hướng dẫn những điều ấy. Ban đồng ca được cải tiến nhờ tài âm nhạc của ông. Nhà thờ lúc đó chưa có đội hướng đạo sinh. Hopkins thành lập một đội mà ông là chỉ huy, dẫn những cậu con trai đi cắm trại và hướng dẫn bước đầu việc cứu thương. Trong đêm lửa trại, Hopkins kể những chuyện ghê sợ về ma quỷ. Các cậu con trai thích thú Hopkins như đối với bố mẹ chúng.

Theo Crutchfield, Vann lúc ấy 14 tuổi, tin cậy vào mục sư trẻ như chưa bao giờ dám tin vào ai trước đây. Gene ngạc nhiên về Vann lúc ấy đã đủ thông minh đã hiểu quan hệ giữa Myrtle và Frank Vann và muốn thoát khỏi quan hệ ấy. Một cậu con trai khác gặp những vấn đề như vậy sẽ không sáng suốt nhận ra nguồn gốc cãi cọ của họ. Hopkins hiểu Vann là một cậu con trai không chỉ muốn được cứu vớt mà còn rất hối tiếc nếu mất đi khả năng tự chủ. Sau lần gặp gỡ ít lậu, trong một bức thư, Hopkins kể chuyện Vann là " một cậu con trai đặc biệt xuất sắc ". Ông tiếp nhận Vann vào đoàn giáo dân của ông, làm lễ rửa tội cho cậu cùng mười một cậu trai trẻ khác. Hopkins cũng thuyết phục Vann gia nhập đội hướng đạo sinh của tu viện.

Cho đến lúc tự giải phóng hoàn toàn khỏi Myrtle nhờ Hopkins, John tỏ ta không ổn định một thời gian. Trong tình trạng dễ xúc động, có lúc cậu đi hội họp hướng đạo sinh hàng tuần sau đó vắng mặt tuần tiếp theo với một lý do mập mờ. Những lời khuyên của Hopkins làm cậu lấy lại can đảm, đặc biệt khi ông cho cậu thấy khả năng mùa thu tới cậu có thể vào một trường giáo dân nếu cậu tốt nghiệp trường trung học Norfolk. Những thành tích về thể thao cũng giúp cậu vượt qua khó khăn. Mùa xuân năm 1939, Vann đạt giải nhất cuộc thi thể thao cùng lứa ở trường về chạy đua và nhào lộn. Myrtle giữ cẩn thận chiếc cúp vàng cậu mang về, bắt đầu tự hào về đứa con trai đầu, chụp một bức ảnh bỏ vào album, phía dưới Vann tự hào ghi " Chiến tích của tôi ".

Đến mùa thu, Hopkins đã trở thành thần hộ mệnh của cậu. Ông chỉ đưa ngón tay , một thương nhân giàu có ở Norfolk vốn hào phóng tài trợ Nhà thờ dẫn cậu vào hiệu quần áo có tiếng nhất thành phố. John ở đấy ra với chiếc áo vét thể thao, quần, giầy, những chiếc sơ mi, cà vạt và một chiếc áo thun. Hopkins đưa ngón tay lần thứ hai và cũng nhà buôn ấy ký một tấm ngân phiếu cấp học bổng cho cậu vào trường trung học Ferrum ở Virginia do Nhà thờ quản lý và thành lập trước Thế chiến thứ nhất để nuôi dạy trẻ con vùng miền núi náy. Giữa tháng Chín năm 1939, hai tuần lễ sau khi Đức xâm chiếm Ba Lan, Vann vào trường Ferrum.

Bốn năm ở đây là những năm tốt đẹp đầu tiên trong cuộc đời Vann. Thỉnh thoảng có suy sụp, thể hiện ở những điểm kém nhưng nói chung cậu sung sướng vì được sống trong một tập thể cho cậu hy vọng thoát khỏi quá khứ và bước vào

một cuộc sống đáng kính và trọn vẹn.

Ngôi trưởng ở một vùng trũng giữa những quả đồi xung quanh là khu rừng đẹp. Những phòng học, phòng ngủ, lợp ngói đỏ theo kiến trúc cổ điển xứ Georgia. John ở một phòng sưởi ấm cúng vào mùa đông, chăn đệm sạch sẽ, buổi sáng có ăn trứng, được uống sữa cùng bánh mới và bơ, mỗi bữa ăn có thịt và rau.

Nếu ở trường Norfolk, John cảm thấy thấp kém vì sự cách biệt các tầng lớp xã hội thì ở Ferrum không thế. Phần lớn 35 cậu trẻ trai khác trong lớp John đều được học bổng và đến từ những xóm làng xa xôi của Virginia và Carolina Bắc. Mỗi học sinh lao động 15 giờ mỗi tuần để giảm nhẹ chi phí cho nhà trường cùng nhân viên : họ tự làm bếp, dọn bàn ăn, dọn dẹp giặt giũ, làm việc văn phòng và ở trang trại là chỗ cung cấp thực phẩm thiết yếu cho trường : họ vắt sữa bò, nuôi gà và dọn vệ sinh chuồng trại. Lúc đầu, Vann được phân công giặt là cho đến khi bà cố vấn sư phạm phát hiện ra cậu thích chỉ đạo và có thể dạy được. Bà giao cho cậu vị trí trợ lý giảng dậy ở một trường tiểu học xóm bên cạnh mà trường phụ trách những trẻ em trong vùng.

Hạnh phúc John cảm nhận thấy rõ trong lối cư xử của cậu. Johnny Vann mà các thấy , các bạn học ở Ferrum biết không còn là cậu con trai Crutchfield đã gặp ở Norfolk. Bây giờ cậu như chiếc dây cung người ta căng ra. Giám thị tả cậu có một " nhân cách hấp dẫn .. rất dễ mến ... dễ dàng gắn bó .. một người hoàn hảo ". Các bạn học nhớ lại cậu rất vui, bao giờ cũng sẵn sàng đùa. Một trong những cô gái nhớ đến nụ cười của cậu khi cậu trêu chọc cô về một cậu con trai cô thường lui tới. John không để lộ ra điều gì có thể đoán được trước đây cậu sống thế nào. Không bao giờ cậu nói về gia đình mình và khi về nhà nghỉ hè, đến trường cậu chẳng kể mình đã qua những ngày hè ra sao.

Ở nhà cậu chẳng có gì thay đổi. Thực ra tình hình còn tồi tệ hơn. Myrtlr say mê một lái xe taxi nghiện rượu, tiêu pha tất cả số tiền của mình và của Frank cho anh bạn mới này, thậm chí đưa anh ta về nhà và đuổi Frank Vann sang ngủ ở một phòng khác. John đề phòng mẹ có thể trốn đi vào mỗi mùa thu nên tìm cách tự lo cho mình trong suốt mùa hè. Johnny Spry bây giờ có một việc làm kiếm được tiền : phụ trách công việc giao hàng cho xưởng bánh, ông ta đưa cậu vào giúp chạy xe. John và người bố chính thức trở thành bạn tốt của nhau.

Hopkins đảm bảo thương nhân cấp học bổng cho Vann sẽ lại cung cấp vào mỗi tháng Chín. Năm 1940, trong mùa hè đầu tiên John về nhà. Hopkins dạy cho cậu chương trình lịch sử châu Âu và văn học Anh để cậu có thể nhảy vượt một lớp. Ông tìm chương trình của Ferrum để John học và cho thi học kỳ ở tu viện gần chỗ nhà cậu. Ông cho người mình bảo trợ những điểm rất tốt và chứng nhận trong một bức thư gửi Ferrum là John đạt kết quả trong hai môn chính với điểm 19 môn sử và 18 môn Anh văn. Frank được Ferrum cấp bằng vào tháng Sáu năm

1941 và bắt đầu mùa thu vào trường.

Tháng Sáu năm 1942, hai tuần lễ trước khi John 18 tuổi, cuối cùng Myrtle cho phép Frank Vann nhận cậu làm con nuôi. Như vậy,. John Paul LeGay trở thành John Paul Vann theo quyết định của tòa án Norfolk. John đã nói trước với mẹ nếu bà chống lại thủ tục nhận con nuôi ấy, anh sẽ tự thay đổi họ lúc trưởng thành. Myrtle bây giờ đã có thể khá tự hào về con trai mình để chấp nhận đề nghị của anh. Bà kể với bà chị Mollie chính bà nhận được khoản học bổng cho con học ở Ferrum. Hai mươi tám năm sau con trai của Myrtle phải ghi việc nhận mình làm con nuôi ấy vào một mẩu giấy tờ chính thức. Anh đổi ngày thực tế, đưa lên sớm hơn 10 năm, vào 1932.

John không muốn học xong trường trung học sau khi quân Nhật đánh Trân Châu Cảng tháng 12 năm 1941 nhưng hình như Garland Hopkins thuyết phục anh phải hoàn thành nó. John muốn đi đánh nhau ngay. Anh không biết có ai hối tiếc việc Nhật cho Hoa Kỳ một lý do để tham chiến không.

Vào cuối năm 1942, giữa năm thứ hai ở trường trung học Ferrum. Vann quyết định không chờ nữa. Một số bạn cùng lớp đã ra mặt trận. Họ cho rằng Tổ quốc đang lâm nguy và họ không chần chừ lâu hơn được. Những người đã 18 tuổi, được gọi nhập ngũ như Vann trong năm 1942 mà chưa mặc đồng phục bắt đầu cảm thấy xấu hổ. Vann chờ để gia nhập hàng ngũ quân đội vì anh muốn là phi công máy bay ném bom và Hopkins có vẻ đã thuyết phục được nếu anh học xong trung học, anh sẽ có cơ may lựa chọn tốt hơn.

Trở thành hiệp sĩ trên không là giấc mơ Vann chia sẻ với nhiều thanh niên thế hệ anh. Những gương mặt huyền thoại của Chiến tranh thế giới thứ nhất là những phi công và cũng là hình ảnh lãng mạn trong cuộc chiến tranh mới này. Vann thấy họ trong phim thời sự : những anh hùng bất tử của lực lượng không quân hoàng gia với dải băng trắng và áo blu dông da cừu, bước lên chiếc máy bay Spitfire để làm im tiếng máy bay Luftwaffe kiêu ngạo. Lái máy bay có nghĩa là chiến đấu trong số người ưu tú. Nhưng niềm say mê Vann cảm nhận vượt qua hình ảnh sùng bái thường tình. Mollie thấy trong ý thích đó cũng là việc tìm kiếm tự do như Vann thể hiện trong bước nhảy nguy hiểm từ mái hiên xuống. Khi kiếm được vài xu, anh không tiêu cho cái ăn mà mua một mẩu nhỏ máy bay tháo rời. Anh gọt những mảnh gỗ nhẹ, dán lại với nhau, cẩn thận theo lời chỉ dẫn sơn màu và đó là biểu tượng của một trong những máy bay đơn giản mà các anh hùng phi công của Thế chiến thứ nhất chiến đấu tay đôi. Những khuôn mẫu ấy là đồ chơi duy nhất anh không san sẻ với các em và Gene.

Anh mơ được trở thành một trong những phi công tươi cười ấy, ngón tay cái chỉ lên trời anh thấy trong phim thời sự trong lúc động cơ máy bay của họ rú lên trên cầu hàng không mẫu hạm để rồi vút lên trên bầu trời Thái Bình Dương và

đụng đầu với máy bay tiêm kích Nhật. Anh về nhà nghỉ Noel năm 1942 với một bức thư giới thiệu của chủ tịch Ferrum gửi lực lượng không quân. John có vẻ thất vọng vì câu trả lời của văn phòng tuyển mộ Norfolk. Anh trở lại Ferrum tiếp tục học để nhà trường chiếu cố thời chiến tổng kết cho anh hai năm đầy đủ dù anh gia nhập quân đội trước khi kết thúc học kỳ. Tháng Ba, anh lên tàu hỏa đi Richmond đến gặp người tuyển quân vào hàng không. Lần này câu trả lời không làm anh thất vọng. Có quá nhiều anh hùng tiềm tàng để quân đội hứa hẹn nhưng John sẽ là một thí sinh xuất sắc vào trường Không quân. Có lẽ để có cớ nói với Myrtle vốn sợ anh chết, thúc dục anh tìm một việc làm dân sự. John để người ta phiên chế tân binh nhưng với điều kiện vào không quân.

Sáng sớm ngày 10 tháng Ba năm 1943, John lại lên tàu hỏa từ Richmond đi khám sức khỏe. Anh đã 18 năm 8 tháng tuổi. Hồ sơ quân đội ghi John Vann cao một mét sáu mươi tám , nặng năm mươi sáu ki lô. Một bác sĩ ghi " Nước da hung ". John xếp hàng nhiều giờ cùng những thanh niên khác cũng như anh, chỉ mặc quần đùi trả lời những câu hỏi liên quan đến sức khỏe, sở thích về rượu, ; đọc chữ kích thước khác nhau để thử tầm nhìn ; cúi xuống để người ta chọc một ngón tay đeo găng cao su vào lỗ đít ; chích thử máu (John thuộc nhóm A) và chụp phổi phát hiện bệnh lao (John âm tính). Rồi họ mặc quần áo, tập trung trong một gian phòng rộng thề vâng theo lệnh cấp trên. John nhận một chiếc vé tàu hỏ trở về Nofolk và một lệnh tập trung ở Trại Lee ở Virginia sau đó một tuần. Trung tâm tuyển chọn cũng đưa cho anh một ngân phiếu mua vé từ Norfolk đến Trại Lee. Tuần cuối cùng của cuộc sống dân sự, John án bánh kẹp thịt và nước giải khát ở quán của Mollie, dành dụm tiền cần thiết cho sau này. Năm 1943, lương của anh lính binh nhì chỉ được 50 đô la mỗi tháng.

Đến Trại Lee, anh ký tên " Johnny Vann " vào một bản xác nhận tình trạng sức khỏe vẫn như một tuần trước đây đã kiểm tra. Tuổi trẻ của anh kết thúc ở bước đầu cuộc sống quân đội. Từ nay, trên mọi giấy tờ anh ký là " John P. Vann ".

Trong năm ngày đầu ở Trại Lee, quân đội tác động mạnh để làm anh không ổn định về tâm lý và bắt đầu từ số không để dễ dàng biến chuyển sang một thanh niên chiến đấu. Anh phải bỏ quần áo thường kể cả khăn tắm, mặc đồng phục kaki vải xanh ô liu của quân đội. Người ta cắt tóc ngắn cho anh, lại qua một đợt khám sức khỏe mới kiểm tra kết quả khám lần đầu, được tiêm phòng đậu mùa , thương hàn và uốn ván.

Một trung sĩ hét lên để tân binh ra khỏi những căn lều sắp hàng điểm danh rồi chửi rủa, làm cho họ bước đi theo hàng cho đến nhà ăn tập thể. Quân đội cũng quan tâm đến trình độ văn hóa của từng người. John và các bạn trải qua một loạt bài kiểm tra để có thể sử dụng tốt nhất khả năng của họ ; anh đạt 19 điểm về lái máy bay với nhận xét " Đủ tư cách để chỉ định làm học viên lái máy bay ". Viên

thư ký cũng ghi John đã được giải trình về đạo đức giới tính sau hôm đến Trại Lee.

Mặc dù được điểm tốt trong kiểm tra năng khiếu và báo cáo của trung tâm tuyển chọn Norfolk đính kèm hồ sơ ghi rõ anh tình nguyện vào không quân, con đường còn lại đi đến vị trí phi công còn dài. John phát hiện ra điều làm nguyện vọng của anh khó thực hiện được : trại Lee là trung tâm chính huấn luyện quản lý hậu cần của quân đội trong Thế chiến thứ hai. John được điều về đấy trong đội phục vụ quân đội, triển vọng nhằm sửa chữa các loại xe cho đến hết chiến tranh. Ngày 22 tháng Ba năm 1943, anh được gửi đến học ở kho Atlanta rồi người ta cho anh theo những lớp nhập môn về máy móc ô tô.

Vann viết một bức thư cho Ferrum để xin những thư giới thiệu khác và gửi thêm một đơn xin chuyển về trường lái máy bay. Nhờ những thư ấy và đơn tình nguyện mới , anh được triệu tập gặp các sĩ quan của Trung tâm đào tạo phi công Atlanta. Bà cố vấn sư phạm đã cho anh làm trợ lý giảng dạy tuyên bố trước hội đồng bà hy vọng vào " những kết quả xuất sắc nhất " của John Vann. Bà viết trong báo cáo " Tôi chờ đợi anh ấy sẽ vượt qua những nhiệm vụ qui định ".

Ngày 19 tháng Sáu năm 1943, khoảng ba tháng sau khi đến Atlanta, tiểu đoàn 139 nhận được một bức thư của thiếu úy, thư ký Hội đồng Trung tâm đào tạo không quân. Ông này nói trong thư :

" Chúng tôi hân hạnh thông báo, anh đã thỏa mãn mọi cuộc thi cần thiết để được nhận vào trại huấn luyện không quân ". Ông cũng cho biết sắp tới Vann sẽ được thuyên chuyển.

Đối với quân đội " sắp tới " có nghĩa là một tháng ở Atlanta và hai tháng nữa ở một trung tâm quan sát trước khi John nhận được điều anh mong muốn : lệnh điều động đến phân đội 51 huấn luyện không quân ở Rochester bang New York. Trung tâm đặt ở những ngôi nhà của Học viện thương mại, dạy những lý thuyết cơ bản về hàng không cho những người tập sự. Những ai đạt kết quả trong giai đoạn đầu này sẽ được học tập chi tiết hơn và đào tạo thực sự về lái máy bay.

Vann đến Rochester ngày 18 tháng Chín 1943 và ngay từ đầu đã đạt kết quả rất tốt. Các thầy nhận ra ngay ở anh khả năng dìu dắt người khác, có thể là một trong những học viên sĩ quan của phân đội. Tháng Sáu, anh nhận bằng tốt nghiệp của Ferrum, trong đó có một ảnh học sinh và một câu nhận xét. Bên cạnh ảnh là một John Vann tươi cười, người ta đọc được :

Thông minh, sáng suốt – ai có đức tính đó,

Sẽ là môn đồ của nền tự do

Họ gặp nhau trong một phòng trà vào ngày chủ nhật trước lễ Noel 1943. Đã khoảng 3 giờ chiều, Mary Jane và bạn cô, Nancy thường đến đây uống một cốc

nước đá sau khi xem phim. Là những cô gái được giáo dục tốt, họ ngồi trong một lô hai người. Anh ngồi trước mặt với năm học viên sĩ quan. Cô nghe anh gọi một bánh kem mứt táo người ta không bán ở chỗ này, mẹ Mary Jane lại làm món này ngon đặc biệt. Rồi anh quay lại nói chuyện với cô. Anh bảo đã chú ý đến cô chiều thứ bảy tuần trước khi đi trên hè đường trong lúc anh đang diễu hành đi đầu đơn vị.

Tuy nhớ ngay ra anh vì cô cũng chú ý đến anh, cô vẫn im lặng một lúc. Cho đến lúc đó, cô chưa bao giờ trả lời một người lạ về một loại chuyện như vậy chỗ đông người. Cô 16 tuổi, đã học xong năm cuối trường trung học. Giọng mũi vùng Virginia cô thấy dễ nghe nhưng không phải đấy là đặc điểm duy nhất khác với những chàng trai khác ở trường cô thường cùng đi chơi. Mái tóc vàng của anh chải ra phía sau theo mốt. Bộ đồng phục xanh đậm của học viên sĩ quan có dáng rất đẹp với những cánh nhỏ bằng bạc ở ve áo và may vào ống tay áo trái là phù hiệu tròn của những phi công, trình bày một cánh và chong chóng.

Anh tươi cười , nghiêng người về phía trước khi nói chuyện. Cô có cảm giác anh hiểu rõ đàn bà hơn cô biết về đàn ông. Anh xứng đáng là người cô có thể nói với các bạn mình đó là " một con sói trẻ ". Tất cả những gì người ta nói phải đề phòng ở một đàn ông cô đều thấy thích ở anh. Cô vi phạm lời hứa với mẹ và trả lời anh vào chiều thứ bảy trước cô đi trên hè phố và bây giờ cô nhận ra anh. Cô quên hết phần còn lại của câu chuyện trừ việc anh hẹn gặp. Cô từ chối, nói mẹ cô không cho phép đi ra ngoài với một người lạ.

Chiều hôm sau, anh đến chỗ cửa hàng lớn cô bán hàng sau giờ học. Anh lấy cớ mua hàng để mời cô đi ra ngoài cùng anh. Cô trả lời không thể nhưng nếu anh gặp bố mẹ cô thì có lẽ bà sẽ cho phép. Sao anh không đến ăn bữa đêm Noel cùng một người bạn giới thiệu với bạn cô ? Cô đề nghị như vậy. Thay câu trả lời, cô thấy trên mặt anh nở một nụ cười mà cô thích đến thế. Vậy thì cô ở đâu và phải đến lúc mấy giờ ?

Anh đến theo giờ hẹn, đi cùng một người bạn. Anh làm bố mẹ cô xúc động vì lễ phép, thật thà và những hiểu biết anh trả lời về việc tập luyện của học viên sĩ quan, khác hẳn những thanh niên mười chín tuổi khác mà họ biết. Mẹ Mary Jane chiêu đãi anh món kem mứt táo mà con gái bà đề nghị. Sau bữa ăn, bố mẹ để bốn thanh niên trang trí cây thông. Họ nói chuyện, cười nhiều và liếc nhau một ít. Lúc ra về, anh nói với mẹ Mary Jane anh vừa trải qua đêm lễ Noel đẹp nhất trong đời. Chị cả Mary Jane đề nghị tiễn các chàng trai về tận nhà. Anh còn liếc nhìn Mary Jane một ít nữa trong xe.

Họ không gặp lại nhau trong hơn một năm. Anh đã dự xong lớp huấn luyện ở Rochester và qua Noel trên con tàu đưa anh đến Trung tâm đào tạo Nashville. Ngay sáng hôm ấy , anh điện thoại tạm biệt Mary Jane, gọi cô là " em thân yêu "

và nói những lời âu yếm.

Ở Nashiville, anh thực hiện chuyến bay đầu tiên trong một máy bay liên lạc nhỏ. Anh gửi cho cô một bức thư tình với bức ảnh như hình ảnh huyền thoại anh mong ước : đứng bên cạnh chiếc máy bay, mặc áo blu dông da cừu, chiếc dù mang sau lưng, bàn tay phải đeo găng đặt trên một thanh ngang máy bay. Chiếc mũ cát két đội ngang và mái tóc lượn sóng rủ trên trán. Anh ký vào bức anh như đã ký dưới thư " Love, Johnny".

Thư trả lời của Mary Jane không làm anh thất vọng và bản tình ca của họ nảy nở qua những bức thư, ảnh trong những tháng tiếp theo. Đối với cô, anh là sức sống năng động, lòng nhiệt tình, sự phiêu lưu trong suốt cuộc đời bình lặng cô chưa hề biết. Đối với anh, cô không chỉ có ngoại hình hấp dẫn mà còn đại diện cho giới tư sản, của tình yêu gia đình, không biết đến sự xấu hổ mà anh ước mơ khi dạo qua những khu giàu có của Norfolk, chắc chắn cuộc sống người ta trong đó cũng phải tuyệt vời như mặt ngoài. Cô tên họ là Mary Jane Allen, đã biết rõ những gì anh không có như một cô bé mẫu mực. Bố cô có một địa vị khiêm tốn nhưng danh giá ở Rochester, là thư ký hạng nhất của toàn án thành phố và thư ký hiệp hội luật sư. Justus Smith Allen, mà vợ và bạn bè gọi ông là « Jess » niềm nở, nhỏ người và thấp đậm, tính tình trầm lặng nhưng có nghị lực. Mỗi buổi chiều, ông về nhà lúc năm giờ rưỡi đúng để đọc báo trước khi ăn tối.

Mẹ Mary Jane là Mary Andrews, con gái những người nhập cư Rumani, hòa đồng nhanh chóng với cuộc sống Mỹ bằng thay đổi họ và chuyển theo giáo phải trưởng lão. Như con gái, Mary gặp người đàn ông của đời mình lúc 16 tuổi. Ông đã 27 vào thời kỳ ấy, làm thư ký ở xưởng Genereal Motors. Vào mùa thu, cưới nhau rồi, Mary và Jess đến ở Rochester khi Jess tìm được việc làm ở tòa án. Ông nghĩ nghề này quan trọng hơn và vững chắc hơn.

Jess có lý cả hai mặt. Cơn điên phạm tội và việc kiện tụng tách rời cuộc khủng hoảng kinh tế. Hoàn cảnh vững chắc của ông đảm bảo cho gia đình tránh được cảnh nghèo khổ mà hàng triệu gia đình khác trong nước phải gánh chịu sau năm 1929. Lúc Mary Jane còn học tiểu học và sự suy thoái lên đến cùng cực, gia đình Allen chuyển từ căn nhà khiêm tốn ở ngoại ô đến một ngôi nhà sang trọng trong thành phố. Nhà của gia đình Allen cũng như các nhà bên cạnh đứng sừng sững sau những bụi cây được cắt xén , đầu một thảm cỏ rộng.

Có bốn phòng ngủ ở tầng hai và một mái hiên rộng có thể ngủ ở đấy trong mùa hè. Phòng ăn ở tầng trệt có kèo giả, cửa kính, trang trí chiếc đèn nhiều ngọn ở giữa phòng. Jess bố trí căn hầm làm phòng chơi bài với một máy hát quay tay và một chiếc bàn ping pong. Tuy mùa hè ở Rochester không quá nóng, những tháng Bảy, Tám năm nào gia đình cũng thuê một căn nhà một tầng bên bờ hồ Conesus phía bắc bang New York, cách Rochester một giờ đi đường. Cuối tháng

sáu Mary Allen đưa con đến đó, mỗi đợt nghỉ cuối tuần, Jess đi xe đến, rồi cùng nghỉ hè với gia đình. Ông bà Allen chỉ có hai đứa con, mỗi đứa có một phòng và một phòng dành cho bạn bè. Mary Jane , cô con gái thứ hai sinh ngày 11 tháng Tám năm 1927. Cô không khờ dại nhưng thiếu tò mò trong học vấn nên không phải là một học sinh xuất sắc. Cô thích những việc trong nhà và giống một phụ nữ truyền thống chơi búp bê, may và, dọn dẹp nhà cửa.

Lúc bé, Mary rất ngọt ngào , tươi cười, tóc lượn sóng , lễ phép và có những chiếc áo dài theo mốt. Mary Jane được giáo dục tôn trọng giá trị gia đình, Nhà thờ và Tổ quốc mà không bao giờ cô đặt lại vấn đề. Bà nội cô có ảnh hưởng lớn đối với cô trong lĩnh vực này. Vả lại , hai bà cháu hình như có những điểm tương đồng. Mỗi lần bà nội, một người đàn bà nhỏ, đến thăm gia đình Allen ở Rochester hoặc ở căn nhà ven hồ vào mùa hè, Mary Jane muốn ở bên bà suốt ngày. Bà dạy cho cháu may, đan và kể những chuyện quá khứ của bà. Hai trong mười người con bà chết bởi dịch cúm và Jess mất bố từ khi còn rất bé. Trong nhà không có nhiều tiền và bà phải nuôi dưỡng gia đình rất khó khăn. Bà tự hào mình đã làm tròn trách nhiệm với Jess và bảy anh chị em khác đến lúc trưởng thành. Bà nói với Mary Jane, một người đàn bà phải kiêu hãnh trong vai trò người mẹ. Nếu người đàn ông phải đảm bảo những điều cần thiết cho gia đình thì giáo dưỡng là trách nhiệm của người đàn bà. Trong thời kỳ khó khăn, một người mẹ phải hy sinh cho các con, cho chúng ở bên cạnh mình và tiếp tục học hành cho đến khi trưởng thành. Nếu một người đàn bà làm tốt bổn phận của người mẹ, bà ấy cũng làm tròn nghĩa vụ đối với Chúa trời và đất nước vì, bà nói, không có gia đình thì Nhà Thờ, Tổ quốc cũng không thể tồn tại.

Mary Jane đã bắt đầu chuẩn bị hành trang ngày cưới mà cô ước mơ ngay trước khi gặp Vann, từ khi cô có việc làm ngoài giờ ở cửa hàng. Cô mua vải trải giường, khăn, những chiếc gạt tàn đẹp và những vật linh tinh khác. Bà mẹ không bao giờ chống đối vì Mary Jane có khiếu thẩm mỹ bẩm sinh. Sau khi gặp John, vấn đề ai sẽ là người đàn ông trong đời cô đã được giải quyết. Trừ buổi vũ hội sau lễ phát bằng tốt nghiệp, cô đi cùng một cậu con trai trong lớp học mà cô quen biết từ nhỏ, Mary Jane không lui tới với người nào trong 16 tháng cho đến khi gặp lại John. Thật thơ mộng khi là người yêu của một người lính chiến đấu hoặc chuẩn bị bước vào cuộc chiến tranh cứu vớt cả nhân loại. Không có tuần nào không có ảnh « một người vợ chưa cưới thời chiến tranh » xuất hiện trên chuyên mục thời thượng của báo chí Rochester. Buổi lễ phát bằng tốt nghiệp thấm đượm tinh thần ấy. Một học sinh đọc bản tiểu luận " Tôi chiến đấu vì điều gì ". Một nữ sinh cũng đọc luận thuyết của mình " Chắp tay trên biển cả ". Một cô khác hát " Lời cầu nguyện của trẻ em nước Anh ".

Ở trung tâm tuyển dụng Nashville, Tennessee, Vann được may mắn chọn vào

lớp huấn luyện phi công lái tuy qua những đợt thử năng khiếu anh đạt những kết quả tốt nhất về ném bom và hoa tiêu. Mùa đông xuân và hè năm 1944, anh đi khắp miền Nam, từ trại huấn luyện này đến trại huấn luyện khác. Ở Bainbridge, Georgia, anh bay lần đầu tiên một mình chỉ sau tám đến mười giờ học. Sau đó, anh đến Maxwell tập bay theo đội hình. Cuối cùng, anh về Trường đại học hàng không ở Florida.

Sự thỏa mãn và yêu thích bay tự do từ đầu lôi kéo anh đến với hàng không nay lại là nguyên nhân cản trở anh thực hiện ước mơ trở thành phi công lái. Một ngày tháng Tám, anh lao vào những động tác nhào lộn trên chiếc máy bay huấn luyện. Để trừng phạt , anh bị đuổi ra khỏi trường. Trong văn bản chính thức, người ta giấu bản chất của sự việc khi viết " Gạch tên khỏi tập luyện vì yếu sức trầm trọng ". Chán nản vì hình phạt ấy, anh nói dối Gene, đứa em thần tượng hóa anh, là các nhà phẫu thuật quân đội phát hiện ra một dấu vết trên phổi bị ho lao từ thời thơ ấu (John thổ lộ sự thật với Mary Jane mấy năm sau đó). Tuy vậy, các giáo viên vẫn nhận xét thái độ của anh là mẫu mực (Anh nhận được Huy chương hạnh kiểm tốt ở Maxwell) và giới thiệu anh về Trường phi hành đoàn San Marcos ở Texas. John được biên chế vào Tháng Mười, tốt nghiệp Tháng Giêng năm 1945 và giữa tháng Hai nhận đội cánh phi hành đoàn với cấp bậc thiếu úy.

John gửi cho Mary Jane một bức ảnh của mình trong bộ đồng phục sĩ quan mới : chiếc bludông ngắn thắt chặt ngang mình người ta gọi là blu dông Ike vì là kiểu mặc tướng Eisenhower ưa thích nhất, nổi lên trước một tấm vải vẽ trời và mây. Anh bẻ gãy bờ mũ cát két để có vẻ thích chiến đấu, để một tay vào háng, đầu nghiêng về một bên nhìn ra xa, hướng về số phận của mình. Anh ghi vào sau lưng bức ảnh " Anh xin thề, em yêu, chính tay thợ ảnh bốn xu ở hội chợ buộc anh đứng ở tư thế này – nhìn xa về bầu trời chuyển động – và có Chúa biết vì sao ".John điện thoại cho Mary Jane vào tháng Tư. Anh có một đợt nghỉ phép ngắn trước khi chuyển về Nebraska và anh đến thăm cô lần đầu sau bữa ăn đêm Noel. Sau nhiều đợt thư từ, anh đến Rochester ngày 12 tháng Tư năm 1945, Mary Jane nhớ ngày ấy vì là hôm Franklin Roosevelt chết và bắt đầu nhiệm kỳ tổng thống của Harry Truman. John và Mary cùng đi phố, anh mua cho cô một chiếc nhẫn cưới. Anh không đề nghị cưới cô và cô cũng không nói đến trước khi có chiếc nhẫn. Giữa hai người chỉ ngầm ý họ sẽ cưới nhau.

Mẹ của Mary Jane bắt họ phải chờ hai năm nữa. Chàng trai này tuy lâu ngày họ không gặp, đã có một ấn tượng tốt đối với gia đình Allen nhưng họ muốn biết nhiều hơn trước khi cho anh con gái họ. Bà mẹ cho gia đình rất quan trọng nên muốn biết gia đình Vann có phù hợp không. Bà cũng mong con gái có nền học vấn cao hơn nghĩa là phải vào đại học ít nhất hai năm trước khi lấy chồng. Sau khi học xong trung học, Mary Jane theo những lớp thư ký trong một trường

thương nghiệp, học đánh máy chữ và tìm được một việc làm thư ký. Mẹ cô đã để dành tiền cho Mary Jane được vào trường đại học Rochester từ mùa thu 1945.

Lần đầu tiên trong đời Mary Jane chống lại mẹ. Mùa hè năm ấy, John điện thoại cho cô từ Nouveau – Mexique,nơi anh được cử đến một lớp huấn luyện đặc biệt về ra đa trên siêu pháo đài bay B-29, máy bay ném bom bốn động cơ lớn nhất trong Thế chiến thứ hai. John đề nghị cô đi tàu hỏa đến gặp anh. Cô nhận lời ngay không xin phép bố mẹ lúc ấy đang đi du lịch. Mary Jane thuyết phục chị, Doris, đi kèm . John thu xếp để hai cố ở trong một nhà trọ của căn cứ không quân và tìm một người bạn cho Doris. Hai chị em trải qua những ngày tuyệt vời trong bể bơi và dự các dạ hội. Tháng Tám , Mary Jane ép mẹ thông báo ngày cưới. Giấy báo hỷ xuất hiện ngày 18 tháng Tám năm 1945 in trên báo Rochester buổi chiều với một bức ảnh của cô.

Tháng Chín, John lại gọi điện thoại. Anh được biên chế vào một phi đội B-29 ở Kansas. Tuy nước Nhật đã đầu hàng ngày 14 tháng Tám, thời gian phục vụ của anh bị kéo dài vô thời hạn vì anh không phục vụ ở nước ngoài (Thời kỳ ấy quân đội cho giải ngũ theo chế độ dựa vào thời gian ở hải ngoại và tham dự chiến đấu). John có thể được nghỉ phép hai tuần vào đầu tháng Mười và sẽ tới Rochester ngày mồng 3. Như vậy, họ có thể cưới nhau khi có giấy phép và Mary Jane theo anh đến Kansas, họ sẽ ở trong một căn hộ gần căn cứ. Mary Jane trả lời đồng ý ngay. Cô xin mẹ số tiền dành cho cô học đại học dùng vào hôn lễ. Bà mẹ nêu lên những lý do biện bác nhưng Mary Jane tuyên bố nếu bà từ chối không cho cô thành hôn với John ở Rochester, cô sẽ lên tàu hỏa tới Kansas làm lễ cưới ở căn cứ không quân. Đã 18 tuổi, Mary Jane không cần bố mẹ cho phép nữa và John lúc ấy 21 tuổi. Mẹ cô cho rằng trong một thời gian ngắn, họ không đủ thì giờ tổ chức đàng hoàng. Mary Jane trả lời phải cố gắng làm tốt nhất. Bà mẹ cuối cùng chấp nhận vì không có sự lựa chọn nào khác. Buổi lễ ấn định vào ngày mồng sáu tháng Mười một ,buổi chiều thứ bảy để theo truyền thống, bạn bè có thể đến tham dự. Mary Jane điện thoại cho John trao đổi về ngày đã chọn. Anh trả lời sẽ đến đúng giờ.

John rất xúc động về giấy thông báo lễ thành hôn, in chữ gôtic mà anh đưa cho Mary Jane một danh sách những người không đến tham dự được nhưng anh vẫn muốn gửi vì tự hào. Một trong những người đó là ân nhân của anh, Garland Hopkins, lúc ấy là cha tuyên úy trong quân đội ở Đông Nam Á. Ba thành viên trong gia đình anh đến dự hôn lễ : bà dì Mollie cùng con trai trưởng của bà, Joe Raby, người John đề nghị làm phù rể và Myrtle. John không muốn gây nghi ngờ cho gia đình Allen nếu không mời người trong gia đình mình đến và tìm cớ cáo lỗi cho Frank Vann, buộc phải ở lại Norfolk vì thiếu tiền.

John nói dứt khoát với dì Mollie “Cháu ủy thác mẹ cho dì. Dì phải trông

chừng bá và chú ý đừng cho bà uống rượu". Anh sợ rượu vào bà nói lung tung. Mollie nhớ lại "Khi đã say dì ấy kể bất cứ chuyện gì. Rất có thể sẽ nói "Các ông bà biết không, họ đích thực của nó không phải là Vann ..". Loại chuyện như vậy, dì ấy có thể thả ra khi quá chén".

Mollie ngăn cản cô em không say nhưng lối kiêu căng của Myrtle gây nên một khủng hoảng nhỏ. Bà lên tàu hỏa từ Norfolk đến New York rồi đi xe con cùng Mollie và Joe Raby đến Rochester hôm trước buổi lễ. Mary Allen cố mời Mollie và Myrtle ở lại nhà họ còn John và Joe qua đêm ở khách sạn. Chiều hôm sau lúc Myrtle, Mollie và Mary Allen đi xe đến nhà thờ dự lễ ấn định vào bốn giờ rưỡi, Myrtlre bỗng thấy chiếc tất của mình tuột ra :

- Tôi không vào đâu, bà nói với Mollie. Tất của tôi bị rách.
- Dì phải vào, Mollie trả lời. Giờ này không tìm được tất nữa đâu. Hôn lễ sắp bắt đầu rồi. Mọi người đã có mặt. Phải vào thôi.
- Tôi không vào nhà thờ với một chiếc tất bị tuột, Myrtle khăng khăng nói.
- Nhưng không ai nhận thấy đâu. Mọi người nhìn vào cô dâu và không ai để ý đến dì.

Myrtle vẫn không đổi ý. Mary Allen có ý kiến can thiệp.

"Bà đừng lo, bà Vann. Chúng tôi sẽ tìm một đôi tất đâu đó. Bà cứ bình tâm".

Không ai nhớ Mary Allen đã tìm bằng cách nào, họ dừng lại trước một cửa hàng hoặc bà trở về nhà lấy. và Myrtle vẫn có một đôi tất thay nhanh trước khi vào nhà thờ.

Chính John làm buổi lễ chậm nửa tiếng đồng hồ. Anh lạc đường khi lái chiếc xe của Mollie đi cùng với Joe Raby. Nhà nguyện Divinity School, một kiến trúc kiểu Gôtic mới có một vẻ đẹp thơ mộng nên, cũng như nhiều cô dâu của Rochester, Mary Jane đã chọn chỗ này thay vì nhà thờ cô vẫn đi lễ. Mục sư giáo phái trưởng lão của nhà thờ gia đình Allen, chủ trì, trấn an khách mà không trấn an được mình khi thông báo phải chờ một lúc vì chàng rể đến chậm. Mary Jane nhớ lại hình như chỉ duy nhất cô không lo lắng. Cô đã chắc chắn John và cô là của nhau, anh ấy sẽ đến và cưới cô. Đối với một người lạ, nhà nguyện ở bên ngoài thành phố không dễ tìm. Vann chỉ biết trung tâm Rochester và hôm trước buổi tập dượt lễ thành hôn làm ở nhà thờ của gia đình Allen. John đã hỏi đường một viên cảnh sát đi mô tô và thế là chàng rể đến nhà nguyện chậm nhưng được ngoạn mục thông báo bằng một hồi còi cảnh sát.

Tuy vội vã vì điều kiện của chàng rể tương lai, ông bà Allen chuẩn bị cho đám cưới của con gái không giống những gì sẽ tiến hành ở Norfolk hoặc thành phố Atlantic. Bàn thờ sáng choang vì những cây nến với hai bình khổng lồ hoa lay ơn hồng và trắng trên nền những cành lá cọ. Mary Jane mặc chiếc áo dài sa tanh

trắng, ống tay dài cô chọn ở cửa hàng áo cưới. Phần hở cổ được trang điểm một chuỗi ngọc trai. Chiếc váy kéo dài với tấm viền một chuỗi hoa cam. Doris, cô phù dâu, mặc lụa trơn màu hồng. Ba cô bạn của Mary Jane đi kèm theo cô với những bó hoa hồng, cúc trắng, hoa mõm sói. Jess Allen mặc lễ phục, cà vạt sọc bạc và một bông hoa cẩm chướng ở ve áo, dẫn con gái lại bàn lễ.

Những người lính tham dự đưa lại buổi lễ một không khí chiến tranh vì tuy nước Nhật đã đầu hàng, việc tranh chấp vẫn còn tồn tại. John rất lịch sự trong bộ đồng phục sĩ quan mà người ta gọi là "hồng và xanh lá cây" : áo dài xanh thẫm với thắt lưng và quần màu be hồng. Mary Jane nhận thấy John nóng lòng trong buổi lễ cũng như quá trình đón tiếp sau đó khi họ cắt chiếc bánh cưới. Những bức ảnh do một thợ ảnh chuyên nghiệp gia đình Allen thuê chụp cho người ta đoán được nỗi băn khoăn của John. Có lẽ anh rụt rè vì buổi lễ giàu có với hoa, sa tanh và bận tâm không biết Mollie có kiềm chế được Myrtle không. Nhưng những bức ảnh cũng lộ rõ một chàng trai rất hạnh phúc, ý thức được phần thưởng qua người đàn bà trẻ. Mary Jane đáng giá phải bỏ công. Đây là một người vợ mới cưới rất đẹp. Cô tô môi đỏ thắm theo mốt những năm 40 làm nổi lên khuôn miệng có đôi môi cân đối và hàm răng đều đặn. Mái tóc nâu lượn sóng của cô làm tăng giá trị đôi mắt nâu hung ánh lên phù hợp với chiếc áo dài sa tanh.

John Vann đã học được nhiều sau hai năm rưỡi trong quân đội, nhất là khi mặc đồng phục anh thành một người khác hẳn. Trong bộ quần áo này, anh không còn là cậu bé Johnny Vann hoặc LeGay hay bất cứ họ nào, đứa con hoang của người đàn bà ăn uống lu bù, thường bám vào đầu quầy một quán rượu. Anh là trung úy John Paul Vann của quân đội Hoa Kỳ. Quân đội và chiến tranh đã giải phóng anh hơn cả Ferrum, khỏi căn nhà đáng khinh ở Norfolk mà anh không bao giờ quay trở lại. Cho dù anh có thể làm được gì ở đó, kể cả trở thành giàu có hơn nhà tỷ phú buôn hàu đã mua cho anh những bộ quần áo chỉnh tề đầu tiên, anh không bao giờ có được sự kính trọng anh cảm thấy như lúc là thiếu úy. Ở Norfolk luôn luôn có ai đó làm anh nhớ lại gốc rễ của mình. Với bộ đồng phục này thì không thể được. Anh mặc vào càng lâu thì anh sẽ không có gì khác với những người tử tế.

Chứng cớ rõ nhất là người đàn bà anh vừa cưới. Bố mẹ Mary Jane đã chấp nhận vì anh là sĩ quan. Họ sẽ không bao giờ bằng lòng cuộc hôn nhân này nếu họ thấy được điều gì ẩn náu sau bộ đồng phục, thực sự anh là ai và từ đâu tới. Thực ra sau này, Mary Allen phát hiện ra gia đình John không phù hợp với những người trong môi trường của bà. Nhưng Jess đã giấu bà nhiều chi tiết. Một hôm gia đình Allen đi qua Norfolk, Jess tới sở cảnh sát và nhờ chức vụ nghề nghiệp, ông có được mọi thông tin về John và gia đình. Ông choáng váng về điều mình

biết và không nói lại với Mary. Xem ra cảnh sát không dè sẻn nói cụ thể về Myrtle. Tuy vậy, Jess và Mary không bao giờ khe khắt với John về những việc trước đây; họ theo chiều hướng khen ngợi anh đã thoát khỏi gia đình một cách thành đạt như thế.

John có ý định đi xa hơn và thấy quân đội là chỗ lý tưởng để phát triển. Anh cũng phát hiện ra qua hai năm rưỡi ấy , anh thông minh hơn phần lớn các bạn, cũng bền bỉ hơn, có thể làm việc căng thẳng gấp hai lần họ thậm chí gấp ba lần nếu cần. Anh có thể trở thành một trong những đại tá đáng sợ với đôi cánh trên vai áo, nắm giữ một quyền lực tuyệt đối với người và máy móc. Và tại sao không, một ngày nào đó kiêu hãnh mang trên người những ngôi sao cấp tướng. Một cuộc phiêu lưu tuyệt diệu như vậy có vẻ khó đến với anh nhưng anh có thể luôn hy vọng.

Spry đã hiểu quân đội có ý nghĩa như thế nào đối với Vann. Sau khi mua nhẫn cưới vào tháng Tư năm 1945, Vann trở về Norfolk với một cuộc viếng thăm đắc thắng. Anh đến nhà Spry, mặc bộ "hồng và xanh lá cây" để tôn giá trị những gạch thiếu úy và đôi cánh phi hành đoàn của anh. Spry đã được điều động vào đội bảo vệ bờ biển trong Thế chiến thứ nhất nhưng chưa bao giờ vượt quá cấp bậc binh nhì. Kể chuyện lại cuộc viếng thăm của John với một trong những con trai cũng đang ở quân đội và có ý định trở về Norfolk sau chiến tranh, Spry nói "Từ nay, người ta không gặp Johnny nhiều ở đây nữa".

John mới cưới vợ mấy tháng thì được thuyên chuyển về đảo Guam để đi thu hồi những máy bay B-29 ở các cơ sở Thái Bình Dương đưa về Hoa Kỳ và Hawaii. Mary Jane về nhà bố mẹ ở Rochester cho đến khi anh về. Mùa xuân 1946 từ Guam anh viết thư cho vợ nói đã quyết định theo đuổi sự nghiệp trong quân đội và sẽ qua một kỳ thi để trở thành sĩ quan chuyên nghiệp. Cho đến nay, anh vẫn có trong danh sách dự bị, có thể giải ngũ bất cứ lúc nào. Anh giải thích mình có thể học xong đại học miễn phí, được chính phủ đài thọ và sau này nếu đổi ý anh vẫn có thể xin giải ngũ.

Thời gian đó Mary Jane mang thai đứa con đầu lòng Patricia. John không hỏi ý kiến chị trước khi quyết định. Lúc đầu chị ngạc nhiên. Phần lớn những người chị biết đều cho rằng sự nghiệp quân đội không phải là một cách kiếm sống và nuôi dưỡng gia đình tốt nhưng chị nghĩ chính anh ấy phải chọn nghề của mình và chị muốn anh làm gì đó theo sở thích của anh. Chị không thấy quân đội là một trở ngại cho cuộc sống gia đình mà chị xem là một xuất phát tự nhiên của hôn nhân. Chị có thể quen dần với những xa cách tạm thời như chị đã làm. Tháng Bảy năm 1946, Vann nhận được chứng chỉ sĩ quan trong quân đội thường trực, thắng lợi đầu tiên trên con đường anh đã xác định.

Trình độ đại học rất quan trọng đối với một sĩ quan có tham vọng. Vann được

nhận vào trường đại học Rutgers ở New Jersey vào mùa thu năm 1946 theo một chương trình về kinh tế trong hai năm dành cho những sĩ quan chuyên nghiệp. Mary Jane cố gắng hết sức mình đảm bảo việc gia đình ở một trong những khu tập thể nhỏ nhà trường dành cho sinh viên có vợ.

Tháng Năm 1947, John bỗng tuyên bố bỏ học và xin chuyển sang bộ binh. Không quân cho đến lúc đó gắn vào mỗi binh chủng được xây dựng thành một lực lượng tự trị theo sắc lệnh của Hội đồng an ninh quốc gia năm 1947. Vann là một trong số ít sĩ quan không quân được chọn ở lại quân đội. Anh đoán, đúng phi công lái chứ không phải nhân viên phi hành đoàn sẽ là những nhân vật chóp bu của lực lượng Không quân độc lập và hy vọng đề bạt sẽ lớn hơn trong bộ binh. Có một khoảng rộng về hành quân và chỉ huy người trên mặt đất là một thách thức hấp dẫn hơn lái máy bay trên không. Ngoài ra trường hợp một cuộc chiến tranh mới nổ ra, bộ binh đối đấu với nhiều nguy hiểm hơn do đó cho phép cán bộ quân chủng này được phân biệt khác hơn và thăng cấp nhanh hơn.

Tháng Sáu, John và Mary bán chiếc xe đầu tiên của họ, một chiếc Chervolet hai chỗ ngồi John mua 200 đô la. Máy luôn luôn nóng, không đi xa được. Anh mua một chiếc Ford mới hơn. Mary Jane đặt Patricia, mới 8 tháng, trong một chiếc nôi di động trên ghế sau và cả gia đình lên đường đến Fort Benning ở Georgia, chỗ có trường bộ binh John theo một lớp huấn luyện ba tháng, tập chỉ huy một trung đội và hướng dẫn một đại đội chiến đấu. John cũng quyết định dự lớp đào tạo lính dù để sau đó có thể chỉ huy những toán không vận.

Lần này nữa, anh không hỏi ý kiến vợ và Mary Jane lại không chống đối quyết định của anh. Chị không chờ đợ ở John một cuộc sống bình thường mà là một cuộc phiêu lưu. Cho đến nay mọi việc đều diễn biến tốt.

Chị ngạc nhiên về mùi cá phơi trên hàng nghìn tấm liếp gỗ dọc bến tàu. Trong lúc con tàu tiến dần vào cảng Yokohama vào tháng Tư năm 1949, chị chưa bao giờ cảm thấy mùi vị lạ lùng , tanh như thế và cũng chưa bao giờ thấy màu đỏ, màu da cam chói chang như vậy lúc mặt trời lặn ở phía bên kia hải cảng. John chờ chị ở đó để lại lo cho cuộc sống của chị, ôm hôn chị và đưa tay xiết chặt các con. Anh đã đề nghị chị đến với anh ở Nhật Bản sau khi được điều động sang Triều Tiên trong vòng 9 tháng để biên chế vào lực lượng chiếm đóng Mỹ. Trừ vài trường hợp ngoại lệ, gia đình binh sĩ không được đến Triều Tiên kể cả khi không có chiến tranh.

Sự nghiệp sĩ quan bộ binh của Vann bắt đầu không được thuận lợi. Huấn luyện viên của anh ở Fort Benning có ấn tượng tốt về Vann, giới thiệu để anh được cử làm phân đội trưởng một đơn vị nhảy dù nhưng các sĩ quan Lầu Năm Góc quyết định khác hẳn. Họ cử anh sang Triều Tiên trong những công tác đặc biệt, nghĩa là chịu trách nhiệm về các câu lạc bộ và những địa điểm vui chơi của quân nhân.

Mặt khác, vị trí của anh ở Nhật Bản cũng không phải chỗ một sĩ quan bộ binh có tham vọng lựa chọn cho dù cuộc sống ở đây thật dễ chịu. Anh lo việc mua và hợp đồng ở tổng hành dinh sư đoàn 25 bộ binh đóng tại Osaka cách Tokyo 370 cây số về phía tây nam. Nhiệm vụ của anh là nhận cung cấp hậu cần qua cơ quan Nhật Bản phục vụ lực lượng chiếm đóng , quản lý những cơ sở đã trưng dụng và nhà cửa Sư đoàn chiếm đóng.

Mary Jane cho là mình may mắn đã không biết chuyến đi khó chịu nổi đến mức nào nếu không, chắc là chị không dám đến. Cuối những năm 40, quân đội xem tiện nghi là một quyền lợi dành cho các sĩ quan nhưng việc di chuyển gia đình họ là một việc phức tạp vô ích. Khi John lên tàu đi Triều Tiên, anh ở một phòng cùng một sĩ quan khác. Hai người để suốt thời gian chơi bài và đọc sách báo. Ngược lại, Mary Jane chờ ba tuần lễ ở Seattle trước lúc lên một chuyến tàu chở quân sau khi đã đi tàu hỏa qua suốt nước Mỹ cùng Patricia, hai tuổi rưỡi và John Allen sinh buổi sáng Noel năm 1947 ở bệnh viện Fort Benning. Chị là người vợ sĩ quan duy nhất trong hành trình, không được một đặc ân gì, trải qua ba tuần lễ ở Seattle trong một nhà trọ lụp xụp cùng những vợ con binh lính khác. Trẻ con thoát được bệnh dịch sởi ở đó nhưng John Allen bị đau tai và viêm họng.

Trên tàu thủy, họ cùng sống trong phòng ngủ cùng nhiều gia đình. Cánh cửa thép nặng ở phòng vệ sinh chung đóng sập lại khi tàu tròng trành. Một đứa trẻ đứt mất một ngón tay ở đấ và Mary Jane luôn luôn sợ con mình cũng bị thương theo cách đó. Chị một tay ôm John Allen, 14 tháng tuổi và giữ Patricia đầu một sợi dây. Cậu con trai không ngớt bị sốt và kiết lỵ. Mary Jane lúc thì ở phòng bệnh với nó, lúc thì sắp hàng để vào đó.

Nỗi giận hờn qua thử thách biến mất khi chị ngạc nhiên thấy quang cảnh, những mùi vị và dân cư ở Nhật. Chị nghĩ sẽ gặp những quái vật nhỏ dữ tợn và căm ghét người Mỹ. Ngược lại, chị thấy dân chúng vui vẻ lao động; những công nhân khuân vác trên bến cảng , tươi cười với trẻ con, khiêng hành lý đến tận taxi John thuê để đưa gia đình ra ga, lên tàu hỏa đến Osaka và nhà mới của họ.

John đưa vợ con vào một ngôi nhà như thiên đường dưới chân một ngọn đồi ngoại ô phía nam Osaka. Mary Jane lúc đầu khó hình dung mình sẽ là bà chủ của một chỗ ở như vậy. Chị hạn chế ước mơ của mình vào cỡ một xe lăn du lịch rồi một ngôi nhà nhỏ của một nông dân nghèo gần Fort Benning chưa hiểu là người Mỹ ở Nhật Bản những năm chiếm đóng ấy tương đương với một vị chúa nhỏ. Một trung úy bình thường có quyền ở một ngôi nhà lớn bằng cách đuổi đi một điền chủ Nhật Bản. Thực ra , ngôi nhà kia cấp cho một sĩ quan không có trẻ con. Chỉ ở với vợ, anh thấy rộng quá và nhường cho John để nhận một ngôi nhà nhỏ hơn.

Ngôi nhà có vườn bao quanh, màu trắng , ở chân một quả đồi. Khi John mở cửa, Mary Jane dừng lại , sửng sốt vì hình mẫu đẹp đặc biệt của người Nhật. Những người đầy tớ, đặc ân của một người đi chinh phục, đã bố trí một lọ đầy cây cảnh nhiều màu để đón tiếp bà chủ mới. Trên tường, phía sau lọ cây cảnh treo một tấm vải vẽ nhiều ký hiệu. Màu đỏ tươi của hoa tương phản với mực đen chữ Trung Hoa trên một tấm vải úa vàng.

Bên trong ngôi nhà hình chữ U, cánh phải bố trí theo kiểu phương Tây, gồm một phòng ăn, một phòng khách trải thảm và các phòng ngủ trên tầng , có phòng tắm kiểu châu Âu. Cánh trái nhà là bếp theo truyền thống Nhật, mặt đất phủ thảm đan cành liễu. Giữa hai cánh có một khoảng trống làm sân trong nhà. Mary Jane phấn khởi vì là lần đầu tiên từ khi cưới nhau, chị cảm thấy có một ngôi nhà có thể tiếp khách.

Nước Nhật khai tâm cho Mary Jane cuộc sống đồn trú cùng lúc chị gia nhập nhóm mà quân đội gọi một cách kỳ lạ “cán bộ gia đình” nghĩa là nhóm vợ sĩ quan. Chị thấy thích cuộc sống này, nó thuộc về một môi trường khép kín cũng như chị đã thích giữa tầng lớp tư sản ở Rochester. Trật tự và không gian đặc biệt này được cấu tọ một cách năng động đã hấp dẫn chị, cho chị cảm giác yên ổn và có một vị trí cụ thể trong xã hội. Vợ các sĩ quan nghĩ họ thuộc về một đơn vị đặc biệt mà theo truyền thống họ có trách nhiệm về hầu hết các hoạt động xã hội trong khu đồn trú và cộng đồng. Họ thích hoàn cảnh này vì nó đưa lại cho họ một uy lực cùng một công việc làm. Quân đội hoan nghênh điều đó vì như vậy chính phủ tranh thủ được tài năng và việc làm của những người đàn bà này mà không phải trả công.

Giữa nhóm này trật tự được sắp xếp song song với cấp bậc của người chồng. Vợ viên tướng chỉ huy dĩ nhiên phải đứng đầu. Các bà vợ sĩ quan cap cấp xử sự như mẹ đỡ đầu với các bà trẻ hơn, khuyên bảo họ như những sĩ quan lớn tuổi đối với cấp dưới. Mary Jane thấy vợ của viên thiếu tá và vợ trung tá, cấp trên trực tiếp của John rất nhiệt tình, chú ý đến mình và chị đáp ứng thái độ của họ. Chị cũng tham vọng cho John và muốn giúp cho sự nghiệp của anh. Chị cũng gắng “sẵn sàng, tự nguyện và thành thạo” để tổ chức những buổi tiệc đứng, bữa ăn tối, vũ hội , những tối chơi bài brit và tham gia những hoạt động tự nguyện của hội chữ thập đỏ . Tóm lại, phải đạt hiệu quả như John trong nhiệm vụ quân sự. Chị mua ở Fort Benning một cuốn NGƯỜI VỢ SĨ QUAN , nghiên cứu kỹ để chắc chắn xử sự đúng.

Mary Jane cho rằng không có cơ sở khi ngờ vực quân đội không phải là nơi lý tưởng cho một gia đình. Những đòi hỏi cho tổ ấm và những hoạt động xã hội trong khu đồn trú chiếm hết thì giờ của chị cả ngày lẫn đêm. Dịp may được quan sát đất nước đáng chú ý này và những người dân trong hoàn cảnh được chiếu cố

tạo cho chị một tính chất đặc thù không bao giờ có được ở Hoa Kỳ. Dưới con mắt chị, quân đội là một loại ngân hàng quốc tế hoặc một xã hội lớn với những chân rết trên toàn thế giới. Chồng chị từng thời kỳ phải làm việc ở nước ngoài và khi về, gia đình được bù lại bằng một cuộc sống đầy phiêu lưu và thoải mái. Một trong những người đàn bà Mỹ Mary Jane kết bạn ở Nhật Bản là vợ người đại diện hãng Coca Cola. Ông ta gần cùng tuổi với John và sống cũng đầy đủ như gia đình Vann. John thu xếp công việc và tập chơi cầu gôn. Vào Noel năm 1949, Mary Jane mang thai đứa con thứ ba, Jesse.

Dù sao, hình như thiên đường ở quá xa xôi. Ngôi nhà trên đồi đầy dán, rết và chuột. Kỹ thuật viên tẩy uế của quân đội đã bơm thuốc trừ côn trùng và Mary Jane đành chung sống với những con còn lại. Khó chịu đựng nhất là chuột. Chuột coi thường những cố gắng của các chuyên gia quân đội, chơi với cả bẫy và thuốc độc. Mary Jane cố gắng không lưu ý vì không muốn rời bỏ ngôi nhà, nhưng chúng quấy rầy tâm trí chị. Chị khó khăn nghe chúng chạy trên tường giữa ban ngày và chú ý ban đêm hoặc lúc bình minh thức dậy trông chừng Patricia và John Allen khỏi bị chuột cắn.

Mùa xuân 1950, một trong những người hầu Nhật Bản nung chảy xi trên bếp điện làm cháy nhà. Tuy thợ chữa cháy Nhật và quân đội đến kịp thời nhưng phần lớn ngôi nhà bị phá hủy vì nước và lửa. Gia đình Vann được bố trí ở trong một ngôi nhà khác gần trung tâm Osaka hơn. Ngôi nhà này hai tầng, sang trọng hơn nhà trước. Tường ốp ván gỗ, bồn tắm lát men xanh, có thể chứa luôn 4 người và nhà bếp hoàn toàn lát gạch vuông kể cả trần nhà, trong vườn có bể bơi nhoe. Ngôi nhà phong lưu làm Mary Jane không phàn nàn gì được nhưng chị không thích kiểu kiến trúc và bên trong thiếu ánh sáng. Cây cảnh, ánh sáng và vẻ đẹp của ngôi nhà trước ở đây không có.

Rồi đột ngột, một hôm vào đúng nửa đêm, John ra mặt trận. 90.000 lính Bắc Triều Tiên với xe tăng Xô viết vượt qua vĩ tuyến 38 xâm chiếm Nam Triều Tiên vào ngày chủ nhật 25 tháng Sáu năm 1950. Patricia lúc ấy đã đủ lớn để nhớ lại mẹ cô đánh thức dậy cùng em trai John Allen để chào tạm biệt bố. Bố đội một chiếc mũ, súng ngắn mang ở thắt lưng. Mẹ khóc. Bố cúi xuống bế các con lên hôn, bảo phải đi vắng một thời gian. Patricia cười, sung sướng thấy bố đi vì như thế có nghĩa hình ảnh uy quyền của bố không còn đấy nữa. Mẹ hỏi vì sao cười, Patricia không trả lời. Nhiều năm sau, khi hiểu ra bố có thể không bao giờ trở về nữa, cô cảm thấy có một cảm giác hối hận.

Suốt những tuần lễ đầu khi có lệnh sư đoàn bộ binh 25 phải sang Triều Tiên càng nhanh càng tốt, những chuyến vận chuyển bằng tàu hỏa, tàu thủy là nỗi bận rộn chính của John Vann. Sư đoàn phải đến với lực lượng của tướng Douglas MacArthur , nhằm chặn bước tiến của quân Bắc Triều Tiên trên bán đảo. Trung

úy Vann chịu trách nhiệm mọi vấn đề vận chuyển : phối hợp giờ tàu hỏa và tàu thủy gửi đi 15.000 sĩ quan và binh lính, trọng pháo, xe tải, xe tăng, xe bọc thép, đạn dược và lương thực để ít nhất cũng tự chủ được trong những ngày đầu chiến đấu. Anh lợi dụng khả năng ngủ ít của mình vì suốt hai tháng tiếp đó anh chỉ ngủ mỗi đêm một, hai tiếng đồng hồ. Cần phải có 80 chuyến tàu hỏa để chuyên chở ba trung đoàn bộ binh từ những căn cứ miền Nam đảo Honshu đến những tàu thủy đi từ Yokohama. Sang đến eo biển Triều Tiên bên kia, Vann phải trông chừng việc đổ bộ trật tự lên hải cảng đầu mũi bán đảo Triều Tiên. Tất cả đều gấp gáp và bất ngờ vì không quan chức nào ở tổng hành dinh MacArthur hoặc ở Tokyo hay Washington có dự kiến về sự xâm chiếm của quân Bắc Triều Tiên.

Trong những điều kiện như vậy, trách nhiệm của Vann còn bận rộn hơn nhiều việc chỉ huy đại đội như anh vẫn mong muốn. Dù anh biết sau chiến tranh một vị trí quản lý như anh sẽ ít có ấn tượng trong hồ sơ, dù nó là chủ chốt.

Quân đội Mỹ phải bố trí ở Nam Triều Tiên để có thể còn cứu vãn tình hình được. Phó của MacArthur, đại tướng Walton Walker , tranh thủ tốc độ với hàng ngũ Bắc Triều Tiên, cho xe tăng đi trước, cố tổ chức một vành đai phòng thủ phía trên Pusan trước khi quân địch chiếm được toàn bộ Triều Tiên. Vann được thưởng huy chương đầu tiên, ngôi sao bằng đồng, vì sáng kiến và uy quyền được thể hiện qua việc đẩy nhanh các đội quân lên xuống tàu, mau chóng tung ra mặt trận trong những tuần đầu quyết định. Sư đoàn 25 bộ binh nhận lệnh khởi hành ngày 30 tháng Sáu, sau ngày MacArthur đến Triều Tiên tuyên bố với Washington quân đội Nam Triều Tiên đang trong tình trạng tan rã. Dù sao cũng phải mất một tuần lễ để Vann có thể gửi chuyến tàu hỏa đầu tiên đi Yokoham và hai tuần nữa để các đội quân cuối cùng đổ bộ lên Pusan ngày 19 tháng Bảy. Quân đội Bắc Triều Tiên lúc ấy đã đến Taejon, nửa đường của Nam Triều Tiên từ vĩ tuyến 38 đi xuống.

Cuộc chiến tranh Triều Tiên đã giết chết 54.240 người Mỹ, hàng triệu người Trung Hoa và Triều Tiên; chỉ trong năm đầu chiến tranh đã chết 120.000 dân thường. Vì kiêu ngạo, các chính trị gia Mỹ không muốn giữ Nam Triều Tiên cho đến khi họ hiểu ra đang bị mất nó. Họ cũng góp phần gây nên cuộc chiến tranh này bằng cách tỏ ra mất quyền lợi trước một kẻ địch mà họ không hiểu.

Tất cả bắt đầu từ việc chia cắt đất nước , thuộc địa cũ của Nhật sau Chiến tranh thế giới thứ hai : vĩ tuyến 38 ngăn cách hai vùng chiếm đóng Xô viết và Mỹ. Người Nga bố trí ở miền Bắc Kim II Sung, chiến đấu du kích chống người Nhật và đứng vào hàng ngũ cộng sản vì người Trung Hoa và Xô viết đã là đồng minh tự nhiên của ông. Hoa Kỳ đặt ở miền Nam Syungman Rhee, một nhà ái quốc Triều Tiên phái hữu, tổ chức kháng chiến cùng Hawaii và Hoa Kỳ. Rhee và Kim đi hai đường về quan điểm chính trị nhưng cả hai đều là những người quốc gia nhiệt tình phấn đấu cho nước nhà thống nhất. Họ luôn đối đầu nhau, tổ chức đủ loại âm mưu và cuộc nội chiến là lối thoát sẽ xác định lãnh tụ của nước Triều Tiên thống nhất.

Tất cả bi kịch về Triều Tiên xuất phát từ vị trí địa lý của đất nước này giữa quần đảo Nhật Bản và lục địa châu Á của Trung Quốc và nước Nga. Tiếp giáp Triều Tiên là căn cứ hải quân Vladivostok có tầm quan trọng chiến lược lớn đối với Stalin. Ngược lại, chính quyền Truman xem Nam Triều Tiên là một trong những vùng hiếm hoi ngoài lề "khối Xô viết" mà Hoa Kỳ không bảo vệ. Người Mỹ cho rằng lực lượng không quân và hải quân của họ đủ để bảo vệ Nhật Bản và Nam Triều Tiên, một "điểm chiến lược ít quan trọng". Kết quả, MacArthur đặt Nam Triều Tiên ra ngoài phạm vi bảo vệ của Mỹ trong một cuộc phỏng vấn năm 1949.

Các đội quân chiếm đóng của Mỹ rút đi giữa năm 1949 và quân đội Nam Triều Tiên bị bỏ rơi với trang bị vũ khí lỗi thời và 482 cố vấn quân sự Mỹ. Rhee đề nghị Hoa Kỳ cung cấp trọng pháo , xe tăng và máy bay ném bom hiện đại như người Xô viết đã trang bị cho quân đội Bắc Triều Tiên. Đề nghị của ông bị bác bỏ. Ông cố gắng nhận của Hoa Kỳ lời bảo đảm đến cứu Nam Triều Tiên nếu bị xâm chiếm. Câu trả lời lại cũng không. Các chỉ huy trong ban tham mưu viết một báo cáo mật được tổng thống phê duyệt, dự kiến mọi đội quân Mỹ sẽ rút hết trong trường hợp Nam Triều Tiên bị tấn công. Tổng hành dinh của MacArthur, nơi tập trung những thông tin mật, không chú ý đến những đụng độ ngày càng tăng giữa Nam và Bắc trong mùa xuân hoặc sự tập trung quân đội và xe tăng Bắc Triều Tiên trên vĩ tuyến 38.

Khi xảy ra cuộc xâm chiếm, Truman và Acheson không chú ý đến sự đối địch của quốc gia là nguồn gốc cuộc tranh chấp này. Cuộc tấn công trên vĩ tuyến 38 trở thành "mấu chốt của việc đối đầu của chúng ta với đối thủ Xô viết", Acheson đã viết trong Hồi ký như vậy. Kim chỉ là một kẻ đánh thuê cho kế hoạch rộng lớn của Stalin chinh phục thế giới. Ông còn viết:

"Lùi trước sự thách thức ấy, dựa vào khả năng đối đầu của chúng ta sẽ có tác hại tiêu hủy sức mạnh và uy tín của nước Mỹ. Với "uy tín" một cái bóng có sức mạnh tôi cho là có sức răn đe mạnh hơn". Như những sự kiện đã làm sáng tỏ,

việc biến “cái bóng” thành sự thực không đúng như Acheson hình dung. Trong thời gian đó, binh lính chiến đấu bù vào khoảng cách giữa thiếu chuẩn bị và khả năng trả lời thách thức.

Cuối tháng tám, Kim II Sung và các tướng miền Bắc ào ạt tiến vào vành đai Pusan, chiến thắng họ cảm thấy đã rất gần nhưng bây giờ có nguy cơ đột nhiên mất đi. Họ không biết MacArthur sẽ đổ bộ phân tán tấn công vào chỗ nào và không dự đoán ở Inchon. Nhưng họ biết viên tướng này sẽ phản công theo cách ấy vì đã khoe khoang với báo chí ở Tokyo. Quân đội Bắc Triều Tiên không đủ người đề phòng tất cả những chỗ MacArthur có thể đổ quân vừa tiếp tục tấn công vành đai. Vậy là họ tập trung ở đây, bắn từng viên đạn, lựu đạn, đạn súng cối vào ô tô và tàu hỏa có thể chở tới, vào những tàu đánh cá ven biển, từ những người nông dân hoặc phụ nữ cho đến các chiến sĩ. Lần này họ có ý định tiếp tục tấn công cho đến khi các toán quân của Walker rút lui.

Cuộc tấn công bắt đầu lúc 23 giờ 30 phút ngày 31 tháng Tám năm 1950 vào những vị trí Trung đoàn 35 bộ binh chiếm giữ, ở đông bắc thành phố Masan, bằng trọng pháo và súng cối bắn dày đặc chưa từng có trong cuộc chiến tranh này. Rồi hàng nhiều nghìn binh lính ào vào vị trí Mỹ. Đến rạng sáng ngày mồng một tháng Chín, khoảng 3000 lính Triều Tiên vượt qua những đồn phía trước trên đỉnh đồi, vào sâu trong đường vành đai 10 cây số. Hôm ấy, chỉ riêng người của trung đoàn 35 đã ngăn cản quân Bắc Triều Tiên tổ chức lại và lại tiến lên. Người Mỹ chống cự ngoan cố ngang bằng với sự dũng cảm vô vọng của đối thủ. Pháo thủ chuyển thành lính bộ binh, chỉnh nòng đại bác bắn thẳng như một khẩu súng trường và gọi các đội pháo khác bắn chặn để bảo vệ họ. Ở nhiều chỗ , các đối thủ đánh nhau xáp lá cà với lựu đạn và lưỡi lê.

Lúc đầu , binh lính Trung đoàn 35 không tán thành lệnh của Walker “giữ vững hay là chết” mà họ xuyên tạc thành “giữ vững và chết”. Nhưng rồi họ nhanh chóng trở thành những người chín chắn, hiểu ra sự khôn ngoan của lệnh ấy và chiến đấu với tinh thần đó. Họ đã biết khi lính Bắc Triều Tiên bao vây gây hoang mang cho họ thì giải pháp tệ hại nhất là vừa đánh vừa rút lui. Rất ít may mắn thoát ra được. Nhưng nếu họ chống cự cho đến khi có đội quân tăng cường đến, một số bị chết nhưng những người khác sẽ sống sót, tránh khỏi cảnh bỏ lại các bạn bị thương chắc chắn sẽ chết, tàn tật vì binh lính Bắc Triều Tiên hành hạ. Không may, tướng chỉ huy chẳng có cách nào gửi quân tăng cường cho các đơn vị của Trung đoàn 35 ở các vị trí tiền tiêu trước khi họ cạn kiệt đạn dược và bị hy sinh.

Vann suy nghĩ nhiều về vấn đề này trong những trận đánh trước và đã tìm ra một cách tiếp tế cho các đơn vị bị bao vây. Đấy là thả dù đạn dược từ một chiếc máy bay quan sát nhỏ L-5, kiểu máy bay tiền thân của L-19 mà những năm sau

Vann nổi tiếng vì sử dụng nó ở Việt Nam . Hai ngày trước cuộc tấn công, Vann thuyết phục chỉ huy cho anh thử giải pháp này tiếp tế cho môt đơn vị bị tấn công và sáng kiến của anh đem lại kết quả.

Buổi sáng trước đợt tấn công, ban chỉ huy Không quân từ chối cung cấp máy bay. Phi công nghĩ chiến thuật của Vann là tự sát. Súng cối và đại bác Mỹ bắn vào xung quanh các vị trí để giúp họ chống cự lại quân địch trong lúc quân Bắc Triều Tiên oanh tạc để hạn chế sức đề kháng. Phi công phải bay qua những làn đạn của các loại pháo, giơ thân máy bay cho súng bộ binh địch. Vann thấy phi công quá sợ sết, Gasset nói với tướng Kean qua trận chiến này rủi ro có thể chấp nhận được. Kean đồng ý, ra lệnh những chiếc L-5 đặt dưới sự điều khiển của trung úy Vann. Vì có sự dè dặt ban đầu, phi công được chỉ định theo lệnh bảng phân công như những nhiệm vụ bình thường, mỗi nhiệm vụ có ba đợt thả dù. Chỉ một phi công tình nguyện hai lần làm nhiệm vụ, nghĩa là sáu đợt bay . Những người khác chỉ thực hiện một lần.

Vann đi kèm từng chuyến bay không bao giờ tỏ ra sốt ruột. Anh bình tĩnh cho chất đạn dược lên để đi. Anh chọn những hòm khá lớn để đựng 50 ki lô đạn cho súng M-1, băng đạn tiểu liên và lựu đạn cầm tay. Anh bọc chúng bằng chăn, buộc dây để hòm không vỡ tung khi chạm đất. Tuy hòm nặng, gần bằng anh, Vann ở tuổi hai mươi sáu, khá khỏe để nâng hòm lên cho vào máy bay. Anh để hai hòm lên phía sau, giữ một trên đùi. Vị trí của các đơn vị đã được biết rõ trước khi cất cánh. Vann giải thích trên bản đồ cho phi công đi theo đường nào , thả ở đâu và lại gần bằng cách nào. Một trăm năm mươi ki lô đè nặng đáng kể lên máy bay nhưng trọng lượng nhỏ của Vann bù vào sự quá tải một ít, đường băng dài, động cơ đủ mạnh để chiếc L-5 có thể cất cánh, lên không rồi Vann có những chỉ dẫn khác cho phi công lái theo điện đài bên trong.

Một thiếu tá thông tin của sư đoàn sáng hôm ấy bay trên trận địa để phân tích tình hình và thả truyền đơn kêu gọi lính Bắc Triều Tiên ra hàng, không tin vào mắt mình nữa. Ông thấy một chiếc L-5 như của ông nhào xuống gần mặt đất trên đầu lính Bắc Triều Tiên về hướng quả đồi có đơn vị Mỹ. Quân địch bắn vào máy bay khắp nơi. Không có rừng, không cây cối để phi công có thể bay dọc tránh đạn đến gần quả đồi. Mặt đất trống trơn chỉ rải rác cỏ. Máy bay có thể ẩn từng lúc trong những làn khói và bụi do đạn cối tung bay và rơi xuống ngay tại chỗ, viên thiếu tá nghĩ chẳng có gì đảm bảo, dễ bị các làn đạn bắn trúng. Trước khi đến chân đồi, phi công kéo tay chuyền để lên về hướng vị trí quân Mỹ ở trên đỉnh đồi. Khi máy bay chưa tới mười mét độ cao, viên thiếu tá thấy một chiếc hòm rơi xuống đường hầm ngay phía dưới, hiểu ngay có Vann trong chiếc L-5 ấy. Ông đã thấy anh trên đường băng chất các hòm lên máy bay và đã hiểu phương pháp tiếp tế mới là như thế nào.

Vann ra lệnh cho phi công thực hiện cách tiến lại thẳng là sát đất để chắc chắn đến mục tiêu, khó bị bắn trúng vì nói chung bề rộng không đến 30 mét.

Sau khi phi công lấy lại độ cao và ở tư thế tiến lại gần lần thứ hai, Vann hai tay chộp lấy hộp thứ hai ném xuống như hộp trước. Rồi anh ra lệnh quay lại để thả hộp thứ ba.

Viên thiếu tá thông tin theo dõi quá trình tiếp tế vừa lo lắng vừa khâm phục. Chiếc máy bay nhỏ lao vào bụi và khói phía trên cánh đồng trong lúc đạn quân địch rít xung quanh. Theo sát vòng quanh mặt đất là cách bay thông minh nhất vì một người lính có xu hướng tính sai tốc độ của một chiếc máy bay quá gần mình và thường bắn hụt vào phía sau. Nếu máy bay trúng đạn ở độ thấp như thế, phi công không còn lề lái nữa. Và nếu hai người trên máy bay sống sót qua tai nạn, họ sẽ rơi vào tay lính Bắc Triều Tiên và bị giết. Thật là khó bay thẳng đến quả đồi. Đạn súng cối nổ trên mặt đất làm máy bay rung , bay chệch hướng. Viên phi công, tuy vậy, vẫn giữ vững được đường bay và mỗi lần chiếc L-5 đến đỉnh đồi, viên thiếu tá thấy một chiếc hòm rơi vào đường hầm.

Với những người lính Mỹ sử dụng đạn dược rất dè sẻn như những người đang chiến đấu trên những ngọn đồi ấy, 50 ki lô đạn và lựu đạn trong ngày mồng 1 tháng Chín này đã là nhiều. Vann thả xuống cho họ 27 đợt các hòm đạn, cho đến khi trời gần tối buộc phải thôi. Một số đơn vị gần như cạn kiệt và binh lính đã bắt đầu dùng các băng đạn tiểu liên cho súng trường của họ.

Những ngày sau đó, các đơn vị tăng cường tướng Kean gửi đến, chiến đấu vượt qua hàng ngũ quân Bắc Triều Tiên đến được các vị trí trên tăng cường cho những người còn sống và chuyển thương binh đi trong xe bọc thép. Vann tiếp tục tiếp tế cho đến khi các đoàn quân tới, còn thả 42 đợt trong ba ngày tiếp theo cuộc tấn công ngày mồng 1 tháng Chín. Anh tham gia đánh nhau theo cách của mình, sử dụng túi lựu đạn giữ lại bên mình, ném xuống lính Bắc Triều Tiên trên đồi mỗi khi phi công lấy lại độ cao. Người ta không rõ thiệt hại của những máy bay Vann dùng trong nhiệm vụ này. Xem ra không chiếc nào bị bắn nghiêm trọng hơn mấy viên đạn trên thân máy bay. Phi công không biết trên máy bay mình có “Vann, số đỏ”. Vann lại vận chuyển tiếp tế mỗi khi cần cho đến lúc MacArthur phản công ngày 15 tháng Chín, gây rối loạn cho toàn bộ quân địch bằng cách cắt đứt những đường tiếp tế và rút lui của họ. John Vann được thăng cấp đại úy hai ngày trước đó.

Dĩ nhiên, không phải sự góp phần của Vann quyết định số phận trận đánh ở hành lang Pusan. Cuối tháng Tám, Walker đã bố trí khá nhiều quân dự phòng để ngăn chặn bước tiến của quân Bắc Triều Tiên, dù Trung đoàn 35 có bị tiêu diệt. Việc chỉ huy cương quyết của vị tướng, sự quyết tâm của Trung đoàn 35 và những đơn vị chiến đấu khác của Quân đoàn số 8 đã đảm bảo sự thắng lợi.

Những trận địa lẻ loi của những tay súng trên các ngọn đồi thì khác. Cuộc sống của họ chỉ phụ thuộc vào sự không quản nguy hiểm của một người.

Chiến tranh Triều Tiên là màn mở đầu của chiến tranh Việt Nam vì đấy là cuộc chiến tranh đầu tiên trong lịch sử Hoa Kỳ có sự tách rời như vậy giữa các nhà lãnh đạo quân sự, chính trị và thực tế. Họ coi thường lực lượng đối phương đến nỗi đưa quân đội và cũng là đất nước đến thảm họa. Với sự đồng tình của những quan chức cao cấp nhất Washington, MacArthur phung phí hùng khí và tiềm lực của quân đội tướng Walker bằng cách sau đó cử đi đánh nhau ở miền núi Bắc Triều Tiên. Ông lãng phí cuộc sống của nhiều nghìn người cho chiến thắng và nhiều nghìn khác trong một thất bại không đáng có.

Phần Vann, thảm họa Bắc Triều Tiên tô thắm truyền thuyết về anh ở Việt Nam. Thường anh lấy ví dụ ấy làm bài học về sự ngu ngốc tiến hành một cuộc chiến tranh hủy diệt trên đất châu Á. Ít lâu sau khi chúng tôi gặp nhau ở Mỹ Tho, Vann kể lại cho tôi nghe anh đã tổ chức và chỉ huy đại đội biệt kích của Quân đoàn 8 như thế nào và đã mất người của anh ra sao trong một đêm những làn sóng người liên tiếp của quân đội Trung Hoa tấn công lực lượng MacArthur ở vùng núi gần sông Yalu vào tháng Mười một năm 1950. Anh kể chuyện ấy nhiều lần cho nhiều người khác nhau. Một trong những người đó là tổng thống Richard Nixon mà mấy năm sau Vann đã viết một bức thư trong lúc tham gia cuộc chiến tranh Việt Nam :

“Đêm 26 tháng Mười một năm 1950, tôi chỉ huy một đại đội biệt kích, choáng váng vì đợt tấn công đầu tiên của quân đội Trung Hoa trong cuộc chiến tranh Triều Tiên. Vào lúc 3 giờ sáng ngày 27, đại đội biệt kích của tôi trong Quân đoàn 8 bị ba lần tấn công bởi những làn sóng người liên tiếp của quân Trung Hoa. Chúng tôi có sự hỗ trợ xuất sắc của Không quân và chiếm được những vị trí thuận lợi. Hàng nghìn binh lính Trung Hoa bị giết. Tuy vậy, sau lần tấn công thứ ba, tôi biết sẽ mất đơn vị. Vừa rạng sáng, quan lần tấn công thứ sáu thực tế chỉ còn tôi và 15 người mà phần lớn đã bị thương. Chúng tôi xuống đồi theo cách những người Trung Hoa đã lên. Trên đường tôi đếm được hơn 500 lính Trung Hoa đã chết trước vị trí chúng tôi”.

Đúng là có thời kỳ John Vann chỉ huy đại đội Biệt kích của Quân đoàn 8 lúc anh ở Triều Tiên. Nhưng sự thất khác và còn hấp dẫn hơn truyền thuyết.

Trước tháng Mười một năm 1950 ít lâu, Vann đã hâm mộ một trung úy 23 tuổi, Ralph Puckett, may mắn được chỉ huy quân biệt kích của Quân đoàn 8 phiên chế vào Sư đoàn 25. Puckett và Vann rất mến nhau vì cả hai đều hơi điên khùng và say mê binh nghiệp hơn tất cả. Puckett quê ở Georgia, tốt nghiệp West Point năm 1949, vừa ngây ngô vừa nhiệt tình. Anh tình nguyện sang Triều Tiên ngay sau khóa huấn luyện nhảy dù ở Fort Benning vì xem chiến tranh như một

trận bóng đá. Anh chỉ sợ một điều là chiến tranh kết thúc trước khi mình đến. Vann thích trêu chọc Puckett khi anh này đến nhận tiếp tế. Puckett vẫn giữ một phần tinh thần West Point, chơi trò sĩ quan chuyên nghiệp : chào theo điều lệnh, đứng nghiêm trước một đại úy bình thường, nói vang mỗi lần trả lời một câu nói đùa.

Vann mỉm cười hỏi :

- Anh đã đi những đâu, Puckett, và lính biệt kích của anh còn làm gì nữa ?
- Hành quân, thưa đại úy ! Cũng nụ cười ấy Puckett trả lời.
- Chuyện tầm phào, Vann đáp, các anh mất xác hết , thế thôi !

Đại đội biệt kích của Puckett, điều mong ước của Vann, được thành lập mùa hè trước để xâm nhập và vô hiệu hóa quân lính Bắc Triều Tiên. Puckett được chọn vì nổi tiếng thích đánh nhau và vì người ta đánh giá một trung úy ở West Point ra táo bạo hơn một sĩ quan đã qua chiến đấu. Khi đại tá chỉ huy hỏi anh có muốn chỉ huy một đơn vị biệt kích không, anh đã trả lời :

- Thưa đại tá, tôi muốn là biệt kích suốt đời. Tôi làm bất cứ việc gì để đạt được điều đó. Ông có thể cho tôi chỉ huy một trung đội hoặc chỉ là một lính bộ binh thường, tùy ông.

Puckett lấy quân số trong những đầu bếp, lính cạo giấy và thợ máy của Quân đoàn 8. Người ta cấm anh tuyển dụng binh lính đã được luyện tập vì trận chiến ở vành đai đang diễn ra dữ dội, các đại đội đều thiếu người. Puckett bèn tìm trong các đơn vị phục vụ ở Nhật Bản những người tình nguyện sang Triều Tiên vì một "nhiệm vụ bí mật và nguy hiểm, hoạt động phía sau hàng ngũ địch". Anh ngạc nhiên khi tìm được quân số ấn định 74 người nhanh như thế. Anh cử hai người bạn cùng ở West Point làm trung đội trưởng. Khi đơn vị anh tập luyện xong, không còn lý do ở lại, vì mục đích của đơn vị là đổ bộ lên Inchon đã sẵn sàng và quân đội Bắc Triều Tiên bị Quân đoàn 8 đuổi đánh, cố trụ lại vĩ tuyến 38.

Sau đó việc đổ bộ lên Inchon chứng tỏ tính thích làm lớn của MacArthur đã vượt quá giới hạn. Việc đổ bộ lên phía sau vị trí quân địch là một quyết định bình thường đối với một viên tướng có kinh nghiệm của Chiến tranh thế giới thứ hai. Nhưng ông nằng nặc cho đổ bộ ở Inchon, nơi có độ rủi ro cao là không cần thiết; tính kiêu ngạo đã đặt cuộc sống binh lính và quyền lợi quốc gia vào cuộc thử thách nguy hiểm. Ông chọn Inchon vì đấy là hải cảng thủ đô Seoul nhưng chỉ một cuộc kiểm tra đơn giản các nơi, như một sĩ quan hải quân đã nhận xét, Inchon "chồng chất những sự cố tự nhiên có thể thấy được". Đường vào trên biển khúc khuỷu và chật hẹp mà một con tàu bị địch bắn hoặc trúng mìn hỏng hóc sẽ làm tắc nghẽn đường đi cả thượng và hạ nguồn.

Các chỉ huy hải quân và sĩ quan tham mưu cố thuyết phục MacAruthur chọn

một địa điểm khác để đổ bộ. Hải quân đã tìm được một vị trí không nguy hiểm như vậy ở phía nam Inchon 50 cây số. MacArthur không nghe theo. Ông đã chọn Inchon thì phải là Inchon. Ông đẩy mọi rủi ro và trở ngại đi với một thái độ cứng rắn.

"Tôi nghe thấy tiếng tích tắc của kim giây số mệnh", ông kết luận sau một cuộc độc thoại 45 phút trước một hội đồng có hai đại diện của bộ Tổng tham mưu tham dự, ở Tokyo vào tháng Tám.

“Chúng ta phải hành động hay là chết .. Cuộc đổ bộ ở Inchon sẽ thắng lợi, sẽ cứu sống 100.000 người”.

Cuộc hành quân thực tế đạt kết quả ngày 15 tháng Chín và sự thành công cũng có cảm giác không thể lầm của MacArthur và làm những người khác phải im lặng.

Kim giây số mệnh lại tiếp tục trong tháng Mười một 1950. Nhưng lần này MacArthur không nghe thấy. Từ lâu, ông đã không quan tâm đến những chi tiết trên trận địa, kim chỉ nam của mọi chỉ huy quân sự. Ông lại bận bịu về những việc cao hơn. Sau này, Dean Acheson nhận xét MacArthur thực tế đã trở thành một “quốc trưởng .. thiên hoàng của Nhật Bản và Triều Tiên”. Nhận xét đó cũng không xa sự thật. Tháng Mười khi Truman triệu tập ông đến Wake Island, MacArthur không chào theo quân lệnh bắt buộc mà bắt tay như những người đồng cấp. Ông không chỉ là quốc trưởng Nhật Bản, ông là hoàng đế được nhân dân sùng kính. Viên tướng kiêu ngạo năm sao này có một tính cách phức tạp. Người Nhật nhìn thấy ở ông người bảo vệ quyền tự do công dân, sứ giả của lối sống Mỹ. Họ chờ đợi ông khắt khe với họ năm 1945 nhưng ông đã độ lượng và khôn khéo dựng lên một chính phủ dân chủ và cải cách xã hội mà họ sung sướng tham gia sau những kinh hoàng của chế độ quân phiệt. Ở tuổi 70, ông muốn xác lập vinh quang của mình bằng một đỉnh cao xứng đáng với những chiến công trước. Ông muốn chứng thực nhận xét của Dean Acheson, mang lại một chiến thắng toàn diện và mở rộng quyền lực có lợi của ông trên cả nước Triều Tiên đến tận biên giới Trung Quốc và Nga.

Những người có trách nhiệm ở Washington đã sẵn sàng chiếm bốn phần năm nước Triều Tiên. Bây giờ thực ra họ xem đất nước này là một vị trí quan trọng thứ hi và muốn ghi nhận sự thách thức của những người Xô viết. Tuy vậy, nỗi lo đầu tiên của họ vẫn ở châu Âu, nơi họ sợ một cuộc tấn công lớn của Stalin. Cuộc chiến tranh Triều Tiên chứng minh cho một chương trình tái trang bị vũ khí rộng lớn. Đầu năm 1951, việc sản xuất máy bay đạt đỉnh cao nhất kể từ năm 1944 trong Thế chiến thứ hai. MacArthur được báo trước phải thắng cuộc chiến tranh với mức tám Sư đoàn ông nhận được thời kỳ ở Inchon. Các chỉ huy Bộ tổng tham mưu đã chỉ thị không khiêu khích người Trung Hoa và người Xô viết,

không vượt quá một đường phía trên Bình Nhưỡng khoảng 80 cây số. Một phần năm đất nước nghĩa là những tỉnh miền núi dọc theo đông bắc sông Yalou, biên giới Trung Quốc và góc cực đông bắc biên giới Liên bang Xô viết là một vùng đệm.

MacArthur không quan tâm đến sự hạn chế ấy. Ông chắc chắn biết cần làm gì đối với người Trung Hoa. Trong một cuộc họp báo trên chiếc tàu chỉ huy đi Inchon, một phòng viên chiến tranh hỏi ông có sợ Trung Quốc tham chiến không.

"Nếu người Trung Hoa can thiệp, MacArthur trả lời, lực lượng không quân của chúng tôi sẽ biến Yalou thành con sông đỏ máu nhất trong lịch sử".

Giữa tháng Mười, trong hội nghị Wake Island, đến lượt Truman hỏi ông về khả năng một cuộc tấn công của Trung Quốc.

"Rất ít", ông trả lời, giải thích không lực Mỹ dù sao cũng có thể ngăn cản người Trung Hoa hành quân trên 60.000 hoặc 50.000 người ở phía nam Yalou và rất ít người trong bọn họ có thể sống sót qua những đợt tấn công của không quân.

"Nếu người Trung Hoa cố gắng xuống đến tận Bình Nhưỡng thì sẽ là một cuộc thảm sát thực sự".

Không ai xung quanh tổng thống, bao gồm cả Omar Bradley, tổng tham mưu trưởng và những viên tướng năm sao khác bác bẻ lại. Ông xem sự im lặng là đồng ý. Ông báo trước với Truman cuộc "chống cự hiển nhiên" ở Triều Tiên sẽ kết thúc trước lễ Tạ ơn tháng Mười một và ông hy vọng đưa quân đoàn 8 về Nhật bản để dự lễ Noel. MacArthur hứa với Bradley sẽ chuyển một Sư đoàn cho châu Âu vào tháng Giêng 1951.

Cuối tháng Mười, khi các đơn vị quân Trung Hoa vào vùng đệm, MacArthur cho máy bay ném bom B-29 của không lực đi phá hủy những cây cầu ở Mandchourie và máy bay tiêm kích ném bom cắt đứt những con đường phía nam. Ông không nhận được một thông tin nào của Washington truyền đạt lệnh ngừng hoạt động. Ngày 24 tháng Mười một năm 1950, MacArthur lên máy bay đến vị trí chỉ huy của Walker ở phía nam những rặng núi chứng kiến việc mở màn cuộc tấn công cuối cùng của ông lên phía bắc để kết thúc chiến tranh. Trong một thông báo, ông bảo đảm với binh lính không sợ "những đội quân đỏ mới" đang chờ họ ở Triều Tiên. MacArthur cũng không quan tâm đến số phận binh lính trong những ngọn núi giá lạnh ở Mandchourie. Nếu mọi việc diễn ra như dự kiến, người của ông có thể "trở về nhà vào dịp Noel".

Xế chiều ngày 25 tháng Mười một năm 1950, Ralph Puckett và đại đội biệt kích của anh bố trí ở những hố cá nhân đào trong đất đóng băng trên ngọn đồi

205 cách Chongchon khoảng 25 cây số. Họ thực hiện một cuộc hành quân theo thông lệ : chiếm những điểm cao trong lúc triển khai lực lượng can thiệp gồm hai tiểu đoàn xe tăng và bộ binh.

Trung úy Puchett tự hỏi vì sao Sư đoàn 25 cứ tiến. Hôm trước, trong một cuộc hội ý, sĩ quan thông tin đã báo với họ có 25.000 lính Trung Hoa "trong những vùng ấy". Nếu sĩ quan ấy nói đúng, Puckett suy luận, thì Sư đoàn 25 phải đào hố và chuẩn bị bố phòng thay vì tiến lên. Trong dịp tập luyện ở Fort Benning, Puckett đã học, phải có ưu thế hai hoặc ba chọi một trước khi tấn công. Thế nhưng, qua thông tin nhận được, quân Trung Hoa có lực lượng gấp hai lần Sư đoàn 25, quân số chỉ khoảng 15.000 vì có nhiều thương bệnh binh. Một anh lính của Puckett có một chiếc đài làn sóng ngắn, nghe những đám "tình nguyện Trung Hoa" đang từ Mandchourie đi xuống để đối mặt với quân đội MacArthur.

Dù sao, quân biệt kích cũng đã chiếm được ngọn đồi 205 trong buổi chiều ngày 25 tháng Mười một mà không gặp kháng cự. Xe tăng đưa họ tới gần đồi. Theo đồng ruộng băng giá đi leen, họ bị súng tự động bắn từ những đỉnh cao gần đấy. Chạy lên đến đỉnh đồi, quân biệt kích chỉ bị thương hai người. Họ đào hố ở đây, không gặp sự chống trả nào. Puckett bố trí súng máy ở những chỗ bắn tốt nhất.

Tuy vậy, anh mất một trung đội trưởng : một trong những bạn học ở West Point lên cơn thần kinh khi phải qua đồng ruộng dưới làn đạn. Anh ta đào ngũ, trở về đồng bằng không trở lên đồi nữa.

Ý nghĩ đối đầu với 25.000 lính Trung Hoa không làm Puckett sợ. Thế nào thì anh cũng thuộc về quân đội Hoa Kỳ, không phải loại thứ yếu của Mussolini và có lý do chính đáng để giải thích việc họ làm ở đây. Anh chỉ thú vị khi thấy các tướng có thể tiến hành một cuộc tấn công trong điều kiện quân số bất lợi như thế này tuy quân đội đã dạy cho họ và anh tự hỏi cuộc hành quân lạ lùng này sẽ kết thúc ra sao. Trong lúc mặt trời khuất sau những ngọn đồi, Puckett cho rằng, qua sự chống cự yếu ớt họ gặp ban chiều, cuộc đụng độ với người Trung Hoa xảy ra ở chỗ khác, cách xa ngọn đồi này.

300.000 quân Trung Hoa, không phải 60.000 như MacArthur tưởng tượng, chờ quân đội Mỹ trên đồi núi Bắc Triều Tiên. Đêm 25 tháng Mười một, hàng ngũ xung phong chưa đến vị trí tấn công, chạy trên đường dọc bờ sông để bắt đầu theo giờ đã định. Lực lượng không quân của MacArthur, trên tác thực tế, không gây được nhiều thiệt hại trên quân Trung Hoa. Một trong những sĩ quan trẻ nhất của tổng hành dinh Trung Quốc, Yao Wei, trung úy 19 tuổi, sau chiến tranh trở thành một nhà chuyên môn của Mỹ và 30 năm sau có một học bổng đi học ở Washington. Anh nhớ lại tổng hành dinh Trung Quốc bị mất mát do tai nạn xe tải nhiều hơn vì bom đạn máy bay. Trước khi qua sông Yalou, người ta

bảo không sợ gì máy bay nếu tránh các thành phố, làng mạc và di chuyển về đêm. Đúng thế, những lái xe khó đi trên đường đất khúc khuỷu không bật đèn pha.

Bộ binh không có xe, xe dành để chuyên chở đạn dược và trọng pháo. Lính bộ binh Trung Hoa đi bộ, trong năm giờ đi được 32 cây số. Ngày của họ bắt đầu từ 7 giờ tối. Họ bước đi , có những đợt nghỉ để ăn, nghỉ ngơi cho đến 3 giờ sáng dừng lại hạ trại. Đến năm giờ rưỡi, bình minh vừa lên thì tất cả đã được ngụy trang, trên bầu trời không nhìn thấy : người, vũ khí, trang bị , những con ngựa giống nhỏ Mandchourie, ngựa và xe chở súng móc chi ê và đạn dược. Không ai động đậy vào ban ngày trừ những nhóm trinh sát đi trước nghiên cứu chỗ đóng quân tiếp đó. Cứ như vậy, 30 sư đoàn bộ binh Trung Hoa, tổng cộng 300.000 người cùng các đơn vị trọng pháo và hậu cần vượt sông Yalou vào Triều Tiên, chiếm vị trí đối diện với quân đội MacArthur vào tuần thứ ba tháng Mười một, không bao giờ bị máy bay thám thính bay trên đầu họ lúc đang ngủ phát hiện.

Tuy việc thám thính trên không thất bại, người Mỹ có khá nhiều thông tin để báo động về sự gia tăng của quân đội Trung Hoa, nhờ vào việc hỏi cung tù binh bắt trong đợt đụng độ sơ bộ và nhất là việc bắt được làn sóng điện và giải mã những cuộc liên lạc của người Trung Quốc.

Không một cảnh báo nào được coi trọng và thông tin thường sai lạc hoặc không rõ. Một số người lo ngại nhưng không đủ để điều chỉnh phản ứng của Dean Acheson. Trả lời một cảnh báo trong tháng Mười, ông nói “Chúng ta không có lý do gì phải sợ . Chắc là một đòn đánh lừa của cộng sản Trung Quốc thôi”.

Sau này, Dean Acheson và Omar Bradley nói họ đi đến kết luận Bắc Kinh không dám nghiêm chỉnh thách thức Hoa Kỳ. Tổng thống Truman cũng đồng ý như thế. Các chính trị gia và tướng tá Mỹ nghĩ rằng người Trung Quốc sẽ chịu đựng, chính vì họ là người Trung Quôc, họ sẽ làm những gì mà người Mỹ không bao giờ tha thứ trong những trường hợp tương tự. Cũng như sau này ở Việt Nam, người Mỹ nhầm những người Trung Hoa không mua được bằng tiền ở Đài Lan với những người họ đang đối đầu. Trước ngày tấn công, trung tướng Charles Willoughby, trưởng ban thông tin của MacArthur báo cáo với tổng hành dinh là quân Trung Hoa ở Triều Tiên thiếu thốn thực phẩm và đạn dược mà ông nghĩ Bắc Kinh không cứu chữa được. Willoughby nhận xét “Người Trung Quốc khác với người phương Tây, không bao giờ biết cung cấp đầy đủ cho các đội quân của họ”.

MacArthur làm trầm trọng thêm thảm họa bằng cách làm cho nhiệm vụ của đối phương dễ dàng hơn. Ông chia quân làm hai: năm sư đoàn dưới sự chỉ huy của Walker ở phía tây bán đảo và hai sư đoàn có hải quân hỗ trợ dưới sự chỉ huy

của trưởng ban tham mưu, đại tướng Edward Almond, ở phía đông. Walker và Almond không liên lạc trực tiếp với nhau, chính MacArthur phối hợp hoạt động của họ từ tổng hành dinh ở cách đấy 1.300 cây số, phía bên kia biển Nhật Bản. Sự huyênh hoang và các không thể lầm được của ông làm tê liệt phần lớn các tướng dưới quyền. Khi thiếu tá Hải quân thông báo với Almond phải xây dựng một đường băng để có thể cung cấp thực phẩm và chuyển thương binh, Almond hỏi "Thương binh nào ?".

Khẩu hiệu của Douglas MacArthur – "Các anh sẽ ở nhà vào lễ Noel" – đã trở thành câu sáo rỗng đối với binh lính ông đang đưa đến cái chết. Trong tâm trí họ chiến tranh đã kết thúc và họ bỏ bớt trang bị cho nhẹ. Phần lớn bọn họ không đội mũ sắt nữa, thay vào đó là những chiếc mũ len cho đỡ lạnh. Mũ sắt dùng trong chiến đấu và đã trở thành một vật nặng vô ích. Họ cũng vứt bỏ những những chiếc xẻng gập dùng đào hố cá nhân. Về đạn dược, phần đông chỉ giữ mấy viên đạn và một hai quả lựu đạn.

Trong lúc chờ đợi họ trên núi, những người Trung Hoa có một mục tiêu kép : hết sức làm chậm lại cuộc chiến tranh với hy vọng người Mỹ coi trọng những cảnh báo của họ và đảm bảo nếu đánh nhau thì sẽ xảy ra trên đất họ và theo cách của họ. Núi đồi cản trở người Mỹ sử dụng ưu thế cơ khí : xe tăng, trọng pháo, máy bay ném bom đối với một loạt những đơn vị nhỏ tách biệt tiến lên trong hàng ngũ ngoằn nghèo. Ở vùng đồi núi, quân Trung Hoa có lợi thế về số lượng và tinh thần chiến đấu của bộ binh. Kế hoạch của họ làm cầm chân bộ phận chủ lực của MacArthur bằng một số đơn vị còn đại bộ phận lực lượng tấn công vào mặt sau của quân đội Mỹ. Những vị tướng Trung Hoa không chuyên ấy hành động như những người chuyên nghiệp Eisenhowrvà Platon ở Bắc Phi năm 1943. Họ chơi để thắng.

Trên đỉnh đồi 205, Puckett và đội quân biệt kích của anh bị tấn công bất ngờ. Lúc 23 giờ 45 phút, những tia lửa lóe lên trong đêm tối. Lựu đạn nổ ở những chướng ngại vật Mỹ. Bộ binh Trung Hoa im lặng bò lên sườn đồi, lại gần để ném lựu đạn có hiệu quả. Những tia lửa bùng lên vì lựu đạn nổ. Sau một loạt Móc chi ê bắn chặn, quân Trung Hoa ào tới, hy vọng tiêu diệt lính Mỹ trong một đợt xung phong trực diện như họ đã làm với đối thủ Quốc Dân đảng.

Ralp Puckett đã tập luyện kỹ cho những đầu bếp và nhân viên văn phòng của anh. Họ ẩn nấp sâu xuống hố và ngẩng đầu lên bắn vào những bóng người chạy tới trong đêm. Để nhắm bắn tốt hơn, Puckett qua điện đài đề nghị trọng pháo bắn pháo sáng. Nhờ vậy, anh thấy rõ những toán quân Trung Hoa khác vừa leo lên đồi vừa chạy sau đợt đầu, cho bắn súng cối 105 và 155 ly vào họ. Puckett là một trung úy chuyên nghiệp thực sự đã dự kiến một cuộc tấn công sắp xảy ra và người của anh không tiết kiệm đạn. Anh chắc chắn mỗi người trong đội đều

mang theo bên mình nhiều hơn mức quy định. Đỉnh đồi vang lên một tiếng huyên náo thác loạn, trong lúc các loại vũ khí khác vào người Trung Hoa, đạn cối xé nắt và tung họ lên không.

Những đợt tấn công tiếp nối nhau đến 3 giờ sáng. Puckett chỉ còn 8 viên đạn trong súng tiểu liên và bị thương nặng vì mảnh đạn súng côi. Binh lính Trung Hoa ở khắp nơi : 19 người sống sót trong số 52 lính biệt kích nhảy ra khỏi hố, chạy xuống khỏi đồi mang theo trung úy bị thương của họ.

Tính thích làm lớn của MacArthur và cấp trên của ông cũng không kìm hãm được việc đã gây ra cuộc rút lui dài nhất trong lịch sử quân sự Mỹ. Walker kinh hoàng về trước sức tấn công của kẻ địch. Trước khi ông làm chủ được tình hình và hành động, quân Trung Hoa đã đập tan sườn phải của các đơn vị ông chỉ huy, trước tiên là một Quân đoàn Nam Triều Tiên gồm 3 sư đoàn, rồi sư đoàn 2 bộ binh. Viên tướng chỉ huy quyết đinh gom đội quân lớn nhất rút về phía nam thành một đoàn xe tăng và xe cộ qua núi. Ông vội vàng chạy đến nỗi quên chiếm lĩnh các điểm cao khống chế con đường. Đối thủ Trung Hoa của ông đang hy vọng vào sự thiếu khôn ngoan ấy. Họ chờ đợi trên các đỉnh đồi và Sư đoàn 2 rơi vào một cuộc phục kích khổng lồ.

Walker đi xuống theo bán đảo 250 cây số trước khi gặp rủi ro dừng lại dọc vĩ tuyến 38 phía trên Seoul. Ông bị chết trong một tai nạn xe Jeep trên đường phủ băng vào cuối tháng Chạp ; quân đoàn 8 lại phải lùi thêm 90 cây số. Seoul bị mất lần thứ hai; người kế nhiệm Walker, Matthew Ridgway tổ chức lại các đơn vị và tiến hành một loạt trận phản công. Quân đoàn MacArthur chuyển xuống phía đông Bắc Triều Tiên dưới sự chỉ huy của tham mưu trưởng Almond chuyển theo đường biển nhưng cũng không tránh khỏi tổn thất nhiều sư đoàn Nam Triều Tiên và phần lớn số quân của Sư đoàn 7 bộ binh Mỹ khi bị 120.000 người của Quân đoàn 3 Trung Hoa tấn công.

MacArthur là nguyên nhân cho thất bại lớn nhất trong chiến tranh Triều Tiên. Hoa Kỳ đành hài lòng với một nửa chứ không phải bốn phần năm đất nước này với giá mạng sống con người gần gấp năm lần dự kiến : 54.246 người Mỹ chết ở Triều Tiên : trận chiến ở vành đai Pusan và đuổi theo quân Bắc Triều Tiên còn lại trả giá khoảng 10.000 người, còn 44.000 người khác chết trong rừng núi phía nam sông Yalou ; hai năm rưỡi tiếp theo , những cuộc đụng độ vẫn còn diễn ra cho đến khi chiến tranh kết thúc vào tháng Bảy năm 1953, dọc theo con đường đình chiến ở vĩ tuyến 38, đúng vào nơi đã bắt đầu cuộc chiến.

Khi Vann biết được điều gì đã xảy ra với anh bạn Puckett, anh xin phép được gặp tướng Kean và thiết tha xin được có cơ may củng cố lại đơn vị biệt kích với những người còn sống sót và một số tình nguyện mới. Đây không phải lần đầu Vann đề nghị được chỉ huy một đơn vị. Anh đã xin được giao chỉ huy một đại

đội ở Trung đoàn bộ binh 24 gồm toàn lính da đen vì Hopkins và kinh nghiệm ở Ferrum đã làm anh vượt qua mọi sự phân biệt chủng tộc. Anh khẳng định binh lính da đen có thể chiến đấu tốt như lính da trắng nếu người ta chỉ rõ họ có khả năng đó. Những lần trước vị tướng đã từ chối , nói ở ban tham mưu anh làm được nhiều việc hơn. Nhưng lần này, Kean không còn lòng nào nói "không" một lần nữa. Vậy là, Vann được chỉ huy quân biệt kích.

Mary Jane biết được nhiệm vụ chỉ huy đầu tiên của chồng qua một bức thư bảo chị giao cho người thợ may ở Osaka làm những cầu vai thêu chữ "Biệt kích" để người của anh khâu chữ ấy vào đồng phục. Anh càng hài lòng về nhiệm vụ chỉ huy đầu tiên của mình vì quân biệt kích là một đơn vị độc lập và anh bao giờ cũng thích ở hàng đầu. Anh được phép tuyển người ở Sư đoàn 25 và những đội quân tăng cường ở Triều Tiên. Anh cũng có thể tăng quân số đại đội của anh thêm vào một trung đội và như vậy thành một đơn vị gồm năm sĩ quan trong đó có anh và 107 quân lính. Nhiệt tình tự nhiên của anh lôi kéo những người tình nguyện mà anh không thể nhận biết.

Giữa tháng Mười hai năm 1950, Vann và đội biệt kích của anh được tàu chở đến đảo Kangwha, đầu bở biển phía tây Triều Tiên gần đường phòng ngự Walker cố thiết lập dọc theo vĩ tuyến 38. Vann được giao hai nhiệm vụ : trước hết là báo cáo với ban tham mưu nếu quân Trung Hoa đổ bộ theo đường biển lên phía sau Quân đoàn 8. Nhiệm vụ thứ hai đầy tham vọng và nguy hiểm hơn. Dựa vào đêm tối, Vann và quân biệt kích lên những chiếc thuyền nhỏ đổ bộ lên lục địa phía sau hàng ngũ quân Trung Hoa để do thám. Quân biệt kích được bốc đi khỏi Kangwha khi Quân đoàn 8 lại một lần nữa rút lui.

Vann không chuyển ngay vinh quang của Puckett về phía mình. Ngược lại, anh xử sự trung thực như vẫn luôn tỏ ra với một đồng nghiệp sĩ quan dũng cảm. Nhờ anh can thiệp mà Puckett được thưởng huy chương. Vann hỏi những người sống sót trong đêm ở ngọn đồi 205, thu thập chứng cứ về sự chỉ huy dũng cảm của bạn và gửi bản đề nghị khen thưởng. Những người đã cứu sống anh ấy cũng được khen thưởng. Khi Vann và Puckett gặp lại nhau sau này ở Fort Benning, Vann thỏa mãn thấy bản đề nghị khen thưởng đúng do mình đã viết.

Chỉ khoảng 12 năm sau, Vann mới chiếm hữu câu chuyện của Puckett với nhiều lý do. John Vann ở Việt Nam không thể là người như anh muốn nếu không chỉ huy đại đội biệt kích trong đêm anh dũng chống trả khi người Trung Hoa tấn công Triều Tiên. Anh biết anh sẽ hành động cũng dũng cảm như Puckett, đến nỗi anh đồng hóa câu chuyện ấy thành của anh. Anh nhớ lại cụ thể những chi tiết viết bản đề nghị khen thưởng và thêm vào một số để câu chuyện có ý nghĩa hơn, ví dụ "hơn 500 lính Trung Hoa chết trước vị trí chúng tôi" mà anh thấy lúc vừa rạng sáng. Thực tế, Puckett không bao giờ biết bao nhiêu lính Trung Hoa bị giết

: đơn giản là anh đã không thể làm việc đó.

Mấy trăm xác chết và việc mô tả “chiến thuật làn sóng người liên tục ào lên của người Trung Hoa” có ích cho Vann trong việc chứng minh người Mỹ không bao giờ thắng được trong một cuộc chiến tranh hủy diệt chống người châu Á. Nhắc lại việc xảy ra khi anh cầm đầu đội quân biệt kích, anh nói dù lưỡi lửa của chúng ta mạnh đến mấy họ cũng sẽ mỗi lúc một đông. Những chi tiết của nước Trung Hoa mà anh muốn dùng để mô tả Việt Nam. Theo Vann, những triệu triệu người Trung Hoa không phải là vốn quân sự thoáng qua hoặc trở ngại thường trực cho việc xây dựng sức mạnh thực tế và hiện đại. Hoàn toàn ngược lại, họ là một mối đe dọa không ngừng lớn mạnh và đang tiềm tàng. Tầm nhìn ấy được phần lớn người Mỹ thời kỳ đó đồng tình, nhưng Triều Tiên đã làm Vann sáng tỏ và xác thực hơn.

Cũng như nhiều sĩ quan khác trong thế hệ anh, Vann có xu hướng giải thích với những lý do sai trái về điều xảy ra ở Bắc Triều Tiên. Quân đội vừa thắng trong Thế chiến thứ hai không thể chấp nhận các chỉ huy của anh bị những người khác vượt qua và lính Mỹ bị đối thủ Trung Hoa đánh bại vì chuẩn bị và thông tin kém. Chỉ sau này, Vann mới phải nói với Mary Jane rằng MacArthur phạm sai lầm kinh khủng khi đánh nhau với người Trung Hoa. Nhưng thành quả của MacArthur quá lớn, bản thân ông có bao tài năng vun đắp vào lá cờ đầy sao và với niềm tự hào quốc gia, những biện minh của ông quá thuyết phục nên những người Mỹ như Vann không thấy những sai sót quân sự. Truman phải qua bốn tháng rưỡi để rũ bỏ MacArthur. Tổng thống phải giải quyết như vậy bởi vì viên tướng, khao khát khẳng đinh tiếng tăm quân sự của mình đã công khai chiến dịch tiến hành một cuộc chiến tranh toàn diện chống Trung Quốc. Khi ông trở về Hoa Kỳ, MacArthur nhận được sự đón tiếp có vẻ rối loạn của một đất nước luôn yêu mến ông.

Cũng lạ là Vann không nhận được huy chương về chiến dịch tiếp tế bằng máy bay cho vùng vành đai Pusan. Viên sĩ quan lúc ấy thấy anh hoạt động nhưng bận nhiều việc ,không đề nghị gì với cấp trên của Vann, trung tá Gasset. Thái độ bình tĩnh của Vann lúc xếp chuyển đạn dược và may mắn công việc trót lọt làm Gasset có cảm tưởng các phi công đã cường điệu mối nguy hiểm. Vann không quên cho Gasset biết anh đã tổ chức các đoàn tàu, xe và vận chuyển người , đạn dược nhanh hơn bất cứ một sĩ quan vận chuyển nào của Quân đoàn 8. Anh tự hào về thằng lợi của mình như trước đây đã tự hào về thành tích thể thao ở trường trung học Norfolk, xác định giá trị của mình qua mức độ thực hiện và không nói với Gasset về mối nguy hiểm trước bom đạn. Sự im lặng không có nghĩa anh thờ ở với việc khen thưởng. Anh tâm sự với Mary Jane anh muốn được tuyên dương ở Triều Tiên biết mấy nhưng nếu nói với Gasset về những

cuộc không tập của anh thì có vẻ đòi hỏi nên anh im lặng.

Vann có thể được phần thưởng cao nhất anh mong mỏi ở Triều Tiên nếu anh có thể chỉ huy đội biệt kích lâu hơn và nổi bật trong chiến đấu chống quân Trung Hoa. Nhưng anh chỉ huy có hai tháng rưỡi. Con trai anh, Jesse, sau này chống đối anh về cuộc chiến tranh thứ hai, đã làm anh chia tay sớm cuộc chiến tranh đầu tiên của anh.

John Vann không thấy được đứa con thứ ba lúc ra đời, Jesse sinh ngày mồng 5 tháng Tám năm 1950 trong lúc bố và Sư đoàn 25 chiến đấu vô vọng trong vành đai Pusan. Bệnh viện quân đội ở Osaka đang lộn xộn đến mức nữ y tá không tìm được chăn đệm sạch lúc Mary Jane trở dạ bước đầu. Bác sĩ phụ sản bận ở phòng mổ với một nhóm thương binh máy bay đưa từ Triều Tiên về, đến đúng lúc Mary Jane sinh con.

Jesse là một đứa bé xinh xắn, đôi mắt to màu xanh nhưng thể trạng ốm yếu, biếng ăn. Đầu tháng Hai 1951, 6 tháng tuổi, Jesse thở yếu và đôi mắt sưng. Bác sĩ nhi khoa khám bệnh đã cho thuốc viêm màng não trước khi chuyển đi. Ông tuyên bố với Mary Jane có thể cứu chữa đứa bé bằng một phương pháp điều trị mới nhưng ít hy vọng. Ra hành lang bệnh viện, Mary Jane gặp một người bạn, vợ một sĩ quan làm việc tình nguyện cho hội Chữ thập đỏ. Chị òa khóc, nói về tình trạng của Jesse. Cô bạn gửi ngay thư khẩn cấp đi Triều Tiên theo hệ thống Chữ thập đỏ. Vann được nghỉ phép gấp lên máy bay về Osaka. Chị mừng như điên thấy anh về nhà và ôm chầm lấy anh.

Hai người đến ngay bệnh viện. Qua hai ngày Jesse bắt đầu kháng bệnh tốt hơn và bác sĩ lạc quan hơn. Vann an ủi Mary Jane : họ đã may mắn với Patricia và John Allen; Jesse cũng sẽ bình phục và một ngày nào đó cũng mạnh khỏe như chị và anh nó.

Khi đứa bé qua cơn nguy kịch, bác sĩ muốn Vann sang Hoa Kỳ để Jesse được chăm sóc tốt hơn trong thời kỳ dưỡng bệnh. Vann không nghe nhưng ban tham mưu sư đoàn biết được lời bác sĩ khuyên, đã gửi công văn cho Vann lúc kỳ nghỉ hai tuần sắp hết, thông báo anh được thuyên chuyển vì lý do gia đình. Anh điện thoại sang Triều Tiên tuyên bố anh không cần về Hoa Kỳ, Mary Jane có thể đưa Jesse và hai đứa con về nhà bố mẹ ở Rochester. Anh muốn trở lại đơn vị. Ban chỉ huy cho rằng anh nói thế để tỏ ra là một người lính dũng cảm, đã không chấp nhận. Là đại úy dù sao anh cũng phải thuyên chuyển vào mùa hè để theo những lớp bổ túc ở trường bộ binh Fort Benning. Trong lúc đó, người ta đang cần một sĩ quan có kinh nghiệm như anh cho trại huấn luyện quân biệt kích. Lệnh thuyên chuyển của anh đã được ký. Anh không có quyền lựa chọn nữa.

Mary Jane cảm thấy anh tức bực vì phải rời chiến trường và đại đội Biệt kích của anh đến mức nào, cảm thấy tổn thương nặng vì việc ấy. Chị rất vui mừng vì

anh đã về và cuộc sống chung sẽ trở lại với họ. Về thể chất không có gì thay đổi nhưng John không chia sẻ những suy nghĩ của mình với chị như trước đây. Chị cố nói chuyện với anh về cuộc sống của mẹ con lúc anh ở Triều Tiên. Anh không trả lời. Chị biết rõ tâm trí anh đang ở bên kia, với đại đội của anh. Chị càng ý thức được sự thay đổi ấy ở anh khi họ hành động rất khác nhau đối với chiến tranh. Đối với anh, chiến tranh là kinh nghiệm dồi dào nhất trong đời. Thời gian không bao giờ nặng nề, không có gì đơn điệu, buồn chán. Mỗi ngày có một ý nghĩa, mỗi cử chỉ là cần thiết và cấp bách. Anh say mê thấy mình cần cho những đòi hỏi của cuộc tranh chấp, tỏ ra có khả năng hơn những người khác. Về lý trí, Mary Jane chấp nhận sự biện minh của chiến tranh không phân tích, như chị đã làm đối với những gì người ta nói với chị. Về tình cảm, chị rũ bỏ chiến tranh vì như vậy có nghĩa John đi vắng và chị sợ những gì chị đã thấy trong chiến tranh.

Tướng Keane đề nghị các bà vợ sĩ quan làm việc tình nguyện cho Hội Chữ thập đỏ, trong bệnh viện hoặc ở sân bay để giúp đỡ binh lính bị thương chở từ Triều Tiên về. Mary Jane chọn làm ở sân bay, vì nhà chị gần đấy. Những người bị thương còn có thể đi bộ được dìu đến lán trại và ngồi trên ghế trong lúc bác sĩ và những người giúp việc đưa họ lại xe ca chở đi các phòng của bệnh viên tùy tính chất vết thương của họ. Những trường hợp nghiêm trọng, chân tay gãy hoặc vết thương nặng ở bụng, ngực hoặc ở đầu, được các xe cứu thương chở đi ngay. Trước khi phục vụ cà phê hay sô cô la cho những người khỏe mạnh, Mary Jane và những người khác đến gặp thương binh nặng để an ủi họ. Trông thấy những con người tàn tạ ấy, chị chao đảo cả người. Không bao giờ chị hình dung được sự tàn ác đến thế. Còn lại trong ngày, chị nhớ lại khuôn mặt những chàng trai ấy và thân thể gãy nát của họ. Sau khi vượt qua phản ứng ban đầu và nỗi kinh hoàng có thể phát hiện John trên một trong những băng ca ấy, chị không thể ngăn mình xem những thương binh ấy là những người còn rất trẻ. Mới 23 tuổi, chị không nhiều tuổi hơn những anh lính 18, 19,20 bao nhiêu nhưng chị đã là mẹ của hai đứa con trai. Thật quái đản, để những điều ấy có thể đến với những chàng trai như vậy. Đáng ra họ đang ở trường đại học hoặc bắt đầu một công việc làm hay đang tán tỉnh một cô gái chứ không phải tàn tật như thế kia. Chị nghĩ đến một ngày nào đó một trong những đứa con trai của chị bị bắt đi và tả tơi như vậy trong một cuộc chiến tranh khác. Chị thấy rõ mình đã quá ngây thơ xem quân đội như một công ty như CocaCola hoặc bất cứ công ty nào từng thời kỳ đưa vợ chồng và gia đình nhân viên đi nghỉ ở nước ngoài. Bây giờ chị hiểu công việc của quân đội là đi đánh nhau.

Nỗi thất vọng John cảm thấy khi rời mặt trận giảm nhẹ dần, Mary Jane nghĩ, nhưng có cái gì đó giữa họ không thay đổi qua thời gian, tuy họ gắn bó với nhau

về xác thịt, là sự ám ảnh về tình dục của John. Anh thường xuyên làm tình với đầy tớ gái trẻ trong nhà tuy không giảm lòng ham muốn vợ. Có thể nói, John thừa thãi năng lực tình dục. Mary Jane im lặng nhưng lần đầu tiên từ khi cưới nhau, giữa hai vợ chồng có một sự căng thẳng nào đấy. John để cho vợ hiểu anh sẽ có phòng riêng cho phụ nữ và mong chị chấp nhận lối sống của anh. Không bao giờ anh có một dấu hiệu gì tỏ ra có lỗi.

Ở Fort Benning chỗ gia đình Vann cư trú vào đầu tháng Năm năm 1951 sau khi về nước và một thời gian dài ở với gai đình Allen tại Rochester, John thay thế những người đàn bà Mỹ vào chỗ đầy tớ gái Nhật. Gia đình ở trong một khu căn hộ có vườn quân đội xây dựng ở căn cứ với vốn chi cho chiến tranh Triều Tiên. John thường ra ngoài sau bữa ăn tối với lý do có cuộc đấu bóng rổ hoặc phải vào thư viện học. Mary Jane tiếp tục không nói gì. Ngược lại, chị trả đũa khi anh trở về, tỏ ra dữ tợn khi không nén được giận dữ nhưng thường thì chị tự chủ và chịu đựng sự không chung thủy của anh. Việc nhảy dù và những môn tập dượt căng thẳng khác ở trại huấn luyện quân biệt kích rồi tám tháng học nâng cao ở trường bộ binh giữ họ vui vẻ với nhau. Anh chú ý đến những cần thiết của vợ, thỉnh thoảng giải phóng con cái, đưa chị cùng đi dự tiệc đêm hoặc những chỗ chơi bài với các đồng sự sĩ quan và vợ họ. Hai vợ chồng thường đi ra ngoài cùng Ralpk Puckett ,vẫn điều dưỡng ở bệnh viện, và vợ chưa cưới của anh, tổ chức những bữa ăn ngoài trời; những lúc đó, hai người đàn ông thường nhắc lại về chiến tranh.

Thường thường vào buổi tối, trong lúc Vann chạy theo con gái, Mary Jane một mình ở nhà săn sóc Jesse trong ba năm nhiều lần bị sưng phổi do bệnh viêm màng não, để lại những vết thương ở não đã thành sẹo, nhưng thể trạng ốm yếu làm chậm sự phát triển trí óc và thể lực. Nó chậm biết đi và hai tuổi mới bắt đầu biết nói.

Khi Vann học xong ở trường bộ binh vào mùa xuân năm 1952 và được thuyên chuyển về trường đại học Rutgers làm giáo viên sĩ quan dự bị, Mary Jane bắt đầu gặp một thời kỳ khó khăn hơn nhiều. John đã đề nghị việc thuyên chuyển ấy để học buổi tối lấy một bằng thương mại. Vì lý do nghề nghiệp, anh cần một bằng cấp lãnh đạo. Với khả năng giỏi toán học và thống kê cũng như những môn học về kinh tế trước đây, lấy bằng về quản lý ở trường Rutgers là một lựa chọn hợp lý. Anh đến New Jersey trước gia đình, thuê một căn nhà ở Parlin, thành phố nhỏ phía đông New Brunswick, chỗ có trường đại học. Tiền thuê một ngôi nhà khá lớn có thể cho vợ và ba con, rẻ hơn những thành phố khác gần trường đại học và khoảng cách đến New Brunswick cho phép anh hàng ngày đi về được.

Nhưng đối với Mary Jane, Parlin là một chỗ hoàn toàn cô lập sau cuộc sống tập thể ở trại đồn trú Fort Benning và tình bạn với các gia đình Sư đoàn 25 ở

Nhật Bản. Ngôi nhà ở trong một khu gần dân Ba Lan nhập cư trước Thế chiến thứ hai rất lâu. Phần lớn hàng xóm của Mary Jane là những đôi vợ chồng đã có tuổi nói tiếng Anh còn kém và con cái trưởng thành đã chuyển đi ở chỗ khác. Gần gũi nhất là một bà góa có nguồn gốc cộng đồng Anh chuyên nấu ăn, luôn luôn mang đến cho Mary Jane bánh kem mứt, các món ăn và đề nghị giúp đỡ mấy mẹ con. Nhưng một bà hàng xóm tử tế không thay thế được một cộng đồng hay một cuộc sống xã hội. John ra đi sau bữa ăn sáng, lúc tám giờ và Mary Jane nói chung chỉ gặp lại anh lúc đêm đã khuya.

Dù chị có muốn thuê một người trông trẻ và lên xe buýt đi chơi, xem phim hoặc ngắm hàng hóa ở một khu nhộn nhịp hơn cũng không đủ tiền cần thiết. John mua cho chị và các con một chiếc xe hạ giá nhưng đã quá đát luôn bị hỏng hóc. Anh nắm mọi tiền chi tiêu trong nhà, tự trả những món lớn như tiền thuê nhà và buộc Mary Jane sống với một khoản tiền eo hẹp. Ngày thứ bảy, anh đưa chị đi cửa hàng quân đội mua sắm rồi trong tuần đưa cho chị một ít tiền chi tiêu cần thiết mua quần áo trẻ con … Nếu chị phàn nàn cuộc sống đắt đỏ, anh nói lúc bé anh không có cả giày và nhờ trời con anh có thể hài lòng về một đôi giày dép.. và nói thời giá lúc anh còn trẻ, thời Thế chiến thứ hai. Vì bản thân không đi mua bán, anh không có một khái niệm gì về sự đắt đỏ.

Khi Mary Jane than phiền cô độc, John trả lời anh không có thì giờ dành cho chị và các con trong lúc này. Anh cho rằng mình đã làm đủ trách nhiệm khi đảm bảo khoản tài chính trong gia đình, cũng từ chối đưa gia đình đến ở gần trường đại học vì quá đắt. Đúng là anh rất bận : lên lớp cho các sĩ quan dự bị, ban ngày theo học ở trường, buổi tối học lấy bằng và là sĩ quan hậu cần của phân đội. Vốn nhiều tham vọng, anh tình nguyện làm hướng dẫn viên bộ phận luyện tập “những Khẩu súng đỏ” và là giáo viên thể dục. Mary Jane hiểu anh vẫn luôn có thì giờ làm những gì mình thích và những buổi tối có thể về nhà thì anh chạy theo con gái. Anh cũng nhận thấy phải rất hà tiện vì cần tiền cho những quan hệ ngoài vợ chồng.

Chị tìm hiểu kỹ hơn qua nói chuyện với những người quen biết ở những buổi dạ hội các sĩ quan dự bị mà anh đưa chị cùng đi. Chị phát hiện ra, ngoài những cuộc phiêu lưu nhất thời, John quan hệ với một nữ thư ký chị đã gặp trong một dạ hội, gần như cùng tuổi với chị. Mary Jane không sợ John bỏ rơi mình để cưới cô kia nhưng việc biết rõ người đàn bà làm chồng mình không chung thủy với vợ còn khó tha thứ hơn. Ban đêm khi các con đã ngủ, chị hình dung John đang ôm ấp cô thư ký kia làm chị suy sụp và rơi nước mắt.

Mary Jane không hình dung sẽ chia tay với chồng, cảm thấy không có khả năng nuôi dạy ba đứa con với đồng lương của một người đàn bà như chị, không

được đào tạo về nghề nghiệp. Ngoài ra, chị xem việc ly dị sẽ làm bố mẹ và bạn bè biết rõ chị đã thất bại trong mục đích độc nhất của cuộc đời mà chị khao khát. Chị không thể chịu đựng nỗi nhục nhã ấy, cũng không thể trả đũa bằng cách mình cũng công khai có một quan hệ khác.

Nếu anh chỉ chấp thuận giả vờ một cuộc sống vợ chồng như chị mong muốn có lẽ chị sẽ đồng ý chia sẻ. Nhiều buổi tối, chị cầu khẩn anh hết buổi học thì về ăn tối. Anh hứa sẽ về và chị chuẩn bị một bữa ăn ngày lễ, với những ngọn nến trên bàn và một chai rượu vang, chỉ dành cho hai người với hy vọng sau đó sẽ lên giường với nhau. Anh không về. Khi anh trở về, đã rất khuya, chị như lên cơn thần kinh, khóc lóc kêu van chị là vợ anh, anh đã hứa hẹn nhiều trong ngày hôn lễ và anh có trách nhiệm về với chị. Một buổi tối, anh hứa về sớm ăn tối với chị và các con vì là ngày sinh nhật của Patricia. Mary Jane làm một chiếc bánh ngọt. Nửa đêm anh vẫn chưa về. Patricia nhớ lại chiếc bánh sinh nhật trên bàn không ai cắt, nến không ai thắp và mẹ nằm dài trên giường khóc nức nở.

Mary Jane bắt đầu tìm cách gây sự về tính hà tiện của anh, không chú ý đến các con, những nơi anh năng lui tới hoặc bất cứ về việc gì chị chợt nhớ ra. Những cuộc cãi cọ khiến họ càng ngày càng trở nên căm ghét nhau. Khi bực tức tột cùng, chị kêu lên, ném đĩa hoặc vớ bất cứ vật gì vào mặt anh. Hậu quả thật tai hại. Những cuộc cãi nhau làm cho cuộc sống gia đình như địa ngục và John có cớ để không về nhà. Thường anh ngủ suốt đêm bên ngoài, nói rằng phải học rất khuya, ngủ lại trên xe và đi tắm, cạo râu kịp buổi tập thể dục sáng hôm sau. Để trừng phạt, chị từ chối không gần anh khi anh trở về. Nhưng việc đó không kéo dài. Mùa hè 1953, trong lúc cuộc sống vợ chồng càng tồi tệ, chị lại mang thai lần nữa.

Trong những năm đầu và hạnh phúc nhất trong cuộc sống chung, John tâm sự với chị nhiều điều về tuổi thơ của anh hơn bất cứ ai khác. Anh thú thực mình là một đứa con hoang và giới thiệu chị làm quen với Johnny Spry trong một chuyến đi qua Norfolk năm 1947. Chị thấy John và bố đẻ giống nhau và nghe kể những kỷ niệm lúc còn bé mỗi lần Spry đưa anh tới giúp giao hàng anh thường ngồi lên những thùng rượu Whisky chở lậu. Chị biết được câu chuyện Mollie bế anh về nhá từ chiếc nôi mây bị mẹ anh bỏ một mình gào khóc, những chiếc bánh bích quy khoai tây muôn thuở của Frank Vann và Garland Hopkins đã làm anh thoát khỏi những cảnh đó bằng cách gửi anh vào Ferrum. Anh đã dẫn chị đến Ferrum để chị thấy ngôi trường anh học và giới thiệu vợ với các thầy giáo cũ. Thời kỳ ấy, Myrtle quan hệ với một hạ sĩ thủy quân và sắp bỏ rơi Frank Vann. Mary Jane hiểu về mẹ John nhiều hơn lời anh kể; bà vừa vị kỷ, nghiện rượu và trác táng, bỏ rơi con trai mình và những đứa con khác. Anh bảo hình ảnh đầu tiên anh giữ được về mẹ mình là hình ảnh bà ngồi trước gương trang điểm.

Nhưng trong mỗi thời kỳ niên thiếu John thổ lộ với Mary Jane, anh còn giấu nhiều điều hoặc vì quá xấu hổ hoặc vì muốn giảm bớt đi. Trong giai đoạn khó khăn này của cuộc sống chung, chị không cách nào biết được vì sao anh lại xử sự như thế. Chị không đủ tầm hiểu nổi tâm trạng day dứt do lỗi của Myrtle gây ra cho anh. Người con trai khẳng định mình có lòng can đảm khi thực hiện những chiến công táo bạo cũng là người tin chắc vào nam tính của mình bằng cuộc chạy tiếp sức vĩnh viễn về sự quyến rũ đàn bà. Điều đối với Spry là một xu hướng thì ở John là một cơn đói mà số lượng đàn bà nhiều đến mấy cũng không thể thỏa mãn anh. Nhưng dùng đàn bà để tự trấn an nhất thời không đủ. Anh cũng phải gây ra các nạn nhân như đã làm với Mary Jane, để trả thù mẹ.

Anh cũng không nói với vợ trong việc Garland Hopkins giải phóng John có một khía cạnh đen tối. Hopkins yêu thích trẻ em. Ông ta kể những chuyện ma trong các đêm lửa trại không phải chỉ để các hướng đạo sinh của ông giải trí. Ông chọn đứa sợ hãi nhất trong nhóm cho vào ngủ chung túi ngủ với lý do làm nó đỡ sợ. Chỉ là sở thích vuốt ve bọn trẻ thường làm với nhau. Những người đàn ông như Hopkins thường bị hấp dẫn bởi loại trẻ tuấn tú tóc vàng như John lúc 14 tuổi. Chắc chắn họ có những quan hệ loại ấy dù nó trở thành tình bạn khi thiếu niên và khi đã lớn. Quan hệ ấy hẳn đã làm trầm trọng thêm sự day dứt của John, biến anh thành một kẻ thích quan hệ tình dục vô độ.

Mùa xuân năm 1954, quan hệ gia đình xấu đến mức John bỏ vợ và các con trong đêm sinh Tommy. Anh đưa Mary Jane vào bệnh viện chiều hôm ấy khi chị trở dạ. Chị nghĩ anh sẽ trở về nhà với các con mà bà góa hàng xóm thân thiện sang chăm sóc chúng lúc anh đưa chị đi bệnh viện. Khi chị gọi điện về nhà trong đêm để báo anh là bố của đứa con thứ tư và là con trai thứ ba thì chính bà hàng xóm trả lời. John vẫn không về. Sáng hôm sau, Mary Jane mới có thể đến gặp anh ở văn phòng các sĩ quan dự bị của trường đại học.

Sau những kỳ thi ở trường trong tháng Sàu, anh lại được thuyên chuyển về Trung đoàn 16 bộ binh ở Schweinfurt, Đức, anh hứa sẽ đưa mẹ con sang khi tìm được chỗ ở. Bây giờ anh ở đấy chưa có nhà ở cho gia đình quân nhân. John khuyên trong lúc chờ đợ mẹ con đến ở tạm nhà ông bà ngoại ở Rochester. Như vậy, họ tiết kiệm được tiền trong lúc Vann ra nước ngoài, không có phụ cấp nhà ở và thực phẩm. Lời hứa sẽ đưa me con sang lúc đầu có vẻ thành thực. Anh đã mang theo Mike, con chó của gia đình để các con có bạn.

Khi đã sang Đức, ý nghĩ đại dương ngăn cách và gánh nặng vợ con quá mạnh khiến anh không cưỡng nổi. Trong những bức thư, John không nói hoặc không hàm ý anh muốn ly dị hoặc cách ly nhau. Anh tỏ ra với những sĩ quan lân cận cảm giác anh thấy thiếu vắng Mary Jane và các con, cũng như sau này anh tỏ ra

với David Halberstam ở Việt Nam khi anh làm cho Halberstam lưu ý đến bức ảnh lớn của các con anh giữ ở bàn giấy của anh ở Mỹ Tho. Mary Jane nghĩ anh không muốn cắt đứt vì việc tăng lương trong quân đội chiếu cố nhiều đến các sĩ quan có gánh nặng gia đình. Thực ra động cơ của anh phức tạp hơn, để thỏa mãn mình hơn là tác động đến những người khác. Anh thích xem mình là một người chồng, người bố trong gia đình và nói về các con mình .. nhưng từ xa.

Mấy tháng trôi qua như vậy, anh vẫn làm gia đình chờ đợi với lý do chưa tìm được nhà. Mary Jane dọn đến một căn hộ bà chị Doris và ông anh rể Joseph Moreland tìm cho trong một khu họ ở phía bắc New York. Chị cảm thấy phiền khi ở nhà bố mẹ tại Rochester lúc đã là vợ với bốn đứa con và ngân phiếu John gửi về chẳng hào phóng gì. Bà chị và ông anh rể không có con nhưng Joseph Moreland là một người Ireland to lớn, nhiệt tình, rất yêu trẻ con. Đối với chúng là bác Joe, luôn đưa chúng đi chơi thoải mái. Joe và Doris biết và Mary Jane công nhận, chị sống không như một người đàn bà thực sự có chồng. Họ đề nghị giúp đỡ chị làm lại cuộc đời. Mary Jane lại hình dung một cuộc ly dị như đã nghĩ đến khi ở New Jersey nhưng một lần nữa chị không cam lòng.

Ngày lễ Noel 1954, chị đến nghỉ cùng gia đình bố mẹ ở Rochester, và gọi điện cho John. Chị rất xúc động và nghĩ anh cũng thế. Chị khóc trong điện thoại, nói chị yêu anh biết mấy, thấy thiếu vắng anh biết mấy và sáu tháng quá lâu rồi, anh phải đưa chị và các con sang sum họp. Anh thô lỗ nói với chị chưa có nhà, đành kiên nhẫn chờ, đừng quá xúc động như thường lệ. Chị không khóc nữa và trở nên cứng rắn. Chị bảo có những thông tin khác hẳn về nhà cửa. Chị sẽ vay tiền mua vé cùng các con bay sang Đức.

John có vẻ sung sướng gặp lại gia đình khi đi Francfort đón mẹ con họ ở sân bay Francfort. Mary Jane đã gửi điện thông báo giờ họ tới. Thái độ vui vẻ của anh là một điềm lành. Hai năm rưỡi trôi qua là những năm tháng hạnh phúc nhất trong cuộc sống vợ chồng của họ. Cũng trong thời kỳ ấy, binh nghiệp của John tỏ ra đầy hứa hẹn.

Quân đội Hoa Kỳ ở Đức giữa những năm 50 chấp nhận khả năng xứng đáng của một sĩ quan như John Vann. Quân đội luôn cảnh giác và mài sắc vũ khí đối đầu với người Xô viết mà tất cả mọi người, từ anh lính cho đến vị tướng, cho là không tránh khỏi. John Vann sang Đức là một sĩ quan già dặn do phối hợp việc học tập quân sự, dân sự với những bài học ở hoàn cảnh bất lợi nhất trong chiến đấu. Hiệu quả anh đưa lại cho một quân đội thực tế trong hòa bình nhưng về tâm lý là trong chiến tranh làm anh nổi bật so với những người khác.

Tháng Sáu năm 1954 đến Trung đoàn 16 bộ binh lúc đầu anh là chỉ huy phó một tiểu đoàn. Trong một tuần lễ anh là người chỉ huy thực sự. Lòng gan dạ và

sự thành thạo đáng ngạc nhiên của anh là Bruce Palmer, lúc đó là đại tá trung đoàn trưởng chú ý và sau này trở thành một trong những cha đỡ đầu của anh. Khi Palmer, sau đó mấy tuần, cần một chỉ huy mới cho đại đội súng cối, ông chọn Vann. Đơn vị này là một vị trí lý tưởng cho một đại úy bộ binh vì tương đối độc lập, khá giống một trung tá chỉ huy tiểu đoàn. Súng cối 107 ly lớn nhất trong các súng cối Mỹ, bắn một viên đạn tương đương trọng pháo 105 ly ở khoảng cách bốn cây số. Đại đội có 12 khẩu, chở trên xe, là đội trọng pháo của trung đoàn. Palmer lựa chọn các sĩ quan dưới quyền rất cẩn thận. Ông xây dựng Trung đoàn 16 bộ binh thành một trung đoàn mạnh nhất trong ba trung đoàn hình thành sư đoàn thứ nhất đóng ở trung tâm nước Đức để ngăn chặn con đường coi như là xâm lược của người Xô viết đến từ Đông Đức và Tiệp Khắc.

Đơn vị súng cối hạng nặng mang hình ảnh giá trị đặc biệt của đại úy chỉ huy. Palmer ghi trong báo cáo xu hướng tự nhiên của Vann về kỷ luật nghiêm khắc không cản trở anh chiếm được lòng trung thành của quân lính vì "bản thân anh sống một nhịp điệu chóng mặt và đòi hỏi thuộc hạ cũng như thế". Trong những cuộc hành quân gần biên giới Tiệp Khắc, Vann bố trí súng cối sẵn sàng nhả đạnh khi bộ binh yêu cầu. Đạn súng cối nhắm thẳng vào mục tiêu; tầm bắn tính tỉ mỉ phù hợp với tọa độ trọng pháo; vị trí từng khẩu được chọn hoàn hảo có thể dùng làm mẫu trưng bày. Qua những lần kiểm tra, vũ khí và phụ tùng luôn luôn trong tình trạng rất tốt, hồ sơ giữ theo quy định chặt chẽ nhất; và tất cả, từ chỉ huy đến anh lính thường , đều sạch bóng như một đồng xu mới.

Đại đội súng cối và đại úy của đơn vị cũng rất giỏi về các lĩnh vực khác làm người ta kính nể. Đơn vị của Vann chiếm được nhiều giải thưởng thể thao hơn bất cứ đơn vị nào và nhiều người trong đại đội được chọn vào đội bóng rổ do Vann luyện tập cho đến lúc thắng lợi trong một cuộc thi giữa ba trung đoàn của Sư đoàn 1 bộ binh.

Palmer đã viết "Tôi đặc biệt có ấn tượng về tinh thần chiến đấu và ý chí quyết thắng của mọi cầu thủ trong đội. Có lẽ, đôi lúc họ dùng sức quá nhiều trong cuộc chơi nhưng không bao giờ bị khống chế".

Tháng Tư, Vann được đề bạt thiếu tá, chuyển đến Haidelberg về tổng hành dinh của quân đội Mỹ ở châu Âu vào tháng Sáu năm 1955. Plamer thuyết phục các hội đồng đề bạt và chọn lựa khả năng của Vann. Trong báo cáo hoạt động cuối cùng, ông xác định anh như sau "Một trong những sĩ quan xuất sắc nhất tôi đã được gặp". Ông nhấn mạnh để gặp dịp đầu tiên, Vann được theo học những lớp chỉ huy ở trường đại học quân sự, bang Kansas, điều kiện cần có để thăng chức trung tá. Để lưu ý việc chấp nhận giá trị của Vann, Palmer kèm vào hồ sơ của anh một bức thư đặc biệt :

“Anh đã là một thiếu tá phụ trách đại đội không ai sánh nổi và một người dẫn dắt đồng đội khác thường. Dưới sự chỉ đạo của anh, tôi tin tưởng tuyệt đối đơn vị súng cối hạng nặng sẽ hoàn thành bất cứ nhiệm vụ nào. Trong mọi hoàn cảnh, đơn vị này đã chứng tỏ tinh thần chiến đấu cao, năng nổ và nhiệt tình mà anh đã biết khắc sâu vào đồng đội … Tôi tin chắc thành công của đại đội nhờ vào sự toàn vẹn, ngoan cường và ổn định về mục tiêu của anh”.

Ở Tổng hành dinh Haideberg, nơi Vann được bổ sung vào bộ phận hậu cần phòng quản lý, cấp trên anh không bao lâu ca ngợi anh cũng nhiệt tình như thế.

Trong báo cáo hoạt động của mình, cấp trên trực tiếp của Vann tuyên bố “Tôi xem viên sĩ quan này là một trong những chàng trai khác thường nhất của quân đội”.

Đời tư của Vann không ảnh hưởng đến lòng mến mộ của cấp trên. Tất cả, như Palmer, ca ngợi “tinh thần vươn lên” đúng với hoạt động nghề nghiệp của anh. Anh tin tưởng sâu sắc vào những lý tưởng của sĩ quan Mỹ, quan tâm đến đồng đội, nêu gương cho họ, báo cáo trung thực với cấp trên, vì việc thực hiện những lý tưởng ấy gắn bó mật thiết với cảm giác tự trọng của anh. Quân đội không can thiệp đến đời tư của các sĩ quan khi họ tránh được bê bối và không đồng tình luyến ái, điều có thể gây ra mọi loại rắc rối. Những xa cách thường xuyên trong đời lính đưa việc ngoại tình đến sự trao thân đơn giản trên một chiếc giường, Napoleon đã cho là thế. Sự chung thủy của Mary Jane vì cuộc sống một vợ một chồng là sự lựa chọn về tình cảm hoặc là một nhu cầu. Nhiều bạn bè Vann biết những thú vui của anh vì anh khoe khoang về những quan hệ trai gái đó. Họ thấy những câu chuyện của anh thật thích thú hoặc mong muốn có được nam tính của anh. Vả lại, họ nghĩ rằng những biểu hiện bên ngoài có lợi cho anh. Một người bạn nhận xét tuy Vann nhanh chóng có một lũ bạn gái nhỏ người Đức, anh vẫn luôn giữ gìn. Không bao giờ anh đưa con gái vào câu lạc bộ sĩ quan cả trước khi Mary Jane sang, trong lúc nhiều người khác xa vợ, không từ việc ấy. Các thủ trưởng của Vann chắc chắn qua dư luận biết được những quan hệ không phải vợ chồng cùa anh. Nhưng họ nhận thấy anh rất khôn ngoan và vẻ đứng đắn bên ngoài đối với họ cũng có giá trị như đạo đức cá nhân. Ngoài ra, Vann xử thế thật hoàn hảo : không bao giờ anh uống quá nhiều, thực ra anh ít uống rượu, không nợ nần gì ai. Về lý do cá nhân, Mary Jane không bao giờ phản bội anh, tố cáo với người lạ.

Cuộc sống của họ ở Đức hạnh phúc hơn chị hy vọng, nhất là sau việc thử thách ở New Jersey. Thái độ vui vẻ của John trong việc phục vụ ở nước ngoài lại cho Mary Jane một hình ảnh giống cuộc hôn nhân chị mơ ước. Anh chăm sóc con cái và thường ngày chủ nhật đưa cả gia đình đi xe đạp trên những đường đất

rừng thông. Mary Jane để Peter, cậu bé sinh ở Haidelberg tháng Mười một năm 1955, trong một chiếc giỏ buộc vào ghi đông. John chở Tommy và Jesse, năm tuổi sau giá chở hàng. Patricia chín tuổi và John Allen, tám tuổi đạp xe nhỏ đi theo họ. Mary Jane mang theo bữa ăn trưa. Họ mang theo ra két, cọc và lưới để chơi ngoài trời. Cứ sáu tháng John nghỉ phép và đưa gia đình đi nghỉ. Họ đến vùng núi Alpes, vòng quanh Hà Lan và đi thăm Tây Berlin.

Patricia nhớ lại Noel là lúc vui vẻ nhất trong năm vì bố cô dành trọn thời gian vào ngày ấy. Một năm John vẽ một ông già Noel trên kính cửa sổ lớn phòng khác. Anh chú ý để các con có một cây thông lớn và giúp trang hoàng thật lỗng lẫy. Mấy ngày trước anh đi mua quà cho cả nhà. Buổi tối trước ngày lễ sau khi các con đi ngủ, John và Mary gói những món quà. Đến bốn giờ sáng, họ đánh thức Patricia và các em, nhìn chúng chạy tới cây thông hét lên vui sướng.

Một buổi chiều ở Heideberg. Mary Jane ở nhà, Peter và Tommy đang ngủ trưa, thì có người gọi cửa. Chị ra mở và thấy một cô gái trẻ người Đức nói tiếng Anh đề nghị trao đổi với chị một việc riêng. Mary Jane đưa cô vào phòng khách, mời một tách cà phê. Cô òa lên khóc và kể câu chuyện dài John đã quyến rũ cố, nói yêu cô và sẽ ly dị vợ để lấy cô. Mấy tuần sau đó, anh đột ngột bỏ rơi cô. Anh buộc cô thư ký trả lời anh đi vắng mỗi khi cô gọi và không trả lời thư cô khẩn cầu cho gặp lại. Cô bảo lúc đầu cô không muốn đối mặt với Mary Jane nhưng rồi thấy chỉ có cách ấy mới biết được sự thật. Cô rất yêu John nên cần phải để chị biết. Cô ngủ với anh vì anh có vẻ rất thật thà. Phải chăng hai vợ chồng không yêu nhau nữa và sắp ly dị ?

Mary Jane càm thấy thương cô gái. Chắc John đã dùng cách ấy với hàng tá cô gái khác, chị nghĩ, thậm chí có lẽ hàng trăm theo sự chinh phục nhanh chóng của anh. Chị giải thích với cô gái chị nghĩ John vẫn yêu chị theo cách của anh ấy và chưa bao giờ họ nói về việc ly dị. Nếu việc ấy xảy ra thì chị cũng chống lại. Chị khuyên cô nên thận trọng với đàn ông. Chị đưa cho cô một chiếc khăn tay lau mũi và nước mắt, bảo phải đi ngay vì những đứa trẻ đi học sắp về. Cô gái không nói tuổi nhưng rõ ràng còn là vị thành niên.

John không chối có quan hệ tình dục với cô gái. Nhưng anh phủ nhận nói yêu và sẽ cưới cô ấy. Mary Jane bảo tốt nhất là anh phải tự kiềm chế mình trước khi một cô gái mang thai hoặc trước khi một cô khác gây bê bối làm ảnh hưởng đến sự nghiệp của anh và gia đình. John trả lời hãy để anh yên, anh hoàn toàn biết cách xử sự như thế nào.

Thành công của anh trong công tác quản lý ở tổng hành dinh còn lớn hơn sự nổi tiếng ở bộ binh. Nghị lực và tinh thần hăng hái của anh hiếm có trong môi trường lính chiến đấu, càng hiếm hơn trong những người quản lý.

Một trong những cấp trên của anh nhận xét trong báo cáo của mình “Thiếu tá

Vann thực sự là một động lực trong công việc. Phải ba hoặc bốn sĩ quan trung bình mới bằng được anh trong hoạt động hàng ngày, dù trong văn phòng , trên báo cáo hoặc ở thực địa".

Công việc của anh ở bộ phận hậu cần là phân tích hệ thống tiếp tế ở châu Âu và đưa ra những gợi ý cải tiến. Anh làm nhiệm vụ này như mọi trách nhiệm nghiệp vụ khác bằng cách đến tại chỗ. Anh đi kiểm tra tất cả các kho để biết số lượng dự trữ và đã được cung cấp như thế nào. Anh cũng đến các đơn vị chiến đấu để biết yêu cầu của họ và xác định xem có được thỏa mãn không. Không bao lâu, thiếu tá Vann biết hơn ai hết trong ban quản lý hậu cần Mỹ ở châu Âu hệ thống đó hoạt động ra sao. Anh dự thảo những kết luận của mình trong những báo cáo rõ ràng, với phép biện chứng tinh tế, đầy những sự việc đáng ngạc nhiên, đơn giản vì cho đến lúc đó không có ai chịu tìm hiểu. Anh lên biểu thống kê làm lập luận chắc chắn hơn chứ không mơ hồ.

Anh trình bày một kế hoạch tổ chức lại cả hệ thống cung cấp, lược bỏ đi những điểm yếu. Chương trình của anh được viên tướng sư đoàn chỉ huy hậu cần cũng như viên tướng bốn sao chỉ huy quân đội Hoa Kỳ ở châu Âu chấp nhận. Vann được giao nhiệm vụ thực hiện kế hoạch của mình. Việc tổ chức lại làm rõ những vấn đề khác mà anh cũng đề nghị những biện pháp giải quyết, được chấp nhận và giao cho anh áp dụng. Anh được bổ nhiệm chỉ huy hậu cần và quan hệ ngoại giao của ban quản lý. Khi có một nhân vật dân sự quan trọng hoặc một vị tướng hay đô đốc hải quân đến Heidelberg, thiếu tá Vann đứng trình bày trong phòng họp làm lóa mắt vị khách kiệt xuất vì công việc xuất sắc của ban quản lý hậu cần của quân đội Mỹ ở châu Âu. Wibur Brucker, bộ trưởng Quốc phòng dưới thời tổng thống Eisenhower một lần đi thanh tra đến tổng hành dinh vào tháng Bảy năm 1956. Thiếu tá Vann giải thích với ông toàn bộ hệ thống tiếp tế ở châu Âu . Ban quản lý hậu cần có nhiều việc phải làm trong những năm căng thẳng này và Vann xác định đã làm tốt vì thực tế ban của anh là như vậy. Sau đợt thanh tra, Brucker và những vị khách khác viết những bức thư khen ngợi kèm vào hồ sơ của Vann và cấp trên vẫn lưu ý những thực hiện khách của anh cũng được ghi lại để đề bạt trong những lần thăng cấp tương lai. Hai lần anh được giao tháp tùng những viên tướng mới đến đi thăm các đơn vị họ sẽ chỉ huy. Đấy là vinh dự của một thiếu tá trẻ. Anh không ngần ngại khuyên các viên tướng về những vấn đề phải hỏi và về giá trị những câu trả lời mà người ta giải đáp cho họ.

Bruce Palmer nói "Vann có một tương lại rực rỡ trước mắt". Thực tế tương lai của thiếu tá Vann đầy hứa hẹn. Cùng với Mary Jane và các con, anh rời nước Đức về Hoa Kỳ trong mùa hè 1957, được một đợt nghỉ phép dài trước khi đi học trường Đại học quân sự Fort Leavenworth vào mùa thu. Sau hai năm ở

Heidelberg, cấp trên của anh cho điểm cao nhất về trình độ “Một sĩ quan khác thường có giá trị hiếm thấy”, có năng khiếu về công việc tham mưu như việc chỉ huy một đơn vị. “Con người thể hiện một năng lực lớn lao đối với quân đội và phải là một trong những người chỉ huy tương lai”.

Ở Fort Leavenworth , John đáp ứng những hy vọng của cấp trên. Thứ hạng anh chiếm được chứng tỏ anh rất già dặn vê nghề nghiệp nhờ vào sự chuyên cần trong suốt những năm ấy. Năm 1947, anh ra trường bộ binh trong số những người cuối cùng. Năm 1952, anh là một trong 20 người đứng đầu ở lớp nâng cao. Tháng Sáu năm 1958, sau 9 tháng ở trường tham mưu, anh tốt nghiệp với thứ hạng 11 trong tổng số 532 học viên.

Nhà trường phải gửi bằng cho anh theo đường bưu điện. John và gia đình ra đi trước lễ phát bằng trên một chiếc xe Volkswagen nhỏ mua ở Đức. Họ đi về phía đông đến Syracuse, nơi John phải theo học lớp đại học mùa hè. Khi ở Heidelberge, anh đã nhận chuyên về hậu cần vì đấy là cách tốt nhất để được thăng cấp đối với một sĩ quan không ở West Point ra. Quân đội đã đồng ý cho anh theo học để có một bằng quản lý hành chính ở trường đại học dân sự ở Syracuse. Đầu tháng Năm năm 1959, chỉ còn ba tháng để nhận bằng tốt nghiệp. Anh đã học đủ các môn về quản lý hành chính để có thể ra trường, chỉ còn vài môn học và viết luận án tiến sĩ. Anh dự kiến hoàn thành tất cả ở Washington trong ba hoặc bốn năm, chỗ anh sẽ được bổ nhiệm vào công tác hậu cần của Lầu Năm Góc bắt đầu từ mùa hè năm 1959. Anh muốn có những bằng cấp dân sự không chỉ vì giá trị bằng cấp mà nó còn giúp anh nhanh chóng lên trung tá và có lẽ hơn nữa. Anh không có ý định ở lại lâu trong nghành quản lý vì công việc đều đều làm anh buồn, muốn tiến lên nhận chỉ huy một tiểu đoàn bộ binh khi có thể sau khi được đề bạt trung tá, sẽ lại nổi bật lên ở đó, vượt các bạn đồng nghiệp và nhanh chóng thăng cấp ở bộ binh. Tương lai của anh rất chắc chắn, anh đã thấy những ngôi sao cấp tướng của mình. Và chính lúc đó, cuộc sống khác ám muội của anh được nhắc lại một cách tàn nhẫn.

Một thanh tra về điều tra tội phạm của quân cảnh thuộc sư đoàn đến Syracuse sáng ngày 7 tháng Năm năm 1959 gọi Vann ra khỏi lớp học. Ông thông báo sẽ hỏi anh về một khiếu nại có thể biến thành lời kết tội cưỡng dâm trẻ em. Vann bị một sĩ quan khác tố cáo đã quan hệ với một cô gái 15 tuổi khi ở Fort Leavenworth , theo luật quân sự là một trọng tội. Nếu có chứng cứ phạm tội, Vann có nguy cơ bị 15 năm tù. Dựa vào hồ sơ và tình hình công tác của anh, tòa án binh chắc sẽ độ lượng, chỉ xóa tên anh trong hàng ngũ quân đội, đối với sĩ quan như thế cũng là một hình phạt nhục nhã. Cuộc sống đời thường của anh cũng bị hủy hoại. Trong bối cảnh tiền Việt Nam những năm 50 và 60, những binh lính mất danh dự khó tìm được việc làm dù thấp kém. Một sĩ quan bị đuổi

khỏi quân đội sẽ xin vào một hãng nào để hoàn thành được những chức năng của cấp cao ?

Vann thật ranh mãnh. Anh trả lời những vấn đề người ta nêu ra đối với anh không làm anh ngạc nhiên. Cô gái đã thú tội với một cha tuyên úy có quan hệ với anh, anh giải thích như vậy. Anh có nhận được một bức thư của cha ít lâu sau khi đến Syracuse và đã trả lời những việc đó không đúng, hoàn toàn do tưởng tượng, cô gái có những vấn đề tình cảm. Theo đề nghị của viên thanh tra, John ký một tờ giấy cam đoan không có quan hệ tình dục với cô gái vị thành niên ấy.

Mary Jane đang may vá thì John về nhà buổi chiều hôm ấy. Anh kể chuyện thật với chị và khi nói đến tên cô gái , chị hét lên ném giỏ khâu vào mặt anh. Cô bé ấy đã nhiều lần trông con cho họ. Một cô gái 15 tuổi, to béo ,không đẹp, sống âm thầm vì ở nhà rất khổ sở. Mary Jane quá chán nản, không biết làm thế nào để chịu đựng hơn được. Peter đã nằm bốn tháng ở bệnh viện căn cứ không quân cách Syracuse 55 cây số. Đầu tháng Giêng, John đưa nó vào viện xét nghiệm theo yêu cầu của Mary Jane vì da nó vàng ra. Thầy thuốc chẩn đoán bị bệnh gan, thể trạng ngày càng tồi tệ. Nó gầy đi, da vàng toàn thân. Các bác sĩ hình như không biết chữa trị bằng cách nào. Hai vợ chồng cãi nhau dữ dội về bệnh tật của con. Anh cho rằng chị lơ là trong việc chăm sóc nó. Mary Jane nghi ngờ khả năng các thầy thuốc quân đội và muốn chuyển con ra bệnh viện dân sự . John từ chối bỏ ra một số tiền lớn nếu đưa ra điều trị ở bệnh viện ngoài quân đội. Anh cho rằng các bác sĩ dân sự cũng chẳng tài năng hơn.

Ba ngày sau khi viên thanh tra quân cảnh đến, các bác sĩ quân y cho Peter ra viện, đánh giá tình hình đã ổn định. Màu da vàng giảm bớt và không sút cân nữa. Peter về nhà không lâu thì da lại vàng hơn bao giờ hết và bụng trướng lên. Lần này, John lo ngại và không chống lại khi Mary Jane bảo chị sẽ đưa con đến bệnh viện Rochester, nơi chị đã được chữa trị khi còn bé. Ở đây, các bác sĩ cũng xác định là bệnh gan nhưng việc điều trị vẫn không kết quả.

Giữa tháng Sáu, Mary Jane chắc chắn mình sẽ mất đứa con. Bụng phình lên, chân tay gầy gò. Peter làm chị nhớ đến những đứa trẻ chị đã thấy trên những bức ảnh ở các trại tập trung phát xít. Có vẻ trong bệnh viện có người cũng tưởng đứa trẻ sắp chết và ngầm thông báo với một nhân viên lễ tang. Anh này đến vận động Mary Jane và John về việc tổ chức tang lễ vào một buổi tối họ đến thăm con. Mary Jane bị một cơn khủng hoảng thần kinh đến nỗi John cũng điên lên vì giận nhưng cố gắng vỗ về chị bình tĩnh lại. Họ đưa Peter đến khoa Y trường đại học Syracuse. Các bác sĩ nói có thể là m ột bệnh về máu nhưng không chắc chắn lắm. Tốt nhất nên đến bệnh viện Boston, trung tâm Nhi khoa tốt nhất thế giới. Vann ra khỏi bệnh viện, bế con trên tay, bọc nó vào tấm chăn đặt trên ghế sau xe. Anh đưa vợ về nhà với những đứa con khác và đi suốt đêm đến Boston.

Hôm sau, anh trở về Syracuse , kể lại với Mary Jane phải qua một kinh nghiệm đáng sợ mới đưa được Peter vào bệnh viện. Đến bệnh viện từ sáng sớm, đứa con trên tay, anh được người tiếp nhận bệnh nhân cho biết hiện không nhận được nữa vì đã quá tải. Anh phải xin hẹn gặp một bác sĩ và ghi tên bệnh nhân vào danh sách chờ đợi. Vann nói anh phải đẩy ngã người tiếp nhận, bế con trên tay đi vào hành lang, loanh quanh mãi mới gặp một bác sĩ, thuyết phục được ông này. Anh bảo bác sĩ tiền bạc không cần tính, anh sẽ trả theo yêu cầu của bệnh viện nhưng anh cầu xin hãy cứu con anh. Bác sĩ trả lời vận may đối với Peter thật mong manh nhưng ông sẽ cố gắn hết sức và ông làm thủ tục nhận Peter. Đúng chỉ còn một giường trống vì đứa bé ông ấy chữa vừa chết. Chắc phải mổ để biết Peter bị bệnh gì. Mary Jane đóng cửa nhà lại ngay, đưa những đứa con khác về gửi mẹ ở Rochester, đưa đồ đạc trong nhà đến chỗ giữ đồ đạc. Chị thuê nhà trọ ở Boston để gần Peter và Vann ở lại Syracuse để học cho xong.

Sau một tuần lễ xét nghiệm, các bác sĩ khoa Nhi cho rằng phải mổ. Peter không bị bệnh gan và thuốc cóc – ti – dôn các bác sĩ quân sự và dân sự cho đơn để chữa gan làm nó đau nặng thêm. Hơn nữa, đứa bé không gần chết như có vẻ thế nhưng căn bệnh và cách chữa trị sớm muộn sẽ giết nó.

Ca mổ cho thấy rõ lá lách hoạt động kém đã làm tắc nghẽn ống dẫn từ lá lách đến ruột non gây ra mọi loại hậu quả, đặc biệt làm cho gan hoạt động yếu. Bác sĩ phẫu thuật loại bỏ mọi nguyên nhân gây tắc nghẽn ống dẫn và đưa Peter lại giường nằm điều trị, bây giờ thì sẽ khỏi. Bệnh viện để nó ra viện vào đầu tháng Bảy, hai tuần sau khi mổ nhưng phải nhiều tháng dưỡng bệnh cho hỏi hẳn. Vann xuống Boston, đưa Mary Jane và con về nhà ông bà ngoại.

Câu chuyện John cứu sống Peter bằng cách cầu khẩn bác sĩ ở bệnh viện trẻ em thuộc về truyền thuyết gia đình. Peter còn nhớ tới việc ấy bên cạnh mộ bố ở Arlington khi giáo sĩ đưa lại cho anh lá cờ phủ quan tài. Đúng là Vann đã cứu sống con khi nghe theo lời khuyên của các bác sĩ trường đại học Syracuse và Mary Jane cũng góp phần khi thuyết phục John đến một bệnh viện dân sự. Nhưng phần còn lại là sai. Thực tế John không có khó khăn khi đưa Peter vào bệnh viện Boston. Bệnh viện này không bao giờ từ chối một trẻ em đau yếu. Bác sĩ trực cấp cứu khám Peter ngay, ra lệnh cho nhập viện và chỉ định một bác sĩ khoa Nhi và một phẫu thuật viên chăm sóc nó. Vann bịa ra bi kịch ấy vì muốn Mary Jane có quan hệ tốt với anh trong thời kỳ chị bắt đầu không tín nhiệm anh nữa.

Cảnh sát hình sự vẫn tiếp tục cuộc điều tra. Các thanh tra đã xác minh những chi tiết về chuyện cô gái, đặc biệt biết cô đã khám nghiệm một bác sĩ ở Leavenworth thời kỳ cô quan hệ với John khi nghĩ mình mang thai. Tất cả đều phù hợp. Cô gái chấp nhận để một thám tử thẩm vấn, chứng tỏ cô đã nói thật.

Cảnh sát đề nghị Vann công nhận đã nói dối. Anh từ chối. Khi anh nhận bằng quản lý ở trường đại học Syracuse vào cuối tháng Bảy, người ta bắt anh chờ thay vì cử đến Lầu Năm Góc như dự kiến. Hai tuần lễ sau, cảnh sát nộp một bản báo cáo dài đề nghị đưa Vann ra tòa án quân sự vì tội cưỡng dâm trẻ em vị thành niên và ngoại tình. Việc buộc tội ngoại tình chỉ là một vi phạm nhỏ thêm vào để làm rõ trọng tội và dựa vào một điều khoản không rõ ràng theo luật quân sự cấm "mọi hành động không lành mạnh của một sĩ quan".Mary Jane không bị cảnh sát thẩm vấn, chỉ được xem là "nạn nhân" của tội ngoại tình.

Quân đoàn 1 ở Fort Jay, bang New York chỉ định một sĩ quan tiến hành cuộc điều tra thứ hai tương đương thủ tục tiến hành phúc thẩm ở tòa án dân sự. Nếu viên sĩ quan này thấy có đủ chứng cớ buộc tội Vann, anh sẽ chính thức bị kết án và đưa ra tòa án binh. Trong lúc chờ số phận được định đoạt, Vann được cử về trại Drum, cơ sở huấn luyện quân dự bị và bảo an binh, ở phía bắc New York, gần hồ Ontarion. Vann thuê tầng hai một trang trại lớn trong xóm gần trại huấn luyện cho Mary Jane và các con.

Vann biết rằng chị sẽ nói dối vì anh. Sau cơn giận ban đầu, chị đứng về phía anh, trả ơn việc anh đã làm cho Peter. Chị biết rằng các con và bản thân chị cũng bị đe dọa vì vụ việc này. Nếu John vào tù hoặc sự nghiệp bị tan vỡ, chị và gia đình còn hy vọng gì vào tương lai ? Có Mary Jane xác nhận những lời tuyên bố của mình, John vạch một kế hoạch dùng chị làm chứng cớ bác bỏ tội. Đối với viên thanh tra ở Fort Jay, Vann bịa ra chuyện anh có quan hệ thân mật với một cô gái nhiều xúc cảm và rối trí, muốn bù đắp sự khổ sở trong gia đình bằng cách có quan hệ với những người nhiều tuổi hơn mình. Cô gái đã nói với anh về những vấn đề của mình vì anh sẵn sàng nghe cô nói. Anh không hỏi lại bố mẹ cô vì cô tin tưởng ở anh và đề nghị đừng phản lại cô. Anh cũng hàm ý nói bố mẹ cô quá vô cảm, không hiểu cô. Suy sụp, sau đó cô gái quay lại chống anh, nói dối với cha tuyên úy anh có quan hệ với cô. Viên thanh tra đề nghị anh viết bản tường trình. Vann kể lại câu chuyện trong 17 trang viết tay, đầy tình huống Mary Jane có thể xác nhận. Ví dụ theo John, Mary Jane đã nghe theo cô gái nói chuyện điện thoại với một trong những người yêu lớn tuổi của cô và Vann đã cấm vợ mình sau này không cho cô ấy dùng điện thoại nữa. Anh cũng nhanh chóng sửa lại lời khai của cô gái, đặc biệt về việc đến gặp bác sĩ ở Leavenworth ; cảnh sát đề nghị giải thích thì anh nói rằng bà mẹ đã hỏi tên một bác sĩ phụ khoa cho con gái mình.

Thanh tra thẩm tra việc nói dối đặt một vấn đề gai góc hơn cho John. Nhân chứng Mary Jane xem như không đáng tin. Để xóa bỏ những nghi ngờ nghiêm trọng về tính trung thực của câu chuyện cô gái kể, anh phải trả lời trước cảnh sát viên và chịu những cuộc thử nghiệm. Vậy là Vann phải lừa bịp máy móc. Vann

có quyền theo luật, có thì giờ cần thiết để tự bảo vệ. Anh tìm mọi tài liệu kỹ thuật và trở thành một người thành thạo về máy phát hiện nói dối được CIA và nhiều cơ quan Nhà nước sử dụng. Máy đo huyết áp, mạch, hơi thở và thoát nước ở bàn tay, sẽ phát hiện ra sự nói dối quá những dấu hiệu cơ bản xảy ra trong quá trình xúc cảm do đối tượng cố gắng để nói dối,

Vann giấu giếm tìm được một số chất an thần và những thuốc khác để hạ huyết áp, mua một dụng cụ đo đếm nhịp mạch đập, chuẩn bị một loạt những câu hỏi liên quan đến quan hệ với cô gái ấy xếp theo thứ tự anh thấy hợp lý nhất đối với người dùng máy thăm dò. Anh tự mình lặp lại nhiều lần, thay đổi thứ tự các câu hỏi để khỏi bị bất ngờ. Anh thử những cuộc thẩm vấn có và không có thuốc an thần, ghi chép phản ứng của các giác quan, thấy điều kiện tốt nhất để giảm bớt phản ứng mà không dùng thuốc là không ngủ trong 48 tiếng và trả lời câu hỏi một cách tự tin.

Ngày Mary Jane đến gặp sĩ quan điều tra, chị mặc một chiếc váy vải tuýt, sơ mi và áo vét. Mùa thu đã tới và chị biết bộ quần áo như thế có lợi cho chị. Người thẩm vấn chắc là một người bố trong gia đình, sẽ thấy chị là một người đàn bà đáng kính và có xu hướng tin chị hơn. Tuy không thể hiện ra ngoài trừ việc hơi bị kích thích, chị kinh hãi khi đặt tay lên cuốn Kinh Thánh để thề. Khác với Vann, Mary Jane rất mộ đạo, Kinh Thánh củng cố tinh thần chị trong những giai đoạn khó khăn nhất của cuộc hôn nhân. Chị trả lời các câu hỏi đúng như John đề nghị chị trong những cuộc tập dượt và xác minh lời khai của chồng. Chị cũng tự nói thêm với viên sĩ quan là chị và John yêu nhau, cuộc sống gia đình hạnh phúc.

Vann đề nghị cho thử máy thăm dò. Anh đánh lừa máy. Cũng như ở tòa án dân sự, các sĩ quan chủ trì tòa án binh phải xác định một cách chắc chắn bị cáo phạm tội. Kết quả Vann đã tác động vào máy thăm dò đưa sự việc đến sự mâu thuẫn giữa lời khai của anh và của cô gái. Không một phiên tòa quân sự nào tuyên bố kết án trên cơ sở này. Viên sĩ quan tiến hành cuộc điều tra phải đề nghị bãi bỏ những lời buộc tội Vann.

Phải chờ đến giữa tháng Chạp các nhà chức trách của Quân đoàn 1 mới thống nhất với những kết luận của điều tra viên. Tuyết và gió lạnh từ hồ Ontario làm Mary Jane khó chịu đựng nổi. Chị bắt đầu ho, thấy mình khạc ra máu bèn đến bệnh viện của trại Drum. Chị bị ho lao.

Chiều ngày John và chị biết những lời buộc tội được xóa bỏ, đặc biệt rất nóng. Hai vợ chồng cùng nhau đi dạo trên con đường gần trang trại trong tuyết tan. John không ngừng nói anh khuây khỏa đến mức nào. Sung sướng vì thắng lợi, anh sẵn sàng nhảy những bước nguy hiểm trên tuyết.

Mary Jane nói với anh “Em cho rằng bây giờ anh đã hiểu ra bài học !”

“Rồi thế nào ? Anh trả lời. Lạy Chúa ! Lần sau anh chắc chắn những bài học ấy đã khá lỗi thời”.

John Vann được điều động về trung tâm tên lửa phòng không của quân đội ở Fort Bliss, bang Texas làm chủ nhiệm chương trình và quản lý tài chính. Anh trở lại cuộc sống thường lệ và cuộc hôn nhân lại trở nên tồi tệ. Ở văn phòng anh tỏ ra luôn nhiệt tình và những báo cáo về anh vẫn luôn mang tính ca ngợi. Nhưng trong tâm tư anh không che dấu nỗi buồn muốn chết vì vai trò kế toán. Cho đến lúc đó, anh không bao giờ phàn nàn với Mary Jane về công việc của mình trong quân đội. Bây giờ thì anh thổ lộ ra, cảm thấy tù túng về hai mặt : trước hết vì lề lối bàn giấy trong quân đội anh đã tưởng phở phỉnh mình khi chuyển về hậu cần để tiếp tục đi học và mong thăng tiến nhanh sau là vì vợ và các con. Đúng là anh không bao giờ được biết, Mary Jane đã thực sự cầm chân anh khi đề nghị cử anh đến Texas hai năm hai tháng. Một người bạn làm việc ở văn phòng cán bộ đã điện thoại hỏi cần giúp đỡ gì trong lúc họ chờ kết quả cuộc điều tra. Mary Jane đã kể khí hậu ở hồ Ontario ảnh hưởng đến sức khỏe của chị như thế nào và đề nghị nếu những lời buộc tội đối với chồng mình được xóa bỏ thì không để anh tự chọn chỗ được điều động mà chỉ định anh đến một vùng khô nóng. Người bạn biết rõ hoàn cảnh gia đình họ, hứa sẽ có sự tác động cần thiết.

Vann được nhanh chóng thăng cấp trung tá vào tháng Năm 1961 và anh biết mình có thể trở thành đại tá trước nhiều bạn đồng nghiệp. Nhưng anh cũng biết dù tương lai anh hoạt động thế nào cũng chẳng bao giờ được lên tướng nếu việc bị kết tội hiếp dâm vị thành niên được nêu trong lý lịch. Có nhiều ứng cử viên hơn chỗ còn trống và quân đội không muốn bộ phân tinh hoa của mình có cuộc sống riêng tư là đề tài bê bối. Hội đồng thăng cấp buộc phải có thái độ chống lại điều đó và chỉ một khả năng phạm tôi cũng đủ để loại bỏ anh trong danh sách ứng cử.

Tuy nhiên, John cố gắng cứu sự nghiệp của mình. Một trong những cấp trên cũ của anh ở Đức cử anh đi gặp người quen biết chung, nguyên phó tổng tham mưu vừa nghỉ để làm việc ở bộ phận tên lửa của xưởng Martin Marietta. Nguyên đại tá Francis Bradley trở thành một trong những người lãnh đạo xưởng, đã gặp Vann ở Đức. Khi Vann đến thăm ông, kể hết câu chuyện của mình, Bradley ngạc nhiên thấy anh hoàn toàn không hối hận về cô gái trẻ. Anh chỉ tiếc đã bị người ta nắm được và ảnh hưởng đến sự nghiệp của mình. Thậm chí, anh còn khoe đã lừa được máy thăm dò. Anh nói nếu không thể làm những bằng chứng của vụ bê bối biến mất, anh sẽ phải rời quân đội vào năm 1963 say 20 năm tại ngũ và về hưu với nửa mức lương. Anh đề nghị Bradley cho phép nghiên cứu hồ sơ lý lịch của mình trong một gian phòng của Lầu Năm Góc mà chỉ riêng anh ở trong đó. Anh không nói có ý định đánh cắp những tài liệu về cuộc điều tra và buổi xét xử

nhưng hàm ý thì đã rõ. Bradley thoái thác với một câu trả lời mơ hồ.

Vann và Bradley lại gặp nhau ở trung tâm tên lửa phòng không vào đầu năm 1962, lúc Vann dadng chuẩn bị sang Việt Nam. Anh xác định với ông ý định sang năm sẽ về hưu. Bradley bị tác động vì những đức tính đã nghe nói của anh và tin tưởng vào ý kiến ca ngợi quá đáng của cấp trên cũ của Vann ở Đức. Độ lượng về những phong cách riêng tư, Bradley khi sắp về hưu bố trí Vann vào một chỗ làm ở Martin Marietta mà Vann trả lời với ông rất thích.

Không đầy hai tháng sau, John Vann qua ngưỡng cửa văn phòng Dan Porter ở Sài Gòn để bắt đầu năm đầu tiên của anh ở Việt Nam. Ở đây , anh đã đấu tranh với Huỳnh Văn Cao và những con rối khác của quân đội Diệm, gặp địch quân Việt cộng ở ấp Bắc, cố gắng ngăn chặn sự thất bại của Sài Gòn cũng như tai họa một cuộc chiến tranh lớn của Mỹ bằng cách đấu tranh chống Paul Harkins, Victor Krulak và Maxwell Taylor để vạch rõ sự thật. Anh cũng đương đầu với lòng kiêu ngạo và sự suy sụp nghề nghiệp của hệ thống quân sự Mỹ những năm 60. Một người như John Vann rất có thể hy sinh sự nghiệp của mình để tiến hành một trận chiến như thế. Tuy nhiên, “rất có thể” không chắc chắn lắm. Điều chắc chắn duy nhất là Vann đấu tranh khi xác định sự nghiệp của mình đã hỏng. Anh được khen thưởng vì tinh thần dũng cảm không chối cãi được, vừa lừa được Halberstam, bản thân tôi và những người khác.

Mùa thu năm 1962, trước khi Cao bắt đầu lừa bịp có hệ thống những cuộc hành quân chống Việt cộng và lúc ấy Vann còn là cố vấn riêng của Harkins, anh viết thư cho Frank Bradley, xác định ý định về hưu trong năm tới. Tháng Năm năm 1963, ít lâu sau khi trở về Hoa Kỳ, Vann tới Denver trao đổi với ban giám đốc hãng hàng không vũ trụ Martin Marietta, nhận một trách nhiệm chỉ đạo công việc kinh doanh. Cuối tháng, cùng lúc với việc bắt đầu chiến dịch thông tin cho Lầu Năm Góc, cảnh báo tai họa Harkins đang chuẩn bị, anh đưa đơn chính thức xin về hưu vào ngày 31 tháng Bảy năm 1963.

Ở Denver, Vann vừa bắt đầu bước vào những bậc thang của thế giới thương mại thì thấy ngay việc rời bỏ quân đội là một sai lầm lớn. Một vị trí ổn định, dù hạng thứ trong quân đội thấp còn đáng mong muốn hơn bất cứ vị trí cấp cao nào trong lĩnh vực thương mại không hề có những ngôi sao.

Bob York đã được thăng trung tướng, viết thư từ Việt Nam ngay trước lễ Noel năm 1963 để thông báo sẽ về Hoa Kỳ và chỉ huy Sư đoàn 82 vận chuyển hàng không ở Fort Bragg, Carolina Bắc. York buồn vì biết quân đội mất đi một người như thế. Ông để cho anh chỉ huy tiểu đoàn 82 nếu nhập ngũ lại. Vann rất phấn khởi về việc ấy.

Nhưng quân đội đã chống lại. Viên tướng phụ trách công tác nhân sự ở Lầu Năm Góc tuyên bố với York ông không gọi Vann tái ngũ vì biết trước Taylor

hoặc McNamara sẽ không chấp thuận. Vann nhờ đến Bruce Palmer, trung tướng, nhưng không thể làm gì hơn.

Bề ngoài John Vann là một người hoạt động, thành công trong mọi việc. Anh tiến bộ đều đặn ở hãng Martin Marietta và bắt đầu làm chính trị. Ở bang Colorado, anh chỉ đạo chiến dịch ủng hộ Henry Cabot Lodge ứng cử tổng thống của đảng Cộng hòa năm 1964; tổ chức sự ủng hộ của những người Cộng hòa đối với Lyndon Johnson sau khi Barry Goldwater đoạt chỗ của Lodge, chia rẽ nội bộ đảng. Khi không bận công việc hoặc làm chính trị, Vann đi du lịch nhiều giữa tháng Bảy năm 1963 và cuối năm 1964 để diễn thuyết và để các báo hay vô tuyến truyền hình phỏng vấn về chiến tranh Việt Nam.

Trong thâm tâm, Vann vẫn bị dày vò vì công việc và những bận bịu gia đình cùng Mary Jane. Chị trở nên chua cay, thể hiện lòng căm hận bằng cách thường xuyên gây gổ với anh. Anh tránh về nhà càng nhiều càng tốt, ngôi nhà anh mua cho mẹ con chị ở ngoại ô Denver gần xưởng Martin Marietta. Anh ra đi sớm và về rất khuya. Mary Jane lưu ý anh , bây giờ anh không ăn ở nhà nữa là có ý muốn nói cuộc hôn nhân đã kết thúc.

“Chà, anh trả lời, em nói đúng đấy”.

Trong mùa hè 1964, sau khi York cố gắng lần nữa nhưng bị quân đội từ chối cho anh tái ngũ. Vann đi Washington gặp những người có trách nhiệm ở văn phòng Viễn Đông của Cơ quan phát triển quốc tế (AID). Nhà Trắng ủy nhiệm cho cơ quan này chịu trách nhiệm chính về chương trình bình định dân sự ở Việt Nam và cơ quan gặp khó khăn khi tuyển người. Phần lớn những người có trách nhiệm về phát triển kinh tế không phù hợp với loại công việc này và không muốn xa gia đình để bị bắn chết ở nông thôn Việt Nam. AID phải bắt đầu nhìn vào những sĩ quan về hưu. Văn phòng Viễn Đông hân hoan gặp được một người có kinh nghiệm và tài năng như Vann. Nhưng lúc đó, cũng như phần lớn các cơ quan Nhà nước, AID phải chờ kết quả bầu cử tổng thống. Người ta bảo Vann nếu vẫn quan tâm đến công việc ấy thì tháng Mười một trở lại.

Anh không vắng mặt, sau khi đã đóng một vai trò khiêm tốn trong sự thất bại nặng nề của Goldwater. Người ta bổ nhiệm anh làm giám đốc vùng của Chương trình bình định đồng bằng sông Cửu Long. Anh nhận ngay và về nhà để nói với Mary Jane “Anh không bao giờ chung sống với em nữa”. Maxwell Taylor từ chức tổng tham mưu trưởng giữa năm 1964 để thay thế Lodge làm đại sứ ở Sài Gòn bác bỏ quyết định cử Vann. Một bức điện từ Đại sứ quán Sài Gòn thông báo với AID rằng Vann là một nhân vật có “quá nhiều bàn cãi”. Vann bèn đề nghị được đến đó với tư cách một đại diện bình thường của chương trình ở tỉnh. Đại sứ quán trả lời anh không được yêu cầu một vị trí nào. Nếu không thể sang Việt Nam, Vann gợi ý cho đi Thái Lan, chỗ có một cuộc nổi dậy đang phát triển.

Những người có trách nhiệm ở văn phòng Viễn Đông trả lời họ sẽ suy nghĩ.

Mary Jane hiểu John phải trở lại Việt Nam để được sống sót. Chị chưa bao giờ thấy anh chán nản như trong mùa đông 1964 – 1965 này. Anh nằm dài trên đi văng phòng khách hàng nhiều giờ, ban đêm và những ngày nghỉ cuối tuần, mắt nhìn lên trần nhà. Anh không bước đi chân đưa cao lên phía trước như lao vào cuộc sống nữa. Bây giờ, anh bước chậm rãi hơn, đầu cúi xuống. Chị biết anh đã mất lòng tin và lòng tự trọng của mình.

Nhưng theo thói quen, anh không bỏ cuộc. Anh kêu gọi Lodge và York can thiệp, thuyết phục văn phòng Viễn Đông đề nghị Taylor xét lại quyết định. Thậm chí anh viết thư cho đại sứ, nêu lên những cố gắng của anh để được quần chúng ủng hộ chiến tranh qua những buổi diễn thuyết và phỏng vấn về Việt Nam.

Vann được một người Virginia khác mến mộ anh cứu giúp. Ông Sam Wilson này, năm 1940 nghe giọng nói của Churchill, ngờ vực bọn phát xít đã đến, đi 10 cây số dưới mưa trong đêm để đăng ký vào đội bảo vệ quốc gia. Hai mươi lăm năm sau, ông là đại tá quân đội Mỹ ở Việt Nam, biệt phái sang cơ quan AID làm chủ nhiệm chương trình bình định. Ông đã là trợ lý của Lansdale ở Lầu Năm Góc thời kỳ Vann tiến hành chiến dịch thông tin năm 1963. Wilson thán phục những chỉ trích sôi nổi của Vann và hai người có cảm tình với nhau. Wilson không biết Vann muốn trở lại Việt Nam cho đến khi thấy một bản sao công văn của văn phòng Viễn Đông đề nghị đại sứ xét lại việc xin sang Việt Nam của Vann. Wilson gặp trực tiếp Taylor nói rằng họ không thể bỏ qua những đức tính của một người như Vann. Taylor xiêu lòng : Vann có thể sang với tư cách một sĩ quan bình định bình thường ở tỉnh.

Vị trí của anh ở AID chỉ là tạm thời, hãng Martin Marietta cho anh một đợt nghỉ phép. Dù sao, Washington không nghĩ cuộc chiến tranh sẽ kéo dài. John cũng yên tâm về Mary Jane và các con : anh đã bố trí nhà ở cho họ và hợp đồng của anh với AID cho phép anh đi máy bay với chi phí của chính phủ cho kỳ nghỉ phép một tháng mỗi năm.

Vann bay từ San Francisco trên một chiếc máy bay của Pan Am, theo hướng từ phương tây cũng con đường nước Anh thế kỷ trước tiến sang châu Áu : từ Honolulu đến Guam rồi Manila và cuối cùng là Sài Gòn. Thứ bảy, ngày 20 tháng Ba năm 1965 lúc 11 giờ sáng, máy bay bay cao trên Sài Gòn tránh làn đạn của Việt cộng bắn lẻ xung quanh Sài Gòn rồi bổ nhào đột ngột xuống sân bay Tân Sơn Nhất. Vann ra khỏi phòng điều hòa nhiệt độ, xuống thang máy bay , ngột ngạt vì không khí nóng ẩm trước mùa mưa. Nhưng anh thoải mái với sự bất tiện này. Anh đã đi khỏi đây gần hai năm và sẽ không bao giờ xa rời chiến tranh lâu như thế nữa. Anh đã trở lại Việt Nam, trở lại chỗ của anh.

VI

TRỞ LẠI CUỘC CHIẾN

Khi Vann trở lại Việt Nam vào cuối tháng Ba năm 1965, đất nước này đang sắp bước vào cuộc chiến tranh dữ dội nhất trong lịch sử. Đầu tháng, Lyndon Johnson phát động cuộc hành quân "Thần sấm" ném bom Bắc Việt Nam. Hai tiểu đoàn thủy quân lục chiến Mỹ đầu tiên đổ bộ lên Đà Nẵng để bảo vệ căn cứ không quân sẽ sử dụng làm điểm xuất phát của nhiều cuộc oanh kích. Ở Sài Gòn, từ tổng hành dinh chỉ huy Phái đoàn viện trợ quân sự Mỹ, tướng William DePuy, thiếu tướng phụ trách những cuộc hành quân của Westmoreland, đã bắt đầu giai đoạn một của kế hoạch sẽ đưa hàng trăm nghìn lính Mỹ đến miền Nam. Trọng pháo, xe bọc thép và một hạm đội máy bay tiêm kích ném bom của cuộc chiến tranh Mỹ mới này đã lên đường để tiêu diệt những người cộng sản Việt Nam và đồng minh của họ.

DePuy đã nói "Chúng ta sẽ tiêu diệt họ".

Sáng chủ nhật ngày 21 tháng Ba 1965, ngày đầu tiên Vann trở lại Sài Gòn, chuông điện thoại phòng khách sạn anh ở vang lên rất sớm. Cao gọi. Theo cách của mình và mặc dù đã có những cuộc cãi nhau tồi tệ, Vann vẫn giữ quan hệ thân mật với những người Việt Nam anh quen biết. Cao cũng không ngoại lệ và ông ta hàm ơn Vann đã đề nghị từ Denver một sự giúp đỡ tài chính cho ông sau khi Diệm bị lật đổ. Cao có nguy cơ bị gạch tên khỏi danh sách sĩ qaun quân đội Nam Việt Nam và như vậy là mất mọi cách đảm bảo cuộc sống của vợ và đàn con đông. Vann biết số tiết kiệm của ông ta ít vì một trong những đức tính nghề nghiệp hiếm hoi của ông là tương đối trung thực trong việc quản lý quỷ, anh đã đề nghị trợ lý của Lodge và Bob York cố gắng giúp đỡ Cao và tin cho ông có thể dựa vào anh cho đến khi tìm được những nguồn lợi khác. Nhưng Cao không cần một sự cứu giúp nào vì ông ta đã thu xếp để các đồng nghiệp tướng tá Sài Gòn nhìn đến ông trong cơn lốc chính trị sau khi lật đổ Diệm. Chán nản vì sự bất lực của nhóm nổi dậy, Lodge đã để cho đại tướng Nguyễn Khánh, một quân nhân tham vọng tốt nghiệp trường dù Pháp, đến lượt mình làm một cuộc đảo chính. Rồi Nguyễn Khánh cũng bị đẩy ra khỏi quyền lực. Máy bay của ông bị thiếu xăng trên bầu trời Nha Trang khi ông từ chối hạ cánh để buôc phải từ chức. Ông đi lưu vong chỉ một tháng trước khi Vann trở lại Việt Nam. Một nhóm phiến loạn các "tướng lĩnh trẻ" do Nguyễn Cao Kỳ, tổng chỉ huy Không quân lãnh đạo chiếm lấy chính quyền.

Huỳnh Văn Cao có lợi thế không là mối đe dọa của một ai. Thiếu tướng Nguyễn Văn Thiệu, người thứ hai trong nhóm tướng lĩnh trẻ, cũng là một giáo dân miền Trung. Cao trước đây là lãnh đạo ban chiến tranh tâm lý đã phấn khích tuyên bố với Vann ông đã chọn ngày hôm trước để chiếm lấy vị trí thứ hai trong ban tham mưu hỗn hợp. Tối hôm đó, ông mời Vann đến ăn tối ở chỗ đóng quân của tổng hành dinh gần sân bay. Vann vui vẻ nhận lời.

Hầu như suốt bữa ăn, Cao giải thích cho Vann về tình hình quân sự và chính trị trong lúc này. Các tướng và đồng minh chính trị dân sự của họ không ngừng âm mưu chống lại nhau. Những người Phật giáo và Thiên chúa giáo, hai năm sau này chiếm giữ thủ đô xúi giục những cuộc nổi dậy và Việt cộng ngày càng khẳng định sự chi phối của họ ở nông thôn. Tuy hôm trước được đề bạt, Cao vẫn ở nguyên vị trí. Ông sợ chức vụ cao ở ban tham mưu sẽ lôi cuốn ông vào một âm mưu mà ông không muốn. Một thời gian tạm thời xa nhau không cản trở Vann nhận xét đúng về ông bạn đồng nghiệp cũ. Ngay tối hôm đó, Vann đã viết trong nhật ký riêng “Dĩ nhiên Cao chưa tham gia một vụ nào và ông ta sẽ không bao giờ làm. Ông sợ vô cùng và cố gắng đảm bảo thân phận mình”. Cao nhẹ người khi phái quân sự sau đó ít lâu thay đổi ý kiến và cho phép ông trở lại vị trí giám đốc chiến tranh tâm lý.

Sáng thứ hai, Vann được tiếp đón rất dè dặt ở văn phòng Phái đoàn viện trợ Mỹ, danh hiệu người ta đặt cho cơ quan AID ở Việt Nam. Tổng hành dinh AID ở Washington ra sức tuyển mộ những quân nhân về hưu cho những chương trình bình đĩnh. Nhưng những nhà bàn giấy dân sự đang làm việc ở Việt Nam sợ cơ quan mình rơi vào sự kiểm soát của quân đội và Vann, một trung tá cũ đang cố gắng xâm nhập. Đại tá Sam Wilson, do quân đội biệt phái điều hành chương trình, là người duy nhất vui vẻ tiếp đón Vann. Chính ông đã thuyết phục Taylor để Vann trở lại Việt Nam. Văn phòng AID ở Washington đã đưa Vann trở lại biên chế như một sĩ quan dự bị cho công việc ở nước ngoài với cấp bậc dân sự tương đương trung hoặc đại tá, cho phép anh đảm nhiệm chức vụ giám đốc hoạt động của phái đoàn ở một trong bốn vùng chiến thuật. Wilson báo cho Vann biết Taylor giao cho anh một vị trí đại diện ở tỉnh nhưng nói rõ James Killen, trưởng phái đoàn AID ở Việt Nam đã dành những chức vụ giám đốc vùng cho những người dân sự như anh. Nếu anh muốn lên trong hệ thống và được bổ nhiệm phó giám đốc một vùng nào vào mùa hè tới, Vann phải chứng tỏ giá trị của mình trên thực tế. Mùa thu trước, Westmorelan đã chỉ định sáu tỉnh quanh vùng Sài Gòn ưu tiên về công tác bình định. Biết khả năng của Vann, Wilson nghĩ giao cho anh Hậu Nghĩa, nơi có an ninh ít đảm bảo nhất trong sáu tỉnh.

Hậu Nghĩa ở giữa Sài Gòn và biên giới Campuchia, bao gồm 1.300 cây số vuông lau sậy, đồng ruộng và đất trồng mía với 250.000 dân. Một trong những

hoạt động chính quyền của Diệm vừa rồi là tập trung vào đây bốn huyện khuấy động nhất của ba tỉnh giáp biên giới nhau. Ông ta hy vọng hợp nhất các huyện ấy sẽ loại bỏ được những phiền phức. Kết quả đối với những người kế nhiệm ông là cả một tỉnh quay lại chế diễu tên do Diệm đặt. Hậu Nghĩa tiếng Việt có nghĩa là "Tình nghĩa về sau". Vùng này được xem là chiến lược vì qua đó "mỏ vẹt" của Campuchia thâm nhập Nam Việt Nam và từ Sài Gòn theo đường chim bay đến biên giới không đầy 55 cây số. Hơn thế, đây là con đường di chuyển hợp lý của Việt cộng theo hướng bắc – nam, giữa đồng ruộng, lau sậy đồng bằng sông Cửu Long và bên kia là những đồn điền cao su bên rìa cánh rừng nhiệt đới của dãy Trường Sơn phía bắc Sài Gòn.

Khi đã có bổ nhiệm một tuần lễ sau khi gặp Wilson lần đầu, Vann đến Đại sứ quán để nắm tình hình chính trị trong tỉnh. Không ai tìm được hồ sơ tài liệu. Mười phút sau khi Vann ra đi, hai chiến sĩ Việt cộng, để trả đũa việc ném bom miền Bắc, đến đặt dưới cửa sổ của CIA ở tầng hai, một chiếc Peugeot cũ màu xám trong đó có 160 ki lô thuốc nổ. Từ hai năm nay, người ta đã nhiều lần cảnh báo với quan chức Đại sứ quán phải cấm đi lại trên những con đường bao quanh tòa nhà. Người ta cũng khuyên cần có những phòng vệ sơ đẳng, đặc biệt thay cửa kính bằng kính chống đạn. Nhưng cả Lodge và Taylor đều không có một biện pháp nghiêm chỉnh nào, sợ rằng sự sợ hãi sẽ làm mất mặt Hoa Kỳ. Thuốc nổ là loại sản xuất tốt nhất của Mỹ, có lẽ đánh cắp hoặc mua được ở Sài Gòn , ngòi nổ cũng là loại cực nhanh. Chiếc xe cũ trở thành một quả bom khổng lồ, bắn những mảnh kim khí đi mọi phía cùng những mảng xi măng khổng lồ từ hố sâu một mét ở tầng trệt. Cửa số của tòa nhà 5 tầng nát vụn cũng như vữa tường, gỗ và sắt thép tường mặt trước.

Khi nghe tiếng nổ, Vann trở lại ngay để giúp di tản những người bị thương. Có 20 người chết, 126 người bị thương trong vùng đó. Hai người đặt bom chết cùng nhiều cảnh sát Sài Gòn gác trước Đại sứ quán. Hai người Mỹ chết ,một hạ sĩ Hải quân, người kia là nữ thư ký của trưởng phòng CIA; ông này cũng bị thương nặng gần như mù cả hai mắt. Hai trong những người phó của ông mù hoàn toàn. Nhiều người trong số 51 người bị thương bên trong sứ quán khuôn mặt bị xé nát đáng sợ. Vann nhận thấy một mảnh xi măng hoặc kim loại bắn lên đến tầng cuối làm thủng một lỗ lớn ở lá cờ Mỹ phất phới trên mái nhà.

John Vann đi tỉnh Hậu Nghĩa hôm sau ngày tấn công Đại sứ quán. Anh đi qua thị trấn Bàu Trại rồi mới biết đã đi quá bèn quay trở lại. Anh ghi trong nhật ký "Tỉnh lỵ khó chấp nhận nhất trong toàn Việt Nam". Lần cuối cùng anh thấy chỗ này, trong một cuộc hành quân đầu năm 1963, là một làng khoảng 1000 dân do Việt cộng kiểm soát. Diệm chọn chỗ này vì nó ở chỗ giao nhau của nhiều đường bay nối liền ba trung tâm huyện khác. Dân số tăng gấp đôi do có một pháo đài,

quân lính đến cùng vợ con theo đó là những cơ quan dịch vụ kèm theo. Nhiều ngôi nhà mới được xây dựng làm văn phòng hoặc chỗ ở cho các sĩ quan và cố vấn Mỹ của họ. Mặc dù dân số tăng, Bầu Trại rộng không quá 200 mét mỗi bên đường. Nhìn gần hơn, Vann nhận ra ngôi làng hai năm trước.

Những gì anh thấy làm anh nản lòng. Trong một khoảng đất nhỏ rào kín giữa trung tâm thị trấn, nơi ở của các cố vấn quân sự, Vann hỏi thăm văn phòng Phái đoàn viện trợ. Người ta dẫn anh đến một nhà kho dài lợp tôn uốn. Bên trong là "một cảnh hoàn toàn chán nản". Ngôi nhà đầy ắp sự lộn xộn "những túi mì, ngô , xẻng, những hộp sơn, quần áo, thuốc bệnh, hộp dầu ăn, sữa bột lẫn lộn cùng với đệm giường, ghế , tủ, ống thép, cưa, máy xát lúa và những đồ dùng khác mà sau đó mới biết là chuyển đến từ một kho dụng cụ". William Pye, người Vann đến thay thế, một trung tá dự bị 52 tuổi tình nguyện làm việc cho chương trình AID, là một người trung thực, dũng cảm nhưng rất nóng tính và cẩu thả. Ông đứng giữa "cái hầm lộn xộn này", sổ ghi và bút chì cầm tay "làm như đang lên bảng thống kê". Văn phòng Phái đoàn chỉ là mấy cái bàn để ở góc kho hàng và trên là giấy tờ để lung tung, phủ đầy bụi như mọi vật ở quanh đó.

Vann hỏi nhà ở đâu, người ta chỉ một ngôi nhà mới xây bằng đá và vôi vữa. Trừ mấy hàng dây thép gai bao quanh một cách vô ích, bên ngoài nhìn thô sơ với cửa chớp gỗ. Bên trong cũng lộn xộn, bần thỉu như ở nhà kho. Không có điện thắp sáng và dùng quạt, chỉ những ngọn đèn dầu làm ngôi nhà ban đêm thêm ngột ngạt. Cũng không có vấn đề thư giãn trong các bữa ăn : vì tế nhị, Vann thực ra đã quyết định sống với người Việt Nam , không lui tới các ông sĩ quan và những cố vấn quân sự. Nhưng nhà hàng duy nhất ở Bầu Trại, anh viết thư cho một người bạn ở Denver, là "rất khỏ bỏ một miếng ăn vào miệng mà không có ruồi bâu trên đó".

Muỗi không phải mối đe dọa chính cho sức khỏe một viên chức Mỹ hoặc Sài Gòn ở Hậu Nghĩa. Người chịu trách nhiệm về xe máy của Phái đoàn ở Sài Gòn đã thoái thác trước khi cho phép Vann mượn một chiếc xe để đi Bầu Trại. Ông sợ không thu hồi được xe : Vann là sĩ quan Việt Nam hoặc Mỹ đầu tiên ra khỏi Sài Gòn không có hộ tống đã nhiều tháng nay. Tất cả những người khác đi trên đường với từng đoàn trang bị vũ khí. Nhưng thường là nạn nhân của các vụ phục kích hoặc mìn; mỗi khi có thể họ đều mượn trực thăng. Phần lớn các vùng trong tỉnh dù sao cũng không còn tiếp xúc với Sài Gòn . Bốn huyện rút xuống còn ba vào giữa năm 1964 khi huyện thứ tư, ở góc đông bắc đồng Tháp Mười, hoàn toàn bị bỏ rơi cho quân du kích. Khi Vann đến vào đầu năm 1965, những con đường đến ba huyện kia cũng bị cắt đứt. Không thể đi thẳng từ Bầu Trại đến Sài Gòn tuy khoảng cách chỉ khoảng 30 cây số. Vann phải đi vòng, theo đường số 1 đi về phía tây bắc, xa lộ chính nối Sài Gòn với Campuchia rồi trở xuống phía

nam theo một con đường thứ hai từ thị trấn Củ Chi, trung tâm huyện thứ ba của tỉnh.

Quản lý hành chính tỉnh Hậu Nghĩa là một "nhiệm vụ ở Siberi "như Vann nói, chế độ Sài Gòn không tìm ra tỉnh trưởng. Người cuối cùng ở vị trí ấy bị cầm tù vì tham gia một cuộc đảo chính không thành trong tháng Hai. Từ đó hai sĩ quan khác của Quân lực Cộng hòa đã khước từ trách nhiệm này. Toàn tỉnh Hậu Nghĩa ở dưới sự kiểm soát của Việt cộng, trừ Bầu Trại, các huyện lỵ, khoảng nửa tá thôn ấp và vài đồn tiền tiêu còn tồn tại vì sự độ lượng của những người cộng sản.

Tuy nhiệm vụ của Vann là kiểm tra việc xây dựng các trường học, chăn nuôi lợn, giúp đỡ những người tị nạn và những chương trình bình định dân sự khác, việc hoàn toàn vắng mặt chính quyền là khung cảnh lý tưởng trong đó anh cho mình là người có trách nhiệm cao nhất. Anh bắt đầu ngay bằng việc xây dựng một kế hoạch chinh phục lại Hậu Nghĩa trong tay Việt cộng . Đêm đầu tiên, anh tổ chức một cuộc họp với người thay thế tỉnh trưởng, một người dân Sài Gòn , phó điều hành, để xác định kinh phí cần thiết cho năm thuế khóa tới. Sáng hôm sau, anh đi một vòng đến các huyện lỵ gặ các huyện trưởng và các cố vấn Mỹ của họ để xác định tình hình. Anh cũng đến tổng hành dinh Sư đoàn 25 và một vị trí chỉ huy của trung đoàn. Tuy Westmoreland tuyên bố ưu tiên bình định Hậu Nghĩa, Vann phát hiện thấy không ai làm kế hoạch cho tỉnh này, tuyên bố phải có một kế hoạch và tiến hành làm. Anh thúc đẩy nhóm người Việt Nam trong phái đoàn Bầu Trại sắp xếp trật tự kho hàng và báo với tỉnh trưởng phải có một văn phòng tử tế cho ông ta trong tổng hành dinh với hành lang rộng lớn, là ngôi nhà chỉnh tề độc nhất trong làng.

Trợ lý của anh, Douglas Ramsey, chở anh ở Bầu Trại. Nhân viên công tác nước ngoài này, 30 tuổi, đến Hậu Nghĩa một tháng trước đây. Một người nhã nhặn, dáng đi õng ẹo cao một mét chín mươi, mái tóc đen và bộ râu luôn để hai ngày. Anh ta có nét đặc biệt trong số những người Mỹ vào năm 1965 là viết và nói thông thạo tiếng Việt. Vann tuyên bố ngay với anh những chuyến đi bằng máy bay sẽ bỏ đất cho Việt cộng và di chuyển bằng xe cộ không cho phép họ hoạt động như họ cần. Anh nghĩ thực ra đi một mình ít nguy hiểm hơn. Việt cộng can thiệp vào mọi công việc của chính quyền, dựng rào ngăn đánh thuế xe chở hàng, cầm tù binh lính di chuyển trên những phương tiện chung. Nhưng ngoài những việc đó, họ để xe dân sự đi lại tự do trên đường.

Tất cả xe của Phái đoàn đều là loại dân sự. Ngoài vài chiếc xe lớn chở tiếp phẩm do người Việt alí còn hai xe nhỏ hơn dành cho Ramsey và Vann. Họ có thể đi lúc nào hoặc đến đâu tùy ý, với cơ may sống sót nếu họ thay đổi biển hiệu luôn và thăm dò cảnh sát vì tình hình trước khi đi. Công việc chính của Ramsey cho đến lúc ấy không có gì nguy hiểm nhưng anh cũng đã tham gia vài cuộc

hành quân ở nông thôn và cũng tỏ ra khá gan dạ.

Hơn một tuần lễ, Vann không cần vật lộn với ruồi ở nhà hàng Bàu Trại nữa. Nhân viên trong tỉnh và các sĩ quan Việt Nam mời anh cùng Ramsey đến ăn ở phòng ăn chung của các sĩ quan họ lập ra để bù đắp vào chỗ thiếu nhà ở tử tế và mối nguy hiểm đưa gia đình họ đến Bầu Trại. Các vị khách mới cùng tham gia, có nghĩa họ ăn tốt hơn nhờ Ramsey và Vann có thể mua thực phẩm ở cửa hàng quân đội ở Sài Gòn. Nhưng những người Mỹ sẽ không được mời nếu họ không thích Vann. Về phần mình, anh rất hân hoan về những bữa ăn đó tạo cơ hội cho anh giải quyết những vấn đề và trao đổi những chương trình mới. Vann cũng không dự kiến một sự tranh chấp nào với trưởng cố vấn quân sự của tỉnh, anh trung tá trẻ Lloyd Webb, vốn đã biết tiếng Vann và coi trọng kinh nghiệm của anh.

Cuối tháng Tư có một tỉnh trưởng mới đến, thiếu tá Nguyễn Trí Hạnh, một giáo dân miền Nam trước đây đã là phó trong vùng đồn điền cao su. Người ta hứa với ông cấp bậc trung tá để thuyết phục ông về lãnh đạo Hậu Nghĩa. Một người to khỏe 45 tuổi, thái độ rất tự tin. Ông làm cho người ta kinh ngạc vì sự thẳng thắn, có vẻ trung thực và thực sự muốn cai trị tốt địa phương này. Vann nói trước với Ramsey “Trong một tháng, tôi sẽ nắm chắc được ông ta”.

Hai đêm sau đó, Việt cộng đến nhắc nhở Van chỉ lòng quyết tâm và công việc không đủ để cứu Hậu Nghĩa hay chiến thắng cuộc chiến tranh ở Nam Việt Nam . Vann hiểu điều đó nhưng tính tích cực thái quá cản trở anh làm những gì liên quan đến điều anh thấy quanh mình. Ngày 28 tháng Tư năm 1965, lúc hai giờ rưỡi sáng, quân du kích làm anh ý thức được sự thật. Quân địch bắn một loạt đạn súng cối vào Bầu Trại để làm nản lòng binh sĩ đang bắn trọng pháo yểm hộ một đại đội biệt kịch của Quân lực Cộng hòa mà Việt cộng đang tấn công lúc đó trong một ấp cách đấy 3 cây số. Liên lạc điện đài bị cắt ngay.

Sáng sớm hôm sau, Vann đến ấp kia, thấy rõ đại đội ấy đã thực sự bị tiêu diệt : 35 biệt kích bị giết, 16 bị địch bắt mang đi mất tích và 11 còn sống sót, số bị thương được quân tấn công để lại tại chỗ. Đơn vị tấn công làm sống lại cơn ác mộng cũ của Vann đã trải qua ở Sư đoàn 7 vì nhờ Harkins, nó được trang bị vũ khí Mỹ. Tiểu đoàn du kích có thừa thãi súng máy Hoa Kỳ và những vũ khí tự động, bán tự động, còn đại bác không giật và súng cối được vận chuyển từ miền Bắc theo đường biển. Việt cộng năm 1962 may mắn lắm mới có hai súng máy cho mỗi tiểu đoàn thì nay có 3 khẩu cho mỗi trung đội như trong quân đội Mỹ.

Quân du kích thậm chí không cần sử dụng vũ khí hạng nặng. Trong tháng trước, một đại đội biệt kích khác bị tiêu diệt trong ấp, nhưng các sĩ quan và hạ sĩ quan trong đại đội không có sự phòng vệ nào. Không bố trí trạm điện đài, dự

kiến pháo sáng báo động, không đào hố cá nhân thiết lập vành đai bảo vệ. Đại đội chỉ nằm ngủ đêm quanh một ngôi nhà gần trường tiểu học ở đầu ấp. Nông dân kể lại quân biệt kích đang ngủ lúc bị tấn công. Vann đã dự đoán thế vì phần lớn xác chết chỉ bận quần áo lót. Anh đếm được 11 người trúng đạn vào mặt trong khi có vẻ đang nằm dài vô thức. Anh được biết đàn bà, trẻ con trong ấp đốt đuốc tới ngay khi cuộc tấn công chấm dứt, thu nhặt vũ khí của biệt kích đưa cho quân du kích. Họ cũng giúp chuyển đi những Việt cộng bị thương và hai người chết vì một số biệt kích tỉnh dậy kịp thời. Nhân dân căm ghét biệt kích vì quá lạm dụng còn quân du kích thì giữ gìn không làm hư hỏng nhà cửa trong ấp khi đang tấn công. Chỉ trường học và ngôi nhà cạnh đấy bị thiệt hại.

Sự sa sút của phía Sài Gòn nghiêm trọng hơn Vann hình dung nhiều. Việt cộng không phải chỉ là mối nguy hiểm duy nhất ở Bầu Trại. Tinh thần của các toán quân Sài Gòn là một tai họa cấp bách hơn. Bốn người lính đại đội M-116 của Sư đoàn 25 say rượu, đánh nhau trong một nhà hàng thị trấn. Đêm đến, cảnh sát cố gắng làm cho họ dịu lại. Bốn người lính bắn súng máy Thompson và các loại súng họ có xua đuổi cảnh sát. Rồi họ thấy làm như cảnh sát và viên chức cấp cao của chính quyền cũng thích thú. Trong ba giờ rưỡi cho đến lúc mệt mỏi phải nằm ngủ, bốn người lính đi loanh quanh trong Bầu Trại bắn về mọi phía. Họ hét lên và thách đố mọi người đến bắt họ : cả Hạnh, tỉnh trưởng mới, thiếu tá phó tỉnh trưởng và tất cả những sĩ quan trong tỉnh.

Ngôi nhà của Phái đoàn cách nhà hàng không đến 30 mét. Ramsey đêm ấy ở Sài Gòn , viên cố vấn cảnh sát trong vùng ở lại với Vann. Họ không có quyền gì để làm chấm dứt sự điên rồ ấy, chỉ có thể nằm trên đất và chửi rủa những người lính mỗi khi họ bắn về phía mình. Sáng hôm sau, Vann đếm được 20 vết đạn trên những bức tường phía ngoài ngôi nhà. Anh không tin được không có một sĩ quan Sài Gòn nào làm gì đối với bốn người say rượu bắn súng đe dọa cả thị trấn. Trong bữa ăn sáng ngồi trước mặt Hạnh, anh không dấu thái độ khinh bỉ. Anh rất ngạc nhiên, Hạnh và phó của ông có vẻ như không có gì xảy ra. Thực ra, họ cho là mình bất lực. Binh lính hoàn toàn sa sút tinh thần, mất hết lòng tôn trọng cấp trên đến mức nổi loạn nếu bị đưa trở lại trật tự.

Ở Sư đoàn 7, Sandy Faust tự hỏi Cao có phải là một nhân viên ăn lương của Việt cộng không. Sĩ quan tình báo Mỹ của tỉnh trưởng cũng như người tiền nhiệm, tin chắc rằng chỉ huy trưởng Sư đoàn 25 ở Hậu Nghĩa, đại tá Phan Trường Chinh, là một cán bộ cộng sản. Có vẻ ông ta thường xuyên làm lợi cho địch không chỉ vì bất tài hoặc hèn nhát bởi Chinh thông minh, thậm chí nổi tiếng là một nhà thơ không chuyên. Ông ngăn cấm phục kích, không những làm mọi cách để tránh tự mình tấn công quân du kích mà còn ngăn cản người khác tấn công. Ông can thiệp thường xuyên vào những cuộc hành quân của tỉnh, điều

chỉnh kế hoạch, buộc Hạnh đưa quân đến những nơi không có địch, khiến Hạnh cũng bắt đầu nghi ngờ Chinh làm việc cho phía bên kia. Khi ông ta ra lệnh một đợt bắn trọng pháo, làn đạn được điều chỉnh để nổ cao trên bầu trời làm mảnh đạn không thể gây tác hại.

Chắc chắn Chinh không phải là một cán bộ cộng sản, cũng như Cao. Mười năm sau suy nghĩ về điều đó, Ramsey hiểu ra chắc Chinh bị Việt cộng cảnh cáo và sợ các đội quân của mình sẽ bị tan tành từng mảnh nếu nghiêm túc lao vào trận chiến. Chỉ điểm những thôn ấp cho không quân tập kích, làm nổ tung nhà cửa, tàn sát nhân dân, Chinh tỏ ra quá độc ác đối với nông dân, không thể là một người cảm tình với cộng sản đúng đắn được. Năm 1965 ở Hậu Nghĩa, dù không xác định chắc chắn như viên sĩ quan tình báo, Vann và Ramsey cũng không kém phần nghi ngờ động cơ của Chinh. Câu nói đùa quen thuộc của họ là Chinh mỗi đêm đều gửi báo cáo ra Hà Nội.

Nếu mục đích của Chinh là bảo toàn mạng sống cho người của mình thì ông ta rất khéo léo che đậy điều đó. Ông và các chỉ huy trung đoàn thường cho các toán quân đi trên đường có trinh sát đi trước hoặc hai bên sườn để đảm bảo an toàn. Kết quả là đều đặn hàng loạt cuộc tàn sát. Giữa những cuộc phục kích và tấn công của quân du kích, trung bình mỗi tháng ông mất một đại đội. Việt cộng không cần tiêu diệt hết sư đoàn : ông tự làm lấy việc ấy.

Vấn đề để biết lúc nào chấm dứt sự bất tài và ngu ngốc , lúc nào sự phản bộ và phá hoại thực tế bắt đầu được đặt ra. Việc Việt cộng thâm nhập vào trận địa quân Sài Gòn là một vấn đề lớn và ngày nghiêm trọng hơn khi số phận chế độ hiện hành xuống dốc và đàn ông, đàn bà thay đổi áo mặc phòng cho tương lai. Sự ngờ vực về những cuộc lật đổ còn tàn hại hơn nhiều. Không ai tin vào ai. Trong một làng phía bắc Bầu Trại, chỗ có trung tâm huấn luyện biệt kích, trưởng ấp, chỉ huy cảnh sát địa phương và người phụ trách trung tâm kết tội nhau là Việt cộng . Một đặc công của quân du kích , cải trang thành lính biệt kích, vào làng và giết luôn bảy biệt kích thực. Ngay sau đó, trưởng ấp ra ở chỗ khác để bảo toàn mạng sống.

Không có gì lạ khi thấy các toán quân chán nản trong một môi trường như vậy. Năm đầu tiên Vann ở Việt Nam, binh lính Cộng hòa ít uống rượu ngoài các thành phố hoặc trước chỗ nguy hiểm. Bây giờ họ say suốt đêm trong các trại đóng quân ở nông thôn. Họ cũng bắt đầu dùng ma túy; điều đó giải thích vì sao họ vẫn ngủ khi Việt cộng tấn công. Nỗi thất vọng của họ hình như tô đậm những thói xấu họ tự giam hãm mình vào và đào sâu hố ngăn cách với dân chúng. Xu hướng đốt phá càng trầm trọng, tạo điều kiện cho dân chúng và Việt cộng liên kết với nhau để trừ bỏ họ như đối với quân biệt kích. Trong thất vọng, binh lính

hầu như muốn tự kết liễu đời mình dù chỉ để chấm dứt sự bấp bênh. Không đầy hai tuần lễ sau cuộc tàn sát quân biệt kích, trong khi ngủ gần Bàu Trại một đại đội khác bị tiêu diệt đúng theo cách ấy; lần này trong một ấp cách thành phố 6 cây số về phía Nam. Xu hướng ngủ không phòng vệ trước đây chỉ thấy một số ít ở quân bảo an tại các đồn tiền tiêu giờ đây trở thành tình trạng chung cho hầu hết các lực lượng Sài Gòn.

Trong hoàn cảnh ấy, Việt cộng có thể hoạt động hầu như không bị trừng phạt. Một đêm có toán đặc công khoảng 20 người vào Củ Chi để bắt cóc hoặc ám sát hai nhân viên mật vụ trong vùng tỏ ra mẫn cán làm du kích tức giận. Họ may mắn chạy được ra khỏi nhà khi toán kia vào. Giận dữ, Việt cộng đuổi theo họ suốt cả thị trấn, leo mái nhà, chạy trên đường vừa hô vừa bắn. Hai mật vụ trốn thoát được nhưng Việt cộng không vì thế mà đi khỏi đó. Họ lục lọi khắp nơi trong hai tiếng đồng hồ. Quân bảo an, từ nay được gọi là lực lượng vùng có nhiệm vụ bảo vệ Củ Chi, không một ai hành động. Huyện trưởng không bị du kích quấy rầy, trả lễ bằng cách không động một ngón tay giúp đỡ hai mật vụ của mình. Tổng hành dinh một trung đoàn trong sư đoàn của Chinh đóng trong đồn điền cao su cách Củ Chi không đầy một cây số, im lặng như chết. Không sĩ quan nào đưa quân ra. Thế nhưng ít lậu sau, Vann và Ramsey phát hiện thấy mọi người lúc đó biết rõ việc gì đang xảy ra.

Một buổi tối khác, Việt cộng quyết định tổ chức giải trí cho nhân dân một làng lớn gần xa lộ chính đi Sài Gòn , cách Củ Chi vài cây số về phía tây. Họ bố trí trong rạp chiếu phim, phía bên kia đường ở trường học có một đại đội quân lực Cộng hòa đang đóng quân dã ngoại. Việt cộng có vũ khí và được đoàn tùy tùng bảo vệ. Trung úy chỉ huy đại đội ra lệnh cho quân lính tấn công. Họ từ chối. Viên trung úy lấy xe jeep đến Củ Chi hỏi huyện trưởng phải làm thế nào. Hai người tranh luận một lúc rồi cùng đi uống rượu.

Sau cuộc tàn sát đại đội biệt kích đầu tiên cách Bầu Trại ba cây số, Vann viết the cho một anh bạn ở Denver rằng không nên có ảo tưởng và hy vọng việc ném bom miền Bắc có thể thay đổi điều gì đó ở miền Nam.

“Không may, (anh viết) chúng ta thất bại trong cuộc chiến tranh này trước hết do sự thoái hóa về tinh thần của miền Nam Việt Nam trong khi đối mạt với tính kỷ luật đặc biệt của Việt cộng . Miền Nam vứt đi mọi sự may mắn quá lâu nên đã thành thói quen và xem ra chẳng có dấu hiệu thay đổi nào.

Tôi cay đắng … không vì những anh lính chì nhỏ bé buồn cười ấy của châu Á – mà vì những đĩ bợm thiên tài quân sự và chính trị của chúng ta từ chối công nhận điều hiển nhiên phải kiểm soát toàn bộ mớ lộn xộn ấy. Thay vì điều đó, họ giữ lại những con rối Việt Nam . Tình hình vô vọng đến nỗi sẽ chẳng có gì bước

lên được. Tên tướng bần tiện Kỳ hôm nay đọc một bài diễn văn đề nghị chúng ta tiến lên giải phóng miền Bắc – tay ngu dốt buồn cười nhỏ bé này không thể ra khỏi Sài Gòn quá một cây số mà không có đoàn vũ trang hộ tống, muốn giải phóng miền Bắc ! Lạy Chúa , tất cả những điều đó thật kỳ cục !".

Trong năm đầu ở Việt Nam , Vann đã nhận thấy giải pháp của cuộc chiến tranh này nhất thiết phải bằng quân sự. Phải tiêu diệt các tiểu đoàn thường trực Việt cộng nhằm thiết lập một nền an ninh đủ để bình định nông thôn có hiệu quả. Công cụ để tiêu diệt là một quân đội Nam Việt Nam thật mạnh. Xây dựng một quân đội như thế phải có một nhóm hoặc một người có bản lĩnh chấp nhận được người Mỹ chỉ đạo hoặc buộc phải chấp nhận vì sợ mất sự giúp đỡ kinh tế, quân sự đang đảm bảo cuộc sống cho đất nước. Ở Hậu Nghĩa, Vann phát hiện ra nhiệm vụ Hoa Kỳ phức tạp hơn nhiều so với anh tưởng. Anh thấy phía Sài Gòn sống bám và đang hấp hối đến mức nào và cũng thấy rõ nguyên nhân của tình trạng ấy. Anh nhận thức được xã hội Sài Gòn phải biến đổi thật sâu sắc nếu muốn đương đầu với đối thủ cộng sản.

Căn bệnh nghiêm trọng nhất, nguồn gốc sự sa sút tinh thần và tính vô kỷ luật là sự tha hóa, thói tham nhũng. Cho đến nay anh chưa nắm được mức độ. Ở Hậu Nghĩa, anh thấy nó đầu độc xã hội Sài Gòn ở mọi cấp : từ Kỳ và hầu hết những tướng lĩnh trẻ, các chỉ huy Quân đoàn, Sư đoàn các tỉnh, huyện trưởng và bộ máy hành chính của họ, cho đến anh cảnh sát trong làng đều có thể tống tiền một người làm trang trại để không tố cáo ông này tình nghi là Việt cộng.

Về qui mô và tính chất, sự tha hóa ở miền Nam căn bản khác với sự tha hóa thường gặp ở cấp có thẩm quyền cao nhất Hoa Kỳ, ở chỗ, khi thoát khỏi mọi sự kiểm soát nó có khả năng phá hủy nhưng cũng có thể là một chất bôi trơn tởm lợm trong bộ máy chính trị đưa đến việc thành lập những trung tâm thương mại, xa lộ và nhà ở. Sự tha hóa ở Sài Gòn ngược lại, bị tê liệt và lan rộng như một khối u ác tính đầu độc cả hệ thống chính quyền. Việc quan tâm lớn nhất của những người Sài Gòn là tiền đút lót; họ dành hết thời gian và suy nghĩ vào việc đó hơn bất cứ hoạt động nào khác, đòi hỏi những người bất tài phải có một sự ranh mãnh khôn khéo. Đáng lẽ những người Nam Việt Nam phải tập hợp nhau lại trong hy sinh lợi ích cá nhân và đơn vị để cứu vớt sự hủy hoại thì họ lại đẩy nó nhanh hơn. Mối nguy đe dọa xã hội càng lớn thì họ càng đánh cắp tệ hại lẫn nhau. Hình như họ lao vào phá hoại, cho rằng đến phút cuối cùng sẽ thoát khỏi tai họa chung bằng một cách nào đó hoặc người Mỹ sẽ đến cứu họ. Nhưng thông thường do lòng tham lam quá mức họ đã thậm chí không hình dung được hậu quả.

Hạnh châm ngọn đèn của Vann. Là tỉnh trưởng, ông ăn uống trong những khu

phố của ông. Cuối tháng Tư từ khi đến đây, Vann và Ramsey thường ăn tối với ông ta thay vì với những sĩ quan khác. Hạnh mời một hoặc hai cấp dưới cùng ăn với họ. Thường chỉ ba người. Một cố vấn dân sự Mỹ cùng ăn với tỉnh trưởng là bình thường. Điều này cũng phù hợp với ý muốn của Vann là nắm chặt Hạnh để đưa ra một cố gắng chống Việt cộng ở Hậu Nghĩa. Trong những năm đầu của cuộc chiến tranh , phần lớn cố vấn dân sự hoặc quân sự Mỹ biết tương đối ít về sự đồi trụy ở Nam Việt Nam vì họ tránh vấn đề đó, chính thức xem là phiền phức. Tất cả những báo cáo về đề tài này được Đại sứ quán và tổng hành dinh của Westmoreland đánh giá sai. Các đồng nghiệp Sài Gòn của họ nói với nhau nhưng không bộc bạch với người Mỹ. Bản thân Hạnh là một ngoại lệ trong hệ thống chế độ của mình, xem Vann như một trường hợp đặc biệt trong số người Mỹ. Đúng là Vann cho cảm giác có những quan hệ với cấp cao và có thể làm thay đổi tình hình.

Một trong những bài học đầu tiên Hạnh dạy cho Vann là số người chết trận, việc đào ngũ và khó tuyển mộ, không đủ để giải thích việc thiếu quân số kinh niên ở các đơn vị quân lực Cộng hòa. Theo gợi ý của Vann, Hạnh đồng ý để các lực lượng trong vùng của ông lần lượt theo một chu trình tập luyện. Để khuyến khích củng cố vững chắc các đơn vị chiến đấu, người Mỹ được ban tham mưu Sài Gòn cho lấy một quân số tối thiểu bổ sung vào các trung tâm. Hạnh nghĩ đơn vị chọn lọc đầu tiên không có vấn đề gì vì danh sách số quân tính đến gần 140 người mà quân số tối thiểu qui định khoảng 100. Khi tập hợp đơn vị, ông chỉ thấy có 50. 90 tên khác trong danh sách là những người lính mà người Việt Nam gọi là “lính ma” và những “cây cảnh”. “Lính ma” là nững người đã bị giết hoặc đào ngũ. Những người gọi là “cây cảnh” đã đút lót để có giấy chứng nhận giả hoặc giấy phép trở về gia đình tiếp tục công việc dân sự, hàm ý nói về một cây cảnh được che chắn trong chậu. Các chỉ huy đơn vị bỏ túi lương tháng và phụ cấp của những “lính ma” và “cây cảnh” rồi san sẻ những nguồn lợi với các sĩ quan cấp trên bảo vệ họ. Thay vì tìm kiếm một yếu tố kích thích cho việc tuyển mộ, các sĩ quan Quân lực Cộng hòa đã tạo ra một hệ thống kìm hãm nó.

Dĩ nhiên Hạnh biết được cách làm đó nhưng ông ta nghĩ ít nhất cũng tập hợp được 100 người trong danh sách 140. Ông giao cho phó của mình phụ trách quân sự mở một cuộc điều tra để xác định lực lượng vùng yếu đến mức nào. Viên thiếu tá đưa về một bản báo cáo thật rối ren. Mọi điều cho thấy chỉ huy lực lượng vùng ở Hậu Nghĩa “bỏ đầy túi”, nhóm từ áp dụng cho một người tham lam quá đáng, kể cả theo mức tiêu chuẩn Sài Gòn và ông ta khuyến khích những người dưới quyền thổi phồng quân số. Viên thiếu tá gợi ý Hanh và ông ta phải can thiệp để chấm dứt lối mua bán ấy. Hạnh không có ai trong nhóm tin tưởng được. Ông bèn kể chuyện ấy với Vann và Ramsey và đề nghị chụp ảnh những đơn vị

lực lượng vùng và lực lượng của dân chúng họ gặp khi đến thăm. Ông muốn so sánh những bức ảnh và danh sách các đơn vị để có quân số chính xác mình có trong tay.

Nguyễn Trí Hạnh là một ngoại lệ đơn giản. Ông ta không mua vị trí của mình và vì thế không buộc phải vơ vét để trả nợ. Phần lớn các tỉnh trưởng, huyện trưởng ở miền Nam Việt Nam phải bỏ tiền mua chức vụ. Người tiền nhiệm của ông, bị bắt trong tháng Hai vì tham gia đảo chính hụt, được trả tự do vào cuối mùa xuân nhưng phiền phức không phải đã hết. Ông ta đã mua vị trí này năm 1964, lúc Hậu Nghĩa còn là một vùng tương đối yên ổn. Trong lúc bị bắt, ông chưa trả hết nợ cho viên tướng bán tỉnh này cho ông và chủ nợ đòi số tiền còn thiếu. Ngược lại, Hạnh không phải trả tiền vì không ai muốn nắm quyền ở Hậu Nghĩa vào mùa xuân năm 1965.

Sự tha hóa gây ra tình trạng kém cỏi ở tất cả các cấp trong hệ thống. Giá trị nghề nghiệp không có ý nghĩa trong việc chọn những người như Chinh, chỉ huy hoặc không chỉ huy một sư đoàn như Sư đoàn 25. Họ giữ vị trí của họ với khả năng quan hệ dựa trên sự tha hóa của cấp trên cũng như cấp dưới. Như vậy, đồng tiền mới có vai trò cao nhất. Cơ chế ấy đã có giá trị dưới chế độ Diệm, chỉ khác là lúc đó người ta có vị trí nếu trung thành với họ Ngô Đình. Việc tôn trọng quyền lực cấp trên, cần thiết để điều hành đúng đắn một nước đã suy yếu đi vì những phe nhóm và quan hệ gia đình, tôn giáo , càng bị hủy hoại vì những đường dây đồi bại nội bộ. Ví dụ Hạnh khó kiểm soát được ba huyện trưởng của tỉnh mình. Họ chạy chọt để được tướng Chinh bảo vệ. Thậm chí Chinh cố vận động thải hồi huyện trưởng thứ tư vì ông này độc lập và có khả năng, không hợp tác đầy đủ trong điệu nhảy đút lót.

Chế độ Sài Gòn phát triển thành một hệ thống trong đó không ai có thể cho phép mình giữ đôi bàn tay sạch sẽ. Để tự bảo vệ được mình, mọi người phải mắc vào tròng. Lạm phát làm giảm tiền lương trong những năm của Diệm và sự tha hóa xóa bỏ mọi lý do điều chỉnh. Lương thấp kỳ lạ (Hạnh mỗi tháng chính thức nhận được không đến 200 đô la) nên một người muốn nuôi sống gia đình và giữ vững vị trí mình thì phải ăn cắp. Cách duy nhất để một người Mỹ phân biệt một sĩ quan lương thiện và bất lương là một đằng bớt xén công quỹ chỉ để sống và đằng kia nhằm làm giàu. Theo tiêu chuẩn ấy, Hạnh là người lương thiện, cũng như Vann nhận xét Cao ở Sư đoàn 7. Nhưng một người Mỹ phân tích để sống và làm giàu dễ hơn một người Việt Nam đã bỏ tay vào guồng quay. Sự tha hóa tự nuôi sống mình. Hiếm có những người đã mua chức quyền sẵn sàng từ chối kiếm lợi từ nguồn mình đã đầu tư cộng thêm tiền lãi về mối nguy chuốc lấy. Cũng có xu hướng tổ chức bè cánh bao quanh mình. Những tỉnh trưởng, huyện trưởng sát thuộc hạ nhất là những người chia phần cho mỗi người một ít.

Cơ chế kéo theo muôn vàn lệch lạc khác khuyến khích sự tha hóa. Một trong những yếu tố ấy là vai trò các bà vợ. Bà tướng hoặc bà đại tá Y thường là đại diện của chồng giao dịch thẳng với những bà tướng, tá khác. Các bà thích làm vai trò đó vì có được một quyền lực nào đấy. Một người đàn bà dùng bình phong quyền lực của chồng để chỉ đạo một đường dây tha hóa cũng có một phần quyền lực ấy. Những người đàn ông tạo điều kiện cho việc dàn xếp đó vì họ không phải lo nghĩ về những vấn đề tiền nong và có thể cho rằng vợ họ chỉ là những người đàn bà kinh doanh và bản thân họ không phải là những kẻ lừa gạt. Không thể vừa là một người thực sự lương thiện vừa chiếm được một chức vụ cao. Cho dù ông ta chỉ ăn cắp những gì cần thiết và kiểm soát những hoạt động của vợ thì cũng không thể chống lại những tiêu cực quanh mình. Để được lòng cấp trên, thường ông buộc phải bớt xén công quỹ. Nếu ông không tham gia cuộc chơi, ông sẽ là người ngoài lề và sẽ mất chức vụ. Cho đến nay, Hạnh chỉ tham nhũng để trả những món tiền khiêm tốn cho tướng Chinh. Nhưng việc đó kéo dài được bao lâu ?

Trước khi Hạnh đến Vann đã phát hiện thấy sự tha hóa phương hại cả đến những chương trình bình định và những người Mỹ không nằm ngoài xu hướng đó. Ví dụ một viên chức của AID (không phải người tiền nhiệm William Pye) đã cho phép người thầu Việt Nam của tỉnh lấy cắp xi măng và những vật liệu khác của Phái đoàn để đổi đàn bà. Vật liệu xây dựng bán ở chợ đen Sài Gòn với giá cao quá thể vì thợ xây Việt Nam và Trung Hoa đổ xô vào xây dựng nhà ở cho hàng nghìn người Mỹ đến trong vùng. Đặc biệt, xi măng có giá trị như vàng. Người thầu đưa cả vợ vào trong số đàn bà cung ứng cho viên chức Mỹ. Người ta khó tưởng tượng Vann từ chối một cuộc phiêu lưu tình ái; anh vẫn không lẫn lộn tình ái và sự tha hoa. Vả lại nếu ở Hậu Nghĩa, Vann không từ bỏ những hoạt động giấu giếm như đã làm ở Sư đoàn 7. Anh giới hạn những cuộc phiêu lưu của mình ở những chuyến đi Sài Gòn và tỏ ra gương mẫu về đạo đức trong tỉnh. Đối với anh, một người Mỹ nhận đút lót để cho phép lấy cắp tài sản của Nhà nước thời chiến thì thật ghê tởm. Anh bực tức về hành động của người đồng hương và của người thầu đã lợi dụng sự yếu hèn của anh này.

Lòng tham lam phá hoại những chương trùnh bình định ghê gớm hơn việc lấy cắp đơn thuần. Những trường tiểu học của các ấp do Phái đoàn tài trợ làm hài lòng những người nông dân vốn mong con cái được đi học. Khi người thầu ở Hậu Nghĩa xây dựng một trường học, anh ta bớt xén mọi thứ. Bàn ghế cung cấp chất lượng kém đến mức không dùng được một năm. Viên chức của AID nhắm mắt trước những vấn đề ấy, các tỉnh trưởng, huyện trưởng không để tâm đến sự gian dối vì người thầu tất nhiên đã mua chuộc họ. Các viên chức ở tỉnh không ít đòi hỏi những công trình ấy vì mỗi lần xây dựng là mỗi lần nâng cao được mức

thuế. Vann muốn áp dụng những mục đích ban đầu của chương trình và để cho nông dân chọn lựa những việc mong muốn, hẳn phải là một trường học hoặc bệnh viện. Rồi người ta cung cấp vật liệu để họ tự xây dựng. Như vậy, họ sẽ giữ gìn tài sản của mình và ngăn ngừa du kích phá hủy. Các viên chức tỉnh chống đối quan điểm ấy vì họ không được lợi lộc gì.

Việt cộng là khách hàng lớn nhất của sự tha hóa vì đưa lại cho họ nhiều lợi nhuận. Người Mỹ đã đưa ra một chương trình "Kiểm soát các nguồn lợi và dân chúng" để hạn chế phong trào của những người cảm tình với du kích và cản trở Việt cộng kiếm được thuốc men và những vật dụng cần thiết khác. Những người Mỹ mới đến miền Nam Việt Nam chấp nhận sự phức tạp kỳ lạ về những luật, những qui định của Sài Gòn do ảnh hưởng của nền thuộc địa Pháp. Họ không hiểu mỗi khoản cho phép và mỗi khoản cấm chỉ là căn cứ thêm vào sự tha hóa. Những qui định trong khuôn khổ chương trình càng kích thích nâng giá hàng lậu. Quân du kích không chỉ mua những sản phẩm bị cấm như thuốc kháng sinh, dụng cụ phẫu thuật hoặc pin cho ngòi nổ mìn. Họ mua lậu những mặt hàng người Mỹ quên đưa vào danh sách như chứng minh thư giả, giấy thông hành cho những điệp viên muốn để các cơ quan Mỹ thu nhận mình. Tóm lại, họ nhận được những gì họ muốn bằng tiền, rượu cho các trung gian.

Sự tha hóa cũng làm giàu cho Việt cộng . Như ở tây bắc Bầu Trại trong tỉnh Hậu Nghĩa có một xưởng đường quan trọng tại Hiệp Hòa, chuyên ép mía của nông dân trồng. Nó thuộc về người Pháp và chính quyền Sài Gòn . giao cho người Hoa Chợ Lớn quản lý và kinh doanh, sẽ chia lợi nhuận với những người cầm quyền. Tuy ở trong vùng du kích kiểm soát, nhà máy đường không bao giờ bị đe dọa. Vann nhận thấy giám đốc và cán bộ ở đấy cảm thấy không bị bom đạn nên cửa sổ vẫn sơn màu xanh bình thường. Xe chở hàng của xưởng chở sản phẩm về Sài Gòn không bao giờ bị chặn lại. Vann được biết Việt cộng thu một khoản thuế hàng năm là 1.700.000 đồng Đông Dương. Đây không phải một trường hợp độc nhất. Khắp miền Nam các cơ sở kinh doanh trả tiền cho các quan chức Sài Gòn và ngoài ra còn nộp thuế cho Việt cộng . Nhân viên thu thuế cộng sản giao biên nhận ký và đóng dấu Mặt trận giải phóng dân tộc, chính phủ bí mật của Việt cộng . Việc mua bán với du kích hoạt động ngầm vì ít nhất về mặt chính quyền đó là một trọng tội có thể bị phạt tử hình. Vì vậy, khi một người Sài Gòn nhúng tay vào đường dây, những người cộng sản có thể đòi hỏi anh ta nhiều hơn bằng việc đe dọa gây ra những bê bối. Các sĩ quan tình báo Mỹ thường tự hỏi vì sao những Việt cộng có trách nhiệm ở hội đồng tỉnh, huyện không hay bị bắt dù là tình cờ. Khi bị bắt, họ ra khỏi nhà tù ngay trước khi người Mỹ phát hiện được cuộc đánh tháo quan trọng.

Dĩ nhiên, sự tha hóa cũng ảnh hưởng đến chế độ miền Bắc. Nhưng hoàn cảnh

chiến tranh ở miền Nam Việt Nam không thuận lợi. Vươn tới một vị trí có trách nhiệm trong tổ chức Việt cộng và sau đó trở thành đảng viên sẽ có nhiều nguy hiểm cho những người bị lôi kéo chỉ vì mối lợi. Các nhà lãnh đạo cộng sản đề ra những biện pháp tôn trọng đạo đức trong hàng ngũ du kích. Họ đưa ra những sai trái vấy bẩn của chế độ Sài Gòn làm ví dụ và trừng phạt từ lỗi lầm nhỏ, đưa người có tội ra trước tòa án để rồi đưa đi "cải tạo" lâu dài ở trại lao động giữa rừng hoặc bắn vào gáy.

Vann cũng bắt đầu thấy rõ rằng những người cộng sản đang thắng trong cuộc chiến tranh này không phải chỉ do sự tha hóa tàn phá và nhiều tật khác của chế độ Sài Gòn . Việt cộng tiến hành một cuộc cách mạng xã hội ở nông thôn miền Nam Việt Nam và dồn vào đó tất cả sức lực. Vann hiểu rõ việc làm đó vì tuổi thơ và thời thanh niên cho phép anh xác nhận được nỗi căm giận và lòng mong muốn của những người nghèo. Trên đường đi, anh có dịp thấy cuộc cách mạng của họ đang tiến triển. Phần lớn thời gian Ramsey và Vann lăn lộn với nông dân, áp tải những xe hàng chở lúa mì Mỹ, dầu ăn, sữa bột và những thực phẩm khác cho những người tị nạn. Họ cũng đến tại chỗ , cố gắng đẩy nhanh chương trình đã được chấp nhận để tranh thủ tình cảm của dân chúng.

Việc phổ cập chương trình xây dựng trường tiểu họ trong các ấp cảnh báo Vann về cuộc cách mạng xã hội của Việt cộng . Vì ở Hậu Nghĩa chỉ có 6 ấp dưới quyền kiểm soát của Sài Gòn , để đạt mục tiêu Ramsey và Vann phải xây dựng trường ở các làng khác do du kích khống chế. Qua đó, anh hiểu cụ thể vì sao Việt cộng được tầng lớp nông dân ủng hộ trong tình trạng nước đôi này, du kích có quyền hành trên phần đông dân chúng cảm tình nhưng không có thì giờ tổ chức kiểm soát cũng không xóa bỏ mọi dấu vết của chế độ Sài Gòn và Hoa Kỳ. Trong những vùng họ đã củng cố chính quyền, Việt cộng xây dựng hệ thống học đường của họ. Nhưng ở những nơi khác, họ để cho chương trình xây dựng trường học của Mỹ tiến hành vì nông dân khao khát thấy con cái được họ và họ muốn tự mình học đọc, viết ,tính toán ở các lớp ban đêm. Mọi thành viên du kích và gia đình đều có lợi. Các giáo viên là viên chức chính quyền Sài Gòn cũng không bị đe dọa vì việc dạy học của họ là trung lập.

Ở Việt Nam , các trường tiểu học trong ấp chỉ có một giáo viên cho năm lớp trình độ khác nhau và thường mỗi trường có 300 học sinh. Đông học sinh không thực sự thành vấn đề vì trường học không có tường, chỉ là mái tôn đặt trên một bộ khung, thủng nhiều chỗ vì đạn pháo. Một thầy giáo dạy liên tiếp ở lớp mỗi ngày ba ca.

Vann kết thân rất chóng với cô giáo của ấp So Đo, cách Bầu Trại ba cây số, nơi đại đội biệt kích bị tiêu diệt. Đấy là một phụ nữ giản dị, đã đứng tuổi, tính

tình dễ mến. Cô cũng là trợ lý y tế cho những người cộng sản trong ấp nhưng có vẻ không phương hại đến thái độ đối với Vann và Ramsey. Vann được cô hàm ơn khi sửa chữa mái trường nhỏ của cô bị hư hỏng vì một đợt tấn công. Anh cũng làm những thủ tục cần thiết để một số trẻ em sứt môi được qua phẫu thuật. Anh gửi tất cả các trẻ em đến mổ ở các nhóm bác sĩ người Philippine và Hàn Quốc làm việc cho AID. Mấy tháng sau, Vann được biết cô giáo đã ba lần cứu sống anh và Ramsey bằng cách thuyết phục quân du kích không nổ quả mìn họ đã đặt trên con đường các anh định đi qua.

John Vann cũng kết bạn với trẻ em. Khuôn mặt cúng rạng rỡ và cởi mở làm anh cảm động. Đặc biệt ở vùng đồng bằng, thức ăn cả, rau quả giàu chất đạm tạo nên những đứa trẻ mạnh khỏe. Chúng cười nhiều, đầy nghị lực. Chân trần, mặc quần ngắn và áo sơ mi rộng thùng thình, chúng chăn trâu của gia đình hoặc chơi đá bóng trên sân trang trại với chiếc vỏ đồ hộp thay thế quả bóng; chúng không có một đồ chơi nào và tự mình phải sáng tạo ra. Vann và các em mình trước đây ở Norfolk cũng giống như chúng. Vann mau chóng phát hiện ra bọn trẻ có thể bảo vệ anh. Do muốn ông người Mỹ trở lại với bánh kẹo, kẹo cao su, chúng báo với anh khi có Việt cộng ở trong ấp hoặc vùng lân cận.

Thời kỳ ấy Ramsey là phó và trợ thủ lý tưởng của Vann, có một ảnh hưởng chủ yếu trong nhìn nhận vấn đề của anh. Cũng như Halberstam, Ramsey là một trong những người tin vào Chúa cứu thế của thế hệ những năm 50. Là con một, Ramsey lớn lên dưới những rừng thông to trong ốc đảo Boulder City giữa sa mạc Nevada. Bố anh là một viên chức nhỏ của ban quản lý công viên; mẹ anh bị bệnh kinh niên vào thời kỳ sự trợ cấp xã hội rất ít ỏi cho vợ và gia đình những người làm việc cho Nhà nước. Nhờ học bổng và vay mượn, Ramsey có thể theo học một trường đại học ở Los Angeles. Tốt nghiệp năm 1956, anh là một trong những sinh viên hiếm hoi đạt kết quả tốt trong từng môn học bốn năm liên tiếp. Sau một năm học ở Havard, Bộ Ngoại giao muốn tạo cho thanh niên cơ hội đi xa và trách nhiệm làm anh quay lưng lại với môi trường đại học. Nhưng trước khi nhận một chức vụ, Ramsey phải hoàn thành hai năm phục vụ ở Không quân, làm chuyên gia về thông tin liên lạc. Sau đó, anh được bổ nhiệm vào Trung tâm đón tiếp người nước ngoài ở Honolulu, trước mặt khách sạn Hoàng gia Hawaii tại Vaikiki.

Để tránh một vị trí ổn đinh, Ramsey tự nguyện đăng ký học tiếng Việt và được cử sang làm việc ở miền Nam Việt Nam . Anh sang đây vào tháng Năm năm 1963, lúc cuộc khủng hoảng Phật giáo vừa nổ ra. Người ta bố trí anh vào một vị trí nhàn hạ ở cơ quan thông tin ở Đà Lạt, trung tâm nghỉ mát vùng đồi núi , chỗ Diệm và gia đình Nhu có biệt thự nghỉ cuối tuần. Nơi này vừa màu mè vừa đầy màu sắc chính trị. Ramsey tò mò và thạo tiếng Việt nên có thể nghiên cứu sâu về

xã hội Sài Gòn . Những quan hệ trong cơ quan thông tin đưa anh tới làm việc trong những lĩnh vực gần với sở thích hơn, đặc biệt về những cuộc điều tra trong nông dân ở các ấp dọc bờ biển miền Trung và phía bắc vùng đồng bằng để xác định những bất mãn chính kiến khiến nông dân ủng hộ Việt cộng . Sau hai năm kiên trì và làm việc tự nguyện, Bộ ngoại giao bổ nhiệm anh trong tháng Hai 1965 vào vị trí anh chờ đợi : biệt phái vào cơ quan AID làm phụ tá ở tỉnh Hậu Nghĩa.

Ramsey chưa biết gì về thủ trưởng mới của mình thì một tháng sau đó Vann đến. Vann tự giới thiệu mình, đưa cho anh bài báo trong tạp chí Esquire ký tên Halberstam, người Ramsey rất thán phục bở những bài phóng sự của ông về Việt Nam năm 1962 và 1963. Anh rất xúc động biết cấp trên mới của mình đã gợi cảm hứng cho bài báo và đã là nhân vật chính trong câu chuyện thảm hại này. Một người trẻ tuổi có khát vọng như Ramsey khó mà không thán phục anh được. Vann luôn ở tầm cao hình ảnh anh hùng mà Halberstam tô vẽ cho anh. Hai người cùng có xu hướng trong niềm say mê cuộc chiến tranh này và cùng thực sự mến đất nước họ đang bảo vệ. Sau đó, Ramsey kể lại nhiều khi họ mất cả lý trí trong hoàng hôn trên những con đường không được bảo vệ để ngắm mặt trời lặn sau đồng ruộng “nhuốm màu đồng trong ánh sáng cuối cùng của ban ngày”. Họ dừng lại một lúc “trong một thôn ấp mái nhà ngói đỏ hoặc lợp rạ dân chúng đang chuyển về ban đêm như từ nhiều thế kỷ nay”. Họ tận hưởng những hình ảnh và mùi vị của đất nước này “như những người thành thị lần đầu tiên đi cắm trại”.

Sau bữa ăn tối cùng với Hạnh, Vann và Ramsey ngồi trong văn phòng tổng hành dinh của tỉnh, có điện và quạt máy, trao đổi hàng giờ về cuộc chiến tranh và bình luận về những sự kiện trong ngày. Ramsey nhận xét với Vann rằng dưới chế độ Sài Gòn , việc khao khát học hành của con em nông dân cuối cùng bị những người thông minh , nhiều sáng kiến nhất tước đoạt. Anh biết xã hội miền Nam để hiểu rõ hệ thống giáo dục người Pháp đặt ra và được Sài Gòn duy trì dành cho cấp trung đại học – và do đó, những vị trí lãnh đạo xã hội không cộng sản đều dành cho tầng lớp thành thị trung và thượng lưu cũng như cho tầng lớp điền chủ ngày nay vào ở thành phố. Thậm chí một đứa con nông dân cố học xong 5 năm tiểu học cũng sẽ đứng trước ngõ cụt. Những trường trung học gần nhất cũng ở trung tâm huyện. Thường gia đình nông dân quá nghèo, không gửi con đến học ở đấy được và dù sao những trường huyện không đi quá bốn năm đầu của hệ trung học.

Chỉ còn một con đường có thể vươn tới vị trí cao : gia nhập Việt cộng và Mặt trận giải phóng dân tộc, dĩ nhiên phải là những thanh thiếu niên có khả năng nhất. Vì phải đào tạo người lãnh đạo trong tầng lớp nông dân, những người cộng sản không đòi hỏi trình độ học vấn cứng nhắc lúc ban đầu và cố gắng nâng dần

trình độ học vấn của những cán bộ hứa hẹn qua hệ thống giáo dục của họ. Tiểu đoàn trưởng Việt cộng đáng sợ nhất ở Hậu Nghĩa, 45 tuổi, quê ở một huyện xa xôi phía tây bắc Đồng Tháp Mười. Được mọi người kính trọng, ông có cấp bậc tương đương thiếu tá của quân đội miền Nam. Tăng cường quân số tiểu đoàn để xây dựng thành một trung đoàn, ông sẽ là trung tá. Từ cơ sỏ ông lên dần, nghĩa là chỉ qua mấy năm tiểu học dưới hệ thống giáo dục của Sài Gòn , chế độ ông tiến tới lật đổ.

Thời kỳ ấy, mối quan hệ của Ramsey có ảnh hưởng nhiều đến Vann và họ trở thành bạn thân, bạn chiến đấu. Ev Bumgardner, chuyên gia chiến tranh tâm lý, 10 năm trước đã nghe diễn văn của Diệm ở Tuy Hòa trở lại Việt Nam chỉ đạo tại chỗ những hoạt đông thông tin của Hoa Kỳ. Ngoài ra, còn có Frank Scotton là cánh tay phải của anh. Vann đã gặp hai người trong năm đầu đến Việt Nam nhưng chưa có dịp làm quen với họ. Ramsey giới thiệu. Cả hai có tâm tính độc đáo hấp dẫn Vann.

To khỏe, 27 tuổi, mái tóc nâu, Frank Scotton lớn lên trong một gia đình tiểu tư sản vùng ngoại ô Boston. Bố anh, thợ chữa cháy, đăng lính và tử trận trong Thế chiến thứ hai. Scotton gan dạ, thân mật nhưng đôi khi tàn ác và đa nghi. Vũ khí anh thích nhất là khẩu tiểu liên K-9 của lực lượng đặc biệt. Trí óc không bảo thủ, anh cảm thấy thán phục những trận đánh du kích, được củng cố bằng sự nghiên cứu sâu những bài viết của Mao Trạch Đông và Võ Nguyên Giáp.

Scotton và Bumgardner cố gắng đánh những người cộng sản Việt Nam bằng chính phương pháp của họ, theo hình thức của họ nhưng lý tưởng là chống cộng. Một chương trình mới về thuyết giáo chính trị và động viên cảnh sát Nam Việt Nam do Vann nhiệt tình hướng dẫn được gợi lên từ kinh nghiệm của Scotton làm năm trước ở bờ biển miền Trung. Với sự khuyến khích của Bumgardner, sự giúp đỡ của một thiếu tá trong quân đội, Robert Kelly và sự đồng mưu của nhiều nhân viên CIA, Scotton tổ chức đội xung kích 45 người, lặp lại đúng những toán tuyên truyền vũ trang Việt cộng thuở ban đầu. Đội xung kích của Scotton không ngăn cản quân du kích chiếm hầu hết toàn tỉnh Quảng Ngãi, hoạt động như không một đơn vị Nam Việt Nam nào làm trước đây. Các đội viên giúp đỡ các chủ trang trại, phát tán tài liệu tuyên truyền trong những vùng du kích khống chế, tổ chức phục kích bất ngờ ban đêm và lẻn vào các ấp để ám sát những người lãnh đạo Việt cộng địa phương.

Thoạt nhìn, Bumgardner là đầu mà Scotton là đôi chân cần phải có. Con người nhỏ thó này, đầu hói, 40 tuổi, trịnh trọng và kín đáo, có thái độ bình tĩnh, cũng không bảo thủ như Scotton. Niềm say mê của ông thể hiện ở việc theo đuổi dứt khoát cuộc chiến tranh và ở lòng nhiệt tình đến các vùng nguy hiểm dưới làn

đạn.

Mỗi lần Vann và Ramsey đi Sài Gòn ở lại qua đêm, họ đến các bạn để nói chuyện về chiến tranh. Nếu Bumgardner và Scotton tỏ ra cũng không hiểu như những người Mỹ khác về các yếu tố cơ bản của chủ nghĩa dân tộc cộng sản Việt Nam thì họ lại nắm vững những phong trào xã hội và chính trị khuấy động miền Nam. Cả hai người nói thạo tiếng Việt và Bumgardner lấy một người vợ Hoa kiều đã ở Việt Nam nhiều thế hệ. Cũng như Ramsey, họ chắc chắn Việt cộng tranh thủ cốt lõi sức mạnh từ những điều kiện thuận lợi của một cuộc cách mạng xã hội. Họ nghĩ ở miền Nam vẫn có thể hình thành một chủ nghĩa dân tộc chống cộng sản nhưng điều cấp thiết là cải biến chế độ Sài Gòn . Hoa Kỳ không thể chỉ cầm cương như Vann đã mong muốn và lãnh đạo đất nước qua những con người rơm. Chế độ phải được cải tổ trở thành một chính phủ hoàn toàn khác, đáp ứng được nguyện vọng của dân chúng nông thôn. Nếu không có điều đó, Bumgardner và Scotton cho là chiến tranh không thể thắng được. Dù quân đội Mỹ chiếm cả đất nước, tiêu diệt được quân du kích, cuộc nổi dậy sẽ lại bùng lên sau khi lính Mỹ rút đi.

Quan điểm của Ramsey, Bumgardner và Scotton có vẻ xác đáng theo con mắt Vann, dựa vào những quan sát của anh ở Hậu Nghĩa. Cuối tháng Năm, anh đã được thấy và nghe nhiều đủ để trình bày trong một bức thư gửi tướng York sự phân tích mới và đáng ngạc nhiên của anh về cuộc chiến tranh này.

“Nếu Việt Nam chỉ là một con cờ trong cuộc đối đầu Đông – Tây và sự hiện diện của chúng ta là cần thiết để ngăn chặn Trung Quốc cộng sản chiếm tài nguyên của đất nước này thì thật khó xác minh sự nâng đỡ của chúng ta đối với chính quyền hiện hành. Một cuộc cách mạng đang khuấy động cả nước và những lý tưởng của nhân dân Mỹ gần gũi rất nhiều với những nguyên tắc, mục tiêu và nguyện vọng của phía bên kia hơn là của chính quyền Sài Gòn . Tôi hiểu, cuối cùng khi chủ nghĩa cộng sản kiểu Trung Quốc lên nắm quyền, những “nhà cách mạng” này sẽ khá thất vọng nhưng đã là quá chậm đối với họ và đối với chúng ta cũng thế. Tôi vẫn tin chắc rằng dù Mặt trận dân tộc giải phóng do những người cộng sản lãnh đạo thì đại đa số dân chúng sẽ ủng hộ Mặt trận ấy vì đây là hy vọng duy nhất để thay đổi , cải thiện điều kiện sống và tương lai của họ. Nếu tôi là một thanh niên 18 tuổi, đứng trước sự lựa chọn ủng hộ chính quyền Sài Gòn hay Mặt trận dân tộc giải phóng – chắc chắn tôi sẽ chọn Mặt trận dân tộc giải phóng”.

Vann nghĩ rằng 11 năm nay, Hoa Kỳ đã lãng phí vô ích những mạng sống Việt Nam và Mỹ cùng hàng trăm triệu đô la để giữ trật tự cũ cho miền Nam. Nhiệm vụ của anh lớn hơn nhiều điều anh đã tưởng tượng ở Denver trước khi quyết

định lại đi vào cuộc chiến này. Anh phải xác định một chiến lược xây dựng thay vì phá hủy để xây dựng ở miền Nam một quốc gia có khả năng hợp tác với Hoa Kỳ trong cuộc đấu tranh thế giới vì những nước chưa phát triển. Khi chiến lược ấy hình thành, phải thể hiện ra một chương trình rồi đưa ra thực hiện sau khi đã làm cho cấp trên chấp nhận. Lý tưởng Garland Hopkins và Ferrum đã thấm nhuần vào anh biến thành một ý muốn Mỹ hóa thế giới. Quan sát những thanh niên nông dân Việt Nam, anh thấy họ cũng như những người Phillipine của Lansdale, những nhà chức trách địa phương cũng công nhận giá trị của Mỹ như thế và hàm ơn sự giúp đỡ đối với nước họ, họ sẽ hành động vì quyền lợi Hoa Kỳ.

Trong một đợt nghỉ phép vào mùa thu, Vann tuyên bố trong một hội nghị ở Denver “Nếu chúng ta làm công việc này 11 năm trước đây, chúng ta đã có những nhà lãnh đạo kiểu mẫu mà chúng ta cần. Tôi nghĩ chúng ta còn có thể làm được điều ấy nhờ lớp trẻ”.

Cuộc chiến tranh đi tới bước ngoặt khi mà Vann nghĩ đã đến lúc thực thi một chiến lược mới. Đầu tháng Sáu năm 1965, Westmoreland có hơn 50.000 người ở miền Nam Việt Nam trong đó có 9 tiểu đoàn Hải quân và lính dù. Tuy chính quyền Johnson vẫn không chính thức đưa ra quyết đinh rõ rệt, những tiểu đoàn mới vẫn lên đường sang Việt Nam . Lực lượng đó đến thật đúng lúc. Chính phủ Sài Gòn chuẩn bị rút khỏi năm tỉnh phía bắc dọc theo bờ biển miền Trung, nghĩa là vùng Quân đoàn 1 mà Hải quân kiếm soát sân bay Phú Bài, gần kinh đô hoàng gia cũ ở Huế cùng hải cảng và căn cứ không quân Đà Nẵng phía Nam. Các tướng lĩnh Sài Gòn đưa ra một kế hoạch mật di chuyển ban tham mưu hỗn hợp cho đến lúc đó vẫn đóng ở nơi trú quân lịch sự của De Lattre de Tassigny xây dựng gần Tân Sơn Nhất; họ chuyển đến trường quân sự Pháp cũ ở Vũng tàu, cách thành phố 160 cây số về đông nam. Bán đảo này dễ bảo vệ và các tướng chỉ mất mấy phút đã lên tàu ra biển. Họ không chắc chắn giữ được những gì còn lại trên cao nguyên cho đến khi người Mỹ đến. Các tỉnh miền núi như Kontum, Pleiku và Ban Mê Thuột bây giờ là những vị trí đơn độc mỏng manh, chỉ vào được bằng máy bay.

Mọi điều ở Hậu Nghĩa chỉ rõ chế độ Sài Gòn không đứng vững đến năm 1966 nếu không có người Mỹ cứu. Những vụ nổ mìn, những cuộc phục kích thường xuyên trên đường Sài Gòn đến nỗi chính Vann và Ramsey chứng kiến khi đi qua những chiếc xe Jeep và ô tô bị phá hủy mà không ai lấy đi những xác chết, những mảng thân thể gần xác xe cộ. Một số buổi sáng quân du kích đánh đổ những chiếc xe quân sự cách các đồn kiểm soát hai cửa ngõ vào Bầu Trại không tới 200 mét. Cảnh sát gác đêm trong đồn hắn có nghe Việt cộng chôn mìn dưới lòng đường hoặc nhìn thấy họ giăng dây ngòi nổ dưới ánh sáng trăng nhưng họ chẳng nói gì. Việc bỏ trốn cũng thường xuyên hơn. Các trưởng ấp trong số sáu

ấp được cho là “bình định” ở gần Bàu Trại không còn hài lòng về sự bảo đảm mà họ mua được bằng cách bí mật giúp Việt cộng nữa. Họ công khai đào ngũ. Một trong bọn họ kéo theo người phó và hầu hết cảnh sát trong ấp. Phần lớn thành viên của đơn vị này là những thanh niên vừa trưởng thành, công khai hân hoan mỗi lần Vann và Ramsey vốn mến họ, đưa tới cho dầu ăn hoặc lúa mì bù vào đồng lương rẻ mạt. Những chàng trai trẻ vô tư ấy trước khi đào ngũ, đã nổi dậy giết một bộ phận trong nhóm bình định địa phương.

Những người trung thành với chế độ Sài Gòn thì hết sức lo sợ một tia lửa nhỏ có thể làm bùng thùng thuốc súng. Trong những tháng cuối, làng Đức Lập cách Bầu Trại ba cây số cố gắng có nhiều đợt tấn công. Một buổi sáng, người ta đồn rằng có một trung đội Việt cộng đang đến. Chỉ một trung đội ! Cảnh sát thường trực rồi Lực lượng đặc biệt, cuối cùng cả tổng hành dinh một tiểu đoàn biệt kích hoảng loạn bỏ chạy. Sau khi biết tiếng đồn không đúng, họ trở về theo từng toán nhỏ. Vann và Ramsey sẽ không chú ý nhiều nếu nỗi sợ hãi ấy diễn ra trong đêm tối. Nhưng lúc ấy là 10 giờ sáng !

Vann không thay đổi quan điểm từ năm 1962, vẫn cho rằng thật điên rồ nếu tiến hành cuộc chiến tranh bằng quân đội Mỹ. Mùa xuân năm 1964 anh viết thư cho trợ lý của Lodge”. Nếu cuộc chiến tranh này phải thắng thì phải do người Việt Nam . Không có gì thiếu khôn ngoan hơn việc đưa hàng loạt quân đội Mỹ hoặc nước ngoài vào. Chúng ta sẽ sa lầy cả vào đó mà chẳng làm được việc gì có giá trị cả”. Một năm sau, khi Hải quân và quân đội bắt đầu vào, Vann vẫn nghĩ như thế.

Không phải Vann nuối tiếc khi thấy họ đổ quân vào. Không có họ, miền Nam sẽ “đổ nhào”, anh nhận thấy vậy. Người ta sợ hình thành lên ở đây một chính phủ trung lập hoặc thân cộng sản sẽ đề nghị Hoa Kỳ rút đi. Kỳ và tướng tá của hắn có thể đứng vững chừng nào họ được súng đạn của Hoa Kỳ bảo vệ. Những người cộng sản Việt Nam dĩ nhiên không thể làm gì đáng kể đối với sức mạnh lớn lao của người Mỹ dựa vào Không quân và Hải quân. Nhưng Việt cộng và những người Bắc Việt Nam trong đội quân thường trực của Hà Nội đã theo con đường mòn Hồ Chí Minh vào tăng cường cho quân du kích. Vann sợ rằng nếu lính Mỹ gửi sang đánh nhau với họ, sẽ không phân biệt được đồng minh của quân địch và nguy cơ thảm sát mù quáng sẽ rất lớn.

Anh nghĩ kế hoạch hợp lý nhất là sử dụng lính Mỹ bảo vệ Sài Gòn , hải cảng, sân bay cùng những thành phố và các làng trong nội địa không nên để rơi vào tay cộng sản vì vấn đề uy tín. Các lực lượng Mỹ là quân phòng vệ và dự phòng khẩn cấp. Nếu biết được chắc chắn có một đơn vị Việt cộng hoặc Bắc Việt Nam, nếu hoàn cảnh thuận lợi cho người Mỹ, ít bị mất mát, thì lính Mỹ có thể can

thiệp , nhiệm vụ chính và ngầm ẩn của Hoa Kỳ phải là về mặt chính trị. Họ cần phải cứng rắn để chấm dứt những cuộc đảo chính, mưu mô vô độ và đưa các tướng lĩnh Sài Gòn đi vào qui tắc. Sau tấm chắn của quân đội Mỹ và Hải quân, Hoa Kỳ sẽ chỉ đạo chế độ, biến nó tiến lên thành một chính phủ gồm các nhà lãnh đạo liêm khiết. Binh lính Quân lực Cộng hòa và các lực lượng địa phương chịu trách nhiệm chiến đấu ở nông thôn chứ không phải người Mỹ. Các lực lượng Sài Gòn phải được tổ chức lại vì họ phải chiến thắng Việt cộng và giữ vững an ninh thôn ấp. Mục tiêu ấy , Vann nghĩ rằng, có thể đạt được bằng sự hình thành một "sự chỉ huy hỗn hợp" theo lệnh của người Mỹ. Anh nghĩ hiện nay người trong các lực lượng Sài Gòn ghê tởm chính mình cũng như các chỉ huy ghê tởm họ. Anh chắc chắn, họ sẽ xử sự đúng với những cấp trên có tài, có kỷ luật đưa họ đến thắng lợi. Được gợi ra từ những cuộc trò chuyện ban đêm với Ramsey, Bumgardner và Scotton, Vann bắt đầu đưa ra một chiến lược mới để lôi kéo nông dân và biến đổi tính chất của xã hội Sài Gòn .

Vann hiểu phải bắt đầu những thay đổi từ Hậu Nghĩa. Anh tấn công vào những sự tha hóa anh có thể tác động, sự tha hóa của người thầu những công trình công cộng bất lương, nhất là từ khi anh phát hiện ra anh này tha hóa một viên chức của AID bằng cung cấp đàn bà. Vann nắm lấy vũ khí anh có thể sử dụng. Nguyên tắc hành chính qui định phải có chữ ký của anh trên hóa đơn thì người thầu mới được trả tiền sau khi làm xong công trình. Anh quyết định tóm người thầu về việc ăn cắp tôn lợp nhà, bèn tới một nhà trẻ và một trường học vừa xây dựng, trèo lên mái đếm số tấm lợp . Rồi anh kiểm tra lại số lượng được phân phối và từ chối ký vào hóa đơn cho đến lúc người thầu chấp nhận trả lại tiền cho Chính phủ về những tấm tôn thiếu.

Đến cuối tháng, cuộc tranh chấp trở nên trầm trọng thêm khi người thầu đề nghị với Hạnh dàn xếp như anh ta đã làm với tỉnh trưởng trước, nghĩa là 10 % giá trị hợp đồng. Không nên xem việc người Mỹ làm là nghiêm chỉnh, anh ta nói thêm , vì nhân viên AID tha hóa bây giờ chiếm một vị trí có trách nhiệm ở tổng hành dinh Sài Gòn , nói với anh ta Vann là một kẻ làm trở ngại công việc và sẽ bị thay thế. Hạnh không phản ứng gì nhưng ngay tối hôm đó anh thổ lộ đầu đuôi sự việc với Vann; anh này đề nghị hủy bỏ tất cả những hợp đồng của người thầu trong vùng. Hạnh không hình dung đến mức ấy nhưng ông đồng tình về nguyên tắc với điều kiện người thầu có thể đã bị mất tín nhiệm.

Tuần sau, người thầu trở lại gặp Hạnh với một đề nghị hấp dẫn hơn. Chương trình "kiểm soát các tài nguyên và dân số" nhằm ngăn chặn Việt cộng mua hàng hóa, đòi hỏi phải có giấy xuất – nhập khẩu đối với sản phẩm và nguyên liệu như đường ngọt khi đưa ra vào trong tỉnh. Những giấy chứng nhận ấy thường được đổi chác bằng việc đút lót. Người thầu đã làm việc này với tỉnh trưởng cũ. Anh

ta đề nghị Hạnh giúp anh ta, dĩ nhiên với một tỷ lệ hoa hồng. Hạnh thẳng tay từ chối và kể lại chuyện trên với Vann.

Thời gian ấy người thầu biết Vann tìm cách đuổi anh ta ra khỏi Hậu Nghĩa và hiểu Hạnh sẽ không có thái độ kỳ cục như vậy nếu không có Vann khuyến khích. Qua nhiều năm , người Sài Gòn rất giỏi chơi trò vô tư và tự hào dân tộc mỗi khi người Mỹ đe dọa quyền lợi của họ. Người thầu xuất thân từ một gia đình Thiên chúa giáo có tiếng ở miền Nam, rất thạo trò chơi đó. Anh ta viết một bức thư cho Vann, trách anh có thái độ như "những tên thực dân Pháp thời kỳ chúng đô hộ chúng tôi".

Rồi anh ta gửi một bản sao cho ông bạn ở tổng hành dinh Sài Gòn chuyển lên cấp trên để người Mỹ gây phiền phức điều động Vann đi khỏi Hậu Nghĩa. Vann đã đoán trước anh ta sẽ hành động như vậy. Anh trả lời người thầu, nêu chi tiết những phần bị đánh cắp nhưng giữ bản sao bức the thay vì gửi lên tổng hành dinh của Phái đoàn như đáng lẽ anh phải làm. Anh sợ viên chức tha hóa của AID hủy nó đi. Như đã chờ đợi, anh nhanh chóng bị gọi lên Sài Gòn . Phó của Wilson, một viên chức dân sự của AID cho anh ngay một bài học về thái độ cư xử với người Việt Nam . Vann bắt đầu sốt ruột, hỏi anh có thể trình bày việc này được không. Viên chức từ chối, giải thích ông ta muốn giúp đỡ anh thôi. Vann tuyên bố nếu vậy anh buộc phải chấm dứt cuộc hội kiến này. Người phó đành miễn cưỡng đồng ý nghe anh nói, Vann bèn tả lại những quan hệ của người thầu với viên chức tha hóa và nêu chi tiết việc đút lót với tỉnh trưởng cũ. Anh đưa ra bản sao bức thư trả lời người thầu cùng những thư trao đổi trước đây về những vật liệu xây dựng bị mất. Người phó của Wilson rất khó chịu; rõ ràng ông ta sợ một vụ bê bối. Nhưng ông công nhận câu chuyện của Vann và những tình tiết về thư từ là một chứng minh vụ việc căn bản khác hẳn việc ông đã nghe.

Trưa ngày 22 tháng Sáu, Vann đi Củ Chi trên đường số 1. Anh hài lòng về kết quả chống đối đầu tiên của anh về sự tha hóa ở Hậu Nghĩa. Viên chức bất lương của AID tự bào chữa vụng về trong cuộc điều tra. Người ta đề nghị Vann viết một bản tường trình mật về quan hệ mau bán giữa người thầu và người Mỹ, phức tạp đến nỗi anh ta bị chuyển ngay sang một nước khác. Người phó phụ trách dân sự của Wilson thay đổi cách nhìn đối với Vann và trở thành một trong những chỗ dựa chắc chắn nhất của anh. Hạnh chưa hủy bản hợp đồng cuối của người thầu, người có vẻ sắp làm điều đó. Tuần trước, Vann chắc chắn sẽ thẳng nên tuyên bố với Hạnh dù kết quả điều tra ra sao, chừng nào anh còn ở Hậu Nghĩa, anh không cho người thầu một bao xi măng, một tấm tôn nhỏ nào.

Vann đi một mình trên chiếc xe nhỏ màu vàng. Ngay sáng nay trước khi đến Củ Chi để gặp Hạnh, anh đã trao đổi với huyện trưởng Trảng Bảng một số kế hoạch về chương trình của AID. Mặc dù rất ghét tháp tùng quân sự, anh sẽ đi

theo đoàn xe của Hạnh để cùng ông ta đến Bầu Trại ăn trưa. Vann đi qua cầu Suối Sâu nổi tiếng rất nguy hiểm.

Anh thấy một toán người cách mấy mét trên bờ đường nhựa. Ba người trong bọn họ vũ trang bận áo thường khác với nông dân, Việt cộng và cảnh sát Sài Gòn thường mặc rất khác nhau. Họ đi trước sáu thanh niên cởi trần đến thắt lưng, ra hiệu cho Vann dừng xe. Nghĩ là cảnh sát nhờ giúp đỡ, anh cho xe chậm lại. Trong lúc đớ, một người giơ súng nhắm vào anh. Biết mình nhầm, anh đột ngột tăng tốc độ và mỉm cười giơ tay vẫy qua cửa kính mở. Anh hy vọng nếu những người ấy là Việt cộng đi cùng tù binh, họ sẽ ngần ngừ khá lâu đủ cho anh chạy thoát. Người đề nghị dừng xe hạ thấp đầu súng của bạn, mỉm cười chào lại.

Một lúc sau, Vann đã ra khỏi tầm bắn, chạy 100 cây số/ giờ trên con đường sụt lở. Trước đây, du kích chưa bao giờ dừng xe anh và xử sự lạ như vậy. Vann đang tự hỏi những người kia có phải là Việt cộng không bỗng nghe tiếng súng nổ và tiếng đạn rít quanh xe. Anh cúi xuống theo bản năng, đúng lúc để không bị mảnh kính vỡ bắn vào mắt. Chiếc xe con nghiêng về bên trái, phía nghĩa địa dọc hai bên đường. Vann chồm lên nắm vững tay lái và phát hiện ra những người phục kích, một tá Việt cộng bố trí khoảng 100 mét dọc theo con đường về bên trái. Chiếc xe lao thẳng về phía trước.

Vann dẫm chặt bàn tăng tốc để không giảm tốc độ. Xe nghiêng hẳn rất nguy hiểm và anh cố bám chặt tay lái đưa xe trở lại con đường. Việt cộng vội tản nhanh để khỏi bị xe chẹt. Hai người cầm tiểu liên Thompson bình tĩnh hơn, không nhảy tránh và tiếp tục bắn. Khi xe đã lên đường, anh lao thẳng vào những kẻ tấn công và nhìn vào người thứ hai. Anh này không bắn vào máy hoặc lốp xe mà nhắm vào mặt Vann cố giết chết anh.

Khi xe chạy qua trước mặt anh ta, những viên đạn cuối cùng bắn vào trong buồng lái, cách mặt Vann mấy phân. Một viên đạn trúng vào góc kính chắn gió. Chiếc xe lao vào nghĩa địa bên phải đường khi bị một viên đạn đâm thủng lốp. Vann chồm lên đưa xe trở lại trên đường, đã nghĩ thoát khỏi phục kích thì bỗng lại nghe tiếng súng bắn phía sau. Ngoảnh lại, anh thấy ba Việt cộng khác bắn vào anh, chắc thuộc một toán phục kích khác, sơ ý để anh lướt qua chưa kịp bắn.

Anh lái xe nhanh đến nỗi phải phanh đột ngột trước một trạm kiểm soát cách đấy một cây số. Một trong những cảnh sát viên vội chạy tới đưa túi thuốc cấp cúi. Nhưng Vann chỉ bị một số mảnh kính cắt vào cánh tay, bàn tay trái để trên tay lái, trên mặt và ngực. Anh giơ ngón tay cho cảnh sát biết có 15 Việt cộng . Họ gật đầu vì từ trạm gác họ đã chứng kiến cuộc phục kích.

Vann vượt luôn 6 cây số đến Củ Chi với chiếc lốp xe nổ, hy vọng gặp được hai chiếc máy bay lên thẳng lượn trong vùng sáng nay. Cố vấn huyện phải nửa

giờ mới báo động được với phi công lái; họ chẳng tìm thấy gì ở những chỗ phục kích. Vann kể lại cuộc phục kích với Hạnh và huyện trưởng rồi thay lốp đi cùng đoàn xe của họ về Bàu Trại. Bác sĩ của Quân lực Cộng hòa ở tổng hành dinh của tỉnh lấy ra hàng chục mảnh kính vỡ và bôi thuốc sát trùng cho Vann tiếp tục đi

Cuộc phục kích dĩ nhiên chẳng phải tình cờ. Ở Hậu Nghĩa, chỉ có một chiếc xe nhỏ màu vàng. Nụ cười và cách vẫy chào của người trước cuộc phục kích và việc những người khác bắn khi thấy chiếc xe chứng tỏ anh hoặc Ramsey là đích bắn. Anh nghĩ vì nhiệm vụ của anh và do ở Hậu Nghĩa đầy người đưa tin, du kích không khó khăn gì để biết những cuộc hẹn và con đường anh đi. Tuy không chứng minh được , anh nghi ngờ người thầu xây dựng hoặc huyện trưởng Củ Chi đã tổ chức cuộc phục kích vì anh làm ảnh hưởng đến nguồn lợi bất chính của họ. Vann chắc họ bán lậu những vật cần thiết cho Việt cộng hoặc nộp một tỷ lệ phần trăm để bảo đảm được họ che chở hoặc làm cả hai việc trên. Như vậy, họ dễ dàng đề nghị giết chết anh. Thực tế yêu cầu ấy là của người thầu. Vả lại sau này , anh ta chơi trò hai mang , làm chủ một tờ báo ở Sài Gòn và là nhà chính trị, năm 1965 anh ta có những tiếp xúc với Việt cộng ở Hậu Nghĩa tốt hơn huyện trưởng và dù sao cũng có nhiều lý do để muốn thủ tiêu anh. Hôm sau ngày có cuộc phục kích, Hạnh hủy bỏ hợp đồng cuối cùng với người thầu.

Vann không thay đổi thói quen đi lại nhưng anh cho sơn lại chiếc xe con chuyển sang màu xanh. Từ nay anh lái xe với một khẩu các bin đặt trên đùi và nhiều quả lựu đạn để ở ghế bên cạnh.

Thắng lợi nhỏ trước cuộc phục kích của Việt cộng và đối với người thầu thúc đẩy Vann đưa ra chiến lược đã trao đổi với Ramsey, Bumgardner và Scotton , để phần lớn thời gian viết những báo cáo chính thức. Anh cũng được kích thích vì Henry Cabot Lodge sẽ sang lại làm đại sứ thay Maxwell Taylor, được Nhà Trắng thông báo ngày mồng 8 tháng Bảy. Anh rất mong Lodge, người anh có những đồng cảm cá nhân và chính trị.

Vann và ba người đồng chí hướng kia mong tìm được một giải pháp tốt hơn trong hoàn cảnh bạo lực ngày càng leo thang, không hy vọng có một lối thoát xây dựng. Phải mù quáng mới cho rằng tiếp tục không hạn định cuộc chiến tranh này là vì lợi ích của người Việt Nam . Một nước Việt Nam cộng sản thật đáng ghét nhưng triển vọng ấy còn ít tai hại hơn một cuộc chiến tranh kéo dài hành hạ những người nông dân.

Vann và Ramsey đặc biệt bị tác động vì một tai nạn xảy ra cuối tháng Tư, buổi chiều ngày đại đội biệt kích bị tiêu diệt ở So Đo. Một phụ nữ trẻ với hai đứa con và hai chị bạn cùng con họ, tất cả tám người chặt mía ở một cánh đồng cách So Đo một cây số rưỡi. Máy bay ném bom của Không lực Việt Nam và Mỹ bay trên

vùng quanh đó cùng máy bay thám thính tìm kiếm Việt cộng biến đi từ lâu, thường là trường hợp sau một trận chiến thất bại của quân đội Sài Gòn . Hai chiếc bay trên cánh đồng mía. Để tỏ ra mình không phải Việt cộng , những người phụ nữ và con họ không bỏ chạy, tiếp tục chặt mía hy vọng chứng tỏ mình vô can. Bay vòng tiếp theo, những chiếc máy bay thả bom napalm; chỉ có người phụ nữ trẻ sống sót. Vann và Ramsey biết sự việc xảy ra khi hỏi chị này đang điều trị ở bệnh xá Bầu Trại. Đôi cánh tay cháy nghiêm trọng đến nỗi người ta phải cắt bỏ. Chị không bao giờ nhắm mắt được nữa vì không còn mí. Chị mang thai đã 8 tháng nhưng sẽ không bao giờ cho con bú được vì đầu vú đã bị cháy đen.

Dù nếu Vann và Ramsey cũng như Bumgardner va Scotton đi đến kết luận vì quyền lợi của dân tộc Việt Nam thì cuộc chiến tranh cũng cần nhanh chóng chấm dứt. Và mặc dù chứng kiến hàng ngày những cảnh đổ máu, họ cũng không muốn Hoa Kỳ thôi theo đuổi cuộc chiến và bỏ mặc đất nước này cho số phận. Vừa quan tâm đến sự cần thiết làm giảm đau đớn, họ vừa tin chắc không có sự lựa chọn nào khác là hy sinh nông dân Việt Nam cho những chiến lược cấp thiết của Hoa Kỳ . Về điểm này, ít nhất họ cũng đồng tình với ý kiến của cấp trên của họ ở Washington. John McNaughton, nguyên giáo sư luật trường Havard, thứ trưởng Bộ Quốc phòng, phụ trách an ninh quốc tế và chuyên gia đối ngoại bên cạnh McNamara, đã tóm tắt quan điểm của Chính phủ trong tháng Ba. Giọng văn của nhà kỹ thuật cầm quyền này rất hợp mốt thời đại nêu lên những lý do xác minh việc gửi quân đội Mỹ tham chiến ở Việt Nam".

70% - vì tránh một sự thất bại nhục nhã cho Hoa Kỳ (để đảm bảo danh tiếng của chúng ta).

20% - để giữ lại đất đai miền Nam Việt Nam (và những nước lân cận) khỏi rơi vào tay đế quốc Trung Hoa.

10% - để nhân dân miền Nam Việt Nam sống tốt hơn và tự do hơn.

Hy sinh một dân tộc vì những lý do chiến lược thật đáng sợ khi người ta đứng trước những nạn nhân. Vann và các bạn anh nghĩ việc hiến sinh ấy thật vô sỉ nếu không đổi lại cho người Việt Nam một sự bù đắp tích cực. Họ cũng tin thật lòng rằng nếu nông dân Việt Nam thấy rõ người ta không kể gì đến lợi ích của họ, họ sẽ vĩnh viễn chẳng quan tâm đến lợi ích của những người Mỹ.

Tuần lễ thứ hai của tháng Tám, Vann viết báo cáo về dự án đầu tiên của anh. Ramsey, Bumgardner và Scotton tán thành, anh phân phối tài liệu cho những người khác để họ tham gia ý kiến. Những kết luận của nhiều đêm tranh cãi ở Bầu Trại và Sài Gòn được bổ sung vào bản viết cuối cùng 18 trang mà Vann đánh máy, ký tên một tháng sau đó, ngày 10 tháng Chín năm 1965. Tuy Vann

không ghi tên các bạn anh là đồng tác giả, anh cũng không tìm cách gán cho mình việc làm này. Trong lời mở đầu , anh công bố đề nghị này của anh là kết quả góp sức của nhiều người có "tầm rộng lớn về kinh nghiệm trong quá khứ và hiểu biết hiện tại" cùng vì "điểm chung là sự phối hợp với kinh nghiệm trên đất Việt Nam và niềm tin vào một chính phủ lãnh đạo tốt, không cộng sản và dân chủ còn có thể xây dựng ở đất nước này".

Cuộc chiến tranh của người Mỹ ở miền Nam Việt Nam đã thực sự bắt đầu. Cuối mùa xuân, Việt cộng định tiến hành lật đổ chế độ Sài Gòn bằng đòn tấn công phía nam cao nguyên và trên bờ biển miền Trung. Đầu mùa hè, họ tiêu diệt những tiểu đoàn Nam Việt Nam nhanh chóng như một lò tiêu thụ than. Giữa tháng Bảy, sự sống còn của chế độ trở thành mong manh đến nỗi Johnson chấp nhận đề nghị của Westmoreland gửi sang gần 200.000 lính Mỹ. Mc Namara đến Sài Gòn để xác định viên tướng cần bổ sung bao nhiêu người để chiến thắng quân du kích và những lực lượng tăng cường họ bắt đầu nhận từ Hà Nội. Westmoreland đánh giá cần 100.000 nữa và có quyền đòi hỏi thêm nếu thấy cần. Tổng thống Johnson chấp nhận con số 100.000. Các đơn vị bộ binh, không quân, hải quân đến hết sức nhanh. Những hàng không mẫu hạm của Hải quân đậu ở bờ biển phía nam hỗ trợ cho máy bay ném bom. Người ta gọi chúng là "những vị trí phía nam "để phân biệt với "những vị trí phía bắc" là những tàu đậu ở vịnh Bắc Bộ, phía trên vĩ tuyến 17 có nhiệm vụ ném bom miền Bắc. Noel năm 1965, Westmoreland đã có khoảng 185.000 lính Mỹ ở miền Nam Việt Nam .

Cuối tháng Tám, thủy quân lục chiến đánh trận đầu tiên trong cuộc chiến tranh này. Họ đụng độ với Tiểu đoàn 1 Việt cộng trong khu vực các ấp có công sự và đồng ruộng có hàng rào và những bụi tre bao quanh ở bờ biển miền Trung, phía bắc tỉnh Quảng Ngãi, quê hương của Phạm Văn Đồng, học trò của ông Hồ. Quân du kích bố trí tấn công một sân bay Hải quân xây dựng trên một phần bãi biển trong tỉnh giáp giới Quảng Tín. Hai tiểu đoàn thủy quân lục chiến do máy bay đổ quân cùng tấn công từ biển vào và phía sau hàng ngũ quân địch. Họ xông vào Việt cộng bằng xe tăng trang bị ca nông và súng phun lửa, xe lội nước bọc thép và những khẩu pháo Ontos trang bị bốn ca nông không giật đặt trên một vỏ bọc thép.

Theo hiệu lệnh của điện đài, những khẩu ca nông 125 của Hạm đội 7, khu trục hạm và ca nông 200 của tuần dương hạm cùng lúc xé nát chân trời. Súng cối và móc chi ê hạng nặng của Hải quân bố trí trên đất liền bắn tiếp theo. Đầu súng nóng chảy do bắn hàng nghìn viên đạn. Bầu trời thường xuyên đầy máy bay tiêm kích của năm phi đội Hải quân. Hải quân có đơn vị không quân riêng và phi công của họ là chuyên gia trong nghệ thuật mở đường cho bộ binh.

Một số hiếm hoi Việt cộng thoát được qua vị trí của Hải quân lúc đêm xuống.

Đến tối hôm thứ hai thì mọi kháng cự chấm dứt. Một tiểu đoàn Việt cộng bị đánh tan chỉ còn một số kinh hoàng trốn thoát và một tiểu đoàn khác bị thiệt hại nặng. Hải quân làm chết 614 Việt cộng, thu 109 vũ khí. Về phía Mỹ, 51 lính chết và 203 bị thương. Ba xe lội nước và hai xe tăng bị ca nông không giật và lựu đạn tiêu diệt, một số khác bị hỏng. Máy bay lên thẳng bị thủng nhiều lỗ vì đạn.

Tôi rời cơ quan báo chí sau hai năm ở Việt Nam để về NEW YORK TIMES mà Charlie Mohr bây giờ là trưởng văn phòng Sài Gòn . Ông đã đề nghị tôi trở lại cùng ông viết về chiến tranh . Tôi sang lại Nam Việt Nam vừa đúng lúc để hôm sau ngày đụng độ, bay trên chiến trường. Hải quân ngạc nhiên về sức chống cự của kẻ thù mới của họ. Tôi hỏi thiếu tướng Frederick Karch trong vị trí chỉ huy, xem ông có ngạc nhiên như Hải quân không. Đây là một người nhỏ thó, làn ria mép mảnh, một cựu chiến binh trong Thế chiến thứ hai đã ra trận ở nhiều nơi. Karch trả lời tôi :

“Tôi đã nghĩ sau đợt tấn công đầu tiên của chúng tôi, họ sẽ không theo đuổi cuộc chiến đấu nữa. Thế mà tôi đã nhầm !”.

Vann nghĩ máu lính Mỹ đổ xuống ngày càng nhiều buộc các nhà lãnh đạo ở Washington và Sài Gòn phải nhận thấy những khuyết điểm của chế độ hiện hành cùng “những sai lầm Hoa Kỳ mắc phỉa trong 20 năm cuối này “như anh đã viết trong dự án. Anh đề mục cho tài liệu 10 trang của mình : LÀM CHỦ CUỘC CÁCH MẠNG MIỀN NAM VIÊT NAM. Mục tiêu của anh là tranh thủ được cảm tình của nông dân bằng chiếm lấy cuộc cách mạng xã hội, khai thác có lợi cho Mỹ. Mục đích trước mắt là sử dụng sự ủng hộ của tầng lớp nông dân để tiêu diệt Việt cộng . Mục đích lâu dài là khuyến khích một khuôn mẫu khác của chính phủ ở Sài Gòn “Một chính phủ quốc gia .. giải đáp được sự năng động của cuộc cách mạng xã hội “và có thể tồn tại sau khi lính Mỹ rút đi.

Đường lối chính trị của Hoa Kỳ ở miền Nam Việt Nam tỏ ra mù quáng và phá hoại. Vann viết, vì kiêu căng, người Mỹ đã bị ám ảnh bởi chính hình ảnh của mình, một dân tộc chống chế độ thực dân và quán quân về quyền tự quyết “Để không làm lu mờ hình ảnh mình, chúng ta đã từ chối công khai việc can thiệp vào công việc nội bộ của đất nước và làm điều cần thiết tối thiểu để đảm bảo có một chính phủ thỏa mãn được đa số trong nhân dân. Một sự dày vò nhức nhối về ý thức chính trị của chúng ta là đến nay không làm được điều gì trong lúc bao nhiều người Việt Nam yêu nước không cộng sản buộc phải gia nhập một phong trào do cộng sản lãnh đạo, vì họ nghĩ đấy là cơ may duy nhất đưa đến một chính phủ tốt hơn”

Vann đề nghị một chương trình cải biến xã hội được người Mỹ khuyến khích, sẽ thực hiện theo “từng giai đoạn tích cực” có thể lôi kéo đại đa số nông dân xa

dần quân du kích “những người thực sự yêu nước và cách mạng hiện là đồng minh của họ”. Anh trình bày chương trình này như là một kinh nghiệm vì anh cho rằng sự tiến bộ qua từng giai đoạn sẽ có hiệu quả hơn một bước nhảy táo tợn để làm giảm sự chống đối của những người đã từ chối cách hành động theo quyền lực thực dân.

Những thực nghiệm được bắt đầu vào tháng Giêng năm 1966, ba tỉnh được chọn và cách ly với sự chi phối của chiến tranh . Tỉnh trưởng các tỉnh anỳ trực thuộc vào Sài Gòn không qua trung gian các chỉ huy quân, sư đoàn. Tỉnh trưởng trở thành người chủ dứt khoát trong địa phận của mình. Các bộ dân sự và lực lượng quân đội sẽ cử đến cho họ cán bộ có khả năng để bố trí làm huyện trưởng và quản lý hành chính trong tỉnh nhưng ông ta có thể tự loại bỏ viên chức và tìm người thay thế. Tỉnh trưởng kiểm soát toàn bộ vốn, dụng cụ máy móc đưa vào trong tỉnh và quản lý theo trình tự năng động và đơn giản, đặc biệt thiết kế cho những vùng thí điểm này.Tỉnh trưởng cũng kiểm soát tất cả các đơn vị quân đội đóng trong tỉnh kể cả các đơn vị của Quân lực Cộng hòa. Các chỉ huy quân, sư đoàn chỉ có thể ra lệnh cho tỉnh trường trong trường hợp những cuộc hành quân bao gồm nhiều tỉnh và có những biện pháp không ảnh hưởng đến chương trình bình định.

Các tỉnh trưởng thí điểm hoàn toàn độc lập với các đầu não chiến tranh ở Sài Gòn để các cố vấn Mỹ có thể chỉ đạo họ ở hậu trường. Vai trò các cố vấn cũng phải tổ chức lại một cách hà khắc để có hiệu quả lớn hơn. Những cơ quan Mỹ ở miền Nam Việt Nam phản ánh sự lẫn lộn và thiếu hợp lý của các bộ ở Sài Gòn . Về lý thuyết AID có trách nhiệm chính về những chương trình bình định dân sự. Trên thực tế, CIA và USIS thực hiện những chương trình của họ mà không trao đổi với nhau. Về phần mình, tổng hành dinh của Westmoreland tự tổ chức việc bình định quân sự. Trong các tỉnh thí đểm, Vann muốn tổ chức một cơ cấu thống nhất. Tất cả các cố vấn Mỹ dù dân sự hay quân sự, sẽ tập hợp thành một nhóm, đặt dưới sự chỉ đạo của một cố vấn trưởng Mỹ , chịu trách nhiệm trong tỉnh, có cùng chức năng với tỉnh trưởng người Việt Nam. Người này có thể là quân hoặc dân sự với điều kiện được lựa chọn thật cẩn thận dựa vào vị trí quan trọng của tỉnh. Tỉnh trưởng Việt Nam thực tế là một thống đốc thật sự.

Vann tin chắc sự tiến bộ sẽ rất nhanh và chương trình sau đó có thể áp dụng cho khắp miền Nam Việt Nam . Tầng lớp nông dân có thể hành động đáng kinh ngạc khi mà sự tha hóa bị loại bỏ và hàng triệu đô la Mỹ sẽ phân phối cho người nghèo thay vì đổ vào máng ăn của những con vật tham lam từ Sài Gòn .

Vann và các bạn anh nhận thấy sự khống chế của Việt cộng rất hời hợt ở nhiều vùng và nghĩ rằng Hoa Kỳ khai thác cuộc cách mạng xã hội không quá muộn. Ramsey và Vann có thể đi quanh Hậu Nghĩa tương đối tự do, Bumgardner và

Scotton xác nhận những nơi khác cũng có hiện tượng đó. Du kích phát triển từ năm 1963 nhanh đến nỗi Việt cộng không kịp xây dựng đủ cơ quan hành chính địa phương và huấn luyện trách nhiệm cho quần chúng. Vann và Ramsey có thể hình dung sự khác biệt ở các đồn điền cao su cũ ở huyện Củ Chi. Ở đây, việc thâm nhập của cộng sản có trước Thế chiến thứ hai rất lâu và Việt Minh dễ dàng tìm một cơ sỏ để đánh Pháp. Trong những thôn ấp này trẻ con không cười, không xin kẹo cao su hoặc bánh. Mọi người tỏ thái độ lạnh lùng và Vann, Ramsey không dám ở lại đây quá mấy phút. Những người nông dân xem người Mỹ là kẻ thù của họ cũng như người Pháp trước đây. Như Ramsey đã nói cuộc đấu tranh dưới sự lãnh đạo của Đảng kéo dài "khá lâu để xi măng gắn chặt rồi".

Khắp Hậu Nghĩa nhân dân không có vẻ gắn chặt với Việt cộng đến mức không thể quay lại với những thời cơ thuận lợi mới và những kích thích về vật chất. Cho dù nhân dân căm ghét quân lính Sài Gòn và những đại diện của chế độ, dù họ có thể nghĩ về nước Mỹ ra sao, họ vẫn thân mật với những cá nhân người Mỹ. Những người dân miền Nam Việt Nam xem họ là những người đáng kính, có ý đồ tốt. Tồi đi nữa thì người dân cũng có tính hai mặt, như cô giáo ở So Đo. Vann và Ramsey cũng cảm thấy tính chất nước đôi ấy ở những thành viên trẻ trong du kích địa phương.

Trong kiến nghị của mình, Vann cho rằng nông dân Việt Nam nên được để lại tại chỗ, trên đất đai họ đã gắn bó để qua việc cải thiện đời sống, có thể tranh thủ được lòng trung thành của họ và nhờ họ giúp đỡ mà nắm lại vùng nông thôn. Kinh nghiệm của Vann từ những "ấp chiến lược" năm 1962, 1963 cho anh học được sự bốc dân đi bắt buộc là một việc điên rồ tàn ác. Anh lo ngại xu hướng một số quân nhân Mỹ tưởng rằng, như đại tá Chinh chỉ huy Sư đoàn 25 ở Hậu Nghĩa, phương pháp nhanh và chắc chắn nhất là bỏ trống nông thôn, chuyển nông dân và những trại tị nạn xung quanh các thành phố lớn, nghĩa là di chuyển biển người của Mao Trạch Đông trong đó có "những con cá" du kích đang bơi lội.

Vann rất thất vọng khi Chinh được các cố vấn Sư đoàn 25 chuẩn y, đã công bố trong Tháng Tám là một số khu dân cư trong vùng sẽ là "vùng tự do ném bom". Một máy bay lên thẳng gắn loa bay trên những vùng ấy hô hào nông dân đi khỏi đấy hoặc chờ điều tệ hại. Trong báo cáo hàng tháng gửi tổng hành dinh phái đoàn, Vann gọi quyết định ấy là một điều "ngu xuẩn". Ở Hậu Nghĩa, tính ra đã có 8.200 người tị nạn, chỉ sống nhờ vào sự bố thí của Mỹ vì chính quyền Sài Gòn không làm gì đề giúp đỡ họ.

Năm 1962, tướng không quân Rollen Anthis xây dựng hệ thống vùng ném bom tự do để tạo mục tiêu cho phi công. Người ta đề nghị với các chỉ huy quân, sư đoàn và các tỉnh trưởng xác định những vùng Việt cộng có ưu thế trong đó tất

cả những gì cử động sẽ bị bắn chết, những gì đứng yên sẽ bị san bằng. Những "vùng không tập" và "vùng lửa" ấy là những vùng công nhiên sử dụng không giới hạn của trọng pháo, súng cối và máy bay lên thẳng bắn phá. Anthis chắc chắn chưa bao giờ hình dung, suốt mùa hè năm 1965, hệ thống ấy đã phá hủy tới mức nào. Những vùng Việt cộng kiểm soát, bây giờ tô màu đỏ trên bản đồ, ngày càng nhiều. Cho đến lúc đó, Anthis chỉ nhắm vào những khu thưa dân cư. Từ nay, ngay vùng nông thôn đông dân như Củ Chi cũng bị lên án.

Những vùng ném bom tự do ấy chỉ là dấu hiệu mở đầu cho những gì đã chuẩn bị. Rất nhiều vùng khác do Việt cộng kiểm soát cũng cùng chung số phận ấy tiu không mang tên như trên. Theo hệ thống của Anthis, đó là những vùng theo tiêu chuẩn "tấn công dự đoán". Không quân Mỹ công bố đã phá hủy 5349 "cơ sở" ở miền Nam Việt Nam và làm thiệt hại 2400 cơ sở khác vào tháng Tám năm 1965. Tổng hành dinh của Phái đoàn điều động tạm thời Ramsey ra Bình Định, tỉnh đông dân nhất bờ biển miền Trung để giúp di chuyển đi khối người tị nạn từ nông thôn. Trong số 850.000 dân của tỉnh, 85.000 người rời bỏ nhà cửa để tránh bom đạn. Ramsey viết thư cho Vann nói anh đã nghe những câu chuyện tấn công bằng máy bay ở Bình Định "cho thấy những gì đã thấy và nghe ở Hậu Nghĩa chỉ là trò giễu cợt".

Lý luận chính thức của Washington giải thích những người không nhà cửa ấy là "người tị nạn cộng sản". Đúng, tuy nhiên chỉ có một số, còn phần lớn là những người Thiên chúa giáo hoặc gia đình cảnh sát chạy trốn Việt cộng . Ở cấp cao nhất của Đại sứ quán, chỉ huy quân sự Mỹ và Phái đoàn bình định, người ta đánh giá làn sóng tị nạn là một phiền phức nhất thời nhưng về lâu dài họ sẽ trở thành con át chủ bài vì bây giờ họ do Sài Gòn kiểm soát. Có thể chữa chạy, giáo dục chính trị cho họ và một ngày nào đó đưa họ trở về làm lại nhà cửa như những công dân trung thành. Cũng có thể xây dựng những đơn vị công nghiệp nhỏ xung quanh các khu phố nghèo xuất hiện khắp nơi và tổ chức đào tạo nghề tìm việc làm cho những người tị nạn. Ramsey viết cho Vann, nói anh hoàn toàn không tán thành ý kiến ấy.

"Không ai thuyết phục được tôi những lớp người mất tinh thần như thế có thể là chủ bài, dù Phái đoàn có tạo điều kiện cải tiến cuộc sống cho họ đến mức nào".

Trong dự án, Vann đã cảnh báo việc phân tán hoàn toàn tầng lớp nông dân là bất công tận cùng và chỉ có thể làm nghiêm trọng thêm những vấn đề Hoa Kỳ đã đụng độ ở miền Nam Việt Nam .

"Chúng ta ngây thơ hy vọng một dân chúng nông thôn ngây ngô và hầu như mù chữ có thể nhận biết và tố cáo những sai trái của chủ nghĩa cộng sản , thậm chí khi được che giấu thông minh sau những tổ chức bên ngoài. Chúng ta đã

ruồng bỏ những người không ủng hộ hoàn toàn chính quyền Việt Nam mà không tự hỏi chính quyền ấy đã làm cách nào để gợi lên lòng trung thành và sự ủng hộ của dân chúng".

Để phác họa sự tàn ác không suy nghĩ của thái độ Hoa Kỳ , Vann nêu lên nhận xét của một trong những cố vấn Sư đoàn 25, tuyên bố để thanh minh cho cuộc hành quân của Chinh trong huyện Củ Chi "Nếu những người ấy muốn ở lại và ủng hộ những người cộng sản thì họ phải chịu bom đạn".

Dựa trên sự cam kết của Hoa Kỳ , những phi lý đó trở thành chứng khoái cảm bị hành hạ. Đi mãi trên con đường tiến đến điều không chấp nhận được "Một chiến thắng quân sự phá sản vì sự thất bại liên miên của chính quyền Sài Gòn , không khuất phục được chính dân tộc mình", người lính Mỹ chỉ để thời gian qua đi. Vann nhấn mạnh "thách đố chính Hoa Kỳ phải đối mặt ở Việt Nam "là sử dụng thời gian ấy để đập tan sự độc quyền cộng sản trong cuộc cách mạng xã hội. Với danh nghĩa một cường quốc thiện chí, Mỹ có quyền hành động , vứt bỏ chế độ hiện tại, chính vì sự cần thiết thay đổi cấp bách. Mọi cố gắng cần được thực thi để các tướng lĩnh, các nhà chính trị ở Sài Gòn thấy được sự khôn khéo của chương trình này và hợp tác trong việc cải tổ lại xã hội của họ. Nhưng, "nếu việc ấy không thực hiện được và không phương hại đến những điều kiện cần thiết thì chính quyền Việt Nam buộc phải chấp nhận việc phán xét và chỉ đạo của Hoa Kỳ . Tình hình hiện nay quá căng thẳng và việc đầu tư là rất quan trọng, không thể tha thứ lâu hơn nữa sự lộn xộn vô chính phủ đang làm mất hết dân chúng và do đó sẽ dẫn đến sự thất bại trong cuộc chiến này".

Không hề nao núng trước những ý tưởng khó thăm dò của Paul Harkins, về sự vắng mặt kỳ lạ của Maxwell Taylor trong bữa ăn trưa hoặc sự hủy bỏ buổi trình bày của anh trước Bộ tổng tham mưu, John Vann quyết định một lần nữa thuyết phục cấp trên về kế hoạch chiến đáu của mình ở Việt Nam . Lần này anh được một số người có ảnh hưởng khuyến khích, và anh không còn là một trung tá bình thường ở Mỹ Tho nữa. Tuy anh còn có vị trí khiêm tốn trong cộng đồng nhưng đã trở thành một nhân vật nổi tiếng nhờ những bài báo của Halberstam. Anh đại diện cho sự trung thực và liêm khiết, cả đối với những người trong chính quyền vốn coi anh là một người theo chủ nghĩa cá nhân điên cuòng. Tiếng tăm và những chiến công liên tục của anh tự nhiên hấp dẫn báo chí mà ở Sư đoàn 7 anh đã hiểu lợi thế của nó.

Tôi thuộc nhóm các bạn nhà báo của anh thời kỳ Mỹ Tho trở lại Việt Nam . Mert Perry làm việc cho tạp chí NEWSWEEK khi Vann bị phục kích trong tháng Sáu. Anh ấy đến ngay Bầu Trại, tóm tắt sự việc trong một bài báo bốn cột ra cuối tháng Bảy, nhan đề "Đất nước mà mọi việc đang xấu đi", kèm theo một bức ảnh của Hạnh, một của Ramsey đang đi trên con đường bụi bặm của Bầu Trại và một

của Vann, thái độ trầm ngâm trước một mái nhà tranh. Các nhà xã luận lớn bình luận về cuộc chiến tranh mới này của Mỹ từ nay liên hệ thường xuyên với Vann, Scotty Reston của NEW YORK TIMES ở lại một ngày với anh trong tháng Tám. Bernard Fall, chuyên gia Pháp – Mỹ của Việt Nam, hai năm sau bị giết, ở lại ba ngày với anh và họ trở thành bạn thân của nhau.

Vann cũng hấp dẫn các nhà báo vì đối với anh bao giờ cũng có thể có sự bất ngờ. Một buổi sáng, Edward Morgan, phóng viên truyền hình ABC quay phim buổi phỏng vấn Vann trước trường học Bầu Trại đang tiến hành một chương trình đào tạo giáo viên. Người ta nghe xa xa có tiếng súng cối và bom nổ, Morgan kích động về hành động đó và chú ý đến những tiếng bom đạn. Vann giải thích việc ấy không cản trở gì các giáo viên và học sinh vốn đã quen với chiến tranh ở Hậu Nghĩa. Cùng lúc đó, ba tay súng Việt cộng tấn công đồn kiểm soát trên đường cách đấy 60 mét. Đạn rít lên xung quanh nhà trường, cảnh sát và lính Việt Nam bắn trả. Một toán lính trong thị trấn, với tính nóng nảy điển hình của quân lính, bắt đầu mù quáng bắn súng cối. Các giáo viên, học sinh, Morgan và Vann tìm ngay chỗ ẩn náu. Những người quay camera cũng thế nhưng họ vẫn tiếp tục quay phim. Morgan và toán của anh hân hoan về "dịp may" của họ : có những hình ảnh về chiến tranh để đưa ra một tài liệu về cuộc bình định.

Một số cấp trên của Vann bực bội về những quan hệ độc lập của anh với báo chí và nói với anh điều đó. Việc chối bỏ ấy càng khuyến khích anh quan hệ nhiều hơn. Rời bỏ quân đội, anh trở thành một người ngoài và quyết định không bao giờ phụ thuộc vào chính quyền về một sự thăng tiến chỉ đạt được từ cá nhân. Anh phải có một số mạo hiểm làm những người khác e ngại vì, muốn trèo lên trong hệ thống , anh phải thắng họ. Truyền thống báo chí là đồng minh của anh trong cuộc đấu tranh để thăng cấp cũng như để cổ động cho những ý tưởng của anh. Việc anh tiếp xúc dễ dàng với các nhà báo làm những kẻ quan liêu ghen tức với sự nổi tiếng mà bản thân họ không dám tìm kiếm và nghi ngờ sợ anh nêu lên những việc làm rắc rối. Nhưng điều đó cũng làm họ dè dặt, tạo cho Vann một loại tính cách độc lập và được Harkins bảo vệ một cách vô ý thức.

Danh tiếng kéo theo sự vì nể và đưa lại cho anh một dấu ấn đặc biệt. Những người quan trọng muốn nghe anh nói dù có áp dụng hay không những luận thuyết của anh lúc đó.

Tháng Bảy người ta đề nghị anh là kiểm tra viên ở tổng hành dinh Phái đoàn. Anh từ chối và cũng không nhận sự thăng cấp phó giám đốc toàn vùng đồng bằng sông Mekong. Như vậy, anh sẽ gắn chặt vào một bàn giấy. Anh viết thư cho một người bạn ở Denver "Thực địa là yếu tố tôi cảm thấy tốt nhất và là chỗ tôi chú ý nhiều nhất".

Qua những tiếp xúc hai năm gần đây, Vann hy vọng thuyết phục được các

quan chức chính quyền về cơ sở vững chắc của đề án LÀM CHỦ CUỘC CÁCH MẠNG Ở MIỀN NAM VIỆT NAM. Westmoreland tỏ ra thân mật với anh, mùa hè năm ấy mời anh đến Sài Gòn để cho biết những cảm nghĩ từ khi anh trở lại Việt Nam , qua một cuộc trao đổi hơn một tiếng đồng hồ.

Vann bèn quyết định đưa bản phác thảo đầu tiên báo cáo của mình cho tổng tham mưu trưởng mới của Westmoreland, tướng William Rosson. Cuối tháng Tám, anh có thư trả lời của Rosson "Hãy chờ những biểu hiện quan tâm của các chính giới cấp trên". Đối với Vann dĩ nhiên chỉ có thể là Washington. Rosson cũng thúc anh chính thức đưa dự án của anh cho các cấp có thẩm quyền của Phái đoàn; anh đã đưa khi bản tường trình hoàn thành ngày 10 tháng Chín.

Tuy chỉ xuất xứ từ một phái viên bình thường ở tỉnh, tài liệu cũng lên tới những nhân vật dân sự cao cấp. Một bản sao được gửi cho văn phòng AID ở Washington, chuyển cho Rutherford Poats, một nhà báo nay là trưởng phòng AID của Viễn Đông; ông này chuyển cho William Bundy, thứ trưởng Bộ Ngoại giao phụ trách Viễn Đông. Trong một bức thư, ông có nhã ý gửi bản sao cho Vann, Poats viết đề án này cho Việt cộng "kinh phí về những mục tiêu xã hội của họ nhiều hơn tôi tự làm" và ông "không khuyến khích đề nghị này". Tuy nhiên, ông nói thêm sự phân tích "tôi thấy có vẻ là một mô tả tốt về vấn đề" và đề án có "một số ý hoàn toàn có ích". Vann không chán nản về loại phản ứng như vậy vì như thế có nghĩa ít nhất cảnh cửa cũng không đóng lại.

Nhưng chính anh hy vọng vào Lodge hơn cả. Ngày 20 tháng Tám năm 1965, Lodge đến Tân Sơn Nhất để thay thế Taylor, lần thứ hai là đại sứ của tổng thống ở Sài Gòn .

Vann cho rằng Lodge sẽ áp dụng thái độ riêng và giàu sáng tạo đối với chiến tranh như ông đã thể hiện ở nhiệm kỳ đầu. Tháng Bảy, mới nghe thông báo của Nhà Trắng sẽ đưa Lodge sang lại, Vann gửi cho ông một bản tóm tắt chi tiết về kinh nghiệm của anh ở Hậu Nghĩa. Anh đề nghị thành lập một Văn phòng liên lạc các hoạt động, mục tiêu là thông tin trực tiếp cho đại sứ về công tác bình đinh và những hoạt động quân sự "không có sự can thiệp của mọi cấp trung gian". Văn phòng này chỉ gồm một hay hai người có thể đến tất cả các nơi Lodge cần, để hỏi và báo cáo lại với đại sứ. Vann tự đề nghị mình sẽ cầm đầu cơ quan ấy vì anh có "kinh nghiệm phối hợp quân sự và dân sự" ở Việt Nam và tin chắc có thể sử dụng "mối cộng hưởng thực tế vì những ý tưởng và kế hoạch của Lodge". Tóm lại, văn phòng nói trên sẽ chỉ có Vann và một trợ lý.

Lodge trả lời với một bức thư thân mật và khích lệ nhưng không nhận lời.

John thân mến.

Tôi hài lòng nhận được thư anh mà nội dung làm tôi suy nghĩ nhiều. Tôi hy

vọng gặp anh khi tôi trở lại để thảo luận tất cả những điều đó với anh.

Bắt tay anh nồng nhiệt

Henry Cabot Lodge.

Dù Lodge không tin phải áp dụng ngay chiến lược LÀM CHỦ CUỘC CÁCH MẠNG, Vann vẫn luôn suy nghĩ rằng đại sứ sẽ có thể cử anh đảm đương một chức vụ đặc biệt mà anh đề nghị và càm thấy mình thành thạo nhất. Anh sẽ có cơ hội thuyết phục ông về những ý tưởng của mình dần dần bằng thông tin cho ông những sự kiện xảy ra trên chiến trường và trong thôn ấp. Từ khi Lodge đến ngày 20 tháng Tám, Vann rất nóng lòng chờ được gọi lên Đại sứ quán.

Việc Lodge trở lại dẫn đến việc bỏ sự cấm đoán Lansdale, ông này lại sang Nam Việt Nam vào đầu tháng Chín, cố gắng cứu đất nước mà ông tạo dựng mười năm trước. Mấy ngày sau khi đến, ông đến Bầu Trại thăm Vann với nhóm của ông đi cùng trong đó đặc biệt có Daniel Ellsberg, một trí thức của Bộ Quốc Phòng nguyên ở Hải quân, 34 tuổi. Nhiệm vụ của Lansdale khá mờ nhạt. Cùng các cộng sự ông phải chính thức hoạt động như một nhóm đặc biệt liên lạc giữa Đại sứ quán và Hội đồng cây dựng nông thôn của chính quyền Sài Gòn , về lý thuyết là phối hợp các chương trình bình định của tất cả các bộ.

Người ta báo trước với Vann, Lansdale sẽ đề nghị anh tham gia vào nhóm của ông. Nhưng hôm ấy, Lansdale không nêu ra và dù sao Vann đã quyết định từ chối. Bây giờ, anh đã có những tham vọng khác và nghi ngại ảnh hưởng của Lansdale có thể có ở miền Nam Việt Nam trong tháng Chín năm 1965. Tuy duy tâm và vị kỷ, Vann có một cảm nhận sắc bén về thực tế quyền lực. Lansdale không lãnh đạo một cơ quan có đủ điều kiện về người và tiền bạc để tạo cho ông một trọng lượng nào đó giữa một chính trường mà những lề thói quan liêu và những người lãnh đạo của tệ nạn ấy đụng đầu nhau. Ngược lại, Lansdale có một quyền lực thực tế dựa vào đó, Vann có thể hoàn thành vào việc. Buổi tối sau khi gặp mặt, anh viết thư cho một người bạn ở Denver “Tôi nhất thiết phải biết nhiều hơn về những kế hoạch của Lansdaler trước khi đi cùng ông ta. Tôi vẫn chờ một dấu hiệu của Lodge và không sẵn sàng lao vào mà không biết ông ấy có ý nghĩ gì trong đầu”.

Mấy ngày sau Vann được triệu tập đến Đại sứ quán. Tạm thời anh mặc một bộ quần áo và thắt cà vạt, tương phản với chiếc quần Jean và sơ mi ngắn tay dã thành quần áo làm việc của anh. Anh cũng mang theo một bản sao mới về dự án cuối cùng của luận thuyết LÀM CHỦ CUỘC CÁCH MẠNG khi đến phòng làm việc của Lodge ở tầng năm Đại sứ quán. Từ cuộc nổ bom bố trí trong chiếc xe mà Vann thoát được trong lần đến trước cách đây năm tháng rưỡi, ngôi nhà đã được sửa sang như mới và trang bị thêm kính chống đạn. Việc mưu hại cũng làm

thay đổi thái độ chúng. Người ta không sợ tỏ ra lo lắng nữa và cũng có những biện pháp đề phòng tương tự đối với các ngôi nhà khác của chế độ Sài Gòn ; việc đi lại ở những đường lân cận bị ngăn cấm bằng những hàng rào ngăn dây thép gai khung sắt.

Lodge tỏ rả thân mật và có vẻ hài lòng được gặp Vann nhưng xin lỗi phải giới hạn thời gian nói chuyện vì chương trình làm việc của ông còn rất bận khi mới trở lại. Sau những thăm hỏi thường tình, Vann chỉ có thể đưa cho đại sứ một bản dự án và giải thích các bạn và anh đề nghị chiến lược này để thắng cuộc chiến tranh dựa vào kinh nghiệm tập thể tại chỗ của họ. Anh hy vọng Lodge thấy bản dự án có sức thuyết phục. Lodge trả lời ông rất sung sướng có tài liệu này và sẽ đọc nó. Vann nêu lên ý tưởng về một văn phòng liên lạc; lần này nữa Lodge không nhận lời. Ông hứa với Vann sắp tới sẽ trao đổi về việc này lâu hơn và khuyên anh ít mạo hiểm hơn ở Hậu Nghĩa vì anh là vốn quý mà ông không muốn mất đi.

Cuối tuần, Vann gặp hai thành viên văn phòng chính trị của Đại sứ quán mà Lodge đưa bản dự án nghiên cứu để có ý kiến. Hai người cho Vann biết một đại diện bình thường của Phái đoàn AID ở tỉnh trình bày một đề án chiến lược tổng thể lên đại sứ là “không đúng qui định”. Nhưng Vann hỏi họ nghĩ gì về những luận cứ trình bày. Họ từ chối trả lời.

Vann không bối rối vì điều đó. Anh không chờ đợi điều gì khác hơn của những kẻ ngồi bàn giấy. Anh viết thư cho một người bạn “Tôi đang làm cho tất cả những viên chức Sài Gòn khó chịu một cách kỳ lạ”. Anh chờ có cuộc nói chuyện nghiêm chỉnh với Lodge “Phải có một ai đó làm chất xúc tác để đường lối chính trị của chúng ta có thể năng động hơn một ít”. Vann viết cho một người anh có quan hệ ở Lầu Năm Góc như vậy.

Đầu tháng Chín, Vann có được điều mà anh gọi là “một thắng lợi nhỏ nhưng có ý nghĩa”. Anh tác động để cấm những cuộc tấn công mù quáng của trọng pháo và súng cối ở Hậu Nghĩa. Bây giờ chỉ được phép nổ súng trong điều kiện tầm bắn được điều chỉnh bởi một quan sát viên trên bộ hoặc trên không hoặc khi có một đồn tiền tiêu hay một đơn vị bị tấn công yêu cầu bảo vệ. Do từ trước đến nay việc bắn pháo thường diễn ra mù quáng, bất kỳ nên Bầu Trại và các trung tâm huyện bây giờ bỗng trở nên im ắng đột ngột. Trong tháng Bảy, Vann phàn nàn với Westmoreland về những cuộc nã pháo , nhấn mạnh họ vi phạm những chỉ thị cấm bắn mù quáng vào những tỉnh xung quanh Sài Gòn được chỉ định ưu tiên cho công cuộc bình định. Westmoreland lưu ý đến lời khiếu nại của anh, có ý kiến với tổng hành dinh hỗn hợp. Đại tá Chinh rất giận dữ, trách cứ Hạnh về điều đó vì ông nghĩ Hạnh có trách nhiệm hơn Vann. Dù lệnh trên không áp dụng cho những vùng ném bom tự do hoặc tấn công phòng ngừa, John Vann , con

người thực dụng , đã loại bỏ được một nửa tai họa.

Vann tiếp tục gặp khó khăn với sự tha hóa trong tỉnh nhưng anh hăng hái tiếp tục đấu tranh. Một chủ nhật ăn tối với Hạnh, anh phát hiện ra vấn đề nghiêm trọng hơn nhiều việc của người thầu bất lương. Hạnh được thông báo bây giờ ông phải điều chỉnh để phù hợp với lệ thường nếu không sẽ mất chức tỉnh trưởng.

Chính phủ quân sự mà thủ tướng là tướng Không quân Kỳ cùng với giáo dân Thiệu làm tổng thống, củng cố vị trí của mình bằng cách gây sức ép mạnh. Để giữ chức vụ tỉnh trưởng Hậu Nghĩa, Hạnh phải nộp 250.000 đồng Đông Dương cho "chỉ huy cấp cao". Anh không biết đã xảy ra những gì ở các tỉnh miền Trung Việt Nam và Cao nguyên nhưng hiện tượng tha hóa lan tràn khắp vùng Quân đoàn 4, đồng bằng và vùng Quân đoàn 3. Các huyện trưởng vơ vét để đút lót từ 100.000 đến 300.000 đồng tùy theo huyện giàu nghèo.

Hạnh được giao mức 750.000 đồng cho toàn tỉnh. Còn lại 500.000 đồng, ông phải thu xếp với các huyện trưởng, giúp họ hoàn thành nhiệm vụ. Người ta gợi ý làm những hóa đơn vật liệu Mỹ cung cấp không lấy tiền hoặc đề nghị tiền trợ cấp cho những dự án không có thực.

Hạnh muốn Vann làm chấm dứt sự tham ô, lạm dụng ấy dĩ nhiên không nêu ông là người thông tin. Hôm sau, Vann viết một bản tường trình nêu lên những điểm chính trong câu chuyện. Để báo cáo được xác thực, anh nói rõ Hạnh là nguồn tin và nhấn mạnh tài liệu "riêng và mật". Anh đưa cho Wilson, trưởng Phái đoàn, đề nghị chuyển cho Taylor lúc ấy còn là đại sứ, để các tướng lĩnh Sài Gòn biết chính phủ Hoa Kỳ nắm rõ trò chơi của họ và không tha thứ một việc làm vô đạo đức như vậy nữa. Wilson cũng quan tâm đến sự tha hóa, hứa sẽ chuyển tài liệu đi. Đầu tháng Chín, từ cuộc gặp ngắn ngủi với Lodge đến nay Vann vẫn không có một tin tức gì. Anh quyết định có cơ hội anh sẽ nó với ông về chuyện này. Trong lúc chờ đợi, anh khuyên Hạnh im lặng.

Cuối tháng Chín, Vann trở về Littleton, Hoa Kỳ , đi phép 15 ngày. Mary Jane và các con không gặp anh nhiều vì anh khó từ chối những lời mời nói chuyện về chiến tranh . Khi không trình bày ở chỗ công cộng, suốt ngày anh nói chuyện điện thoại với các quan chức Washington hoặc tiếp xúc báo chí.

Tháng Mười, khi trở lại Việt Nam , anh thấy một lãnh đạo mới ở Phái đoàn, Charles Mann, thông báo anh phải rút khỏi tỉnh Hậu Nghĩa vào cuối tháng. Mann, một con người thực tế tán thành nhiều ý kiến trong dự án của anh nhưng không bị luận thuyết chính thuyết phục. Ông cũng tán thành sự năng động của Vann, những hiểu biết và tài năng của anh để làm việc với người Việt Nam . Ông đề bạt anh làm đại diện cho Phái đoàn và cố vấn dân sự cho tướng Jonathan Seaman, tổng chỉ huy các lực lượng quân đội Mỹ của Quân đoàn 3 bao gồm 11

tỉnh. Vann phải làm cố vấn cho Seaman về những gì có ảnh hưởng tới dân chúng và là sĩ quan liên lạc giữa các chính quyền tỉnh và các cố vấn của Phái đoàn.

Tuy việc đề bạt thích thú nhưng Vann nuối tiếc phải rời Hậu Nghĩa. Cuộc đấu tranh vì quyền lợi dân chúng bị bỏ dở. Anh dành hy vọng có ngày có thể trở lại để hoàn thành những gì anh đã làm trong 7 tháng qua. Anh cũng đã có quan hệ bạn bè ở đấy. Ramsey không còn chỉ là một người phó và một phiên dịch có những bằng đại học tác động mạnh; anh đã trở thành một bạn đường, một người bảo vệ Vann cảm thấy quý mến. Mặt khác, tình bạn với Hạnh bây giờ đã lan sang các thành viên trong gia đình. Cô giáo So Đo là nhân vật khác làm anh gắn bó với Hậu Nghĩa. Việc xây dựng trường học, chấm dứt bắn trọng pháo mù quáng và những tiến bộ ngăn chặn sự tha hóa củng cố ý nghĩ sự kiên trì của anh đã bắt đầu có kết quả.

Ramsey nhớ lại buổi cuối cùng anh đi cùng Vann ngày mồng 1 tháng Mười một năm 1965, kỷ niệm sự sụp đổ của Diệm mà các chính quyền nối tiếp nhau đã lấy làm ngày lễ quốc gia. Vann đi Sài Gòn dự những cuộc họp chuẩn bị cho việc bổ nhiệm mới. Khi trở về Bầu Trại, Ramsey ngạc nhiên thấy anh mặc bộ đồng phục trung tá màu trắng. Vann giải thích anh được phép đưa bộ đồng phục này trong hòm cũ ra vì là ngày lễ quốc gia. Anh cũng mang tất cả những huân, huy chương. Ramsey nhớ lại những buổi tối hiếm hoi họ không trao đổi về cuộc chiến tranh . Vann mở máy ghi âm nghe bài diễn văn từ biệt của MacArthur với các sĩ quan lớp dưới ở West Point. Anh ngồi xuống và lắng nghe MacArthur nói về "tiếng kèn vang vọng và tiếng trống xa xa", về "tiếng thì thầm lạ lùng và ghê rợn của chiến trường", về "Phận sự, Vinh dự và Tổ Quốc". Sự huyênh hoang của MacArthur và bộ đồng phục trắng làm Ramsey hiểu John Vann không bao giờ rời bỏ quân đội Hoa Kỳ . Vann dàn xếp để Ramsey được bổ nhiệm đại diện ở tỉnh thay vì tiếp tục vị trí cũ trong trường hợp tình cờ anh quay trở lại. Chiều hôm ấy, anh thu xếp công việc, cất bộ đồng phục, mặc chiếc quần Jean, áo sơ mi thể thao đến trại tạm dưới lều bạt Sư đoàn 1 bộ binh của tướng Seaman, trên bờ đường gần Biên Hòa.

Những tiến bộ Vann xây dựng được suốt bảy tháng qua tan biến mất sau khi anh đi mấy tuần. Lòng tự trọng của Hạnh bị ảnh hưởng đầu tiên, ông chẳng làm già để ngăn chặn việc các tướng đòi đút lót. Vann gửi thẳng cho Lodge một bản nhận xét. Sau khi thảo luận với thủ tướng Kỳ không hiệu quả, cuối cùng vị đại sứ phải xem việc mau bán ấy là bình thường ở Nam Việt Nam và cho rằng điều đó không đáng gây tai tiếng cho một chính phủ còn mỏng manh. Ramsey và Vann thống nhất để Hạnh xoay vào nguồn vốn nếu họ không ngăn chặn được đòi hỏi của cấp trên ông ta. Ramsey rình rập dấu hiệu của một việc làm đáng nghi. Ít lâu sau khi Vann đi, Ramsey nhận được từ văn phòng Hạnh một đề nghị phụ cấp

bổ sung 750.000 đồng cho chương trình trường học, số tiền phù hợp đúng với khoản thuế cấp trên đòi. Nhưng chương trình thì đã hoàn tất khoản thuế trong năm và Hạnh không bao giờ nói đến việc tăng thêm kinh phí. Anh đến văn phòng tỉnh trưởng để biết rõ hơn, gặp Hạnh giữa đường, đưa cho ông xem giấy đề nghị. Hạnh cúi đầu không nói một lời. Ramsey cũng im lặng, bỏ qua sự việc không chống đối. Anh biết rằng Vann và chính phủ Hoa Kỳ bỏ mặc Hạnh và anh chẳng làm gì khác được.

Rồi Chinh hủy bỏ lệnh cấm bắn mù quáng ở Hậu Nghĩa. Sử dụng những quan hệ của mình, Vann cố gắng đặt lại vấn đề không được. Vì các chỉ huy quân sự Mỹ muốn có thể thực hiện những "cuộc bắn phá tan tành và cấm đoán" ấy, người ta không thể ngăn cản quân đội Nam Việt Nam được. Kết quả thấy được duy nhất của lệnh cấm là làm yếu vị trí của Hạnh, nhận được những quở mắng nữa của Chinh vẫn tiếp tục nóng lòng vì chậm thu thập vốn trái phép. Sau khi giao nộp 750.000 đồng , Hạnh từ chối không ăn cắp nữa để làm thỏa mãn vị chỉ huy Sư đoàn 25.

Nhưng tệ hại hơn cả là Vann không bao giờ được "nói chuyện dài" như Lodge đã hứa, cũng không thể làm các quan chức cấp cao quan tâm đến dự án của anh. LÀM CHỦ CUỘC CÁCH MẠNG Ở MIỀN NAM VIỆT NAM sẽ trở thành một tài liệu quan trọng trong lịch sử cuộc chiến tranh này. Vô số những ý tưởng của anh như tập hợp tất cả các cố vấn một tỉnh, dân sự hay quân sự, thành một nhóm dưới sự kiểm soát của một cố vấn trưởng, được dần dần áp dụng trong quá trình cố gắng bình định những năm sau này. Nhưng những người có quyền xác định đường lối tỏ ra không quan tâm gì đến luận thuyết cơ bản của Vann; xử sự như một thế lực thực dân có thiện chí và chiến thắng trong cuộc cuộc chiến tranh bằng tranh thủ tầng lớp nông dân Việt Nam dựa vào một cuộc cách mạng xã hội do người Mỹ trợ cấp.

Vann không hiểu ý nghĩa thư khuyến khích của Lodge, những quyền lực và giới hạn của vị đại sứ. Anh khinh thường những nhận xét làm vừa lòng của Rutherford Poats về dự án của anh. Anh tin vào những lời nói thuận tình của tướng Rosson. Cũng như Ramsey, Scotton và Bumgardner, anh nhận định sai về những mục tiêu ưu tiên của các cấp trên và đã đánh giá không đúng hậu quả của sự can thiệp quân sự toàn bộ của Hoa Kỳ . Thay vì đưa hành động chính trị và xã hội lên ưu tiên, việc dưa quân lính Mỹ sang làm tắc nghẽn mọi xu hướng của chính phủ Washington muốn cải tổ chế độ Sài Gòn .

Đối với Vann và các bạn, quân chiến đấu Mỹ là một giải pháp không tránh khỏi nhưng không dứt điểm được trong một cuộc tranh chấp càng ngày càng ít cơ hội lựa chọn. Họ thấy có cơ may thay đổi chính trị và xã hội trước khi thời gian và các sự kiện làm cho không thể thay đổi được nữa. Những thất bại càng

tăng, dư luận Mỹ càng mỏi mệt như họ đối với chiến tranh Triều Tiên. Sức ép của dân chúng Hoa Kỳ cũng như sức ép của quốc tế muốn điều đình hòa bình với những người cộng sản ngày càng mạnh, trong lúc sự phá hủy càng nặng nề ở miền Nam và miền Bắc Việt Nam ; những đồng minh của Washington càng ít bao dung hơn với cách xử sự của người Mỹ. Chấp nhận một hiện trạng chính trị và xã hội ở giai đoạn này sau khi đã lãng phí mạng sống của người Mỹ là không thể chấp nhận được; sự sống còn của miền Nam ngày càng bấp bênh hơn nếu không có một chương trình cải tổ cần thiết hơn bao giờ hết.

Đối với Lyndon Johnson, Robert McNamara, Dean Rusk và những người có trách nhiệm chính trị thời kỳ ấy, việc đưa lính thủy đánh bộ Mỹ vào là một giai đoạn quyết định, một giải pháp tự thân. Cho đến lúc đó, Johnson vẫn tỏ ra rất dè dặt, luôn chậm quyết định vì cái giá phải trả bằng máu và tiền bạc lãng phí đã ảnh hưởng đến những biện pháp hỗ trợ xã hội của chương trình "xã hội rộng lớn" của ông, Khi đã có quyết định, Johnson và các cố vấn của ông chỉ còn nghi ngại về sự bất khả chiến bại của quân đội Mỹ ở miền Nam và Không quân không đảm bảo tiêu diệt được kẻ thù Việt Nam ở miền Bắc. Việc dè chừng bí mật của thứ trưởng Bộ Ngoại giao George Ball có vẻ đã giễu cợt xác nhận quan điểm của Tổng thống là đúng đắn. Johnson đánh giá lập luận của ông này có tính chống đối thông minh nhất nhưng dù sao Ball cũng sai. Cả Lodge, người có những lý do sáng suốt hơn, khi trở lại Sài Gòn cũng bị hấp dẫn về tình hình sáng sủa lúc đó, khi người ta cho rằng quân đội Hoa Kỳ tham chiến sẽ giải quyết tất cả mọi vấn đề.

Những nhà chính trị thời đại Kennedy – Johnson cho rằng những thất bại ở Triều Tiên là sự gắn kết không may giữa sự thiếu khôn ngoan của MacArthur và sự thiếu chuẩn bị. Nhưng bây giờ họ không tự coi mình là kẻ táo bạo nữa và các lực lượng quân đội trong nước chưa bao giờ được chuẩn bị kỹ càng hơn thế. Những người có trách nhiệm không thể không nhận thấy tiến hành một cuộc chiến tranh để rồi phải thương lượng là một sự bất lợi. Tháng Bảy năm 1965, trong giác thư của mình, McNamara đã tuyên bố với Johnson "Mỗi tháng nước Mỹ mất khoảng 500 người" nhưng "dư luận quần chúng ủng hộ hành động ấy vì đấy là một chương trình quân sự chính trị hợp lý và can đảm, đảm bảo thắng lợi ở Việt Nam".

Theo hồ sơ của Lầu Năm Góc, điều mà McNamara cho là "hành động chính trị" thực tế là một chiến dịch tiếp xúc với dư luận và ngoại giao không liên quan gì đến những điều kiện chính trị , xã hội ở miền Nam Việt Nam . Đấy là việc làm tranh thủ sự ủng hộ nỗ lực chiến tranh trong nước cũng như của đồng minh bằng cách tạo cảm giác chính phủ Mỹ sẵn sàng thương lượng thỏa hiệp trước một "nguyên tắc chính trị". Trong lúc đó, ở hậu trường, về ngoại giao người ta cố

gắng thuyết phục ông Hồ và những người đồng sự rằng Hoa Kỳ sẽ không ngừng ném bom miền Bắc và giết những người cộng sản miền Nam chừng nào Việt cộng không hạ vũ khí và trở về miền Bắc cùng tất cả các đơn vị quân đội miền Bắc làm chỗ dựa cho họ.

Westmoreland và các tướng càng có cơ hội thể hiện luận điệu ấy "Các ông phải coi chừng, quân lính Mỹ đang ở đây !". Vann đã quả quyết nên giới hạn mặt quân sự của dự án ở chỗ tổ chức các lực lượng trong nội bộ các tỉnh, tập trung vào luận thuyết một "sự chỉ huy thống nhất" và các giai đoạn khác của việc cải biến toàn bộ quân đội Sài Gòn . Dĩ nhiên, không chỉ một mình Vann có những ý nghĩ như thế và anh cho rằng Westmoreland sẽ dễ chấp nhận hơn nếu điều đó đến từ một nhân vật được kính trọng như tướng York. York viết thư từ nước Cộng hòa Dominique, chỗ ông đang chỉ huy Sư đoàn 82 không quân, để nói với anh rằng ông đồng tình về nguyên tắc một "sự chỉ huy thống nhất hoặc cái gì đó tương tự điều chúng ta có ở Triều Tiên", sẽ là "hy vọng duy nhất của chúng ta cải biến quân đội Sài Gòn thành một lực lượng có năng lực".

Đầu năm 1966, York đến Sài Gòn cố thuyết phục Westmoreland thực hiện việc chỉ huy thống nhất ấy, đưa các sĩ quan Mỹ vào mọi cấp của hệ thống Quân lực Cộng hòa từ ban tham mưu đến những đơn vị thực địa. Như vậy, Westmoreland có thể nhanh chóng được kiểm soát được hàng trăm nghìn quân lính Việt Nam, sử dụng họ có hiệu quả và nhân sức chiến đấu của họ lên. York sợ rằng nếu chỉ dựa vào quân lính Mỹ, Hà Nội sẽ phá hỏng chiến thuật ấy bằng cách đưa quân đội thường trực miền Bắc vào đủ để vượt họ về số lượng. Năm 1965, chế độ Sài Gòn cho rằng có 679.000 lính cầm vũ khí, trong đó có Lực lượng vùng và lực lượng địa phương quân. Nếu đánh giá một phần ba quân số ấy là lính ma và lính "cây cảnh ", còn lại 450.000 quân lính thì tiềm lực bị bỏ phí.

York cũng khuyến khích Westmoreland xây dựng những đơn vị hỗn hợp Mỹ-Việt theo kinh nghiệm Mc Arthur thành lập hồi đầu chiến tranh Triều Tiên. Do không có đủ lính Mỹ được huấn luyện, McArthur đã đưa vào các đơn vị của ông lính Nam Triều Tiên mới nhập ngũ thay thế các "bạn" Mỹ. Vấn đề ngôn ngữ giải quyết rất nhanh vì chỉ khoảng 100 từ đủ cho một lính bộ binh và lính Mỹ ở Triều Tiên sử dụng lối nói lẫn lộn tiếng Anh, Triều Tiên và Nhật Bản. Sau một thời gian thực hành, các đơn vị hỗn hợp ấy gần như cũng hiệu quả như những người Mỹ được đào tạo thực thụ.

Mục tiêu của York không phải tạo nên những bị thịt rẻ tiền cho trọng pháo châu Á. Đích của ông đúng ra là tạo cơ sỏ cho một quân đội có chất lượng bằng việc đào tạo sĩ quan, hạ sĩ quan và lính Việt Nam theo khuôn mẫu nhà nghề của quân đội Mỹ. Ông gợi ý cho Westmoreland bắt đầu từ các đại đội hỗn hợp trong đó một trong ba trung đội người Việt Nam và là chỉ huy phó. Giữ người Việt

trong một trung đội thay vì xé lẻ trong toàn đại đội có lợi vừa đào tạo sĩ quan của họ vừa để họ chỉ huy người của mình. York khẳng định những đơn vị hỗn hợp chứng minh người Việt và người Mỹ sát cảnh bên nhau chiến đấu chống một kẻ thù chung. Một hệ thống như vậy cũng hạn chế những lạm dụng đối với nông dân vì nó sẽ dạy cho lính Sài Gòn việc đối xử tử tế với dân chúng là quan trọng. Quân đội Mỹ có thể có một ảnh hưởng thực tế về đạo đức đối với quân lính và sĩ quan cấp dưới, giúp hạn chế sự tha hóa. Thực vậy. lần đầu tiên những người lính Việt Nam này có thể sống và chiến đấu trong một quân đội không có đút lót và sau này khi ở trong Quân lực Cộng hòa tự trị họ sẽ có thái độ đúng đắn hơn.

Westmoreland lắng nghe rồi không để ý đến những điều York đã nói với ông. Trong HỒI KÝ của mình, ông nói về lý do chính đáng không thành lập sự chỉ huy hỗn hợp : “Phân tích đến cùng, tôi có những cách gây sức ép đối với những người miền Nam Việt Nam và họ biết điều đó : cả hai phía có ít quan điểm chung”. Đúng là ông nắm giữ một ảnh hưởng quyền lực đối với những người đồng minh Sài Gòn nhưng ông sử dụng rất tế nhị. Ông cố không dùng ảnh hưởng của mình để sửa chữa một sự bất tài và sự thoái hóa dù rõ ràng đến chính ông cũng biết. Thực tế, ông không tìm cách đấu tranh với những tệ nạn ấy cũng với lý do như không thành lập sự chỉ huy hỗn hợp, không tổ chức những đơn vị hỗn hợp theo York đề nghị. Cũng như đa số các tướng lĩnh, ông không muốn tiếp xúc nhiều với các đồng minh Việt Nam . Thay vì nắm việc kiểm soát Quân lực Cộng hòa và những lực lượng địa phương để cải tổ như Vann hy vọng ông sẽ làm để người Việt Nam tiến hành một cuộc chiến tranh của người Việt Nam , Westmoreland dã có ý định tách riêng họ để giành chiến thắng cuộc chiến tranh này với duy nhất quân đội Mỹ.

Những thói quen và động cơ của quân đội những năm 60 cũng in dấu ở ông. Khi York gợi ý tiết kiệm quân số Mỹ bằng giao cho quân lính Việt Nam những vị trí giúp việc như lái xe hàng chẳng hạn. Westmoreland trả lời “Không”. Phải là lái xe người Mỹ vì một đơn vị quân đội Hoa Kỳ không thể tin vào người Việt Nam chuyên chở đạn dược. Lệnh gọi nhập ngũ hàng năm đã được lập lại trong cuộc sống Mỹ từ cuộc chiến tranh ở Triều Tiên. Các tướng lĩnh như Westmoreland đã quen với những thế hệ lính trẻ yêu nước, có sức khỏe hoặc những thanh niên tình nguyện sẽ gia nhập quân đội. Vì sao phải mất thì giờ và nghị lực cố đào tạo những người Việt Nam trong lúc có một nguồn nhân lực như thế mà chất lượng lại đảm bảo ?

Nhưng cũng có một lý do khác. Khác với những người Anh và Pháp đi trước ở châu Á, một sĩ quan quân đội Mỹ không muốn được hoan nghênh bằng cách hướng dẫn các toán quân bản xử. Vinh quang và thành quả nghề nghiệp chỉ có thể do tự lính Mỹ. Cơ may duy nhất để Hoa Kỳ sử dụng một số lượng quan trọng

lính bản xứ là các Lực lượng đặc biệt, Cũng thật ý nghĩa khi những lực lượng ấy do một đại tá chỉ huy chứ không phải một viên tướng tuy số lượng lính tương đơnưg với hai sư đoàn bộ binh (45.000 lính đánh thuê Việt Nam dưới sự chỉ huy của 2.650 sĩ quan, trung tá và chuyên gia Mỹ). Trong khi với cơ cấu bình thường của quân đội, chỉ một lữ đoàn 3.599 người đã có một đại tá cầm đầu.

Ý định của Westmoreland là dần dần trả lại đất nước cho chế độ Sài Gòn sau khi đã tiêu diệt Việt Nam và các đơn vị quân đội Bắc Việt Nam chiến đấu ở miền Nam. Ông không cần các đồng minh Nam Việt Nam thực hiện nhiệm vụ ấy. Ông muốn sử dụng những quân lính tinh nhuệ nhất của họ, lính dù, Hải quân và đôi lúc một trong những sư đoàn của họ để tạo sự tròn vẹn trong những cuộc hành quân do quân đội Mỹ chỉ huy. Ngoài điều đó ra, ông tuyệt đối không quan tâm đến họ.

Rosson không cố thuyết phục Westmoreland về khả năng của chiến lược LÀM CHỦ CUỘC CÁCH MẠNG. Đầy là một con người kín đáo, biết phân biệt giữa những quan điểm cá nhân và cái ông cho là bổn phận, mà một tổng tham mưu trưởng thì phải tuân theo ý muốn của chỉ huy mình. Westmoreland đã lệnh cho Rosson tập trung xây dựng một cơ cấu hậu cần cho đội quân viễn chinh và ông đã làm thế. Không thú nhận với Vann, ông cho là không thực hiện được luận thuyết cơ bản của dự án, nghĩa là việc nắm quyền quyền lực đối với chế độ Sài Gòn . Tuy vậy, ông công nhận giá trị của chương trình, đặc biệt về vấn đề bình định. Ông nghĩ Lodge sẽ sử dụng Lansdale để tiếp thu và đưa ra một chương trình mới quan trọng về bình định.

Vị tướng tổng chỉ huy có nhận được một bản dự án của Vann, chắc Charles Mann, trưởng Phái đoàn AID mới chuyển bản chính thức. Nhưng ông không hành động theo lập luận chính của Vann, Westmoreland sau này viết trong Hồi ký “Không ai hiểu rõ người Việt Nam hơn Vann nhưng anh có xu hướng nói quá nhiều với báo chí , đặc biệt về luận thuyết của anh theo đó Hoa Kỳ phải nắm lấy sự chỉ huy tuyệt đối như người Pháp đã làm”. Vị tướng cũng không thấy lợi ích trước mắt trong những ý kiến khác của dự án.

Westmoreland đã hướng về một điểm như đầu khẩu trọng pháo chuẩn bị nhả đạn. Những người ít trí tưởng tượng và nắm vị trí cao như Westmoreland có xu hướng thực hiện quyền lực của mình mà không quan tâm đến vấn đề cần giải quyết. Sức mạnh của Westmoreland nằm ở hành động quân sự. Hành động chính trị và xã hội mà Vann nói đến và York cố bảo vệ, nghĩa là điểm chủ yếu của chương trình bình định, vị tướng không quan tâm , đơn giản vì ông không hiểu. Ông vẫn ít để ý đến việc bình định rồi thực sự không để ý sau khi Lyndon Johnson hứa cho ông 300.000 lính Mỹ.

Vann đã có cảm tưởng có thể mở cánh cửa đã đóng. Thực tế, anh đụng phải

một bức tường. Anh kêu gọi một đạo lý đụng chạm đến phần lớn các nhà chính trị và quân sự Mỹ và đề nghị họ vứt bỏ một huyền thoại chống thực dân mà họ cho là cần thiết. Vann, Ramsey, Bumgardner và Scotton có thể đồng tình với những nhà chính trị và các tướng chỉ huy họ về sự cần thiết phải ngăn chặn những tham vọng của Trung Hoa và những mục tiêu khác để xác minh cho cuộc chiến tranh . Tuy nhiên, họ có ý khác về tầm quan trọng của số phận người Việt Nam . Công thức "70/20/10" do McNaughton xây dựng cho McNamara có ý nghĩa hơn cả trong hệ thống lý do các nhà lãnh đạo Hoa Kỳ tiến hành cuộc chiến tranh ở miền Nam Việt Nam . Nó cũng phản ánh mức độ ít quan trọng 10% - mà các nhà lãnh đạo ấy dành cho việc cải thiện điều kiện sống của nhân dân miền Nam Việt Nam .

Người Mỹ muốn cải thiện đời sống dân chúng ở hải ngoại , như chương trình "Liên kết vì sự tiến bộ ở châu Mỹ Latinh" của Kennedy. Nhưng khi sự bất công xã hội đã thể chế hóa và sự tham lam của chế độ tại chỗ cản trở mọi sự cải thiện, người Mỹ không cảm thấy có bổn phận thuyết phục và dùng sức mạnh sẵn có để bênh vực những người bị áp bức. Họ vượt qua cảm giác phạm tội bằng cách nấp dưới chiêu bài một "Nước có chủ quyền" và viện lý do lý tưởng và quyền tự quyết ngăn cấm họ can thiệp vào công việc nội bộ nước khác. Điều ấy trở thành nước thánh rửa sạch chủ nghĩa cơ hội của họ,

Vann và các bạn anh đi vào thực tế Việt Nam đủ để hiểu rằng những người Sài Gòn suy đối về mặt xã hội và hoàn toàn không thể tự cải tỏ và cũng không tự mình sống sót được. Còn những người Mỹ có trách nhiệm trong nhóm những người hợp tác cuối cùng ủng hộ Pháp, những người quốc gia chống cộng căn cứ vào hình ảnh những anh hùng rơm đáng ngờ của họ ỏ Caraibes và Trung Mỹ, cho rằng những người bảo thủ Việt Nam cũng có phần vững vàng. Henry Cabot Lodge, Dean Rusk và Lyndon Johnson đều tin chắc Nguyễn Cao Kỳ, tự mình tác động bạn bè để lên đứng đầu chính phủ, là một loại thủ tướng và Nguyễn Văn Thiệu dùng thủ đoạn để được cử làm tổng thống, đại diện cho cái gì đó hơn bản thân và chức vụ của ông ta. Những con người ấy có lẽ không phải là những đồng minh hấp dẫn nhưng có thể sử dụng là công cụ chính trị trong cuộc chiến tranh chống những người cộng sản . Được khoác lên vai phương tiện quân sự là quân đội Mỹ, họ sẽ làm công việc đó.

Năm mới bắt đầu không tốt lành. Hạnh bị thuyên chuyển trong tháng Hai vì thường xuyên dè dặt trong việc thỏa mãn đòi hỏi vật chất của Chinh. Ông trở thành sĩ quan ban tham mưu bình định ở tổng hành dinh Quân đoàn 3, một vị trí vô nghĩa trong quân đội miền Nam Việt Nam .

Trước đó ít lâu, một sự việc nghiêm trọng hơn nhiều đã xảy ra. Muốn thể hiện như John Vann, Doug Ramsey vị Việt cộng bắt vào chiều tối ngày 17 tháng

Giêng năm 1966, ngay trước lúc ngừng bắn nhân dịp Tết cổ truyền, ngày đầu năm âm lịch của người Việt Nam . Anh đi chở một số gạo và tiếp phẩm cấp tốc cho những người tị nạn làng Trung Lập, trong vùng đồn điền cao su ở huyện Củ Chi.

Con đường dài sáu cây số, rẽ từ đường số 1 đi về phía Trung Lập, được xem là nguy hiểm nhất của tỉnh Hậu Nghĩa và do đó trong toàn vùng Quân đoàn 3. Hạnh đã nói với Ramsey công việc có thể chờ đến sángmai, đường đi sẽ được đảm bảo hơn. Nhưng Ramsey sợ những người tị nạn đói và muốn làm cho xong nhiệm vụ. Từ khi Vann đi, Ramsey chỉ còn một mình vì tổng hành dinh Phái đoàn chưa cử người phó tới nên công việc của anh ngày càng bộn bề. Đáng ra anh có thể để người lái xe Việt Nam đi một mình với chiếc xe Chervolet 5 tấn như trước đây anh vẫn làm. Những lái xe của Phái đoàn không bao giờ bị tấn công và chắc phải trả tiền cho Việt cộng để được họ bảo vệ như các xe chuyên chở hàng buôn. Nhưng Ramsey vốn là môn đồ thực thụ của Vann, muốn kiểm tra tình hình những người tị nạn nên đã đi cùng người lái,

Ramsey rơi vào một cuộc phục kích của 4 Việt cộng cách trung tâm làng và đồn lính Mỹ không đầy một cây số. Người lái xe Việt Nam bị một phát đạn vào chân, mất hết can đảm và dừng xe lại. Ramsey cũng có thể thoát khỏi cuộc phục kích. Anh mang theo một trong những súng tiểu liên mới tự động AR – 15, hai băng đạn và mấy quả lựu đạn nhưng không biết làm thế nào vì không hề được luyện tập kỹ thuật bộ binh. Anh bắn qua cửa xe để tự bảo vệ nhưng phí thì giờ và đạn. Một viên đạn Việt cộng làm thủng bình dầu diezen dưới chân, bắn tung lên mặt làm anh như mù.

Ramsey bám vào điều mình biết tốt nhất, tiếng Việt Nam “Tôi đầu hàng !” anh hô lên, vứt bỏ súng và xuống xe. Thân hình anh khổng lồ, càng cao hơn khi giơ hai cánh tay lên đầu. Người lái xe được thả ra. Vết thương ở đùi không nặng, anh ta trở về ngay đêm ấy để báo cáo việc Ramsey bị bắt.

Những người cầm tù Doug Ramsey, những nông dân khoảng 20 tuổi , rất thỏa mãn vì bắt được địch nên hầu như thân mật với anh, hỏi “đầu hàng “dịch ra tiếng Anh là gì. Họ dẫn anh đến làng gần nhất. Thái độ của nông dân đối với anh rất khác nhau. Ấp của họ bị Sư đoàn 25 của Chinh đốt cháy. Ramsey đã thấy những ấp bị đốt sau vụ cháy một thời gian lâu, có vẻ như một thị trấn cổ bỏ hoang chỉ còn những đổ nát cháy sém.

Nhưng cảnh hoang tàn ở đây còn bốc khói và rõ ràng những người dân vừa mới về để xem nhà cửa ra sao. Trẻ con gào khóc, người già nhìn ngó, lắc đầu không tin được . Đàn bà tìm trong đống tro còn bốc khói , cố vớt vát một số dụng cụ nhà bếp hoặc vật nhỏ gì đó còn sót lại. Qua câu chuyện nghe được, Ramsey hiểu là nông dân đã mất hết. Họ không được báo trước và không có đủ

thì giờ mang vật gì đi theo. Lính Quân lực Cộng hòa đốt hết lúa gạo không chôn giấu, giết trâu bò và gia súc khác, vứt xác xuống giếng làm ô nhiễm nguồn nước. Lễ Tết cổ truyền còn hai ngày nữa sẽ đến và nông dân tự hỏi bây giờ làm thế nào để tổ chức được.

Nếu Ramsey còn tự do, cảnh này chắc chắn sẽ làm anh quay lưng lại hoàn toàn với cuộc chiến tranh này. Tình trạng là tù nhân làm lu mờ vấn đề lương tâm nhưng anh vẫn bị tác động. Anh buồn nôn và tự cảm thấy giận dữ bị phản bội và dù sao cũng có phần trách nhiệm. Mười lăn ngày trước đây, trong một cuộc hội ý về đợt hành quân này ở tổng hành dinh Sư đoàn 25, anh đã nêu lên việc làm thiệt hại dân chúng và sự phá hoại nhà cửa vô ích. Viên trung tá Mỹ cố vấn của Chinh xác định với anh sẽ không có sự phá hủy vô cớ. Chinh ngồi bên cạnh không phát biểu gì phản đối. Ramsey thấy cảnh này thật chán ngản. Nếu đấy là cái giá để giữ gìn "lối sống Mỹ", anh không muốn mình là một trong số người tham gia.

Ramsey cũng lo sợ. Một số nông dân trong ấp tập hợp xung quanh anh đòi giết anh. Bốn anh Việt cộng ngăn họ lại. Các anh nhắc lại Mặt trận dân tộc giải phóng tôn trọng đường lối chính trị nhân đạo và khoan hồng đối với tù binh. Ramsey nghĩ những người Việt cộng muốn bảo vệ chiến tích của mình nhưng hình như họ rất có ý thức nghiêm chỉnh chấp hành đường lối chỉ đạo của phong trào. Họ quở trách một người đứng tuổi đã nhổ vào Ramsey, nói Ramsey không phải là lính của toán đã phá hủy nhà cửa trong ấp mà là một viên chức dân sự bị bắt khi áp tải chở gạo cho những người tị nạn. Một nông dân hỏi anh làm việc ở cơ quan nào.

Ramsey "AID". Những chữ cái Việt ấy có nghĩa theo tiếng Pháp cũng như tiếng Anh.

"AID" Người nông dân kêu lên "Anh nhìn quanh xem". Ông đưa ngón tay chỉ những nhà cửa cháy sém, hết nhà này đến nhà khác.

"Đấy là AIDE của người Mỹ !". Người nông dân nhổ nước bọt và bỏ đi.

Chiều hôm ấy, Vann đến văn phòng CIA ở Đại sứ quán. Vị trí đại diện cho Phái đoàn bên cạnh các lực lượng Mỹ của Quân đoàn 3 làm anh rời Hậu Nghĩa cuối tháng Mười chỉ là một sự chuyển tiếp trong hai tháng. Anh vừa được bổ nhiệm làm giám đốc một chương trình mới huấn luyện những nhóm bình định đặc biệt gồm người Việt Nam sẽ được cửa về các ấp khắp trong nước. Phái đoàn và CIA cùng chịu trách nhiệm về hoạt động này. Van đang đắm mình tranh luận với người đồng cấp ở CIA thì nhận được điện thoại. Anh tái xanh người.

Từ bình minh, Vann đến Bầu Trại nắm lại sự kiện, hỏi anh lái xe và quan sát những hư hại chỗ phục kích. Rồi anh đưa ra một kế hoạch đi cứu hiệu quả nhất dựa vào hoàn cảnh hiện tại. Frank Scotton nói thạo tiếng Việt đến gặp anh. Vann

thú thật kết quả rất mong manh nhưng anh muốn thử xem. Nhờ Charles Mann, Vann đề nghị một chiếc máy bay lên thẳng của CIA sẵn sàng trong trường hợp anh báo động. Anh được Lodge cho một linh mục ở Củ Chi tiếp xúc với du kích viết thư cho Mặt trận huyện của Việt cộng đề nghị khoản chuộc đổi lấy tự do của Ramsey.

Ngày 20 tháng Giêng, ngày đầu lễ Tết, bắt đầu ngừng bắn ba ngày rưỡi. Vann và Scotton lợi dụng thời gian ấy lùng sục khắp tỉnh tìm dấu vết của Ramsey một cách táo bạo đúng với tính cách Vann đã từng như thế trước đấy. Anh lái chiếc Triumph AID gửi tàu thủy cho anh từ Colorado vì anh biết chiếc xe này không đăng ký của quân đội hay Phái đoàn. Anh ngạc nhiên thấy cộng sản chi phối tỉnh Hậu Nghĩa đến mức nào. Cờ Việt cộng và những băng khẩu hiệu chống Mỹ bay khắp nơi, cả trên đường số 1. Trong nhiều làng, Vann và Scotton dừng lại nắm thông tin, những người nông dân, đàn bà và trẻ con trước kia thân mật với họ, bây giờ quay mặt đi, thậm chí không chào. Người trả lời câu hỏi bảo họ phải cẩn thận kẻo nguy hiểm mặc dù có lệnh ngừng bắn.

Vann liên hệ với một xã trưởng anh nghĩ có thông đồng với du kích. Ramsey và anh đã có tình cảm thân mật với ông này trong dịp xây dựng một trường học và những dự án xã hội khác. Vann hy vọng ông có thể giúp mình vì tôn trọng Ramsey. Khi Vann và Scotton đến làng, họ thấy xã trưởng đang ngồi trong một quán hàng cùng hai người đang ăn hoa quả. Scotton chắc chắn đó là hai cán bộ Việt cộng . Những người khác, chắc cũng Việt cộng , lảng vảng bên ngoài. Vann và Scotton cùng ngồi vào bàn, chào hỏi xã giao xã trưởng. Hai người cán bộ tiếp tục ăn hoa quả. Xã trưởng tuồn một mảnh giấy nhỏ viết tay lên bàn ; Vann bỏ ngay vào túi áo. Chậm rãi, hai người Mỹ chào xã trưởng, đứng dậy ra xe, nhìn thẳng trước mặt, bước nhanh không để những người Việt cộng kịp đổi ý. Khi đã đi xa, Scotton dịch nội dung tờ giấy không có chữ ký “Tôi nghe nói người Mỹ còn sống. Khi mọi việc bình lặng lại, ông ta sẽ được thả ra”.

Việt cộng không phải ai cũng kín đáo như hai cán bộ ăn hoa quả chỗ ở chỗ người xã trưởng. Vann tiếp tục đến tận nhà máy đường Hiệp Hòa để trao đổi với một người nào đó khác. Trên đường họ đi qua ấp So Đo. Việt cộng xây dựng ở đây một đài chiến thắng bằng tre và vải ngang qua đường. Những chữ to viết trên băng vải thông báo chiến thắng của Mặt trận dân tộc giải phóng trong năm vừa qua. Một toán Việt cộng loanh quoanh gần đài chiến thắng. Scotton nhận thấy hai trong bọn họ rõ ràng là thuộc đội quân chính quy về nghỉ phép Tết. Họ bận quần áo đồng phục màu xanh lá cây, đi đôi dép cao su. Vann và Scotton phải trở về Bầu Trại cùng một con đường ấy. Việc tiếp xúc ở Hiệp Hòa xem ra vô ích và Vann định đến So Đo nói chuyện với cô bạn giáo viên.

Khi dừng lại trước nhà, cô kêu lên báo với anh sẽ bị giết đấy. Anh vội lùi

nhanh, lại đi qua ấp để xác định chỗ phục kích. Scotton đoán chắc ở gần đài chiến thắng và nắm lấy một quả lựu đạn Vann để trên ghế. Anh nói đúng : bốn Việt cộng trong đó có 2 lính chính quy chờ họ ở đấy, bên trái con đường. Họ vung súng, ra hiệu cho Vann dừng lại. Vann đi hết tốc độ, thụt xuống ghế bám chặt cánh tay vào tay lái để giữ vững hướng đi nếu mình bị thương. Hai người lính ngắm bắn nhưng Scotton nhanh hơn, ném quả lựu đạn qua mái chiếc xe nhỏ. Thấy trái lựu đạn, Việt cộng hoang mang tản ra còn hai người Mỹ thoát đi rất nhanh.

Cô giáo viên hôm sau đến Bầu Trại lưu ý Vann không nên lại gần So Đo vì quân du kích nhất thiết muốn trả thù. Không ai bị thương vì họ chạy rất nhanh tránh mảnh lựu đạn nhưng lòng tự hào của họ bị tổn thương. Họ đã khoe khoang trước dân chúng nếu bọn đế quốc Mỹ trở lại hõ sẽ bắt được và giết chết. Và bây giờ, các bà già đang cười gằn chế nhạo họ.

John Vann trở về Sài Gòn ngay hôm ấy, buộc phải chấp nhận mọi cuộc tìm kiếm lúc này là vô ích. Mặt khác, lệnh ngừng bắn đã kết thúc. Anh rất buồn dù đã có một sự phân tích tình hình thực tế. Mấy ngày sau, anh nhận được câu trả lời của Mặt trận dân tộc thống nhất về khoản chuộc do linh mục ở Củ Chi chuyển đến. “Người Mỹ vẫn khỏe mạnh”, bức thư viết, nhưng không bàn về khoản chuộc “Tiền, đô la hay là gì đi nữa cũng không thể chuộc lại những tội ác đã gây ra”, bức thư nói thêm. Tuy thỉnh thoảng Việt cộng có thả tù binh Mỹ để tuyên truyền nhưng nói chung là lính thường, những người cộng sản Việt Nam xem đó là những con tốt không có giá trị. Scotton nhận xét khi nói “mọi việc bình lặng”, có lẽ ông xã trưởng muốn nói “khi chiến tranh kết thúc”. Việc Ramsey bị bắt là một trong những chuyện hiếm hoi trong đời Vann mà anh luôn giữ một cảm giác có tội. Anh vẫn luôn hy vọng rằng trong những năm tới, bằng một cách nào đó, anh sẽ giải thoát được Ramsey. Vann đáng lẽ càng thất vọng hơn nếu anh biết ngay trong lúc anh đang tiến hành nghiêm chỉnh việc cứu Ramsey thì anh này đã ở ngoài tầm tay mình. Khu rừng nhiệt đới của dãy Trường Sơn sẽ trở thành chỗ tảy rửa Ramsey trong 7 năm. Hôm sau ngày bị bắt, Ramsey được giao lại cho một nhóm liên lạc ba người. Chiều hôm đó, họ lên đường đến một trại tù binh ở tổng hành dinh chiến khu C phía bắc tỉnh Tây Ninh. Đây là một pháo đài cũ từ cuộc kháng chiến chống Pháp mà Bumgardner đã khảo sát năm 1955 khi chỗ ấy bị bỏ lại. Trừ vài lần nghỉ, toán người đi suốt đêm. Cả ngày hôm sau, Ramsey ngủ, chân bị xiềng, trong một hầm chống bom đào dưới một căn lều thông tin của du kích, đêm đến họ lại đi. Nửa đêm Ramsey thấy hai quả pháo hoa phía xa, nghĩ rằng mình chứng kiến buổi khai mạc lễ Tết ở Tràng Bảng. Nhưng mặt trời lên trên đồng bằng Tây Ninh trong bình minh chỉ cho anh thấy họ đi về hướng tây bắc thị xã Tây Ninh. Sáng hôm ấy, ngày 20

tháng Giêng, họ tiếp tục đi ban ngày vì có lệnh ngừng bắn, Việt cộng cảm thấy không bị đe dọa bởi máy bay tấn công. Đến trưa, Ramsey tiến tới bức tường cây to lớn, dấu hiệu đã hết đất trồng trọt và bắt đầu vào dãy Trường Sơn.

Anh sẽ đứng trước những đau khổ ghê gớm của trại tù binh trong rừng nhiệt đới : run rẩy và sốt nóng của hai loại bệnh sốt rét thông thường, sự co giật và hôn mê của bệnh đau óc, chứng co cơ đau đớn và sưng phù chân tay vì bệnh phù thũng, chứng kiết lỵ, rắn hổ mang ban đêm cuộn tròn dưới chỗ nằm trong nhà, việc di chuyển bắt buộc khi có cuộc tấn công, nỗi sợ hãi bị bom B-52 của chính quân đội mình .. Nhưng Ramsey không có một ý nghĩ gì về những cái đang chờ anh khi cả toán dừng lại trên bờ một ngọn suối trong rừng để tắm và ăn uống. Những người lính cởi trói cho anh để cùng bơi với họ. Thử trốn thoát là một điều không thực hiện được và Ramsey đành ngồi nghỉ, hưởng nước mát sau một đợt đi bộ lâu. Ba người lính đã đối xử nhân đạo với anh, thậm chí thân mật với một tù binh chiến tranh . Hôm trước, người trưởng đoàn có tuổi và nhiều kinh nghiệm hơn, cho anh bánh nếp đường. Buổi sáng, họ dừng chân trong một trang trại vắng để Ramsey nghỉ ngơi và cùng ăn lễ Tết.

Người trẻ nhất, một thanh niên nông dân 16 tuổi, đã tác động đặc biệt đến Ramsey. Chàng trai to cao so với người Việt, nhanh nhẹn và rõ ràng thích cuộc sống chiến đấu của du kích. Vào rừng, anh nhắm bắn một con chim cắt trên cành cây làm thịt cho bữa ăn tối. Lòng tự hào giỏi săn bắn của anh ta làm Ramsey vui thích. Có vẻ anh học không nhiều nhưng thông minh và học thuyết chính trị anh tiếp thu được không lấn át bản tính tò mò và thân thiện. Có lúc anh chuyện trò nhiều đến nỗi người toán trưởng quở mắng anh quá thân mật với tù binh. Ramsey bèn nghĩ ông toán trưởng đã không hiểu chàng trai tuyên truyền có lợi như thế nào đối với một người Mỹ trước đây chỉ gặp quá nhiều sinh viên tinh hoa của trường đại học Sài Gòn , những chàng trai vô lại trên đường phố, những lính trẻ say rượu và vô trách nhiệm của quân đội Sài Gòn .

Sau khi tắm xong, chàng trai hỏi Ramsey vì sao người Mỹ sang đánh nhau ở Việt Nam . Anh nói về lý do chung nhất, sự cần thiết ngăn chặn sự bành trướng của Trung Quốc, điều mà anh cho rằng một nông dân trẻ Việt Nam có thể hiểu dễ dàng nhất. Anh giải thích nếu cuộc chiến tranh này chống lại quyền lợi trước mắt của dân tộc Việt Nam thì về lâu dài Hoa Kỳ làm lợi cho họ bằng cách ngăn chặn Trung Quốc xâm chiếm nước họ và phần còn lại của Đông Nam châu Á.

Sự giải thích của Ramsey có vẻ vừa làm khó chịu vừa kích động chàng trai ; anh trả lời điều đó thật vô nghĩa. Nếu người Mỹ ghét hoặc sợ người Trung Quốc đến thế, tại sao họ không sang đấy đánh nhau ? Ở Việt Nam không có quân lính Trung Hoa. Những lính nước ngoài ở Việt Nam là người Mỹ và đồng minh của họ như Nam Triều Tiên (Những sư đoàn đầu tiên của Nam Triều Tiên sang tham

chiến ở Việt Nam theo một hiệp ước giữa Seoul và Washington đến vào cuối năm 1965). Thực ra những người cuối cùng dẫn dắt lính Trung Hoa đến Việt Nam là những người Mỹ, đã để Quốc dân đảng Trung Hoa chiếm đóng miền Bắc vào cuối Thế chiến thứ hai. Bây giờ, Hoa Kỳ lại hình dung có thể đưa quân lính Đài Loan đến tham chiến với họ ở miền Nam. Những người Việt Nam sẽ không bao giờ cho phép lính nước ngoài chiếm đóng đất đai họ.

Chàng trai nói “Chúng tôi không sợ chế độ Trung Hoa hiện tại tấn công hoặc xâm lược chúng tôi. Nhưng nếu mọi việc trong tương lai thay đổi và một chính phủ mới dám thử …” . Anh kể lại người Việt Nam đã đánh đuổi những cuộc xâm lược của Trung Hoa trong những thế kỷ trước đây.

Ramsey cố giải thích lý do người Mỹ xem những người cộng sản Việt Nam như những quân cờ của trò chơi Trung Hoa. Toán trưởng và người lính thứ ba ngắt lời anh và khẳng định anh đã lầm. Chỉ việc Trung Quốc trở thành một nước xã hội chủ nghĩa không có nghĩa có thể thống trị nước Việt Nam vốn không tha thứ một sự thống trị nào của nước ngoài cho dù là hệ tư tưởng nào và nhất là hệ tư tưởng của Trung Quốc. Ba người bèn ngược lại dòng lịch sử. Ramsey thán phục về những sản phẩm ấy của một phong trào cộng sản chối bỏ những tàn tích mới của “chế độ phong kiến” vừa say sưa nêu lên những nhân vật của quá khứ phong kiến của họ. Tinh thần dân tộc của họ thật ghê gớm, rất khác với thái độ của những người Sài Gòn anh đã biết.

Bằng một cách nào đó, họ sung sướng với nhiệm vụ đánh thắng Hoa Kỳ ngày nay. Khi những người Mỹ mất hết hy vọng và về nước, những quốc gia đe dọa gần hơn sẽ không dám tiến hành việc mà nước tư bản mạnh nhất trong lịch sử đã không làm được. Họ tin tưởng vào khả năng của mình, xứng đáng với tổ tiên trong cuộc chiến tranh chống Mỹ này.

Chiều hôm ấy, họ tiếp tục lên đường càng đi sâu vào rừng theo hướng trại tù binh. Trong trí óc Ramsey, việc biện minh chính trị địa lý dựa vào đó để Hoa Kỳ ngăn chặn sự bành trướng của Trung Hoa bằng việc đưa quân sang Việt Nam đã “biến thành tro”. Anh thấy hình như Hoa Kỳ không cần đi tìm xa hơn bởi những kẻ thù cộng sản Việt Nam của họ đã dựng lên hàng rào ngăn chặn tự nhiên chống lại sự bành trướng của Trung Quốc ở Đông Nam Á.

Kế hoạch của Westmoreland tiêu diệt đối phương là khái quát chiến lược chiến tranh quá khích của Harkins nhưng thay thế Quân lực cộng hòa bằng lính Mỹ và kỹ nghệ giết người kiểu Mỹ. Cả hai giống nhau đến từng chi tiết. Chúng đều có giai đoạn I và II, qua đó người ta đưa ra những máy móc giết người và giai đoạn chiến thắng thứ III tiếp theo sẽ được tung ra thật nhanh để băm nát quân thù Việt Nam. Việc áp dụng máy móc một chiến lược hủy diệt một lần nữa chứng tỏ trí óc quân sự Mỹ đã trở nên thủ cựu trong những năm 60 đến mức nào.

William DePuy, trưởng ban tác chiến của Westmoreland chấp nhận kế hoạch của cấp trên. Đây là một sĩ quan bộ binh xuất sắc , rất thông minh, được xem như một trong những bộ óc sáng suốt nhất của quân đội Hoa Kỳ . Tuy vậy, cũng như Harkins, chiến thắng của quân đội Mỹ trong thế chiến thứ hai đã dẫn ông đến cùng quan điểm về triển vọng méo mó ấy. Ông nghĩ những gì một viên tướng cần là xây dựng một bộ máy giết người nhắm vào đối thủ. Trong một cuộc nói chuyện với Keyes Beech của tờ CHICAGO NEWS DAILY, ông nói trước "Chúng tôi sẽ nghiền nát họ đến chết". Ông nói thêm như một lời thú nhận "Tôi không biết có giải pháp nào khác".

Harkins đã dự kiến chiến thắng sẽ đến trong vòng một năm rưỡi và McNamara tinh khôn, khuyên ông nhìn xa hơn. Westmoreland còn dè dặt hơn về thời gian hành quân. Ông qui định cần ba năm rưỡi để chắc chắn thắng lợi sẽ đến vào tháng Mười một năm 1968, thời gian bầu cử tổng thống. Hơn nữa, dựa vào không khí ở tổng hành dinh Sài Gòn trong mùa hè năm 1965, thời hạn ấy cho cuộc chiến tranh này có vẻ hợp lý. Đánh bại phát xít Đức ần ba năm rưỡi và sự đầu hàng của Nhật Bản cũng không hơn. Còn việc tranh chấp ở Triều Tiên chỉ trong ba năm một tháng.

Westmoreland tuyên bố ông "sẽ chặn đứng tiến trình thất bại ngày càng tăng vào cuối năm 1965" bằng những biện pháp chống đỡ và một loạt cuộc tấn công hạn chế để đập tan các mặt trận của quân địch. Ông tiến hành giai đoạn II vào sáu tháng đầu năm 1966, tấn công những "vùng ưu tiên đặc biệt" với "những cuộc hành quân tìm và diệt" những đơn vị Việt cộng và quân chủ lực Bắc Việt. Trong giai đoạn này, ông đưa vào miền Nam phần còn lại của 300.000 lính Mỹ ông đề nghị cho đến lúc đó và hơn nữa nếu cần. Ông cũng xây dựng bến cảng, sân bay cho máy bay phản lực, các kho đạn dược, xưởng sửa chữa, các căn cứ, bệnh viện, hệ thống giao thông liên lạc và tất cả những yếu tố khác cần thiết cho một bộ máy giết người.

Thời hạn kết thúc giai đoạn II không được xác đinh, nhằm tạo chỗ cho một sự bất ngờ. Ông cho biết đến cuối năm 1966, Việt cộng và Hà Nội đến lúc ấy vẫn không hiểu ra, không từ bỏ cuộc chiến, ông sẽ cho triển khai giai đoạn III. Sẽ có một cuộc tổng tấn công trên toàn lãnh thổ để hoàn tất, "làm thất bại và tiêu diệt những lực lượng cùng căn cứ của quân địch". Giai đoạn chiến thắng này kéo dài một năm rưỡi, nghĩa là đến giữa hoặc cuối năm 1968. Với dự kiến ba năm rưỡi, nhà thống kê học McNamara đánh giá phải mất ở miền Nam Việt Nam khoảng 18.000 mạng sống của người Mỹ trong giác thư tháng Bảy, mà ông ước tính mỗi tháng sẽ có khoảng 800 người bị giết vào cuối năm 1965. Vậy là ông có thể khuyến khích kế hoạch của Westmoreland, bảo đảm với Lyndon Johnson con đường đã chọn có "những cơ may tốt nhất đi đến sự kết thúc chấp nhận được

trong một thời gian hợp lý".

Ba người trông coi Ramsey khẳng định với anh , các bạn họ và bản thân họ chiến đấu và chết với lòng tin vững chắc hơn lính Mỹ vì họ bảo vệ đất nước mình. Họ đã lầm về quân đội Mỹ do Westmoreland chỉ huy năm 1965 : người chỉ huy cấp cao có lẽ sai nhưng các sĩ quan cấp lữ đoàn, tiểu đoàn và đại đội cũng như những người lính đi theo họ là đội quân tốt nhất mà Hoa Kỳ chưa bao giờ gửi thẳng từ những trại huấn luyện của nước mẹ đến một chiến trường nước ngoài. Đại tá và người lính bộ binh luôn có cùng một niềm tin. Tổng thống đã nói với họ nếu những người cộng sản không bị ngăn chặn ở Việt Nam thì sẽ phải bắt giữ họ ở Honolulu hoặc thậm chí ở bãi biển California. Đại tá và những người lính tin ở ông. Đối với những người Mỹ ấy, thế giới là một bản đồ của ban tham mưu. Họ sẵn sàng đánh thắng bất cứ kẻ thù nào, ở bất cứ vĩ độ nào.

Sau khi Maxwell Taylor tố cáo sự lơ là đối với bộ binh dưới thời Eisenhower, những cuộc cải cáh đã được tiến hành biến binh chủng này thành một binh chủng chiến đấu có hiệu quả trong những cuộc xung đột gắn liền với đường lối đối ngoại của Hoa Kỳ . McNamara và người phó tương lai của ông, Cyrus Vance, được buộc chặt vào nhiệm vụ này trong bốn năm qua. Sự tôn vinh những cố gắng của họ là việc thành lập Sư đoàn 1 Kỵ binh bay. Sĩ quan và binh lính gọi sư đoàn này là "Air Ca", tổ chức quân sự đầu tiên trong lịch sử hoàn toàn dùng máy bay trực thăng làm phương tiện chuyển quân và súng đanh. Nó đánh dấu một sự tiến bộ giống như sự xuất hiện của xe có động cơ trong Thế chiến thứ hai và chiến tranh Triều Tiên so với những con ngựa , la và đi bộ trong những cuộc chiến tranh trước đó. Các đại đội được đưa đến điểm tấn công bằng một loại máy bay lên thẳng chiến đấu Huye mới mà trong những năm đầu Vann đến Việt Nam, đã được dùng để bảo vệ cho những máy bay cũ, nặng nề "quả chuối bay" H-21. Những máy bay hộ tống bay quanh "những khối thép ranh ma" ấy , chở các toán quân tấn công còn những "hỏa tiễn bay" Huey thì khác, nó được trang bị hàng tá rốc két trong những giỏ treo dưới thân, bảo vệ bộ binh bên dưới. Trong mỗi tiểu đoàn, một trung úy không quân làm quan sát viên để tập trung tầm bắn của máy bay ném bom tốt hơn. Một loại máy bay lên thẳng khổng lồ mới, CH-47 Chinohook sẽ đưa trọng pháo đến chỗ người ta cần nhất. Những chiếc Chinohook có thể bay 30 cây số dưa cả một đội pháo sáu khẩu 105 ly đến địa điểm chưa có đường đi trong vòng 1 giờ. Nhờ một hệ thống điều khiển hoàn hảo, nó có thể tiếp tế đạn dược không giới hạn cho các đội quân chiến đấu cả ban đêm và trong điều kiện thời tiết xấu.

Những yếu tố không lường trước được cũng dẫn đến sự đầu tư vào việc thành lập Air Cav. Lính, trung sĩ, sĩ quan biết rõ nhau và tin tưởng vào nhau. Phần đông đã ở cùng nhau một năm ở Fort Benning. Phi công các lớp đào tạo khác

nhau về máy bay lên thẳng đã được học điều hành đồng bộ các hoạt động trong một vũ điệu phức tạp. Air Cav được đưa sang Việt Nam trong tháng Chín, bố trí ở một cơ sở rộng mênh mông cho ba lữ đoàn và 435 máy bay lên thẳng ở vùng thung lũng An Khê, phía đông dãy núi gần hải cảng Qui Nhơn, miền Trung Việt Nam .

Tôi có nghe nói đến trận đánh lớn đầu tiên của Air Cav chống quân chủ lực Bắc Việt giữa tháng Mười một năm 1965 lúc tôi đang ở miền Trung điều tra những vấn đề về người tị nạn. Tôi đã thấy năm thôn dọc bãi biển tỉnh Quảng Ngãi , mùa hè trước là một làng trù phú của ngư dân khoảng 15.000 người. Những ngôi nhà không phải nhà tranh vách đất mà được lợp ngói, kết quả từ sự tiết kiệm của cả mấy thế hệ. Tất cả đều đổ nát sau hai tháng bị máy bay ném bom và khu trục hạm của Hạm đội 7 dội ca nông bắn liên tục. Ngôi làng được gọi là cơ sở Việt cộng đã bị san phẳng đơn giản vì làng nằm trong khu vực do du kích kiểm soát. Các quan chức huyện cho rằng theo điều tra của họ, 180 người bị giết trước khi dân làng kịp chạy trốn. Những đánh giá khác đáng tin hơn nêu lên con số 600 nạn nhân. Những sĩ quan trẻ, cố vấn quân sự của tỉnh khẳng định họ biết rõ ít nhất mười thôn khác bị thiêu hủy theo cách ấy với lý do mơ hồ như vậy và hai mươi lăm thôn khác nữa bị thiệt hại nặng. Họ bảo việc tiêu diệt triệt để rõ ràng đã gia tăng.

Chiều hôm ấy , tôi gọi điện thoại cho văn phòng báo NEW YORK TIMES ở Sài Gòn nói về bài báo dự đinh viết. Charlie Mohr, trưởng văn phòng bảo tôi việc đó có thể để lại sau. Một trận đánh lớn với quân đội Bắc Việt vừa xảy ra gần Pleiku, một làng chính ở trung tâm cao nguyên và tôi phải đến đó càng nhanh càng tốt.

Một đại úy dẫn tôi đến sân bay trong tỉnh và cho đến đêm khuya, tôi nhảy từ máy bay này sang máy bay khác để đi dọc bờ biển đến Quy Nhơn rồi bay trên dãy núi đến Pleiku. Tôi đã quen được qua một trạm chỉ huy Nam Việt Nam cả ban đêm. Ở Pleiku tràn ngập hoạt động, ồn ào vì điện đài liên tiếp gọi, ra mệnh lệnh và báo cáo. Những chiếc Chinohook khổng lồ đậu xuống lấy đạn dược rồi nặng nề bay lên, tiếp tế cho các khẩu trọng pháo đang gầm lên trong đêm tối vạch những luồng pháo sáng cả bầu trời về phía tây nam, nơi đang có đánh nhau ác liệt.

Hai tuần trước lễ Tạ ơn, đại tá Thomas Tim Brown xuất thân từ một gia đình binh nghiệp, có mặt ở tổng hành dinh Quân đoàn 2 Nam Việt Nam trên một ngọn đồi gần Pleiku. Brown, chỉ huy Lữ đoàn 3 của Air Cav, được cử đi cao nguyên trong tháng Mười một tìm hai trung đoàn quân đội Bắc Việt Nam đang định chiếm một trại của Lực lượng đặc biệt cách khoảng 36 cây số phía nam làng Plei Me. Ba tiểu đoàn của ông lục lọi phía nam và đông nam trại trong nhiều ngày

không có kết quả và Brown không có tin tức gì khác. Westmoreland gửi cho ông một chỉ thị lệnh tìm kiếm ở phía tây, về hướng biên giới Campuchia. Brown không biết bắt đầu từ đâu bèn đến tổng hành dinh Quân đoàn 2 hy vọng nhận được sự chỉ dẫn.

Brown đang nghĩ sĩ quan tình báo của Quân lực Cộng hòa chỉ có những tin tức nghèo nàn thì bỗng nhận thấy một ngôi sao đỏ trên bản đồ ban tham mưu về gần biên giới Campuchia về phía tây nam Pleiku. Ngôi sao nằm trên một tập hợp dốc đứng và chỏm núi phủ rừng dày nhiệt đới, từ sông Drang phía tây trại Pleime trải rộng khoảng một chục cây số về bên kia bên giới . Brown đã thăm dò khu vực ghê gớm này trong một chuyến do thám bằng máy bay. Người ta gọi đấy là Chư Prong, núi Prong theo tên mỏm núi cao nhâts.

- Ngôi sao đỏ ấy có nghĩa gì ? Brown hỏi
- Thưa đại tá, đấy là một cơ sỏ bí mật của Việt cộng .
- Có gì ở trong đó vậy ?
- Tôi không biết, thưa đại tá, chúng tôi chưa bao giờ tới vùng ấy, sĩ quan tình báo Việt Nam trả lời.

Chư Prong là một điểm xuất phát cũng tốt như bất cứ chỗ nào khác, Brown nghĩ. Ông bảo chỉ huy tiểu đoàn giỏi nhất của ông, trung tá Harold « Hal » Moore, 43 tuổi, tốt nghiệp West Point, chọn một chỗ hạ cánh gần vùng ấy và thám thính xung quanh. Nhưng Moore không phải vào trong Chư Prong vì nếu vào người của ông nhiều khả năng sẽ bị mất tích. Brown cũng lưu ý ông cần giữ các đơn vị khá gần nhau để họ có thể hỗ trợ nhau. Mặc dù đã qua huấn luyện, lính Lữ đoàn 3 chưa qua thử lửa. Họ chỉ mới gặp những trận đánh nhỏ trong hai tháng ở Việt Nam và Brown lo đơn vị của ông có thể bị choáng khi đột nhiên đụng đầu với một lực lượng quan trọng của Bắc Việt Nam .

Sáng chủ nhật, 14 tháng Mười một năm 1965, 35 phút sau cuộc hạ cánh không có vấn đề gì, một trung đội của đại đội Moore bắt được một lính Bắc Việt nấp trong bụi rậm. Người này mặc một chiếc sơ mi và quần kaki bẩn, không có vũ khí, chỉ mang một chiếc binh rỗng. Moore hỏi qua phiên dịch, được biết anh ta là một kẻ đào ngũ và năm ngày nay chỉ ăn chuối để sống. Moore hỏi trong vùng có quân lính Bắc Việt không. « Có », anh ta trả lời, chỉ vào Chư Prong . Sườn núi đầu tiên kéo dài xuống thung lũng cách bìa rừng dùng làm vùng hạ cánh 200 mét. Kẻ đào ngũ cho biết trong đó có 3 tiểu đoàn đang nóng lòng tiêu diệt quân Mỹ.

Sáng thứ hai, chúng tôi đến “tia X”, mật danh Moore chỉ vùng hạ cánh để xác định từ máy bay. Đấy là một hòn đảo ở giữa biển bom napalm màu da cam hơi đỏ và những vụ nổ bom cùng đạn súng cối nổ. Peter Arnett và tôi nhìn từ độ cao

800 mét, kinh hoàng với ý nghĩ hạ cánh. Chúng tôi lên một chiếc Huey thực hiện nhiệm vụ tiếp đạn.

Chiếc Huey nhào xuống đi dọc ngọn cây để ngụy trang tốt hơn khi chúng tôi đến bìa rừng. Phi công xoay guồng hãm máy bay như một chiếc dù mở. Đạn dược vứt xuống đất và hai cáng người bị thương được đưa lên trong lóc một viên đạn đập vào thân máy bay và những viên đạn khác rít qua cánh cửa mở. Arnett và tôi nhảy xuống đất chạy lại ngồi xổm chỗ che chắn tương đối là một tổ kiến đồ sộ, chỗ Moore dùng làm trạm chỉ huy.

Mooore là một người cao lớn, mắt xanh khuôn mặt sắc cạnh. Vẻ mặt ông thể hiện sự thỏa mãn, vui sướng khi đã bẻ gãy một tiểu đoàn Bắc Việt trong ba giờ mười lăm phút ở phía nam và phiá tây vùng này. Ông kêu lên :

“Người ta cử chúng tôi đến đây để bắn giết cộng sản và lạy Chúa, chúng tôi đã làm như vậy !”.

Nhiều lính Bắc Việt sống sót bây giờ mai phục bắn lẻ xung quanh vùng ấy. Một số trèo lên ngọn cây, những người khác đào hầm cá nhân trong bụi rậm hoặc ẩn mình trong đám cỏ khổng lồ, cao khoảng một mét rưỡi. Những người khác nữa vào nấp trong những tổ kiến lạ lùng và đồ sộ, thường cao to hơn người. Mùa khô đã bắt đầu ở cao nguyên và những mảng lưới rộng kaki của lính Bắc Việt lẫn trong lùm cỏ màu vàng sáng hoặc cây khô. Hơn nữa, họ ngụy trang bằng cành lá cây. Khi một máy bay lên thẳng hạ cánh hoặc có người cử động, một trong những người bắn lẻ ấy với khẩu súng tự động Ak-47 của Xô viết thường giết chết hoặc sát thương người của Moore rồi lại im lặng.

Chiều rộng vùng tiểu đoàn chiếm đóng chỉ 300 mét và vùng máy bay lên thẳng hạ cánh còn bé hơn. Trong vùng sẽ phủ đầy xác lính Mỹ nếu Hal Moore không phải là một người chiến đấu giỏi, dũng cảm và mưu mẹo, được tôi luyện trong chiến tranh Triều Tiên. Trực giác cho ông thấy kẻ đào ngũ đã không nói dối. Ngoài ra, một chiếc máy bay lên thẳng đã dò ra một dây điện thoại mắc dọc con đường phía bắc bìa rừng. Quân đội Bắc Việt thực ra chỉ trang bị tồi về điện đài và dùng điện thoại trên cánh đồng. Moore hiểu ra ngay nếu quân Bắc Việt dùng làn sóng người tấn công từ chỏm núi xuống bìa rừng, họ có thể ngăn cản những máy bay lên thẳng khác hạ cánh và tàn sát lính Mỹ. Phải tuyệt đối ngăn quân địch đến gần cho đến khi ông có thể đưa phần còn lại của tiểu đoàn đến.

Không chờ đợi, Moore cho quân leo lên sườn núi vừa đúng lúc. Ba tiểu đoàn Bắc Việt ở Chư Prong có khoảng 1.700 người. Moore chỉ có 450 quân trong tay. Người chỉ huy quân Bắc Việt vừa đưa toán đầu tiên đến bìa rừng và thế là hai đối thủ đụng độ nhau ngay dưới tán cây.

Một cuộc chiến quyết liệt xảy ra. Người Việt Nam và người Mỹ giết nhau,

cách nhau mấy mét. Việc áp sát ấy làm mất lợi thế về không lực và trọng pháo của quân lính Moore. Những người Việt Nam cố tiến thật gần người Mỹ, theo chiến thuật họ gọi là "nắm chặt thắt lưng địch mà đánh". Nếu lính của Moore, không được trang bị loại súng liên thanh mới M-16 và phóng lựu M-79, sử dụng đơn giản như một khẩu súng săn bình thường, thì một số lớn hơn nhiều trong bọn họ đã bị tiêu diệt.

Đại tá Brown đã đúng khi nghi ngờ có một đơn vị quan trọng của quân đội Bắc Việt nhưng sai vì lo ngại quân lính thiếu kinh nghiệm của ông bị choáng. Những người Mỹ ấy cũng hăng say như đối thủ, thậm chí quá đà như trong trường hợp của một trung đội riêng biệt. Thiếu úy của họ rơi vào bẫy theo cách đánh truyền thống của người Việt Nam . Ông xua quân đuổi theo một tiểu đội địch có vẻ vừa đánh vừa rút lui, đã bị bao vây cùng cả trung đội và tự nhận thấy đã ở trên chỏm núi, cách ly với những toán quân khác.

Moore dự kiến quân địch sẽ bao vây đại đội đầu tiên của mình vì ở địa vị họ ông cũng làm như thế. Ngay khi máy bay lên thẳng đưa phần còn lại của đại đội thứ hai đến, ông chuyển hướng tấn côn g sang đưa họ áp sườn đại đội đầu ở lòng suối cạn dưới chân sườn núi. Ông lại một lần nữa ngăn chặn được một đợt tấn công mới của quân địch bằng cách bố trí quân lính đại đội thứ ba áp sườn đại đội hai. Như vậy, Moore phải bỏ trống phía sau bìa rừng. Nhưng ông đã dự kiến đúng, quân địch không quay lại tấn công phía sau quân lính của ông. Đại đội ba nhận thấy quân Bắc Việt tiến lên ở khoảng trống của thung lũng. Họ nã súng liên thanh vào quân địch, kết thúc bằng trọng pháo , máy bay ném bom và đạn rôc két của những chiếc máy bay lên thẳng Huey.

Rồi Moore cử đại đội đầu và thứ hai lên chỏm núi cứu trung đội bị vây. Cả hai đại đội bị chặn đứng ngay và thiệt hại nặng. Thiếu úy Walter Marm được nhận huân chương vì một mình đã vô hiệu hóa một đại liên của Bắc Việt và giết chết tám lính sử dụng nó trước khi bị một viên đạn vào mặt. Đại tá Brown gửi đến cho Moore một đại đội của tiểu đoàn khác vào lúc xế chiều ngày chủ nhật lúc cuộc chiến tạm thời lắng xuống, máy bay lên thẳng lại có thể hạ cánh được. Moore tập hợp quân lính trong vùng lại để qua đêm.

Ngày thứ hai, ngay từ bình minh, chính đại đội thứ ba, đại đội C phải chịu thử lửa nhiều nhất. Đại đội này đã giữ được quân lính Bắc Việt ở một cự ly đủ để không bị thiệt hại nặng suốt cả ngày chủ nhật, kiểm soát phía nam và tây nam của chu vi bố phòng. Chỉ huy không đề nghị tình nguyện chiếm giữ tiền đồn trong đêm vì cây cối rậm rạp che khuất trước mặt. Bình minh lên, Moore ra lệnh mỗi đại đội cho người đi trinh sát, một sự cẩn thận bình thường trong trường hợp ấy. Chỉ huy đại đội C lệnh các trung đội trưởng cử đi một tiểu đội. Họ giáp mặt với một tiểu đoàn mới của Bắc Việt đang bò tới. Quân lính vừa bắn vừa quay lại,

chết trong cây cỏ um tùm. Những người khác bị bắn chết khi đến cứu các bạn. Quân Bắc Việt tấn công mạnh đại đội C, hy vọng tiêu diệt địch để tạo một lỗ hổng ở chu vi bố phòng. Chỉ huy đại đội đề nghị Moore bổ sung cho một trung đội thám báo, Moore từ chối. Ông phải giữ người cho lúc cần thiết cuối cùng. Giữa trận chiến lẫn lộn, ông không thể biết đại đội C bị toàn lực tấn công hay chỉ bị đánh nghi binh để rồi một đại đội khác bị đánh. Đại đội trưởng đại đội C trúng đạn vào lưng, bị thương nặng lúc ông đứng dậy ném lựu đạn vào hai lính Bắc Việt trong hàng phòng thủ của mình. Lần này Moore lấy một trung đội của đại đội khác đến tiếp viện. Thất bại. Họ không đến được chỗ đại đội C và bị chết 2 người, thêm hai người khác nữa bị thương. Những người Việt Nam nã đạn vào chu vi bố phòng với lưới lửa dồn dập, khá thấp để trúng người đang bò. Chẳng bao lâu, tất cả các sĩ quan và phần lớn hạ sĩ quan của đại đội C bị chết hoặc bị thương nghiêm trọng như chỉ huy của họ. Sức ép tấn công lên đại đội bên cạnh càng mạnh thêm.

Những đợt tấn công bằng máy bay và trọng pháo hầu như không có kết quả gì. Thất vọng, trung tá Moore qua điện đài kêu gọi các đơn vị ném lựu đạn khói và đề nghị một hàng rào bảo vệ giới hạn ở chu vi bố phòng. Nhiều viên đạn súng cối rơi vào bên trong và máy bay ném bom F-105 thả hai quả bom napalm gần tổ kiến, chỗ Moore bố trí trạm chỉ huy chính, thiêu chết nhiều người của ông, làm nổ một lô đạn M-167 và suýt đốt cháy chỗ lựu đạn dự trữ cuối cùng.

Cuối cùng, Moore phải cử một trug đội thám báo đi cứu đại đội C. Trong lúc đó, một đợt tấn công vào phía thứ ba của chu vi bố phòng bắt đầu diễn ra. Moore tập hợp quân dự trữ khẩn cấp, lấy một trung đội ở khu vực chưa bị đe dọa và đề nghị đại tá Brown cho quân tăng cường khi tiểu đoàn quân Bắc Việt cuối cùng tỏ ra kiệt sức, hỏa lực của họ có dấu hiệu giảm bớt.

Sau hai giờ chiến đấu, đại đội C không còn tồn tại nữa. Trong hàng trăm người thấy ánh sáng ba mai đầu tiên của ngày thứ hai này, hơn 60 chết hoặc bị thương, chu vi bố phòng bị hổng nhiều chỗ. Số lượng quân Bắc Việt vào được trong không nhiều lắm để thực sự đe dọa vị trí của tiểu đoàn. Những người lính mới của đại đội C đã trụ được và trước khi chết đã cố gắng để tiêu diệt địch. Một thiếu úy bị bắn hạ trong một hầm súng liên thanh của đối phương. Xung quanh anh là xác chết của năm người Việt. Trong đám cỏ khổng lồ, một người Việt và một người Mỹ đã bắn nhau nằm dài bên nhau. Đôi tay người Mỹ còn bóp chặt cổ người Việt.

Giữa buổi sáng ngày thứ hai, lúc Arnett và tôi đến địa điểm “tia X”, trọng pháo bắn và máy bay bỏ bom liên tiếp không ngớt vì Moore sợ tiểu đoàn thứ ba của Bắc Việt, như kẻ đào ngũ cho biết, chuyển sang tấn công. Trong 24 giờ, trọng pháo đã bắn gần 4.000 loạt đạn và máy bay ném bom thực hiện 300 phi vụ.

Những người sống sót của trung đội đơn độc trên chỏm núi cuối cùng được cứu vào đầu giờ chiều khi Tiểu đoàn2 của đoàn Kỵ binh bay thứ 7 đến vành đai bố phòng của Moore sau đợt đi bộ từ một chỗ hạ cánh khác cách đấy ba cây số. Ba đại đội tiến dần lên khu vực cần giải cứu, coi thường những lính Bắc Việt bắn tỉa. Một đại úy của tiểu đoàn tăng cường trúng đạn vào ngực. Trong số 27 người của trung đội hôm trước hạ cánh chỉ còn 7 ngươif trở về bìa rừng còn lành lặn. Phần lớn trong 12 người bị thương được chuyển bằng cáng tạm bợ làm bằng áo choàng. Thiếu úy Walter hăng hái nằm trong số 8 người chết cũng được đưa về như thế. Mạng sống những người trở về nhờ vào tài năng và giác quan chiến lược của tiểu đội trưởng, trung sĩ Clyde Savage, 22 tuổi. Anh là hạ sĩ quan duy nhất còn nguyên vẹn. Khi người điều chỉnh tầm bắn bị một viên đạn vào họng, Savage chộp lấy điện đài, Anh điều khiển trọng pháo bắn gần hơn, dựng lên một bức tường thực sự bằng tạc đạn và pháo nổ chỉ cách chu vi bố phòng nhỏ hẹp của anh 25 mét mà không một quả đạn nào rơi vào bên trong. Với sự giúp đỡ ấy, những người sống sót đẩy lùi được ba đợt tấn công liên tiếp trong đêm. Rồi trong cuộc chiến hỗn loạn, hình như quân Bắc Việt đã quên trung đội cô lập ấy.

Đợt tấn công thứ ba mà Moore dự kiến, được tiến hành trước bình minh ngày thứ ba, diễn ra ít quyết liệt hơn. Chỉ hai đại đội Bắc Việt tấn công vào phía nam và tây nam. Đại đội C đã được một đơn vị trang bị hoàn hảo thay thế. Lần này những kẻ tấn công bị phát hiện và đánh bật ra trước khi đến được vị trí bố phòng. Lính bộ binh thanh toán những kẻ đến quá gần bằng lựu đạn và những loạt đạn chính xác của M-16.

Buổi chiều, Moore được tăng cường thêm một tiểu đoàn khác, nhưng từ chối ra đi khi không có ba trung sĩ của đại đội C mất tích hôm trước trong vùng cỏ cao mà ông nghĩ họ còn sống. Trọng pháo và máy bay tấn công đã được yêu cầu ngừng lại để máy bay lên thẳng dễ lui tới. Một trong những chỉ huy của tiểu đoàn thay thế sợ quân Bắc Việt lợi dụng đợt yên tĩnh tạm thời này để bắn súng cối từ Chư Prong. Ông ta muốn đi gấp nhưng Moore từ chối.

Ông đã không ngủ 48 tiếng nhưng ông là người chiến thắng. Hàng trăm xác lính Việt Nam nằm trên sườn núi và trước những vị trí Mỹ ở đáy thung lũng. Họ chết nhiều như vậy vì tấn công mà không có vũ khí hạng nặng hỗ trợ. Nhưng sự thiệt hại của họ cũng đổi lấy khá nhiều mạng sống của quân lính Moore. Khi cuộc chiến đấu kết thúc, cái giá phải trả cho sự chiến thắng là 79 người Mỹ chết và 121 bị thương. Phần đông bọn họ được Moore huấn luyện và chỉ huy trong một năm nay. Thực ra xác ba trung sĩ của đại đội C đã được tìm thấy, chuyển đi lúc còn sớm nhưng Moore không được thông báo. Ông không chịu đựng được ý nghĩ bỏ rơi thân thể họ trong chốn thê thảm này, hơn nữa nếu có người nào trong bọn họ còn sống và bị thương “Tôi không đi mà không có các hạ sĩ quan của tôi

!”, ông kêu lên vừa khóc vừa vung vẩy khẩu súng “Không có họ, tôi không đi”. Ông hét lên, ra lệnh tiếp tục tìm kiếm. Một lính bộ binh khác cũng mất tích. Moore phản đối lại việc rút quân cho đến lúc tìm thấy thân thể anh này và chắc chắn không để lại một người lính nào.

Chiều thứ ba lúc tôi dừng lại ở vị trí chỉ huy của đại tá Tim Brown trong một đồn điền chè ở phía nam Pleiku, ông bảo tôi muốn rút khỏi lưu vực sông Drang, dưới chân núi Chư Prong. Nhiệm vụ của ông là tìm ra quân Bắc Việt và tiêu diệt họ đến mức tối đa. Tiểu đoàn của Moore và những đội quân ông tăng cường gửi đến đã hoàn thành rất đầy đủ nhiệm vụ ấy. Ở lại trong vùng là một trò chơi quá nguy hiểm. Quân đội Bắc Việt hình như nhanh chóng thâm nhập qua biên giới. Chỗ Moore gặp một trung đoàn mới, có nhiều trung đoàn khác còn ẩn náu ở đấy. Brown đã nhiều lần đến địa điểm “tia X” để tiếp xúc với trận đánh và quan sát địch tình, bây giờ muốn rút hết quân và thám sát kỹ khu này trước khi tổ chức một trận đánh mới.

- Thế tại sao ông không rút đi ? Tôi hỏi.

- Tướng Westmoreland không cho tôi làm thế. Ông khẳng định nếu chúng ta rút quân, báo chí sẽ nói chúng ta vừa đánh vừa rút lui.

Ngày hôm sau, Tiểu đoàn 2 của đoàn Kỵ binh bay thứ 7 tăng cường cho Moore rơi vào một cuộc phục kích và bị tiêu diệt khi trở lên vùng thung lũng cách điểm “tia X” bốn cây số về phía bắc. Chỉ huy tiểu đoàn không thận trọng như Moore đã sai lầm cho quân tiến lên theo hàng một, cũng không bảo vệ sườn. Một bộ phận của một tiểu đoàn Bắc Việt bố trí nhanh một cuộc phục kích hình chữ U để đón hai đại đội đi đầu của quân Mỹ; một bộ phận khác của quân địch đánh vào đại đội thứ ba đang rải rác trong đám cỏ cao. Binh lính tiểu đoàn 2 chống cự lại dũng cảm, nhiều lính Việt Nam bị giết trong trận đánh giáp lá cà kéo dài gần suốt buổi chiều. Hai đại đội đi đầu bị thiệt hại nghiêm trọng và đại đội thứ ba thì thực sự bị tàn sát : 151 người Mỹ chết, 121 bị thương và 4 mất tích. Đoàn kỵ binh bay thứ 7 chịu chung số phận với lữ đoàn của tướng Custer trong trận Little Big Horn (Mũi vịnh trên bờ con sông Wyoming, nơi ngày 25-6-1876, tướng Custer và 200 người bị bao vây và giết chết bởi người Anh điêng do Sitting Bull chỉ huy). Ngày 17 tháng Mười một năm 1965 này, một người sống sót sau trận đánh tuyên bố “lịch sử đang lặp lại”.

Những thất bại ấy làm McNamara vô cùng bối rối. Trận đánh của Moore cũng như cuộc phục kích sau đó, được biết với cái tên “trận đánh Ia Drang” đã lấy đi 230 mạng sống người Mỹ trong bốn ngày, trong đó có 4 mất tích, được xem như đã chết. Tuần lễ tiếp đó, McNamara còn có một vấn đề lo lắng khác. Westmoreland đề nghị ông cho thêm 41.500 lính Mỹ với lý do mức độ quan trọng quân Bắc Việt thâm nhập bất ngờ vào miền Nam. Những đề nghị của ông

ta không ngừng tăng lên từ tháng Bảy và đòi hỏi mới này đưa quân số Mỹ ở Nam Việt Nam lên đến 375.000 người. McNamara cũng đã dự kiến Westmoreland sẽ xin quân bổ sung nhưng không nhanh đến vậy. Ông bỏ ngay một cuộc hội nghị của OTAN ở Paris, sang Sài Gòn trong vòng 30 giờ để đánh giá lại cuộc chiến.

Giác thư ngày 30 tháng Mười một năm 1965 ông gửi lên tổng thống mâu thuẫn với tính lạc quan trong báo cáo tháng Bảy của ông. Westmoreland yêu cầu người như chưa lúc nào ông đề nghị chính thức như vậy, để đạt con số 400.000 vào cuối năm 1965. Sau đó chắc chắn ông còn đòi nữa "có lẽ hơn 200.000" trong năm 1967. McNamara tuyên bố gửi cho ông ta 400.000 "không đảm bảo thắng lợi". "Lính Mỹ trong những cuộc hành quân mỗi tháng bị giết có thể đến 1000 và dự kiến vào đầu 1967, con số này có thể ở một mức độ cao hơn". Chính phủ có thể thử cách thương lượng theo "giải pháp hòa giải" và đồng thời vẫn gửi quân tăng cường "ở một mức độ tối thiểu", McNamara khẳng định như vậy. Nhưng Westmoreland khuyên không nên làm thế, muốn "giữ được những mục tiêu trong cuộc chiến tranh này thì phải cung cấp đủ người và công cụ".

Trong "đánh giá về phương pháp tốt nhất để đạt những mục tiêu của chúng ta ", ông khuyên có một kế hoạch hành động theo ba giai đoạn. Hoa Kỳ phải cho Hà Nội một cơ may cuối cùng để đầu hàng. Nếu ông Hồ và các đồng minh của ông tỏ ra không lay chuyển được, cuộc chiến bằng không quân chống miền Bắc Việt Nam phải được tăng cường và Westmorelan sẽ nhận được 400.000 người theo yêu cầu. Để bắt buộc Hà Nội, việc ném bom miền Bắc sẽ ngưng lại trong ba hoặc bốn tuần. Johnson đã dừng hoạt động Thần sấm năm ngày trong tháng Năm năm 1965 và vẫn chẳng có gì thay đổi. McNamara cho rằng năm ngày không đủ cho Hà Nội có thì giờ suy nghĩ. Bây giờ, ông khuyên nên có một thời gian nghỉ dài hơn và tranh thủ lúc đó mở rộng chiến dịch quan hệ dư luận và ngoại giao được nêu lên trong giác thư tháng Bảy của ông. Ông nói với tổng thống, trước khi leo thang "chúng ta phải chuẩn bị cho dân chúng Mỹ và dư luận thế giới chấp nhận việc mở rộng chiến tranh như thế .. vừa tạo cơ hội cho quân đội Bắc Việt ngừng tấn công mà không mất thể diện".

Đêm Noel 1965, Johnson cho ngừng ném bom theo mong muốn của McNamara. Sau 37 ngày ngừng oanh tạc, Hà Nội tỏ ra không chịu nhượng bộ như đợt ngừng năm ngày. Tổng thống ra lệnh ném bom trở lại ngày 31 tháng Giêng năm 1966. Trong lúc đó những đòi hỏi của cuộc chiến tranh hủy diệt của Westmoreland lên đến 459.000 người. Theo chỉ thị của Johnson, McNamara lao vào một trò chơi phức tạp, mặc cả trên bàn giấy để hạn chế những yêu cầu của Westmoreland trong khi vẫn cung cấp những thứ cần thiết ông này đòi hỏi.

Những người lính Kỵ binh bay đã chiến đấu trong rừng núi nay được cử đến

vùng đồng bằng, xóm làng Bồng Sơn trên bờ biển phía bắc Quy Nhơn. Đây là một trong những vùng đông dân nhất miền Trung Việt Nam và là một thành lũy vững chắc cũ của Việt Minh thời kỳ chống Pháp. Cuộc hành quân bắt đầu cuối tháng Giêng 1966, lấy mật danh là "Máy Nghiền". Nhưng Lyndon Johnson hãm bớt sở thích đáng ngại của các vị tướng, đổi tên là "Cánh trắng ", biểu hiện của chim bồ câu. Tim Brown thôi chỉ huy Lữ đoàn 3 từ tháng Chạp. Hal Moore , thăng cấp đại tá, thay ông sau chiến thắng Chư Prong. Lại là tiểu đoàn 2, không may nhất trong lữ đoàn, chịu đựng khó khăn của trận đánh, đặc biệt là đại đội C được tổ chức lại sau cuộc tàn sát với lực lượng tăng cường từ Hoa Kỳ sang.

Gió mùa tràn sang phía đông dãy Trường Sơn từ lâu và ruộng đồng ngập nước. Viên chỉ huy tiểu đoàn chọn đất hạ cánh cho Đại đội C một dải cát ở ngay dưới tầm bắn của trọng pháo Bắc Việt được Việt cộng tăng cường và dấu trong những vị trí được củng cố sau nhứng khóm dừa. Ngay khi quân lính vừa nhảy ra khỏi trực thăng, đại đội nằm trong tầm đạn và bị tàn sát suốt cả ngày. Quân lính một đơn vị khác lội ruộng tiến về chỗ các bạn bị bao vây cả đêm. Phải đến sáng hôm sau, một lực lượng quan trọng do Moore chỉ huy mới tiến lên giải cứu được. Họ thấy quang cảnh thàm hại của những xác chết bọc trong áo choàng nằm dài trên cát dưới trời mưa.

Năm 1965, một trung đoàn của Sư đoàn 3 quân Bắc Viêt, mệnh danh là "Sao Vàng" từ đường mòn Hồ Chí Minh hành quân xuống đồng bằng Bồng Sơn và thâm nhập qua đường biển. Quân Bắc Việt kết hợp với một trung đoàn Việt cộng đã quét sạch mọi dấu vết của chế độ Sài Gòn trong vùng. Với sự giúp đỡ của nông dân, quân lính cộng sản biến mỗi ấp thành một thành lũy chiến đấu. Tất cả những chỗ đến qua ruộng và những khoảng trống đều nằm dưới tầm ngắm đan chéo của lưới lửa súng tự động ngụy trang trong những ụ đất. Để xây dựng, những người cộng sản dùng đường ray và tà vẹt gỗ của đường sắt cũ chạy dọc bờ biển. Những hố đào trong đê mương được củng cố thành hầm nhỏ mở cửa một phía, trong đó một người lính có thể nấp khi có bom hoặc trọng pháo nổ và cũng được bảo vệ như các bạn ở ụ đất boong ke. Những đường hầm giao thông ngoằn ngoèo từ hầm này đến hầm nọ đưa lực lượng tăng cường, đạn dược đến và chuyển những người bị thương giữa trận đánh. Họ có thì giờ rộng rãi để bố trí trước khi quân Kỵ binh bay đến can thiệp. Nếu thám báo trong quân đội miền Nam không đưa tin thì những hoạt động bước đầu của đối phương cũng đủ cho họ nắm được tình hình. Cuộc hành quân Máy nghiền đã được bố trí suốt 45 ngày, là cánh phía nam của đợt tấn công huy động hơn 20.000 lính Mỹ, lính Sài Gòn và Nam Triều Tiên. Đấy là một cuộc hành quân lớn nhất ven bờ biển miền Trung kể từ cuộc hành quân của Pháp mang tên "Atlanta" suốt mùa đông và mùa xuân năm 1954.

Moore, các thuộc hạ và các chỉ huy tiểu đoàn không quân của quân đội Nam Việt Nam là bộ phận tấn công chính ở cánh phía nam. Không thể quở trách họ kêu gọi sức mnạh lưới lửa phục vụ để cứu mạng sống quân lính họ. Trận đánh trong thung lũng sông Drang đã chứng tỏ mặc dù có kỹ thuật hiện đại phục vụ, người lính Mỹ luôn giáp mặt với rừng nhiệt đới, những chỏm đầy cây và cỏ khổng lồ của đồi núi Việt Nam ngay khi nhảy ra khỏi trực thăng. Họ cũng dễ bị sát thương khi đánh nhau ở đồng bằng như ở trận Bồng Sơn. Viên chỉ huy lữ đoàn Howard Eggleston tài tính đánh giá tầm quan trọng của nước và bùn. Ông nhận xét dù số lượng trực thăng có đến bao nhiêu cũng "không thể cơ động được trong một ruộng ngập nước". Chiếm lấy những thôn ấp bằng việc tung bộ binh qua bùn lầy sẽ mất mát nặng. Những trận đòn hứng chịu trong hai ngày đầu làm những người Mỹ vỡ mộng. Các chỉ huy đành dội pháo vào các ấp cho đến khi quân địch rút lui.

Sau bốn ngày, Việt cộng và quân Bắc việt bỏ những chiến lũy cuối cùng rút về phía tây lên những dãy núi gần nhất đến thung lũng hẹp An Lão rồi lên nữa vào dãy Trường Sơn, không đánh nhau khi bị Kỵ binh bay đuổi theo. Họ để lại hàng trăm xác chết và 55 vũ khí các loại. Không thể xác định bao nhiêu người chết là Việt cộng hay quân Bắc Việt và bao nhiêu là du kích địa phương hoặc số lượng người sống sót đang tạm ẩn náu trong vùng. Dù mất mát của cộng sản ra sao cũng không đủ nghiêm trọng để loại những trung đoàn khỏi vòng chiến đấu một thời gian lâu dài.

Tuy những người Bắc Việt Nam và Việt cộng thiệt hại ít hơn trong thung lũng sông Drang, cuộc hành quân Máy nghiền đã thể hiện đúng bản chất của nó. Nhà cửa nông dân bị chà xát, 15 ấp bị san bằng, khoảng 1000 ngôi nhà nát vụn hoặc cháy rụi trong ba ấp dọc đường số 1. Viên đại úy dẫn tôi đến chỗ ấy là cố vấn của huyện trưởng. Ông đã thấy 12 ấp khác trong vùng cũng bị hủy hoại như những ấp kia. Những hố bom, một số của bom 250 kilô, sâu đến ba mét và rộng sáu mét, nói lên quang cảnh đó.

Cũng như Quân lực Cộng hòa, quân đội Mỹ không nhận một trách nhiệm nào về thường dân bị thương. Sự thiệt hại quan trọng nhưng còn đỡ khắc nghiệt hơn sự tàn phá vật chất. Người già, đàn bà và trẻ con phần lớn đã chạy trốn hoặc ẩn nấp trong hầm trong nhà. Tuy thế, người ta đánh giá có hàng trăm người chết ở Tam Quan, một làng phía bắc vùng đồng bằng trước đó là tổng hành dinh của quân lính Sài Gòn trong huyện, sau bị rơi vào tay những người cộng sản . Thầy thuốc, phẫu thuật viên của Kỵ binh bay và Quân lực Cộng hòa chữa trị hàng trăm dân thường bị thương nhẹ. Những người bị thương nặng sống sót khá lâu lại đặt ra một vấn đề khác. Nhân viên y tế chỉ chăm sóc sơ bộ rồi chuyển họ đi

bệnh viên tỉnh ở Qui Nhơn. Cũng như bệnh viện quân đội của chính quyền Sài Gòn dành cho binh lính Quân lực Cộng hòa, người Mỹ chỉ chữa trị cho những người lính và công dân Hoa Kỳ, những người Nam Triều Tiên, Philippines làm việc cho họ ở Việt Nam . Đôi khi cũng có ngoại lệ người Việt Nam nhưng số lượng rất hạn chế.

Khoảng 90 dân thường bị thương nặng ở các ấp ở Bồng Sơn được chuyển đi bệnh viện ở Qui Nhơn. Nếu đây là một cơ sở thú ý thì Hội bảo vệ động vật ở Hoa Kỳ đã cho đóng cửa. AID đã tiến hành cải tạo bệnh viện cũ thời Pháp vào năm 1963 nhưng sự tha hóa thường có đã cản trở việc hoàn thành. Nhà vệ sinh chưa làm xong. Không có vòi tắm, chậu rửa. Bệnh nhân còn đi được làm vệ sinh ngay ở sân. Thiếu nhân viên và phần lớn các bác sĩ, ý tá Việt Nam phục vụ đều lười, tha hóa và chỉ chăm sóc những bệnh nhân có tiền. Những người nghèo nhờ gia đình chữa trị và đuổi ruồi. Những ca phẫu thuật và thuốc men đắt tiền do hai phẫu thuật viên và một người gây mê của New Zealand làm nhiệm vụ y tế do chính phủ họ đài thọ. Nhưng trong điều kiện như vậy, với ba người dù họ tận tâm đến đâu cũng chỉ có thể đáng khen chứ không làm nên phép lạ. Cảnh những người bị thương ấy, người già, đàn bà và trẻ con dồn chặt trong bệnh viện thảm hại này thật đáng sợ.

Tôi hỏi trung tướng Stanley Larsen, chỉ huy quân đoàn Mỹ ở vùng biển miền Trung và cao nguyên, sau hoạt động quân sự là dự án bình định đồng bằng Bồng Sơn là những gì. Larsen “con người Thụy Điển “, là một người nhã nhặn có ý nghĩ phù hợp với hệ thống quân sự thời ấy. Ông sắp nhận ngôi sao thứ ba cấp đại tướng. Chúng tôi trao đổi ý kiến với nhau trong lúc ông đưa tôi lên máy bay của ông. Ông trả lời ông không có dự án về bình định. Sau giai đoạn đuổi quân địch của cuộc hành quân kết thúc, ông sẽ rút Kỵ binh bay và tìm một chiến trường khác. Các đơn vị Việt Nam cũng sẽ được chuyển đi.

Câu trả lời của ông làm tôi ngạc nhiên. Tôi không nghĩ một viên tướng Mỹ đã mất mát bao nhiêu quân lính và gây ra sự kinh hoàng đến thế có thể bình lặng bỏ đi sau đó. Tôi hỏi nếu không có ý định ở lại để thực hiện một cái gì đó vĩnh viễn thì tại sao lại tấn công những thôn ấp ấy ? Larsen trả lời không có đủ người Mỹ để tổ chức những toán bình định. Điều tối đa ông có thể thực hiện là làm Việt cộng và quân Bắc Việt mất ổn định bằng cách dội vào họ những đợt tấn công xác đáng như đợt “Máy nghiền “trong lúc đợi sức mạnh của lực lượng Mỹ được bổ sung. Thế tại sao không sử dụng Quân lực Cộng hòa ? Larsen thừa nhận đã thảo luận với thiếu tướng Vĩnh Lộc, chỉ huy Quân đoàn 2 Nam Việt Nam ở Pleiku. Lộc trả lời ông cũng không có lính để lãng phí. Ông ta chỉ có thể cử đến vùng Bồng Sơn một trung đoàn.

Sau này tôi phát hiện ra lý do thái độ thực sự của Larsen : ông không quan tâm đến việc bình định. Cũng như đa số các đại tướng, ông áp dụng lý thuyết chiến tranh hủy diệt do Harkins và Westmoreland nhiệt liệt khuyến khích, với những cuộc đụng độ lặp đi lặp lại để làm yếu và tiêu diệt du kích và quân Bắc Việt. Tôi đã nghe các viên tướng Mỹ ấy nói về chiến tranh hủy diệt nhưng tôi không nắm được sự liên quan đến nhân dân miền Nam Việt Nam . Tôi hỏi phải chăng Larsen hiểu rằng Việt cộng và quân Bắc Việt sẽ trở lại ngay trong những thôn ấp đó ? Ông nói “Chúng tôi sẽ quay lại đó và còn giết nhiều hơn”.

Đồng bằng Bồng Sơn được biết nhiều bởi những vườn dừa rất đẹp. Đa số nông dân sống bằng nguồn bán cùi dừa để chiết lấy dầu và quả dừa tươi. Lữ đoàn 3 của Moore và Không quân Nam Việt Nam được yểm trợ bằng ca nông từ các khu trục hạm của Hạm đội 7. Đạn cối Hải quân theo đường bắn thẳng. Vì thế ở một trong những ấp tôi đi qua, dọc đường số 1, hàng trăm cây dừa bị cắt ngang vì đạn cối 125 ly. Huyện trưởng và cố vấn của ông nói với tôi trung đoàn mà tướng Vĩnh Lộc gửi đến sẽ gặp may nêu bảo vệ được cơ sở của ông ta. Sự căm ghét của nhân dân trong quá khứ có vẻ chế giễu việc sẽ xảy ra. Trẻ con ở Tam Quan khó tươi cười và nếu người ta hỏi, chúng nhìn thẳng vào người hỏi không trả lời. Tướng Vĩnh Lộc không biết làm sao tìm được người cho việc bình định nhưng với sự đồng lõa của một người bà con ông vừa bổ nhiệm làm tỉnh trưởng, ông biết tranh thủ kiếm lợi trong thời kỳ tạm yên dọc đường số 1 nhờ vào quân lính của Moore và lính dù của Quân lực Cộng hòa. Hai kẻ mánh khóe ấy bố trí trung gian người Hoa kiều mua cùi dừa của nông dân đem ra bán ở Qui Nhơn. Tuy Vĩnh Lộc vẫn thường xuyên làm trò buôn bán ấy, ông ta còn lãi nhiều hơn khi trong vùng ổn định. Nhưng ông ta còn phải chia lãi với Việt cộng .

Hàng nghìn dân tị nạn cắm lều giữa trời trên bờ đường và trong làng Bồng Sơn. Hàng nghìn người mất nhà cửa vẫn sống trong ấp nhờ vào lòng từ thiện tạm thời của người thân hoặc bạn bè. Những người không nhà cửa mới này là con suối lớn dần thành con sông những người miền Nam mất gốc. Con số người tị nạn trong nước vượt quá 500.000 và mỗi tháng con số này càng tăng lên. Những đại diện AID ở Qui Nhơn, nhân viên người Việt của họ và một số người làm công do huyện trưởng cung cấp, phân phối bột mì và dầu ăn. Họ cũng có một số cuộn vải và giỏ may vá đem ra phát nhưng kho dự trữ mau chóng cạn kiệt. Trong một buổi phân phối ở ấp, nhiều đại diện của bộ phận chiến tranh tâm lý phát truyền đơn về những cuộc đánh bom thảm khốc của Việt cộng ở Sài Gòn . Một bà già than phiền máy bay phá tan nhà của bà và “súng lớn” cắt đứt 47 trong số 50 cây dừa là nguồn sinh sống chính của bà. Viên đại úy cố vấn cho huyện trưởng với giọng mỉa mai của Vann, cầm một tờ truyền đơn có ảnh những người Mỹ bị Việt cộng khủng bố, nói : “Tôi cam đoan những người kia nhìn bức ảnh sẽ

tự nhủ : Hoan hô Việt cộng !”

VII

GIAI ĐOẠN CUỐI CÙNG

Ngày mồng 3 tháng Tám năm 1965, lần đầu tiên hình ảnh lính thủy đánh bộ cầm đuốc đốt nhiều ấp Việt Nam ở vùng Đà Nẵng được hãng CBS đưa lên truyền hình. Hàng triệu người Mỹ choáng váng thấy rõ khi nhìn lên vô tuyến truyền hình. Vann viết thư cho Bob York "Nếu đường lối chính trị của chúng ta là như thế, tôi không muốn tham gia một vụ việc nào. Tôi chờ Lodge sang và chỉ phương hướng cho chúng ta".

Khoảng một năm sau, John Vann có dịp rới Việt Nam . Người ta giao cho anh vị trí chỉ huy Sư đoàn châu Á trong nhóm của McNamara ở Lầu Năm Góc. Dan Ellsberg đã can thiệp và McNamara chấp nhận. Trách nhiệm này có tương lai và tạo điều kiện cho anh gia nhập thành phần tinh hoa trí thức và quân sự. Sau tháng Tám năm 1965, Hải quân cố làm dư luận im lặng về những vụ đốt nhà dân. Nhưng Westmoreland và phần đông các tướng khác tỏ ra đại lượng hơn. Những cuộc hành quân "Zippo", tên chiếc bật lửa nổi tiếng của lính Mỹ, ở những thôn ấp Việt Nam trở thành quen thuộc đến nỗi khán giả truyền hình ở Hoa Kỳ cũng không phẫn uất nữa. Vann không nói về việc ấy trong những bức thư gửi York. Anh không đi Lầu Năm Góc nhưng dùng đề nghị người ta đề bạt anh để đảm bảo việc bổ dụng anh vào vị trí anh khao khát : giám đốc bình định trong vùng Quân đoàn 3.

Ellsberg chiếm vị trí của Ramsey trong cuộc sống của Vann và họ trở thành bạn thân. Vann và Ellsberg là một đôi đặc biệt, hai người phức tạp, đến từ hai thế giới khác nhau , tìm sự bổ sung cần thiết ở nhau. Lúc Ellsberg mới 5 tuổi, mẹ anh quyết định anh sẽ là một nhạc sĩ dương cầm vĩ đại. Bà bắt anh tập 4 giờ mỗi ngày sau khi đi học vềm ngày thứ bảy tập 8 giờ. Để anh không làm hỏng đôi bàn tay, bà cấm anh chơi thể thao. Nếu thấy anh đang đọc sách bà lấy sách giấu đi để ngăn cản anh quan tâm đến điều gì khác ngoài âm nhạc. Bố anh, người Do Thái gốc Nga, là một kỹ sư kiếm ống vất vả, lúc đầu ở Chicago, nơi sinh ra Dan rồi sau ở Detroit. Khi Dan 15 tuổi, bố anh ngủ gật khi lái xe gây tai nạn. Ellsberg chấn thương ở đầu, hôn mê 36 tiếng đồng hồ và gãy đầu gối. Bố anh bị thương nhẹ nhưng mẹ và chị bị chết vì sự cố đó. Ellsberg theo chế độ mẹ đặt ra cho trong một thời gian ngắn rồi bỏ hẳn dương cầm. Sau này khi trở thành nổi tiếng, trong WHO'S WHO, anh đã bỏ sót điều bí mật : mẹ anh không có tên trong đó.

Anh vào trường Havard năm 1948, năm chiến tranh lạnh trở thành một thực tế

âm u với Đảng cộng sản Tiệp Khắc nắm quyền ở Praha và sự phong tỏa Berlin của Stalin. Thời kỳ ấy, Havard là đặc ân mà những trí thức có tham vọng bắt đầu bằng đại học là một phương tiện đạt chức vụ cao trong một nước Mỹ mới. Chiến tranh thế giới lần thứ hai hướng họ trở thành viên chức chính phủ. Chiến tranh lạnh càng khuyến khích nó, những người trí thức hiểu họ có thể đem lại những hiểu biết và tầm nhìn mà các luật gia, các chủ ngân hàng và những doanh nhân cho đến lúc đố độc quyền chiếm các chức vụ cao đang thiếu hụt. Nhà sử học Arthur Schlesinger và nhà kinh tế học John Kenneth Galbraith, sau này cả hai hợp tác với Kennedy, là giáo sư ở Havard. McGeorge Bundy là người tốt nghiệp an ninh quốc gia, lúc đầu là cố vấn cho Kennedy rồi cho Lyndon Johnson, cũng chuẩn bị dạy ở đấy. Người trí thức sau này vượt những người ngang hàng, Henry Kissenger chậm học vì đăng lính trong Thế chiến thứ hai, là sinh viên năm thứ ba ở Havard khi Ellsberg vào đấy với những nghiên cứu xuất sắc về kinh tế. Sau một năm ở trường Hoàng gia Cambridge Anh, Ellsberg quyết định làm rạng rỡ tên tuổi mình trong một ngày mới.

Trong môi trường đó, anh không cần phải thể hiện những khả năng về quân sự. Anh có thể thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trong sáu tháng trong quân đội để rồi chuyển qua dự bị. Thay vì điều đó, anh chọn đăng ký Hải quân hai năm và tập luyện xuất sắc tất cả các môn. Để nổi lên là người bắn súng cỡ 45 loại ưu cả hai tay, anh rèn luyện đôi bàn tay và cánh tay người chơi dương cầm bằng cách vừa đọc sách vừa cầm vật nặng đưa lên không trong nhiều giờ liền. Người ta nói với anh kim hỏa súng cỡ 45 có thể đẩy một chiếc bút chì bỏ vào nòng rỗng đi cách mấy mét. Ellsberg vẽ một vòng tròn trên tường và tập ngắm tất cả các đêm. Anh học bấm cò súng thật nhẹ để súng tuyệt đối không chệch đường bắn. Những trung úy khác của Sư đoàn 2 Hải quân phải giao lại việc chỉ huy đại đội cho các đại úy nhưng Ellsberg giữ lại đại đội mình vì đấy là đơn vị được nhiều phần thưởng nhất tiểu đoàn và tỏ ra xuất sắc nhất trong các đợt hành quân.

Binh nghiệp của anh kết thúc giữa năm 1956, Ellsberg chuẩn bị trở về Havard để thỏa mãn giấc mơ của mọi trí thức là thành viên Hôi những người đồng hành nổi tiếng thì Nasser chiếm kênh đào Suez. Tiểu đoàn anh phiên chế vào Hạm đội 6 ở Địa Trung Hải. Anh bèn viết thư cho một giáo sư ở Havard để nói Hội những người đồng hành chờ anh, rồi anh tái nhập ngũ sáu tháng ở Hải quân. Anh rất thất vọng thấy Eisenhower không can thiệp vào vụ kênh Suez.

Năm 1959, anh rời trường Havard vào làm việc ở Công ty Rand, cơ quan nghiên cứu dân sự của Không quân thành lập ở Santa Monica, California. Anh dành ở đấy điều mà anh nghĩ là nhiệm vụ quan trọng nhất thời kỳ ấy : tránh cuộc chiến tranh hạt nhân bằng cách ngăn ngừa một cuộc tấn công bất ngờ của Liên Xô. Với mã hiệu đặc biệt, anh nắm mọi tài liệu tối mật để phân tích những thông

tin do máy bay do thám U-2 và các nguồn khác cung cấp. Anh nghiên cứu những qui trình của Hoa Kỳ cho phép máy bay mang bom khinh khí bay sang Nga cũng như việc bắn tên lửa xuyên lục địa và viết những báo cáo tuyệt mật để cải tiến các phương pháp. Ở Lầu Năm Góc, anh biết rõ những tài liệu bí mật ghê gớm nhất thậm chí cà kế hoạch chiến tranh hạt nhân của Hoa Kỳ.

Ellsberg kinh ngạc trước điều anh biết được. Những người Xô viết không chuẩn bị một cuộc tấn công bất ngờ. Còn việc nói rằng có lợi thế lớn về tên lửa xuyên lục địa, sự chênh lệch về tên lửa mà Kennedy khai thác có lẽ thực lòng trong cuộc tranh cử chống Nixon năm 1960, chỉ là một chuyện bịa đặt. Sự nhục nhã trong vụ khủng hoảng tên lửa ở Cuba lôi kéo người Xô viết tăng cường sản xuất vũ khí hạt nhân. Theo tin tình báo Mỹ, họ có 4 tên lửa xuyên lục địa và 200 máy bay ném bom đường kính hoạt động rộng. Đổi lại, các tướng đô đốc và Hải quân Mỹ chuẩn bị một cuộc chiến tranh nhiệt hạch chớp nhoáng với một số lượng lớn tên lửa ở mặt đất hoặc mang trên tàu ngầm hay trên hàng nghìn máy bay. Kế hoạch của Bộ tổng tham mưu cho phép giết khoảng 325 triệu dân Liên Xô và Trung Quốc. Nếu thêm vào đó một số vụ tấn công ở Đông Âu, những cơn mưa phóng xạ trong các nước ngoại vi như Phần Lan, Pakistan, Nhật Bản, cộng với số nạn nhân người Nga gây ra cho Hoa Kỳ trước khi bị gạch tên trên bản đồ, số người chết tổng cộng có thể lên đến 500 triệu. Ellsberg nghĩ khi so sánh , các chỉ huy quân sự Mỹ sẽ làm cho lò thiêu người của Hitler trở thành một sai lầm nhỏ. Anh gán kế hoạch ấy cho một lối suy nghĩ "chó dại" chỉ có trong giới chỉ huy quân sự đặc biệt, các tướng của lực lượng Không quân hoàn toàn tin tưởng vào một cuộc không chiến toàn bộ. Ellsberg không thấy giải pháp nào khác ngoài một cuộc kiểm soát kiên quyết và thông minh hơn của những người thuộc phe dân sự.

Những người trí thức được trả thù năm 1960 với việc bầu Kennedy khi mà, như Henry Kissenger viết, "các giáo sư lần đầu tiên thấy trách nhiệm phải chuyển từ lĩnh vực dạy học sang lĩnh vực thực hành". Kennedy cũng mong muốn thực hiện một sự kiểm soát giới quân sự chặt chẽ hơn. Những hiểu biết và danh tiếng chuyên môn của Ellsberg là giá trị cơ bản cần thiết cho một chính phủ trí thức và đưa anh lên đỉnh cao. Rand cử anh đến Washington chiếm một vị trí thường trực trong chính quyền mới. Anh thảo nhiều giác thư cho McGeorge Bundy và McNamara đề nghị một loạt điều chỉnh chiến lược mà nhiều điều đã được đưa vào áp dụng. Tháng Mười năm 1962 khi cuộc khủng hoảng tên lửa ở Cuba nổ ra, anh ở trong bộ phận khắc phục khủng hoảng của Lầu Năm Góc và bộ Ngoại giao. Năm 1964, anh thành công đến mức được chọn làm trợ lý đặc biệt của John McNaughton, nguyên giáo sư luật trường Havard, đã trở thành người có vị trí thứ hai sau McNamara về những vấn đề quốc tế. Anh rời Công ty

Rand vào làm việc cho chính phủ với vị trí cao nhất trong cơ cấu hành chính, tương đương một viên tướng cấp cao trong hệ thống quân sự.

Ellsberg càng thành công trong sự nghiệp, cuộc sống riêng tư của anh càng ảm đạm. Vợ anh không yêu anh nữa và đòi ly dị.

Họ có hai đứa con. Hôn nhân tan vỡ nhấn chìm Ellsberg trong sự thất vọng sâu xa. Anh hoàn toàn mắc vào cuộc chiến tranh Việt Nam vì công việc với McNaughton và chắc sớm hay muộn sẽ tham gia vào cuộc chiến đấu vì tính lãng mạn và ý muốn thử nghiệm đã làm anh kéo dài thời gian ở Hải quân. Sự tuyệt vọng trong tâm hồn buộc anh có ngay sự đối đầu với một tranh chấp mới dữ dội. Giữa năm 1965, anh cố vận động để được cử sang Việt Nam làm chỉ huy một đại đội Hải quân. Người ta nói trước vì những chức vụ cao của anh ở phía dân sự, cấp trên chắc chắn sẽ đưa anh vào làm việc ở ban tham mưu, điều mà anh không hề quan tâm. Anh bèn đề nghị Lansdale đưa anh vào nhóm của ông và Lansdale vẫn luôn nhạy cảm về tính năng động và sự thông minh, sung sướng được tiếp nhận anh. McNaughton không cố giữ anh lại. Ông bắt đầu hơi bực mình về Ellsberg, thỉnh thoảng thiếu kín đáo và cần khoe khoang hiểu biết, một thói xấu mà sự suy sụp tình cảm càng làm cho anh mắc nặng thêm. Cẩn thận là một vấn đề sống còn của mọi chính quyền và sự thiếu kín đáo có thể làm đổ sụp sự nghiệp ở Lầu Năm Góc của McNamara.

Vann là người trong danh sách những người cần gặp mà Ellsberg mang sang Việt Nam . Sau cuộc thăm Hậu Nghĩa đầu tiên với Lansdale, anh trở lại đó vào giữa tháng Mười, ở ba ngày nói chuyện với Vann và tham quan trong tỉnh. Chuyến đi này hoán cải Ellsberg và anh nhiệt tình say sưa với chiến lược cách mạng xã hội của Vann.

Sự tự kỷ thường kích thích các đồng nghiệp của Ellsberg trong môi trường cạnh tranh gay gắt đã trở nên nhẹ nhàng trong quan hệ của anh với Vann. Những năm ở Việt Nam làm nảy sinh ham muốn phiêu lưu, lòng say mê và tính nhạy cảm trong tính cách phức tạp của Ellsberg. Ba mươi tư tuổi, phong thái nhẹ nhàng, nụ cười thường mỉa mai trên khuôn mặt mỏng, đôi mắt xám xanh ánh lên vẻ tò mò, nét hóm hỉnh chế giễu tạo nên một nhân vật rất dễ mến. Đối với Ellsberg, Vann là một mẫu người hành động. Sự thấp kém của một kẻ nghèo hèn miền Nam lộ ra rõ khi anh ca ngợi thành quả học hành của Ellsberg. Với những người không phải bạn chung, anh nói về anh ta “ông tiến sĩ Dan Ellsberg”. Hoán cải một người như thế theo ý tưởng của mình làm Vann hoan hỉ. Anh hy vọng một ngày nào đó Ellsberg sẽ cổ động cho những ý tưởng của họ. Nói cho cùng, Ellsberg cùng một giòng giống trí thức như những người gần quyền lực ở Washington. Nhưng tình bạn của Vann đối với Ellsberg vượt ra ngoài tính toán lợi lộc. Anh thích cùng đi với nhau và Ellsberg luôn sẵn sàng đi tới những nơi

mà Vann hướng dẫn.

Đấy là sự kiện đặc biệt trong tháng Chạp năm 1965. Thời kỳ ấy Vann được đề bạt làm cố vấn dân sự bên cạnh tướng Jonathan Seaman, chỉ huy lực lượng Mỹ của Quân đoàn 3. Vann đã bắt đầu khảo sát có phương pháp toàn vùng. Cho đến lúc đó, anh chỉ hoạt động ở các tỉnh gần Sài Gòn . Lần này sẽ phải khác.

Ellsberg đề nghị đi cùng anh, họ dự kiến sáng thứ bảy đi sớm, lên xe trước hết đến Xuân Lộc ở trung tâm vùng cao su, cách Sài Gòn 95 cây số về phía đông bắc. Họ phải đến đấy vào buổi trưa, ăn nhanh, nói chuyện với các cố vấn rồi lại đi 130 cây số đến Hàm Tân, một làng gần bờ biển , là tỉnh lỵ. Họ qua đêm ở đấy rồi trở về Sài Gòn theo đường cũ.

Tối thứ sáu, họ nói chuyện về chuyến đi với một tùy viên sứ quán trẻ có công việc đi thăm Việt Nam nhằm nắm những thái độ chính trị và điều kiện an ninh. Cũng như hầu hết các sĩ quan Mỹ, anh ta chỉ đi bằng máy bay hoặc trực thăng. Do đã từ lâu chưa ra khỏi Sài Gòn anh ta đề nghị Vann và Ellsberg cho đi cùng.

Cho đến Biên Hòa mọi việc đều suôn sẻ. Sau đó họ chỉ còn lại với nhau. Nhân viên ngoại giao trẻ ngạc nhiên nhìn những cọc hàng rào các ấp chiến lược cũ chỉ còn lòng thòng mấy đoạn dây thép gai, những đồn tiền tiêu bị đốt cháy, những băng đất cắt nhựa đường mà lực lượng Sài Gòn lấp hào Việt cộng đào để cản trở giao thông.

- John, tôi không có quyền tiếp tục như thế này, anh tùy viên Đại sứ quán nói. Chúng ta không được đi trên đường, có lệnh không được để bị bắt làm tù binh. Tốt hơn là tôi lên một chiếc trực thăng.

Vann dừng lại trong một trại quân đội Việt Nam , ủy thác anh cho các cố vấn Mỹ. Họ gặp lại anh ở đợt nghỉ đầu, Xuân Lộc; anh ta đã đến đó bằng trực thăng. Anh có vẻ ngây ngô. Trong bữa ăn trưa, các cố vấn Mỹ đối xử với Vann và Ellsberg một cách tôn kính như cánh quân nhân đối với những người dũng cảm. Họ không ngớt hỏi về những gì các anh thấy trên đường đi. Việc tiếp đón và không khí trong câu chuyện làm anh chàng dân sự bạo dạn lên. Anh nói với hai người :

“Mẹ kiếp, tôi tiếp tục đi với các anh”.

Họ lại ra đi trong chiếc xe bọc thép thám báo. Vann sử dụng nó vì có bốn bánh xe cơ động, khi cần có thể bỏ đường đi và lăn bánh trên mọi địa hình. Anh cầm lái, Ellsberg ngồi bên cạnh, tùy viên Đại sứ quán ngồi ở ghế sau.

Họ vừa ra khỏi Xuân Lộc thì con đường đi sâu vào một trong những khu rừng dày nhất mà Ellsberg chưa từng thấy ở Việt Nam. Qua sự chỉ dẫn của Vann trong những chuyến đi trước, anh biết nên đối phó ra sao. Anh kiểm tra quả lựu đạn trong tầm tay, lắp đạn vào khẩu tiểu liên và ngồi với tư thế có thể bắn ngay qua

cửa sổ. Vann chỉ cầm lái một tay và đểu khẩu M-16 tự động sẵn sàng nhả đạn. Nhưng Ellsberg tự hỏi họ sẽ làm thế nào được : từ khi không được chăm sóc, khu rừng lấn ra đường chỉ đủ chỗ cho một chiếc xe. Cây cối um tùm đến nỗi Ellsberg sợ nếu đưa súng ra sẽ mắc vào cành lá. Rồi con đường bắt đầu đi vòng vèo, không còn thấy gì nữa. Ellsberg nghĩ chỉ một mình cô gái 7 tuổi với khẩu súng tự động cũng có thể phục kích cả một trung đoàn qua khu rừng này.

Hoàn cảnh càng khó khăn, Vann và Ellsberg càng ba hoa. Điều ấy rất quan trọng đối với họ vì họ muốn tự chủ và kích thích giác quan trước nguy hiểm.

Anh tùy viên trẻ câm lặng trong một thời gian. Họ đã đi khỏi Xuân Lộc 20 phút; anh cố gặng hỏi :

- John, sự an toàn trên con đường này ra so ?
- Rất xấu, Vann trả lời.
- Thế thì tôi muốn trở về tốt hơn.

Vann tìm một chỗ quay xe, cau có trở lại Xuân Lộc. Anh chỉ bình tĩnh lại khi ra khỏi con đường trong rừng, lần này cả hai tay cầm lái để đi vòng nhanh và lấy lại thì giờ đã mất. Anh nó với Ellsberg :

- Này, anh thấy không, tôi nghĩ anh ta không đủ gan đi lại lần thứ hai nữa.
- Nhưng, lạy Chúa, tại sao anh nói như thế về sự an toàn ? Ellsberg vừa cười, vừa hỏi.
- Thế anh muốn tôi nói sao khác được ?

Vann phá lên cười, buông tay lái chỉ vào khu rừng đáng sợ hãi ở cả hai phía “

- Anh nhìn đấy xem !

Về Hàm Tân, họ dừng lại trước ngôi nhà các cố vấn quân sự ở, bước vào và tự giới thiệu. Một sĩ quan trẻ ở bên ngoài quan sát chiếc xem thám báo. Anh nhìn Vann, Ellsberg rồi nhìn vào chiếc xe, nhìn lại hai người và hỏi :

“Các anh vào trong ấy à ?”

Họ trả lời “vâng” với giọng hết sức bình thản.

- Nhưng con đường được mở rồi chăng ?Một sĩ quan khác sửng sốt hỏi.
- Dù sao thì bây giờ nó đã được mở ! Vann trả lời.

Họ là những người Mỹ đầu tiên đi qua con đường ấy từ một năm nay.

Tình dục như một mối nguy hại, là một điểm chung khác làm Vann và Ellsberg gần với nhau. Ramsey chưa bao giờ tỏ ra quan tâm đến điều ấy lắm nhưng nó là sự quan tâm hàng đầu của Vann. Vì thế, Vann nói với anh việc săn lùng gái ở Sài Gòn chỉ là sự tiêu khiển nhất thời của những người chưa vợ ỏ hải ngoại, còn anh là một người đàn ông đứng đắn, đã có gia đình, chỉ lo săn sóc Mary Jane va giáo dục các con. Ellsberg không có nhu cầu như Vann nhưng

quan hệ tình dục đối với anh là quan trọng và anh không giấu giếm điều đó. Khi Vann phát hiện ra, anh hỏi bạn chi tiết về những thành công trong tình ái và anh này sẵn sàng thổ lộ. Vì vậy, anh cho phép mình thành thật hơn về quá khứ của mình. Anh tâm sự với Ellsberg cuộc hôn nhân của anh giò chỉ còn là hình thức. Anh tôn trọng Mary Jane nhưng không yêu. Họ không có gì phù hợp với nhau. Anh cũng kể chuyện với Ellsberg vụ quan hệ tình dục với gái vị thành niên và tuy anh đã thắng điều tra viên, người ta đã chặn con đường thăng cấp tướng của anh.

Việc họ ở hai nhà bên cạnh nhau ở Sài Gòn càng củng cố thêm tình bạn của họ. Tuy mùa thu năm 1965, phần lớn thời gian Vann ở nông thôn nhưng AID cho anh có quyền có một ngôi nhà ở Sài Gòn . Anh ở một biệt thự gần biệt thự của Westmoreland cùng một người bạn khác, đại tá George Jacobson. Vann gọi ông ấy là "người sĩ quan hoàn hảo của ban tham mưu" không hề chế giễu vì Jacobson đã chiến đấu trong cuộc chiến tranh Pháp – Đức trong một chiếc xe bọc thép trinh sát. Đây là một người cao lớn, lực lưỡng, 50 tuổi, có ria và giọng nói trầm. Ông có tư thế đáng kính bẩm sinh, nồng hậu và thái độ cẩn trọng. Ông bắt đầu kiếm sống bằng nghề ảo thuật cho đến lúc vào lính từ đầu Thế chiến thứ hai. Trong 24 năm binh nghiệp, ông học theo tính cách và suy nghĩ của cấp trên để tránh bị gán ghép hoặc định kiến. Khi có những khó khăn không nên làm phiền thủ trưởng hoặc ông này không muốn nghe, Jocobson tự giải quyết lấy hoặc gác lại tạm thời. Sau đó, ông tế nhị cố gắng đưa thủ trưởng sang những vấn đề quan trọng khác có lẽ giải quyết được.

Năm 1965, Jacobson thấy đã chiến đấu đủ rồi, xin chuyển sang AID làm công việc bình định. Ông chính thức là cấp trên trực tiếp của Vann và là người bảo vệ không chính thức của anh đối với cấp trên. Quan hệ của họ dễ dàng vì họ bổ sung cho nhau: Vann là sự tiếp xúc trực tiếp của ông với thực tế nông thôn. Một lý do riêng khác làm hai người hòa hợp với nhau khi ở chung nhà. Jacobson từ tốn hơn, không bị ám ảnh như Vann về đàn bà nhưng ông cũng xem việc săn lùng đàn bà là cách sử dụng thì giờ rỗi tốt nhất. Ellsberg may mắn không phải chia sẻ nhà bênh cạnh với ai. Vị trí của anh trong chính quyền cho anh có quyền ở một mình một biệt thự. Anh đưa cho Vann một chìa khóa để anh tự do sử dụng chỗ khi có cuộc hẹn có thể làm phiền Jacobson.

Trước năm 1965, đàn bà và trẻ con ở Việt Nam đã củng cố qui ước đối với quan chức Mỹ cao và trung cấp. Đặc ân trong một nước nghèo châu Á có nhiều con gái rất đẹp cho đến lúc đó chỉ dành cho lính sĩ quan và viên chức dân sự trẻ. Một số người có vị trí dĩ nhiên cũng đôi lúc tham gia. Nhưng để bảo vệ sự nghiệp họ phải rất kín đáo như Vann năm 1962 và 1963 khi anh có những quan hệ ở Sài Gòn hoặc trên bãi biển Vũng Tàu. Khi các gia đình di tản vào đầu năm

1965 để “thoát cầu” như khẩu hiệu của Dean Rusk với dự kiến ném bom miền Bắc, những qui ước đó cũng mất luôn. Người Mỹ trở thành những người đàn ông được hưởng ân huệ tình dục. Một quan chức dân sự cao cấp được nhiều người biết tiếng công khai đưa tình nhâ về nhà, đưa đến các buổi lễ chính thức có phái đoàn ngoại giao và vợ các quan chức Việt Nam . Tư cách của ông ta vừa không được chấp nhận vừa gây thèm muốn. Cũng phải nói tình nhân của ông đẹp đặc biệt. Khi kết thúc, ông ta về Hoa Kỳ với vợ. Cô tình nhân của ông tiếp tục lên giường với những người Mỹ khác cho đến lúc tìm được một người yêu sẽ đưa cô ta đi cùng, sang Paris khi thời hạn phục vụ chấm dứt.

Bây giờ, người ta cho là bình thường khi một cô tình nhân được đưa về làm nội trợ trong nhà, khi đưa một người đàn bà về ban đêm hoặc quan tâm gần gũi với một cô thư ký Việt Nam sau những giờ làm việc mà cô ta không thể từ chối do sợ mất chỗ làm. Hành động ấy coi như hoàn toàn chấp nhận được kể cả đối với những người có gia đình tương đối gần, ở Bangkok hay Philippines hoặc tháng nào vợ cũng đến thăm. Vann thì nêu lên những nguy hiểm của chiến tranh để Mary Jane và con cái thật xa ở Colorado. Cuối cùng những người đàn ông làm việc vất vả cũng có quyền thư giãn một ít. Như Ellsworth Bunker, một chuyên gia trực tiếp nhận xét sự phóng đãng đã nói “Trong góc, hôn bao nhiêu thì hôn, tôi nghĩ việc ấy cũng có lợi là sẽ làm cho họ cố gắng trong chiến tranh”.

Trong môi trường ấy, Vann có thể thả mình theo xu hướng tự nhiên sống buông thả, điều mà anh không cho phép mình làm ở Hoa Kỳ hoặc ở một nơi nào khác vì sợ ảnh hưởng đến nghề nghiệp. Ellsberg không chỉ là người bạn duy nhất nhận xét Vann mỗi ngày có thể làm tình với hai hay ba người đàn bà khác nhau. Sau lần gặp gỡ cuối cùng trong đêm, anh có thể ngồi vào bàn giấy làm việc, đọc hoặc viết báo cáo, tập trung tuyệt đối cho đến gần sáng.

Ngoài những chơi bời tình cờ không tính xuể, Vann quan hệ lâu dài với hai người đàn bà Việt Nam trong nhiều năm mà nhờ anh khôn khéo người này không biết có người kia. Anh gặp Lee, người thứ nhất, một buổi chiều thứ sáu tháng Mười một năm 1965. Cô đứng trên hè trước nhà mình ở một đường phố chính Sài Gòn chờ gọi taxi đi dạy tiếng Anh tại một trường tiểu học . Anh dừng xe cách cô mấy mét, xuống gỡ chiếc kẹo cao su vừa dính vào đế giày. Đấy là một trong những mưu mẹo của anh. Khi đề nghị được đưa cô đi và cô nhận lời, anh ngạc nhiên thấy cô nói thạo tiếng Anh, nghĩ cô là một sinh viên. Cô ăn bận rất đơn giản, mái tóc đen dài xõa trên vai. Năm ngày nữa cô sẽ 21 tuổi, hơn cô em gái hai tuổi. Anh đã 41. Đưa cô đến trường, anh mời cô đi ăn tối vào chủ nhật tới. Cô đã thấy chiếc nhẫn cưới của anh và trả lời đồng ý. Cô nói rõ anh phải đến cổng trường đón vì gia đình không tán thành cô đi với một người Mỹ và hàng xóm sẽ chê cười.

Khi họ gặp nhau tối chủ nhật, chiếc nhẫn cưới biến mất, cô không bao giờ thấy lại nữa. Sau bữa ăn và buổi tối trong một hộp đêm sang trọng, cô hỏi anh có mấy đứa con. Anh trả lời không có đứa nào vì vợ anh không thể có con. Họ đã chia tay nhau bốn năm nay và anh tìm một ai đó anh yêu và sẽ cưới. Cô hỏi anh bao nhiêu tuổi, anh đáp 36. Cô định thứ tư tiếp đó cô nghỉ một ngày trong ngày sinh nhật của mình. Anh khẳng định hôm ấy anh cũng tự do. Hôm ấy, họ đi bể bơi Chợ Lớn dành cho sĩ quan Mỹ. Khi thấy cô bận đồ tắm anh hiểu mình rất may mắn được gặp cô. Sau bữa ăn tối , họ làm tình trong phòng ngôi nhà anh ở chung với Jacobson.

Lee thuộc về một gia đình trước đây rất thịnh vượng ở Nam Bọ. Ông nội là bộ trưởng Tài chính của Bảo Đại rồi thời Diệm một thời gian phụ trách Nhà băng quốc gia. Bố cô làm ỏ Sở mật thám trước năm 1954 rồi vào nhà băng. Bố mẹ cô giữ quốc tịch và hộ chiếu Pháp. Theo gợi ý của bố, cô học tiếng Anh là ngoại ngữ thứ hai trong những trường Pháp ở Sài Gòn . Cô cũng đã theo học những lớp của Hội Việt-Mỹ. Ở nhà cô nói tiếng Việt lẫn tiếng Pháp và sau này phải học nói và viết tiếng nước mình. Bố cô muốn sau này phải học ở Sài Gòn hoặc ở Pháp về khoa dược hoặc y. Tuy Lee thông minh nhưng không phải là một cô gái trí thức và tương đối sách vở. Cô muốn độc lập về kinh tế. Thời kỳ ấy việc dạy tiếng Anh là một công việc kiếm ra tiền. Hình như mỗi chàng trai thành đạt không phải phục vụ trong Quân lực Cộng hòa và mỗi cô gái có tiền học đều mong biết tiếng Anh để có công việc làm với người Mỹ. Khi gặp Vann, Lee thường xuyên có 50 học sinh và kiếm được nhiều tiền.

Tuy Lee rất ưa nhìn nhưng thân hình không mảnh mai như những phụ nữ Việt Nam điển hình làm những người Mỹ phải quay đầu ngắm. Nhưng cô cũng là một thách thức về sinh lực đối với Vann. Ngoài ra, cô biết tiếng Anh, thông minh và quyết đoán nên sẽ là một người bạn đời thú vị.

Cuộc phiêu lưu tình ái của họ phát triển thành một sự việc nghiêm chỉnh khi Vann được giao chỉ đạo chương trình mới về huấn luyện những nhóm người Việt Nam làm công việc bình định vào cuối năm 1965. Anh thường đi lại giữa Sài Gòn và Vũng Tàu, thường về Sài Gòn bằng máy bay buổi chiều. Anh đến đón Lee ở trường sau giờ học cuối. Họ ăn tối tại nhà anh ở cùng Jacobson, làm tình, đưa cô về nhà rồi trở về nghiên cứu hồ sơ. Cuối tuần anh đưa cô đi ăn tối ở một nhà hàng Pháp hoặc Trung Hoa rồi vào hộp đêm; ngày chủ nhật đôi khi họ đi tắm biển Vũng Tàu. Vann nhờ một anh bạn đại úy Quân lực Cộng hòa làm cho một biển số Pháp cho xe mình và Lee không sợ những quả lựu đạn để trên ghế ngồi cạnh mình. Cô sẵn sàng tiếp tục cho đến khi cưới nhau vì ngay từ khi trưởng thành cô đã quyết định không lấy người Việt. Cô cho rằng, trừ một số ngoại lệ họ đối xử thô bạo với vợ và những người vợ trở thành nạn nhân. Bố cô

đã xác nhận cảm tưởng ấy. Ông lấy một người vợ hai và đi lại giữa hai nhà. Lee không có ý định theo con đường của mẹ.

Sau một thời gian, cô bắt đầu tự hỏi Vann có lừa dối mình không. Một số hôm anh đến sớm tìm cô để có thể làm tình cuối buổi chiều rồi đưa cô đến trường dạy lớp tối. Thỉnh thoảng, anh tắm rồi mặc một chiếc quần lịch sự, áo sơ mi trắng, thắt cà vạt. Sơ mi và cà vạt đủ để đi ăn tối trong một nhà hàng ở Sài Gòn , dù có điều hòa nhiệt đội thì mặc áo vét vẫn nặng nề. Gần một tháng sau cuộc gặp nhau lần đầu, anh làm hỏng một phần lời nói trước khi tỏ ra không ngượng ngùng thú nhận mình đã có con. Sau đó, anh công nhận mình già hơn tuổi đã nói với cô. Nhưng anh muốn cô đến mức không ngăn được mình nói dối. Cô tha thứ cho anh. Nhưng anh lại đoán chắc với cô rằng Mary Jane và anh đã chia tay nhau, trong đợt nghỉ phép tới anh sẽ ly dị. Và mỗi lần chiếc sơ mi trắng à cà vạt gợi lên mối nghi ngờ về cuộc hẹn gặp một người nào khác, anh lại lừa cô, bảo rằng có cuộc họp quan trọng cần ăn mặc tử tế.

Những nghi ngờ của Lee thật xác đáng. Mùa xuân năm 1966, Vann bắt đầu một cuộc phiêu lưu mới với cô gái sẽ trở thành người tình thứ hai của anh và sau này là mẹ đứa con của họ. Anh dành trí óc cho những hoạt động tình ái dồi dào như trong cuộc đua tranh sự nghiệp. Anh biết chơi trò tình cờ có mặt trong một ngày mưa để dùng xe đưa giúp về nhà. Người Mỹ đã nghiên cứu từng chi tiết một buổi chiều trời nắg dừng lại gỡ chiếc kẹo cao su dính vào đế giàu hoặc uể oải đi dạo chỗ những cô gái trẻ Việt Nam thường tập trung. Một trong những vùng săn mồi là chỗ Hội Mỹ - Việt mở những lớp học tiếng Anh. Buổi chiều thứ báy ngày 2 tháng Tư năm 1966, anh bỗng gặp Annie ở đây.

Một cô gái lãng mãn 17 tuổi, học trường trung học Đà Lạt. Cô đã gặp nhiều chàng trai cùng lứa tuổi ở đây nhưng không anh nào quan tâm đặc biệt đến cô. Cô trở về Sài Gòn trong ba tháng hè và tranh thủ học nâng cao tiếng Anh.

Vann nhìn qua đã biết tìm đúng một tâm hồn đang cô đơn. Anh tiến lại, khen cô đẹp và ăn mặc lịch sự. Anh giải thích mình đến gặp một người bạn đại úy Mỹ tình nguyện dạy học ở đây. Vann nói rất muốn có một người như cô để học tiếng Viêt. Cô cười, trả lời cũng muốn có một người bạn Mỹ dạy cho tiếng Anh. Cô nhận lời để anh đưa về nhà.

Trong xe, cô nghe lại câu chuyện của cô gái trẻ người Đức khóc lóc kể lể với Mary Jane 10 năm trước. Lời than phiền Annie nghe về “sự chia cắt với vợ và đang tìm một người đàn bà khác để yêu và thành hôn “ít bịa đặt hơn lời anh đã kể với Lee. Anh thấy không cần thiết phải nói dối về con cái nữa. Anh xin hẹn gặp. Cô từ chối vì thời gian này đang bận nhiều. “Được lắm, tôi sẽ chờ”. Buổi học tiếp đó, anh lại đã sẵn sàng ở đó để đưa cô về nhà. Cô cho anh số máy điện thoại. Anh gọi cô nhiều lần cho đến khi cô nhận lời anh mời đi ăn tối ở một nhà

hàng gần bờ sông. Cô giữ mãi kỷ niệm của “một người đàn ông lý tưởng, rất đáng yêu, dịu dàng, tế nhị và luôn luôn kiên trì”. Sau bữa ăn, anh đưa cô về nhà mình và gợi ý vào xem chỗ anh sống. “Không phải bây giờ”, cô nói.

Anh rất ngạc nhiên khi cô nhận lên giường cùng anh sau nhiều lần đi ăn nhà hàng Pháp hoặc Trung Hoa. Lần này, họ vào nhà Ellsberg vì Jacoboson tối ấy có khách. Do cô dễ dàng lên xe anh lần đầu, anh suy luận cô đã có kinh nghiệm trong lĩnh vực này nhưng còn rụt rè. Thực ra, cô còn trinh nguyên.

Tháng Bảy , cô trở lại trường học ở Đà Lạt nhưng không thể học hành nghiêm chỉnh được. Vann trở thành mối bận tâm hàng đầu của cô. Cô viết cho anh những bức thư cháy bỏng và anh đã trả lời. Cô ngạc nhiên thấy anh đi máy bay lên Đà Lạt trong một đợt nghỉ cuối tuần. Bố mẹ cô bắt đầu nhận ra có điều gì đấy không suôn sẻ khi thấy điểm của cô trước đó khá cao , bỗng nhiên tụt hẳn xuống. Tháng Chín, cô trở về Sài Gòn đi đám tang bà rồi từ chối không lên Đà Lạt nữa, tuyên bố sẽ tìm việc làm ở Sài Gòn . Bố cô rất khổ tâm. Cô là con trưởng và ông nuôi tham vọng về cô. Gia đình cô khá giả, bố gốc Trung Hoa và mẹ Việt Nam . Bố cô học kinh tế, tài chính ở Pháp và Anh. Ông sống 12 năm ở nước ngoài, nhất là ở Pháp, về Việt Nam sau Thế chiến thứ hai, một thời gian làm cố vấn kinh tế cho Bảo Đại. Sau đó ông làm ở công ty xuất nhập khẩu và bảo hiểm. Annie đã qua tú tài phần một ở Đà Lạt và bố cô muốn gửi cô sang Paris học y hoặc dược khoa sau khi đỗ phần hai.

Vann khuyến khích cô bỏ học, ở lại hẳn Sài Gòn . Những gì anh nói hoặc làm làm cô tin chắc anh cũng yêu cô. Về nhiều phương diện, cô khác hẳn Lee. Cô xinh và thanh mảnh, không quá đáng trong tình dục và không hài hước giễu cợt như Lee. Cô cũng không biết tiếng Anh hoàn hảo như Lee. Annie là một người phụ nữ trẻ dịu hiền và kín đáo, nhẹ nhàng vui vẻ. Ngược lại, Lee hấp dẫn Vann vì mỗi khi làm tình là một cuộc phiêu lưu mới và bởi vì cô là một trong những người phụ nữ hiếm hoi anh có thể nói chuyện thẳng thắn. Nhưng với một người đàn ông như Vann, quan hệ với một người đàn bà có tính cách như Lee luôn có một yếu tố đe dọa. Anh gắn bó với Annie chình vì những đức tính ngược lại của cô.

Khi Annie đột ngột thay đổi, bố cô lo ngại về những gì đã xảy ra, đi hỏi thăm về Vann và biết đó là một tay chạy theo váy đàn bà và đã có vợ con. Một đêm, ông chờ Vann và Annie trước nhà. Khi Vann xuống xe, ông lại gần và tát vào mặt anh.

“Anh không xấu hổ à ? Người bố kêu lên. Anh không có tí trách nhiệm nào ư ? Anh không biết có thể bị đưa ra tòa vì tội quyến rũ trẻ vị thành niên ?”

Vann không cố tự vệ. Anh nói, mong được giải thích.

“Không có gì phải giải thích, người bố lại nói. Anh tránh xa con gái tôi ra”.

Ông tát Annie, buộc cô phải vào nhà ngay.

Vann cư xử như chưa bao giờ dám làm như vậy ở Hoa Kỳ . Anh tiếp tục gặp Annie và làm tình với cô. Anh chỉ chú ý tránh bị bạt tai một lần nữa bằng cách để Annie xuống cách nhà một quãng. Khi anh gọi điện cho cô hẹn gặp mà người bố trả lời, Vann bị mắng không ăn thua gì. Bố Annie quá xấu hổ, chỉ còn cách kiện lên đại sứ Cabot Lodge. Ông cố phân tích lý lẽ với con gái, giải thích Vann chẳng có ý định cưới cô và dù sao anh cũng quá già so với cô. Anh ta chỉ lợi dụng sự ngây thơ của cô. Cô đang hủy hoại tương lai, đánh mất sự nghiệp và cơ may có một người chồng tử tế, một gia đình hạnh phúc.

Lý lẽ không có tác dụng. Ông bố bèn dùng biện pháp mạnh. Như các gia đình tầng lớp trên ở Sài Gòn, nhà ông có tường bao quanh. Ông khóa cổng, giữ chìa khóa để cô không ra ngoài ban đêm được. Annie trèo tường. Vann chờ bên ngoài đỡ cô xuống. Giận dữ và thất vọng, ông bố đánh con gái mỗi khi về nhà. Việc đó không cản trở được cô khi có dịp hẹn gặp bằng thư hoặc điện thoai, cô lại trèo tường và bị đánh khi về nhà. Sự ngoan cố xem ra do tính tình một phụ nữ trẻ quen làm điều gì mình muốn. Nhưng nhất là với một cô gái sống hoan lạc trong một giấc mơ lãng mạn. Việc thách đố của Vann đối với bố cô càng chứng minh rõ anh hết lòng vì cô.

Vann nghỉ phép trở về Hoa Kỳ, sau khi trở lại anh nói với Lee anh đã cố thuyết phục Mary Jane ly dị nhưng chị không chịu và đưa ra những điều kiện quá đáng. Anh sẽ phá sản vì cung cấp cho vợ và các con. Lee bảo cô chờ và Mary Jane có thể sẽ thay đổi ý kến. Dĩ nhiên việc nói chuyện ấy với Mary Jane không hề có. Điều quan trọng hơn cả là những người Mỹ giữ được hình ảnh tôn trọng hôn nhân và gia đình mà vẻ ngoài củng cố tốt hồ sơ cá nhân của họ. Đồng thời Mary Jane cũng cần thiết cho Vann. Một cuộc hôn nhân không tan vỡi ở Mỹ tạo điều kiện cho sự tự do tình dục ở Việt Nam .

Annie mang thai vào cuối năm 1966 và thông báo muốn giữ đứa con. Vann giải thích sự nghiệp của mình sẽ bị ảnh hưởng nếu người ta biết anh là bố của một đứa con bất hợp pháp và nói đến việc nạo thai. Cô bất đắc dĩ phải chấp nhận. Phẫu thuật về thể xác và tâm lý đối với cô rất khó khăn và cô báo trước với Vann sẽ không lặp lại nữa. Anh không khuyến khích cô dùng các biện pháp tránh thai. Về phần Lee, cô đã nạo thai hai lần trước khi dùng các biện pháp tránh thai theo sáng kiến của mình. Hình như Vann tin rằng có thể thuyết phục Annie nạo thai lần thứ hai nếu cô lại mang thai. Đối với anh việc mang thai thuần túy là một việc của đàn bà. Với anh, phụ nữ chỉ là để thỏa mãn và anh lợi dụng quá đáng họ mà mẹ anh, Myrtle là người chịu trách nhiệm.

Con trai của Myrtle có một thắng lợi tồi đối với bà mẹ vào mùa thu năm 1966.

Một chiều tháng Chín, cảnh sát thấy bà nằm dài gần bất tỉnh trên bãi biển Norfolk. Bà sống gần đấy trong một gian phòng cho thuê. Người bà sặc mùi rượu và còn cầm trong tay một chai rượu đầy, chắc vừa mới mua. Cảnh sát cho rằng bà lại say và nhốt bà vào phòng giam dành cho những người nghiện rượu. Đến 4 giờ sáng, có người phát hiện ra bà đang hôn mê và đau đớn bởi bệnh gì đó. Bà chết ngay chiều hôm ấy. Một tên bạo dâm chắc đã đánh đập lúc bà đang uống, làm vỡ trán, dập mắt cá chân và sưng nhiều chỗ. Bà càng nghiện ngập qua năm tháng, càng say thường xuyên và lâu hơn. Đã 61 tuổi, bà quá yếu nên các thầy thuốc không cứu được.

Cuối cùng, ngoài việc xin ăn hoặc đánh cắp, đứa con trai bà đối xử tàn ác nhất là nguồn giúp đỡ tài chính duy nhất của bà. Trong nhiều năm, hàng tháng Vann gửi cho bà một ngân phiếu, thiệt thòi cho Mary Jane là bây giờ anh chỉ cung cấp vừa đủ cho chị sống. Anh tăng tiền gửi vào đầu năm 1960 khi Myrtle ly dị viên hạ sĩ thủy quân mà vì ông này bà đỏ bỏ Frank Vann. Ông lính thủy dữ tợn, đã làm nổ con mắt bên trái của Myrtle bằng cách ném một chai bia vào bàn trong một cuộc ẩu đả và bà phải mang một con mắt giả. Khi về hưu, họ ở Arkansas rồi ông lính thủy bị bắt vì buôn rượu và ăn cắp. Myrtle lợi dụng lúc đó bỏ rơi ông, trở về Norfolk cố uống nhiều với số tiền ít ỏi nhận được từ cuộc ly dị. Trước lúc bà chết, Vann gửi cho bà mỗi tháng 200 đôla.

Anh cũng chi phí cho đám tang, không muốn bà xuống mồ với một chiếc hộp gỗ trắng người ta dùng ở các trang trại khi anh còn trẻ ở Carolina Bắc. Khi người em đầu Frank thông báo cho anh cái chết của Myrtle, anh trả lời sẽ bay ngay về làm tang lễ đúng mức và chắc chắn bà sẽ có một chiếc quan tài tử tế. Anh sẽ chi phí cho tất cả. Vann về Norfolk buổi sáng, kịp nhìn mẹ trước khi đóng quan tài. Sau lễ an táng, anh kết thúc thắng lợi đáng ngờ về mẹ mình với một công bố bất ngờ. Myrtle vẫn giữ họ của ông chồng lính thủy sau khi ly hôn. Cử chỉ đầu tiên của Vann là đưa bà về lại trong gia đình. Tên họ sẽ khắc trên bia mộ, anh cũng trả tiền, là tên họ bà không mang nữa 18 năm nay : Myrtle Lee Vann. Dorothy Lee phản đối : nếu mẹ cô muốn đổi tên họ và lấy lại họ Vann thì bà đã làm rồi. Dorothy tin chắc bà giữ họ của ông thủy thủ vì tuy chia tay nhau bà vẫn thiết tha với ông ấy. Frank và Gene ngả theo ý kiến của John. Họ không chịu đựng được nếu họ của người kia khắc trên mộ mẹ họ.

John thực hiện ý đồ của mình. Vann muốn Myrtle đã chết là người đã từ chối không là mẹ anh lúc còn sống. Anh cho khắc trên tấm bia :

“Myrle Lee Vann … Mẹ thân yêu của John, Dorothy , Frank và Gene”.

Trong lúc Myrtle đi tới kết thúc, việc John Vann đi lên trong hệ thống chính quyền ở Việt Nam , không phải không gặp những nguy hiểm vụn vặt thường xảy ra. Việc chỉ định anh đứng đầu chương trình của AID để đưa ra những nhóm cán

bộ bình đinh làm anh tranh chấp với CIA, đến mức suýt bị đưa về Hoa Kỳ sớm hơn dự kiến.

Chương trình mới là cố gắng lớn nhất để bình định nông thôn, từ các ấp chiến lược của Diệm. Một trại lớn được xây dựng ỏ Vũng Tàu để đào tạo những đội đặc nhiệm Việt Nam , mỗi đội 40 người, gọi là những "Đội hoạt động chính trị". Đầu năm 1966, CIA đã huấn luyện ở đó 16.000 người Việt. Trại khá rộng, mỗi lần có thể đào tạo được 5.000 người nhằm xây dựng một lực lượng tổng cộng 45.000 người. Họ sẽ bận áo bà ba đen của nông dân, được gọi là "cán bộ" bắt chước theo những người cộng sản Việt Nam .

Trùm CIA ở Sài Gòn, Jorgenson và người phó Tom Donohue lầm tưởng những đội bố trí tại chỗ đã gây những tổn thất to lớn cho Việt cộng . Đào tạo xong, những cán bộ bình định được giao cho các huyện trưởng, tỉnh trưởng sử dụng chống du kích. Những người của CIA không đi kèm họ trong hoạt động. Để đánh giá hiệu quả, họ giao cho các quan chức Sài Gòn ở tỉnh, những người chỉ muốn nhận tiền của CIA và được quân đội bảo vệ, đã lừa bịp họ một cách có hệ thống.

CIA xem công việc bình định là một hoạt động rộng lớn nhằm nhận diện và loại bỏ cán bộ của di kích địa phương. Vann không coi trọng cảnh đàn áp ấy và cho là không tránh khỏi được. Anh nghĩ phải kèm theo một sự thay đổi kinh tế xã hội để tranh thủ sự hợp tác của tầng lớp nông dân nên muốn các đội phải bổ sung thành những toán 80 người trong đó có những nhà chuyên môn về chính quyền, về y tế, giáo dục và hiện đại hóa nông nghiệp. Với mục tiêu ấy, dĩ nhiên phải có sự thay đổi về chương trình đào tạo ở Vũng Tàu.

Sự mỉa mai về số phận đưa CIA tranh chấp với sĩ quan chính họ đưa vào cầm đầu chương trình về phía Việt Nam, trung tá Trần Ngọc Châu. Ông này đưa Vann vào đấy và trở thành người bạn Việt Nam tốt nhất của anh. Trần Ngọc Châu là một sĩ quan rất hiếm hoi của Quân lực Cộng hòa đã chống Pháp cùng với Việt Minh trong bốn năm. Ông thuộc một gia đình quan lại Huế bị ngược đãi như thường xảy ra đối với giai cấp này khi hợp tác với thực dân. Trong Thế chiến thứ hai, Châu và hai em theo Việt Minh và Châu nhanh chóng lep lên thành chỉ huy tiểu đoàn. Nhưng ông ta có tính quá ích kỷ, không chịu được sự hy sinh bản thân và kỷ luật tập thể của Đảng cộng sản Việt Nam đòi hỏi ở cán bộ và quá tham vọng , không muốn theo đuổi sự nghiệp đó nữa. Hai người em được kết nạp vào Đảng nhưng Châu không được giải quyết. Ông ta đào ngũ, vào quân đội của Bảo Đại dưới sự chi phối của Pháp.

Những người bạn Mỹ nhận thấy những tính tốt của Châu, không quan tâm đến những lý do ông rời hàng ngũ cộng sản. Họ cho rằng vì những lý do chính trị và nguyên tắc, không phải do thái độ và tính tình của ông. Đối với Vann, Dan

Ellsberg cũng như đối với Bumgardner và những người khác, Châu thậm chí là sự mẫu mực của một người Việt Nam "tốt". Theo tiêu chuẩn của Sài Gòn , ông trung thực, quan tâm đến sự thăng tiến và tiếng tăm chứ không vì tiền. Ông thực lòng muốn cải thiện cuộc sống của nông dân cho dù hệ thống ông phục vụ không cho phép biến nguyện vọng của ông thành hiện thực. Bốn năm ở cùng Việt Minh và với trí óc nhanh nhạy, tinh tế cho phép ông tranh cãi về chiến tranh du kích, về công việc bình đinh, thái độ của nhân dân nông thôn và những sai sót của xã hội Sài Gòn một cách sáng suốt và thông minh. Vấn đề với những người Sài Gòn , như ông nói, họ là những "người Việt Nam ngoại lai".

Châu và Vann gặp nhau lần đầu năm 1962 ở Bến Tre, khi Diệm bổ nhiệm Châu làm tỉnh trưởng Kiến Hòa, tỉnh lộn xộn nhất ở phía bắc vùng đồng bằng.. Trong năm đầu , quan hệ giữa Vann và Châu không bình lặng, nhất là vì Châu, hào hứng về sự chú ý và đề bạt của tổng thống, là một trong những thuộc hạ trung thành của Diệm thời kỳ ấy. Nhưng hai người xa nhau với một tình cảm mến trọng nhau và năm 1965, khi Vann trở lại, tình bạn của họ phát triển. Ở Kiến Hòa, Châu cũng tiếp xúc trực tiếp với CIA. Ông không đạt kết quả hơn những tỉnh trưởng khác vì trong những ấp chiến lược của ông, Việt cộng tuyển dụng được gần 2.500 người tình nguyện sau trận Ấp Bắc. Nhưng ông là một ngoại lệ vì ông tiến hành việc bình định trong tỉnh rất nghiêm chỉnh. CIA chú ý nhất là Châu đã thực hiện nhiều chương trình thực nghiệm được tài trợ, đặc biệt chương trình loại trừ những thành viên chính quyền Việt cộng bí mật bằng những đơn vị giống những toán ám sát của CIA gọi là đội "chống khủng bố". Vì vậy, cuối năm 1965, khi Gordon Jorgensen, trùm CIA Sài Gòn cần một giám đốc người Việt Nam về dự án đào tạo những đội bình định, ông ta quan hệ với AID và Châu được chọn một cách hợp lý. Châu đưa Vann vào guồng máy và đề nghị anh là cố vấn Mỹ của ông.

Tháng Ba năm 1966, người ta tìm được một thỏa hiệp về tính chất và qui mô những đội bình định, quân số ấn định lên 59.000 nhưng với biết bao tranh luận khiến Jorgenson và Donohue tự nhủ vì sao họ đánh giá Châu cao đến vậy. Về phần mình, Vann tranh thủ được tình bạn của Donohue mặc dù họ khác biệt nhau còn Jorgenson thì đã ngán kẻ gây rối hỏng việc ấy. Phải có một trọng tài, người đó là William Porter, người số hai sau đại sứ Lodge, giám sát tất cả chương trình bình định như tổng thống Johnson yêu cầu. Jorgensen phàn nàn với Porter, Vann là một người vô trách nhiệm làm rối tung một chương trình tốt đẹp để tự mình kiểm soát. Porter, 51 tuổi mà 30 năm làm Ngoại giao, không biết rõ về Việt Nam và châu Á; ông theo đuổi sự nghiệp ở Trung Đông và chức vụ trước đây là đại sứ ở Algeria. Có thể ông sẽ ngả theo quan điểm của CIA nếu Vann không biết về những việc lạ lùng xảy ra ở trại Vũng Tàu.

Richard Holbrooke, người tập sự của năm 1963, đã trở thành trợ lý của Porter vì là một trong những nhà ngoại giao hiếm hoi có kinh nghiệm về bình định trên thực địa. Khi Vann vào văn phòng kể chuyện, Holbrooke không muốn tin. Thật quá sửng sốt.

Chương trình huấn luyện đặc vụ của CIA, Vann kể, bị "đổi hướng" bởi một thành viên nhóm chính trị mờ ám Việt Nam dùng làm vỏ bọc tuyên truyền chống cộng sản và cũng chống Sài Gòn . Thủ phạm là người chỉ huy trại, chịu trách nhiệm về chương trình học, đại úy Quân lực Cộng hòa Lê Xuân Mai, nhân viên CIA những năm 1950. Không chỉ tuyên truyền trong những người thực tập bằng sự khóe léo trong các bài học chính trị, ông ta đưa vào mỗi đội một nhóm bí mật bốn thành viên của ông. Ông ta làm điều đó tự do trước mắt các chỉ huy CIA và trợ lý vì không một ai trong trại nói được tiếng Việt. Mặt khác, không người nào kể cả Jorgenson và ai đó dưới quyền ông tò mò đọc báo dịch những gì người ta dạy. Châu phát hiện ra điều đó và cảnh báo với Vann.

Holbrooke xác minh lại câu chuyện này và khi thấy đúng, đã thu xếp một cuộc hẹn gặp Porter. Vann đã gặp ông này một lần trước đây để trình bày quan điểm của mình về các bài giảng và không may cho anh, Porter đã được Jorgenson phỉnh phờ nói trước những điều không tốt về anh. Cuộc hẹn gặp lần thứ hai ấn định vào cuối ngày. Porter ra khỏi văn phòng, nói với Holbrooke ông về nhà. Vann theo ông, vừa đi vừa nói.

Hôm sau, Porter trở về Đại sứ quán, kinh ngạc và thích thú. Ông kể Vann không rời ông một giây, theo ông trong thang máy rồi ra đến xe vừa không ngừng nói. Anh bảo có thể lên chỗ ông vì còn nhiều điều cần nói. Porter đồng ý và Vann ngồi vào ghế sau bên cạnh ông vừa tiếp tục giải thích. Một lúc sau, chiếc xe limousine dừng lại vì tắc nghẽn giao thông. Vann đột ngột nói "Xin cám ơn nhiều, thưa ông đại sứ" và mở cửa xe, biến mất trong đám đông. Porter bắt đầu hiểu rõ hơn những đức tính của con người khá lập dị này.

Tình bạn và sự thán phục của Dan Ellsberg đối với Vann dựa nhiều vào sự việc tình cờ đó. Lansdale để cho Ellsberg tùy ý hoạt động vì nhiệm vụ lần thứ hai của anh ở Việt Nam thực ra là một thất bại trong năm 1966. Anh trở lại để nhận một vai trò hoàn toàn buồn cười : tổ chức lại từ chóp chế độ Sài Gòn bằng sự thuyết phục và hấp dẫn của những lý tưởng cuộc cách mạng Mỹ. Westmoreland, tổng chỉ huy có thể được Kỳ, Thiệu và những người khác lắng nghe vì ông có những nguồn cho phép họ làm giàu. Lodge, đại sứ, cũng là một kẻ đối thoại có giá trị vì ông nắm quyền lực, họ có thể tác động để thỏa mãn tham vọng cá nhân về chính trị. Lansdale không có gì để thương lượng, và các quan chức Sài Gòn bỏ mặc ông với những bài thuyết giáo. Hơn thế, nhiệm vụ chính trị của ông là liên lạc giữa Đại sứ quán và Bộ Kiến thiết nông thôn không

còn lý do tồn tại từ khi Johnson quyết định giao cho Porter giám sát chương trình bình định. Do vậy, Lansdale ở trong một tư thế mơ hồ và đi đến thất bại trong việc cố vấn những vấn đề bình định bên cạnh Đại sứ quán. Điều tích cực duy nhất ông có thể làm trong những hoàn cảnh đáng ngờ ấy là dùng uy tín vốn có để tác động dư luận về hướng này hoặc hướng khác. Nhiệm vụ của nhóm ông cho phép Ellsberg chõ mũi vào cuộc tranh cãi về công việc bình định và hoạt động của trại Vũng Tàu. Và anh không bỏ qua ! Những báo cáo của anh với Lansdale là những bản trình bày rõ ràng, ngoạn mục luận thuyết của Vann, thuyết phục được Lansdale và gây ấn tượng cho Porter.

Tuy tình hình tồi tệ, phải để nhiều tháng, đến tháng Sáu năm 1966, người ta mới rũ bỏ được Mai, chỉ huy của nhóm trong trại. Jorgenson không muốn mất mặt khi thừa nhận trùm CIA và tất cả những công việc tình báo của ông bị một trong những nhân viên trung thành của họ lừa. Dù sao ông cũng đủ độc lập vì là trưởng chi nhánh ở Sài Gòn để thu xếp mọi việc theo ý mình.

Vann bắt đầu sợ mình la một người bị theo dõi. Tháng Tư, anh được bổ nhiệm phụ trách các kế hoạch và dự án có quyền giám sát tất cả những chương trình khác về chống nổi dậy cũng như việc huấn luyện các đội bình đinh. Tuy vậy, anh sợ bạn bè của Jorgenson than phiền vê anh khá mạnh ở Washington làm ảnh hưởng đến bước tiến của anh. Khi nghe tiếng đồn về trường hợp ấy, anh tìm một khả năng khác tránh việc đáng sợ là phải trở về Colorado.

Cũng thời kỳ đó, McNamara muốn kiểm soát chặt chẽ hơn các lực lượng quân sự, thành lập một nhóm dân sự ở Lầu Năm Góc cung cấp cho ông những phân tích không thiên vị về chiến lược và chương trình trang bị vũ khí. Văn phòng phân tích này gồm một nhóm trí thức khác thường kiểu Ellsberg. Hai người chịu trách nhiệm, Alian Enthoven, trước đây cũng ở Công ty Rand và người phó Fred Hoffman, đều là bạn của Ellsberg. Cho đến lúc đó, văn phòng phân tích bỏ quan châu Á để tập trung vào chiến lược hạt nhân và Liên minh Đại Tây Dương. Bây giờ, McNamara muốn họ nghiên cứu về việc tiến hành chiến tranh ở Việt Nam . Ông tìm một người không bảo thủ có kinh nghiệm về thực địa và khả năng trí tuệ cần thiết để phân tích về số lượng chủ yếu dựa trên thống kê. Một trong những bạn bè họ gặp Vann ở Sài Gòn, nghĩ anh có thể phù hợp với vị trí này.

Tháng Năm, Hoffman viết thư cho Vann, gợi ý trong đợt nghỉ phép tới, đến Lầu Năm Góc nói chuyện về việc phụ trách bộ phận châu Á đang hình thành. Vann trả lời sẵn sàng và Ellsberg gửi một bức thư ba trang giới thiệu một cách ca ngợi và thuyết phục. Công việc mới này cho phép Vann có khả năng gần gũi với McNamara và tiếp tục đi sâu về vấn đề anh đã ấp ủ từ lâu. Là thành viên của nhóm tinh hoa phục vụ quyền lực của Washington , một ngày nào đó anh có thể trở lại Việt Nam với trách nhiệm cao hơn. Và vì Mary Jane cùng các con đã ở

Colorado, anh không cần phải đưa họ lên Washington.

Anh trao đổi với Hoffman và Enthoven trong tháng Sáu, cố sức gây cho họ cảm tưởng có thể chờ đợi nhiều ở anh. Enthoven nhấn mạnh việc McNamara để cho Văn phòng phân tích tự do hoàn toàn nên các thành viên phải trung thành tuyệt đối với bộ trưởng Quốc phòng nếu một ngày nào họ không tán đồng đường lối của ông ấy. Vann hứa triệt để kín đáo và im lặng. Anh cho rằng vị trí người ta dành cho anh là dịp tốt, nhất là, sau khi anh trở lại Việt Nam một người bạn viết thư cho anh biết trưởng cơ quan AID của Đông Nam Á bắt đầu nghi ngờ anh qua những khiếu nại của CIA và định giữ chân anh ở vị trí bàn giấy không quyền lực.

Việc Enthoven được McNamara đồng ý, đưa anh vào vị trí này là một vinh dự và chứng tỏ tiếng tăm của Vann, sự tôn trọng sự thật, tinh thần dũng cảm và ý thức phục vụ được trung tâm hệ thống cầm quyền biết đến. Nhưng vào cuối tháng Chín, khi Enthoven quyết định có sự điều động nghiêm chỉnh thì việc tín nhiệm ban đầu của Vann ở vị trí này kém hẳn. Một cách nhìn khác và một truyền bá hơi rắc rối (mà Vann có tham gia) làm người ta xét lại vị trí của anh vì Jorgenson và CIA cho là kỳ cục. Rồi Jorgenson ra đi, việc tranh cãi trước đây chỉ là một chuyện cũ đối với trùm CIA mới dù vẫn còn một ít chua cay. Vị trí của Vann ở Việt Nam được tăng cường đến mức anh có thể đương đầu với những khiếu nại của một số chống lại anh ở Washington. Đầu tháng Mười, khi anh về làm lễ tang Myrtle, anh đã lên một bước trên bậc thang chính quyền, được bổ nhiệm làm phó giám đốc các hoạt động của AID ở Quân đoàn 3.

Vann biết Washington dự định tổ chức lại việc bình định vì tổng thống và McNamara không hài lòng về kết quả . Họ lựa chọn giữa giao toàn bộ trách nhiệm cho tướng Westomerland hoặc giữ quân sự và dân sự độc lập với nhau nhưng hợp nhất các cơ quan dân sự AID, CIA, USIS dưới quyền của Porter. Một chức vụ lãnh đạo bên trong tập hợp đó sẽ có trách nhiệm lớn hơn là giám đốc vùng củ AID. Vann đã đặt một chân vào vị trí ấy khi hiên nay anh đã có một luật sư đặc biệt tốt là Ellsberg. Do nhóm của Lansdale đã giải thể, bây giờ Ellsberg làm việc cho Porter rồi anh sẽ trở thành phó của ông. Chính chất lượng những báo cáo của anh cho Lansdale rất nhuộm màu chiến tranh, đã đưa anh lên vị trí này. Vann đã dạy cho anh sự mạo hiểm sẽ được trả công rất hào phóng bằng nguồn tin tức dồi dào thu lượm được và sẽ thỏa mãn về cảm giác nên Ellsberg không ngừng một mình đi khắp nước hoặc đi cùng Scotton và Bumgardner khi Vann không rảnh việc . Họ chấp nhận với nhau là thành viên nhóm tinh hoa nhỏ người Mỹ, như Vann, say sưa và táo bạo.

John Vann cũng biết trong quá trình cải tổ như vậy, xu hướng tự nhiên của chính quyền là lựa chọn những nhân vật không bàn cãi về các vị trí có trách nhiệm. Để tăng thêm vận may, anh chơi trò nhìn vào người cần đến mình : anh

viết thư cho Enthoven ở Lầu Năm Góc nói sẽ rất sung sướng được đứng đầu bộ phận châu Á mới của anh và những việc đào tạo chính thức sẽ bắt đầu với sự bô nhiệm mới này. Dĩ nhiên, anh làm cho những người có tiếng nói ở Sài Gòn biết sự tình cờ hấp dẫn ấy đồng thời anh đề nghị với Washington giải quyết công việc tạm thời này biến nó thành vị trí ổn đinh. Như anh đã viết cho một người bạn ở Denver "Tôi sử dụng Enthoven để gây rắc rối cho AID".

Porter chắc tán thành Vann đủ để có một quyết định mạnh bạo. Washington chọn giải pháp thứ hai, tập hợp các cơ quan dân sự dưới một mái dù và cuối tháng Chín năm 1966 tuyên bố thành lập Cơ quan các hoạt động dân sự (OCO). Porter được Lodge đồng ý, để cho Vann chọn giữa Quân đoàn 3 và Quân đoàn 4, chỗ chiến tranh bị đình trệ. Vậy là anh thích Quân đoàn 3 hơn vì những lý do nghiệp vụ và riêng tư. Văn phòng của anh ở Biên Hòa chỉ cần nửa giờ đi xe là đến Sài Gòn. Đấy là trung tâm dễ tiếp cận quyền lực của Đại sứ quán và của Westmoreland, những "nhà du lịch" nổi tiếng đến ngó xem cuộc chiến tranh , cũng thuận tiện liên lạc với báo chí vốn không bỏ qua việc bổ nhiệm anh. Ward Just của tờ WASHINGTON POST viết một bài báo đăng lên trang đầu, nói Porter đã chọn "một trong những người Mỹ huyền thoại".

Việc chọn vị trí này không cản trở gì cuộc sống riêng tư của anh với Annie và Lee, không làm anh mất cảm giác của những đêm Sài Gòn . Bán kính hoạt động của anh trải rộng trên 11 tỉnh xung quanh thủ đô. Anh bố trí tổng hành dinh trong một chỗ trú quân khiêm tốn AID đã làm gần sân bay Biên Hòa và tổng hành dinh của Quân đoàn 3. Sở chỉ huy các lực lượng Mỹ, bốn sư đoàn, thêm một lực lượng quân Úc 45.000 người và một lớp lính mới nhập ngũ người New Zealand, bố trí tại một căn cứ mới rộng lớn ở Long Bình cách đấy không xa.

Vị trí đứng đầu những hoạt động dân sự của Quân đoàn 3 là chức trách đầu tiên quan trọng nhất của Vann kể từ Sư đoàn 7 và anh rất hào hứng. Trong giấy bổ nhiệm chính thức, Porter chỉ rõ anh là "viên chức dân sự Mỹ có cấp bậc cao nhất trong vùng" và anh "lãnh đạo, giám sát, phối hợp mọi hoạt động dân sự Mỹ". Việc bổ nhiệm chính thức anh vào phân ban châu Á của Washington đến cùng một lúc với quyết định của Porter. Vann viết thư cho Enthoven tỏ ý tiếc, nói rằng việc đề bạt của Porter là một bất ngờ; để chuẩn bị cho tương lai, anh nói thêm kinh nghiệm làm việc ở Quân đoàn 3 sẽ chuẩn bị tốt hơn cho một vị trí sau này ở Lầu Năm Góc. Các cố vấn dân sự trong một tỉnh bắt đầu làm việc thành nhóm dưới quyền một người có trách nhiệm có thể thuộc về bất cứ cơ quan nào và sẽ đại diện cho họ trong quan hệ với những quan chức Việt Nam . Tuy vậy, do các cố vấn quân sự tùy thuộc vào một sự chỉ huy khác, những yếu tố an ninh cần thiết cho công việc bình định, các lực lượng vùng và cảnh sát tiếp tục dưới một quyền lực khác.

Những bất cập và yếu kém của Cơ quan hoạt động dân sự mà Vann nhận thức thấy không làm giảm niềm vui của anh là đảm đương một cấp dân sự tương đương gần như một tổng chỉ huy ở thực địa. Tính tất cả thành viên ban tham mưu của anh, các cố vấn và phó của họ, Vann có dưới quyền của mình 350 người Mỹ, gần 100 người Philippines và Nam Hàn, hơn 550 nhân viên Việt Nam . Tướng Seaman vốn mến anh, tiếp anh ở phòng ăn các sĩ quan, để anh ra vào tự do ở ban tham mưu với lợi thế của một nhân vật quan trọng, đặc biệt được sử dụng tùy ý một trong những chiếc máy bay lên thẳng H-23 dùng cho việc quan sát và liên lạc. Nhờ chiếc máy bay nhỏ hai chỗ ngồi này, Vann đi thăm 11 tỉnh trong một tuần lễ vào tháng Chạp. Ở mỗi tỉnh, anh qua nửa ngày với các cố vấn dân sự, giải thích kế hoạch hành động, hỏi họ và chọn những người phụ trách. Tuần lễ tiếp đó, anh trình bày với Seaman và ban tham mưu của ông tổ chức mới của chương trình bình định và những mục tiêu muốn đạt được. Rồi anh cũng làm thế với các chỉ huy sư đoàn và ban tham mưu. Nói chuyện với những người cầu vai có sao thật là vui thích ! Anh viết thư cho York “Không cần phải nói tôi hân hoan đến mức nào về công việc mới của tôi”.

Tình hình công việc không làm Vann để mất mục tiêu cuối cùng của anh. Cũng trong bức thư gửi York ngày 23 tháng Chạp, anh viết “Không may là tôi không thể thông báo cho anh một tiến bộ nào từ khi chúng ta trao đổi với nhau trong mùa xuân. Tôi vẫn luôn lạc quan về điều có thể làm nhưng vẫn buồn lòng về thực tế thực hiện được ít ỏi”. Cùng thời gian ấy, diễn ra những sự kiện quan trọng. Bây giờ, tướng Westmoreland sử dụng ở miền Nam 385.000 lính Mỹ và đi vào giai đoạn hai cuộc chiến tranh hủy diệt của ông : chuẩn bị cho chiến thắng cuối cùng. Vann không thấy sự tàn bạo ấy có thể giúp xây dựng ở Sài Gòn một chính phủ và một xã hội bền vững ở chỗ nào. Anh viết trong một bức thư khác “Tôi rất sợ không bao giờ chúng ta phát hiện ra cách có thể thắng ở Nam Việt Nam. Có vẻ tuyệt đối chắc chắn chúng ta tiếp tục leo thang cho đến lúc Bắc Việt Nam buộc phải thương lượng và ở bàn thảo luận, chúng ta sẽ đặt cược vào tất cả những gì chúng ta đạt được, giá của những sinh mạng Mỹ và Việt Nam , không kể đến những tỷ đô la phải đóng góp”. John Vann tôi gặp năm ấy đang sục sôi giận dữ, nhận thấy sự đau khổ vô ích áp đặt lên tầng lớp nông dân Việt Nam , sự tha hóa được người Mỹ khuyến khích, thái độ lơ là của Quân lực Cộng hòa và sự biến đổi xâu xa của đất nước này mà anh đã đầu tư biết bao sức lực với bao xúc cảm.

Làn sóng những người mất gốc tăng lên theo những dòng suối không nhà cửa như tôi đã thấy ở đồng bằng Bồng Sơn đã lên đến hơn 2 triệu người. Những mất mát dân thường, phần lớn do những “hành động bạn bè”, theo một đánh giá dè dặt, hàng năm đã có 25.000 người chết, bình quân mỗi ngày 68 đàn ông, đàn bà

và trẻ con. Mỗi năm khoảng 50.000 người không chiến đấu bị thương nặng. Thôn làng bỏ lại, ruộng lúa không cấy cày đã trở thành quang cảnh quen thuộc ở nông thông. Hơn một phần ba ruộng đồng ven biển miền Trung bỏ hoang. Những vùng tự do bắn phá mà người ta gọi là “vùng tấn công” phát triển nhanh chóng trên bản đồ bằng những gạch đỏ không thể đếm được số lượng và diện tích nữa. Những máy bay B-52 của chỉ huy Không quân chiến lược hành quân với mật danh “Cầu Vồng “chỉ còn bỏ bom những cơ sở cộng sản ở các vùng tương đối không có người ở vì sức công phá gần như một máy bay hạt nhân chiến thuật. Máy bay phản lực tám động cơ biến thành những quái vật ném bom hai mươi tấn bom bay. Một đội hình sáu chiếc b-52 bay cao 10.000 mét thực tế có thể phá hủy tất cả trong một chu vi chiều rộng một cây số, chiều dài ba cây số. Mỗi lần “Cầu Vồng” ầm ì lúc bình minh quanh Sài Gòn , cả thành phố thức dậy vì rung chuyển.

Máy bay B-52 chỉ thả một phần ba số bom. Hai phần ba kia dành cho máy bay tiêm kích ném bom muốn đánh đâu tùy thích. Cuối năm 1966, mỗi ngày có 400 lần bay. Trong 24 giờ, kể cả B-52, 825 tấn bom đổ xuống một vùng đất rộng bằng một phần ba nước Pháp. Từ cửa máy bay, người ta có thể thấy những vệt nâu lớn hố bom làm biến dạng vẻ đẹp phong cảnh của Việt Nam.

Nhưng máy bay không chỉ ném bom. Năm 1966, những chiếc C-123 dùng thuốc diệt cỏ tiêu diệt gần 350.000 héc ta rừng và hoa màu. Việc rải hóa chất làm trụi lá bắt đầu từ năm 1962 lại là một sai lầm nữa của John Kennedy thuận theo sự độc ác của Diệm và niềm say mê những giải pháp công nghệ của McNamara. Năm 1965, quân đội Mỹ tới Việt Nam , việc làm rụng lá cũng như những việc khác tăng theo con số chính xác và triệt để. Từ năm 1967, 600.000 héc ta rừng và đất canh tác bị phá hủy hàng năm để làm binh lính cộng sản thiếu ăn và không có chỗ ẩn náu. Việc phun hóa chất của máy bay C-123 lan theo gió, thuốc trừ cỏ bốc hơi vì nhiệt độ cao làm chết cả cây ăn quả và những vùng trồng trọt không trực tiếp bị đổ xuống. 70 triệu lít thuốc trừ cỏ dội trên 20% rừng miền Nam theo cách như vậy. Chất độc thường dùng nhất có chứa một lượng nhỏ dioxin, một trong những hóa chất nguy hiểm nhất, cuối cùng tích tụ lại trong bùn những con suối và thâm nhập vào toàn bộ hệ sinh thái. Sau chiến tranh những cuộc thử nghiệm chỉ rõ trong cơ thể dân chúng miền Nam có lượng dioxin lớn gấp ba lần liều lượng trung bình.

Khối lượng đạn súng cối và ca nông gần bằng khối lượng bom do máy bay dội xuống. Thông thường quân lực Cộng hòa bắn 1.000 quả đạn trọng pháo Mỹ , gấp mười lần số lượng cần thiết để chống lại Việt Nam và quân chủ lực Bắc Việt . Mức độ tiêu thụ vượt xa số lượng các cơ quan hậu cần xây dựng theo kinh nghiệm Thế chiến thứ hai và chiến tranh Triều Tiên. Tướng DePuy được

Westmoreland khen thưởng vào mùa xuân năm 1966 về việc chỉ huy Sư đoàn 1 bộ binh và nhận ngôi sao thứ hai do sự đóng góp trong cuộc chiến tranh hủy diệt. Ông ta đã bắn đạn súng cối vào vùng trồng cao su đến mức Seaman phải bắt đầu định mức cho ông "Giải pháp ở Việt Nam là bom nhiều nữa, đạn cối nhiều nữa, napalm nhiều nữa cho đến lúc đối phương gục xuống và bỏ cuộc", một hôm trong bữa ăn trưa dưới lều bạt, DePuy đã nói như vậy với Ellsberg.

Theo "Qui ước của quân đội chiến đấu 27-10" ký tại La Haye và Geneve khi đăng ký hợp pháp quân đội Mỹ, nói rõ các sĩ quan "phải tôn trọng những nguyên tắc nhân đạo và thượng võ". Trong cuộc hành quân Máy nghiền ở Bồng Sơn, những người Mỹ có trách nhiệm ở Việt Nam quay mặt đi và những người nông dân bị bỏ mặc cho AID. Một bác sĩ quân ý, trung tướng James Humphreys, cố phát huy tối da lòng nhân đạo. Ông xin hai máy bay vận tải và năm trực thăng để chuyển dân thường bị thương lên bệnh viện tỉnh và đưa những người cần chữa trị đặc biệt lên bệnh viện Sài Gòn . Những người bị thương nặng không có may mắn được trực thăng chở đi chết trước khi được cứu chữa và những người đi xe cấp cứu đến Sài Gòn thì cuộc hành trình dài trên những con đường hư hỏng cũng đủ để kết thúc cuộc đời họ. Trong một nước có những phi đội đầy đủ máy bay vận tải, 2000 chiếc trực thăng năm 1966 và hơn 3000 năm 1967, tướng Humphrey được trả lời những yêu cầu về quân sự không cho phép hai máy bay vận tải và năm trực thăng quay lại để chuyển những người dân thường bị thương.

Humphrey dự định cho xây dựng ba bệnh viên quân y dành cho dân thường bị thương. Ông đã tính hàng năm số lượng người bị thương sẽ lên đến 75.000 người (năm 1968 có 85.000 người). Nghị sĩ Edward Kennedy, nhân vật chính trị độc nhất ở Washington không ngừng nêu lên điều kiện đáng buồn của thường dân Việt Nam lên ủy ban Thượng viện về người tị nạn mà ông là thành viên, làm mọi điều cần thiết để Humphreys có thể trình bày kế hoạch lên tổng thống ở hội nghị Guam tháng Ba năm 1967, Lyndon Johnson đã phê chuẩn.

Đáng lẽ những bệnh viên được xây dựng trong ba tháng. Nhưng lề lối quan liêu của các cơ quan y tế trong quân đội không muốn nhận trách nhiệm, làm chậm trễ và phá hỏng kế hoạch. Một nhóm điều tra của các bác sĩ nổi tiếng do phó chủ tịch Hội bảo vệ sức khỏe Mỹ cầm đầu, được cử sang Việt Nam vào mùa hè năm 1968. Nhóm này cũng phản đối kế hoạch vì sợ quân đội không đưa thầy thuốc vào các bệnh viện mới. Tháng Mười năm 1967, Kennedy phải chỉ thị nhiều lần , buộc quân đội dành 300 giường trong những bệnh viên quân y hiện có cho dân thường bị thương, con số này tháng Chạp lên đến 500. Hai bệnh viện đầu tiên do Humphreys dự kiến cuối cùng làm xong vào mùa xuân năm 1968 và bệnh viện thứ ba hoàn thành trong năm. Các bệnh viện chữa trị được khoảng 10% dân thường bị thương trước khi đóng cửa vào năm 1971. Humphreys và

người kế nhiệm tổ chức được các đội y tế gồm người Mỹ và một số đồng minh chiến đấu người Úc và người Nam Hàn. AID cũng cử sang những người tình nguyện tuyển dụng ở Hoa Kỳ trong thời hạn hai tháng. Nhưng mọi cố gắng ấy không tránh được việc làm cho những bệnh viện tỉnh thành những nơi chồng chất xác chết.

Vann tin chắc việc nảy sinh dân tị nạn và số lượng mất mát kèm theo không phải do những trận đánh vào quân địch mà là kết quả của một đường lối có chủ đích cảu chỉ huy cấp cao. Mỗi lần chúng tôi nói về điều đó, anh giận dữ như trước đây khi một cố vấn của Sư đoàn 25 tuyên bố rằng nếu nông dân muốn sống với những người cộng sản thì "họ phải chịu bom đạn". Khi ấy, cổ và mặt anh đỏ lên vì bực bội và cuộc nói chuyện kết thúc bằng một tràng chửi rủa.

Có thể Westmoreland không có ý định gây ra một làn sóng rộng lớn và những mất mát cho dân thường cao đến vậy. Ông ta bắt đầu cuộc chiến tranh một cách quá đáng vì chỉ nghĩ đơn giản như DePuy phải "đánh" cho quân địch đến chết. Nhưng có vẻ dĩ nhiên khi nhận định những hậu quả chiến lược của mình, ông rút ra những gì ông tưởng là lợi thế và ý thức về việc mình làm cũng như những người có trách nhiệm trên và dưới ông.

Westmoreland là một người rất lịch sự và cởi mở với báo chí trong những năm đầu chiến tranh này. Khi một phóng viên kết thúc công việc ở Việt Nam, anh không ra đi mà không được đặc ân có một ngày cùng Westmoreland đi trực thăng tham các đơn vị khác nhau. Đấy cũng là trường hợp của tôi trước khi trở về NEW YORK TIMES ở Washington vào tháng Tám năm 1966. Tôi có dịp hỏi vị tướng nghĩ gì trước sự mất mát to lớn của dân thường do máy bay và trọng pháo bắn phá. Ông trả lời :

"Neil, chắc chắn đấy là một vấn đề. Nhưng việc ấy làm cho quân địch không có sự giúp đỡ của dân chúng, đúng không ?".

Richard Holbrooke, người tập sự của năm 1963, đã trở thành trợ lý của Porter vì là một trong những nhà ngoại giao hiếm hoi có kinh nghiệm về bình định trên thực địa. Khi Vann vào văn phòng kể chuyện, Holbrooke không muốn tin. Thật quá sửng sốt.

Chương trình huấn luyện đặc vụ của CIA, Vann kể, bị "đổi hướng" bởi một thành viên nhóm chính trị mờ ám Việt Nam dùng làm vỏ bọc tuyên truyền chống cộng sản và cũng chống Sài Gòn . Thủ phạm là người chỉ huy trại, chịu trách nhiệm về chương trình học, đại úy Quân lực Cộng hòa Lê Xuân Mai, nhân viên CIA những năm 1950. Không chỉ tuyên truyền trong những người thực tập bằng sự khóe léo trong các bài học chính trị, ông ta đưa vào mỗi đội một nhóm bí mật bốn thành viên của ông. Ông ta làm điều đó tự do trước mắt các chỉ huy CIA và trợ lý vì không một ai trong trại nói được tiếng Việt. Mặt khác, không người nào

kể cả Jorgenson và ai đó dưới quyền ông tò mò đọc báo dịch những gì người ta dạy. Châu phát hiện ra điều đó và cảnh báo với Vann.

Holbrooke xác minh lại câu chuyện này và khi thấy đúng, đã thu xếp một cuộc hẹn gặp Porter. Vann đã gặp ông này một lần trước đây để trình bày quan điểm của mình về các bài giảng và không may cho anh, Porter đã được Jorgenson phỉnh phờ nói trước những điều không tốt về anh. Cuộc hẹn gặp lần thứ hai ấn định vào cuối ngày. Porter ra khỏi văn phòng, nói với Holbrooke ông về nhà. Vann theo ông, vừa đi vừa nói.

Hôm sau, Porter trở về Đại sứ quán, kinh ngạc và thích thú. Ông kể Vann không rời ông một giây, theo ông trong thang máy rồi ra đến xe vừa không ngừng nói. Anh bảo có thể lên chỗ ông vì còn nhiều điều cần nói. Porter đồng ý và Vann ngồi vào ghế sau bên cạnh ông vừa tiếp tục giải thích. Một lúc sau, chiếc xe limousine dừng lại vì tắc nghẽn giao thông. Vann đột ngột nói “Xin cám ơn nhiều, thưa ông đại sứ” và mở cửa xe, biến mất trong đám đông. Porter bắt đầu hiểu rõ hơn những đức tính của con người khá lập dị này.

Tình bạn và sự thán phục của Dan Ellsberg đối với Vann dựa nhiều vào sự việc tình cờ đó. Lansdale để cho Ellsberg tùy ý hoạt động vì nhiệm vụ lần thứ hai của anh ở Việt Nam thực ra là một thất bại trong năm 1966. Anh trở lại để nhận một vai trò hoàn toàn buồn cười : tổ chức lại từ chóp chế độ Sài Gòn bằng sự thuyết phục và hấp dẫn của những lý tưởng cuộc cách mạng Mỹ. Westmoreland, tổng chỉ huy có thể được Kỳ, Thiệu và những người khác lắng nghe vì ông có những nguồn cho phép họ làm giàu. Lodge, đại sứ, cũng là một kẻ đối thoại có giá trị vì ông nắm quyền lực, họ có thể tác động để thỏa mãn tham vọng cá nhân về chính trị. Lansdale không có gì để thương lượng, và các quan chức Sài Gòn bỏ mặc ông với những bài thuyết giáo. Hơn thế, nhiệm vụ chính trị của ông là liên lạc giữa Đại sứ quán và Bộ Kiến thiết nông thôn không còn lý do tồn tại từ khi Johnson quyết định giao cho Porter giám sát chương trình bình định. Do vậy, Lansdale ở trong một tư thế mơ hồ và đi đến thất bại trong việc cố vấn những vấn đề bình định bên cạnh Đại sứ quán. Điều tích cực duy nhất ông có thể làm trong những hoàn cảnh đáng ngờ ấy là dùng uy tín vốn có để tác động dư luận về hướng này hoặc hướng khác. Nhiệm vụ của nhóm ông cho phép Ellsberg chõ mũi vào cuộc tranh cãi về công việc bình định và hoạt động của trại Vũng Tàu. Và anh không bỏ qua ! Những báo cáo của anh với Lansdale là những bản trình bày rõ ràng, ngoạn mục luận thuyết của Vann, thuyết phục được Lansdale và gây ấn tượng cho Porter.

Tuy tình hình tồi tệ, phải để nhiều tháng, đến tháng Sáu năm 1966, người ta mới rũ bỏ được Mai, chỉ huy của nhóm trong trại. Jorgenson không muốn mất mặt khi thừa nhận trùm CIA và tất cả những công việc tình báo của ông bị một

trong những nhân viên trung thành của họ lừa. Dù sao ông cũng đủ độc lập vì là trưởng chi nhánh ở Sài Gòn để thu xếp mọi việc theo ý mình.

Vann bắt đầu sợ mình la một người bị theo dõi. Tháng Tư, anh được bổ nhiệm phụ trách các kế hoạch và dự án có quyền giám sát tất cả những chương trình khác về chống nổi dậy cũng như việc huấn luyện các đội bình đinh. Tuy vậy, anh sợ bạn bè của Jorgenson than phiền về anh khá mạnh ở Washington làm ảnh hưởng đến bước tiến của anh. Khi nghe tiếng đồn về trường hợp ấy, anh tìm một khả năng khác tránh việc đáng sợ là phải trở về Colorado.

Cũng thời kỳ đó, McNamara muốn kiểm soát chặt chẽ hơn các lực lượng quân sự, thành lập một nhóm dân sự ở Lầu Năm Góc cung cấp cho ông những phân tích không thiên vị về chiến lược và chương trình trang bị vũ khí. Văn phòng phân tích này gồm một nhóm trí thức khác thường kiểu Ellsberg. Hai người chịu trách nhiệm, Alian Enthoven, trước đây cũng ở Công ty Rand và người phó Fred Hoffman, đều là bạn của Ellsberg. Cho đến lúc đó, văn phòng phân tích bỏ quan châu Á để tập trung vào chiến lược hạt nhân và Liên minh Đại Tây Dương. Bây giờ, McNamara muốn họ nghiên cứu về việc tiến hành chiến tranh ở Việt Nam . Ông tìm một người không bảo thủ có kinh nghiệm về thực địa và khả năng trí tuệ cần thiết để phân tích về số lượng chủ yếu dựa trên thống kê. Một trong những bạn bè họ gặp Vann ở Sài Gòn, nghĩ anh có thể phù hợp với vị trí này.

Tháng Năm, Hoffman viết thư cho Vann, gợi ý trong đợt nghỉ phép tới, đến Lầu Năm Góc nói chuyện về việc phụ trách bộ phận châu Á đang hình thành. Vann trả lời sẵn sàng và Ellsberg gửi một bức thư ba trang giới thiệu một cách ca ngợi và thuyết phục. Công việc mới này cho phép Vann có khả năng gần gũi với McNamara và tiếp tục đi sâu về vấn đề anh đã ấp ủ từ lâu. Là thành viên của nhóm tinh hoa phục vụ quyền lực của Washington , một ngày nào đó anh có thể trở lại Việt Nam với trách nhiệm cao hơn. Và vì Mary Jane cùng các con đã ở Colorado, anh không cần phải đưa họ lên Washington.

Anh trao đổi với Hoffman và Enthoven trong tháng Sáu, cố sức gây cho họ cảm tưởng có thể chờ đợi nhiều ở anh. Enthoven nhấn mạnh việc McNamara để cho Văn phòng phân tích tự do hoàn toàn nên các thành viên phải trung thành tuyệt đối với bộ trưởng Quốc phòng nếu một ngày nào họ không tán đồng đường lối của ông ấy. Vann hứa triệt để kín đáo và im lặng. Anh cho rằng vị trí người ta dành cho anh là dịp tốt, nhất là, sau khi anh trở lại Việt Nam một người bạn viết thư cho anh biết trưởng cơ quan AID của Đông Nam Á bắt đầu nghi ngờ anh qua những khiếu nại của CIA và định giữ chân anh ở vị trí bàn giấy không quyền lực.

Việc Enthoven được McNamara đồng ý, đưa anh vào vị trí này là một vinh dự và chứng tỏ tiếng tăm của Vann, sự tôn trọng sự thật, tinh thần dũng cảm và ý thức phục vụ được trung tâm hệ thống cầm quyền biết đến. Nhưng vào cuối

tháng Chín, khi Enthoven quyết định có sự điều động nghiêm chỉnh thì việc tín nhiệm ban đầu của Vann ở vị trí này kém hẳn. Một cách nhìn khác và một truyền bá hơi rắc rối (mà Vann có tham gia) làm người ta xét lại vị trí của anh vì Jorgenson và CIA cho là kỳ cục. Rồi Jorgenson ra đi, việc tranh cãi trước đây chỉ là một chuyện cũ đối với trùm CIA mới dù vẫn còn một ít chua cay. Vị trí của Vann ở Việt Nam được tăng cường đến mức anh có thể đương đầu với những khiếu nại của một số chống lại anh ở Washington. Đầu tháng Mười, khi anh về làm lễ tang Myrtle, anh đã lên một bước trên bậc thang chính quyền, được bổ nhiệm làm phó giám đốc các hoạt động của AID ở Quân đoàn 3.

Vann biết Washington dự định tổ chức lại việc bình định vì tổng thống và McNamara không hài lòng về kết quả . Họ lựa chọn giữa giao toàn bộ trách nhiệm cho tướng Westomerland hoặc giữ quân sự và dân sự độc lập với nhau nhưng hợp nhất các cơ quan dân sự AID, CIA, USIS dưới quyền của Porter. Một chức vụ lãnh đạo bên trong tập hợp đó sẽ có trách nhiệm lớn hơn là giám đốc vùng củ AID. Vann đã đặt một chân vào vị trí ấy khi hiên nay anh đã có một luật sư đặc biệt tốt là Ellsberg. Do nhóm của Lansdale đã giải thể, bây giờ Ellsberg làm việc cho Porter rồi anh sẽ trở thành phó của ông. Chính chất lượng những báo cáo của anh cho Lansdale rất nhuộm màu chiến tranh, đã đưa anh lên vị trí này. Vann đã dạy cho anh sự mạo hiểm sẽ được trả công rất hào phóng bằng nguồn tin tức dồi dào thu lượm được và sẽ thỏa mãn về cảm giác nên Ellsberg không ngừng một mình đi khắp nước hoặc đi cùng Scotton và Bumgardner khi Vann không rảnh việc . Họ chấp nhận với nhau là thành viên nhóm tinh hoa nhỏ người Mỹ, như Vann, say sưa và táo bạo.

John Vann cũng biết trong quá trình cải tổ như vậy, xu hướng tự nhiên của chính quyền là lựa chọn những nhân vật không bàn cãi về các vị trí có trách nhiệm. Để tăng thêm vận may, anh chơi trò nhìn vào người cần đến mình : anh viết thư cho Enthoven ở Lầu Năm Góc nói sẽ rất sung sướng được đứng đầu bộ phận châu Á mới của anh và những việc đào tạo chính thức sẽ bắt đầu với sự bô nhiệm mới này. Dĩ nhiên, anh làm cho những người có tiếng nói ở Sài Gòn biết sự tình cờ hấp dẫn ấy đồng thời anh đề nghị với Washington giải quyết công việc tạm thời này biến nó thành vị trí ổn đinh. Như anh đã viết cho một người bạn ở Denver “Tôi sử dụng Enthoven để gây rắc rối cho AID”.

Porter chắc tán thành Vann đủ để có một quyết định mạnh bạo. Washington chọn giải pháp thứ hai, tập hợp các cơ quan dân sự dưới một mái dù và cuối tháng Chín năm 1966 tuyên bố thành lập Cơ quan các hoạt động dân sự (OCO). Porter được Lodge đồng ý, để cho Vann chọn giữa Quân đoàn 3 và Quân đoàn 4, chỗ chiến tranh bị đình trệ. Vậy là anh thích Quân đoàn 3 hơn vì những lý do nghiệp vụ và riêng tư. Văn phòng của anh ở Biên Hòa chỉ cần nửa giờ đi xe là

đến Sài Gòn. Đấy là trung tâm dễ tiếp cận quyền lực của Đại sứ quán và của Westmoreland, những "nhà du lịch" nổi tiếng đến ngó xem cuộc chiến tranh , cũng thuận tiện liên lạc với báo chí vốn không bỏ qua việc bổ nhiệm anh. Ward Just của tờ WASHINGTON POST viết một bài báo đăng lên trang đầu, nói Porter đã chọn "một trong những người Mỹ huyền thoại".

Việc chọn vị trí này không cản trở gì cuộc sống riêng tư của anh với Annie và Lee, không làm anh mất cảm giác của những đêm Sài Gòn . Bán kính hoạt động của anh trải rộng trên 11 tỉnh xung quanh thủ đô. Anh bố trí tổng hành dinh trong một chỗ trú quân khiêm tốn AID đã làm gần sân bay Biên Hòa và tổng hành dinh của Quân đoàn 3. Sở chỉ huy các lực lượng Mỹ, bốn sư đoàn, thêm một lực lượng quân Úc 45.000 người và một lớp lính mới nhập ngũ người New Zealand, bố trí tại một căn cứ mới rộng lớn ở Long Bình cách đấy không xa.

Vị trí đứng đầu những hoạt động dân sự của Quân đoàn 3 là chức trách đầu tiên quan trọng nhất của Vann kể từ Sư đoàn 7 và anh rất hào hứng. Trong giấy bổ nhiệm chính thức, Porter chỉ rõ anh là "viên chức dân sự Mỹ có cấp bậc cao nhất trong vùng" và anh "lãnh đạo, giám sát, phối hợp mọi hoạt động dân sự Mỹ". Việc bổ nhiệm chính thức anh vào phân ban châu Á của Washington đến cùng một lúc với quyết định của Porter. Vann viết thư cho Enthoven tỏ ý tiếc, nói rằng việc đề bạt của Porter là một bất ngờ; để chuẩn bị cho tương lai, anh nói thêm kinh nghiệm làm việc ở Quân đoàn 3 sẽ chuẩn bị tốt hơn cho một vị trí sau này ở Lầu Năm Góc. Các cố vấn dân sự trong một tỉnh bắt đầu làm việc thành nhóm dưới quyền một người có trách nhiệm có thể thuộc về bất cứ cơ quan nào và sẽ đại diện cho họ trong quan hệ với những quan chức Việt Nam . Tuy vậy, do các cố vấn quân sự tùy thuộc vào một sự chỉ huy khác, những yếu tố an ninh cần thiết cho công việc bình định, các lực lượng vùng và cảnh sát tiếp tục dưới một quyền lực khác.

Những bất cập và yếu kém của Cơ quan hoạt động dân sự mà Vann nhận thức thấy không làm giảm niềm vui của anh là đảm đương một cấp dân sự tương đương gần như một tổng chỉ huy ở thực địa. Tính tất cả thành viên ban tham mưu của anh, các cố vấn và phó của họ, Vann có dưới quyền của mình 350 người Mỹ, gần 100 người Philippines và Nam Hàn, hơn 550 nhân viên Việt Nam . Tướng Seaman vốn mến anh, tiếp anh ở phòng ăn các sĩ quan, để anh ra vào tự do ở ban tham mưu với lợi thế của một nhân vật quan trọng, đặc biệt được sử dụng tùy ý một trong những chiếc máy bay lên thẳng H-23 dùng cho việc quan sát và liên lạc. Nhờ chiếc máy bay nhỏ hai chỗ ngồi này, Vann đi thăm 11 tỉnh trong một tuần lễ vào tháng Chạp. Ở mỗi tỉnh, anh qua nửa ngày với các cố vấn dân sự, giải thích kế hoạch hành động, hỏi họ và chọn những người phụ trách. Tuần lễ tiếp đó, anh trình bày với Seaman và ban tham mưu của ông tổ chức mới

của chương trình bình định và những mục tiêu muốn đạt được. Rồi anh cũng làm thế với các chỉ huy sư đoàn và ban tham mưu. Nói chuyện với những người cầu vai có sao thật là vui thích ! Anh viết thư cho York “Không cần phải nói tôi hân hoan đến mức nào về công việc mới của tôi”.

Tình hình công việc không làm Vann để mất mục tiêu cuối cùng của anh. Cũng trong bức thư gửi York ngày 23 tháng Chạp, anh viết “Không may là tôi không thể thông báo cho anh một tiến bộ nào từ khi chúng ta trao đổi với nhau trong mùa xuân. Tôi vẫn luôn lạc quan về điều có thể làm nhưng vẫn buồn lòng về thực tế thực hiện được ít ỏi”. Cùng thời gian ấy, diễn ra những sự kiện quan trọng. Bây giờ, tướng Westmoreland sử dụng ở miền Nam 385.000 lính Mỹ và đi vào giai đoạn hai cuộc chiến tranh hủy diệt của ông : chuẩn bị cho chiến thắng cuối cùng. Vann không thấy sự tàn bạo ấy có thể giúp xây dựng ở Sài Gòn một chính phủ và một xã hội bền vững ở chỗ nào. Anh viết trong một bức thư khác “Tôi rất sợ không bao giờ chúng ta phát hiện ra cách có thể thắng ở Nam Việt Nam. Có vẻ tuyệt đối chắc chắn chúng ta tiếp tục leo thang cho đến lúc Bắc Việt Nam buộc phải thương lượng và ở bàn thảo luận, chúng ta sẽ đặt cược vào tất cả những gì chúng ta đạt được, giá của những sinh mạng Mỹ và Việt Nam , không kể đến những tỷ đô la phải đóng góp”. John Vann tôi gặp năm ấy đang sục sôi giận dữ, nhận thấy sự đau khổ vô ích áp đặt lên tầng lớp nông dân Việt Nam , sự tha hóa được người Mỹ khuyến khích, thái độ lơ là của Quân lực Cộng hòa và sự biến đổi xâu xa của đất nước này mà anh đã đầu tư biết bao sức lực với bao xúc cảm.

Làn sóng những người mất gốc tăng lên theo những dòng suối không nhà cửa như tôi đã thấy ở đồng bằng Bồng Sơn đã lên đến hơn 2 triệu người. Những mất mát dân thường, phần lớn do những “hành động bạn bè”, theo một đánh giá dè dặt, hàng năm đã có 25.000 người chết, bình quân mỗi ngày 68 đàn ông, đàn bà và trẻ con. Mỗi năm khoảng 50.000 người không chiến đấu bị thương nặng. Thôn làng bỏ lại, ruộng lúa không cấy cày đã trở thành quang cảnh quen thuộc ở nông thông. Hơn một phần ba ruộng đồng ven biển miền Trung bỏ hoang. Những vùng tự do bắn phá mà người ta gọi là “vùng tấn công” phát triển nhanh chóng trên bản đồ bằng những gạch đỏ không thể đếm được số lượng và diện tích nữa. Những máy bay B-52 của chỉ huy Không quân chiến lược hành quân với mật danh “Cầu Vồng” chỉ còn bỏ bom những cơ sở cộng sản ở các vùng tương đối không có người ở vì sức công phá gần như một máy bay hạt nhân chiến thuật. Máy bay phản lực tám động cơ biến thành những quái vật ném bom hai mươi tấn bom bay. Một đội hình sáu chiếc b-52 bay cao 10.000 mét thực tế có thể phá hủy tất cả trong một chu vi chiều rộng một cây số, chiều dài ba cây số. Mỗi lần “Cầu Vồng” ầm ì lúc bình minh quanh Sài Gòn , cả thành phố thức

dậy vì rung chuyển.

Máy bay B-52 chỉ thả một phần ba số bom. Hai phần ba kia dành cho máy bay tiêm kích ném bom muốn đánh đâu tùy thích. Cuối năm 1966, mỗi ngày có 400 lần bay. Trong 24 giờ, kể cả B-52, 825 tấn bom đổ xuống một vùng đất rộng bằng một phần ba nước Pháp. Từ cửa máy bay, người ta có thể thấy những vệt nâu lớn hố bom làm biến dạng vẻ đẹp phong cảnh của Việt Nam.

Nhưng máy bay không chỉ ném bom. Năm 1966, những chiếc C-123 dùng thuốc diệt cỏ tiêu diệt gần 350.000 héc ta rừng và hoa màu. Việc rải hóa chất làm trụi lá bắt đầu từ năm 1962 lại là một sai lầm nữa của John Kennedy thuận theo sự độc ác của Diệm và niềm say mê những giải pháp công nghệ của McNamara. Năm 1965, quân đội Mỹ tới Việt Nam , việc làm rụng lá cũng như những việc khác tăng theo con số chính xác và triệt để. Từ năm 1967, 600.000 héc ta rừng và đất canh tác bị phá hủy hàng năm để làm binh lính cộng sản thiếu ăn và không có chỗ ẩn náu. Việc phun hóa chất của máy bay C-123 lan theo gió, thuốc trừ cỏ bốc hơi vì nhiệt độ cao làm chết cả cây ăn quả và những vùng trồng trọt không trực tiếp bị đổ xuống. 70 triệu lít thuốc trừ cỏ dội trên 20% rừng miền Nam theo cách như vậy. Chất độc thường dùng nhất có chứa một lượng nhỏ dioxin, một trong những hóa chất nguy hiểm nhất, cuối cùng tích tụ lại trong bùn những con suối và thâm nhập vào toàn bộ hệ sinh thái. Sau chiến tranh những cuộc thử nghiệm chỉ rõ trong cơ thể dân chúng miền Nam có lượng dioxin lớn gấp ba lần liều lượng trung bình.

Khối lượng đạn súng cối và ca nông gần bằng khối lượng bom do máy bay dội xuống. Thông thường quân lực Cộng hòa bắn 1.000 quả đạn trọng pháo Mỹ , gấp mười lần số lượng cần thiết để chống lại Việt Nam và quân chủ lực Bắc Việt . Mức độ tiêu thụ vượt xa số lượng các cơ quan hậu cần xây dựng theo kinh nghiệm Thế chiến thứ hai và chiến tranh Triều Tiên. Tướng DePuy được Westmoreland khen thưởng vào mùa xuân năm 1966 về việc chỉ huy Sư đoàn 1 bộ binh và nhận ngôi sao thứ hai do sự đóng góp trong cuộc chiến tranh hủy diệt. Ông ta đã bắn đạn súng cối vào vùng trồng cao su đến mức Seaman phải bắt đầu định mức cho ông “Giải pháp ở Việt Nam là bom nhiều nữa, đạn cối nhiều nữa, napalm nhiều nữa cho đến lúc đối phương gục xuống và bỏ cuộc”, một hôm trong bữa ăn trưa dưới lều bạt, DePuy đã nói như vậy với Ellsberg.

Theo “Qui ước của quân đội chiến đấu 27-10” ký tại La Haye và Geneve khi đăng ký hợp pháp quân đội Mỹ, nói rõ các sĩ quan “phải tôn trọng những nguyên tắc nhân đạo và thượng võ”. Trong cuộc hành quân Máy nghiền ở Bồng Sơn, những người Mỹ có trách nhiệm ở Việt Nam quay mặt đi và những người nông dân bị bỏ mặc cho AID. Một bác sĩ quân ý, trung tướng James Humphreys, cố phát huy tối da lòng nhân đạo. Ông xin hai máy bay vận tải và năm trực thăng để

chuyển dân thường bị thương lên bệnh viện tỉnh và đưa những người cần chữa trị đặc biệt lên bệnh viện Sài Gòn . Những người bị thương nặng không có may mắn được trực thăng chở đi chết trước khi được cứu chữa và những người đi xe cấp cứu đến Sài Gòn thì cuộc hành trình dài trên những con đường hư hỏng cũng đủ để kết thúc cuộc đời họ. Trong một nước có những phi đội đầy đủ máy bay vận tải, 2000 chiếc trực thăng năm 1966 và hơn 3000 năm 1967, tướng Humphrey được trả lời những yêu cầu về quân sự không cho phép hai máy bay vận tải và năm trực thăng quay lại để chuyển những người dân thường bị thương.

Humphrey dự định cho xây dựng ba bệnh viên quân y dành cho dân thường bị thương. Ông đã tính hàng năm số lượng người bị thương sẽ lên đến 75.000 người (năm 1968 có 85.000 người). Nghị sĩ Edward Kennedy, nhân vật chính trị độc nhất ở Washington không ngừng nêu lên điều kiện đáng buồn của thường dân Việt Nam lên ủy ban Thượng viện về người tị nạn mà ông là thành viên, làm mọi điều cần thiết để Humphreys có thể trình bày kế hoạch lên tổng thống ở hội nghị Guam tháng Ba năm 1967, Lyndon Johnson đã phê chuẩn.

Đáng lẽ những bệnh viên được xây dựng trong ba tháng. Nhưng lề lối quan liêu của các cơ quan y tế trong quân đội không muốn nhận trách nhiệm, làm chậm trễ và phá hỏng kế hoạch. Một nhóm điều tra của các bác sĩ nổi tiếng do phó chủ tịch Hội bảo vệ sức khỏe Mỹ cầm đầu, được cử sang Việt Nam vào mùa hè năm 1968. Nhóm này cũng phản đối kế hoạch vì sợ quân đội không đưa thầy thuốc vào các bệnh viện mới. Tháng Mười năm 1967, Kennedy phải chỉ thị nhiều lần , buộc quân đội dành 300 giường trong những bệnh viên quân y hiện có cho dân thường bị thương, con số này tháng Chạp lên đến 500. Hai bệnh viện đầu tiên do Humphreys dự kiến cuối cùng làm xong vào mùa xuân năm 1968 và bệnh viện thứ ba hoàn thành trong năm. Các bệnh viện chữa trị được khoảng 10% dân thường bị thương trước khi đóng cửa vào năm 1971. Humphreys và người kế nhiệm tổ chức được các đội y tế gồm người Mỹ và một số đồng minh chiến đấu người Úc và người Nam Hàn. AID cũng cử sang những người tình nguyện tuyển dụng ở Hoa Kỳ trong thời hạn hai tháng. Nhưng mọi cố gắng ấy không tránh được việc làm cho những bệnh viện tỉnh thành những nơi chồng chất xác chết.

Vann tin chắc việc nảy sinh dân tị nạn và số lượng mất mát kèm theo không phải do những trận đánh vào quân địch mà là kết quả của một đường lối có chủ đích cảu chỉ huy cấp cao. Mỗi lần chúng tôi nói về điều đó, anh giận dữ như trước đây khi một cố vấn của Sư đoàn 25 tuyên bố rằng nếu nông dân muốn sống với những người cộng sản thì “họ phải chịu bom đạn”. Khi ấy, cổ và mặt anh đỏ lên vì bực bội và cuộc nói chuyện kết thúc bằng một tràng chửi rủa.

Có thể Westmoreland không có ý định gây ra một làn sóng rộng lớn và những

mất mát cho dân thường cao đến vậy. Ông ta bắt đầu cuộc chiến tranh một cách quá đáng vì chỉ nghĩ đơn giản như DePuy phải "đánh" cho quân địch đến chết. Nhưng có vẻ dĩ nhiên khi nhận định những hậu quả chiến lược của mình, ông rút ra những gì ông tưởng là lợi thế và ý thức về việc mình làm cũng như những người có trách nhiệm trên và dưới ông. Westmoreland là một người rất lịch sự và cởi mở với báo chí trong những năm đầu chiến tranh này. Khi một phóng viên kết thúc công việc ở Việt Nam, anh không ra đi mà không được đặc ân có một ngày cùng Westmorelan đi trực thăng tham các đơn vị khác nhau. Đấy cũng là trường hợp của tôi trước khi trở về NEW YORK TIMES ở Washington vào tháng Tám năm 1966. Tôi có dịp hỏi vị tướng nghĩ gì trước sự mất mát to lớn của dân thường do máy bay và trọng pháo bắn phá. Ông trả lời :

"Neil, chắc chắn đấy là một vấn đề. Nhưng việc ấy làm cho quân địch không có sự giúp đỡ của dân chúng, đúng không ?".

Việc phá hủy không hạn chế, những mất mát thể xác ấy có hậu quả đến cơ cấu vật chất và tinh thần của đất nước. Việc xây dựng những cỗ máy giết người sẽ trở thành một kết thúc của chính mình. Đất nước nhỏ bé này với nền kinh tế thuần túy nông nghiệp biến thành một công trường rộng lớn nhờ những công trình Westmoreland cho xây dựng : bốn sân bay mới (Không quân muốn có năm) thêm vào ba đã có ở Tân Sơn Nhất, Biên Hòa và Đà Nẵng; sáu hải cảng mới với 28 bến tàu hàng ; bốn kho hậu cần; 26 cơ sở thường xuyên cho các đội quân chiến đấu và lực lượng tăng cường; 75 đường băng có thể tiếp nhận máy bay vận tải bốn động cơ C-130 Herculess (năm 1965 đã có 19 đường băng); 26 bệnh viện với 8.280 giường; tổng hành dinh của Westmoreland , một tòa nhà lắp ráp một tầng gần Tân Sơn Nhất, trang bị phòng làm việc có điều hòa nhiệt độ cho 4.000 người, tất cả được lắp hệ thống điện tử mới nhất và một hệ thống điện thoại trực tiếp gồm 13.900 mạch điện.

Mỗi cơ sở hàng không là một thế giới riêng, bao gồm một đường băng dài 3 cây số với hàng chục nghìn mét vuông diện tích khởi động và lối vào (lúc đầu bằng nhôm sau đổ bê tông), các kho hàng, xưởng sửa chữa, văn phòng và trung tâm hoạt động, lều trại tạm, nhà ăn và những cơ sở phụ. Lúc đầu, phần lớn cơ sở là các làng. Ví như Long Bình, tổng hành dinh của Seaman ở phía đông bắc Sài Gòn trở thành một thị trấn thực sự với diện tích 65 hec ta cho 43.000 người Mỹ cùng một trong bốn kho hậu cần lớn nhất ở Việt Nam, là đơn vị hành chính và chỉ huy phụ thuộc trực tiếp vào Westmoreland.

Cảng Cam Ranh, cách Sài Gòn 300 cây số về phía đông bắc, được xem là hải cảng tự nhiên đẹp nhất sau Sydney ở Úc. Người Pháp đã xây dựng một cơ sở nhỏ ở đây với đường băng máy bay hạ cánh. Vùng này luôn ít dân cư vì núi rừng miền Trung ăn xuống tận biển chỉ có một dải đất cát. Người Mỹ đưa từ bờ biển

phía Đông Hoa Kỳ sang những ụ nổi đồ sộ tạo nên một hải cảng mới lớn nhất với mười trạm bốc dỡ có thể đón những tàu lớn nhất. Dải đất cát đầy cửa hiệu, kho chứa đạn dược, bình nhiên liệu và một đường băng dài ba cây số. Ở đây bố trí nhà kho thứ hai trong bốn kho hậu cần lớn; hai kho kia ở phía bắc, Quy Nhơn và Đà Nẵng.

Westmoreland cho thực hiện nhanh chóng chương trình xây dựng gồm 950.000 mét vuông nhà kho, 500.000 mét vuông là chỗ để đạn dược, các bể xăng, 39 triệu mét khối đất nạo vét, 4.000 cây số đường cải tạo và 175.000 héc ta đất trồng trọt bị tận dụng.

Toàn bộ kiến trúc ấy cũng là sự nhập cảng nền văn minh Mỹ. Việc đó bắt đầu từ những trại nghỉ của quân đội, nhà gỗ trên nền xi măng, có quạt máy, nước nóng trong vòi tắm và những nhà vệ sinh chu đáo. Các tướng tá ở Long Bình ở nhà nghỉ lưu động có điều hòa nhiệt độ, xung quanh là thảm cỏ và cây hoa do người Việt Nam chăm sóc. Để nuôi sống hàng trăm nghìn người trong một nước nhiệt đới cách nước nhà mười lăm nghìn cây số mỗi ngày ba bữa ăn có quả tươi, rau, thịt và sản phẩm sữa giống như quân lính ở Hoa Kỳ , phải có một số lượng lớn máy đông lạnh và tủ lạnh. Tháng Chạp năm 1965, xí nghiệp Mỹ Foremost Dairy được quân đội chi tiền xây dựng ở Sài Gòn một nhà máy chế biến sữa. Một công ty khác xây dựng hai nhà máy khác. Để đảm bảo đủ kem lạnh cho quân lính, quân đội cũng cho làm bốn mươi nhà máy nhỏ khắp trong nước. Lính đi hành quân nói chung phải ăn khẩu phần C bình thường thời chiến nhưng có thể họ cũng được trực thăng cung cấp khẩu phần A gồm những món ăn nấu từ căn cứ và vận chuyển đến trong những container cách nhiệt giữ nóng.

Các sĩ quan cao cấp ở trong những khu cấp tướng, những ai có thể đều trang bị nhà ở, phòng ăn, chỗ làm việc có điều hòa nhiệt độ. Với những nhu cầu khác của quân đội, nguồn điện địa phương nhanh chóng quá tải, đến mức phải cắt điện hai ngày một lần trong một số vùng ở Sài Gòn . Do máy phát điện ở nông thôn không đủ, quân đội mua riêng (1.300 máy phát rất mạnh của Nhật và Hoa Kỳ), biến những đèn dầu cũ thời Thế chiến thứ hai thành những máy phát điện nổi và làm nhà máy điện cao thế ở các căn cứ chính.

Tiện nghi cũng đòi hỏi xây dựng cả một hệ thống giải trí : nhà chiếu phim, chơi bowling, câu lạc bộ đầy đủ xô đa, bia, rượu Whisky, kem trứng , nhiều khối đá lạnh để giữ mát những thứ đó, không kể bánh kẹp thịt, kẹp xúc xích nóng bít tết. Không còn là những căng tin bán thuốc lá, lưỡi dao cạo, kẹo bánh mà thay vào đó là những cửa hàng lớn cung cấp cho quân lính đầy đủ vật dụng thích hợp với cuộc sống quen thuộc : đài, máy ghi âm, đồng hồ, quần thể thao, sơ mi mặc trong đợt nghỉ phép nếu họ không bị bắn chết trong sáu tháng đầu năm của họ đến Việt Nam . Ở đấy cũng có những mỹ phẩm cho các bạn gái Việt Nam . Nếu

người lính muốn có một chiếc quạt máy, bình cà phê điện, một máy vô tuyến truyền hình, máy điều hòa nhiệt độ hoặc thậm chí tủ lạnh trong cửa hàng không có, anh ta có thể đặt hàng theo bảng mẫu. Lý thuyết chính thống cho rằng, tạo điều kiện cho lính Mỹ bước vào thiên đường tiêu thụ, người ta bớt được việc mua ở chợ địa phương và do đó kiềm chế được sự lạm phát trong nước.

Lý luận ấy không hoàn toàn sai. Lạm phát được giữ đến 50 và 60% hàng năm nhất là khi tăng nhập khẩu do AID tài trợ cho nền kinh tế miền Nam Việt Nam (650 triệu đô la trong năm 1966) và gửi hàng triệu tấn gạo Mỹ sang một nước năm 1964 còn xuất khẩu gạo. Nhưng nhìn vào tai họa rộng lớn về đạo đức và xã hội một số điểm mà lý thuyết ấy cho phép lạm phát cũng không khác nhau nhiều. Những người miền Nam Việt Nam đứng trước một thế giới lộn xộn. Hàng trăm nghìn người bắt đầu kiếm sống dựa vào việc phục vụ những người ngoại quốc hào phóng này. Và gia đình hàng trăm nghìn người khác sống vào sự ủy thác của người Mỹ. Công việc vệ sinh ở Sài Gòn suy sụp vì những người hốt rác bỏ việc hàng loạt chạy đi làm ở các công trường xây dựng của quân đội lương cao hơn nhiều so với mức lương hội đồng thành phố trả.

Năm 1966, thời kỳ xây dựng phát triển mạnh, các hãng xây dựng lớn của Mỹ liên hiệp làm cho quân đội đã dùng đến 50.000 người Việt Nam . Năm 1967 đã có 8.500 kỹ thuật viên, không kể hàng nghìn người thuộc nhiều tổ chức khác. Quân lính cũng cần người giúp việc nhà, giặt quần áo, đánh giày, lau chùi nhà cửa, làm bếp, phục vụ các nhà ăn và câu lạc bộ. Chỉ riêng Long Bình đã có 20.000 người.

Lại phải có những dịch vụ giải trí cho những người nước ngoài này. Báo chí Sài Gòn in hoạt họa hệ thống xã hội mới theo thứ tự quan trọng đối với người Mỹ. Đầu tiên là gái mại dâm và ma cô, vị trí thức ba thuộc về những lái xe taxi đưa lính Mỹ đi từ chỗ vui chơi này đến chỗ vui chơi khác. Thợ may rẻ tiền và nhà chứa mệnh danh “nhà tắm hơi” hoặc “phòng xoa bóp” nở rộ ở Sài Gòn và các thành phố lớn hoặc trong những căn nhà tạm bợ bên ngoài các trại lính. Chỉ riêng ở Sài Gòn theo thống kê chính thức có 56.000 gái mại dâm, dĩ nhiên chưa kể những người không chuyên.

Phần lớn gái mại dâm đến từ nông thôn vì sự phá hủy vật chất ở các vùng nông nghiệp đã có một tác dụng gián tiếp khác, giúp lính Mỹ về công việc và giải trí. Những người tị nạn đến chồng chất trong những căn nhà tồi tàn ở các khu phố đã quá đông dân cư, xây dựng những nhà rách nát mới xung quanh các trung tâm đô thị. Nhưng không phải tất cả đều may mắn tìm được việc làm ở những người nước ngoài giàu có hoặc có người bà con giúp đỡ. Miền Nam Việt Nam cũng có hành khất. Trên đại lộ Catinat ở Sài Gòn, người quen nghề, thường là tàn tật, ngày này qua ngày khác chiếm một chỗ đầu hè phố xin người qua lại

và sống bằng những của bố thí ít ỏi. Đàn bà góa, trẻ mồ côi, những người què cụt cầu khẩn lòng thương của người Mỹ trở thành một cảnh thường xuyên trong đời sống thành phố.

Rác rưởi ít được thu lượm, chất đống ở Sài Gòn . Đêm khuya sau giờ giới nghiêm, khi không gian tĩnh lặng , những đống rác bắt đầu lay động khi có người đi qua : tiếng chân bước làm chuột bỏ chạy từng đàn. Một hôm, tôi thấy một câu tiếng Việt được viết bằng phấn đậm nét trên hè đường trước một đống rác. Tôi đề nghị nhà báo Việt Nam đi cùng dịch hộ. Câu ấy là :

“Kết quả sự giúp đỡ của Mỹ là thế đấy”.

Các ông tướng Sài Gòn cùng vợ của mình cũng như các ông tá và vợ của họ , giới tư sản người Hoa Chợ Lớn và những tay lừa đảo cỡ nhỏ đánh chén trong bữa tiệc ăn như hộ pháp của sự tha hóa. Tổng thống Thiệu và vợ đã vơ vét được nhiều triệu đến mức họ mua một nhà băng quản lý tiền lãi cho dịch vụ mua bán của họ. Không phải tình cờ mà phần lớn những ngôi nhà ở Sài Gòn người Mỹ thuê ở, làm văn phòng hoặc kho hàng là tài sản của những gia đình quyền thế của chế độ hoặc của những mối quan hệ của họ. Hai mươi bốn triệu đô la tiền thuê nhà quân đội Hoa Kỳ trả năm 1966 là của bất ngờ Trời cho những chủ nhân có tài sản như tình cờ bố trí nhà cửa. Người Trung Hoa và người Việt Nam giàu có lớn tiếng đòi hỏi và đút lót mạnh để được phép xây dựng những ngôi nhà và khách sạn mới cho người Mỹ thuê. Nhưng để xây dựng những cơ sở mới ấy phải có giấy phép mua xi măng, sắt thép và những nguyên vật liệu về nguyên tắc được định mức để dành cho chiến tranh và nhà ở cho dân tị nạn. Hàng trăm triệu đô la rót vào nền kinh tế Việt Nam để chống lạm phát tạo điều kiện dễ dàng chi phí cho giấy phép nhập khẩu ở hậu trường.

Dựa vào sự khát uống của lính Mỹ, việc nhượng quyền phân phối bia Nhật hoặc Philippines cũng đặc biệt béo bở. Ngoài 40 nhà máy làm kem đá, quân đội Mỹ đòi gửi sang 40 nhà máy làm đá để tất cả các nhà ăn và câu lạc bộ không thiếu những miếng đá nhỏ bỏ vào cốc. Thế nhưng hình như không đủ. Thiếu tướng Phạm Ngọc Thuần, chỉ huy Sư đoàn 5 Quân lực Cộng hòa trong vùng trồng cao su, vội vã thỏa mãn yêu cầu của họ. Ông cho công binh xây dựng một nhà máy và lao vào kinh doanh đến mức nổi tiếng là “tướng đá”.

Bảo Đại, những người đồng lõa Bình Xuyên và bạn bè thân tín của họ cảm thấy rất thỏa mãn làm giàu bằng tiền hoa hồng đánh vào nghề mại dâm và những thú vui kèm theo. Những người kế nghiệp họ mở rộng nguồn lợi lớn ấy với hàng đoàn gái đĩ do quân đội của nước mạnh nhất thế giới kéo đến mà quân lính giàu hơn rất nhiều những người lính trơn, lính Lê dương và lính đánh thuê Bắc Phi của quân đội viễn chinh Pháp. Mặt khác chỉ cần có một chút đầu óc kinh doanh để không chỉ hài lòng với kiểu tống tiền truyền thống và đơn sơ trong nghề mại

dâm. Những khả năng mới mở ra đặc biệt của chiến tranh Mỹ vì như buôn đồng, mặt hàng hiếm có trên thế giới vì sự tiêu thụ quá mức cho súng đan. Thu nhặt vỏ đạn đồng trở thành nghề rất béo bở của những người bán lại cho nước ngoài với giá như vàng.

Ngoài ra, người Mỹ đem đến một nguồn lợi mới vô cùng tai họa : ma túy. Ở Đông Nam Á, nhiều người hút thuốc phiện và như Vann nhận xét năm 1965, binh lính Quân lực Cộng hòa cũng dùng chất ma túy và rượu để thoát khỏi hoàn cảnh vô vọng. Những người bản xứ ít dùng heroin. Người Mỹ thì khác. Phần đông những người được đưa sang Việt Nam mang theo mình chất ma túy và heroin phát triển ở Hoa Kỳ vào cuối những năm 50.

Những tay trộm cướp người xứ Corse đã có truyền thống xuất khẩu thuốc phiện để biến thành heroin ở Marseille rồi bán sang châu Âu và Hoa Kỳ không có điều kiện tiếp xúc với nhu cầu đột ngột của việc mua bán quan trọng này với người Mỹ. Ngược lại, xã hội sang trọng của những tay trộm cướp Trung Hoa của Chợ Lớn có thể nắm lấy thương trường này. Họ thừa mứa tiền bạc, bố trí một đường dây anh em và bà con suốt miền Đông Nam Á, chưa kể số băng nhóm thuộc hạ theo lệnh họ đảm bảo việc phân phối thuốc phiện ở miền Nam. Những người Corse tiếp tục tìm kiếm thuốc phiện đưa sang Marseille nhưng số lượng lớn nhất được những kẻ mua , biến thành heroin trong các phòng thí nghiệm bí mật ở Miến Điện hoặc Thái Lan. Cây thuốc phiện cho đến lúc đó được trồng một ít trong vùng trở thành một loại cây phát triển mạnh và bắt đầu đến Việt Nam hàng tấn. Những người lái máy bay ở An Khê nhanh chóng biết được trong thôn xóm gần đấy có những căn nhà tạm bợ từ đâu đó xuất hiện, họ có thể mua tất cả "loại cỏ" họ muốn với giá rẻ và nguyên chất hơn, có thể đưa họ lên độ cao, xa hơn loại họ mua rất đắt ở Hoa Kỳ . Để bảo vệ việc mua bán có lợi và tinh tế đó, cần thiết có những khoản đút lót lớn nhưng những con buôn Trung Hoa không cần đổ tiền vào từng viên tướng Sài Gòn : họ chỉ quan hệ với những người có quyền lực bảo vệ họ và những món hàng của họ.

Trừ những tiểu đoàn vận chuyển hàng không và Hải quân mà Westmoreland sử dụng trong những cuộc hành quân, các đội quân thường trực của Sài Gòn cẩn thận tránh đánh nhau sau năm 1965. Vann viết thư cho York ngày 23 tháng Chạp năm 1966 nói: "Tôi cho rằng hiệu nặng của Quân lực Cộng hòa chưa bao giờ kém như vậy". Vừa rất hân hoan nhận trách nhiêm mới, giám đốc cơ qua hoạt động dân sự ở Quân đoàn 3, anh vừa nhận thấy cuộc chiến tranh không có tiến bộ nào đáng ghi nhận. Anh nêu lên con số thống kê những cuộc hành quân của ba sư đoàn Việt Nam (thứ 5, 18 và 25) của Quân đoàn trong thời gian năm ngày : ngoài 5.237 cuộc tuần tra, chỉ có 13 cuộc tiếp cận với quân địch. Vann bình luận "Bản thân tôi còn làm hơn thế với ít thời gian hơn".

Do Westmoreland tiếp tục đòi tăng thêm quân cho cuộc chiến tranh hủy diệt, người ta gây sức ép với ông phải chấm dứt tính không hiệu quả của Quân lực Cộng hòa. Đầu năm 1967, Lyndon Johnson hứa cho ông 470.000 quân Mỹ. Tháng Ba, viên tướng báo cáo với Washington ông còn cần 80.576 người nữa để xây dựng một "Lực lượng chủ yếu tối thiểu" là 550.500 quân "càng sớm càng tốt, dù sao cũng trước ngày 1 tháng Bảy năm 1968". Nhưng ông nói thêm ông mong có sự bổ sung 207.838 quân Mỹ để có một "Lực lượng tối cần thiết khoảng 678.000 người". Tổng thống khuyến khích ông "đảm bảo quân đội Nam Việt Nam có tác dụng tốt trở lại".

Viên tướng vừa nhắc lại đề nghị tăng cường quân Mỹ vừa bố trí để tự bảo vệ do lời kết tội không chăm lo đến quân lính Việt Nam . Westmoreland bảo ban tham mưu thảo chương trình, một tập văn bản ghi "Mật" để cải tiến trang bị và tập luyện lực lượng Sài Gòn , tăng thêm 300 cố vấn quân sự bổ sung. Ông cũng có những chỉ thị hướng dẫn các cố vấn, khi có thể, nêu lên những "yếu tố tích cực về tinh thần chiến" của quân đội Nam Việt Nam và giảm nhẹ những thất bại. Ông lên diễn đàn đề cao họ. Theo sĩ quan đối ngoại của ông, vị tướng muốn "cải tiến hình ảnh của Quân lực Cộng hòa".

Trong phần lớn trường hợp, binh lính thường trực có thể tránh nhưng quân địa phương, bảo an và cảnh sát tiếp tục bị tiêu diệt ở các đồn tiền tiêu và trong các đợt phục kích : năm 1966, 11.953 người trong bọn họ bị giết, gấp hai lần con số 6.503 của lính Mỹ; năm 1967, họ chết 12.716 người, gần bằng các lực lượng Hoa Kỳ.

Với khuynh hướng hóm hỉnh bi đát, Vann sẽ thấy thật mỉa mai trong lúc anh viết thư cho York nói chẳng có gì thay đổi , anh biết người chống đối anh ba năm trước, Victor Krulak cũng thất vọng và giận dữ như anh. Trí thông minh đặc biệt và tài năng nghề nghiệp của ông cuối cùng đưa vị tướng Hải quân đến chỗ đồng lòng trong cuộc chiến tranh này. Bây giờ, ông khác với những người có trách nhiệm cao khác trong quân đội Mỹ ở chỗ hiểu được tính cách của những người Hà Nội.

Cũng như một luật sư giỏi buộc phải xem mỗi trường hợp như là độc nhất, việc người Mỹ tham chiến năm 1965 buộc Krulak hình dung cuộc tranh chấp ở Việt Nam khác đi. Cuộc chiến tranh hủy diệt của Wasington và De Puy mà ông chấp nhận không đắn đo thời Harkins bây giờ không còn có nghĩa đối với ông, đặc biệt dựa vào tình trạng đất đai và dân cư của năm tỉnh cực bắc vùng bờ biển miền trung (Quân đoàn 1), nơi các đơn vị Hải quân của ông triển khai. Krulak đến đấy tháng Tám năm 1965, một trong nhiều chuyến đi nhân danh chỉ huy trưởng Hải quân Thái Bình Dương, chứng kiến trận đánh của quân lính ông chiến đấu chống Trung đoàn 1 Việt Nam, chết 51 người. Ông đã nghiên cứu báo

cáo của Moore và một tiểu đoàn không vận khác bị tiêu diệt ở vùng sông Drang trong tháng Mười một. Những việc đó buộc ông phải đặt lại tất cả vấn đề. Tháng Chạp năm 1965, ông đã có quan điểm rõ ràng. Trong mùa xuân, ông báo cáo những nhận xét của mình trong một loạt giác thư và thư gửi McNamara cũng những người có trách nhiệm khác nhưng không nhận được trả lời như ông mong muốn. Ông quyết định tổng hợp những luận thuyết của mình để lôi kéo sự chú ý ông đang cần. Rõ ràng, Hà Nội không nhượng bộ trước sự tấn công bằng không quân xuống miền Bắc và những cuộc chiến đấu tại chỗ đang đi đến điểm cuối cùng. Krulak muốn người ta nắm lại quyền kiểm soát chiến tranh để tiến tới thắng lợi trong lúc còn chưa muộn.

Ông bắt đầu làm việc ở văn phòng, đặt trên một ngọn đồi khống chế vùng Trân Châu Cảng. Phải mất một tuần lễ viết bằng bút cìh trên giấy kẻ khổ rộng bản trình bày 17 trang đánh máy. Ông nêu chi tiết mỗi lập luận của mình kèm biểu đồ nhấn mạnh những điểm quan trọng. Người ta thấy trong đó nhiều ý tưởng sai đã thành truyền thống của người Mỹ về người Việt Nam và lịch sử của họ.

Cuộc chiến tranh hủy diệ sẽ thất bại. Krulak viết, vì đó là trò chơi của quân địch. Lấy ví dụ như trận Ia Drang, trong bốn ngày có đến 233 nạn nhân Mỹ, ông cho rằng những người cộng sản Việt Nam “tìm cách hủy diệt lực lượng Mỹ với những cuộc tấn công dữ dội và gần, hầu như giáp lá cà để vô hiệu hóa lực lượng hỗ trợ” nghĩa là trọng pháo và máy bay. Những người có trách nhiệm của Hà Nội cho rằng nếu họ giết và làm bị thương khá nhiều lính Mỹ trong một thời gian nhất định, “họ làm suy mòn tinh thần quốc gia của chúng ta đến mức dẫn chúng ta đến việc chấm dứt giúp đỡ chính quyền Sài Gòn”. Võ Nguyên Giáp “trong cuộc chiến tranh thứ nhất đã nghĩ nếu cái giá về mạng người và tiền bạc khá cáo thì người Pháp sẽ thất bại ở ngay Paris. Ông ấy nói đúng. Có thể ngày nay ông ta cũng nghĩ như thế về Hoa Kỳ”.

Krulak thể hiện một logic luận thuyết của ông về chiến tranh hủy diệt, chứng minh Hà Nội có thể hy sinh trong cuộc chơi chết chóc này nhiều người hơn Hoa Kỳ . Những người cộng sản Việt Nam có ở miền Bắc cùng Việt Nam ở miền Nam một lực lượng quân sự dự trữ khoảng 2.600.000 lính chiến đấu. Nếu dựa vào tỷ lệ chính thức về mất mát, một lính Mỹ hoặc lính miền Nam bị giết đổi lấy 2,6 Việt cộng hoặc lính miền Bắc, những con số Krulak đánh giá “lạc quan”, cũng phải mất 10.000 lính Mỹ và 165.000 lính Sài Gòn chết “để làm giảm tiềm lực quân địch với mức khiêm tốn 20%”.

Krulak trình bày kế hoạch của ông để chiến thắng và Vann phải tự hào vì nó rất giống kế hoạch của anh. Vị chỉ huy Hải quân cũng muốn áp dụng chiến lược bình định để tranh thủ sự ủng hộ của tầng lớp nông dân với một chương trình

hào phóng cải cách nông nghiệp và những quyền lợi xã hội kinh tế khác. Đấy là vận may duy nhất đi đến thành công. Để đạt được, Hoa Kỳ phải tăng cường ảnh hưởng đến mức nắm lấy quyền hành của chế độ Sài Gòn . Chiến tranh hủy diệt chỉ là một trong những "mặt kèm theo "của cuộc đấu tranh thực sự. Cho dù những đơn vị chiến đấu của Việt cộng và miền Bắc "ngày nay đi đến một hành tinh khác, chúng ta cũng không vì thế mà thắng trong chiến tranh "vì chính nhân dân Việt Nam là cái giá của cuộc chiến đấu. Không có chỗ dựa của họ, du kích địa phương , chính phủ Việt cộng bí mật, quân đội cộng sản không thể tồn tại. Do vậy, Hoa Kỳ phải sử dụng quân lính đảm bảo sự ủng hộ của dân chúng, tranh thủ được "lòng tin tưởng và sự trung thành của dân chúng".

Nhưng các chiến binh Bắc Việt Nam và Việt cộng không vì thế mà được để yên trong những chỗ ẩn nấp ở rừng núi. Phải có mọi thông tin truy tìm họ và "dùng máy bay tấn công họ không ngừng" trước hết là những vùng ít dân cư, "Chúng ta có lợ thế lớn vừa tiết kiệm sức lực vừa bảo vệ được những vùng giải phóng". Nhưng Hoa Kỳ không nên rơi vào trò chơi của quân địch, hành động "theo sáng kiến của họ hoặc khiêu khích để đánh nhau". Việc chọn chiến lược phải đưa lại hiệu quả. Công việc bình định và những cải cách xã hội, kinh tế "phác họa chiến thắng" còn chiến tranh hủy diệt là "con đường đi đến thất bại".

Người nói như vậy không phải một anh trung tá bỏ đạo ở miền Nam hoặc một cố vấn ở tỉnh phao đồn những lý thuyết kỳ cục. Lần này là một vị tướng, người đứng thứ ba trong hệ thống Hải quân mà ảnh hưởng dù sao vẫn luôn cao hơn cấp bậc của mình. Vả lại hai người cấp trên là đồng minh của ông. Người thứ nhất, đô đốc Hải quân Ulysses S.Grant Sharp, trong Thế chiến thứ hai chỉ huy một khu trục hạm, bây giờ là tổng chỉ huy Thái Bình Dương. Người thứ hai, tướng Wallace Greene, chỉ huy các Quân đoàn Hải quân. Trong những năm 60, Greene không ngập ngừng hơn những chỉ huy quân sự khác về cuộc chiến tranh Việt Nam . Thậm chí, ông muốn huy động cả những quân nhân dự bị, gửi sang 500.000 người càng nhanh càng tốt nhưng không muốn sử dụng như Westmoreland đã làm. Hải quân có một quan niệm truyền thống từ sự can thiệp của họ vào Trung Mỹ và vùng Caraibes. Theo họ, những cuộc tranh chấp như ở Việt Nam là những cuộc chiến tranh bình định chứ không phải là sự đụng độ của những đơn vị chiến đấu lớn. Vì vậy, khi Greene nhận được một bản giác thư, ông tán thành ngay.

Trở ngại là ở Westmoreland. Greene đã cố thuyết phục ông ta có quan niệm đúng đắn hơn về công cuộc bình định vào tháng Tư năm 1965. Đô đốc Hải quân Sharp cũng đã thuyết phục ông ta. Kế hoạch của Krulak không cần trung gian, khai thác những quan hệ của ông đã có với McNamara trong những năm dưới quyền Kennedy để khuyến cáo bộ trưởng Quốc phòng. Sharp và Greene đều tán

đồng. Krulak bay đến Washington tháng Giêng năm 1966 và thấy McNamara bị tác động mạnh mẽ bở những con tính của Krulak : 20% tiềm lực Hà Nội trả giá cho 175.000 mạng người. Ông ấy nói : “Tôi nghĩ ông phải nói điều này với tổng thống”. Nhưng ông gợi ý trong lúc chờ đợi, nên gặp Averell Harriman , lãnh đạo những vấn đề chính trị để trao đổi một điểm khác cần tranh luận nhiều do Krulak nêu lên trong giác thư về việc ném bom miền Bắc Việt Nam . Ông cho rằng thật mơ hồ khi cố gắng ngăn chặn việc tiếp tế vũ khí, đạn dược của Liên Xô, Trung Quốc đưa vào miền Nam bằng đường bộ và đường sắt ở Bắc Việt Nam . Ông nói, muốn có hiệu quả, phải ngăn chặn việc đưa vào miền Bắc bằng thả mìn và ném bom Hải Phòng, các hải cảng khác và đường sắt ở biên giới Trung Quốc.

“Ông muốn đánh nhau với Liên Xô và Trung Quốc à ?”. Harriman hỏi khi họ cùng ăn trưa ở tư dinh Gergetown. Vừa nói ông vừa vung chiếc cùi dìa nặng bằng bạc trước chiếc mũi nổi cao của Krulak làm ông này khó chịu. McNamara không giữ lời hứa cùng nhau gặp tổng thống. Krulak không biết lúc ấy ông có thể làm ông bộ trưởng Quốc phòng chú ý một ít nhưng không giữ ông lại được vì McNamara bị Westmoreland và các tướng khác lôi cuốn, không quan tâm đến lô gic và các con tính sơ cấp.

Greene cố thuyết phục các thành viên Bộ tổng tham mưu các lực lượng quân đội áp dụng quan điểm của Hải quân, ra lệnh cho Westmoreland thực hiện chiến lược mới này. Không người nào theo ông. Họ không phản đối những con số nhưng hành động theo Westmoreland. Các viên tướng trong quân đội , Earle Wheeler chủ trì Bộ tổng tham mưu và Harold Johnson đứng về phía vị tướng trên thực địa của họ. Tướng John McConnell, đại diện Không quân và đô đốc Hải quân McDonald không thấy lý do gì liên kết với những luận thuyết của Greene để chống lại ý kiến quân đội. Vả lại, Không quân và Hải quân đóng một vai trò lớn ở Việt Nam nhờ vào cuộc chiến tranh hủy diệt.

Khác với Vann, Krulak ở vị trí khá cao để có thể đưa vấn đề lên cấp trên có thẩm quyền cao nhất. Ông phải chờ đợi nhiều tháng để có cuộc tiếp kiến tổng thống do Greene đề nghị vào mùa hè năm 1966. Krulak gửi một bản sao giác thư lên Nhà Trắng trước, đủ thì giờ cho Johnson biết vấn đề. Câu hỏi đầu tiên của tổng thống chứng tỏ ông chưa đọc. “Chúng ta phải trả giá như thế nào để chiến thắng ?”. Krulak bắt đầu giải thích. Johnson để ông nói trong bốn mươi phút. Ông hỏi một số câu nhưng Krulak có cảm giác những gì ông nói không ăn nhập gì. Khi Krulak nói đến việc cần thiết thả mìn ở cảng Hải Phòng, ông nghĩ như “Johnson ngồi phải một chiếc đinh”. Ông ta đứng ngay dậy, quàng tay vào Krulak, nói ông là một viên tướng tài và đưa ông ra đến cửa.

Krulak không để bị ket. Ông quyết định dùng Hải quân chứng minh những ưu điểm trong chiến lược của ông. Westmoreland không có sự lựa chọn nào khác là

trải rộng quân của ông ra trên toàn bộ Việt Nam . Vùng Quân đoàn 1 giao cho Hải quân về địa dư phù hợp hoàn toàn với kế hoạch của ông. Trong năm tỉnh, gần 2 triệu người sinh sống mà 98% trong số đó nằm trên dải bờ biển rộng 40 cây số, chiếm chưa đến một phần tư diện tích chung. Phần còn lại là rừng dày nhiệt đới của dãy núi Trường Sơn dùng làm chỗ ẩn nấp cho Việt cộng và quân đội Bắc Việt nhưng không sản xuất đủ lúa gạo nuôi sống họ. Lính thủy đánh bộ Mỹ đã xây dựng ba căn cứ, gần Chu Lai, Đà Nẵng và xung quanh sân bay Phú Bài ngay phía dưới Huế. Từ những chỗ đó, họ dự kiến xuyên qua khắp miền biển để hình thành một vùng bình định. Như vậy, nhiều nghìn quân chủ lực Việt cộng chiếm giữ núi rừng không còn quan trọng gì nữa. Họ sẽ tàn tạ tại chỗ, không có thực phẩm, lực lượng tăng cường và tin tức do nông dân địa phương cung cấp; Hà Nội phải đưa từ miền Bắc vào mọi tiếp viện kể cả thực phẩm cho mỗi người lính của họ.

Chỉ huy lính thủy đánh bộ ở Việt Nam do Greene lựa chọn. Lewis Walt, là viên thiếu tướng trẻ của Quân đoàn. Con trai một nhà chăn nuôi gia súc ở Kansas, hai lần anh dùng trong Thế chiến thứ hai, ở tuổi năm mươi hai, ông vẫn có dáng vẻ của một trung vệ bóng đá như lúc ông còn trẻ, tự tin, thân hình cao lớn, vai rộng và đôi bàn tay của kẻ gây gổ đánh nhau. Về lý thuyết, ông ở dưới sự giám sát hành quân của Westmoreland nhưng trên thực tế không một lính thủy đánh bộ nào được miễn trừ dưới quyền của Quân đoàn mình. Walt đồng tình về công cuộc bình định theo quan niệm của Greene và Krulak, người đã sang Việt Nam 45 lần trong bốn năm chỉ huy. Walt và ông này thường nói với nhau qua điện thoại trực tiếp và họ gắn liền với nhau. Greene được thông báo về tất cả và luôn khuyến khích ông.

Lewis Walt dành một phần ba hoạt động đánh nhau với quân đội Bắc Việt và Việt cộng để đuổi họ ra khỏi những vùng đông dân và trừng phạt họ nghiêm khắc trong rừng núi mỗi khi nắm được thông tin có lợi thế như Krulak đã viết. Ông đầu tư sức lực cần thiết trong một chiến dịch có phương pháp để loại trừ khỏi các làng những kẻ nổi dậy Việt cộng và cán bộ chính trị, không chỉ hài lòng giết hoặc cầm tù họ. Một năm trước khi AID tập hợp các cơ quan dân sự và Vann nhận nhiệm vụ ỏ Quân đoàn 2, Walt đã cho áp dụng nhiều chương trình bình định khác nhau dưới quyền Hải quân. Ông đưa các tiểu đội của mình vào từng trung đội lực lượng địa phương của Sài Gòn, dưới sự chỉ huy của hạ sĩ quan Mỹ và người Việt Nam làm phó, sơ đồ ấy lặp lại ở các cấp. Các tiểu đoàn phối hợp những hoạt động quân sự (đến tháng Tư năm 1966, mỗi tháng có 7.000 cuộc tuần tra và 5.000 cuộc phục kích ban đêm) với chương trình hoạt động dân sự ở nông thôn.

Walt và Krulak nhanh chóng giao chiến với quan chức Sài Gòn và Washington

cũng như bộ binh của họ với quân địch. Westmoreland quở trách Walt nhiều lần để ông bỏ mọi hoạt động bình định và săn lùng Việt cộng địa phương, cán bộ chính trị, để dành cho cán bộ dân sự và quân đội Nam Việt Nam . Ông muốn các tiểu đoàn lính thủy đánh bộ vào rừng núi tấn công thẳng vào quân địch trong khuôn khổ chiến tranh hủy diệt của ông. Sức ép lúc đầu bằng lời nói và gợi ý những cuộc hành quân đặc biệt, tiếp theo là dọa dẫm bằng văn bản rồi than phiền với McNamara và những người khác có trách nhiệm ở Washington; không phải ru ngủ nông dân mà thắng được chiến tranh, lính thủy đánh bộ rụt ré sợ sệt, trút gánh nặng chiến đấu cho quân đội v.v … Sức ép mở rộng cả trên bàn giấy : dựa vòa số liệu thống kê, Westmoreland đánh giá hiệu quả của các chỉ huy qua số lượng ngày ra trận địa và chỉ tính cho lính thủy đánh bộ thời gian hành quân chiến đấu. Những ngày đêm dành cho công cuộc bình định không nằm trong máy tính.

Krulak phải tiến hành một cuộc chiến tranh tự vệ lên các quan chức để làm giảm áp lực đối với Walt và ngăn cản Westmoreland buộc lính thủy đánh bộ chiến đấu theo cách của ông ta. Tháng Năm 1966, ông trở về Washington tìm thấy một McNamara sẵn sàng lắng nghe ông vì kính trọng ông nhưng dứt khoát đóng kín trước lý lẽ của ông. Bộ trưởng Quốc phòng nói chiến lược của ông quá chậm và cần quá nhiều người trong thời gian quá lâu để thắng cuộc chiến tranh . Trở về Hawail, Krulak viết cho bộ trưởng một bức thư 5 trang đánh máy cố giải thích sự ám ảnh của Hải quân không phải để “phân phát những miếng xà phòng nhỏ hoặc chui vào rừng rậm tìm kiếm những kẻ nổi dậy gây trở ngại cho những cuộc tấn công vào các đơn vị Bắc Việt”. Vấn đề ai đã nắm được gì trong núi rừng “không có nghĩa vì dù sao ở đấy không có gì đáng giá”. Krulak ghi thêm một danh sách những đường sá và làng mạc bây giờ an toàn và một số dấu hiệu khác chỉ rõ Hải quân bắt đầu kiểm soát được những gì đáng kiểm soát. Những tiêu chí ấy “khó nêu số lượng” là một thước đo tốt nhất những tiến bộ đạt được hơn số xác chết của Westmoreland. “Con số đơn thuần những Việt cộng chết là một chỉ tiêu đáng ngờ của thắng lợi vì, nếu những người chết ấy kèm theo sự phá nát các vùng, cuối cùng chúng ta sẽ làm điều xấu hơn điều tốt”.

Như Vann đã phát hiện, những người có trách nhiệm về đường lối của Mỹ không hề quan tâm đến những tàn phá đã làm. Tháng Bảy năm 1966, Paul Nitze, thư ký Hải quân đến Sài Gòn . Ông bị Westmoreland, người ông ca ngợi mắng nhiếc. Trên đường trở về ông dừng lại Hawail để nói với Krulak; ông này giận sôi lên khi nghe thuyết giáo. Ông vừa ở Việt Nam về, gửi một bức thư cám ơn Walt “Tôi nhận thấy khắp vùng ông đều có tiến bộ”. Ông lưu ý Walt nhận xét của một đại tướng, nói rằng Hoa Kỳ đang “thắng lợi về quân sự” ở Việt Nam . Krulak nói rõ lời tuyên bố ấy “không có một ý nghĩa gì” vì “người ta không thể

chỉ thắng lợi về quân sự. Hoặc thắng lợi toàn diện hoặc không được gì cả”.

Thực tế trong mùa hè năm 1966, Hải quân không tiến bộ trong công cuộc bình định như Krulak nghĩ. Tổ chức Việt cộng bí mật bị thiệt hại nhiều nhưng vẫn nguyên vẹn trong vùng đất đai những người Mỹ kiểm soát. Những đại diện chính thức của Sài Gòn trong các làng ấp thỉnh thoảng vẫn bị ám sát ở ngoại ô Đà Nẵng. Đúng là Walt không được cấp cao giúp đỡ. Đại sứ Lodge đã sai lầm cho phép tướng Kỳ đuổi viên tướng chỉ huy Quân đoàn 1 Việt Nam sau một vụ bê bối chính trị. Người có tham vọng nhất trong các nhà lãnh đạo Phật giáo, Thích Trí Quang đã đánh nhau với Diệm, nhân dịp này nhảy lên khoa trương thanh thế và tiếp theo là ba tháng lộn xộn biểu tình, đình công cùng một tuần lễ đánh nhau giữa quân lính ủng hộ giáo phái và người của Kỳ. Qua cơ hội ấy, Huỳnh Văn Cao, người quen cũ của Vann, lấy lại vị trí của mình. Ông buộc phải nhận chỉ huy Quân đoàn 1 mà những viên tướng khác không muốn. Cảnh sát trưởng của Kỳ ra lệnh cho ông tấn công ngôi chùa Phật giáo Đà Nẵng , trung tâm nổi dậy. Tấn công vào một ngôi chùa là điều bất kính đối với Cao nên ông từ chối. Cảnh sát trưởng bèn cho một nhân viên của mình dí súng vào thái dương ông. Cao sắp bị bắn thì một cố vấn Mỹ bước vào phòng và như vậy là cứu được ông. Cao buộc phải từ chức theo lệnh của Kỳ. Sau đó, ông đi vào con đường chính trị, làm đại diện cho cộng đồng Thiên chúa giáo, khuynh hướng phù hợp với ông nhiều hơn binh nghiệp.

Tuy có việc không hay trên, Walt vẫn tăng cường được sự kiểm soát trong vùng. Nếu phần đông nông dân miền Trung ủng hộ ông Hồ Chí Minh thì những người cộng sản cũng có nhiều kẻ thù ở đấy. Không phải tất cả nông dân tôn sùng nền độc lập đến mức chống lại chế độ hỗn hợp ép buộc và mơn trớn của Hải quân Mỹ. Với thời gian và lòng kiên trì, Walt sẽ làm chủ được, ít nhất là tạm thời, cả miền duyên hải. Trong trường hợp ấy, các đơn vị chủ lực dù nhiều đến mấy mà Hà Nội giữ lại được trong núi rừng bằng tiếp tế thẳng từ miền Bắc, cũng không có cơ hội nào đánh ra nữa. Hải quân sẽ tiêu diệt họ khi họ mạo hiểm xuống đồng bằng. Walt được thăng cấp đại tướng, đến giữa năm 1966 , có 55.000 người chia làm hai sư đoàn. Sư đoàn 1 ở Chu Lai và Sư đoàn 3 ở trong vùng Đà Nẵng với một phi đội máy bay yểm trợ. Đến cuối năm quân số của ông sẽ vượt quá 70.000 người, dù vậy, tướng Lewis Walt không bao giờ có đủ lực lượng để đồng thời đánh trực diện các đơn vị cộng sản và thực hiện chiến dịch bình định.

Những người có trách nhiệm ở Hà Nội giải quyết vấn đề này và chính Westmoreland giải nguy cho họ mà không biết. Trong mùa hè năm 1966, họ cho Sư đoàn 324B vượt qua vùng phi quân sự. Các đơn vị thám báo của Hải quân đụng độ quân Bắc Việt trong tháng Sáu ở tỉnh Quảng Trị gần Cam Lộ, chỗ con đường của Pháp cũ, đường số 9 đi qua núi sang Lào, bắt đầu leo dốc. Trong

tháng Bảy, thông tin nắm được qua tù binh và tài liệu, Hải quân biết các đơn vị tuần tra của họ đụng phải bộ phận tiền phong của một lực lượng ít nhất 5.000 người, có lẽ của một sư đoàn 12.000 lính chiến đấu. Westmoreland vội vã đâm vào bẫy cũng nóng lòng như trung úy của Moore ở lưu vực sông Drang. Ông bay đến Đà Nẵng, khuyến khích Walt tấn công quân Bắc Việt với 8.000 lính thủy đánh bộ. Đối phương chống trả khá quyết liệt để trận đánh có vẻ dữ dội rồi rút lui. Họ trở lại vào tháng Tám về phía tây và ở trong núi và Westmoreland lại cử Walt đến đánh.

Vùng phi quân sự và phía bắc Quân đoàn 1 là một chiến trường lý tưởng cho quân Bắc Việt, cho phép họ ép quân Mỹ để tiêu hao lực lượng như họ đã quyết liệt chống quân Mông Cổ, quân Minh và mới đây là quân Pháp. Những con đường tiếp vận gần đường ranh giới ngắn hơn nhiều và khi một đơn vị chấm dứt chiến đấu họ dễ dàng sang bên kia vùng phi quân sự hoặc sang Lào. Mặt khác , địa hình hoàn toàn phù hợp với chiến lược cảu họ. Dọc bờ biển phân bố đều đặn đồi, đụn cắt , đầm lầy và đồng ruộng. Cách biển hai mươi cây số bắt đầu là rừng, những dãy núi ngang rồi những dãy núi hoang sơ nhất; một hỗn hợp thời tiền sử những dốc đơn độc, chỏm núi thẳng đứng, những thung lũng ngoằn nghèo và vực sâu kín đáo. Có thể dấu cả một đoàn quân trong một phần cảnh vật bao la ấy. Những bụi tre dày hoặc cỏ cao xen lẫn rừng nhiệt đới cành lá um tùm bao giờ cũng xanh tốt trên ngọn những thân cây cao 20 mét, bảo vệ tầng dưới rậm rạp chỉ nhìn thấy trong vòng năm hoặc mười mét.

Vào mùa mưa ở đấy lạnh buốt, ẩm ướt, ban đêm chỉ còn từ 5 đến 6oC, cũng là một lợi thế cho người lính Bắc Việt . Gió mùa đông bắc từ tháng Mười đến tháng Năm khác hẳn với gió mùa tây nam từ tháng Năm đến tháng Mười ở đồng bằng sông Cửu Long về phía nam, buổi chiều mưa rất to và sương mù dày đặc nhưng nói chung không đều. Phía đông bắc gió mùa phủ một làn mưa phùn lạnh và kéo dài, đôi khi liền hai, ba ngày không ngớt, kèm theo sương mù, cản trở máy bay yểm trợ xuống thấp và trọng pháo khó điều chỉnh tầm bắn. Vùng Quân đoàn 1 chính là vùng gió mùa đông bắc mạnh nhất và mưa nhiều nhất, 3.200 ly ở Huế trong lúc ở Sài Gòn chỉ là 1.900 ly.

Lewis Walt bị kẹt giữa Westmoreland thúc giục ông tấn công quân Bắc Việt và Krulak thúc ông phòng ngự. Wally Greene cố giúp ông trong một đợt đi kiểm tra trong tháng Tám. Như thường lệ, câu chuyện nghiêm chỉnh với Westmoreland xảy ra sau bữa ăn tối vì họ không tranh luận về sự bất đồng trước mặt những thành viên khác trong ban chỉ huy. Greene nhận xét với chiến thuật hủy diệt không gì khác hơn chiến lược của ông ta. Ông đã đọc báo cáo của một đơn vị phải đánh nhau mở đường lên chóp núi để rồi lại đánh nhau khi đi xuống. Đấu không phải cách sử dụng hợp lý người lính Mỹ. Nhưng lần này, ôing cũng không

có kết quả như những lần trước. Những viên tướng Hải quân này không hiểu đối với Westmoreland , chấp nhận họ có lý sẽ là tước đi của ông ta cuộc chiến tranh ông muốn tiến hành với những hoạt động rộng lớn của quân đội, những hàng rào đồ sộ trọng pháo dưới bầu trời đầy máy bay lên thẳng, tiêm kích – ném bom và sấm sét B.52.

Tháng Chín năm 1966, Westmoreland công bố đã ra lệnh cho công binh biến đường băng nhỏ bằng đất nện ở phía tây bắc thành một bãi những tấm nhôm có thể tiếp nhận máy bay vận chuyển C-130. Ông ra lệnh cho Walt cử đến đó một tiểu đoàn. Krulak đã nghe nói đến địa điểm này 29 năm trước. Chỉ huy tiểu đoàn của ông ở Thượng Hải sang Đông Dương đi săn hổ, trở về đã nói với ông về thung lũng nhỏ rất đẹp này trong vùng núi gọi là Khe Sanh. Ông ta có mang theo ảnh chụp mà Krulak còn giữ được, ảnh chụp những người bản xứ và những chủ đồn điền cà phê người Pháp đứng quanh xác con hổ.

Krulak trở sang Việt Nam cố thuyết phục Westmoreland từ bỏ kế hoạch. Họ gặp lại nhau ở Chu Lai trên một chiếc máy bay hai động cơ của tổng chỉ huy . Krulak cho rằng một tiểu đoàn không đủ. Ít nhất phải có một tiểu đoàn khác nữa chiếm giữ các ngọn đồi khống chế thung lũng mà người Pháp đã vạch ra đường băng đầu tiên. Ngoài ra, cần có một số trực thăng cần thiết để tiếp tế cho binh lính. Như vậy là một số lượng người và phương tiện quan trọng phải bỏ chiến dịch bình định để đảm bảo cho một mục tiêu hoàn toàn vô ích.

Đấy không phải là ý kiến của Westmoreland giải thích tính hợp lý của sân bay đơn độc này ,cách Lào 10 cây số và cách vùng phi quân sự 25 cây số. Một trong những sử dụng bất thường có thể làm cơ sở xuất quân trên đường số 9 đi qua thung lung nếu một ngày nào đó ông được phép vào đất Lào để cắt đứt con đường chi viện Hồ Chí mInh. Phải nói rõ là tổng thống, McNamara, Rusk và những thành viên khác của chính phủ phản đối một hành động trên đất Lào vì sợ kéo theo Trung Quốc vào cuộc chiến. Thế nhưng bản thân Westmoreland hình như không cho đó là tầm quan trọng hàng đầu, tuy việc ngăn cản miền Bắc tăng cường cho Việt cộng có thể là một điều kiện thiết yếu cho chiến tranh hủy diệt của ông. Sau này, ông giải thích trong HỒI KÝ là ông không nghĩ có đủ quân để hành quân trước 1968 và ông bố trí ở Khe Sanh năm 1966 để giữ vững vị trí trong lúc chờ đợi.

Trong lúc Westmoreland nói, Krulak biết rằng mục đích của ông ta đưa lính thủy đánh bộ đến Khe Sanh là hy vọng căn cứ đơn độc trong núi rừng này dùng làm mồi đưa hàng nghìn quân Bắc Việt đến và họ sẽ bị nghiền nát dưới sức mạnh của súng đanh Mỹ. Krulak trở về Hawail, công binh và một tiểu đoàn lính thủy đánh bộ đến Khe Sanh; Westmoreland nhất định buộc Walt phải phục tùng, đã tăng cường sức ép với ông. Năm tiểu đoàn lính thủy đánh bộ bổ sung dành

cho phía bắc không ngừng tìm cách tiếp cận với quân đội đối phương.

Krulak luôn đòi hỏi Walt chống lại sự điên rồ ấy. Cuối tuần đầu tháng Mười, ông gửi cho Walt bức điện tín đề "Trường hợp đặc biệt. Tướng Krulak. Hải quân , gửi đích thân tướng Walt". Đây là một trong những thông tin đặc biệt tế nhị giữa các tướng, sử dụng đường dây riêng để giữ bí mật "Nếu tôi là quân địch ",Krulak hình dung để giải thích việc ông xem công cuộc bình định và khả năng thành công của Hải quân là "sự đe dọa lớn nhất cho những hy vọng của tôi trên bán đảo Đông Dương". Để tránh xa sự đe dọa ấy phải đẩy lùi Hải quân bằng "áp dụng luận thuyết của Mao : làm ầm ĩ ở phía đông để tấn công vào phía tây". Sư đoàn 324B có nhiệm vụ đánh lạc hướng như thế. "Hơn nữa chiến trường phía bắc là sự lựa chọn của quân địch vì thuận lợi cho họ". Lòng căm giận của Krulak thể hiện rõ trong kết luận của ông "Việc làm của chúng ta ở Cam Lộ phù hợp hoàn toàn với quân Bắc Việt . Tôi tin chắc họ rất phấn khởi khi thấy một tiểu đoàn của chúng ta ở Khe Sanh và năm tiểu đoàn khác vùng vẫy trong rừng núi thay vì làm công việc bình định … Chúng ta có thể chờ đợi quân địch bám vào chúng ta càng lâu càng tốt trong tỉnh Quảng Trị".

Westmoreland và những người cộng sản Việt Nam đã làm cho Walt bị việt vị. Vai trò của ông trở thành đơn thuần vâng lời một cấp trên. Nếu Walt tiếp tục chống lại như Krulak thúc giục, Westmoreland sẽ cách chức ông. Xuất phát của những vấn đề nguyên tắc không cho phép ông làm ảnh hưởng đến chiến lược, chưa kể việc làm của ông sẽ không được ai hiểu rõ. Lyndon Johnson không phải là người Mỹ duy nhất tin tưởng ở Westmoreland . Vị tướng này rất chan hòa với báo chí và quần chúng. Ông đã một lần xuất hiện trên bìa tờ TIMES vào cuối năm 1966, được tạp chí mệnh danh là "người tiêu biểu trong năm". Walt không có vẻ sáng suốt như Krulak cho rằng nếu Westmoreland chỉ đạo chiến tranh theo cách của ông ta, ngay từ bây giờ Hải quân sẽ tiêu tan theo hướng có lợi cho quân địch. Hình như ông cho rằng có thể khiêm tốn hơn trong công cuộc bình định, vừa tiến hành cuộc chiến tranh hủy diệt dọc con đường ranh giới.

Walt nhương bộ đưa Sư đoàn 3 lên phía bắc, ở đấy Westmoreland cho xây dựng một loạt điểm tựa tăng cường dọc theo vùng phi quân sự. Những trung đoàn pháo với pháo 175 ly đến tăng cường thế trận bố trí tầm bắn trong toàn đường ranh giới đến tận Khe Sanh và biên giới Lào. Westmoreland giải thích trong HỒI KÝ "hệ thống điểm tựa được tăng cường nhằm buộc quân địch sử dụng hành lang xác định để máy bay và trọng pháo có thể tập trung toàn lực trước khi các đơn vị bộ binh tấn công". Ông hình thành một sư đoàn tạm thời, sau này gọi là "AMERICAN" chịu trách nhiệm phần phía nam của Quân đoàn 1. Như vậy, ông muốn tăng cường cho Hải quân đã quá phân tán nhưng nhất là ngăn chặn sự độc quyền của họ ở vùng này. Chương trình bình định của Walt

không bỏ đi nhưng co lại như một miếng da cũ.

Từ Trân Châu Cảng, Krulak theo dõi tất cả những việc ấy với tâm trạng của Vann năm 1963. Ông thấy tai họa đến gần mà không ngăn chặn đượcc. Trong hệ thống quân đội, người ta lắng nghe một người vì cấp bậc và quá khứ nhưng câu trả lời hợp lẽ lại là một vấn đề khác. Greene không thể l àm gì hơn và không dựa vào đô đốc Hải quân Sharp, tổng chỉ huy Thái Bình Dương được nữa. Dưới sức ép của Bộ tổng tham mưu không ngừng hỗ trợ những đề nghị tăng cường của Sài Gòn gửi tới McNamara, Sharp đã nhượng bộ. Westmoreland hài lòng nhìn sự leo thang chiến tranh dọc đường ranh giới khu phi quân sự “Chúng tôi tiếp tục làm họ đổ máu, ông nói, cho đến khi Hà Nội công nhận chúng tôi đã làm đất nước họ nhợt nhạt trong nhiều thế hệ”.

Mười ngày sau lời huênh hoang ấy của Westmoreland , ngày 24 tháng Tư năm 1967, năm lính thủy đánh bộ ở Khe Sanh đi tuần tra rơi vào một cuộc phục kích ở bụi tre trên đồi 861 phía tây bắc đường băng. Chỉ một người sống sót. Trận đầu tiên và trận dữ dội nhất của những trận đánh ở Khe Sanh, “trận đánh những ngọn đồi” vừa bắt đầu.

Krulak đã đúng khi cố gặng để lính thủy đánh bộ chiếm những ngọn đồi khống chế thung lũng. Những người Việt Nam hiểu điều đó. Một trung đoàn của Sư đoàn 325 C đã lợi dụng sương mù và mấy thấp đợt gió mùa, chiếm cứ đồi 861 và hai đồi khác phía dưới, ngọn 881 nam và 881 bắc. Một trung đoàn thứ hai dự phòng đâu đó xa hơn. Sau này người ta biết các đội công binh Bắc Việt đã làm việc ở trong những ngọn đồi này ba tháng trước khi bộ binh tới mà không bị lính thủy đánh bộ phát hiện. Walt lại giảm quân số tiểu đoàn xuống còn một đại đội vì trong nhiều tháng không thấy một đối phương nào. Westmoreland muốn giữ lại đường băng. Vậy là lính thủy đánh bộ phải đuổi quân lính Bắc Việt ra khỏi những ngọn đồi. Họ không biết rõ tầm quan trọng của những lực lượng họ phải đối đầu và không biết lợi thế địa hình quân địch đã chuẩn bị.

Trong ba ngày, hai đại đội lính thủy đanh sbộ, một đã ở Khe Sanh và một cử đến tăng cường chiếm lấy ngọn đồi 861. Vùng này chi chít những chóp và đỉnh núi cao.

Trên đồi 861 , quân Bắc Việt để cho lính thủy đánh bộ trèo lên cách họ 15, 20 mét rồi mới đồng loạt nổ súng từ những vị trí đào trong đất. Đạn súng cối 82 đặt dấu ở những chỏm đồi khác nổ tung giữa đội hình lính Mỹ sát thương nhiều người. Họ phản công lai với những tràng đạn nổ và phốt pho trắng của móc chi ê, súng cối từ căn cứ, súng liên thanh và rốc két của máy bay lên thẳng Huey, bom và napalm của phi đội máy ba. Người Việt Nam ngừng lại từng lúc nhưng không nản. Khi lính thủy đánh bộ rút lui, họ bám theo bắn xối xả bằng vũ khí tự động. Lính thủy đánh bộ thậm chí không chuyển được những người bị thương vì

mỗi lần họ gọi máy bay lên thẳng đến cứu, phía Bắc Việt lại dội đạn cối vào chỗ hạ cánh.

Hai đại đội của Hải quân tấn công riêng rẽ nhau. Chi huy tiểu đoàn lãnh đạo cuộc hành quân ra lệnh cho đại đội Khe Sanh đang tấn công mặt tây bắc đồi 861 kết nối lại với ông ta. Đại đội trưởng trả lời, sau ba ngày chiến đấu, đến nay ông không có đủ người lành lặn để mang đi những người chết và bị thương. Lính thủy đánh bộ, liên kết đồng đội với ý nghĩa huyền bí, kinh hoàng vì phải bỏ lại người chết của họ. Viên chỉ huy nhắc lại lệnh xuất phát. Đại đội trưởng đáp lại họ không đủ người chuyển thương binh và dù sao cũng không để một lính thủy đánh bộ lại tại chỗ được. Ông nói thêm, ông sẽ đến ẩn dưới một dải sương mù gần đấy tránh đạn súng cối và "đánh đến người cuối cùng" với bộ binh Bắc Việt nhất định không bao lâu nữa sẽ tới.

Sĩ quan trọng pháo bảo vệ đại đội ẩn trong sương mù, bắn đạn cối vây quanh họ như trung sĩ Savage đã làm để cứu trung đội thất lạc của Moore, cho đến lúc một đại đội thứ ba được cử gấp đến Khe Sanh, rạng sáng len lỏi đến chỗ họ. Họ dùng áo khoác ngoài làm cáng thương binh và người chết, tập hợp mọi trang bị và vũ khí. Đoàn người bắt đầu đi trong đêm tối dưới trời mưa và sương mù dày đặc vì không khí lạnh ban đêm. Chỉ những người đi đầu và đoạn hậu không mang vác gì. Trời mưa biến đường băng thành bùn trơn. Nhiệt độ cao ban ngày cuối mùa mưa này làm các xác chết phình lên. Từng lúc trong cuộc đi đêm, một người khiêng cáng trượt chân, thây người rơi từ áo choàng lăn mãi xuống dốc. Đoàn người dừng lại. Người ta tìm cái xác rồi lại đi. Cuối cùng đến rạng đông những người lính thủy về nơi an toàn, không bỏ lại người nào phía sau họ.

Đại đội thứ hai cũng rút đi với sự giúp đỡ của lực lượng Khe Sanh, lúc này là hai tiểu đoàn, còn trọng pháo và máy bay làm tan nát, đốt cháy ngọn đồi 861 không ngớt trong một ngày một đêm. Một tiểu đoàn lại lên tấn công. Quân lính Bắc Việt đã bỏ đi, chắc đến đối 881 nam, đúng sau lúc họ xông lên lần đầu và trước đợt ném bom. Họ để lại một số xác chết, ngoài ra như báo cáo đã xác định, "chiến trường được quân địch dọn sạch : không còn một trang bị hoặc một thông tin nào đáng giá". Lính thủy đánh bộ thống kê được 25 lô cốt trên đồi, 400 hố cá nhân và những chỗ đặt súng cối ở sườn đồi phía sau. Lô cốt được đắp một lớp dày hai mét bằng tre, đất và cỏ nén chặt đủ chống đạn cối rơi thẳng. Nhìn thấy những bố trí ấy, các sĩ quan lính thủy đánh bộ không tin được.

Sau đợt ném bom mới một ngày một đêm, một tiểu đoàn được tung lên tấn công đồi 881 nam, rơi toàn bộ vào bẫy. Một lần nữa, người Việt Nam không bắn cho đến khi kẻ tấn công xông lên cách họ 15,20 mét để loạt đạn đầu giết được nhiều người nhất. Những tay súng bắn lẻ, trèo lên cây to trụ được với bom, chọn những người giữ điện đài hoặc bắn trọng pháo, hạ chính xác họ với một viên đạn

vào đầu hoặc ngực. Cùng lúc ấy, những loạt đạn cối dội vào lính thủy đánh bộ. Quân Bắc Việt có vẻ không sợ để pháo bắn gần họ, thậm chí ngay ở vị trí họ.

Lính thủy đánh bộ Mỹ là những toán tấn công không sánh được, xông vào với tính năng nổ tự nhiên của binh chủng mình. Họ phát hiện thấy càng tiến vào vị trí quân địch càng gặp kháng cự m ạnh và tình thế của họ ngày càng khó khăn. Những người này rồi tiến cũng không được lùi cũng chẳng xong dù vẫn sẵn sàng chiến đấu. Lưới lửa trước mặt họ mỗi lúc càng sát hại nhiều. Đồng thời, người Việt Nam chiếm lại những lô cốt lính thủy đánh bộ đã đi quan, cắt đứt đường rút lui của họ.

Lời cảnh báo của Krulak giải thích những người cộng sản áp dụng "những cuộc tấn công dữ dội và áp sát" để "giảm hiệu quả" của máy bay, trọng pháo bây giờ hình như dất dưới sự thật. Trong lúc Westmoreland triển khai những cơ sở lớn ở hải cảng và những kho rộng cho chiến tranh hủy diệt, người Việt Nam học được cách đánh Mỹ tốt hơn. Trên đồi 881 nam, người Mỹ thấy không phải họ bố trí gấp đội so với đồi 861 mà là hơn mười lần : khoảng 250 lô cốt to lạ lùng. Những lô cốt bé hơn xem ra dành cho hai, ba người được che mái làm bằng hai hàng xà ngang phủ một mét rưỡi đất. Những cái to hơn cho bốn người được bảo vệ tốt hơn và trước trận đánh dùng làm nơi trú quân chắc chắn với những ngăn đồ đạc, chiếu trải đất và một hệ thống tháo nước để giữ khô. Những lô cốt to nhất, đặc biệt những trạm chỉ huy, được bảo vệ từ bốn đến tám hàng xà ngang với hơn một mét đất nện. Tất cả các bộ phận của lối công sự phức tạp nối với nhau bằng một đường dây điện thoại cho phép mọi người trao đổi với nhau trong lúc chiến đấu và liên lạc với những người quan sát để điều chỉnh chính xác làn đạn súng cối đặt trong các hầm đất xa về phía sau.

Việc ném bom quả đồi suốt ngày đêm của lính Hoa Kỳ mới nhìn có vẻ phá hoại ghê gớm, nhưng không có tác dụng hơn những đợt pháo hoa. Đạn rốc két nổ trên cành cây cao bảo vệ các căn hầm. Napalm đốt cháy cây cỏ. Những loạt đạn cối làm choáng đầu quân Bắc Việt trong lô cốt : họ khó chịu đựng những vụ nổ và thường chảy máu mũi, máu tai. Nhưng bom đạn không giết hoặc làm bị thương một người nào.

Để đạt kết quả như vậy, máy bay ném bom không thả bom 350 ki lô và rất ít bom 500 và 1.000 ki lô. Hầu như họ chỉ dùng loại 125 và 250 ki lô loại "mắt rắn". Chúng có cánh đuôi rộng, xòe ra sau khi thả để xuống chậm lại, cho phép thả ở độ thấp trên một đường paraboon và để thì giờ phi công đủ tránh xa trước khi nổ. Máy bay phản lực có thể đạt mục tiêu tốt hơn với đợt tấn công ngang và ở độ thấp. Phi công của Hải quân và Không quân đã được tập luyện để bay khắp nơi và trong bất cứ điều kiện nào. Ở một đất nước bị gió mùa tác động, họ thường phải hạ độ cao. Cuối tháng Tư đầu tháng Năm ở Khe Sanh trần bay chỉ

khoảng 300 mét hoặc ít hơn. Để thả bom hạng nặng được chính xác, máy bay phải bổ xuống thẳng đứng và nhanh chóng trở lại độ cao thích hợp. Người Việt Nam hoàn toàn biết rõ lối đánh ấy của máy bay Mỹ và chỗ ẩn của họ khá vững chắc để chịu đựng được bom 125 hoặc 250 ki lô, trừ phi trúng thẳng vào mục tiêu là điều rất hiếm.

Những công sự nắm trong rừng nhiệt đới ấy được quân Bắc Việt dùng vừa là nơi tấn công vừa là phòng ngự. Trước trận đánh ở đồi 861, họ có thể ra ngoài dùng các bộ phận cánh bao vây đối phương. Họ biết rất rõ địa hình để bí mật xây dựng công sự. Về sau, như trong đợt tấn công đồi 881 nam, họ bình tĩnh ngồi trong hầm chờ đợi việc ném bom kết thúc.

Cuối cùng những cuộc dội bom đạt được kết quả mong muốn. Quân Bắc Việt được lệnh giữ vững vị trí và xông ra phản công, cũng chịu tổn thất nặng trong hai tuần rưỡi đánh nhau trên các đối. Nhưng họ bố trí kế hoạch cẩn thận, củng cố vững chắc từ trước và tổ chức trận địa để đưa người Mỹ trở thành nạn nhân của họ trong chiến đấu, quân Bắc Việt đạt được điều quan trọng nhất đối với họ : kéo dài trận đánh và làm thiệt hại nặng nề quân Mỹ đối đầu với họ. Cần phá bỏ lớp cây cối che phủ rồi cả thân cây, bụi rậm dưới rừng để quân lính có thể thấy công sự mà tấn công, phải nhiều ngày liền bắn phá trọng pháo và thả bom 125, 250 ki lô. Tuy đã chuẩn bị tích cực như vậy trên ngọn đồi 881, lính thủy đánh bộ chỉ phát hiện ra những chỗ ẩn nấp của quân Bắc Việt khi đã lên được trên đồi , ở đó vẫn còn đủ cây cối cho những tay bắn tỉa.

Lewis Walt lo lắng cho mạng sống binh lính của mình. Khi biết có trận huyết chiến trên đồi, ông lấy máy bay đi Khe Sanh, mang theo một trung đội bộ binh đến tại chỗ xem sự việc xảy ra như thế nào. Ông nhớ lại mùa thu năm 1944 và trận tấn công của ông vào hòn đảo đầu tiên của Thái Bình Dương, nơi quân Nhật cố nén không điên rồ tấn công tự sát mà rút vào những hầm bê tông và san hô. Ông đã hiểu giới hạn của một trận ném bom theo tập tục vào những lô cốt như ông thấy bây giờ và sự khờ dại đưa bộ binh lên chiếm lĩnh. Ông ra lệnh cho tất cả lính thủy đánh bộ rút xuống khỏi đồi và cho Không quân dội xuống những đợt bom 500 và 1.000 ki lô với những làn phóng chậm lại chỉ làm bom nổ khi đã vào trong đất. Như vậy, những quả không trúng đích vẫn có hiệu lực vì chấn động trong lòng đất, phá hỏng lô cốt và việc chậm lại cho phép phi công có thì giờ thoát ra.

Nhưng Walt can thiệp quá muộn : đã có 99 người chết. Gần một nửa chết trong cuộc tấn công điên rồ và lần này lính thủy đánh bộ buộc phải bỏ lai người chết để cứu lấy những mạng sống. Hai ngày sau , khi họ trở lại để tìm xác và chiếm khu đất hoang vắng ngổn ngang hố bom và cây cối đổ nát, họ thấy 50 lô cốt còn nguyên vẹn. Lần này, quân Bắc Việt cũng không còn ở đấy nữa. Những

người sống sót của Trung đoàn 18 Bắc Việt chịu đựng sự dữ dội của trận đánh đã rút lui về đồi 881 bắc, được vực dậy với những đội quân mới của Trung đoàn 95 cho tới lúc đó vẫn còn nguyên vẹn.

Lewis Walt cũng cho đánh bom ngọn đồi 881 bắc nhưng bom 1.000 ki lô không thể làm gì với thời tiết ghê gớm. Đại đội đi đầu tấn công ngọn đồi này cùng ngày với các bạn họ lấn chiếm đồi 881 nam. Họ loại trừ một súng bắn lẻ và nghĩ dễ dàng khống chế lính Bắc Việt. Nhưng họ không tính đến cơn bão nhiệt đới ập xuống với ngọn gió mỗi giờ 60 cây số và cơn mưa tối tăm mặt mũi. Chỉ huy ra lệnh rút lui. Để người của mình cúi xuống xông vào chỗ không biết gì thì quá nguy hiểm.

Quân Bắc Việt tranh thủ đợt nghỉ này tung hai đại đội ra phản công. Họ vào đến chu vi phòng vệ của một trong những đơn vị lính thủy đánh bộ và bố trí trong những lô cốt chưa bị chiếm. Ở đây, với vũ khí tự động và lựu đạn họ liều mình trong một trận đánh quyết tử kéo dài một ngày. Những ngày sau cũng có nạn nhân. Sau hai tuần rưỡi, khi trận đánh trên các đồi kết thúc, lính thủy đánh bộ thống kê được 155 xác chết và 425 người bị thương ở Khe Sanh. Cho đến lúc đó, đây là thiệt hại lớn nhất của Hải quân chỉ trong một trận đánh của cuộc chiến tranh này.

Cũng nhanh chóng như đã triển khai ở phía tây, quân Bắc Việt chuyển trận đánh sang phía đông, dọc theo đường ranh giới khu phi quân sự, tấn công căn cứ lính thủy đánh bộ ở Cồn Tiên vào đầu tháng Năm với 2 tiểu đoàn. Bom đạn nổ là một điều ghê tởm thực sự, tệ hại hơn những đợt tấn công của bộ binh, có những trận phục kích đoàn xe tiếp tế và những cuộc đột kích của đặc công chỉ mặc quần đùi bò qua dây tjép gai, quăng chất nổ vào lô cốt hoặc qua tường các vị trí trọng pháo. Bom đạn nổ còn tệ hại hơn, vì ngoài mối nguy hiểm chết người, nó làm thần kinh không chịu đựng nổi. 4.200 loạt bom đạn được bắn ra từ cả một số lượng rất lớn vũ khí chế tạo từ Liên Xô mà những người Việt Nam có được : ca nông 85, 100 và 122 ly, móc chi ê 120 mà đạn nổ phân tán ra một bán kính rất rộng, rốc két Kachiusa 122 ly dài ba mét. Trong tháng Bảy, họ có thêm ca nông 152 ly, đạn có thể xuyên sâu hơn một mét dưới đất trước khi nổ.

Lính thủy đánh bộ dùng mọi cách làm đối phương im tiếng. Những khẩu “Long Toms” 175 ly của Westmoreland , ca nông của tuần dương hạm và khu trục hạm của Hạm đội 7 bắn hàng trăm nghìn quả đạn. Máy bay ném bom A-4, F-8 và B-52, A-6 của Hải quân mỗi chiếc chở 7 tấn chất nổ thả từng làn hàng chục nghìn tấn. Họ chỉ nhận được một đợt nghỉ tạm thời của pháo binh Bắc Việt .

Người Việt Nam làm mô hình vị trí giả trọng pháo để đánh lừa những tay chụp ảnh trên trời. Họ cho nổ những khối vô hại giả vờ tia lửa ca nông đánh lừa lính

quan sát. Họ che giấu ca nông, móc chi ê, súng phun lửa thật trong những hố sâu và hầm, bắn từng đợt không đều để ngụy trang lại sau mỗi đợt bắn. Cuối buổi chiều là lúc thích hợp nhất khi tia lửa nòng ca nông thấy không rõ. Với những móc chi ê hạng nặng, thường họ đào một giếng sâu ở sườn đồi trước mặt lính thủy đánh bộ. Một lỗ mở đào ở đáy giếng. Như vậy , vũ khí và người được cả khối đất bên trên bảo vệ và họ bắn đạn qua lỗ ngụy trang. Vị trí ca nông, móc chi ê cuối cùng cũng bị phát hiện và vũ khí cùng người bị bom đạn vùi lấp. Nhưng những xưởng vũ khí của Liên Xô, Trung Quốc và các nước Đông Âu sản xuất khá đủ để cung cấp lại cho họ và Hà Nội sẵn sàng thay người. Một nửa thiệt hại của lính thủy đánh bộ do những bom đạn ấy.

Sau hai năm ở Việt Nam , khi Lew Walt trở về Hoa Kỳ , ông biết xử sự như thế nào trước một hệ thống công sự. Nhưng người Mỹ mỗi lần lại phải học bài học với giá những mạng sống con người. Hệ thống quân sự những năm 60 tạo điều kiện cho sự ngu dốt chứ không phải hiểu biết. Thực vậy, Westmoreland qui định sự luân phiên hàng năm vì ông nghĩ như vậy lợi cho tinh thần con người; quân lính ở mọi cấp bậc từ đại tá đến lính thường rới Việt Nam khi họ bắt đầu có một số kinh nghiệm. Sự thuyên chuyển thậm chí nhanh hơn, cứ sáu tháng cho những người có trách nhiệm ở cấp tiểu đoàn, trung đoàn, đúng lúc kinh nghiệm là cần thiết nhất. Sĩ quan nói chung qua sáu tháng khác ở một văn phòng ban tham mưu cùng sự đề bạt. Rất ít ngoại lệ và hiếm có những sĩ quan cao cấp tình nguyện kéo dài quá sáu tháng nhiệm vụ chỉ huy tại chỗ. Đôi khi việc luân phiên nhanh hơn nếu sĩ quan bị thương hoặc đau ốm.

Tệ quan liêu của văn phòng nhân sự coi Việt Nam như một tập dượt đào tạo và thanh minh luật lệ sáu tháng là một cách chuẩn bị nhiều sĩ quan nhất cho “cuộc chiến tranh lớn “trong tương lai với người Xô viết ở châu Âu và những cuộc chiến khu vực khác. Nhưng lý do thực sự, cả với lính thủy đánh bộ, là hệ thống được đề bạt mặc nhiên trong quân đội. Để thăng cấp đại tá ,một trung tá phải có ghi trong hồ sơ đã chỉ huy một tiểu đoàn. Đại tá muốn có ngôi sao cấp tướng đầu tiên phải đã cầm đầu một lữ đoàn hoặc trung đoàn. Giữ hơn sáu tháng một sĩ quan cao cấp ở vị trí ông ta chỉ huy được xem là không có lợi cho những người khác. Hệ thống ấy cũng áp dụng cho các tướng nhưng lần lượt trong mười sáu tháng. Thực ra ít người trong bọn họ không chỉ huy một sư hay quân đoàn quá một năm vì rất nhiều người đang xếp hàng để có thêm một ngôi sao. Walt là một ngoại lệ vì ông là chỉ huy kỳ cựu nhất trong lính thủy đánh bộ. Người Việt Nam có thể dự tính những đối thủ Mỹ của họ bao giờ cũng tiếp tục kiểu cách ấy.

Cũng trong mùa hè 1966 này, trong lúc họ lôi kéo Westmoreland vào chiếc bẫy của vùng phi quân sự, người Việt Nam mở một mặt trận thứ hai trên cao nguyên Trường Sơn, nơi Moore bị đánh. Họ lôi kéo người Mỹ quá lên phía bắc

phần trên tỉnh Kontum, gần điểm cuối đường mòn Hồ Chí Minh núi non hiểm trở hơn. Năm 1967, những người lãnh đạo Hà Nội đang xây dựng một mặt trân thứ ba ở vùng Quân đoàn 3 dọc biên giới Campuchia. Người Trung Hoa đã ký một thỏa thuận với ông hoàng Sihanouk, qua cảng Sihanoukville đưa tới cho Việt Nam hàng nghìn tấn vũ khí, đạn dược, thuốc men và các thứ khác (cuối năm 1969 là hơn 26.600 tấn). Quân đội Campuchia lấy một phần rất ít còn Sihanouk và tướng tá của ông hưởng tiền hoa hồng. Một trong những bà vợ của Sihanoul có một công ty vận tải đưa những thứ viện trợ ấy từ cảng đến các nhà kho Việt Nam .

Thống kê những thiệt hại của Mỹ chỉ rõ chiến lược của Westmoreland có lợi cho quân địch đến mức nào; họ chọn trận địa nào thuận lợi nhất. Gần bốn phần năm lính Mỹ bị giết trong các trận chiến kể từ năm 1967 (chiếm 77%) chỉ ở mười trong số bốn mươi bốn tỉnh. Và 52% tổng thiệt hại tập trung ở vùng Quân đoàn 1, chủ yếu dọc theo hoặc gần vùng phi quân sự; những thiệt hại khác ở vùng núi rừng gần biên giới Campuchia.

Trong văn phòng của ông trên núi phía trên Trân Châu Cảng, Krulak mỗi buổi sáng đau đớn khi thư ký đặt trước mặt ông báo cáo về những mất mát. Sau những lần viếng thăm thường xuyên các đơn vị, ông nhớ lại tên và những khuôn mặt, biết phần đông các chỉ huy đại đội và trung đội cũng như một số lính thường hoặc những người có cỡ. Ba con trai theo ông vào Hải quân. Người con cả, một mục sư chọn làm tuyên úy Quân đội ở đây; hai người trẻ hơn, là chỉ huy đại đội. Cuộc thử thách chỉ càng cay đắng đối với ông, thế nào mà cả ba cùng đến Việt Nam . Đứa trẻ nhất phục vụ hai lần ở Quân đoàn 1, hai lần bị thương, được thưởng Ngôi sao bạc vì lòng dũng cảm và ba Ngôi sao đồng.

Nếu John Kennedy không chết, Krulak nghĩ cuộc chiến tranh có lẽ đã diễn ra theo một cách khác. Lòng say mê chiến tranh chống nổi dậy và những bài học từ năm 1965 cho phép ông hiểu tầm quan trọng những đề nghị của Krulak đưa lên phòng bầu dục của Nhà Trắng. Ông tổng thống ấy sẽ buộc các tướng tiến hành cuộc chiến tranh này một cách thông minh.

Nếu Krulak nói đúng về Kennedy và nếu giấc mơ của ông có một số cơ sở thì nó chỉ là một trong nhiều thất bại của ông ở Việt Nam . Trong cuộc chiến tranh này, 14.691 lính thủy đánh bộ bị giết, gấp ba lần số chết ở Triều Tiên, một mất mát nặng nề về mạng sống con người, nặng hơn so với 24.511 người chết trong Thế chiến thứ hai. Krulak đã biết rất lâu trước khi kết thúc , dù sao thì họ cũng chết vô ích.

Trong lúc những người cộng sản Việt Nam tập trung cuộc chiến ở phía đông vùng phi quân sự vào tháng Năm 1967, John Vann tiến hành một cuộc đấu tranh với nạn bàn giấy để giúp Robert Komer đưa ra một tổ chức mới về bình định có

tên gọi kỳ cục là “Sự nâng đỡ những hoạt động dân sự và phát triển cách mạng”, tên viết tắt còn lạ lùng hơn nữa : CORDS (Civil Operation and Revolutionary Development Support). Đây là một dịp hiếm hoi trong sự nghiệp mà Vann đạt được một thắng lợi đối với chính quyền, chủ yếu vì Westmoreland đã hiểu không vì lợi ích riêng mà anh chống đối lại cấp trên. Sự liều lĩnh của Komer sau đó bẻ gãy mọi kháng cự.

Quân cảnh bảo vệ tổng hành dinh của Westmoreland lúc đầu không thể ngời con người ấy, 45 tuổi, hơi hói, thắt nơ con buốm và mặc chiếc áo vét ba cúc, là vị tướng hàng đầu bên dân sự. Komer khẳng định điều đó theo cách của ông như khi phải thuyết phục những người khác. Westmoreland đã dành cho ông một chiếc xe nổi tiếng, chỉ có 3 chiếc ở Sài Gòn, hai chiếc kia của bản thân Westmoreland và người phó của ông, tướng Creighton Abrams. Khi Komer ngồi sau lái xe và người bảo vệ Việt Nam đến cổng sắt, quân cảnh đưa tay ngăn lại, đến phía sau Komer vừa hạ tấm kính xuống.

- Ông là ai, Thưa ông ? Người quân cảnh hỏi.
- Tôi là người có thế lực cao bên cơ quan bình định, Komer nêu cụ thể chức vụ của mình.
- Vâng, thưa ông, để tôi đi xem.

Người quân cảnh đi vào trạm bảo vệ, tra cứu danh sách rồi gọi điện thoại chi một người nào đó.

Hai người Việt Nam bắt đầu nói với nhau. Komer đoán họ đang bình luận về sự việc này và ông mất mặt, điều mà ông không bao giờ chấp nhận đối với những người khác quan trọng hơn nhiều ở Sài Gòn . Komer biết nói mạnh, có hoặc không có chiếc tẩu thường xuyên trên miệng. Ông đã thỏa mãn cười ha hả năm 1966 trong lúc đấu tranh cho công việc bình định ở Nhà Trắng, lúc Lodge mệnh danh ông là “chiếc đèn hàn “vì nổi nóng khi bảo vệ dự án của mình. Sáng hôm ấy, trong lúc quân cảnh đặt ông vào một tình trạng bối rối, ông nhớ lại một bài báo của Ward Just, phóng viên tờ WASHINGTON POST , đăng mấy ngày trước đó. Anh này nói Komer nghĩ mình rất bướng bỉnh ở Washington nhưng ông sẽ thấy mọi việc rất khác trong chiếc chuồng chim quân sự ở Sài Gòn . Qua đó, anh ám chỉ Komer chỉ là một con gà con giữa đàn diều hâu và các tướng tá trong ban tham mưu của Westmoreland chỉ cần đớp ông một miếng.

Komer quyết đinh chứng minh anh nhà báo là một nhà tiên tri tồi. Trong lúc chờ đợi, người ta để ông vào ,ông để ý thấy quân cảnh đứng nghiêm cháo một chiếc xe limousine maù xanh ô liu phía trước ông. Xe mang biển đó với hai ngôi sao trung tướng.

Khi về đến văn phòng mình, ông gọi người trợ lý của ông, đại tá Robert

Montague :

“Như thế là đủ rồi ! Trên xe của tôi phải có bốn ngôi sao . Westmoreland có bốn sao, người phó Abrams của ông ta cũng vậy. Tôi cũng phải có bốn sao. Anh xoay sở đi !”.

Montague gọi điện thoại. Tổng tham mưu trưởng của Westmoreland , trung tướng Walter Kervin , tránh bị làm nhục khi cãi cọ với Komer, cử sang một người phó, một tướng Không quân.

- Thưa ông, chúng ta có một vấn đề, ông nói với Komer. Chúng tôi không thể để tấm biển bốn sao trên xe ông.

- Vì sao vậy ?

Viên tướng giải thích, theo điều lệ, chỉ một quân nhân cấp bậc đại tướng mới có quyền đó.

“Điều lệ ấy được xây dựng từ khi không ai biết phải tiến hành một cuộc chiến tranh như thế nào. Hãy để biển bốn sao cho tôi !”.

Viên tướng Không quân không có gan gợi ý phải nghiêm chỉnh thực hiện điều lệ. Ông lại bị Komer mắng một trận nữa, vừa rút lui vừa nói”.

“Vâng, thưa ông”.

Một giờ sau, ông trở lại.

- Thư ông, tôi nghĩ chúng tôi đã tìm được một giải pháp đối với vấn đề của ông.

- Thế nào ?

- Chúng tôi sẽ làm một tấm biển đặc biêt, giữa là một chim đại bàng, bốn góc là những ngôi sao. Như tấm biển của vị chỉ huy quân đội trên đất liền.

Ông nhìn Komer, ngập ngừng mỉm cười.

- Được lắm, Ông cứ đặt thế đi.

- Vâng, thưa ông. Viên tướng Không quân trả lời, lần này mỉm cười thẳng thắn.

Nếu những người quân cảnh ở cửa ra vào vẫn luôn tò mò về tấm biển lạ lùng này, họ cũng không ngần ngại đứng nghiêm chào để chiếc xe đi nhanh qua. Họ mau chóng không cần nhìn vào tấm biển con đại bàng và những ngôi sao để biết con người thắt nơ con bướm là Komer.

Vào mùa xuân năm 1966, khị Lyndon Johnson chỉ định ông là con mắt của Nhà Trắng trong cuộc “chiến tranh khác” này ở Việt Nam, Robert Komer thực tế không biết gì về Đông Nam Á. Đây là một trong những vùng trên địa cầu ông chưa bao giờ nghiên cứu hoặc đến thăm trong 22 năm làm việc cho chính phủ,

bắt đầu là cai của nghiệp vụ tình báo ở Italia trong Thế chiến thứ hai. Komer, con trai một gia đình giàu có ở Middle West, tốt nghiệp xuất sắc trường đại học Havard năm 1942 và sau chiến tranh trở lại Học viện khoa học kinh tế để cuối cùng phát hiện ra mình quan tâm đến khoa tình báo thay vì thế giới thương mại. Là người phân tích ở Văn phòng tổng hợp của CIA, ông chỉ đạo các nhóm Tây Âu, Trung Đông và Liên Xô. Sau khi John Kennedy được bầu, McGeorge Bundy đề nghị ông tham gia nhóm Hội đồng an ninh quốc gia, là người của Nhà Trắng phụ trách Trung Đông. Châu Phi cũng được giao thêm cho ông và ông trở thành phó cho Bundy.

Komer báo trước với người kế nhiệm Kennedy là ông không biết gì về Việt Nam nhưng điều đó không làm Lyndon Johnson bận tâm. Ông ta chia sẻ lòng vững tin của thời đại là một người Mỹ xuất sắc, đặc biệt khi đã được đào tạo ở nhưng trường đại học lớn của bờ biển phía Đông có thể làm bất cứ việc gì. Sự mặc cảm văn hóa thấp vùng Texas chỉ làm tăng niềm tin của ông vào những người đã được đào tạo như vậy. Thường ông nói với Komer với giọng kính nể "Anh tốt nghiệp Havard". Nhưng để làm vừa lòng Johnson, Komer có những chủ bài khác ngoài việc học hành : đức tính táo bạo, sự thẳng thắn tàn nhẫn và là một người làm việc có tham vọng. Ông sẽ không ngần ngừ dùng búa đánh vỡ các khuôn mẫu đáng nguyền ruả của tệ quan liêu.

Điều chủ yếu cần học hỏi về Việt Nam và công cuộc bình định ông khai thác ở Vann và những người chịu ảnh hưởng của anh như Ellsberg và Richard Holbrooke. Ngay từ khi được Johnson bổ nhiệm năm 1966, Komer nhận những thông tin từ Ellsberg trong hội những người trí thức của chính phủ như ông. Holbrooke sau khi rời Porter và Đại sứ quán ở Sài Gòn được Komer tuyển dụng làm phó của mình ở Nhà Trắng. Hai người đã nói với ông về Vann và nhấn mạnh về giá trị của anh. Holbrooke đưa Vann đến Washington để trao đổi với Komer trong ba tiếng đồng hồ. Komer thấy anh "đáng sợ vì những hiểu biết rộng và cay đắng sâu sắc về chiến dịch thuyết phục vô bổ của anh". Ông bị tác động về sự nhận định hai mặt của Vann : chiến thắng là một ảo tưởng nếu cứ tiếp tục như người ta đang làm bây giờ, nhưng "nếu chúng ta thay đổi phương pháp , chúng ta có thể thắng lợi". Bao giờ cũng sẵn sàng khai thác những tiếp xúc có thế lực, có ảnh hưởng, mỗi lẫn Komer sang Việt Nam , anh đều đến gặp và luôn gửi thư và báo cáo cho ông.

Tuy những yếu kém cố hữu của mỗi người trong Nhà nước Mỹ đã cản trở tổng thống Johnson nhận thức tình hình khác căn bản với những gì Vann và Krulak khuyến cáo, ông thực sự muốn có một chương trình bình định bổ sung cho cuộc chiến tranh hủy diệt của Westmoreland . Việc cố gắng thứ nhất trong tháng Mười một năm 1966, hợp nhất những cơ quan dân sự khác nhau đã có hiệu quả. Vann

bắt đầu tập hợp những cố vấn của Quân đoàn 3 thành một nhóm đồng nhất. Nhưng anh vẫn bị phiền hà rất lớn bởi những cạnh tranh thường xuyên giữa AID, CIA và những cơ quan tình báo cũng như vì quyết định giữ những cố vấn quân sự dưới quyền của Westmoreland . Mùa xuân năm 1967, kiểu chờ thời của tổng chỉ huy có vẻ được trả giá. Tổng thống quyết định giao cho ông toàn bộ trách nhiệm về công cuộc bình đinh. Đồng thời Komer được cử sang Việt Nam tổ chức công việc ấy dưới quyền ông. Đội quân dân sự này, mang tên CORDS thiếu yếu tố chủ yếu là người Mỹ chịu trách nhiệm hoàn toàn ở Sài Gòn , đặc biệt về chương trình cải cách xã hội như Vann nhận thức. Nếu không toàn bộ cơ cấu chỉ huy và tổ chức sẽ dựa rộng rãi vào quan điểm của anh.

Theo nghi thức, Johnson xếp Komer vào hàng ngũ đại sứ nhưng trách nhiệm của ông không dính líu gì về ngoại giao. Ông cũng không là thành viên ban tham mưu của Westmoreland . Bob Komer là chỉ huy phó công cuộc bình định. Sự phân biệt ấy rất quan trọng về mặt quân sự vì như thế có nghĩa là ông trực tiếp thực thi quyền hành đối với tất cả những người làm việc cho ông và chỉ biết có tổng chỉ huy. Ông chiếm vị trí thứ ba trong hệ thống các lực lượng Mỹ ở Việt Nam, sau Westmoreland và người phó Creighton Abrams.

Vann đã nói trước, nếu ông có một quyền lực kém hơn, ông sẽ bị những con diều hâu của ban tham mưu cho ăn đòn. Đấy là kế hoạch Komer trình lên tổng thống và đã được chấp nhận. Ông cũng đồng thời làm cho Westmoreland hiểu đấy là quyền lợi của ông ta. Nếu ông thất bại, ông sẽ chịu những quở trách của tổng thống “Westy, chính đầu tôi sẽ rơi”, ông nói. Nhưng nếu thành công, tổng chỉ huy sẽ được hưởng vì ông ta là phó. Ông tế nhị nói thêm để kích thích lòng kiêu ngạo của Westmoreland . Ông nhắc lại cả hai đều ở Học viện nghiên cứu kinh tế Havard; vị tướng đã học ở đó trong lúc ông đã ở Lầu năm góc.

Lời nói tế nhị đó cũng vô ích vì Westmoreland luôn thỏa mãn ý muốn của tổng thống nếu không mất gì. Nếu thiếu sáng suốt trong việc chỉ đạo chiến tranh thì ông ta rất thông tỏ những ngoắt ngoéo của phong cách bàn giấy chính trị và đó cũng là lý do ông mau thăng tiến. Ông hiểu ngay tình thế. Bây giờ, quyền của ông đã trải rộng trong toàn bộ chương trình bình định mà ông không phải gánh vác. Ông có thể tiếp tục cuộc chiến tranh hủy diệt của mình và phần còn lại thả cho Komer. VÌ vậy, ông không ngần ngại cấp cho ông này chiếc xe Chrysler màu đen.

Cơ cấu tổ chức của CORDS là một kiểu chỉ huy hỗn hợp dân, quân sự độc nhất. Một người chịu trách nhiệm về bình định được giao đứng đầu trong mỗi Quân đoàn. Quan hệ của họ với viên tướng Mỹ cũng như quan hệ giữa Komer và Westmoreland đồng thời họ báo cáo trực tiếp cho Komer. Trong nội bộ Quân đoàn, các cố vấn quân, dân sự là một nhóm dưới quyền người chịu trách nhiệm

địa phương, có thể là một quân nhân hoặc một đại diên cho các cơ quan dân sự.

Vann may mắn có người chỉ huy mới các lực lượng Mỹ của Quân đoàn 3, trung tướng Fred Weyand ý thức được tính bảo thủ của mình nên hoan nghênh những người vốn có giá trị đưa lại những ý tưởng mới mà mình không có. Nói một cách khác, Komer đã tìm cho anh một sự mến mộ mới mà có lẽ ông đã không thích. Thực ra, Westmoreland đã báo trước với Weyand, Vann thực sự là một loại găng tay lông dài và cứng mà ông không bắt buộc phải nhận. Weyand đã nghĩ khác. Ông có những bước đầu khó khăn trong quân đội, trước hết vào đầu Thế chiến thứ hai trong đội pháo binh miền biển, một vũ khí không có tương lai trong chiến tranh hiện đại và với máy bay. Sau đó, ông phục vụ trong tình báo ở Miến Điện cho đến khi chuyển sang bộ binh thời kỳ xe tăng Kim II Sung vượt qua vĩ tuyến 38 ở Triều Tiên. Ông được giao chỉ huy một tiểu đoàn vào tháng Giêng năm 1951 và tham gia vào cuộc phản công đẩy quân Trung Hoa lên đến đường ranh giới. Sự thành công ở Triều Tiên mà nhờ đó ông được thưởng Ngôi sao bạc và Ngôi sao đồng là tia lửa ánh lên trong sự nghiệp của ông. Sau đó, ông được những bổ nhiệm mà một sĩ quan không từ West Point ra cần có để thăng tiến : làm phó cho chỉ huy một đơn vị chiến đấu ở Berlin và hai năm ở vị trí tế nhị, sĩ qua liên lạc của Nghị viện. Phong thái bên ngoài có lợi cho ông : một người đẹp trao, cao một mét chín mươi , rất lễ độ. Ông cởi mở và trung thực , vừa khôn khéo vừa giản dị và thân mật. Ông không chờ các sĩ quan trẻ hoặc quân lính chào, ông chào họ trước.

Weyand và Vann đã gặp nhau khoảng một năm trước đây, khi Vann tiến hành một cuộc điều tra cố tìm thông tin về chỗ Ramsey bị Việt cộng cầm tù. Weyand vừa đến Hậu Nghĩa cùng sư đoàn bộ binh 25 mà ông chỉ huy và cấp cho ông nhiều thông tin thực tiễn. Nhưng ông không biết gì về lực lượng Việt cộng trong vùng, vả lại cũng chẳng ai biết.

Fed Weyand cho là mình may mắn phát hiện ra Vann. Họ biết rõ nhau hơn qua những cuộc thăm viếng tiếp theo, và khi Vann được bổ nhiệm làm giám đốc các hoạt động dân sự cuối năm 1966, anh thường đến tổng hành dinh của Weyand ngày thứ bảy hoặc chủ nhật chơi bóng chuyền và đêm ở lại để nói chuyện lâu hơn với vị tướng.

Một số sĩ quan nghi ngờ John Vann là một loại trung tá phản chắc. Nhưng Weyand đã xác minh lại những gì anh nói với ông, nhận thấy thường đúng chứ không sai. Ngoài ra, ông thán phục tinh thần can đảm của anh. Ông bị quyến rũ về vô số những chi tiết Vann thu thập ở nhiều bạn bè và người quen Việt Nam ở Sài Gòn , về những chuyến đi trên đường ít bảo đảm và những đêm anh ở lại trong các ấp và đồn tiền tiêu. Weyand không thể cho phép mình làm như thế và không biết có người nào khác làm như thế.

Bruce Palmer, thủ trưởng cũ của Vann ở Đức cầm đầu Quân đoàn 2 vào tháng Ba năm 1967 và Weyand trở thành phó của ông. Rồi Westmoreland điều động ông về gần mình làm ông rất tiếc, phụ trách công việc hành chính của quân đội Mỹ ở Việt Nam và Weyand nắm quyền chỉ huy Quân đoàn. Khi Westmoreland nói trước với ông, Vann không phải là một người dễ dãi. Weyand đã hoàn toàn ý thức được. Nhưng điều ông sẽ nhận được ngược lại, quan trọng hơn đối với ông.

Khi trở thành giám đốc CORDS ở Quân đoàn 2, Vann không cần chuyển khỏi ngoại ô Biên Hòa nơi mình đã ở. Anh nhiều công việc và trách nhiệm hơn nên cho làm thêm một ngôi nhà để làm việc. Weyand hỏi cần làm gì đặc biệt cho anh, Vann trả lời :

“Có đấy, tôi muốn có một người giúp việc”.

Weyand muốn biết anh có nghĩ đến một sĩ quan trẻ nào không.

“Không, Vann nói, bất cứ một trung úy hoặc thượng sĩ nào cũng được, miễn là anh ta đến với chiếc trực thăng”.

Cho đến nay, anh vẫn được Seaman hoặc Palmer bố trí cho chiếc Raven H-23 mỗi lúc anh cần nhưng có hẳn một phi công lái và một trực thăng là đặc quyền của một viên tướng. Người giúp việc mới sau đó đến với chiếc máy bay hai chỗ ngồi và buồng lái vòm hình cầu. Vann đã có một đường băng nhỏ bằng xi măng bên cạnh văn phòng và anh thu xếp để người lái ở trong một trại lính ngay bên kia đường. Trong mười một tỉnh của Quân đoàn 2, không vị trí nào xa quá một giờ bay. Vann bây giờ chỉ huy 800 người Mỹ tại chỗ và ở những toán của tỉnh, phần lớn là quân nhân. Nếu kể thêm những nhân viên Philippines, Nam Hàn và Việt Nam thì đã có khoảng 2.225 người dưới quyền anh. Những lính Mỹ, trung tá, thiếu tá, đại úy , thiếu úy và trung sĩ lại nhận lệnh của Vann. Anh viết cho các bạn “Tôi trở lại giữa gia đình quân đội và chính tôi là chỉ huy”.

Tháng Hai anh đọc được một bức thư của Ramsey. Thư viết trên giấy lụa chữ nhỏ bằng bút bi được đưa từ trại tù binh trong rừng ra do binh nhì Charles Crafts, một trong hai lính Mỹ được Việt cộng thả tự do, một cử chỉ tuyên truyền nhân dịp Tết năm 1967. Thư của Ramsey gửi cho bố mẹ ở Nevada, Crafts giấu ở bao kính và đưa lại cho sĩ quan tình báo của quân đội hỏi anh về việc được thả. Vann được triệu tập đến sứ quán, được giao trách nhiệm chuyển bức thư cho bố mẹ Ramsey. Anh vẫn giữ liên lạc với họ, thông báo tin tức ít ỏi anh có được cho họ. Có lúc, anh đã đề nghị giúp họ về tiền nong nhưng họ trả lời không cần thiết. Anh viết thư báo tin cho họ yên tâm. Đại sứ quán giữ bức thư gốc đưa vào hồ sơ Ramsey và gửi một bản sao cho gia đình.

Ramsey, con một , nói với bố mẹ “Chính ý nghĩ trở về nhà và gặp lại bố mẹ mà con giữ sức khỏe của mình”. Anh hy vọng sống sót, “nhưng chúng ta phải

thực tế". Anh muốn bức thư này chứng tỏ "con còn sống đến ngày 13 tháng Giêng" để bố mẹ có thể lĩnh lương của anh đến ngày "không quá khó khăn" nếu anh chết. Anh vừa bị một trận sốt rét thường rồi một trận thứ hai gọi là Falciparum "xem như 90% trường hợp chết trong vùng này. Nếu thoát khỏi, con tin có thể sống sót qua bất cứ bệnh nặng nào khác. Việt cộng chăm sóc hoàn toàn đúng mực dựa vào điều kiện sống trong rừng … Bố mẹ cũng không phải lo về bom oanh tạc của Mỹ". Trại đầy hố sâu và người ta đang đào một chỗ ở dưới đất để chứa tù binh. Một trại tương tự vừa bị B-52 dội bom nhưng "chỉ một người bị thương nhẹ".

Vann có thể đọc trong thư nhưng nhất là chuyện kể của hai tù binh được thả tự do cho anh một khái niệm thực tế hơn về việc Ramsey bị bắt. Anh không hình dung được và cũng chẳng người nào khác có thể, đấy là sự chuộc tội của bạn anh.

Hai người Việt Nam thẩm vấn anh ở trại thứ nhất nơi người ta dẫn anh đến, gần biên giới Campuchia, ngay từ đầu đã xác định anh là một do thám của CIA. Đối với họ, một người Mỹ nói tiếng Việt mặc quần áo dân sự đi với một khẩu AR-15, mang trong người nhiều tiền chỉ có thể làm nhiệm vụ do thám bí mật. Thực vậy, lúc bị bắt anh có 31.000 đồng Đông Dương để trả một hóa đơn xây dựng cho một thầu khoán địa phương. Những người hỏi anh suy luận anh đi trả tiền cho những kẻ giết người của CIA. Ramsey tự bảo vệ về việc đó nhưng những lời thanh minh của anh chỉ làm họ tức giận thêm. Đối với họ, công việc AID ấy chỉ là một vỏ bọc và nhân viên CIA là loại người Mỹ đáng ghê tởm nhất. Vai trò cơ quan tình báo giám sát công việc an ninh của Sài Gòn từ năm 1950, đã góp phần trong chiến dịch chống cộng của DIệm và vai trò của nó trong chương trình ấp chiến lược và những hoạt động khác được Việt cộng coi là những tội ác, phủ lên cơ quan ấy một ảnh hưởng huyền bí chết chóc dưới con mắt của họ.

Những người coi tù có vẻ xem sự hành hạ thể xác không có hiệu quả. Họ hành hạ về tinh thần, canh gác anh chặt chẽ. Để hả giận và giải trí buổi tối, họ sáng tác những màn kịch hài hước. Ramsey được xem là mẫu gốc của quân xâm lược Mỹ "bàn tay nhuốm máu hàng nghìn người Việt Nam". Màn kịch kết thúc bằng một chiến thắng : khánh thành một nấm mồ cho cái chết của tên nhân viên CIA này đầy hóm hỉnh. Ramsey bị hành quyết và chôn vào mồ tưới bằng máu. Mỗi người canh gác tham gia cảnh này đề nghị theo ý riêng của mình việc kết liễu anh : xử công khai rồi bắn chết, hành xác hoặc để nông dân đánh đến chết. Trại ở trong rừng nhiệt đới qui mô nhỏ nên Ramsey không tránh được thấy và nghe rõ hết.

Nỗi lo sợ, cô đơn, tội lỗi và hèn hạ từng tháng càng nặng nề khiến Ramsey gần phát điên. Khó ngủ làm thần kinh anh yếu thêm. Trong những trại ở rừng này, thực phẩm cho những người canh gác cũng như tù nhân vốn đã không đủ,

đặc biệt thiếu protein và vitamin. Người Ramsey trở nên đầy ghẻ lở. Chỗ ngủ thô thiển làm bằng những tấm tre ghép phủ tấm đan lau sậy nằm rất đau. Anh cũng bị phù chân vì thiếu vitamin. Ánh sáng đèn cũng rất phiền phức, đặt trong một chiếc hộp kim loại mở một mặt để chiếu sáng. Khi nghe tiếng máy bay, những người gác kéo dây đậy nắp đèn, cũng làm anh mất ngũ. Ramsey bắt đầu có những cơn ác mộng và khi thiếp đi anh thường kêu lên.

Vào tháng Tám năm 1966, sau bảy tháng dằn vặt, anh càng lo lắng nhiều. Những người gác tù bảo dù sao cũng phải thanh toán anh đi vì anh đã quá yếu không đi đến trại mới được. Việt cộng đã quyết định di chuyển tù nhân vì những toán quân Mỹ bắt đầu thâm nhập vào trong vùng. Ramsey đã cương quyết hành động. Anh đề nghị và được cho làm việc như những tù nhân khác, bắt đầu tập thể dục trong nhà tù. Khi những đại diện "Hồng thập tự" Việt cộng đến đề nghị phát biểu trên "Đài phát thanh giải phóng" những tuyên bố lên án cuộc chiến tranh , Ramsey nhận lời sẽ nói. Anh xen vào bài nói của mình những khẩu hiệu có vẻ kỳ quặc đối với một người Mỹ, ghi âm giọng run run hy vọng không dùng được trong việc phát đi. Những người gác không chú ý gì. Họ có vẻ dễ dãi hơn, để anh nói chuyện với những tù nhân khác và tập thể dục với họ.

Cuối tháng Mười, cuộc đi mệt nhọc 14 ngày đường rừng trong tỉnh phía bắc Sài Gòn thêm những vất vả thể xác vào thử thách tinh thần. Trại mới được Việt cộng xem như một chỗ đóng quân ngoài trời tạm thời cho đến khi họ đưa được tù binh lên xa hơn về phía bắc. Nhưng họ ở đây một năm. Để dễ che giấu hơn, những người Việt Nam chọn một chỗ khó khăn nhất trong nước, hiểm trở đến nỗi những người dẫn đường lạc mất vào cuối đoạn đường. Vùng này bị vô số vực sâu chia cắt phải đi qua trên những thân cây phủ rêu trơn. Đường đi quá phức tạp cản trở đoàn người mang vác đủ thực phẩm cho trại. Đất xấu, mưa nhiều và sớm trong năm 1967, tù binh và quân canh giữ không thể có được một ít rau. Đi săn lợn rừng hoặc muông thú không có. Một hôm, người ta phát hiện ra một tổ chuột lớn và nó cũng cung cấp cho họ được thịt tươi và protein. Nhưng nói chung, họ không có gì khác ăn ngoài sắn luộc nước mặn, gạo xấu , măng tre mà vẫn không đủ ăn.

Ramsey bị một cơn sốt rét sau khi đến trại mới một tuần, suốt 19 ngày sốt 40 độ. Trong bốn ngày, anh không ăn gì được và chỉ húp cháo. Buổi chiều lễ Noel, trong lúc anh giúp các bạn tù chuẩn bị làm lễ, anh đột ngột lại bị sốt rét faciparum thể nặng kèm theo rối loạn về não. Bác sĩ của trại bắt mạch thấy rất yếu bèn tiêm một mũi trợ tim và những người có trách nhiệm bàn xem có nên lấy số thuốc kí ninh dự trữ rất ít cho anh không vì họ cũng bị sốt rét. Một cán bộ cấp trên lúc đó đến kiểm tra trại, cho rằng một nhân viên CIA có thể có giá trị trao đổi trong tương lai, đề nghị giữ mạng sống cho anh. Ramsey thoát khỏi cơn

hôn mê sâu mười tiếng đồng hồ trong căn lều dùng làm bệnh xá. Da anh hoàn toàn trắng bệch do bác sĩ cho liều lượng quá cao để cứu anh.

Mưa trong đợt gió mùa như trút nước làm ngập hầm ngủ, những căn nhà mái tranh cũng không khô ráo; đất sũng nước, cây bật rễ đổ xuống làm hư hỏng nhà trong trại. Không ai bị thương nhưng quang cảnh thật đáng sợ. Những con đỉa to bằng ngón tay cái nẩy nở, bám vào chân làm nhiễm trùng nhiều người. Từng đợt Ramsey bị sốt rét định kỳ kéo dài một tuần lễ hoặc hơn. Sau cơn sốt nặng , bác sĩ cho anh ăn chế độ cháo gà và thịt một thời gian. Anh và những tù binh khác được nhận khá đều đặn những viên vitamin nhưng không có gì bù lại nổi việc ăn uống thiếu thốn. Bệnh phù lại bắt đầu xuất hiện. Da Ramsey mất tính đàn hồi và tóc bắt đầu rụng. Đùi trái của anh to ra, bàn chân, cẳng chân cũng phình ra. Thật đau đớn.

Một trong những tù binh của trại, một thiếu tá bị bắt trước Ramsey đã lâu, chết vì ảnh hưởng hỗn hợp của bệnh phù thũng, sốt rét và thiếu dinh dưỡng. Mọi người trong trại đều nghe tiếng khò khè của người hấp hối. Ramsey muốn đưa lại can đảm cho mình đồng thời mang lại can đảm cho bố mẹ trong lúc anh viết thư hồi đầu năm. Anh biết mạng sống của anh có thể chỉ như một ngọn nến trước gió.

Những người coi tù sẽ đưa anh ra khỏi chỗ này và đưa tới nhiều may mắn sống sót nếu anh nhận nói ra trước công chúng bây giờ thực sự anh nghĩ gì về cuộc chiến tranh này. Nhưng ý nghĩ về danh dự cấm anh sử dụng lời nói như một vũ khí chống lại các đồng hương của mình. Điều anh nghĩ không giảm được đau khổ của mình. Anh chỉ có thể tâm sự kín đáo với bố mẹ “Chúng con tât cả đều hy vọng hòa bình đã gần tới, bản thân con mong các nhà lãnh đạo của chúng ta không ảo tưởng .. và họ không có tham vọng gì hơn là ra đi, vừa đủ khỏi mất mặt cho phép chúng ta rút lui không hại quá đáng đến uy tín quân sự. Mọi giải pháp khác là phủ nhận thực tế và mọi cố gắng theo hướng đó chỉ làm lẫn lộn sự điên rồ của quá khứ với sự vô lý của tương lai”.

Vann rất yêu mến Komer và tình cảm đối với ông không ngừng phát triển nhưng cuối mùa hè năm 1967, anh viết cho Ellsberg “Komer làm tôi thất vọng nhiều”. Ellsberg trở về công ty Rand vào cuối tháng Năm , do bị bệnh gan, tránh khỏi bị chết hoặc bị thương. Anh thất vọng vì không thuyết phục được người nào có thẩm quyền áp dụng những biện pháp căn bản mà Vann và anh cho là cần thiết. Ngoài ra, anh cũng thất vọng vì những thất bại liên tiếp trong cuộc sống riêng tư. Vết thương về vụ ly dị nặng nề thêm vì sự phức tạp và không thành công trong một cuộc phiêu lưu với một người đàn bà lai Âu Á, tình nhân của một chủ nhà hàng người xứ Corse ở Sài Gòn . Cũng như vậy với một nữ phóng viên, Patricia Marx, vì họ cãi nhau về cuộc chiến tranh mà Patricia chống đối.

Ellsberg suy sụp đến mức cuối năm 1966 anh dự định tình nguyện vào bộ binh để tham gia chiến đấu ở miền Bắc. Bệnh gan đã hạ anh trước khi một viên đạn làm việc đó. Nhưng không vì thế mà anh bỏ rới chiến tranh . Khi đã hồi phục sức khỏe, anh lại muốn nghiên cứu về Việt Nam ở Công ty Rand, gây ảnh hưởng về con đường chính trị dựa vào những giác thư và trao đổi với hệ thống bạn bè, quan hệ anh đã có trong giới cao cấp ở Washington.

Việc bổ nhiệm Vann làm lãnh đạo cơ quan CORDS ở Quân đoàn 3 như một sự kích thích đối với anh, tan biến rất nhanh trong mùa hè năm 1967. Thực tế tấn công anh về mọi phía. Quân đội Nam Việt Nam không làm được vai trò bảo vệ các đội bình định ở các ấp. Các lực lượng địa phương và cảnh sát vẫn thảm hại mặc dù được Vann huấn luyện. Những người Việt được anh tuyển chọn và huấn luyện phần nhiều là những kẻ cơ hội hoặc không ra gì tình nguyện tham gia để tránh vào quân đội. Và cho dù những đội quân bình định có gồm những người chống cộng cuồng tìn hoặc những ông thánh đi nữa, họ cũng không thể bù đắp được thiệt hại do phần lớn các huyện, tỉnh trưởng mà họ phải theo lệnh gây ra.

Vấn đề với Komer đến từ chỗ, tất cả những khái niệm quản lý đập vào mắt mà ông học được ở Havard tự chúng đã có hiệu quả. Ông không thấy những hạn chế của nó. Mặc dù rất thông minh, không bảo thủ, ông cũng nghĩ về ảo tưởng “trọng lượng của vũ khí và khối đông người”. Tháng Hai năm 1967, sau một trong những đợt đi kiểm tra đầu tiên của ông ở Việt Nam, ông đã nói với tổng thống “mặc dù có những lãng phí và tốn kém, vấn đề không thể bàn cãi là chúng ta đang thắng cuộc chiến tranh ở miền Nam. Chúng ta đè bẹp quân địch với trọng lượng và khối lượng của chúng ta”. Từ Nhà Trắng qua Sài Gòn để đưa lực lượng ấy phục vụ công cuộc bình định với hiệu quả mà ông rất tự hào, ông không điều chỉnh nhận xét của mình : Hoa Kỳ sẽ thắng cuộc chiến tranh bởi sức mạnh của nó. Ông không hiểu người ta có thể vận dụng sức mạnh bằng cách nhân đôi nó lên và “bình phương sai lầm lên” như ngài Robert Thompson, nhà chiến lược Anh chống cách mạng đã nói về thái độ của Mỹ ở Việt Nam .

Tuy thế, Komer vẫn tấn công vào nạn quan liêu. Westmoreland bắt gặp ông gửi một bức điện mật cho tổng thống đề nghị buộc tổng chỉ huy phải thay thế những người chỉ huy bất lực của Quân lực Cộng hòa. Thư ký của Komer đã sai lầm giao bức điện cho bộ phận truyền tin của ban tham mưu thay vì chuyển qua đường dây mật của CIA và bức điện không đi xa hơn văn phòng Westmoreland ; ông này mời Komer lên nói chuyện một lúc. Komer hiểu trong tương lai không nên chơi kiểu hiệp sĩ thì hơn. Dù sao, ông cũng chưa bao giờ đồng ý với luận thuyết của Vann cho rằng kiểm soát và cải tổ chế độ Sài Gòn là điều kiện thiết yếu để chiến thắng. Komer là một trong những người Mỹ ở nước ngoài không chịu đựng được ý nghĩ có hành động “đế quốc “theo nghĩa dùng trong thế kỷ

XX. Theo ông, việc chính phủ Mỹ để cho Kỳ , Thiệu và những tướng tá khác tự do hành động, là một thể hiện đạo đức và xu hướng "thực dân" của Vann là một sai lầm. Cuối cùng, nghị lực của Komer, lòng nhiệt tình, kiểu cách, lương tri trong tổ chức như những nhát kiếm đánh vào những nút tệ hại của nạn quan liêu không đưa lại kết quả gì. Công cuộc bình định thống nhất theo cách của ông kết hợp dân và quân sự tiến hành tốt đẹp nhưng vô nghĩa. Không có gì thay đổi trừ tình trạng ngày càng tồi tệ hơn của những người Việt ở miền Nam.

Tính chất bè bạn và tình cảm của anh nói với người khác dễ làm người ta hiểu mình, kích thích Vann chia sẻ thẳng thắn với Ellsberg sự thất vọng của anh về Komer và nỗi chán nản về con đường Hoa Kỳ theo đuổi ở Việt Nam . Ngày 19 tháng Tám năm 1967, anh viết thư cho bạn "Chúng ta đang trên con đường phá sản, phải thay đổi hướng và thay nhanh. Thực thà mà nói tôi chưa bao giờ nản lòng như bây giờ khi thấy cộng đồng Mỹ hành động với những mục tiêu trái ngược nhau về mọi phương hướng. Chúng ta đã vô vọng khi cần một đại sứ có sức mạnh , năng động, không thương xót và có tính thực dân với quyền lực cần thiết để quét sạch các tướng, các trưởng phái đoàn và những đồ ngu khác không theo một đường lối xây dựng rõ ràng, đấy là điều tối thiểu Hoa Kỳ có quyền lực lựa chọn và đuổi cổ những người có trách nhiệm Việt Nam".

Lodge đã từ bỏ sự nghiệp đại sứ, trở về Hoa Kỳ vào tháng Tư, trước khi chiến tranh làm lu mờ nghiêm trọng tiếng tăm của ông. Người kế nhiệm, Ellsworth Bunker còn ít thiên hướng hơn ông, hành động như một tổng đốc theo Vann mong muốn.

Tổng thống đã bác bỏ đề nghị của Westmoreland muốn là người chỉ huy duy nhất của tình thế với một phó dân sự làm nhiệm vụ đại sứ. Việc đối đầu giữa Truman và MacArthur trong cuộc chiến tranh Triều Tiên đã khẳng định với Lyndon Johnson để một viên tướng làm chỉ huy tối cao là thiếu khôn ngoan. Ông nghĩ Westmoreland sẽ làm cạn kiệt tinh thần chiến đấu của những người cộng sản Việt Nam với cuộc chiến tranh hủy diệt của ông ta và muốn bổ sung kết quả ấy bằng hệ luận chính trị của mình ; hợp pháp hóa quyền lực của những người mình bảo vệ ở Nam Việt Nam dưới dạng một chính phủ hợp hiến.

Mọi việc tiến hành được dễ dàng vì những nhượng bộ có vẻ thuận lợi Kỳ buộc phải làm thời kỳ chính trị rối ren năm 1966 : bầu cử một hội đồng lập hiến vào tháng Chín rồi bầu một tổng thống, một phó tổng thống và một hội đồng nhà nước. Hiến pháp mới đã sẵn sàng vào tháng Ba năm 1967 và tháng Chín bầu tổng thống, phó tổng thống và Nghị viện rồi Hội đồng lập pháp vào tháng Mười. Những người cộng sản và "những người trung lập" hòa đồng với những người ủng hộ cộng sản, vì chống đối sự có mặt của Mỹ và chế độ Sài Gòn , không có quyền bầu cử.

Ellsworth Bunker là một người lý tưởng cho quy trình dân chủ hóa ấy. Kết quả bình định của ông ở nước Cộng hòa Dominique trong cuộc khủng hoảng năm 1965 được lặp lại trong vai trò mới của ông ở Sài Gòn. Ông sang miền Nam vừa đúng lúc để phát huy tài năng của mình vì trong tháng Năm, Thiệu bỗng làm đảo lộn kế hoạch của Kỳ vì tuyên bố sẽ ứng cử tổng thống. Tuy có nhiều nhà dân sự trên sân khấu chính trị Sài Gòn cũng có ý định ứng cử nhưng ông ta đã báo trước quân đội tiếp tục lãnh đạo đất nước nên tổng thống phải là một quân nhân.

Bunker mời Thiệu, Kỳ và Cao Văn Viên, tổng tham mưu trưởng liên quân Việt Nam đến ăn trưa tại tư dinh, cảnh báo ông sẽ không tha thứ những xung đột và cùng với các tướng, họ phải giải quyết những vấn đề giữa họ với nhau. Chắc ông không muốn quyết định Thiệu nhưng đấy là việc đã xảy ra để hạn chế những kình địch về âm mưu và cãi cọ giữa những viên tướng. Vì Thiệu mạnh hơn Kỳ trong trò chơi này tuy một số các đồng sự nhận xét ông ta cũng vị kỷ, vô tình như Kỳ nhưng có khả năng nhìn xa là điều đối thủ thiếu. Một con người quan tâm đến quyền lực và muốn thu nhặt của cải hết sức kín đáo ít bị chống đối bởi những người cùng những tham vọng ấy và được ông ta ưu ái. Kỳ đành bằng lòng với chức vụ phó tổng thống.

Nếu Bunker đến Việt Nam sớm hơn, có lẽ ông đã có một quan điểm riêng hơn. Khi đến Sài Gòn , ông đã 73 tuổi, trở thành hơi kỳ quặc, một nhà triệu phú tiết kiệm, giữ những áo vét thể thao trong khi quần không dùng được nữa. Đôi giày đóng ở thợ tốt nhất nước Anh nhưng đã rạn nứt toàn bộ vì ông thay đế cho đến tây dây buộc. Ông gửi đi máy bay chiếc va li ngoại giao từ thời trang trại Vermont của ông. Ông còn nhanh nhẹn về thể chất và trí tuệ, cao một mét tám mươi lăm, người luôn rất thẳng. Mái tóc bạc, khuôn mặt mỏng, đôi mắt xanh sau đôi kính gọng đồi mồi nêu rõ lòng tin chắc của một nhà quý tộc cổ, càng thể hiện sự thận trọng và kín đáo của ông. Những người Sài Gòn nhanh chóng mệnh danh ông là “Tủ lạnh” không biết rằng sự giữ ý bề ngoài tiềm ẩn tài năng kể chuyện và tính dí dỏm đặc biệt trong đời tư.

Và đấy là vấn đề, sau 34 năm kinh doang đường, ý nghĩ thành kiến về châu Mỹ la tinh, sau sự nghiệp thứ hai và được ân huệ hơn trong việc phục vụ chính quyền, trí thông minh của Bunker đã đông cứng. Ông không thể không nhìn Việt Nam theo triển vọng của Caraibes và Trung Mỹ. Sau bao nhiêu thời gian và thành công trong lòng một chính phủ thịnh vượng, ông cũng không thể nghi ngờ những phán xét của các tướng như Westmoreland .

Vann thử nói chuyện với Bunker nhưng anh rất rụt rè. Trong lúc một quý tộc cổ cởi mở như Lodge khuyến khích Vann táo bạo, việc giữ ý của Bunker làm anh thêm cảm giác mình thuộc xã hội lớp dưới. Cuối mùa hè năm 1967, Vann biết mình không hy vọng gì ở vị đại sứ mới. Người bạn cùng nhà với anh, George

Jacobson, giữ những công việc quan trọng ở Đại sứ quán. Ông này "rất hốt hoảng" thấy Bunker trở thành người tù trí thức của Westmoreland đến mức nào, Vann viết cho Ellsberg ngày 19 tháng Tám như vậy. Vị đại sứ bị tác động vì bị tướng tổng chỉ huy giải đáp nhanh chóng những yêu cầu của ông, thể hiện tin tưởng trong những lời tuyên bố chính thức và những buổi nói chuyện riêng tỏ ra thật sự tôn trọng ông già. Vann nêu lên trong thư lời Jacobson đã nói "Westy là người phụ thuộc tệ hại vứt đi mà chưa bao giờ Bunker có được". Westmoreland đã xác định chắc chắn với Bunker ông ta đang đè bẹp Việt cộng và quân đội Bắc Việt , các lực lượng Sài Gòn đã có những "tiến bộ quan trọng" đến mức Jacobson "không thể cho phép mình trình bày một quan điểm ngược lại" trong những báo cáo gửi đại sứ. Ông báo trước với Vann "giảm bớt" lời chỉ trích Quân lực Cộng hòa trước mặt Bunker. Vả lại Vann đang có những vấn đề riêng. Đầu tháng Tư 1967, Annie lại mang thai và từ chối phá thai. Cô nói với Vann cô không thể chịu đựng sự tổn thương lần thứ hai và những người yêu nhau phải nhận lấy hậu quả, nghĩa là chấp nhận đứa bé. Vann cố gắng thuyết phục cô, lại đưa ra lập luận lần trước : một đứa con bất hợp pháp làm hại đến sự nghiệp của anh. Cô trả lời việc cô mang thai giúp anh làm điều anh đã tuyên bố : anh nói ly dị để lấy người đàn bà mình yêu. Cô lại được gnhe bài hát nhàm tai anh ca với Lee, lấy lý do anh bị buộc chặt với Mary Jane về tài chính.

Vô tình, bố mẹ Annie lại là đồng minh với Vann. Ông bố biết việc phá thai trước kia của con gái, buộc lòng phải chấp nhận, hy vọng điều đó sẽ làm cô tránh xa Vann hoặc ít nhất cũng giữ gìn được trong tương lai. Ông bà rất giận dữ, khi cô báo tin lại mang thai và lần này cô muốn giữ đứa con. Họ ép buộc cô phá thai và rời bỏ Vann, Cô chỉ mới 18 tuổi và sẽ làm hỏng cả cuộc đời mình, Không một người Việt Nam đáng kính nào sẽ cưới cô, đưa lại một tình yêu đúng đắn và cuộc sống gia đình mong muốn. Nhưng họ phát hiện ra ý muốn ghê gớm của cô con gái họ đã nuông chiều. Annie trả lời cô yêu Vann và anh yêu cô. Dù bây giờ vì sự nghiệp mà Vann bỏ cô, cô vẫn giữ lại đứa con.

Vann rất muốn bỏ rơi Annie nhưng ông bố không để anh làm thế. Ông điện thoại tới tổng hành dinh của anh ở Biên Hòa, hẹn gặp để giải quyết vấn đề ấy. Vann lại lừa ông và không gọi lại nữa. Bố Annie bèn đến thẳng văn phòng anh. Ông buộc anh phải làm theo ý muốn của Annie. Nếu Vann hứa thuê một ngôi nhà và đảm bảo đúng mức cuộc sống của cô và đứa con, ông sẽ không kiện lên Đại sứ quán. Vann cũng phải cúi mình trước một buổi lễ có mặt cả gia đình để có vẻ tôn trọng việc họ gắn bó với nhau. Vann chấp nhận, cho mình là nạn nhân của một vụ đe dọa và hành xử không có gì đáng chê trách.

Annie ấn định buổi lễ vào 15 tháng Bảy năm 1967, ngày cô vừa tròn 19 tuổi. Buổi lễ tiến hành trong nhà bố mẹ cô, một khu người Âu ở Sài Gòn , pha tạp

giữa lễ thành hôn và đám cưới truyền thống Việt Nam với việc trao đổi nhẫn cưới theo kiểu phương Tây. Vann mặc một bộ quần áo lịch sự, thắt cà vạt. Annie đã hướng dẫn anh phải mua những gì đem đến và thực hiện vai trò của mình như thế nào. Anh tặng cô hai đôi bông tai vàng, một cho lễ thành hôn và một lúc đưa dâu theo phong tục. Anh kết hôn với một người giàu có. Nhưng anh không đem đến vật quan trọng nhất vì Annie nghĩ một người nước ngoài như anh sẽ không hiểu được. Cô tự đi mua lấy và đặt lên bàn thờ gia đình. Đấy là một chiếc hộp sơn màu rực rỡ đựng những lá trầu và quả cau mà các bà nông dân thường nhai vì nó có hương vị kích thích. Đấy cũng là biểu tượng của việc hòa hợp chung thủy theo người Việt Nam mà không một đám cưới nào thiếu được. Trầu cau được bày trong hộp đồng sáng loáng bên cạnh những cây nến, hoa quả, rượu nếp và chè, trong mùi hương thơm ngát. Vann đeo nhẫn cưới vào ngón tay Annie, cầm một nén hương quì bên cạnh cô trước bàn thờ và cúi xuống thể hiện lòng tôn kính đối với tổ tiên. Trước bữa ăn trong buổi hôn lễ, bố Annie giới thiệu anh với những thành viên trong gia đình vì không có khách mời nào khác.

Vann không phải trả tiền thuê nhà vì được tính vào kinh phí cung cấp Mỹ. Anh đang ở chung nhà với một đồng sự AID ở Biên Hòa nhưng họ có quyền có nhà riêng. Ít lâu sau hôn lễ, Vann tâm sự với một người có trách nhiệm của AID ở Sài Gòn, thú nhận vấn đề của mình. Người đối thoại với anh tỏ ra độ lượng. Tình thế của Van có thể tuyệt vọng nếu bí mật bị lộ nhưng việc những đứa con không hợp pháp giữa ông bố Mỹ và mẹ người châu Á đã trở thành một hậu quả khác của cuộc chiến tranh này. Có hàng nghìn trẻ em hầu như luôn luôn bị bỏ lại cho mẹ chúng khi người bố trở về Hoa Kỳ . Mặt khác, AID cũng có lợi khi bảo vệ Vann vì anh đã là chuyên gia bình định của họ,có kết quả công việc đáng được chú ý nhất. Ngôi nhà ở Biên Hòa vậy là mang tên người đồng sự kia và người ta thuê cho Vann một ngôi nhà ở Gia Định, ngoại ô phía bắc Sài Gòn .

Cấp bậc của Vann cho phép Annie có một chỗ ở tử tế, một tầng lầu với ba phòng ngủ ở tầng hai, một phòng khách, phòng ăn và bếp ở tầng trệt, một ga ra ô tô liền kề. Tất cả có tường gạch bao bọc, phía trên tường là dây thép gai. AID tu sửa nhà lại như mới, cung cấp những vật dụng cơ bản. Annie đến ở đấy vào tháng Tám. Vann đưa tiền cho cô đảm bảo cuộc sống hàng ngày và thuê một đầy tớ gái. Để phù hợp với qui định của văn phòng, anh đưa ký một hợp đồng ghi nhận cô là người nấu bếp và nội trợ.

Annie cũng như Lee không biết mình có người tình địch kia. Đối với Lee, không có gì thay đổi . Vann và người đồng sự Wilbar Wilson tiếp tục ở chung nhà ở Biên Hòa, thường Lee vẫn ngủ ở phòng Vann. Wilson là một người sống độc thân khổ hạnh, quan hệ với đàn bà giới hạn trong những nhận xét lễ độ và càu nhàu khi đến văn phòng. Nói chung , anh tránh đi với họ và không biết đến

Lee khi cô mặc áo ngủ lang thang trong nhà.

Lee là tình nhân của Vann trên danh nghĩa . Bây giờ, cách nhìn đã khác hơn, anh thường dẫn cô đến các cuộc tiếp tân ngoại giao ở Sài Gòn và những cuộc gặp mặt chung khác. Ngược lại, sau lần đi tìm Annie ở trường trung học Đà Lạt, anh cẩn thận không đưa cô ra mặt ở Sài Gòn . Những buổi đi nhà hàng hoặc hộp đêm hạn chế đến mức tối thiểu để quyến rũ cô. Sau lần thứ hai cô mang thai và dàn xếp với bố cô, người ta không bao giờ thấy cô đi với anh. Chỉ những bạn thân như Ellsberg, George Jacobson, Wilson và cô thư ký Mỹ của anh biết có Annie. Lee, tinh tế hơn với vốn tiếng Anh giỏi, đương nhiên được chọn làm vai trò công khai. Vann tương đối hào phóng với cô. Cô có thể thường xuyền sử dụng chiếc Toyota Vann mua năm 1967, đã trở thành thừa vì anh thích chiếc Ford Mustang cơ quan AID dành cho anh.

Tuy tiền bạc không phải là động cơ tiên quyết của Lee, cô cũng có lợi trong quan hệ này. Cô được chuyển nhượng một cửa hàng lưu niệm trong câu lạc bộ sĩ quan Sài Gòn mà Vann không can thiệp hoặc mua chuộc ai. Chỉ việc là tình nhân của anh tạo cho cô những tiếp xúc cần thiết. Cô bỏ trường dạy tiếng Anh để bán hàng và quản lý một quán ăn của một người xứ Corse. Cô cũng hết sức giúp Vann, đi mua bán đều đặn cho anh và làm chủ nhà thu xếp mọi việc khi anh tổ chức tiếp khách ở tư dinh Biên Hòa.

Vann được trực tiếp nói chuyện một mình với McNamara lần đầu tiên vào tháng Bảy khi bộ trưởng Quốc phòng đến mực cả với Westmoreland về việc ông này xin tăng cường lực lượng. Ngày gặp mặt ấy, như anh viết thư cho Ellsberg "đánh dấu một tảng đá trắng". Nicholas Katzenbach, thứ trưởng Ngoại giao hỏi anh trong hai tiếng rưỡi. David McGiffert, thứ trưởng Bộ quốc phòng đến Biên Hòa ăn tối với anh, nói chuyện đến khuya rồi cả ngày hôm sau đi kiểm tra Quân đoàn 3 cùng anh. Vann chỉ trao đổi với McNamara trong nửa tiếng nhưng việc bộ trưởng Quốc phòng hỏi quan điểm của Vann đã là một dấu hiệu đối với anh. Thật vinh dự, Robert McNamara đã bắt đầu lo sợ.

Việc thất bại của cuộc chiến bằng không quân trên miền Bắc Việt Nam đã làm cho ông phải mở mắt. Những trận bom "Thần sấm" không ngăn chặn được thậm chí không giảm bớt đáng kể làn sóng người và vật chất đi từ Bắc vào Nam, cũng không làm nhụt ý chí người Việt Nam . Ngược lại, càng làm họ quyết tâm cứng rắn hơn, kích thích họ xây dựng một hệ thống vận chuyển mỗi năm có hiệu quả hơn và ít bị thiệt hại hơn vì những đợt máy bay tấn công. Con đường mòn Hồ Chí Minh mà đầu năm 1965, những nhà bản đồ của CIA vẽ là một mạng lưới đường mòn qua núi và bùn lầy từ thời thực dân, chỉ một số đoạn xe cộ qua lại được trong mùa khô. Tám năm sau, con đường đã trải dài hàng nghìn cây số cứng rắn phủ đã dăm, đá ông hoặc được tăng cường bằng những khúc gỗ tròn, có

những chiếc cầu qua vực sâu và sông suối. Con đường ngoằn nghèo từ Bắc vào Nam qua núi rừng với hàng loạt đường nhánh và đường quay.

Trong gần hai năm chiến tranh thế giới thứ hai, lực lượng không quân Mỹ, Anh cố gắng ngăn chặn không được những đoàn tiếp tế của Đức cho Ý qua một số đèo ở dãy núi Alpes. Cuộc hành quân "Lạ lùng" ở Triều Tiên để ngăn làn sóng người và đạn dược qua đường bộ, đường sắt xuống phía nam cũng thất bại hoàn toàn. Những người có trách nhiệm về Không quân là những người trong quân đội có trí nhớ ngắn nhất về giới hạn máy bay của họ, đã dẫn những nhà lãnh đạo chính trị đặt lại vấn đề lãng phí tiền và người họ sử dụng.

Đô đốc hải quân Grant Sharp, chỉ huy trưởng vùng Thái Bình Dương, chắc là một thủy thủ tuyệt với nhưng cũng dễ tin vào sức mạnh của không lực, và chiến dịch ném bom phá hoại miền Bắc Việt Nam là cuộc chiến tranh của ông vì Westmoreland chỉ có quyền lực ở miền Nam. Trong đà hào hứng, tháng Ba năm 1965, đô đốc đã tả những máy bay của ông sẽ "cắt đứt mọi đường giao thông", đường bộ, đường sắt và đường thủy trong vùng bở biển Bắc Việt Nam từ vĩ t uyến 20 đến vùng phi quân sự. Không quân ném bom tất cả các điểm chiến lược, các cầu, bến tàu và đèo. Những cuộc tấn công liên tiếp hai mươi bốn trên hai mươi bốn giờ, ban đêm dựa vào pháo sáng, không cho người Việt Nam sửa chữa những hư hỏng. Sharp nói cụ thể trong một bức điện gửi Bộ tham mưu tối cao". Tất cả những mục tiêu được chọn rất khó hoặc không thể vòng tránh được. Việc tấn công vào hệ thống đường giao thông làm giảm khối lượng chở đến những thùng phễu ấy và tạo cho chúng ta khả năng chọn lựa rộng rãi những mục tiêu mới như các đoàn xe tăng cường, các kho chứa và người được huy động đến mỗi bên cầu bị phá hủy".

Kể từ năm 1965, máy bay Không lực Hoa Kỳ và máy bay Hải quân không phá hỏng quá 20 đến 25% xe cộ vận chuyển từ miền Bắc. Người Việt Nam cũng duy trì được việc vận chuyển đường sắt dù đôi khi họ phải thiết lập ô tô chạy con thoi trong những đoạn đường sắt bị phá hủy. Cho rằng những con số phá hủy chưa đúng thực tế và thêm vào 10% nữa vẫn không ít hơn hai phần ba lượng tiếp tế vũ khí, đạn dược và những vật dụng khác vẫn đến nơi, một tỷ lệ rất có thể làm hài lòng các chuyên gia hậu cần. Người bị thiệt hại do máy bay tấn công thấp hơn 20 hoặc 25% vì họ tiến vào Nam qua những vùng hiểm trở hơn để tránh bị oanh tạc. Một đoàn thâm nhập chỉ có khả năng mất mát từ 10 đến 20%, phần lớn do bệnh tật và thất lạc.

Những người lái máy bay không bao giờ tiến hành được một chiến dịch ngăn cản hữu hiệu vì họ đứng trước tình thế tiến thoái lưỡng nan không giải quyết được. Những vấn đề thời gian, khoảng cách kết hợp với điều kiện thời tiết và

lưới lửa phòng không cũng như với sáng kiến và ý chí quyết tâm của những người dưới mặt đất mà họ cố gắng tiêu diệt đã ngăn cản họ. Điều đã xảy ra ở Italia và Triều Tiên mở rộng thêm bi kịch ở Việt Nam vì mức độ thách thức lớn hơn. Yếu tố thời gian và khoảng cách không khắc phục được vì thực tế đơn giản là số lượng máy bay có hạn cũng như thời gian chúng có thể ở trên không. Năm 1967, trong lúc các đợt tấn công của đô đốc Sharp lên đến cực điểm, Hoa Kỳ tung ra miền Bắc Việt Nam và Lào mỗi ngày 300 cuộc không tập trong khoảng nửa giờ. Hệ thống đường giao thông của địch bắt đầu từ biên giới Trung Quốc , không thể kiểm soát hết đường bộ, đường sắt và phải tấn công khá lâu để làm tắc nghẽn hẳn. Nhiều xe ô tô thoát khỏi sự tiêu diệt, đơn giản vì lúc chạy về phía nam không có máy bay trên trời. Điều kiện thời tiết Đông Dương càng làm vấn đề khó khăn hơn, buộc máy bay chờ trên đường băng hoặc trên tàu trong lúc đáng lẽ phải lên không trung. Nhưng đúng là người Việt Nam cũng gặp nhiều trở ngại trong đợt gió mùa tháng Năm đến tháng Mười một, thời gian lâu không sử dụng được đường mòn Hồ Chí Minh.

Người Việt Nam còn làm giảm sức mạnh của không lực Mỹ bằng hệ thống phòng không được bố trí một cách xuất sắc nhờ vào sự trang bị của Xô viết : ra đa, súng phòng không DCA và tên lửa đất đối không SA-2. Họ cũng phân phối súng tự động cho mỗi nông dân để có thể bắn thẳng vào máy bay lúc đang bay. Phi công Mỹ buộc phải tấn công từ độ cao để khỏi bị hạ vì vậy kém chính xác hơn. Để tránh tên lửa, họ phải mất thì giờ. Như vậy, những người phòng vệ không cần bắn máy bay tiêm kích – ném bom cũng giảm bớt số lượng. Những máy bay bình thường tấn công vận chuyển ở mặt đất phải chuyển nhiệm vụ vô hiệu hóa những nơi bắn tên lửa hoặc súng phòng không để bảo vệ những máy bay ném bom khác. Hơn 40% lần ra quân trên miền Bắc Việt Nam và Lào dành cho nhiệm vụ bảo vệ và tháp tùng này.

Những khối óc và đôi tay người Việt Nam chống lại cuộc tấn công bằng máy bay Mỹ một cách tốt nhất. Họ bố trí 300.000 đàn ông, đàn bà tập trung sửa chữa đường bộ, đường sắt , cầu cống và không ngừng mở rộng đường giao thông. Ngoài ra, có 200.000 nông dân tham gia khi xong công việc đồng áng. Người Trung Hoa hỗ trợ 40.000 kỹ thuật viên chuyên trách và pháo thủ phòng không đảm bảo hai con đường sắt từ biên giới về Hà Nội hoạt động. Người Nga cung cấp xe ủi đất để làm lại đường. Nhưng những dụng cụ chính làm đất thuộc loại thân quen hơn với người Việt Nam : thuổng, xẻng, xe đẩy lắp bánh xe đạp lăn tốt hơn kiểu của Mỹ. Và khi không có xe, người ta thay thế bằng đôi thúng với đòn gánh trên vai.

Đối với người Mỹ, con đường bộ hoặc đường sắt là một đường thẳng đi từ

điểm A đến điểm B, chỉ đi vòng khi địa hình bắt buộc. Người Việt Nam không muốn hệ thống đường của họ tắc nghẽn nên làm sáu, tám hoặc mười đường khác nhau để đi từ A đến B, thường là những cầu nổi, bắt đầu trời sáng thì chuyển đi để lại đặt vào lúc hoàng hôn xuống. Khi máy bay dội những hố bom cắt đứt một con đường hoặc phá hỏng một chiếc cầu, đoàn xe sử dụng một đoạn đường khác đã được sửa chữa ngay sau đó. Dĩ nhiên, xe được ngụy trang với cành lá và dừng lại chỗ ẩn náu trong trường hợp có báo động máy bay. Nhiều đoạn đường dài cũng được cây cối phủ kín hai bên, máy bay không quan sát được.

Nhưng cái giá người Việt Nam phải trả cũng không nhỏ. Lái một chiếc xe trong nhiều tháng, năm này qua năm khác có 20, 25, có lẽ đến 30% nguy cơ tử vong. Còn những đội quân bảo dưỡng đường sá cũng gặp nguy hiểm như lính bộ binh. Để giữ cho đường thông suốt, đàn ông, đàn bà phải túc trực gần những điểm thường bị bắn phá và những quả bom không trúng xe và cầu đã không trừ người làm đường. Họ không thể vừa làm việc vừa ẩn nấp để tránh những thảm bom của B-52. Nghĩa trang tưởng nhớ người chết trên đường mòn Hồ Chí Minh rộng 16 héc ta, đặt mộ của 10.306 người Việt Nam , đàn ông và đàn bà mà người ta biết rõ tên họ. Hàng nhiều nghìn những người khác nằm lại tại chỗ, là những chiến sĩ vô danh trong sự lộn xộn của cuộc chiến tranh này.

Việc nhân đôi hoặc nhân ba hệ thống đường đan xen nhau ấy mà ngay trung tâm vận chuyển ở Hà Nội cũng không theo dõi được sự phát triển tăng thêm bao nhiêu cây số cho phi công Mỹ cần nắm. Đường mòn Hồ Chí Minh là ví dụ kỳ lạ nhất trong những chiến công người Việt Nam có thể làm nên. Theo đường thẳng từ đầu con đường ở đèo Mụ Gia, Bắc Việt Nam đến miền Nam ở biên giới chung Việt, Lào và Campuchia chỉ khoảng 400 cây số. Khi đường làm xong, đoạn đường ấy bao gồm 15.400 cây số đường lát đá dăm và đường phụ.

Đô đốc Hải quân Sharp và ban tham mưu liên quân xác định chắc chắn với McNamara và tổng thống có thể ngăn chặn xe ô tô phát triển bằng cắt bỏ nguyên liệu. Chỉ cần dội bom vào những thùng chứa xăng của cảng Hải Phòng và những kho khác trong vùng Hà Nội – Hải Phòng. Walt Rostow, thay thế McGeorge Bundy năm 1966 làm cố vấn cho Johnson về an ninh quốc gia, hồ hởi về ý kiến này làm ông nhớ lại kinh nghiệm của mình trong Thế chiến thứ hai và việc ném bom chiến lược của Đức.

Bầu trời sáng sủa ở Hải Phòng ngày 29 tháng Sáu năm 1966 lúc các phi công Mỹ đốt cháy tất cả những thùng chứa xăng của cảng. Trong một tháng, gần 80% lượng dự trữ xăng dầu miền Bắc Việt Nam bị phá hủy. Thế nhưng, theo người ta biết, không một chiếc ô tô nào thiếu nguyên liệu. Hơn nữa, số lượng xe do Liên Xô và Trung Quốc cung cấp không ngừng tăng trong năm 1966, lên gấp đôi so

với năm 1965. Những người Việt Nam không tự sản xuất và lọc xăng, đã dự kiến những cuộc tập kích này từ lâu, phân tán xăng dầu cần thiết vào những bể ngầm dưới đất và những kho dấu kín. Người Nga nhanh chóng giao bằng thùng để họ phân tán ngay khi tàu thủy đến. Để dễ dàng tiếp tế cho xe, người Việt Nam xây dựng hai đường ống dẫn dầu dọc đường với những nhánh mà một vào miền Nam phía tây thành phố Huế. Một trong những bức tượng tưởng niệm trên đường mòn Hồ Chí Minh khắc họa một người đàn bà đang bơm xăng.

Krulak hóm hỉnh thấy trước việc này khi trong báo cáo chiến lược tháng Chạp năm 1965, ông đã cảnh báo , cố gắng ngăn chặn những đoàn người và sự chi viện choi miền Nam là “như đánh nhau với một con cá sấu mà chỉ cắn vào đuôi nó”. Sharp, tất cả các đô đốc, các tướng Không quân chúc phúc cho việc làm không tưởng này chứng tỏ nỗi ám ảnh và thất vọng có thể làm sai lạc việc suy xét đến mức nào. Số lượng “xe ô tô mất đi “là thước đo hiệu quả của không chiến. Năm này đến năm khác, Sharp và những cấp cao nhất trong Không quân cho mua những chiếc máy bay phản lực, mỗi chiếc giá từ 1 đến 4 triệu đô la (bây giờ là 4 đến 6 triệu) và tuyển mộ những phi công can đảm, nàh nước phải đầu tư vào đào tạo và cung cấp hàng nhiều trăm nghìn đô la. Để làm gì ? Để phá hủy những chiếc xe 2,5 tấn và những người lái xe Việt Nam chỉ có lòng can đảm , được đào tạo trên ngay tại hiện trường tránh máy bay. Những chiếc xe bị phá hủy không cân bằng với số lượng máy bay bị hạ. Xe ô tô mỗi chiếc giá khoảng 6000 đô là và được sản xuất thừa thãi bởi nền công nghiệp Liên Xô, Đông Âu và Trung Quốc. Việc thay thế xe không đắt và người Việt Nam tăng thêm phương tiện vận chuyển. Trong báo cáo gửi ban tham mưu cuối năm 1967, Sharp trung thực thừa nhận sau một năm đánh bom, tháng Chạp vấn có số lượng xe ô tô như tháng Giêng trước. Có thể còn nhiều hơn. Theo những quan sát thu thập được, số lượng xe ở Lào năm 1967 tăng 165% so với năm trước; McNamara đánh giá trong năm 1967, những người Việt Nam có từ 10.000 đến 12.000 xe chạy trên đường từ Bắc vào Nam.

Giải pháp không phải bằng thả mìn và bom phong tỏa Hải Phòng và các cảng khác ở miền Bắc như Krulak và Greene đã nghĩ và như bây giờ Sharp và các đồng sự ở ban tham mưu đòi hỏi. Tuy vậy, điều đó hình như là câu trả lời của vấn đề vì, ngoài lương thực và người, mọi phương tiện chiến tranh đến bằng đường biển từ Nga và các đồng minh cộng sản khác. Nhưng thời kỳ ấy, Trung Quốc để cho người Nga chuyển theo đường sắt Trung Quốc. Nếu các hải cảng bị phong tỏa , người Việt Nam được tiếp tế bằng đường sắt và đường bộ từ biên giới Trung Quốc như họ làm sau khi Nixon cấm tàu vào các cảng năm 1972. Ngay từ mùa xuân 1967, mọi thỏa thuận đã được thu xếp cho việc vận chuyển trên đất liền này.

Những hy vọng điên rồ đầu tư vào những trận tập kích vào nguồn dự trữ xăng dầu trong mùa hè 1966 xáo động đến nỗi McNamara bắt đầu phân tích sự thật. Ông ta cảnh báo Johnson từ tháng Mười cách tốt nhất để đạt kết quả quyết định sẽ là đánh vào nhân dân miền Bắc Việt Nam . Ông kết luận "Ném bom đúng mức ở miền Bắc để có một tác động quyết định về cơ cấu chính trị, kinh tế và xã hội của nông dân đòi hỏi một cố gắng mà về kỹ thuật chúng ta có khả năng nhưng nhân dân chúng ta cũng như dư luận thế giới sẽ không tha thứ. Ngoài ra, chúng ta còn có nguy cơ nghiêm trọng đánh nhau với Trung Quốc". Dan Ellsberg góp phần làm McNamara sáng tỏ về những ảo tưởng của mình. Ông nhớ lại câu chuyện như là "đỉnh cao nghiệp vụ viên chức" của ông. Việc đó xảy ra ngay trong tháng Mười năm 1966 trên một chiếc máy bay phản lực "dành riêng cho McNamara" Không quân bố trí cho những chuyến đi dài của các nhân vật và bộ trưởng Quốc phòng thường dùng. Ngoại trưởng mới Nicholas Katzenbach sang Việt Nam lần đầu cũng cùng đi. Ellsberg được chỉ định tháp tùng ông.

Máy bay gồm những phòng cách biệt nhau, có giường ngủ và một khoang trống đặt bàn làm việc hoặc ăn uống. McNamara ngồi đối diện với thứ trưởng phụ trách ngoại giao John McNaughton. Đã có ý định, Ellsberg mang theo một cặp tài liệu đầy báo cáo quan trọng, tất cả hơn 200 trang, trong đó có một chuyện kể rất ấn tượng về ba ngày anh đến Hậu Nghĩa với Vann trong mùa thu trước .. Khi máy bay đã cất cánh, Ellsberg lấy ra một tài liệu đưa cho McNaughton, gợi ý sẽ thú vị khi đọc trong cuộc hành trình. McNaugton nhìn qua rồi đưa cho McNamara đọc. Ellsberg lấy một tài liệu khác và đến lượt McNaugton cũng say sưa đọc.

Hai người đọc rất nhanh và Ellsberg đưa ra hết các tài liệu. McNaugton gặp riêng Ellsberg nói ông bộ trưởng Quốc phòng muốn có một bản sao ghi chép của anh về Hậu Nghĩa, bản viết tốt nhất của anh, nhiều chi tiết về sự hư hỏng tinh thần và hài hước của chế độ Sài Gòn , McNaughton có một cuộc điều tra khác cần làm ; ông đề nghị Ellsberg không đưa tài liệu này cho tướng Wheeler xem.

Không hài lòng khi đã nảy sinh một thôi thúc đặc biệt và bây giờ McNamara không chỉ quan tâm về thất bại của chiến dịch tấn công bằng máy bay. Ông bỗng hiểu ra những sự thật bao nhiêu năm ông không biết. Báo cáo ông gửi lên tổng thống Johnson đánh dấu sự tan vỡ. Một năm trước McNamara có thể chịu đựng cơn choáng vì 230 người Mỹ chết trong bốn ngày đánh nhau ở thung lũng IaDrang và vẫn khuyến khích tổng thống ủng hộ cuộc chiến tranh của Westmoreland , "cung cấp cho ông ta những gì ông cần về người và phương tiện". Ngày nay, bộ trưởng Quốc phòng muốn xiết chặt lại đối với Westmoreland

để chấm dứt “viễn cảnh leo thang trải rộng các lực lượng Mỹ xem ra không kết thúc”. Ông phải xác định với viên tướng chỉ có 470.000 người không hơn. Còn về cuộc không tập miền Bắc Việt Nam , McNamara không còn lòng dạ nào chơi trò tạm ngừng, tiếp theo là tối hậu thư và leo thang. Ông muốn Johnson cố thuyết phục những người cộng sản Việt Nam thương lượng bằng cách ngừng ném bom trên toàn miền Bắc hoặc nếu tổng thống thấy quyết định ấy quá độ lượng thì cũng trên vùng hình chữ nhật đông bắc Hà Nội, Hải Phòng cho đến biên giới Trung Quốc. Các tướng trong ban tham mưu liên quân lên tiếng họ sẽ nổi dậy nếu tổng thống có một biện pháp loại đó.

McNamara bắt đầu chấp nhận sự thật và càng tiến tới ông càng bối rối. Chắc vì thế mà ông đồng ý triệu tập Vann về đứng đầu bộ phận châu Á ở văn phòng phân tích của ông. Vann đã chọn ở lại Việt Nam , ông tuyển dụng một nhà thống kê trẻ Thomas Thayer, đã ở Sài Gòn hai năm rưỡi làm việc cho Lầu Năm Góc. Đối với anh này, McNamara thừa thãi những con số thật, những con số ông không chú ý khi Krulak đặt dưới mắt ông. Kinh nghiệm của Thayer ở Việt Nam đã dạy cho anh điều gì quan trọng và anh đủ thông minh để kiểm tra thống kê của mình qua lời chỉ trích của những người chiến đấu sáng suốt dựa vào phân tích chiến trường. Anh hỏi Hal Moore sau khi thôi chỉ huy Lữ đoàn 3 Không quân về Washington làm phó cho McNaughton. Moore chắc chắn rằng, người Việt Nam đánh táo bạo và kiên trì như vậy ở vùng Drang và chống cự quyết liệt ở Bồng Sơn vì họ quyết định học cách đọ sức với người Mỹ. Bây giờ, họ đã biết. Đã đến lúc họ buộc đối phương đánh theo cách của họ. Họ dắt mũi quân đội và lính thủy đánh bộ Mỹ.

Mùa xuân năm 1967, khi Westmoreland ở Sài Gòn đòi hỏi tăng quân, ít nhất là 550.000 vào giữa năm 1968 hoặc 678.000 nếu tổng thống muốn đẩy nhanh thắng lợi, Thayer đã sẵn sàng. Với nhóm các nhà phân tích, anh tập hợp ở Văn phòng đặc biệt về Đông Nam Á những cơ sở nghiên cứu khá đủ để chứng minh cuộc chiến tranh hủy diệt của Westmoreland là một sự cố gắng vô lý. Bức giác thư đưa lên McNamara khuyến khích ông chống lại mọi quân số cao hơn 470.000 người.

Nghiên cứu 56 trận đánh trong năm 1966 từ cấp trung đội đến tiểu đoàn chứng tỏ Việt cộng và quân Bắc Việt mở đầu hành động trong 85% trận chiến đấu, hoặc tấn công các đơn vị Hoa Kỳ hoặc chiến đấu từ những vị trí kiên cố; 80 trong 100 lần , quân địch gây được bất ngờ. Chỉ có 5% trường hợp chỉ huy quân Mỹ “biết được tương đối đúng về vị trí và lực lượng quân địch trước khi trận đánh bắt đầu”. Thayer xác nhận kết quả nghiên cứu với hàng tập báo cáo của các sĩ quan chiến đấu nộp sau trận đánh, so sánh với những việc xảy ra trong năm 1965 và

đầu năm 1966. Trong 88% trường hợp, Việt cộng và quân Bắc Việt nổ súng trước.

Để cuộc chiến tranh hủy diệt gặp thuận lợi, một chỉ huy quân sự phải buộc quân địch đánh nhau theo ý mình. Những kết luận của Thayer chứng tỏ Westmoreland không thể buộc quân địch đánh nhau được vì người Việt Nam chủ động ghê gớm trong việc tấn công và kiểm soát được thiệt hại. Hơn nữa, vì Westmoreland cố đánh nhau ở chỗ hoặc lúc họ xuất hiện nên chính người Việt Nam thiệt hại của người Mỹ. Họ có thể làm tăng thêm hoặc giảm bớt tùy theo sự hy sinh của quân đội họ.

Nếu bỏ qua yếu tố khởi đầu những trận đánh và cho Westmoreland tất cả quân lính ông ta đòi hỏi, việc phân tích của Thayer cho thấy chiến lược của ông ta dù sao cũng chẳng có ý nghĩa gì. Cho dù với 678.000 lính Mỹ để duy trì tàn sát và dù người Việt Nam có thiệt hại gấp đôi, mỗi tuần lễ họ cũng chỉ tổn thất thêm 400 người mà những nguồn dự trữ có thể thay thế. Kết luận “Vậy là chúng ta phải mất 10 năm để đè bẹp họ”.

Robert McNamara, nhà kỹ trị cầm quyền khác thường, tháng Năm năm 1967 thực hiện một hành động dũng cảm về tinh thần đáng nhớ. Ông gửi lên tổng thống Hoa Kỳ một tờ trình nói rằng ông không thắng được cuộc chiến tranh Việt Nam và phải thương lượng hòa bình trong thế bất lợi.

Tờ trình do John McNaughton viết, người đã chia sẻ với McNamara sự lo lắng đồng thời về trách nhiệm của cuộc tắm máu. Thực ra, họ không nói một cách sống sượng rằng cuộc chiến tranh không thắng được ; như thế sẽ ảnh hưởng xấu về chính trị trong hoàn cảnh thời kỳ đó. Nhưng kết luận ấy rõ ràng qua những biện pháp họ kiến nghị và nền hòa bình họ hình dung. Họ muốn tổng thống bỏ mục tiêu chính thức, khắc trên đồng sự thất bại của những người cộng sản Việt Nam xây dựng “một miền Nam Việt Nam độc lập không cộng sản”, và có sự chỉ đạo mật về “những mục tiêu tối thiểu mới”. Điều đó trở lại một qui định về tình hình chính trị ở miền Nam cho phép Hoa Kỳ giải ước nhanh chóng. Việc “hạn chế về những bổn phận của Hoa Kỳ .. chắc sẽ gây ra “một cuộc chạy ra nước ngoài” ở Thái Lan, Lào và trong nội bộ nhiệm vụ Việt Nam”, nhưng ảnh hưởng xấu “sẽ ít khó khăn hơn mọi cách tiếp cận tình hình khác”. Họ khuyến nghị tổng thống tiến theo hướng ấy, chỉ cho Westmoreland thêm 30.000 quân và ngừng ném bom miền Bắc phía trên vĩ tuyến 20, nghĩa là giới hạn ỏ những con đường thâm nhập gần vùng phi quân sự.

McNamara không còn phát huy ảnh hưởng của mình để tiến hành những sự kiện ông đã mở đầu. Lyndon Johnson đã đầu tư vào chiến tranh Việt Nam 11.000

mạng sống người Mỹ và chỗ đứng của ông trong lịch sử. Ông lắng nghe những người khác như Komer, Rostow và Rusk, không cùng quan điểm với McNamara nhưng ông vẫn sử dụng làm nổi bật phe quân sự. Ông không hề có ý định cho Westmoreland 678.000 người với "lực lượng thích hợp" vì như vậy buộc ông phải huy động quân nhân dự bị về pháp chế sẽ nguy hiểm đối với xã hội và làm sâu sắc dư luận quần chúng chống đối chiến tranh . Ông cũng không muốn cung cấp 550.000 quân của "Lực lượng tối thiểu" vì chuyến về Washington mới đây, Westmoreland không thuyết phục được ông thật cần thiết để chiến thắng. Tổng thống đã đi đến chỗ xem những đề nghị tăng cường của Westmoreland thiên về mặc cả hơn là cần thiết thực sự. Tháng Bảy ông lại cử McNamara sang Nam Việt Nam , Vann có dịp lần đầu tiên thấy ông một mình mặc cả với viên tướng. Cuối cùng, Westmoreland chấp nhận tăng cường 55.000 người và như vậy ông có 525.000 người vào giữa năm 1968.

Được tổng thống ủy thác không có nghĩa là được ông tin tưởng. Lyndon Johnson bắt đầu có những khoảng cách với bộ trưởng Quốc phòng của mình.

Tháng Bảy, McNamara mất người bạn tin cậy John McNaughton và gia đình trong vụ đụng chạm giữa chiếc chuyên cơ và chiếc máy bay thương mại trên sân bây Caronlina Bắc. Ông cảm thấy đau đớn về sự mất mát ấy và bắt đầu tỏ ra xúc động. Trong báo cáo tháng Năm, ông đã lùi bước khi tả với tổng thống việc ném bom miền Bắc Việt Nam "Không phải một hình ảnh quyến rũ khi lực lượng hùng mạnh nhất thế giới mỗi tuần giết hoặc làm bị thương nặng 1.000 người không phải lính chiến đấu, cố khuất phục một cách tàn nhẫn một nước nhỏ kém phát triển hơn, mà kết quả rất đáng nghi ngờ".

Nhưng ông không chỉ băn khoăn về sự đẫm máu này. Một trong những trợ lý đã làm việc bên cạnh ông năm 1967 nhớ lại bấy giờ McNamara xấu hổ về những lời khuyên sai lầm ông trình lên hai tổng thống trong những năm trước, xấu hổ vì xem như vai trò quan trọng nhất đời ông là một thất bại. Tháng Sáu, ông cho viết tập "Hồ sơ của Lầu Năm Góc", cuộc điều tra tuyệt mật về việc can thiệp của Hoa Kỳ vào Đông Dương từ những nguồn gốc thời Pháp. Có đến 43 tập tài liệu lưu trữ về chiến tranh hơn 7.000 trang. Leslie Gelg, cầm đầu công việc, nhận của ông một danh sách hàng trăm câu hỏi muốn người ta nghiên cứu và trả lời. Một trong những câu hỏi đầu của McNamara qui kết những gì ông này thu thập được là vô ích "Hồ Chí Minh có phải là một Tito của châu Á không ?".

Có lẽ vì ông ít chú trọng đến quá khứ, bây giờ ông muốn biết mọi chi tiết về những vụ ám sát và phá hoại. Mùa thu năm 1967, Jonathan Schell, một nhà báo hai mươi bốn năm làm việc ở tờ NEWYORKER, vừa hoàn thành cuộc điều tra về hoạt động của Lực lượng can thiệp Oregon mà Westmoreland cử đến tỉnh

Quảng Ngãi, phía nam vùng Quân đoàn 1 trong mùa xuân để thay thế lính thủy đánh bộ. Schell đến đó nhiều tuần trong mùa hè, phần nhiều ngồi ở ghế sau chiếc máy bay thám thính nhỏ L-19, vị trí lí tưởng để nhìn toàn cảnh bị tàn phá.

Hai năm trước như tôi đã nhận thấy vào tháng Mười một năm 1965, năm ấp ven biển bị san bằng , hàng trăm người chết vì bom đạn của Không quân và tàu chiến, sự hủy hoại nông thôn và dân thường vùng này thật nặng nề. Trong năm 1966, lính thủy đánh bộ tổ chức những cuộc hành quân rất tàn ác chống lại sự kháng cự của Việt cộng , những nông dân quyết tâm ủng hộ họ và cả những toán quân Bắc Việt từ dãy Trường Sơn xuống tăng cường. Chiến lược bình định của Krulak và Walt cố gắng triển khai tại chỗ đã kìm hãm các chỉ huy lính thủy đánh bộ lại. Nhưng sự hạn chế ấy biến mất khi lực lượng Oregon đến vào mùa xuân 1967. Đội quân này không quan tâm đến sự an toàn của các làng và sự bảo vệ đất đai. Máy bay được tự do không gò bó và sự tàn phá thật triệt để.

Hai năm trước tôi biết ít nhất hàng chục làng khác bị gạch khỏi bản đồ như năm thôn ấp tôi thấy dọc bờ biển và 25 làng khác bị thiệt hại nghiêm trọng. Năm 1967, Schell phát hiện ra 70% trong số 450 làng trong tỉnh hoàn toàn bị tiêu diệt. Trừ một số thôn ấp dọc đường số 1 quân tuần tra lúc đi lúc không, mặc nhiên sự tàn phá phát triển với một nhịp điệu dồn dập. Ngày này qua ngày khác, ngồi trên chiếc máy bay nhỏ Schell chứng kiến sự bắn phá của trọng pháo và rốc két từ trực thăng chiến đấu cùng những đám cháy bùng lên do lính bộ binh Mỹ đốt phá. Anh tổng kết những đổ nát trên qua dấu vết những ngôi nhà bị phá hủy, cẩn thận kiểm tra những con số với các phi công L-19, các sĩ quan lực lượng Oregon, các thành viên đội CORDS ở địa phương và các sĩ quan Sài Gòn .

Một số nông dân trở về làng bị tàn phá tuy phần đông bị cấm ở lại trong vùng tự do bắn phá và sống dưới hầm. Họ thà mạo hiểm mạng sống trên đồng ruộng lỗ chỗ bom đạn và đối mặt với làn đạn còn hơn chắc chắn bị đói, bẩn thỉu và bệnh tật trong những trại tị nạn. Từ khi lực lượng Oregon đến, các bệnh viện tiếp nhận bình quân mỗi ngày ba mươi dân thường bị thương. Một bác sĩ tình nguyện Anh đã làm việc ở Quảng Ngãi hơn ba năm tâm sự với Schell : tổng số nạn nhân dân thường, bao gồm chết và bị thương hàng năm lên đến 50.000 người trong tỉnh. Tom Thayer chỉ dựa vào số người nhận vào bệnh viện đã tới con số 33.000.

Schell kể lại những điều mình thấy với Jerome Wiesner , người điều hành Viện kỹ thuật công nghiệp Massachusetts. Quân đội đã tranh thủ tài năng của ông cải tiến ra đa ở phòng thí nghiệm trong Thế chiến thứ hai. Ông đã là cố vấn khoa học của Kennedy và là một bạn thân của McNamara. Ông thu xếp để Schell gặp ông này tại Lầu Năm Góc.

McNamara có thói quen tiếp khách do bạn bè giới thiệu. Ông muốn tỏ ra là người có trí tuệ rộng rãi. Nhưng nói chung, khách mau chóng nhận thấy ông bộ trưởng Quốc phòng bắt đầu cựa quậy và nhìn đồng hồ. Một trợ lý vào đưa cho ông một bức thư hoặc điện thoại gọi có việc trao đổi quan trọng và người khách phải ý tứ ra khỏi phòng. Khi trở lại, McNamara đang đứng sau bàn giấy và không ai có thể cho phép mình làm phiền lâu hơn một người có trách nhiệm nặng nề bận việc đến như vậy.

Schell không bị gián đoạn. Anh vẫn có cảm tưởng đặt vấn đề với một người rất bận mặc dù McNamara không cố thúc dục anh. Ông chú ý lắng nghe anh với nét mặt vô cảm và nêu lên vài câu hỏi. Khi Schell nói xong, ông bảo anh chỉ những vùng anh đã tả trên bản đồ. “Ông có thể viết tất cả những ấy ra giấy được không ?” McNamara hỏi. Schell trả lời chỉ là viết thảo bằng tay. Ông gọi một trợ lý đến, đề nghị bố trí để Schell có thể đọc cho chép lại bản thảo của mình. Schell cám ơn bộ trưởng và rút lui.

McNamara không hỏi bài viết của anh dài bao nhiêu, thực tế nó bằng một cuốn sách nhỏ. Anh để luôn ba ngày tiếp đó đọc trước máy ghi âm trong phòng một viên tướng lúc đó đi vắng. Những băng ghi âm lần lượt gửi sang phòng đánh máy chữ của Lầu Năm Góc. Người trợ lý cũng thu xếp để Schell ăn uống ở phòng ăn dành cho các sĩ quan và nhân viên cao cấp. Ở đấy có những câu trò chuyện anh thấy có vẻ “rất kỳ lạ”. Sau ba ngày, anh đi ra với một bản sao đánh máy dành cho báo NEW YORKER. McNamara không tiếp xúc với anh bao giờ nữa để hỏi bản sao cho Lầu Năm Góc ra sao rồi. Mười lăm năm sau gặp ông tình cờ trong sân bay, McNamara có vẻ là một “người rối loạn quá mức” nên anh thấy bất lịch sự nếu cứ hỏi.

Rober McNamara gửi thẳng bản ấy sang Sài Gòn cho đại sứ Bunker; ông này đưa cho Westmoreland xem và với sự đồng tình của vị tướng, ra lệnh tiến hành một điều tra mật. “Những cảnh tàn phá tác giả mô tả trong bài viết thật quá đáng nhưng không đến mức làm những lời tuyên bố của ông ta mất tín nhiệm, bản báo cáo điều tra kết luận … Những con số ông nêu lên rất đúng … Nhưng có những lý do quan trọng về dân sự và quân sự giải thích qui mô tàn phá trong vùng này. Dân chúng hoàn taòn căm thù chính quyền Nam Việt Nam và không đắn đo cảm tính với Mặt trận giải phóng của miền Bắc”. Việt cộng không chịu phục tùng chính quyền Mỹ, xây dựng vững chắc các làng và tổ chức công cuộc kháng chiến của toàn thể dân chúng. “Đối với Việt cộng, không có sự phân biệt”. Việt cộng là nhân dân Việt Nam (chữ LÀ được nhấn mạnh trong bản gốc). Báo cáo phản ánh tầm nhìn bó hẹp của các sĩ quan Mỹ, cố tìm một giải thích hợp lý về những điều Schell đã viết.

Chưa đầy bốn tháng sau việc làm tự biện minh ấy của ban tham mưu , sáng ngày 16 tháng Ba năm 1968, vụ thảm sát Sơn Mỹ trong tỉnh Quảng Ngãi diễn ra một cách dã man. Tệ hại nhất là ở ấp Mỹ Lai, dưới sự chỉ huy của thiếu úy William Calley, trung đội trưởng của Sư đoàn bộ binh 23 bây giờ gọi là “Sư đoàn AMERICAN”, trước đây là lực lượng Oregon. Việc điều tra hình sự do quân cảnh tiến hành kết luận có 347 người bị giết ở Mỹ Lai. Trong ấp khác, một đại đội nữa giết chết 90 người Việt Nam không có vũ khí trong cùng ngày. Trên bia mộ tưởng niệm sau chiến tranh ghi tên 504 người dân làng Sơn Mỹ bị giết.

Một số quân lính từ chối không tham gia thảm sát nhưng thái độ của họ không kìm hãm những người khác. Lính Mỹ và những sĩ quan trẻ giết người già, đàn bà, nam nữ thanh niên và những đứa bé. Một anh lính hai lần bắn hụt một đứa trẻ con nằm trên đất ; bạn bè chế giễu anh vụng về, anh bèn lại gần bắn liên tiếp lần thứ ba với khẩu súng ngắn. Lính dùng báng súng đánh đàn bà, hãm hiếp họ trước khi bắn hạ. Chúng giết trâu bò, lợn gà, vứt xác xuống giếng đầu độc nước uống. Chúng vứt những khối thuốc nổ xuống hầm đào trong nhà có phần đông dân làng đang ẩn nấp. Những ai ra được lập tức bị bắn hạ. Tất cả nhà của cửa bị chúng đốt hết.

Thiếu úy Calley dẫn quân đi bắn những nạn nhân trong một hố mương tưới chẳng mấy chố đã đầy xác người. Anh ta là sĩ quan hoặc người lính độc nhất bị buộc tội một mình giết chết 109 người Việt Nam . Thủ phạm dự tính giết ít nhất 22 nạn nhân trong đó có những em bé, bị tòa án quân sự kết tội lao công vĩnh viễn. Tổng thống can thiệp cho được khoan hồng. Calley chỉ bị ba năm tù giam, phần đông bị bắt giữ trong trại ở Fort Benning nhưng được quyền có bạn gái đến thăm.

Các sĩ quan của toàn án quân sự áp dụng hình phạt đúng mức. Nixon thật xấu hổ khi không thừa nhận vụ thảm sát. Tất nhiên, Calley là một tên bạo dâm nhưng chỉ tính cách riêng của anh ta không giải thích được sự tàn sát. Sự khác biệt giữa Calley và những người đồng lõa khác là chúng giết hàng mầy trăm người Việt Nam không vũ khí trong một buổi sáng, bắn bừa bãi với súng ngắn, súng trường và súng máy. Nếu chúng giết nhiều người như vậy trong một không gian rộng lớn hơn, lâu hơn với bất phân là đạn súng cối, bom ,rốc két, phốt pho và bom napalm thì chúng xử sự theo qui định bình thường của quân đội Mỹ. Quân lính và sĩ quan trẻ đã nhận thấy một số trường hợp cấp trên của họ làm đối với người Việt Nam . Không có lý do gì họ cho mạng sống của những người nông dân ấy là quan trọng. Họ trở nên tàn ác hơn vì vòng quay bạo lực ngu ngốc của cuộc chiến tranh toàn diện của Westmoreland . Lòng đầy thù hận vì bạn bè họ chết hoặc bị thương do mìn, bẫy của Việt cộng và các đồng minh nông dân, rất tự

nhiên họ xem những người Việt Nam ở nông thôn như một loại sâu bọ cần tận diệt. Cuộc thảm sát ở Sơn Mỹ và Mỹ Lai là không tránh khỏi. Nhưng những người chịu trách nhiệm là các quan chức dân và quân sự của chính phủ Hoa Kỳ đã để cho các tướng lĩnh tiến hành một cuộc chiến tranh như vậy.

McNamara còn cố thuyết phục tổng thống ngày 31 tháng Mười năm 1967 ở Nhà Trắng trong "bữa ăn trưa ngày thứ năm" theo truyền thống dành cho Việt Nam . Ông ta hết sức sốt sắng và hôm sau xác nhận sự bất đồng của mình trong một giác thư. Ông nói trước, cuộc chiến tranh kéo dài 15 tháng tiếp theo nếu Johnson chấp nhận chiến lược của ông cho đến cuối nhiệm kỳ vào tháng Giêng 1969. Lúc đó, Johnson có ý thức về cái chết trong chiến đấu của "24.000 đến 30.000" người Mỹ (thực tế trên 31.000). Đổi lại, tổng thống không cung cấp điều gì quan trọng. Dư luận công chúng đòi rút quân đội về nước. Đồng thời các nhà lãnh đạo quân sự và phái diều hâu ở Nghị viện gây sức ép để thả mìn ở các cảng biển và ném bom dân cư Bắc Việt Nam , mở rộng chiến tranh , chiếm cứ những nơi trú ẩn của cộng sản ở Campuchia, cắt đứt đường mòn Hồ Chí Minh ở Lào và tấn công ra miền Bắc phía bên kia khu phi quân sự.

Tháng Năm, McNamara mong muốn tổng thống kích thích Hà Nội thương lượng bằng việc giới hạn sự oanh tạc ở vĩ tuyến 20. Bây giờ ông đề nghị chấm dứt hoàn toàn mọi hoạt động tấn công bằng không quân trên toàn miền Bắc vào cuối năm. Buổi chiều ngày văn bản phiền phức ấy được đệ trình, ở Washington có một cuộc họp bí mật những người cũ trong chính phủ và các cố vấn thân cận. McNamara phát biểu nói rằng ông sợ những gì ông và Dean Rusk đã làm từ năn 1961 đến nay để tăng hiệu quả cuộc chiến tranh chỉ dẫn tới sự thất bại.

Sự thay đổi của McNamara làm Johnson ngỡ ngàng. Rusk, người mà bộ trưởng Quốc phòng có những nhận xét thê thảm, chắc chắn không cùng quan điểm của ông, cũng như không ai trong các cố vấn mà Johnson tôn trọng ý kiến. Nhóm người McNamara thường trao đổi ý kiến, người ta đặt tên là "những nhà thông thái" thực sự là một chùm sao gồm tất cả những người có kinh nghiệm về quân sự cũng như chính quyền. Trong nhóm có Dean Acheson và Omar Bradley, vị tướng năm sao duy nhất còn sống từ Thế chiến thứ hai. Cũng chiều hôm ấy, họ nghe Earler Wheeler báo cáo về những cuộc hành quân và việc oanh tạc máy bay của Westmoreland cùng bản tổng kết công cuộc bình định của Komer do George Carver, chuyên gia về Việt Nam của CIA trình bày.

Walt Rostow gửi cho Johnson một báo cáo về cuộc họp ấy trước khi những "nhà thông thái" đến Nhà Trắng vào sáng hôm sau để xin đường lối chỉ đạo . Rostow viết "Tôi thấy những bản báo cáo rất có ấn tượng, đặc biệt bản của Carver đã đối chiếu đúng những tiến bộ chúng ta đạt được và những vấn đề còn

phải giải quyết … Không một lời nói ra có thể đưa lên báo chí. Có lẽ ông có thể tổ chức một cuộc họp thượng đỉnh loại này do ông chủ trì và sau đó có thể phát lại trên truyền hình …".

Trong quá trình bàn cãi trong bữa ăn trưa với tổng thống, một trong những nhà thông thái, George Ball, trước kia chống đối chiến tranh, bây giờ đứng đầu một nhà băng lớn ở New York, nói ông không xuất phát từ Việt Nam nữa. Các báo cáo đã "rất yên tâm rồi".

Tổng thống cẩn thận đề nghị bình luận về giác thư của McNamara ngày mồng một tháng Mười một với Rostow, Maxwell Taylor và hai trong những người thân tín của ông, Abe Fortas, chủ tịch Hội đồng tối cao và Clark Clifford, một trong những luật gia sáng suốt của Washington, là người có ảnh hưởng nhất. Tất cả đều thống nhất khuyên Johnson đừng chú ý đến những nhận xét của McNamara.

Trong bài bình luận "tuyệt mật" của mình, Rostow nói không cần thiết ngừng ném bom để tiến hành thương lượng. Ông nhắc lại chính trong lúc miền Bắc bị đánh căng thẳng nhất là lúc những tiếp xúc bí mật đầu tiên với đối phương bắt đầu. Những tiếp xúc ấy bàn về việc trao đổi tù binh và kết quả là hai quân nhân Mỹ được trả tự do vào tháng Chạp năm 1967. Ramsey và những người khác cũng có thể lợi dụng việc đó sau này nếu chính quyền thực sự quan tâm. Rostow nhìn vào sự tiếp xúc đầu tiên này nhiều hơn việc trao đổi tù binh đơn thuần. Theo ông nghĩ, Hà Nội sẽ bỏ hy vọng chiếm được miền Nam Việt Nam trong tương lai gần. Để cứu Việt cộng khỏi bị tiêu diệt, các nhà lãnh đạo miền Bắc thăm dò người Mỹ có thể thương lượng qui chế hợp pháp nào đối với những người cộng sản miền Nam "trong thời hòa bình". Rostow thiết lập ngang bằng với những đàm phán ở Panmunjon về chiến tranh Triều Tiên. "Chúng ta đang ở một tình thế tương tự : nghĩa là những hoạt động quân sự của họ không phải để đưa lại chiến thắng cho họ mà để tăng cường vị trí của họ trong thương lượng, dù bằng cách nào đó, đã bắt đầu".

Cuối tháng Mười một, McNamara qua một tiết lộ của báo chí, biết mình được bổ nhiệm chủ tịch Ngân hàng thế giới. Johnson đã quyết định bộ trưởng Quốc phòng của ông ở Lầu Năm Góc gần bảy năm, bị gánh nặng chiến tranh làm cho suy nhược. Ông nói với tùy viên báo chí, ông ta "dễ bị xúc động" làm ảnh hưởng uy tín của mình. Thế mà Johnson thương mến McNamara, tuy hết lòng với dòng họ Kennedy đã luôn luôn phục vụ ông với một lòng trung thành kín đáo. Nhưng tổng thống không thể giữ ông lại. Cánh ôn hòa của Đảng dân chủ tung ra phong trào "Loại bỏ Johnson", đưa thượng nghị sĩ Eugence McCarty đối đầu trong hội nghị Đảng dân chủ năm 1968 ra ứng cử tổng thống.

Sự đe dọa nghiêm trọng nhất theo Johnson nhìn nhận đến từ Robert Kennedy, thượng nghĩ sĩ của bang New York đang chờ thời cơ thuận lợi để tiến lên phía trước. Nếu McNamara suy sụp hoàn toàn và từ chức trong năm bầu cử, Kennedy có thể sử dụng con chủ bài này. Tổng thống nghi ngại McNamara trong lúc tinh thần lo lắng, tậm sự với anh bạn Robert. Ông đã nghĩ đúng. Ở Washington, lúc tôi được điều động về văn phòng NEW YORK TIMES , có tiếng đồn bây giờ McNamara chống lại cuộc chiến tranh . Tôi hỏi Robert Kennedy có đúng thế không. Ông xác định điều ấy với tôi, nói chi tiết với tôi về những tình cảm của McNamara. Khi ấy tôi khó tin vì một xu hướng quay ngược lại như vậy có vẻ rất phù hợp với tham vọng của Robert Kennedy muốn thừa kế anh mình.

Trong tháng Mười một, không nói với đương sự , Johnson kín đáo chuẩn bị bổ nhiệm bộ trưởng Quốc phòng của mình vào Ngân hàng thế giới. Trước kia, hai người đã có bàn với nhau về việc này. Robert McNamara cho cư xử đúng đắn là một điều rất quan trọng. Khi chỉ đạo chiến tranh Việt Nam , ông thực sự nghĩ nó chính đáng. Ngân hàng thế giới hay cụ thể hơn là Ngân hàng quốc tế về tái thiết và phát triển có vai trò vực dậy nền kinh tế của các nước đang phát triển. Tổng thống suy ra, nếu cho ông vận may ấy, McNamara sẽ kín đáo ra đi và giữ im lặng.

Trực giác của Johnson tỏ ra còn đúng hơn ông nghĩ. McNamara không thể dùng tinh thần can đảm khác thường trong việc tôn trọng bí mật quốc gia để tố cáo trước dư luận những sai lầm của cũng quốc gia ấy. Trong những năm chiến tranh tiếp theo , không bao giờ ông nói ra. Cảm giác về tội lỗi và xấu hổ cũng góp phần làm ông không thể đối mặt với việc ông đã làm trong quá khứ. Đến nỗi khi xuất bản những TÀI LIỆU CỦA LẦU NĂM GÓC chính ông cho làm, ông đã không đọc.

Tướng Võ Nguyên Giáp, bộ trưởng Bộ Quốc phòng miền Bắc Việt Nam giải thích, những người lãnh đạo ở Hà Nội đã kéo quân Mỹ ra dọc biên giới phía nam đất nước họ như thế nào và tại sao. Bài viết tiêu đề CHIẾN THẮNG LỚN, NHIỆM VỤ KHỔNG LỒ đăng tháng Chín năm 1967 trên tời Quân đội nhân dân, báo hàng ngày của quân đội và được phát trên làn sóng đài Hà Nội. CIA dịch và chuyển cho cơ quan thông tin của chính phủ. Ông Giáp kể lại những trận đánh dọc đường biên giới phi quân sự và cao nguyên như một trong những ví dụ chính của chiến lược Bắc Việt Nam .

Trong khi những ý tưởng đinh trước phải đặt lại vấn đề, Westmoreland không chú ý nhiều đến lời của kẻ thù hơn việc ông đã làm với Krulak và York. Đấy là một đặc điểm lịch sử của các tướng như loại ông, tuy người ta có thể đặt dưới quyền họ quân lính được luyện tập, vũ khí hiện đại, thông tin chính xác, những

lời khuyên hợp lẽ, thông tin sốt dẻo về chiến lược của kẻ thù, cuối cùng tất cả đều lãng phí.Kẻ thù chỉ có thể xử sự đần độn còn họ là những chỉ huy sáng suốt. Westmoreland đã tư duy vấn đề "những trận đánh ở biên giới" trước khi có bài báo của ông Giáp. Cuối tháng Tám năm 1967, ông tiếp các nhà báo ở tổng hành dinh Sài Gòn để khẳng định ông đã làm cho đối phương thiệt hại đến mức nào, những tấn công của Việt cộng và quân Bắc Việt "bị hạn chế ở ngoại vi Nam Việt Nam".

Một phóng viên lên tiếng :

- Nhưng quân địch kéo chúng ta ra biên giới và đang làm chúng ta đổ máu.

- Họ không kéo chúng ta, vị tướng trả lời. Ngược lại, họ chỉ có thể tổ chức những đợt hành quân lớn ở đó nên chúng ta gây được nhiều tổn thất cho họ hơn họ gây cho ta.

Vấn đề ai gây tổn thất cho ai hơn đã được dứt khoát giải quyết đối với Westmoreland . Cơ quan thông tin đã giữ lại những bản tường trình về những cuộc ông tiếp xúc với báo chí, phản ánh đúng suy nghĩ của ông vì ông nói tự phát với một trò chơi câu hỏi và trả lời; điều ông nói chẳng lạc quan hơn những báo cáo chính thức của ông. Vả lại, ông cũng khôn ngoan hơn đối với các nhà báo, thậm chí hơn cả tổng thống khi thông báo sự đột phá cuối cùng sắp xảy ra : "bước ngoặt quyết định" của cuộc chiến tranh hủy diệt. Đấy là lúc máy móc bắt đầu giết chết Việt cộng và quân Bắc Việt nhanh hơn lực lượng bổ sung và vạch con đường yếu kém của quân thù đến chỗ thất bại hoàn toàn. Tháng Tư, khi Westmoreland gặp tổng thống ở Nhà Trắng đòi một đợt tăng cường nữa, ông đã nói "hình như trong tháng vừa rồi, chúng ta đã đạt tới bước ngoặt quyết định ở khắp miền Nam trừ hai tỉnh ở phía bắc". Ngược lại, một tháng sau đó, ông đành nói với báo chí "Có lẽ chúng ta đã đạt tới điểm mấu chốt nhưng thành thật mà nói, chúng ta không chắc chắn". Tháng Tám, ông tích cực hơn nhưng vẫn khôn ngoan "Sức mạnh của các lực lượng quân đội cộng sản đã giảm, không rõ ràng lắm và không chứng minh được bằng con số nhưng mọi cái chỉ ra rằng .. Chúng ta có những bằng chứng đã đạt tới điểm mấu chốt". Ba tháng sau, tháng Mười một năm 1967, ông có những bằng chứng tính toán quân địch đang thất bại.

Cuộc họp báo qui mô nhất trong cuộc chiến tranh được tổ chức ở "Lầu Năm Góc Viễn Đông", tổng hành dinh mới có máy điều hòa nhiệt độ cho 4.000 sĩ quan và binh lính Westmoreland vừa cho làm ở gần Tân Sơn Nhất. Westmoreland tự mình nói chuyện với các nhà báo, cũng như các trưởng ban tham mưu của ông và một đại tá tình báo chuyên về tâm lý đối phương. Tất cả những gì họ nói, như thường lệ, sẽ được quy cho những nhân vật quân sự cao cấp từ các cuộc hành quân.

Việc làm này tiếp theo lệnh của tổng thống tung ra một chiến dịch lấy lòng dư luận. Việc ủng hộ của nước nhà về cuộc chiến tranh này bắt đầu giảm đi vì hình ảnh xúc động của bộ binh Mỹ và lính thủy đánh bộ chết trong núi rừng nhiệt đới đâu đó, giữa đồng ruộng đầy hố bom, ở những căn nhà tường đất lợp lá đổ nát mà chẳng ai muốn sống trong đó và hơn nữa chết không có mục đích rõ ràng, không giải quyết được gì trước mắt. Việc thăm dò trong tháng Mười năm 1967 chỉ rõ những người bỏ phiếu rút quân tăng từ 15% lên 30%. Johnson nhớ lại dư luận công chúng làm nghiêng ngả cuộc chiến tranh Triều Tiên nhanh đến mức nào và đã thực sự bận tâm. Thiểu số chống chiến tranh vì những lý do đạo đức

cũng đủ để tổ chức những phong trào đáng lo ngại. 50.000 người biểu tình trước Lầu Năm Góc ngày 21 tháng Mười. McNamara nhìn họ từ trên mái nhà và nghe họ hát :

"Hây, hây, hây !

L.B.J

Hôm nay ông đã giết bao nhiêu người ?"

Bộ trưởng Quốc phòng không quen tiếp xúc với đám đông và quang cảnh ấy làm ông căng thẳng thần kinh.

Dean Acheson và những nhà thông thái khác khuyên tổng thống tung ra một chiến dịch thông tin. Họ nghĩ nếu truyền đạt với công chúng những tiến bộ họ đã biết trong những cuộc họp kín thì có thể làm chậm sự xói mòn lòng tin. Mc George Bundy, chủ tịch hãng Ford và thành viên nhóm thông thái, kết luận "Hãy nhấn mạnh đến" ánh sáng cuối đường hầm "thay vì nói về những trận đánh, người chết và mối nguy".

Westmoreland không cần nói dối để giúp tổng thống. Trong một vụ xử nổi tiếng sau chiến tranh, vị tướng kiện hãng truyền hình đã kết tội ông mưu mô lừa tổng thống về sức mạnh thực sự của địch. Vị tướng không thắng kiện nhưng ông không làm việc đó vì thế. Vann giải thích ngay cho Ellsberg "Đấy là một ảo giác tập thể". Theo vết chân người tiền nhiệm Paul Harkins, Westmoreland cũng như cả hệ thống quân sự mà ông là đại diện tiêu biểu cho rằng việc chinh phục đã được định trước khi Johnson thông báo với ông trong tháng Bảy 1965 sẽ cho 200.000 quân chiến đấu. Ông sẵn sàng tự mình thực hiện sự tiên tri ấy cũng không nghi ngời gì như Harkins, quét sạch hoặc đuổi ra khỏi hàng ngũ kẻ nào nói có lẽ trời sẽ mưa trong lúc diễu hành. Khi trung tướng Joseph McChristian lãnh đạo công việc thông tin mùa xuân 1967, báo là ông đánh giá thấp lực lượng địch ỏ miền Nam, ông thay thế ngay bằng một sĩ quan bảo thủ. Khi chuyên gia về Việt cộng của CIA, Samuel Adams, một trong những người tiên phong trong chiến tranh Độc lập, báo động về mùa hè năm ấy, ông buộc ông ta im lặng. Các sĩ quan trong ban tham mưu của vị tướng khai gian con số địch chết, báo cáo sự đào ngũ và tinh thần sút kém của đối phương để tập hợp bằng chứng chiến thắng không chối cãi được mà Westmoreland công bố với các nhà báo trong cuộc họp báo tháng Mười một.

Vị tướng tỏ ra đặc biệt tự hào với công việc đã làm được ở miền Nam Việt Nam về xây dựng những cảng, sân bay, xưởng tàu, toàn bộ "cấu trúc vật chất cần thiết trong đất nước kém phát triển" này. Tuy chương trình chưa đầy đủ, mới trong hai năm "nền tảng chủ yếu đã được thiết lập". Trong lúc nói ông bố trí một loạt bảng và biểu đồ màu trên một tấm bảng lớn. Qua đấy ông chỉ rõ năng lực

hải cảng tăng gấp sáu lần, từ 5 vị trí bến cảng nước sâu vào tháng Chín 1965 lên 32 trong tháng Chín năm 1967. Số sân bay trong hai năm cũng tăng từ 22 mà 3 cho máy bay phản lực, lên 68 trong đó có 8 bệ phóng. Ông công nhận có hơi chậm khi thực hiện lịch trình kế hoạch ba giai đoạn ông đệ trình McNamara và tổng thống hồi tháng Bảy 1965. Nhưng việc đó, ông giải thích, do ông phải đợi đến mùa thu 1966 khi có 350.000, có "đủ quân, cơ sở hạ tầng và hậu cần để gây sức ép liên tục đối với quân địch".

Những đồ thị và biểu đồ do cơ quan thông tin của ông xây dựng chứng tỏ sức mạnh của Việt cộng suy yếu đi trong cuộc chiến tranh hủy diệt này : năm 1963, quân số tối đa của họ là 124.000 người sụt xuống 102.000 trong mùa hè vừa qua. Những biểu đồ khác tô màu chỉ những tổn thất của địch nêu con số tăng hơn gấp đôi từ năm 1965 và còn tăng một nửa từ năm 1966. Trong đợt gió mùa từ tháng Tư đến tháng Mười 1966, trung bình số người bị giết hàng tháng từ 4.903 lên đến 7.315 trong mùa mưa năm 1967. Chiến tranh hủy diệt gây ra sự suy sụp cho quân địch, trong quý bốn năm 1966 có tổng cộng 285.000 cộng sản Việt cộng và Bắc Việt ở miền Nam cho bây giờ chỉ còn 242.000. Harkins vẫn luôn luôn tin chắc tinh thần quân địch bị hủy hoại vì những trận đánh của ông ta và nhiều quân lính cộng sản bệnh tật và thiếu đói. Người kế nhiệm ông cũng nghĩ như thế. Ông này nói : Một số đơn vị ở cao nguyên "chết hầu như vì đoío và ngay phía bắc Sài Gòn cũng có những vấn đề về gạo. Trong số 163 tiểu đoàn Việt cộng và Bắc Việt , gần một nửa, tổng cộng 76 tiểu đoàn "không còn sức chiến đấu" vì bị tổn thất nặng nề, tinh thần thấp kém, đào ngũ , đói và bệnh tật.

Việc bình định cũng đạt được thắng lợi như thời người tiền nhiệm. Nông dân Việt Nam , như Harkins gọi là "những người dân tộc Phương Đông ấy" , với sự tôn trọng sức mạnh, đã hiểu ai là người thắng cuộc và đã thay đổi chỗ dựa. Komer có bằng chứng về điều đó với một chiếc máy tính. Ông đã xây dựng một trình tự rất phức tạp, "Hệ thống đánh giá các thôn ấp" để hằng tháng cung cấp cho máy hàng nghìn thông tin khác nhau. Máy tính tiếp thu, nghiền ngẫm để cuối cùng thông báo ai kiểm soát từng ấp chiến lược.

Komer cũng như Krulak, quá khôn ngoan không có tầm nhìn hạn hẹp cho đến cuối đời. Nhiều năm sau, ông viết một tài liệu nghiên cứu rất sáng suốt về những gì không đúng nhưng đổ lỗi thực sự cho chính quyền. Vào thời kỳ đó , ông bị giam hãm trong niềm tự mãn mà McNamara đã nhân cách hóa. Ông có mặt ở cuộc họp báo càng củng cố lòng tin của Westmoreland khi thông báo với các phóng viên, máy tính đã phát hiện những gì qua "những phương pháp khoa học và tiêu chuẩn rất cụ thể". Việt cộng kiểm soát 17% dân số, 16% khác trong "loại tranh chấp". Như vậy, 67% trong số 16,9 triệu dân miền Nam Việt Nam sống dưới sự kiểm soát của chính quyền Sài Gòn ở thành phố, hoặc ở nông thôn, trong

“an toàn tương đối” của những ấp chiến lược. Năm 1963, Harkins đã nêu lên con số 67% này. Việc tái xuất hiện thần kỳ của nó không phải một sự trùng hợp. Hoặc là những người lãnh đạo việc đánh giá các thôn ấp có những sĩ quan ban tham mưu tham gia với bút chì và con tính cầm tay hoặc những cố vấn dân sự khoác những tấm bằng đại học điều khiển máy tính đã biết trước họ tìm kiếm gì và bao giờ cũng nhận được câu trả lời mong muốn. Dù sao thì nguyện vọng đó cũng kích thích bút chì và đặt chương trình cho máy tính.

Cho dù Johnson có mất một ít lòng tin, Westmoreland vẫn không suy suyển. Tổng thống triệu tập vì tướng về Washington dự một buổi lễ quan trọng và một loạt họp báo và phát biểu trên radio và truyền hình. Acheson và các nhà “thông thái” khác muốn có đại sứ Bunker. Johnson biết rõ công chúng phản ứng hàng ngũ ngôi sao và quân đội. Đứng đầu cơ quan thông tin USIS ở miền Nam Việt Nam , Barry Zorthian, một nhà quảng cáo sáng suốt không đến mức nghi ngờ chiến lược của Westmoreland , cũng nghĩ đã đến lúc vị tướng tung ra một cuộc tấn công nhằm bơm căng tinh thần của cánh dân sự ở hậu phương. Ông được chú ý về tài năng quan hệ và lòng tin khi phát biểu ở lưỡng viện trong tháng Tư trước. Zorthian cũng nghĩ vị tướng khá hài lòng khi có thể nói với dân chúng Mỹ. Ông đã thảo luận ở nhà ông này rằng quân đội không đủ để thỏa mãn nữa. Westmoreland không gia nhập một nhóm chính trị nào và về phương diện này thái độ của ông không chê trách được. Ông chỉ đứng vào một vị trí mà sau này nếu muốn, ông có thể lợi dụng tập tục Mỹ bắt đầu với George Washington và gần đây hơn, đã đưa một vị tướng khác , Dwigt Eisenhower, vào Nhà Trắng.

Johnson cũng triệu tập Bunker tham dự cùng Westmoreland cuộc phỏng vấn của hãng truyền hình NBC sáng chủ nhật. Komer cũng được triệu tập để cổ động cho tiếng nói chính thức qua những cuộc phỏng vấn khác. Nhưng chính Westmoreland chiếm trung tâm sân khấu, đặc biệt trong diễn văn của ông trước trung tâm báo chí quốc gia ở Washington ngày 21 tháng Mười một năm 1967.

Ông nói “Chúng ta đã đạt tới một điểm quan trọng từ đó chúng ta bắt đầu thấy được sự kết thúc”. Bắt đầu sự kết thúc là bắt đầu giai đoạn III, giai đoạn chiến thắng, đẩy nhanh sự tấn công quá khích với cuộc tấn công vào năm 1968. Về tổng thể, ông tóm tắt những điều đã nói với báo chí Sài Gòn , giải thích đã xây dựng các hải cảng, sân bay như thế nào, làm tăng tổn thất của địch vượt quá khả năng họ và đuổi quân chủ lực Việt cộng và quân đội Bắc Việt đến tận biên giới phía bắc. Tuy vậy, ông không nói cụ thể giai đoạn cuối cùng của chiến thắng vào đúng lúc nào, như ông đã nói năm 1965 với McNamara và Johnson khi xác định họ cần “một năm hoặc một năm rưỡi”. Nhưng ông làm cho người ta hiểu “Chúng ta đã bắt đầu một số mục tiêu cảu giai đoạn III “rồi chuyển nhanh qua một giai đoạn mới không có trong kế hoạch năm 1965, “giai đoạn IV hoặc kết thúc” – sự

hủy diệt hoàn toàn những người cộng sản Việt Nam” . Thời kỳ ấy đánh dấu tổng kết kế hoạch của chúng ta làm yếu kẻ địch và làm các bạn chúng ta vững chắc hơn đến lúc sự có mặt của chúng ta trở nên thừa”. Ông phải nói cụ thể điểm ấy sau bài phát biểu khi trả lời câu hỏi của một nhà báo cũng được đưa lên truyền hình “Tôi nghĩ hoàn toàn chấp nhận được rằng từ nay đến hai năm nữa hoặc ít hơn “giai đoạn IV sẽ có đủ bước tiến để bắt đầu đưa về nước quân đội Mỹ “lúc đầu chỉ là một dấu hiệu nhưng hy vọng chúng ta làm tất cả để đẩy nhanh”.

Westmoreland kết thúc bài diễn văn bằng cách kích thích đồng hương tin tưởng ở mình :

“Chúng ta đang tiến tới. Chúng tôi biết các ông muốn chúng ta đi đến giai đoạn kết thúc nhanh chóng và đầy vinh dự. Con cái các ông muốn như vậy. Và đấy cũng là điều tôi muốn.

Tất cả những cái đó trong tầm tay của chúng ta. Hy vọng của kẻ địch bị phá sản. Với sự giúp đỡ của các ông, chúng tôi sẽ đưa lại một chiến thắng không chỉ vang dội ở miền Nam Việt Nam mà ở tất cả các nước trên thế giới muốn vươn lên từ bóng tối”.

Vann rời Sài Gòn ngày 14 tháng Mười một năm 1967 đi phép tám tuần lễ, đợt nghỉ dài nhất của anh. Anh chán nản đến mức lần đầu tiên ở Việt Nam cảm thấy công việc nặng nề. Ban ngày xuống thực địa anh thoát khỏi cảm giác bị ức chế ấy. Nhưng buổi tối, tập giấy tờ đợi anh ở văn phòng Biên Hòa hành hạ anh. Vann chịu đựng công việc hành chính khi thấy sự cố gắng ấy tăng cường quyền lợi của anh. Bây giờ, những điều đó hình như không còn ý nghĩa gì, hơn nữa gánh nặng càng nặng thêm nhiều vì tổ chức mới CORDS và những trách nhiệm của anh tăng lên.

Những công việc vất vả càng làm anh bực tức vì ảnh hưởng đến cuộc sống tình dục của anh. Mỗi tối, anh thấy trên bàn giấy ba đống tài liệu ghi lần lượt là “Rất khẩn”, “Khẩn” và những việc có thể chờ vài ba ngày là “Cần thiết”. Càng ngày anh càng không khoan dung được và chua cay với công việc quá sức. Đến mười giờ rưỡi hoặc mười một giờ đêm, sau khi nhìn lại đồng hồ, anh kêu lên không chịu đựng nổi một bức thư hoặc một tài liệu nào nữa. Nếu Lee không chờ anh ở Biên Hòa, anh tuyên bố đi Sài Gòn hoặc về nhà Annie ở Gia Định. Các đồng sự cố chứng minh với anh Việt cộng bắt đầu quan tâm tới chiếc xe Ford Mustang màu xanh mỗi tuần chạy ban đêm bốn năm lần trên đường Biên Hòa. Anh cũng có nguy cơ bị những tay thần kinh bắn hoặc súng cướp cò của trung đoàn thiết giáp Mỹ đi tuần tra ban đêm trên xe tăng hoặc M-113. Annie không biết bao giờ anh về, nói chung mỗi tuần hai, ba lần anh đánh thức cô dậy lúc nửa đêm hoặc một giờ, thậm chí đôi khi vào bốn giờ sáng.

Trong đợt đi phép anh bắt đầu sang châu Âu, danh nghĩa là để giải thích cho nhân viên các Đại sứ quán ở Paris và Rome, thực tế chơi nhiều ngày ở Cote d'Azur và Paris cùng với Lee đã đến đấy trước. Sau đó, anh bay sang Washington , ở lại mấy ngày với Komer trong lúc Westmoreland và Bunker ra thành phố. Anh cũng có mấy cuộc trao đổi với ban giám đốc AID, Lầu Năm Góc và Bộ Ngoại giao, nói ngược lại những gì Westmoreland và Bunker trình bày. Anh đi Littleton, ở trong những ngày lễ Tạ ơn cùng Mary Jane và các con và cố gắng có một cuộc hẹn gặp với tổng thống nhờ tổng biên tập tờ Denver Post.

Anh không đi xa hơn văn phòng Walt Rostow ở tầng hầm Nhà Trắng. Cuộc trao đổi bắt đầu lúc 14 giờ ngày 8 tháng Chạp. Rostow là một người cởi mở và nhiệt tình. Ông niềm nở tiếp Vann và ngồi bên cạnh anh trên trường kỷ. Hai người khác cũng có mặt : phó của Rostow, William Leonhart và George Christian, ở văn phòng báo chí của tổng thống. Vann quyết định thêm nước vào dấm chua của mình. Anh bắt đầu trình bày những mặt tích cực có thể nghĩ ra được, như những việc thực hiện và tổ chức của CORDS. Rostow cả cười. Ông vỗ thân mật vào đùi Vann và nói "Tuyệt vời !". Rồi Vann chuyển qua những việc kém dễ chịu hơn. Rostow từ trường kỷ đứng dậy, lại ngồi sau bàn giấy giở hồ sơ. Ông ngắt lời Vann. Mặc dù những điểm yếu ông cho rằng mình đã khám phá ra, phải chăng ông nghĩ điều tệ hại của chiến tranh đối với Hoa Kỳ sẽ kết thúc trong sáu tháng ?

"Ồ, không, thưa ông Rostow, Vann mất hết giữ gìn kêu lên. Tôi vốn bản tính lạc quan. Tôi nghĩ người ta có thể kháng cự lâu hơn thế nhiều !".

Rostow chấm dứt cuộc trao đổi ý kiến, nói một người có trí óc như thế không nên làm việc cho chính phủ Hoa Kỳ ở Việt Nam . Đã 14 giờ 30 phút, Rostow có một cuộc hẹn gặp khác.

Cô con gái Việt Nam của Vann sinh ra hôm trước lễ Noel trong lúc anh lại về Littleton dự những buổi lễ cùng Mary Jane và gia đình Mỹ của anh. Đứa bé đáng lẽ sinh vào đầu tháng Giêng, ít lâu sau khi Vann trở lại Sài Gòn nhưng Annie trượt chân ở cầu thang nhà ở Gia Định nên đẻ non. Bà ngoại đến chăm sóc con gái. Họ lên taxi về nhà bố mẹ Annie rồi đưa cô ngay vào bệnh viện Saint Paul do các nữ tu sĩ quản lý . Bác sĩ phụ khoa, một người Pháp có thâm niên, đỡ đứa bé lúc 11 giờ 30 ngày 26 tháng Chạp năm 1967. Để tôn trọng thoả thuận với Vann, tên người bố để trắng trong giấy khai sinh. Nhưng Annie đặt tên Việt Nam cho con gái mình là Thúy Vân theo tên một cô gái hạnh phúc trong tập thơ Việt Nam nổi tiếng. Vann có để địa chỉ của mình ở Littleton cho Annie. Anh bảo không ở nhà mình vì đã cắt đứt hợp pháp với Mary Jane và ghi địa chỉ một người là ông chú. Thực tế đấy là một nữ thư ký cũ của xưởng Martin Marieta mà anh vẫn là

bạn. Bố Annie gửi ngay cho anh một bức điện. Mary Jane lại một lần nữa chẳng biết gì.

Sau khi dừng chân ở Santa Monica gặp Dan Ellsberg, Vann trở về Biên Hòa ngày 7 tháng Giêng năm 1968. Anh thấy Fred Weyand, tướng chỉ huy Quân đoàn 3 rất bận rộn. Kế hoạch về chiến dịch năm 1968 của Westmoreland dựa vào giả thuyết Việt cộng và quân Bắc Việt không trụ vững nổi những cuộc tấn công trong lòng miền Nam Việt Nam . Cũng vì vậy các tỉnh trung tâm Quân đoàn 3 chuyển giao cho quân đội Nam Việt Nam ngày 1 tháng Bảy. Cuộc tấn công bắt đầu từ một đợt thả quân dù gây ấn tượng trong rừng rậm tỉnh Phước Long, ở hướng đông bắc cách Sài Gòn 175 cây số, một vùng rất xa xôi nên Việt Nam giấu Ramsey và những tù binh khác ở đấy. Nếu Weyand bố trí quân cho chiến dịch này dọc biên giới Campuchia, phần lớn 43 tiểu đoàn của ông sẽ bị tắc nghẽn trong rừng nhiệt đới vào dịp Tết cuối tháng Giêng.

Weyand không đồng tình với những lý luận của Westmoreland về chiến tranh . Ông thiếu nhiệt tình với lòng tự mãn của chỉ huy cấp cao một phần lớn do ảnh hưởng của Vann. Cũng như anh, ông không cho là quân địch bị tê liệt với một nửa quân số “không có sức chiến đấu”. Đúng là những tiểu đoàn 600 đến 700 người thời kỳ 1965 bị giảm sút qua hai năm chống cự với người Mỹ và các chỉ huy phải phấn đấu để giữ được 400 hoặc 500 người. Mặt khác đường lối của Westmoreland bốc nông dân địa phương vào các khu biệt lập ở thành thị và những trại tị nạn để “làm cho địch không có dân chúng giúp đỡ “làm khả năng tuyển mộ quân ở miền Nam sút kém. Trong ba sư đoàn cộng sản trên đất Quân đoàn 3, Sư đoàn số 7 là đơn vị chủ lực quân Bắc Việt . Hai sư đoàn kia, số 5 và số 9 Việt cộng gồm khoảng một nửa do quân miền Bắc tăng cường. Nhưng hệ thống hoạt động tốt và quân số mỗi tiểu đoàn 400 đến 500 người là một con số đáng ngại, càng ấn tượng hơn là những người cộng sản giữ lại được, tuy tổn thất nặng và tỷ lệ đào ngũ cao vì những mối hiểm nguy và thử thách trong chiến đấu với đội quân hiện đại của Hoa Kỳ .

Ban chỉ huy cộng sản cũng cải tiến nhiều về trang bị vũ khí. 29 tiểu đoàn lần lượt trong mùa hè và mùa thu năm 1967 trở về thánh địa của họ ở Campuchia tích trữ vũ khí người Trung Quốc chở đến Sihanoukville. Họ bỏ lại những vũ khí cũ, nói chung lấy được của người Mỹ và trang bị súng tấn công tự động AK-47, bazooka B-40 vừa dùng bắn xe tăng vừa là ca nông cầm tay và số lượng lớn vũ khí Liên Xô.

Weyan cũng than phiền vì các sĩ quan tình báo của Westmoreland không chú ý đến mối đe dọa của du kích địa phương gồm những đại đội huyện, các trung đội làng và các tiểu đội ấp. Sau khi tự nghiên cứu vấn đề này, ông phát hiện ra có lực

lượng bộ binh tương đương gần 40 tiểu đoàn thêm vào các đội quân chủ lực.

Weyand chống lại kế hoạch của Westmoreland từ mùa thu trước. “Đấy là một kế hoạch rất hay nhưng không tiến hành được”, ông nói với viên đại tá từ tổng hành dinh Sài Gòn đến giải thích cho ông. Ông quan tâm nhiều nhất, khi trở về ông trình bày với Vann, là khi ông phải đến biên giới Campuchia thì quân địch hình như chuyển động ngược lại, vào trong lòng miền Nam. Những thông tin nhận được chỉ rõ ba sư đoàn, cũng như ba trung đoàn lực lượng chính Việt cộng đang bắt đầu rời căn cứ biên giới thâm nhập vào các tỉnh đông dân gần Sài Gòn. Weyand sợ rằng khi ông đã đi khỏi vùng này, các đội quân cộng sản vào chắp nối với du kích địa phương. Như vậy, các đội bình định làm việc trong các ấp, những đơn vị cố vấn dân sự mới và tất cả những dự án Vann và bản thân ông đã đầu tư rất nhiều không có bảo vệ.

Weyand định đi gặp Westmoreland ở Sài Gòn và Vann khuyến khích ông. Ông bắt đầu gặp Creighton Abrams, chỉ huy phó, chăm chú lắng nghe , nói lập luận của ông vững chắc đấy và dẫn đi gặp Westmoreland . Weyand trình bày những thông tin mình có và tóm tắt trên tấm bản đồ. “Tôi thấy họ từ đây tiến về trung tâm, ông nói và chỉ vào vùng Sài Gòn – Biên Hòa. Tôi không biết họ nghĩ gì nhưng thấy rõ có một cuộc tấn công”. Rồi ông đề nghị việc mở đầu chiến dịch năm 1968 ở Quân đoàn 3 để chậm lại.

Westmoreland luôn cố gắng để một mức độ tự do nào đó cho những mệnh lệnh của mình trên thực địa. Weyand tập hợp nhiều bằng chứng và không đòi hủy bỏ cuộc hành quân mà chỉ đề nghị chậm lại. Tổng chỉ huy chấp nhận. Trong lúc đó, ông có một công việc lớn hơn. Những người cộng sản Việt Nam hình như định làm cho Khe Sanh thành một Điện Biên Phủ thứ hai.

Hà Nội đang đưa hai sư đoàn bộ binh, mỗi sư đoàn tăng cường một trung đoàn pháo, tiến về những dãy núi ngang bao quanh đường băng của thung lũng Khe Sanh và những ngọn đồi lính thủy đánh bộ bị kẹt trong vụ thảm sát tháng Tư, tháng Năm 1967. Sư đoàn 325C mà hai trung đoàn tham gia chiến đấu trên đồi đã trở lại. Sư đoàn 304, một đơn vị chủ lực cũ của Việt Minh, mang tên Điện Biên Phủ trên cờ hiệu. Quan điểm của các tướng lính thủy đánh bộ cố chiếm giữ Khe Sanh không thay đổi từ khi một trong bọn họ nói năm 1966 “Khi các anh đã ở Khe Sanh, thực sự các anh không ở đâu bằng !”. Chỉ huy lính thủy đánh bộ ở Việt Nam , Robert Cushman kế nhiệm Walt, tránh những bất bình và thực hiện mệnh lệnh của Westmoreland . Còn Krulak vẫn chỉ huy những lực lượng Hải quân Thái Bình Dương từ Hawail càng ngày càng ít có ảnh hưởng đến các sự kiện và không che dấu sự giận dữ với các nhà báo. Phải nói rằng Lyndon Johnson vừa từ chối không để ông làm chỉ huy tối cao của Hải quân, chắc vì

giận ông đã chống đối chiến lược của Westmoreland . Tháng Chạp, khi mây trành nhanh qua bầu trời , sương mù và mưa phùn của gió đông bắc bao phủ Khe Sanh và che giấu hoạt động của địch quân, Cushman tăng cường đơn vị tại chỗ của ông bằng một tiểu đoàn thứ hai.

Việc đụng độ dự kiến vừa căng thẳng thần kinh vừa là việc đón tiếp của Westmoreland . Ông thấy đây là bước đầu thắng lợi lớn của cái bẫy ông trình bày cho Krulak năm 1966 và lấy lính thủy đánh bộ ở Khe Sanh làm mồi nhử quân địch. Ông luôn luôn nghĩ và thường nói công khai, đến một lúc nào đó trong chiến tranh , Hà Nội sẽ làm lại một Điện Biên Phủ thứ hai. Tham vọng của Hà Nội là dịp may cho Westmoreland : một Điện Biên Phủ đảo ngược. Ông sẽ dìm các sư đoàn cộng sản dưới một thác bom và đạn cối trong cuộc hành quân mang tên tượng trưng là “NIAGARA”. Mọi phương diện thông tin sẽ đưa ra hoạt động để xác định đúng vị trí quân địch và pháo hạng nặng của họ xung quanh Khe Sanh, do thám trên đất liền , chụp ảnh trên không, quan sát bằng tia hồng ngoại , ra đa, bắt làn sóng đài, do thám điện tử máy bay thả xuống những con đường đi vào.

Westmoreland không có ý định chỉ dựa vào máy bay và trọng pháo để đạt đỉnh vinh quang trong cuộc chiến này .Trải qua những cuộc tập kích càng ngày càng gặp chống cự mạnh và Cushman đã tăng cường một tiểu đoàn thứ ba canh gác, Westmoreland ra lệnh toàn bộ Sư đoàn First Calvatry rời bỏ ven biển miền Trung chuyển lên phía bắc Quân đoàn 1. Với đơn vị đáng sợ này, khi cần ông có thể can thiệp nhanh chóng và với lực lượng lớn. Ông tổ chức lại Quân đoàn 1, bố trí bộ chỉ huy quân sự mới với Creighton Abrams cầm đầu, bao trùm tất cả trong đó có lính thủy đánh bộ của Cushman để kiểm soát tốt hơn. Ông có một mối quan tâm khác, sợ những người cộng sản Việt Nam tăng gấp đôi đợt tấn công Khe sanh bằng một cuộc xâm lấn ra ngoài vùng phi quân sự để chiếm hai tỉnh xa nhất ở phía bắc thiết lập chế độ của họ trong “vùng giải phóng” này. Vì vậy, vào cuối tháng Giêng ông tập trung vào Quân đoàn Một 40 % kể cả lính thủy đánh bộ, toàn lực lượng bộ binh và các đơn vị thiết giáp của toàn miền Nam Việt Nam .

Đầu buổi chiều ngày 20 tháng Giêng, một trung úy quân Bắc Việt ra trình diện ở hàng rào dây thép gai bao quanh đường băng Khe Sanh. Một tay anh cầm khẩu AK-47, tay kia cầm một lá cờ trắng. Anh giải thích mình chỉ huy một đại đội phòng không và muốn đào ngũ vì cấp trên không đề bạt anh ta. Qua thẩm vấn, anh sẵn sàng hợp tác và mô tả kế hoạch đã được chấp nhận để đánh chiếm căn cứ. Tất cả bắt đầu ngay tối hôm ấy, chiếm giữ hai đồn tiền tiêu của Mỹ trên đồi dùng làm vị trí súng cối và ca nông để hỗ trợ những cuộc tấn công khác rải rác ở chu vi phòng vệ. Cuộc tấn công chính do một trung đoàn của Sư đoàn 304 vào

những ngày lễ Tết mà Hoa Kỳ và Sài Gòn dự kiến một đợt ngừng bắn 36 giờ và những người cộng sản đã tuyên bố 7 ngày ngừng bắn.

Những sự kiện trong đêm và ngày hôm sau có vẻ khớp với những lời viên trung úy. Quá nửa đêm, một tiểu đoàn quân Bắc Việt tấn công một đồn tiền tiêu và bị đẩy lùi sau khi vượt qua chu vi phòng vệ. Không có gì xảy ra ở đồn kia mà viên trung úy đã nói nhưng một loạt bắn chặn từ đầu của lính thủy đánh bộ có lẽ đã làm những kẻ tấn công rút chạy. Rồi đến năm giờ rưỡi sáng, pháo binh Việt Nam mở đầu cuộc tấn công. Tất cả các loại ca nông , dàn phóng rốc két và súng cối bắn vào đường băng và những vị trí chính của lính thủy đánh bộ trong thung lũng. Hàng trăm rốc két 122 ly rạch bầu trời từ sườn đồi 881 bắc được chiếm lại bằng giá đắt mà lính thủy đánh bộ bỏ lại vì họ thấy quá xa. Khi đạn dược lớn nhất của căn cứ nổ tung ngay từ đầu. Những vụ nổ liên tục rung chuyển hầm trú ẩn như gặp động đất nhẹ trong lúc đạn lửa làm thảm họa nặng thêm. Một tên lửa chui vào hầm chứa hơi cay làm hơi phủ khắp đường băng, đầu độc lính thủy đánh bộ không đeo mặt nạ.

Westmoreland mở van thác “NIAGARA”. Cứ ba giờ mỗi lần, sáu máy bay B-52 ở căn cứ trên đảo Guam và Thái Lan san phẳng mục tiêu với 162 tấn bom. Trong lúc chờ đợi, máy bay tiêm kích ném bom tấn công 15 phút một lần. Máy bay phản lực của Không quân, Hải quân, lính thủy đánh bộ quay tròn ở độ cao 10.000 mét trên Khe Sanh chờ đến lượt can thiệp, 46 súng cối được bảo vệ bằng những bao cát quanh đường băng và súng ca nông 175 ly của Trại Carroll, Rockpile cách đấy 20 cây số góp phần không ít vào trận mưa đạn bom như thác đổ này. Trọng pháo của lính thủy đánh bộ bắn 159.000 loạt. Westmoreland cho máy bay chở quân tăng viện và thêm một tiểu đoàn biệt kích Việt Nam để lá cờ của Sài Gòn cũng có mặt. Chẳng mấy chốc có đến 6.680 người trong các công sự trên đường băng và ở các đồn tiền tiêu. Lính thủy đánh bộ tỏ ra ít tin vào các đồng minh Việt Nam, đưa họ ra phía trước để có thể bắn vào họ đồng thời vào quân Bắc Việt nếu biệt kích rút lui. Và như thường lệ, không có gì buộc trọng pháo, rốc két và súng cối của những người cộng sản phải im lặng; không có gì ngăn cản được súng liên thanh địch bắn vào máy bay vận tải hạ cánh trong thung lũng và vào máy bay lên thẳng cố gắng tiếp tế cho các đồn tiền tiêu và chuyển thương binh đi. Thời tiết ở Khe Sanh rất xấu giữa mùa mưa, may mắn với những ngày thuận lợi có nền trời cao 150 mét trong vài ba giờ. Mặc dù tình báo rất cố gắng, máy bay ném bom phần lớn theo tọa độ bản đồ những chỗ có người nghi ngờ không có địch và trọng pháo chỉ bắn mò.

Các nhà báo tập trung ở nơi tướng tổng chỉ huy cầm cờ hiệu. Cả đất nước đang theo dõi. Những hình ảnh trên các báo, tạp chí , chương trình truyền hình

chỉ rõ cho toàn quốc những khuôn mặt hốc hác, lấm lem của lính thủy đánh bộ. Sự chống cự quyết tâm , trả giá bằng cái chết của 205 người trong bọn họ không xóa được nỗi buồn của Khe sanh cũng như không làm tan được nỗi lo của công chúng về pháo đài Mỹ bị vây hãm ở nơi xa xôi hoang vắng ấy.

Nỗi lo lắng ấy được một người có đầy đủ thông tin hơn một công dân thường chia sẻ. Lyndon Johnson cho làm một mô hình Khe Sanh ở tầng hầm Nhà Trắng để Walt Rostow mô tả cho ông thấy diễn biến của trận đánh. Ông bảo Earle Wheeler đề nghị ban tham mưu liên quân chuẩn bị cho ông một giác thư giải thích Khe Sanh có thể bảo vệ như thế nào.

Tướng Weyand và John Vann quá bận bịu về sự đe dọa đang đè nặng lên Quân đoàn 3, không quan tâm được Khe Sanh. Ngày Tết càng đến gần, Weyand càng có cảm giác “có việc gì đó đang được chuẩn bị, một loại rác rưởi và không phải đâu đó trên biên giới Lào mà ngay trên lưng chúng ta”. Trước cuối tháng Giêng, Việt cộng tấn công trên khắp vùng ông chỉ huy. Họ chiếm đóng Bầu Trại trong lúc tỉnh trưởng chuyển các đội Quân lực Cộng hòa ra khỏi đấy và tổ chức một cuộc tập kích vào Biên Hòa.

Vann viết thư cho York nói hình như những người cộng sản “có một cố gắng tối đa chứng tỏ sức mạnh quân sự của họ ngay trước đợt ngừng bắn dịp Tết”. Nhưng đối phương làm ngược lại lý luận của anh. Những cuộc tấn công bớt ồ ạt. Tuy vậy, những dự đoán của cơ quan tình báo càng ngày càng đáng lo ngại. Việc do thám điện tử từ những máy bay “rái cá biển” với hệ thống nghe nhìn định hướng đã báo trước với Weyand và Vann ba sư đoàn cộng sản đã triển khai theo hình vòng cung phía bắc và tây bắc Sài Gòn . Hai trung đoàn của Sư đoàn 5 Việt cộng chỉ cách Biên Hòa 10 cây số “chĩa vào như một mũi kiếm”, Vann nói. Các thông tin nhận được thông báo có cuộc tấn công lớn vào sân bay Biên Hòa, một trong hai sân bay quan trọng, cùng với Tân Sơn Nhất bảo vệ Quân đoàn 3 và 4.

Xem ra cũng thấy trước có những cuộc tấn công vào tổng hành dinh của Weyand và một trại bên cạnh để giải phóng tù binh, Weyand cho xe ủi lưỡi thép lớn phá hết cây cối bao quanh những ngôi nhà của ông. Trại tù binh trong một đồn điền cao su cách đấy một cây số cũng đốn sạch cây bao quanh. Có lẽ để đánh trả mạnh một cuộc tấn công ban đêm, Weyand đặt đội thiết giáp trong tình trạng báo động thường xuyên.

Lệnh ngừng bắn 36 tiếng của Hoa Kỳ và chế độ Sài Gòn bắt đầu lúc 18 giờ ngày 29 tháng Giêng , trước hôm lễ Tết trừ hai tỉnh ở phía Bắc, chỗ Westmoreland lo sợ cho Khe Sanh. Đại tá George Jacobson ở cùng nhà với Vann và vẫn là điều phối viên của Phái đoàn, tối hôm ấy tổ chức một buổi tiếp khách

trên thảm cỏ ở tư dinh Sài Gòn . Ngôi nhà ở sau Đại sứ quán mới trên đại lộ Thống nhất, cách mấy nhà là dinh thự sang trọng đến lóa mắt của Thiệu tiếp nhận từ Diệm. Chỗ ở mới của sức mạnh Mỹ là một pháo đài hình chữ nhật năm tầng, bốn phía là tường bê tông chống bom, đạn cối và rốc két. Ngôi nhà ở xa đường, bên trong tường bao, trong đó có nhà của Jacobson, một chỗ ở cũ của người Pháp giữa hai cuộc chiến tranh .

Vann đến dự cuộc tiếp khách cùng với Lee. Anh chú ý về cảnh tương phản lạ lùng ở đây so với không khí tiểu đoàn của Weyand chỉ cách đấy 30 cây số. Theo những thông tin thu thập cuối cùng, viên tướng đang chờ đợi cuộc tấn công vào đêm 30 sáng 31. Các sĩ quan của trung tâm hành quân tổ chức một đợt cá cược về giờ chính xác. Tất cả tiền đặt vào ngày 31 tháng Giêng từ 0 giờ đến 5 giờ sáng.

Jacobson cho đưa tới một ban nhạc. Đại sứ Bunker có mặt cùng nhiều đại diện của xã hội sang trọng Mỹ và Sài Gòn . Một dây pháo dài bảy mét buộc vào cây đốt để đuổi ma quỷ trong năm mới. Đấy là món quà của Nguyễn Văn Lộc, thủ tướng Chính phủ Thiệu vừa thành lập sau khi trúng cử tổng thống hồi tháng Chín. Kỳ được bầu là phó tổng thống, chỉ là một con cừu đực chờ để người ta bẻ sừng. Với 492.900 người Mỹ bảo vệ đất nước, chế độ cảm thấy đủ yên ổn cho đốt pháo truyền thống ngày Tết đã bị cấm nhiều năm nay để Việt cộng không lợi dụng tiếng nổ át tiếng súng. Vann nói chuyện với đại sứ, phát hiện thấy ông không nghe nói đến những đợt tấn công bước đầu ở Bầu Trại và Biên Hòa. Tổng hành dinh của Westmoreland nắm được thông tin có vẻ cho là báo trước với đại sứ cũng chẳng ích gì. Nhưng nói lại với ông, Vann hình như không làm ông hoảng hốt; thái độ thanh thản chắc do tin tưởng tổng chỉ huy đã nắm tình hình trong tay.

Hôm sau, ngày 30 tháng Giêng, ngày đầu của Tết âm lịch, ở Biên Hòa Weyand tổ chức một cuộc hội ý thường lệ sớm hơn, vào 15 giờ thay vì 17 giờ để sẵn sàng hành động. Theo linh cảm của một cựu sĩ quan tình báo , ông khẳng định những cuộc tấn công vào sân bay, tổng hành dinh của ông và trại tù binh có thể bắt đầu vào ba giờ sáng hôm sau. Một báo cáo của tổng hành dinh Westmoreland tăng thêm căng thẳng : một số vị trí rải rác trong Quân đoàn 1 và 2 đã bị tấn công lúc rạng sáng.

Mặc dù tình hình như thế và những thông tin hận được , Vann khó tin rằng Việt cộng sẽ có một cuộc tấn công lớn vào những ngày Tết. Tuy trước đây vấn có những vi phạm nhưng nói chung lệnh ngừng bắn vẫn được tôn trọng khá lâu để cho phép tổ chức ngày lễ. Điều đó không cản trở anh không ngoan hơn. Anh gửi cho tất cả các đội CORDS một chỉ thị thông báo những tin tức nhận được và

ra lệnh báo động tối đa, đặc biệt ban đêm trong dịp Tết. Khi người thư ký truyền tin nói nếu phải đánh mật mã thì chỉ thị sẽ chậm đi nhiều giờ, anh bảo “Cứ chuyển thẳng”. Rồi anh lên chiếc Ford Mustang đi Sài Gòn , đưa Lee đi ăn hiệu rồi cùng cô trở về Biên Hòa. Họ làm tình với nhau và ngủ sau nửa đêm mội chút, khá sớm so với thói quen của Vann.

Lính thủy đánh bộ canh gác đánh thức đại sứ Bunker đúng sau ba giờ sáng trong phòng ngủ ở tầng hai biệt thự của ông và nói: “Sài Gòn bị tấn công!”. Việt cộng đánh vào tòa nhà Đại sứ quán cách đấy bốn đường phố và tư dinh có thể bị tập kích bất kỳ lúc nào. Một chiếc xe bọc thép chờ trước cổng và lính thủy đánh bộ được lệnh đưa Bunker đến chỗ ở của trưởng ban an ninh Đại sứ quán mà họ nghĩ sẽ ít nguy hiểm hơn. Họ nói ông không bàn cãi gì, không kịp mặc quần áo, chỉ khoác chiếc áo dài trong phòng lên bộ quần áo ngủ đang mặc.

Văn phòng tầng hầm của biệt thự đầy khói vì người ta đốt tài liệu mật. Chiếc tủ két nhỏ ở đấy bị phá để hủy những gì đựng trong đó trong trường hợp những người gác ở lại bị giết và tư dinh rơi vào tay quân địch. Trong lúc vội vàng lửa làm cháy hai lỗ chiếc cặp da đựng tài liệu sang trọng đại sứ để trên bàn khi đi nằm.

Ellsworth Bunker không phải loại người chống lại những người lính thủy đánh bộ đang làm nhiệm vụ. Ông lên chiếc M-113 chạy ngay trong đêm với tiếng rít bánh xích, đưa vị đại sứ Hoa Kỳ bận quần áo ngủ khoác áo dài trong phòng, chạy qya đường phố của thủ đô một nước mà 67% dân số được cho là sống trong yên ổn của sức mạnh Mỹ. Tiếng pháo Tết át tiếng súng. Mười lăm tiểu đoàn Việt cộng , khoảng 6.000 người của các đội quân cộng sản vào Sài Gòn và vùng ngoại ô. Bunker lấy chiếc cặp tài liệu bị cháy giữ làm kỷ niệm đêm hôm ấy.

Khe Sanh là mồi lửa lớn nhất trong cuộc chiến tranh này. Những người cộng sản Việt Nam không hề có ý định làm một Điện Biên Phủ thứ hai ở đấy. Mục tiêu của họ là Westmoreland chứ không phải là pháo đài bị bao vây. Chỗ ấy chỉ là một cái bẫy làm viên tướng tổng chỉ huy không ngờ đến mục đích thật sự. Những người có trách nhiệm ở Hà Nội biết rất rõ không thể lặp lại với người Mỹ điều mà họ làm có kết quả với người Pháp , một đội quân viễn chinh là hình ảnh quân đội thuộc địa nhiều thứ tiếng của một đất nước đã yếu đi vì bại trận và bị chiếm đóng trong Thế chiến thứ hai.Những người Việt Nam có thể tiến lên vượt qua họ. Vì vậy, ông Giáp có trọng pháo ở Điện Biên Phủ nhiều hơn người Pháp, thực tế không có đủ máy bay vận chuyển, tiêm kích và ném bom. Tướng Henry Navarre không có cách nào tiếp tế hoặc tăng cường pháo đài của mình ở trên núi cách chỗ dựa gần nhất , Hà Nội, ba trăm cây số.

Ngược lại, Hoa Kỳ có thể dùng một lực lượng đánh bật ghê gớm nên Việt cộng không hy vọng lặp lại chiến thắng trước. Để tiêu diệt 6.000 lính chiến đấu cứng rắn như lính thủy đánh bộ được một lứa lửa rất mạnh hỗ trợ, phải tổn thất một số lượng điên rồ, lớn hơn nhiều hàng nghìn người hy sinh ở đây vò một mối nguy giả vờ đe dọa. Dù sao thì hoạt động ấy phải trả giá thất bại vì việc bao vây có thể bị bẻ gãy. Khe Sanh chỉ cách Đông Hà và Cửa Việt 45 cây số, với con đường hoàn toàn sử dụng được đến căn cứ trọng pháo Calu, 15 cấy số phía sau hậu cứ. Nếu quân kỵ binh bay không giải phóng được Khe Sanh, Westmoreland có thể gửi tới những sư đoàn khác. Khắp nơi đều thế cả và những người Bắc Việt biết phương trình quân sự ấy cũng có lợi cho người Mỹ. Để giành thế chủ động phải thành công ở một đòn quyết định tác động đến tinh thần đối phương như trận Điện Biên Phủ đã tác động đến người Pháp. Đấy là cuộc tấn công dịp Tết năm 1968.

Đối với trận đánh này, một trong số những trận quyết liệt nhất trong lịch sử dân tộc, họ phải ngược lại 179 năm trong quá khứ, tới vị anh hùng dũng cảm Nguyễn Huệ đại thắng quân Thanh trong ngày Tết ở kinh đô Thăng Long. Kế hoạch của họ rộng lớn và táo bạo vượt quá mức tưởng tượng của những người nước ngoài và người phục vụ họ. Khắp miền Nam Việt Nam , trong phần lớn các thành phố và thị trấn, hàng chục nghìn chiến sĩ cộng sản tung ra một “cuộc tấn công toàn cảnh “theo từ của các chỉ huy hành quân của Westmoreland dùng. Bộ phận lớn của một sư đoàn Bắc Việt có du kích địa phương hướng dẫn đánh vào Huế, chiếm hầu hết thành phố và hoàng cung. Lá cở đỏ sao vàng lại kéo lên trước cửa Ngọ Môn như năm 1945 lúc Bảo Đại thoái vị. Trong những giờ đầu rạng sáng ngày 31 tháng Giêng, các trại và đồn lính, đồn cảnh sát , các trung tâm hành chính, nhà tù, đài phát thanh lần lượt bị tấn công, trong hơn nửa tỉnh lỵ của 44 tỉnh cùng những thành phố, huyện lỵ và căn cứ Quân lực Cộng hòa đơn độc ở nông thôn. Tân Sơn Nhất, Biên Hòa và nhiều sân bay khác cũng là đối tượng tập kích hoặc bắn phá để ngăn cản không quân hỗ trợ hoặc máy bay lên thẳng đưa quân tăng cường cho những nơi trú quân gặp nguy hiểm.

Ở Sài Gòn, Việt cộng cũng cố gắng đánh chiếm dinh tổng thống Thiệu đang vắng mặt về ăn Tết với gia đình, tổng hành dinh lính thủy đánh bộ, trụ sở ban tham mưu hỗn hợp và đài phát thanh. Trừ Đại sứ quán, đặc biệt về trụ sở tuyên truyền và các sân bay, các đội quân cộng sản cố tránh người Mỹ để tập trung sức vào đồng minh của họ. Mục đích là đánh đổ chế độ và khơi dậy một cuộc cách mạng theo kiểu tháng Tám năm 1945 trong dân chúng thành thị các chiến sĩ cộng sản chiếm đóng. Hồ Chí Minh và chính phủ của ông hy vọng hủy diệt chỗ dựa của Mỹ đối với chiến tranh, buộc Hoa Kỳ phải thương lượng với những điều kiện bất lợi và bắt đầu rút quân chiếm đóng. Khe Sanh là một vùng hiếm hoi ở

miền Nam không có gì xảy ra ngoài một số trận ném bom kỳ cục.

Nhưng riêng mưu kế ấy không giải thích được sự ngạc nhiên quá lớn. Cách người Mỹ chỉ đạo cuộc chiến tranh tạo nên một khoảng trống ở miền Nam. Việc chuyển dân chúng hàng loạt do đường lối của Westmoreland và sự hấp dẫn về kinh tế đối với những người Việt nghèo khổ vì chiến tranh đến những nơi xây dựng căn cứ mới cùng những lố lăng khác của bộ máy quân sự. Không bao giờ người ta biết được số lượng người tị nạn lên đến bao nhiêu. Tiểu ban của Edward Kennedy đánh giá là 3 triệu vào cuối năm 1967. Một miền Nam Việt Nam nông thôn với tỷ lệ rất lớn 85% dân quê lúc Vann đến năm 1962 đã trơ thành chủ yếu là người thành thị. Dân số Sài Gòn năm 1962 là 1,4 triệu người lên đến 3,5 và 4 triệu, một sự thay đổi lớn đối với tổng số 17 triệu người Nam Việt Nam .

Chen chúc số lượng lớn người như vậy trong và xung quanh thành phố cho thấy một vẻ ngoài lừa gạt, sự kiểm soát của chính quyền Sài Gòn lớn hơn trong lúc thực tế chưa bao giờ họ nắm được ít đến thế vì nền kinh tế và xã hội hỗn độn cùng sự tha hóa chưa từng có. Cảnh sát không hề muốn mạo hiểm với tầng lớp hạ tầng mới này. Họ sợ các băng nhóm vô lại và những kẻ đào ngũ của Quân lực Cộng hào ở đầy những nhà ổ chuột. Việc đốt phá trở nên phổ biến và không có khu nào yên ổn Câu chuyện chính thức về cuộc tấn công dịp Tết , theo lời trung thực của quân đội Nam Việt Nam , chấp nhận những cuộc ám sát và hành động khủng bố khác thường xuyên trong khu đông bắc Sài Gòn ; quân du kích đã đặt rào chắn trên những con đường vắng Chợ Lớn, tấn công những đồn cảnh sát ở đấy. Báo cáo công nhận “Quân lính địch đã vào đến các cửa ngõ thành phố”.

Annie và bà cô kết bạn với hàng xóm ngôi nhà thuê của Vann ở ngoại ô Gia Định. Họ chỉ cho anh nhà một số gia đình cảm tình với Việt cộng hoặc có người thân đi theo Việt cộng . Cuối tháng Giêng, con gái Vann đã năm tuần tuổi. Sáng ngày 31, Annie dậy sớm cho con ăn bỗng nghe ngoài đường có tiếng kêu “Chúng ta đi khỏi đây ngay !”.

Cô chạy ra ngoài cùng bà, thấy người ta ùa ra khỏi nhà mang theo những gì đưa đi được để chạy tránh đạn. Một toán Việt cộng chiếm vị trí trong một ngôi chùa cách đấy vài trăm mét. Đã nhiều tuần lễ nay với các nhà sư đồng lõa, họ đã đào hầm dưới chùa để chứa vũ khí và đạn dược.

Phần lớn những tiểu đoàn Việt cộng vào phía tây Sài Gòn tấn công Tân Sơn Nhất, đều đi qua quận Tân Bình. Mùa hè trước, Vann được biết trưởng quận này nhận tiền trả lương cho 592 lính địa phương trong vùng nhưng thực tế chỉ có 150 lính. Một trong những đơn vị ấy nhân danh bảo vệ miền tây Sài Gòn được gọi là “tiểu đoàn Trung Hoa”. Trên danh sách quân số có tên những người bán hàng

quán Trung Hoa nhưng họ không bao giờ rời việc mua bán ở Chợ Lớn. William Westmoreland tưởng làm chủ được toàn miền Nam Việt Nam . Ông ta chỉ có một số đảo nhỏ nơi lính của ông ở đấy.

Vann bị đánh thức dậy đúng ba giờ sáng vì những loạt đạn rốc két 122 ly như sấm và đạn cối 82 bắn vào sân bay Biên Hòa. Anh vội vã mặc quần áo, nói với Lee mình phải đến trại cơ quan CORDS và cô không đi theo được. Dù sao ngôi nhà này là chỗ chắc chắn nhất, cô chỉ ở lại trong phòng, vào ẩn trong tủ nếu có Việt cộng vào. Anh chạy ra xe cùng Wilbur Wilson, phó của mình, cũng đã bị đánh thức dậy và mặc vội quần áo.

Biệt động Việt cộng vào được bên trong đã cho nổ một kho đạn dược ở Long Bình. Làn sóng tiếng nổ đã làm tắt hết ánh sáng và bay tung đồ đạc trong căn nhà tạm Weyand bố trí làm trung tâm hành quân. Viên tướng không bị gì, đội mũ, áo chống đạn, như những sĩ quan thoát chết khác và thắp đèn dầu lên. Đêm ấy, Weyand không ngủ được, đến sớm một tiếng đồng hồ chờ cuộc tấn công. Những chiếc trực thăng chiến đấu ông đã cho lệnh báo động bay đi ngay tìm vị trí súng cối hoặc phóng tên lửa của địch trong lúc những chiếc khác chờ bộ binh đến. Trong đêm lẫn lộn ánh lửa và tiếng ầm, tổng hành dinh của Weyand là mục tiêu của rốc két và đạn cối, hình như Việt cộng tìm cách bắn phá tiêu hủy nó chứ không tấn công chiếm đóng. Máy phát cung cấp khá đủ điện cho các trạm đài, điện thoại, điện tín và Weyand ngõ ngàng biết tin những gì xảy ra ở Sài Gòn và trong tất cả những vị trí xung quanh thủ đô.

Một đơn vị lính Mỹ ở gần đấy bắn mò với súng liên thanh 50. Những viên đạn lớn xuyên qua những tấm ngăn phá hỏng một ít căn nhà tập trung. Weyand cử một đại tá cùng hai quân cảnh đến bảo họ thôi bắn. Mấy phút sau, họ trở về; viên đại tá mà chiếc xe Jeep bị tan tành thành mảnh, thông báo “Việt cộng ở ngay bên kia đường !”.

Họ rơi vào hai đại đội Việt cộng có nhiệm vụ giải phóng trại tù binh. Người ta bảo trại ở trong đồn điền cao su nhưng vì Weyand cho triệt hạ hết cây nên không tìm thấy. Họ đi vòng quanh xóm nhà đàn bà góa và trẻ mồ côi của lính Quân lực Cộng hòa ngay trước tổng hành dinh.

Những chiếc M-113 và bộ binh được Weyand cử đến nhanh chóng sắp xếp những thân hình bị Việt cộng bắn chết.

Một đơn vị khác đã vào những lô cốt phía đông căn cứ Biên Hòa, triển khai về các kho hàng. Phi công trực thăng bắn liên thanh và rốc két vào họ. Những chiếc M-113 tiến đến giết hoặc đuổi theo. Khắp nơi các đơn vị Việt cộng chống chọi với cuộc chiến không cân sức với lực lượng xe bọc thép và bộ binh Mỹ.

Weyand cứu sân bay Tân Sơn Nhất, cử một đoàn xe bọc thép lao nhanh về thành phố. Để tránh bị phục kích đặc biệt trên đường số 1 có nguy cơ bị cắt đứt, chỉ huy đơn vị bay trực thăng phía trên đoàn xe, bắn pháo sáng hướng dẫn qua những đường vòng ở nông thôn.

Suốt đêm và buổi sáng tiếp đó, Weyand huy động nhiều nghìn quân chiến đấu Mỹ luôn sợ thiếu các đơn vị xe pháo. KHông thể có trường hợp ấy; ông đã chuẩn bị tốt hơn nhiều đối với một trận đánh không bao giờ ông dự kiến. Không lúc nào liên lạc đường không hoặc trên bộ bị cắt đứt và ông tổ chức phản công đủ ngăn cản những người cộng sản có đà tiến cần thiết để chiếm thành phố.

Vann bận liên hệ với các đội CORDS ở các tỉnh đến mức buổi chiều mới lo đến Annie và con gái. Anh lấy trực thăng đi Gia Định, thấy nhà anh ở giữa trận đánh của Việt cộng trong chùa với lực lượng địa phương. Anh bảo phi công vòng xuống rất thấp quanh biệt thự nhưng không thấy một dấu hiệu nào, nghĩ Annie đang ẩn nấp bên trong. Anh cho trực thăng đậu xuống tổng hành dinh và đi bộ một mình với khẩu M-16 qua những đường phố có quân địch. Phi công được chỉ thị tiếp tục quay vòng trên ngôi nhà để khi anh ra hiệu sẵn sàng nhào xuống chở mấy người đàn bà và đứa trẻ. Vann thấy nhà trống không, gọi chẳng có ai trả lời. Đạn súng tự động làm vỡ kính cửa sổ tầng hai. Trở lại tổng hành dinh, anh đột nhiên gặp một Việt cộng và bắn hạ ngay.

Bố mẹ Annie đã nhanh hơn anh. Ngay mới rạng sáng, họ lên xe đến Gia Định, phải bỏ xe lại chỗ rào ngăn của cảnh sát gần chợ trung tâm. Họ đi bộ hai cây số đến nhà , thấy bà nội Annie và người hầu đang chuẩn bị ra đi. Annie chuẩn bị một bình sữa thay đổi, bọc đứa bé vào chăn còn bà và người hầu thu thập một số đồ dùng cá nhân.

Phải gần suốt cả ngày họ mới đến được nhà bố mẹ Annie ở Sài Gòn . Đường sá đầy người chạy khỏi cuộc chiến. Họ bị ngăn lại liên tục ở các hàng rào chắn của cảnh sát sợ Việt cộng thâm nhập, phải trình giấy tờ và để lục soát trong xe. Lính của lực lượng vùng bắn chỉ thiên để cố kiểm soát đám đông.

Vann đến nhà ít lâu sau khi họ về. Anh yên tâm thấy Annie và con gái bình yên nhưng Annie thấy anh cũng bất bình vì cô không ở lại Gia Định để chờ anh giải thoát.

- Anh đã cố đến cứu em, suýt nữa thì bị chết, anh nói.

- Nhưng John, em còn con bé, không chờ được, cô trả lời.

Như đối với Peter ở bệnh viện nhi Boston chín năm trước đây, Vann muốn là người hùng trong ngày và đã như thế. Anh kể lại với bạn bè mình đưa Annie và

đứa bé đi giữa lúc bắn nhau. Annie giữ ý không nói khác đi.

Tuy tướng Weyand không phải người khoe khoang nhưng ông khẳng định như Vann, rằng Sài Gòn sẽ rơi vào tay cộng sản nếu ông đã không từ chối đưa quân của ông lên biên giới Campuchia. Ông nói “Sẽ là một thảm họa hoàn toàn vì tôi lúc nào cũng nghi ngờ họ sẽ đánh chiếm Sài Gòn”. Chỉ có tám tiểu đoàn bộ binh Quân lực Cộng hòa trong vùng thủ đô khi xảy ra những cuộc tấn công, mà mỗi tiểu đoàn chỉ còn không tới 50% quân số vì đi phép Tết, một số còn yếu hơn. Hai đơn vị tốt nhất, những tiểu đoàn dù may mà còn ở lại thành phố. Một sĩ quan tham mưu hôm trước mải mê đánh cờ đến nỗi quên ra lệnh cho máy bay vận chuyển đưa họ lên Quân đoàn 1 ở phía bắc để góp phần tăng cường cho vùng Khe Sanh. Đơn vị chiến đấu Mỹ trong thành phố là tiểu đoàn MP vì trong tháng Chạp Westmoreland để việc bảo vệ Sài Gòn cho Quân lực Cộng hòa; trung đoàn 199 bộ binh nhẹ Mỹ được rút đi đặt dưới quyền Weyand.

Mười lăm tiểu đoàn Việt cộng mở đầu đợt tấn công phần lớn là các đơn vị trong vùng vì họ biết rõ xung quanh Sài Gòn hơn. Một trong những tiểu đoàn biệt động gồm 250 người sống trong thành phố làm nghề lái taxi và xe kéo. Việt cộng địa phương được lệnh chiếm các mục tiêu, giữ cho đến khi các lực lượng chủ lực đến cứu. Đa số cuộc tấn công không đạt kết quả mong muốn vì, để gây bất ngờ, mệnh lệnh cụ thể chỉ đưa xuống các đơn vị trước 62 hoặc 48 tiếng, không có những hiểu biết bước đầu cần thiết cho một đội quân ở nông thôn mới hành quân trong thành thị lần đầu. Các tiểu đoàn Quân lực Cộng hòa, dù thiếu quân số, hành động dũng cảm sau nỗi hoảng hốt ban đầu. Họ đã ở sát chân tường ; phần lớn có vợ con ở Sài Gòn . Các đội quân trong vùng, phân bố trong thành phố và ngoại ô, nói chung cũng hoạt động tốt. Tuy vậy, nếu các lực lượng Mỹ không can thiệp ngay, các đội quân chủ lực cộng sản sẽ đến theo chân những người chiến đấu đầu tiên và những đội quân bảo vệ, vượt hẳn về số lượng và hỏa lực, cũng không chống cự nổi sự tấn công của họ. Mấy nghìn quân lính bàn giấy của ban tham mưu Mỹ và Việt Nam , tổ chức và huấn luyện kém, vũ khí không đầy đủ, chỉ là sự trở ngại chứ không phải hỗ trợ.

Fred Weyand và chừng mực nào đó John Vann đã khuyến khích ông giữ lại các đội quân, có lẽ đã cứu Sài Gòn . Nhưng họ không thể cứu được cuộc chiến tranh mà Westmoreland đã mang lại thất bại. Sáng kiến cuối cùng của tướng Weyand có kết quả mỉa mai là kéo dài cuộc đụng độ mà không thể thắng. Hơn 20.000 người Mỹ đã chết và hơn 50.000 thương binh phải vào bệnh viện trong khi một chiếc Peugeot nhỏ và một taxi ọp ẹp lượn vòng ở góc đường Mạc Đĩnh Chi và đại lộ Thống Nhất lúc hai giờ bốn mươi lăm phút sáng ngày 31 tháng Giêng; một trung đội biệt động nhảy xuống, làm thủng một lỗ lớn ở tường ngoài

Đại sứ quán mới của Hoa Kỳ.

“Cỗ máy xanh” như người lính Mỹ gọi đúng nghĩa quân đội của mình năm ấy, đã đòi hỏi và nhận được 841.264 lính được gọi ra trận cho đến Noel năm 1967 và 33.000 người khác sẽ được gọi vào tháng Giêng năm 1968. Bây giờ chi phí cho chiến tranh hàng năm lên đến 33 tỷ đô la, sự lạm phát bắt đầu làm lung lay nền kinh tế Hoa Kỳ . Những khu học xá các trường trung, đại học náo động cả lên. Trước năm 1967, con trai giới tư sản da trắng phần lớn tránh khỏi chiến tranh nhờ phương pháo khéo léo được hoãn là đang học đại học. Những năm 1967, Cỗ máy xanh cần thiết đến mức người ta bắt buộc một số lớn thanh niên trong năm học đăng lính. Sự đe dọa bị gọi đi đánh nha vì cuộc chiến tranh, là đối tượng của sự ghê rợn tinh thần ngày càng lớn biến thành những cuộc biểu tình của những chàng trai trẻ vốn ít quan tâm đến tai họa của một dân tộc châu Á và thịt xương những người nông dân, thợ thuyền Mỹ đại diện các dân tộc thiểu số biến thành súng ca nông. Nữ sinh cũng tham gia phong trào với số lượng và niềm hăng say như thế.

Đại đa số người Mỹ, dân chúng ngây thơ bỏ qua nỗi thống khổ ấy vì những nhà cầm quyền mà họ tin tưởng đảm bảo sự hy sinh là cần thiết để cứu đất nước và chiến thắng đã trong tầm tay. Bây giờ xã hội Mỹ cảm thấy lung lay. Cái giá mạng sống con người và tài chính của chiến tranh hủy diệt lớn đến nỗi khi cuộc tấn công dịp Tết chứng tỏ cuộc chiến ấy thất bại , nó sẽ đưa lại sự suy sụp về tâm lý và khủng hoảng về chính trị. Westmoreland gây ra một loại tai họa như MacArthur khi ông này đưa quân đội Mỹ đến vùng rừng núi Triều Tiên mùa đông năm 1950 nhưng mức độ rộng lớn hơn nhiều vì nó lãng phí ghê gớm trong một thất bại hoàn toàn ở Việt Nam .

Dân chúng Mỹ ít quan tâm đến việc trung đội đặc công không chiếm được tòa đại sứ tuy họ có đủ rốc két B-40 và thuốc nổ để làm việc đó. Nhìn bề ngoài, cộng sản có vẻ lạc hướng vì những người chỉ huy hy sinh ngay từ đầu cuộc tấn công và chỉ đánh chiếm vùng đất xung quanh. Họ đã trụ lại và rút đi sau sáu tiếng rưỡi cho đến lúc rất nhiều người bị giết hoặc bị thương. Cuối trận đánh, một quân cảnh vứt qua cửa sổ cho Jacobson một chiếc mặt nạ và một khẩu súng ngắn để ông bắn hạ một đặc công bị thương trèo lên cầu thang tư dinh ông tránh hơi cay. Jacobson, sĩ quan về hưu, cho rằng một nhà ngoại giao không cần đến vũ khí và ông bị cầm tù suốt đêm ở tầng hai nhà ông chỉ với một quả lựu đạn tìm thấy trong ngăn kéo.

Dân chúng Mỹ cũng không quan tâm đến việc những người cộng sản không thành công trong việc lật đổ chế độ Sài Gòn và khơi dậy một cuộc cách mạng trong nhân dân. Các nhà lãnh đạo Hà Nội đánh giá sai lực lượng quân sự đã

nhanh chóng đến cứu chính quyền Sài Gòn và không hiểu tâm lý những người dân thành thị mới vì ép buộc. Nếu một số tích cực giúp đỡ những người cộng sản và đại bộ phận căm ghét người Mỹ và chế độ không chỉ điểm hàng chục nghìn quân cộng sản trang bị vũ khí thâm nhập vào giữa họ, thực ra những người ấy quá bối rối vì mất nhà cửa, đất đai, gia đình và những giá trị tinh thần nên không lao vào một việc nào khác hoặc nổi dậy chống ai đó.

Điều đáng kể đối với người Mỹ là kẻ thù bị đánh bại ấy có thể tấn công vào bất cứ chỗ nào với mức độ quyết liệt hơn trước đây. Chiến tranh ở Việt Nam sẽ không bao giờ thắng được. Chẳng có gì được thực hiện, trừ mạng sống cùng tiền mất đi quá mức và xã hội Mỹ bị chia rẽ. Mọi đảm bảo người ta đưa ra chỉ là sự dối trá và huênh hoang của những kẻ đần độn.

Những gì người Mỹ thấy trong đợt tấn công này càng củng cố cảm giác của họ. Việt cộng ẩn mình trong khu tây Sài Gòn, Chợ Lớn và chống cự ở từng nhà như họ làm ở những thành phố khác. Cấm sử dụng vũ khí hạng nặng và máy bay sẽ đưa lại những tổn thất to lớn về sinh mạng của người Mỹ và Việt Nam trong lúc bộ binh đang gồng mình chịu đựng mọi cú đánh. Không một hạn chế nào, dù tối thiểu được đưa ra, không phải để cứu sống những người đang chiến đấu, mà bởi một loại phản xạ tàn ác làm tan nát nông thôn Việt Nam nay được vận dụng ở các trung tâm đô thị để “giết chết địch quân”.

Những trận đánh tiếp tục ở Sài Gòn trong 15 ngày. Mỗi chiều tối, người Mỹ nhìn vào vô tuyến truyền hình màu thấy hình ảnh đất nước họ cho là được cứu giúp này đang cháy và tung lên từng mảng. “Tuy thiếu số liệu thống kê cụ thể về đợt tấn công dịp Tết trong toàn đất nước, phát ngôn chính thức của Quân lực Cộng hòa tuyên bố, có khoảng 14.300 đan thường chết, 24.000 bị thương và 627.000 người không còn nhà ở”. Riêng Sài Gòn và vùng ngoại ô, khoảng 6.300 dân thường chết, 11.000 bị thương, 206.000 mất nhà cửa và 198.000 ngôi nhà bị phá hủy. Cảnh tượng ấy tăng cường sự chống đối chiến tranh, trở thành mối lo lắng hàng đầu về tinh thần , ngoài sinh viên, trí thức, mở rộng ra tầng lớp trung lưu dù không có con đến tuổi bị gọi đi lính. Lô gíc của hành vi điên rồ tóm tắt trong lời giải thích của một chỉ huy Mỹ với một nhà báo trước những đống gạch và tro : “Cần thiết phải phá hủy thành phố để cứu lấy nó”.

Westmoreland đóng vai trò của ông trong đó nhưng vẫn luôn làm như là việc làm của địch. Sáng ngày 31, ông đến Đại sứ quán, kiểm tra thiệt hại và tổ chức một cuộc họp báo giữa những xác chết Việt cộng và quân cảnh. Ông thông báo việc tập kích này và toàn bộ cuộc tấn công chỉ là một đòn đánh lạc hướng cuộc tấn công chính vào Khe Sanh và dọc vùng phi quân sự. Con người nghĩ đã bố trí một cạm bẫy không thể hiểu được chính mình đang mắc bẫy. Ông tiếp tục đưa

lính Mỹ lên phía bắc đến một nửa các tiểu đoàn chiến đấu trong Quân đoàn 1. Ông cho đặt một chiếc giường xếp giữa trung tâm hành quân ở Lầu Năm Góc Viễn Đông của mình để ngày đêm theo dõi những gì xảy ra ở Khe Sanh. Trưởng ban tham mưu của ông lo ông thiếu ngủ đến nỗi đề nghị Katherina, vợ Westmoreland từ Phillipines sang để vị tướng có thể qua mấy đêm trên giường ở tư dinh.

Trong lúc những người cộng sản làm viên tổng chỉ huy mê mẩn về Khe Sanh, họ kéo dài cuộc chiến để đánh lấy Huế, bí mật lấy một trung đoàn ở mỗi trong hai sư đoàn bao vây trận địa heo hút di chuyển qua núi rừng đến tăng cường cho các đội quân tấn công kinh thành cũ. Khác với Sài Gòn, Huế là một thành phố nhỏ, khoảng 140.000 dân trong năm 1968. Giải pháp ít tốn kém nhất đối với một đô thị có ý nghĩa lịch sử và chính trị như vậy là chuyển ngay sang tấn công, đuổi các đội quân Bắc Việt trước khi họ củng cố được vị trí. Westmoreland có đủ lực lượng làm việc đó với hai lữ đoàn Kỵ binh bay đóng cách Huế vài chục cây số về phía bắc nhưng ông sợ sử dụng vì nghĩ cần đến họ để giải phóng Khe Sanh. Vậy là , ông để trận địa cho quân đội Nam Việt Nam và hai tiểu đoàn lính thủy đánh bộ.

Phải mất 25 ngày lá cờ Việt cộng mới rút đi và cờ vạch đỏ, vàng của chế độ Sài Gòn lại bay trên cửa Ngọ Môn. Cung điện các nhà vua và những công trình khác bị hư hỏng nghiêm trọng. Nhà ở bị tàn phá hoặc trúng bom đạn nặng nề đến nỗi 90.000 người dân Huế không có chỗ ở trong thành phố của mình. Việt cộng địa phương nhân dịp chiếm đóng thanh toán những món nợ của mình. Viên chức các cấp, cảnh sát và những ai thân với chế độ đều bị bắt giữ và trừ diệt.

Cuối tháng Ba năm 1968, Hoa Kỳ cảm thấy bị tác động vì sự kiện Tết. Thượng nghị sĩ Eugene McCarthy suýt đánh bại Lyndon Johnson ở vòng bầu cử sơ bộ của New Hampshire trong khi đợi sự chỉ định ứng cử viên tổng thống của đảng Dân chủ, điều chưa hề xảy ra với một tổng thống sắp ra đi. Robert Kennedy bèn nhảy ra tuyên bố cũng ứng cử tổng thống. Đối với ông không phải là chủ nghĩa cơ hội vì ông thực sự căm ghét chiến tranh . Với tính chất quần chúng và bóng ma ông anh được kính trọng giúp đỡ, hình như ông sẽ chắc chắn chiếm được sự chống đối hòa bình của McCarthy để đưa lại cho Johnson sự nhục nhã cuối cùng.

Westmoreland cũng hủy hoại mình khi để cho Wheeler cố buộc tổng thống huy động quân dự bị để có 206.756 người bổ sung . Đại sứ Bunker đã mất ảo tưởng về Westmoreland và giận dữ để bị lừa gạt vì một thất bại thảm hại như dịp Tết, tích cực khuyên ông không nên xin lực lượng tăng cường. Ông giải thích bây giờ về mặt chính trị tổng thống không thể kêu gọi quân dự bị cho dù

Johnson muốn. Bunker chưa nắm được mức độ rộng rãi của chiến thắng tâm lý những người cộng sản Việt Nam giành được ở Hoa Kỳ nhưng ông cảm thấy đợt tấn công của họ đã bẻ gãy ý chí của chính quyền cũng như của công dân Mỹ. Ông chắc chắn những gì Westmoreland hoặc bản thân ông nói sẽ không còn đáng tin ở Washington nữa. Dean Rusk bình thường là người kín đáo nhất, không ngớt gọi điện thoại hỏi ông. Westmoreland không nghe theo lời khuyên của đại sứ. Ngày 22 tháng Ba, tổng thống đột ngột thông báo Westmoreland trở về Hoa Kỳ làm Tổng tham mưu trưởng quân đội. Bunker sau này bình luận với nụ cười kiểu cách "Westy đã quay về với việc thăng tiến".

Đại sứ đã không nhầm khi nhận xét chính quyền. Sau khi bổ nhiệm McNamara vào Ngân hàng thế giới, tổng thống đã nói "Người duy nhất tôi không phải bận tâm trong cuộc chiến tranh này là Dean Rusk. Ông ấy cứng rắn như trái thông ở Georgia". Nhưng trái thông Georgia đã vỡ. Từ đầu tháng Ba, bộ trưởng Bộ Ngoại giao cho chuyển đến những quan chức cấp cao của chính quyền một để nghị làm McNamara bị đưa ra khỏi chức vụ : chấm dứt hẳn việc ném bom miền Bắc Việt Nam trừ hành lang thâm nhập phía nam vĩ tuyến 19, nhằm dễ dàng mở cuộc thương lượng. Rusk không cho rằng Hà Nội trả lời thuận lợi, ít nhất là không đáp ứng ngay. Do không biết rõ người Việt Nam , ông không hiểu tầm quan trọng bài diễn văn của bộ trưởng Bộ ngoại giao miền Bắc, ông Nguyễn Duy Trinh, phổ biến cẩn thận trước cuộc tấn công dịp Tết. Trước kia, các nhà lãnh đạo Hà Nội nói họ "có thể" thương lượng với Hoa Kỳ nếu ngừng ném bom. Nhưng cuối tháng Chạp năm 1967, công thức của ông Trinh trở thành chính phủ "sẽ có những cuộc nói chuyện" trong trường hợp chấm dứt ném bom không điều kiện. Đấy chính là điều Rusk mong muốn. Clark Clifford ,một nhân vật thuộc phe diều hâu hiếu chiến tích cực, vỡ mộng vì dịp Tết và với trách nhiệm bộ trưởng Quốc phòng mới, chấp nhận lời đề nghị. Ngoài ra, tuy tổng thống không ra mặt nhưng cũng phải được phép của ông, Rusk mới cho chuyển lời đề nghị của mình. Cũng có cái gì đó đã tan vỡ ở Lyndon Johnson.

Những nhà "thông thái" giúp ông quyết định. Johnson họp các cố vấn của mình lần thứ hai ngày 26 tháng Ba năm 1968 tại Nhà Trắng. Hôm trước đó, họ được triệu tập đến Bộ Ngoại giao để chuẩn bị hội nghị này. Những gì họ nghe nói ở đây rất khác với những gì đã nói trong tháng Mười một. Phần lớn những người có mặt cũng đã thay đổi. Tờ trình do McGeorge Bundy giải thích như sau "Lần trước họp chúng ta có những lý do để hy vọng". Cyrus Vance mới vào trong nhóm nhưng đã làm việc với Johnson từ hồi ông là nghị sĩ, đưa ra một lời cảnh báo "Ít nhất chúng ta phải nhanh chóng làm một điều gì đó, nếu không dư luận công chúng trong nước buộc chúng ta phải giải thể các nhóm".

Một trong những mỉa mai lạ lùng của cuộc chiến tranh là lại chính Dean Rusk tuyên bố chấm dứt cuộc phiêu lưu ông có trách nhiệm mở đầu. Ông phát biểu với tổng thống :

“Trong thời gian còn lại, chúng ta không còn biện pháp thực hiện nhiệm vụ chúng ta đã nhận lấy và phải bắt đầu thoát ra thôi”.

Chánh án Tòa án tối cao, Abe Fortas trong nhóm thiểu số hiếu chiến, cố nói ngược lại. Acheson ngăn ông ta :

“Vấn đề không phải như Fortas đặt ra. Cần biết là chúng ta có thành công trong việc làm ở Việt Nam được không. Tôi nghĩ không được .. Chúng ta có giữ được những người Bắc Việt Nam ở ngoài miền Nam bằng quân sự không ? Tôi nghĩ không được. Họ có thể len lỏi khắp nơi không ngừng săn lùng những người Sài Gòn và đè bẹp những người này”.

Năm ngày sau, 31 tháng Ba năm 1968, tổng thống Lyndon Johnson thông báo trong toàn quốc trên một buổi truyền hình về việc ngừng ném bom miền Bắc từng phần và từ bỏ chức vụ tổng thống để giữ gìn sự thống nhất của nước Mỹ.

Ba ngày sau, mồng 3 tháng Tư năm 1968, những người Việt Nam lại một lần nữa gây ngạc nhiên cho tổng thống và bộ trưởng Ngoại giao của ông. Đài Hà Nội thông báo họ sẽ thương lượng với Mỹ.

John Vann không thể chấp nhận cuộc chiến tranh kết thúc. Anh không cho rằng sự kiện Tết đã viết trang cuối cùng của chiến tranh . Và thái độ của anh trong những năm tới cần điều chỉnh.

Sự kiện Tết cung cấp cho anh những lý do có giá trị để tiếp tục. Chiến thắng chính trị và tâm lý của những người cộng sản phải trả giá bằng sự tiêu diệt của Việt cộng . Trừ phía bắc Quân đoàn 1 và một số vùng cao nguyên, chính Việt cộng miền Nam đã chiến đấu trong dịp Tết vì họ có thể cơ động hơn trong các thành phố. Hàng chục nghìn người chết trong đợt tấn công đầu, rồi đợt thứ hai Hà Nội tung ra ở các trung tâm đô thị trong tháng Năm để giữ sức ép đối với chính quyền Johnson. Đội quân nông dân miền Nam ấy mà những người Việt Minh sống sót vực dậy trong mùa đông khủng bố của Diệm, trở thành những trung đoàn, sư đoàn sau trận đánh ấp Bắc, cũng bị rách nát như đất nước mà họ sẽ giành được nếu người Mỹ không cướp mất chiến thắng năm 1965 của họ. Cuối tháng Sáu năm 1968, Vann đánh giá các lực lượng cộng sản Việt cộng trong vùng Quân đoàn 3 có hơn 20.000 người chết.

Việc bổ sung hoàn chỉnh quân số hầu như toàn bộ bằng người Bắc Việt . Chính phủ Việt cộng bí mật không bù đắp lại tổn thất nhanh đến thế và phong

trào du kích ngày càng giảm sút tinh thần. Những chiến sĩ Việt cộng không biết được sự hy sinh của họ đã bẻ gãy ý chí của Hoa Kỳ đến mức nào. Họ chỉ thấy cái chết của các bạn trong nhiệm vụ quân sự đến tháng Năm trở nên ảo tưởng.

Nếu đợt tấn công dịp Tết nhấn chìm tiếng tăm của những người như Komer và Westmoreland , thực tế bị quan mà Vann thấy đấy là xác đáng. Sự đáng tin lớn lên trong chính quyền và các nhà báo. Một người bạn gửi cho anh một nhận xét ví dụ trong bầu không khí cấp cao ở Lầu Năm Góc và bộ Ngoại giao "Không có điều gì John đã nói tỏ ra quá đáng". Sự kiện Tết đưa Vann trở lại đắm chìm trong trạng thái của mình. Một hôm, anh nói với Ellsberg điều mà anh vẫn nói đi nói lại về sự yếu kém của Quân lực Cộng hòa và chế độ Sài Gòn "bởi vì mọi người khác đều khoan khoái thỏa mãn. Nếu họ chán nản, tôi đã nói với họ. Nào, nào, có hy vọng đấy, chúng ta có thể làm như thế này". Anh nhục nhã vì sức mạnh hỏa lực Mỹ trút không giới hạn xuống các đô thị và thành phố. Ngược lại , bây giờ lính Quân lực Cộng hòa và Quân đội Hoa Kỳ cầm súng bắn nhanh, mạo hiểm đi đêm trên đường phố và đạn của bộ binh ở bất cứ trại nào càng làm cho Vann chìm sâu vào công việc của mình. Anh chạy khắp khu vực khuyến khích các đội CORDS của anh, tổ chức lại và chuẩn bị cho họ đánh trả từng cú. Tuần thứ ba của tháng Hai, anh gửi chỉ thị cho tất cả các đội.

"Bây giờ đã đến lúc, nói thẳng ra là phân biệt rõ người lớn và trẻ con. Tôi thường thất vọng thấy những cố vấn than khóc về mình và vặn tay vặn chân trong suy tư … Hãy đưa những người đồng cấp của các anh và người của họ ra khỏi hàng rào dây thép gai, họ phải năng nổ và tấn công ngày đêm. Kẻ địch chưa bao giờ dễ bị đánh bại như bây giờ".

Komer không giữ một căm hận nào đối với Vann. Ông khá độ lượng để ca tụng một người khác dù thiệt hại cho ông. Tháng Tư, ông đề nghị ban lãnh đạo AID ở Washington bổ nhiệm Vann vào cấp bậc cao nhất trong công vụ ở nước ngoài, điều ấy được đồng ý ngay. Komer cũng không sẵn sàng từ bỏ chiến tranh và cũng đánh giá việc tiêu diệt Việt cộng sẽ cho phép một cuộc nổi dậy. Thái độ ngập ngừng của ông chấp nhận hậu quả lô gíc của sự kiện Tết là triệu chứng của nhiều quan chức cấp cao trong cơ cấu quyền lực ở Hoa Kỳ . Họ đã già cỗi trong một hệ thống hầu như luôn luôn giải quyết các vấn đề quốc tế theo cách nhìn của họ và khó chấp nhận lần này họ không đạt kết quả. Ý nghĩ về tất cả những gì họ đã đầu tư vào cuộc chiến tranh này càng kích thích họ chống lại. Khi cú choáng sự kiện Tết lu mờ, họ tìm những giải pháp khác.

Đối với Vann, những tổn thất nặng của du kích tạo bước ngoặt dẫn đến chiến thắng của Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn . Anh nhanh chóng xác định quân đội Bắc Việt không thể đảm đương gánh nặng Việt cộng đã cáng đáng và đơn độc

giành chiến thắng. Anh cho rằng sự đe dọa lâu dài đối với chế độ Sài Gòn là ở Việt cộng và các hoạt động chính trị, quân sự của họ. Quân đội Bắc Việt chỉ là một lực lượng vật chất có thể bị khống chế. Phong trào du kích bây giờ yếu đến mức bản thân anh cũng có thể ngăn cản dễ hơn.

Tổn thất của Việt cộng gây ấn tượng nhất cho Vann không phải vì số lượng người vì với thời gian người ta có thể thay thế những binh lính thường nhưng không bù đắp được các sĩ quan và hạ sĩ quan. Những người này đã có kinh nghiệm. Trước Tết, sự lẫn lộn người Việt miền Bắc miền Nam khiến họ đã hoạt động tốt vì những người miền Bắc chỉ là lính thường và việc chỉ huy do người miền Nam đảm nhận. Mà phần lớn bọn họ đã chết trong dịp Tết và đợt tấn công tháng Năm. Thay thế họ là những người đến từ miền Bắc. Đến cuối tháng Sáu, họ chiếm 70% số sĩ quan và hạ sĩ quan các tiểu đoàn trong vùng Quân đoàn 3. Đấy là những quân nhân quá chính quy không phù hợp với cách đánh du kích và không chủ động trong quan hệ chính trị cần thiết với tầng lớp nông dân miền nam, Vann kết luận như vậy. Những sự khác biệt từng vùng không thể khắc phục được. Anh viết thư cho Bob York “Thực ra, những người Bắc Việt cũng là người xứ lạ trong xứ này như chúng tôi những người Mỹ và họ được sự ủng hộ, giúp đỡ của dân chúng chỉ vì sợ”.

Với định đề ấy, Vann xây dựng một kế hoạch mới để chiến thắng trong cuộc chiến tranh này. Anh khuyến cáo “làm dịu dư luận công chúng Mỹ” bằng cách “giảm từng bước” các lực lượng Hoa Kỳ, chuyển dần cho Quân lực Cộng hòa trách nhiệm chiến đấu với quân đội Bắc Việt và Việt cộng còn lại. Tháng Năm năm 1968 có 536.000 người Mỹ ở Việt Nam ; con số này trong một năm lên đến 553.000 vì việc tăng tượng trưng Johnson đã hứa trong lời tuyên bố ngày 31 tháng Ba để yên lòng các tướng lĩnh. Vann đánh giá có thể nhanh chóng thực hiện một cuộc rút quân quan trọng bằng cách áp dụng cuộc sống khắc khổ hơn và xóa bỏ một số lớn căn cứ như “việc đặt tổng hành dinh kế tiếp nhau không tưởng tượng được và việc nảy nở vô số đơn vị hoạt động về đời sống” mà Westmoreland cố giữ. “Tôi cho rằng hoàn toàn có thể giảm cam kết của chúng ta ở đây xuống 200.000 người vào giữa năm 1971”, trong tháng Tư năm 1968 anh viết cho Edward Kennedy, một trong những nhân vật chính trị đầu tiên anh cố bán kế hoạch của mình vì anh bất bình về những lời tuyên bố của Robert Kennedy.

Cuộc tấn công dịp Tết cũng làm cho kế hoạch của anh dễ thực hiện hơn. Vann tự khẳng định với mình như thế, vì cú đánh choáng váng này làm lay chuyển một số thành viên chính quyền Sài Gòn , họ không thể tiếp tục dung túng sự tha hóa đến thế và sự bất tài của chế độ. Những người cộng sản không muốn nhưng

đã tạo ra một không khí làm sức ép Mỹ cuối cùng có tác dụng. Việc giảm từng bước quân số Mỹ "tạo kích thích cần thiết cho chính quyền miền Nam Việt Nam" để nghiêm chỉnh tiến lên theo hướng ấy, anh viết cho Kennedy như vậy.

John Vann không muốn rút hết nhân viên quân sự Mỹ. Anh muốn giữ lại một lực lượng còn lại khoảng 100.000 người, chủ yếu là các cố vấn, nhân viên kỹ thuật và những đơn vị máy bay, trực thăng hỗ trợ cho các đội quân Sài Gòn. Qiân đội Nam Việt Nam cuối cùng nhận được súng M-16 số lượng nhiều và sắp tới các Lực lượng địa phương ở các vùng cũng nhận được như thế. Vann đánh giá một Quân lực Cộng hòa trang bị vũ khí tốt hơn, được lãnh đạo tốt hơn với sự hỗ trợ của những B-52 và máy bay tiêm kích ném bom của lực lượng Không quân, Hải quân, sẽ kiểm soát được quân đội Bắc Việt .

Anh không thuyết phục được Dan Ellsberg . Họ có những buổi tranh cãi lâu về cuộc tấn công dịp Tết và những kế hoạch của Vann. Trong tháng Bảy, John về Hoa Kỳ ba tuần lễ dưỡng bệnh. Lee tìm thấy anh bất tỉnh trên một vũng máu trong phòng tắm ở Biên Hòa đếm 30 tháng Năm. Được trực thăng chuyển đến bệnh viện, anh được phẫu thuật một vết rách ở cuống họng sau khi mất bảy lít máu.

Cuộc tấn công Tết đối với Ellsberg là một lý do để thất vọng chứ không thể cố hy vọng. Cú sốc đã đưa anh kiểm tra lại toàn bộ cuộc chiến tranh, một quá trình trí tuệ phức tạp vì những cảm xúc rối rắm anh được biết ở Việt Nam . Anh bắt đầu một cuộc phân tích tâm lý, cố gắng vượt qua sự tắc nghẽn của nhà văn cản trở rất lớn đến công việc của anh ở Công ty Rand và thoải mái chạy theo gái theo kiểu thịnh hành thời kỳ ấy ở California. Một chuyên gia Úc về công tác bình định làm việc ở Việt Nam trở về Rand trong tháng Năm. Ông ta nói về những "thời cơ thuận lợi "mà sự yếu đi của Việt cộng đưa lại cho Hoa Kỳ và chế độ Sài Gòn . Ellsberg viết cho Vann "Ngày nay thái độ của tôi là Việt cộng có lý do để đặt cược rằng chính quyền Nam Việt Nam và Hoa Kỳ bỏ qua những thời cơ thuận lợi ấy và những kẻ cuồng tín như anh, như tôi (trong quá khứ) và bè bạn chúng ta luôn luôn sai lầm khi hình dung khác đi".

Vann thấy đó là điềm báo trước thuận lợi để những nhân vật xuất chúng của Washington chú trọng đến những đề nghị của anh. Ngay khi về nhà Mary Jane ở Littleton vào tháng Bảy, anh gọi điện thoại cho Harry McPherson, một trong những người hợp tác trực tiếp với tổng thống Johnson. Họ đã gặp nhau ở Việt Nam năm 1967 và McPherson có ấn tượng về tính lạc quan của Vann đến mức viết một báo cáo về cuộc nói hcuyện của ông gửi cho tổng thống.

Sau bài diễn văn ngày 31 tháng Ba, Lyndon Johnson cảm thấy tê liệt, tắc

nghẽn vì sự kháng cự đã tác động đến Komer và bao nhiêu người khác. Ông tìm cách cứu vớt ở Paris, nơi Harriman và Vance bắt đầu thương lượng với những người Bắc Việt, điều mà viên tướng của ông đã làm mất đi ở Sài Gòn . Ông để cho Westmoreland tạm thời không có quyền lực kéo dài ở Việt Nam trong lúc tổng chỉ huy mới Creighton Abrams giữa tháng Sáu mới chính thức nhận nhiệm vụ. Johnson muốn thoả thuận việc rút quân lần lượt lực lượng Bắc Việt và Mỹ, xác định đấy là một sự thỏa hiệp có giá trị. Nhưng nếu những người cộng sản sẵn sàng bàn cãi về những điều kiện để người Mỹ ra đi, họ không hề quan tâm đến việc rút quân lần lượt. Họ bình thản ngồi lại mặc cả, họ dự kiến cho đến khi quá trình chiến tranh và sự căm ghét trong dư luận Mũ tăng lên đặt lối thoát cuối cùng cho chiến tranh . Cuối tháng Mười, họ thương lượng miệng, có những lời hứa mơ hồ về giảm bớt căng thẳng dọc vùng phi quân sự, xung quanh Sài Gòn và những thành phố chính, đổi lấy việc ngừng ném bom trên toàn miền Bắc và chấp nhận đại diện Mặt trận giải phóng dân tộc ngồi vào bàn hội nghị Paris.

Việc nhân nhượng ấy của Hoa Kỳ đã đặt ngang bằng chế độ Sài Gòn với Việt cộng . Trong lúc quanh bàn đàm phán Paris kéo dài điệu nhảy về các ghế trong hội nghị, 14.589 người chết ở các mặt trận trong năm 1968, hơn năm trước một nửa. Tuy Lyndon Johnson không quan tâm đến việc rút quân đội MỸ trước khi kết thúc nhiệm kỳ tổng thống vốn không phù hợp với chiến lược thương lượng của ông, ông đang cần có những khích lệ, thì tháng Bảy nhận được báo cáo ghi nhạn của McPherson về cuộc nói chuyện với Vann. Ông sung sướng thấy có người nói thời gian có lợi cho Hoa Kỳ và chế độ Sài Gòn . Ông đọc bản báo cáo về điều Vann đã nói trong một cuộc họp ở văn phòng ông. Vann phấn khởi về vinh dự đó.

Tuy thế, anh suýt bị đuổi khỏi Việt Nam cũng thời gian ấy. Phóng viên Peter Arnett, một buổi chiều vào văn phòng Biên Hòa sau khi Vann trở về một tháng. Anh ta viết một bài về bản chất ngẫu nhiên của sự rút quân sắp tới của quân đội Mỹ - Vann đã quen biết Arnett sáu năm nay, thành thực giải thích vị trí của anh, cho phép nhà báo nêu tên anh trong những nhận xét lạc quan, ví như những hậu quả của đợt tấn công dịp Tết đối với Việt cộng . Anh cho rằng như thường lệ, Arnett sẽ bảo vệ anh trên phần còn lại bằng nói chung chung hoặc dấu tên. Lần này, Arnett không theo qui định và không thông báo với Vann. Hình ảnh anh đưa ra đối với bộ máy chiến tranh Mỹ thật cay độc và nhạo báng. Trong những lời kể trực tiếp, đặc biệt có đoạn Vann giải thích sẽ không khó khăn gì khi rút về nước 100.000 quân lính đầu tiên.

“100.000 người Mỹ đầu tiên không đáng giá gì cả. Đấy là những người cạo giấy, giặt là, thợ nề đang xây dựng các câu lạc bộ sĩ quan khắp cả nước. Tất cả

những người làm bên ngoài ấy góp phần làm phình to bộ máy nhân viên vô dụng".

Hội báo chí cho in bài báo vào cuối tuần đầu tháng Chín. Komer được báo tin bằng điện thoại lúc bảy giờ sáng, ông còn ở nhà. Ông gọi ngay Vann :

"Đồ ngu, ông kêu lên. Anh đi đứt rồi".

Vann biết vì sao ông nổi giận, người ta đã báo trước với anh.

- Bob, ông để tôi giải thích đã.

- Không cần nói tôi việc gì đã xảy ra. Tôi để thì giờ nói với anh câm miệng lại.

Vann nài nỉ. Komer chưa bao giờ thấy anh ngượng ngùng như vậy.

"Hãy nghe tôi nói, Bob .."

Komer để anh nói, lại chửi rủa anh và bỏ máy.

Chính xác tám giờ rưỡi, vị tướng tổng chỉ huy Creighton Abrams ngồi vào bàn giấy ở tổng hành dinh Sài Gòn dùng điện thoại nội bộ gọi Komer.

"Bob, tôi muốn gặp ông ngay".

Abrams là một sĩ quan thiết giáp, sau Patton là người hung dữ nhất quân Đức gặp phải trong Quân đoàn 3 và tính tình của ông là hình ảnh những cỗ máy đáng sợ mà ông tôn thờ. Ông cho rằng không một nhà báo nào có quyền nêu tên John Vann mà không được ông cho phép và bài báo ấy là một lặng nhục cá nhân.

"Ông đã đọc …" ông bắt đầu khi Komer bước vào và đóng cửa lại. Komer ngắt lời ông để cố chủ động tình thế.

- Tôi đã đọc và thật không tha thứ được. Tôi đã gọi Vann, quát mắng anh ta và dọa có hình phạt.

- Tôi bất kể ông đã dọa anh ta. Tôi không chịu đựng được điều đó.

Abrams nghẹn lời, đôi mắt long lên.Trong cơn giận, giọng nói thé lên đến mức ông ngạt thở.

"Không phải vì Vann chỉ trích quân đội. Không phải vì anh ta chỉ trích chính cá nhân tôi. Tôi chẳng làm gì trong việc thối tha đó. Điều tôi không thể chấp nhận là tay ngu ngốc ấy trích dẫn thẳng, trong ngoặc kép".

Komer im lặng, cho là trong giai đoạn này cố gắng giải thích chẳng để làm gì. Khi đã tuôn ra đủ, Abrams giáng xuống bản án :

- Tôi muốn con người ấy bị tống ra khỏi cửa.
- Nào, Abe, chúng ta không thể làm điều ấy.
- Cứ đuổi hắn ra khỏi cửa. Đấy là mệnh lệnh !

Ông đỏ mặt đến mức Komer sợ ông tấn công.

“Abe,ông nghe cho. Anh ta làm điều ngu ngốc. Đây không phải lần đầu và tôi chắc chắn không phải là lần cuối cùng. Anh ta thiên về loại sự cố như vậy với báo chí, và điều đó đã lâu, từ trận Ấp Bắc năm 1963. Người ta không thể làm gì được nữa. John Vann là người cần thiết cho tôi nhất trong bốn vùng. Thực ra nếu tôi có ba người khác cỡ ấy, chúng ta có thể rút cuộc chiến xuống một nửa. Tôi sẽ không bỏ rơi người tốt nhất của tôi đơn giản chỉ vì anh ta nói điều gì đó với nhà báo”.

Abrams nghi ngờ nhìn Komer và kêu thét lên”.

“Ông chẳng hiểu gì cả ! Tôi đã bảo ông tống anh ta ra khỏi cửa ! Và tôi nhắc lại : đây là một mệnh lệnh !”.

Chiếc xe tăng đang đi và phải có một khẩu ba dô ka lớn chặn nó lại. Komer biết Abrams sợ giới báo chí: ông ta đã thấy các nhà báo khắc nghiệt với Westmoreland sau đợt tấn công dịp Tết và bây giờ sợ họ quay lại chống ông. Cho đến nay, quan hệ ấy còn tốt đẹp vì ông vừa nắm quyền chỉ huy; ông có vẻ là một vị tướng những người khác với hình dáng lòng khòng và thô lỗ. Vả lại, ông đã hiểu bài học về những bất hạnh của Westmoreland và chỉ nói với báo chí những điều vô bổ.

“Nếu ông ra lệnh dứt khoát phải đuổi Vann, tôi sẽ làm, Komer nói. Nhưng tôi nói với ông điều gì sẽ xảy ra. Tôi không ở quá năm phút trong văn phòng tôi để nói với Vann thì mỗi nhà báo ở Sài Gòn đã điện thoại hỏi tôi vì sao Vann phải đuổi về. Và không đầy một tiếng đồng hồ, một nửa các nhà báo ở Hoa Kỳ cũng hỏi tôi như thế trên điện thoại. Và khi họ hỏi thẳng tôi “Có phải vì ông đề nghị không ?”. Tôi sẽ trả lời “Không, tôi nhận được lệnh làm việc ấy”. Họ hỏi “Lệnh của ai ?”. Tôi trả lời “Của đích thân tướng Abrams”. Họ bèn hỏi “Thế còn ông, Bob Komer, ông có đồng tình với quyết định ấy không ?” Tôi sẽ nói với họ ông đã quyết định mặc dù tôi phản kháng dữ dội. Việc đuổi John Vann sẽ trở thành một đầu đề rùm beng cho các bạn anh ta. Và Komer kể tên tất cả những phóng viên quen biết Vann, bắt đầu từ Halberstam – mà tôi không muốn trả tiền cho những chiếc bình vỡ. Tôi báo trước với ông điều ấy sẽ thành một việc đáng kể đấy. Abe, ông sẽ phải đối mặt với một cuộc chiến thứ hai, tệ hại hơn việc đánh nhau với quân đội Bắc Việt”.

Không thêm một lời, Komer quay gót đi ra, chẳng bận tâm đến những lời chửa rủa Abrams ném theo ông.

Vị tướng không bao giờ nói đến việc ấy nữa. Komer phạt Vann, không liên hệ với anh 24 tiếng đồng hồ trước khi gọi lại anh. Ông bảo có lẽ đã tránh được cho anh khỏi bị hình phạt nhưng không chắc chắn lắm. Ông muốn anh hối hận càng lâu càng tốt. Chỉ rất lâu sau này ông mới cho anh thích thú được nghe kể lại toàn bộ câu chuyện.

Khi kết quả xác minh giúp cho Vann vượt qua mối nguy, anh phát hiện ra tổng thống mới được bầu cũng cùng xu hướng như anh. Từ khi trở lại Việt Nam năm 1965, việc anh nghiêng về những nhân vật chính trị Hoa Kỳ trở nên chiết trung hơn. Anh nhắm mắt trước một thái độ anh thấy đáng chỉ trích nếu nhân vật chính trị ấy bảo vệ cuộc chiến tranh , sử dụng anh và những lập luận của anh.

Một trong những người tán thành anh nhiệt liệt nhất là Sam Yorty nào đó mà những đức tính về quan hệ quần chúng và những vị thế trong việc chống phân biệt chủng tộc giữ ông ta ở ghế thị trưởng Los Angeles trong 12 năm. Sự độ lượng của những cử tri về việc ông vắng mặt cho phép ông đi nhiều chuyến sang Đông Nam Á và những nơi khác. Trong một lần đến Việt Nam tháng Mười một năm 1965, ông và Vann gặp nhau lần đầu và từ đó họ thường gặp lại nhau. Yorty gửi một bản sao bản báo cáo của Arnett cho một trong những người bạn, nghị sĩ cộng hòa Richard Nixon; ông này gửi thư cảm ơn ông trước cuộc bầu cử 1968 mấy ngày. Khi Vann nhận được một bản sao bức thư, Richard Nixon đã trở thành tổng thống Hoa Kỳ .

Một quá trình loại bỏ đưa lại thắng lợi ấy. Robert Kennedy bị một kẻ cuồng tín A rập giết chết trong tháng Sáu ở Los Angels. Tháng Tám đại hội Đảng Dân chủ Chicago từ chối đề cử Eugene Mc Carty, thay thế bởi Hubert Humphrey , phó tổng thống của Johnson. Sự ngờ vực chung đối với Nixon làm ông chật vật mới thắng được đối thủ yếu nhất. Ông trúng cử chính vì gây cho công chúng cảm giác ông có một kế hoạch bí mật nhằm chấm dứt chiến tranh.

Sau này, Nixon công nhận ông chẳng có một kế hoạch nào cả. Bức thư ông gửi Yorty cho Vann hiểu ông không hề có ý định kết thúc chiến tranh . Ông dự tính làm đúng như Vann muốn : tranh thủ thời gian đối với dư luận quần chúng bằng cách vừa rút quân đội về nước vừa sử dụng quân đội Sài Gòn tiếp tục cuộc tranh chấp. Sau khi nói những ý kiến của Vann “rất hay” và nêu bài báo lên với nhóm cố vấn của ông, Nixon giải thích những điểm chung theo luận thuyết của mình :

“Như các ông biết rõ, vị trí của tôi là phi Mỹ hóa cuộc chiến tranh càng nhanh

càng tốt. Chính quyền Johnson công nhận sự cần thiết ấy độc nhất như là hậu quả của cuộc tấn công dịp Tết thậm chí bây giờ có vẻ không tin tưởng người Việt Nam và khả năng họ đảm nhiệm một phần lớn hơn trong gành nặng chiến tranh".

Vann viết ngay một bức thư sáu trang rưỡi gửi Yorty nhưng theo ý đó của Nixon. Anh tả chi tiết kế hoạch xóa bỏ dần cam kết và tình nguyện tạm thời phục vụ chính quyền mới như cố vấn của chính phủ giám sát việc thực hiện chiến lược ấy. "Những vấn đề cũ về tha hóa, gia đình trị và khinh thường những nhu cầu ở nông thôn vẫn luôn tồn tại". Vann công nhận thế tuy nói cụ thể anh đã thay đổi ý kiến về tầm quan trọng của những tệ nạn ấy. Bây giờ, những cái ấy không còn mấu chốt như trước vì đã có sự điều hòa do đợt tấn công dịp Tết. Với xu hướng nổi bật tự đề cao mình, anh kèm theo một bản sao báo cáo của McPherson gửi Johnson, không quên ghi chú "đã được tổng thống đọc trước một cuộc họp ở văn phòng". Anh nói anh đã hiểu thật điên rồ khi đánh đổi những người lính Mỹ với những người dân "một nước châu Á đông người". Mặt khác sử dụng những người lính Việt Nam trong chiến đấu sẽ làm dịu dư luận công chúng Mỹ, vì sẽ rẻ hơn rất nhiều, Vann nói cụ thể. Phần lớn nhất trong số 33 tỷ đô la chi phí mỗi năm cho cuộc chiến tranh đổ vào các lực lượng Mỹ. "Tôi nghĩ chúng ta có thể đạt kết quả như vậy ở miền Nam Việt Nam với 5 tỷ trong năm 1975".

Yory chuyển bức thư cho tổng thống được bầu nhưng Vann không nhận được trả lời về đề nghị một vị trí cố vấn trong chính phủ Nixon. Năng lực phong phú và việc theo đuổi ngôi sao cấp tướng đôi khi dẫn anh đến tưởng tượng quá đáng và anh thấy mình đã ở Washington. Thậm chí anh mơ có ngày sẽ được khen thưởng vì việc phục vụ ở Việt Nam với chức vụ tổng chỉ huy quân đội và như vậy trả được món nợ với thể chế anh nghĩ đã loại bỏ mình. Dù không đạt được chức vụ mong muốn, Vann cũng đã góp phần vào hoạch định chiến lược của Nixon nhờ bức thư của anh, bài báo của Arnett và nhờ Henry Kissinger, được bổ nhiệm làm trợ lý đặc biệt của tổng thống về an ninh quốc gia mà đối với ông ta những ý kiến của Vann đã quen thuộc từ khi Vann được đề nghị tham gia chiến dịch bầu cử tổng thống của Nelson Rockefeller, nhân danh là chuyên gia về Việt Nam . Nhưng đại hội toàn quốc Đảng Cộng hòa đã chọn Nixon tahy vì Rockefeller ứng cử tổng thống. Nhân dịp ấy, Kissinger đã chuyển những bản sao thư của Vann cho Edward Kennedy và những chính khách khác.

Chiến lược của Nixon được đặt một cái tên khác hơi hấp dẫn hơn từ "phi Mỹ hóa" dùng trong bức thư Vann gửi Yory và trở thành "Việt Nam hóa" . Kissinger đưa lại cho Vann một vinh dự không cân đối về tầm quan trọng đóng góp của

anh khi nói “Đấy là đường lối của anh”. Dù anh không được mời về Washington, trong lúc này Vann rất thỏa mãn. Anh tưởng cuối cùng đã tìm được một cách để thắng cuộc chiến tranh này, đưa anh lên ngang hàng với những người có quyền lực làm chủ được thắng lợi và các bảng thăng tiến.

Anh trở thành hòn đá thử vàng của tinh thần lạc quan và tiến bộ cho tất cả những thành viên về một đường lối khác. Tháng Mười một năm 1968 khi đi nhậm chức đại sứ Thổ Nhĩ Kỳ, Komer ủy thác Van cho người kế nhiệm William Colby. Ông này đã rời ban tham mưu CIA trở lại Sài Gòn ngay sau đợt tấn công dịp Tết theo đề nghị của Komer làm phó và cũng kính trọng Vann như thủ trưởng của mình. Có vẻ CORDS đạt được kết quả trong công cuộc bình định ở Nam Việt Nam . Dưới sức ép của Johnson, chế độ Sài Gòn đã ra một đạo luật mới tổng động viên hạ thấp tuổi tòng quân. Vì vậy, có thêm 200.000 thanh niên Việt Nam làm đông thêm hàng ngũ Quân lực Cộng hòa, nhất là các lực lượng vùng cho công cuộc bình định.

Komer và Colby, được Vann khuyến khích, thuyết phục tổng thống Thiệu dựa vào quyền lực, bảo vệ một chương trình đặc biệt nhằm loại bỏ cán bộ của chính phủ Việt cộng bí mật. Người ta chọn đặt tên là “Phượng Hoàng”, một loại chim huyền thoại có thể bay khắp nơi. Tất cả những cơ quan tình báo và cảnh sát Sài Gòn phải tập trung thông tin để làm hồ sơ và sổ đen xác định rõ hơn những cán bộ ấy. Các toán ám sát của CIA, được gọi một cách trong trắng “Những đơn vị nhận diện ở tỉnh”, ra tay hành động, thường được những Lực lượng vùng giúp sức. Về nguyên tắc, những cán bộ Việt cộng không bị giết mà bị bắt vì một người tù khai ra có thể nêu tên những người khác. Thực tế, các đơn vị nhận diện bắn trước đã, sợ gặp sự kháng cự trong những vùng đáng ngờ. Những người bị bắt nói chung do có tố giác, bị bắt khi cảnh sát đi kiểm tra hoặc trong chiến đấu và sau được xác định là cán bộ Việt cộng . Nếu họ không muốn mạo hiểm bị chết hoặc tù đày, họ vẫn có thể bỏ trốn. Komer ấn định một tỷ lệ cho toàn miền Nam. Ông muốn mỗi tháng “vô hiệu hóa” được 3.000 cán bộ bí mật.

Đợt tấn công dịp Tết làm suy yếu đáng kể lực lượng vũ trang du kích bảo vệ cán bộ và đấu tranh với Sài Gòn để kiểm soát các làng. Vann xác định việc đó trong những tháng cuối năm 1968 khi anh ở Quân đoàn 3 và di chuyển sang Quân đoàn 4 tháng Hai năm 1969 làm trưởng phái đoàn bình định vùng đồng bằng sông Mekong . Anh chống lại việc thuyên chuyển ấy nhưng Komer kiên quyết. Ông cho rằng đội công tác CORDS Vann xây dựng ở Quân đoàn 3 đã khá năng động để bây giờ giao được cho một người khác. Và vùng đồng bằng quan trọng vì từ đây Việt cộng vẫn luôn rút nguồn chủ yếu về người và tiền bạc. Vann để việc ấy kéo dài nhưng cuối cùng phải nhượng bộ vì sức ép của Colby.

Anh phát hiện thấy, trong vùng đồng bằng, phần lớn trong 2.100 ấp được xem so với 2.000 do Sài Gòn kiểm soát, thực ra chỉ do khoảng nửa tá Việt cộng nắm giữ. Những đơn vị địch trước đây cảnh giới để trừng phạt lực lượng Sài Gòn đột nhập, bây giờ gồm nhiều anh hùng đã chết hơn các chiến sĩ còn sống. Những quân lính Nam Việt Nam cũng cảm thấy có sự thay đỏi, bầu không khí ngược lại với những ngày hoảng sợ và dọa nạt của năm 1965 khi đặc công Việt cộng thâm nhập vào các thành phố đuổi những người đại diện chính quyền Sài Gòn hàng giờ trên những mái nhà và đường đi. Bây giờ các tỉnh trưởng, quận trưởng sẵn sàng tấn công quân địch khi bị những người Mỹ như Vann thúc đẩy. Việc tuyển mộ có phương pháp các lực lượng vùng để xây dựng đồn phòng thủ và bố trí các nhóm chính quyền ở làng cho phép Vann nhanh chóng vào được các khu vực ở đồng bằng trước đây không có một người của Sài Gòn từ thời Diệm.

Các quan chức của chế độ thấy vàng lấp lánh trên đôi cánh Phượng hoàng nhờ tống tiền người vô tội và buộc những người đáng bị bắt đút lót để được tự do. Để nhanh chóng đạt mức ấn đinh, họ nâng những người nổi dậy bị chết trong phục kích lên chức trưởng ấp hoặc xã trưởng. Nhưng “Phượng Hoàng” cũng không kém là một dịp săn mồi. Sau bao nhiêu năm chiến tranh , phần lớn cán bộ Việt cộng được chòm xóm biết rõ. CIA tích cự nhúng tay vào. Hàng nhiều nghìn người bị giết hoặc biến mất trong các nhà tù Sài Gòn . Năm 1971, Colby thống kê trong toàn miền Nam Việt Nam : 28.000 người bị cầm tù, 20.000 bị giết và 17.000 bỏ hàng ngũ.

Việt cộng dĩ nhiên không biến mất, những trận đánh nhau không dừng lại nhưng quân du kích buộc có một đợt nghỉ tương đối. Họ vẫn giữ được một số pháo đài phía nam sông Cửu Long trong bán đảo Cà Mau và một số căn cứ nhỏ hơn ở phía bắc vùng đồng bằng. Vì thế Hà Nội phải cho thâm nhập vào đấy bốn trung đoàn quân Bắc Việt . Phần đông cán bộ Việt cộng sống sót phải ẩn nấp ở vùng sình lầy và rừng núi hoặc giả danh là viên chức Sài Gòn . Nhiều khu vực rộng lớn lần đầu tiên được yên tĩnh , chỉ thỉnh thoảng mới có tiếng súng. Cầu cống được tu sửa, đường sá kênh rạch từ lâu bị cấm đã mở lại thông thương. Nông dân bám trụ hoặc trở về đất đai của mình sinh sống bình thường. Vô tuyến truyền hình là một trong những món quà của nền công nghiệp Mỹ mà những người mang theo truyền bà những chương trình Mỹ cho quân đội, tạo nên một hệ thống phát tin cho việc tuyên truyền chế độ. Từ trên trực thăng, Vann nhận thấy những giàn ăng ten dựng trên các mái nhà.

Anh kết bạn với những người trước đây chưa từng. Một trong bọn họ, Joseph Alsop, một nhà xã luận nổi tiếng, mùa thu năm 1969 viết thư cho anh “Anh và tôi … những người bạn khó hình dung là thực”. Họ đã gặp nhau hai năm trước

đây theo yêu cầu của Alsop và với sức ép của Komer vì lúc đầu Vann từ chối. Anh cho là anh này cũng khinh thường anh như Halberstam và các nhà báo khác lúc trước đối với anh. Komer bảo anh không thể từ chối nói chuyện với Alsop và nếu anh cương quyết không gặp thì ông ra lệnh phải chấp hành. Vann xiêu lòng và Alsop thỏa mãn được sự tò mò. Trong thư gửi lời cảm ơn, Alsop sử dụng lối nói ít hiểu nhiều ông ít dùng "Tôi không chắc chúng ta nhìn tình hình Việt Nam trên cùng một góc độ". Hai năm sau hy vọng anh đặt vào Westmoreland chỉ còn là một kỷ niệm nhưng anh tiếp tục tìm bằng chứng Hoa Kỳ có thể chiến thắng. Góc nhìn của Vann đã thay đổi và đó là điều Alsop cần.

Mùa thu năm 1969, Alsop để gần một tuần lễ đi quanh vùng đồng bằng và viết nhiều bài ca ngợi cuộc phiêu lưu "trên đất của Vann. Nếu Vann thời xa xưa vô cùng bi quan về Việt Nam , bây giờ đã nói Hoa Kỳ và Sài Gòn có thể chiến thắng cuộc chiến tranh thì việc ấy phải có thực. "Ít lâu nữa, John Vann nói với tôi, tin tưởng 90% dân chúng vùng đồng bằng sẽ nằm dưới quyền kiểm soát chặt chẽ của chính phủ". John Vann là "một nhà lãnh đạo tuyệt vời, vô cùng yêu nước, thông minh và dũng cảm". Tình bạn thành thật đến từ Alsop, khi đã đưa cho ai thì thật hào phóng. Vann đáp lại , ít nhất là vẻ bề ngoài, sung sướng vì sự quảng cáo và lòng kính trọng tình bạn mang đến cho anh, vừa ý thức Joseph là "nhà báo của tổng thống".

Lòng kính trọng mở cho anh cửa vào văn phòng tổng thống. Đầu tháng Chạp năm 1969, Colby nhận được điện tín thông báo tổng thống muốn gặp John Vann lúc 11 giờ ngày 22 tháng Chạp. Lúc đó John phải có mặt ở Hoa Kỳ trong đợt đi phép Noel và đã xin hẹn gặp Henry Kissinger. Một người khác trong số bạn mới của anh, Ngài Robert Thompson, nhà chiến lược Anh về chống cách mạng, gợi ý chuyển cuộc gặp mặt lên cấp cao với trợ lý đặc biệt của tổng thống.

Quan điểm của ngài Robert về dịp may của Hoa Kỳ ở Việt Nam thay đổi theo năm tháng và tùy thuộc vào tác giả những lập luận đưa ra. Trong phân tích, ông đã nhầm về Westmoreland . Nhưng cũng như nhiều người đi vào công việc Nhà nước, khả năng chỉ trích không mở rộng theo nhận thức của mình. Richard Nixon đã nghiên cứu tất cả những tác phẩm của Thompson và đã mời ông đến Nhà Trắng. Thompson nói với tổng thống chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" có thể có những điều kiện để chiến thắng trong hai năm (Ông đã khôn ngoan hơn trong cuốn sách ông xuất bản năm 1969 khi nói từ ba đến năm năm). Nixon bèn mời ông làm cố vấn và cử ông sang Việt Nam để xác định sự phân tích của ông. Thompson cũng cần một tiêu chuẩn cơ bản để hợp thức hóa luận điểm của mình, đã chọn Vann.

Vann đi cùng ông khắp vùng đồng bằng trong ba ngày. Họ cùng nhau lắng

nghe bài phát biểu của Nixon ngày 3 tháng Mười một qua radio, nói về bước ngoặt ở Việt Nam . Tổng thống ra lệnh rút về nước 60.000 quân Mỹ để làm dịu dư luận công chúng. Lần này người ta chờ đợi ông tuyên bố một chương trình rút nhanh số còn lại và có lẽ là việc ngừng bắn. Thay vì điều đó, ông kêu gọi "phần đa số công dân im lặng của tôi" hãy kiên trì và ủng hộ ông trong khi tiếp tục cuộc chiến tranh cho đến "một hòa bình trong danh dự". Việc rút quân vẫn tiếp tục nhưng tuần tự để có thể củng cố vững chác các lực lượng Sài Gòn. Vann mừng rỡ vì như vậy có nghĩa , như anh viết thư cho một người bạn, Nixon đã quyết định "nói với những người biểu tình đòi hòa bình hãy cút đi". Được khuyến khích vì những ngày đi cùng Vann, Thompson báo cáo với Nixon mặt trận Sài Gòn đang ở "vị trí chiến thắng".

Tổng thống đang đứng cạnh bàn nhìn vườn hoa hồng qua cửa số thì Vann bước vào. Giờ hẹn gặp đã thay đổi, chuyển lại 12 giờ năm phút. Nixon quay lại, bước đến Vann được Kissinger nhiệt tình giới thiệu. Tổng thống ngồi thẳng ở bàn, dấu hiệu lịch sự bình thường đối với khách và có vẻ thành thật lắng nghe Vann nói gì. Ông đã nói trước với những người có trách nhiệm trong Đảng Cộng hòa ở đại hội mùa thu : "Tôi không có ý định là tổng thống đầu tiên của Hoa Kỳ thất bại trong một cuộc chiến tranh". Ông nói chuyện với Vann gần một tiếng đồng hồ. Sau khi nghe anh nói về công cuộc bình định trong vùng đồng bằng, ông hỏi về những thay đổi anh nhận thấy trong chiến tranh sau bao nhiêu năm và tìm hiểu làm thế nào Vann đi đến những quan niệm hiện nay. Vann viết trong báo cáo về cuộc tiếp xúc : "Ông có vẻ tin tưởng chấp nhận những nhận xét của tôi về tình hình thuận lợi hiện nay". Anh cam đoan chắc với tổng thống, với vũ khí hạng nặng và không lực Hoa Kỳ , Quân lực Cộng hòa chống chọi được với quân đội Bắc Việt một ngày nào đó phải đối đầu với họ. Điều tệ hại nhất có thể xảy ra, anh nói thêm, sẽ là chế độ Sài Gòn "buộc phải bỏ một phần đất đai và dân chúng trong trường hợp có cuộc xâm nhập ồ ạt, nhưng rồi sẽ chủ động được vì quân địch buộc phải kéo dài đường tiếp tế và như vậy trở nên dễ bị sát thương vì bom đạn của máy bay và trọng pháo". Tổng thống cám ơn Vann và bảo anh trở lại Việt Nam tiếp tục công việc anh đã làm. Ông tặng anh một chiếc bút máy và một quả cầu gôn chính tay ông đề tặng để kỷ niệm buổi gặp mặt.

Thành công không kiềm chế được Vann. Anh lại suýt bị đuổi vì cố cứu người bạn Việt Nam tốt nhất của anh, Trần Ngọc Châu khỏi bị tù.Sau khi cấu kết với CIA và bộ trưởng của Kỳ về những đoàn bình định, Châu cho rằng mình làm hỏng dịp may được đề bạt trong Quân lực Cộng hòa. Ông ta nghỉ việc ở quân đội và mang tham vọng về chính trị, được bầu làm nghị viên của Kiến Hòa trong dịp bầu cử tháng Mười một năm 1967. Ông rất thành công và trở thành tổng thư ký Hội đồng dân tộc. Đợt tấn công dịp Tết đưa ông lao vào những âm mưu tầm cỡ.

Ông cố trở thành người trung gian trong những thương lượng hòa bình, sử dụng một trong những anh em vẫn trung thành với ông Hồ Chí Minh, làm liên lạc bí mật với phía bên kia. Anh ông, Trần Ngọc Hiến, là một nhân viên tình báo quan trọng của Hà Nội, ở lại miền Nam từ 1965, với danh nghĩa đại lý thuốc tân dược. Để thực hiện kế hoạch, Châu nhắm vào người bạn cũ và là đồng minh chính trị trong quân đội, tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, gián tiếp tấn công bằng cách tố cáo bù nhìn của ông này trong Hội đồng, dược sĩ giàu có Nguyễn Cao Thắng mà vai trò là vỗ béo các nghị sĩ để họ bỏ phiếu theo ý của Thiệu. Châu không âm mưu chỉ vì tham vọng. Đợt tấn công dịp Tết làm ông tin chắc là sai lầm khi buộc dân tộc Việt Nam vào một cuộc chiến tranh "không có lối thoát" và ông nghĩ miền Nam Việt Nam có cơ may sống sót với điều kiện thương lượng hòa bình.

Anh của Châu bị bắt mùa xuân năm 1969. Qua kiểm tra, một cảnh sát tinh ranh nhận thấy giọng nói miền Trung của Trần Ngọc Hiến không phù hợp với nơi sinh ghi trong căn cước. Để tránh nguy cơ bị tra khảo để lộ đường dây tình báo quan trọng, Hiến với trí thông minh của một nhân viên tình báo giỏi, đánh lạc hướng những kẻ hỏi cung bằng cách sử dụng em mình. Ông trả lại đạn chĩa vào Thiệu khi nói với cảnh sát những cuộc hẹn gặp với ông em. Những tiếp xúc giữa những người trong gia đình ở miền Nam là bình thường nhưng không hợp pháp.

Vann không tán thành âm mưu bí mật thương lượng của Châu và đại sứ Bunker đã cảnh báo anh không nhúng tay vào việc này; đấy là trong mùa hè trước, khi Vann can thiệp vào để cố gỡ mối xích mích giữa Thiệu và Châu. Bunker cho rằng tổng thống muốn chế độ Sài Gòn bền vững. Ông nghi ngờ Châu là cộng sản thậm chí có thể là một nhân viên mật của Hà Nội, đằng nào cũng là một kẻ quấy rối nguy hiểm, cố liên kết với phía bên kia để có một ghế trong chính phủ tương lai. Vị đại sứ triệu tập Vann để "xát xà phòng, lễ độ nhưng dữ dội" theo từ Vann dùng.

"John, Bunker nói, anh dính vào chính trị. Đấy là công việc của tôi. Anh hãy lo về công cuộc bình định vùng đồng bằng, còn tôi, tôi lo về vấn đề chính trị của miền Nam Việt Nam . Mong rằng việc ấy không xảy ra nữa".

Khi Vann trở lại Sài Gòn vào đầu tháng Giêng 1970 sau đợt nghỉ phép và tiếp xúc nhiệt tình với tổng thống Nixon, Thiệu vốn nghiền ngẫm trả thù, chuẩn bị bắt bỏ tù Châu vì những cuộc gặp gỡ bí mật với anh trai. Ông ta đã mua chuộc một số nghị sĩ để bãi bỏ quyền miễn trừ của Châu. Vann qua trung gian Colby, gửi một đề nghị để cho Châu ra khỏi nước trên một chiếc máy bay Mỹ và cho cư trú ở Hoa Kỳ vì những công việc phục vụ trước đây. Châu không hợp pháp rời bỏ đất nước được vì Thiệu đã rút lại hộ chiếu. Bumgardner, trở lại Sài Gòn làm

phó cho Colby tán thành đề nghị ấy. Nhưng Bunker từ chối.

John Vann không chọi đựng được ý nghĩ bỏ rơi Châu, không đơn thuần chỉ vì tình bạn. Đối với anh, Châu luôn đại diện cho "người Việt Nam tốt" anh vẫn mơ Westmoreland từ đầu, tiêu biểu cho xã hội trong sạch, theo con đường tiến bộ mà bản thân anh, Bumgardner, Ramsey, Scotton và Dan Ellsberg muốn tạo ra ở miền Nam Việt Nam . Anh biết Châu không phải cộng sản , càng không là một nhân viên mật của Hà Nội. Anh ít quan tâm tới việc Châu sử dụng Hiến cũng như Hiến sử dụng Châu trong cuộc chiến tranh . Bumgardner cũng lập luận như vậy. Vann bèn bố trí một kế hoạch để Châu qua Campuchia, từ đó ông ta có thể sang Pháp hoặc Hoa Kỳ . Anh biết lái máy bay lên thẳng, dự định đưa Châu đến làng chài Campuchia gần nhất, xuống sát mặt biển để Châu lên một chiếc ca nô bơm hơi vào đến làng.

Anh tìm được một chiếc ca-nô bơm hơi tự động của Không lực trang bị cho phi công. Bumgardner lái xe đưa Châu đến khu vực máy bay lên thẳng hạ cánh. Vann chờ ở đấy đưa Châu đi Cần Thơ, trên sông Cửu Long. Bác sĩ làm việc với Vann ở Quân đoàn 4 chứa Châu trong căn hộ của mình.

Nếu Châu để kế hoạch tiến hành đến bước cuối,sự nghiệp của Vann ở Việt Nam chắc chắn sẽ kết thúc. Thiệu giận dữ vì việc báo thù thất bại, đến mức đòi hỏi trục xuất Vann. Cảnh sát của ông ta theo dõi Bumgardner và Châu đến sân bay và thấy người Mỹ trở về một mình. Không khó khăn gì để kết luận vụ việc. Sau khi ngập ngừng suy nghĩ mấy ngày, Châu đi đến kết luận bỏ trốn nghĩa là công nhận lời Thiệu buộc tội mình cộng sản . Nhưng nếu ở lại, phản bác lời buộc tội và để cho bắt vào tù, ông ta trở thành kẻ tử vì đạo và giữ được tương lai chính trị của mình. Vann và ông tranh cãi gay gắt trong căn hộ ở Cần Thơ. Vann bảo ông như vậy là điên rồ, Thiệu còn ở đấy lâu vì được Hoa Kỳ nâng đỡ, do đó Châu sẽ ở tù vô thời hạn. Ông đề nghị Vann đưa trở lại Sài Gòn , giấu mặt ít lâu. Rồi ông đến văn phòng mình ở Hội đồng quốc gia, chờ cảnh sát đến bắt.

Bunker lại triệu tập Vann đến Đại sứ quán khi biết anh che giấu Châu. Ông già tỏ ra băng giá khi giận dữ.

"Nếu là một ai khác, John, thì anh phải ra khỏi đất nước này rồi. Tôi đã cảnh bảo anh nhưng việc đó vẫn bắt đầu lại. Sẽ không có lần thứ ba nữa. Nếu sự việc xảy ra, anh phải ra đi, mặc dù công việc anh hoàn thành rất tốt, và có Trời biết anh có làm việc tốt không".

George Jacobson chưa bao giờ thấy Vann bị người nào làm cho e sợ trước đây. Ông thấy anh ra khỏi văn phòng Bunker trắng xanh như một chiếc khăn vừa nói :

“Việc bị đuổi về bây giờ không nằm trong kế hoạch của mình”.

Hình như Vann chưa bao giờ nghĩ anh cũng có thể là nạn nhân của triệu chứng tự mãn vốn có mà anh đã chế diễu Harkins và Westmoreland . Dan Ellsberg chế nhạo anh về cuộc gặp với Nixon , nói: “Cuối cùng anh đã tìm được vài tin tốt lành báo với tổng thống”. Nhưng Vann không tán thành lối mỉa mai ấy.

Tuy vậy, họ vẫn là những người bạn rất tốt của nhau. Khi Vann ở Hoa Kỳ , họ có thể tranh cãi hàng giờ liền mà không ảnh hưởng đến tình bạn nhưng họ ở các cực hoàn toàn đối nhau. Cuộc sống riêng của Ellsberg rõ ràng được cải thiện. Năm 1970, anh cưới Patricia Marx, người đàn bà anh đã cãi nhau nhiều về chiến tranh ở Sài Gòn .

Về cuộc tranh chấp, anh thay đổi hoàn toàn. Anh đã nghiên cứu hồ sơ của Lầu Năm Góc, tối mật, về cuộc điều tra gồm 43 tập McNamara chỉ thị làm và kết thúc vào tháng Giêng năm 1969. Ellsberg đã đọc toàn bộ và đã xác định lý do của Mỹ bây giờ cũng như trước đây, tàn ác và vô ích. Đường lối Việt Nam hòa chỉ như là "một sự kéo dài đẫm máu, thất vọng, thừa và như vậy là vô đạo đức của Hoa Kỳ trong cuộc chiến tranh này", anh viết cho tổ chức Carnegie vì hòa bình thế giới. Quan điểm có thể thay đổi nhưng đam mê là một tính chất ổn định của con người. Ellsberg trước đây là một trong những môn đồ hăng hái nhất của Vann trong việc theo đuổi chiến tranh , bây giờ cũng sốt sắng ngăn anh lại. Ellsberg tranh luận với bạn về tập hồ sơ, bảo anh này có lẽ cũng thay đổi ý kiến nếu đọc những tài liệu ấy. Không nói ra với bạn, trong mùa thu 1969, anh đã bắt đầu đưa ra ngoài từng phần bản sao tập hồ sơ ở công ty Rand, không quan tâm về việc bảo mật và vẫn đang tiếp tục sao lại.

Vann đi đến chỗ cho rằng những chuyến về Hoa Kỳ của mình là một loạt thắng lợi. Lee dạy cho anh ăn bận tốt hơn. Cô thuyết phục anh mua quần áo sẫm màu cắt may tại Hong Kong, thắt cà vạt đơn giản kẻ sọc. Anh không gặp lại tổng thống nhưng báo cáo đều đặn với Melvin Laird, bộ trưởng Quốc phòng của Nixon. Laird là một phần tử nhiệt tình về Việt Nam hóa và trút phương tiện thừa thãi cho lực lượng Sài Gòn: pháo đủ loại, xe vận chuyển bọc thép, hàng trăm xe tăng, các tiểu phi đội tiêm kích – ném bom phản lực, hơn 500 máy bay lên thẳng Huey và Chinohook, Vann thường cũng gọi cho văn phòng tổng tham mưu trưởng để nói chuyện với Westmoreland vốn nóng lòng hy vọng một lối thoát cho cuộc chiến tranh để xác minh hành động trước đây của mình. Bruce Palmer, phó tổng tham mưu trưởng cũng nằm trong danh sách của Vann. Palmer đã thất vọng vì đợt tấn công dịp Tết. Bây giờ, ông lấy lại niềm tin nhờ tính lạc quan của Vann.

Tuy phần đông các nhà báo anh quen biết trước kia đã không đồng tình với những kết luận của anh về chiến tranh , anh vẫn giữ được một sự đáng tin nào đó đối với báo chí vì anh vẫn thẳng thắn về những sai lầm của Sài Gòn . Dù quan hệ có căng thẳng hơn, tình bạn với Halberstam vẫn tồn tại ; anh này đang viết bản buộc tội những người có trách nhiệm Mỹ đã đưa Hoa Kỳ can thiệp vào Việt Nam : "Người ta nói họ là những người giỏi nhất và thông minh nhất". Anh chứng minh cho Vann thấy xã hội Mỹ bị xé nát vì phục vụ một cuộc chiến tranh ở nước ngoài không quan trọng gì đối với họ ; Vann phải chú ý tới những sự lộn xộn và cái giá phải trả khác mà cuộc tranh chấp này gây ra cho đất nước. Vann trả lời: "Tôi không quan tâm đến điều ấy".

John Vann không gặp lại những người bạn cũ ở Việt Nam nữa. Riêng Bob

York, tuy đã nhận được ngôi sao thứ ba, vỡ mộng và rời quân đội năm 1968.

Vann sung sướng đến thăm dì Mollie Tosolini. Anh điện thoại cho bà khi ở New york để đến ngôi nhà lớn của bà ở Long Island. Bà thích gặp anh với chiếc cặp hộp và phong thái một nhà ngoại giao. Họ cùng nhau gợi lại thời kỳ Norfolk và anh nói đã rất mong bàn là mẹ của anh. Anh kể về những nhân vật của Washington đã chú ý lắng nghe con trai của Myrtle đến mức nào. “Dì và cháu, thưa dì Mollie, anh nói, chúng ta đã thành công”.

Việc anh ở Cần Thơ không khuấy động thiên đường bí mật của anh, thậm chí còn thích thú hơn khi có hai người đàn bà mà họ không biết có nhau. Anh để cho CORDS thuê một ngôi nhà ở Cần Thơ, tân trang lại, sắm sửa đồ đạc, bố trí Annie và con gái ở đó và về ngủ những đêm anh không ở tỉnh hoặc ở Sài Gòn. Tư dinh chính thức của anh ở trong ngôi nhà một tầng dành cho Wilbur Wilson bên trong trại của CORDS. Anh giữ ở đó một phòng, để quần áo trong tủ, đồ dùng tắm giặt trong phòng tắm và những bức ảnh treo ở tường để người ta biết có người ở. Khi Lee có dịp đến Cần Thơ, họ ngủ với nhau ở đấy.

Trong trò chơi này, Annie không phải một mối nguy vì cô vẫn luôn ngây thơ và không bao giờ đặt câu hỏi. Ngược lại, Lee có tính tò mò và bắt đầu hiểu John lừa dối cô. Anh đã căn dặn người lái xe, phiên dịch và phi công của anh để ngăn ngừa những câu hỏi. Các viên thư ký và những thành viên Mỹ và Việt Nam khác ở văn phòng CORDS của anh cũng bảo vệ anh. Thường Lee gọi điện thoại cho anh từ Sài Gòn . Bọn họ đều chú ý không để cô biết số nhà của Annie khi anh đi vắng. Lee không nghi ngờ lòng không chung thủy của anh đi quá những cuộc vui từng lúc. Gian phòng trong trụ sở CORDS rất có ích cho điều đó.

Năm 1970, Vann cùng với Lee ra mắt tổ tiên. Cô đã đưa anh về phòng mình khi ở Sài Gòn và sẽ mất mặt với gia đình nếu anh không có cử chỉ gì đó đối với cô. Cô khẩn khoản có một lễ đính hôn nhân dịp kỷ niệm ngày sinh lần thứ 26 của cô trong nhà ông nội, trước đây phục vụ chính phủ Bảo Đại và Diệm, bây giờ điều hành Ngân hàng Quốc gia. Cô nói dối với ông nội Vann đã ly dị vợ. Do chỉ là lễ đính hôn, nó đơn giản hơn lúc cưới Annie. John trao tặng đôi hoa tai và một số vật trang sức khác. Ông nội giới thiệu anh với cô chú của Lee và những thành viên khác trong gia đình. Anh cũng tôn vinh linh hồn của bà Lee trong bức ảnh đặt trên bàn thờ. Vann chấp tay cúi đầu trong lúc Lee khấn vái. Rồi mọi người ngồi ăn tối , uống rượu sâm banh. Lần này cũng không có một khách mời người Mỹ nào.

Việc “phi Mỹ hóa” của Richard Nixon đã trả giá đắt sinh mạng người Mỹ. Năm 1969 có 11.527 lính Hoa Kỳ chết ở Việt Nam . Năm 1970 còn hơn 6.065

người. Tất cả, trong nhiệm kỳ tổng thống của Nixon, gần 21.000 người chết và 53.000 bị thương, hơn một phần ba tổn thất chung trong chiến tranh .

Việc rút quân đội về nước có điều lợi không dự kiến, ngăn cản được sự tan rã của quân đội Hoa Kỳ ở Việt Nam . Lính bộ binh chiến đấu với Hal Moore ở thung lũng Drang và Bồng Sơn không nhận biết được các đội quân năm 1969. Những người thoát khỏi ma túy và những người khác bị giết vì bạn bè mắc nghiện làm giàu cho con buôn người Trung Hoa và các tướng Sài Gòn . Các đơn vị chiến đấu trên bờ nổi loạn ; binh lính chống lại sự hy sinh vô ích của họ bằng cách ám sát cấp trên với một viên đạn tình cờ hoặc một quả lựu đạn vào lưng. Những dấu hiệu mất tinh thần đầu tiên đã thể hiện rất rõ thời kỳ Westmoreland ra đi giữa năm 1968. Tình hình trầm trọng thêm dưới sự chỉ huy của Creighton Abrams vừa cố gắng dùng những chiến thuật mới vừa theo đuổi cuộc chiến quá đáng của người tiền nhiệm. Ông tiếp tục đưa lính Mỹ chống lại những hàng ngũ vững mạnh chết người của quân đội Bắc Việt . Đấy là trường hợp đặc biệt, tháng Năm năm 1969 với ví dụ điển hình của 55 lính thuộc sư đoàn không vận 101 bị chết khi cố chiếm những lô cốt ở thung lũng A Sầu trong rừng núi phía tây thành phố Huế mà người ta đặt tên là “đồi thịt băm”. Ngôn từ của lính Mỹ chỉ rõ tính chất phù phiếm của cuộc chiến tranh . Người ta không phải bị giết mà bị “sút” hoặc “tung lên không trung”.

Quân đội Nam Việt Nam cũng không thể hiện tốt như Vann khẳng định. Người phá hoại nổi tiếng Phan Trường Chinh cuối cùng được rút khỏi vị trí chỉ huy Sư đoàn 25 trước Tết nhưng không phải vì lý do bất lực. Đây chỉ là một trong những mánh khóe từng thời kỳ qua quan hệ cá nhân, đút lót và đường lối chính trị. Cũng như Lâm Quang Thọ, tỉnh trưởng Mỹ Tho năm 1963, một “gái đĩ hèn nhát” mà Vann cho rằng đã phá hoại trận đánh ấp Bắc, được Thiệu bổ nhiệm làm tướng đứng đầu một sư đoàn. Westmoreland thất bại trong việc cải tổ các lực lượng Sài Gòn và đưa lại một sự chỉ huy có hiệu quả thể hiện ở những tổn thất nặng nề khi Quân lực Cộng hòa được tung ra đánh nhau với quân chủ lực miền Bắc và Việt cộng : 28.000 lính Việt Nam chết trong năm 1968, 22.000 năm 1969 và 23.000 năm 1970.

Các tỉnh trưởng, huyện trưởng Vann đã cùng làm việc cũng không có những đức tính anh hy vọng sau cơn choáng của đợt tấn công Tết. Năm 1970, tổng thống Thiệu chỉ định người anh em họ, trung tá Hoàng Đức Ninh làm tỉnh trưởng Bạc Liêu ở vùng đồng bằng sông Cửu Long. Ninh tham lam không giới hạn. Ông ta đánh thuế tất cả những gì bán trong tỉnh, từ xăng đến thuốc lá , bắt trả tiền những vật dụng chính phủ cung cấp, bảo lính lấy cắp xăng ông ta đã bán để bán lại lần thứ hai. Danh sách quân lính được thêm vào vô số lính ma. Để

tránh nguy hiểm, họ phải mua bằng tiền. Các đội trọng pháo của ông ta quấy rối khắp tỉnh bằng những đợt bắn hành hạ không dứt để ông xoáy được nhiều nghìn vỏ đạn cối bằng đồng. Ông ta lợi dụng chương trình Phượng Hoàng để tống tiền những người vô tội khỏi bị bắt vào tù và thả những Việt cộng chính cống. Không một dịp nào làm tiền thoát khỏi trí tưởng tượng của ông. Ông ta tận dụng đến mức làm những lỗ hổng ở đê biển xây dựng bằng tiền của Mỹ ngăn nước mặn vào ruộng, sau đó bán cho dân chài đặt lưới bắt cá khi thủy triều lên. Dĩ nhiên rồi ruộng của nông dân bị hủy hoại. Ninh cũng vô liêm sỉ như gian tham. Warren Parker , một trung tá về hưu bây giờ là cố vấn chính của Vann trong tỉnh, cố ghìm bớt Ninh, báo trước một sự tha hóa cỡ ấy có thể gặp bê bối với báo chí. Ninh trả lời “Tôi chẳng sợ các nhà báo Mỹ hay Việt Nam !”. Mỗi lần nói với công chúng, không bao giờ ông ta không nêu lên “ông tổng thống, anh họ tôi”.

Komer cho ra một chương trình bí mật đấu tranh với nạn tha hóa và Colby áp dụng với phương pháp thường tình. Những tập hồ sơ xây dựng về các nhân vật chính thức tham nhũng nhất của chế độ. Colby đưa những hồ sơ ấy cho thủ tướng chính phủ Thiệu đề nghị đuổi và trừng phạt những kẻ phạm tội. Rồi đại sứ Bunker kiến nghị nhiều lần với bản thân Thiệu. Riêng hồ sơ của Ninh dày 30 trang nêu lên mức độ hoạt động của ông ta. Bunker tính những buổi tiếp xúc với Thiệu nói về những trường hợp tương tự : 78 lần. Thực tế, chẳng ai bị trừng phạt và Ninh được thăng cấp đại tá năm 1971. Đôi khi một trong những kẻ phạm tội bị thuyên chuyển nhưng người Mỹ nhanh chóng phát hiện ra đấy chỉ là mưu mẹo. Người kia được điều về trong bộ máy chính quyền ít lâu rồi được bổ nhiệm đi một tỉnh khác. Nạn tha hóa tham nhũng là chiếc mâm xoay mà không một quan chức Sài Gòn bào bị bắn ra. Tất cả cùng theo vòng quay ấy.

John Vann trước đây biết một chính quyền Sài Gòn tinh thần suy đồi và quân đội do những kẻ trộm cắp bất tài chỉ huy đưa đến thất bại. Anh tức giận điên người với những người lãng phí sinh mạng người Mỹ và Việt Nam với hy vọng hão duy trì tình trạng đó. John Vann của quá khứ tự dối mình và những người khác để thỏa mãn những ám ảnh của mình. Thất vọng đã không ảnh hưởng đến sự toàn vẹn nghề nghiệp của anh. Anh vẫn giữ nguyên sự thật cơ bản của chiến tranh và ý muốn thích hợp với nó tạ cho anh một tính cách tinh thần và trí tuệ cao hơn những tác giả lớn khác của cuộc tranh chấp này. Anh không bao giờ lừa bịp mình hoặc những người mình phục vụ. Những cuộc vận động ở Hậu Nghĩa chống sự tha hóa và chiến lược cải cách xã hội có lẽ là hào hiệp và ảo tưởng nhưng anh thực sự tin chắc nếu chỉ đạo chiến tranh như hiện hành sẽ sai lầm dẫn đến thất bại.

Vì vậy, giải pháp mới của John Vann để chống sự tha hóa của Ninh thật bất

ngờ : anh đề nghị giao cho ông ta chỉ huy một trung đoàn. Anh đi gặp Hoàng Đức Nhã, em trai út của Ninh ở phủ tổng thống. Nhã ở nhà Thiệu trong những năm học trung học trước khi đi học ở Mỹ. Thiệu xem anh ta như con trai, sử dụng như đặc trách thông tin, làm cố vấn về cách cư xử với người Mỹ. Vann mời anh ta đi ăn tối ở một cửa hàng ăn Pháp, nói tài năng quân sự của ông anh mà làm tỉnh trưởng rất phí, phải được bổ nhiệm chỉ huy một trung đòa. Nhã rất tự hào về sự đánh giá cao ông anh. Sau này, anh giải thích với Warren Parker: "Ở trong một trung đoàn, ông ta có thể ăn cắp ít hơn". Cuộc vận động thất bại. Ninh vẫn ở lại Bạc Liêu tiếp tục làm giàu. Về sau, ông ta được giao trách nhiệm đặc biệt chỉ huy liên tỉnh, quan trọng hơn một trung đoàn nhiều, mức độ tham ô tăng lên tương ứng. Ông ta bán những rào chắn pháo cho các đồn bị cộng sản tấn công : không có tiền, không bán.

Dan Ellsberg và David Halberstam không phải là những bạn cũ duy nhất nhận thấy Vann đã mất phương hướng. Đại tá Sam Wilson không trở thành một người theo chủ nghĩa hòa bình bất phục tùng. Mặc dù có những thành công trong tổ chức ở Long An và đóng góp xây dựng CORDS, ông không tin vào chiến thắng của Hoa Kỳ nữa lúc rời khỏi Việt Nam năm 1967. Nhưng ông im lặng và tiếp tục ở trong quân đội vì đó là cuộc sống của ông. Ông chỉ huy trường quân sự Fort Bragg, nơi Vann đều đặn đến nói chuyện trong các đợt đi phép. Wilson mê mải nhìn Vann cầm micro bước ngang dọc trên bệ. Anh tìm cách thu hút cử tọa bằng kể chuyện, nêu con số xen lẫn quan điểm cá nhân và xúc động để thuyết phục họ. Việc đó chẳng có tác dụng đối với Wilson. Không điều nào Vann nói có thể làm ông tin chắc đã có gì chủ yếu thay đổi ở Việt Nam . Wilson cho rằng Vann đã đầu tư công sức vào cuộc chiến tranh này nhiều đến nỗi anh cố tin tưởng sẽ thắng. Ông đập tay vào bụng nói : "John, anh ở bên ấy. Tôi thì không. Tôi cũng muốn đồng tình với anh. Nhưng trong thâm tâm có cái gì nói với tôi là không thể."

John Vann mà các bạn cũ quen biết đã biến mất để hòa lẫn trong chiến tranh . Miền Nam Việt Nam năm này qua năm khác đã trở thành một nơi ngày càng lý tưởng đối với anh. Chiến tranh làm anh thỏa mãn đầy đủ đến mức anh không thể xem như tách rời bản thân anh. Cuối cùng anh đã chuyển hướng sự thật về cuộc chiến tranh này như trước kia anh đã làm với những sự thật nhỏ nhặt khác.

Vann giành được những ngôi sao nhờ Fred Weyand và một viên tướng Sài Gòn khác mua bán để nghĩ rằng có thể lợi dụng tài năng của Vann và sẵn sàng để bị điều khiển. Quyết định của Nixon cử quân đội Mỹ và Việt Nam sang Campuchia cuối tháng Tư năm 1970 thúc đẩy nhanh các sự việc.

Tình hình của Norodom Sihanouk, ông Hoàng thừa kế của Campuchia gây ra

việc tàn phá đất nước. Ông thích những mưu đồ có lợi cho ông. Tuy ông và người của ông được bù đắp nhiều về việc để sử dụng cảng Sihanoukville và những người cộng sản Việt Nam , khác với Sài Gòn, công khai thừa nhận biên giới Campuchia, bảo đảm với Sihanouk họ sẽ rời đất đai của ông khi chiến tranh kết thúc, ông Hoàng không muốn chờ đợi nữa. Khi Nixon bắt đầu ném bom bí mật bằng B-52 vào những nơi trú ẩn của Việt Nam trên đất nước ông vào tháng Ba năm 1969, Sihanouk ngấm ngầm khuyến khích họ. Ông cũng kích thích những thành phần cánh hữu của ông đòi người Việt Nam rút khỏi nước họ. Hậu quả mỉa mai là một loạt sự kiện dẫn đến việc thủ tướng chính phủ của ông, tướng Lon Nol lật đổ ông. Nixon bèn can thiệp, hy vọng một cuộc chiến tranh ở Campuchia làm đổi hướng quyết tâm của Hà Nội trong cuộc chiến ở miền Nam Việt Nam; Nixon khuyến khích Lon Nol, chỉ một đội quân nhỏ chỉ huy kém đánh nhau với người Việt Nam , một việc làm quá sức có hại cho sự an toàn của người Campuchia nhưng Lon Nol khá dằn độn, cũng tiến hành. Đồng thời Nixon tìm cách tranh thủ thời gian Việt Nam hóa chiến tranh, ra lệnh cho quân đội Mỹ và Việt Nam phá hủy những nơi trú ẩn của Bắc Việt Nam , chiếm lấy tối đa vũ khí và trang bị dự trữ ở đấy.

Campuchia phải chịu đựng những hậu quả độc ác nhất của cuộc chiến tranh Mỹ ở Đông Dương. Sihanouk quay sang tả, sang Bắc Kinh hình thành một mặt trận liên minh với Pol Pot và những lãnh tụ khác của phong trào cộng sản Campuchia cho đến lúc đó chưa có gì đáng kể. Những người Khmer Đỏ này chưa bao giờ được người Việt Nam bảo trợ vì họ quá cần những căn cứ nên lại thỏa hiệp với Sihanouk, người vẫn hành quyết những đảng viên cộng sản của họ. Hà Nội buộc phải xây dựng và trang bị cho một đội quân cộng sản để đánh Lon Nol; Sihanoul dùng tên tuổi và uy tín của mình để phát động phong trào quần chúng.

Hàng trăm nghìn người Campuchia phải chết trong cuộc chiến tranh nội bộ còn Hoa Kỳ hỗ trợ Lon Nol về vũ khí và lực lượng không quân thừa thãi, đặc biệt là B-52. Những người Việt Nam mất quyền kiểm soát quân đội Khmer Đỏ họ đã xây dựng và Trung Quốc nắm lấy. Những nhà lãnh đạo Hà Nội mau chóng phát hiện ra họ tạo nên một con quái vật, một ngày nào đó sẽ quay lại chống họ. Pol Pot và những người cùng phe cánh trở thành những tuyên truyền viên cuồng tín về một dạng quá khích của chủ nghĩa cộng sản . Sau chiến thắng năm 1975, họ áp đặt luật lệ ở Campuchia với sự giết người bí hiểm giống như của Hitler, đưa tất cả nhân dân ở Phnom Pênh và những thành phố khác chuyển về nông thôn, xóa bỏ tôn giáo dân tộc là Phật giáo, tàn sát các nhà sư, giết thẳng tay hàng ngũ trí thức kể cả các bác sĩ. Những người sống sót bị đưa vào các trạo lao động đào mương máng và làm ruộng. Với một dân số tổng cộng khoảng 7 triệu, người

ta ước tính hơn 1 triệu người Campuchia chết vì đói, làm việc quá sức, bệnh tật và bị hành quyết thường xuyên bằng thuổng và búa.

Cho dù năm 1970 không dự kiến được những hậu quả ấy, việc vứt một dân tộc mới vào lò thiêu có vẻ thật ghê tởm. Nước Lào cũng đã hy sinh trong cuộc phiêu lưu Việt Nam này. Những khu vực đường mòn Hồ Chí Minh đi qua không riêng chịu bom Mỹ. Các thành phố và xóm làng ở phía bắc do cộng sản lãnh đạo cũng bị tàn phá. CIA lôi kéo người Mèo, bộ tộc miền núi Lào, đánh nhau với cộng sản Pathet Lào. Một phần tư các bộ tộc bị giết hại, người ta phải đưa những đứa trẻ 12 tuổi ra trận. Ba thành viên trong nhóm Kissinger, William Watts, Roger Morris và Anthony Lake, đã làm việc ở Việt Nam là trợ lý của Lodge hoặc lãnh sự ở Huế, từ chức để phản đối cuộc chiến tranh ở Campuchia. Kissinger hẳn bị cách chức nếu cũng tích cực chống đối nhưng ông tán thành việc làm của Nixon. Lake cố lần cuối cùng dựa vào lý do nhân đạo. Kissinger nói với ông “Không ai có độc quyền trắc ẩn, Tony”.

Trước đây, John Vann không tán thành những cuộc hành quân ra ngoài biên giới, cho là nó lạc hướng sơ với vấn đề thực sự. Tháng Chạp năm 1967, anh đã nói với nhà xã luận báo Washington Post “Nếu chúng ta tấn công phía kia, bao giờ cũng có một chỗ trú ẩn khác chỗ chúng ta phá hủy”. Nhưng trong quan điểm mới, anh tán thành nhiệt liệt sự tấn công của Nixon vào Campuchia vì thấy việc ấy có lợi cho cuộc chiến tranh ở Việt Nam .

Nếu anh biết rõ hậu quả của cuộc phiêu lưu ấy đối với Ramsey, phản ứng của anh chắc giảm đi nhiều. Anh nghĩ Ramsey đã chết bệnh hoặc chết vì bom máy bay. Từ bức thư tháng Hai 1967, anh không còn nhận được thông tin nào khác và chú ý không để bố mẹ Ramsey đoán được điều anh nghi ngờ, hằng năm anh vẫn viết thư một, hai lần động viên tinh thần họ.

Ramsey đã ở Campuchia, buộc dây vào một cây to chỗ khuất nẻo trong rừng, nơi những người canh gác dẫn họ sang cùng với bảy tù binh khác để thoát khỏi người Mỹ ; anh rất yếu vì khẩu phần ăn giảm xuống còn hai phần ba, bị kiết lỵ và lại sưng phù, thậm chí không thể đưa tay điều chỉnh tấm nhựa che làm chỗ ẩn. Anh sống sót qua cái anh gọi là “Lỗ địa ngục” ở Bình Dương, đi ngựa di chuyển qua các trại biên giới, thoát khỏi B-52 màu thu 1969 để được đưa vào một trại mới ở sâu mấy cây số trong đất Campuchia. Anh phải hứng chọi ba đêm ba ngày liền Không quân Mỹ ném bom trên những ngọn đồi và thung lũng xung quanh, 15 cuộc tập kích trong một đêm với tiếng nổ, đất rung chuyển và pháo sáng rồi ba tuần lễ sau trong đêm tối và mưa lớn bất ngờ, bom lại nổ trên ngọn đồi gần trại tù, tiếng ầm xé tai, cành lá cây bị bom cắt tung lên qua trại. Anh nhẫn nhục với cảnh ấy rồi trốn vào một chỗ ẩn những người gác đưa anh tới để thoát khỏi bộ binh Mỹ tiến vào, tránh đạn pháo bắn chặn, các đợt súng liên thanh của trực

thăng và rốc két nổ. Trong năm tuần lễ, anh bị buộc vào cây to, chỉ được giải phóng đôi lúc để làm việc cần hoặc rửa ráy họa hoằn cho đến lúc những người gác cho là tình hình khá yên ổn để trở về trại.

Ramsey, thiếu thuốc phòng chống sốt rét, bị lên cơn sốt. Thiếu dinh dưỡng , anh luôn bị chóng mặt và rối loạn mắt. Ban đêm , mặt trăng đối với anh đỏ như máu. Anh phải đi bộ mười lăm tiếng đồng hồ để về trại. Trong bóng tối những người gác anh phải dẫn anh. Ở bốn trăm mét cuối cùng anh bị ngã đến sáu lần.

Ngô Du, viên tướng Quân lực Cộng hòa đóng góp một phần cho Vann được các ngôi sao , chưa bao giờ hình dung có ngày mình sẽ chỉ huy một Quân đoàn. Khuôn mặt tròn, dễ trông với vẻ tinh ranh, ông có mọi điều kiện bình thường để làm sĩ quan quân đội Nam Việt Nam : giáo dân, con trai một viên chức tài chính chế độ thuộc địa, được các giáo sĩ Pháp nuôi dạy ở trường Huế, thông minh, không ngại công việc tuy yếu tim. Không phải một người can đảm nhưng đặc biệt không ngốc, không mưu mô. Ông không có tiếng là một sấm sét của chiến tranh và không đủ trình độ học đòi chính trị hoặc tha hóa để hy vọng đạt đỉnh cao trong ngôi thứ. Những năm trước, ông phục vụ ở văn phòng lên đến phó ban tham mưu hành quân. Với chức vụ này, ông giám sát những kế hoạch tấn công Campuchia. Thiếu tướng Nguyễn Viết Thanh, chỉ huy Quân đoàn 4, một người ngoại lệ Vann thích vì không tha hóa, chết trong một cuộc va chạm trực thăng hai ngày sau đợt tấn công bắt đầu. Tướng tổng chỉ huy Creighton Abrams ép Thiệu thay thế bằng một người nắm kế hoạch tốt nhất và như vậy là Ngô Du chỉ huy Quân đoàn 4.

Vann thuyết phục ông chỉ nên hài lòng giám sát việc hành quân ở Campuchia và có thể nâng cao giá trị của mình bằng việc tiếp tục công cuộc bình định vùng đồng bằng, đưa ra một số dự án mà Du áp dụng không bàn cãi. Họ qua các buổi tối ở nhà viên tướng tại Cần Thơ để bàn chi tiết công việc và hôm sau ra tại chỗ. Du để vợ và mười một đứa con ở Sài Gòn ,tán thành làm việc ban đêm, hơn nữa thích làm việc với một người Mỹ thẳng thắn , đơn giản và coi trọng cá nhân ông. Cứ như vậy, ông để nhiều thì giờ làm việc với Vann hơn với cố vấn chính thức của ông, trung tướng Hal McCown, cấp trên của Vann, chỉ huy các lực lượng Mỹ ở vùng đồng bằng. Điều ấy đúng như Vann mong muốn, có một lý do cụ thể để lôi kéo Ngô Du.

Trong lịch sử Hoa Kỳ chưa bao giờ có một người bên dân sự đảm nhiệm chức vụ một viên tướng và chỉ huy quân đội ỏ mặt trận. Komer là một tướng dân sự, không có quyền hành gì đối với quân đội Mỹ và các đơn vị không quân. Vann có ý định mình là ngoại lệ. McCown sẽ kết thúc nhiệm kỳ vào mùa xuân 1971, Vann muốn kích thích Du đề nghị để anh thay thế và trở thành cố vấn trưởng của ông. Vann lúc đó hy vọng có thể thuyết phục Abrams để anh có quyền hành đối

với mọi hoạt động của Mỹ ở Quân đoàn 4, bao gồm cả không quân và các thành phần hỗ trợ khác ở đấy. Mục tiêu của anh đi xa hơn việc kiểm soát quân đội đang giảm số lượng. Anh đã xác định kế hoạch, nhờ chi phối được Du, mở rộng không chính thức quyền hành đối với tất cả các đơn vị Quân lực Cộng hòa. Thực sự John Vann muốn trở thành tướng tổng chỉ huy vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Kế hoạch ấy phá sản khi Thiệu thuyên chuyển các chỉ huy Quân đoàn trong tháng Tám 1970. Vann gây cho Du một hình ảnh đẹp đến mức Abrams khẩn cầu giữ ông này lại Quân đoàn 4 nhưng Thiệu vì những lý do riêng không muốn để ông ở vùng đồng bằng. Thiệu cử ông ta lên Pleiku phụ trách Quân đoàn 2. Vann chỉ còn tìm cách để cũng được thuyên chuyển lên đấy và chiếm vị trí của viên tướng Mỹ cố vấn trưởng đồng cấp với Du.

Sơ đồ táo bạo ấy được chuyển thành khả thi với việc trở lại Việt Nam mùa thu 1970 của tướng Fred Weyand, bạn và là người thán phục Vann. Nhờ ông này, Vann giành được một vinh quang chưa bao giờ có ở vùng đồng bằng. Weyand về Hoa Kỳ tháng Tám 1968 và thoát được hai lần cho nghỉ việc. Westmoreland đã trở thành tổng tham mưu trưởng quân đội, không khen thưởng ông như ông đã xứng đáng sau khi cứu Sài Gòn trong đợt tấn công Tết. Thay vì bố trí ông ở một trong những vị trí dễ dàng thăng tiến, Westmoreland bổ nhiệm ông đứng đầu một văn phòng chịu trách nhiệm bảo vệ quốc gia và quân dự bị. Lodge rút ông ra khi được Nixon cử làm trưởng đoàn thương lượng hòa bình vào tháng Giêng 1969, đưa tới Paris với nhiệm vụ cố vấn quân sự cho phái đoàn. Vị trí này chấm dứt khi Lodge hết ảo tưởng xin từ chức. Nixon không có đề nghị gì khác Johnson với đối phương về việc hai bên cùng rút quân và Lodge không tiến được hơn Harriman và Vance. Ông Hồ Chí Minh chết vào tháng Chín năm 1969 không làm yếu vị trí của Việt Nam . Chính phủ tập thể ông đã xây dựng để làm tiếp công việc của mình vẫn tiếp tục như khi ông còn sống. Với lý do quan hệ công khai, Nixon thay thế Lodge bằng một người Nhà nước khác có kinh nghiệm, David Bruce, nhưng thực tế ông dựa vào những cuộc tiếp xúc mật Kissinger tiến hành ở Paris với Lê Đức Thọ, trưởng phái đoàn Việt Nam . Mùa hè năm 1970, Weyand lại ở Washington với một vị trí khác không tương lai. Khác với Westmoreland, tướng Creighton Abrams nhận xét tốt về thành công của Weyand trong dịp Tết, có lẽ vì không có hậu quả gì đến sự nghiệp của ông. Mặt khác, hai người tôn trọng lẫn nhau trong những năm Abrams làm phó của Westmoreland. Họ bổ sung cho nhau, Weyand điềm tĩnh tôn trọng, Abrams sôi sục nhưng không lúng túng. Tướng tổng chỉ huy mới cần gấp một người phó vào mùa thu năm 1970. Rất ngạc nhiên, Weyand nhận được lệnh sang nhận nhiệm vụ ở Sài Gòn và Vann có được một người đỡ đầu trong số những người có quyền quyết định lớn,

đúng lúc anh đang cần nhất.

Đầu năm 1971, Vann bí mật gặp Du ở Đà Lạt. Viên tướng Mỹ đồng cấp với Du ỏ Quân đoàn 2 sang tháng Năm sẽ hết nhiệm kỳ. Vann chỉ đề nghị Du chấp nhận nếu người ta hỏi có muốn Vann làm việc cùng không, còn thì Vann sẽ thu xếp về phần mình. Du không mong gì hơn và hân hoan với mưu đồ ấy.

Weyand không phải mẫu người đánh nhau với cối xay gió bàn giấy. Ông đã nhận biện hộ cho Vann, chỉ ra hình tượng John đã lớn lên đến mức nào và hoàn cảnh chiến tranh đã thay đổi ra sao. Tháng Tư năm 1970, khi Weyand đặt vấn đề của Vann ra với Abrams, thời gian gấp gáp đáng ngại, các đội quân Sài Gòn sẽ phải đương đầu với một cuộc tấn công lớn của quân Bắc Việt , với sự hỗ trợ hạn chế của Mỹ về cố vấn, máy bay trực thăng, không lực và lính thủy đánh bộ. Việc rút quân của Nixon đã giảm một nửa số lượng quân lính cam kết với Việt Nam , gần 270.000 người so với 543.500 người hồi tháng Tư năm 1969.

Việc đánh sang Campuchia cho phép tranh thủ một ít thời gian. Nhưng việc mở rộng chiến tranh đã dấy lên một ngọn lửa chống đối ở Hoa Kỳ đến nỗi Nixon không có sự chọn lựa nào khác là xúc tiến gấp việc rút quân. Đến tháng Tư 1972 phải còn lại ít hơn 70.000 người ở miền Nam, thực tế chỉ là cố vấn và nhân viên hỗ trợ cùng không lực. Những người cộng sản Việt Nam xây dựng lại và mở rộng căn cứ ở biên giới Campuchia trong vòng mấy tháng còn quân đội Bắc Việt và du kích Khmer đuổi quân Lon Nol vào sâu trong nội địa.

Hà Nội bù đắp việc mất cảng tiếp tế Sihanoukville bằng việc mở rộng mạng lưới trên đường mòn Hồ Chí Minh. Việc ngừng ném bom miền Bắc của Johnson năm 1968 không làm giảm những cuộc tập kích trên hành lang đường mòn ở đông nam Lào. Những cuộc tấn công bằng máy bay tăng lên nhiều trong năm 1969 và 1970 với những chiếc C-119 và C-130 trang bị ca nông Bofors 40ly và những Vulcains cực nhanh 20 ly có thể tuôn ra mỗi phút 2.500 loạt đạn. Nhưng chúng không phá hủy đủ lượng xe tải để căn bản thay đổi được tình hình. Với hy vọng lùi cuộc đụng đội quyết định lại ít nhất hai năm, Abrams đưa Quân lực Cộng hòa sang Lào dọc theo đường 9 từ Khe Sanh để chiếm giữ nút đường Tchepone cắt con đường mòn. Kết quả gặp điềm xấu, hơn 3.000 lính Sài Gòn chết trong thất bại. Việc đụng đội không thể lùi chậm hơn được nữa.

Tất cả những tình huống ấy có lợi cho Vann. Anh chỉ còn cãi nhau với các tướng tự mãn, đứng đầu một sư đoàn chỉ quan tâm đến ngôi sao thứ ba của họ. Số lượng lính Mỹ ở Quân đoàn 2 tan rã đến nỗi tổng hành dinh các lực lượng Mỹ trong vùng giảm xuống thành một đơn vị hỗ trợ đứng đầu là một trung tướng. Quan điểm của Abrams về Vann đã chuyển biến và ông khá cởi mở để nghe Weyand khi ông này nói về người bạn mình. Nhưng vấn đề đặt ra là biết được quân lính phản ứng ra sao theo lệnh của một trung tá bỏ quân ngũ trở thành

viên chức dân sự. Weyand nhớ lại vấn đề ấy được đặt ra năm 1967 ở Quân đoàn 3 khi hình thành CORDS. Ông nhận xét thấy sự nghi ngờ tan biến khi Vann cầm đầu đơn vị ấy. Những sĩ quan tốt chấp nhận quyền lực của anh và Weyand đảm bảo với Abrams tình hình cũng sẽ như thế ở Quân đoàn 2.

Lập luận chủ yếu của Weyand ủng hộ Vann là ảnh hưởng của anh đối với Du và kinh nghiệm của anh về các lực lượng Sài Gòn . Abrams và những người có trách nhiệm chóp bu chắc chắn đợt tấn công tới của quân Bắc Việt sẽ có hai mục tiêu chính. Đầu tiên dĩ nhiên sẽ là vùng phi quân sự . Thứ hai là vùng cao nguyên ở đầu con đường mòn Hồ Chí Minh, trong khu vực Quân đoàn 2 do Du chỉ huy. Việc tối đa phải làm là bình định vùng ấy và chuẩn bị cho Quân lực Cộng hòa sẵn sàng trong trận đánh lớn sắp tới. Có người Mỹ nào thành thạo trong công việc ấy hơn Vann ?

Ngày 15 tháng Năm năm 1971, viên trung tá bỏ quân ngũ rời Cần Thơ để trở thành tướng tổng chỉ huy vùng cao nguyên của dãy Trường Sơn và những căn cứ nhỏ Việt Minh cả vùng đồng ruộng ven bờ biển miền Trung. Tôn trọng tư cách mới ấy, anh thêm một chiếc cà vạt vào sơ mi ngắn tay và quần thể thao là bộ quần áo làm việc của anh. Người ta không thể gọi anh là “tướng” tuy anh đảm nhiệm chức trách trung tướng và mang hai ngôi sao tiềm ẩn trên vai, vậy người ta gọi là giám đốc. Việc “chỉ huy” hỗ trợ do anh chỉ đạo được gọi lại là “toán” để tránh bàn cãi và để xem một người bên dân sự có thể chỉ huy được không. Chỉ một quân nhân mới có quyền sử dụng quyền lực đối với tòa án quân sự, sức mạnh pháp lý làm tôn trọng các mệnh lệnh. Vì vậy, Vann có một “phó làm chức trách quân sự”. Anh đã hy vọng sẽ là một trung tướng, điều đó cho phép anh tự phong cho mình một ngôi sao thứ ba về tinh thần. Nhưng anh phải hài lòng với cấp bậc thiếu tướng.

Thực ra , số lượng ngôi sao ít quan trọng , cuối cùng Vann đã là ông chủ. Vả lại, một bức thư của Abrams đã xác định điều đó với anh. Ngôn từ hơi thiếu cụ thể, vẫn là vì những lý do hành chính nhưng John Vann đã quyết định làm cho bức thư được hiểu theo cách của mình.

Viên tướng dân sự không phải đợi lâu để được thử thách. Khi đi nghỉ phép dịp Noel tháng Chạp năm 1971, anh thu xếp với Weyand và George Jacobson đã nối tiếp Colby lãnh đạo CORDS, gửi cho anh một bức thư báo động vào tháng Giêng để anh có cớ bỏ dở đợt phép. Anh cho rằng quân đội Bắc Việt tấn công trong tháng Hai và muốn chuẩn bị sẵn sàng.

Lần đầu tiên trong sáu năm khi về Hoa Kỳ thăm gia đình, anh không ngủ ở nhà tại Littleton. Anh ăn ở đấy với Mary Jane và các con, đến dự lễ Noel, nhưng ở trong nhà gần Mary Allen và Doris Motherland, mẹ và chị của Mary Jane, cả hai đều góa chồng, đến ở Littleton.

John Paul và Mary Jane đã ly dị nhau theo đề nghị của chị vào tháng Mười 1971. Không còn lý do để Mary Jane ly dị năm 1971 hơn dịp nào khác trong 25 năm họ chung sống. Anh vẫn không thôi bảo đảm cho chị và các con, dù rất dè sẻn; chị thì không có ý định tái giá. Chị biết anh có đứa con gái Việt Nam từ năm 1968 khi có lẽ anh cố ý để lộ ra trong ngôi nhà ở Littleton một bức thư của Annie nói về việc ấy. Mary Jane đề nghị sẽ nuôi đứa bé nếu Vann rời bỏ chiến tranh về với gia đình. Sức nặng chồng chất vì giận dữ, thất vọng và chắc chắn cảm giác ly dị là cách duy nhát đã đưa chị đến đề nghị chia tay. Lúc đầu, anh phản đối vì cách sống như vậy đối với Mary Jane rất phù hợp với anh. Rồi anh quyết định được tự do về pháp lý, đánh đổi bằng chia nhà cửa và một trợ cấp khiêm tốn cho cuộc sống của chị và hai đứa con trai. Tommy mười bảy tuổi, Peter sáu tuổi vẫn sống với mẹ.

Nhưng anh vẫn luôn là người có vợ. Anh dự tính cưới Annie tuy không vì thế mà bỏ Lee rất nhục nhã và thất vọng khi anh nói với cô dự định về cuộc hôn nhân mới và việc có đứa con gái. Nhưng dần dần anh thuyết phục được cô chấp nhận vị trí thứ hai với danh nghĩa người tình. Trong lúc đó, Annie vẫn không biết gì về Lee.

Quan hệ của anh với Dan Ellsberg trở nên ngày càng phức tạp. Sau việc tán phát hồ sơ của Lầu Năm Góc tháng Sáu năm 1971, anh rất tức giận , chửi rủa và kêu rằng Ellsberg đang bị chính quyền Nixon đưa ra tòa vì phạm pháp, không tôn trọng quy chế tình báo, đánh phải bỏ tù vì phản bội. Không phải vì vi phạm nguyên tắc bảo mật làm Vann tức giận mà do Ellsberg tấn công vào cuộc chiến tranh .Tuy vậy, anh cũng không muốn từ bỏ tình bạn. Mùa thu, anh viết thư cho Ellsberg: “Tôi không thể đồng ý với cách trình bày quan điểm của anh; dù sao, anh cũng đã làm ra một sự hỗn độn lớn”. Sáu nhân viên điều tra của bốn cơ quan chính phủ đến hỏi anh ở Pleiku, anh nói và anh chú ý để họ “tới chẳng được việc gì”. Anh nói dối; có vẻ anh đã hợp tác với những người điều tra. Anh chũng chuyển đến Kissinger những gợi ý về cách chính quyền nên xử trí đối với Ellsberg.

Trở về Littleton đợt nghỉ phép Noel, Vann xuống sân bay Los Angeles , gọi điện thoại cho Ellsberg và hai người nói chuyện với nhau lâu. Ellsberg kể cho Vann nghr chiến lược các luật sư đưa ra để bảo vệ anh ở tòa án. Sau đó, khi Vann đến Washington để đi tiếp xúc như thường lệ, anh ghé vào Lầu Năm Góc, gặp Fed Buzhardt lúc ấy là cố vấn pháp luật của Bộ Quốc phòng, sau này là một trong những luật sư của Nixon về vụ Watergate. Buzhardt thu thập thông tin để kết tội Ellsberg. Vann gặp ông trong một tiếng rưỡi, nói rõ chiến lược bảo vệ của Ellsberg và gợi ý để vô hiệu hóa nó.

Tuy vậy, Vann không có ý định vụ việc này kết thúc bởi sự phản bội của một

người bạn. Sau khi nhận được của Weyand và Jacobson thư gọi anh trở lại Việt Nam , anh lại dừng chân ở San Francisco trên đường trở về, trải qua nhiều giờ với Ellsberg nói về cuộc chiến tranh và vụ xử án. Ellsberg đề nghị anh làm chứng bênh vực mình vì anh sẽ được bồi thẩm đoàn đặc biệt tin cậy "Tôi sẽ nói tất cả những gì anh muốn", Vann trả lời. Chắc chắn anh có ý định giữ lời hứa nhưng không hề có ý nghĩ mình sẽ nói gì cho đến lúc ngồi trên ghế nhân chứng.

John Vann dự tính thắng quân địch như anh đã thấy Walton Walker đập tan quân Bắc Triều Tiên xung quanh vùng Pusan. Anh sẽ không hy sinh bộ binh như Westmoreland đưa quân tiến đánh những vị trí được củng cố mạnh lẩn khuất trong rừng. Vai trò phải đảo ngược lại. Nếu muốn thắng, những người cộng sản Việt Nam phải đến chỗ anh và khi ra khỏi rừng núi, họ sẽ bị đánh tan trước những công sự của anh. Mục tiêu tấn công của quân Bắc Việt trong vùng Quân đoàn 2 xem ra có vẻ là Kontum, nơi đóng quân và là trung tâm thương mại, dân số khoảng 25.000 người, thủ phủ của tỉnh và là đô thị quan trọng nhất phía bắc cao nguyên. Kontum được căn cứ Tân Cảnh trên đường 14 bảo vệ, ở 40 cây số về phía bắc. Song song với con đường, về phía tây chạy dài một dãy núi đồi quân đội Mỹ ken đầy những vị trí mạnh sẵn sàng dội đạn vào con đường và đã giao lại cho Quân lực Cộng hòa. Như vậy, trước khi đến được Kontum, những người cộng sản Việt Nam phải đánh chiếm Tân Cảnh và đụng phải lưới lửa dồn dập trên đường 14.

Hà Nội đã tập hợp 35.000 quân, đặt dưới sự chỉ huy của một trong những vị tướng giỏi nhất của họ, Hoàng Minh Thảo, một người tin cậy của ông Giáp sau này trở thành tổng tham mưu trưởng quân đội Việt Nam, đã phụ trách khu vực cao nguyên từ năm 1966. Ông có hai sư đoàn bộ binh chủ lực thâm nhập từ miền Bắc vào đầu năm và những trung đoàn độc lập tương đương với sư đoàn thứ ba. Bộ binh có những đơn vị công binh hỗ trợ và được các trung đoàn pháo bảo vệ, trang bị pháo 105 lấy của lính Mỹ, pháo 130 Xô viết, súng cối 120, rốc két và cả một tập hợp vũ khí phòng không.

Ông Thảo tập trung quân ở phía tây Tân Cảnh, nơi ba biên giới Việt Nam ,Lào, Campuchia giao nhau. Điểm cố hữu lâu đời này của người Việt Nam đã biến thành một pháo đài căn cứ 609, một chỗ gây kinh hoàng cho lính Sài Gòn cũng như cho lính Mỹ trước đây. Trên đồi 875 và những công sự gần căn cứ 609, trong tháng Mười một năm 1967 đã có 287 người chết thuộc Lữ đoàn không vận 173 và Sư đoàn 4 bộ binh, hơn 1.000 người bị thương trong lúc Westmoreland huênh hoang về chiến thắng ở Washington. Toàn vùng là sàn diễn của bao nhiêu điểm phục kích mà chỉ một số gan dạ trong lực lượng đặc biệt và tuần tra không vận của Quân lực Cộng hòa mới dám mạo hiểm vào.

Cuộc tấn công không bắt đầu vào tháng Hai như Vann dự tính. Anh tưởng lầm

do bị ngăn cản vì hàng chục vụ ném bom B-52 và những phi vụ phản lực không ngớt dọc những con đường kế cận. Thực tế, các nhà lãnh đạo Hà Nội muốn phối hợp việc tấn công Quân đoàn 2 với những cuộc tấn công dự kiến ở các vùng khác và mất thì giờ chuẩn bị.

Lần này, quân Bắc Việt không phòng ngừa cẩn mật. Tiếng vọng lan trong núi rừng ban đêm và ánh sáng thấy được từ xa. Các cố vấn ở những cứ điểm trọng pháo của Quân lực Cộng hòa nghe tiếng máy ủi của địch mở rộng những đường mòn từ thời Pháp thuộc và san lấp những con đường mới trong lúc họ thấy đèn pha các xe cung cấp vật phẩm, đạn dược và kéo pháo trong tư thế bắn. Sư đoàn 2 Bắc Việt tiến đến Tân Cảnh từ hướng tây, Sư đoàn 320 theo đường các chóp núi dọc đường 14 còn bộ binh ngụy trang trong dãy núi đồ sộ mà người Mỹ đặt tên là “Dãy núi mẹ” (Big Mama).

Cuộc tổng công kích xảy ra ngày 30 tháng Ba năm 1972, người Mỹ gọi là “cuộc tấn công vào lễ Phục sinh”, lễ chính thức ba ngày sau đó. Việc hành quân bắt đầu từ hướng bắc, phía trước là xe tăng xuất hiện từ vùng phi quân sự để đánh chiếm Trại Caroll ở bắc Khe Sanh và những vị trí khác của Quân đoàn 1 trước đây do lính thủy đánh bộ giữ, bây giờ giao cho Quân lực Cộng hào. Lần lượt các vị trí của Vann dọc đường 14 bị vây hãm. Mấy ngày sau đó, cuộc tập kích đánh vào một chỗ không ai ngờ. Những đơn vị Vann biết từ lúc ở Quân đoàn 3, Sư đoàn 3 và 9 Việt cộng , Sư đoàn 7 Bắc Việt từ Campuchia chiếm lấy tổng hành dinh Lộc Ninh trong vùng đồn điền cao su trên đường 13, tiến đến tận An Lộc, cách Sài Gòn 90 cây số về phía bắc. Ở đây cũng có xe tăng mở đường.

Lúc đầu kế hoạch của Vann tiến hành rất tốt. Tướng Thảo cố phá vỡ hàng Rocket Chỏm đồi bằng cách tấn công vào căn cứ mạnh nhất, cứ điểm Delta do một lữ đoàn không vận bảo vệ. Thảo gặp Vann, vừa đến đó rạng sáng mồng 3 tháng Tư cùng 3 máy bay lên thẳng Huey và hai Cobras vũ trang mấy chục rốc két, một pháo 7,62 bắn cực nhanh và súng phóng lựu tự động 44 ly. Quân tấn công vừa đánh tan lính nhảy dù ở khu bắc căn cứ và tiến lên chiếm lĩnh phần còn lại. Vann có ở đấy để di tản phi hành đoàn một chiếc máy bay bị bắn hạ bốn ngày trước đó khi đến tiếp tế cho Delta. Trong chốc lát, anh không chỉ đến cứu một phi hành đoàn mà cà toàn bộ căn cứ.

Anh cử những chiếc Cobras bắn nát lính bộ binh cộng sản đến hỗ trợ đồng đội đã vào trong vòng phòng thủ của Delta. Anh nắm chỉ huy trọng pháo, máy bay ném bom, và tiêm kích đến từ hàng không mẫu hạm ngoài khơi và những phi đội đóng ở Thái Lan. Trong khi lính dù Sài Gòn phản công, Vann vô hiệu hóa mọi cố gắng của quân Bắc Việt gửi quân đến tăng cường.

Trung úy Huỳnh Văn Cai, trợ lý của Vann đi theo cùng chuyến bay đã biết một trận đánh như thế nào qua tám tháng là trung đội trưởng bộ binh nhưng chưa

bao giờ thấy một trận đánh từ trên không. Anh như bị thôi miên về quang cảnh bên dưới : những người chạy lên trước bị bom và đạn súng cối tung lên, đạn pháo xé nát thân hình.

Quân Bắc Việt thâm nhập vào chu vi phòng ngự bị thanh toán hết trong buổi chiều. Nhưng dù sao cũng phải di tản căn cứ đang thiếu đạn dược, nước và thuốc men. Vann tuyên bố tự mình sẽ lo việc tiếp tế. Chỉ huy tiểu đoàn không vận, tuy tình hình khẩn cấp, cảnh báo qua đài Vann sẽ bị sát hại. Quân Bắc Việt bố trí xung quanh Delta nhiều súng liên thanh và một pháo phòng không chống trả máy bay. Chỉ huy lữ đoàn và cố vấn Mỹ ,thiếu tá Peter Kama từng là một đại úy của Vann ở Mỹ Tho, cũng bảo anh là điên rồ. Vann đáp “Tôi quen rồi”.

Trực thăng Vann sử dụng là mẫu mới nhất do Công ty Bell sản xuất cho quân đội. Chiếc Ranger là một máy bay nhỏ kéo dài phía trước như đầu cá mập vừa nhanh vừa dễ sử dụng rất phù hợp với anh. Có hai ghế ngồi phía trước cho phi công lái, người cùng lái và một khoảng không phía sau, cửa đẩy để chở vật dụng hoặc hai người khác. Vann bao giờ cũng ngồi ở ghế người cùng lái để dễ kiểm soát đường bay hoặc nắm lấy cần điều khiển nếu phi công lái bị trúng đanh. Trung úy Cai cũng có mặt trên máy bay. Khi tới Quân đoàn 2, Vann quyết định lấy một người phó Việt Nam thạo tiếng Anh sẽ có ích hơn một người Mỹ và bớt được một phiên dịch. Du chỉ định Cai cho anh. Cai là con một nhà buôn, được điều động sau đợt tấn công dịp Tết, trung thực, can đảm và tận tụy với Vann. Vann đi đến đâu anh cũng cùng đi tới đó.

Vann kiểm tra việc tiếp tế ở trạm chỉ huy của lữ đoàn không vận. Anh đã xác định qua chuyến bay đầu tiên vị trí súng phòng không và chỉ cho phi công lái Paul Arcement, một thượng sĩ nhất gan dạ, bay theo dọc ngọn cây để tránh làm mục tiêu. Khi chiếc Ranger đã ở phía trên chu vi phòng vệ của căn cứ Delta, Vann và Cai vẫn bỏ xuống những hòm tiếp liệu đạn dược, lựu đạn, mìn, những bình nước và thuốc men cho quân lính dù. Rồi Arcement quay nhanh lên trời, là theo ngọn cây bay đi làm đợt mới.

Khi các sĩ quan ở trung tâm hành quân Pleiku hiểu việc gì đã xảy ra, họ báo động với tướng Du. Hầm cố thủ của ban tham mưu đầy sĩ quan nghe tin qua đài còn chiếc máy bay nhỏ Ranger trở lại xếp những hòm tiếp viện và bay đi Delta, coi thường những loạt đạn của trọng pháo. Họ đi về sáu lần cho đến khi trời tối. Du kết luận :

“Không một viên tướng Việt Nam nào làm như thế. Và một viên tướng Mỹ cũng không”.

Delta có khá đủ tiếp viện để đứng vững suốt đêm; sáng hôm sau những tiểu đoàn không vận khác đến giải phóng họ.

Quyền lực Vann đối với Du là lý lẽ chủ yếu tin chắc có thể đánh thắng quân Bắc Việt . Du lại có một món nợ đặc biệt, mùa hè trước Vann cứu ông thoát khỏi sự kết tội buôn bán heroin. Viên tướng Quân lực Cộng hòa Du thay thết tìm cách trả thù vì mất vị trí, soạn thảo rất công phu một hồ sơ chứng minh Du là một kẻ buôn lậu ma túy. Ông ta đưa cho một nghị sĩ Mỹ đi qua; ông này tuyên bố chính thức ở một hội nghị ở Washington Ngô Du là một trong những chủ buôn bán heroin ở miền Nam Việt Nam . Lời kết tội vào lúc việc buôn bán ma túy với lính Mỹ trở thành vụ bê bối chung và Thiệu bị đại sứ Bunker ép phải hành động. Thiệu nghĩ Du sẽ là một vật hiến thân tuyệt vời cho những nhân vật chính trị và đối với dư luận quần chúng Hoa Kỳ . Ông ta chuẩn bị cách chức và làm nhục Du.

John Vann không chấp nhận mất đi người anh đã đầu tư bao công sức. Du thề với anh ma túy không phải là một trong những nguồn lợi bất chính của ông và Vann tin điều đó. Anh giải thích với George Jacobson, các tướng cấp cao và đồng bọn người Trung hoa giữ gìn rất chặt nguồn lợi ma túy, họ sẽ không để một nhân vật cấp thấp như Du gặm nhấm tiền lãi của họ. Vann tổ chức một chiến dịch báo chí phản bác những lời kết tội cứu Du. Anh chuẩn bị cho Du một bản tuyên bố và hướng dẫn ông trả lời các câu hỏi. Anh tổ chức một cuộc họp báo, đưa lên truyền hình một loạt phỏng vấn. Du kinh ngạc về việc Vann tập hợp các nhà báo dễ dàng đến thế và bàng hoàng thấy một người Mỹ bảo vệ mình như vậy. Ông nói “Anh ấy xử sự như anh trai tôi”. Lòng biết ơn Vann càng làm ông tin chắc có thể tiến lên trong sự nghiệp nhờ vào tài năng của người bảo vệ mình. Không phải bao giờ ông cũng làm theo ý Vann nhưng cũng khá đủ để những cộng sự không thích ông chế giễu là “nô lệ của John Paul Vann”.

Chiến thắng của Vann trong trận Delta phát triển niềm tin của anh đến một cảm giác hầu như không lay chuyển. Anh viết bốn trang rưỡi một giác thư gửi các bạn, chuyển các bản sao cho ngài Robert Thompson, Joseph Alsop và các nhân vật Washington như Melvin Laird. Anh tiên đoán thảm họa của quân Bắc Việt trên tất cả các mặt trận ở miền Nam không chỉ nhờ riêng anh và tuyên bố khi cuộc tấn công kết thúc, vị thế của cộng sản sẽ suy yếu ở Lào và Campuchia. Nếu tháng Chạp năm 1969, anh báo trước với Nixon có lẽ Sài Gòn “buộc phải bỏ một phần đất đai” thì bây giờ anh khôn ngoan chối bỏ và công khai cam kết không nhường một tấc đất . “Cuộc chiến khó khăn và hy sinh nhiều quân lính nhưng chúng tôi giữ được những vị trí chủ yếu trong đó có Tân Cảnh”. Sài Gòn cũng giữ được “những thành quả khó khăn đạt được từ công cuộc bình định “ở ven biển miền Trung, nơi Vann tập trung sức từ mùa hè năm 1971 thanh toán Việt cộng và củng cố sự kiểm soát của chế độ ở những huyện không khuất phục ở phía bắc” . Theo những gì đã xảy ra cho đến nay, tôi sẵn sàng đón nhận thách

thức bắt đầu từ ngày hôm nay". Bức giác thư đề ngày 12 tháng Tư năm 1972. Sự thách thức được đưa ra ba ngày trước đó.

Những phiền phức bắt đầu ở chỗ người ta không chờ đợi cuộc tấn công trong tỉnh Bình Định, dọc ven biển miền Trung mà Vann tự hào đã bình định xong trong giác thư của anh. Nơi bị tấn công có vẻ không quan trọng : một căn cứ nhỏ cũ của Kỵ binh bay gọi là Pony Zone phía tây bắc cách Qui Nhơn 70 cây số, bây giờ do một tiểu đoàn lực lượng vùng đóng giữ. Căn cứ bị ném bom và tấn công ngày 9 tháng Tư, thất thủ vào ngày hôm sau. Những người tấn công mà Vann không xác định đúng được, phản bác niềm tin chắc của Vann cho rằng quân Bắc Việt cũng lạ lẫm ở miền Nam như người Mỹ. Thực ra , đấy là một trung đoàn của Sư đoàn 2 "Sao vàng", cũng là đơn vị hỗn hợp quân Bắc Việt và Việt cộng , mà Moore đã đánh bại chỗ này năm 1966. Ngôi sao vàng đã là con phượng hoàng thực sự trong vùng hồi sinh từ những tro tàn thường xuyên hơn những sĩ quan tình bào mong muốn.

Một rồi hai tiểu đoàn của Trung đoàn 40 Quân lực Cộng hòa, được một đại đội M-113 từ phía bắc xuống để chiếm lại Pony và ngăn quân địch tiến xuống phía nam đến tổng hành dinh huyện Hoài An, nơi Vann đến ngày 11 tháng Tư và qua đêm ở đấy. Anh gặp lại ở đây tỉnh trưởng anh quen biết từ nhiều năm, đại tá Nguyễn Văn Chức, một sĩ quan công binh lập dị, môn đồ yoga với nghị lực của một người Mỹ đầy tham vọng. Ở đây cũng có mặt viên chỉ huy Trung đoàn 40, một người Vann đánh giá cai, đại tá Trần Hiếu Đức, đã nhiệt tình tham gia chiến dịch bình định và có vẻ là một người tổ chức giỏi. Vả lại Vann đã đề nghị với tướng Du và ông ta vừa được thăng cấp, Họ để cả đêm nghe các báo cáo và cùng xây dựng một kế hoạch phản công. Vann đưa lại can đảm cho các sĩ quan Việt Nam và cố vấn Mỹ , sáng hôm sau lạc quan ra đi.

Nhưng Đức không muốn đánh nhau. Ông ta không có một cố gắng nào để chiếm lại Pony thậm chí không giữ những ngọn đồi dọc thung lũng. Ngược lại, ông để các tiểu đoàn rút lui. Cố vấn Mỹ của ông, đại tá David Schorr thúc ông không hiệu quả; Chức, người kiểm soát tất cả các đội quân địa phương và Quân lực Cộng hòa trong tỉnh cũng không làm gì hơn được. Vann trở lại Hoài An hai lần dưới lưới lửa súng cối đều vô ích. Trong khu vực này có 29 trung đội lực lượng của tỉnh. Tất cả đang đào ngũ.

Tình hình chẳng tốt hơn ở phần còn lại trong tỉnh, nơi cho là công cuộc bình định tiến bộ nhanh, đột nhiên trở nên thù địch. Ba tiểu đoàn công binh từ miền Bắc vào được Việt cộng địa phương hướng dẫn, bắt đầu gây ra sự lộn xộn. Chỗ này chỗ kia cầu bị phá hỏng, nhiều tiền đồn bị tấn công khắp nơi. Lực lượng vùng và các đội quân của tỉnh lần lượt đào ngũ.

Ngày 18 tháng Tư, sau cuộc họp lạc quan một tuần lễ, Đức không còn giữ

được một vị trí khống chế nào. Đêm hôm ấy, ông thông báo sẽ bỏ Hoài An "Các toán quân của chúng tôi có thể rút bất cứ lúc nào. Đề nghị cho chỉ thị. Nếu các toán quân ra đi trước khi có chỉ thị, chúng tôi cũng cùng đi". Trong ngày, Đức để quân cộng sản chiếm một bình độ cách tổng hành dinh của ông ta 700 mét, ở đấy họ bình tĩnh dội pháo . Khu vực nào đầy mùi xác lính chết, không ai muốn vào.

Mọi cố gắng thuyết phục Đức trụ lại thất bại. Vann đề nghị Du cho phép rút lui trưa ngày 19 tháng Tư. Anh muốn Đức rút có trật tự thay vì chạy trốn bất kể. Quân Bắc Việt ngăn các đường phụ nối ra đường số 1 nhưng không đủ để cản trở một lối thoát. Những xe vận chuyển bọc thép mở đường, theo sau là ô tô tải, xe jeep và lính đi bộ. Bốn mươi người bị thương của hai tiểu đoàn và lực lượng địa phương được chở trong xe bọc thép. Hai máy bay Cobras theo đoàn quân vừa bắn và bỏ bom xung quanh, còn một chiếc Huey bay trên cùng để điều chỉnh tầm pháo và các đợt tấn công của máy bay tiêm kích ném bom.

Vann không thể xuống khỏi cao nguyên để giám sát việc chuyển quân vì dãy Rockẻ Chỏm đồi bắt đầu có những phiền toái. Quân Bắc Việt đã thay đổi chiến thuật, bây giờ tấn công vào trung tâm phòng ngự. Họ đã chiếm được từng phần căn cứ Charlie bằng cách luân phiên sử dụng trọng pháo bắn chặn và bộ binh tấn công cho đến khi lính dù Quân lực Cộng hòa thiếu đạn buộc phải chuyển đi, để những người bị thương lại. Trong số 471 sĩ quan và binh lính của tiểu đoàn chỉ một nửa có thể rút lui cùng một số lớn bị thương còn đi được. Do không di chuyển được, Vann giải thích qua điện đài kế hoạch rút lui của Hoài An với trung tá Anderson trên máy bay kiểm tra Huey.

Khoảng nửa tiếng đồng hồ sau giờ rút lui buổi trưa, hai loạt đạn pháo nổ gần điểm tập kết của đoàn quân. Phần lớn những người bị thương chưa đưa vào được trong xe bọc thép. Đức nhảy vào xe gần nhất cùng ban tham mưu của ông ta và đi ngay. Những chiếc M-113 khác, ô tô và xe Jeep vội vã chạy theo. Huyện trưởng, một thiếu tá Quân lực Cộng hòa, nhảy lên xe Jeep bỏ người phó xuống để đưa chiếc tủ lạnh của mình lên. Quân lính Bắc Việt phục kích chờ trong một ấp gần đấy. Người, xe M-113 của Đức và chiếc xe Jeep của huyện trưởng thoát được.

Đại tá Schorr, cố vấn của Đức đáng lẽ cùng đi với ông ta nhưng không muốn bỏ lại thiếu tá Hacker và trung úy Eisenhower đang cần mẫn đốt tài liệu mật và phá hủy điện đài. Ông chờ họ rồi cùng chạy thoát qua đồng ruộng về hướng đông và đường số 1. Xung quanh họ, binh lính Quân lực Cộng hòa vứt bỏ vũ khí, mũ và trang bị quân sự, cởi đồng phục, ủng, để biến thành nông dân thường, mặc quần đùi chạy trân chần. Các cố vấn Mỹ không đi được xa lắm vì Schorr trúng một viên đạn vào chân do quân Bắc Việt đuổi theo bắn. Trong lúc Eisenhower băng bó cho ông, Hacker và hai lính trính sát Việt cộng đào ngũ cũ

trở thành vệ sĩ của các cố vấn, cố gắng chống trả những người đuổi theo. Với những người lính Nam Việt Nam đã cởi bỏ quần áo, Hacker khó phân biệt được bạn, thù. Ông bắn vào mọi người Việt lại gần có vũ khí và không mặc đồng phục Quân lực Cộng hòa. Quân lính miền Bắc bò đến chỗ họ trong lúc đồng đội bắn bảo vệ.

Đại tá Anderson trên chiếc Huey nghe được tất cả những gì xảy ra dưới mặt đất vì ông, bắt làn sóng đài mang theo của Schorr. Những chiếc Cobras không đến được trước buổi trưa quá chậm để cứu các cố vấn đang lâm nguy. Nếu Anderson cố cứu họ và bị bắn hạ, ông, người lái phụ và phi hành đoàn sẽ chết và bị cầm tù tất cả.

Các đơn vị chiến đấu Không quân là những đơn vị duy nhất của quân đội Hoa Kỳ không bị tan rã dưới sức ép của chiến tranh. Gần 6.000 phi công lái và phi hành đoàn máy bay lên thẳng chết nhưng những người bay không bao giờ ngã quỵ. Hầu hết những người bay chuyên nghiệp đều sang Việt Nam hai đợt chứ không phải một. Anderson đang làm nhiệm vụ đợt thứ hai, cao lớn, vững chắc, người bờ biển phía tây, chỉ huy toán thứ 7 của đoàn Kỵ binh Không quân 17. Anh gọi Schorr qua đài hỏi vị trí rồi thông báo với người cùng lái và phi hành đoàn họ sẽ hạ cành.

Anderson bắn khi họ bắt đầu chúc xuống cách mặt ruộng 15 đến 20 mét để tìm nhóm cố vấn. Ông dừng lại phía trên một con đê. Eisenhower giúp Schorr lên máy bay và Hacker cùng hai vệ sĩ vào ẩn bên trong. Hai lính Quân lực Cộng hòa mặc quần đùi đầy bùn từ đồng ruộng lên theo họ. Trong lúc đó , súng liên thanh bắn xả vào quân Bắc Việt cách đấy 25 mét.

Khi trở lại vùng hạ cánh gần Bồng Sơn, họ đếm lỗ thủng trên thân máy bay.Chỉ có 9 lỗ. Trưởng phi hành đoàn làm nhiệm vụ bắn súng bị nhiều mảnh đạn ở chân do một viên đạn trúng két đạn và làm nổ một viên đạn 50.

Mười hai ngày tiếp đó , cả vùng chịu số phận thảm hại như Hoài An. Miền Bắc tỉnh Bình Định với 200.000 dân rơi vào tay những người cộng sản . Mặc dù đang đánh nhau trên cao nguyên, Vann nhiều lần trở lại vùng ven biển để khuyến khích quân lính chiến đấu, làm như anh có thể bảo nước biển ngừng cuộn sóng. Lực lượng vùng và quân đội tỉnh đào ngũ hàng nhiều nghìn. Hai tiểu đoàn cuối cùng của Trung đoàn 40 thậm chí không cố gắng bảo vệ căn cứ English của họ.Quân cảnh để những người bị thương chết trên đường băng và bán chỗ cho lính đào ngũ ở những máy bay lên thẳng gửi đến giúp di tản, chia lợi với phi công lái.

Thời gian ấy, một thảm họa còn lớn hơn sắp tới trên vùng núi đồi. Do Vann khuyến khích, Du tập trung quân đội tương đương một sư đoàn, khoảng 10.000 người bảo vệ Tân Cảnh. Thị trấn này là vị trí xa nhất về phía bắc nên rất mạo

hiểm. Nếu hàng bảo vệ dãy Rocket Chỏm đồi thất thủ và con đường 14 đi xuống phía nam và Kontum bị cắt đứt, toàn bộ trang thiết bị sẽ bị vây và cách ly. Nếu lực lượng bảo vệ Tân Cảnh hạ vũ khí, các toán quân thiếu ổn định như của Quân lực Cộng hòa không thể tổ chức một cuộc rút lui có trật tự trên con đường núi. Sư đoàn sẽ tan rã toàn diện. Trường hợp đó, nghiêm trọng hơn nữa là lực lượng cần thiết để bảo vệ Kontum không còn.

Người phó về quân sự của Vann, thiếu tướng George Wear bảo anh đang đứng trước một thảm họa. Đấy cũng là quan điểm của tham mưu trưởng, đại tá Joseph Pizzi. Điều khôn ngoan là tổ chức một chiến trường về chiều sâu để tiêu hao lực lượng tấn công và rút dần về các hàng phòng ngự kế tiếp nhau, mỗi lần như thế bắt quân địch phải trả giá đắt khi tiến lên. Nhưng như vậy cũng có nghĩa bỏ Tân Cảnh và tổng hành dinh gần Dak Tô, hy vọng sẽ chiếm lại sau này. Vann không vui vẻ gì khi nghe những gợi ý ấy. Anh nói về Quân lực Cộng hòa "Lũ lợn con ấy phải chiến đấu hoặc tan xác". Wear và Pizzi cố gắng thuyết phục, Vann hứa sẽ nêu vấn đề trong cuộc gặp sắp tới với tướng Abramas.

Khi trở lại vấn đề này, anh thông báo với họ câu trả lời là không : Tân Cảnh và Dak Tô phải giữ vì những lý do chính trị. Thực tế, Vann đã nói dối, không trình bày luận điểm của họ một cách vững tin vì anh đã cam kết riêng không bỏ hai thị trấn ấy. Khi Abrams đến Pleiku, Wear xúc động phát triển luận điểm của mình trong cuộc gặp vị tướng chỉ huy, với Vann và Du. Ông nói với Abrams vị trí Tân Cảnh là "một thảm họa đang treo lơ lửng". Vann rất mến Wear, đã cố đề nghị ngôi sao thứ hai cho ông này, nóng nảy gợi ý sẽ bàn bạc riêng sau đó. Abrams cũng không bằng lòng. Ông cho những lo sợ ấy là chủ trương thất bại.

Sự may rủi của Tân Cảnh càng đáng ngại hơn vì tính cách chỉ huy sư đoàn, đại tá Lê Đức Đạt, người Vann đã cố làm cho bị cách chức vì tham nhũng khi còn là tỉnh trưởng ở vùng Quân đoàn 3 năm 1967. Đạt bị kết tội trong thời kỳ ấy tuy có quan hệ với cấp cao vì quyền lực của tướng Kỳ yếu đi còn tổng thống Thiệu tăng lên và ông ta không thể xoay xở để phù hợp với hoàn cảnh mới. Sau đó, ông được phục hồi, trở thành chỉ huy phó Sư đoàn 22 vào năm 1970. Hai năm sau, sợ Đạt chiếm vị trí chỉ huy trưởng Vann đẩy anh ta đi với cớ lười biếng, và đề nghị một người khác. Nhưng Du không thể chống đối việc thăng cấp Đạt vốn có những quan hệ khá cao đối với ông. Đạt, một người thanh mảnh, nhanh nhẹn và đa cảm, hút thuốc lá Anh Craven A liên tục. Không bao giờ ông ta có thuốc trong người. Khi muốn hút, ông bật ngón tay và một trợ lý đưa tới, bật lửa cho ông.

Ngày 20 tháng Tư tổng hành dinh báo cho Du sẽ rút lữ đoàn không vận thứ hai của ông. Du và Vann phải giữ Rocket Chỏm đồi ở giữa đã yếu đi vì mất căn cứ Charlie ngày 14, với lữ đoàn còn lại và một toán biệt kích. Lữ đoàn và ban

tham mưu sư đoàn không vận được gửi tới Quân đoàn 1 để bảo vệ Huế. Bất kể tính lạc quan trong giác thư ngày 12 tháng Tư của Vann báo trước sự sụp đổ của những người cộng sản trên tất cả các mặt trận, quân Bắc Việt đang chinh phục toàn bộ tỉnh Quảng Trị thuộc quân đoàn 1, phía nam vùng phi quân sự và bây giờ đe dọa Huế.

Nếu king đô hoàng gia cũ mất, Thiệu cũng đổ theo. Vì vậy, phải có những lựa chọn khó khăn. Toán biệt kích chuyển cho Du là đơn vị rảnh rang duy nhất. Tất cả các đơn vị dự bị khác đều bổ sung vào Quân đoàn 1 hoặc mặt trận Campuchia đang đe dọa Sài Gòn .

Ngày 21 tháng Tư, trong lúc Vann đang ở Sài Gòn dự hội nghị chiến lược với Abrams, căn cứ Delta, điểm xa nhất về phía nam của hàng Rochet Chỏm đồi thất thủ. Sức ép của quân Bắc Việt mạnh hơn sự kháng cự của lực lượng không vận. Tình hình Tân Cảnh cũng trở nên bi thảm. Kế hoạch của Vann dự kiến quân địch sẽ bị đập nát trước các công sự của anh không dự kiến Quân lực Cộng hòa ẩn mình và chờ đợi trong các hầm hố và lô cốt. Anh muốn lính Sài Gòn ra tiếp xúc để trọng pháo và máy bay dội bom đạn xuống quân Bắc Việt đang hoạt động, phải chỉ ra những vị trí mấu chốt và phải phản công lấy lại đất đai đã mất. Thay vì việc đó, Đạt chỉ chiếm một số vị trí cao xung quanh thị trấn và ngồi dưới đất. Ông ta không muốn động đậy, thậm chí không cử quân tăng cường hoặc vực dậy một trong những tiểu đoàn bị tấn công. Sư đoàn 2 bộ binh Bắc Việt cô lập dần những vị trí phòng thủ của ông len lỏi giữa các vị trí ấy, mỗi lúc càng tiến gần đến công sự chỉ huy của Đạt.

Khi cố vấn, đại tá Phillip Kaplan bảo ông điều quân ra chiến đấu, Đạt giải thích lính Bắc Việt hơn hẳn lính miền Nam, không thể làm gì được đối với họ. Nếu điều quân họ sẽ bao vây và tiêu diệt hết. Ông ta xử sự như phần đông chỉ huy khác của Quân lực Cộng hòa trong hoàn cảnh ấy : ẩn nấp trong công sự, cho rằng quân của ông giữ được khá lâu để không lực Hoa Kỳ buộc quân địch phải rút lui.

Việc bảo vệ Tân Cảnh có hiệu quả đặt ra vấn đề đánh và đánh trả dữ dội trên một vùng đất khó khăn, một trận đánh mà Quân lực Cộng hòa không tiến hành được. Vann đưa đội quân anh cố sử dụng để thực hiện mục tiêu của mình vào một cuộc đụng độ quá sức. Anh tìm cách kích thích Đạt trở thành một chỉ huy như anh mong muốn. Một tối họ ngồi trong phòng lô cốt trước tấm bản đồ có những chỉ dẫn đáng lo ngại. Vann gõ trên bản đồ, giọng mũi khàn khàn khô khan miêu tả Đạt phải làm thế nào để sống sót.

- Đại tá Đạt, ông sẽ là người chỉ huy đầu tiên của Quân lực Cộng hòa để mất đơn vị, ông sẽ bận ngập đầu và bị tiêu diệt nếu ông không …

- Ồ , không, điều ấy không xảy ra đâu. Đạt trả lời.

Điều ấy bắt đầu xảy ra sáng ngày chủ nhật 23 tháng Tư năm 1972. Một tiểu đoàn bộ binh Quân lực Cộng hòa chống lại quân Bắc Việt gần chỗ trú quân Tân Cảnh. Việc bắn phá tăng đều đặn từ thứ sáu bây giờ đạt nhịp điệu mỗi phút một loạt đạn súng cối, trọng pháo và rốc két. Độ chính xác đủ lớn cho thấy có những nhóm nhỏ quân địch vào cách mấy trăm mét làm quan sát viên. Phil Kaplan được báo một xe tăng bị bắn trúng trên đường vào chính. Ông rời boong ke cùng người phó ra xem đi trong đường hầm tránh đạn. Một người lính Quân lực cộng hòa nói tiếng Anh bảo đã thấy một tên lửa bay trên không đâm vào chiếc xe. Tên lửa chống tăng chỉ huy bằng vô tuyến điện, vũ khí đáng sợ vì tính chính xác dù cách xa, được một sĩ quan Không quân Pháp sáng chế những năm 50. Người Nga phát triển thành một loại mạnh hơn gọi là Sagger chưa bao giờ thấy ở Việt Nam . Kaplan đang tiếp tục hỏi người lính thì một Sagger khác bay phía trên, rít lên và đến xuyên thủng một chiếc xe nữa cách đấy khoảng 60 mét phía trong vành đai.

Chậm hơn một ít trong buổi sáng đến lượt trạm chỉ huy. Có cái gì đó, chắc một Sagger khác xuyên qua các bao cát chỗ gần lỗ thông hơi, làm nổ tung phòng điện đài, đốt cháy xà ngang trên trần. Gỗ thấm creosote hoặc chất tương tự tỏa khói đặc ngòm. Không ai nghĩ đến trang bị máy cứu hỏa và trong lô cốt không có thùng nước. Chẳng mấy chốc mọi người ngạt thời, dẫm lên nhau chạy ra cửa.

Ban tham mưu sư đoàn 22 biến thành một đống túi cát bốc khói, xà ngang cháy đổ xuống chiếc này nối tiếp chiếc khác. Một trạm chỉ huy tiếp theo được bố trí trong một hầm tránh đạn gần đấy và những người bị thương được trực thăng đưa đi trong buổi chiều. Kaplan chỉ có một vết rách ngoài da, đại tá Đạt nguyên vẹn nhưng thiếu tá John Wise bị thương nặng ở đầu và cánh tay. Khoảng một chục nhân viên ban tham mưu cũng bị thương nặng, không kể khoảng bốn chục lính ở trong vành đai. Vann từ Pleiku đến ngay giám sát việc di chuyển khó khăn vì không ngớt bị bắn phá. Vann không tìm cách tự bảo vệ. Trước khi anh trở lại Pleiku, Kaplan bảo anh nếu sự việc tồi tệ hơn, các cố vấn sẽ tập hợp lại để di chuyển đi ở một sân trực thăng khác phía tây tuyến phòng ngự mà trước đây máy bay Cobras dùng làm chỗ đỗ.

Suốt ngày chủ nhật, quân Bắc Việt tiếp tục bắn tên lửa vào những xe tăng đậu trong vành đai. Trong số tám xe hoạt động buổi sáng, đến chiều chỉ còn một chiếc. Tối đến Đạt lấy một chiếc ghế, ngồi xuống và nói với Kaplan “Ngày mai chúng ta sẽ bị chiếm”.

Mười giờ tối, họ được báo cáo các lực lượng tỉnh trong một ấp phía tây bắc gần đường 14 nghe tiếng xe tăng. Rồi một tiểu đoàn đóng trên độ cao nhìn xuống đường thông báo qua điện đài cũng nghe tiếng xe bọc thép và thấy đèn pha của đoàn xe. Kaplan đề nghị Không quân gửi đến một máy bay C-130

Spectre có trang bị do thám bằng tia hồng ngoại. Phi công thông báo “Trên đường có 11 chiếc xe tăng”. Họ tiến về phía đông Dak Tô. Đại úy Richard Cassidy, cố vấn của huyện chạy vội đến cửa ra vào Dak Tô, thấy ánh đèn pha ngụy trang của xe quân sự cách đấy 500 mét. Chiếc máy bay Spectre thả một chùm pháo sáng; Cassidy thấy đoàn xe tăng ngoằn ngoèo tiến về phía mình. Ông hét lên “Họ bắn vào chúng ta đấy”. Nhưng những chiếc xe tăng không nổ súng. Cassidy không phải sợ. Xe bọc thép được lệnh bỏ quan nơi đồn trú của ông, đi qua trước mặt không bắn phát nào.

Quân Bắc Việt tiến hành một cuộc hành quân họ gọi là “đánh vào đầu rắn”. Đây là một chiến thuật cũ thường dùng trong chiến tranh nhưng có vẻ luôn luôn mới khi thực hiện bất ngờ. Các lực lượng cộng sản không quan tâm đến những căn cứ Nam và Sáu cùng tất cả những tiểu đoàn xung quanh mà xông thẳng vào tổng hành dinh của Đạt. Mười lăm chiếc tăng, không phải mười một, tiến xuống phía nam là những T-54 Xô viết của những năm 50, thuộc về Sư đoàn 2. Chúng đi theo đường mòn Hồ Chí Minh trong tháng Hai, kéo theo những rơ moóc đạn dược và các bình đi ê den, chờ ở Lào hai tháng và vào lại Việt Nam hai tuần lễ trước. Những ngày cuối cùng trước cuộc tấn công, chúng giấu mình phía trên Tân Cảnh trong các thung lũng gần những con đường mòn ra đường 14.

Sự hoài nghi không hợp lý của Vann về việc có xe tăng Bắc Việt trên vùng đất của anh, góp phần vào tác dụng bất ngờ. Tuy nhiên thật lô gíc, nếu quân địch dùng xe tăng tấn công ở Quân đoàn 1 và đưa những chiếc khác xuống tận Quân đoàn 3 không có lý do gì họ không làm thế ở Quân đoàn 2.Nhiều bằng chứng xác nhận điều ấy : những tù binh và lính đào ngũ đã nói đến xe tăng, lính tuần tra của Quân lực Cộng hòa tìm thấy dấu vết bánh xích ở Lào và thung lũng phía tây hàng Rocket Chỏm đồi, một tiểu đoàn T-54 khác trong Sư đoàn 320 Bắc Việt đã vào miền Nam Việt Nam .

Thói kỳ quái tự mình xác định mọi báo cáo trở thành một dạng tự phụ của Vann đến mức anh không kể đến việc gì nếu không tự mình thấy. Mỗi lần người ta nói có xe tăng, anh lên máy bay đi tìm, không thấy. Từ đó, anh suy luận những báo cáo ấy dựa vào sự phóng đại của những người sợ hãi và chỉ là những chiếc PT-76, loại xe lội nước nhỏ quân Bắc Việt thường dùng , lớp bọc thép mỏng , không tấn công được.

Thế nhưng trước đó hai ngày, ba chiếc T-54 được sử dụng trong đợt tấn công cuối cùng vào căn cứ Delta; Vann lúc ấy đang ở Sài Gòn và khi về không chú ý vào báo cáo. Khi Kaplan qua đài thông báo với anh máy bay Spectre xác nhận có xe tăng, anh trả lời với lối hóm hỉnh trước cảnh chết chóc và phản ứng tự vệ “Nếu thế, xin hoan nghênh ! Đây là những chiếc đầu tiên chưa từng thấy ở Quân đoàn 2”.

Vượt qua tác động của sự bất ngờ không hẳn là thắng trận. Quân lực Cộng hòa có đủ thì giờ cần thiết để ngăn chặn và có đủ vũ khí để tiêu diệt xe tăng. Những chiếc T-54 tiến lên đơn độc không có bộ binh đi kèm, dễ bị sát thương đối với đối thủ trang bị vũ khí chống tăng, đặc biệt về đêm, bô binh di chuyển không bị trông thấy và tổ chức phục kích kín đáo. Tuy nghi ngờ, Vann vẫn chú ý để các đội quân của Sư đoàn 22 và lực lượng huyện Dak Tô được vũ trang hàng trăm súng M-72, loại ba dô ka cải tiến dùng thời kỳ ấy. Binh lính được huấn luyện sử dụng và mỗi đại đội có những toán chuyên dùng. Một trong những ca nông không giật cỡ 106 của sư đoàn, loại tử thần đối với xe bọc thép, được bố trí dọc đường cùng đầy đủ phụ tùng. Trọng pháo của sư đoàn cũng sẵn sàng và Đạt còn những chiếc tăng đậu cách đấy vài cây số thay thế cho những chiếc bị Sagger phá hủy.

Lực lượng cảnh sát tỉnh giữ chiếc cầu đầu tiên xe tăng Bắc Việt phải vượt qua, có súng ba dô ka . Họ nhận được lệnh phục kích nhưng bỏ trốn. Khi Kaplan bàn với Đạt cho triển khai các toán chống tăng của Quân lực Cộng hòa, ông ta trả lời :

- “Đồng ý, sẽ làm”.

Nhưng quân lính vẫn bám chặt vào hầm hố.

Khi Kaplam bảo cho gọi những xe tăng khác đến, Đạt trả lời :

- “Tôi ra lệnh rồi”.

Nhưng xe tăng không động đậy. Còn chiếc ca nông 106 đặt ở bờ đường 14 không hề bắn một loạt đạn.

Trong thời gian đó, chiếc máy bay ném bom Spetrec cố làm công việc thay Quân lực Cộng hòa. Các kỹ thuật viên khéo léo đưa lên máy bay một súng cối 105. Khẩu súng bắn rất chính xác vì có máy tính chỉ huy và máy tính được thông báo bằng máy do thám. Bắn ba đợt phi công tuyên bố đã “bắn trúng “một chiếc tăng. Nhưng máy bay Spectre không được báo trước, không mang theo vũ khí chống tăng mà chỉ là đạn nổ bình thường. T-54 là một loại xe to khỏe. Ba người trong xe bị thương; chỉ một chiếc bị bỏ lại. Cảnh sát bắt người lái, một người miền Bắc 18 tuổi dẫn vào đồn chỉ huy địa phương. Một nhóm nhỏ quân Bắc Việt đến can thiệp ngay, đuổi lính cảnh sát, đưa chiếc tăng lên đường đi theo những chiếc kia về hướng trạm chỉ huy của Đạt.

Kaplan gọi trọng pháo can thiệp với chiếc Spectre điều chỉnh tầm bắn. Xe tăng tản ra ngay từ loạt đạn đầu. Các quan sát viên Bắc Việt hướng dẫn bắn vào đồn trú quân, bây giờ tổ chức phản pháo. Các pháo thủ Quân lực Cộng hòa chạy vào hầm trú ẩn ngay từ những viên đạn cối đầu tiên.

Người phó của Kaplan kêu lên với Đạt :

- Đại tá, cho trọng pháo bắn đi chứ !
- Họ đang bắn đấy, đại tá ! Đạt trả lời.

Trở lại Tân Cảnh sáng ngày 24 tháng Tư năm 1972 là John Vann viết bản di chúc đời mình. Lần cuối cùng anh về thăm em trai ở Norfolk, Frank J. hỏi anh có sợ chết ở Việt Nam không. Vann đã trả lời "Lạy Chúa, không". Anh thoát khỏi biết bao tình huống xấu nên tin chắc chiến tranh không bao giờ đòi nợ anh. Nhưng sau bước đầu cuộc tấn công anh bắt đầu đặt lại câu hỏi. Anh viết thư cho Dan Ellsberg nói việc phòng không của quân địch nguy hiểm đến nỗi lần này rất có thể không thoát khỏi.

Anh đã nói nhiều lần với Annie đã bố trí đảm bảo tương lai cho con gái nếu có điều gì xảy ra với anh. Thực tế, anh chẳng làm gì cho cô bé Việt Nam . Vả lại anh chẳng có gì nhiều. Khoản trợ cấp đóng góp cho vợ và các con ở Littleton cản trở anh dành tiền lại. Anh có món bảo hiểm nhân mạng khoảng 85.000 đô la và nếu để lại vợ góa, chị sẽ được lĩnh trợ cấp của quân đội và cơ quan phát triển quốc tế. Nhưng trong tình thế hiện tại, Annie không có quyền gì lĩnh trợ cấp, tốt nhất cũng chỉ được một phần nhỏ tiền bảo hiểm của anh. Bận bịu về cuộc tấn công thậm chí Vann không vận động bước đầu để tuyên bố việc cưới Annie ở Đại sứ quán trong những lần đến Sài Gòn . Hiện tại chị sống với con gái trong một ngôi nhà ở bên bờ biển Nha Trang, tư dinh chính thức của Vann ở Quân đoàn 2. Di chúc mới nhất của anh viết trong cuộc hành quân năm 1968, lúc con gái mới 6 tháng, để lại tất cả cho Mary Jane và những đứa con Mỹ, đăng ký ở Colorado, đấy là bản duy nhất có giá trị.

Hôm ấy, khi đi nằm ở Pleiku lúc hai giờ sáng, rõ ràng anh không thể làm gì để ngăn chặn những chiếc xe tăng và cần ngủ một ít cho ngày sắp sáng. Anh bị đánh thức dậy lúc sáu giờ rưỡi, được biết Kaplan đòi anh lập tức đến Tân Cảnh. Vội vàng mặc quần áo , anh cùng phi công lái chiếc Bell Ranger nhỏ bay đi Tân Cảnh ngay. Có lẽ anh sẽ di tản được các cố vấn trong vòng vây của những chiếc xe tăng đang xông lên. Có lẽ không được.

Vann luôn mang trong túi áo một cuốn sổ tay nhỏ cỡ bảy trên mười phân để ghi chép. Trong lúc bay, anh lấy ra mở trang có tiêu đề in "Nguyện vọng cuối cùng và di chúc", viết lúc 7 giờ và ngày tháng ở góc trên bên phải rồi ghi bên dưới "Vợ tôi … và con gái tôi .. cùng chia sẻ tài sản của tôi. Tất cả những gì tôi có ở miền Nam Việt Nam phải được bán đi và tiền giao lại cho vợ tôi..." (Vì những lý do tế nhị, tác giả không để tên gia đình Annie và Lee. Cũng không cho một chỉ dẫn nào về những điều đã biết). Anh ký tên "John Vann" rồi bỏ cuốn sổ vào túi áo. Có vẻ anh nghĩ nếu người ta thấy nó trong người anh, người ta sẽ cung cấp cho cuộc sống của Annie và con gái Việt của anh.

Anh không nói mình đã viết gì với viên phi công , chuẩn úy Robert Richards. Những đám mây lướt nhanh của gió mùa sắp tới, sương sớm và khói cháy do bom đạn che khuất Tân Cảnh. Richards xuống phía dưới mâu. Một chiếc Ranger khác do đại úy Dolph Todd lái ở ngay phía sau máy bay của Vann. Hôm trước, Todd tình nguyện hỗ trợ Vann trong ngày ấy. Anh thích những chuyến bay nguy hiểm nhưng không biết lần này có việc gì đang chờ đợi anh.

Vann nói qua điện đài với Kaplan, Mc Clain và bảy cố vấn khác. Kaplan đã mất hy vọng kích thích một sự kháng cự và ra lệnh cho toán của mình rời bỏ hầm tránh đạn dùng lúc bình minh. Ông kiểm tra hai người trong bọn họ mang điện đài theo trước khi đi để có thể liên lạc với máy bay lên thẳng. Đạt và ban tham mưu theo người Mỹ ra khỏi hầm trú ẩn và sau mấy phút có vẻ lại yên ổn. Để vô hiệu hóa đối thủ, trong lúc xe tăng tiến lên, quân Bắc Việt tăng cường bắn phá mỗi phút đến ba, bốn loại súng cối, trọng pháo và rốc két. Vann, Richards và Todd qua điện đài biết họ có nguy cơ hạ cánh trên mìn. Thực vậy, các cố vấn thông báo họ đang ở giữa một bãi mìn bảo vệ phía tây vùng phòng thủ.

Kế hoạch lúc đầu về di tản của Kaplan tỏ ra không thực hiện được. Vùng đậu máy bay Cobras, chỗ Vann phải đến tìm họ bây giờ dưới lưới lửa của hai chiếc T-54 chốt ở cửa ra vào và bộ binh Bắc Việt đến phía sau. Một chiếc tăng thứ ba tiến lên đúng dưới một bể nước bê tông, cũng đe dọa vị trí của họ. Kenneth Yonan, một đại úy 23 tuổi từ trường WestPoint ra, trèo lên đỉnh bể nước với người đồng chức Việt Nam chỉ đạo bắn vào xe tăng, việc làm trở nên vô ích vì mây và sương mù. Anh bị xe tăng cầm tù trên ấy và không bao giờ người ta gặp lại anh nữa.

Trung sĩ Walter Ward, hạ sĩ quan hành chính, tìm một cách đi qua bãi mìn cách xa chiếc tăng ở bể nước. Trong số 1200 sĩ quan và lính Việt Nam của tổng hành dinh, 900 làm công việc truyền tin, công binh và những công việc phụ. Khi những chiếc T-54 đi về hướng cửa vào vành đai, họ sợ hãi, chạy trốn qua dây thép gai và bãi mìn bao quanh Tân Cảnh. Nhiều người nhảy lên xe riêng của mình. Ward gợi ý dẫm lên bước chân những người đi ra yên ổn để chắc chắn không bước vào chỗ nguy hiểm. Các cố vấn dừng lại trên một con đường cũ đi qua khoảng đất chênh cao hơn bãi mìn. Kaplan cho rằng chỗ ấy có thể che dấu một phần máy bay lên thẳng khi đậu xuống. Những người Mỹ nằm xuống đất, xung quanh là lính Quân lực Cộng hòa đang hoảng sợ.

Nhìn từ trên trời, chỗ này xem chừng không phải là nơi ẩn nấp tốt cho Bob Richards. Anh chỉ thấy ống canông 100 ly trên ụ tăng dưới bể nước chĩa thẳng vào chỗ các cố vấn nằm mà anh sẽ hạ cánh.

Có mìn hay không Richard cũng liều mạng đậu xuống, chân máy bay sát mạnh vào mặt đất. Todd đến ngay sau đó, Kapaln đưa ba trong các cố vấn leo lên

trong mỗi máy bay. Ông không muốn mạo hiểm chở quá nặng. Kaplan và Mc Clain, sĩ quan cấp trên, ở lại chờ chuyến sau cùng viên đại úy mang điện đài . Richards cất cánh, mắt nhìn vào khẩu ca nông to lớn. Anh rất ngạc nhiên thấy nó không bán, cũng không có ai khác bắn.

Hai lính Nam Việt Nam ở trong bãi mìn bám vào cột ăng ten đài một bên trực thăng khi máy bay cất cánh; hai người khác bám vào càng. Vann thấy cũng cảnh ấy ở máy bay của Todd. Lúc đấu, anh dự kiến chuyển các cố vấn đến trại Lực lượng đặc biệt ở Bến Hét, cách vài chục cây số về phía tây, một trong những hòn đảo nhỏ hiếm hoi lực lượng Sài Gòn còn giữ được dọc biên giới Lào và không bị đe dọa vì một cuộc tấn công sắp tới. Lên trên không những chiếc máy bay chịu được quá tải nhưng Vann sợ những người lính Quân lực Cộng hòa rơi xuống chết nếu đi xa. Anh bèn quyết định để tất cả xuống vùng Dak Tô II chỉ cách đấy hai cây số. Anh biết quân Bắc Việt sẽ đến chiếm nhưng có một chiếc Huey đang bay, sẽ đến trước họ. Vann gọi phi công lái Huey, ra lệnh đến ngay chở các cố vấn đi Pleiku.

Richards và Vann trở lại tìm Kaplan và hai người kia. Nhưng không may. Để chắc chắn, họ bay sát mặt đất và trong mây thấp. Một người lính Bắc Việt thấy họ đến gần ra khỏi bụi cây bắn một loạt với khẩu AK-47 vào buồng lái. Richards giật mạnh máy bay vòng lên những đám mây. Đạn vào buồng lái, phá hỏng điện đài, đâm thủng sàn dưới chỗ Vann ngồi. Anh chắc chắn bị thương hoặc tệ hại hơn nếu không có tay lái nhào lộn của phi công và đạn AK-47 cũng tương đối nhỏ và ít nhanh thoáng, kẹt vào sàn lỗ tổ ong bằng nhôm mất hết sức mạnh.

Vann gọi Todd qua đài cấp cứu để anh ta đi tìm ba người cố vấn cuối cùng chở đến Pleiku, chỗ anh cũng sẽ tới. Trong lúc bay, mức xăng hạ xuống một cách bất thường. Khi hạ cánh xuống tổng hành dinh Quân đoàn 2, Richards thấy chất đốt chảy qua những lỗ thủng ở thân máy bay.

John Vann không chậm trễ. Anh nhảy lên máy bay của Todd ngay khi Kaplan và hai cố vấn vừa xuống. Anh lại đi Tân Cảnh, người trợ lý Việt Nam. Cai nhảy lên ghế sau đi theo anh. Vann bảo Todd hạ xuống gần khu đất Dak Tô II để cứu một thiếu tá Mỹ, cố vấn của tiểu đoàn lính dù địa phương. Trên đường băng bây giờ quân địch đã chiếm, lực lượng Sài Gòn hoàn toàn hoảng sợ. Viên thiếu tá Mỹ và người phiên dịch lên máy bay và trong lúc Todd cất cánh, Vann dùng báng súng đánh những lính dù Việt Nam bám vào càng phía anh ngồi. Nhưng phía sau Todd cũng có nhiều người như thế làm máy bay mất thăng bằng, một trong những cánh chong chóng xát vào đất. Chiếc máy bay lảo đảo, bẹp nát. Cai bị kẹt ở dưới. Vann kéo anh ra, lấy một chiếc đài trong xác máy bay hướng dẫn máy bay tiêm kích ném bom Cobras bắn vào quân Bắc Việt . Những người cộng sản tiến lại gần hơn; Vann bắn liên thanh tưới đạn vào họ để tự bảo vệ. Một phi công

Huey đậu xuống được, giải thoát cho Vann, Cai, Todd và hai cố vấn khác khỏi làn đạn của bộ binh Bắc Việt đang tiếp tục bắn vào máy bay.

Vann để Cai lại trạm y tế Kontum chữa vết thương ở vai, lấy một trực thăng khác trở lại Tân Cảnh. Trải qua những lúc nguy hiểm, anh nhớ lại bản di chúc , dừng lại Võ Đình chỗ đại úy Peter Kama, người Hawail , là cố vấn lữ đoàn. Anh xé tờ giấy trong sổ tay, nhờ Kama ký làm chứng và để lại cho ông này bản di chúc.

John Vann không thể ở lại trung tâm hành quân của Quân đoàn 2 trong công sự Pleiku nghe Du than thở. Anh chỉ đạo trọng pháo tấn công xe tăng, ra lệnh bỏ bom các kho vũ khí xung quanh Tân Cảnh, cho di tản các cố vấn của các căn cứ lân cận và đi tìm hai người ở Dak Tô. Anh phải hoạt động, dù kết quả ra sao, trong thảm họa mà anh đã góp phần gây ra.

Nhiều nghìn lính Quân lực Cộng hòa thoát được chạy về phía Kontum. Họ chạy nhanh đến nỗi dân miền núi chứng kiến gọi là “lính thỏ”. Đạt đã chết. Cuối cùng, ông ta rời bỏ hầm tránh đạn, cầu khẩn Du gửi cho một chiếc trực thăng để di tản không được rồi đến khu Dak Tô II, bị thương ở đó và có lẽ đã tự sát bằng một phát súng ngắn. Kaplan và McClain may mắn vì chức vụ cao phải ở lại đi sau cùng với Steward. Ba trong số sáu cố vấn được Richards và Todd đưa đến Dak Tô II bị tử nạn khi chiếc Huey của Vann cho đến chở bị bắn hạ khi cất cánh. Trung sĩ Ward chở họ qua bãi mìn là trong số người sống sót.

Nếu việc đuổi theo là truyền thống của quân Bắc Việt thì có lẽ quá trình chiến tranh đã thay đổi. Tân Cảnh sụp đổ đã tạo những điều kiện lý tưởng, trong lúc này quân địch mất tinh thần đến nỗi cứ không ngừng chạy trốn mà cũng không biết vì sao. Nếu các chỉ huy quân Bắc Việt củng cố lại đoàn xe tăng trong đêm 24 tháng Tư năm 1972 ấy, chở mấy tiểu đoàn bộ binh bằng xe Jeep,ô tô, xe bọc thép Quân lực Cộng hòa bỏ lại tất cả trong vùng Tân Cảnh gồm 200 xe, và nếu họ thọc vào 40 cây số đường 14 đến tận Kontum, thành phố đã thuộc về họ trong buổi sáng. Hoặc nếu không muốn mạo hiểm với một cuộc hành quân chớp nhoáng, họ có thể đuổi theo quân địch, tranh thủ thời gian bình tĩnh đi xuống Tân cảnh và dãy Rocket Chỏm đồi một số ngày, thậm chí một tuần lễ hoặc mười ngày thì Kountum “sẽ tự tan rã”, sau này Vann thừa nhận như vậy.

Và nếu Kontum bị mất năm 1972, nỗi hoảng sợ bao giờ cũng ngầm ẩn trong quân đội Sài Gòn sẽ bung ra thành một bệnh dịch không kiểm soát nổi khắp Quân đoàn 2. Cao nguyên sẽ bị mất và phần lớn vùng ven biển miền Trung cũng không giữ được. Tỉnh Bình Định đã chao đảo sau khi thất thủ các huyện phía bắc, những người cộng sản đã có thể chiếm hải cảng Qui Nhơn, đe dọa những thành phố lớn ven biển khác sau khi các Sư đoàn Bắc Việt ở cao nguyên liên lạc với “Sao vàng” ở Bình Định. Các đơn vị cộng sản sẽ không bị gián đoạn do

thiếu tiếp tế vì đối phương bỏ lại khá đủ cho nhu cầu của họ.

Chính quyền Nixon nghĩ vùng ven biển sẽ được quân lính đánh thuê giữ thật đảm bảo. Với hàng trăm triệu đô la giúp về kinh tế và quân sự cho Nam Triều Tiên. Mỹ đã thuyết phục Seoul để hai trong số các sư đoàn của họ bảo vệ dọc bờ biển từ Nha Trang đến Qui Nhơn. Nhưng lính Triều Tiên không trụ lại một mình nếu các đội quân Sài Gòn tan rã xung quanh họ. Họ đã chối bỏ vai trò lính đánh thuê, vận dụng những chỉ thị mật của Seoul phải hạn chế tổn thất. Thậm chí họ không giữ liên lạc thẳng bằng đường 19 giữa các kho hàng ở bến tàu Qui Nhơn và các kho Pleiku. Hai tiểu đoàn của Sư đoàn Bắc Việt "Sao vàng" chiếm giữ con đường qua đèo An Khê vào giữa tháng Tư. Vann phải chửi rủa các tướng Nam Triều Tiên trong hai tuần để làm cho họ mở lại con đường. Trong lúc chờ đợi, anh đành phải tiếp tế hàng không hoặc tho một con đường khác dài hơn nhiều từ Nha Tranh mà cũng có thể bị cắt bất cứ lúc nào.

Việc đàm phán ở Paris đang cầm chừng. Tháng Giêng, Nixon đưa ra công khai những cuộc trao đổi bí mật giữa Kissinger và Lê Đức Thọ để chứng tỏ những người cộng sản Việt Nam ngoan cố. Đúng là họ cứng đầu, họ yên lặng để Nixon tiếp tục thách đố hai bên cùng rút quân. Bây giờ, cuộc chiến diễn ra có lợi , họ càng không lay chuyển hơn bao giờ hết, buộc Hoa Kỳ đơn phương rút quân về nước và xoa bỏ chế độ Thiệu để đổi lấy một thỏa thuận hòa bình. Nixon trở lại tập kích máy bay vào miền Bắc, chuẩn bị thả mìn phong tỏa Hải Phòng và các cảng khác. Nhưng chính kết quả ở miền Nam mới là đáng kể. Kissinger muốn có một sự thỏa hiệp, nếu các sư đoàn cộng sản nối liên lạc giữa cao nguyên và vùng biển, miền Nam sẽ bị cắt làm hai, không còn vấn đề gì lớn để đàm phán.

Joe Pizzi, tham mưu trưởng của Vann nhận thấy không khí hoảng sợ và biết Pleiku sẽ tan rã ngay nếu Kotum thất thủ. Dân chúng thành phố di tản, chỉ còn một phần tư so với trước cuộc tấn công, trong lúc sĩ quan Quân lực Cộng hòa dần dần chuyển gia đình và tài sản của họ trở lại Sài Gòn , Nha Trang hoặc một thành phố xa xôi khác. Để có một vé máy bay thường ngày của Hàng không Việt Nam , phải đút lót nhiều trăm đô la. Máy bay lên thẳng và các loại máy bay của Không quân Việt Nam không sẵn sàng cho các nhiệm vụ quân sự vì những người lái và phi hành đoàn để thời gian chuyên chở người và vật phẩm về vùng biển lấy tiền.

Một buổi sáng Pizzi phát hiện ra các kiểm soát viên hàng không đào ngũ nhiều đến nỗi khó thực hiện việc lần lượt kiểm tra vùng đất chính của Pleiku. Ông ta xây dựng một kế hoạch bí mật di tản tất cả những người Mỹ bằng máy bay lên thẳng và C-130 từ căn cứ Mỹ Holloway phía bên kia thành phố. Vann thán thành kế hoạch ấy vì không có sự lựa chọn nào khác. Pizzi bắt đầu giảm số lượng người di tản bằng cách chuyển đến Nha Trang tất cả những người Mỹ không thật

cần thiết ở Pleiku.

Vann giao cho Cai kín đáo lấy những gì thiết yếu trong tủ và những tài sản riêng của anh chuyển theo các chuyến bay hành chính về Nha Trang. Anh cũng gửi đi một chiếc hòm nhỏ, sơn nâu, đóng khóa chỉ riêng anh có chìa. Anh gọi là "chiếc Hhp "từ đó không bao giờ rời anh. Nó đựng những album ảnh của anh và các anh chị em ở Norfolk, ảnh anh làm một bước nhảy mạo hiểm trên cát ở Ferrum hoặc mặc đồng phục học sinh sĩ quan máy bay trên một chiếc B-29 cùng những ảnh của Mary Jane và các con ở Rochester, Nhật Bản hoặc Đức. Trong đó có giấy tờ binh nghiệp, huân huy chương và những phần thưởng , chiếc hộp thuốc lá các nhà báo tặng năm 1963 về tinh thần can đảm và trung thực nghề nghiệp. Cũng có những bức ảnh của anh và các bạn làm tình.

Anh vừa cười vừa nói :

- Nếu xảy ra bất cứ việc gì đối với tôi, nhờ các anh giữ gìn cần thận chiếc hộp này.
- Có gì trong đó vậy ? Một thuộc hạ hỏi.
- Có tôi, Vann trả lời.

Quân thù của Vann để chậm cuộc tấn công Kontum sau khi Tân Cảnh bị mất 20 ngày cho anh thời gian đang cần. Kinh nghiệm quân đội Bắc Việt chống lại việc đuổi theo, buộc phải xây dựng một kế hoạch và chuẩn bị có phương pháp cho mỗi đợt chiến dịch. Vann tranh thủ từng ngày một.

Tướng Du, "nô lệ" của anh như những người Việt khác gọi làm anh mỏi mệt như Cao đã làm 10 năm trước đây. Tệ hơn nữa, ông ta có ý đồ chống lại anh, bí mật mưu mô bỏ vùng cao nguyên. Tân cảnh tan vỡ được hai ngày thì Thiệu triệu tập Du về Sài Gòn ra lệnh giữ "Kontum bằng bất cứ giá nào". Ngay tối hôm đó, trao đổi với Thiệu, ông đến gặp tướng Cao Văn Viên, tham mưu trưởng quân đội hỗn hợp, trong tâm trạng vô cùng bối rối. Ông giải thích, Kontum và Pleiku đều không bảo vệ nổi. Phải bỏ hai nơi này cùng Ban Mê Thuột, trong vùng núi quá về phía Nam và di chuyển tất cả các lực lượng Sài Gòn vùng bờ biển. Du muốn Viên giúp ông thuyết phục Thiệu việc rút lui từng mảng này. Ông nói thêm, rút bảo cao nguyên cũng nằm trong kế hoạch người Mỹ.

Viên trả lời chưa ai nói với mình điều đó và lệnh cho Du trở về Pleiku tìm cách bảo vệ kontum. Du không nói với Vann câu chuyện giữa ông và Viên. Thần kinh quá căng thẳng và không ngủ được, đêm đã khuya, ông điện thoại cho Thiệu và Viên lại đề nghị cho phép rút lui. Thiệu muốn đuổi ông ta ngay nhưng Viên không tìm được một tướng nào khác thay thế. Ông kêu gọi nửa tá viên tướng hai, ba sao nhận chỉ huy Quân đoàn 2. Một số trả lời thầy bói của họ đã nghiên cứu tử vi, thấy năm nay không thuận lợi đối với họ. Những người khác

cho rằng mình đang ốm yếu. Không người nào muốn chấp nhận, họ xem tình hình vùng cao nguyên chắc chắn sẽ mất.

Đồng thời lúc đó Du phối hợp một kế hoạch với tỉnh trưởng Kontum và nhiều sĩ quan cao cấp của thành phố xúc tiến gấp việc rút lui. Ông ta suýt thành công vì bản thân Vann cũng chao đảo và thất vọng sau thất bại Tân Cảnh. Nhưng anh phục hồi lại đúng lúc, kịp ngăn chặn mưu đồ của Du. Sau đó, Viên tìm được một người thay thế : tướng Nguyễn Văn Toàn. Toàn đang bị bỏ rơi vì tha hóa quá đáng và có một vụ bê bối với gái đĩ. Vann đề nghị ông ta vớt lại sự nghiệp mình và tranh thủ một ngôi sao mới nếu tình nguyện nắm quyền chỉ huy Quân đoàn 2. Toàn, con người can đảm , đã chấp nhận ; Viên nhắc ông phải lắng nghe Vann.

Cơn giận dữ tăng gấp đôi sức mạnh của Vann. Trong một cuộc tranh luận với Ellsberg sau đợt tấn công dịp Tết, anh thừa nhận, nếu chế độ Sài Gòn không thay đổi trong lúc Hoa Kỳ rút bớt lực lượng ở Việt Nam, “sẽ dẫn đến một tình hình tệ hại ; chúng ta sẽ bị bao vây khắp nơi và buộc phải tự chiến đấu để sống sót”. Đúng điều đó xảy ra với anh bây giờ. Thất bại làm u ám tình thế, anh không giành giật được những ngôi sao, không dự báo chiến thắng với những quan chức cấp cao được. Một người bị dồn đến bước đường cùng thật nguy hiểm. Vann đã là người như thế.

Weyand bảo anh có thể có một thiếu tướng như anh muốn làm phó, thay thế Wear đã di tản. Vann xin John Hill, xác nhận ông ngày chiến đấu tốt. Họ là người cùng thời, quen biết nhau trong một trại huấn luyện sau chiến tranh Triều Tiên, lúc đó Hill chỉ huy đại đội trong Sư đoàn 1 kỵ binh. Nhỏ người, vai gù, Hill thông minh, sáng tạo, nhất là thích đánh nhau. Thời gian chủ yếu trong sự nghiệp, ông ở đoàn bộ binh cơ giới trước khi được đào tạo về trực thăng và lên cấp thiếu tướng. Vann để Hill tự do trong lĩnh vực thông thạo : tổ chức bay và hỏa lực. Hàng ngày và liên tục, một chiếc Huey chỉ huy, được mệnh danh “thép của ông chủ” bay trên vùng trời Kontum để phối hợp những đợt tập kích của máy bay Cobras, những tiêm kích ném bom, những chuyến bay trực thăng quan sát tìm nơi tập hợp quân Bắc Việt chỉ mục tiêu cho B-52, những đợt tiếp tế của C-130 và Chinooks, các kế hoạch nổ súng của trọng pháo phòng thủ. Nguyên tắc của Hill là đảm bảo tất cả sự phối hợp trong sự hoàn hảo và không một cố gắng nào bị lãng phí. Đại tá không quân trong ban tham mưu của Vann muốn ở lỳ trong văn phòng mình tại Pleiku. Ông đuổi ông ta đi, thay thế bằng một người theo sát tất cả những hoạt động trên bầu trời Kontum.

Năm 1965, Vann chửi rủa những nhà lãnh đạo cao cấp Hoa Kỳ vì họ từ chối “trực tiếp chỉ huy hoàn toàn mọi tạp nham ở Việt Nam”. Đó chính là điều anh đang làm. Anh vứt bỏ việc chỉ huy trên danh nghĩa ở Quân đoàn 2 và hoàn toàn khống chế Du. Bây giờ, anh có một sĩ quan quyết tâm bảo vệ Kontum. Đó là một

người quen cũ, Lý Tòng Bá, nguyên chỉ huy những chiếc M-113 ở trận ấp Bắc, nạn nhân sự nóng giận của Vann trong ngày quyết liệt ấy. Họ đã làm việc cùng nhau khi Bá là tỉnh trưởng trong Quân đoàn 3 và Vann nhận thấy Bá không phải một mẫu mực chiến đấu thì ông ta cũng không phải là một kẻ lừa đảo và là người quân nhân tốt nhất trong đa số các sĩ quan quân lực Cộng hòa. Quan hệ mới của họ chứng tỏ Van đồng hóa chế độ Sài Gòn đến mức nào : Bá không có người bảo trợ Việt Nam nào khác và những sĩ quan khác gọi ông là "người của ông Vann". Cuối tháng Giêng năm 1972, Vann đưa Bá bấy giờ là đại tá, chỉ huy Sư đoàn 23 bảo vệ phía nam cao nguyên. Một trong những trung đoàn của ông được cử đi bảo vệ Kontum trong tháng Tư; Vann không muốn rút đi của phía nam quá nhiều , khuyên Bá hài lòng trước tình hình đó. Nhưng Bá phản ứng, đòi phải có nhiều người hơn để chống cự. Vann nhướng bước và cử phần còn lại của sư đoàn đi Kontum.

Vann đưa tới một cố vấn Bá tin tưởng : đại tá Rhotenberry, một người Texas giản dị và to lớn, thường trở lại Việt Nam , ở lại bốn đợt, Cao Văn Viên gọi là "Rhotenberry, con người phiêu lưu".

Khi ông xuống sân bay Tân Sơn Nhất sáng 14 tháng Năm 1972, một máy bay hai động cơ Beechcraft chờ đưa ông đến thẳng Kontum mà cuộc tập kích đầu tiên, ấn định vào năm giờ rưỡi sáng. Trung đoàn cuối cùng của Bá đã được chuyển đến đấy hai ngày trước. Vann bay trên trận địa trong chiếc Ranger của anh nên Rhotenbery ngủ được mấy tiếng đồng hồ. Người ta đánh thức ông dậy, báo trước Vann sẽ đến tìm đưa đến trạm chỉ huy Bá bố trí trong một công sự của Lực lượng đặc biệt ở phía tây thành phố.

Với đơn vị quan trọng cuối cùng của Quân đoàn 2, mối nguy hiểm rất đáng kể; không người nào ở Sài Gòn , các nhà quân sự Mỹ cũng không nghĩ Kontum chống cự được. Người phó của Bá đào ngũ trong 24 giờ đầu trận đánh, lẩn trốn ở Kontum hy vọng trốn thoát. Vann ý thức được những nguy hiểm nhưng không phải là vấn đề quan trọng nhất đối với anh. Anh nó với Rhotenberry trong máy bay lên thẳng "Lòng tin của tôi đang được thử thách. Chính tôi bố trí quân ở Tân Cảnh. Tôi bảo có thể phòng thủ được nưhng mặt trận tan vỡ. Bây giờ, sự nghiệp của tôi được thử thách vì tôi nói chúng ta có thể phòng thủ Kontum. Nếu chúng ta thất bại, tôi sẽ không còn một lòng tin nào và đo đó không còn tương lai".

Những người cộng sản tấn công với lòng hăng hái không yếu đi qua những năm chiến tranh nhưng họ đụng đầu với trường hợp không ai tự chủ được. Kontum ở trong thung lũng. Để chiếm lĩnh, quân Bắc Việt phải dồn quân trên những ngọn đồi khống chế con sông và vào thung lũng để tấn công dọc những con đường luôn luôn có trực thăng thám thính quan sát. Việc bắt làn sóng liên lạc và trực tiếp xác định vị trí cũng cho phép theo dõi những hoạt động của họ.

Trong giai đoạn chiến tranh mà kinh nghiệm và kỹ thuật công nghiệp đã nâng cao việc sử dụng máy bay ném bom càng làm họ dễ bị sát thương. Cơ quan chiến lược chỉ huy không quân qua việc bao vây Khe Sanh đã rút được bài học chỉ ba chiếc B-52 thay vì sáu chiếc đã có một tác động đủ phá hoại. Một hệ thống Radar mới cho phép đánh dấu các vị trí bạn trong khoảng cách một cây số. Rhotenberry và Bá không ngần ngại giảm xuống bảy trăm mét. Chu vi thả từ trên cao xuống, rộng một, dài ba cây số, có thể thay đổi ba giờ trước cuộc ném bom. Rhotenberry tính toán chính xác chương trình từng chiếc B-52 để có thể điều chỉnh thời gian và địa điểm tấn công khi đang hoặc sắp có một cuộc tập kích của quân Bắc Việt.

Ba tuần lễ thời hạn lùi lại cũng làm cho quân Bắc Việt phải trả giá với sự mất lợi thế từ những chiếc tăng T-54. Bá có thời gian tổ chức các toán quân , huấn luyện họ bắn vào vỏ xe bọc thép bằng súng ba dô ka mới. Trong thời hạn ấy, Lầu Năm Góc, theo yêu cầu của Abrams, gửi gấp một mẫu thực nghiệm vũ khí chống tăng đặt trên trực thăng, TOW, một ống phóng tên lửa điều khiển qua vô tuyến. Hai chiếc Huey được trang bị loại ấy chở trên một máy bay vận tải C-141 ở bang Arizona gửi thẳng đến Pleiku. Các chỉ huy quân Bắc Việt dùng xe tăng tổ chức một cuộc tập kích ban đêm sẽ tiếp tục cả ngày. Những chiếc Huey trang bị tên lửa TOW lao vào Kontum khi trời vừa sáng và mọi chiếc T-54 trông thấy được đều bị tấn công. Một tổ lái đưa con quái vật của họ vào cố lẩn tránh trong một ngôi nhà. Chiếc Huey phóng tên lửa qua cửa sổ bắn trúng nó.

Máy bay ném bom là vũ khí riêng của Vann. Anh có thể để cho người phó, tướng Hill và Rhotenberry kiểm soát B-52 nhưng anh muốn tự mình làm lấy. Tướng Toàn và ban tham mưu Việt Nam ở Pleiku chỉ còn gọi anh là “ông B-52”. Cứ ba giờ một cơ quan chiến lược chỉ huy không quân cử đến cho Creighton Abrams ba chiếc B-52 từ căn cứ Guam hoặc phía nam Thái Lan. Giữa tháng Năm, khi cuộc tấn công bắt đầu ở Kontum, tình hình các mặt trận khác đã cải thiện nhiều hơn. Quân lực Cộng hòa đồn trú ở An Lộc trên mặt trận Campuchia vùng đồn điền cao su chống cự tốt. Phía bắc, Quân đoàn 1 trong tỉnh Quảng Trị, sức ép cũng yếu đi dưới áp lực của không lực Hoa Kỳ . Huế có vẻ đang trụ vững. Kontum là cơ may cuối cùng của những người cộng sản Việt Nam biến cuộc tấn công thành mục tiêu quan trọng nhưng hạn chế trong một thành công gây ấn tượng mạnh. Cũng như mối quan tâm chủ yếu của Abrams, Vann có thể nắm tất cả những máy bay ném bom theo anh muốn. Trong đợt đánh cao nhất, Vann bố trí cho riêng anh 21 trong số 24 phi vụ hàng ngày của B-52 trên đất Việt Nam .

Giữa ngày 14 tháng Năm và cuối tuần đầu tháng Sáu, John Vann thả xuống số lượng bom của 300 đợt tấn công B-52 vùng xung quanh Kontum. Để tăng cường an toàn cho các vị trí bạn, cơ quan Chiến lược chỉ huy không quân chỉ thị cho

các máy bay ném bom bay chiếc này sau chiếc khác và nhắm vào trung tâm vùng thả bom. Cách này không phủ được một diện tích đủ làm Vann thỏa mãn. Anh điều chỉnh chế độ, cho ba chiếc B-52 bay từng đợt. Chiếc thứ nhất bay gần vị trí Quân lực Cộng hòa nhất để phủ một phần ba vùng chu vi đầu tiên, chiếc thứ hai nhằm đúng từ chỗ ấy để thả vào trung tâm và chiếc thứ ba xa hơn để phủ phần còn lại. Vann bay trên những vùng ấy ngay trước khi B-52 tới và sau cuộc ném bom ; khi khói và bụi đã lan tỏa hết, anh trở lại, bay thấp để xác định kết quả. Để kết thúc công việc, anh bắn từng tràng M-16 vào các hố bom. Không còn nguy hiểm gì nữa, một hôm anh giải thích cho hai nhà báo đi theo như vậy. Nếu có kẻ nào "còn sống trong đó, anh ta bị choáng đến mức phải nửa giờ sau mới có khả năng bấm vào cò súng". Một hôm khác, anh thấy khoảng dăm chục lính Bắc Việt quanh hồ bom bèn dùng điện đài gọi Cobras đến tiêu diệt hết.

Lary Stern, phóng viên Washington Post đến Pleiku phỏng vấn Vann, kinh ngạc khi gặp người mình tìm. Anh chưa bao giờ thấy một người năng nổ , hào hứng như vậy. Đôi mắt anh sáng lên khi tả lại đã điều khiển máy bay ném bom như thế nào "Gió bấc thổi lúc B-52 biến vùng đất thành mờ mịt, người ta biết hiệu quả của cuộc ném bom qua mùi hôi thối của chiến trường. Vann nói với anh. Ngoài Kontum, mỗi lần thả bom, người ta làm bay tung lên những xác chết".

Nhưng quân Bắc Việt chống chịu được với B-52. Bốn trung đoàn bộ binh, được tăng cường lính công binh, phòng không và hơn một chục chiếc xe tăng trong số bốn mươi chiếc lúc xuất phát , đi vào phía đông Kontum lần lượt từ phía bắc và phía nam thị xã ngày 25, 26 và 27 tháng Năm. Mục tiêu của họ là nối liên lạc giữa hai cánh quân rồi tấn công phía tây, đập tan quân dự bị của Bá và chiếm vị trí chỉ huy. Họ suýt thành công; không nối liên lạc được với nhau vì hai hàng công sự ở mỗi bên sân bay. Những người chiếm được công sự cũng là người Việt Nam ,làm vinh dự cho truyền thống dân tộc của họ. Bá và Rhotenberry tập hợp lại quân lính và phản công. Dần dần, thất vọng, những người lính cộng sản phải bỏ cuộc, rút lui để lại hàng nghìn đồng đội ở chiến trường giữa, trong và ngoại vi Kontum.

Ngày 30 tháng Năm, Thiệu đến nâng tinh thần cho các đội quân tuy ở một vài khu vực trong thị xã còn rời rạc tiếng súng và tiếng bom nổ. Vann đưa tổng thống nền Cộng hòa Sài Gòn lên chiếc Ranger của anh đến tận trạm chỉ huy của Bá rồi sau đó đưa về Pleiku. Bá báo cáo với tổng thống; ông này ghim một ngôi sao lên ve áo trận của ông. Quân đội Nam Việt Nam sáng tạo một cấp bậc chỉ một ngôi sao bắt chước người Mỹ. Danh hiệu chính thức không phải thiếu tướng như trong quân đội Mỹ mà là "chuẩn tướng". Dù tính chất ra sao chính cấp tướng mới là quan trọng. Vann được biết Bá sẽ được khen thưởng, anh để dự

phòng trong túi một cặp ngôi sao trong trường hợp Thiệu quên.

Vann không hiểu chiến thắng này lừa phỉnh đến mức nào. Anh không biết rằng trong một lúc phấn khích đảm nhiệm sự kiểm soát toàn bộ, anh đồng thời chứng tỏ chế độ Sài Gòn không có quyết tâm cần thiết để sống sót, cũng không nghĩ mình đã đóng vai trò của Weyand và anh trong đợt tấn công dịp Tết : làm chậm sự kết thúc lại. Một lần nữa, anh là người cần thiết. Phó của anh, tướng Hill nhận thấy rõ Vann cần cho chiến thắng đến mức nào. Ông nói "Mọi tướng lĩnh Mỹ có tài sẽ làm như tôi đã làm nhưng không có Vann thì không có trận đánh Kontum vì không có anh, Bá và những người Việt Nam khác từ Sài Gòn sẽ không đánh nhau".

Người thành thạo sử dụng những người Việt Nam đến thế vì lợi ích chính phủ Hoa Kỳ sẽ không tán thành cách anh sử dụng chiến thắng của anh bởi những người anh phục vụ. Nixon lợi dụng sự tạm ngưng do chiến thắng Kontum tạo nên để Kissinger đưa ra một thỏa hiệp mang lại cái chết cho chế độ Sài Gòn trong cuộc khủng hoảng tiếp theo. Những thỏa thuận ở Paris ngày 27 tháng Giêng 1973 dự kiến rút các cố vấn và lực lượng Mỹ hỗ trợ chế độ Sài Gòn còn lại, để quân đội Bắc Việt tự do kết thúc nhiệm vụ của họ ở miền Nam. Hoàn cảnh chính trị trong nước Mỹ buộc thực hiện giải pháp ấy. Tổng thống sẽ đứng trước một cuộc tái bầu cử và ông dùng mọi sức lực để tác động dư luận công chúng về chiến tranh . Những người cộng sản Việt Nam không bao giờ chấp nhận một thỏa thuận nếu người Mỹ không rút hết quân đội về nước, để đất đai tự do cho họ. Màn kịch hai bên cùng rút quân đội đã chấm dứt. Nixon và Kissinger tự thuyết phục không vì thế mà họ làm hại những đứa con đỡ đầu ở Sài Gòn . Họ cho rằng lực lượng không quân của Hoa Kỳ sẽ đưa Hà Nội đến thất bại.

Sáng ngày 7 tháng Sáu năm 1972, hai ngày sau khi người lính Bắc Việt cuối cùng chết ở Kontum, John Vann nói chuyện với một toán cố vấn mới. Đây là cuộc hội ý thông thường với những người vừa tới. Anh nói với họ anh "thường bị tác động vì lòng tin phổ biến", rằng Việt Nam "bị đau khổ quá mức" về cuộc chiến tranh của Mỹ. "Thực tế nếu miền Nam Việt Nam không tương xứng với cái giá phải trả của Hoa Kỳ thì ngược lại ngày nay dân tộc này tiến bộ hơn nhiều so với khi họ sống trong hòa bình với một chính phủ không cộng sản hoặc sống trong hòa bình với một chính phủ cộng sản . Năm 1962, số người biết chữ chỉ 15%, ngày nay là 80%". Cuộc cách mạng xã hội anh muốn giành giật của những người cộng sản năm 1965 "đã được thực hiện, từng phần do những biện pháp sử dụng, nhưng chủ yếu vì những biến cố chiến tranh". Anh nói về phép lạ của việc trang bị cho đồng ruộng và hệ thống tưới tiêu, về những trạm vô tuyến truyền hình, xe máy Honda. Việc đô thị hóa bắt buộc cũng giúp cho cuộc cách mạng xã hộ tạo một lớp người mới "tiêu thụ" có lợi cho nông dân.

Trong lúc anh nói thế, 39.000 lính Sài Gòn đã bị chết trận.

Ngày 9 tháng Sáu 1972, John Vann bay đi Sài Gòn cùng John Hill người mà tổng chỉ huy Creighton Abrams sẽ gắn Huân chương vì đã đóng góp công sức làm nên chiến thắng. Vann ở lại buổi chiều dự một hội nghị chiến lược với Abrams, Weyand và những tướng Mỹ cố vấn của ba Quân đoàn khác. Rồi Vann và Hill trở về Pleiku trong buổi tối với người phó mới của Vann, đại tá Robert Kingston chuẩn bị được thăng thiếu tướng. Hill trở về Hoa Kỳ chậm nhiều tuần sau khi tham gia chiến đấu cùng Vann. Vann ở lại phòng ăn sĩ quan dự bữa ăn tiễn biệt Hill, tắm mình vì rượu và chúc tụng. Vann sẽ đi ngay về Kontum để qua đêm với Rhotenberry và Bá. Anh nói "Từ khi cuộc chiến bắt đấu, ngày nào tôi cũng ở Kontum" và anh muốn giữ nhịp điệu ấy. Anh bảo người phục vụ bàn ăn chuẩn bị cho một gói trái cây và bột rán, mang theo một chai rượu cho Rhotenberry và Bá.

Anh mừng rõ khi máy bay lên thẳng cất cánh sau 21 giờ một ít, đã quên hẳn bản di chúc viết sau thất bại Tân Cảnh. Peter Kama trở về đơn vị ở Huế cùng tờ giấy ấy trong ví. Vann gọi điện cho Rhotenberry hỏi về thời tiết ở Kontum. Đêm mồng 9 tháng Sáu ấy , bầu trời trên thị xã sáng sủa nhưng thời tiết những ngày trước đó thật thảm hại vì sương mù và mưa nên Rhotenberry sau khi thông báo thời tiết tốt không ngăn được mình đưa ra một lời hóm hỉnh.

- Anh không cần bỏ chân xuống tìm chỗ hạ cánh !
- OK, John trả lời. Tôi sẽ có mặt ở đó sau 15 phút nữa.

Hai con suối Khol và Drou chảy qua đường 14 cách phía nam đèo Chư Pao năm cây số, gần ấp Ro Uay. Những người lính Quân lực Cộng hòa ở trong hầm che những túi cát ở đầu cầu nghe tiếng trực thăng lại gần trong đêm tối thấy lửa kèm theo là tiếng nổ. Một phi công máy bay Cobras tìm được xác trực thăng dưới một bụi cây. Một chiếc Huey đặc biệt "chim cắt đêm" thả pháo sáng tìm một điểm hạ cánh gần đấy. Trung tá Jack Anderson lái, người đã di tản các cố vấn khỏi Hoài An, trông thấy Vann nằm úp mặt xuống đất. Anh chết ngay vì cú sốc tai nạn, bị gãy xương nhiều chỗ nhưng không có máu hoặc bị cháy. Anh vẫn còn đôi ủng ở chân. Nhưng lính biệt kích của Quân lực Cộng hào ở một căn cứ gần đấy đến trước đó nhận tiền thù lao vì đã mạo hiểm đi tìm nạn nhân trong vùng đã bị quân Bắc Việt đánh bại. Họ tước đồng hồ tay và ví của anh trước khi đưa xác lên trực thăng "Tôi căm ghét kẻ đã làm cho John Vann bay chuyến cuối cùng", Anderson nói với người cùng lái và bay tới bệnh viện Pleiku.

Doug Ramsey biết tin Vann chết ở trại thứ bảy, trại cuối cùng của anh ở Campuchia. Tù binh được phép nghe đài Hà Nội và đài Giải phóng, tiếng nói của Việt cộng . Những người cộng sản Việt Nam gián tiếp viếng anh khi hát

vang chiến thắng. Họ chú ý nhiều đến cái chết của anh hơn các tướng Mỹ trước đó . “Vann phạm những tội ác quá mức”, đài Giải phóng nói và việc anh biến mất “là một đòn nặng nề” đối với Hoa Kỳ và chế độ Sài Gòn. Tờ báo quân đội Bắc Việt Nam đăng một bài bình luận đặc biệt, đài Hà Nội phát lại, về cái chết của “trưởng cố vấn phi thường này”. Những người cộng sản cho rằng họ đã bắn hạ chiếc trực thăng của anh. Đài Hà Nội thông báo một bức thư được gửi cho đơn vị phòng không khen ngợi các pháo thủ về “loạt đạn xuất sắc của họ”.

Nhưng không phải những người cộng sản đã giết chết John Vann. Quân lính Quân lực Cộng hòa ở cầu không nghe tiếng súng bắn trước khi trực thăng bị nạn, ở thân chiếc Ranger cũng không có vết đạn. Sự va chạm mạnh và cách các lưỡi phần quay cắt cành cây chứng tỏ máy bay đâm vào bụi cây với vận tốc lớn. Việc nghiên cứu kỹ thuật về máy và các bộ phận khác xác nhận điều đó.

Cách giải thích tai nạn không liên quan gì đến việc đánh nhau. Với cuộc hành quân Tân Cảnh, Vann đã làm cạn kiệt lòng can đảm của phi công lái, Bob Richards. Anh buộc phải để anh ta lại Nha Trang để thần kinh ổn định lại. Rồi Bob đi nghỉ phép ở Bangkok và đào ngũ. Để thay thế, Vann tuyển dụng một phi công 26 tuổi, trung úy Ronald Doughtie. Đây là một người lái có khả năng và can đảm nhưng thiếu kinh nghiệm và không nhạy bén như Richards. Đêm ấy, ở Kontum thời tiết đẹp nhưng không tốt trong vùng Pleiki; phía nam đèo Chu Pao, có những đợt mưa và nhiều sương mù ảnh hưởng đến tầm nhìn. Kết luận của cuộc điều tra chính thức chỉ rõ Doughtie bỗng gặp một mảng thời tiết xấu, đáng lẽ chuyển qua điều khiển bay bằng máy anh cố tiếp tục nhìn bằng mắt thường. Khi một người lái làm như vậy, anh bị chóng mặt, tưởng mình vẫn bay thẳng trong lúc thực tế, anh quay tròn, xuống rất nhanh trong cái mà các phi công gọi là “vòng xoắn ốc của nấm mồ”. Việc anh đâm vào bụi cây theo một góc 45 độ xác định điều đó. Đấy cũng là điều đại tá Anderson nghĩ khi nhìn những cành cây gãy nát dưới ánh đèn chiếu của chiếc Huey. Doughtie cũng chết ngay, cả viên đại úy ngồi ở ghế sau đi theo học lái.

Anderson và những phi công khác tự hỏi vì sao Vann chọn đi đường 14 về Kontum, con đường nguy hiểm nhất. Phải bay tương đối thấp để trông thấy đường và nguy cơ bị bắn ở đèo Chu Pao, còn một số quân Bắc Việt trang bị súng phòng không ở đấy. Có con đường an toàn vòng về phía tây ngọn đèo tránh được đạn của quân địch. Một phi công khác theo con đường phía tây cùng đêm ấy với Vann đi ngay sau anh và đến nơi không có vấn đề gì.

Nhưng khi biết rõ John Vann, người ta không đặt câu hỏi nữa. Con đường 14 nhanh nhất và Vann thích chơi trội. Trong trạng thái phấn khích, anh hào hứng thử thách kẻ thù với ngọn đèo khi đi qua đó hết tốc độ trong đêm. Doughtie không biết có những nguy cơ ấy hoặc không hiểu vì thiếu kinh nghiệm. Vì vậy,

anh không cưỡng lại Vann như Richards chắc đã làm.

Bốn tháng sau khi Vann chết, tôi tìm lại bụi cây. Tôi đã lên cao nguyên phỏng vấn Rhotenberry, Bá và những người tham gia trận đánh cuối cùng với anh, cảm thấy tôi không thể ra đi mà không thấy được chỗ trực thăng của anh bị tan tành. Tôi đã đọc các báo cáo chính thức nhưng không đủ để giải thích về John Vann. Có cái gì đó hơn thế.

Các cố vấn CORDS ở Pleiku đưa tôi đi bằng trực thăng đến căn cứ Ranger gần chỗ tai nạn. Chúng tôi gặp một chuẩn úy, một người miền núi trong vùng nói có biết việc xảy ra ở đâu và chúng tôi xuống con đường đi vào ấp Ro Uay.

Hôm ấy, nắng ấm với nhiều đám mây trắng trên trời, tầm nhìn xa mấy cây số. Bụi cây cách đường 50 mét về phía tây của thôn ấp, là phần còn lại duy nhất của khu rừng. Những người miền núi làm nương trên đất đã bị đốt cháy. Họ chặt và đốt cây cối, bờ bụi, gieo hạt cho đến lúc đất cạn kiệt sau ba, bốn năm. Những cây cối khác xung quanh thấp bé, mọc lên trên những cánh đồng đã bỏ lại. Có vẻ lạ lùng vì chiếc trực thăng của Vann đã đụng phải bụi cây sót lại trong đêm mưa.

Xác máy bay rải rác xung quanh khoảng 50, 60 mét. Tóc độ máy tông vào cây và những thùng nhiên liệu nổ làm chiếc trực thăng nhỏ nát vụn. Phần duy nhất còn nhận ra là chiếc đuôi cong. Những cây to nhìn rất đẹp với thân cây sừng sững, phía trên là tán lá dày tỏa bóng dưới những tia nắng mặt trời. Tôi tự hỏi vì sao dân chúng trong bộ tộc để nguyên bụi cây như vậy.

Gần những cây to là những thân gỗ tròn gọt vuông vắn thẳng xuống đất. Tôi hỏi viên chuẩn úy miền núi đấy là gì. Ông quay vòng bàn tay nói đi nói lại :

“Người chết ở đấy. Người chết ở đấy”.

Tôi trông thấy gần đấy những bức tượng gỗ nhỏa thô thiển cắm vào đất, được chạm trổ thô sơ theo lối người miền núi không xa đây lắm và tôi biết vì sao những cây to được giữ lại. Mảnh rừng này là nghĩa trang của thôn ấp. Nhân dân bộ tộc để nguyên trạng thái tự nhiên để bảo vệ những ngôi mộ và tạo bóng thuận lợi cho nghi thức tang lễ của họ.

Bây giờ tôi đã biết việc gì xảy ra đêm ấy. John Vann đi dọc theo con đường, đùa nghịch trên bầu trời, một lần nữa xem thường cái chết, không biết rằng lần này nó đang chờ anh dưới tán những cây to.

George Jacobson, bạn thân của Vann, ở lại đến cùng. Sáng ngày 30 tháng Tư năm 1975, anh rời mái nhà tòa đại sứ Hoa Kỳ trên chiếc trực thăng ra tránh nạn ở hạm đội 7 trong lúc những chiếc xe tăng quân Bắc Việt tiến vào Sài Gòn . John Vann không phải chạy trốn trên một chiếc tàu biển. Nhưng anh không lỡ cuộc ra đi. Anh chết trong khi tin tưởng đã thắng trong cuộc chiến tranh này.

HẾT

THƯ VIỆN EBOOK

SÁCH MỚI.NET

HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY ĐANG CHỜ BẠN

WWW.SACHMOI.NET